



TONY BLAIR

HÀNH TRÌNH CHÍNH TRỊ CỦA TÔI



alpha books

Tony Blair: Hành Trình Chính Trị Của Tôi

Tony Blair

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[TONY BLAIR - HÀNH TRÌNH CHÍNH TRỊ CỦA TÔI](#)

[Lời tựa](#)

[Lời giới thiệu](#)

[1. Kỳ vọng lớn lao](#)

[2. Nhà lãnh đạo tập sự](#)

[3. Đảng lao động mới](#)

[4. Trăng mật](#)

[5. Công nương Diana](#)

[6. Nền hòa bình tại Bắc Ireland](#)

[7. "Chúng tôi lãnh đạo bằng văn"](#)

[8. Kosovo](#)

[9. Lực lượng bảo thủ](#)

[10. Chế ngự các khủng hoảng](#)

[11. Sự ủy thác cho Đảng Lao Động mới](#)

[12. 11/9:](#)

[13. Iraq: Đếm ngược tới chiến tranh](#)

[14. Nghị quyết](#)

[15. Iraq: Thời hậu chiến](#)

[16. Cải tổ quốc nội](#)

[17. 2005: Tb/gb](#)

[18. Chiến thắng và bi kịch](#)

[19. Mạnh mẽ đương đầu](#)

[20. Kết thúc cuộc chơi](#)

[21. Ra đi](#)

[22. Tái bút](#)

Lời tựa

(cho bản tiếng Việt)

NGUYỄN CẢNH BÌNH

CEO của Alpha Books

Chừng 15-20 năm trước, công chúng khá quen với sự xuất hiện của bộ đôi nhân vật quyền lực nhất thế giới, Tổng thống Mỹ Bill Clinton và Thủ tướng Anh Tony Blair. Họ là những nhà lãnh đạo hai cường quốc lớn nhất, chi phối suốt một chặng đường lịch sử của thế giới, từ chiến tranh Iraq đến cuộc chiến chống trùm khủng bố Bin Laden và sự kiện đưa quân vào Afghanistan. Hai nhân vật này đã vững tay chèo lái đất nước của mình vượt qua giai đoạn gian khó của tình hình chính trị - kinh tế thế giới những năm cuối thế kỷ XX. Những quyết sách của họ không chỉ có tính chất định hướng trong nội bộ nền kinh tế quốc nội mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến sự thay đổi cục diện kinh tế - chính trị thế giới trong những năm cuối thế kỷ XX, và buổi bình minh của thế kỷ XXI.

Bill Clinton đã viết hồi ký rất nổi tiếng Cuộc đời tôi, xuất bản tại Việt Nam năm 2007. Qua cuốn hồi ký này, nhiều người đã biết đến ông như một tổng thống hào hoa, với những thành tựu và cả thất bại, những khúc mắc trong cuộc đời riêng.

Nhưng Tony Blair, Thủ tướng nước Anh giai đoạn 1997 - 2007 thì khác, dường như ông vẫn là một nhân vật bí ẩn và khá xa lạ với công chúng Việt Nam, ngoại trừ những thông tin được đăng tải trên các phương tiện truyền thông.

Tony Blair trở thành chủ tịch Đảng Lao động từ tháng 7 năm 1994 sau khi người tiền nhiệm là John Smith qua đời vào tháng 5 năm đó. Ông trở thành Thủ tướng Anh sau khi Đảng Lao động thắng lớn trong cuộc tổng tuyển cử năm 1997, thay thế Thủ tướng John Major và kết thúc giai đoạn 18 năm cầm quyền của Đảng Bảo thủ. Cho đến nay ông vẫn là thủ tướng cầm quyền lâu năm nhất của Đảng Lao động và là người duy nhất dẫn dắt đảng này đến chiến thắng trong cuộc tổng tuyển cử suốt ba nhiệm kỳ liên tiếp. Ông từ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2007.

Sau 10 năm làm thủ tướng, nhân dịp xuất bản cuốn hồi ký của mình, ông chia sẻ: “Tôi hy vọng quyển hồi ký này sẽ cung cấp những thông tin đáng giá và đáng suy nghĩ, nhưng không kém phần hài hước. Đây là ký sự phản ánh thời gian tôi làm việc như một thành viên của Quốc hội Anh nói chung và một thủ tướng xuất sắc nói riêng”.

Sau khi từ nhiệm chức Thủ tướng Anh, Tony Blair vẫn tiếp tục tham gia nhiều hoạt động trên chính trường thế giới, đại diện tại Trung Đông cho Liên Hợp Quốc, Liên minh châu Âu, Mỹ và Nga. Như Sonny Mehta, Chủ tịch kiêm Tổng biên tập Tập đoàn Xuất bản Alfred A. Knopf, nhận xét: “Tony Blair là nhân vật lãnh đạo thế giới đẳng cấp trong kỷ nguyên này. Câu chuyện của ông rất đáng để đọc. Trong thời gian đương nhiệm, các mối quan hệ quan trọng với các cựu Tổng thống Mỹ Bill Clinton và Tổng thống George W. Bush đều dần trở nên thân thiết. Tiểu sử cá nhân của ông được ghi nhận trong lịch sử Hoa Kỳ là một niềm vinh dự lớn lao mà rất ít người ngoại quốc có được”.

Với mong muốn cung cấp cho độc giả Việt Nam những tác phẩm mang tính hồi ký đồ sộ của các chính khách có tầm ảnh hưởng lớn, Alpha Books lựa chọn xuất bản một số cuốn hồi ký của những nhân vật lịch sử cận đại. Tới đây, chúng tôi sẽ xuất bản cuốn Hồi ký của Mahathir Mohamad, cựu Thủ tướng Malaysia; cuốn sách về Park Chung Hee, Tổng thống Hàn Quốc giai

đoạn 1963 - 1979... Họ đều là nhân vật trung tâm, là linh hồn của những giai đoạn thay đổi mạnh mẽ nhất trên chính đất nước họ và gây nhiều tranh cãi, đánh giá khác nhau.

Chúng tôi tin rằng độc giả sẽ hứng thú và tìm được nhiều điều tâm đắc từ những trải nghiệm của các nhân vật tầm cỡ thế giới này.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

Lời giới thiệu

Tôi muốn cuốn sách này không giống với những cuốn hồi ký chính trị khác. Hầu hết những hồi ký mà tôi đã đọc đều khá tẻ nhạt, do đó những điều mà bạn sắp đọc trong cuốn hồi ký này không phải là những mô tả thường thấy về những người tôi đã gặp, những việc tôi đã trải qua. Cuốn sách là một chuỗi các sự kiện và ngày tháng, nhưng một số chính trị gia sẽ không được đề cập đến ở đây, không phải vì họ không quan trọng mà vì tôi viết cuốn sách trong vai trò một nhà lãnh đạo, chứ không phải một sử gia. Đã có rất nhiều bài viết – và chắc chắn sẽ còn nhiều bài viết hơn nữa của nhiều tác giả về quá trình 10 năm làm Thủ tướng của tôi, nhưng chỉ một người có thể viết đúng về những gì liên quan đến nhân vật trung tâm của quá trình này và người đó chính là tôi.

Vậy nên đây là một cuốn sách mang tính cá nhân, kể về cuộc hành trình trong một giai đoạn lịch sử mà trong đó thiên hướng chính trị và có thể cả tính cách cá nhân của tôi, dần tiến triển và thay đổi trong một chừng mực nhất định. Tôi khởi đầu và kết thúc cuộc hành trình này bằng hai phong cách lãnh đạo khác nhau. Vì thế tôi đặt tên cho cuốn sách là Hành trình chính trị của tôi, trong đó tôi miêu tả những sự kiện lớn diễn ra trong thời gian làm Thủ tướng của mình, qua cái nhìn của chính tôi – người phải ra những quyết định liên quan đến những sự kiện đó. Vì vậy, cuốn sách này không hoàn toàn khách quan và tôi cũng không có ý định làm điều đó, nhưng tôi hy vọng rằng đây sẽ là một cuốn sách tử tế.

Tôi sẽ viết theo chủ đề thay vì bám theo trình tự thời gian của các sự kiện. Câu chuyện của tôi bắt đầu năm 1997 và kết thúc vào năm 2007, trong đó, tôi đề cập đến những chủ đề khác nhau, như con đường dẫn đến quyền lực, vấn đề Bắc Ireland, Công nương Diana, Sự kiện 11 tháng Chín, vấn đề Iraq, cuộc cải cách dịch vụ công, Olympic, hay sự kiện tháng Bảy năm 2005. Bạn – trong vai trò một độc giả, có thể coi đó là những chủ đề riêng biệt nếu muốn, mặc dù trên thực tế chúng có liên quan với nhau. Một vài điều khác như mối quan hệ của tôi với Gordon Brown hay với các tổng thống Mỹ, cũng sẽ được đề cập đến trong suốt câu chuyện.

Do đã đọc nhiều tự truyện hay hồi ký mà mở đầu thì đầy nhiệt huyết, nhưng lại kết thúc trong tình thế dồn dập và vội vã do tác giả bị hối thúc bởi hạn cuối của nhà xuất bản, nên tôi đã viết các chương không theo thứ tự như bạn đọc thấy, mà phần khó thì viết trước, phần dễ viết sau. Tôi muốn duy trì nhịp độ và bầu nhiệt huyết của mình trong toàn bộ cuốn sách. Và cuối cùng, tôi đã mất đến 3 năm để hoàn thành cuốn sách này.

Trên hết, cuốn sách không chỉ đơn giản là cái nhìn trở lại quá khứ. Lẽ dĩ nhiên, khi viết về những sự kiện đã xảy ra, thì người ta phải nhìn nhận chúng dưới cách nhìn tại thời điểm tương ứng. Nhưng tôi hoàn toàn không phải là người hoài cổ, mà luôn hướng đến tương lai, bởi tôi vẫn còn nhiều công việc và dự định phải hoàn thành trong cuộc đời. Tôi vẫn đang làm việc chăm chỉ như đã từng làm và vẫn học tập không ngừng nghỉ.

Ở đây, việc nhìn lại quá khứ hoàn toàn chỉ với mong muốn làm sáng tỏ những vấn đề vẫn đang tiếp diễn, vì vậy cuốn Hành trình chính trị của tôi là hướng đến tương lai, đặc biệt trong những vấn đề đối ngoại sau Sự kiện 11 tháng Chín, các cuộc xung đột tại Iraq, Afghanistan, cũng như những vấn đề đang làm đau đầu Chính phủ hiện nay như cải cách y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội và an ninh trật tự. Tôi cố gắng trình bày quan điểm về thế giới trong cả hai khía cạnh như nó đang là và như nó có thể là, chứ không đơn giản là quan điểm về thế giới của tôi khi tôi còn tại vị. Chương cuối cùng sẽ nói riêng về giai đoạn 2007–2010, do tôi không đồng ý với nhiều lý giải theo cách truyền thống về cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay, về những thách thức an ninh đang diễn ra và chúng có liên quan mật thiết đến những tranh cãi về các vấn đề của ngày hôm nay.

Cuối cùng, cuốn sách như một bức thư gửi tới đất nước yêu dấu của tôi. Tôi đã giành thắng lợi trong cả 3 cuộc tổng tuyển cử. Trước đó, Công Đảng thậm chí chưa bao giờ thắng nổi 2 nhiệm

kỳ liên tiếp, 6 năm là thời gian cầm quyền dài nhất của một Chính phủ Công Đảng. Lần này là 13 năm và thời gian cầm quyền đó có thể dài hơn, như tôi đã nói trong chương cuối, nếu Công Đảng mới không bị ruồng bỏ.

Có được những thắng lợi đó là nhờ những con người có cùng suy nghĩ với tôi về Công quốc Anh. Đó là một đất nước vĩ đại. Một dân tộc vĩ đại với những con người can đảm, quyết đoán và sẵn sàng mạo hiểm. Nhưng chúng ta cần một tầm nhìn, một ý niệm, một cảm nhận về chỗ đứng của chúng ta trong thế giới hôm nay và ngày mai, cũng như cần có sự trân trọng sâu sắc đối với quá khứ của chúng ta. Đó là lý do vì sao tôi đã và vẫn là chính trị gia đầu tiên không thuộc cánh tả hay cánh hữu, mà là một chính trị gia trong vai trò một nhà đổi mới. Tôi muốn đổi mới Công Đảng sao cho nó có đủ năng lực để liên tục là đối thủ đáng gờm, thách thức quyền lực của Đảng Bảo thủ. Tôi muốn đổi mới nước Anh, nơi mà niềm kiêu hãnh về ánh hào quang đang tắt dần của một đất nước hùng mạnh nhất trong thế kỷ XX vẫn còn le lói sáng, để đất nước không cảm thấy bị bỏ lại đằng sau khi thế kỷ XXI bắt đầu, thế kỷ mà ánh hào quang xưa đã không còn nữa. Tôi muốn chúng ta tự hào rằng mình thuộc về một đất nước với sự đa dạng văn hóa và tín ngưỡng, tự hào về sự phá bỏ các định kiến, chú trọng đến sự đóng góp hơn là phần thưởng nhận được, hòa nhập dễ dàng vào một xã hội mở và vào nền kinh tế toàn cầu. Tôi muốn chúng ta nhận ra những tham vọng mới đang nảy nở trong lòng nước Anh và trên toàn thế giới. Chúng ta phải cải cách các dịch vụ công và định chế phúc lợi để chúng phù hợp hơn với thế giới năm 2005, chứ không phải năm 1945. Chúng ta sử dụng quyền thành viên của Liên minh châu Âu và mối quan hệ đồng minh với Hoa Kỳ để chi phối các quyết định của thế giới, ngay cả khi quyền lực của chúng ta đối với các quốc gia mới nổi đang giảm dần. Chúng ta sẽ đóng một vai trò mới, như một đối tác phát triển trên những lục địa như châu Phi. Chúng ta sẽ tiến đến một nền chính trị mà trong đó tham vọng và sự táo bạo tồn tại bên cạnh một xã hội công bằng và đầy tình thương.

Cuốn sách đặt ra những nỗ lực để đạt được một tầm nhìn như vậy – sẽ có những thành công và không thành công và vì thế công việc này vẫn đang được tiếp tục. Cuốn sách nói lên quan điểm của tôi về lý do tại sao các thế lực, dù là cánh tả hay cánh hữu, không đồng tình với tầm nhìn đó và cố gắng kiềm chế nó, nhưng dù sao tôi vẫn tin rằng đó là hy vọng duy nhất cho tương lai của nước Anh.

Mặc dù quan điểm chính trị của tôi vượt ra ngoài mô hình cánh hữu, cánh tả truyền thống, nhưng không nên cho rằng tôi dè bủ chính trị đảng phái bởi tôi luôn mang ơn Công Đảng, các đảng viên, những người ủng hộ và các cộng sự của mình. Tôi đã gặp nhiều khó khăn, nhưng họ vẫn bên tôi với lòng tự trọng và sự chân thành phi thường. Đôi khi tôi vẫn có những suy nghĩ bảo thủ, đặc biệt là trong các vấn đề kinh tế và an ninh, nhưng con tim tôi luôn tràn đầy nhiệt huyết và tâm hồn luôn tràn đầy sức sống.

1. Kỳ vọng lớn lao

Ngày 2 tháng Năm năm 1997, lần đầu tiên tôi đặt chân đến phố Downing với tư cách Thủ tướng. Trước đó tôi chưa bao giờ có văn phòng làm việc riêng, thậm chí còn chưa làm phụ tá cho một công chức cấp cao nào. Đây là công việc đầu tiên và cũng là cuối cùng của tôi trong Chính phủ.

Đêm bầu cử ngày 1 tháng Năm đi qua trong sự huyền ảo của những lời chúc tụng, niềm hân hoan và sự kỳ vọng. Lịch sử thường không được hình thành thông qua hàng loạt các thăng trầm và biến động. Mười tám năm cầm quyền của Chính phủ Bảo thủ đã kết thúc. Công Đảng – một Công Đảng mới đã giành chiến thắng áp đảo. Có lẽ một kỷ nguyên mới đang bắt đầu. Khi tôi bước qua cánh cổng sắt dẫn vào tòa nhà Chính phủ trên phố Downing và khi đám đông – được tập hợp và kiểm soát cẩn thận – lao về phía trước trong sự háo hức, bất chấp các hàng rào an ninh, bất chấp những mệt mỏi vì một đêm trắng, thì tôi cảm giác như có một dòng điện, không chỉ chạy qua đám đông đó mà qua cả đất nước này. Nó chạm đến tất cả mọi người, nâng họ lên, cho họ hy vọng, khiến họ tin rằng không có gì là không thể, rằng cách thức cuộc bầu cử diễn ra và khí thế của nó có thể thay đổi cả thế giới.

Tất cả mọi người đều ở trong trạng thái cảm xúc như vậy, trừ tôi. Bao trùm tâm trí tôi là một nỗi lo sợ, nỗi sợ mà tôi chưa bao giờ cảm nhận trước đó, nó lớn hơn cả nỗi sợ tôi đã trải qua vào ngày biết mình sẽ lãnh đạo Công Đảng. Trước đêm bầu cử, nỗi sợ ấy được nén lại bởi những bận rộn thường ngày, kỷ luật trong công việc, nỗ lực to lớn về thể chất và tinh thần trong chiến dịch tranh cử. Khi tham gia chiến dịch tranh cử, tôi có cảm xúc giống như khi hoạt động chính trị. Tôi đã vạch ra chiến lược để lãnh đạo đảng vượt qua đối thủ và tiến tới nắm chính quyền; tôi kiên định với chiến lược đó và biết rằng nếu làm được như vậy, tôi sẽ không thể thất bại. Tôi đã xây dựng lại hình ảnh của Công Đảng như một Công Đảng mới – một lực lượng chính trị tiên tiến, cải cách trên chính trường nước Anh; tiếp đó, tôi soạn ra bản đề cương chương trình hoạt động bao gồm những vấn đề quan trọng nhất đủ để thu hút mọi người, nhưng không quá chi tiết để đối thủ dựa vào đó mà chỉ trích; sau đó, tôi tiếp tục tiến hành một cuộc công kích mạnh mẽ nhưng thuyết phục nhằm vào Chính phủ và hình thành một bộ máy tranh cử cực kỳ hiệu quả.

Tôi như một chiến binh quả cảm chiến đấu chống lại sự tự mãn để duy trì kỷ luật trong đảng và ngay cả trong những người thân cận của mình. Tôi thường xuyên nói rằng việc dẫn trước đối thủ trong các cuộc trưng cầu dân ý lớn không nói lên điều gì, đừng bao giờ đánh giá thấp các thành viên của Đảng Bảo thủ và rằng vì sao chúng tôi lại gặp phải vấn đề này hay thách thức kia. Vì chúng tôi đã thất bại trong 4 kỳ bầu cử liên tiếp và chưa bao giờ giành chiến thắng trong hai nhiệm kỳ liên nhau nên những gì tôi làm được đang gieo niềm hy vọng cho Công Đảng. Các thành viên Công Đảng hầu như tin rằng họ không thể chiến thắng và rằng vì một lý do thần thánh hay quỷ quái nào đó mà Công Đảng không được phép giành chiến thắng trong các cuộc bầu cử cho dù đảng này có làm được điều gì đi nữa. Với một số người, điều này giống như câu cách ngôn trong bóng đá: “Một quả bóng tròn, hai đội cùng chơi, mỗi đội 11 cầu thủ, trong hai hiệp, mỗi hiệp 45 phút và dù thế nào đi nữa thì người Đức vẫn giành chiến thắng.”

Tôi cho rằng niềm tin này là hoàn toàn vô căn cứ. Chúng tôi thất bại vì chúng tôi xa rời lớp cử tri hiện đại trong thế giới ngày nay. Nguyên tắc đầu tiên trong chính trị là không có nguyên tắc nào cả, chí ít là trong chuyện thắng hay bại được coi như tiền định. Nếu anh có chiến thuật và kế sách hợp lý, anh luôn có cơ hội chiến thắng, nếu không, anh vẫn thất bại cho dù đã gần như chạm tay vào vinh quang.

Bên ngoài, chúng tôi tỏ vẻ như mọi thứ vẫn đang ở ranh giới mong manh giữa thắng và bại, điều này khiến chúng tôi phải luôn nỗ lực, cố gắng và lèo lái con thuyền đảng đi đúng hướng. Thế nhưng, trong thâm tâm, mọi người không biết rằng tôi rất tự tin về chiến thắng của mình. Thêm vào đó, bản thân tôi cho rằng Thủ tướng đương nhiệm lúc đó, ngài John Major, là một

nhà lãnh đạo xuất sắc hơn nhiều người vẫn tưởng. Xét trên phương diện cá nhân, ông ấy là người rất lười biếng. Nhưng may mắn cho chúng tôi, đảng của ông đã rời xa khỏi đường hướng đúng đắn, rơi vào tình thế nguy cấp và trở thành một đảng cánh tả cực đoan; và trong suốt quãng thời gian tưởng chừng như dài vô tận – gần ba năm – khi còn là lãnh đạo đảng đối thủ của ông, tôi đã học được cách công kích ông và nội bộ đảng của họ đấu đá lẫn nhau.

Major đã quyết định tham gia chiến dịch tranh cử dai dẳng kéo dài suốt ba tháng (thông thường chỉ kéo dài chưa đầy một tháng). Đương nhiên, cuộc chiến tranh cử rất cam go, nhưng nó không phải là trận địa hoàn toàn mới mẻ mà vẫn đi theo một khuôn mẫu nhất định nào đó. Ông ta hy vọng chúng tôi sẽ sơ sẩy, đột nhiên mất bình tĩnh và nhờ may mắn nào đó, thái độ của công chúng sẽ thay đổi. Nhưng điều đó đã không bao giờ xảy ra.

Trái lại, Đảng Bảo thủ đã bị chia rẽ, nhiều người có thể đoán trước được điều này. Mỗi khi Major cố gắng thúc họ tiến lên thì ai đó lại muốn bỏ cuộc, lại phát ngôn ngu ngốc, hay bị dính vào scandal. Thường thì cả ba sự việc cùng xảy ra một lúc, đôi khi lại do cùng một người gây ra. Nó giống như một vụ tự sát, hay một nghệ sĩ ảo thuật buộc đá vào chân, tay bị xích, chui vào một cái hộp chì bị khóa và nhảy xuống dòng nước sâu. Bạn nghĩ xem, ông ta làm cách nào để thoát khỏi chiếc hộp đó được? Và rồi bạn cũng nhận thấy rằng ông ta hoàn toàn bất lực, giãy dụa và ngộp thở. Việc một đảng chính trị rơi vào tình cảnh tương tự là điều khó tin, nhưng nếu đối thủ của họ đủ khôn ngoan thì việc dụ họ chui vào một cái bẫy như thế là điều hoàn toàn có thể và bằng việc chiếm lĩnh khu trung tâm, đối thủ đã khiến họ ngu ngốc tự đẩy mình ra bên lề cuộc chơi.

Vì vậy, chiến dịch tranh cử diễn biến dai dẳng và mệt mỏi – bản chất là vậy – những con số tăng, giảm không phản ánh đúng sự thật, những số phiếu thăm dò gây choáng váng và nhiều điều bất ngờ xảy ra nhưng cuối cùng, kết quả cũng rõ ràng. Tuy nhiên, tỷ lệ chiến thắng là bao nhiêu vẫn còn là một câu hỏi. Tôi chợt nghĩ, nếu như phải đặt cược cho canh bạc này, tôi sẽ đặt lớn, nhưng lớn đến bao nhiêu thì kết quả đêm 1 tháng Năm sẽ trả lời. Và đó cũng là lúc nỗi sợ hãi bắt đầu len lỏi trong tôi.

Ngày bầu cử thực sự đã trôi qua tốt đẹp, như tất cả các cuộc bầu cử khác, chiến dịch tranh cử kết thúc và bạn đi bỏ phiếu. Tôi bước ra khỏi nhà bỏ phiếu ở Trimdon Colliery – một làng mỏ cũ gần Sedgfield, Durham, nơi tôi từng là nghị sĩ, đại diện cho cử tri địa phương trong suốt 14 năm. Làng mỏ này đã bị đóng cửa theo quy định của Hội đồng Khoáng sản Quốc gia và Chính phủ vào những năm 1960, để tập trung khai thác ở những mỏ có trữ lượng lớn hơn. Tôi đến điểm bỏ phiếu cùng Cherie và bọn trẻ – hình ảnh một gia đình lý tưởng – trong khi đó, đám săn ảnh thi nhau chụp lấy bất kỳ khoảng khắc nào của chúng tôi. Tôi cười, nhưng không quá hồ hởi, nói chuyện nhưng không quá hào hứng. Trông tôi vẫn tự nhiên như mọi ngày, như thể bình thường bạn vẫn nắm tay vợ, mặc quần áo, áo sơ mi, cà vạt, cùng các con bạn đi bỏ phiếu trong một nhà bỏ phiếu bằng gỗ dựng tạm và tìm cho mình một chỗ đứng trong lịch sử.

Sau đó tôi về nhà, chờ đợi sự thất bại như ba lần trước đó, năm 1983, 1987 và 1992. Tôi tự hỏi thất bại có ý nghĩa gì với mình, làm thế nào tôi có thể chiến đấu với đối thủ trong lần kế tiếp, liệu tôi có thể lái con tàu của chúng tôi tránh khỏi thất bại hay không. Lúc này đây, tất cả những ánh mắt đang tập trung vào tôi, khi tôi bước những bước cuối cùng đến với thắng lợi. Sự lo lắng lấn át mọi cảm xúc, vì thế tôi không thể tĩnh tâm được. Tôi cố gắng tập trung vào việc lựa chọn một Nội các mới và gọi điện cho Gordon Brown, người sau đó là Tổng thư ký Nội các Đối lập (Nội các đối lập bao gồm các thành viên cấp cao của phe đối lập, giám sát những người ở vị trí tương đương trong Chính phủ cầm quyền) và Peter Mandelson – người phụ trách chiến lược, cùng với John Prescott từ Hull đến, để thảo luận với tôi về việc lựa chọn Nội các này. Tôi nói chuyện liên tục với Philip Gould – người phụ trách việc tổ chức thăm dò ý kiến và các thành viên khác trong đảng về khả năng giành đa số phiếu, tất cả cũng chỉ để giết thời gian. Mặc dù vậy, sự lo lắng, hồi hộp về những gì sắp diễn ra vẫn không hề nguôi ngoai.

Nhưng tất cả những trạng thái cảm xúc đó rồi cũng biến mất vào quá nửa đêm khi chúng tôi

đến điểm kiểm phiếu, đặt tại trung tâm thể thao trong nhà, ở Newton Aycliffe – một thị trấn ở Durham, nơi tôi từng là đại diện cho cử tri của Sedgfield. Những lá phiếu cuối cùng được kiểm đã cho thấy chiến thắng áp đảo, các con số có thể có một chút chênh lệch, nhưng sai sót lớn ở đây là điều không thể xảy ra. Chúng tôi sắp chiến thắng, tôi sắp trở thành Thủ tướng. Suốt buổi tối, tâm trạng của tôi như thể đang chơi trò tung hứng mỗi khi kết quả mới được công bố. Dĩ nhiên, chặng cuối của cuộc hành trình này đã và đang làm thay đổi cả đất nước, nhưng trên con đường gian khổ dẫn đến đích, chúng ta cần cân nhắc kỹ lưỡng mỗi bước đi để chắc chắn vượt qua thử thách, chúng ta phải đảm bảo rằng mình đã chọn được chiếc xe phù hợp, động cơ tốt, hành khách hoặc yên vị trên xe hoặc thúc giục khởi hành, chứ không tìm cách cản đường đi tới của cỗ xe. Để chắc chắn, chúng tôi đã thảo luận kỹ lưỡng cách lái bộ máy chính quyền mới nếu trúng cử. Ở thời điểm hiện tại, đó là việc của phe đối lập đang nắm chính quyền, nhưng những việc này luôn chiếm lĩnh tâm trí chúng tôi, chúng tôi đã quá hiểu và đã trải nghiệm trong nhiều năm vị trí của một Nội các Đối lập khi vị thế của Công Đảng vẫn còn mờ nhạt trên chính trường. Càng đến gần ngày bầu cử, toàn bộ tâm trí của chúng tôi càng tập trung vào việc tổ chức chính quyền và cảm xúc cũng vậy, luôn hồi hộp hướng đến ngày đó.

Đó là tất cả những gì chúng tôi biết, một vài tay lão luyện như Jack Cunningham và Margaret Beckett đã làm Thứ trưởng trong chính quyền Callaghan nhiệm kỳ 1976–1979, còn lại tất cả chúng tôi đều đi lên từ những tay “không chuyên”. Cho dù những tay lão luyện chỉ biết đến chính quyền Công Đảng trong giai đoạn “giãy chết”, nhưng tinh thần của năm 1997 đã khác xa năm 1970, như sao Hỏa với Trái đất.

Về phần mình, chúng tôi tự nhủ rằng “Thánh nhân đãi kẻ khù khờ”. Chúng tôi tự tin bước đi hiên ngang, gạt phăng tất cả các vật cản để đi đến những giây phút cuối cùng này. Có phải chúng tôi đã chiến đấu trong một cuộc chiến vĩ đại, đã đập qua xác quân thù? Có phải chiến lược của chúng tôi đã được an bài, đập tan niềm kiêu hãnh trong trái tim phe đối lập? Có phải chính quyền chỉ là điểm đến tiếp theo trên một con đường xa hơn và không thể đoán trước? Với sự liều lĩnh, tự tin và tinh thần kiên định, những con người đã làm nên những điều tuyệt vời tính đến thời điểm này chắc chắn sẽ không mất đi những phẩm chất đó trên chặng đường tiếp theo.

Tôi có thể thấy điều đó ở tất cả những người xung quanh mình và sẽ luôn luôn như vậy. Vào đêm mà gần như chắc chắn sẽ trở thành Thủ tướng, tôi không còn nhìn cuộc sống qua lăng kính màu đen nữa, nhưng khi phải đối mặt với ánh sáng, tôi lại thấy lo sợ.

Tôi sợ vì biết rằng đây không phải chỉ là điểm đến tiếp theo trên cùng một con đường, mà giờ đây chúng tôi sẽ bước vào vùng đất xa lạ. Tôi lo sợ bởi bản năng cho tôi biết những chướng ngại tiếp theo sẽ vô cùng khó khăn và phức tạp. Tôi sợ với ý nghĩ rằng mình sẽ phá nát chính quyền. Cùng với thời gian, tôi biết rằng khi lòng dân không yên, họ sẽ không quan tâm việc Chính phủ đúng hay sai, cho dù thực ra là Chính phủ đúng. Khi người dân quay lưng và gây áp lực với chính quyền, họ thật tàn nhẫn, dùng dụng với mọi thứ ngoại trừ những điều làm thỏa mãn sự căm ghét của họ. Tôi sợ bởi vì ngay lúc đó, đột nhiên tôi cho rằng mình không phải là một người tháo vát, mạo hiểm và có tài tiên đoán, nhưng vẫn phải đứng mũi chịu sào, không biết đúng sai nhưng vẫn phải ra quyết định. Tôi nhận ra rằng mình đã không biết công việc đó khó khăn đến nhường nào, Chính phủ hoạt động ra sao và hoàn toàn không biết cá nhân mình phải xử sự thế nào khi công chúng quay lưng lại, nhưng tôi biết đó là những gì mình sẽ phải đối mặt.

Ở trụ sở chính của Milibank tại London (tòa nhà nơi Công Đảng bắt đầu chiến dịch tranh cử và bắt đầu biết đến sự khắc nghiệt của bầu cử), bữa tiệc mừng chiến thắng đã được mở màn. Trong hội trường tại điểm bầu cử Durham, nơi kiểm phiếu, bầu không khí đầy náo nhiệt. Không khí đó lan tỏa một cách tự nhiên giữa các thành viên Công Đảng, ngay cả Đảng Bảo thủ, Đảng Dân chủ Tự do và tất cả mọi người đều cảm nhận được thời khắc lịch sử ấy.

Trong hệ thống Nghị viện, Thủ tướng cũng chỉ như một nghị sĩ đứng khiêm tốn ở điểm bầu cử

như các ứng cử viên khác, trong khi người phụ trách đọc kết quả – một hành động rất dân chủ. Tuy nhiên, khi có thêm nhiều thông tin được công bố về sự kiện đáng chú ý này, tại điểm bỏ phiếu của Thủ tướng và lãnh đạo đảng đối lập, không chỉ có thành viên của các chính đảng, mà còn vô số ứng viên khác xuất hiện với động cơ nào đó hoặc đơn giản chỉ để xuất hiện trước công chúng mà thôi. Họ có những cái tên thú vị và lạ lùng: Crewy Driver (Đảng Rock n’ Roll), Boney Maronie Steniforth (Đảng Monster Raving Looney), Jonathan Cockburn (Đảng Blair Must Go) và Cherri Blairout-Gilham (Đảng của người nhận trợ cấp). Mỗi đảng phái đều có quyền gửi một số người của họ đến điểm kiểm phiếu. Họ đứng lẫn vào nhau trong hội trường như trong một cuộc thi chạy việt dã toàn quốc mà tôi từng xem trên tivi.

Kết quả thắng cuộc rõ ràng ngay từ đầu. Đó không chỉ đơn thuần là một chiến thắng, mà một chiến thắng áp đảo. Sau 2 giờ kể từ khi tôi bắt đầu thực sự cảm thấy lo lắng, dòng tín chạy phía dưới màn hình tivi cho thấy có hơn 100 ghế cho Công Đảng, trong khi Đảng Bảo thủ chỉ có 6 ghế. Tôi bắt đầu nghĩ rằng mình đã làm một việc trái với Hiến pháp. Tôi muốn đánh bại Đảng Bảo thủ và đã thực hiện nó một cách hoàn hảo, nhưng sẽ thế nào nếu chúng tôi quét sạch họ? May thay, số phiếu của họ tăng lên sau đó. Nhưng chiến thắng áp đảo này rõ ràng đã đi vào lịch sử. Mọi người bắt đầu thư giãn và uống mừng. Tôi vẫn hoàn toàn tỉnh táo, còn nhiều việc phải làm. Tôi sẽ phải phát biểu, gửi tin nhắn vì vậy phải giữ giọng nói và thái độ phù hợp với tầm quan trọng của chiến thắng.

Đó là thời điểm cảm xúc của tôi trái ngược với hầu hết mọi người xung quanh. Khi họ càng lúc càng phấn chấn với quy mô áp đảo của chiến thắng, tôi lại cảm thấy ngày càng nặng nề bởi gánh nặng trách nhiệm đè lên vai. Tôi biết rằng điều này hơi kỳ quặc, vì thực sự tôi đã cảm thấy hơi tức giận, những người quanh tôi có biết rằng trách nhiệm tôi sắp phải đón nhận to lớn như thế nào không? Họ có nghĩ đến sự cần thiết của một bản tuyên bố để kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân? Họ phải cân trọng loại bỏ hoặc giới hạn những hành động nào để phù hợp với vai trò điều hành đất nước?

Một người lắc lư đi đến chỗ tôi – người đầu tiên trong số nhiều người đêm đó – “Thật là tuyệt, anh sẽ là một Thủ tướng vĩ đại, Tony ạ, chắc chắn như vậy”. Tôi nói “Ồi, thôi đi”. Làm sao mà anh ta hay tôi có thể biết được điều đó.

Khoảng nửa đêm, chúng tôi gọi David Hill, một người luôn đứng mực hiện đang phụ trách mảng báo chí của đảng tại Milibank và quát vào mặt anh ta rằng những đảng viên đang ăn mừng một cách quá đà và họ nên bình tĩnh lại. “Chúng ta sắp sửa giành chiến thắng lịch sử và chấm dứt 18 năm cầm quyền của Đảng Bảo thủ” – anh ta nói: “Thật khó để bảo tất cả bọn họ làm ra vẻ ủ rũ, thưa ngài”.

Tôi quay sang tập trung vào việc mình sẽ nói gì, sẽ có ba bài phát biểu: Một bài tại điểm kiểm phiếu trên cương vị một nghị sĩ; một tại cuộc mít tinh nội bộ ở CLB của Công Đảng tại làng Trimdon, cách điểm bỏ phiếu của tôi một con phố; và một tại Hội trường Royal Festival, London vào lúc 5 hoặc 6 giờ sáng, nơi một sự kiện lớn đã được chuẩn bị cho những người ủng hộ và giới truyền thông.

Tôi thảo luận về nội dung phát biểu với Alastair Campbell, người phụ trách truyền thông. Trong suốt ba năm qua, anh ta đã vững vàng như một hòn đá tảng. Theo kinh nghiệm của tôi, có hai kiểu người điên khùng: Kiểu thứ nhất rất nguy hiểm, kiểu thứ hai mang lại cho họ sự sáng tạo, sức mạnh, sự khéo léo và nghị lực. Alastair là kiểu điên khùng thứ hai. Thế nhưng kiểu người thứ hai lại không kiên định, khó nắm bắt và có thể bùng nổ bất cứ lúc nào với hậu quả khôn lường. Trên tất cả, bạn phải biết rằng không thể thuần hóa họ, nhưng có thể thuyết phục họ và điều khiển họ trở nên khác biệt và nổi bật là họ không lựa chọn làm việc theo cách thông thường và dễ đoán trước. Họ thường xuyên nổi cáu. Sau này, trước khi rời bỏ vị trí vào cuối năm 2003, Alastair hầu như đã đi quá giới hạn. Giống như những kẻ sáng tạo khác, anh ta có thể gây cho bạn những cú đau đẽ đời nhưng trong hầu hết thời gian – đặc biệt trong những năm điều hành phe đối lập và giai đoạn đầu của Chính phủ Công Đảng – anh ta là một người

khác, người không thể thiếu và không thể thay thế. Cùng với Gordon và Peter Mandelson, anh ta đã thực hiện xuất sắc các ý tưởng chính trị của Công Đảng mới và chịu trách nhiệm về các thông cáo báo chí trong thời đại thông tin này. Điều hài hước là, về mặt hoạch định chính sách thì tư tưởng của anh ta lại rất gần với Công Đảng Cũ. Đêm hôm đó, tâm trạng của anh ta cũng giống tôi: bình thần và kiểm chế. Chúng tôi duyệt lại những điều cần nói trong bài phát biểu: đầu tiên là về gia đình, tiếp theo là về đảng và cuối cùng là về đất nước.

Tôi thực sự xúc động khi nhắc đến cha mình. Khi phát biểu tại điểm kiểm phiếu, tôi thấy ông đứng đó với giọt nước mắt hân hoan. Tôi nghĩ về cuộc đời ông: được nhận làm con nuôi ở Glasgow, cha nuôi của ông lúc đó là người dựng cột buồm tại bến tàu Govan, mẹ nuôi là một người có sự pha trộn kỳ quặc giữa chủ nghĩa xã hội và cuồng tín – bà đã từ chối trả ông lại cho mẹ ruột. Thời trẻ ông là Thư ký của Đoàn Thanh niên Cộng sản Glasgow, sau đó là binh nhì trong chiến tranh, kết thúc tuổi trẻ với hàm thiếu tá quân đội và là thành viên Đảng Bảo thủ, trong khi đó thì hầu hết những người khác đều đi theo con đường chính trị ngược lại.

Ông trở thành một nhà nghiên cứu và luật sư chuyên nghiệp, lúc này ông đã là một đảng viên tích cực của Đảng Bảo thủ. Ông giữ một ghế trong Nghị viện của Đảng Bảo thủ tại thị trấn Hexham, miền Bắc nước Anh và trong cuộc bầu cử năm 1964, ông là một ứng cử viên đầy tiềm năng. Thậm chí, ông còn có một chương trình riêng trên đài truyền hình địa phương. Ông thông minh, lòi cuốn và đầy tham vọng. Ông phù hợp với hình tượng mà Đảng Bảo thủ đang kiếm tìm trong một thế giới nhiều biến động: không ai có thể tranh luận về giai cấp với ông, ông hiểu về giai cấp mình đã thuộc về và cũng học cách để thoát khỏi giai cấp đó.

Một đêm nọ, sau những cuộc họp, các sự kiện xã hội và công việc nặng nhọc, ông bị đột quỵ và tưởng như không thể qua khỏi. Ông đã tỉnh lại, nhưng phải trải qua ba năm đau đớn học nói lại từ đầu. Tôi vẫn còn nhớ mẹ tôi đã giúp cha tôi như thế nào, ngày qua ngày, bà hướng dẫn ông học lại từng từ từng câu một cách khó khăn. Và tôi cũng không thể quên rằng gia đình chúng tôi đột ngột rơi vào cảnh khó khăn về tài chính như thế nào, ngay lúc đó một vài người bạn đã bỏ ông và thật phũ phàng khi giọng nói của ông không thể trở lại bình thường thì nghiệp chính trị của ông cũng chấm dứt.

Cha là người đã định hình quan điểm chính trị của tôi. Không phải vì ông đã dạy tôi rất nhiều về chính trị bằng cách hướng dẫn tôi trong các hoạt động chính trị (việc ông thuộc về phe chính trị đối lập đã dẫn đến một vài cuộc tranh luận nảy lửa giữa hai cha con, mặc dù không thường xuyên). Mà vì từ khi còn bé, tôi thường nghe những cuộc tranh luận của ông với bạn bè và tiếp thu những luận điểm, cảm nhận niềm đam mê trong giọng nói của họ và hiểu chút ít về sự rối rắm của chính trị.

Tôi nghĩ lại lần đầu tiên được gặp mặt các chính trị gia, họ đều không phải người Công Đảng, Micheal Spicer – thành viên Đảng Bảo thủ sau này, hay cả Patrick Jenkin (có thể tôi nhớ nhầm) – người phục vụ trong Nội các của bà Thatcher. Họ đã đến ăn tối tại nhà chúng tôi ở High Shincliffe, Durham. Lý do tôi lơ mờ nhớ lại chuyện này là bởi Micheal, khi đó là một thành viên trẻ triển vọng của Đảng Bảo thủ, muốn đấu tranh giành một ghế ở Nghị viện trong sự vô vọng mà cha tôi lại là người có ảnh hưởng đến các ghế tại Durham.

Nhưng những điều đó không tác động nhiều đến con đường đến với chính trị của tôi bằng những điều cha tôi đã dạy – một cách hoàn toàn vô thức rằng, tại sao những người như ông lại tham gia Đảng Bảo thủ. Ông nghèo, xuất thân từ tầng lớp lao động, luôn khao khát gia nhập tầng lớp trung lưu. Ông lao động chăm chỉ, hưởng thành quả lao động của chính mình và mong muốn con cái làm tốt hơn. Ông nghĩ – giống như nhiều người cùng thế hệ với mình – rằng làm việc chăm chỉ, nghiêm túc hơn thì sẽ nhận thành quả tốt hơn – và đây chính là một trong số những giá trị mà Đảng Bảo thủ bảo vệ. Bạn làm như vậy thì bạn chính là một thành viên của Đảng Bảo thủ: Điều này giống như hai mặt của đồng xu vậy, có mặt này thì phải phải có mặt kia và ngược lại. Chính từ đây đã hình thành tham vọng chính trị của tôi: Phá vỡ mối liên kết đó và thay thế chúng bằng những lựa chọn khác. Bạn có lòng trắc ẩn, bạn quan tâm đến những người

kém may mắn hơn mình, bạn tin vào xã hội cũng như tin vào cá nhân. Và bạn có thể gia nhập Công Đảng nếu muốn. Bạn có thể thành công và thu hút được sự quan tâm, tham vọng và đam mê, trở thành một người tài năng và cấp tiến. Hơn nữa, những điều đó không xung đột với nhau mà là những phương tiện hoàn toàn thích hợp để đảm bảo mọi việc diễn ra trôi chảy. Chúng là câu trả lời cho những đòi hỏi thiết thực, không hề viễn vông của con người.

Cha tôi ảnh hưởng sâu sắc đến tôi và mẹ theo một cách khác. Bà khác biệt với ông đủ để hai người chung sống với nhau. Tôi giống cha nhiều hơn: nhiệt huyết, dứt khoát, với một tham vọng cao độ – mà tôi e rằng có thể coi như một sự ích kỷ. Mẹ tôi, trái lại, là một phụ nữ khuôn phép, thánh thiện và đáng mến. Bà nhút nhát, ngay cả trong công việc. Bà ủng hộ cha tôi về mặt chính trị với tư cách một người vợ và một người bạn, nhưng thì thoảng với tôi, bà ứng xử như thể mình hoàn toàn không phải là một người của Đảng Bảo thủ. Vì một số lý do – có lẽ liên quan đến nguồn gốc Ireland của mình – bà cảm thấy mình bị cho ra rìa và bà cho rằng một vài người bạn của cha mang tinh thần bảo thủ hơn trong Đảng Bảo thủ đã rời bỏ cha khi ông bị bệnh.

Bà mất khi tôi vừa bước sang tuổi 22 vì ung thư tuyến giáp. Bà đã không qua khỏi, nhưng việc sống thêm được năm năm sau khi căn bệnh được phát hiện đã thật sự là một điều kỳ diệu.

Đó là một cú sốc, không gì có thể sánh được với nỗi đau mất người thân. Đó có thể không phải là điều tồi tệ nhất trên đời, nhưng nỗi đau đó tác động đến chúng ta theo cách mà chúng ta chưa bao giờ cảm thấy, nhất là khi ta còn trẻ. Mẹ mất làm tôi choáng váng bởi vì tôi chưa từng nghĩ đến điều đó. Bệnh tình bà xấu đi khi tôi học năm cuối đại học tại Oxford, chuẩn bị thi tốt nghiệp, cha tôi và anh trai Bill đã giấu tôi sự thật về tình trạng sức khỏe của bà. Tôi về nhà vào cuối tháng Sáu và cha đón tôi ở ga. “Bệnh của mẹ con thực sự rất nặng” – ông nói.

“Con biết, nhưng mẹ sẽ không chết phải không?” tôi nói, ngu ngốc mong chờ sự đảm bảo từ ông.

“Cha e mẹ con sẽ không qua khỏi.” – ông trả lời. Thế giới như chao đảo trước mắt tôi; tôi không thể hình dung được điều đó. Người nuôi tôi khôn lớn, chăm sóc tôi, luôn bên cạnh giúp đỡ và yêu thương tôi một cách vô điều kiện sẽ ra đi mãi mãi.

Kể từ lúc đó cuộc sống của tôi không bao giờ còn được như trước, khi sự gấp gáp, tham vọng đè nặng lên vai và nhận thức rằng cuộc đời là hữu hạn và phải tiếp tục sống với nhận thức đó. Nỗi nhớ mẹ chưa bao giờ nguôi ngoai trong trái tim tôi.

Trong lúc niềm vui và sự tán dương của mọi người trong đêm bầu cử bủa vây lấy tôi như một cơn sóng triều phấn khích, bất chấp tất cả những điều mà tôi phải nghĩ và làm trong thời khắc quan trọng đó để thực hiện tham vọng của mình, tôi vẫn nghĩ đến mẹ và biết rằng bà sẽ tự hào vô cùng về tôi, cũng như tôi biết tình yêu bà dành cho tôi không bao giờ thay đổi. Rồi mọi việc cũng hoàn thành, tất nhiên là phải đối mặt với thực tế sau những vui mừng ngắn ngủi trong ngày 1 tháng Năm năm 1997.

Lúc đó, tôi thấy cha đang ở Trimdon, nhìn tôi hạnh phúc vì những hy vọng của ông đã được tôi hoàn thành. Khi ánh mắt chúng tôi gặp nhau, tôi cũng nhận ra rằng hai cha con đang có cùng một suy nghĩ: đáng lẽ mẹ phải ở đây lúc này.

Tôi hướng suy nghĩ của mình về công việc hiện tại. Có rất nhiều người ở đây. Câu lạc bộ Công Đảng tại Trimdon tràn ngập niềm vui. Chúng tôi có một chiếc máy bay đậu tại sân bay Teesside, kết quả bầu cử được gửi đến Alastair khi chúng tôi lên máy bay. Có cả những thành viên cấp cao trong Nội các Đảng Bảo thủ mất ghế, như Quốc vụ khanh Quốc phòng Micheal Portillo và Quốc vụ khanh Đối ngoại Malcolm Rifkind. Thực là một cơn địa chấn trên chính trường. Tôi ngồi cùng Cherie, tập hợp ý tưởng cho bài phát biểu tại Hội trường Festival, cô ấy biết tôi đang nghĩ gì và như mọi lần, nói với tôi theo cách không ai có thể làm, rằng cô ấy biết sẽ có nhiều khó khăn ở phía trước, chính trị đều bắt đầu như vậy nhưng lại có kết thúc không

giống nhau, cô ấy cho rằng đây là một vinh dự lớn, chúng tôi sẽ cùng nhau cống hiến cho đảng với sự chân thành của mình.

Một sự cố nực cười đã xảy ra, chúng tôi bị lạc đường đến Hội trường Festival trong khi liên tục được giới thiệu trước đám đông đang chờ đợi bằng bài hát của chiến dịch tranh cử “Things Can Only Get Better” (tạm dịch: Mọi chuyện chỉ có thể tốt hơn), nhưng cũng giống như Von Trapps, đám đông vẫn chẳng thấy chúng tôi xuất hiện trên sân khấu. Cuối cùng chúng tôi cũng đến nơi. Tinh thần của tôi đã hoàn toàn bình lặng. Đây là một chiến thắng vĩ đại, vì thế tôi càng phải nhận thức rõ trách nhiệm của mình, không thể để bất kỳ việc gì gây ra những rối rắm trong đảng dù chỉ một giây. Phải hành xử xứng đáng với cương vị Thủ tướng, chứ không phải một cầu thủ vừa ghi bàn thắng trên sân vận động Wembley.

Nhưng việc đó không dễ dàng chút nào, thật khó chịu khi phải là người duy nhất tỉnh táo trong một cuộc vui như thế này, trong khi những người khác được chúc tụng, quất tháo, khóc rồi cười, còn bạn không được đụng đến một giọt rượu nào, mỉm cười và nói “Vâng, xin cảm ơn, đây là một thời khắc đặc biệt”. Máy quay chĩa vào bạn mọi lúc, những tay săn ảnh bấm máy liên tục, các nhà báo ghi ghi chép chép. Bạn cười, nhưng không được hòa vào khí thế chung, bạn ôm, nhưng với những cái vỗ nhẹ sau lưng, bạn cảm ơn, nhưng với một thứ tình cảm chừng mực. Có những gương mặt thân quen trong chiến dịch tranh cử, những người bạn lâu năm và có cả những người tôi chưa từng gặp trước đó. Với họ, mỗi lời chúc mừng là một khoảnh khắc để tận hưởng, còn với tôi, là khoảnh khắc phải làm nhiệm vụ.

Tôi gặp Neil Kinnock, lãnh đạo Công Đảng, người đã dạy tôi rất nhiều, gửi lời chúc mừng tới tôi rất chân thành và nồng ấm. Nhưng ngay cả khi trao đổi với ông, tôi vẫn nhận ra ánh nhìn lo âu của Alastair dõi theo tôi lên trên bục, trong khi mọi người thư giãn ở dưới, chúng tôi vẫn phải bước trên sân khấu để làm vừa lòng người nghe.

Như khi còn lãnh đạo phe đối lập, bạn phải gánh một trách nhiệm lớn lao, đó là nhiệm vụ vận động cho vị trí cao nhất của quốc gia. Bạn là người cầm trịch cho quan điểm chính trị của mình, cho đảng và cho niềm tin bạn đang nắm giữ. Những ai đã từng chạy đua tranh cử đều biết rằng đó là một công việc phức tạp đến nhường nào. Có hàng triệu ý kiến về tổ chức, truyền thông, nhân sự và chính sách phải được giải quyết nhanh chóng và hiệu quả. Nếu bạn làm tốt, điều đó khẳng định sự chuẩn bị tốt và là dấu hiệu thực sự của khả năng lãnh đạo của bạn. Nhưng ngay cả khi bạn làm tốt chiến dịch tranh cử và chiến thắng thì điều đó cũng không thể hiện năng lực của bạn trong cương vị lãnh đạo tiếp theo. Bắt đầu từ thời điểm trọng trách Thủ tướng được đặt lên đôi vai, bạn mới hiểu rằng quy mô, tầm quan trọng và sự phức tạp của vị trí lãnh đạo này hoàn toàn khác so với những gì bạn tưởng tượng trước đó. Không giống như những vị trí lãnh đạo khác, bạn phải sống theo một cách hoàn toàn mới. Bạn có thêm nhiều sự hỗ trợ cho công việc, bạn có cả một đội ngũ dưới quyền hùng hậu. Vâng, bạn là lãnh đạo, nhưng với sự cộng tác chặt chẽ của đội ngũ của bạn, các mối quan hệ tin cậy của bạn được sàng lọc dựa vào sự trải nghiệm, giao tiếp của bạn được kiểm soát bằng giác quan thứ sáu của chính mình, bạn nhận thấy đội ngũ này như một gia đình, hay như một nhóm những kẻ có cùng âm mưu.

Khi bước lên bục, tôi cố gắng hướng tâm trí và nhiệt huyết của mình vào lời phát biểu, cuối cùng, tôi đã nhận ra nguồn gốc của nỗi sợ hãi lớn dần trong tôi ngày hôm đó: Tôi cô đơn. Không còn đội ngũ thân quen, không còn những cảm xúc được sẻ chia giữa những người bạn. Họ là họ và tôi là tôi. Ở chừng mực đó, họ không thể ảnh hưởng đến cuộc sống của tôi và tôi cũng vậy, chẳng thể ảnh hưởng đến cuộc sống của họ.

Tôi đứng trên bục và lướt nhìn qua đám đông phía dưới. Mọi người chen chúc trên cầu Waterloo, nê-m chặt không chỉ bên ngoài Hội trường Festival mà còn xung quanh bờ sông Thames, tung hô, biểu đạt niềm vui, cảm xúc đang dạt dào trong họ. Ngay lúc đó và cả ngày hôm đó tôi đều cảm thấy nôn nóng, tôi nóng lòng mong tiệc liên hoan kết thúc và trở lại với công việc, để bắt đầu cương vị của một người đứng đầu Chính phủ. Thế nhưng, tôi vẫn thể hiện

diện mạo và tinh thần tốt nhất của mình.

Khi tôi bắt đầu bài phát biểu, mặt trời cũng bắt đầu nhô lên và bình minh đến mang theo những tia nắng đủ màu sắc tuyệt đẹp, báo hiệu một ngày mới tốt lành. Tôi không thể cưỡng được, mặc dù hối hận ngay sau khi nói: “Một buổi bình minh đẹp đã bị phá hỏng, phải không các vị?”. Câu nói đó của tôi nhanh chóng kéo những con người đang lơ lửng trên mây xanh xuống mặt đất để nhấn mạnh rằng đảng trúng cử là Công Đảng mới và Chính phủ sẽ điều hành đất nước theo đường lối của Công Đảng mới. Có lẽ những điều tôi nói chẳng có nghĩa lý gì, nhưng tôi bắt đầu bị ám ảnh rằng nhân dân có thể sẽ lo sợ vì đã trao trọng trách cho chúng tôi và tin rằng chúng tôi sẽ quay trở lại là một Công Đảng già nua, chứ không phải một Công Đảng mới mà chúng tôi đã hứa hẹn. Tôi kiếm tìm những điều kiêu hãnh, ngạo mạn để giúp mình tỉnh tâm, tỉnh táo, tuy nhiên, sự lo lắng vẫn nhanh chóng quay lại ám ảnh chúng tôi.

Cuối cùng, tôi và Cherie về nhà tại Islington, bắc London vào lúc 7 giờ sáng, lúc đó, căn nhà đang có rất đông người vây quanh, chúng tôi dự định sẽ chờ một chút trước khi đến cung điện gặp Nữ Hoàng và bắt đầu điều hành Chính phủ. Cảm giác khác lạ như thể chúng tôi quay trở về ngôi nhà mình đã gần bó lâu năm, ngủ lại một hoặc hai đêm nữa, trước khi rời đi mãi mãi.

Giấc ngủ ngắn khiến tôi tỉnh táo hơn hẳn. Cuộc bầu cử đã có kết quả cuối cùng. Với 179 ghế áp đảo, nhiều hơn tất cả các đảng phái khác cộng lại, chúng tôi đã tạo ra một điều sừng sốt và vĩ đại nhất trong lịch sử Anh. Những ghế chưa bao giờ giành được trước đây, như tại Hove, cũng rơi vào tay chúng tôi. Một vài ghế quay trở lại lần đầu tiên kể từ thắng lợi lớn của Attlee năm 1945. Những nơi chúng tôi định ninh rằng thuộc về đội quân xanh và khó có thể thay đổi được thì đã thuộc về quân màu đỏ: Hastings, Crawley, Worcester, Basildon và Harrow. Còn lại những vùng đã thuộc quân đỏ thì vẫn như vậy trong cả hai kỳ bầu cử tiếp theo.

Không lâu sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc vào đêm trước và khi những lá phiếu cuối cùng đã chỉ ra người chiến thắng, John Major gọi cho tôi thừa nhận thất bại. Ông đã rất lịch thiệp, nhưng để làm điều đó với ông chắc hẳn cũng không hề dễ dàng gì. Ông có sức mạnh, nhưng đã bị tôi đánh bại vì những điểm yếu cá nhân của chính mình.

Có một điều kỳ lạ trong chính trị là các vị lãnh đạo cũng như các đảng phái có thể cảm thấy bị xúc phạm khi bị phe đối lập công kích và họ thường cho rằng sự công kích đó không “đẹp” (tôi dám nói rằng tôi cũng đã phải chịu đựng cảm giác này, mặc dù tôi luôn đấu tranh chống lại nó), nhưng họ lại hoàn toàn quên tịt điều đó khi tấn công đối thủ. Khi ngẫm lại cách chúng tôi cư xử với tư cách là phe đối lập, tôi vẫn lấy làm ngạc nhiên về sự chuyên nghiệp của chính mình, mặc dù cũng vẫn có một vài chiến thuật mang tính cơ hội và dễ dãi. Hơn nữa, những sự công kích này đã để lại những mầm mống có thể dẫn tới những hậu quả vô cùng nghiêm trọng mà chúng tôi không thể đoán trước được.

Những chỉ trích của tôi đối với cựu Thủ tướng Anh, John Major, luôn là những chỉ trích liên quan đến chính trị, chẳng hạn như ông ta là một nhà lãnh đạo kém năng lực và chia rẽ đảng phái. Thế nhưng, những lời chỉ trích của Đảng Bảo thủ đối với tôi thì luôn liên quan đến các khía cạnh cá nhân và đời tư, chẳng hạn tôi là một kẻ dối trá, lừa đảo và gian lận. Vì vậy, thật khó khăn cho Major khi gọi điện cho tôi, nhưng ông ta đã làm vậy và ngày hôm sau, tôi đã có những phát biểu tỏ lòng hết sức ngưỡng mộ ông (tôi không biết việc đó có xát thêm muối vào vết thương lòng của ông hay không).

Tôi nhận được một cuộc điện thoại khác từ Bill Clinton. Cảm giác thật dễ chịu do cách ông ấy nói chuyện nồng ấm và vui vẻ, nhằm lôi kéo đồng minh. Nhưng tôi cũng cần phải nói thêm rằng, ông ấy luôn biết được suy nghĩ của tôi và biết những cam bẫy đang chờ tôi phía trước. Ông ấy nhẹ nhàng và thẳng thắn nhắc nhở tôi về những biến động có thể xảy ra.

Quãng đường từ Richmon Crescent tại Islington đến cung điện Buckingham thực sự khác ngày thường. Người dân đổ xô ra đường phố, nêch chặt ních các con phố, vẫy tay và chào đón tân

Thủ tướng. Máy bay trực thăng lượn lơ phía trên để ghi hình trực tiếp khoảnh khắc đó và vì thế mọi người biết chúng tôi đang di chuyển đến đâu và đổ ra đường để chào đón. Đường như cả đất nước đang trong ngày đại lễ. Một sự đoàn kết đáng kinh ngạc trong thời khắc chính trị thay đổi. Người ta bầu cử vì rất nhiều lý do. Tuy nhiên, lại có một số người chỉ luôn bầu cho một đảng phái dù bất kể lý do gì (Tôi đã từng bỏ phiếu cho Công Đảng vào năm 1983. Và mặc dù tôi là một ứng cử viên của Công Đảng, nhưng tôi không nghĩ chiến thắng của đảng này là điều tốt nhất cho đất nước). Nhiều người bỏ phiếu vì lòng trung thành với một đảng phái nào đó hay theo truyền thống từ trước đến giờ họ vẫn luôn làm như thế. Khi kết quả bầu cử được công bố, điều thực sự tốt cho một quốc gia cần có sự thay đổi và lúc đó ngay cả những người bỏ phiếu chống lại bạn cũng vẫn tham gia vào lễ chào mừng sự kiện chính trị trọng đại đó như thể họ có hai lá phiếu vậy: một lá phiếu họ bỏ trong hòm, còn lá phiếu kia, họ tự ẩn định trong suy nghĩ của mình.

Khi xe chúng tôi đi qua cổng cung điện Buckingham, có rất nhiều người phấn khích và tìm mọi cách để có thể nhìn mặt tân Thủ tướng. Tôi có thể nhận thấy Cherie đã rất phấn khởi và hơn bao giờ hết, tôi cũng muốn được hòa mình vào không khí phấn khích này. Lúc đó, tôi cảm thấy hết sức mệt mỏi với hàng loạt những buổi họp hành, truyền thống hay những nghi thức kéo dài triền miên làm đình trệ các hoạt động khác.

Tôi được dẫn vào một gian phòng nhỏ, giáp phòng của Nữ hoàng. Đột nhiên, tôi cảm thấy rất hồi hộp. Tôi biết nghi thức cơ bản, nhưng biết rất lơ mờ. Nghi thức này được gọi là “Hôn tay”, tức là Thủ tướng quỳ gối xuống và hôn tay Nữ hoàng và Người sẽ trao quyền điều hành đất nước cho ông ta. Nữ hoàng là người đứng đầu một quốc gia, còn tôi là Thủ tướng của bà. Một quan chức đáng người cao lớn, tay cầm một chiếc gậy đứng ngay bên cạnh tôi. Và ông bắt đầu mở lời: “Thưa ngài Blair, tôi cần nói với ngài một điều” (người ta gọi tôi là “ngài Blair” trước khi được bổ nhiệm), “trong lễ Hôn tay, ngài không cần phải hôn tay Nữ hoàng thật đâu, ngài chỉ cần chạm nhẹ môi vào tay Nữ hoàng thôi”.

Tôi phải thú nhận rằng điều này làm tôi vô cùng bối rối. Tôi không hiểu ông ta nói vậy là có ý gì? Chả nhẽ tôi lại chà môi của mình vào tay Nữ hoàng như kiểu người ta đánh giày hay chỉ cần khẽ chạm môi vào tay của bà? Tôi vẫn đang chưa biết phải làm gì thì cửa bật mở và tôi được đưa vào trong phòng, nhưng thật không may tôi lại bị trượt chân trên một tấm thảm nhỏ và gần như chúi ngay đầu xuống gần tay Nữ hoàng. Tuy nhiên, thật may là chưa tệ đến mức tôi đập mặt vào tay Nữ hoàng. Tôi lấy lại bình tĩnh và ngồi đối diện với bà. Mặc dù tôi đã gặp bà trước đó, nhưng cuộc gặp gỡ lần này hoàn toàn khác. Đây là cuộc diện kiến chính thức đầu tiên của tôi với Nữ hoàng trong tư cách Thủ tướng. Có rất nhiều điều tôi muốn nói về Nữ hoàng. Ở lần gặp này, tôi nhận thấy có hai điều đặc biệt: đầu tiên, tôi thấy khá lạ lùng vì với với một người giàu kinh nghiệm và có địa vị cao như vậy, Nữ hoàng lại khá ngượng ngịu. Tuy nhiên, bà lại là người rất thẳng thắn. Tôi nói thẳng thắn ở đây không phải là thô lỗ hay thiếu tinh tế mà đơn giản tôi chỉ cảm thấy như vậy thôi. Nữ hoàng bắt đầu nói: “Ông là Thủ tướng thứ 10 khi ta là Nữ hoàng, vị Thủ tướng đầu tiên là Winston, thời của Winston còn trước khi ông sinh ra”. Chúng tôi nói chuyện một hồi, không hẳn là một cuộc nói chuyện ngắn mà là một cuộc đối thoại khá cứng nhắc về các chương trình của Chính phủ. Sau đó Cherie được mời vào để thể hiện sự kính trọng và Nữ hoàng có vẻ thoải mái hơn khi họ nói chuyện (trái với những điều mọi người nghĩ, Cherie luôn có mối quan hệ tốt với Nữ hoàng). Lúc đó, Cherie đang giải thích những điều rất thực tế mà chúng tôi sẽ phải làm với bọn trẻ và việc chuyển đến phố Downing là một điều chúng chưa thể quen ngay được. Nữ hoàng tỏ vẻ đồng cảm nên tôi sợ rằng mình ngồi đó có vẻ thừa thãi, không biết làm thế nào và lúc nào thì nên kết thúc cuộc đối thoại. Tôi đang nghĩ xem mình nói gì trước khi bước vào tòa nhà trên phố Downing và cũng vì thiếu ngủ, nên tôi cảm thấy rất lơ mơ. Đương nhiên, Nữ hoàng cảm nhận được điều đó và bà chỉ tiếp tục cuộc nói chuyện một lát. Sau đó, bằng một cử chỉ rất nhẹ nhàng, bà kết thúc câu chuyện và tiễn chúng tôi ra cửa.

“Lối này, thưa ngài Thủ tướng” – Một người khá cao với cây gậy trong tay nói khi dẫn chúng tôi xuống nơi chiếc xe đang chờ đưa chúng tôi về phố Downing. Sau khi thoát khỏi đám đông, tôi

tiến lên bục phát biểu, nơi tôi sẽ phải thường xuyên đứng trong những năm tới đây của nhiệm kỳ. Những gì tôi nói phản ánh khát khao thường trực trong tôi, đó là làm sao tránh khỏi trạng thái “mải mê với chiến thắng” – điều mà tôi biết rằng không giúp gì cho việc điều hành đất nước – và bắt đầu công việc của mình. Tôi nói về các kế hoạch, các chương trình cũng như những chính sách. Đó không phải là một bài diễn văn dài song tập trung cặn kẽ vào những việc chúng tôi sẽ phải làm khi lần đầu tiên đặt chân vào Dinh Thủ tướng.

Nhưng sự thật, những điều tôi nói đã không còn quan trọng. Tâm trạng vẫn là tâm trạng, tôi phải cố ngăn nó lại như ngăn một chiếc xe tải đang lao đến. Sự kỳ vọng dồn nén của cả một thế hệ được trao vào tay tôi. Họ muốn mọi thứ phải thay đổi, muốn được nhìn, cảm nhận sự bắt đầu của một kỷ nguyên mới và tôi là người mang đến những điều đó. Chúng tôi như thể một khối chuyển động, liên kết với nhau bởi một mối quan tâm chung: đó là đào thải cái cũ và đón nhận cái mới. Những tình thế khó xử trong việc hoạch định chính sách hay bản chất tàn nhẫn của việc đưa ra các quyết định không thể cản trở đám đông. Họ như đang được bay lên, qua khỏi những con phố xấu xí, nơi mà công việc chính trị thực sự đang diễn ra. Ở trên ấy, họ chỉ nhìn thấy triển vọng, cơ hội và chân trời tương lai rộng mở.

Khi Barrack Obama thành công trong cuộc chạy đua vào Nhà Trắng năm 2008 với chiến dịch tranh cử phi thường của mình, thì tôi có thể nói chính xác những gì ông ta đã nghĩ trong đầu. Ở một mức độ nào đó, sự phấn khích và sinh lực được tạo ra bởi kỳ vọng dành cho một ứng viên có thể nâng anh lên, đưa anh đi và mang đến mọi thứ cho anh tựa như một phép màu. Cả đất nước như ở trên mây và anh cũng ở trên đó cùng họ.

Tuy nhiên, sâu xa hơn, anh sẽ nhanh chóng nhận ra rằng mặc dù người ta đặt hy vọng vào anh và chính anh đã phần nào kiến tạo ra hy vọng ấy, nhưng bản thân niềm hy vọng ấy cũng có một đời sống riêng, có linh hồn riêng. Và linh hồn ấy nhiều khi vụt xa khỏi tầm kiểm soát của anh. Anh sẽ muốn chế ngự nó, kìm hãm nó vì anh biết rằng sự độc lập quá mức của nó sẽ khiến công chúng có những kỳ vọng quá lớn.

Những kỳ vọng theo kiểu như vậy không bao giờ có thể đạt được. Đó là điều anh luôn muốn nói với người dân và anh thường xuyên nói với họ, song đừng quá kìm nén niềm hy vọng của họ. Để rồi cuối cùng, khi niềm hy vọng ấy mất đi, đẩy những người ủng hộ anh trở lại với thực tại, một thực tại mà anh chưa bao giờ chối bỏ – khác với thực tại mà thậm chí anh đã hứa sẽ mang lại để đáp ứng sự kỳ vọng của họ. Đó là lúc ảo tưởng tan vỡ. Sự tan vỡ này còn nguy hại, đau đớn hơn bởi niềm kỳ vọng đã đến trước đó.

Dù sao thì đó cũng là những gì mà tôi đã cảm nhận được.

Những gì vừa nói có vẻ không có thực, vì nó vốn đã không có thực rồi. Có thể hiểu được rằng tại sao con người lại có cảm nhận như vậy, tại sao tôi muốn là người dẫn dắt và hiểu được rằng chúng tôi sẽ cùng nhau là một thế lực bất khả chiến bại. Thế nhưng, từ trong sâu thẳm, đó là sự tự lừa dối có sẵn trong mỗi người, không phải là sự lừa dối có chủ tâm hoặc xuất phát từ ý đồ xấu xa hay động cơ không trong sáng. Mà sự tự lừa dối này được sản sinh từ niềm hy vọng rằng bằng cách nào đó, sự thành công không đi kèm với những lựa chọn khó khăn, có lẽ nên gọi nó là ảo tưởng thì đúng hơn. Nhưng khi người cảnh sát đứng sang một bên và cánh cửa Số 10 phố Downing mở ra, dường như việc tôi đắc cử giống như một sự giải phóng, sự ra đời của một cái gì đó tốt hơn so với những cái trước đây.

Tuy nhiên, điều ấy lại là một sự bất ngờ đối với những thành viên già nua tội nghiệp ở ngôi nhà Số 10 này. Theo lệ thường, cựu Thủ tướng, John Major chỉ bước ra ngoài vài phút trước khi tôi đến. Theo truyền thống, khi tân Thủ tướng tới, các nhân viên sẽ xếp hàng vỗ tay dọc hành lang dẫn đến phòng Nội các. Một vài người trong số họ lờ mờ nhớ được Chính phủ Công Đảng cuối cùng, nhưng lúc đó họ còn trẻ. Giờ đây họ chỉ biết nói lời tạm biệt với 18 năm cầm quyền của Đảng Bảo thủ.

Đi giữa 2 hàng người, những người tôi chưa từng gặp mặt – những người sẽ làm việc cùng tôi

trong những sự kiện tới đây và nhiều người trong số đó trở thành bạn bè của tôi vài người trong số họ trên khuôn mặt vẫn phẳng phất nổi buồn cho sự ra đi của cựu Thủ tướng, số ít phụ nữ còn sụt sùi. Khi đi đến cuối hàng, tôi bắt đầu cảm nhận rằng chính tôi là nguồn cơn của nỗi buồn ở đây. Nói gì cũng bằng thừa, tôi bỏ qua việc ấy.

Sau đó tôi vào phòng Nội các, nơi tôi chưa từng đặt chân tới. Ngay lập tức tôi đã bị ấn tượng, không chỉ bởi căn phòng mà còn bởi bề dày lịch sử của nó. Tôi đứng lại một lúc, nhìn xung quanh căn phòng và chợt thấy xúc động trước sự linh thiêng nơi đây. Hàng ngàn hình ảnh xốn xang trong tôi như một thước phim quay chậm, những hình ảnh của Gladstone, Disraeli, Asquith, Lloyd George, Churchill, Attlee, những sự kiện lịch sử thời chiến cũng như thời bình, những hình ảnh người Ireland và Michael Collins, đại diện của một số nước thuộc địa Anh bước qua cánh cửa này để đòi quyền độc lập. Căn phòng này cũng là chứng nhân cho một trong những vương triều vĩ đại nhất trong lịch sử thế giới và vương triều vẫn còn đây cùng với thời gian. Tôi nghĩ về những cuộc khủng hoảng và các tai họa mà chúng tôi từng gánh chịu, những quyết định cũng như những cuộc tranh cãi, các cuộc hội đàm về những vấn đề cốt lõi trong việc điều hành một quốc gia. Tất cả những hình ảnh ấy chạy dọc qua căn phòng dài và hẹp hướng ra khu vườn phố Downing và hai chiếc cột tượng trưng đánh dấu điểm cuối của bàn họp. Macmillan là người quyết định thiết kế chiếc bàn này theo hình oval để Thủ tướng, khi ngồi giữa trung tâm, có thể nhìn thấy nét mặt cũng như từng cử chỉ của các thành viên Nội các, thậm chí cả những dấu hiệu nhỏ của sự tán thành hay phản đối. Ghế của Thủ tướng là chiếc ghế duy nhất có tay vịn, có thể bởi nó trang nghiêm hơn, hay có lẽ Thủ tướng cần nhiều sự trợ giúp hơn những người khác.

Ngồi bên cạnh tôi trong một căn phòng trống khác là Thư ký Nội các, ngài Robin Butler, vốn nổi tiếng vì quyền lực và những kinh nghiệm mà ông có được, là người đã từng làm việc thân cận với cả Margaret Thatcher và John Major. Ông ấy chỉ cho tôi ghế của Thủ tướng, tôi ngồi xuống, thả lỏng người để thư giãn sau 24 giờ căng thẳng với những cảm xúc buồn vui lẫn lộn.

“Vây”, ông ta lên tiếng, “Giờ thì sao?”. Đó là một câu hỏi hay. “Chúng tôi đã nghiên cứu bản phương hướng hoạt động”, ông tiếp tục và một điều gì đó bất chợt làm tôi xao nhãng. “Và chúng tôi đã sẵn sàng để cùng ngài thực hiện bản phương hướng đó.” (Bản phương hướng hoạt động là một tài liệu công chứa đựng chương trình về vấn đề lập pháp trọng yếu của một đảng chính trị).

Sau khi cân nhắc điều mà về sau sẽ trở thành mối bất đồng sâu sắc về bản chất của việc đưa ra quyết định trong chính phủ của tôi, và về cái gọi là phong cách “sofa” – một cụm từ mà giới truyền thông dùng để diễn tả những cuộc hội đàm của chính phủ diễn ra bên cạnh những cuộc họp của Nội các – phải nói rằng ngay từ phút đầu, tôi đã cảm nhận được rằng Robin là người hết sức chuyên nghiệp, nhã nhặn và tích cực. Tuy không thích một vài cải cách trong đó, nhưng ông vẫn làm hết mình. Ông là người công bằng theo cách truyền thống nhất của Chính phủ Anh, thông minh và tận tụy với đất nước.

Nhưng ông hội tụ cả ưu cũng như nhược điểm của người quá tôn sùng truyền thống. Ở điểm này, ông đại diện cho phần lớn các công chức cấp cao. Ngay từ đầu, tôi cũng biết rằng ông không thực sự ủng hộ vị trí phụ trách nhân sự của Jonathan Powell, Alastair và dù không gay gắt bằng, nhưng ông cũng không ủng hộ người bạn cũ của tôi đồng thời là trợ lý chung, Anji Hunter. Mặc dù, Jonathan đã từng là công chức, nhưng trong chiến dịch tranh cử của tôi họ đều là những “cố vấn đặc biệt” và hiện nay họ được chính phủ mới tiến cử. Hệ thống chính trị của Anh được vận hành bởi những công chức có trình độ cao nhất. Cố vấn đặc biệt thì khá ít, không giống như ở Mỹ với số lượng cố vấn đặc biệt có thể lên tới cả nghìn người. Sau một vài năm trong Chính phủ, tôi có trong tay 70 cố vấn đặc biệt. Điều này, với một số người, có thể coi là vi phạm Hiến pháp.

Tuy nhiên, những cố vấn đặc biệt này lại là một phần không thể thiếu của nhà nước hiện đại. Họ mang tới cam kết chính trị, điều này không hẳn là xấu (tôi luôn tin rằng những cam kết này

không nên được tán đồng khi chúng xuất phát từ cánh tả, nhưng có thể điều đó là nỗi lo sợ vô căn cứ!); họ mang đến kiến thức chuyên sâu, công việc của họ thường xuyên phải liên hệ với các công chức, những người được hưởng lợi từ mối quan hệ với họ. Tôi cần nhấn mạnh rằng rất nhiều công chức không mấy hợp tác với các cố vấn đặc biệt, nhưng họ không thấy phiền vì điều đó và giữa họ vẫn nảy sinh tình bạn chân.

Robin và Jonathan đã có một cuộc thảo luận về việc liệu Alastair hay Jonathan sẽ là người hướng dẫn các công chức trong cơ quan Chính phủ và cuối cùng chúng tôi cũng đã đi đến một thỏa hiệp. (Và nhân tiện nói thêm rằng trong suốt thời gian họ ở phố Downing này, không có bất cứ lời phàn nàn nào về họ cả.) Tôi không thể tin và vẫn chưa thể tin được rằng những người tiền nhiệm của tôi lại không có một người phụ trách nhân sự (phụ trách hoạt động của các công chức). Nhưng Jonathan là người đầu tiên được chấp nhận một cách công khai và là người được chỉ định làm người phụ trách nhân sự. Robin không thích những việc này lắm và trong suy nghĩ của anh, vẫn phân vân một vấn đề: các quyết định được đưa ra như thế nào. Ở đây, anh ta có một vị trí chắc chắn. Thành thực mà nói, khoảng một năm đầu tiên, khi đã tìm được chỗ đứng và vật lộn với những khó khăn trong việc quản lý Nhà nước, chúng tôi có khuynh hướng vận hành Chính phủ như là một bộ máy thống nhất mà ở đó, một số công chức lâu năm cảm thấy như bị cho ra rìa.

Về phía mình, chúng tôi thẳng thắn đưa ra hàng loạt những cam kết cải cách và nhanh chóng nhận ra khoảng cách giữa lời nói và việc làm. Ở phe đối lập, điều đó không quan trọng bởi tất cả những việc anh có thể làm chỉ là “nói”, nhưng trong chính phủ, nơi mà anh phải làm, khoảng cách đó bỗng nhiên xuất hiện như một lỗ hổng quan liêu và thất vọng. Vì thế, trong những tháng đầu tiên, chúng tôi tập trung vào thực hiện, hơn là chỉ biết nói khi vận động tranh cử và cải cách Công Đảng.

Tuy nhiên, Robin chỉ làm việc với chúng tôi 8 tháng. Trong thời gian đó, chúng tôi đã mở rộng, học tập và điều chỉnh. Các bộ trưởng đồng tình với những thay đổi của chúng tôi, giữ vững vị trí lãnh đạo của mình. Cung cách làm việc thay đổi, Nội các và các thành viên làm việc tốt hơn, những đóng góp ý kiến của các cố vấn đặc biệt và công chức Chính phủ cân bằng hơn.

“Chính phủ sofa” luôn phải đối mặt với những luận điệu bài xích và được thổi phồng lên một cách lỗ bịch. Đầu tiên là những nhà lãnh đạo luôn có nhiều cố vấn thân cận xung quanh. Mặc dù Robin đã từng nhiều lần nhấn mạnh rằng những người tiền nhiệm của tôi luôn gắn bó mật thiết với Nội các, theo một cách truyền thống, luôn giải quyết tất cả công việc chính phủ trong nội bộ Nội các, còn theo trí nhớ của mình, tôi nhận thấy một ngoại lệ, đó là bà Thatcher với Nội các của bà.

Quan trọng hơn, nguyên nhân của sự khác biệt tác động đến cách vận hành của Chính phủ hiện đại. Như tôi sẽ nói ở phần sau, việc tập hợp các kỹ năng cần thiết để điều hành hiệu quả một đất nước hiện đại rất khác so với thời điểm giữa thế kỷ XX: quan tâm ít hơn đến tư vấn chính sách theo kiểu truyền thống, và để tâm nhiều hơn đến việc quản lý dự án và chuyển giao kết quả. Điều này đúng với cả các công chức và cả các chính trị gia. Những kỹ năng này khá giống với những kỹ năng cần thiết của khu vực tư nhân. Những kỹ năng giúp anh leo lên đỉnh chiếc cột mỡ của Quốc hội không nhất thiết giống những kỹ năng mà anh phải trang bị để điều hành một bộ máy với hàng nghìn nhân lực và một ngân sách tính theo con số hàng tỉ.

Hơn nữa, nhịp độ của nền chính trị hiện đại và sự giám sát gắt gao của giới truyền thông – giờ đây đã hoàn toàn khác so với 20 năm và thậm chí 15 năm trước – điều đó có nghĩa là những quyết định phải được đưa ra, quan điểm phải được nêu lên, kế hoạch phải hiệu quả và thông tin phải được truyền đạt với một tốc độ vượt trội so với trước kia.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa rằng những quyết định được đưa ra mà không được cân nhắc kỹ càng. Nhưng theo quy tắc cũ, các chính sách được những công chức Chính phủ đệ trình lên Nội các – sau đó sẽ thảo luận và ra quyết định cùng với Thủ tướng – người đóng vai trò một

chủ toa độ lượng. Quy trình này giờ không đáp ứng được đòi hỏi trong một thế giới đang thay đổi rất nhanh và cả bối cảnh chính trị cũng đang thay đổi chóng mặt. Trong hoàn cảnh ấy, việc thu nạp những cố vấn đặc biệt không có gì là bất bình thường mà trái lại hoàn toàn hợp lý để thu thập thêm những lời khuyên và giúp Chính phủ tiến bộ. Như tôi đã khám phá ngay từ đầu, vấn đề của bộ máy công chức không phải là sự bế tắc mà là sự trì trệ.

Tuy nhiên, tất cả những điều đó là chuyện của sau này, hiện tôi ngồi đây và suy ngẫm về đường đi nước bước của nước Anh lừng danh này. Quyết định đầu tiên liên quan đến việc Bộ Tài chính làm việc độc lập với Ngân hàng Trung ương Anh. Ngày hôm đó trôi qua với chút ít căng thẳng, lo lắng với việc bổ nhiệm thành viên Nội các và các chức vụ bộ trưởng. Đó là giây phút vui sướng với một số người, nhưng lại thiếu náo nức với số khác. Những chức vụ trọng yếu đã được xác định, nhưng số thành viên Nội các Đối lập lại nhiều hơn số thành viên giới hạn của Nội các (Nội các Đối lập ở đây là Nội các được Công Đảng lập ra trước khi lên cầm quyền). Tôi đã phải nói chuyện với ba thành viên rằng mặc dù có thể trở thành bộ trưởng, nhưng họ có thể không nằm trong Nội các. Hai người trong số đó đồng ý nhậm chức bộ trưởng, người còn lại muốn ngồi “ghế sau ở Nghị viện”, vị trí mà đa số nghị sĩ không phải bộ trưởng ngồi trong Hạ viện. Hừm, chào mừng các vị ngồi lên ghế nóng, tôi nghĩ, trong những năm tới đây, số thành viên bị loại khỏi Chính phủ, bất tín nhiệm Chính phủ, bác bỏ Chính phủ sẽ chỉ có tăng lên mà thôi.

Nhưng trong thời gian mới bắt đầu, tư cách thành viên Chính phủ đã mang đến một cuộc sống tuyệt vời, như anh vẫn hằng mong đợi. Tối đầu tiên làm Thủ tướng, tôi trở về Richmon Crescent để nghỉ đêm cuối cùng ở đó. Những ngày sau đó, vợ chồng tôi thường đi ăn ở một nhà hàng Trung Quốc có bán thức ăn mang về ở phố Downing. Cha tôi cũng xuống đó với vợ chồng tôi, việc đó làm ông vui và khiến tôi tự hào.

Tôi nhận được chiếc hộp đồ đầu tiên – chiếc cặp chính thức mà tất cả các thành viên Chính phủ dùng để mang giấy tờ – trong đó là những hướng dẫn và thư tín đầu tiên mà tôi phải ký. Tất cả những nhân viên thân cận của tôi cũng bắt đầu công việc của mình, chuyển từ việc công kích phe đối lập sang việc ngồi trong tòa nhà chính quyền, thực thi những điều đã được nghiên cứu trước đó. Ban tham mưu cốt lõi của tôi là một nhóm tập hợp những thành viên xuất chúng nhất, khác biệt về tính cách cũng như cách nhìn nhận, nhưng gắn kết với nhau như một đội quân cùng hướng tới mục tiêu chung và một tình cảm gắn bó keo sơn bền chặt. Tôi có vài nguyên tắc đối với những người thân cận như: công việc được ưu tiên hàng đầu, không có việc đổ lỗi cho nhau, vui vẻ đúng chỗ, không có chỗ cho lòng phản trắc, giúp đỡ lẫn nhau, đoàn kết, tôn trọng và quý mến nhau.

Nhìn chung, mọi người đều thực hiện được những điều trên. Ban đầu, Jonathan đã gặp không ít khó khăn với vị trí giám đốc nhân sự trong văn phòng của lãnh đạo phe Đối lập, tìm cách thích nghi với sự thay đổi từ một nhà ngoại giao sang một nhà chính trị mưu mẹo. Khi đã thích ứng với vị thế mới, ông thể hiện rất xuất sắc. Ta sẽ bàn về những đóng góp của ông về vấn đề hòa bình Bắc Ireland sau. Những đóng góp chủ yếu của Jonathan trong công việc thể hiện qua hiểu biết về hệ thống cơ quan Chính phủ, tiến độ làm việc đáng kinh ngạc (ông ta có khả năng tiếp thu thông tin rất nhanh) và là một thành viên Công Đảng mới triệt để và thuần khiết. Ông ta và Anji thuộc phe không đảng phái ủng hộ Công Đảng mới. Họ thông hiểu nghiệp vụ, với vẻ bề ngoài thuộc tầng lớp trung lưu và dễ dàng làm việc trong mọi thể chế phi chính trị, là những người ủng hộ mạnh mẽ Công Đảng, nhưng không phải thành viên của Công Đảng.

Sally Morgan, Thư ký chính trị và sau đó là Giám đốc điều phối các mối quan hệ trong Chính phủ và ngoại giao, một Công Đảng viên rất mạnh mẽ và có khả năng vươn tới những nấc thang chính trị mà người khác không thể, tất cả là nhờ vào khát vọng mạnh mẽ và tính nguyên tắc cao. Mặc dù, cô là một nhà tổ chức đảng đáng gờm, nhưng lại không có mối liên hệ gì với Công Đảng cũ. Nhưng cô và Alastair cùng với Bruce Grocotte, Thư ký riêng của tôi trong Nghị viện từ năm 1994, luôn tường tận quan điểm của Đảng. Họ không nhất thiết phải đồng ý với những quan điểm ấy nhưng luôn hiểu và đưa ra những lời khuyên cải cách vô giá.

Ngay từ đầu tôi đã khám phá ra một điều ở Alastair, anh ta có khả năng làm lan tỏa lòng trung thành tuyệt vời. Đội ngũ truyền thông của anh ta là sự hòa trộn giữa những công chức và những cố vấn đặc biệt, trong vòng vài tuần, họ đã gắn kết với nhau để tạo nên những hoạt động vô cùng hiệu quả. Họ yêu mến anh ta và anh ta luôn ở bên cạnh, truyền cảm hứng cho họ với óc hài hước, thái độ thẳng thắn và sự can đảm đến lạ kỳ.

Kate Garvey là “người gác cổng”, chịu trách nhiệm quản lý lịch làm việc. Có cả một luận án tiến sĩ do một số sinh viên giỏi chuyên ngành chính trị viết về tầm quan trọng của việc lên lịch cho một vị Thủ tướng hay Tổng thống trong thời hiện đại. Vai trò của người quản lý lịch làm việc cũng giống như vai trò “viết bài hát” của Lennon và McCartney: so sánh như vậy là đúng, nhưng không truyền đạt được tầm quan trọng sâu xa của công việc này. Cách sử dụng thời gian là điều vô cùng quan trọng và sau này tôi sẽ cho các bạn biết, với tôi, thời gian được sử dụng như thế nào. Kate duyên dáng và vui vẻ, ẩn bên trong là một tính cách mạnh mẽ. Cô quản lý lịch làm việc của tôi rất chặt chẽ và khá chu đáo, cô sẵn sàng trừng trị ai can thiệp vào công việc của mình và tất nhiên, cùng với một nụ cười chiến thắng.

Liz Lloyd, người đã đến làm việc cho tôi sau khi tốt nghiệp đại học như một nhà nghiên cứu và sau đó thăng tiến lên vị trí phó giám đốc nhân sự. Cô như một đóa hồng nước Anh, rất hiểu biết, khéo léo, nhưng trên hết là chân thành và công bằng với tất cả mọi người mà cô đã lay chuyển họ bằng sự điềm tĩnh của mình.

James Purnell, vô cùng thông minh, một bậc thầy về các vấn đề chính trị và đã dành tất cả thời giờ để học tập về chính trị, phục vụ cho công việc tương lai mà tôi mong muốn giao cho anh ta.

David Miliband, một người đứng đầu về chính sách, trẻ măng. David đã thể hiện sự chuyên nghiệp thông qua việc sắp xếp các chương trình của Chính phủ, giữ tâm trạng thoải mái cho các bộ trưởng ngay cả khi hướng dẫn họ, đôi khi như ép buộc họ theo một hướng mới thay vì hướng đã định trước. Cậu ấy thật hoàn hảo trong thời kỳ đầu: thực sự thông minh, bộc trực và am hiểu về các đảng phái chính trị. Cùng một phe với Sally và Alastair nhưng tất nhiên là thành viên Công Đảng mới.

Pat McFadden chịu trách nhiệm tổ chức đảng, nhưng chúng tôi có thể sớm nhận thấy rằng ông ấy có tài năng chính trị nổi bật cũng như trí tuệ để trở thành một bộ trưởng hàng đầu.

Peter Hyman, người có cách xử sự linh hoạt và giao tiếp ngắn gọn, luôn nhanh nhẹn và hào hứng với các ý tưởng mới, không ngại nói ra suy nghĩ của mình và thẳng thắn tranh luận với tôi hay bất kỳ ai khác, nhưng đó cũng là một người có tính cách rất ôn hòa mà sau này từ bỏ chính trường để trở thành giáo viên (và là một giáo viên rất giỏi).

Tim Allan đã khiến Alastair trở nên nổi bật với tư cách Phó Chủ nhiệm Văn phòng báo chí và có dự định rõ ràng cho những điều lớn lao (lẽ ra anh ấy nên làm việc trong lĩnh vực chính trị, nhưng lại quyết định khởi nghiệp kinh doanh và trở thành một doanh nhân thành đạt).

Sarah Hunter, con gái một người bạn của Chủ tịch Thương viện, Derry Irvine và Jonathan Pearse đều đến làm việc cho tôi khi còn trẻ, khi đó tôi là lãnh đạo phe đối lập, họ giúp tôi những công việc ở văn phòng và ở bên tôi cho đến khi Sarah nghỉ sinh con. Cả hai đều rất chăm chỉ và là những người tuyệt vời. Hilary Coffman, người đã phụng sự tất cả những người đứng đầu Công Đảng kể từ thời Micheal Foot đến những người sau này, cũng là một thành viên trong nhóm, là một người có nhiều kinh nghiệm và điềm tĩnh. Từ khi thường xuyên phải giải quyết những vấn đề liên quan đến con người trên truyền thông, cô ấy đã nhận được những ý kiến trái chiều từ các phía và phải sàng lọc thông tin như kiểu đãi cát tìm vàng.

Hai người mà tôi đã nói đến trong mục riêng là Anji và Derry. Anji là bạn thân nhất của tôi. Chúng tôi biết nhau từ khi mới 16 tuổi khi tôi cố gắng chui vào bên trong cái túi ngủ của cô trong một bữa tiệc tổ chức ở Bắc Scotland (nhưng đã không thành công). Cô đã chăm sóc tôi khi tôi học đại học và một lần nữa bước vào cuộc đời tôi khi tôi là một nghị sĩ và ở bên cạnh tôi

kể từ đó. Cô quyến rũ, cởi mở và đã sử dụng hai thứ đó để gây ấn tượng mạnh mẽ, có thể người khác đánh giá thấp cô ấy trong những tình huống khó khăn. Thế nhưng, cô là người có trực giác chính trị tốt nhất mà tôi từng gặp, cô rất, rất thông minh và có thể trở nên vô cùng khó hiểu đối với chúng ta, nếu cô cảm thấy cần thiết phải bảo vệ tôi và những việc cần làm.

Derry, cùng với Peter Manderson và Phillip Gould, không thuộc văn phòng nhưng nằm trong nhóm nòng cốt. Trong thời kỳ đầu, điều mà Derry mang đến là khả năng phân tích chính xác, rất quan trọng với những người gặp phải vấn đề cần đến sự phân tích, Như tôi đã từng nói, thỉnh thoảng có những người thắc mắc về thái độ tôn kính tôi dành cho Derry – ông ấy có đầu óc tuyệt vời. Khi ông qua đời, họ sẽ đặt bộ não ấy vào viện bảo tàng. Nó là thứ mà lẽ ra tiến sĩ Frankenstein nên đánh cắp. Ông có thể không biết gì về chính trị, nhưng về mặt trí tuệ, ông hiểu tất cả, cùng với sự trong sáng và tập trung – những phẩm chất quý giá và đáng được trân trọng trong thế giới chính trị nhập nhằng và tùy tiện này. Nếu ai đó dù là trong hay ngoài các cơ quan Chính phủ tự kiêu về trí tuệ của mình và tỏ thái độ kiêu ngạo, tôi sẽ đẩy Derry đến và khép nép nhìn ông xử lý họ như có một chiếc máy đúc công nghiệp tinh vi, nện và dập họ cho đến khi thành khuôn và ném ra ngoài.

Peter Mandelson là bạn thân và đồng minh của tôi. Anh thông minh, bảnh bao và hài hước, những điều làm nên một người bạn, một người đồng hành tuyệt vời. Có hai điều khiến anh trở thành một cố vấn chính trị nổi bật. Anh có thể chỉ ra diễn biến của mọi chuyện chứ không phải chỉ tình trạng của nó. Như Gordon đã nói, Peter không chỉ nói cho bạn biết mọi người đang nghĩ gì hôm nay mà cả những suy nghĩ ngày mai. Với chính trị, đó là điều vô giá.

Một đặc trưng khác ở Peter Mandelson là khí phách kiên cường. Về mặt cảm xúc, giống như bất kỳ ai khác anh ấy cũng có thể dễ dàng bị tình cảm chi phối, nhưng khi được đặt vào vị trí của người tiên phong, dưới sức nóng của những cuộc chiến chính trị thì anh trở thành một chiến binh La Mã cổ đại điềm tĩnh, kỷ luật và chiến đấu hiệu quả một cách phi thường. Khi địch thủ lồng lên thì anh không hề nao núng. Peter sẽ tập hợp quân lính và các vị tướng để tìm cách phản công. Chính những lúc như thế trông anh lại có vẻ như đang thỏa mãn với niềm vui thích của mình. Đó là một phẩm chất rất hiếm có. Và nếu bạn tìm ra phẩm chất ấy, bạn sẽ thật sự trân trọng nó.

Thành viên cuối cùng trong nhóm nòng cốt của tôi là Philip Gould. Anh ấy có thể được coi là một người chuyên dò đường. Công việc của anh là nói cho bạn biết một cách chính xác nhất những sự việc xảy ra lúc bấy giờ. Lúc đầu, tôi cảm nhận anh ấy là một người điển hình về thăm dò ý kiến. Nhưng thời gian trôi qua, tôi dần phát hiện ra rằng anh ấy thực sự giống một nhạc cụ điện tử có thể tạo ra những âm thanh thể hiện tâm trạng của dân chúng. Philip phân tích những cảm nhận ấy, lý giải chúng và cuối cùng là tiên đoán những hậu quả có khả năng xảy ra như thể là anh đang nhìn thấu được những cảm nhận yêu và ghét của mọi người. Điều này thật sự giúp ích cho việc tìm ra điều có thể đáp ứng nhu cầu của đông đảo quần chúng nhân dân, cũng như điều gì thực sự đem đến cho họ sự thoải mái. Với những phẩm chất này, anh trở thành một nhà chiến lược chứ không chỉ là một người thăm dò dư luận.

Philip cũng là người góp ý cho những bài phát biểu quan trọng, được chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng của tôi tại Hội nghị thường niên của Đảng. Năm nào cũng thế, trong suốt 13 năm, quy trình này khiến các cộng sự và tôi đều cảm thấy mệt mỏi cả về thể xác lẫn tinh thần, kinh hoàng, loạn trí như nhau. Và chúng tôi đã phải đổ không ít chất xám vào quy trình này. Tôi ngập chìm trong công việc từ một tuần trước khi diễn ra bài phát biểu. Một bài phát biểu thông thường sẽ có khoảng từ 15 đến 20 bản dự thảo. Mỗi năm tôi đều hy vọng rằng việc này sẽ diễn ra một cách thuận lợi hơn. Nhưng thực tế, mỗi năm nó lại càng trở nên khó khăn hơn. Đối với tôi mà nói thì bài phát biểu thành công nhất là vào năm 2006, nhưng cũng như những bài phát biểu khác, vẫn khó khăn như vậy.

Vào năm 1995, khi vẫn ở phía Đối lập, trước khi bài phát biểu diễn ra vào thứ Ba, thì thứ Hai tôi chợt nhận ra rằng tất cả rơi vào vô vọng, các bản dự thảo đều vô ích, đầu óc tôi quay cuồng,

xáo trộn. Và tôi có thể phải từ chức với lý do thiếu năng lực. Tôi cũng đã đồng ý chụp một bức ảnh tại một ngôi trường vào buổi sáng với Kelvin Keegan, sau này là Giám đốc của Newcastle United (đội bóng yêu thích của tôi). Trên đường đi tới đó, tôi gần như tuyệt vọng khi nghe Kevin đề nghị: “Chúng ta hãy làm một cú đánh đầu trước mặt bọn trẻ đi (và trước các phương tiện truyền thông đại chúng)”, trước sự hốt hoảng của Alastair và các cộng sự của mình, tôi đáp: “Chắc chắn rồi, tốt thôi, sao cũng được”. Lúc đó, tôi dường như bất cần mọi thứ. Tất nhiên, việc một nhà lãnh đạo chơi thể thao trước mặt công chúng, thực sự là một mối rủi ro không thể lường trước được. Không ai hy vọng rằng bạn phải chơi thật sự xuất chúng, nhưng chí ít cũng không được thể hiện rằng bạn chơi quá tệ. Nếu không thì đơn giản là bạn không thích hợp để điều hành một quốc gia. Việc này không đơn thuần chỉ là đá một quả bóng, rất khó để có thể làm hỏng mọi chuyện. Nhưng những cú đánh đầu thì lại khác, thật dễ để biến bản thân thành một kẻ ngớ ngẩn trước mặt mọi người.

Tuy nhiên, tôi đã vượt qua tất cả những điều đó. Đương nhiên, Kevin là một cầu thủ chuyên nghiệp và anh ấy hoàn toàn có thể trả bóng bằng đầu tới vị trí mà tôi có thể nhận được. Và chung cuộc chúng tôi đã có được 29 cú đánh đầu. Thật ấn tượng! (Việc này còn thu hút sự chú ý của công luận hơn cả bài phát biểu của tôi!).

Thách thức lớn nhất mà tôi gặp phải trong thể thao xảy ra vào một vài năm sau đó. Tôi đồng ý chơi một trận với Llie Nastase, Pat Cash và Alistair McGowan, biên kịch kiêm diễn viên hài kịch tại câu lạc bộ Nữ hoàng để quyên góp từ thiện. Quần vợt là môn thể thao mà bạn có thể chơi tốt hoặc chơi dở và nếu bạn quá lo lắng thì bạn sẽ phải chơi theo cách mà cánh tay không tuân theo lời bạn nữa. Hôm đó tôi đã phải chơi quần vợt bằng cả ba cách trên. Tôi là Thủ tướng vì thế tôi thường rất bận bịu. Tôi chưa bao giờ ghé chân tới câu lạc bộ Nữ hoàng trước đó và chưa được chơi trên sân cỏ từ hồi còn học đại học. Tôi tới đó mà không hề chuẩn bị trước. Bất chợt, tôi nhận ra rằng trận đấu của mình sẽ diễn ra ngay sau khi kết thúc trận chung kết hàng năm của câu lạc bộ Nữ hoàng. Tim Henma đang chơi trên sân, trước đám đông khoảng 6 nghìn người. Sự thiếu chuẩn bị là con đường ngắn nhất dẫn tới sự hoảng sợ vào lúc này. Và hoảng sợ chính là trạng thái tâm lý tồi tệ nhất đối với việc chơi quần vợt và chắc chắn sẽ dẫn tới thất bại. Nhờ trận chung kết của Tim diễn ra dài hơn dự định, tôi đã được cứu thoát khỏi việc bị bẽ mặt một phen. Llie Nastase thật tốt bụng khi đồng ý chơi với tôi một trận nhỏ để khởi động. Chúng tôi đã luyện tập với nhau khoảng hai tiếng đồng hồ trước khi trận đấu bắt đầu. Nhờ có việc này mà tôi trở nên hào hứng hơn, nỗi sợ hãi dần vơi đi và tôi đã chơi khá tốt. Tuy vậy, tôi thề rằng tôi sẽ không bao giờ mạo hiểm như thế lần hai.

Dẫu sao, tôi đã lạc đề. Vai trò của Philip trong các bài phát biểu ở hội nghị là giúp tôi truyền đạt một cách tốt nhất thông điệp của mình. Trong những âm thanh cạnh tranh và hỗn loạn của dàn nhạc đang được đẩy lên cao trào sẽ có sự xuất hiện thật mạnh mẽ và rõ ràng của một giai điệu hoàn hảo. Tôi không thể kể hết bao nhiêu lần anh ta đã cứu những bài phát biểu của tôi, vực chúng dậy và cho chúng thêm sức mạnh.

Bạn có thể thấy niềm tự hào của tôi về đội ngũ của mình thông qua những gì tôi vừa kể. Họ là một nhóm gồm những người có tài năng phi thường. Điều mà tôi thích nhất ở họ ư? Đó là họ không thuộc vào bất cứ một sự phân loại nào. Họ có những nét rất riêng, không giống bất cứ ai. Họ là những người bình thường, nhưng lại không tuân theo truyền thống. Họ rất con người, nhưng có sự tác động của phép thuật để phân biệt giữa người luôn phấn đấu không ngừng nghỉ với kẻ chỉ biết lao động một cách đơn thuần, giữa kẻ muốn sống một cuộc sống bình lặng với người quan niệm cuộc sống là một chuyến phiêu lưu. Tôi thấy mình thật sự rất may mắn khi có họ ở bên.

100 ngày đầu tiên nắm quyền điều hành đất nước xét theo một cách nào đó đã trôi qua cực kỳ hiệu quả. Chúng tôi liên tục đưa ra các chỉ thị và cuối cùng chúng cũng tạo ra không chỉ sự thay đổi về bộ mặt của Chính phủ mà còn cả những thay đổi trong văn hóa điều hành của Chính phủ.

Ngày 2 tháng Năm, chúng tôi công bố xóa bỏ sự hỗ trợ từ ngân sách cho các trường tư thục, để dành tiền cho các chương trình giúp đỡ trẻ sơ sinh.

Ngày 3 tháng Năm, chúng tôi thành lập mới Bộ phận Phát triển Quốc tế (Department for International Development) để tách các công việc này khỏi Bộ Ngoại giao. Điều này có thể không hợp với ý của Bộ Ngoại giao do họ đã mất quyền kiểm soát đối với phần lớn nhất của ngân sách và một số mục tiêu mà họ đạt được chỉ bằng vào sự cảm thông của tôi. Clare Short là Quốc Vụ Khanh của Bộ phận Phát triển Quốc tế mới này. Và dưới sự lãnh đạo của bà, bộ phận này đã mở rộng các chính sách phát triển ra toàn cầu và người ta xếp hàng dài để được vào làm việc ở đó. Bộ phận này giống như một tổ chức phi Chính phủ (NGO) nằm trong Chính phủ và đôi lúc đó cũng là nguyên nhân của một số vấn đề quan trọng. Tuy nhiên, đánh giá một cách toàn diện, tôi cho rằng những vấn đề đó là có thể chấp nhận vì Bộ phận Phát triển Quốc tế đã giúp cho Vương quốc Anh vươn xa tới thế giới đang phát triển. Mặc dù tôi có thể thấy được cái nhìn chán ghét mà Alastair dành cho mình khi viết những điều này (Alastair không có khả năng lãnh đạo bằng Clare), tôi đã nghĩ rằng bà có tài năng lãnh đạo thực sự; nhưng vấn đề của Clare là luôn cho rằng những người bất đồng quan điểm với mình là những người thiếu khả năng. Đây là một sai lầm rất phổ biến của các chính trị gia. Tuy nhiên, chúng ta nên tự hào về kỷ lục viện trợ có phần đóng góp của Clare.

Ngày 6 tháng Năm, Gordon thông báo quyền độc lập của Ngân hàng Nhà nước Anh.

Ngày 9 tháng Năm, chúng tôi cải tổ Hội đồng chất vấn Thủ tướng (PMQs – Prime Minister's Questions), đổi thành một phiên họp kéo dài 30 phút hàng tuần thay vì hai phiên họp 15 phút mỗi tuần.

Ngày 11 tháng Năm, chúng tôi tuyên bố bồi thường cho các cựu chiến binh tham gia cuộc chiến vùng Vịnh.

Ngày 12 tháng Năm, chúng tôi thông báo cải tổ công ty Xổ số Kiến thiết để phục vụ mục đích chăm sóc sức khỏe và đầu tư cho giáo dục. Thêm vào đó, Gordon cắt giảm thuế giá trị gia tăng đối với nhiên liệu xuống 5% để hỗ trợ chi phí năng lượng cho nền kinh tế.

Ngày 14 tháng Năm, chúng tôi xác nhận cam kết nghiêm cấm quảng cáo thuốc lá.

Ngày 15 tháng Năm, chúng tôi phục hồi quyền gia nhập các tổ chức thương mại đối với nhân viên của GHCQ, đi ngược lại với quyết định của Đảng Bảo thủ về việc cấm những nhân viên làm việc trong các lĩnh vực nhạy cảm – thậm chí khi họ đã từ bỏ hết mọi lợi ích liên quan – gia nhập các tổ chức thương mại.

Ngày 16 tháng Năm, mẫu đơn cho cuộc trưng cầu dân ý về việc phân quyền ở Scotland và Wales được đưa ra, nội dung của nó là giao một số quyền lực của Chính phủ trung ương cho chính quyền địa phương ở Scotland và Wales. Thêm vào đó, chúng tôi công bố một kế hoạch bảy điểm nhằm phục hồi nền công nghiệp điện ảnh của Vương quốc Anh.

Tuần thứ tư, chúng tôi cấm sản xuất hay xuất khẩu mìn và tổ chức một cuộc bỏ phiếu tự nguyện về việc có nên cấm sử dụng súng hay không sau vụ thảm sát ở Dunblane, Scotland khiến 17 người bị sát hại. (Trong một cuộc bỏ phiếu tự do, các nghị sĩ có quyền bỏ phiếu theo những gì họ nghĩ và không bị điều khiển hay chỉ dẫn bởi đảng phái của mình).

Cuối tháng Năm, Bộ trưởng Quốc phòng, George Robertson tổ chức xem xét lại về chiến lược quốc phòng. Tuần sau đó, chúng tôi bổ nhiệm lãnh đạo của Ủy ban Lương cơ bản, bộ phận chịu trách nhiệm thành lập mức lương tối thiểu của Vương quốc Anh.

Đến cuối tuần thứ sáu, chúng tôi đã bắt đầu đặt ra những kế hoạch về văn học và toán học để nâng cao trình độ cho học sinh tiểu học về các kỹ năng đọc hiểu, viết và làm toán.

Ngày 16 tháng Sáu, chúng tôi gia nhập Hiệp ước Xã hội châu Âu (European Social Chapter). Hơn một thập kỷ qua, nó đã được cho là đường ranh giới giữa chúng tôi và Đảng Bảo thủ, họ cho rằng nó làm giảm tính cạnh tranh của nước Anh. Chúng tôi cho rằng nó bàn về những quyền lao động cơ bản như nghỉ lễ vẫn hưởng lương và đó là một nhân tố cần thiết của một xã hội công bằng. Thực sự, tôi đã dùng những ủng hộ cho hiệp ước này để không ủng hộ cho vấn đề closed shop¹. Khi chúng tôi ký kết, Robin Cook, Bộ trưởng Ngoại giao, hân hoan thông báo rằng việc chúng tôi làm đã mang đến niềm vui cho các đảng viên và các công đoàn (những người sau đó đã lãng quên vấn đề closed shop).

Ngày 2 tháng Bảy, Gordon đưa ra khoản dự thảo ngân sách đầu tiên gồm một gói trợ cấp được hỗ trợ bởi một khoản thuế đánh vào vật dụng cá nhân. Hai ngày sau, Derry thông báo những điều sau đó trở thành kế hoạch của chúng tôi cho Luật về quyền Quyền con người, đưa Hiệp định châu Âu về quyền con người vào bộ luật Vương quốc Anh. Tessa Jowell, Bộ trưởng Y tế mới trình bày các đề xuất để giải quyết tình trạng bất bình đẳng về chăm sóc sức khỏe. Giải quyết tình trạng bất bình đẳng về chăm sóc sức khỏe là ưu tiên hàng đầu của Chính phủ của chúng tôi, tập trung thu hẹp khoảng cách về chăm sóc sức khỏe giữa những nhóm người khó khăn và phần còn lại của đất nước. Mọi việc đã được tiến hành theo cách đó, có quá nhiều công bố và tham vọng được đề cập đến ở đây.

Đó không chỉ đơn thuần là những thay đổi về chính sách mà là sự chuyển hướng cơ bản trong cách điều hành nước Anh, cả trong thể chế và quan điểm.

Một trăm ngày ngày đầu tiên cầm quyền kết thúc với việc công bố kế hoạch bầu Thị trưởng London cho những năm đầu của thế kỷ XXI. Đến ngày thứ 100 thì chúng tôi được nghỉ ngơi. Ít nhất là tôi đã làm thế. Đầu tiên tôi đến Tuscany và sau đó là miền Nam nước Pháp để nghỉ dưỡng sau những biến động của những tháng đầu tiên trên cương vị Thủ tướng.

Ở điểm chuyển tiếp quan trọng sau 100 ngày cầm quyền thì đã có thể đánh giá gì về phong cách lãnh đạo của tôi chưa? Tôi có một triết lý rất rõ ràng, hoàn toàn khác so với những nhà chính trị của Công Đảng truyền thống. Tôi thuộc tầng lớp trung lưu và quan điểm chính trị của tôi phần nhiều theo cách của tầng lớp trung lưu. Cương lĩnh mà tôi đề ra hợp với nguyên vọng, những mối quan tâm và lo âu của những người nghèo túng trong xã hội. Một phần vì lý do đó và để nhấn mạnh thêm rằng đảng mà tôi đang lãnh đạo không chống lại chính nguồn gốc từ đó nó ra đời, mà bài phát biểu đầu tiên của tôi bên ngoài Hạ viện là ở Aylesbury Housing Estate, phía nam London vào ngày 2 tháng Sáu, một nơi đã bị bỏ quên trong những năm Đảng Bảo thủ cầm quyền. Tôi đã phác thảo những điểm cơ bản có thể được nhìn thấy từ bên ngoài của nền chính trị một quốc gia. Tất cả được đưa ra một cách thống nhất và rõ ràng. Tôi không muốn chiến tranh giai cấp diễn ra. Tôi không muốn sự chia rẽ hay sự bất hòa. Tôi muốn thấy liên minh của tầng lớp khá giả và kém khá giả được xây dựng trên cơ sở những lợi ích chung. Tôi không thể kiên nhẫn với kiểu chính trị bao gồm các đảng phái như những bộ lạc, trong đó những sự khác biệt bị phóng đại quá mức, những cuộc tranh cãi chứa đầy hiểm khích và không thiếu gì những định kiến phi lý.

Hàm ý trong triết lý chính trị của tôi rất rõ ràng: sự thịnh vượng phải do tự tay mình làm ra chứ không phải là thứ được bố thí, trách nhiệm phải đi kèm với cơ hội; mong muốn làm mới lại Chính phủ và thúc đẩy Chính phủ đạt hiệu quả thông qua sự hợp tác chặt chẽ giữa các bộ phận của nó; những dịch vụ công có chất lượng phải được cung cấp dựa trên nhu cầu của người dân chứ không phải được cung cấp thừa mứa; các công đồng phải thoát khỏi nỗi lo sợ về nạn bạo lực và các hành vi phản xã hội. Có thể đánh giá một cách tổng quát rằng, công việc của nhà chính trị gắn với công việc của các nhà tu hành, ở đó nhà chính trị – cũng như nhà tu hành, tự do lựa chọn niềm tin của mình, sau đó là thiết lập những kế hoạch để biến niềm tin đó thành sự thực nhằm thúc đẩy đất nước tiến đến sự thịnh vượng.

Bây giờ, đọc lại những điều này, ta có thể thấy tất cả đều là những điều tốt đẹp. Nó gợi lại rất nhiều quan điểm của Bill Clinton. Và đúng là một sự khôi hài, tháng Năm năm 1997, ông tới

thăm Anh trong cuộc gặp cấp cao NATO. Tôi đã đưa ông ấy vào thăm Nội các, nơi mà mọi người đều nể ông. Bill đã dành cho chúng tôi những lời cổ vũ, động viên tuyệt vời nhất, viên dẫn một vài chiến dịch của chúng tôi (như thế là ông đã nghiên cứu nó vậy) và đã gắn kết chúng lại một cách rất khéo léo bằng chính những trải nghiệm của mình. Tôi luôn luôn nhớ câu nói của ông “Đừng bao giờ quên rằng: truyền thông chiếm đến 50% chiến thắng của mỗi trận chiến trong thời đại thông tin này. Cho dù nói điều đó một lần, hai lần hay bao nhiêu lần đi nữa thì khi kết thúc công việc của mình, bạn sẽ biết mình vẫn chưa nói đủ.”

Tôi đã đưa Công Đảng đến vinh quang. Tôi đã vực nó dậy. Tôi đã biến nó trở thành một đảng cầm quyền thực thụ. Và điều đó chứng tỏ sự dũng cảm và sự nhạy bén trong các vấn đề về chính trị của chúng tôi. Và tôi không ngốc đến mức sau đó tưởng tượng rằng mọi việc sẽ không khó khăn, đáng sợ và cần tôi khéo léo hơn. Tôi biết mình mới chỉ đang chập chững những bước đầu tiên và không có bất cứ ảo tưởng nào về tương lai, cho dù các cộng sự của tôi có thể như thế. Viễn cảnh đó khiến tôi cảm thấy sợ hãi và cảm giác mình như đang đứng trên bờ vực thẳm. Mặc dù, mọi thứ tôi làm dường như không hề có sai sót và không có một thử thách nào mà tôi không thể vượt qua, tính đến thời điểm đó.

Vậy tôi đã bỏ qua điều gì? Tôi đã ngây thơ tin rằng chỉ cần đi trên con đường được xây dựng trên sự hợp lý và sự thận trọng, con đường bắt nguồn từ một niềm tin lý tưởng, thì mọi vấn đề khó khăn có thể được giải quyết, mọi vướng mắc phức tạp có thể được tháo gỡ và những chia rẽ sẽ được hòa giải. Nhưng sự thực thì cách tiếp cận vấn đề như vậy chỉ phù hợp ở mức tổng quan, khái quát; nó không đủ để giải quyết những vấn đề phức tạp. Trên thực tế, cách tiếp cận vấn đề như vậy chỉ phù hợp với một tư duy cởi mở. Cách tiếp cận này không loại bỏ nhu cầu phân tích, kiểm tra tỉ mỉ các lựa chọn chính sách để đi thẳng vào vấn đề và tập trung tìm cách giải quyết. Khi bạn đứng trên đỉnh cao, nhìn bao quát mọi vấn đề, đồng thời chia sẻ những giá trị và những mục đích chung nhất rồi mà đột nhiên bạn bị mắc cạn. Cảm giác của bạn lúc đó thế nào? Bạn sẽ thấy rằng đó là những khó khăn bất ngờ, không lường trước được, là những bãi mìn mang tính kỹ thuật và trên hết là những quyền lợi về cơm ăn áo mặc hàng ngày chỉ chực kéo bạn xuống bùn đen. Tất cả những tranh chấp về những lợi ích tầm thường đó lúc này chẳng có nghĩa lý gì. Rồi rất sớm, phe đối lập – những kẻ muốn hất văng bạn ra ngoài sẽ lại liên minh dựa trên những lợi ích bất di bất dịch để chống đối bạn. Cuộc chiến quay trở lại.

Có điều họ không muốn chiến đấu một cách lành mạnh. Bạn là một nhà lãnh đạo, bạn có những ước muốn chân thành về những điều tốt đẹp, vâng, tất nhiên, bạn là người quan trọng nhất và sẽ là người đưa ra quyết định. Dù sao, sự chân thành của bạn sẽ chỉ làm thế giới này tốt đẹp hơn mà thôi. Bạn nghĩ: nếu chúng ta có bất đồng, hãy nói ra. Chúng ta sẽ cùng bàn luận. Chúng ta thậm chí có thể thuyết phục nhau, còn nếu không chúng ta có thể cân nhắc và cuối cùng chốt lại thì vì tôi là Thủ tướng nên tôi sẽ phải ra quyết định.

Nhưng thực tế thì không hẳn vậy. Họ sẽ đứng đằng sau bạn, họ sẽ lạm dụng những lập luận của bạn, bóp méo, xuyên tạc động cơ của bạn. Và họ sẽ nhạo báng sự chân thành và sự cam kết của bạn về lợi ích chung. Đối với những nhà chính trị tiến bộ nắm quyền thì điều đó sẽ luôn là một cú sốc lớn nhất. Họ dõi theo bạn từ đầu chí cuối với những lời phản biện khốc liệt, thái độ miệt thị và cả những lời nói cay độc. Bạn sẽ thấy kinh sợ, bị xúc phạm nhưng hơn tất cả là sẽ vô cùng ngạc nhiên vì điều đó. Tự nhiên, trong những tình huống đó, những lời chỉ trích sẽ trở thành những lời buộc tội, sự bất đồng sẽ trở thành những rào cản và những nỗ lực thay đổi sẽ trở thành những cuộc tấn công. Bạn tưởng rằng mình đang sống trong một xã hội tôn trọng tranh luận nhưng đột nhiên bạn lại thấy rằng mình đang ở trong một sàn đấu với những đối thủ hung hăng và những tiếng la ó bên ngoài trong một trận đấu có cá độ.

Tôi đã học bài học đầu tiên về lòng can đảm chính trị nhiều năm trước: cân nhắc cẩn thận; sau đó tôi học được bài thứ hai: chuẩn bị kỹ càng khi lãnh đạo và ra quyết định. Giờ đây tôi học được bài học thứ ba: tính toán mức độ rủi ro. Tôi sẽ phớt lờ một số người, dù muốn hay không. Giây phút bạn quyết định cũng là lúc bạn làm phật lòng một số người. Tuy nhiên, ta có thể tính toán sự xáo trộn, ước lượng, nắm bắt được chiều hướng, mức độ của nó và đi đến cải thiện kết

quả. Và vì thế tôi vượt qua được sự công kích và quen dần với những lời nhạo báng, bắt đầu hình thành một “cơ chế sinh tồn” là gần như thờ ơ với những cuộc tranh cãi, một điều rất nguy hiểm đối với người lãnh đạo.

Nhờ tất cả những điều đó, tôi dần nắm bắt những chiều hướng khác nhau của Chính phủ mà ở đó, sự can đảm chính trị không bao giờ là đủ: khả năng chuyên môn để đưa ra những chính sách đúng. Tôi nhận ra rằng mình sẽ phải lựa chọn giữa một bên là lẽ phải và một bên là chính trị, nhưng lẽ phải bản thân nó đã rất phức tạp và gây tranh cãi. Càng ngày tôi càng khám phá thêm rằng, việc thay đổi một dân tộc khó hơn nhiều so với thay đổi một đảng phái. Những rủi ro cố hữu tiềm ẩn trong đó và lòng can đảm dám làm hoàn toàn khác nhau về mức độ.

Tôi sẽ cố gắng hết sức mình và sẽ thật thận trọng, nhưng ngay những tháng đầu tiên, cho dù có chuyện gì xảy ra, chúng tôi dường như vẫn chỉ là những bậc thầy thông hiểu về bối cảnh chính trị, vì thế tôi đã phát hiện ra bài học tiếp theo: Điều gì sẽ xảy ra khi anh không lường trước được rủi ro? Điều gì sẽ xảy ra khi những đối thủ của anh không liên minh lại vì những lợi ích bất di bất dịch, những âm thanh nghe thấy không phải là tiếng huyền não bình thường từ những kẻ cố gắng thay đổi bất kỳ điều gì, mà là tiếng nói của thời đại? Điều gì sẽ xảy ra khi sự bất đồng không xảy ra trong nội bộ một đảng hay một nhóm nhỏ nào đó, mà là trong phần đông nhân dân.

Tôi biết mình là một nhà lãnh đạo của công chúng. Nó giống như chuyện tình yêu với công chúng và ngược lại là sự yêu mến mà công chúng dành cho tôi. Như đôi vợ chồng son, chúng tôi muốn trưởng thành cùng nhau, học tập cùng nhau, lượn lờ ngoài phố suốt ngày, như cách các đôi tình nhân vẫn làm. Nhưng vẫn còn thiếu một điều sâu xa để tình yêu đó thành hiện thực và trọn vẹn, đó là luôn bù đắp phần khiếm khuyết cho nhau. Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi phát triển tách biệt hoàn toàn?

2. Nhà lãnh đạo tập sự

Cuộc hành trình từ phe đối lập trở thành người cầm quyền kéo dài ba năm. Ba năm – một khoảng thời gian có vẻ ngắn ngủi, nhưng thực ra với tôi, đó là khoảng thời gian quá dài. Mỗi tuần, những nỗi lo lắng chồng chất, các sự kiện hay những lời phát biểu mới lại làm xáo động nhịp điệu của đoàn quân đang yếu thế trên hành trình tiến tới quyền lực. Hàng tháng, các đối thủ hay giới truyền thông đơn giản chỉ là tò mò hoặc ghen tức với thành công của bạn, sẽ tìm cách bôi nhọ, nhạo báng tên tuổi bạn. Và cứ như thế, mỗi năm chúng tôi phải cố gắng chạm đến một đỉnh cao mới để duy trì động lực.

Tôi nhìn lại những câu chuyện và những lời bình luận trong suốt những năm qua và cười nhạo vào những khó khăn tôi đã trải qua trong thời gian đó. Đó là khó khăn ư? Đó chỉ là một cuộc dạo chơi, một làn gió, một bước chạy nhẹ nhàng về đích. Tôi đọc lại các ghi chú, nhớ lại các cuộc gọi, lướt qua các cuộc họp và trong tâm trí tôi, mỗi điều đều rất quan trọng và đều đóng góp rất nhiều và tôi tự hỏi tại sao mọi chuyện lại đơn giản và dễ dàng đến thế.

Điều không bao giờ thay đổi giữa phe đối lập và Chính phủ là cường độ tập trung chú ý vào nhau. Dĩ nhiên, khi đó tôi đã học hỏi và đạt được những bước tiến mới trong mỗi thời điểm quan trọng; dĩ nhiên, lúc này tôi cảm thấy khó khăn và thách thức hơn rất nhiều.

Khi còn là một đứa trẻ, đầu tiên bạn được học về lòng dũng cảm và sự sợ hãi trong những trận đánh lộn, bạn sợ đau khi bị những kẻ bắt nạt ức hiếp. Cuối cùng, bạn vùng lên và đánh trả. Tôi vẫn có thể nhớ lại chính xác khi tôi khoảng 10 tuổi, tôi đứng bên ngoài cánh cổng trường Durham Choristers nằm trong khu nhà thờ cổ kính và xinh đẹp, nơi đầu tiên chúng tôi sống khi đặt chân đến thành phố này, với hiệu sách cổ SPCK, những ngôi nhà thế kỷ XVIII liền kề, những ngôi nhà tranh xinh xắn bên cạnh nhà thờ Norman lộng lẫy.

Hắn không hẳn là một thằng đầu gấu to xác, chắc chắn không phải một kẻ đáng sợ, tôi thậm chí vẫn nhớ tên hắn. Hắn để ý đến tôi hàng tuần, tôi sợ và ghét phải vào lớp cùng hắn và tránh bất cứ nơi nào hắn đến. Rồi vì một lý do nào đó hoặc chả vì cái gì cả, hắn bất ngờ tiến đến phía tôi khi ở ngoài cổng trường và bắt đầu gây sự, tôi quay lại và dọa sẽ đánh nếu hắn không dừng lại, hắn biết là tôi sẽ làm thật, điều đó hiện lên trong mắt tôi và hắn đã dừng lại. Thật là ngớ ngẩn phải không các bạn, khi tôi lại nhắc đến những thứ nhỏ nhoi trong việc hình thành nhân cách sau từng ấy năm.

Sau này, bạn học được lòng can đảm trong những tình huống khác nhau: lần đầu tiên là ở trên sân khấu, khi bạn ước là mình chưa bao giờ đồng ý bước lên, bạn nguyên rửa sự tự phụ và than thở vì cái tôi của mình và chỉ muốn quay ngay trở lại góc tối. Nhưng bằng cách nào đó bạn không làm thế, bạn bước ra ngoài. 18 tuổi, tôi tự đến London một mình lần đầu tiên; trải qua một tháng cô đơn tại Paris, sau khi hoàn thành kỳ thi luật vào năm 1976; gọi điện thoại, theo đuổi; hối thúc, phấn đấu và quyết liệt. Mỗi bước đi đều ẩn chứa sự sợ hãi, nhưng mỗi bước lùi chẳng những mang đến sự hối hận vì để cơ hội vụt qua, mà còn tệ hơn nữa là sự coi thường bản thân đã không đủ dũng cảm để chấp nhận thử thách.

Đôi khi tôi ngạc nhiên với cách tiến lên phía trước của mình, nhưng bao giờ cũng vậy, để có sự lựa chọn như vậy, tôi đã phải nỗ lực không ngừng nghỉ. Đó cũng chính là một sự lựa chọn. Các lựa chọn thay thế luôn luôn vẫy gọi và được tô điểm bằng những lập luận hợp lý: đây không phải là một thời điểm thuận lợi, rủi ro quá lớn, những kẻ khác đang chống lại nó, sẽ có một thời điểm khác thích hợp hơn. Thường thì chẳng có thời điểm nào thích hợp hơn, tuy nhiên, trong mọi trường hợp, trọng tâm bạn biết lý do: sợ hãi bản thân bị bóc mẽ, sợ thất bại. Nếu bạn không bao giờ cố gắng để thành công, bạn không bao giờ phải thất bại. Vậy tại sao ta phải làm vậy?

Có những người tôi biết không hoài nghi như vậy, với lòng can đảm sẵn có, họ tiến lên phía

trước bằng bản năng, không suy tính trước và tự nhiên như hơi thở vậy. Họ khác với tôi: Ở tôi là cuộc chiến giữa lòng can đảm và sự sợ hãi, còn của họ là kết quả của sự liều lĩnh. Sự sợ hãi khiến bạn tính toán và những tính toán đó đôi khi có thể cứu bạn (mặc dù quá toan tính có thể làm bạn kiệt sức); với những người không tính toán gì cả mà cứ cắm đầu đi, rủi ro có thể là sự liều mạng vô ích và hậu quả là thất bại. Nhưng tôi luôn ngưỡng mộ khí phách đó, thích sự hiên ngang và không mảnh khảnh đó.

Sau khi rời Oxford, tôi đã gia nhập Công Đảng. Geoff Gallop, người đã rời đi một năm trước đó, đã quyết định gia nhập Công Đảng Úc. “Đó có thể là một sự phản bội,” ông nói đùa, “nhưng đó là cách duy nhất chúng ta thay đổi”. Tinh thần phóng khoáng của ông cuối cùng đã nổi loạn chống lại những giáo điều và tôi ngờ rằng ông bị kích động bởi ý thức hệ thường gặp của người Úc từ bà vợ của mình, bà Bev.

Từ 1975 đến năm 1983, tôi cặm cuì làm việc ở nhiều bộ phận khác nhau trong đảng. Nhưng quan điểm của tôi bắt đầu thay đổi. Khởi đầu, tôi làm những công việc thực sự nặng nhọc, thông qua một người bạn gái, tôi được giới thiệu với ngài Derry Irvine nổi tiếng, rồi sau đó khi mới 36 tuổi, tôi được xem là một trong những luật sư trẻ xuất sắc nhất tại tòa. Và mối quan hệ làm thay đổi cuộc đời tôi khởi đầu như vậy.

Derry đã dạy tôi cách suy nghĩ. Về mặt trình độ, tôi chỉ “mới tốt nghiệp” trước khi gặp Derry, tôi chẳng có chút khái niệm nào về cách suy nghĩ. Ý tôi là suy nghĩ thực sự – phân tích, mổ xẻ một vấn đề từ những nguyên lý đầu tiên, bóc tách, rồi xây dựng một giải pháp.

Với tôi, ông là người thầy rất nghiêm khắc nhưng có tư duy của một thiên tài. Tôi thường giúp ông ghi lại các luận điểm và thực hiện các vụ biên hộ. Tôi nhớ lần đầu tiên tôi viết một luận điểm của mình, tôi đưa nó cho ông, hy vọng rằng ông sẽ đọc nó và đưa ra một vài lời bình luận rồi vứt vào sọt rác, bởi tôi vốn nghĩ rằng ông sẽ tự viết. Ông liếc nhìn, đánh dấu và trước vẻ sợ sệt của tôi, ông bảo tôi nói với người thư ký mang nó ra ngoài. “Như thế có nên không?” tôi hỏi, hoàn toàn kinh ngạc. Ý tôi là, khi ấy tôi chỉ là một người tập sự.

“Vâng”, ông nói, ngược lên nhìn tôi, “đây là luận điểm được nhất của cậu à”, ông cầu nhàu còn tôi thì run rẩy lắp bắp vài câu đại loại như: “À thì, vấn đề này khá hóc búa nhưng em hy vọng là nó ổn, dù sao cũng là lần đầu em viết luận điểm, v.v...”. Ông cầm nó lên và ném về phía tôi: “Tôi không muốn nghe cậu dông dài và suy nghĩ nửa vời, tôi muốn thấy kết quả tốt nhất của cậu, kết quả mà cá nhân cậu phải chịu trách nhiệm, hiểu chưa?”

“Vâng”, Tôi nhún mình.

“Thế thì quay lại đây khi nào cậu làm xong”. Nói xong ông lại nhìn tập tài liệu trên bàn. “Đi đi”, ông nói và chẳng thèm ngó lên nhìn tôi.

Tôi trở lại với một bản thảo khá hơn. Lần này, ông bảo tôi ngồi xuống và đọc qua nó, lý giải các lỗi, hỏi các luận điểm, hơn hết là xoáy sâu vào câu trả lời – việc này làm tôi sung sướng cho đến tận bây giờ.

Hầu hết mọi người đều cảm thấy khó khăn với những vấn đề tế nhị, họ sẽ suy nghĩ, có thể nghiên cứu kỹ lưỡng trường hợp đó, tìm hiểu xem người khác nói gì. Họ sẽ tìm những giải pháp họ cho là tốt nhất, chọn một trong số đó hoặc âm ừ rồi quyết định cho qua.

Khi gặp phải các vấn đề pháp lý, ông không bao giờ chấp nhận phép phân tích truyền thống, chẳng có lý do nào giải thích cả mà chỉ bởi vì nó truyền thống. Ông thường nhìn lại những nguồn cơn đầu tiên, xem xét các vấn đề đằng sau các nguyên nhân truyền thống và thì thoảng, trở lại với một phân tích thể hiện cách nhìn nhận vấn đề hoàn toàn khác. Tôi vẫn hay nhớ đến một trường hợp, tưởng chừng như vô vọng nếu nhìn theo cách truyền thống, nhưng bỗng nhiên hy vọng lóe lên khi nó được phân tích và nhìn theo cách khác.

Ông hoàn toàn không khoan nhượng khi vấn đề bị ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan. Bạn sẽ gặp rắc rối nếu chuẩn bị cầu thả, quan tâm hơi hợt, tham gia nửa vời. Nếu có sai ngữ pháp hay chính tả, nghĩa là bạn đã bỏ sót một lỗi đánh máy, hay viết một câu tùy tiện, thì bạn hãy chuẩn bị tinh thần đón chờ sấm sét nổ ra – và Derry có cả một thùng thuốc súng bằng lời, quả là ấn tượng. Tôi đã sợ, ngưỡng mộ và tôn sùng và hơn cả dành cho ông lòng biết ơn vô bờ.

Derry là thành viên Công Đảng ôn hòa. Ông không bao giờ xem nhẹ cánh tả cực đoan cùng cơ sở nhận thức sai lầm của nó và coi các thành viên của nó như những kẻ học đòi. Trong việc này, ông giống như Cherie. Cô ấy cũng có ảnh hưởng lớn tới tôi, không phải vì cô là bạn gái rồi là vợ, hoặc thậm chí ngay cả khi cô có dành thời gian dài để thảo luận về chính trị với tôi – thực tế là không – mà bởi vì cô ấy ủng hộ Công Đảng một cách rất tự nhiên, dễ hiểu và xuất phát từ kinh nghiệm sống. Cô ấy cũng không bao giờ có chút hứng thú với việc giả vờ tỏ ra thông minh hay thấu hiểu chính trị. Cô ấy thực tế hơn cả những người đồng nghiệp của tôi, cô ấy giữ vững lập trường chính trị từ đầu đến cuối. Cô ấy quan sát khi mọi người chuyển từ bên này sang bên kia, nhưng bản thân cô vẫn đứng tại chỗ. Về mặt này, cô giống người đại diện cử tri của tôi, John Burton. Qua thời gian, tôi nhận ra rằng sự tiến triển của các quan điểm chính trị tuyệt đối không thể thiếu được quá trình chuyển biến chính trị thực tiễn.

Trong 4 hay 5 năm đầu làm việc tại tòa, tôi đã dành hết thời gian cho pháp luật. Công việc này rất tốn thời gian – tôi đã làm việc ít nhất 12 giờ một ngày – nên hầu như không có thời gian cho các hoạt động chính trị, nhưng tôi vẫn hoạt động trong đảng ở địa phương của mình, đầu tiên tại Earls Court, sau đó là Marylebone, tiếp là Hackney, thỉnh thoảng tôi còn viết bài cho New Statesman, một tuần san nghiêm túc vào thời điểm đó; và thông qua Derry tôi gặp John Smith và những nhân vật Công Đảng khác.

Tôi không thể nhớ ngày đầu tiên đến Nghị viện, nhưng tôi nhớ sự kiện đó và nó ảnh hưởng đến tôi sâu sắc. Cha của Cherie, Tony Booth, một người ủng hộ Công Đảng lâu năm, là một người nổi tiếng và quen biết nhiều nghị sĩ Công Đảng. Một người là Tom Pendry, Tom là một người rất khôn ngoan, có khả năng, tận tụy, nhưng ông ta luôn tỏ ra thỏa mãn với sự từng trải của mình. Nội bộ Công Đảng sau thất bại năm 1979 có một chút gì giống với cuộc cách mạng Pháp vào thời gian chính biến Thermido, đầy rẫy những cuộc đấu đá, âm mưu và những lời buộc tội cay nghiệt. Các nghị sĩ bị giám sát bởi một bộ phận lớn trong đảng và những thương gia lật lọng – những người theo một thứ chủ nghĩa xã hội phản bội. Họ phản ứng như cách các nghị sĩ đã làm với thái độ bao gồm sự thách thức ngoan cố, sự đầu hàng hèn nhát trước công luận và run rẩy như thể đang bị giải ra pháp trường.

Thông qua Tony, Cherie sắp xếp để tôi gặp Tom, tôi giấu cốt ý tưởng ra ứng cử Nghị viện và tôi thiếu tự tin. Tom đã mời chúng tôi đến quầy bar của Hạ viện để uống chút gì đó vào nửa đêm, vì ông phải ở lại để bỏ phiếu. Tôi đến cánh cửa gần cổng nơi mọi người xếp hàng để chất vấn Thủ tướng. An ninh được nới lỏng hơn trong những ngày này. Tôi tiến lên vài bước và bên trái tôi, phía bên kia hội trường Wesminster, nơi Charles I đã bị xét xử, tượng của các vị Vua, Nữ hoàng và những chính khách quan trọng xếp hàng theo nghi lễ và nơi những bức tượng của những hiệp sỹ cổ nhuộm màu thời gian được đặt ngay ngắn trong các hốc tường cùng với những lá cờ của các trận chiến cổ xưa.

Tôi rảo bước vào sảnh trung tâm, nơi công chúng đợi gặp các nghị sĩ và dừng lại. Tôi đã sững sờ như bị ai đánh bất ngờ. Đây là nơi tôi muốn. Nó rất khác biệt, khác biệt bởi nó không giống tôi và khác biệt bởi thời gian sau này tôi chưa từng được biết đến như một “Người của Hạ viện”. Nhưng tại thời điểm đó và thời gian sau này, tôi luôn có một linh cảm: đây là nơi tôi sẽ đứng và là số mệnh của tôi. Đây là ngôi nhà chính trị của tôi và tôi sẽ làm mọi thứ để được bước vào đó.

Cherie hơi giật mình vì những ảnh hưởng của nó đến tâm lý tôi. Tôi đã thực sự thăng trầm với nơi đó, hít thở bầu không khí đó, nghiền cứu kiến trúc nơi đó như thể bằng cách nhìn vào nơi ấy tôi có thể khám phá ra điều bí mật để đi vào căn phòng này bằng quyền của mình, chứ

không phải bằng một lời mời. Khi tôi viết đến đây, đột nhiên những cảm xúc tưởng chừng ngủ yên lại ùa về và tôi nhớ Nghị viện. Khoảng 13 năm sau, tháng Sáu năm 2007, khi tôi đã nghỉ, tôi đã cảm nhận đầy đủ về nơi đây và muốn rời xa nó. Nhưng giờ đây, khi nhận ra cảm xúc của mình, những đam mê lại quay trở lại. Tòa án có sức hút riêng và đó rõ ràng là nơi bạn có thể kiếm được nhiều tiền hơn, nhưng trở thành một nghị sĩ, trở thành một nhà lập pháp, được rảo bước tự do qua những dãy hành lang và những căn phòng dài hun hút quả là một trải nghiệm thú vị, phiêu lưu, như thể bạn được đặt chân đến một tầm cao hơn của sự tồn tại.

Tối hôm đó, Tom nghĩ tôi là một thằng cha lập dị. Thoạt đầu, chúng tôi không trò chuyện nhiều nhưng sau đó tôi hỏi dồn dập ông ta: làm thế nào mà ông vào đây được? Ông có thể giúp gì cho tôi? Tôi phải gặp ai? Tôi phải làm gì? Tôi phải làm như thế nào? “Tôi đã không nhận ra là cậu lại nóng lòng đến thế”, ông ta nói, ngạc nhiên về sự vồn vã thái quá như trẻ con của tôi.

Tom giới thiệu cho tôi sơ bộ về liên minh và đưa ra những lời khuyên vô giá về những điều thâm sâu trong chính trị Công Đảng. Kể từ đó cho tới cuộc bầu cử bất thường ở Beaconsfield năm 1982, tôi theo đuổi mục đích của mình một cách nghiêm khắc. Rồi sau thời gian đó, tôi củng cố quyết định của mình cho đến khi Sedgfield thức tỉnh tôi vào thời điểm cuối cùng của nhiệm kỳ Nghị viện 1979–1983. Khi mọi việc dường như đứng trên bờ của sự thất bại, tôi tự quyết định đứng ngoài cuộc bầu cử năm 1983, tôi thậm chí còn từ bỏ vị trí tại Tòa án London, chuyển đến Newcastle và giữ một ghế trong Hội đồng của Nick Brown khi Nick quyết định ứng cử tại khu vực bầu cử an toàn cho ông là Đông Newcastle, tiếp đến là khu vực bầu cử lân cận Wallsend, sau đó mới đến chiếc ghế của Steve Byers. Trong sự tuyệt vọng, tôi liên lạc với hội đồng cũ của cha tôi để tham vấn. Cuối cùng, tôi đã không phải làm vậy, nhưng việc làm đó là thước đo cho khát vọng của tôi.

Quan điểm của tôi về Công Đảng song hành cùng những tham vọng của bản thân. Tôi cẩn trọng để không quá xa rời với mạch quan điểm của đảng thời điểm đó – quá nghiêng về cánh tả; nhưng vẫn nhận ra ngay từ đầu rằng chúng tôi đang đứng sai vị trí. Tôi ngưỡng mộ Michael Foot nhưng ông ta là một sự lựa chọn viễn vông so với Denis Healey.

Cherie được lựa chọn ở điểm bầu cử Thanet North, bao gồm cả vịnh Herne và quận Margate, cuối cùng, cô ấy đã không thắng được chiếc ghế của Đảng Bảo thủ. Cherie được yêu cầu ứng cử và cô đồng ý, nhưng chưa bao giờ thực sự được cơ cấu để trở thành nghị sĩ. Và bởi vì niềm đam mê của tôi lớn hơn, nên cô ấy thấy rằng mình thích hợp với nghề luật sư hơn. Với bằng cấp hàng đầu trong giới chuyên môn và nằm trong nhóm dẫn đầu của các kỳ thi khi học đại học – cô ấy sẽ trở thành một luật sư tốt hơn tôi.

Việc chấp nhận là một ứng cử viên của Cherie cho tôi thêm một cơ hội để gây ảnh hưởng. Cha Cherie khá thân với Tony Benn và đã nhờ ông ta tổ chức một buổi nói chuyện với các đảng viên Công Đảng tại Margate. Tôi được giao nhiệm vụ đón Benn từ nhà ở gần Công viên Holland. Tony lúc đó giống như một báu vật quốc gia, trong khi trước đó dưới con mắt của phần lớn thành viên Đảng Bảo thủ và những thành phần trung lập, ông ta là một con quỷ. Ông ta không chỉ độc đoán, mà còn có thể làm mọi người thật sự ghê tởm với những cơn thịnh nộ liên miên của mình. Ông ta là kẻ bị căm ghét nhất trong tất cả những kẻ bị căm ghét của phần lớn giới truyền thông – những người lại phong ông ta là anh hùng của phần lớn phe cánh tả.

Tôi chưa bao giờ nghe ông ta phát biểu trước đó. Tôi ngồi mê mẩn, hoàn toàn bị mê hoặc và được truyền cảm hứng. Tôi tự nhủ giá mà chỉ duy nhất mình có thể nói như thế. Gây ấn tượng với tôi không phải là nội dung bài phát biểu – tôi không đồng tình với nhiều điều trong đó – nhưng sức mạnh của nó, khả năng sử dụng ngôn ngữ để lay động lòng người, không đơn giản chỉ ẩn chứa sự thuyết phục mà là sự giục giã. Hàng ngày, hàng tuần sau đó, tôi ngồi ngẫm lại tất cả những điều đó. Có thể với ông ta bài phát biểu đó chỉ là một việc rất nhỏ trong tuần và không có gì đặc biệt, nhưng với tôi đó là sự soi sáng.

Trước tiên, đó là sự tự tin tuyệt đối của ông ta. Ngay từ đầu, khán giả cảm thấy vô cùng thư thái

và sẵn sàng lắng nghe, bởi họ biết tâm lý của diễn giả cực kỳ tốt. Khi ông ta bắt đầu và nhìn vào mọi người, bao trùm lên bầu không khí xung quanh là sự im lặng, sự chắc chắn đầy sinh lực. Đó là biểu hiện của sự tự tin. Ông ta làm chủ chúng, dễ dàng và tự nhiên.

Thứ hai, ông ta sử dụng khiếu hài hước. Nếu ai đó có thể làm bạn cười, nghĩa là bạn đã nằm trong tay họ. Sự căng thẳng giữa diễn giả và người nghe sẽ biến mất khi hai bên hiểu nhau.

Thứ ba, có một mạch tư tưởng xuyên suốt bài phát biểu, một chủ đề duy nhất. Đôi khi ông ta hơi lạc đề một chút và các chủ đề lu mờ trong giấy lát, nhưng rồi luôn quay lại với chủ đề chính ngay sau đó.

Thứ tư, chủ đề được xây dựng từ trước và bài bản chứ không phải từ trên trời rơi xuống. Mặc dù, được giới thiệu sơ qua lúc đầu, nhưng chủ đề chỉ thực sự hiện ra rõ ràng khi từng lớp, từng lớp ngôn từ cấu tạo nên nó xuất hiện và bất ngờ liên kết với nhau, kết quả đạt được thật thuyết phục và bạn cho rằng chỉ có những kẻ ngoan cố mới không nhìn thấy sức thuyết phục của nó.

Trên đường về, chúng tôi nói chuyện về lực lượng vũ trang. Tôi muốn biết quan điểm của ông ta về phái theo chủ nghĩa Trotsky đang thâm nhập vào Công Đảng. Tôi đang đại diện cho một đảng phái chống lại chủ nghĩa Trotsky một cách hợp pháp, tôi đã nghiên cứu bản thân họ và các phương pháp của họ, tôi biết rằng không có cách cư xử nào khác ngoài cách đánh bật họ. Tony không đồng ý và tôi đã chỉ ra điểm yếu cơ bản trong lập trường của ông ta: ông đang chìm đắm trong vai trò của một người lý tưởng hóa, một người cầm cờ, một con người của các nguyên tắc đối lập với các nghị sĩ tham danh vọng vô nguyên tắc. Ông không đương đầu với những kẻ thực sự đang ngăn chặn chủ nghĩa lý tưởng. Ông là một người thuyết pháp chứ không phải là một vị tướng. Và chiến tranh thì không được quyết định bởi những người thuyết pháp.

Mười một năm sau, tôi trở thành thủ lĩnh Công Đảng khi mới bước sang tuổi 41. John Smith, người tiền nhiệm của tôi qua đời vào ngày 12 tháng Năm năm 1994. Ông ta chỉ mới tại nhiệm trong 2 năm và là một hình tượng xuất sắc: Bộ trưởng trong Chính phủ Công Đảng cuối cùng, một thành viên tài ba của hội đồng cố vấn Nữ hoàng, một nhà tranh luận xuất chúng trong Hạ viện, bạn thân của Derry và Donald Dewar và là một trong những người cần trọng, đúng mực và thông minh nhất mà chúng ta biết. Bằng cách tương đối khác thường, ông đã giúp đưa tôi vào Nghị viện năm 1983 và nhờ đó giờ đây tôi đã trở thành thủ lĩnh Đảng. Khi cuộc bầu cử bên lề Beaconsfield sắp đến gần vào tháng Năm năm 1982, tôi nghĩ đến việc tranh cử, hầu hết mọi người khuyên tôi từ bỏ vì không có hy vọng cho Công Đảng. Trái lại, John đã cho tôi biết lý do chính đáng để làm vậy. Không ai có thể đổ lỗi cho tôi, tôi có thể thu hút được sự chú ý của cả nước và có một vị trí tốt hơn để giành một ghế trong cuộc bầu cử tới. Và ông đã đúng.

Sau thất bại năm 1992, lần thứ hai, Neil Kinnock thua cuộc, John là sự lựa chọn hiển nhiên cho vị trí thủ lĩnh. Ông đã giải quyết tuyệt vời hậu quả của sự sụp đổ Cơ chế Tỷ giá Hối đoái, khi nước Anh bị ném ra khỏi tiền thân của Liên minh Tiền tệ một cách không thương tiếc và tháng Năm năm 1994, ông đã dẫn đầu trong một cuộc bỏ phiếu tín nhiệm, mặc dù không thu hút được nhiều sự chú ý.

Nhưng John có vấn đề về sức khỏe. Năm 1988, ông bị một cơn đau tim nghiêm trọng trong thời gian giữ cương vị Bộ trưởng Tài chính đối lập. Gordon đảm đương vị trí đó thay John một cách tốt đẹp, qua đó khẳng định mình là một nhân vật đầy triển vọng. Sau một vài tháng nghỉ, John trở lại tiếp tục vị trí của mình và có vẻ hồi phục. Tuy nhiên, ông ta chưa khỏe hẳn và vẫn phải chịu đựng cơn đau do lối sống của mình. John bị béo phì và mặc dù có thói quen đi bộ, nhưng ông ta cũng là một tay nghiện rượu. Ông ta có thể uống theo cách mà tôi chưa từng thấy từ trước tới nay, điều đó không có nghĩa là ông ta uống ngay cả khi cần tỉnh táo – ông ta rất chuyên nghiệp – nhưng nếu có một huy chương Olympic về khoản bia rượu, chắc chắn John sẽ thi đấu áp đảo đến nỗi chỉ sau một vài vòng, toàn bộ đối thủ sẽ lắc đầu và tự xin rút khỏi sàn đấu.

Khi John dẫn đầu đoàn đại biểu mà tôi là một thành viên đến Trung Quốc vào những năm 1980, chúng tôi đã gặp gỡ một vài quan chức địa phương ở Thượng Hải. Đó là một buổi tối chuẩn choáng với một lượng lớn rượu Whisky, rượu Mao Đài và bia. Suốt buổi tối, chúng tôi liên tục nâng cốc chúc mừng, sau khi đã ngà ngà say, một lãnh đạo Trung Quốc đấu rượu với John. Tay Trung Quốc uống khá và đây là lần cân bằng nhất mà tôi từng thấy, nhưng cuối cùng John vẫn chiến thắng (tôi đã chuyển sang uống trà xanh từ vài giờ trước đó). Sau khi đã hạ gục tất cả thì ông ta liên tục hát đi hát lại một bài hát sôi động “Auld Lang Syne” (tạm dịch: Ngày xưa) với đoạn điệp khúc khó hiểu.

John thích tụ tập bạn bè, ông ta thích đi vào phòng hút thuốc ở Hạ viện sau khi bỏ phiếu, nơi mà trong những ngày đó thành viên Đảng Bảo thủ và Công Đảng đứng lẫn với nhau vui vẻ. Vấn đề chính trị được tạm gác sang một bên trong ít phút, nơi mà F. E. Smith và Churchill ngồi nói chuyện với nhau một cách thân mật như trước, bất kể những lời qua tiếng lại trong Hạ viện (thậm chí có cả những ngôn từ chỉ trích nhau nặng nề). Ngày nay, những tình bạn như thế dường như rất hiếm. John thích nói chuyện, hồi tưởng những chuyện cũ và thư giãn. Nhậu nhẹt cũng là một hình thức thư giãn, về mặt này, John giống Derry. Họ không bao giờ uống trước một sự kiện lớn, nhưng khi hai người họ ở cùng nhau trong lúc rảnh rỗi thì sẽ có một bữa nhậu hoành tráng, có khi bắt đầu từ trưa và kéo dài đến đêm.

John uống rất nhiều. Điều đó có nghĩa John cứ uống không ngừng nghỉ, không có dấu hiệu mệt mỏi hoặc cơ thể biểu hiện bị ảnh hưởng bởi rượu. Đối với tôi, chỉ cần vượt qua giới hạn một chút thôi, tôi có thể bị ốm, buồn ngủ và chắc chắn sẽ bị hành hạ trong mấy ngày tiếp theo; nhưng Derry và John có thể dậy sớm vào sáng hôm sau và tán gẫu, cũng như có đủ khả năng đối mặt với một ngày đầy thử thách đang chờ đợi.

Dĩ nhiên, sau cơn đột quỵ, John phải kiêng rượu bia và nhờ thế ông ta giảm cân và bỏ ra được hơn một trăm chai Munro (một loại rượu được đặt tên theo tên dãy núi ở Scotland cao trên 1 nghìn mét) – nhưng với sức ép từ việc nắm vị trí thủ lĩnh đảng, đến giai đoạn 1993 và 1994, tôi thấy ông uống còn nhiều hơn trước. Ông nghĩ mình đã già, vì thế ông cư xử như một người già. Một lần nữa, tôi phải nhấn mạnh rằng uống nhiều rượu không hề ảnh hưởng đến kết quả công việc của John; việc đó diễn ra vào cuối ngày, trong kỳ nghỉ hay buổi tối với bạn bè, nhưng sức khỏe của ông còn tồi tệ hơn ông tưởng (hay đúng hơn là ông không muốn chấp nhận sự thật), bỏ ngoài tai những lời nhắc nhở liên tục của Elizabeth, người vợ và là tình yêu lớn trong đời, ông cảm thấy khó mà xa được những cuộc vui và bạn bè.

Tối 11 tháng Năm năm 1994, diễn ra buổi gây quỹ cho cuộc bầu cử Liên minh châu Âu sắp tới. Tất cả thành viên Nội các Đối lập tập trung tại một khách sạn khá lịch sự ở London, chẳng có gì khác lạ ngoài sự sang trọng hơn thường thấy ở Công Đảng, khi chúng tôi tìm kiếm lý do khẳng định việc hạn chế hỗ trợ kinh doanh.

Tôi chỉ là một khán giả ở đó chứ không phát biểu, tôi ngồi tại ghế đại biểu lẫn trong một vài thành viên Nội các Đối lập, những người có thể tiên cáo lui nếu có công chuyện. John xuất hiện cùng Elizabeth chào mừng mọi người. Tôi nhìn thẳng vào mắt ông ta khi nói chuyện và nhận ra rằng ông ta có vẻ rất mệt mỏi. Tôi vẫn nhớ bài diễn thuyết khá tốt của John, tuy không được như mọi khi. Mặc dù vậy, nó cũng kết thúc rất hay bằng câu: “Chúng ta chỉ đòi hỏi một việc, đó là cơ hội được phục vụ tổ quốc”.

Bản thân tôi rất nóng lòng muốn ra về, sáng hôm sau tôi phải làm việc từ rất sớm, bay đến một điểm vận động tranh cử ở Aberdeen. Con gái Kathryn của tôi mới 6 tuổi và thường xuyên thức dậy vào nửa đêm, ngay cả Nicky và Euan, mặc dù lớn hơn, nhưng cũng không chắc là chúng sẽ ngủ một mạch hoặc không thức dậy quá sớm, nhất là những hôm mặt trời lên sớm. Dù gì đi nữa thì giấc ngủ của tôi thường bị gián đoạn, nên tốt hơn cả là tôi nên về nhà và nghỉ ngơi. Tôi lịch sự thu xếp ra về sớm nhất có thể và trở lại Richmond Crescent.

Sáng hôm sau, tôi đáp xuống sân bay Aberdeen vào khoảng 9 giờ, sau đó tôi được chở đến trụ

sở chính của đảng để trình bày văn tắt cho chiến dịch tranh cử. Trên đường đi, văn phòng chính của đảng ở London đã điện thông báo rằng John vừa bị đột quỵ, không ai dám chắc ông có qua khỏi không.

Ít phút sau, Gordon gọi điện thông báo tin bất ngờ. Chúng tôi thỏa thuận sẽ nói chuyện khi tôi về trụ sở. Tôi nhận được một cuộc gọi khác khi vừa dừng xe, John đã ra đi. Tôi cố gắng tự trấn tĩnh mình, ông giữ một vị trí rất quan trọng trong cuộc đời tôi và tôi rất quý mến ông. Chúng tôi đã có nhiều trải nghiệm cùng nhau cả trong công việc lẫn cuộc sống. Tôi biết điều gì sẽ đến khi John ra đi: mặc dù mọi người đang cố gắng chấp nhận sự thật, họ đang đau buồn, họ đang nghĩ về John như một nhà lãnh đạo chính trị, một người bạn, nhưng họ cũng không quên hướng sự chú ý sang một câu hỏi luôn được đặt ra ngay sau khi người thủ lĩnh ngã xuống, ai sẽ là người thay thế?

Đó là thời điểm tôi có sự chuẩn bị một cách vô thức. Nhiều năm qua – ít nhất từ năm 1992 – tôi luôn cho rằng Gordon sẽ là thủ lĩnh. Tôi không chỉ vui mà còn hạnh diện vì điều đó, tôi không mấy hứng thú với vị trí đó. Tôi thừa hiểu những trách nhiệm to lớn và cả những khó khăn của công việc này. Không, nếu ai đó có thể đảm đương nó, tôi sẽ là người phụ tá đặc lực và trung thành. Với tôi thế là đủ.

Tuy nhiên, năm 1992, chúng tôi đã thất bại bốn lần liên tiếp. Hơn thế nữa, số phiếu bầu của chúng tôi chỉ dao động xung quanh mức 32%. Sau 30 năm cầm quyền của Đảng Bảo thủ, giữa thời buổi suy thoái kinh tế mà họ cũng góp phần gây ra, tỷ lệ phiếu bầu của chúng tôi vẫn đạt mức trần 32%. Tại sao? Với một số người, cải cách bầu cử có thể khá đúng đắn. Dù chúng tôi có làm tốt thế nào giữa lúc thời thế đổi thay thì khi ngày bầu cử tới, cả đất nước vẫn quay về niềm tin cổ hữu của họ. Đó là tinh thần chung trong lối suy nghĩ của những đảng viên Công Đảng và cũng là nhận xét từ phía công luận.

Với tôi, tư tưởng chủ bại như vậy không quá xa sự vô lý. Tại sao kết quả lại như vậy? Ngay từ đầu, trước cả đợt bầu cử tôi tham gia ứng cử vào Quốc hội năm 1983, tôi đã nhận ra vấn đề của Công Đảng là đã tự thân vận động. Chúng tôi không tiến lên nhờ bất cứ mối liên hệ nào với thế giới hiện đại. Về cơ bản, chúng tôi thu hút được hai nhóm người: những người ủng hộ Công Đảng truyền thống và những người đứng trên quan điểm ủng hộ chủ nghĩa xã hội hay nền dân chủ xã hội thông qua sự trưởng thành về mặt trí tuệ của họ. Rất nhiều nhà hoạt động công đoàn thuộc về nhóm thứ nhất, tôi lại là thành viên của nhóm thứ hai. Không nhóm nào có thể được gọi là “chính thống” và họ phải cùng nhau hợp thành một tổ chức đủ lớn mạnh để giành chiến thắng và lãnh đạo đất nước.

Hơn thế nữa, quy mô của nhóm thứ nhất đang ngày càng thu hẹp. Thời của những nhà hoạt động công đoàn trong các tổ chức thương mại cũ đã qua rồi, cùng với sự sa sút của nhiều ngành công nghiệp mà họ chiếm ưu thế như than đá, thép, đóng tàu và dệt may. Những ngành công nghiệp mới, đặc biệt là những ngành được hỗ trợ bởi công nghệ kỹ thuật hiện đại, ngành dịch vụ hiện đại không được các nhà hoạt động công đoàn coi là sự kết hợp tốt với chính trị. Quan trọng hơn, không ai trong số họ làm việc trong các ngành mới đó. Các cuộc họp, những quy tắc hay nét văn hóa của các tổ chức công đoàn này đã trở thành điều gì đó ấu trĩ, lạc hậu, khó có thể cứu vãn. Một vài nhà hoạt động công đoàn đã nhận ra điều này và cố gắng thay đổi nhưng số người có tư duy bảo thủ quá lớn, bị bao bọc bởi mong muốn làm lãnh đạo nên họ thấy không cần thiết phải thay đổi. Họ có thể thấy điều đó quan trọng hoặc đôi khi thể hiện thái độ quan tâm tới điều đó, như trong quá trình phát triển chung của công đoàn ngành dịch vụ, nhưng chúng diễn ra không thực sự mạnh mẽ. Họ không nhận ra rằng: Đổi mới hoặc là chết. Không một cuộc tổng tuyển cử nào đưa ra được một nhận định xác đáng về tình trạng công đoàn hiện nay, trong khi đó số lượng thành viên, sự hỗ trợ và các tổ chức liên quan ngày một giảm. Thật không may họ vẫn là những người có thể lực và có ảnh hưởng trong Công Đảng, nơi mà việc họ được trưng cầu ý kiến thực ra chỉ là một hành động mang tính hình thức.

Bên cạnh đó, bản chất của chính những vị lãnh đạo công đoàn cũng đang thay đổi. Những

người lãnh đạo của thời kỳ đầu và giữa thế kỷ XX như Ernie Bevin hay sau này là Jack Jones là những người thực sự vĩ đại. Họ đều là những người thuộc tầng lớp lao động, thông qua những cuộc hội họp, qua trường lớp và hội thảo, họ đã đạt được những gì mà xã hội giáo dục đã từ chối cung cấp cho họ và họ trở thành những tấm gương tiêu biểu cho việc tự hoàn thiện mình. Khi đó, các cuộc họp luôn đầy ắp các thành viên với hàng trăm người tham gia một buổi họp ở chi nhánh. Đó là những đấu trường thường được điều hành một cách nghiêm túc, nơi họ tranh luận, bàn bạc và ra quyết định. Họ cần những phẩm chất của một nhà lãnh đạo thực thụ, những chiến lược và chiến thuật để nâng tầm sự nghiệp đấu tranh vốn cần thiết và theo lẽ phải.

Những người thợ mỏ già dành cả cuộc đời trong khu mỏ vùng Đông Bắc từng nói với tôi về những nghi thức trang trọng của những cuộc họp như vậy, tầm quan trọng của chúng trong cộng đồng, cao quý nhất là ý nghĩa của chúng trong lòng người dân địa phương. Được đứng trong hàng ngũ các vị chức trách của chi hội là một vinh hạnh. Được trở thành một cán bộ nghĩa là bạn có thể đặt chân lên đến đỉnh vinh quang. Ví dụ người đứng đầu khu mỏ Durham, Sam Watson, nhà lãnh đạo nổi tiếng của thập niên 50 của thế kỷ XX đã nắm giữ một vị trí với quyền lực thực sự. Khi Attlee trở thành lãnh đạo Công Đảng và nếu có một đề xuất thiếu minh bạch được đưa lên, ông ta sẽ nói: "Không thể thực hiện được. Sam Watson sẽ không ủng hộ điều đó đâu".

Tuy nhiên, tất cả những phong trào tiến bộ đều phải thận trọng với những thành công của chính họ. Những cải cách họ mang lại đã tái tạo xã hội mà họ đang sống và họ ngược lại cũng thay đổi bản thân để thích ứng, nếu không, họ chỉ là âm thanh dội lại của một tiếng vang lớn, chẳng hề có tác dụng gì. Khi ảnh hưởng của chúng giảm dần, số người ủng hộ ít ỏi lại càng tỏ ra giận dữ, họ chỉ quan tâm tới việc giữ gìn vị trí đang ngày càng suy giảm của mình chứ không nhận ra rằng tiếng nói của thời gian đang tới và họ phải lắng nghe trước khi cất lời. Điều này xảy ra ở mọi tổ chức. Đối với những người bị dẫn dắt bởi suy nghĩ rằng hãy cứ đương đầu với chúng đi và ta sẽ hiểu thêm được nhiều điều thì suy nghĩ này thực sự rất nguy hiểm. Những người lãnh đạo mới của các công đoàn có xu hướng bắt chước những thế hệ trước đến mức mà mọi nỗ lực của họ sẽ trở thành vô nghĩa ngoại trừ việc duy trì tinh thần của những người chỉ muốn đi theo vết chân cũ.

Khi đảm đương một vị trí ở công đoàn, Margaret Thatcher không tỏ ra là một người giấu giếm những ý tưởng mới. Điều đó đã từng xảy ra khi Harold Wilson và Barbara Castle thể hiện quan điểm này trong chính sách "Ở nơi xung đột", còn Edward Heath đưa đến ý tưởng mới với Luật Quan hệ Công nghiệp năm 1971. Cả hai đều nỗ lực đưa sức mạnh công đoàn vào sự kiểm soát của luật pháp thông thường. Sự khác biệt nằm ở chỗ, khi bà lên nắm quyền, rõ ràng một cuộc đả kích vào những biệt đãi mà công đoàn có được đã thất bại và cho thấy chỉ một sự thay đổi triệt để mới có thể thành công. Bà có những phẩm chất thích hợp, tố chất lãnh đạo và trí thông minh đủ để biến điều đó thành hiện thực.

Bên cạnh đó, bà ấy cũng nhận được sự giúp đỡ to lớn từ phía đối thủ của mình. Khi Arthur Scargill trở thành lãnh đạo của những người thợ mỏ và phong trào đình công những năm 1984 - 1985 bắt đầu diễn ra, bà đã lựa chọn sự trung lập giữa một bên là Thủ tướng cánh hữu, người đã được dân bầu chọn là người đứng đầu đất nước và đánh giá đúng sức mạnh quá giới hạn của công đoàn và một bên là một thủ lĩnh công đoàn cánh tả, không theo chủ trương dân chủ và hoàn toàn không quan hệ với thế giới bên ngoài.

Khi thăm dò ý kiến của những thành viên còn lại của Công Đảng sau đợt bầu cử năm 1983, tôi hiểu rằng đã đến lúc cần phải thay đổi. Công đoàn đơn giản không thể hỗ trợ một đảng chính trị hiện đại nếu nó muốn trở thành một đảng cầm quyền.

Cùng lúc đó, tôi đã nghĩ đến một kết luận khác, liên quan đến nhóm thứ hai tham gia ủng hộ đảng. Nhóm trí thức Fabian (nhóm xã hội chủ trương cải cách theo từng giai đoạn) của Công Đảng có truyền thống lâu đời và nhận được sự kính trọng. Những người chủ chốt có vai trò định hướng, đa số sinh trưởng trong những gia đình giàu có nhưng luôn cảm phần trước mọi

bất công và là các nhân vật có ảnh hưởng lớn. Giống như George Orwell, Hugh Dalton, Stafford Cripps, thành viên Câu lạc bộ Sách Cánh tả Mới (New Left Book Club) và hội Haldane, họ là những người uyên bác, tận tâm, nhiệt huyết với cách tiếp cận vấn đề mang đậm chất trí thức. Tony Benn là một ví dụ tiêu biểu. Tony Crossland cũng là một cái tên gây chú ý (thực tế, ông ta là thầy giáo của Benn ở trường Oxford). Cũng giống như tôi, suốt những năm tháng đại học, họ có xu hướng thiên về cánh tả. Trong tòa nhà trí tuệ được con người tạo nên đó, họ đã hình thành những suy nghĩ về sự bất công của chế độ, quá trình chuyển biến nhận thức nảy sinh từ việc nhận ra rằng điều kiện xã hội mới chính là nguyên nhân sâu xa của việc có được cơ hội hay thiếu cơ hội, việc tiếp xúc với những ý tưởng như vậy làm thay đổi quan điểm về cuộc sống của họ. Một khi đã thay đổi, họ trở thành những người ủng hộ nhiệt tình cho các hoạt động xã hội, hoạt động của đảng, của công đoàn và những người thuộc tầng lớp lao động, những người cần phải được giải phóng khỏi những điều kiện sống thiếu thốn về nhà ở, giáo dục và chăm sóc y tế.

Tôi đã mất khá nhiều thời gian để nhìn ra vấn đề mà nhóm thứ hai gặp phải: mặc dù, họ quan tâm tới người dân nhưng không “cảm nhận” cuộc sống giống như những người dân ấy. Nhóm thứ hai giống như nhân vật Georges Duhamel, người nói “Tôi yêu mọi người nhưng đó cũng chính là những người mà tôi không chịu đựng nổi”. Ý tôi không phải là họ sống tách biệt hay khó ưa, mà trái lại, họ còn vui vẻ và rất cuốn hút, nhưng họ lại không mang tới “cảm hứng”. Họ quá bằng lòng với lợi ích chính trị hiện tại của mình. Họ nỗ lực góp phần vào việc giảm thiểu bất công và bất bình đẳng trong xã hội nhưng lại không tiên liệu được tương lai. Tầng lớp bản cùng của xã hội mong muốn ai đó lo lắng về hoàn cảnh của họ, sau đó là hành động, nhưng khi những người này thoát nghèo, họ tìm mọi cách để càng ngày càng giàu hơn. Nói cách khác, với một người như vậy, tham vọng, cảm hứng, sự nghiệp, tiền bạc, đảm bảo cuộc sống cho gia đình hay tạo điều kiện cho tương lai của con cái họ quan trọng hơn những bất công và bất bình đẳng mà họ đã từng phải chịu. Mong ước lớn nhất của cha tôi là tôi được đi học ở trường tư, không phải là bất cứ trường tư nào mà là ở Fettes bởi ông nghĩ và được biết là đó là trường tư tốt nhất Scotland.

Giới trí thức lại không thực sự hiểu được quá trình này hoặc nếu có thì họ lại phản đối. Họ muốn tôn vinh tầng lớp lao động, chứ không phải là biến tầng lớp đó trở thành tầng lớp trung lưu, nhưng trung lưu lại chính là điều một người lao động bình thường mong muốn mình hoặc con cái mình đạt được. Niềm tin của giới trí thức về sự bình đẳng được hiểu một cách nguy hiểm là bình đẳng về thu nhập, chứ không phải là bình đẳng về cơ hội, nhưng cái thứ hai mới là bản chất của giải phóng. Mục tiêu bình đẳng về thu nhập, nếu đạt được, sẽ nhanh chóng trở thành vật cản cho sự phát triển. Cơn bốc đồng của nhiều người trong số đó lại được sự hỗ trợ của giới trí thức chân chính cho rằng cần phải ưu đãi nhân tài chứ đừng áp dụng chủ nghĩa bình quân, họ muốn được trợ giúp để leo lên thang, nhưng một khi đã lên được thì họ cho rằng việc có leo được hay không là do họ quyết định.

Thập niên 1980 mở đường cho thập niên 1990 và những thất bại liên tiếp vẫn ò ạt kéo tới, tôi càng lúc càng bị thuyết phục bởi suy nghĩ rằng có vẻ như Công Đảng đang thiếu một vài tố chất cần thiết để trở thành đảng cầm quyền. Chúng tôi sẽ tìm kiếm sự trợ giúp của các doanh nghiệp ở đâu? Đâu là sợi dây kết nối chúng tôi với các doanh nhân? Trên hết, những người mang lại cảm hứng, những người đã làm tốt nhưng vẫn muốn làm tốt hơn nữa, những người tuy ở dưới đáy xã hội nhưng vẫn khao khát vươn lên, họ ở đâu? Giới trí thức đã đúng khi nói rằng điều kiện xã hội quyết định thành công trong cuộc sống, nhưng chỉ một phần thôi. Còn lại là sự chăm chỉ nỗ lực, tố chất, sự quyết tâm, can đảm, đứng lên sau khi ngã. Ở đâu có những con người như thế? Chẳng nơi nào, tôi kết luận như vậy.

Ngay cả khi trở lại năm 1983, khi tôi vẫn giữ ý kiến về vấn đề quốc hữu hóa và vấn đề quân sự mà đến thời Tony Blair 1994 vẫn bị nhạo báng, tôi hiểu rằng chúng tôi là một đảng không đứng trong thời đại của mình. Nhưng tôi cần phải hết sức thận trọng. Tôi gần như đã không thể trở thành một ứng viên vào năm 1983 bởi quan điểm của tôi về việc hiện đại hóa Công Đảng bị coi là dị giáo.

Tuy nhiên, tôi không thể giữ được chiếc mặt nạ trượt ra hết lần này đến lần khác. Ngay sau cuộc bầu cử 1983, là một thành viên mới của Quốc hội, tôi tham gia vào cuộc mít tinh hậu bầu cử tại Spennymoor Town Hall. Chúng tôi đã thua một cách thảm hại, còn tồi tệ hơn cả năm 1979, bởi khi đó có một cuộc suy thoái lớn. Công Đảng đã bị đánh bại.

Cuộc mít tinh có chủ đề: Những bài học từ Thất bại. Lời quảng cáo trên tờ rơi đã cho thấy đây sẽ là một cuộc tranh luận thẳng thắn. Tôi đã làm luật sư gần 8 năm và đã quen với việc sử dụng chứng cứ, khảo cứu tỉ mỉ, phân tích, mô phỏng và đưa ra kết luận. Tôi được đào tạo để trở nên duy lý trong quá trình tư duy của mình. Kết luận của tôi: chúng tôi đang ở trong trạng thái bị hủy diệt nặng nề. Thất bại tồi tệ nhất từ trước đến nay. Hơn thế nữa, từ những điều đã học được khi vận động tranh cử cá nhân, ngay cả những người bỏ phiếu cho chúng tôi thường xuyên đã nói với tôi rằng, họ làm vậy mà không hề nghĩ gì đến những chính sách và phương thức lãnh đạo của Công Đảng, chính sách không phải là lý do để họ bỏ phiếu.

Từ năm 1979 đến 1983, Tony Benn đã biểu diễn “trò ảo thuật chính trị”. Anh ta thuyết phục Công Đảng rằng nguyên nhân chính dẫn đến sự thất bại của chúng tôi trước Margaret Thatcher vào năm 1979 chính là vì Jim Callaghan, Thủ tướng của Công Đảng là người quá thiên về cánh hữu. Kỳ lạ, tôi biết, nhưng đó là sự thật. Chính bởi bị thuyết phục nên Công Đảng đã chuyển hướng thân cánh tả và ủng hộ đơn phương giải giáp vũ khí hạt nhân, ra khỏi châu Âu và quốc hữu hóa toàn bộ. Đây là một thành tựu đáng kể, nhờ phần lớn vào công sức thu hút và nghệ thuật thuyết phục tài tình của Benn. Trong chốc lát, gần như ông đã có thể chiến thắng trong cuộc bầu cử Phó Thủ tướng và trở thành một phe quyền lực chiếm ưu thế trong đảng. Đối thủ của ông là Denis Healey, cựu Bộ trưởng Tài chính của Công Đảng, người đã phải đưa ra những quyết định khó khăn để tìm lối thoát cho nền kinh tế Anh sau khi chúng tôi gia nhập Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) để được trợ giúp vào năm 1976. Nếu như Benn chiến thắng thì đây sẽ là một thất bại cho cả bộ máy lãnh đạo và rất có thể Michael Foot sẽ nhanh chóng bị ông ta lật đổ. Điều này đã được ngăn chặn một cách kín đáo nhưng theo hướng thiên tả, Công Đảng bị chia rẽ. Một đảng mới hình thành ở trung tâm, Đảng Dân chủ Xã hội và nhanh chóng nhận được sự ủng hộ lớn từ những cử tri tân tiến của Công Đảng.

Vì thế, bạn có thể suy luận hợp lý rằng quãng thời gian từ năm 1979 đến 1983 hoàn toàn là một thảm họa và một điều gì đó đã đi chệch hướng dẫn đến các sai lầm khủng khiếp. Quá rõ ràng rồi, tôi cho là vậy.

Đề dẫn của buổi họp dường như để chỉ ra những người mong muốn học hỏi. Ban chủ tọa bao gồm tôi là thành viên Nghị viện địa phương, Dennis Skinner, dẫn đầu cánh tả tại thời điểm đó và rất nhiều thành viên công đoàn khác. Chỉ duy nhất một kẻ ngây thơ hay ngớ ngẩn như tôi mới nghĩ đó sẽ là một cuộc thảo luận công bằng và thẳng thắn.

Giờ tôi đã được chọn là ứng viên Công Đảng cho vị trí đối lập với sự lựa chọn quá thiên về cánh tả, một người tên là Les Huckfield. Ông ta thực sự là một hiện tượng chính trị thú vị và chỉ có mặt để đưa ra những mặt trái mà chính trị mang tới cho mọi người. Thập niên 1960, ông là thành viên Nghị viện trẻ nhất của Công Đảng, một người ôn hòa, một ngôi sao đang lên, một bộ trưởng. Tuy nhiên, vì những lý do được cho là liên quan đến tham vọng mà lẽ ra có thể được giải thích thỏa đáng, ông ta đã làm Benn trở thành một hiện tượng, một người được trả tiền hậu hĩnh để trở thành người cực tả. Trong khi khu vực bầu cử của ông ta không có tên trong danh sách tổ chức lại các khu vực bầu cử trên toàn quốc, thì khu vực Sedgefield lại nghiêm nhiên có tên trong danh sách này, liền sau đó, ông ta đã đi khắp đất nước, cố gắng lật đổ những thành viên Nghị viện đương nhiệm trong đợt tái bầu cử của họ. Bằng nhiều cách khác nhau, những cánh cửa của các hộ gia đình luôn luôn đóng im ỉm và ông ta giống như một ai đó từ Transylvania đi khắp các làng mạc và bắt gặp những túi tỏi và cây thánh giá treo trên mỗi cánh cửa để xua đuổi tà ma. Nhưng quái quỷ thay, ông ta gần như thành công ở Sedgefield và may mắn nhờ có tài tổ chức của John Burton, một đồng minh trong đợt bầu cử của tôi và sau trở thành người đại diện của tôi mà mọi sự đã được ngăn chặn. Thất bại của Les Huckfield khiến ông ta bị sốc nặng và quá tức giận. Những lời đồn đại từ đại bản doanh bầu cử của ông ta cho

thấy họ hướng tới việc loại bỏ tôi và đưa ông ta vào trận chiến tái bầu cử kế tiếp. Vì vậy, tất cả những thứ ông ta làm đều bất chính.

Dù sao thì tôi cũng là thành viên Nghị viện đại diện cho Spennymoor vì thế tôi lên tiếng trước. Tôi đứng dậy và trình bày một bản phân tích kín kẽ, hợp lý và chuẩn xác về nguyên nhân Công Đảng thất bại và bài học có thể rút ra. Tôi đã trình bày các vấn đề hết sức thẳng thắn.

Trong bài phát biểu của mình, tôi thể hiện thái độ khá gay gắt. Công Đảng đã không còn duy trì vị thế như trước. Đảng đã thất bại trong việc tìm hiểu sự thay đổi của xã hội. Có hai điều khiến tôi tự hào: một là thái độ cũ rích của Công Đảng từ thời “tivi đen trắng” (đa số mọi người năm 1983 đều đã có tivi màu) và hai là việc Đảng đơn thuần lặp lại những châm ngôn xưa như trái đất mà chúng ta học được từ thuở bé.

Ngay cả khi tôi cho rằng bài phát biểu của mình có vẻ không làm dịu những bức xúc vào lúc đó, nhưng tôi đã viết ra tất cả mọi thứ ra và không hề chỉnh sửa để nó văn vẻ và dễ nghe hơn. Đó hoàn toàn là những suy nghĩ thực của tôi. Tôi viết chúng ra. Tôi đọc chúng lên. Tôi kết thúc trong tiếng vỗ tay hời hợt từ những người ủng hộ mà John mang tới. Những người còn lại ngồi im và tôi nghĩ đó là lần duy nhất tôi nhìn thấy một điều như vậy, họ ngồi đó, khoanh tay, đồng loạt, nét mặt họ nhăn nhó như thể đang cố gắng nuốt trôi cục tức vậy.

Dennis đứng nhồm dậy. Tất cả đồng loạt, duỗi tay ra và nở những nụ cười giả tạo mang đầy vẻ đề phòng. Họ biết những gì sắp xảy ra. Còn tôi thì không.

Vài năm sau, Dennis là một trong số những người ủng hộ tôi nhất. Dù anh ta không đồng ý với bất kỳ chính sách nào của tôi, nhưng anh ta thích ai đó giáng cho thành viên Đảng Bảo thủ một đòn đau. Mặc dù, tôi không chắc anh ta sẽ cảm ơn tôi vì đã nói như thế không nhưng anh ta đã tỏ ra vui vẻ và tử tế hơn. Đặc biệt, anh ta đã cho tôi những lời khuyên sáng suốt về các Câu hỏi chất vấn Thủ tướng, chỉ ra những điểm yếu của các thành viên Đảng Bảo thủ chính xác đến kỳ lạ, cho tôi những lời nhận xét và giải thích cách khuấy động đám người đó sau lưng. Nhưng quay trở lại thời điểm khi Dennis còn là một kẻ xúi giục bạo động đầu tiên. Anh ta cũng là một thiên tài về lối diễn thuyết mang tính bốn cột phe cánh tả. Anh ta đã đứng trong sân nhà và khai thác những kẻ ngốc còn non nớt mới xuất hiện như mỏ khoáng sản lộ thiên tầm trung bình (anh ta không thích mỏ lớn chút nào bởi vì anh ta đã từng là một công nhân mỏ và đối với anh ta thì những mỏ lớn thường nằm sâu dưới lòng đất).

Chẳng có gì giống với việc bị bẽ mặt trước đám đông, tình huống đó sẽ dạy cho các bạn một bài học. Cuộc họp đã rút ra một số bài học (và cả những bài học sai lầm) từ sự thất bại của Công Đảng. Tuy nhiên, ngày hôm đó tôi đã học được một bài học lớn từ Dennis.

“Vây” anh ta bắt đầu nói, “thành viên Quốc hội mới của anh giả sử là một Dân biểu của Công Đảng (đặc biệt nhấn mạnh vào từ “Công Đảng”), là người có kinh nghiệm trong các vấn đề chính trị của Công Đảng (một lần nữa nhấn mạnh hơn từ “Công Đảng”) cho đến thời điểm này bao gồm (đến đây là đọc từ một mảnh giấy có tính thời gian và kỹ năng đóng kịch đặc biệt) trường Durham Choir, một trường tư không nhận được sự yêu mến của tầng lớp vô sản địa phương; Trường Đại học Fettes, Edinburgh – hay còn gọi là Eton của Scotland như tôi được biết, (nói một mình) mà không phải là cái mà tôi muốn biết [cười lớn và vỗ tay]; Trường Đại học St John, Oxford [nói với vẻ cực kỳ chế nhạo]; và Quán bar (vỗ tay) – và đó không phải là nơi mà bạn mua một panh bia [một tràng cười giòn giã] mà là nơi có rất nhiều các vị luật sư [tiếng huýt sáo]; Vị Dân biểu Công Đảng mới của bạn nghĩ rằng cha ông chúng tôi đã không biết những gì mà họ đang nói đến; rằng đã đến lúc chúng tôi chối bỏ họ; rằng giờ là lúc chúng tôi nói với họ – nhiều người trong số họ chưa bao giờ có nổi một chiếc radio, chưa bao giờ để ý đến một chiếc ti vi đen trắng – rằng họ không thuộc về nước Anh của Thatcher [vẻ mặt của khán giả ánh lên sự ghê tởm]. Vây, hãy để tôi nói cho bạn biết, Anthony Charles Lynton Blair [tên đầy đủ của tôi mà đã một vài lần không may bị in lên trong quá trình diễn ra cuộc bầu cử phụ tại Beaconsfield], cha ông tôi nghèo, đó là sự thực, là những người có địa vị thấp kém, tôi

thừa nhận điều đó; và tôi dám chắc rằng họ hơi lạc hậu một chút về cái nguyên tắc trung thành và đoàn kết của mình; tuy nhiên, HỌ LÀ NGƯỜI TỐT VÀ TỰ HÀO LÀ TÀNG LỚP LAO ĐỘNG.” Những lời nói sau cùng đã làm dậy lên tiếng nhạc kèm theo một tràng pháo tay tán thưởng và những tiếng reo hò, ủng hộ vang trời.

Sau đó, lần lượt từng nhà diễn thuyết đứng lên phát biểu và bạn chưa bao giờ nghe được những câu chuyện đau lòng về sức chịu đựng ngoan cường, về chủ nghĩa anh hùng và về tính thánh thiện của cha ông chúng ta nhiều đến thế. Một số người cho rằng ngày nay họ sống được là nhờ vào sự cống hiến hết mình của cha ông ngày trước; những người khác thì nói về việc các nhà khai thác mỏ đã đứng trên bờ vực của sự phá sản như thế nào cho đến khi được cứu thoát bởi sự can thiệp màu nhiệm của cha ông. Có vẻ như đã có những lời nói bóng gió ám ý rằng có thể thời đại ông bà chúng ta đã từng là tầng lớp quý tộc địa chủ nhỏ, thậm chí có thể là người cai mỏ mà những câu châm ngôn chưa thể hiện hết, nhưng chắc chắn là giống với việc họ áp bức những người dân nghèo khổ đến cùng cực.

Chỉ khi tôi sắp không thể chịu đựng thêm được nữa thì một nhà diễn thuyết cuối cùng, sau khi kết thúc bản dạo đầu về âm nhạc dân gian, đã quay về phía tôi và kết luận bằng một câu nói: “Tôi thấy tiếc là ông đã không hiểu được lịch sử hay truyền thống của những người dân đã lớn lên nơi đây; tuy nhiên, hỡi những người bạn, những đồng nghiệp, anh ta lại là một người như vậy.” Và ở phía sau hội trường, trên những lối đi dạo tại Les Huckfield, tiếng vỗ tay nhiệt liệt vang lên.

Khi tôi loạng choạng bước ra, có những người tránh mặt và rảo bước qua tôi như thể tôi bị mắc bệnh truyền nhiễm, nhân viên của tôi lúc đó (một anh chàng thú vị), George Ferguson và vợ anh ta, Hannah đã ôm lấy tôi. “Đừng lo lắng,” George nói, “anh là người duy nhất ở đó không nói vớ vẩn và tôi cũng là người thuộc tầng lớp lao động giống như bất cứ người nào trong số họ.”

“Ông ta nói đúng”, John nói, “nhưng sau này nên học cách nói hay hơn.” Tôi nói.

Hannah là một người phụ nữ đặc biệt về nhiều mặt. Cô vừa nuôi con mình, vừa nhận nuôi những đứa trẻ khác và cũng là thành viên của Công Đảng, nhưng cô đại diện cho một khía cạnh khác của cái được gọi là “tầng lớp lao động”.

Một vấn đề đặt ra đối với Công Đảng là thuật ngữ này là sự mô tả chung vừa mơ hồ khó hiểu lại vừa sáng tỏ. Tôi kết luận rằng hai dòng tư tưởng khác nhau, đối lập nhau trong cách diễn đạt thể hiện một điểm quan trọng nào đó về nước Anh đương đại. Có thể chúng luôn xuất hiện nhưng sự tiến bộ mang tính xã hội mà Công Đảng góp phần mang lại đã khiến cho tình trạng căng thẳng lên đến cực điểm.

Một dòng tư tưởng phù hợp với việc mô tả về thu nhập, công việc và đôi khi là về hành vi bầu cử; tuy nhiên, lại không phù hợp cho việc thể hiện quan điểm, thái độ. Một dòng tư tưởng chi phối các nhà hoạt động chính trị của tổ chức công đoàn và đảng. Họ có nhiều quan điểm tương tự nhau về phe cánh tả như một phe trí thức, nhưng có xu hướng tỏ ra cứng rắn hơn trên các lĩnh vực chính sách kinh tế.

Dòng tư tưởng còn lại được đại diện bởi những người như George và Hannah, là những người không nắm chính quyền và gần như cách xa trong thế giới phi chính trị của những người dân bình thường nhất. Họ hiểu được nguyện vọng của người dân và tán thành nguyện vọng đó hơn là phản đối nó. Vì vậy, họ tỏ thái độ vô cùng kiên quyết về mặt luật pháp và sự trật tự. Họ tin rằng các điều kiện xã hội cần phải được thay đổi, nhưng họ không bao giờ chấp nhận các điều kiện xã hội là nguyên nhân của hành vi phạm tội.

Ngay sau khi trở thành một thành viên Quốc hội và mặc dù chưa quen lắm với cách thức của Sedgefield, tôi đã phát biểu tại một cuộc họp chi nhánh ở làng Tudhoe nơi Hannah là thành viên. Vấn đề về án tử hình được đưa ra bàn thảo. Một người đã hỏi tôi rằng tôi có ủng hộ điều

đó trong trường hợp giết người không. Giờ đây, tôi đã quen với các vấn đề chính trị ở Islington, mà không phải là ở Durham. Tại Islington, một câu hỏi như thế thật đơn giản. Bạn đưa ra câu trả lời cũ rích; những người lãnh đạo gật đầu; cuộc họp lại tiếp tục. Thực tế, đó là một trong số vài câu hỏi mà tôi có thể đưa ra câu trả lời chung chung thuộc phái tả và vì vậy tôi thích trả lời câu hỏi đó hơn. Vì thế, lúc đó, tôi nghĩ mình đã có một cách đưa ra câu trả lời khá khôn ngoan.

“Không”, tôi tự tin trả lời, “và tôi sẽ nói cho anh lý do tại sao. Nếu tôi chưa sẵn sàng tự treo cổ người đó thì tôi không nên yêu cầu Nhà nước làm việc đó thay cho tôi.” Tôi ngồi xuống và thấy khá hài lòng với chính mình.

“Vậy thì tôi sẽ treo cổ chúng,” Hannah nói to.

“Đồng ý và tôi cũng sẽ moi gan và phanh thây chúng ra,” một người phụ nữ lớn tuổi với vẻ mặt hiền hậu nói và bà cũng được rất nhiều người ủng hộ.

Ngày nay, quan điểm như vậy về vấn đề này hiếm thấy hơn rất nhiều. Nhưng có điều: “Giai cấp lao động” không đồng nhất thành một nhóm như nhiều chính trị gia đã thừa nhận hoặc dựa trên cách lập luận của họ lúc đó. Công Đảng đang mất dần đi dòng tư tưởng mà Hannah là đại diện. Vì vậy, ngay cả khi trở lại năm 1983, mặc dù chưa được hình thành đầy đủ song thái độ thụ động của tôi về mặt chính trị và mặt tri thức thể hiện rõ ràng: Công Đảng phải được cải cách triệt để và không phải chỉ bằng một điều chỉnh, hoặc chuyển giao một vài cấp độ mà phải là công cuộc thay đổi mạnh mẽ phương thức hoạt động, tư tưởng, cương lĩnh và quan trọng hơn cả là quan điểm, thái độ của đảng. Làm như thế nào, làm nhanh bằng cách nào, cái nào cần giải quyết trước, cái nào cần giải quyết sau – tất cả đều là vấn đề sách lược, tuy nhiên, rõ ràng xã hội đang trong giai đoạn cần một mẫu hình chính trị mới và Công Đảng không đơn thuần là quên chú ý đến điều đó mà thực chất là đang ẩn mình trong đó.

Trong cuộc bầu cử năm 1992, tôi là người tiên phong trong phong trào chuyển sang cơ chế hiện đại hóa tuy chậm nhưng chắc của đảng. Tôi thường đi đầu – với vai trò là phát ngôn viên của thành phố, phát ngôn viên về vấn đề năng lượng, nhằm thay đổi quan điểm căn bản của đảng là dựa trên các tổ chức công đoàn khi biện hộ về vấn đề việc làm – nhưng cho đến thời điểm này tôi chưa từng đi quá giới hạn. Tôi là người đi xa nhất trong vấn đề này, nhưng tôi cũng lưu ý việc tiếp cận vấn đề một cách thận trọng và không quá tách biệt với những người khác đến mức có thể bị hạ gục. Tôi đã vận dụng tốt bài học của Dennis: thật vô ích khi bạn nói đúng về những thất bại của tổ chức nếu bạn mất khả năng thuyết phục một phần của tổ chức tin vào điều đó. Bạn phải sử dụng một thứ ngôn ngữ sao cho có thể bộc lộ nội dung bạn muốn nói nhưng không ai có thể vin vào những từ ngữ bạn dùng để tấn công lại bạn, nếu không, có thể bạn sẽ là tấm gương điển hình về một người có lý nhưng không phù hợp để tồn tại trong tổ chức đó.

Cuối cùng, tôi đã đi tới kết luận rằng có hai vấn đề chính trong sự thay đổi của Công Đảng: định hướng đúng nhưng tốc độ thay đổi lại quá chậm; tuy vậy, nghiêm trọng hơn đó là mặc dù rất khâm phục Neil Kinnock nhưng tôi thấy băn khoăn về cách thức mà ông ta đang sử dụng để biện minh cho sự thay đổi.

Mặc dù, Neil là người có ảnh hưởng lớn trong quá trình đưa Công Đảng đến với quyền lực – ông có khả năng lãnh đạo tài ba, đánh bại Militant và đấu tranh với phe Scargill về phong trào công đoàn và cách thức lãnh đạo này cho phép John Smith, sau đó là tôi, thực hiện được những thay đổi cần thiết để giành chiến thắng – đây chính là cuộc tranh luận không bộc lộ bằng lời: Các ông nhìn xem, chúng ta đã thua trong cuộc bầu cử, cử tri không thông qua những chính sách của chúng ta, vì vậy, tôi rất lấy làm tiếc, nhưng chúng ta sẽ phải thay đổi. Thông điệp – rõ ràng dễ chấp nhận hơn đối với các đảng viên – đó là: Đảng cần quyền lực, chúng ta sẽ phải thỏa hiệp với cử tri. Hiện giờ, điều này còn tốt hơn câu châm ngôn nổi tiếng xưa – “Không thỏa hiệp với các cử tri” – được in trên băng rôn khi chúng tôi cố gắng tiến hành cải cách Đảng. Tuy nhiên có vẻ như đảng và các cử tri đang ở hai vị trí khác nhau và vì thế đảng phải đi ngược lại nguyện

vọng của mình. Tôi cảm nhận được rằng: các cử tri đúng và chúng tôi nên thay đổi không phải vì chúng tôi phải làm thế mà là vì chúng tôi muốn thế. Sự khác biệt giữa hai cách tư duy này rất tinh tế nhưng lại là sự khác biệt căn bản.

Theo quan điểm của tôi, chúng tôi cần định hướng lại toàn bộ, từ trên xuống dưới về cương lĩnh và các chính sách. Cụ thể, về mặt ý niệm chúng tôi cần tách biệt sự cam kết theo đuổi các giá trị (đúng vô thời hạn) với việc áp dụng các giá trị đó (đúng trong thời gian hữu hạn). Vì vậy, chúng tôi nên và lúc nào cũng sẽ tranh đấu vì sự công bằng xã hội; tuy nhiên trong tình hình thế giới hiện nay điều đó không có nghĩa là sự kiểm soát về mặt Nhà nước sẽ chặt chẽ hơn. Đồng thời đối với những vấn đề như quốc phòng, luật pháp và an ninh trật tự, khó khăn đặt ra không phải là việc cố đưa ra giải pháp mà là phản ứng nhanh nhạy đối với những thách thức của thế giới hiện đại, trên phương diện toàn cầu hay chỉ trên những góc phố nhỏ.

Tôi cũng đã cố nêu ra vấn đề với John Smith về việc yêu cầu Neil đứng ngoài cuộc đua này. Neil đã lãnh đạo Công Đảng một cách dũng cảm, bảo vệ Công Đảng khỏi bị tiêu diệt về mặt chính trị và đặt nền móng cho Chính phủ; tuy nhiên ông ta đã tranh đấu cho cuộc bầu cử năm 1987 căn cứ vào một bản tuyên ngôn chẳng cử tri nào muốn có và vì bất kỳ lý do gì thì tôi cũng vẫn bị thuyết phục rằng người Anh chưa bao giờ bầu ông ta làm Thủ tướng Chính phủ. Tinh thần chính trị vào cuối thế kỷ XX đang thay đổi. Các đảng vẫn đóng vai trò quan trọng, nhưng do lòng trung thành với đảng đã giảm sút khá nhiều, nên trách nhiệm đặt nặng trên vai người lãnh đạo. Các nhà phân tích chính trị và các chính trị gia muốn nghiên cứu về vấn đề đó hoặc xu hướng bầu cử đó – và thường có nhiều chân lý ẩn chứa bên trong – tuy nhiên luôn có xu hướng đánh giá thấp tầm quan trọng của người lãnh đạo. Ở một mức độ nào đó thì điều này có thể hiểu được – chắc chắn đó là những chính sách có tính chất quan trọng, những biến động xã hội chi phối đến kết quả, các sự kiện quyết định số phận – nhưng đến một lúc nào đó, mọi người nhận thấy sự đối kháng giữa bên tả/bên hữu không còn rõ rệt nữa trong thời đại này, họ nghĩ rằng các chính sách được công khai sửa đổi và biết rằng các sách lược, tuyên ngôn không thể hiện được cách mà một người phản ứng với các sự kiện. Trừ phi các chính sách được định nghĩa rõ rệt và khác biệt thì các đặc điểm về tính cách, sự đáng mến và nhân phẩm của người lãnh đạo sẽ đóng vai trò hết sức quan trọng. Các đặc điểm này có thể quyết định đến quá trình bầu cử và hiện giờ luôn là nhân tố quan trọng, cho dù không phải là nhân tố chính. Đơn giản là thế. Vì vậy, nếu người dân không ưa mến Neil và vốn đã không ưa mến ông ta, không lựa chọn ông ta trong cuộc bầu cử năm 1987 thì họ cũng sẽ không bầu cho ông ta trong cuộc tuyển cử năm 1992, trừ phi quan điểm của họ về ông ta có sự thay đổi lớn. Nhưng thực tế, quan điểm đó đã không thay đổi.

Cuộc bầu cử năm 1992 là của John. Chúng tôi đã có thể giành chiến thắng và trở thành lãnh đạo thực sự, chứ không phải bằng lòng với các vị trí danh dự của một Chính phủ đối lập. Tuy nhiên vào năm 1991, khi tôi nói bóng gió về việc ông ta nên đến gặp Neil và yêu cầu Neil nên đứng ngoài cuộc và nói rằng bản thân tôi, Gordon và những người khác sẽ ủng hộ ông ta bằng mọi cách, nhưng ông ta không đồng ý. “Sau này tôi sẽ là người lãnh đạo,” ông ta nói. Và đúng như vậy. Vấn đề là ở chỗ, tôi lo sợ một phần vì John biết sau này ông ta có thể sẽ ra tranh cử vị trí lãnh đạo cùng với một đề xuất chính sách thuế góp phần làm tăng thêm 30 nghìn bảng cho ngân sách của Công Đảng, điều đó thật tuyệt vời đối với đảng nhưng lại gây ra vấn đề trong suy nghĩ của công chúng. John được nhiều người yêu mến và kính trọng, nhưng chính sách tăng thuế này bị Đảng Bảo thủ bóc mẽ một cách khéo léo, là một quả bom nổ chậm thực sự nằm bên dưới chiến dịch vận động của Công Đảng. Ngay khi chúng tôi bị đánh bại thì không hiểu sao tôi lại cảm thấy cuộc bầu cử tới sẽ không phải là của John nữa.

Trong khoảng thời gian sắp diễn ra bầu cử năm 1992, tôi bắt đầu nói với Gordon rằng chúng tôi phải đạt được kết quả có ảnh hưởng sâu rộng sau nhiều do dự do ảnh hưởng bởi thất bại năm 1987, mà vì vậy, chúng tôi đã trở nên quá nhút nhát, rụt rè. Thực tế, hiện nay chúng tôi đã là những nhà lãnh đạo chính thức của thể hệ mới trong đảng. Khi Gordon thay thế John, ông ta đã rất giỏi trong việc đấu tranh chống lại Nigel Lawson. Chúng ta đang nhận được sự quan tâm từ giới truyền thông và sự quan tâm này đang dần tăng lên với chiều hướng khá tích cực; rõ

ràng chúng tôi đã gia nhập giới tinh hoa chính trị. Tuy nhiên, đó chưa hẳn là những người cùng thể hệ chúng tôi. Chúng tôi vẫn đang trên đường tiến lên và không ở vị thế có quyền đề ra luật chơi. Trong nhóm kinh tế chủ đạo cho cuộc bầu cử năm 1992 – John là Bộ trưởng Tài chính đối lập, Margaret là Bộ trưởng Công Nghiệp đối lập, Gordon là Bộ trưởng Phủ Thủ tướng đối lập và tôi giữ chức Bộ trưởng Việc làm (Employment) – Chúng tôi là những người có địa vị thấp nhất và tôi là người có cấp bậc thấp hơn trong số hai chúng tôi – tôi và Gordon. Vì vậy, dù rất nản chí và lo lắng, tôi vẫn ra ứng cử.

Bên cạnh đó, tôi vẫn tiếp tục học hỏi, suy nghĩ và cố gắng tự khẳng định mình trong các vấn đề đảng đang đối mặt, từ đó hình thành nên các nhân tố cơ bản cho một khuôn mẫu chính trị trong tương lai. Gordon và tôi không ngừng dành ra hàng giờ, hàng ngày để tranh cãi và thảo luận về chính trị, nhắc đi nhắc lại, cố gắng làm rõ nghĩa của từng vấn đề, cho đến khi mọi thứ dần trở nên sáng tỏ hơn. Chúng tôi không quá tập trung suy nghĩ về thực chất của chính sách – hoặc ít nhất không phải lúc nào cũng làm như vậy – mà tập trung vào việc thiết lập phạm vi, xác định ý nghĩa và chuẩn bị các lý luận về phương hướng mà đảng nên đi hoặc phải đi. Chúng tôi đã dành nhiều tháng trời để cố gắng xây dựng một chương trình khung cho mục đích đối mới đảng. Gordon có ý tưởng làm tăng một số lượng lớn đảng viên bằng cách biến những thành viên công đoàn thành các đảng viên chính thức. Tôi tập trung nhiều hơn vào đường lối mở rộng cơ sở đảng, tước bớt quyền lực của những nhà hoạt động chính trị không tiêu biểu, đồng thời đặt các ảnh hưởng của công đoàn vào trong một phạm vi bị ràng buộc chặt chẽ.

Tôi cũng đã đề cập với Gordon rằng nếu người thua cuộc đúng như tôi nghĩ thì ông ta nên chạy đua vào chức lãnh đạo và sẽ thách thức John nếu cần thiết. Tôi thích John trong vai trò là một giải pháp lớn cho đảng vào lúc này nhưng theo bản năng, tôi có dự cảm sâu sắc về một sự thất bại khác, đặc biệt là thất bại đó sẽ chỉ ra rằng chúng tôi chưa bao giờ thực sự thấu hiểu nhau, có nghĩa là chúng tôi phải thay đổi triệt để. John là một chính trị gia tuyệt vời, một người đàn ông đúng mực, tuy nhiên ông không phải là một nhà cải cách đúng nghĩa cả về tư duy lẫn hành động.

Đến năm 1992 tôi đã gần 40 tuổi. Tôi đã ở phe đối lập trong suốt một thập kỷ. Suy nghĩ về 5 năm tiếp theo cho các bước phát triển hướng đến sự thay đổi trong đảng rõ ràng đã quá cần thiết, điều này làm cho tôi căng thẳng. Nếu các bước phát triển nhanh quá mức, chúng tôi chắc hẳn lại thất bại và tôi sẽ 50 tuổi trước khi bước chân vào một Chính phủ; mà mục đích của chính trị là gì nếu không phải là nắm được quyền lực, điều hành và thực thi các chính sách mà bạn tin tưởng? Hơn nữa, vô số ý kiến qua lại trong đảng đã cho thấy đảng đã trở thành một định mệnh mạnh mẽ đối với các cơ hội của chúng tôi, tôi e rằng, chỉ có câu trả lời duy nhất, đó là, phải thay đổi hệ thống bầu cử hoặc, thậm chí tệ hơn, chấp nhận số phận trở thành phe đối lập vĩnh viễn.

Tôi đã bị thuyết phục với giả định rằng việc John trở thành lãnh đạo sau thất bại có thể và nên bị phản đối. Gordon, để giữ hòa khí, chưa có ý kiến gì về việc này. Đây sẽ là một câu hỏi lớn và John sẽ cảm thấy việc Gordon làm là một sự phản bội. Hơn nữa, Gordon vẫn chưa kết hôn và tôi nói thẳng với anh ta rằng tôi nghĩ đó cũng là một vấn đề. Nhưng tôi cũng nghĩ đảng sẵn sàng và hy vọng được tiếp thêm sức trẻ và năng lượng – một việc luôn mang lại những lợi ích khổng lồ. Tôi thấy mình có vai trò như một bộ trưởng tài chính trong viễn cảnh đó. John chắc hẳn sẽ là Bộ trưởng Ngoại giao hoàn hảo. Và ông là người hội tụ đủ các yếu tố để đảm nhận chức vụ đó.

Tôi đã nghĩ việc chuẩn bị thực hiện điều này không có gì sai hoặc không trung thực cả. Những người khác có thể không đồng ý. Tôi cảm thấy nhà lãnh đạo phải thể hiện được tư chất của mình, không nhất thiết tại đúng “điểm rơi”, nhưng bạn phải làm điều đó nếu có cơ hội. Sự trở lại của Buggin là kết quả của một hệ thống chọn lựa lãnh đạo khủng khiếp và xung đột với mọi khái niệm về lãnh đạo mà chúng tôi đã từng biết. Nếu John đến để thay thế Neil, chắc hẳn sẽ có xung đột, nhưng theo tôi, ông ấy sẽ thành công và lịch sử sẽ được viết khác đi. Rằng ông ấy không định nói với tôi phong cách lãnh đạo của mình sẽ là: kiên định, nghiêm túc và có thể dự

đoán được. Đó không phải là những gì mà bản chất khắc nghiệt của những khó khăn mà chúng tôi đang gặp cần có. Lúc đó, tôi đã cảm nhận vấn đề như vậy, dù đúng dù sai.

Khi kết quả được công bố trong đêm 9 tháng Tư năm 1992, nó như thể giấu cọt việc hệ thống bầu cử lại sinh ra một Quốc hội mà trong đó không chính đảng nào chiếm đa số và trong khi tôi nghĩ rằng những dự đoán của mình về sự thất bại là sai thì kết quả đêm đó đã quá rõ ràng. Tôi nói với Gordon và Peter, những người vừa mới trở thành thành viên của Quốc hội khu vực Hartlepool rằng chúng ta phải cố gắng đạt được những gì đã dự định. Không có gì đáng ngạc nhiên, khi Peter thì xao nhãng, còn Gordon vẫn chẳng có ý kiến gì.

Khi những tia sáng đầu tiên của một bình minh mới dần hé lộ rằng đảng đã tuyệt vọng. Tôi thì không. Tôi cảm thấy tràn đầy sinh lực. Chúng tôi có thể nói gì chứ? Buổi sáng hôm sau tất cả các phương tiện truyền thông đều nỗ lực phỏng vấn và khi không ai muốn trả lời về thất bại, tôi đã phải “thế chân”. Tôi diễn giải rõ ràng bằng lời lẽ của một người vừa được giải thoát khỏi nhà tù trí tuệ và chính trị, nơi đảng mất đi quyền lực của mình, bởi chúng tôi đã thất bại trong việc hiện đại hóa đảng một cách tổng thể và giờ đây buộc phải làm điều đó, không phải làm một cách bình thường mà phải làm thật nhanh chóng và cấp bách. Đó là thời điểm bước ngoặt, sáng rõ, thời điểm hợp nhất chúng tôi với nhân dân – những người mà chúng tôi phải phục vụ. Tôi tránh đề cập đến vấn đề lãnh đạo ở mức độ vừa đủ – Neil chưa tuyên bố rút lui – và kiên quyết cấm biểu ngữ của tôi lên vùng lãnh địa của sự thay đổi căn bản trong tổ chức, cương lĩnh và chính sách của đảng. Mặc dù, tôi không nhận thức được rõ ràng về sự thay đổi trong tư duy của tôi đã bắt đầu từ khi nào và tại sao tôi lại tư duy như vậy, nhưng kể từ buổi sáng hôm đó tôi đã tư duy như một nhà lãnh đạo. Nhiều năm sau đó, các thành viên trong đảng đã hồi tưởng lại và cho biết đó là thời điểm mà họ nghĩ rằng: Có thể anh ấy là người chúng ta đang tìm kiếm.

Tôi trở về từ phòng thu. Tôi đã bảo Gordon đến Sedgefield với Nick Brown, cũng là thành viên của Quốc hội ở gần Newcastle. Nick luôn là người quản lý chiến dịch của chúng tôi trong các cuộc bầu cử Nội các Đối lập (Shadow Cabinet) và là một nghị viên phụ trách tổ chức không chính thức cho tôi và Gordon (và quả thực sau này ông giữ vai trò chính thức trong Chính phủ vào năm 1997).

Trước hết, một cách rất tự nhiên, tôi thúc đẩy Gordon thực hiện ý tưởng ứng cử chức vụ lãnh đạo. Tôi đã nhắc lại những lý lẽ trước đây. Tuy vậy, Gordon vẫn không đưa ra cam kết gì. Trong khi đó, John đã gọi điện khắp lượt để thu hút sự ủng hộ. Ông gọi đến nhà tôi tại Trimdon Colliery ở trung tâm của khu vực bầu cử. Tôi được đề nghị nói chuyện với John và giải thích lý do vì sao John không nên là lãnh đạo, nhưng tôi cảm thấy căng thẳng. Đó là một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Nếu tôi thể hiện sự thiếu ủng hộ John và Gordon không giữ vững quan điểm, nó sẽ phá hỏng mối quan hệ của tôi với John trong vai trò một nhà lãnh đạo. Mặt khác, khi nhắc ống nghe ở văn phòng tôi tại Myrobellia để tiếp chuyện với ông, tôi vẫn nghĩ mình có cơ hội để thuyết phục Gordon.

Lúc đầu, tôi đi nước đôi. John khá khôn ngoan, nhắc ống nghe dè dặt. “Tôi nên nói chuyện với Gordon”, tôi nói vậy.

“Tôi vừa nói chuyện với ông ấy rồi”, John nói “Ông ấy đã nhận nhiệm vụ”.

Vào thời điểm đó, tôi không còn dám ngáp ngừng nữa mà cũng đã nhận nhiệm vụ. Vài tháng sau, John nói với tôi, một cách ngây thơ, rằng ông và Gordon đã đi đến một thỏa thuận về cuộc bầu cử: John sẽ là lãnh đạo và Gordon là Bộ trưởng Tài chính. Gordon không giữ vững quan điểm. Tôi biết chắc rằng điều đó là một sai lầm.

Vị trí phó cho lãnh đạo vẫn gây nhiều tranh cãi. Đây là vị trí được bầu nhưng lại thường được nắm giữ bởi một thành viên cao cấp của Nội các Đối lập. Roy Hattersley, là phó trong thời gian gần đây (và là Bộ trưởng Tài chính của Nội các Đối lập cho đến năm 1987), đã làm việc cùng Neil trong suốt 9 năm Neil làm lãnh đạo. Họ không phải là những người bạn chí cốt, nhưng cũng khá thân thiết. Tuy nhiên, do hậu quả của cuộc bầu cử thất bại, ông ấy cũng đã thẳng thắn

rút lui. Trong khi nói chuyện điện thoại với John, ông có hỏi tôi về vai trò của phó lãnh đạo. Với tư cách một nhà lãnh đạo, tôi cần anh hoặc Gordon trở thành phụ tá, ông nói, quyết định là ở các anh. Rõ ràng, ông tiếp tục, nếu người đó là Gordon thì sẽ có hẳn hai người Scotland. Một thay thế khác là Margaret Beckett, một phụ nữ có năng lực, là một lựa chọn hợp lý, mặc dù cùng thể hệ với John.

Sau cuộc gọi đó, tôi quay trở lại phòng khách để gặp Gordon và Nick. Tôi đã nói với Gordon rằng: “John nói anh đang ủng hộ ông ấy”.

“Thật khó để nói ngược lại”, ông nói vậy, thật hợp lý, nhưng tôi cũng cảm thấy hơi thất vọng.

“Ông ấy muốn biết ai trong số chúng ta sẽ trở thành phó lãnh đạo”, tôi nói vậy. Sau đó tôi cũng giải thích mặc dù Gordon ở cấp cao hơn tôi, nhưng hai người Scotland cũng có thể có vấn đề, đặc biệt, điều này hoàn toàn đúng ở miền Nam nước Anh, nơi mà sự ủng hộ dành cho chúng tôi là thấp nhất. Nick nói rằng cần có một lựa chọn giữa hai chúng tôi, nhưng điều cốt yếu là phải thấy ai được ủng hộ hơn trong Công Đảng Nghị viện (Parliamentary Labour Party). Ông đồng ý tiến hành thăm dò ý kiến.

Cuộc thảo luận diễn ra vào ngày sau đó và vẫn tiếp tục. Chúng tôi lại gặp nhau một lần nữa. Nick nói “Một trong hai ông nhận được sự ủng hộ tương đối mạnh mẽ trong Công Đảng Nghị viện, người đó là Gordon.”

Tôi biết đó không phải là sự thật. Không thể nào. Thậm chí kẻ ngớ ngẩn nhất trong Công Đảng Nghị viện cũng không ngớ ngẩn như thế. Giới truyền thông phủ kín các tin về việc Công Đảng đã bị thua như thế nào ở khu vực trung thành truyền thống miền Bắc, xứ Wales và Scotland, nó phải chịu số phận bi đát như thế nào nếu không thể vươn lên chinh phục được tầng lớp trung lưu và chiến thắng tại miền Nam. Trong hoàn cảnh như vậy, việc lãnh đạo là người Scotland quá ư mạo hiểm, mặc dù, nếu phó lãnh đạo là người Anh, thì việc đó cũng gây nhiều tranh cãi chưa kể đến việc để một người Scotland khác đảm trách vị trí phó lãnh đạo tiếp theo? Các ghế quan trọng đều thuộc về người Scotland ư? Với cam kết sẽ chuyển giao quyền lực ư? Không thể tin được. Thật tệ hại.

Vì vậy, trong hai hay ba ngày đó, tôi đã học được hai điều: thứ nhất, Gordon đã không nắm lấy cơ hội này; thứ hai, Gordon và Nick đang làm việc cùng nhau và ưu tiên dành sự ủng hộ cho nhau. Cũng kể từ thời điểm đó, tôi nghĩ mình nên tách xa Gordon một chút, thật khéo léo để mọi người không phát hiện ra, bề ngoài vẫn thân mật và thân thiết với nhau. Lúc đầu tôi đã hơi lưỡng lự, tuy nhiên dần dần tôi đã làm được. Dường như định mệnh đã chọn tôi là nhà lãnh đạo, chứ không phải ông ấy.

John chính thức trở thành lãnh đạo. Gordon tiếp nhận vị trí Bộ trưởng Tài chính đối lập. John hỏi liệu tôi mong muốn điều gì. Ông đã vô cùng ngạc nhiên về sự chọn lựa của tôi, nhưng tôi đã nghĩ về nó rất lâu và nghiêm túc: tôi chọn trở thành Bộ trưởng Nội vụ đối lập. Vị trí này chẳng khác nào “mồ chôn” cho các thành viên Đảng Bảo thủ cũng như những chính trị gia của Công Đảng. Các thành viên của Đảng Bảo thủ không thể cầm cự được lâu ở vị trí này. Thật sự thì những người thẳng thắn (không biết từ đâu đến) sẽ đến buổi họp báo của Đảng Bảo thủ, cố gắng phá đám họ, nhưng những hành động phá hoại này luôn bị phát hiện. Đối với Công Đảng thì ngược lại, khán giả của họ trông đợi điều gì đó tự do hơn và vì thế Bộ trưởng Nội vụ trong một Chính phủ Công Đảng hay Bộ trưởng Nội vụ Đối lập của Công Đảng biết rằng công chúng ngoài kia không hài lòng với cái mà họ cho là tự do ở hiện tại. Tôi đã học được một điều trong chính trị rằng: những người có quan điểm quá khích, dù ở cánh tả hay cánh hữu, luôn có khả năng phát hiện người cùng hội cùng thuyền với mình. Đôi khi, nếu buộc phải vứt bỏ một phần tư tưởng cánh tả (những thứ không quá quan trọng) – tôi sẽ dâng hiến điều tốt nhất của mình, bạn biết đó là gì không? Họ luôn cho rằng tôi không tâm huyết với điều đó. Đó là một thứ gì đó nằm trong giọng nói, trong ngôn ngữ cơ thể, điều mà chỉ một người say mê thật sự mới có còn một diễn viên thì không.

Dù sao, Bộ trưởng Nội vụ Đối lập cũng không phải là vị trí có nhiều ứng viên. Tuy nhiên, tôi nhận ra rằng: a) người lao động, những người chắc chắn sẽ là cử tri của chúng tôi, thực sự lo lắng về những luật lệ cứng rắn hơn là mềm dẻo; b) về mặt trí tuệ, sự phân cực giữa các quan điểm cánh tả/cánh hữu khá thiển cận và rõ ràng là không nên. Cánh tả đổ lỗi cho điều kiện xã hội, cánh hữu đổ lỗi cho các cá nhân; bất kỳ ai cũng có thể thấy sự tồn tại của cả hai điều này – vì vậy tôi nghĩ – tốt hơn là kết hợp cả hai.

Cá nhân tôi cảm nhận rất rõ về vấn đề tội phạm. Trong nhiều năm, tôi đã nghĩ đó là nỗi khổ khổ mà người ta đáng lẽ không phải chịu đựng và tôi không hài lòng với thái độ của tầng lớp trung lưu mang tư tưởng tự do đối với điều đó. Họ không phải là nạn nhân của nạn tội phạm, mà là những người bần cùng hơn – những người mà chúng tôi nói rằng sẽ đại diện cho họ. Họ đã khổ khổ mưu sinh giờ lại phải đối mặt với các loại tệ nạn, không chỉ bao gồm những vụ phạm tội nghiêm trọng ngày càng gia tăng như giết người, cướp bóc và hơn thế nữa, cùng với đó là những hành vi phá hoại và gây mất trật tự nhằm chống phá xã hội. Họ không đáng phải chịu đựng điều đó trong khi mong chờ một ai đó mang đến một xã hội trật tự hơn. Đương nhiên, đó cũng là lý do để những thanh thiếu niên được giáo dục tốt hơn, đặc biệt thanh thiếu niên sống ở thành phố, tăng cơ hội có được một việc làm và có những hành vi ứng xử tốt hơn.

Vì vậy, cuộc chiến chống tội phạm là sự nghiệp của cá nhân tôi, nó hoàn toàn phù hợp những tư tưởng chính trị mới, nó vượt lên trên những tư tưởng cánh tả và cánh hữu cũ và bởi vì chưa có thành viên Công Đảng nào có ý định cải thiện nó (kể cả một số Bộ trưởng Nội vụ Công Đảng cấp tiến như Chuter Ede và Roy Jenkins), nên giờ đây đến lượt tôi. Để một lần, tôi tự tin với những gì mình có thể làm. Và tôi đã đúng. Nó củng cố thêm vị trí của tôi trong đảng và đất nước. Nó mang tính thúc đẩy to lớn. Nó thể hiện sự lãnh đạo. Tôi đảm nhận một vị trí trong Công Đảng truyền thống, hiện đại hóa đảng, làm cho đảng gần gũi với mọi người và từ đó lật đổ những thành viên Đảng Bảo thủ.

Trớ trêu thay, dưới ánh sáng của những việc đã diễn ra, Gordon cũng đóng một vai trò thú vị giúp đề ra những khẩu hiệu của tôi.

Trước đây, chúng tôi thỉnh thoảng vẫn đi du lịch đến Mỹ, về cơ bản chỉ là để thoát ra ngoài và suy nghĩ. Vì một vài lý do cá nhân, chúng tôi ở khách sạn Carlyle ở New York. Từ lâu, khách sạn Carlyle đã bị xóa bỏ khỏi danh sách lựa chọn của Công Đảng mới y như Hội Giám Lý – một giáo phái ở Anh – dị ứng với những cuộc chè chén say sưa. Nó là khách sạn chuyên biệt được dành riêng cho những người như Cary Grant và Jimmy Stewart. Eartha Kitt thì hát trong quán cà phê và Woody Allen thì say sưa với cây kèn clarinet của mình. Vào thời điểm đó, mọi người mặc chỉnh tề đến ăn tối, không khí vô cùng trang trọng, không gian được trang trí mộc mạc nhưng không kém phần lịch sự. Thoạt đầu, tôi không ấn tượng lắm, nhưng dần dần tôi cũng bắt đầu thích nơi đây. Hệ thống quản lý ở đây khá nghiêm ngặt và hiệu quả, nhân viên phục vụ thân thiện và luôn niềm nở đón chào tại tất cả các lối vào dành riêng cho giới thượng lưu.

Một lần vào cuối năm 1992 chúng tôi đang ngồi ở đó và trò chuyện. Mặc dù, vẫn suy nghĩ về việc để vụt mất những cơ hội sau cuộc bầu cử thất bại, nhưng tôi bắt đầu tập trung vào những công việc hiện tại và lý giải phương pháp tiếp cận chủ yếu của mình: đương nhiên chúng ta phải tập trung vào các điều kiện xã hội và giải quyết chúng một cách cơ bản, nhưng chúng ta cũng phải cương quyết với tội phạm. Chúng ta nên áp dụng phương pháp này vào các vấn đề của Công Đảng bằng cách kết hợp quan điểm truyền thống và hiện đại.

Chắc chắn trong những ngày đó, Gordon đã thể hiện khả năng thiên tài của mình. “Ý ông là: Cương quyết với tội phạm, cương quyết với nguyên nhân sinh ra tội phạm”, ông nói.

“Vâng”, tôi đáp, khuôn mặt không giấu được niềm vui sướng, “Đó chính xác là ý của tôi”.

Và vì thế, nó trở thành khẩu hiệu của tôi từ đó, nhưng khác với khẩu hiệu bình thường, với tôi đó là một tư tưởng mang tính triết lý. Một thời gian ngắn sau khi đi nghỉ về, tôi dùng nó trong một bài diễn thuyết mà không phải cân nhắc hay bàn cãi bất cứ điều gì nữa.

Từ khá sớm, tôi đã khiến những thành viên Đảng Bảo thủ quay cuồng trước sự công kích dữ dội, họ ngạc nhiên và có phần hoài nghi về khả năng một người của Công Đảng sao có thể ăn cắp vấn đề “của họ”, nhưng họ cũng không thể che giấu sự ngưỡng mộ dành cho cái cách mà vấn đề được giải quyết. Thời điểm đó, Ken Clarke là Bộ trưởng Nội vụ. Vấn đề đã không còn là vở diễn của riêng ông ta nữa. Ông ta là người có quan điểm tự do và có thái độ hoàn toàn khinh thị với các cuộc họp báo của đảng mình. Sau vài tháng chịu đựng thái độ rất kích của Ken, John Major quyết định chuyển ông ấy đến Bộ Tài Chính, đúng ngạch của ông ấy và để Michael Howard đảm nhiệm chức Bộ trưởng Nội vụ, vị trí hoàn toàn thích hợp với Michael. Về sau, vấn đề này trở nên khó hơn, kể từ khi Michael đi theo đường lối Bảo Thủ và đưa ra những chính sách thiên về cánh hữu và lựa chọn những sách lược gây khó khăn cho tôi. Ông ấy đã đặt tôi vào thế bí khi phải lựa chọn nếu tôi theo ông, tôi sẽ xa lánh đảng và nếu tôi không chọn, tức là tôi không thân thiện với cử tri. Nhưng rồi sau đó danh tiếng của tôi cũng vẫn được bảo vệ.

Tôi đã gắn liền bối cảnh xã hội với đường lối chính trị theo cách mà không thành viên nào của Đảng Bảo thủ có thể chấp nhận được sau 14 năm cầm quyền với những dư âm của chủ nghĩa Thatcher còn vẹn nguyên. Vào tháng Hai năm 1993, một vụ án mạng tàn khốc xảy ra với cậu bé hai tuổi – James Bulger, bị giết bởi hai đứa trẻ 10 tuổi khác lớn lên ở Merseyside. Bi kịch này đã trở thành một hiện tượng đại diện cho sự sụp đổ của xã hội. Hai đứa trẻ 10 tuổi, không cần phải nói, lớn lên trong một gia đình tan vỡ. Hàng loạt những bài báo đăng tin về vụ giết người đi kèm với những mô tả đời sống, thời đại và nhiều thứ khác nữa của một nhóm người trẻ tuổi cá biệt sinh trưởng trong những gia đình đổ vỡ. Tôi liên hệ sự kiện này với biểu tượng của những người theo Đảng Bảo thủ, biểu tượng cho những gì mà chủ nghĩa Thatcher đã đạt được, những mối ràng buộc giữa xã hội và cộng đồng đã dần bị mất đi một cách quá nguy hiểm như thế.

Tôi đã thể hiện điều đó một cách chân thành trong bài diễn thuyết công khai rộng rãi – thật sự rất rộng rãi, một việc làm bất thường đối với một chính khách Phe Đối lập mà không phải là người lãnh đạo đảng – tôi đã bày tỏ rằng những gì tôi nghĩ là không đúng.

Bản tin tuần trước như một đòn giáng mạnh vào lương tâm vẫn còn đang say ngủ của đất nước, giục chúng ta thức giấc và sau đó thản nhiên nhìn vào những gì đang diễn ra trước mắt. Chúng ta nghe nói về những tội ác khủng khiếp gây phẫn nộ trong nhân dân và rồi thất vọng về mối quan hệ giữa con người với con người. Tiêu đề của những bài báo đã gây sốc nhưng chúng ta còn choáng váng hơn khi biết rằng tại bất kỳ thành phố, thị trấn, làng mạc nào, thậm chí cả những đơn vị hành chính nhỏ hơn nữa, những sự việc tương tự như vậy đang dần trở thành một phần của cuộc sống. Đó là một bộ mặt đáng sợ khác của một xã hội đang dần không còn xứng đáng với cái tên đó nữa...

Vấn đề mang tính lịch sử của chủ nghĩa xã hội cũ là xu hướng gom tất cả những yếu tố cá nhân, quyền lợi, nghĩa vụ và nhiều thứ khác nữa vào một ý tưởng gọi là “lợi ích công”, mà theo cách hiểu tồi tệ nhất thì nó chỉ đơn giản có nghĩa là “Nhà nước”. Sự thất bại của cánh hữu hiện tại là do niềm tin cho rằng sự vắng mặt của cộng đồng đồng nghĩa với sự hiện hữu của tự do. Nhiệm vụ đặt ra bây giờ là phải tìm hiểu lại khái niệm cộng đồng từ quan điểm hạn hẹp của Nhà nước và để cho nó hoạt động trở lại phục vụ lợi ích của tất cả chúng ta. Một cộng đồng mới với khái niệm hiện đại về quyền công dân cần phải được xem xét ngay lập tức.

Giờ đây, tôi nhìn lại và nghĩ rằng mặc dù vấn đề đó là có thật, nhưng lại được phân tích sai lầm và điều này dẫn tới những hậu quả chính sách mà tôi sẽ mô tả sau này. Tuy nhiên vào lúc đó, xét về phương diện chính trị, nó đã tác động tích cực đến vị thế của tôi.

Tôi cũng đang đẩy đường ranh giới này tiến xa hơn về một hướng khác. Mặc dù, theo quan điểm của tôi, John Smith không phải là một người có quan điểm đổi mới thật sự, nhưng ông ấy đủ thông minh và dũng cảm để nhận ra rằng đảng phải đổi mới. Một phần của quá trình đó nằm trong mối quan hệ với các tổ chức công đoàn, mối quan hệ sau đó được xây dựng thành hệ thống Mỗi thành viên một phiếu (OMOV – One Member One Vote), nhờ đó thay vì lãnh đạo

ban chấp hành công đoàn trong cả nước bỏ phiếu bầu chọn một ứng cử viên, thì giờ đây mỗi thành viên công đoàn sẽ có một phiếu bầu; các nghị sỹ Quốc hội cho rằng cách bầu này công bằng hơn để chọn ra vị trí lãnh đạo.

Ngày nay, dường như điều này hoàn toàn không thể chấp nhận được, thậm chí là lỗ bịch khi các tổ chức công đoàn đóng vai trò quyết định trong việc lựa chọn các ứng cử viên và nhà lãnh đạo, thế nhưng Công Đảng lại bắt nguồn từ Ủy ban Đại diện Lao động, một tổ chức đã hoạt động từ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX với mục tiêu chính là đưa “tầng lớp lao động” vào Quốc hội. Ủy ban được hình thành, được cấp ngân sách và điều hành bởi các tổ chức công đoàn, vì vậy mối liên hệ giữa đảng và công đoàn vô cùng bền chặt và tôi e rằng nó sẽ để lại những hậu quả rất phức tạp về lâu dài.

John đã quyết định tán thành OMOV, còn tôi thẳng thừng chọn vị trí đứng bên lề cuộc vận động. Các tổ chức công đoàn đã có ấn tượng không lấy gì làm vui vẻ về quyết định chấm dứt sự ủng hộ của Công Đảng dành cho vấn đề closed shop của tôi khi còn là Bộ trưởng Việc làm Đối lập vào năm 1989. Chính quyết định này của tôi đã khiến khoảng cách giữa tôi với họ ngày càng lớn, nhưng nó cũng giúp tôi ở vào vị trí có thể quyết định về cách thức chiến thắng của đảng. Sau những năm tháng khi người của Công Đảng bị chế giễu và khinh miệt, khi tất cả những cảm xúc về sự thấp kém vẫn tồn tại và chi phối ý thức của họ, thì ở đây phải có ai đó tự tin, có khả năng phổ bày điều đó trước các thành viên Đảng Bảo thủ, với giọng điệu và phong cách phù hợp với chính những cử tri mà chúng tôi biết rằng chúng tôi cần họ nhưng lại luôn luôn tỏ ra thờ ơ với họ.

Thời gian qua đi, vị trí của tôi như một nhà cải cách triệt để và một nhà lãnh đạo đang từng bước được khẳng định. Tôi cảm thấy niềm tin trong mình đang lớn dần lên, gần như là định mệnh. Tôi cảm thấy bị thúc đẩy, cảm thấy mọi thứ đã rõ ràng và chắc chắn, trên hết là tôi tin vào lý lẽ của mình, tin rằng chúng hoàn toàn đúng và có thể giành được sự ủng hộ của cả nước.

Mối quan hệ của tôi với Gordon vẫn rất thân thiết, nhưng đến cuối năm 1992, tôi đã nhăng ra một chút bằng một động thái nhỏ. Thường xuyên có sự luân chuyển phòng làm việc của các Nghị sỹ, vì tất cả các nghị sỹ đều có vai trò như nhau, ngoại trừ các vị bộ trưởng trong Chính phủ mới có phòng làm việc riêng. Hàng loạt phòng ở Millbank được chọn ra cho các Nghị sỹ sử dụng. Lúc đó, Gordon và tôi đều ở số 1, phố Parliament, đối diện và được nối với đại lộ Westminster bởi một cây cầu. Gordon quyết định chuyển tới Millbank và đề nghị tôi cùng đến. Cherie dứt khoát khuyên tôi không nên làm vậy. Tôi hơi ngạc nhiên khi Anji cũng nói thế. Tôi đã không đi. Đó không phải là một điều gì ghê gớm lắm; nhưng nó như một cử chỉ biểu thị một ý nghĩa nào đó.

Gordon đã làm rất tốt vị trí Bộ trưởng Tài chính Đối lập khi chỉ trích các thành viên Đảng Bảo thủ trong một cách thức có tránh nhiệm và chừng mực. Mặc dù, Gordon là người rất thận trọng nhưng ông vẫn gặp tai tiếng khi ủng hộ ERM, dù không có gì to tát, vì vậy, khi chính sách đó sụp đổ, ông bị thất thế. Sau đó, ông cho rằng chính sự việc này cùng với việc ông phản đối sử dụng của công quá nhiều là lý do giải thích tại sao tôi được yêu thích hơn ông ta, nhưng bản chất sự việc không phải như vậy. Sự thật là tôi chấp nhận mạo hiểm và lúc đó là thời điểm dành cho người dám mạo hiểm. Tôi đã nhận ra điều đó, còn ông ấy thì không.

Vào năm 1993, đã có vài sự biến chuyển nhưng mọi người lại không thể nhận ra chúng. Tôi cho rằng không thể nhận ra chúng, nhưng có thể cả ông ấy và tôi đều sai lầm về vấn đề này. Ví dụ, tờ Sunday Times đã từng đưa tôi lên trang bìa tạp chí của họ vào tháng Năm năm 1992 với tựa đề “Vị lãnh đạo mà Công Đảng đã bỏ lỡ”. Thông thường, một sự kiện như thế có thể sẽ gây nên sự đổ kỵ, nhưng cũng do phần vì không ai coi điều đó là điều quá nghiêm trọng và sau đó chẳng có chuyện gì xảy ra.

Peter Mandelson, lúc đó là một người bạn thân thiết của cả hai chúng tôi, đã phát hiện ra sự khác biệt ở tôi. “Anh có tố chất để trở thành lãnh đạo đấy nhỉ!”, ông ấy trêu chọc tôi khi chúng

tôi đứng cùng nhau gần hàng rào trước cửa nhà tôi tại Richmond Crescent. Chúng tôi vừa mới có một cuộc họp và sự quyết đoán của tôi trong cuộc họp đã khiến ông ấy có ấn tượng như vậy.

“Ý anh là ...?” Tôi hỏi.

“Đừng để mọi chuyện đi quá khả năng kiểm soát của mình”, ông ấy đáp lại. “Gordon vẫn là người được dự kiến sẽ trở thành nhà lãnh đạo tiếp theo, anh biết thế mà”.

“Hừm,” tôi nói.

“Hừm.” Ông ấy quay lại nhìn tôi và mỉm cười theo cách riêng chỉ ông có. “Tôi sẽ tiết lộ cuộc trò chuyện này”.

“Tôi thì chẳng lo lắng gì”, vừa nói tôi vừa cười, nói thêm với ông ấy rằng tôi đã tiết lộ quá nhiều bí mật của mình với ông ấy rồi.

“Ồ, nhưng tôi sẽ làm,” ông ta nói, vỗ nhẹ trêu mếu lên vai tôi và bước lên xe.

Nói thật lòng, tôi không biết mình đã nghĩ gì. Lúc này tôi thực sự không sáng suốt lắm, dường như tôi chỉ đang đi theo bản năng. Rõ ràng, tôi sợ phải dừng lại và suy nghĩ, bởi vì tôi đã mừng tương tự được đích đến và nó càng ngày càng trở nên rõ ràng hơn. Dường như, tôi đang tiến lên phía trước từng ngày với cảm giác ngày càng mạnh mẽ hơn, chắc chắn hơn. Từng cuộc chạm trán với chính đảng của tôi, với Đảng Đối lập, với giới truyền thông, với công chúng đã giúp tôi làm kiên cố thêm lớp vỏ bọc vốn đã được gia cố rất vững chắc rồi. Tôi có thể nhìn thấy cơ hội lãnh đạo Công Đảng, biến nó thành một cỗ máy bầu cử có khả năng thu phục lòng người. Tôi nhận thấy điều đó giống như ai đó trong kinh doanh phát hiện ra cơ hội đầu tư lớn sắp tới, một nghệ sĩ bỗng nhiên đánh giá cao cảm hứng sáng tạo thiên tài của mình, hay một huấn luyện viên, một cầu thủ biết được giây phút vinh quang của mình sắp đến.

Đó là một cảm giác khác thường, khi bạn cảm thấy mình có thể đạt được điều gì đó vượt lên trên những điều bình thường. Và bạn biết đó là điều gì. Có thể bạn không phải là người trực tiếp làm ra nó, nhưng bạn biết vào thời điểm đó, trong những hoàn cảnh đó, với những điều kiện đó thì nó có thể được thực hiện. Đúng, nó có thể được thực hiện. Tôi có thể nhìn thấy nó và tôi có thể làm ra nó.

Tôi đang đấu tranh với những cảm xúc của mình về Gordon, vẫn là tình cảm yêu mến và trung thành, nhưng tôi cũng cảm nhận được địa tầng kiến tạo nền tảng cho hai chúng tôi đang dần thay đổi. Trong 10 năm qua, tôi cho rằng ông ta nên đảm nhận vị trí dẫn đầu còn tôi nên đứng ở vị trí thứ hai mà thôi. Tôi thích việc hướng dẫn, khuyên nhủ, thúc giục, chỉ đạo phía sau hậu trường và nhìn thấy công việc của mình tiến triển tốt đẹp. Vì vậy, với quan điểm đó, tôi không hề, xin nhấn mạnh là không hề, có mong muốn hoán đổi vị trí trung tâm, mặc dù, tôi cảm nhận được sự thay đổi bên trong con người mình và những hành động thể hiện sự biến đổi đó của bản thân. Tôi thấy lòng mình nóng như lửa đốt với niềm say mê và ý thức về sứ mệnh. Tôi đang hăm hở và lần đầu tiên trong các cuộc thảo luận, tôi phát hiện ra những điều về ông ấy mà tôi không để ý trước đây, một sự thận trọng được che đậy một cách khéo léo mà dường như với tôi nó không liên quan đến sự đổ vỡ trong quá khứ của chúng tôi.

Trong những năm đầu tiên của chúng tôi tại Nghị viện, 1983 – 1985, tôi đã viết nhật ký không liên tục. Giờ đọc lại những mục đã ghi, tôi nhận thấy rõ ràng rằng ngay từ đầu, Gordon đã có xu hướng tìm kiếm cách thức điều chỉnh lại câu hỏi hơn là chấp nhận sự cần thiết của những câu trả lời khó khăn. Ông ấy thông minh, am hiểu về đảng hơn tôi, có đầu óc nhanh nhạy; nhưng về cơ bản ông ta chỉ phát huy được những điều đó trong một môi trường quen thuộc. Trong lãnh địa của mình, ông ta tung hoành, nhưng lại chẳng dám mạo hiểm bước chân ra khỏi đó.

Năm 1994, tôi bắt đầu vượt ra ngoài các vấn đề về chính sách và cải cách đảng. Đây cũng là thời gian tôi bắt đầu nhận ra, với cảm giác ban đầu là lo lắng nhưng sau đó tự tin, rằng có điều

gì đó đang mất dần đi. Điều gì đó mà John thiếu. Điều gì đó bên trong con người mình, giờ tôi mới phát hiện ra.

Tất nhiên, tôi không biết rằng John lại ra đi quá sớm như vậy. Ngoại trừ điều này, theo một cách lạ lùng, tôi bắt đầu nghĩ ông ấy có thể ra đi. Tôi không có ý rằng tôi có điềm báo trước hay bất kỳ điều gì tương tự vậy, nhưng nếu trước đây bạn hỏi tôi, trong một số cuộc tranh luận riêng tư có sự chuẩn bị trước, đặt cược cuộc đời mình vào việc ông ấy có ra đi hay không, thì tôi sẽ do dự. Tôi không ngừng gạt bỏ ý nghĩ đó. Nhưng nó vẫn xâm chiếm tôi.

Vào tháng Tư năm 1994, Cherie và tôi tới thăm Paris. Tôi có một bài phát biểu tại INSEAD, một trường kinh doanh tại Fontainebleau. Đó là kỳ nghỉ cuối tuần sau cùng của cuộc sống đời thường của chúng tôi. Chúng tôi để bọn trẻ ở nhà. Derry đã đặt một khách sạn nhỏ gần Montmartre. Phòng khách sạn nhỏ nhưng xinh xắn và nằm ở trung tâm. Buổi sáng đầu tiên ở đó, tôi đã thức dậy trước và sau đó đánh thức Cherie. Tôi nói với cô ấy: “Nếu John qua đời, anh sẽ là lãnh đạo, chứ không phải Gordon. Và không hiểu sao, anh lại nghĩ rằng điều này sẽ xảy ra. Anh chỉ nghĩ vậy thôi. “Liệu đó có phải là một linh cảm? Không phải chính xác hoàn toàn, nhưng dù sao đi nữa ý nghĩ đó vẫn rất kỳ lạ.

Vào chiều thứ Bảy, chúng tôi đi xem Schindler’s List (Bản danh sách của Schindler), một bộ phim của Steven Spielberg, về người đàn ông đã cứu thoát hàng nghìn người Do Thái khỏi các trại tập trung Quốc xã.

Về sau, khi có dịp quen biết Spielberg, tôi đã nói với ông ta rằng bộ phim đó đã ảnh hưởng đến tôi hơn bất kỳ bộ phim nào tôi đã từng được xem trước đây. Steven, một người khá hiện đại, có lẽ đã nghĩ rằng tôi đang thổi phồng như người của công chúng vẫn thường làm, nhưng không phải vậy. Tôi đã thực sự bị cuốn hút trong suốt hơn ba tiếng đồng hồ. Tôi đã ngồi xem phim, bỏ quên cả bữa tối và bàn luận về nó đến tận đêm khuya.

Có một phân cảnh trong bộ phim làm tôi nhớ mãi. Người sĩ quan chỉ huy, do Ralph Fiennes thủ vai, cãi nhau với bạn gái của mình trên giường. Rồi anh ta dậy vào nhà vệ sinh, họ vẫn tiếp tục tranh cãi nhau và cô gái thì chế giễu anh ta giống bất kỳ cô người yêu nào khác. Trong khi đang ở trong phòng tắm, anh ta phát hiện ra một người tù ở trại tập trung nơi anh ta làm việc. Anh ta chạy ra ngoài cầm súng trường và bắn người đó. Tuy nhiên, họ vẫn tiếp tục cãi vã. Người mà tôi ấn tượng chính là cô gái. Cô ta không bắn ai, cô ta là người ngoài cuộc.

Trừ phi cô ta không ở đó. Sẽ không có ai là người ngoài cuộc trong tình huống đó. Bạn tham gia tình huống, dù muốn dù không. Bạn ủng hộ bằng việc không hành động cũng như hành động. Tại sao người lính Đức Quốc xã có thể làm được những điều này? Bởi vì mọi người thích anh ta? Không, bởi vì mọi người thích cô gái kia.

Cô ta ở phòng bên cạnh. Cô ta ở ngay đây. Trách nhiệm vì vậy mà cũng cao hơn. Nhưng chúng ta biết điều gì về các tình huống này, khi chúng ta không ở gần đó? Điều gì ở tên giết người cách xa chúng ta, sự bất công chúng ta không thể nhìn thấy, nỗi đau chúng ta không thể chứng kiến, nhưng dù sao chúng ta cũng biết rằng những thứ đó đang ở ngoài kia? Chúng ta biết điều gì đang diễn ra, dù ở gần hoặc không. Trong trường hợp đó, chúng ta không phải là người ngoài cuộc. Nếu chúng ta biết và chúng ta hành động nhưng thất bại, thì chúng ta là người phải chịu trách nhiệm đối với sự việc đó.

Một vài tháng sau, Rwanda nổ ra nạn diệt chủng. Chúng ta biết. Chúng ta không hành động. Chúng ta là những người phải chịu trách nhiệm về việc đó.

Không thực tế chút nào, đúng không, chỉ như một phản ứng? Vấn đề là tôi cảm thấy thế nào. Liệu phản ứng đó có khôn ngoan hay không đối với nhà lãnh đạo một đất nước thì lại là vấn đề khác. Nhưng chúng ta sẽ đề cập nhiều hơn về những thứ này sau.

Tôi quay trở về từ Paris trong tâm trạng vui vẻ và một lần nữa, với cảm giác kỳ lạ về quyền lực,

về sự đề phòng và về dự đoán của mình.

Sau đó John mất. Khi tôi bắt đầu cuộc nói chuyện đầu tiên với Gordon, tôi đã chuẩn bị sẵn tinh thần. Tôi cảm thấy mình đã không thành thật với ông ấy, mà nhờ những sự kiện sau này, tôi nhận ra điều đó là một sai lầm. Trong khoảng thời gian từ tháng Tư năm 1992 đến tháng Năm năm 1994, thỉnh thoảng ông ấy lại muốn tôi cam đoan lại và tôi đã làm như vậy. Tại sao lại không chứ? Tôi biết đủ về ông ấy để nhận ra rằng nếu tôi rút lại cam đoan đó, thì chúng tôi sẽ có một cuộc chiến. Và điều đó quả thật khủng khiếp. Có thể đó chỉ là một linh cảm. Có thể nó sẽ chẳng bao giờ xảy ra. Có thể John sẽ tiếp tục và trở thành Thủ tướng và sau đó, ai biết được tương lai sẽ như thế nào.

“Chúng ta phải nói chuyện”, tôi nói với ông ấy vào một buổi sáng tháng Năm tại Aberdeen khi đang ngồi trong văn phòng Đảng, ngắm nhìn mọi người ngược xuôi trên con phố ngoài tòa nhà và biết rằng cuộc sống của những người ngoài đó vẫn tiếp diễn như thường lệ còn cuộc sống của tôi sắp thay đổi mãi mãi.

Tôi đã tôi luyện bản thân mình. Tôi biết ông ta sẽ dồn dập tấn công, có thể là ép buộc, thậm chí là đe dọa. Nhưng tôi đã vượt qua.

“Được rồi, hãy nói chuyện khi anh quay trở về đã,” ông ấy nói, giọng nói thể hiện sự thoái thác nhẹ nhàng.

Tôi đã tiến hành một chuyến thăm ngắn ngày đến Aberdeen như dự định, tới một số công ty khoa học và công nghệ mà tôi có biết qua trước đây. Tôi đã có những bài phát biểu ngắn với báo chí bên ngoài công ty về cái chết của John, thể hiện sự bất ngờ và thương tiếc. Tôi bắt chuyến bay trở lại London ngay sau đó. Thậm chí tôi còn có thể nói chuyện lại với Gordon. Khi tôi bước ra từ đường hầm dành cho hành khách tại Heathrow, một gã phóng viên đang chực sẵn để chụp ảnh tôi. Tôi hơi chột dạ. Và nghĩ bụng, hóa ra việc này là như thế.

Tôi trở về Nghị viện. Mọi người vẫn đang xôn xao, choáng váng và rất buồn, nhưng tất nhiên, bánh xe chính trị vẫn quay. Tôi tình cờ gặp Mo Mowlam – một người không mấy đa cảm (hoặc có vẻ như vậy), tiến thẳng đến chỗ tôi và nói: “Người đó phải là ông. Đừng vì lý do gì mà bỏ cuộc”. Cherie đón tôi từ sân bay Heathrow và cô ấy cũng động viên tôi như vậy, thậm chí bằng ngôn từ có phần mạnh mẽ hơn. Họ không cần phải nói với tôi như vậy. Ý định của tôi đã được quyết rồi.

Khi đang đi dạo qua hành lang bên cạnh tòa nhà Nghị viện (House of Commons Chamber), tôi tình cờ gặp Peter Mandelson. Trước đây, chúng tôi đã nói chuyện qua điện thoại, nhưng khá khách sáo.

“À, tôi đang mong gặp anh,” ông ta nói. “Nào, đừng có cố gắng lợi dụng tình huống này. Gordon vẫn là lựa chọn số 1 và được ủng hộ.”

Mỗi khi cùng với Peter trong hoàn cảnh như thế này, bạn có thể sẽ chẳng bao giờ biết chắc chắn về những gì ông ta đang nói, nhưng tôi lại chắc chắn về những gì mà tôi muốn nói.

“Peter,” tôi nói: “Anh biết là tôi mến anh, nhưng đây là cơ hội của tôi. Tôi rất chắc chắn về nó. Và anh phải ủng hộ tôi.”

“Tôi không chắc lắm,” ông ta nói. Lần đầu tiên, không khí xung quanh thực sự nghiêm túc và trong giây lát chúng tôi đứng đó, nhìn nhau trân trối qua chiếc bàn bọc da xanh ở phía bắc hành lang tòa nhà.

“Peter,” tôi nói, đặt tay lên vai ông ta, “đừng cản trở tôi trong việc này. Đây là cơ hội của tôi. Tôi biết và tôi sẽ nắm lấy nó.”

“Anh không thể chắc chắn về điều đó,” ông ta đáp lại.

“Tôi hiểu.” Lúc đó tôi nói nhẹ nhàng, tình bạn đã hoàn toàn trở lại trong giọng nói của tôi.
“Nhưng hãy nhớ những gì tôi đã nói.”

Có ai đó bước vào hành lang. Như thể thần giao cách cảm, chúng tôi tách nhau ra và đi theo hai hướng khác nhau.

3. Đảng lao động mới

Tối đêm khuya hôm đó, trong khi cả nước vẫn bàng hoàng trước sự ra đi của John Smith, Mo đã kiên quyết yêu cầu tôi đến một cuộc họp nơi cô đã tập hợp được thứ mà cô gọi là “những quả trứng đá” – những người sẽ tổ chức tranh cử vị trí lãnh đạo cho tôi. Họ là một nhóm nghị sĩ đa dạng, với một số gương mặt quen thuộc và một số gương mặt không ngờ đến – những người ủng hộ tự nhiên và cả những người ủng hộ gương ép. Họ không phải là thành phần trí thức của Công Đảng Nghị viện (PLP), họ đã học hỏi về chính trị theo một cách thức khó khăn, họ rất cứng rắn, dũng cảm và quy củ. “Đây là những người sẽ làm việc cho ngài,” cô ấy nói. “Ngài có thể thấy rằng ngài có đủ hậu thuẫn để chiến thắng.”

Tôi thậm chí không thể nhớ thời gian và địa điểm chính xác của cuộc họp đầu tiên với Gordon. Thậm chí có thể tôi đã bắt đầu một cuộc nói chuyện quan trọng với ông ấy qua điện thoại. Đó là cả một chuỗi những hoạt động nói, nghĩ, dự đoán và không có quá nhiều những mưu mẹo, mà thay vào đó, tôi đã cố gắng để các mưu mẹo ra bên ngoài.

Sau cuộc họp, tôi quay lại Richmond Crescent. Có cả một nhóm phóng viên và nhiếp ảnh gia tụ tập bên ngoài ngôi nhà. Họ ở lại từ lúc đó, theo từng nhóm lớn nhỏ, cách cửa sổ phòng ngủ của chúng tôi khoảng 3m. Đó quả là một cảm giác kỳ lạ. Thậm chí phía trong phòng, những tấm màn dày được buông kín nhưng tôi vẫn có cảm giác giật mình, lúng túng, nhưng – cũng có một chút gì đó phấn khích vì được diễn thuyết.

Tôi cố gắng kiềm chế nhưng không giấu nổi sự hồi hộp. Nhiều tuần sau khi John mất – đây là lần đầu tiên tôi có cảm giác như vậy – tôi thức dậy vào buổi sáng với phần tóc sau gáy ướt đầm mồ hôi. Những gì tôi có thể kiểm soát lúc tỉnh táo đã hoàn toàn chế ngự tôi trong giấc ngủ.

Cherie là một động lực kỳ diệu trong những khoảng thời gian như thế này. Cô ấy biết rằng cuộc đời mình sắp thay đổi và điều này cũng đáng sợ chẳng kém. Cherie, sinh trưởng tại Bắc London và là một luật sư tài năng mẫn tuệ, sắp phải va chạm với thế giới báo lá cải và những ánh đèn bất tận của giới truyền thông. Nền tảng giai cấp công nhân của cô đồng nghĩa với khả năng thích ứng và hòa nhập tốt đẹp với mọi người, nhưng trải nghiệm duy nhất của cô trước đây với kiểu nổi tiếng này là từ kinh nghiệm của cha mình và nó chẳng hề vui vẻ.

Thế nhưng, đêm đó cô ấy đã ôm và vỗ về tôi, nói với tôi điều tôi cần được nghe, tiếp thêm sức mạnh cho tôi, làm tôi cảm thấy những gì tôi sắp làm là đúng đắn. Tôi không nghi ngờ gì về việc mình phải chiếm lấy nó, nhưng tôi cần có sự tái khẳng định và trên hết, cần được tiếp thêm động lực tinh thần.

Tôi là người rất độc lập về cảm xúc thậm chí quá độc lập. Nhưng tôi cũng sợ mất kiểm soát bởi bản chất con người suy cho cùng vẫn là yếu đuối và không đáng tin.

Vào đêm 12 tháng Năm năm 1994, tôi đã cần tình yêu của Cherie, một cách ích kỷ. Tôi đã ngẫu nhiên nó để nạp thêm sức mạnh, tôi như một con thú đang đi theo bản năng, biết rằng mình sẽ cần tất cả các nguồn động lực và sự kiên cường để đối mặt với những gì đang chờ đợi ở phía trước. Tôi vừa hồ hởi, lo lắng vừa quyết tâm.

Tuy nhiên, nỗi sợ đã mang lại một hậu quả mà cho tới hôm nay tôi cũng không chắc là ảnh hưởng đó là ôn hòa hay xấu. Tôi không muốn chiến đấu chống lại Gordon trong cuộc cạnh tranh giành quyền lãnh đạo. Bởi một cuộc chiến như thế cần chúng tôi phải tách bạch và không thể tránh khỏi, ông ấy sẽ ngả sang phía cánh tả. Thực ra, trong hai ngày sau đó, tờ Times đã đăng một câu chuyện – có lẽ được đưa ra bởi Peter, người vẫn chưa toàn tâm toàn ý với tôi mà đang cố gắng xoay sở tình thế giữa hai chúng tôi. Câu chuyện đã phác thảo trước nội dung một bài diễn thuyết mà Gordon sắp thực hiện trước Hội nghị Công Đảng xứ Wales được tổ chức ở Swansea. Nó được trình bày như thể để kiểm tra đoàn điều hành Blair và cũng được dùng để

thu hút sự ủng hộ của công đoàn. Một sự chia rẽ giữa hai nhà hiện đại hóa chính – và một trong đó là người mà Chính phủ Đối lập muốn ủng hộ – không phải là một việc tốt. Tôi có thể thắng, nhưng cái giá phải trả sẽ là gì?

Nếu thành thật, thì có một lý do nữa khiến tôi không muốn có một cuộc cạnh tranh đối đầu: Tôi sợ sự hiểu lầm, sự hiểu lầm có thể có, nổi buồn khi hai người bạn trở thành kẻ thù. Tôi không thể nói cảm giác nào chế ngự nhiều hơn – sự tính toán được mất về mặt chính trị hay cảm giác sợ hãi – nhưng sự kết hợp giữa chúng khiến tôi quyết tâm về văn Gordon, thay vì chạm trán trực diện ông ấy.

Nhiều lần sau đó và sau nhiều suy đoán liên tiếp, tôi vẫn không chắc liệu đó có phải quyết định đúng đắn không. Để đánh bại ông ấy thì có thể bắt đầu bằng việc chế ngự ông ấy, ít nhất là tạm thời, nhưng làm thế không thể loại bỏ được Gordon – trong nhiều trường hợp chúng tôi vẫn cần ông ấy – và cách làm đó có thể làm mất đi hay làm yếu đi ý niệm về hình ảnh của một Công Đảng mới vốn đã hình thành trong tâm trí tôi. Dù chúng tôi cố gắng đến mấy để giữ cho cuộc cạnh tranh được tốt đẹp, nó vẫn không thể tránh khỏi những trở ngại hoặc khó khăn. Dù sao, tôi cũng mong mỏi là ông ấy sẽ tự nguyện rời khỏi chiến trường. Đương nhiên, tôi vẫn sẵn sàng chiến đấu, nhưng đó không phải lựa chọn được ưu tiên của tôi.

Tất nhiên, Gordon không phải thách thức duy nhất. Trong cuộc nói chuyện đầu tiên giữa tôi và John Prescott, tôi đã cố gắng để ông ta hiểu rằng ông nên rời bỏ cuộc cạnh tranh và chỉ tranh cử cho vị trí phó mà thôi. Đó là một cuộc nói chuyện thân mật, nhưng John quả quyết là ông ta sẽ ra tranh cử. Ông ta cho rằng bằng cách tranh cử cả hai vị trí, ông sẽ nâng cao cơ hội trở thành phó lãnh đạo (deputy leadership). Ngược lại, Margaret Beckett đã khôn ngoan hơn khi chỉ ứng cử vị trí phó lãnh đạo. Khi đó, trong khoảng thời gian ngay sau khi John mất, Margaret Beckett trở thành nhà lãnh đạo lâm thời cho tới khi cuộc tranh cử để tìm kiếm nhà lãnh đạo chính thức kết thúc, sau đó bà có thể sẽ được trao vị trí phó lãnh đạo danh dự. Tôi cho rằng lòng tự tôn khiến bà ấy không thể chấp nhận điều đó, dù tôi phải nói rằng sau đó bà đã xử sự rất lịch thiệp với tôi. Sự sẵn lòng cạnh tranh của John, cùng sự khôn ngoan của ông ta đã nhắc tôi rằng lẽ đáng quang mà tôi mong muốn là một ý tưởng tồi, tất cả đã kích động ý chí chiến đấu trong tôi. Ngay sau đó tôi nhận ra rằng mình không nên và không thể rút lui, tôi phải bước ra và giành chiến thắng.

Sự tham gia của Gordon lại là chuyện hoàn toàn khác và vì thế chúng tôi phải bắt đầu một chuỗi những vụ đàm phán, ở nhiều vị trí bí mật, cách xa tòa nhà Hạ Viện và những con mắt nhòm ngó. Chúng tôi gặp mặt ở nhà chị dâu tôi ở góc cua gần Richmond Crescent; hay ở nhà Nick Ryden, một người bạn của tôi ở Edinburgh; và trong một căn hộ của cha mẹ bạn gái cũ và cũng là mối tình đầu của tôi, Amanda Mackenzie Stuart. Một cuộc gặp mặt như vậy phải được giữ tuyệt mật bởi những lý do hiển nhiên, khi thế giới bên ngoài đang rộ lên những lời đồn đoán. Đó chỉ là một cuộc cạnh tranh để trở thành lãnh đạo phe Đối lập, tất nhiên, nhưng nó cũng mang một cảm giác rất mãnh liệt rằng Công Đảng có nhiều triển vọng trong cuộc bầu cử tới. Hàng loạt dự đoán xuất hiện; “có điều gì đó mơ hồ đang diễn ra”, theo lời của một bài hát. Đó là thời khắc phù hợp, một sự hoán đổi thế hệ, một điềm báo rằng kết quả lựa chọn lãnh đạo mới có thể sẽ thay đổi không chỉ đảng mà cả đất nước và không đơn giản chỉ là sự thay đổi Chính phủ, mà đó là sự thay đổi trong hệ tư tưởng của thời đại.

Mọi thứ băng đi trong một vài tuần, vì có một thỏa thuận được đặt ra bởi Ủy Ban Hành Pháp Quốc Gia (NEC – National Executive Committee) rằng hoạt động tranh cử quyền lãnh đạo sẽ không được tiến hành cho tới khi các cuộc bầu cử ở châu Âu, được ấn định diễn ra vào giữa tháng Sáu. Còn có một lý do nữa khiến chúng tôi phải giữ bí mật. Những người ủng hộ riêng của chúng tôi rất hồi hộp về thỏa thuận giữa hai người: Người ủng hộ của Gordon lo rằng ông ấy sẽ đồng ý ngừng tranh cử, nhiều người thúc giục ông ấy tranh đấu; người ủng hộ tôi thì lo rằng tôi sẽ nhường Gordon một số điều khoản. Mỗi lần chúng tôi gặp mặt đều làm dấy lên những ngọn sóng của sự hồi hộp lan tỏa giữa những nhóm người ủng hộ về những sự nhượng bộ mà cả hai chúng tôi có thể đã thực hiện. Vì lý do đó Anji và Sue Nye, những trợ thủ đắc lực

của Gordon, đã giữ kín những thỏa thuận giữa hai chúng tôi. Cũng thời điểm đó, giới truyền thông cũng thường xuyên săn đuổi tôi. Nơi gặp mặt thường được chọn lựa cẩn thận, nhưng dường như họ cũng đoán được việc chúng tôi chọn nhà bạn bè làm nơi gặp mặt. Tôi đang chạy nước rút.

Chị của Cherie, Lyndsey và chồng chị ấy, Chris tuyệt đối an toàn và chắc chắn. Nick là một trong những người bạn lâu năm nhất của tôi, sinh trưởng tại Fettes, cậu ấy là người hoàn toàn đáng tin, thông minh và kín đáo. Tôi cũng thích sự lãng mạn khi gặp mặt ở nhà Amanda. Mỗi tình đầu, cơn bão cảm xúc và khao khát mãnh liệt, dự cảm mãnh liệt về điều gì đó độc đáo, không thể diễn tả nổi, không thể giải thích nổi và thậm chí đôi khi không thể hiểu nổi, nhưng lại rất li kỳ, kích thích, liệu có khiến trống ngực bạn đánh liên hồi? Lúc đó tôi 18 tuổi, năm cuối cùng ở Fettes. Cô ấy là nữ sinh duy nhất trong trường – người đầu tiên và vì thế tôi chọn cô ấy vì cô là con gái của Chủ tịch Hội đồng trường. Họ có một gia đình tuyệt vời. Cha Amanda là thẩm phán Anh tại Tòa án châu Âu, mẹ là một nhà ngoại giao quyến rũ và vui vẻ rất tự nhiên.

Gia đình họ có bốn cô con gái, trong đó Amanda là chị cả. Tôi đã ngã gục trước tiếng sét ái tình. Họ có một ngôi nhà bằng đá xinh đẹp được xây dựng từ thế kỷ XVIII ở New Town, khu vực sảnh ngoài và mái vòm hình lưỡi liềm là những tuyệt phẩm kiến trúc. Edinburgh là một trong những thành phố xinh đẹp bậc nhất thế giới. Tôi thuộc và yêu thích từng con đường bao quanh New Town. Tôi đã đi dạo khắp nơi quanh đó và trong nhiều năm sau đó, tôi vẫn tìm thấy sự bình yên, thoải mái và thư thái trong sự thân thuộc của mảnh đất này, sự chắc chắn và nét riêng biệt trong các thiết kế của nó thấm đẫm vẻ trung lưu và thượng lưu của Edinburgh. Ở đó tôi rất thư thái và dường như tại nhà của Amanda, bất cứ nơi nào cũng phản ánh bóng hình của cô ấy và chính điều đó khiến tôi tự tin hơn về mục tiêu trong tầm tay.

Tôi đã sử dụng đến tận cùng khả năng đàm phán và gây ảnh hưởng của tôi, khi thì gây sức ép, lúc thì sử dụng tình cảm để tác động tới Gordon. Trong hơn 10 năm qua, Gordon và tôi đã từng kẻ tám lạng người nửa cân. Chúng tôi là hai cộng sự thân thiết nhất trên chính trường. Đó không đơn giản là mối quan hệ nghề nghiệp, mà còn là một tình bạn. Về sau, khi mọi việc trở nên khó khăn và nguy hiểm hơn, nỗi đau đớn trong tình cảm của tôi lại càng trở nên sâu đậm hơn bởi sự thân thuộc trước đó giữa hai người. Đó là một tình bạn chính trị, nhưng nó đã được củng cố, thậm chí là được đặt nền tảng, từ cảm giác yêu quý chân thành dành cho nhau. Không ai trong chúng tôi từng gặp người nào như thế trước đó. Đôi khi tôi thấy ông ấy thật kỳ quặc: Tính tự vấn, sự căng thẳng, có lúc tôi thấy ông ấy trong căn hộ của mình ở Edinburgh vào một sáng thứ Bảy trong chiếc quần âu áo trắng, bị bủa vây bởi một núi giấy tờ, mang một vẻ lập dị, điều đã khiến tôi vô cùng ngạc nhiên. Ông ấy có thể tử tế, hào phóng, quan tâm tới bạn và không chỉ hài hước mà còn thông minh sắc sảo. Cuộc thảo luận không chỉ xoay quanh vấn đề chính trị – mà chúng tôi còn trao đổi về những điều riêng tư sâu sắc, có những tràng cười, tranh luận về triết học, tôn giáo, nghệ thuật và những chuyện vặt vãnh hàng ngày vốn hấp dẫn, làm chúng tôi phấn khích như những con người bình dị.

Trong khi đó, với ông ấy, tôi là một người có tính cách mới mẻ. Tôi rất phi chính trị trong quan điểm của mình về chính trị. Tôi tin vào bản năng hơn là tin vào các phân tích; hay tôi vẫn phân tích và tái phân tích các vấn đề chính trị với điểm khởi đầu là bản năng. Đầu tiên, ông ấy hướng dẫn tôi rất nhiều điều: Làm sao để đọc vị được những trò chơi trong nội bộ Công Đảng, những ranh giới không được phép vượt qua đối với các công đoàn; làm sao để trình bày một bài diễn thuyết; khi nào cần phải im lặng cũng như khi nào phải lên tiếng trong một cuộc họp nội bộ đảng. Chỉ với một câu, ông ấy đã dạy tôi những kỹ năng chính trị gần như theo cùng một cách mà Derry đã dạy tôi về nghề luật sư.

Qua thời gian, ông ấy nhận ra rằng tôi có góc nhìn về chính trị giống như của một người dân thường, đó là một cách tư duy chính trị khác với ông ấy. Khó khăn lớn nhất mà một chính trị gia tập sự phải hiểu là hầu hết mọi người không phải lúc nào cũng nghĩ đến chính trị cả ngày. Hoặc nếu có, cũng chỉ là với một tiếng thở dài, đằng hắng thể hiện sự bất đồng hay một cái nhướn mày, trước khi quay lại lo lắng về lũ trẻ, về cha mẹ, về tiền thuê nhà, về ông chủ, về bạn

bè, về cân nặng và sức khỏe của mình, đời sống tình dục và nhạc Rock n' Roll.

David Blunkett, một ví dụ điển hình về người đã cống hiến cả đời cho chính trị nhưng vẫn có thể tư duy như một người dân thường, một lần đã bảo tôi rằng thậm chí khi tên tuổi ông ấy đang ở đỉnh cao trong vai trò Bộ trưởng Nội vụ, người ta vẫn tiếp cận ông ấy và hỏi, "Tôi thấy ngài trên ti vi, ngài làm gì vậy?", hay quái đản hơn là khi gặp ông ấy dắt chó đi dạo và mọi người có thể biết ông là ai, nhưng có người vẫn nói, "Tôi không biết rằng ngài lại bị mù đấy."

Đôi khi người ta cũng tỉnh táo. Khi đó họ – hay ít nhất là phần lớn trong số họ – thường tập trung và lắng nghe. Đây là những giờ phút quyết định. Mèo ở đây là phải phát hiện ra họ. Đối với một chính trị gia chuyên nghiệp, từng phút tỉnh táo cũng có tính quyết định. Với họ, cảnh quan chính trị thường xuyên được chiếu rọi và chùm ánh sáng đó quét qua bề mặt lờm chờm những thăng trầm của tham vọng, nguy cơ và mục tiêu cần đạt được. Họ thường xuyên mang trong mình nỗi sợ thường trực rằng mình không nắm được nguyên nhân thất bại trong cuộc hành trình của mình. Với những người bình thường, chính trị là một màn sương mù xa xôi mờ ảo. Thất bại trong việc hiểu ra điều này là một sai lầm chết người đối với hầu hết các chính trị gia. Nó khiến họ quá tập trung vào tiểu tiết thay vì nhìn thấy cả bức tranh toàn cảnh. Nó đồng nghĩa với việc họ tách mọi thứ ra khỏi tỷ lệ thực và điều này gây hoang tưởng và ngăn họ nhìn thấy điều đang thực sự vận động hay có vai trò tối quan trọng.

Tình bạn của chúng tôi là thực và được bổ sung bởi một lợi ích chính trị tổng thể có giá trị lớn hơn hẳn từng phần riêng biệt của lợi ích đó, nhưng nó cũng có nghĩa là khi thời cơ đến và chỉ một người trong chúng tôi được đi tiếp thì mọi chuyện sẽ trở nên rắc rối hơn rất nhiều.

Về cơ bản, tôi cho rằng mình là người có thể thành công trong cuộc bầu cử nội bộ đảng trên cả nước (các cuộc bỏ phiếu thăm dò ban đầu vào cuối tuần sau khi John qua đời đã cho thấy tôi đang cách khá xa những ứng viên còn lại và trong thực tế John Prescott đang dẫn trước Gordon), nhưng chúng tôi có chung một chương trình nghị sự, chúng tôi làm việc cùng nhau và đúng lúc này Gordon phải là người nổi bật, nếu không nổi bật, thì mọi việc kết thúc. Tuy nhiên, cũng có một điều kiện, về sau trở thành đề tài của hầu hết các cuộc tranh luận và chỉ trích gay gắt: Tôi giúp ông ta thành công, vì thế ông ta sẽ cộng tác với tôi, trong khi chấp nhận rằng nếu trở thành lãnh đạo, thì tôi phải được quyền chỉ đạo. Ở thời điểm đó, dường như không quá khó để yêu cầu hay từ bỏ. Dù không bao giờ có một thỏa thuận rằng việc ông ấy ngừng tranh cử đồng nghĩa với việc tôi đồng ý giúp ông ấy trở thành trợ lý của mình, nhưng chúng tôi đều ngầm hiểu về một lợi ích cho cả đôi bên. Nếu bạn hỏi tôi sẽ làm gì và điều gì sẽ xảy ra, tôi nói sẽ làm hai nhiệm kỳ rồi sau đó trao lại quyền cho ông ấy. Việc đó có vẻ đúng đắn và công bằng đối với đảng và đất nước, chứ không chỉ cho hai chúng tôi. Lúc đó, ông ấy đứng đầu trên mọi phương diện so với những người khác về năng lực, tầm ảnh hưởng và kỹ năng.

Không ai trong hai chúng tôi cố gắng dự đoán tương lai. Tôi lo âu khi nghĩ đến việc loại ông ấy khỏi cuộc chơi và tiếp tục hành trình của mình; còn ông ấy thì lo lắng tìm cách cố gắng hết sức. Thực tế là tôi đã giành được quyền lãnh đạo còn ông ấy thì muốn nó. Trước đây đã như vậy và bây giờ vẫn thế. Có thể điều đó đã được số phận định đoạt, trừ phi ai đó trong chúng tôi ấn nút quả bom hẹn giờ và quyết định khai màn cuộc chiến để triệt hạ người còn lại. Đó luôn là một sự chọn chò cả hai chúng tôi – tôi loại bỏ ông ấy, ông ấy từ chức và chống lại tôi – nhưng sức công phá và độ tàn ác của một hành động như vậy thường xuyên đưa chúng tôi đến sát miệng vực.

Lần đầu tiên ông ấy thực sự đề cập đến việc sẽ đứng sang một bên và ủng hộ tôi là ở nhà Amanda. Tới lúc đó, ông ấy vẫn duy trì tư tưởng chiến đấu với tôi. Tôi biết ông ấy sẽ không làm, nhưng tôi cũng biết rằng việc thảo luận kéo dài là tiền đề để lôi kéo ông ấy về phía tôi. Tôi không lo về lập luận, mà lo về lòng kiêu hãnh của ông ấy.

Cũng có một tiết lộ thú vị về cuộc thảo luận mà về sau đã gây ra rất nhiều phỏng đoán. Ông ấy muốn được tự do kiểm soát chính sách kinh tế. Có lúc, Peter – người lúc đó đang cố gắng xoay

sở mọi việc trong thiện chí của tôi – thậm chí đã đệ trình tôi một văn bản trong đó đề nghị tôi thực sự từ bỏ quyền kiểm soát chính sách kinh tế. Đề nghị này, thật không may, vẫn cứ tồn tại. Tôi đã trả lời rằng đó là điều tôi không thể chấp nhận. Chấm dứt sự tương tác. Chấp nhận! Cộng tác. Chấp nhận! Cùng lãnh đạo. Tuyệt đối không. Sự việc này làm tăng giả thuyết cho rằng tôi không quan tâm đến chính sách kinh tế. Ngược lại, tôi hết sức quan tâm đến lĩnh vực này và dù cho đây là một cuộc chiến giằng co và làm người ta kiệt sức, tôi vẫn sẽ luôn kiểm soát chặt chẽ nó, ít nhất là tới nhiệm kỳ thứ ba.

Chúng tôi gặp khó khăn khi nói chuyện với nhau nhưng các cuộc nói tranh luận không hề thù địch, cay đắng hay thiếu thân thiện. Chúng tôi giống như một cặp tình nhân, đang tranh luận xem nghề nghiệp của ai cần được coi trọng trước. Trong khi có rất nhiều thứ đứng trước nguy cơ, nhưng cũng có những thứ củng cố thêm cho tình bạn của chúng tôi. Dù sao, không nghi ngờ gì nữa, ông ấy cảm thấy một chút bàng hoàng và bị phản bội. Ông ấy không bao giờ nghĩ rằng tôi sẽ đặt mình lên trước. Ông ấy nghĩ mình là một chính trị gia tiền bối, chứ không phải ông ấy tự ý thức về sự ưu việt trí tuệ của mình. Vui làm sao, trong nhiều năm tranh luận triền miên vốn đặc trưng cho tình bạn của chúng tôi tới thời điểm đó, tôi giống như một luật sư biện giải hay một giáo sư cố gắng sắp xếp trình tự logic và nguyên nhân của quan điểm của chúng tôi về chính sách. Ông cũng là một chính trị gia bậc thầy. Ông ấy thực sự rất thông minh nhưng trong việc tạo lập kịch bản cho những gì chúng tôi đang làm, tôi có xu hướng nghĩ ra ý tưởng và ông ấy lại dịch nó ra thành chính trị thực tiễn. Ông ấy cũng có khả năng cảm nhận tín hiệu xuất sắc. Ông ấy có thể ngay lập tức nhận ra tín hiệu tập trung tại một điểm, cho bạn tới sáu góc nhìn khác về nó và thường xuyên làm bạn nhận ra một điều gì đó dưới một góc độ hoàn toàn khác. Tôi thường so sánh ông ấy với Derry theo cách đó. Tôi thường xuyên học hỏi được từ những cuộc thảo luận với ông ấy. Các cuộc thảo luận rất dài, nhưng hiếm có phút nào bị lãng phí. Tâm trí của chúng tôi chuyển động rất nhanh và hòa nhập vào nhau. Khi có mặt những người khác, chúng tôi cảm thấy nhịp độ và sức mạnh bị phân tán, cho đến khi, khá giống những đôi tình nhân đang khao khát yêu đương trong tuyệt vọng nhưng bị quấy rầy bởi mấy người bạn cũ đi ngang qua, chúng tôi sẽ cố gắng đuổi khéo họ đi, đẩy họ ra cửa với một cái vỗ hào hứng vào lưng. Tình bạn của chúng tôi không hẳn là một cái gì đó bị cô lập, đóng kín, nhưng cảm giác được một mình khi thảo luận cùng nhau rất mạnh, đôi khi quá mãnh liệt. Dưới áp lực của cuộc tranh cử giành quyền lãnh đạo, không dễ để mở những cảm xúc đó ra trước các ảnh hưởng khác – xấu, tốt hay thờ ơ – của thế giới bên ngoài. Nhưng tất nhiên đây đúng là điều đang xảy ra.

Với ông ấy việc này còn khó gấp đôi. Ông ấy có một hy vọng mà giờ đây đã bị tiêu tan, đó là lại được tỏa sáng đúng lúc, nhưng vào lúc nào, làm cách nào hay trong hoàn cảnh nào, thì ông không thể biết hay quyết định. Về phần tôi – và bạn có thể tin vào điều đó hoặc không, tôi không thật sự suy nghĩ gì cả – tôi đã thực hiện một sự biến đổi miễn cưỡng để ứng cử giành quyền lãnh đạo. Tôi vẫn nhớ cuối tuần sau khi John qua đời và tôi được báo rằng tờ Sunday Times sắp công bố kết quả về cuộc bỏ phiếu thăm dò, tôi đợi kết quả với ý nghĩ rằng mọi thứ có thể sẽ đơn giản hơn bao giờ hết nếu kết quả cho thấy Gordon đang dẫn đầu và tôi sẽ có cơ để nói với bạn bè và người ủng hộ, “Chà, rốt cuộc có phải là tôi đâu.” Nhưng điều đó không xảy ra và có thể nếu nó xảy ra thật, thì lúc đó tôi cũng đã đi quá xa rồi. Vấn đề ở chỗ khi đã đi xa như vậy, thì cách tốt nhất để thoát khỏi tình trạng hiện nay và tôi đã thành thực tin như thế, là tôi nên giành quyền lãnh đạo. Vào lúc đó, chúng tôi đã là phe Đối lập 15 năm và gắn kết rất chặt chẽ với các khu vực ủng hộ mình – miền Bắc, Scotland, xứ Wales, vùng nội thị. Dù thất vọng với Đảng Bảo thủ, miền Trung nước Anh vẫn lo lắng và không tin tưởng chúng tôi. Tình thế đang rất cần đảng của chúng tôi thực hiện một bước ngoặt cách mạng mang tên “hiện đại hóa” để giành được sự ủng hộ của những khu vực mới, để lần đầu tiên cho thấy đảng có thể giành được sự ủng hộ ở bất cứ đâu, rằng đảng có thể vượt qua những phân chia tầng lớp xã hội và công ăn việc làm, rằng đảng có thể khiến đất nước thống nhất. Tôi là một nhà chính trị với sứ mệnh hiện đại hóa, điều đó thể hiện trong cá tính, trong ngôn ngữ và ngay lúc này – trong cảm giác và khí chất của tôi.

Sau cuộc nói chuyện ở nhà cha mẹ Amanda, nơi gia đình cô ấy đã chuyển đi khi có thêm nhiều

thành viên mới, chúng tôi ngồi trong bếp nhìn ra ngoài những khu vườn và khoảng đất phủ đầy cỏ dại dọc hai bên chân cầu Dean, gần nơi mà cách đây nhiều năm tôi đã xuất sắc hoàn thành một dự án tình nguyện cho những người lang thang không nơi nương tựa thay cho các tổ chức thiện nguyện. Lúc đó, chúng tôi đơn giản là tìm cách xoay sở với những gì mình có.

Sau đó, khi ở nhà Nick Ryden, chúng tôi đã làm rõ được phương hướng chung của sự việc. Nick đã chuyển tới một ngôi nhà cổ rất rộng và đang tu sửa lại nơi này. Anh ấy lãnh mặt để chúng tôi nói chuyện riêng với nhau. Sau khoảng một giờ Gordon đứng dậy vào nhà vệ sinh. Tôi đợi bên ở dưới tầng trệt. 5 phút trôi qua. Rồi 10. Rồi 15. Tôi bắt đầu thấy lo. Đột nhiên chuông điện thoại reo. Vì đây không phải nhà tôi, nên tôi để mặc nó. Chế độ trả lời tự động vang lên và giọng Nick yêu cầu người gọi để lại tin nhắn. Đột nhiên, một giọng nói khác dội lên từ máy: "Tony, tôi Gordon đây." Chà, tôi đã sợ hú hồn. Chuyện quái quỷ gì đã xảy ra thế? "Tôi đang ở trên gác trong toilet," ông ấy tiếp, "và không thể ra được."

Trong lúc sang sửa lại nhà, cửa nhà vệ sinh đã được thay thế nhưng chưa có tay cầm bên trong. Gordon đã mất 15 phút ngồi tìm số của Nick trong điện thoại di động. Hệ thống cách âm trong nhà khiến tôi không thể nghe thấy tiếng ông ấy gọi. Tôi đến gần nhà vệ sinh và nói vọng vào: "Hãy rút khỏi cuộc đua đi nếu không tôi sẽ để mặc ông trong đấy," tôi nói.

Cuối cùng, với sự hướng dẫn của Peter, chúng tôi đã đưa ra một thông báo rằng Gordon sẽ ủng hộ tôi và chúng tôi đã tuyên bố điều đó trong lúc đi bộ thư giãn quanh Vườn Cung Điện bên dưới tháp Big Ben. Bản thông báo có tác dụng tốt về mặt truyền thông nhưng không được suôn sẻ lắm cho một mối quan hệ.

Cái gốc của vấn đề ở chỗ, ông ấy nghĩ rằng tôi có thể là một cái thùng rỗng được ông ấy rót thứ nước do chính tay ông ấy tinh lọc vào. Tôi không chắc liệu ông ấy có thực sự nghĩ rằng tôi chỉ là một con rối, được Peter và về sau là Alastair, dạy dỗ cẩn thận, nhưng hoàn toàn vô dụng khi đứng một mình hay không. Tất nhiên điều này là nhảm nhí, không phải vì tôi quá giỏi giang, mà vì một người đứng ở vị trí đó lại là sản phẩm của một người khác là điều hoàn toàn không tưởng. Có hàng nghìn quyết định, lớn nhỏ, mà một nhà lãnh đạo cần phải đưa ra. Bạn không thể giả mạo ngôn ngữ cử chỉ hay bịa ra nó. Dù có là một diễn viên giỏi đến đâu, thì rốt cuộc chính trường cũng không phải một vở kịch.

Việc này giống như khi người ta nói với tôi rằng: "À, ra là thế, họ chả tin vào cái gì cả, họ chỉ là những kẻ mồm mép ba hoa mà thôi." Đưa ra một phát ngôn chính trị, nhiều khi giống như ném ra một cái bu-mê-răng, mà đích quay về của nó lại chính là người đứng đầu. Ở vị trí đứng đầu, người ta phải sẫm soi các thông điệp chính trị một cách tinh tế. Đôi khi nó gây ra sự nhức nhối đến tận tâm can con người. Nhân dân nhìn bạn như cách người ta nhìn một đồng nghiệp vẫn gặp hàng ngày ở cơ quan. Họ có thể sẽ bị lừa hoặc bị làm cho mờ mắt trong một khoảng thời gian, nhưng sớm, rất sớm thôi, họ sẽ đưa ra được phán đoán thực. Bất kể dù họ đồng ý hay bất đồng với việc bạn đang làm, họ cũng có thể hỏi liệu bạn có tin điều mình đang làm không. Nếu bạn không có niềm tin sắt đá của một chính trị gia, thì bản năng bảo chữa sẽ trỗi dậy và làm hỏng sự thuyết phục của bạn, bạn sẽ không bao giờ là một người giỏi giao tiếp vì – và điều này nghe có vẻ sách vở, nhưng thật sự thì – sự giao tiếp tốt nhất phải bắt nguồn từ con tim. Với tôi, Bill Clinton là một ví dụ điển hình cho điều này. Người ta thường xuyên viết về ông là một nhân vật giao tiếp kỳ tài, nhưng lại không có nhiều niềm tin. Điều đó hoàn toàn nhảm nhí. Đúng là ông không hề tin vào việc mình là một thành viên của Đảng Dân chủ truyền thống, mà ông cũng không phát biểu về chính sách của Đảng Dân chủ truyền thống. Ông là một người theo Đảng Dân chủ mới và đó chính là cách ông ấy nói chuyện, bởi đó là điều ông ấy tin. Điều đó lý giải tại sao ông lại thành công trong việc truyền đạt nó đến thế.

Có thể Gordon nghĩ là tấm gương có thể được lau chùi theo cách ông ấy muốn, nhưng mọi chuyện không bao giờ diễn ra theo cách đó cả và hiềm khích bắt đầu xuất hiện như một điều không tránh khỏi. Chúng tôi bất đồng về việc liệu có đề cử John Prescott giữ vị trí phó hay không. Tôi có thể chấp nhận Margaret Beckett ở vị trí đó, nhưng mặt khác, tôi nghĩ rằng John

có những tố chất mà Beckett không có. Chúng tôi bất đồng về việc ai nên điều khiển chiến dịch tranh cử của tôi. Tôi và người của mình nghĩ rằng người đó không thể là Gordon, như vậy thì quả là rối ren. Lúc này, tôi phải chuẩn bị cho thời điểm trở thành lãnh đạo đảng, đến lúc ấy tôi sẽ không thể sống trong một căn hộ khép kín như hiện nay được. Gordon có thể là người được ưa chuộng, nhưng không phải người duy nhất. Trong nhóm giúp việc của tôi, chúng tôi nghĩ Jack Straw sẽ phù hợp hơn vì anh ta là người trung lập và có thể mở rộng tầm ảnh hưởng của tôi ở Công Đảng Nghị viện và tôi đã giải thích điều này cho Gordon. Gordon cực lực phản đối.

Chiến dịch tranh cử quyền lãnh đạo Đảng đã diễn ra suôn sẻ. Rất ít lãnh đạo công đoàn ủng hộ tôi, nhưng các thành viên công đoàn lại ủng hộ và chúng tôi đã giành được đa số phiếu của các đảng viên và nghị sĩ. Một mối lo suốt thời gian đó là làm sao giảm được những nhận xét sai lệch, sự thay đổi ý kiến của những người ủng hộ hay nhượng bộ phe cánh tả. Dần dần, tôi làm quen với cảm giác mình đang trở thành lãnh đạo Đảng.

Trời nắng trong suốt khoảng thời gian này. Tôi nhớ mình đã vận động bầu cử khắp cả nước trong thời tiết nóng nực, bức bối, khó chịu. Nhưng tâm trạng tôi lại khá vui vẻ. Không có đột phá nào tính đến lúc đó và cũng không có rủi ro nào đáng kể, nhưng rõ ràng là tôi đã thổi một luồng gió mới vào Công Đảng, khiến nó mang màu sắc khác lạ. Chính điều này đã thu hút thêm sự quan tâm, hứng khởi và động viên từ công chúng. Đảng Bảo thủ luôn cố gắng vờ coi tất cả những điều đó là hão huyền, nhưng đằng sau vẻ hiên ngang đó, họ đang lo lắng thực sự. Họ biết nếu tôi sở hữu một điều gì đó phù hợp với tình hình thực tế, họ sẽ cầm chắc phần thua.

Sau cuộc bầu cử và trở thành lãnh đạo đảng, với John giữ vị trí phó, tôi bắt đầu ổn định đội hình. Peter lúc này đã hoàn toàn nhập cuộc, nhưng việc đó khiến ông ấy trở nên xa lánh Gordon, người đã dần tin rằng Peter đã lập kịch bản cho quá trình lên cầm quyền của tôi ngay từ đầu. Suy nghĩ đó thật sai lầm, ít nhất theo tôi được biết – dù Peter có như vậy đi chăng nữa, thì hẳn là ông ta đã rất giỏi che giấu. Về phần tôi, tôi chắc chắn rằng không phải vậy. Peter luôn thích đóng vai Machiavelli, nhưng theo kinh nghiệm của tôi, ông ấy là một trong những người minh bạch và cởi mở nhất.

Vào tháng Chín năm 1994 chúng tôi có một ngày nghỉ xa tại khách sạn Chewton Glen ở New Forest, sau đó vào năm 1995 chúng tôi tổ chức cuộc gặp thứ hai – gồm những người thân cận với nhau trong đó có tôi, Peter, Gordon, Alastair, Phillip, Anji, Jonathan, Sue – tại Fritham Lodge, cũng ở New Forest và tại nhà của anh trai Jonathan. Tin tức về cuộc gặp thứ hai đã khiến cho không thể chấm dứt các vấn đề với John Prescott, người không có mặt lúc đó. Cả ngày hôm đó, Gordon kín đáo kéo Peter sang một bên và đề nghị ông ấy làm việc dưới sự thiết kế và chỉ đạo của mình. Peter thẳng thắn nói rằng ông ấy làm việc cho lãnh đạo đảng. Từ đó trở đi giữa họ hình thành một mối hiềm khích và không ai trong cả hai người là kẻ thù dễ chịu cả.

Tôi vô cùng kỹ tính trong việc chọn lựa người phù hợp để làm việc với giới truyền thông. Peter và tôi cân nhắc các ứng viên – Andy Grice của tờ Independent, Peter McMathon của Scotsman, Patrick Wintour của Guardian – dù tất cả bọn họ đều rất tốt, nhưng tôi muốn có một người chuyên về báo khổ nhỏ và đưa tin vắn tắt, tôi nghĩ Alastair Campbell là phù hợp nhất. Tôi không biết khi nghe được tin này anh ta có coi đây là cơ hội tốt không, nhưng chắc chắn anh ta rất phù hợp cho công việc của tôi. Tôi muốn một người cứng rắn và anh ta là lựa chọn số 1, tôi đang sở hữu một thiên tài.

Khi quyết định chọn Alastair, tôi quyết định sẽ thuyết phục anh ta ngay lập tức. Tôi luôn như vậy khi lựa chọn được mục tiêu. Tôi quyết không chấp nhận câu trả lời “Không”. Thoạt đầu việc này khá phức tạp. Anh ta đã sớm định hướng cho mình từ lần suy sụp tinh thần trước đây và đã từ bỏ chuyện chính trường. Cộng sự của anh ta, Fiona Millar, rất hồ nghi về triển vọng anh ta chấp nhận công việc và phán đoán rất đúng đắn rằng điều này sẽ thay đổi cuộc đời của họ. Định mệnh của anh ta là tiến xa hơn trong giới truyền thông – ngay từ lúc đó anh ta đã có tố chất của một ngôi sao – vì thế có thể Alastair sẽ phải từ bỏ rất nhiều thứ. Anh ta ngưỡng mộ và yêu quý Peter, nhưng cũng sợ phải cạnh tranh với ông ta vào phút cuối. Vì tất cả những lý do

này, nên chúng tôi gặp khó khăn trong việc thuyết phục anh ta.

Cuối cùng vào giữa tháng Tám năm 1994, tôi lựa chọn địa điểm du lịch gần căn nhà nghỉ dưỡng của anh ta ở Pháp, nơi mà hè nào anh ta cũng đến. Vì những lý do mà tôi không thể biết được, anh ta muốn ở gần nơi mà Neil, Glenys Kinnock, Philip Gould và vợ anh ta, Gail đang nghỉ. Đối với tôi, việc đi nghỉ với những người nổi tiếng trên chính trường thường gây cảm giác ái ngại. Việc đó là điều không tránh khỏi. Nhưng anh ta thích điều này và họ tán gẫu và chuyện trò rất vui vẻ.

Căn nhà ở Flassan, tỉnh Provence, nằm yên bình giữa những ngôi làng kiểu Pháp xinh xắn đến mê hồn. Nỗ lực tái chiếm Pháp trong hòa bình của người Anh hẳn không phải là điều phi lý.

Tôi đến, ở lại ăn tối cùng với Neil, nói chuyện riêng với Alastair đến tận nửa đêm và đạt được mong muốn. Tôi đã nói với Peter những cam kết mà tôi có thể. Peter vốn đã rất lo lắng về người của Gordon, nhưng trên hết, ông muốn biết rằng tôi sẽ ủng hộ ông làm những việc cần thiết.

Trong lúc ở đó, tôi đã đề cập đến chủ đề của Điều IV mô tả nội dung chính trong cương lĩnh của Công Đảng đối với Hiến pháp của đất nước mà Đảng đã dự thảo. Sau thất bại năm 1992 và không thảo luận nó với bất cứ ai, ngay cả Gordon, tôi đã hình thành quan điểm rõ ràng rằng nếu có lúc nào đó tôi trở thành lãnh đạo Đảng, Hiến pháp cần phải được viết lại và những cam kết cũ về quá trình quốc hữu hóa và quyền kiểm soát của Nhà nước sẽ bị bãi bỏ.

Điều IV trở thành một văn bản được thần thánh hóa và được những người phe cánh tả nhắc đi nhắc lại mỗi khi gặp mặt, những người không muốn dính dáng gì đến một sự thỏa hiệp nào hoặc không muốn thừa nhận sự thật rằng lối tư duy hiện đại đã khiến ngôn từ trở nên thừa thãi về mặt tri thức và gây thiệt hại về mặt chính trị. Bên cạnh những nội dung khác, Điều IV kêu gọi “sự sở hữu chung về tư liệu sản xuất, phân phối và trao đổi”. Khi được Sidney Webb, một người Fabian lỗi lạc của giới trí thức trong Đảng phác thảo vào năm 1917, các từ ngữ này thực ra là một nỗ lực lảng tránh ngôn ngữ Bolshevik của những người cực tả. Tất nhiên, phần lớn trong đó thể hiện tư tưởng quốc tế cấp tiến đang thịnh hành, tư tưởng coi việc xóa bỏ sở hữu tư nhân là một ý tưởng tâm huyết đáng theo đuổi.

Xu thế tư duy chủ đạo của cánh tả vào những năm đầu thế kỷ XX đã trở nên hão huyền một cách vô vọng, thậm chí là phi thực tế, trong thế giới của những năm cuối thế kỷ XX, từ năm 1989, ngay cả Nga cũng đã thừa nhận cơ chế thị trường. Nhưng liệu có thay đổi được không? Hoàn toàn ngẫu nhiên, tôi chưa bao giờ bị gây áp lực về điều này trong cuộc tranh cử quyền lãnh đạo Đảng. Vấn đề đã được nêu ra, nhưng chưa bao giờ được đẩy tới ngưỡng dồn tôi vào chân tường. Tôi đã tạm chưa bàn đến nó chứ không có ý định khế nó lại.

Tất nhiên, những người không ủng hộ cải cách đã ngay lập tức hướng về Điều IV khi cải cách vừa được tuyên bố, điều khoản này có tính tượng trưng rất lớn. Không ai trừ những người cực tả từng thực sự tin vào Điều IV khi nó được viết ra. Đây chính là nhận định của tôi: không ai tin vào nó, nhưng cũng không ai dám dỡ bỏ nó. Vì vậy, nó không chỉ là biểu tượng cho một thứ thừa thãi trong Hiến pháp của chúng tôi, mà còn là sự từ chối đối diện với thực tại, từ chối thay đổi một cách sâu sắc, từ chối hòa nhập trọn vẹn vào thế giới hiện đại. Nói cách khác, biểu tượng này chính là cái “chốt” mang tính tâm lý. Đó là một hình ảnh được tạc khắc, một idol (thần tượng). Phá hủy nó có thể thay đổi tâm lý toàn đảng, nó chính là kẻ đang hủy hoại và tìm giữ chúng tôi trong vai trò phe Đối lập một thời kỳ quá dài. Nếu không phá hủy điều khoản này thì mặc dù, về mặt chiến thuật, chúng tôi có thể chống lại Đảng Bảo thủ một cách thành công, nhưng chúng tôi vẫn không thể lãnh đạo một cách lâu dài dựa vào giá trị của chính mình. Vì thế, với tôi, loại bỏ Điều IV không phải là một mảnh lời quảng cáo, một chiêu PR hay một câu hỏi chỉ nằm trên văn bản, công việc này có vai trò thiết yếu nếu Công Đảng muốn hồi sinh chính mình.

Những đảng cấp tiến luôn yêu thích những động lực mang tính cảm xúc của mình. Tuy nhiên,

nếu họ có cảm giác rằng các khu vực cử tri có lẽ không cùng chung cảm xúc, thì họ sẵn sàng nói lỏng chúng. Từ thăm sâu, họ ước rằng thực tế không phải như thế và triển miên hy vọng rằng một ngày nào đó, trong một hoàn cảnh có thể là vô cùng độc đáo, toàn bộ công chúng sẽ chia sẻ nó. Đó chỉ là một ảo vọng. Họ sẽ không làm thế. Nhưng, dù những người cấp tiến biết điều đó, sự mong đợi vẫn rất sâu sắc và sự căm dỗ được ràng buộc mình với những động lực đó vẫn còn rất mãnh liệt. Động lực đơn giản nhất của họ là niềm tin cho rằng nếu sức mạnh được chuyển vào tay họ, họ sẽ dùng nó vì lợi ích của nhân dân; và càng có nhiều quyền lực, thì họ càng mang lại nhiều lợi ích cho nhân dân, từ đó mới dẫn đến quan điểm về sự tương đồng giữa Nhà nước và thành phần kinh tế Nhà nước.

Nhưng đó hoàn toàn không phải là một động lực bắt nguồn từ những toan tính nham hiểm – trái lại, động lực này có nền tảng từ những cảm xúc có thực và chân thành về sự đoàn kết – nhưng lịch sử lẽ ra nên dạy chúng ta cách giảm bớt nó vì hai thực tế sau đây. Thứ nhất, Nhà nước và thành phần kinh tế Nhà nước có thể trở thành những mối lợi khổng lồ được ban phát mâu thuẫn hoặc thậm chí trái ngược với lợi ích cộng đồng. Thứ hai, khi người ta được giáo dục đầy đủ hơn và có điều kiện sống sung túc hơn, họ không hẳn sẽ muốn một ai khác, bất kỳ ai, thay mình đưa ra các lựa chọn. Nếu động lực này được giữ trong tầm kiểm soát – tức là vẫn hoạt động nhưng bị ràng buộc – thì Chính phủ cấp tiến có thể là một lựa chọn tốt và mang tính giải phóng khỏi Chính phủ bảo thủ; nhưng nếu không, thì ngược lại, Chính phủ cấp tiến cũng thế mà thôi.

Bằng cách cổ vũ quyền sở hữu công đối với toàn bộ tư liệu sản xuất, phân phối và trao đổi, Điều IV không đại diện cho một sự ràng buộc mà là một lời mời đối với sự buông thả không giới hạn tài nguyên quốc gia. Điều đó thật không lành mạnh, không sáng suốt và thật không may, nó hoàn toàn vô nghĩa. Thật ra thì ở một mức độ nhất định, nó có rất nhiều ý nghĩa nhưng ý nghĩa đó thật tệ. Thay đổi nó không phải là một việc làm nông cạn, nó ẩn giấu trong đó một quá trình cải cách trọng đại, sâu sắc và mang tính trường tồn trong cách đảng tư duy, làm việc và lãnh đạo đất nước.

Một phần nguyên nhân khiến tôi coi nhẹ – nhiều người cho rằng coi nhẹ quá mức – khi lý giải một số điều thiêng liêng về thế giới quan của Công Đảng, là do cách thức tôi đến với chính trị. Khi còn là sinh viên, tôi không tham gia Hội sinh viên Oxford, không phải thành viên của câu lạc bộ Công Đảng và gần như không có vai trò gì – hay chắc chắn là không có vai trò gì cụ thể – trong thế giới chính trị dành cho sinh viên. Những ảnh hưởng chính trị chủ yếu của tôi ở trường học là từ hai người Úc, một người Ấn Độ và một người Uganda. Mỗi người đã cho tôi một cái nhìn sâu sắc khó phai và hình thành cách thức tôi tiếp cận chính trường. Họ đều thuộc phe cánh tả, nhưng là những người rất khác biệt và những trải nghiệm của họ cũng khác biệt.

Bạn đồng môn của tôi Geoff Gallop là người năng động nhất về chính trị và đúng thực, về sau đã trở thành Thủ hiến bang Tây Úc (Western Australia). Anh ấy có một trí tuệ xuất chúng. Anh dạy tôi tất cả những thuật ngữ và ngôn từ chuẩn xác mà giới chính trị cánh tả thời điểm đó hay dùng và là một thành viên của Nhóm những người theo Chủ nghĩa Marx quốc tế, một trong vô số trường phái – đây là trường phái Trotsky – vốn nở rộ trong những năm 1970. Khỏi cần nói, bất cứ ai trong Công Đảng cũng “đắt hàng”. Họ cũng là những đối thủ khó chịu của những người theo Đảng Cộng Sản, họ có khuynh hướng trở thành những nhà tổ chức tốt hơn, với những mối liên hệ với công đoàn và đôi khi là người dân thường. Mặc dù, Geoff cổ vũ tư tưởng biện chứng của học thuyết Marx, nhưng tinh thần và sự ham hiểu biết tri thức của anh đã không cho phép anh để nó cầm tù. Anh đã tư duy liên tục lại học thuyết này và đúc rút được những tư tưởng mới từ đó. Anh dạy tôi cách hoàn cảnh xã hội tạo nên tính cách, nhưng anh cũng dạy tôi không trở thành một tín đồ thiếu tư duy của cánh tả.

Peter Thomson đã củng cố thêm cho tôi. Anh là một mục sư Úc thuộc giáo phái Anh, có lẽ là người có tầm ảnh hưởng lớn nhất trong cuộc đời tôi. Anh ấy là một sinh viên chín chắn ở độ tuổi ngoài 30 khi chúng tôi mới chân ướt chân ráo vào Oxford. Khi Peter qua đời năm 2010, tôi đã viết một bức diếu thư cho đám tang của anh ấy:

Có rất ít người mà bạn có thể nói rằng: Anh ấy đã thay đổi cuộc đời tôi. Peter đã thay đổi cuộc đời tôi. Từ giây phút đầu tiên khi gặp anh – trong lúc tôi đang tổ chức một bữa tiệc trong phòng của mình ở St John's và bước ra dãy hàng rào quanh nhà để hít thở không khí và vận mình, nhìn xuống thì thấy Peter đang ngược lên: “Nếu là anh thì tôi sẽ cẩn thận đấy, anh bạn” – ngay từ phút đầu tiên đó, anh ấy đã định hình cuộc đời tôi, cho nó ý nghĩa và mục đích; và mang lại đường hướng cho nó.

Anh là bạn, là thầy giáo, là sư phụ và là người dẫn đường của tôi. Anh chính là người truyền cảm hứng cho tôi trong mọi việc. Bất chấp những lỗi lầm tai hại của tôi, tôi trở thành người tốt hơn nhờ được tiếp xúc với anh: Tử tế hơn, mạnh mẽ hơn, trung thành hơn, bớt yếu đuối hơn, thêm biết ơn những gì mình có, hy vọng nhiều hơn về những cơ may trong cuộc đời, sống một cách vui vẻ hơn và dũng cảm hơn khi chấp nhận những hạn chế của cuộc đời.

Chúng ta thường nói, khi ai đó ra đi, họ sẽ để lại một khoảng trống trong cuộc đời mỗi người. Sự ra đi của Peter không để lại khoảng trống nào trong tôi cả. Anh vẫn hiện hữu. Anh ở đó khi tôi cần nhất. Anh sẽ mãi luôn ở đó vì tôi. Ánh sáng của Peter quá mãnh liệt đến mức làm lu mờ cái chết.

Đó là cách Chúa hiện hữu qua Peter. Suy cho cùng, anh ấy là mục sư ít giống với mục sư nhất. Anh và Helen đáng mến luôn mở cửa ngôi nhà chung để chào đón chúng tôi, nhưng dù chúng tôi đã uống rất nhiều trà, cùng với nhiều thứ khác, nhưng nó vẫn không phải một tiệc trà của mục sư. Chưa bao giờ lại có một vị mục sư và cung cách ăn nói lại thiếu hòa hợp với nhau một cách kỳ lạ đến như thế.

Nhưng chính điều đó cũng nói lên con người Peter: Một sự hòa trộn kỳ lạ giữa một người truyền thống và một cá nhân đả phá tín ngưỡng lâu đời. Niềm tin Cơ Đốc của anh rất mãnh liệt chứ không thiếu sinh lực. Anh là một người hành động chứ không phải một khán giả; một nhà tư tưởng chứ không chỉ là một người truyền đạo. Những tư tưởng đó rất cứng rắn, đột phá và đối với thế kỷ XXI của chúng ta, rất có tầm nhìn xa trông rộng.

Tôi đã từng gặp nhiều người, nổi tiếng và thành đạt, những người mà thế giới gọi là vĩ nhân. Nhưng tôi chưa bao giờ gặp một ai vĩ đại hơn Peter. Dường như anh đang kề bên khi tôi viết những dòng này. Tôi sẽ mãi luôn cảm thấy có anh bên cạnh. Tôi biết, dù cho tôi khóc thương vì sự ra đi của anh, nhưng tôi mong anh có thể ngậm cười và tự hào về tôi.

Suốt những năm về sau, sự ảnh hưởng của Peter vẫn thường trực như một lời nhắc nhở, rằng cuộc đời cần có một mục đích sống. Trên phương diện chính trị, Peter là người cánh tả, nhưng tôn giáo được anh đặt lên hàng đầu. Vì thế, theo một cách nào đó, nó có tác dụng với tôi. Không phải anh ấy hay tôi, tách bạch hai điều này, mà cách bạn nhìn ra thế giới sẽ khác đi nếu tôn giáo được đặt lên hàng đầu. Tôn giáo bắt nguồn với những giá trị được sinh ra từ những niềm tin vào cái thiện của nhân loại. Chính trị bắt nguồn từ công cuộc khảo sát xã hội và những cách thức thay đổi nó. Tất nhiên chính trị cũng hướng về những giá trị chân chính và tôn giáo cũng hướng đến mong muốn thay đổi xã hội – nhưng từ một xuất phát điểm khác.

Đây là điểm sống động trong sự hiểu biết chính trị của tôi. Tôi coi việc tìm hiểu về con người là then chốt, còn chính trị chỉ đứng hàng thứ hai. Về sau, khi tôi đã chắc chắn rằng “bài toán tiến bộ” chính là sự phân tách không đủ rõ ràng giữa mục đích và phương tiện, phương pháp tiếp cận này – được Peter định hướng khá nhiều – chính là điều đã cho phép tôi tự do đi đến kết luận đó.

Geoff đã đưa cho tôi những quyển sách về chính trị. Peter đã đưa cho tôi những tác phẩm của triết gia John Macmurray, như Reason and Emotion and Conditions of Freedom (tạm dịch: Nguyên Nhân, Cảm Xúc và Điều Kiện của Tự Do). Tôi đã phát triển một lý thuyết về nền tảng của chủ nghĩa xã hội như là “cộng đồng” – tức là chúng ta bị ràng buộc với nhau bởi những trách nhiệm nào đó và chúng ta là những thực thể xã hội, không chỉ là những cá nhân tồn tại vì bản thân – điều này thúc đẩy tôi cố gắng tìm lại những chân giá trị của Công Đảng từ mớ bòng

bong các ý thức hệ đã chồng chất lên chúng, làm ý nghĩa của chúng trở nên mờ nhạt. Với tôi, chân giá trị đó là chủ nghĩa xã hội (socialism), chứ không phải là một kiểu mô hình kinh tế cá biệt, được khởi nguồn từ một thời điểm cá biệt trong lịch sử.

Anh bạn người Ấn Độ của tôi là Anmol Vellani, một sinh viên cao học. Một ngày, khi đang ngồi trong phòng của mình ở tầng trệt trong khuôn viên Đại học St John's, anh ấy đã cho tôi một cái nhìn toàn diện còn đọng lại mãi và có tầm ảnh hưởng sâu sắc tới chương trình cải cách thành phần kinh tế Nhà nước của tôi những năm sau đó. Tôi vẫn hình dung ra được giờ phút ấy.

Anmol, có lẽ nhờ những trải nghiệm về đất nước Ấn Độ, mà cũng nhờ sự chín chắn về chính trị của mình, đã tranh luận với tôi về những ý tưởng tôi mới tiếp nhận được từ Geoff. Tôi đang thử nghiệm chúng với anh ấy, đưa qua đây lại, hy vọng hiểu rõ hơn về thứ ngôn ngữ mới mà tôi đang học nói. Chúng tôi nói về chủ nghĩa tư bản và Nhà nước. Tôi đã nhắc lại quan điểm rằng Nhà nước phải vượt qua quyền lợi của chủ nghĩa tư bản, một chủ nghĩa vốn chỉ quan tâm đến lợi nhuận – một câu phổ biến theo học thuyết Marx!

Anmol lắc đầu. “Mọi thứ không đơn giản như thế,” anh ấy nói. “Nhà nước cũng là một lợi ích được ban phát. Nó không có gì giống với lợi ích công, anh biết mà, ít nhất là trong thực tế.”

“Nhưng lẽ ra nó phải thế,” tôi kiên quyết.

“Lẽ ra phải thế và như thế là hai điều rất khác nhau, bạn của tôi ạ,” anh ấy trả lời, cười nhạo sự ngây thơ của tôi.

Người thứ tư là Olara Otunnu, một người Uganda. Anh ấy từng là Chủ tịch của Hội sinh viên Đại học Kampala và đã phải trốn khỏi Idi Amin. St John's nhận anh ấy vào học. Anh là một diễn giả rất có năng khiếu, thực sự thông minh, rất dễ mến và có tư tưởng mới lạ khác thường. Tôi nghĩ anh ấy nhìn những sinh viên cánh tả hào hứng nói về chủ nghĩa Marx trong các hành lang đặc trưng ở Oxford với ánh mắt hàm chứa chút gì đó thích thú và cách xa. Chính trị với anh ấy là tất cả những gì liên quan đến sự phát triển, gánh nặng tham nhũng và sự đàn áp của chính quyền, sự phá hủy triển vọng của người dân. Anh ấy đã dạy tôi nhìn xa hơn những khuôn khổ của một cuộc tranh luận dành cho sinh viên phương Tây và nghĩ về một thế giới không tranh luận về “chủ nghĩa tư bản đối lập với chủ nghĩa xã hội”, mà chính trị là cuộc sống, hy vọng và sức khỏe đối lập với cái chết do những thảm cảnh của đói nghèo, của xung đột và bệnh tật.

Đó là một nhóm bạn không bình thường – rất đa dạng, trái với thông lệ, độc lập về tư tưởng – những người đã tác động tới tôi vào chính lúc tư duy của tôi đang được khai mở, còn đang vui vẻ và háo hức được học hỏi, đã hình thành nên cấu trúc tư duy của tôi trong những năm sau đó.

Khi đang trình bày những ý nghĩ của mình về Điều IV với Alastair ở Pháp, tôi thấy anh ta yêu thích sự thô sơ của nó và khi rời khỏi đó tôi có thể nhận thấy rõ ràng rằng tâm trí anh ta đang trần trụi tìm cách phổ biến nó. Trong suốt cuộc nói chuyện, tôi cũng phát hiện ra một điều mà trước đó tôi không dám khẳng định chắc chắn đó là anh ta rất liêu lĩnh. Đây là người mà bạn có thể phải hăm lại thay vì đẩy về phía trước. Trong một thế giới bị thống trị bởi những người rụt rè, cảnh giác và quá tính toán chi li, tôi thích điều đó và thích anh ta. Anh ta và Peter Mandelson có thể đánh nhau (và Chúa ơi đôi khi đúng là họ đã lao vào nhau thật), nhưng nếu nhượng bộ để cộng tác thì họ có thể trở thành một thể lực chính trị ghê gớm nhất có thể. Peter có thể trườn vào lâu đài qua một đường hầm bí mật và bằng những động tác lạnh lẽo, những nhát đâm sắc lẹm của thanh trường kiếm, mở đường đến căn phòng có ngai vàng. Trong khi đó, Alastair có thể là một khúc gỗ sồi rất lớn, phá tan cổng chính của lâu đài và dù là dầu hắc ín sôi hay cửa thép cũng không thể ngăn cản anh ta được. Nếu hai người họ đồng sức với nhau, trận chiến sẽ diễn ra vô cùng quyết liệt và chắc chắn họ sẽ giành chiến thắng, hơn nữa, chiến thắng một cách vẻ vang.

Trong những ngày đó, tôi đã chia đôi kỳ nghỉ giữa Pháp và Italia. Nửa kỳ nghỉ đầu tiên ở gần Toulouse và sau đó chúng tôi bắt tàu tới Marseilles để gặp Alastair, rồi từ đó đi tới giáp phía

bắc của Liguria nơi chame của Tim Allan có một ngôi nhà trên đồi gần Crespiano. Đó là một trong những kỳ nghỉ thực sự thoải mái cuối cùng mà tôi được tận hưởng. Không người nào trong làng biết tôi là ai. Hồi đó, tôi không có bảo vệ, không có nhân viên an ninh, chỉ có chúng tôi như một gia đình đi cùng nhau. Hạnh phúc. Chúng tôi có thể tới nhà hàng trong làng nơi được ngồi cùng bàn thoải mái với tất cả những người khác. Thức ăn rất đơn giản như mì ống tự làm với nước sốt tuyệt hảo, bạn có thể đến và tham gia vào các lễ hội tháng Tám, tổ chức tại những làng quê cổ kính, nơi được bao quanh bởi một vẻ đẹp mộc mạc, độc đáo và đều có một màn tiêu khiển kèm với thức ăn địa phương được chế biến tinh tế, diễn ra trên một khu đất vuông.

Có lẽ đó là lần cuối cùng tôi có thể du lịch ra nước ngoài một cách bình thường (tôi vốn đã là một nhân vật được chú ý ở Anh) mà không ai nhận ra cả. Một đêm, chúng tôi đến thăm nhà hàng La Gavarina d'Oro tại ngôi làng Podenzana để nếm thử loại pizza địa phương đặc biệt có tên là panigacci, nhưng đã phải ra về vì có một nhầm lẫn trong việc đặt chỗ (do vốn tiếng Ý nghèo nàn của tôi) và không có bàn nào cho chúng tôi cả. Chúng tôi đành xếp hàng lại và đến đó sau hai đêm. Tôi không nghĩ điều đó sẽ còn xảy ra với tôi lần nào nữa trong đời.

Trong khi ở đó, tôi nhận được tin về cuộc bỏ phiếu trưng cầu gần nhất, cho thấy chúng tôi đã đạt tỷ lệ cao nhất trong tất cả các đảng chính trị từ trước đến nay và dẫn trước nhóm về thứ hai tới 30 điểm. Tôi cũng không nghĩ nhiều về nó, bởi những con số dẫn đầu đó có thể đến rồi đi, nhưng nó là một vật chỉ thị cho thấy cuộc bầu cử, trong đó tôi với tư cách lãnh đạo một chính đảng, đã được công chúng đón nhận khá tốt. Và điều đó có thể giúp tôi khi làm việc với nội bộ đảng. Tôi không có ảo tưởng nào. Nhiều người, thậm chí có thể là đa số, đã bỏ phiếu cho tôi không phải vì họ có chung tầm nhìn với tôi về đảng, mà vì họ nghĩ tôi là người thắng cuộc. Vào lúc này, chỉ thế là đủ. Tôi sẽ dùng công chúng để thay đổi đảng. Chỉ mãi về sau tôi mới hiểu ra rằng cách ngược lại khó khăn hơn rất nhiều.

Trong suốt kỳ nghỉ, tôi đã chiêm nghiệm về Điều IV và tư duy của tôi trở nên sắc bén hơn. Giờ đây, tôi biết đó phải là bước quan trọng đầu tiên. Khi trở về, tôi bắt đầu tham khảo những người tiền nhiệm thân tín. Những đối tác của tôi hoặc đã ở sẵn trong cuộc hoặc dễ dàng được thuyết phục. Anji và Peter tất nhiên rất hào hứng. Phillip ủng hộ nhưng cho rằng đó là một việc lớn và vấn đề có thể trở nên nghiêm trọng, có sức công phá nặng nề nếu mắc sai lầm. Nhưng đội ngũ của tôi, những người cùng chung quan điểm với tôi, không bao giờ gây ra rắc rối.

Tôi nói chuyện với Gordon. Ông ta khuyên tôi “cho Prescott vào cuộc”. Đó là một lời khuyên hay, dù bản thân ông ta đưa ra lời khuyên một cách vô thưởng vô phạt, không chống đối, nhưng tôi nghĩ ông ta đã lảng tránh câu hỏi trực tiếp về việc liệu có cho đó là một ý hay không. Tuy nhiên, rõ ràng là ông ta không phản đối nó.

Tôi đã quyết định thay đổi Tổng Thư ký của Đảng, Larry Whitty. Đó là một vị trí chủ chốt cho bất kỳ cuộc đấu tranh nào trong đảng. Tôi thích Larry, nhưng quan điểm chính trị của chúng tôi khác nhau. Tôi đã bắt đầu nghĩ rằng Tom Sawyer sẽ là một lựa chọn lý tưởng: một người thuộc công đoàn, thông minh, trung thành, có tư duy hiện đại hóa và có tầm ảnh hưởng cũng như thẩm quyền đủ để giúp tôi giải quyết công việc. Hàng rào này cần phải nhảy qua bằng một cú phi nước đại và không nên có thêm hành lý thừa thãi kéo chúng tôi trở lại khi thực hiện cú nhảy.

John Prescott thực sự có tư duy rất phê phán, như Gordon đã nói. Tôi biết điều này cần phải được tiếp cận một cách thận trọng. Tôi đã gặp ông ta ở nhà mình, một cách khá thoải mái và an toàn. Ông ta không ngạc nhiên như tôi nghĩ. Nhưng vốn rất mưu mô và tinh táo với những vấn đề như vậy, John hiểu rằng tôi không chọn một chuyến đi dễ dàng và rằng tham vọng thay đổi đảng của tôi – không chỉ để thay đổi Chính phủ cầm quyền mà đây là sự thay đổi khuôn mẫu tư duy – là có thực và không thể ngăn cản nổi. Ngay từ đầu, ông ta đã nói: tôi sẽ tranh luận trên phương diện cá nhân mặc dù nếu ngài đã quyết định, thì tôi sẽ vẫn nghe theo; hay, nếu tôi phản đối, tôi sẽ đi, thay vì ở lại và phá hoại ngầm từ bên trong. Tất nhiên, đó không phải một

lời hứa hỗ trợ vô điều kiện; nhưng đó là một lời hứa về sự trao đổi rất thẳng thắn, lời hứa rất quan trọng và như nó thể hiện ra, một lời hứa đã được tuân thủ nghiêm ngặt.

John đã nói rõ rằng mặc dù nghĩ dự án đó về tổng thể là không khôn ngoan, nhưng ông ta sẽ vẫn suy nghĩ và cân nhắc về nó. Ông ta có cả một đồng câu hỏi – như thế nào vào lúc nào, thay thế bởi cái gì, do ai dự thảo, được ban hành theo cung cách nào – tôi trả lời được một vài trong số những câu hỏi này. Tôi đưa ông ta đến chỗ ít nhất cũng chấp nhận rằng cần phải có một cuộc tranh luận về việc đảng thực sự nên đại diện cho điều gì và rằng Điều IV là một điểm bắt đầu tốt. Ông ta ủng hộ việc trì hoãn để xem xét cách thức đưa vấn đề ra công chúng – sau cùng, chúng tôi cũng bỏ xa Đảng Bảo thủ – nhưng ngay chính thời điểm này, gần như vì chính lý do đó, tôi biết chúng tôi buộc phải hành động. Chúng tôi phải cho thấy ngay cả với việc dẫn đầu trong các cuộc bỏ phiếu thăm dò, chúng tôi cũng vẫn ở vị trí mạo hiểm vì chúng tôi biết sự dẫn đầu đó là có điều kiện. Vâng, công luận cho rằng họ thích cái vẻ ngoài của anh chàng này và nơi mà anh ta muốn đưa Công Đảng đi tới, nhưng giờ hãy chứng tỏ đi. Và sự dẫn đầu ấy sẽ tiêu tan rất nhanh nếu điều kiện mà công chúng kỳ vọng không được đáp ứng.

Cuối cùng, Hội nghị Đảng cũng diễn ra vào tháng Mười năm 1994. Khi đó, tâm trạng của công chúng vẫn rất mạnh mẽ, nhưng tôi chắc rằng vẫn còn lẫn khuất những hoài nghi lớn phía sau. Khi một đảng đã xác định được chỗ đứng theo một cách riêng không giống như những gì có trong suy nghĩ của công chúng, thì có những nghi ngờ cứ lảng vảng xung quanh, giống như mùi ẩm mốc trong một tòa nhà cũ cứ phảng phất đó đây. Bạn có thể dùng một chút nước xít phòng, bạn có thể mở toang vài cánh cửa sổ và có thể kể vài câu chuyện cười khiến tinh thần của những người trong phòng phấn chấn hơn; nhưng thứ duy nhất có hiệu quả, suy cho cùng, là câu nói thẳng vào thực tế: chỗ này ẩm mốc, mùi khó chịu quá, chúng ta dọn dẹp và sửa sang một chút đi.

Tôi đánh giá rằng có ba loại Công Đảng: Công Đảng lỗi thời, loại không thể nào thắng cuộc; Công Đảng hiện đại hóa, loại có thể thắng và tiếp tục thắng, loại này là tham vọng của tôi ngay từ đầu; và Công Đảng chất phác, loại có thể thắng một lần, nhưng thực ra chỉ là chiến thắng dựa trên phản ứng của công chúng trước một Chính phủ bảo thủ không được ưa chuộng. Loại cuối cùng không thể tự mình giành chiến thắng rõ ràng, rộng khắp và chắc chắn và cũng không đủ khả năng để duy trì chiến thắng qua những giai đoạn khó khăn không thể tránh khỏi của Chính phủ. Câu chuyện ngụ ngôn yêu thích trong sách Phúc Âm của tôi kể về người gieo hạt, luôn là một ví dụ cho điều này: sự khác biệt giữa Công Đảng chất phác và Công Đảng hiện đại hóa là sự khác nhau giữa hạt giống điếc (được gieo ra nhưng không bao giờ nảy mầm) và hạt giống có thể cho thu hoạch gấp 30, 60, thậm chí 100 lần.

Để tiếp tục chiến thắng, chúng tôi cần thiết lập được một hạt nhân ý tưởng, thái độ và chính sách vững bền, mạnh mẽ; một bức tường chắn biển khiến những con sóng không thể lấn vào đất liền, có thể chào đón bạn bè và xua đuổi kẻ thù. Tôi biết để làm được như thế có nghĩa là chúng tôi phải đấu tranh với những tư tưởng cũ của đảng không phải trong một vài lúc mà là hàng ngày, mọi lúc, mọi nơi, khi chúng cố tìm đường trở lại. Đầu hàng hay thỏa hiệp với chúng đều gây ra những hậu quả khôn lường, hơn thế, đó còn là dấu hiệu cho thấy ngôi nhà cũ vẫn chưa hề được “sửa sang”.

Tôi đã cố gắng nhìn nhận Công Đảng bằng con mắt của một người bình thường, phi chính trị. Tôi có nhiều người bạn không tham gia chính trường, những người cho rằng Đảng Bảo thủ đã già cỗi và nên được dẹp ra ngoài. Còn họ nghĩ gì về chúng tôi? Họ nghĩ chúng tôi bảo vệ người nghèo; người sa cơ lỡ vận; người của công đoàn; người bị kết án và người bị truất quyền sở hữu cá nhân. Họ nghĩ chúng tôi là những người có quan điểm cởi mở đối với trật tự kỷ cương và là những người yêu chuộng hòa bình khi giải quyết các vấn đề quốc phòng. Vấn đề là ở chỗ này: tất cả các tình cảm đó, xét riêng về mặt cảm xúc, là tốt và đáng kính – chúng lý giải tại sao tôi là đảng viên Công Đảng – nhưng chỉ về mặt cảm xúc mà thôi. Theo những cách hiểu thông thường và đầy đủ về vị thế của Công Đảng và những người mà Đảng đại diện, thì đảng không có cách nào để hình thành một liên minh đủ rộng, đủ sâu hay đủ phổ biến. Khi Công Đảng được

hiếu như vậy, thì chúng tôi là một đảng chống đối, không phải là một đảng cầm quyền.

Hơn nữa, đó là cách tốt nhất để miêu tả thái độ đối với đảng. Trên thực tế, khi không được đặt đúng vị trí, những thái độ như vậy có thể trở nên phản tác dụng đối với đất nước: Lợi ích của công đoàn đặt trước lợi ích của công chúng, từ chối chấp nhận thay đổi khi cần thiết, yếu kém về luật pháp, kỷ cương và quốc phòng. Những thái độ này mang tính nền tảng nhưng chúng quá chất phác.

Tất nhiên, dưới thời Neil Kinnock và John Smith, chúng tôi cũng đã mở rộng hoạt động của đảng và làm cho đảng trở nên phổ biến, nhưng với tôi – và quan trọng hơn là với công chúng – những hoạt động đó giống như một cuộc đàm phán giữa hiện tại với quá khứ của chính chúng tôi. Chúng tôi nói chuyện đầy lạc quan nhưng vẫn có một chút dè dặt, chúng tôi tôn sùng những ngày xưa cũ và có hơi hướng phủ nhận một sự thực là ngày nay đảng đã tụt đến thế nào. Có một sự cẩn trọng trong phát ngôn của chúng tôi về những gì đảng đang làm và sự thiếu thuyết phục khi nói về những gì đảng sẽ làm trong tương lai.

Tôi muốn chúng tôi phải rõ ràng, phải có niềm tin sâu sắc, có sự đam mê và phải hoàn toàn dứt bỏ quá khứ, điều đó không có nghĩa chúng tôi không giữ lại những tín điều truyền thống với nền tảng cốt lõi – sự cam kết đối với công lý của xã hội – mà là những cách thức mới để phát triển những nền tảng mới cần thiết cho một thế giới hiện đại. Ngay từ rất sớm, tôi đã quyết tâm trở thành kiến trúc sư của một điều gì đó mang tính cách mạng, thay đổi và không thể phủ nhận. Tôi đã bảo vệ kế hoạch thay đổi Điều IV rất kiên quyết. Vào cuối tuần trước khi bắt đầu Hội nghị Đảng, tôi đã bắt đầu những buổi tham vấn với các nhân vật trọng yếu khác.

Jack Straw, người đã viết một cuốn pamflet về đề tài này, đã rất mừng rỡ. Neil Kinnock cũng vậy. Robin Cook nghĩ rằng điều đó thật điên rồ vì nó sẽ chia rẽ đảng và cảnh báo rằng nó sẽ đặt dấu chấm hết cho sự nghiệp của tôi. Margaret Beckett nhướng mày suy nghĩ. Donald Dewar nói, “Chuyện này sẽ hay đây” theo cái cách hài hước đậm vẻ Donald. George Robertson, luôn thức thời, đã ủng hộ nó. Nhìn chung, các ý kiến đều không thống nhất và dè dặt. Tôi đã nói chuyện với Gordon vài lần nhưng luôn cẩn thận không để lộ ra cách thức tuyên bố kế hoạch này. Tôi lo rằng sự thiếu tin tưởng đã hiển hiện, như một cái bóng chắn giữa hai chúng tôi.

Tôi muốn tuyên bố kế hoạch này ngay khi kết thúc bài thuyết trình tại hội nghị và tôi quyết định đề cập trực diện đến vấn đề: “Điều IV sắp bị loại bỏ.” Không phải bởi tôi không dám nói ra điều đó bên ngoài hội trường thay vì tuyên bố ở trong hội trường để khơi lên những phản ứng trái ngược, gây ảnh hưởng đến toàn bộ hội nghị. Tôi định nói rằng chúng tôi cần phải xác định mục đích và giá trị của mình trong một thế giới hiện đại và một cuộc tranh luận sẽ sớm bắt đầu (điều này động đến quan điểm của John Prescott về sự cần thiết của một cuộc thảo luận hợp lý). Sau đó, chúng tôi sẽ đợi cho hiệu ứng của lời tuyên bố này lắng dần xuống. Đó chỉ là một chiến thuật, nhưng những cuộc tham vấn của tôi cho thấy chúng tôi thực sự cần nó.

Tới cuối ngày thứ Bảy, chúng tôi có cuộc tranh luận gay gắt sau cùng về khẩu hiệu cho kế hoạch và cách dùng cụm từ “Công Đảng mới”. Alastair đã phát minh ra câu “Công Đảng Mới, Nước Anh Mới”. Anh ta nói rằng chúng tôi nên dựng băng rôn nội dung khẩu hiệu đó lên trước hội trường trong thời gian hội nghị. Khi nhìn lại, đáng lẽ chúng tôi nên làm thế, nhưng vào lúc đó đã có một cuộc tranh luận nảy lửa. Có lúc còn đề cập đến một sự thỏa hiệp, thay vì dùng “Công Đảng mới” thì hãy dùng “Công Đảng mới”, tức là không viết hoa chữ M. Sự thỏa hiệp xuất phát từ ý kiến cho rằng Công Đảng mới với chữ M viết hoa giống như đặt tên lại cho đảng. Một người của tôi cảnh báo rằng việc đặt tên lại đó có thể sẽ xuất hiện phản ứng nguy hiểm. Ngay cả Peter cũng lo lắng. Cuối cùng, tôi quyết định vẫn dùng chữ M lớn. Thực sự sẽ có những phản đối, tuy nhiên có thể kiểm soát được. Những diễn biến này cho thấy kế hoạch thay đổi Điều IV có sức ảnh hưởng khá lớn, một dấu hiệu cho thấy đây không phải là một hành động tân trang nhỏ nhặt mà là một cuộc cách mạng toàn diện.

Khi chuẩn bị kết thúc bài diễn thuyết của mình, tôi đã nói về nhu cầu thiết lập lại mục đích và

giá trị của đảng trong hiến chương (như George Robertson đã nhận xét, toàn bộ hội trường im lặng, cho đến khi sự im lặng đó bị phá vỡ bởi âm thanh của những đồng xu rơi xuống) và rõ ràng, chúng tôi đang mạo hiểm bước vào một cuộc chiến nội bộ đảng trên diện rộng, cuộc chiến này đòi hỏi một sự lãnh đạo hoàn toàn khác biệt. Việc này quả thực rất khó khăn.

Để nhấn mạnh tình thế khó khăn sắp đến, ngày hôm sau dưới sự thúc bách của các công đoàn, đảng đã ban hành một nghị quyết nhằm xác nhận lại Điều IV một lần nữa. Mĩa mai thay, nó lại có tác dụng cho thấy đây không phải vài cú đấm diễn kịch trước máy quay mà là một cuộc chiến thực thụ, với những kẻ thù thực sự và sự đau đớn thực sự. Tuy nhiên, nó cũng đồng nghĩa với việc chúng tôi buộc phải chiến thắng trong cuộc chiến đó nếu không cũng có nghĩa đã tự đặt dấu chấm hết cho mình.

Tôi cũng biết rõ rằng nếu cải cách bị phản đối, tôi sẽ thất bại. Khi thế giới đang tiến vào thế kỷ XXI, 5 năm sau sự sụp đổ của bức tường Berlin và thậm chí với việc Trung Quốc Cộng sản đề cao nền kinh tế “thị trường xã hội chủ nghĩa”, mà Công Đảng Anh vẫn muốn tuyên bố rằng nó tin tưởng vào sự sở hữu của Nhà nước đối với “tư liệu sản xuất, phân phối và trao đổi”, thì chẳng khác nào đảng không nghiêm túc. Lập trường đó có thể khơi mào cho tất cả những nỗi sợ hãi tệ hại nhất của công chúng.

Tất nhiên, những người phản đối nhanh chóng chuyển sang đặt câu hỏi: Tại sao lại có mâu thuẫn nội bộ? Điều này đặt phe đối lập vào một cơ sở mang tính chiến thuật, ở tầm thấp hơn. Tôi đã vặn lại rằng: mâu thuẫn nội bộ nảy sinh vì các anh phản đối cải cách. Hoặc là các anh nhất trí với nghị quyết hiện thời, nếu không hãy chấp nhận thay đổi.

Cuộc tranh luận kéo dài suốt sáu tháng. John Prescott rốt cuộc đã nhập cuộc và điều này giúp ổn định phần lớn phe truyền thống trong đảng. Hội nghị Scotland – có thể để cho tế nhị – đã thông qua một nghị quyết ủng hộ cải cách, chiến thắng lớn lao thực sự đầu tiên trong đảng, thiết lập lần ranh cho những đảng viên khác nương theo. Nếu chúng tôi có thể giành chiến thắng ở khu vực trung tâm của đảng, thì ở Scotland lối suy nghĩ truyền thống vẫn chiếm ưu thế và là nơi chúng tôi có thể vấp phải sự phản kháng của tầng lớp trung lưu, thì chúng tôi sẽ có thể chiến thắng ở hầu hết các nơi, thậm chí cả trong các công đoàn. Những người phản đối rất cố gắng gây huyên náo và xáo trộn, nhưng đã bị giảm bớt vây cánh bởi sự hỗ trợ cải cách ồ ạt từ phía công chúng – những người không theo dõi chi tiết nhưng như tôi suy đoán, họ biết rằng điều đó thực sự liên quan đến việc liệu Công Đảng cũ có thay đổi hay không.

Bản dự thảo thực tế là sản phẩm của sự hợp tác không bình thường giữa tôi, Derry và Peter Hyman và những lời bình luận, cổ vũ và gợi ý của một số người khác. Bản thảo ban đầu được hoàn thành, lưu giữ riêng ở Inverness trong gia đình một người bạn cũ của tôi, Mairi Stuart, ngay trước Hội nghị Scotland. Những trau chuốt cuối cùng được thực hiện trong nhà của chúng tôi ở Islington, tôi ngồi trong phòng ngủ với Peter Hyman, trong khi dưới tầng một, con gái tôi, Kathryn đang tổ chức tiệc sinh nhật. Vì vậy tôi đã di chuyển qua lại giữa các ván chơi đuổi bắt và việc viết lại nền dân chủ xã hội của nước Anh.

Câu chữ thực sự rất quan trọng, cả đối với đảng cũng như công chúng. Với đảng, chúng phải thực sự thuyết phục. Với công chúng, từ ngữ phải chân thành. Chúng phải thể hiện một ý tưởng rõ ràng và mạnh mẽ nhằm tiến vào thế giới hiện đại.

Vì thế, chúng tôi giữ nguyên cụm từ “chủ nghĩa xã hội dân chủ” ở ngay đầu, nhưng tiếp theo đó là một diễn đạt đầy đủ về các giá trị, theo đó, loại bỏ bất cứ mối liên hệ nào giữa những giá trị đó với Nhà nước trong tư cách một lực lượng kinh tế chủ yếu:

Đảng Lao động là một đảng xã hội dân chủ. Nó tin rằng bằng sức mạnh từ sự nỗ lực chung của mỗi chúng ta, thành quả đạt được sẽ lớn gấp nhiều lần so với nỗ lực cá nhân, điều đó mang lại cho mỗi chúng ta những phương tiện để thúc đẩy tiềm năng thực sự của bản thân và cả cộng đồng, trong đó quyền lực, của cải và cơ hội nằm trong tay của số đông, nơi quyền lợi đi liền với trách nhiệm, nơi chúng ta sống trong tự do, đoàn kết, bao dung và tôn trọng lẫn nhau.

Bằng một cảm nhận kỳ lạ, công chúng đã xếp hạng kết quả lãnh đạo của tôi: đánh giá tốt nhất là tôi kiểm soát được một đảng có quan điểm đồng nhất với mình; tệ nhất là tôi không kiểm soát được một đảng có quan điểm bất đồng với mình; kết quả chấp nhận được là đảng được chuẩn bị sẵn để đồng hành cùng tôi. Cuối cùng, chúng tôi đã được đánh giá ở đâu đó giữa tốt nhất và chấp nhận được. Mặc dù, ban đầu chỉ là một nhóm nhỏ những người có cùng quan điểm, nhưng dần dần chúng tôi đã thu hút được một lượng lớn người ủng hộ. Một thế hệ những người ủng hộ mới trẻ tuổi tin tưởng vào công cuộc cải cách. Họ là những người tin tưởng thực sự và là niềm hy vọng duy nhất cho tương lai của đảng.

Cuộc chiến xung quanh Điều IV ít nhiều đã tạo bối cảnh cho phong cách và nội dung lãnh đạo trong nhiều năm cho tới năm 1997. Chúng tôi vẫn chưa hình thành được một tập hợp chính sách hoàn chỉnh. Chúng tôi lại càng chưa sẵn sàng cho một Chính phủ mà lẽ ra chúng tôi đã phải chuẩn bị sẵn sau 18 năm ở phe Đối lập, mặc dù thực sự là nguy hiểm nếu thiết lập một chính sách cụ thể khi chúng tôi vẫn trong vai trò phe Đối lập, nơi không thể có được kinh nghiệm và kiến thức chuyên gia vẫn sẵn có bên Chính phủ. Chúng tôi còn chưa biết làm sao để có thể vượt qua nhiều chướng ngại, chia rẽ, những khó khăn bất tận còn lẫn khuất khi bước chân vào một lãnh địa hoàn toàn mới. Mặt khác, la bàn của chúng tôi đã được đặt theo một hướng cố định và cách thức cũng như thái độ tiếp cận các thách thức của chúng tôi cũng đã rõ ràng. Công Đảng mới không chỉ là một khẩu hiệu. Đó là quan điểm khi đối mặt với thực tế của chúng tôi. Cách tiếp cận thực tế đó sẽ giúp chúng tôi khi bước vào công cuộc thử nghiệm trong hai năm tới, cho phép chúng tôi phát triển chính sách cứng rắn và đưa ra những quyết định mạnh mẽ hơn.

Đôi khi các cuộc thử nghiệm thường kéo theo những sự vụ bất ngờ. Vào tháng Một năm 1995, chúng tôi đã phải bác bỏ bất cứ gợi ý nào về việc đánh thuế các trường tư thục. Thực ra, trường học là một chủ đề gây tranh cãi thường xuyên xuất hiện vào những ngày đầu khi tôi cố gắng gạt bỏ những thành kiến cũ về đảng (dù tôi nghĩ có thể gọi chúng là niềm tin). Trớ trêu thay, do Harriet Harman tách khỏi nhóm những người ủng hộ tôi nên vấn đề liên quan đến cô ấy đã thực sự gây bức xúc vào tháng Một năm 1996.

Khi tôi chọn cách gửi chính các con mình tới trường Oratory – một trường công của nhà thờ Thiên Chúa hoạt động bằng nguồn tài trợ – tôi nhận ra đó là khoảnh khắc khá khó khăn cho tôi. Alastair và tôi đã tranh cãi rất nhiều về điều này vì Alastair và Fiona, vợ anh ấy, một người tham gia vận động chiến dịch cho các trường phổ thông hỗn hợp, đã cực lực phản đối. Nhưng tôi quyết tâm không làm lũ trẻ thất vọng. Tôi đề cao sự giáo dục dành cho bọn trẻ. Để bọn trẻ theo học ở một trường công tời hoặc trung bình sẽ là một hành động vô trách nhiệm tồi tệ của chúng tôi, trong khi theo các quy định về nhập học tại các trường Thiên Chúa giáo, chúng tôi hoàn toàn có thể chọn cho con mình một trường tốt. Vì vậy, tôi đã nói với Alastair: Anh và Fiona hỗ trợ trường cấp hai của các con anh và hãy thay đổi các quy định về nó; tôi thì không có lựa chọn đó. Ngoài ra, chúng tôi luôn cảm thấy áp lực với suy nghĩ rằng lẽ ra chúng tôi phải chọn các trường cấp hai ở Islington cho con mình (chúng đã từng học tiểu học ở đó) vì đó là nơi chúng tôi sống. Rõ ràng, khi cuộc bầu cử diễn ra thì chúng tôi rất có thể sẽ sống ở Westminster và với hiện trạng các trường học ở Islington lúc bấy giờ, chúng tôi cố gắng tránh việc xin học ở đó bằng mọi cách.

Tuy nhiên, tình thế của chúng tôi chẳng nhằm nhò gì khi Harriet, đã từng gửi một đứa con đến Oratory, quyết định gửi đứa con còn lại tới một trường phổ thông dự bị. Thực sự có vấn đề gì đó cần được làm sáng tỏ. Toàn bộ chương trình của Công Đảng từ những năm 1960 đã yêu cầu bãi bỏ mọi hình thức chọn lọc giáo dục và ủng hộ hình thức trường học hỗn hợp, không tuyển chọn. Các trường phổ thông dự bị không nhận được thiện cảm trong đảng. Vì thế, quyết định của Harriet đã gây chấn động.

Alastair muốn gửi đi một bức thư kịch liệt phản đối quyết định của Harriet. Bruce Grocott, Thư ký riêng của tôi, đã vô cùng kinh ngạc. Ngay cả những người thân cận, gần gũi nhất trong văn phòng của tôi cũng nghĩ đó là điều không thể bào chữa được. Chỉ có Cherie là bên vực Harriet,

vì cô ấy luôn đặt gia đình lên hàng đầu. Khi tin tức này rò rỉ ra ngoài, công luận trong Đảng đã rất xôn xao – bởi thực tế Harriet là một thành viên của Nội các Đối lập (Shadow Cabinet). Major đã gây khó khăn cho tôi về điều này trong các phiên điều trần, cuối cùng chúng tôi đã sơ hở để ông ta có thể xoáy một mũi dao vào đó.

Alastair, như từ trước đến nay, vẫn phát biểu trước tiên bất kể ý kiến cá nhân của anh là gì và quan điểm của anh đã được truyền đạt một cách rất dứt khoát. Quan điểm của tôi rất rõ ràng: Đó là lựa chọn của cô ấy với tư cách của một bậc phụ huynh. Trong vấn đề này, tôi thuộc về phe thiểu số. Báo chí đã “đánh hơi” được vấn đề. Người ta nói với tôi rằng quyền lãnh đạo của tôi đang nằm bên bờ vực. Không ai có thể hiểu tại sao tôi lại cảm thấy cần phải bảo vệ Harriet quyết liệt đến thế.

Lúc đầu, chính tôi cũng không hiểu tại sao, nhưng khi nhớ lại những tổn thương của mình trong buổi chất vấn Thủ tướng và chiêm nghiệm lại, tôi đã hiểu tại sao bản năng của tôi lúc đó lại mạnh mẽ đến thế: dù thành viên Công Đảng hiểu tại sao Harriet có thể phải từ chức vì việc này, nhưng công chúng thì không. Một nữ chính trị gia nào đó quyết định gửi con tới trường phổ thông dự bị. Cô ấy nghĩ nó mang lại cơ hội giáo dục tốt nhất cho con mình. Đảng của cô ấy bắt cô ấy từ chức. Bạn nghĩ sao? Bạn nghĩ việc đó khá cực đoan, không được tử tế lắm, hơi đáng lo ngại một chút và đó là điều vẫn đang làm tôi lo lắng về các thành viên của đảng? Trước khi chúng ta biết được mình đang ở đâu, chúng ta thực sự đã đánh mất cơ hội được nghe những ý kiến trung lập đúng đắn.

Tôi quyết định đi xa hơn. Tôi đến Công Đảng Nghị viện một ngày sau phiên chất vấn Thủ tướng hôm thứ Ba và biện hộ nhiệt tình cho Harriet. Tôi cũng đã học được một bài học lớn: Tranh cãi rồi cũng qua đi. Vâng, mọi chuyện thật tồi tệ trong một khoảng thời gian nào đó và tại Westminster mọi thứ đều có vẻ căng thẳng đến tột độ, nhưng thực tế thì thế giới vẫn quay và những tin tức mới cũng vẫn liên tục xuất hiện.

Chúng tôi tiếp tục xây dựng định hướng chính sách xuyên suốt một loạt các vấn đề. Tháng Năm năm 1995, chúng tôi đã có những cuộc thảo luận nội bộ đầu tiên về sự độc lập của Ngân hàng Trung ương Anh. Tôi khẳng định chắc chắn đó là điều chúng tôi phải làm. Đó cũng là một phần trong những phân tích lớn hơn về các ngành kinh tế, các công đoàn, dịch vụ hành chính công và chính sách phúc lợi mà tôi muốn phát triển, đây là những phân tích chuẩn bị cho những chính sách đặc trưng cho Công Đảng mới và thậm chí nếu chúng tôi chỉ có thể giải quyết một số vấn đề nhất định, thì cách giải quyết đó cũng cần phải rõ ràng.

Một phần câu chuyện liên quan đến thái độ, tiếp đến là chính sách và cuối cùng là tái thiết một liên kết khác giữa đảng và nhân dân. Quan điểm của Đảng đã rõ: Không nhượng bộ về những vấn đề thiết yếu và phải làm cho Công Đảng mới thành một phần không thể thiếu trên chính trường; còn về chính sách: Không chỉ là phác ra những chi tiết rõ ràng mà còn phải chỉ ra được những nguyên lý về vị trí của chính sách trong đảng; về liên kết giữa đảng và nhân dân: Thúc đẩy các đảng viên hành động như những người dân bình thường, từ đó “nhân dân hóa” các đảng viên Công Đảng.

Tất cả những chuyện này đến nay thật nực cười, nhưng khi đó thì không. Chúng tôi đã tách biệt khỏi người “thường”. Trong vài thập kỷ, thậm chí trước cả thời kỳ 18 năm liên tục đóng vai trò phe Đối lập, Công Đảng vẫn giống một giáo phái hơn là một đảng. Nếu muốn phát triển trong đảng, bạn phải nói ngôn ngữ của đảng và hoạt động đúng đường hướng. Mọi việc tiếp diễn lâu đến nỗi trở thành tự nhiên với các đảng viên. Ngay cả tôi cũng phải học cách thực hiện điều đó – chẳng hay tí nào, nhưng nếu không làm từng bước, chúng tôi có thể sẽ chẳng đi đến đâu.

Đảng Dân chủ Xã hội SDP được thành lập chủ yếu vì các lý do chính sách, nhưng những lý do đó cũng che đậy sự khác biệt về văn hóa giữa họ và Công Đảng truyền thống. Tôi nhớ vào năm 1981, đã xem Tuyên bố Limehouse của “Nhóm Đệ Tứ” – Roy Jenkins, Shirley Williams, David Owen và Bill Rodgers qua truyền hình – trong đó họ trình bày về ý định rời khỏi Công Đảng.

Tuyên bố đó tất nhiên rất quan trọng, nhưng điều kích thích tôi là tấm ảnh chụp cuộc họp. Trên bàn của họ có một chai rượu. Bạn có thể nghĩ điều này thật lố bịch, nhưng tôi nhớ đã từng rất choáng váng khi thấy họ tự cho phép mình được chụp ảnh với một chai vang đỏ và rồi còn choáng váng hơn nữa trước phản ứng sốc của chính mình. Chẳng phải tôi cũng đang có một chai rượu trên bàn sao? Nhiều người khác cũng vậy? Nhưng lúc đó thành viên Công Đảng hẳn đã thất kinh trước một bức ảnh như thế. Bia thì có thể, rượu thì không.

Theo một cách nào đó, đã tồn tại một sự chia cắt về văn hóa cũng như chính trị giữa đảng và nhân dân. Thanh niên bình thường được ra ngoài vào tối thứ Bảy, uống vài ly và tiệc tùng. Đảng viên trẻ của Công Đảng thì ngồi và nói chuyện nghiêm túc về những thiếu sót của chính quyền Đảng Bảo thủ và sự suy giảm trường kỳ không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản. Tôi muốn chúng tôi kết nối lại với nhân dân về mặt văn hóa. Tôi muốn chúng tôi tiếp thu những điểm tốt của Công Đảng trong những năm 1970 và 1980 – thái độ tiến bộ đúng mực như công bằng dành cho phụ nữ, người đồng tính, người da đen và người châu Á – và biến đảng viên thành những người bình thường, để họ hòa mình vào những chuẩn mực thông thường của đời sống và ra khỏi những khuôn mẫu ngọt ngào của sự đúng đắn chính trị. Vì thế, một người phụ nữ có thể vừa là một phụ nữ bình thường lại vừa là một chính trị gia. Cô ấy không cần phải hành xử hay cố gắng mình tỏ vẻ cứng cỏi. Cảm giác đó của chính chúng ta với tư cách là những cá nhân mang một thông điệp chính trị rất quan trọng.

Vấn đề cơ bản của Công Đảng giai đoạn hậu chiến tranh là đảng đã đánh mất mối liên hệ với mục đích cơ bản của chính mình. Mục đích đó là luôn hướng về từng con người cụ thể. Một Nhà nước mạnh hơn, tổ chức công đoàn, hoạt động xã hội, sức mạnh tập thể – tất cả những điều này đều là phương tiện để đạt được mục đích cuối cùng: giúp đỡ mỗi cá nhân tận dụng được cơ hội, cho phép anh ta/cô ta vượt qua những hạn chế bị áp đặt bởi nghèo đói, nền giáo dục kém chất lượng, sức khỏe không đảm bảo, chế độ nhà ở và phúc lợi. Tất cả đều là cơ hội nhưng không phải trên nghĩa rộng mà rất cụ thể: cơ hội cho bạn, với tư cách một cá nhân. Đây là những gì được phản chiếu và lưu giữ từ đâu đó thẳm sâu trong bản chất con người: ước vọng được tự do, được trở nên tốt đẹp nhất trong khả năng cho phép của bạn.

Vấn đề của tất cả các đảng tiến bộ cho tới những năm 1960 là thế hệ đầu tiên của những người được giúp đỡ theo cách như vậy giờ đã trưởng thành. Vì thế, trên con đường đi tìm kiếm các cơ hội, họ không cần thêm sự giúp đỡ của Nhà nước; họ muốn tự mình lựa chọn, tự do kiếm tiền và tiêu tiền. Họ phá vỡ nền tảng phân chia giai cấp thuần túy. Họ bắt đầu phần nộ với những người ăn bám dựa trên đồng tiền thuế của họ. Trên hết, họ muốn một mối quan hệ mới với Nhà nước: như là cộng sự hoặc công dân, không phải người được hưởng lợi ích hay là khách hàng của Nhà nước. Khu vực kinh tế tư nhân, được điều khiển bởi thị trường, chuyển dịch nhanh chóng dưới những áp lực xã hội như vậy. Khu vực kinh tế Nhà nước thì bị mắc kẹt. Chính vì vậy mà vào cuối những năm 1970, Thatcher và Reagan mới có thể thúc đẩy những cải cách quy mô lớn.

Với tôi, Công Đảng mới là tất cả những hiểu biết về quá trình tiến hóa xã hội này. Đó hoàn toàn không phải là việc thay đổi những giá trị cơ bản hay mục đích chính trị tiến bộ của đảng; trái lại, chúng được đúc rút từ di sản cứng đờ của thứ chính trị và văn hóa giáo điều không những hoàn toàn che lấp những giá trị và mục đích đó, mà còn làm hoen ố chúng.

Tất cả những thay đổi này dường như đều bắt nguồn từ thay đổi Điều IV, thay đổi chính sách và tuyên ngôn của đảng và đó cũng chính là một phần quan trọng của việc xác định một hướng đi mới. Tôi muốn các đảng viên Công Đảng có nhiều tham vọng và tâm huyết hơn và không cảm thấy đáng trách về việc thay đổi Điều IV hay lo lắng về việc thay đổi chính sách hay tuyên ngôn của đảng. Chúng ta đều là những người bình thường. Chúng ta nên được động viên và khích lệ bởi triển vọng trở thành những tác nhân làm thay đổi chính trị. Chúng ta nên cố gắng giành lấy hạnh phúc và sự toại nguyện cả trong công việc mà mình lựa chọn, trong cuộc sống cá nhân, trong sự thưởng ngoạn văn hóa và nghệ thuật.

Tôi cũng biết điều này nghe thật kỳ quặc, nhưng quay lại thời điểm cuối những năm 1980 có một nhóm nhạc rock tên là Red Wedge, do Paul Weller và Billy Bragg đứng đầu, đã phát động một chiến dịch tranh cử cho chúng tôi. Thật tuyệt. Nhưng tôi nhớ đã nói sau một trong số các buổi biểu diễn của họ – nhân tiện đây, tôi cũng muốn nói Billy Bragg là một người về sau tôi mới quen và thực sự yêu mến – rằng: “Chúng ta cần hướng tới những thánh giả và người hâm mộ ban nhạc Duran Duran và Madonna”. Tôi cảm thấy, trong nghệ thuật và văn hóa, chúng ta nên đại diện cho tất cả các xu hướng, đi tiên phong trong loại hình nghệ thuật đại chúng mà cử tri của chúng ta có thể xem hoặc nghe.

Vì vậy, theo một nghĩa nhất định, với tôi, chính trị bắt đầu với sự tái kết nối về mặt con người – một kết nối cực kỳ nền tảng – giữa đảng và nhân dân. Cuối năm 1996, Alastair, người rất thông hiểu vấn đề này, đã thuyết phục tôi xuất hiện ở buổi biểu diễn của Des O'Connor. Vào lúc đó, đây là điều rất bất thường đối với một chính trị gia. Tôi đã lo lắng kinh khủng. Tôi phải chuẩn bị vài bài phát biểu và chuẩn bị tinh thần. Buổi biểu diễn chắc chắn sẽ khác một trời một vực so với các phiên chất vấn hay một bài diễn văn trong các hội nghị Đảng. Tôi không phải chứng tỏ “sự thích hợp của bản thân với vai trò lãnh đạo” khi nói về chính sách kinh tế xã hội hay đối ngoại, mà tôi phải chứng tỏ rằng mình là người bình thường và có thể nói một cách bình thường về những điều mọi người hay tán gẫu. Việc làm này thực sự mạo hiểm và tôi e là mình có thể đã biến đời Alastair thành địa ngục khi đưa ra gợi ý tham gia, nhưng nó đã có tác dụng. Tuy nhiên, thật đáng kinh ngạc, là từ đó trở đi, những người tuyệt đối thờ ơ với chính trị vẫn cảm thấy tôi gần gũi với họ.

Điều này có nghĩa là chúng tôi đã kết nối được trở lại với đời sống thông thường của nhân dân và sự tách biệt đáng sợ về văn hóa giữa đảng và nhân dân của những năm 1970 và 1980 đã được điều chỉnh. Nhân dân đã trở lại trong tâm điểm chú ý của chúng tôi và chúng tôi đã sẵn sàng lắng nghe họ. Tuy vậy – và điều này cũng rất quan trọng – sự tái kết nối này mới chỉ là khởi đầu. Đôi khi, các chính trị gia mắc sai lầm nghiêm trọng khi nghĩ rằng: Thế là đủ, tôi đã làm được rồi, họ thích tôi. Nếu bạn suy nghĩ như vậy có nghĩa là bạn đang đánh giá thấp người khác. Việc làm đó chỉ thực sự là những bước đầu tiên không hơn.

Sau đó người dân muốn các câu trả lời. Nếu bạn thuộc phe Đối lập, người dân sẽ không mong bạn biết tất cả. Họ sẽ không hỏi bạn một lô các chi tiết mà chỉ muốn biết bạn đang đứng ở đâu – họ hỏi bạn về chi tiêu và thuế, về trật tự kỷ cương, về quốc phòng, về châu Âu, về các dịch vụ công. Hai điều này là tối quan trọng cho một người ở phe Đối lập: Diễn đạt đơn giản và mạch lạc. Khi nói là diễn đạt đơn giản, ý tôi không phải là hời hợt mà là rõ ràng và dễ hiểu.

Ví dụ, người dân sẽ hỏi rằng ông có ủng hộ đường lối nghiêm ngặt về trật tự kỷ cương hay không? Ông có ủng hộ tuyệt đối cuộc chiến ở Afghanistan không? Ông có ủng hộ việc cải cách hay giữ nguyên hiện trạng các dịch vụ công hiện nay không? Chúng ta cần chi tiêu ít hơn, nhiều hơn hay chi tiêu như hiện nay cho các dịch vụ công? Ông có ủng hộ việc cắt giảm thuế không và nếu có, cho đối tượng nào? Ông ủng hộ mô hình Nhà nước lớn, nhỏ, hay mô hình khác?

Các chính trị gia, không tin cậy vào việc đưa ra lập trường trong các hoàn cảnh như vậy và không thích cách làm này, bởi theo những ràng buộc từ nội bộ đảng mà họ là thành viên, các câu trả lời của họ sẽ bị giới hạn trong một phạm vi đã định và bản năng của họ là trả lời theo cách ai hiểu gì cũng đúng. Họ quyết tâm kéo tất cả mọi người về phe mình, còn tôi không theo đuổi điều đó một cách quyết liệt và đôi khi, nhờ thế tôi đã thành công hơn.

Tuy nhiên, bạn phải có khả năng trả lời những câu hỏi này một cách đầy đủ và rõ ràng. Những câu trả lời này có thể dựa trên năng lực nắm chắc vấn đề hay sự khéo léo “thoái thác” của bạn, nhưng chúng phải dễ hiểu, bởi chúng định nghĩa con người bạn trong mắt công chúng. Chúng định hình nhân cách chính trị chứ không chỉ cá tính của bạn. Thực tế này đòi hỏi bạn phải suy nghĩ, phân tích chi tiết và vững vàng về kiến thức. Chính trị là một lĩnh vực đòi hỏi nhiều trí tuệ hơn người ta nghĩ. Bạn có thể cho rằng: Chà, nếu chỉ đơn giản là có câu trả lời, thì mình chẳng cần phải quá chi tiết. Thật là một suy nghĩ sai lầm! Sự đơn giản không được sinh ra từ những

phân tích hời hợt mà là sản phẩm đã được tinh chế.

Chính trong giai đoạn lâu dài ở phe Đối lập, khi hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng bạn đều phải có điều gì đó mới hay thú vị, mà công việc tôi đã làm với Gordon và một loạt các nhà chuyên gia về chính sách khác đã có kết quả. Chúng tôi đã nghiên cứu kỹ lưỡng, đã nung nấu, đã lặp đi lặp lại để có thể hiểu rõ và làm sáng tỏ những chính sách của đảng trong mỗi lĩnh vực. Vậy là chúng tôi cần tăng đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ công. Nhưng chi thêm bao nhiêu cho việc đó? Tăng trưởng bao nhiêu? Nâng thuế bao nhiêu? Chúng tôi có chống lại việc cắt giảm thuế hay ủng hộ một số hình thức cắt giảm nào đó? Và điều đó ảnh hưởng thế nào đến mức tiêu dùng? Đầu tư trước, sau đó giảm thuế? Hay bạn có thể làm cả hai, sau đó là phân bổ lại đầu tư, phân bổ lại thuế? Nếu phân bổ lại, thì làm theo cách gì? Theo tỷ lệ cao hơn, hay theo những cách khác kín đáo hơn?

Tôi không nhớ chúng tôi đã nghiên cứu những vấn đề này bao nhiêu lần, để đến năm 1994, khi công việc trở lên bận rộn hơn và các mối quan hệ càng ngày càng căng thẳng hơn, thì chúng tôi đã có sẵn định hướng. Bài diễn văn trùng cử đã được thảo thảo với nội dung: Tăng trưởng là chìa khóa, đầu tư chứ không giảm thuế; phân bổ lại thuế, nhưng thận trọng và không động đến thuế thu nhập; giữ giới trung lưu ở vị trí hợp lý, nhưng khi tăng trưởng và tái phân bổ thuế cho phép, sẽ tập trung vào hỗ trợ những người nghèo nhất; sau đó, dần dần cân bằng giữa cắt giảm thuế và tiêu dùng.

Tương tự vấn đề phúc lợi, từ năm 1995 đến 1996, chúng tôi soạn thảo một chương trình về việc làm và kết thúc bằng một nội dung gọi là “Thỏa Thuận Mới” (New Deal) cho người thất nghiệp. Cụm từ này là của Gordon, mượn lại từ chương trình cải cách kinh tế trong những năm 1930 của Tổng Thống Mỹ Franklin D. Roosevelt. Ông ấy luôn nghĩ ra những điều như vậy. Chúng tôi đã đặt ra một loại thuế đánh lên những công ty cung cấp hàng hóa công cộng được tư hữu hóa để có chi phí tài trợ cho chương trình này (thông thường khi ở vị trí độc quyền, các công ty đó đem lại lợi nhuận bội thu). Gordon rất hào hứng với loại thuế này, nhưng tôi thì hơi băn khoăn, lo ngại ý kiến xa lánh của giới kinh doanh. Vào đầu tháng Một năm 1997, tôi đã có cuộc nói chuyện với ông ấy về điều này, chủ yếu vì cố vấn của ông ấy, Ed Balls, đã đi quá xa khi trình bày về loại thuế này. Cuối cùng, chúng tôi cũng đã đi đến một thỏa thuận không được như ý ông ấy, nhưng khá ổn.

Tuy nhiên, khó khăn thực sự lại nằm ở chính chương trình Thỏa Thuận Mới mà Gordon và tôi chia sẻ cùng quan điểm: cùng với các cơ hội việc làm cho người thất nghiệp, chúng tôi đòi hỏi trách nhiệm của họ – tức là một hình thức phúc lợi hiện đại chứ không phải phúc lợi theo cách cũ. Đây chính là điều căn bản khiến nhiều thành viên của đảng lo ngại. Các vị lãnh đạo công đoàn và những người khác (bao gồm Robin Cook) phản đối kịch liệt, họ buộc tội chúng tôi đã đặt ra một loại trợ cấp việc làm, mặc dù các nhận định của Robin chủ yếu nhằm vào Nội các Đối lập và Gordon (người mà ông ta có mối thù hận bắt nguồn sâu xa từ lịch sử chính trị Scotland những năm 70). Chúng tôi đã bảo vệ được lập trường của mình trước mọi phản đối.

Nhưng đây mới là vấn đề: Mỗi quyết định – để có một sắc thuế, áp lên các công ty cung cấp hàng hóa công cộng được tư hữu hóa nhằm có tiền tài trợ cho một loại chương trình việc làm mới – đều được sinh ra từ một hệ thống quan điểm thân trọng về sự quan hệ lẫn nhau giữa mức thuế, hoạt động kinh doanh và phúc lợi xã hội. Chúng tôi đã suy nghĩ cẩn trọng để có thể đi đến những chính sách không những rõ ràng mà còn chặt chẽ. Quan điểm về phúc lợi không mâu thuẫn với quan điểm về kinh doanh. Chúng tôi có thể đã nâng mức thuế áp lên giới kinh doanh để tài trợ cho một chương trình về việc làm mới, điều này có thể gây bất lợi cho giới kinh doanh. Chúng tôi có thể đã đánh một mức thuế cao lên tài sản được tư hữu hóa và đề xuất một chương trình việc làm lỗi thời, theo kiểu truyền thống, nhưng điều đó có thể mâu thuẫn với thông điệp của chúng tôi về phúc lợi – được hiểu là sự cộng tác giữa Nhà nước và mỗi cá nhân chứ không phải là một sự bố thí của Nhà nước cho cá nhân đó. Thay vào đó, chúng tôi đã cân nhắc cẩn thận để chính sách cân bằng, nhất quán với lập trường và thông điệp của Công Đảng mới. Theo đó, chính sách này đã có tầm ảnh hưởng rộng rãi. Giới kinh doanh không hài

lòng về mức lợi nhuận sụt giảm của các công ty cung cấp hàng hóa công cộng, trong khi người dân muốn được hỗ trợ để giảm nạn thất nghiệp nhưng lại nghĩ những người thất nghiệp có nhiệm vụ phải tự giúp chính mình.

Tôi bị ám ảnh với suy nghĩ rằng Chính phủ lần này của Công Đảng cần phải khác so với trước đây, Chính phủ của chúng tôi phải có khả năng cầm quyền trong một thời gian dài, như các Chính phủ Đảng Bảo thủ đã cầm quyền thành thói quen vậy. Để đạt được điều này, sẽ không có chỗ cho những thỏa hiệp về những điểm thiết yếu. Nhưng điều đó không có nghĩa chúng tôi không thỏa hiệp. Chúng tôi có làm điều đó. Vào năm 1995, tôi đã đứng lên bảo vệ quan điểm hệ thống xe lửa thuộc sở hữu công. Tôi không bao giờ tin tưởng vào hình thức tư hữu hóa đặc biệt này của Đảng Bảo thủ và cảm thấy nó có thể dẫn tới một hệ thống xe lửa khổng lồ, phức tạp và thiếu cạnh tranh; nhưng mặt khác, tôi cũng không muốn tốn tiền để tái quốc hữu hóa nó. Về vấn đề NHS (National Health Service – Cơ quan Y tế Quốc gia) và trường học, chúng tôi cũng có những thỏa hiệp, đôi khi nhiều hơn mức tôi mong muốn. Tuy nhiên, đối với những vấn đề có tính chất nguyên tắc của Công Đảng mới – cơ sở xã hội của đảng, con tim, linh hồn chính trị của đảng, nếu bạn muốn gọi như vậy – thì không có bất kỳ một sự thỏa hiệp nào cả. Thường thì điều này ít đặt ra vấn đề theo nghĩa những gì chúng tôi nên làm thay vì những gì chúng tôi không nên làm. Nhưng đó là điều rất tự nhiên đối với phe Đối lập và trong bất kỳ trường hợp nào, nó cũng tạo ra một không gian chính trị đúng đắn cho những điều tôi quyết tâm triển khai, nếu sau này tôi trở thành Thủ tướng.

Cuối cùng, chính sách của chúng tôi là: không quay lại những luật lệ cũ về công đoàn; không tái quốc hữu hóa những công ty cung cấp hàng hóa công cộng đã được tư nhân hóa; không nâng tỷ lệ thuế tối đa; không theo chủ nghĩa đơn phương; không bãi bỏ các trường phổ thông dự bị (Grammar Schools). Và một vài chỉ dẫn rõ ràng cho chính sách tương lai: Quan điểm cứng rắn về các hành vi chống lại xã hội; tăng đầu tư và cải cách dịch vụ công; thân cận với châu Âu và Mỹ; tạo thêm cơ hội và tăng thêm trách nhiệm đối với những người nhận phúc lợi; khích lệ hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ; khuyến khích sự đối xử công bằng giữa doanh nghiệp và người lao động (nhân viên có thể có thêm các quyền cá nhân, nhưng không phải quyền tập thể).

Tại mọi thời điểm trong giai đoạn này (khi các quyết định được đưa ra một cách nhanh chóng và sôi nổi), tôi đã nhất trí sẽ chiến đấu và rời bỏ đảng nếu thua. Đảng cần phải biết rằng tôi không tán dóc. Nếu họ không thích Công Đảng mới, họ có thể tìm một ai đó khác. Cả nước biết rằng nếu trở thành Thủ tướng, thì tôi sẽ “thuộc về đảng” nhưng cũng có thể rời khỏi đảng.

Đôi khi – cũng có sự phê bình kín đáo của Gordon Brown – rằng dường như tôi cố tình gây kích động trong đảng. Thành thực mà nói thì không phải vậy, nhưng tôi sẽ không chiều theo ý đám đông. Tôi sẽ nói cùng một ngôn ngữ với đảng và đất nước. Khi làm thế, tôi sẽ khích lệ những người hiểu biết và có tư tưởng hiện đại trong đảng bước ra. Các nhà lãnh đạo đảng có tầm ảnh hưởng mang tính cộng hưởng với những trợ thủ của họ. Luôn diễn ra một quá trình nhân bản tinh tế từ nhà lãnh đạo sang các trợ thủ và ngược lại, các trợ thủ cũng sẽ tiếp thêm sức mạnh cho nhà lãnh đạo.

Các bài phát biểu của tôi khi đó có nội dung hoàn toàn khác so với các bài phát biểu trong những năm đầu tiên của thế kỷ XXI, nhưng về giọng điệu thì không hề thay đổi. Hiểu biết của chúng tôi về ý nghĩa của quá trình hiện đại hóa đã thay đổi dựa trên kinh nghiệm cầm quyền, nhưng ý chí và quyết tâm hiện đại hóa vẫn chưa bao giờ phai nhạt. Tất nhiên, điểm tiếp theo cần lưu ý là tất cả những điều này đều được sinh ra từ niềm tin. Tôi tin chắc rằng nền chính trị của thế kỷ XX đang đi đến hồi kết, không chỉ về thời gian mà cả về bản chất. Những lối phân biệt tả/hữu cũ vẫn còn, nhưng cần phải được chỉnh sửa, tái sinh và định nghĩa lại.

Vậy là: Từ một niềm tin cơ bản – phục hồi những giá trị của Công Đảng từ cách nhìn truyền thống, giáo điều không còn hợp thời và kết nối đảng với thế giới hiện đại; một loạt các định hướng chính sách đậm chất trí tuệ được xây dựng từ những giá trị đó và được đưa vào thực

tiền dưới ánh sáng của tư tưởng hiện đại; và cuối cùng là một hệ thống quan điểm hoặc quyết định dựa trên những chính sách đã đưa ra, thể hiện cụ thể những định hướng và niềm tin cơ bản trước đó. Sự cam kết vẫn còn nhưng phương thức thi hành đã thay đổi một cách đáng kể. Các hoạt động của Nhà nước và xã hội là phương tiện để giúp đỡ mỗi cá nhân, chứ không phải để phân biệt đối xử với họ. Mục tiêu là để mỗi cá nhân thực hiện được tiềm năng và tham vọng của mình; vai trò của chúng tôi là thúc đẩy điều đó xảy ra, chứ không phải là kiểm soát nó, chúng tôi không hạn chế các tham vọng hay mục đích cần đạt được của mỗi cá nhân mà phải ra mở ra mọi khả năng phát triển cho tất cả mọi người. “Cho nhiều người chứ không phải một vài người”, như nội dung của Điều IV mới đã ghi nhận.

Mỗi bước tiến, mỗi lời tuyên bố, mỗi cuộc phỏng vấn đều nhằm mục đích phục vụ cho chương trình hành động chặt chẽ đó. Sự chặt chẽ của chương trình là một yếu tố không thể thiếu. Hãy lấy Đảng Bảo thủ ngày nay làm ví dụ. Họ muốn đưa ra một thông điệp về hiện đại hóa. Và tới một mức độ nào đó, họ đã sử dụng cảm nang của Công Đảng mới. Họ thay đổi quan điểm về người đồng tính, về đầu tư cho các dịch vụ công, về tầm quan trọng của đoàn thể. Họ đã quảng đi lối nói hoa mỹ cũ theo kiểu Thatcher, nhưng hạt giống vẫn không thể nảy mầm. Vì vậy, khi nghĩ rằng hạt giống đã nằm trong túi mình, họ liền thư giãn. Đột nhiên, những người hoài nghi châu Âu (Euroceptics) thoát khỏi vòng kiểm soát rồi tràn vào chính trường và Đảng Bảo thủ đã thể hiện kém hơn mong đợi trong kỳ bỏ phiếu năm 2010. Giờ đây, tất nhiên, liên minh giữa những người hoài nghi châu Âu đã rút lui và điều này thật tốt cho cỗ máy lãnh đạo của Đảng Bảo thủ. Tại sao chủ nghĩa hoài nghi châu Âu lại là một sai lầm đối với một Đảng Bảo thủ đang cố gắng hiện đại hóa?. Mới thoát nhìn bạn có thể nghĩ: không, thế cũng tốt – rất cuộc, các cuộc bỏ phiếu cho thấy người Anh đang ở đâu. Nhưng đó là một sai lầm bởi vì nó ngay lập tức phá hỏng sự chặt chẽ của thông điệp hiện đại hóa. Với một lớp khán giả từ 25 đến 45 tuổi, châu Âu là một thực tế – một nhất thể hóa về chính trị, kinh tế – và chúng ta phải sống với điều đó. (Bạn thích hay không lại là vấn đề khác.) Hãy nhẹ nhàng để những người bài châu Âu với ánh mắt dữ dội bắt đầu nói về sự nhất thể hóa trong cảm xúc giận dữ rằng người dân, theo bản năng, đã không còn tin tưởng nữa và trong nháy mắt, sự nghi ngờ bắt đầu bao quanh Đảng Bảo thủ và nhà lãnh đạo đảng. Ngoài ra, bất kỳ một biến động nhỏ nào của nền kinh tế và sự thiếu chặt chẽ trong chính sách cũng bắt đầu gây lo ngại cho chính những cử tri mà bạn cần phải làm an lòng. Vì vậy, theo một nghĩa nào đó, động thái cuối cùng hướng tới quá trình hiện đại hóa, mà phần nhỏ là một quyết định có thể chấm dứt với một chiến thắng bầu cử mang tính thuyết phục và phần lớn là sản phẩm của một cuộc bầu cử mà kết quả không mang tính thuyết phục. Dù thế, giờ đây họ có một cơ hội khởi động nó và thực hiện điều đó trong vai trò Chính phủ, việc mà họ đã không làm được trọn vẹn khi đóng vai trò phe Đối lập.

Từ năm 1995 đến năm 1997, thậm chí ngay sau khi sửa Điều IV, tôi luôn có cảm giác yên tâm. Khi tỷ lệ dẫn đầu trong các cuộc bỏ phiếu gia tăng, tôi càng yên tâm hơn. Các thành viên của Nội các Đối lập thường nói: thôi nào, đủ rồi, chúng ta đã bỏ xa đối thủ hàng kilômét. Mỗi lần họ nói vậy, tôi lại thấy vô cùng hồi hộp và quyết tâm không dừng xu hướng hiện đại hóa dù chỉ một phút nào. Việc kết nối đảng trở lại với hiện thực đạt kết quả rất tuyệt vời và cải cách chính sách cũng có kết quả tốt, nhưng trên tất cả, người dân cần phải biết rằng khi được giao cho quyền lực, tôi phải giữ nguyên về ngoài hiện đại hóa đó. Các đối thủ có thể sẽ nói: đó chỉ là một mảnh PR thông minh. Ngày qua ngày, với các yếu tố nền tảng mà đảng đang xây dựng, tôi có thể chứng minh họ đã nhầm bằng hàng loạt những hoạt động hiện đại hóa đất nước.

Vào tháng Sáu năm 1995, chúng tôi đã có cảm giác bị xúc phạm khi chấp nhận lời mời, được biên tập viên tờ Times lúc đó, Peter Stothard truyền tải, tới dự cuộc họp báo do tập đoàn truyền thông News Corp của Rupert Murdoch tổ chức ở đảo Hayman, Australia vào tháng tới. Lại một lần nữa, người sở hữu tờ báo quyền lực nhất đất nước, tờ báo mà các ấn bản đến nay vẫn đầy hiềm khích với Công Đảng, đã mời chúng tôi đến hang cọp. Bạn sẽ tham gia chứ?

Chúng tôi giữ bí mật về lời mời và ý định tham dự của tôi. Bruce Grocott đáng thương đã rất

hoảng hốt. Anh ta đã và vẫn là một anh chàng tuyệt vời – thực sự chân thành, khiêm tốn và tuyệt đối tận tụy với Công Đảng. Thực tế, anh ta là thành viên tốt nhất của Công Đảng truyền thống. Anh ta đã từng được Mo Mowlam gợi ý cho vị trí thư ký riêng của tôi. Đó là một chọn lựa tuyệt vời. (Hai người kế nhiệm Bruce cũng tuyệt vời không kém, David Hanson và Keith Hill. David là một chuyên gia ngoại giao tài giỏi, được cả những người tuyệt đối bất đồng với tôi tôn trọng và ông cũng là một chính trị gia rất giỏi nắm bắt thời cuộc. Keith là một nhà hoạt động hóm hỉnh, đáng yêu và thực sự rất cứng rắn, người che giấu sự cứng rắn đằng sau vẻ hóm hỉnh của mình; nhưng nó luôn xuất hiện khi cần. Trò đùa ẩn tượng của Keith, điều làm tôi thấy thú vị hơn sau khi đã rời nhiệm sở, là xuất hiện và đón tôi tới phiên chất vấn Thủ tướng vào đúng 11 giờ 57 phút, mở tung cửa và nói như một anh mỗ làng: “Thủ tướng, một dân tộc đầy biết ơn đang đợi ngài.”) Một lợi ích khổng lồ là tôi luôn biết điều Đảng đang nghĩ bằng cách liên hệ đến những gì Bruce nghĩ. Tất cả những cuộc thay đổi 180 độ đều gây chấn động tới anh ta. Anh ta từng ngồi đó khi tôi giải thích thay đổi mới nhất của mình với hệ thống thần học và nghi lễ của đảng, mắt anh ta đảo quanh và có thể sẽ lắc đầu hoặc đôi khi cười và nói: Không, thôi nào, lần này chắc hẳn ngài đang đùa.

Cuộc hành trình dài cho phép tôi chỉnh sửa bài thuyết trình của mình cẩn thận hơn. Đó phải là một bài thuyết trình không nhằm thỏa mãn những mong muốn ngắn hạn. Bài thuyết trình có phần nói về sự gắn gũi với châu Âu, những cam kết cải thiện nạn nghèo đói và môi trường, nhưng cũng là một bản trình bày tường tận về Công Đảng mới mang tính nguyên tắc chứ không đơn giản chỉ là để đảng có khả năng thắng trong cuộc bầu cử. Paul Keating, Thủ tướng Australia lúc đó, đã đi cùng chúng tôi và là một người đồng hành tuyệt vời với hàng loạt những lời khuyên rất ý nghĩa, được đưa ra theo cung cách độc đáo, đậm chất Keating. (“Đừng bao giờ nâng thuế thu nhập, anh bạn,” ông ấy từng nói với tôi. “Hãy lấy nó từ họ bằng bất cứ cách nào, nhưng nếu nâng trực tiếp thì họ sẽ xé xác anh ra đấy.”) Ông ấy nghĩ Rupert là một tên khốn, nhưng có thể thương lượng được.

Tôi thấy Rupert là một người khó hiểu và càng hiểu ông ta, tôi càng nghĩ thế. Cuối cùng, tôi dần thực sự tôn trọng và thậm chí còn yêu mến ông ta. Ông ta rất cứng rắn, điều này không còn nghi ngờ gì. Ông ta theo cánh hữu. Tôi không chia sẻ hay thích thái độ của ông ta với châu Âu, chính sách xã hội hay với những vấn đề như quyền lợi cho người đồng tính, nhưng có hai điểm: Ông ta là một “người ngoài lề” và ông ta dám nghĩ dám làm. Hiểu được cái gọi là “người ngoài lề” là rất quan trọng để hiểu được ông ta. Ông ta vừa có quyền lực ảnh hưởng sâu rộng và ở nhiều điểm, là người chống đối giới quyền uy. Ông ta có thể ngưỡng mộ Thatcher, nhưng không phải là người toàn tâm toàn ý theo Đảng Bảo thủ. Những thứ này khiến tôi càng có thêm nhiều điều để suy nghĩ.

Chúng tôi tới Sydney sau các phiên chất vấn Thủ tướng vào thứ Năm và qua đêm ở tòa nhà Kirribilli, nơi ở dành cho Thủ tướng ở gần cầu cảng, sau đó cùng Paul bay tới Đảo Hayman vào Chủ nhật, trình bày bài phát biểu vào ngày hôm sau và rời đi một giờ sau đó. Chúng tôi trở về London vừa kịp giờ để phát biểu cùng Chris Smith, Quốc vụ khanh Di sản phe Đối lập (Shadow Heritage Secretary), về cuộc cách mạng công nghệ vào sáng thứ Ba và sau đó tham gia phiên chất vấn Thủ tướng vào buổi chiều.

Bài diễn thuyết ở đảo Hayman diễn ra suôn sẻ. Tôi thấy các ủy viên Ban Quản trị News Corp đều tán phục (và một chút sợ hãi) Rupert. Khi ông ta giới thiệu tôi bằng những lời hoa mỹ, họ đều hoan nghênh và tôi cảm thấy chúng tôi đã có một cơ hội chiến thắng với sự ủng hộ của tờ Sun.

Nội bộ đảng vừa ngạc nhiên vừa kích động trước toàn bộ sức mạnh của việc này. Thực sự, lúc đó chúng tôi di chuyển với tốc độ chóng mặt. Những sự kiện liên tiếp đã khiến họ ngạt thở và dù có một số phê bình khá mạnh mẽ, nhưng số đông trong đảng vẫn thích thực tế là chúng tôi đang chặn trước, làm lệch hướng và thậm chí lấu cá hơn Đảng Bảo thủ. Sau nhiều năm cam chịu thân phận của kẻ lép vế, họ rất thích tỏ ra đôi chút huênh hoang của kẻ đứng đầu.

Vào khoảng giữa năm 1995, tôi bắt đầu xây dựng bộ khung về cách tiếp cận chính sách của Công Đảng trong một loạt bài báo. Giờ đây khi nhìn lại, tôi thấy thú vị ở chỗ mặc dù những chính sách thực tế bị thay đổi đáng kể theo sự trải nghiệm của Chính phủ, nhưng những triết lý cơ bản thì vẫn còn nguyên vẹn. Vào tháng Sáu, tôi viết trong một bài báo đăng trên tạp chí Times như sau:

Sự thật là giờ đây toàn bộ cử tri đã coi Công Đảng là một đảng của số đông có óc xét đoán. Chúng tôi đã thay đổi. Chúng tôi thừa nhận các thay đổi. Nhưng không đơn giản là rũ bỏ quá khứ mà thay vào đó là công bố một thông điệp tích cực hướng tới tương lai. Điều IV mới là biểu tượng hữu hình của sự thay đổi đó nhưng không phải là biểu tượng duy nhất. Chúng tôi cũng đã thay đổi cách thức lập chính sách. Chính sách giáo dục được triển khai tuần trước không được đưa ra nhằm làm hài lòng Hiệp hội Giáo viên Quốc gia. Nó được thiết kế để đáp ứng những lo ngại của các bậc phụ huynh. Chính sách sức khỏe mà chúng tôi triển khai ngày hôm qua dựa trên sự tư vấn của các chuyên gia thuộc các cơ quan chuyên nghiệp và các chuyên gia khác trong NHS (National Health Service – Sở Y tế Quốc gia). Nhưng điều quan trọng hơn cả là trong tâm trí chúng tôi, ở mọi lúc mọi nơi, chính là người bệnh.

Chúng tôi liên tục hoạt động trên cả hai lĩnh vực. Một lĩnh vực liên quan đến thiên tài tranh cử của Alastair, Peter và nhóm chính trị. Họ đang gây dựng Công Đảng mới, đồng thời cũng đang tấn công rất mạnh mẽ vào Đảng Bảo thủ, tận dụng sự chia rẽ trong nội bộ Đảng Bảo thủ, nhấn mạnh vào điểm yếu của Đảng Bảo thủ, sử dụng một chiến thuật tấn công hỗn hợp đầy sức công phá bao gồm phê bình, nhạo báng và khoa trương, kích động. Tất cả đều được thực hiện một cách hài hước, hiệu quả và chuyên nghiệp. Vì vậy, chúng tôi đã vượt qua những cuộc bầu cử phụ mà giờ đây chúng tôi thường xuyên giành chiến thắng từ Đảng Bảo thủ, thậm chí ở cả những nơi ít ngờ đến nhất. Giờ đây, Công Đảng như một cỗ máy gần giống như đội Manchester United khi đang ở phong độ đỉnh cao: hứng khởi để xem, vô song trước kẻ địch và bất khả chiến bại. Chiến thắng này còn được bổ sung bởi sự chú ý sâu sắc tới nhu cầu đưa ra quan điểm về chính sách mang tính tập trung, đáng tin cậy và chặt chẽ, sao cho sự khác biệt với Đảng Bảo thủ không dẫn đến các điểm yếu của Công Đảng và để thông điệp chủ yếu – Công Đảng đã thay đổi thực sự, không phải vì những tính toán cho bầu cử – có thể được củng cố.

Hầu hết các bài báo về lập trường của chúng tôi đều được đích thân tôi viết, nội dung của chúng được đúc rút từ việc thảo luận chính sách chi tiết với David Miliband, Michael Barber, Jonathan và một số người khác. Với những việc gây ra nhiều phản đối và bất bình trong nội bộ đảng, tôi quyết định thừa nhận rằng mình ủng hộ các thay đổi mà Margaret Thatcher đã thực hiện. Tôi biết độ tín nhiệm của toàn bộ dự án Công Đảng mới phụ thuộc vào việc thừa nhận rằng hầu hết những điều bà Thatcher mong muốn làm vào những năm 1980 là không tránh khỏi, chúng là kết quả của những thay đổi về xã hội và kinh tế chứ không phải của ý thức hệ. Nhưng cách bà tiến hành công việc phần lớn dựa vào ý thức hệ, nhưng điều đó không làm thay đổi sự thực cơ bản rằng: nước Anh cần các cải cách công nghiệp và kinh tế dưới thời Thatcher. Điều này ngay lập tức mở rộng tầm mắt của những người ủng hộ Đảng Bảo thủ trong giai đoạn đó – không phải vì họ bảo thủ theo bản năng và cảm xúc, mà vì Công Đảng xem ra đã quá cổ hủ và xa rời các nguyện vọng cá nhân. Chính sách kinh tế của chúng tôi nghiêng quá nhiều về chủ nghĩa tập thể; còn chính sách xã hội của chúng tôi lại được sinh ra từ sự đúng đắn về chính trị.

Trong một bài báo khác cho tờ Times vào tháng Bảy năm 1995, tôi đã giải thích tại sao Công Đảng cần là một đảng thúc đẩy trật tự xã hội, an ninh nội địa, chủ nghĩa quốc tế và tự do thương mại toàn cầu:

Cách duy nhất để tái lập trật tự xã hội và sự ổn định là dựa vào những giá trị bền vững, được cả xã hội chia sẻ, được khắc sâu trong từng cá nhân và gia đình. Điều này không hề là sự sa đà vào chủ nghĩa chuyên quyền hay nỗ lực nhằm áp đặt trạng thái đạo đức cá nhân phần tiến bộ. Trên thực tế, nó liên quan đến công bằng và bình đẳng. Những người mạnh mẽ và có quyền lực có thể tự bảo vệ mình. Những người thua cuộc chủ yếu là do sự thiếu vắng của các luật lệ bảo vệ kẻ yếu và dễ bị tổn thương. Những vết thương đầu tiên sau sự sụp đổ của xã hội thường xảy ra

với người nghèo và yếu thế. Đó là lý do tại sao cánh tả nên giải quyết vấn đề này một cách nghiêm túc...

Nòng cốt của cánh tả nên là những người thực sự có năng lực của thế kỷ XXI. Những người Bảo thủ đang có nguy cơ đi theo chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi và thiển cận. Không có tương lai nào cho những điều này trong một thế giới liên tục đổi thay. Tôi không nói rằng những giá trị mà Đảng Bảo thủ đề cao không có tầm ảnh hưởng rộng rãi. Nhưng đó không phải là chính trị nghiêm túc.

Chính phủ của Công Đảng mà tôi hy vọng được cầm quyền sẽ có tư tưởng tiến bộ, theo chủ nghĩa quốc tế và quyết tâm thúc đẩy thương mại tự do và cởi mở, chứ không phải chủ nghĩa quốc gia lạc hậu và sai lầm.

Đó là một đảng cánh tả được trẻ hóa và tái sinh, ra đời nhằm đáp ứng và tạo dựng một thế giới mới của những thay đổi. Nếu đảng có thể thoát khỏi những ràng buộc từ quá khứ, học hỏi từ lịch sử chứ không sống mãi trong đó, thì đảng sẽ được trang bị tốt nhất về mặt trí tuệ và triết học để sẵn sàng đón chào thế kỷ mới. Chính vì mục đích thực hiện điều này mà Công Đảng mới sẽ phải tiếp tục thay đổi.

Tôi thực sự lo lắng rằng Đảng Bảo thủ sẽ thay đổi ý nghĩa chính trị của họ, thay đổi lãnh đạo và trẻ hóa đảng. Ý tôi không phải là John Major kém. Tuy nhiên, ông ta chỉ đơn thuần cố gắng nắm giữ một đảng đang bị phân hóa sâu sắc trước vấn đề châu Âu, kéo sát tấm da để che giấu vết nứt, thay vì thực hiện phẫu thuật và chữa bệnh triệt để. Vào năm 1995, ông ta đột nhiên quyết định tổ chức một cuộc bầu cử để giành quyền lãnh đạo và buộc các đối thủ của mình lộ diện. Đó là một chiến thuật khá thông minh và đã làm tôi lo lắng. John Redwood đã bước lên phía trước, với sự ủng hộ của giới báo chí bảo thủ có tư tưởng hoài nghi châu Âu. “Redwood chống lại Deadwood”, như tờ Mail đặt tên.

Nhưng sau đó, may mắn thay cho tôi, Major đã lặp lại chính những sai lầm của Công Đảng vào những năm 1980: Ông ta ủng hộ sự thống nhất một cách cứng nhắc tư tưởng trong toàn đảng thay vì chấp nhận sự khác biệt về tư tưởng có thể nảy sinh từ một bộ phận trong đảng. Vì thế, chiến thuật cứng rắn đã không được củng cố bởi một chiến lược bền vững. Redwood bị đánh bại. Michael Heseltine, người lẽ ra có thể lãnh đạo Đảng Bảo thủ, vẫn đứng ngoài cuộc.

Kỳ lạ thay sức mạnh của lời kêu gọi lòng trung thành từ một nhà lãnh đạo. Bạn phải rất cảnh giác với nó. Khi là Thủ tướng và trong những ngày đen tối khi tôi phải chịu khá nhiều công kích từ người của Gordon, những người thân tín của tôi đôi khi cũng phàn nàn rằng người của ông ta không trung thành. Tôi thường xuyên trả lời rằng họ được giao nhiệm vụ thách thức tôi, đặt ra một lựa chọn cho tôi và nói rằng tôi nên chọn nó. Điều họ không nên làm là ngầm phá hoại tôi. Nếu sự phê phán của họ là đúng đắn, sự thách thức của họ sẽ vượt khỏi lòng trung thành đối với cá nhân và phục vụ một cái đích lớn hơn: bản thân đảng và mục đích của đảng. Đó là lý do khiến tôi không bao giờ gặp rắc rối với người của Gordon – những người muốn tôi bỏ cuộc, miễn là tôi nhận thấy những gì họ làm phục vụ cho một mục đích cao cả hơn, thay vì điều họ muốn là Gordon ngồi vào vị trí lãnh đạo thay tôi. Và với một số người trong số họ, thù địch với Công Đảng mới, tôi cũng cư xử như vậy. Những người này không thể chấp nhận rút lui, họ từ chối thách thức đang chờ phía trước, họ đang mòn mỏi đi. Đó chính là biểu hiện của sự bất trung vì họ đang làm đảng suy yếu, chứ họ không thay đổi hay định hướng lại đảng.

Vì thế tôi từng nói: Tôi không ngại cái mà người ta gọi là tư tưởng bất trung, tôi chỉ ngại rằng họ muốn Công Đảng quay lại con đường đã dẫn đảng đến thất bại trong bầu cử. Major lẽ ra đã có thể sử dụng sức mạnh của sự cạnh tranh để khẳng định quyền lãnh đạo. Thay vào đó, cuộc chiến rất hỗn loạn và bộc lộ sự thật rằng Đảng Bảo thủ bất đồng sâu sắc về đường hướng cơ bản của họ.

Vào tháng Một năm 1996, chúng tôi ban hành tài liệu “Đảng cầm quyền”, một động thái tưởng như vô thưởng vô phạt về quản lý đảng, nhưng cuối cùng lại thực sự là một thay đổi vô cùng

quan trọng trong cách đảng phát triển chính sách. Khi đọc lại các tài liệu về các chính quyền Công Đảng trước kia, tôi đã chú ý đến mối quan hệ giữa đảng và Chính phủ. Khi đảng được yêu cầu sử dụng quyền lực thực sự, lập tức xuất hiện sự căng thẳng giữa những nhà hoạt động trong Đảng và các bộ trưởng trong Chính phủ, theo đó hai bên luôn kết thúc bằng việc chia rẽ nhau sâu sắc hơn. Đảng muốn “chủ nghĩa xã hội đích thực” mà các nhà hoạt động rất tôn thờ; mà Chính phủ lại tập trung vào người dân. Chính phủ chuyển động với một vận tốc đáng kể nhằm tồn tại trong những vùng văn hóa chính trị tách biệt nhau. Kết quả là tạo ra sự thất vọng tăng dần trong Chính phủ về Đảng và điều này nhanh chóng được thể hiện trước công chúng.

Tệ hại nhất là sự thất vọng này sau đó được thể hiện rất rõ trong cấu trúc Đảng, đáng chú ý nhất là trong NEC (National Executive Committee – Ban Chấp hành Trung ương đảng) và Hội nghị Đảng. NEC trở thành đơn vị thẩm tra đạo đức của Chính phủ; Hội nghị Đảng – thành thời điểm tập trung những chia rẽ và đấu tranh cho các nghị quyết – thường yêu cầu Chính phủ làm những việc gần như tự sát khi đến kỳ bầu cử. Bản tài liệu “Đảng cầm quyền” đã thay đổi cách thức làm việc để đảm bảo các nghị quyết được đề xuất không chỉ đơn giản bằng cách vẽ ra một đường hướng, mà thay vào đó, nghị quyết được phát triển từ một quá trình được kiểm soát bao gồm những tranh cãi và thảo luận lâu dài trong các nhóm hoạch định chính sách; và quyền lực của Ban Chấp hành Trung ương (NEC) đã được rút bớt một cách dứt khoát. Chúng tôi phải đưa các công đoàn vào cuộc để thúc đẩy cải cách và chính ở đây Tom Sawyer đã tỏ ra vô giá với tư cách một cựu thành viên công đoàn. Với một chút do dự và phản đối, đảng đã thừa nhận các thay đổi tại cuộc họp năm 1996. Những thay đổi này đã giữ một vai trò vô cùng quan trọng khi Chính phủ trải qua giai đoạn khó khăn.

Không điều nào dưới đây thể hiện rằng chúng tôi đã miễn dịch với những công kích ngầm và nói xấu sau lưng thường thấy trong đảng. Vài lần trong năm 1996, tôi phải khuyến cáo Nội các Đối lập đề phòng việc rò rỉ thông tin, dừng việc đấu đá lẫn nhau và đấu đá với những người Bảo Thủ. Đồng thời, tôi luôn cố gắng cảnh giác và ngăn chặn các cuộc tấn công từ phía cánh tả cho rằng chúng tôi đã nói lảng các nguyên tắc của mình trong cuộc cạnh tranh giành quyền lực. Tôi quyết định thừa nhận những cáo buộc về sự xa rời các nguyên tắc trước cả khi có ai lên tiếng về việc đó. Tôi nghĩ nguyên nhân suy sụp của cánh tả – xu hướng tin rằng quyền lãnh đạo quá thiên về cánh hữu khi công chúng lại lo lắng cho điều ngược lại – là điều tốt nhất được công bố, được chấp nhận và được đối mặt. Trong thông điệp cho cả những người cánh tả và cho đất nước, tôi đã nói: đừng bị ảnh hưởng bởi bất cứ quan niệm sai lầm nào, chúng tôi là Công Đảng mới, chúng tôi sẽ nắm quyền như Công Đảng mới, đó không phải là một màn kịch, mà là sự thật và sự thật này được sinh ra từ niềm tin. Tôi biết dù có thông điệp đó thì cũng không dừng được các cáo buộc về sự phản bội, nhưng dù sao cũng sẽ hạn chế được những cáo buộc cực đoan.

Roy Jenkins đã từng miêu tả tôi như một người đang mang một chiếc lọ hoa vô cùng quý giá đi ngang qua một căn phòng rộng và nền nhà thì trơn. Tôi không thể cho phép mình thư giãn dù chỉ trong một giây, mất tôi lúc nào cũng phải dán vào thứ đồ quý giá đó, tâm trí tôi bị chệch hướng khỏi nhiệm vụ trong tay. Có quá nhiều mối quan tâm và các công việc nặng nhọc liên quan đến các hội nghị. Năm 1994, tôi tuyên bố thay đổi nội dung Điều IV. Năm 1995, chúng tôi công bố một thỏa thuận với BT nhằm nâng cao các kỹ năng của Công Đảng, đây là thỏa thuận liên kết với một nhà cung cấp hàng hóa công lớn đã được tư nhân hóa nhằm gửi đi thông điệp rõ ràng rằng chúng tôi thân thiện với giới kinh doanh. Trong bài phát biểu hôm đó, tôi cố gắng thể hiện ước nguyện của mình đối với đất nước cần hiện đại hóa và để nhìn xa hơn, tôi đã nghĩ ra cụm từ “nước Anh với tư cách là một quốc gia trẻ” – thoát nghe có vẻ giễu cợt, nhưng đã thể hiện được tâm huyết của tôi với nước Anh nhằm giành được một chút niềm lạc quan và năng lượng trẻ trung của một đất nước đang rất tự tin về tương lai của nó, chứ không phải luôn hoài cổ.

Năm 1996, tôi tuyên bố ba ưu tiên hàng đầu của Chính phủ khi chúng tôi nắm quyền sẽ là “giáo dục, giáo dục, giáo dục” (một dòng – chỉ một dòng duy nhất thôi – chính là Jonathan đã gọi ý cho tôi). Mục đích của việc tập trung vào giáo dục là vì lợi ích của chính nó, nhưng cũng nhằm

nhấn mạnh việc chúng tôi nhìn nhận vai trò của Nhà nước: tạo điều kiện để tiềm năng được phát triển hết mức, chứ không phải để kiểm soát cuộc sống hay kinh doanh. Trong cuốn giới thiệu “Công Đảng Mới, Nước Anh Mới” xuất bản năm 1996, chúng tôi đã đề ra những định hướng rõ ràng trong mỗi lĩnh vực chính sách. Chúng tôi có đưa vào đó các chính sách ví dụ để minh họa cho định hướng của mình, nhưng cũng cẩn thận tránh hứa hẹn quá nhiều hay quá chi tiết.

Về khía cạnh này, Gordon là một đồng minh không thể thiếu được của tôi. Sự thận trọng bẩm sinh khiến ông ấy không tán thành bất cứ vận may nào. Ông ấy đã thấy tầm ảnh hưởng của Công Đảng mới. Ông ấy đã xác định mình là người thận trọng về mặt kinh tế, thân thiện giới kinh doanh và luôn giữ một khoảng cách với tôi trong mọi vấn đề. Ông đưa ra quan điểm của chúng tôi về độ tin cậy của nền kinh tế và nâng cao đáng kể độ tin cậy của đảng trong khát vọng nắm lấy quyền lực. Trong buổi diễn thuyết ở Mais năm 1995 với cộng đồng ngân hàng và tài chính, tôi đã thể hiện cách tiếp cận của chúng tôi đối với nền kinh tế trong sự hợp tác chặt chẽ với Gordon, nhấn mạnh cam kết hướng tới sự ổn định của chúng tôi. Khi viết ra nội dung của bài diễn thuyết, tôi đã nhận được giúp đỡ từ những viên chức chủ chốt của thành phố, những người hiểu được mục tiêu cốt lõi của đảng phải là hiện thân của nguồn năng lượng lành mạnh và bền vững.

Trong khi đó, tôi đang học cách đối mặt với danh tiếng. Đột nhiên, tôi trở thành một trong những gương mặt nổi tiếng nhất nước. Các nước trên thế giới cũng đặc biệt quan tâm tới Công Đảng mới. Người ta viết về chúng tôi như một điều mới mẻ. Như thế chúng tôi là một thứ mới mẻ.

Tuy nhiên vào lúc đó, vẫn còn một mối liên hệ với hiện thực trong cuộc sống thường nhật của tôi. Tôi không có đội an ninh, tôi lái xe đưa lũ trẻ tới trường vào hầu hết các buổi sáng, tôi có thể ra ngoài ăn, gặp gỡ bạn bè, nghỉ ngơi bên gia đình. Tôi bận rộn và trách nhiệm tôi đang mang trên vai vô cùng nặng nề. Tôi trẻ hơn nhiều so với tuổi thực. Người ta có thể kéo tôi lại khi đang đi trên phố và tán gẫu. Những ngày đó thật hạnh phúc.

Cherie và lũ trẻ đã làm cân bằng cuộc sống của tôi, nhưng cũng không thể phủ nhận rằng cuộc sống của họ đã thay đổi quá nhiều. Bọn trẻ, bỗng nhiên được các bạn cùng lớp nhìn bằng con mắt rất khác. May thay, bởi chúng vẫn tiếp tục học trường cũ và gia đình chúng tôi vẫn đi nhà thờ cũ – St Joan of Arc ở Highbury, ngay phía trên sân bóng của đội Arsenal – mọi người đều là người quen và cho dù giờ đây gia đình chúng tôi được nhìn nhận từ một phương diện mới, nhưng hàng xóm nhà chúng tôi vẫn thân thiện như vậy. Bạn bè của chúng tôi hầu hết đều phi chính trị vì thế mọi chuyện thật dễ chịu.

Cherie quyết định xây dựng lại hình ảnh của mình: giữ dáng, xinh đẹp hơn, đi lại như thể sắp trở thành một nhân vật nổi tiếng. Carole Caplin giúp đỡ cô ấy rất nhiều về vấn đề này, cũng như giúp đỡ tôi khi vóc dáng trở thành một nỗi ám ảnh thường trực. Cô ấy giúp Cherie trông đẹp hơn và cảm thấy dễ chịu hơn khi bị di chuyển đột ngột từ thế giới này (nghề luật sư chuyên nghiệp) sang thế giới kia (báo chí lá cải).

Sau đó, Carole bị sấn lòng bởi giới truyền thông khi có quan hệ công việc với Peter Foster, một gã lừa đảo. Cô bị nhảm chìm trong biển tin tức, bao gồm cả những câu chuyện hoàn toàn bịa đặt và thậm chí còn có cả sự hoang đường như chuyện Cherie và Carole tắm cùng nhau.

Những phụ tá của tôi, công bằng mà nói, khá thích thú với chuyện này nhưng cũng bị Carole “nấn gân”. Đặc biệt là Alastair, do không hiểu vai trò của cô ấy nên đã cực lực phản đối. Anh ta đánh giá, một cách khá đúng đắn rằng chính trị không có chỗ cho một người đẹp và thờ ơ với chính trị như Carole. Về phần mình tôi nghĩ đó chính là lý do khiến tôi thấy cô ấy thật tươi mới.

Alastair tin là cô ấy sẽ “bán” câu chuyện của mình. Nhưng cô đã không bao giờ làm thế. Dù có phải chịu đựng sự sỉ nhục nào đi chăng nữa, cô cũng vẫn giữ được phẩm giá. Đối lập với hình ảnh được giới truyền thông tô vẽ, cô vẫn tử tế, lịch sự, chăm chỉ và trên hết, thể hiện sự thông

minh qua những việc mình làm. Mỗi quan hệ của cô với Foster là một sai lầm lớn, nhưng nó không hề mang tính vụ lợi hay bị ai đó xúi giục. Mỗi quan hệ đó là hệ quả của sự từ chối mạnh mẽ của cô với việc thỏa hiệp với ý kiến của dư luận về người khác. Trong trường hợp này, họ đã đúng và cô ấy đã sai, nhưng sự từ chối đi theo đám đông chính là điều khiến cô trở thành người đổi mới và sáng tạo trong công việc, một người bạn tốt và một người bạn tâm tình đáng tin cậy của Cherie.

Nhìn lại, khi tờ Sun làm vỡ lở câu chuyện về mối liên hệ giữa Carole và Cherie vào năm 1994, nếu cô ấy được thông báo, được chia sẻ và động viên thì mọi chuyện sẽ tốt hơn. Thay vào đó, chúng tôi lo lắng về vị trí của mình và về nguy cơ cô ấy có thể làm nảy sinh mâu thuẫn và vì thế đã phải giấu cô ấy ở một nơi an toàn. Nhưng tất nhiên, điều đó càng làm tăng thêm sự hấp dẫn của cô ấy.

Như tôi từng nói với những người thân thuộc, thì việc quen biết tôi giống như mắc một thứ bệnh. Bạn bè của tôi nhanh chóng trở thành mục tiêu. Nếu giới truyền thông thù địch không thể tóm được tôi, họ có xu hướng tấn công những người xung quanh tôi.

Nhưng những việc này chỉ xảy ra sau đó. Thời gian trước chiến thắng trong cuộc bầu cử, chúng tôi đã làm việc rất chăm chỉ, nhưng luôn thường trực những mối đe dọa sau lưng. Trong sự thúc ép và ràng buộc của phe đối lập, chúng tôi đã chuẩn bị hết mức có thể. Tuy nhiên, tôi chắc chắn rằng những thúc ép và ràng buộc đó là một bất lợi đáng kể. Bạn thiếu thốn những phương tiện cần thiết để bước vào tòa nhà Chính phủ và điều hành một cách hiệu quả, đặc biệt nếu bạn lên nắm quyền sau một thời gian dài ở phe Đối lập. Điều này không liên quan đến việc tìm hiểu cơ chế hoạt động của Chính phủ; trên hết, nó liên quan đến việc hiểu rõ sự phức tạp của việc ban hành chính sách, quản lý tài chính và sắp xếp thứ tự ưu tiên công việc. Hiểu rõ cấu trúc của các cơ quan Chính phủ và những đường chính, đường phụ trong mối liên hệ giữa các cơ quan đó là việc rất quan trọng, nhưng còn quan trọng hơn khi biết tập trung vào các chi tiết thiết yếu của việc chuẩn bị thực thi chính sách, dễ dàng về lý thuyết nhưng thực sự khó khăn trong thực tiễn. Và các chính đảng thường được trang bị rất ít thông tin về bản chất của sự tương tác giữa các cam kết chính sách với tài chính công.

Vậy là, về mặt định hướng chính sách, chúng tôi đã rất chắc chắn và rõ ràng. Nhưng chúng tôi vẫn thiếu những chi tiết cần thiết. Tuy nhiên, trong quan điểm là một cỗ máy đấu tranh cho cuộc bầu cử thì chúng tôi thực sự nổi bật. Chúng tôi biết cách thực hiện điều đó. Khi John Major kêu gọi bầu cử, chúng tôi đã sẵn sàng vào cuộc. Chúng tôi lờ đi những khó khăn đang chờ phía trước sau khi vượt được mốc chiến thắng với một tốc độ gần như không thể xoay chuyển nổi.

4. Trăng mật

Bất lợi của một Chính phủ mới là thiếu kinh nghiệm điều hành đất nước. Nhưng đây cũng là một lợi thế. Sự non nớt, ngây thơ cộng với những tư tưởng thuần khiết, không vẩn hoài nghi, chỉ trích từ những cái đầu bị chìm đắm trong các “vũng nước ô nhiễm” của Chính phủ cũ khiến Chính phủ mới mang trong mình một khả năng đặc biệt. Từ đầu đến cuối, tôi không hề đánh mất sự lạc quan, sự tự tin hay niềm tin vào tương lai đang đón chờ phía trước, nhưng có thể không bao giờ tôi có lại được cảm giác tràn đầy năng lượng tuyệt vời và sự táo bạo khi lựa chọn một đội ngũ mới – đặc biệt là khi cảm giác này đến sau 18 năm cầm quyền trong Chính phủ của một Đảng Đối lập.

Những gì mà chúng tôi đã làm trong những ngày đầu thanh bình đó vẫn vô cùng đáng nhớ. Chúng tôi không ngủ quên trên chiến thắng, luôn giữ tinh thần vững vàng bất chấp những lời xì xào phá hoại xung quanh, đồng thời cũng luôn nhắc nhở bản thân rằng nhiệm vụ của chúng tôi là phục vụ nhân dân. Tất cả những điều này xuất phát từ mong ước chân thành là đưa đất nước đi lên. Chúng tôi đã nghĩ đến những điều không tưởng, làm những việc không thể làm; đã đến lúc phải phá bỏ nhiều quy ước, thói cũ, truyền thống.

Một quyết định ngay từ ban đầu đã khiến tôi khá bận tâm nhưng tôi nghĩ để hoàn thành tốt các công việc trong vai trò Thủ tướng thì tôi sẽ phải thực hiện nó. Vào thời điểm đó, các phiên chất vấn Thủ tướng (PMQs) được bố trí hai lần mỗi tuần vào 3 giờ 15 phút chiều thứ Ba và thứ Năm, trong vòng 15 phút. Mặc dù, trong ngày hôm đó, tôi có thể còn phải tham gia các chương trình khác, nhưng thời gian buổi sáng trôi đi một cách chậm chạp, miên man trong dòng suy nghĩ ứng phó với những câu hỏi về cơ hội, thách thức và có thể cả những cạm bẫy trong phiên chất vấn sắp tới. Sau buổi chất vấn kết thúc lúc 3 giờ 30 phút chiều, tôi nghĩ lại: Buổi chất vấn đã diễn ra như thế nào, ai đã điều khiển nó, người ta đã nói gì về tâm trạng của các thành viên Nghị viện không giữ các trọng trách trong Chính phủ. Lý trí mách bảo tôi rằng tất cả đã qua và mọi việc thường bị quên lãng trong vòng 48 tiếng; tuy nhiên toàn bộ nội dung trong phiên Chất vấn Thủ tướng thường thiếu hợp lý. Đó là nơi gửi gắm những tư tưởng chính trị, trí tuệ và tình cảm của tất cả những người thiếu lý trí. Thậm chí khi còn ở phe đối Đối lập – lúc tôi chỉ việc đặt ra những câu hỏi ngớ ngẩn – thì phiên chất vấn đó cũng đã chi phối tư tưởng của tôi khá nhiều. Mặc dù khi đó, tôi chỉ có thể tưởng tượng được công việc của một Thủ tướng sẽ như thế nào.

Rõ ràng, một trong những tố chất quan trọng và cần thiết của một Thủ tướng hay tổng thống là cách thức quản lý thời gian. Nếu bạn chỉ cho tôi một nhà lãnh đạo yếu kém, tôi sẽ cho bạn thấy kế hoạch quản lý thời gian tồi của họ. Chúng ta không bàn đến thời gian làm việc – tôi gặp một số vị lãnh đạo làm việc liên tục trong nhiều giờ liền trong ngày khiến tôi bật cười, họ làm việc 18 tiếng một ngày nhưng họ sắp xếp công việc thế nào mới là vấn đề.

Lịch trình làm việc phải được lập dựa trên những quyết định thuộc thẩm quyền của Chính phủ và phải được đảm bảo nghiêm ngặt thời gian thực hiện. Ở một chừng mực nào đó, lịch làm việc hàng ngày chỉ giới hạn trong những đầu việc quan trọng cần thiết. Một trong những việc đầu tiên mà Anji đã làm cho tôi khi tôi đến Ngôi nhà Số 10 là hạn chế tối đa những bữa tối theo nghi thức. Tôi nhớ mình đã tham dự không quá 30 bữa tối như thế, bao gồm cả các bữa tiệc chiêu đãi cấp Nhà nước bắt buộc trong suốt thời gian ở phố Downing. Các bữa tiệc tối theo nghi thức hầu như không cần thiết. Bởi bản thân tôi cho rằng chúng chỉ là những thủ tục rườm rà và các vị khách mời cũng cho là vậy. Nếu bạn bắt đầu bữa tối muộn (thức ăn hoặc có rất nhiều hoặc chỉ là thứ chả ngon miệng gì) và không có điều gì tồi tệ hơn việc phải phát biểu sau bữa tiệc tối. Nếu đó là công việc bắt buộc phải làm thì bạn phải dành 45 phút trước bữa tối để thảo luận hoặc thông báo về vấn đề đó và sau đó bạn có thể rời bữa tiệc về với gia đình mình, còn khách mời có thể tụ tập với bạn bè hay cộng sự của họ. Hãy để họ được nghỉ ngơi sau những giờ phút căng thẳng mệt mỏi và có thời gian vui vẻ bên nhau. Ngoại trừ những bữa tiệc chiêu đãi theo nghi thức ngoại giao tôi phải tham dự, mà theo tôi tiệc chiêu đãi ngoại giao mà

rôm rả hoành tráng quá sẽ là dấu hiệu cho thấy một Chính phủ được điều hành không mấy tốt đẹp.

Sắp xếp thời gian cho một vị lãnh đạo gần như là một nhiệm vụ tối quan trọng. Người phụ trách công việc này là một trong số những người quan trọng nhất trong nhóm công sự và họ phải cứng rắn trong việc từ chối những công việc chen ngang. Một lãnh đạo luôn phải niềm nở và làm gương cho người khác. Khi bạn gặp ai đó, chắc chắn họ sẽ hẹn hò để gặp lại bạn, tất nhiên là bạn sẽ phải đồng ý. Bạn không thể nói rằng: “Không, anh quá tẻ nhạt, tôi không có việc gì quan trọng để phải nói chuyện với anh cả”. Việc của người sắp xếp lịch biểu là nói “không”. “Nhưng ông ấy đã đồng ý gặp tôi.” Không. “Nhưng ông ấy nói là muốn gặp tôi.” Không. “Nhưng...” “Không nhưng gì cả”.

Trước đây, ở văn phòng chúng tôi, mọi người có sử dụng cụm từ “SO” viết tắt của từ “phạm vi không cho phép” (Sackable Offence) và áp dụng nó một cách cứng nhắc. Nó được áp dụng trong việc lên lịch gặp những người mà họ cho là không quá cần thiết hoặc không mấy quan trọng. Họ yêu cầu áp dụng nguyên tắc này ngay cả khi tôi đã đồng ý cuộc gặp đó. Nó được áp dụng – vấn đề này hơi tẻ nhạt – cho dù tôi nói với nhân viên của mình rằng tôi cảm thấy vô cùng thất vọng vì họ đã thiếu tôn trọng mong muốn cũng như lời nói của tôi như thế nào.

Có một nhân vật Công Đảng quan trọng đã luống tuổi, một người đặc biệt đã nhiều lần tìm cách gặp gỡ và nói chuyện với tôi, mong muốn sẽ đưa ra những “lời khuyên có ích”. Ông ấy là một người thú vị và đột nhiên tôi muốn gặp ông. Kate, trợ lý của tôi, là một người có khả năng từ chối cứng rắn và hiệu quả, hôm đó lại ra ngoài giải quyết việc riêng. Lúc ấy, người tạm thời thay thế Kate đã để cho ông ấy vào gặp tôi. Sau khoảng 30 phút lắng nghe những “lời khuyên hay”, mắt tôi dúi lại vì cuộc nói chuyện quá tẻ nhạt, may thay lúc đó người thư ký tạm thời mở cửa bước vào và thông báo “hết giờ”. “Ồ, thế à, tiếc quá. Tôi thực sự muốn có thời gian nói chuyện với ông ấy”.

Cô ta nói: “Được a, nếu vậy, thì thưa ngài, ngài có thể trò chuyện thêm 30 phút nữa vì lịch làm việc của ngài có thay đổi”.

Các phiên chất vấn Thủ tướng rất có sức hút và quan trọng đối với các thành viên Nghị viện, tuy nhiên, từ việc xem lại tài liệu về các phiên chất vấn của cựu Thủ tướng, John Major, tôi thấy rằng mỗi phiên chất vấn như vậy tốn kém cả về vật chất lẫn tinh thần, thậm chí làm ảnh hưởng đến ngày làm việc hôm đó: Toàn bộ buổi sáng và đầu giờ chiều, chúng tôi đều dành cho khâu chuẩn bị và nếu có các cuộc họp diễn ra trong khoảng thời gian đó, tôi cũng không thể tập trung được. Sau đó vào cuối giờ chiều và đầu giờ tối là khoảng thời gian đầu óc tôi quay cuồng với những suy nghĩ về phản ứng của dân chúng và những gì đã diễn ra. Hai phiên chất vấn Thủ tướng chiếm hẵn hai ngày. Việc này tiêu tốn quá nhiều thời gian.

Trước khi bầu cử tôi đã có dự định, nói đúng hơn là đã lập một kịch bản – là làm sao để khéo léo trình bày trong bản đề xuất rằng “để các phiên chất vấn Thủ tướng được hiệu quả hơn – chúng ta nên gộp hai buổi chất vấn 15 phút mỗi tuần thành một buổi chất vấn 30 phút. Bạn có thể nghĩ rằng thế thì có gì khác nhau; nhưng để tôi cho bạn biết, đó là một cuộc cách mạng tiết kiệm thời gian. Rất may là Paddy Ashdown, lãnh đạo Đảng Dân chủ Tự do, cho biết rằng ông ta ủng hộ cải cách đó. Vì thế, tôi hít thở sâu và trình trọng tuyên bố ý định cải cách đó và nó đã nhanh chóng được thông qua. Nếu có tranh luận, thì có lẽ nó chỉ nằm trong suy nghĩ của mọi người mà thôi, nhưng tôi đã may mắn vì chúng tôi là một Chính phủ mới và các thành viên Đảng Bảo thủ thì vẫn còn đang choáng váng.

Sau này, khi Robin Cook lên làm lãnh đạo Hạ viện, chương trình chất vấn 30 phút được chuyển thời gian vào trưa ngày thứ Tư. Khâu chuẩn bị diễn ra vào đêm trước đó và sáng thứ Tư phải hoàn tất, vì thế cho dù chương trình vẫn tiêu tốn thời gian nhưng so với trước đây thì nó vẫn ít hơn. Vào khoảng 12 giờ 30 phút trưa thì cơn ác mộng cũng qua đi. Trừ phi có sự cố xảy ra trong buổi chất vấn còn nếu không thì đầu giờ chiều, đầu óc bạn cũng thanh thoi hơn và ngày

thứ Tư sẽ trôi qua thoải mái. Nó có vẻ chỉ là một thay đổi nhỏ, tuy nhiên, đối với sức khỏe của cá nhân Thủ tướng thì đó là điều rất quan trọng.

Ngoài những mặt lợi thì sự thay đổi này cũng tồn tại những mặt trái: 15 phút chỉ là khoảng thời gian rất ngắn, nhưng sẽ không quá ngắn ngủi nếu bạn phải đối diện với một đám đông ồn ào tập trung trước mặt – tin tôi đi, thời gian trôi qua rất chậm chạp – vì thế, 30 phút là cả một vấn đề, nhất là khi người ta chỉ xoay quanh một chủ đề để chất vấn thì lại càng tệ hại hơn.

Không còn nghi ngờ gì nữa, các phiên chất vấn Thủ tướng là một trải nghiệm đầy thử thách và khó khăn, để đương đầu, tôi phải cần đến dũng khí, lòng can đảm, sự tự tin, sự nhanh trí nhiều nhất trong cuộc đời làm Thủ tướng của mình. Bạn có biết một phần cảnh trong bộ phim Marathon Man khi tên bác sỹ Quốc xã xấu xa do Laurence Olivier thủ vai khoan thủng răng của Dustin Hoffman. Vào khoảng 11 giờ 45 phút sáng thứ Tư hàng tuần, tôi đã trải qua 30 phút chương trình chất vấn Thủ tướng giống như 30 phút trong cảnh phim đó.

Khi tôi kể những kinh nghiệm này của mình với một số người Mỹ và Nhật, những người không hiểu sao lại có sở thích theo dõi chương trình này, thì họ bảo rằng “Ồ, nhưng tôi thấy Thủ tướng rất thích chương trình đó lắm mà”. Nếu tôi nhìn trông có vẻ thích thú chương trình đó thì có lẽ là tôi đang “diễn”. Không, tôi rất ghét chương trình này. Những người khác thì lại nói: “Hôm nay, nhìn Thủ tướng trong phiên chất vấn rất thoải mái”. Không, tôi chưa bao giờ thấy thoải mái dù chỉ một giây, thực sự là chưa bao giờ cả.

Còn một câu chuyện nữa mà tôi nghĩ nó đúng là câu chuyện thần thoại, đó là cách thức tổ chức bố trí cho Thủ tướng trả lời chất vấn. Quan điểm này cho rằng những người đưa ra câu hỏi là những người muốn biết câu trả lời. Thực ra, toàn bộ câu chuyện là giống như một cuộc đấu kiếm, một kiểu đấu hiện đại không cần gươm giáo. Vũ khí ở đây là ngôn từ, nhưng lạy Chúa, họ có thể làm tổn thương nhau và phá hỏng ý nghĩa thực sự của ngôn từ. Trong 30 phút đó, Thủ tướng là người ở vị trí có khả năng bị “rủi ro” cao. Không ai có thể nghĩ rằng nó lại quá kinh khủng như vậy. Nếu bên chất vấn là người trung thành và để cho bạn biết trước câu hỏi, thì bạn có thể “ung dung” nhưng với những người khác thì phiên chất vấn đúng là một môn thể thao “đổ máu” và Thủ tướng là con mồi béo bở. Nếu mọi chuyện diễn ra suôn sẻ, bạn cảm thấy phần chẵn; nếu mọi chuyện diễn ra tồi tệ thì không đơn giản là bạn thấy khốn khổ mà còn có cảm giác ê chề. Chẳng có nơi nào như nơi đây, một Hạ viện đầy áp những người chỉ muốn đẩy ai đó vào vị trí dở khóc dở cười.

Bạn không thể nói trước được bất cứ điều gì. Nhiều khi, tôi thầm nghĩ, tôi biết rõ chủ đề hôm nay là gì, tôi có câu trả lời và buổi chiều nay sẽ diễn ra tốt đẹp thôi. Thế nhưng vài phút sau đó, tôi choáng váng, tôi nói hớ, nghe có vẻ ngớ ngẩn, rồi tôi khiến không khí căng thẳng, nhiều người tức giận, thậm chí tồi tệ hơn, họ chế nhạo tôi. Vào những lúc như thế, tôi chỉ mong có cái hố nào đó phía dưới để chui xuống cho xong. Câu trả lời của tôi bắt đầu dài dòng hơn, loay hoay hơn; tôi bắt đầu lú lẫm, giọng điệu gấp gáp, mặt đỏ ửng và chỉ vài lập luận còn có chút rõ ràng. Tôi liếc nhìn hậu trường như cầu khẩn các cộng sự của mình cứu nguy chỉ để nhận thấy vẻ bối rối trên khuôn mặt họ. Khi tôi ngồi xuống vài người thân cận đến chúc mừng nhưng rồi những lời chúc mừng ấy cũng nhanh chóng bị những tràng vỗ tay rào rào át đi. Đi giữa hai hàng ghế mà như giữa hai hàng kiếm dài – ngày trước, các thành viên Nghị viện vẫn được mang theo kiếm – là những khuôn mặt hả hê dương dương tự đắc.

Dần dần, tôi cũng làm tốt hơn, mọi việc cũng biến chuyển nhưng nỗi lo lắng thì không thể vơi đi trong ngày một ngày hai được. Thậm chí, giờ đây, bất kể tôi ở đâu, tôi vẫn cảm thấy ớn lạnh khi đồng hồ điểm 11 giờ 57 phút sáng thứ Tư hàng tuần, nó như là chiếc gai đâm nhói vào gáy vào cổ và tim tôi. Đó là lúc tôi bước ra khỏi phòng làm việc của Thủ tướng ở Hạ viện để đến phòng trả lời chất vấn. Tôi thường có cảm giác như tội nhân bước từ phòng giam đến điểm thi hành án.

Tôi phải đến Hạ viện vào khoảng 11 giờ 30 phút sáng, ngồi cả buổi sáng trong văn phòng Thủ

tướng ở phố Downing để xem xét giấy tờ, quyết sách chiến lược. Trong thời gian nửa tiếng đó bạn phải đưa ra quyết định, các câu trả lời phải được chuyển đi để tham vấn ý kiến một cách vội vàng về một số sự kiện. Điều tồi tệ nhất là những câu chuyện vào giờ giải lao lúc 10 giờ hoặc thậm chí là 11 giờ sáng, thường xoay quanh các con số không mấy tốt đẹp về một hay nhiều lĩnh vực, hay một số ý kiến ngớ ngẩn mà các thành viên Chính phủ đã phát biểu. Một dòng cũng phải ghi lại, phải đưa ra sự thật mặc dù toàn bộ sự thật có thể không được phơi bày. Khi đó, nhằm lẫn của Thủ tướng không phải là sai lầm mà: đó là sự dối trá có tính toán và những khoảnh khắc nghỉ ngơi như thế này là lúc để bàn tán.

Cuối cùng thì tôi cũng có kinh nghiệm hơn trong việc thực hiện chương trình này. Tôi can đảm hơn. Tôi nhận ra rằng mình phải đương đầu với con ác quỷ đó. Không phải suy nghĩ quá nhiều trong đêm trước đó, đi đúng giày (tôi đi cùng một đôi giày trong tất cả các phiên trả lời chất vấn Thủ tướng trong 10 năm) hay chỉ cầu trời cho mình sẽ vượt qua. Tôi quyết định phân tích tình hình và cố gắng tìm ra cách thực hiện tốt nhất bằng mọi khả năng có thể.

Tôi nhớ khi còn là học sinh, tôi có chơi quyền anh, đó là một môn học bắt buộc. Tôi rất ghét môn đó; với tôi, nó chẳng có tác dụng hay hấp dẫn gì – trong những lần giao đấu đầu tiên, tôi rất sợ. Tôi không muốn đánh đối thủ và cũng không muốn đối thủ đánh mình. Tôi chỉ mong sao cho hiệp đấu nhanh kết thúc. Mặc dù vậy, sau một vài lần, tôi chơi tốt lên, biết đứng lên và chiến đấu. Tôi đã chiến đấu với nỗi sợ hãi nhưng vẫn thể hiện sự quyết đoán. Hoặc là đấu cho ra đấu hoặc là không đấu nữa – điều đó cũng tốt – nhưng đừng hành động như một kẻ hèn nhát. Tôi không muốn mình phải chơi quyền anh giỏi hơn nhưng tôi đã cảm phục bản thân mình hơn.

Dần dần, tôi đã rút ra được cách thức tham gia phiên chất vấn Thủ tướng. Trước hết là bắt đầu bằng thái độ tự tin hơn, đối mặt và chiến đấu với hoàn cảnh. Nỗi sợ hãi giống như sự kích thích, ở một mức độ nhất định nó có thể khiến bạn có cảm giác vô cùng bấp bênh. Sợ hãi đến mức hoảng sợ thì quả thực tồi tệ. Trong những ngày đầu, đêm trước khi diễn ra buổi chất vấn, tôi không ngủ được, buổi sáng cũng chẳng ăn được gì. Nhưng tôi nhận ra rằng quan trọng là phải có sức khỏe cũng như tinh thần tốt mới có thể xử lý được mọi tình huống. Do đó, tôi đã thay đổi thói quen hàng ngày của mình. Tôi uống một viên melatonin vào đêm hôm trước vì thế tôi đã ngủ được ít nhất là sáu tiếng. Tôi ăn sáng và ngay trước lúc diễn ra buổi chất vấn, tôi ăn một quả chuối để lấy thêm năng lượng. Việc làm này có vẻ ngớ ngẩn nhưng tôi thấy người khỏe khoắn hơn vì thể tinh thần thoải mái và chứng hồi hộp giảm dần sau 10 phút. Điều này đã tạo ra sự khác biệt. Đến tận 12 giờ 28 phút, tinh thần tôi vẫn thoải mái và tự tin đối đáp với những câu hỏi hóc búa.

Thứ hai, tôi phải đối diện với nỗi sợ của bản thân. Nỗi sợ hãi là chiếc áo của kẻ khờ dại hoặc kẻ lừa bịp. Để ngăn chặn nó, không những bạn phải nhớ hết các con số, sự kiện mà còn phải làm chủ được cuộc tranh luận. Đương nhiên, việc nghiên cứu kỹ lưỡng các tình huống là tối quan trọng. Khi tôi bắt đầu tiến bộ cũng là lúc tôi có được một đội ngũ cộng sự gồm những tài năng lớn, trước hết là một người làm việc siêu hiệu quả – Clare Sunner, sau đó là Kate Gross, một nhà tổ chức tài ba và cũng là một MC. Cố vấn đặc biệt là Catherine Rimmer, trưởng ban nghiên cứu có kiến thức uyên thâm và có khả năng siêu việt trong việc nắm bắt chi tiết sự việc. Nhóm cố vấn dẫn đầu là Nicolas Howard, bậc thầy về tổ chức trong phiên chất vấn Thủ tướng. Tất cả đã giúp tôi có niềm tin rằng, về cơ bản thì các câu trả lời của tôi về mọi vấn đề là chính xác. Tuy nhiên, chiến thắng chung cuộc không nằm ở những sự kiện mà nằm ở cách triển khai chúng. Các sự kiện giống như con ngựa, áo giáp và cây thương; còn các kỹ năng là cách bạn sử dụng những công cụ này để mang lại hiệu quả tốt nhất hay nói cách khác, bạn phải dự đoán đúng hướng tấn công, tìm ra cách thức chống đỡ và sau đó triển khai phản công.

Nếu trong một buổi chất vấn mà bạn gặp phải một chủ đề không có cơ hội chiến thắng – có một số ngày như vậy – tốt nhất bạn nên cố gắng chiến đấu để có được một trận hòa. Nhưng trong một cuộc chiến có lợi thế ngang nhau hoặc bạn có lợi thế hơn thì nhất định bạn phải chiến thắng. Chiến thắng mang lại sự tự tin cho phe của bạn, nó khiến họ phấn chấn hơn, thấy

tương lai xán lạn hơn. Vị thế của bạn được nâng lên. Thất bại không chỉ làm mất giá trị của bạn mà còn làm nhụt chí đồng đội. Những phiên trả lời chất vấn tôi có thể đẩy người lãnh đạo vào thế nguy hiểm.

Đêm trước buổi chất vấn, tôi đọc qua toàn bộ khung chương trình, trong đó có toàn bộ câu trả lời giả định cho những câu hỏi giả định và nghiên cứu kỹ các vấn đề thực sự phức tạp trong tâm trạng thoải mái. Khoảng 8 giờ sáng, tôi ngồi xem xét và trau chuốt lại các vấn đề có khả năng bị chất vấn nhiều nhất và vạch ra diễn biến và hướng tranh luận trong chương trình. Đôi khi cách diễn đạt hay nhất lại xuất hiện ngay trong phiên chất vấn, nhưng theo kinh nghiệm của tôi thì điều này hiếm khi xảy ra. Không ai có khả năng phát biểu hùng hồn nếu tài hùng biện của họ không được mài dũa, chuẩn bị kỹ.

Bằng phương pháp này, dần dần, tôi học được cách chuyển từ thế phòng thủ sang tấn công. Điều này giúp tôi phân tích cuộc tranh luận bằng sự kiện, dữ liệu – xem nó có bền vững và thuyết phục không, liệu nó có phù hợp với các thành viên Nghị viện cũng như thành viên Chính phủ không?

Tôi đã phát hiện ra sức mạnh của tính hài hước, cả bề nổi lẫn bề sâu của nó. John Smith là người đầu tiên mà tôi thấy đã sử dụng tài tình khiếu hài hước trong Nghị viện, cũng giống như việc hạ bệ John Major bằng việc lợi dụng sự sụp đổ của Cơ chế Tỷ giá Hối đoái (ERM). Gordon cũng vậy, thời kỳ đầu, ông ấy đã sử dụng óc hài hước, hóm hỉnh của mình để đánh đổ mặt trận kinh tế của Đảng Bảo thủ tại Nghị viện khi đứng vào đúng vị trí của John trong những năm cuối thập niên 1980. Cách ông ấy phản biện lại Nigel Lawson và Ủy ban Tài chính Đảng Bảo thủ đã giúp chúng tôi có cơ hội tham vấn kế hoạch của họ. Chúng tôi thường rơi vào thế yếu trong các vấn đề tranh luận, nhưng thật tuyệt vời khi điểm yếu đó được giấu nhẹm đi bằng sự hóm hỉnh đúng lúc. Tôi là người khá nghiêm chỉnh và cứng rắn, giống như một luật sư trong một buổi tố tụng nhưng tôi cũng có khiếu hài hước và chỉ cần tự tin sử dụng nó hiệu quả mà thôi.

Tôi học được cách tước vũ khí của đối thủ và làm nổ tung chúng. Họ cáu giận, bạn nhẹ nhàng ôn hòa. Họ cứng nhắc, bạn ôn tồn. Họ nguyên rủa bạn, bạn cảm thông. Khi đối đầu nhau, hãy nhìn thẳng để xem sắc mặt họ, mắt đối mắt thay vì đảo quanh.

Cuối cùng, tôi nhận ra rằng nếu làm mọi thứ rối tung lên, bạn sẽ có lợi thế. Nói thì dễ nhưng làm mới khó. Khi trải qua một phiên chất vấn không tốt đẹp thì lúc đi bộ từ nghị trường trở về phòng làm việc, tâm trạng tôi cũng tồi tệ chẳng khác nào lúc từ văn phòng tới đó. Thường thường, sau chương trình chúng tôi luôn dành ít phút để xử lý những hậu quả của buổi chất vấn. Nhóm cộng sự cũ luôn cảm thấy rằng việc tôi làm rối tung mọi chuyện lên quả là những giây phút khó khăn đối với họ. Khuôn mặt họ tràn trề vẻ thất vọng, mặc dù họ đã cố che giấu. Jonathan Powell thường là người duy nhất lên tiếng. “Ơn Chúa, thế là xong, tuần này không còn phải làm việc đó nữa”. Ông ấy vui vẻ nói vậy trong khi một số người khác càu nhàu về việc chúng tôi chỉ có được “một trận hòa” vài người còn chửi thề.

Đầu tháng Năm năm 1997, các phiên chất vấn hai lần một tuần được gộp thành một buổi. Tôi không bao giờ hối tiếc về quyết định đó và các vị Thủ tướng sau này sẽ phải cảm ơn tôi vì sáng kiến cải cách này.

Quyết định tiếp theo là một trong những điều hoàn toàn khác biệt và mang tính nền tảng hơn. Vài tháng trước cuộc bầu cử, Gordon và tôi cùng nhau bàn về vấn đề chính sách tiền tệ – ví dụ, thiết lập tỷ lệ lãi suất cho Ngân hàng Trung ương Anh như thế nào. Cái gọi là “sự độc lập” của ngân hàng này đã trở thành đề tài tranh luận sôi nổi của các chính trị gia, nhà kinh tế và học giả trong suốt mấy thập kỷ qua.

Tôi cho rằng điều đó hoàn toàn đúng. Từ lâu, tôi đã tin rằng đối với các chính khách thì việc quy định lãi suất là việc làm gây lẫn lộn giữa vai trò kinh tế và vai trò chính trị, giữa vấn đề dài hạn và vấn đề ngắn hạn, giữa cái thực tế với cái nhạy cảm. Tôi đã từng được chứng kiến màn diễn kịch khi Chính phủ thận trọng điều chỉnh lãi suất theo vòng bầu cử. Mọi người đều biết

diễn tiến của nó và lý do Chính phủ làm vậy. Nhờ nó mà Nhà nước đã thanh toán được các khoản tiền thưởng chỉ cho chính trị dựa trên tỷ lệ lãi suất một cách hiệu quả. Sự trái ngược của Ngân hàng Trung ương Anh với các Ngân hàng Trung ương độc lập ở châu Âu, đặc biệt là Ngân hàng Đức và Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, xứng đáng là một bài học kinh nghiệm cho chúng tôi.

Tôi muốn nói với những thành viên Nghị viện hoài nghi, những chuyên gia nghiêm nghị, những người phản đối thay đổi rằng vấn đề không nằm ở chỗ Thống đốc Ngân hàng có phải người thông minh hơn Bộ trưởng Tài chính hay không. Thống đốc có thể hoặc không phải là một người trí tuệ siêu việt, nhưng quy trình ra quyết định tại Ngân hàng là một quy trình rất khách quan. Tôi từng trao đổi điều này với Roy Jenkins. Gavyn Davies – lúc đó đang làm việc tại Goldman Sachs và là người mà tôi vẫn tham vấn về kinh tế – đã hoàn toàn nhất trí về những vấn đề đó. Tôi biết Nigel Lawson – một Bộ trưởng Tài chính mà tôi ngưỡng mộ – cũng muốn thi hành chính sách tương tự. Đó cũng là một đòn phản công hoàn hảo dành cho những người hồ nghi về khả năng kinh tế của một Chính phủ sắp tới do Công Đảng lãnh đạo. Vì thế, ngoài lý do chính đáng đặt nhiệm vụ kinh tế dài hạn lên trên các nhiệm vụ chính trị ngắn hạn thì vẫn có rất nhiều lý do chính trị hợp lý khác để làm vậy.

Gordon cũng có kết luận tương tự, nên khi tôi đưa ra đề xuất, ông cũng nhất trí. Có một vài tranh luận xung quanh vấn đề về thời gian công bố. Tôi thiên về phương án tuyên bố ngay trước thềm bầu cử để củng cố sự tín nhiệm, còn ông ấy cảm thấy rằng việc thúc đẩy thị trường là rất quan trọng và đề nghị nên thực hiện điều đó ngay sau bầu cử, cuối cùng tôi đã đồng ý với ý kiến của ông.

Gordon tuyên bố kế hoạch đó vào ngày 6 tháng Năm. Các doanh nghiệp và thị trường vô cùng hào hứng. Các thành viên Đảng Bảo thủ phản đối nhưng không tạo thành cơn bão lớn mà thực ra họ cũng không thể làm vậy cho dù có muốn đi chăng nữa. Với tôi, đó là khoảng thời gian vô cùng quan trọng. Nó định hình một phương pháp tiếp cận với các chính sách kinh tế và giúp chúng tôi tìm ra cách thức điều hành Chính phủ: cách làm của chúng tôi không phải được sinh ra bởi các tư tưởng cánh tả hay cánh hữu truyền thống; nó thiết lập một nền móng vững chắc, cho thấy tính quyết đoán của chúng tôi từ khi mở đầu đến khi củng cố và tăng cường cơ hội kinh tế của nước Anh với tư cách là một quốc gia.

Tôi để Gordon tuyên bố và trao cho ông cơ hội để tán dương, ca ngợi kế hoạch đổi mới Ngân hàng Trung ương Anh ở vị thế của người sẽ trở thành nhân vật hoạch định chính sách kinh tế chủ chốt của Chính phủ. Tôi đã làm thế, trước hết vì tôi nghĩ ông ấy xứng đáng được như vậy; sau nữa, nó sẽ khiến mọi chuyện được khách quan hơn, tránh màn trình diễn chỉ có một người; và thứ ba, nếu tôi làm khác đi thì chắc chắn đã dẫn đến căng thẳng.

Nhưng điều đó cũng để lại hậu quả kéo dài đến tận sau này. Tôi đã phạm phải nhiều sai lầm, nhưng có một đức tính là không tỏ ra ngại ngùng trước những người có trí tuệ xung quanh mình. Trong văn phòng, tôi thích Alastair, Jonathan, Anji, Sally, Peter, David Miliband và một số người khác chính xác là vì tôi biết họ luôn chia sẻ những suy nghĩ của mình với tôi. Điều đó không chứng tỏ họ thiếu tôn trọng tôi, mà là họ chân thành – nghĩ gì nói vậy. Tôi đón nhận điều đó và có được những lời khuyên giá trị và trở nên tự tin hơn.

Tôi có chủ ý để Gordon bước ra như một người khổng lồ, một nhân vật có quyền lực thứ hai trong Chính phủ, mà không hề lo sợ mình sẽ bị lu mờ hay bị ông ấy qua mặt. Thực sự khái niệm “bị qua mặt” không phù hợp trong hoàn cảnh này. Các cộng sự của tôi ở văn phòng có phần hơi lo lắng. Nhất là Alastair đã tưởng tượng ra cảnh tôi là “chủ tịch” hay “tổng thống” còn Gordon là “giám đốc điều hành” hay “Thủ tướng”, mà theo thái độ khẳng khẳng của Alastair lúc đó thì tôi chỉ là con rối trong tay Gordon – người trực tiếp điều hành đất nước. Còn tôi, tôi rất thoải mái với cái cảm giác rằng tôi là ai và đang làm gì, rằng điều đó không làm tôi bận tâm, cuối cùng, tôi nhún vai thể hiện thái độ không quan tâm đến lời cảnh báo đó.

Song song với chương trình thiết lập sự độc lập cho Ngân hàng Trung ương Anh, tôi cũng bắt

đầu tạo dựng một chương trình khung rộng lớn cho nền kinh tế. Trong thời gian đầu, tôi cũng nhắc nhở những cộng sự của mình phải liên tục cập nhật thông tin về chính sách kinh tế: Tổng hợp một kế hoạch chi tiêu toàn diện phù hợp với những ưu tiên của Chính phủ, giải trình những định hướng nhằm xây dựng một nền kinh tế có tính cạnh tranh và giành lại quyền kiểm soát chặt chẽ hơn nếu tôi nghĩ rằng chính sách nào đó có thiên hướng ủng hộ giới doanh nghiệp, ủng hộ những ý tưởng tham vọng (nhấn mạnh vào ý tưởng đánh thuế cao hơn đối với những người có bằng cấp cao hay những người có từ hai ngôi nhà trở lên). Việc này được thực hiện một cách thường xuyên và ở mức độ vi mô, loại bỏ ý kiến thoái thác trách nhiệm; một loạt công việc cần được thực hiện nhằm duy trì ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, việc người ta cho rằng tôi bàng quan với những chính sách kinh tế là thiếu xác thực. Thực tế là con tàu, đường ray và đích đến đã được xây dựng trong sự hợp tác chặt chẽ với Gordon và trên những con đường do tôi định hình hay lựa chọn. Để từ theo đó, người cầm lái được tự do quản lý con tàu. Không lâu sau đó, tôi đã thực sự kiểm soát chính sách kinh tế.

Trong suốt thời gian ba năm kể từ khi tôi làm lãnh đạo Công Đảng, chúng tôi đã có nhiều tranh cãi và điều đó giúp tôi nhận ra rằng chúng tôi có cách tiếp cận vấn đề khá khác nhau. Chỉ đến những năm sau này thì sự khác biệt đó mới dần lu mờ. Chắc chắn một điều rằng chúng tôi có xuất phát điểm khác nhau cơ bản nhưng đều hướng đến mục đích phục vụ chính trị. Nhưng suy cho cùng nếu hai cá nhân có quan điểm kinh tế trái ngược, với nền tảng hiểu biết hoàn toàn khác biệt mà có thể làm việc với nhau thì cách giải thích tốt nhất là có lẽ là do chúng tôi đều có bản năng khác nhau về vấn đề kinh tế và tài chính.

Về cơ bản, tôi hiểu được khát vọng trong mỗi con người. Tôi thích những người có chí tiến thủ, vươn tới thành công và ngưỡng mộ những ai làm được điều đó. Khi còn làm việc ở hội luật sư – quãng thời gian 7 năm ở đó đã giúp tôi có những cách tiếp cận khác nhau với các nguồn thông tin đa dạng – tôi có cơ hội giải quyết nhiều vụ việc liên quan đến công nghiệp và thương mại, vì thế tôi quen biết và có quan hệ mật thiết với những người kinh doanh mạo hiểm, những người hiểm khi chán nản bỏ cuộc. Họ đam mê công việc. Tôi là người đam mê lòng khát vọng. Đó là lý do tôi yêu thích nước Mỹ. Tôi ngưỡng mộ triết lý tự thân vận động hay đi lên bằng hai bàn tay trắng của họ.

Triết lý này đôi khi cũng bộc lộ những nhược điểm. Trong khi những câu chuyện về việc bị lóa mắt bởi sự giàu có của tôi luôn bị phóng đại một cách lố bịch (hầu hết những người bạn thân của tôi đều không thuộc mẫu người đó), thì đôi khi tôi lại đánh giá thấp tính nhân tâm và phi luân lý – điều có thể giúp kiếm tiền. Bạn đừng hiểu nhầm ý tôi: có rất nhiều doanh nhân là những người năng động mà đối với họ tiền là kết quả của thành công chứ không phải là động cơ thúc đẩy. Nhưng cũng có những người lại chẳng màng đến. Và đôi khi tôi không hiểu hết được sự khác biệt đó.

Tuy nhiên, tôi không bằng lòng với thành công và đối với một chính trị gia tiến bộ thì điều đó là một dấu hiệu tốt. Tôi cũng thuộc mẫu người đó. Tôi muốn có một ngôi nhà khang trang không? Có. Tôi thích một khách sạn năm sao hơn khách sạn hai sao chứ? Đương nhiên rồi. Tôi hiểu rằng có nhiều cuộc sống đáng mơ ước hơn nữa chứ? Chắc chắn là thế. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng việc có được một cuộc sống sung túc, giàu sang lại khiến người ta thờ ơ lãnh đạm trước những khó khăn của đồng loại. Nhưng với tôi điều ngược lại thì hoàn toàn đúng: những gì tôi muốn có cho bản thân, thì cũng muốn người khác có được. Dù sao tôi thấy việc mong muốn có được những điều ấy không có gì là sai trái.

Khi đi cùng một nhóm doanh nhân, tôi cảm thấy rất thoải mái trong khi Gordon lại hoàn toàn khác. Ông ấy có thể phân tích được một doanh nghiệp tốt phải là một môi trường tốt cho kinh doanh là như thế nào và có thể bàn thảo về những vấn đề phức tạp của chính sách này từ đó tìm cách thúc đẩy môi trường kinh doanh đó; nhưng ông ấy không bao giờ “cảm nhận” được điều đó. Tôi dường như sinh ra để phục vụ công chúng nhưng nếu được chọn lựa con đường khác, tôi muốn làm kinh doanh và kiếm tiền. Đôi khi tôi lại tự hỏi: Liệu tôi có thành công không? Nếu giờ đây tôi thực hiện điều mình mong muốn, tôi nhất định sẽ làm được. Tôi là

người phục vụ công chúng bằng cả trái tim. Nếu Gordon có sự lựa chọn khác thì ông ấy cũng sẽ là một người phục vụ công chúng có tầm cỡ. Điều đó không có nghĩa là ông ấy không thể làm như vậy trong kinh doanh – với khối óc và sự quyết đoán của bản thân thì ông có thể làm bất kỳ việc gì – nhưng đó chưa bao giờ là động cơ thôi thúc hay khiến ông quan tâm, hứng thú.

Do đó, với tôi thì việc đánh thuế cao không hẳn là vấn đề. Tất nhiên, bạn có thể viện dẫn rằng người giàu thì đương nhiên phải đóng thuế nhiều hơn và tôi đồng ý với điều đó, nhưng tôi muốn duy trì mức thuế cạnh tranh, kế thừa chính sách cơ bản của Thatcher/Howe/Lawson. Tôi muốn người giàu có luôn được nước Anh chào đón và trân trọng để họ có cơ hội phát triển kinh doanh, tạo ra nhiều công ăn việc làm hơn và đóng góp công sức vào sự phồn thịnh của đất nước. Tuy nhiên, họ không phải là ưu tiên hàng đầu; bằng cách đó tôi muốn nói rằng họ sẽ không nhận được bất cứ quyền ưu tiên nào cũng như được lựa chọn quyền ưu tiên. Tôi thích để mọi chuyện được tự nhiên.

Tôi biết, nếu chúng tôi đưa ra mức thuế cao nhất đánh vào người giàu thì đó sẽ được coi là một tín hiệu, một lời tuyên bố về định hướng chính sách hay một chỉ dẫn có khả năng gây ảnh hưởng lớn đến công chúng. Gordon cho rằng nên đưa ra ý kiến về chính sách đó trước cuộc bầu cử, nên tôi đã thực hiện một cuộc thăm dò dư luận giả “bỏ túi” cho thấy có 70 - 80% trong số họ tán thành chính sách, tôi đã vô cùng thất vọng. Đối với tôi đó là báo động đỏ. Sau đó, Gordon cũng đã từ bỏ.

Công bằng mà nói thì Gordon đã có một quan điểm căn bản hơn về thuế đánh vào lợi nhuận thu được từ việc bán các khoản đầu tư hoặc tài sản, loại thuế đã hỗ trợ rất lớn cho các quỹ đầu tư tư nhân khổng lồ. Ông ấy chỉ cắt giảm tỷ lệ thuế xuống còn 15% cho những cổ đông nắm giữ khoản đầu tư của mình trong một khoảng thời gian tối thiểu theo quy định trước khi bán đi, vì thế những khoản đầu tư vào các công ty được phân loại theo thời gian và nhà đầu tư chỉ phải trả một khoản thuế ít hơn thuế thu nhập rất nhiều. Tuy nhiên, tôi cảm thấy việc thực hiện chính sách này chỉ như một tín hiệu về mặt chính trị đối với những người cho rằng Gordon không thân thiện với giới kinh doanh và đó là “sản phẩm” của những người núp đằng sau tư vấn cho ông ấy, chứ không phải một chính sách được khởi nguồn từ sự nhận thức sâu sắc và mang tính thuyết phục.

Cũng chẳng có vấn đề gì, trong lời tuyên bố đầu tiên về Ngân hàng Trung ương và về sự hình thành khoản ngân sách đầu tiên đó, Gordon thể hiện khá rõ quan điểm của Công Đảng mới. Tuy nhiên, dường như việc ông ấy khẳng định quan điểm cho rằng tôi đã bỏ ngỏ lĩnh vực kinh tế đã khiến cho những suy nghĩ về tôi bị sai lệch. Tất nhiên, điều đó nằm trong bản chất của chính trị nơi những hạt giống của sự sụp đổ có thể đã nảy mầm từ một nơi nào đó rất sâu trong lòng đất. Hạt giống sẽ lớn dần theo thời gian và chồi lên mặt đất. Thậm chí, ngay cả trong những ngày đầu mới lên nắm quyền, sau giây phút nhận được cuộc điện thoại thông báo về sự ra đi của John, tôi đã không nhậm chức ngay, thì đã xuất hiện một cuộc chiến liên tục, cho dù việc nó có được giải quyết hay không lại là vấn đề khác.

Bất kể tất cả những chuyện này, thì sự hiện diện của một nhân vật lớn như thế chỉ đơn giản là để giải quyết vấn đề đó và vì vấn đề đó – một nhân vật đầy nhiệt huyết, tài năng và tầm ảnh hưởng chính trị không thể phủ nhận – là lợi thế vô cùng lớn của Chính phủ. Nếu có một cuộc va chạm thì đó ít nhất cũng là một cuộc va chạm của những người tầm cỡ. Nếu có căng thẳng thì họ cũng có khía cạnh sáng tạo của mình. Trên quan điểm bảo vệ quyết liệt tầng lớp trung lưu của tôi và sự trung thành đáng trân trọng với truyền thống Công Đảng của Gordon, chắc chắn có thể xây dựng một mối liên minh hiệu quả. Vì thế, từ sau ngày 1 tháng Năm năm 1997, mọi việc đã diễn ra đúng như thế.

Tôi có quan điểm có phần lạc quan kỳ lạ về sức mạnh của lẽ phải, về khả năng thuyết phục nếu xảy ra tranh luận. Đôi khi nó khiến tôi tin rằng nếu một mục tiêu chính trị là đúng đắn thì chắc

chấn sẽ thành công. Nhưng rõ ràng là chính trị không giống như thế: Có những mục tiêu hoàn toàn chính đáng và có giá trị, tuy nhiên lại hoàn toàn không khả thi.

Kinh nghiệm của tôi với những đảng viên Đảng Dân chủ Tự do trong những ngày đầu nắm quyền là một tình huống thực tế, minh họa cho quan điểm này. Vào những ngày nghỉ, tôi muốn họ tụ tập với mình. Tôi coi Roy Jenkins là một cố vấn. Dần dần, tôi yêu quý ông và thực sự nghĩ rằng ông là một người lý trí, can đảm, tao nhã và thông minh. Tôi cũng yêu quý và kính trọng Paddy Ashdown và nghĩ rằng họ có những thế hệ trẻ sẽ kế tiếp mình, làm nền tảng cho một Công Đảng mới. Tôi hiểu tại sao Đảng Dân chủ Xã hội (Social Democratic Party – SDP) được thành lập, tại sao nó lại thất bại và tại sao sự thất bại đó không phải là sự thất bại về một ý tưởng mà là sự thất bại của một tổ chức và sự thất bại của một phương thức hoạt động chính trị.

Đảng viên Đảng Tự Do được xem là tập hợp của một nhóm bao gồm những người nghiêm túc một cách mơ hồ, những người không mấy nghiêm túc và những người hoàn toàn không nghiêm túc. Tôi có định kiến về những gã râu ria xồm xoàm, đi dép xăng đan và mặc áo màu mè đến chói mắt, những người mà tham vọng lớn nhất là trở thành hội viên trong các hội đồng địa phương và làm công tác vận động xuất quần chúng; những phụ nữ trong trang phục rộng thùng thình, khác người và chỉ nói về tầm quan trọng của giáo dục giới tính.

Sau khi Đảng Tự Do và Đảng Dân chủ Xã hội hợp nhất thành Đảng Dân chủ Tự do, thì những đảng viên Đảng Dân chủ Tự do mới của họ có cách thức hoạt động khá giống với kiểu chính trị “gương ép”, tỏ vẻ hợp tác nhưng thực tế thì hoàn toàn trái ngược. Họ cũng khá giống với phe cánh tả và cánh hữu của hầu hết các đảng, chỉ hơn thế một chút, điều này lý giải cho những gì mà Rick nói về Louis ở Casablanca.

Điều đó có nghĩa là các nhà hoạt động của đảng này thiên về những điều kỳ quặc. Bây giờ, bản thân tôi cũng là một nhà hoạt động và thời trẻ, tôi còn là một nhà hoạt động tích cực – vì thế ở đây tôi cần phải cẩn trọng. Nhưng hoạt động chính trị không phải lúc nào cũng đòi hỏi chút ít tính chất của kẻ kỳ quặc. Tôi biết nhận thức này là cố chấp và có phần gây sốc nhưng bất cứ ai đã từng ngụp lặn trong môi trường của một chính đảng chính trị và là thành viên trong đảng thì sẽ biết rằng một môi trường sống lập dị là gì.

Đảng viên Đảng Dân chủ Tự do cũng có thể thiên về chủ nghĩa cơ hội thô thiển. Giờ đây, tất cả các nhà chính trị phải luôn chớp lấy thời cơ, việc nắm bắt cơ hội thường là những gì họ phải làm – nhưng trong một số chiến dịch địa phương thì đảng viên Đảng Dân chủ Tự do đã làm tốt điều này, đạt đến mức độ biến nó thành một hình thức khoa học hay nghệ thuật. Đặc biệt, trên quan điểm chính thức, họ tuyên bố về niềm tin vào sự bình đẳng giới và sắc tộc, họ vẫn đứng lên ủng hộ những phong trào bản thủ nhằm vào đặc điểm cá nhân của đối thủ.

Mặc dù, giống như một mớ bòng bong, nhưng khả năng lãnh đạo của họ rất tốt, trong hàng ngũ của họ có những cá nhân xuất sắc và có quan điểm chính trị gần giống với Công Đảng mới. Chúng tôi đã dẫn dắt Công Đảng tới điểm nhận ra rằng phần lớn những gì mà Đảng Dân chủ Xã hội trước đây nói đều đúng; một số thành viên vượt trội của họ đã rời bỏ và gia nhập hoặc tái gia nhập Công Đảng; và thực tế, tôi có tầm nhìn chính trị gần với một số người trong họ hơn là với nhiều người cánh tả cũ trong đảng của tôi. Cần phải thu hút họ tham gia Công Đảng. Liệu chúng tôi có thể tiến thêm một bước nữa là lôi kéo họ vào Chính phủ không? Một bộ phận truyền thống của Công Đảng – đặc biệt là John Prescott – sẽ cho đó là một ý tưởng ngớ ngẩn; nhưng đây là thời điểm hiếm có và có thể sẽ không bao giờ trở lại. Tôi sẽ thử xem sao. Paddy và vợ anh ta là Jane, cùng với Cherie và tôi thường xuyên ăn tối với nhau trước kỳ bầu cử. Chúng tôi rất quý mến và tin tưởng nhau. Paddy là người thực sự có phẩm chất lãnh đạo; và giống như tôi, anh ta không hề chùn bước trước vài trò lãnh đạo đảng của mình.

Trong bài phát biểu tại Hội nghị Đảng sau này, trước sự cảnh báo của Alastair và Bruce, tôi đã bày tỏ sự thần phục và ngưỡng mộ ngoại lệ của mình đối với Lloyd George, Keynes, Beveridge

cũng như Attlee, Bevin và Keir Hardie. Tôi tin, một phần bằng trực giác, một phần được củng cố bởi Roy Jenkins – rằng thế kỷ XX là thế kỷ của Đảng Bảo thủ bởi những cá nhân xuất chúng và tài năng đã cùng nhau làm việc thay vì tham gia các đảng khác nhau, chia rẽ và đấu đá nhau.

Theo tôi, việc làm cho hai cánh dân chủ xã hội tiến bộ này hòa hợp với nhau mang một ý nghĩa lịch sử. Điều này cũng xuất phát từ phương thức tiếp cận chính trị tổng hợp của tôi. Tôi đã mất một khoảng thời gian dài trước khi đi đến kết luận rằng hệ thống đảng phái này, mặc dù là cần thiết, nhưng xét ở một mức độ nào đó thì không hợp lý và phản tác dụng. Điều đó có nghĩa là sự khác biệt giữa hai cánh này sẽ bị thổi phồng lên hoặc là được hù cấu ra; nó ngăn cản những cá nhân nhạy bén hợp tác cùng nhau để đạt được những kết quả đúng đắn; những vấn đề phức tạp đòi hỏi những giải pháp thận trọng; nhằm làm giảm những cuộc chiến ngôn từ.

Khi nghe một số thành viên của Đảng Bảo thủ phát biểu trong các cuộc tranh luận tại Hạ viện những năm 1980, tôi cho rằng nếu mình là một quan sát viên khách quan, thì những gì họ nói hẳn sẽ mang lại nhiều ý nghĩa. Một khoảng thời gian lâu sau đó, tôi có trò chuyện và trao đổi quan điểm với một số thành viên Đảng Bảo thủ. Không có gì có thể biến tôi thành một thành viên Đảng Bảo thủ hay làm giảm bầu nhiệt huyết tôi dành cho chính đảng; tuy nhiên hành động đó đã cho thấy sự đại dốt, thậm chí là sự vô ích của việc phản đối lợi ích của phe đối lập.

Trên hết, tôi nhận ra rằng cuộc chiến vì quyền lực chính trị giữa Chính phủ và doanh nghiệp, Nhà nước và thị trường về bản chất là tàn tích của thế kỷ XX. Một Chính phủ có vai trò phù hợp hiển nhiên cần phải thực hiện những gì mà chỉ Chính phủ mới có thể thực hiện được, cũng như một khu vực tư nhân giàu tính cạnh tranh và giàu sức sống nhằm mục đích tạo ra của cải cho đất nước. Cùng nhau, mỗi đơn vị trong phạm vi của mình, đều quyết định sự phồn vinh của đất nước. Vì thế, tôi cho rằng trong khi các giá trị và mục đích có thể khác nhau và tách biệt hoàn toàn – và từ đó sản sinh ra những tư tưởng và đường lối chính trị thực tế – thì câu hỏi đặt ra là con đường nào dẫn tới các mục đích đó, câu hỏi này là vấn đề hoàn toàn mang tính thực tiễn: cái gì kiểm soát được thì cái đó mới đáng tin. Tại thời điểm đó, xét về khía cạnh các giá trị và mục đích cần đạt được, thì thật khó để các đảng viên Đảng Dân chủ Tự do quan tâm thấy được điểm khác biệt cơ bản nằm ở đâu. Vì thế chỉ còn quyết định cố gắng kết nạp họ.

Trong những giờ phút vui sướng tột cùng sau bầu cử, tôi đã nói với Paddy (lãnh đạo Đảng Dân chủ Tự do) và chúng tôi đã nhất trí với nhau rằng hãy còn quá sớm để đưa họ những đảng viên Đảng Dân chủ Tự do vào Nội các (mặc dù mỗi người chúng tôi đều tin tưởng vào đảng của mình, nhưng cả hai chúng tôi đều lo lắng về những phản ứng quá sớm mang tính cá nhân của các đảng viên khác sau bầu cử) và không giống như năm 2010 tôi đã giành một chiến thắng áp đảo. Nhưng chúng tôi đồng ý sẽ tiến hành quá trình hợp tác thông qua một hội đồng chính thức để cố gắng xây dựng một chương trình được thỏa thuận chung giữa hai đảng về cải cách Hiến pháp.

Paddy miễn cưỡng đồng ý vắn đề này, ít nhất là cho đến khi Hội đồng Hiến pháp đã cân nhắc kỹ về những nội dung Hiến pháp cần sửa đổi. Tôi sợ rằng điều này có nghĩa là việc sửa Hiến pháp sẽ không diễn ra.

Nỗi lo sợ của tôi thể hiện rõ khi diễn ra sự kiện Đảng Dân chủ Tự do chấm dứt phản đối chính sách cải cách dịch vụ công của chúng tôi dựa trên những ý tưởng cơ bản thuộc nền tảng tư tưởng Công Đảng cũ – tuy nhiên, họ cố gắng trang hoàng cho hành động đó – rằng trong thời gian này chúng ta có thể thỏa thuận về nội dung để đảng nhận được đồng thuận cho chính sách – hoặc nếu không dễ dàng thì nội dung đó cũng không động chạm đến cuộc sống hiện tại của cử tri – họ sẽ tránh phải thực hiện những thay đổi dễ gây tổn thương nhưng cần thiết liên quan đến trường học, bệnh viện, lương hưu và phúc lợi xã hội – những vấn đề có quan hệ mật thiết đến đời sống của cử tri. Mặt khác, về phía tôi thì câu hỏi là: Đây có phải là thái độ hợp tác thực sự? Cuối cùng, tôi sợ rằng không phải vậy, không phải do thiếu quyết tâm cao độ hay thiếu tin tưởng về phía Paddy – ông ta hoàn toàn trung thực về chuyện này – tôi nghĩ rằng vì họ thiếu những chính sách cần thiết làm nền tảng cho việc cầm quyền. Trong phân tích sau

cùng thì Đảng Dân chủ Tự do dường như hài lòng hơn khi sắm vai nhà phê bình “trung thực”, chuyên châm chọc, moi móc và kích động nhưng lại không muốn chịu trách nhiệm về những lựa chọn khó khăn và chịu đựng sự dữ dội của thực tiễn chính trị. Sẽ rất thú vị để suy xét xem liệu có liên minh nào hình thành sau khi cuộc bầu cử năm 2010 diễn ra. Điều này rất có thể xảy ra vì Đảng Dân chủ Tự do khát khao có sự cải cách trong bầu cử. Nhưng nếu điều đó không xảy ra thì tôi nghi ngờ về sự tồn tại lâu dài của liên minh. Tuy nhiên có thể là tôi sai.

Quay trở lại năm 1997, khi sự liên minh hoàn toàn là hành động tự nguyện giữa các chính đảng, tôi nghĩ rằng đây là cơ hội để các chính đảng chỉ trích, phê phán nhau, từ đó việc đảng nào ra đi, đảng nào ở lại trở nên dễ hơn, cách thức tranh cử này thật hấp dẫn. Vấn đề ở chỗ họ lại ngồi trong các chương trình kiểu như hội thảo hay sự kiện được truyền hình rộng rãi và người dân đồng tình với họ bởi họ thảo luận những gì mà người dân muốn nghe – điều chẳng bao giờ thực sự làm thay đổi được gì cả. Tôi e rằng có thể điều này sẽ đưa họ đến chủ nghĩa cơ hội – thứ chủ nghĩa vô cùng hấp dẫn.

Tôi nhớ rất rõ khi còn là Bộ trưởng Nội vụ Đối lập (Shadow Home Secretary) năm 1993 và Ken Clarke giữ chức vụ Bộ trưởng Nội vụ trong Chính phủ. Tôi rất có cảm tình với Ken, ông ta là một chính trị gia có chính kiến và thẳng thắn. Các thành viên Đảng Bảo thủ thật thiếu cận khi không bầu ông ta làm lãnh đạo cho dù tôi rất biết ơn họ về điều đó. Ông ta đã đưa ra rất nhiều đề xuất cải cách hệ thống cảnh sát. Một trong số đó được đánh giá là rất sáng suốt (như thay đổi những yêu cầu về nhân trợ cấp) nhưng có nhiều cải cách không mấy khả thi (như những quy tắc về phương thức làm việc của cảnh sát). Hầu hết các cải cách là hợp lý nhưng giới cảnh sát ghét cay ghét đắng chúng. Liên đoàn Cảnh sát – một tổ chức được tập luyện chín chu nhất mà tôi từng biết – đã tổ chức đại hội phản đối các cải cách đó tại sân Wembley Arena trong đó có hai điểm đáng chú ý: Thứ nhất là nguyên tắc tập thể của cảnh sát. Ủy ban Liên đoàn Cảnh sát ngồi trên khán đài, phía trước là các cảnh sát. Có đến 10 nghìn cảnh sát ở đó, tạo ra một cảnh tượng nghiêm trang đến đáng sợ. Toàn bộ đội ngũ cảnh sát chỉnh tề phía dưới răm rắp tuân theo mệnh lệnh từ Ủy ban Liên đoàn. Khi ban lãnh đạo vỗ tay, thì đám đông cảnh sát cũng vỗ tay; khi họ ngồi im, không một cảnh sát nào dám có động thái gì. Đó thật là một cảnh tượng nghiêm trang đến nghẹt thở.

Điều đáng chú ý thứ hai là bài phát biểu của Người phát ngôn Đảng Dân chủ Tự do, Robert MacLennan và sau này là Phát ngôn viên luật pháp của cảnh sát. Bài phát biểu đã phơi bày những vấn đề của Đảng Dân chủ Tự do. Hiện tại, vị trí chính thức của Đảng Dân chủ Tự do rất yếu thế. Về cơ bản, họ đề xuất các quyền tự do dân sự trong đó những hình phạt tồi tệ nhất chỉ là một lời khiển trách và cho rằng điều quan trọng nhất là phải cứng rắn với những hành động mạnh tay thái quá của cảnh sát – tất cả thật quá xa vời như khoảng cách hàng triệu kilômét từ trái tim đến khối óc của một cảnh sát Anh.

Tôi đứng dậy và phát biểu. Thật sự mà nói, tôi cũng hơi ngần ngại, bởi tôi nghĩ một số điểm cải cách rất nhạy cảm, nhưng tôi đã nắm bắt và kiểm soát được tình huống để tránh sự tức giận nhằm vào những gì mà người ta cho là có sự bất công và tôi đã được cổ vũ kịp thời.

Sau đó là đến lượt Robert. Giờ hãy nói vài lời về ông ta. John Smith thường gọi các bài phát biểu của Robert ở Hạ viện là “vũ khí” để giải tán đám đông chỉ bao gồm một người. Việc mô tả Bob như một người phát ngôn kém cỏi đã không cho người ta thấy hết bản chất của sự “sống lâu lên lão làng”. Nếu bạn dưới quyền ông ta ở Hạ viện với tư cách là người phát ngôn tiếp theo và phải tuân theo ông ta, thì bạn có thể lỗ mất cơ hội của mình chỉ vì ông ta đã làm cho bạn rối trí. Hơn nữa, ông ta cũng là người thông minh và lịch sự nhưng điều đó cũng không khiến mọi người yêu mến ông ta nhiều hơn.

Vì vậy, thật ngạc nhiên khi tôi nhìn thấy Bob đứng lên phát biểu trước 10 nghìn cảnh sát, những người mà tôi đoán là không thể tưởng tượng được sự tẻ nhạt khi phải nghe ông ta nói. Tôi chỉ có thể mô tả bài phát biểu của ông ta cứng nhắc như một chiếc máy biết nói mà lần đầu tôi “được” nghe. Ông ta biết những gì họ muốn nghe. Ông ta đã đọc các tài liệu mô tả về những

điều ngang trái chưa từng có của những đề xuất cải cách. Ông ta hướng ánh mắt vào 10 nghìn gương mặt đang mong đợi ở phía dưới và ông chỉ trích Chính phủ không những đã thờ ơ, mà còn tỏ thái độ thực sự xúc phạm ngành cảnh sát. Đến lúc ông ta tả xong bức tranh về một đất nước với những cảnh sát tội nghiệp bị hạn chế, bị đè nén trong khi những kẻ tội phạm thì tự do hoành hành và tất cả những điều đó như là một phần của một âm mưu thâm trọng và độc ác của Bộ Nội vụ, thì Ủy ban Liên đoàn, 10 nghìn cảnh sát và thậm chí cả những nhân viên lo âm thanh, ánh sáng cho buổi nói chuyện cũng đứng lên giận dữ, la mắng om sòm và đòi hỏi nhiều hơn từ Bob – người bạn tốt nhất của lực lượng cảnh sát.

Tuy nhiên, những gì diễn ra đã mô tả tất cả các vấn đề của Đảng Dân chủ Tự do. Khi mọi sự đã được thu xếp thì họ hài lòng với vai trò của nhà phê bình hơn là vai trò của diễn viên. Thời gian trôi đi và tôi dần bị thuyết phục rằng chúng tôi cần có những giải pháp cơ bản cho vấn đề dịch vụ công và phúc lợi xã hội, đây là chưa tính tới các vấn đề về an ninh và trật tự, những vấn đề này bao giờ cũng vậy, luôn có sức hấp dẫn tự nhiên với phe đối lập. Giấc mơ đạt được giải pháp cho các vấn đề này để từ đó hợp nhất cánh dân chủ xã hội giờ đã bị phai nhạt. Paddy là nhà lãnh đạo thực sự cam kết với ý tưởng hợp nhất các lực lượng tiến bộ. Charles Kennedy, một anh chàng rất tao nhã, nhưng lại không có cùng cam kết đó. Vấn đề Iraq là đỉnh điểm của sự bất đồng và đã trở thành một điểm tựa lớn của Đảng Dân chủ Tự do trong các chiến dịch vận động và tuyên truyền, kéo theo đó là mối quan hệ của chúng tôi dần trở nên khó khăn hơn. Đó là điều đáng tiếc nhưng khó tránh khỏi. Trước hết, tôi nghĩ rằng một vị trí hợp lý đi kèm với tranh luận phù hợp sẽ mang lại chiến thắng. Thời gian trôi đi và bạn biết rằng điều đó không phải lúc nào cũng vậy; thay đổi mang đến sự phản đối và sự phản đối thì dễ tán thành hơn sự thay đổi rất nhiều.

Đã từng diễn ra chuyện tương tự liên quan đến những thay đổi trước đây về trợ cấp nhà ở mà chúng tôi đề xuất vào mùa hè năm 1997. Những thay đổi đó đã hoàn toàn được chứng minh là để ngăn chặn việc lạm dụng hệ thống trợ cấp. Nhưng thật bất ngờ, đó là lần đầu tiên chúng tôi phải làm việc căng thẳng để đưa ra một quyết định khó khăn đến thế trong vai trò một Chính phủ. Đa số thành viên Nghị viện lập tức phản đối đề xuất này (với sự tham gia của Đảng Dân chủ Tự do). Vấn đề không đáng ngại nhưng cũng có những giây phút không hề dễ dàng. Sau đó, khi chúng tôi đưa ra yêu cầu tiếp tục cắt giảm trong dự luật phúc lợi bằng việc cải cách phương thức trợ cấp cho người mất khả năng lao động, thì lại diễn ra một cảnh tượng tương tự. Chúng tôi muốn cắt giảm dự luật phúc lợi một cách triệt để vì chi phí đã tăng quá cao, thậm chí đến hàng tỷ bảng. Chúng tôi vẫn phải tiếp tục xử lý những vấn đề nảy sinh do suy thoái tài chính công đầu những năm 1990. Chúng tôi đã đưa ra cam kết – một cam kết hết sức khó khăn mà Gordon phải kiên cường và công tâm thực hiện – giữ nguyên tổng mức chi tiêu của Chính phủ trước đây trong hai năm đầu của Chính phủ của tôi. Nhưng với mong muốn có thêm tiền đầu tư cho y tế và giáo dục nên chúng tôi đã tìm mọi cách để cắt giảm chi phí phúc lợi. Xét theo bất kỳ cách nào thì điều đó luôn bất lợi đối với những người sống nhờ vào các khoản trợ cấp đó; và khi nào họ có thể làm việc, thì vì lợi ích của bản thân, họ phải tìm kiếm một công việc để bù đắp vào khoản phúc lợi đã bị cắt giảm.

Cũng như vấn đề trợ cấp nhà ở, trợ cấp cho những người mất khả năng lao động cũng đã bị lạm dụng một cách hệ thống. Trong những năm 1980, khi tình trạng thất nghiệp dài hạn tăng lên, Chính phủ đã phải lưỡng lự chấp nhận cho phép một số lượng người lao động lớn, nhất là những người làm việc trong ngành khai thác mỏ trước đây, được đăng ký là người không còn khả năng lao động. Vì vậy, họ được xem là những trường hợp bị mất khả năng lao động chứ không phải là người thất nghiệp, vì thế mà lượng người thất nghiệp giảm xuống. Tất cả chúng tôi đều biết người dân trong các khu vực bầu cử của mình được hưởng trợ cấp “mất khả năng lao động” thay vì trợ cấp thất nghiệp như thế.

Trước những đề xuất cải cách, nhiều người đã tập trung biểu tình phản đối ở xung quanh Phủ Thủ tướng Phố Downing. Họ đưa những người ngồi xe lăn tham gia biểu tình như thể tất cả những người sống nhờ vào tiền trợ cấp mất khả năng lao động thì đều phải gắn mình với chiếc xe lăn hay tất cả những người trên xe lăn đều không có khả năng lao động vậy, cả hai quan

niệm này theo tôi là khá mơ hồ. Nhưng họ đã làm vậy để khơi gợi sự cảm thông và lòng trắc ẩn.

Sau đó vào cuối tháng Bảy, khi kỳ nghỉ hè đến gần, David Blunkett công bố bản giới thiệu các khoản học phí thử nghiệm và từ đó bắt đầu chặng đường dài, chậm chạp tiến hành công cuộc cải cách hệ thống giáo dục đại học. Một lần nữa, những lời chỉ trích, cáo buộc về sự vi phạm và sự phản bội lại diễn ra.

Tất nhiên, mọi thứ đều nằm trong tầm kiểm soát nhưng điều đó cũng là một dấu hiệu về những khó khăn chồng chất sắp xuất hiện.

Chúng tôi là một Chính phủ được lòng dân, còn tôi vẫn duy trì được sự tín nhiệm ở mức cao nhưng cho dù như vậy thì những chỉ dấu báo hiệu bão tố và khó khăn chồng chất bắt đầu xuất hiện.

Tôi học hỏi từ những công việc của chính bản thân trong vai trò Thủ tướng, vai trò của người ra quyết định, vai trò của người chịu trách nhiệm và do tôi thỉnh thoảng quay lại để kiểm nghiệm cả cuộc hành trình nên tôi có thể biết được nó dẫn đến đâu. Tôi có thể nhìn thấy đích đến từ khi tôi mới bắt đầu. Tôi có thể đoán định trước tốc độ và nhịp điệu của những bước đi. Sự khác biệt giữa khởi đầu và kết thúc – loại trừ những cuộc khủng hoảng lớn như chiến tranh – không đơn giản nằm trong bản chất của chính các sự kiện đó. Nói cách khác, một sự kiện – ví dụ một vụ bê bối – có thể xảy ra vào giai đoạn đầu và vì mọi người vẫn còn háo hức với Chính phủ mới nên vụ bê bối đó dễ dàng rơi vào quên lãng. Nếu xảy ra ở giai đoạn sau thì vụ bê bối có thể là điểm kết thúc của Chính phủ. Hậu quả của sự kiện ít phụ thuộc vào bản chất của nó mà phụ thuộc nhiều hơn vào vị trí của sự kiện trên chu trình vận hành của Chính phủ. Quả là nghịch lý khi cường độ của sự chỉ trích, sự gia tăng của các cuộc công kích không tỷ lệ thuận với quyết định của bộ máy lãnh đạo mà tỷ lệ thuận với sự mai một dần theo thời gian của cái mới mẻ, sức hấp dẫn và vì vậy cả sức thuyết phục của Chính phủ.

Trước hết, trong những tháng đầu tiên và có lẽ là trong phần lớn nhiệm kỳ đầu, tôi đã tích lũy cho bản thân một số vốn chính trị cần thiết. Tôi đang mạo hiểm với số vốn ấy nhưng chỉ trong một giới hạn nghiêm ngặt và tìm cách bù đắp càng nhanh càng tốt. Quan điểm của nước Anh về vấn đề Kosovo là quyết định quan trọng đầu tiên mà tôi đã sử dụng vốn chính trị của mình một cách tự do và thoải mái. Nhưng với những vấn đề trong nước, tôi cố gắng cải cách từng bước, phù hợp với quan điểm của công chúng thay vì chống lại các quan điểm đó.

Nếu mọi việc suôn sẻ trong một thời gian thì tôi cũng chẳng có hứng thú làm rối tung lên. Chúng tôi đang tạo ra các thay đổi. Một trong số đó là sự chuyển giao một phần quyền lực từ chính quyền trung ương xuống cho các chính quyền địa phương và đó là sự thay đổi mang tính lịch sử. Nhưng kết quả vẫn còn thấp. Một số trong những kết quả đó thậm chí đã trở thành chuẩn mực thông thường, chẳng hạn như mức lương tối thiểu.

Về cải cách dịch vụ công, chúng tôi đã chuẩn bị tất cả các lập luận thích hợp và mọi nỗ lực cần thiết. Tuy nhiên, phương pháp tiếp cận giải quyết vấn đề lại là phương pháp định hướng thay đổi từ quan điểm chính trị ôn hòa. Nguồn gốc của sự thay đổi này quyết liệt hơn nhiều và được thể hiện rõ trong các tháng đầu tiên. Nhưng các phương thức của chính sách lại quá hời hợt. Không nghi ngờ gì, niềm tin vào quyền lực của Chính phủ trong nhân dân có sự thay đổi rõ rệt; và có lẽ chúng tôi cũng có sự phân tích đánh giá không đúng mức tính nghiêm trọng của vấn đề, vì thế dẫn đến yêu cầu cải cách mang tính nền tảng và liên quan đến mọi thành phần trong xã hội.

Bản năng của chúng ta nhìn chung là đúng. Kiến thức, kinh nghiệm, sự hiểu biết sâu sắc luôn hình thành cùng với thời gian – vì vậy những phẩm chất này luôn thiếu hụt so với mong muốn. Chúng tôi có niềm tin chính trị, thậm chí hơi khuếch đại. Niềm tin này được sinh ra từ sự phục vụ đất nước của chúng tôi, chứ không phải sự xuất hiện đúng lúc của chúng tôi làm thay đổi niềm tin này.

Nhịp điệu đó cũng đang nhảy múa trong công việc của tôi và đây là lần đầu tiên tôi ý thức được điều đó. Tất nhiên, từ khoảnh khắc trở thành lãnh đạo của Công Đảng thì tôi đã biết rằng mình sẽ không bao giờ kết thúc như cách đã bắt đầu. Tôi hoàn toàn hiểu rằng sự nghiệp chính trị là một quá trình đầy cam go thử thách, công chúng có thể ngay lập tức thay đổi thái độ, rạn nứt có thể xảy ra nhanh chóng, thậm chí trong một tòa thành được gia cố chắc chắn bằng các tiến bộ chính trị; và tòa thành của chúng tôi đã hình thành nên bằng sự cẩn trọng cao nhất. Nhưng ngắm nhìn nó là một chuyện, sống trong đó lại là chuyện khác. Và việc cảm nhận nó trực tiếp bằng các giác quan của mình vừa khiến tôi bối rối vừa giúp tôi trưởng thành hơn.

Chẳng ai có thể tin lời của một chính trị gia khi họ nói điều này, nhưng thực tế, tôi chưa bao giờ có tham vọng trở thành Thủ tướng hay bị buộc phải trở thành Thủ tướng. Đó là một niềm vinh dự. Tôi không có ý nói là mình thiếu tham vọng – thậm chí, tôi còn quá nhiều tham vọng – nhưng tôi thiếu can đảm. Tôi biết đó là một hành trình đầy khó khăn, tàn khốc và có thể sẽ phải kết thúc trong nước mắt.

Chẳng ai từng có thể tin vào lời lẽ này của một chính trị gia khi họ nói điều này, nhưng thực tế, tôi chưa bao giờ có tham vọng ngồi vào vị trí trở thành Thủ tướng hay bị buộc phải trở thành một Thủ tướng. Đó là sự thật chân thành danh dự. Tôi không có ý nói là mình thiếu tham vọng – thậm chí, tôi có quá nhiều tham vọng là đằng khác – nhưng tôi thiếu can đảm. Tôi biết đó là một hành trình đầy khó khăn, tàn khốc và có thể sẽ phải kết thúc trong đau khổ nước mắt.

Kỳ nghỉ lễ năm 1997, trong một ngôi nhà cổ xinh đẹp được xây dựng từ những năm đầu thế kỷ XX tại Ariège – một vùng quê yên ả với phong cảnh rất xinh đẹp ở miền Nam nước Pháp – tôi đã tự vấn, đã suy ngẫm về tương lai của mình. Tôi nghĩ về việc sẽ được giải thoát với danh tiếng và một tâm hồn thanh thản sau hai nhiệm kỳ trên chính trường, sau đó trao lại quyền lực cho Gordon và tự cho phép mình được tự do, thoát khỏi những nỗi lo âu, trách nhiệm, cuộc sống trên “lưỡi dao” sắc lẹm, nơi mà bất kỳ một sự bất cẩn nào cũng có thể khiến mình bị cắt vụn. Tôi hân hoan nghĩ đến thời khắc ra đi tốt đẹp đến nhường nào, lúc đó tôi vẫn còn trẻ, chỉ mới ngoài 50, vẫn được công chúng mến mộ, vẫn còn là một khuôn mặt thân thiện tại một quốc gia thân thiện. Tất nhiên tôi phải cố gắng hết sức và thể hiện hết khả năng lãnh đạo của mình. Tôi không bao giờ né tránh các quyết định khó khăn. Nhưng cầu Chúa đó không phải là những quyết định có thể khiến tôi mất hết hay kết thúc trong thất bại và nhục nhã.

Song tôi vẫn có thể cảm nhận được nhịp điệu đó, cảm nhận được tiếng trống liên hồi và âm thanh rộn ràng, cảm nhận được tác động của nó lên đất nước, ở đâu đây, xung quanh tôi.

Chúng tôi đã bắt đầu thực hiện những quyết định đụng chạm đến nhiều lợi ích khác nhau trong xã hội và có thể gây tổn thương đến hình ảnh của Công Đảng. Điều đáng ngạc nhiên là ngay cả những thay đổi có vẻ đồng thuận nhất hay dễ chịu nhất cũng có thể dẫn đến phản ứng dữ dội nằm ngoài mọi sự tưởng tượng. Thậm chí, cả việc giới thiệu các bài kiểm tra trình độ đọc viết và tính toán của David Blunkett – cần thiết để nâng cao tỷ lệ học sinh tiểu học đạt yêu cầu mà hiện nay mới chỉ đạt trên 50% trong tổng số học sinh tốt nghiệp tiểu học vào năm 11 tuổi – cũng làm dấy lên làn sóng phản đối gay gắt. Tôi không hề bất ngờ về chuyện này. Nhưng điều đó cũng thể hiện tình trạng đáng báo động của các nghị sỹ không phải thành viên Chính phủ, đó là họ chưa hề chuẩn bị chu đáo cho các công việc của Chính phủ. Thích thú tận hưởng sự thông dong thoải mái ở vị trí người đối lập, nơi mọi người có thể nhâm nhi thưởng thức chút rượu của Đảng Dân chủ Tự do và chỉ cần gặt đầu đồng tình. Thế nhưng, giờ đây họ phải làm quen với việc trở về khu vực bầu cử của mình và chịu sự mắng mỏ của cử tri; điều đó chẳng có gì quá đáng nhưng cũng là một cú sốc. Trong một phiên họp thường lệ của Công Đảng, khi toàn bộ nghị sỹ Công Đảng được mời đến đại sảnh của Hạ viện để nghe các nhà lãnh đạo phát biểu, tôi đã đùa rằng khi chúng tôi ở phe Đối lập, cuộc sống thật dễ thở: các nghị sỹ chỉ việc về nhà và đổ hết trách nhiệm lên đầu Chính phủ. Điều khiến tôi lo lắng là hiện nay một số người trong họ vẫn còn tư tưởng đó. Thật ngạc nhiên về cách một số người phản đối Chính phủ đến mức nó đã trở thành nguyên tắc hành động của họ; trong khi một số khác lại trung thành như một kẻ nịnh bợ và thường thì sự ủng hộ khó khăn hơn sự phản đối, trừ phi người đó đang

muốn được thăng tiến.

Tôi học được rằng những nguyên tắc hành động mà tôi cho là tối quan trọng khi ở phe Đối lập lại chẳng có mấy tác dụng trong Chính phủ; ở Chính phủ tôi phải luôn luôn có sự tương tác với giới chính trị. Ngược lại, việc này lại khó thực hiện hơn rất nhiều vì lịch biểu đột xuất của các công việc và các cuộc họp quan trọng.

Vì thế, tôi lại học thêm một bài học khác. Bạn phải gặp gỡ các nhà lãnh đạo nước ngoài, cả những người bạn cần hoặc muốn gặp và những người không muốn. Có những buổi lễ và các nghi thức ngoại giao phần lớn không tránh được. Có các cuộc họp thượng đỉnh, họp khối NATO, Liên minh châu Âu, G8. Những cuộc họp thượng đỉnh vô cùng mệt mỏi, căng thẳng và hiếm khi đạt được kết quả như mong muốn, thậm chí cả những cuộc họp liên quan đến vấn đề trao trả Hồng Kông cho Trung Quốc.

Tôi không gặp nhiều khó khăn trong việc đi lại, nhưng chuyến đi Hồng Kông, trong khoảng một ngày rưỡi thực sự khiến tôi mệt mỏi. Chuyến đi cũng là trải nghiệm thực tế đầu tiên của tôi với các nhà lãnh đạo cấp cao Trung Quốc. Đó là một cơ hội đặc biệt. Tôi khá thân thuộc với Hồng Kông. Thỉnh thoảng tôi có ghé thăm hòn đảo xinh đẹp này vì chị dâu tôi, Katy là người Trung Quốc sinh ra tại Hồng Kông và hiện đang sinh sống tại đó. Chị rất quan tâm đến vấn đề trao trả thuộc địa này. Rõ ràng chị là người thân thiện với nước Anh, theo Công giáo, đã sinh sống ở nước Anh nhiều năm trước khi đến Hồng Kông, nhưng khi được hỏi rằng chị có buồn khi Hồng Kông được trao trả cho Trung Quốc không, thì chị đáp ngay: “Không, tôi là người Trung Quốc nên việc trở thành một phần của Trung Quốc là điều hết sức tự nhiên” Đôi khi người Anh không nhận ra sự thật rằng cho dù chúng ta thường được người bản địa ở nhiều nơi trên thế giới chào đón như là “những thực dân tốt” thì họ cũng không mong muốn chúng ta tiếp tục là “thực dân” nữa. Cuối cùng, cho dù chúng ta có thực sự tốt thì họ vẫn thích được tự mình làm và tự mình chịu trách nhiệm với những sai lầm của chính mình.

Nhưng tại buổi lễ trao trả đó, tôi có cảm giác không phải hối tiếc mà là nuối tiếc cho một Đế chế không còn nữa. Ngay đêm hôm đó, tôi sang Trung Quốc đại lục. Tôi qua cảng trên một chiếc thuyền máy trong mưa xối xả để gặp các nhà lãnh đạo của họ. Ánh sáng rực rỡ tại bến thuyền và khách sạn, nơi cuộc gặp diễn ra, được thắp sáng bằng đèn lồng Trung Quốc, những chiếc đèn lồng đưa nhẹ nhàng trong gió và ướt sũng nước mưa. Khi đi lên lầu hai, tôi có cảm giác rằng mình cần phải trông trẻ như người tuổi 30 (công việc đã khiến tôi già đi nhanh chóng như bạn thấy đấy) để chào đón Chủ tịch Giang Trạch Dân và các quan chức cấp cao của Chính phủ Trung Quốc. Ông Giang đã hoàn toàn đặt tôi ra ngoài lề bằng cách dành phần lớn thời gian trò chuyện chuyên sâu về Shakespeare mà tôi chẳng được mấy trong đầu và nói đùa thoải mái như thể đó là chuyện tự nhiên nhất trên đời. Sau đó, ông ta giải thích cho tôi rằng đây sẽ là khởi đầu mới cho mối quan hệ giữa Anh và Trung Quốc và từ nay, chúng tôi có thể gác lại chuyện quá khứ. Vào thời điểm đó, tôi chỉ lờ mờ hiểu về những gì xảy ra trong quá khứ. Tôi nghĩ, tất cả chỉ là vấn đề lịch thiệp như trong bất kỳ trường hợp nào. Nhưng thực sự ông ấy và tất cả các quan chức của ông muốn đề cập đến điều đó. Và mối quan hệ ngoại giao với Trung Quốc đã thực sự có những bước tiến triển đáng kể từ ngày đó.

Công bằng mà nói, các vụ bê bối cá nhân là không thể tránh khỏi, chúng diễn ra như là một phần trong hoạt động của Chính phủ. Tôi nói không thể tránh khỏi bởi vì bất kỳ Chính phủ nào cũng gặp phải các vụ bê bối. Chúng tôi đã phạm một sai lầm rất lớn khi nhận định rằng mình sẽ làm tốt hơn các thành viên Đảng Bảo thủ; không chỉ trong việc cầm quyền mà cả về đạo đức: Liêm khiết hơn, chính trực hơn. Cần phải ghi nhận là tôi không bao giờ khẳng định rằng chúng tôi sẽ trong sạch hơn cả trong sạch, thay vào đó tôi nói rằng chúng tôi được hy vọng sẽ trong sạch hơn cả trong sạch và tôi nói vậy là để tránh những nguy hiểm có thể đến. Tôi lấy làm tiếc về tất cả những gì xoay quanh các “trò bẩn”. Đó là trò chơi của giới truyền thông đại chúng và khi còn ở phe Đối lập, chúng tôi đã từng chơi trò đó. Bạn dễ dàng đạt được mục tiêu mong muốn, nhưng hậu quả lâu dài mà chúng để lại thật khôn lường. Tôi ý thức được rằng chúng tôi đang chơi với sự hỗ trợ của Faust, nhưng ở vị trí hợp lệ của anh ta, thì việc ghi bàn quá dễ

dàng. Và để công bằng, tôi không thể nhận thấy chúng tôi đang làm một vài điều mà Đảng Bảo thủ đã làm.

Ngày 1 tháng Tám, ngay trước kỳ nghỉ của tôi, Alastair cho tôi biết tờ Tin tức Thế giới (News of the World) đăng một câu chuyện về Robin Cook và Gaynor, trợ lý lâu năm của ông ta. Từ trước tới nay chuyện các chính khách có “bóng hồng”, hoặc các chuyện tương tự liên quan là việc thường tình. Do báo chí đã bị phản đối gay gắt nên trong một thời gian dài, họ đã không giật tit về những chuyện đó. Thế nhưng, trớ trêu thay, ngày nay trong khi vấn đề tình dục được thảo luận nhiều hơn và mọi người nói chuyện cởi mở hơn về tình dục và thậm chí có người còn công khai chuyện ngoại tình của mình, thì các chính trị gia lại bị buộc phải tuân thủ các chuẩn mực truyền thống trong một bối cảnh mà mọi sự vi phạm đều dễ được công chúng quan tâm và nhắc đến nhiều hơn. Các cựu lãnh đạo như Kennedy, Lloyd George và nhiều người khác đã có một cuộc sống mà bây giờ chúng ta không thể nghĩ tới, mặc dù chúng ta đang sống trong thời đại có nhiều tư tưởng tân tiến và thoải mái về vấn đề tình dục hơn. Trong khi tôi muốn nhìn nhận những vấn đề này bằng cái nhìn công bằng, theo quan điểm của số đông (và “đào bới” bất kỳ vụ bê bối tình ái nào của các thành viên Đảng Bảo thủ trước khi chúng tôi nắm Chính phủ), tôi cũng biết rằng phần còn lại của thế giới sẽ nhìn nhận nó theo một quan điểm khác.

Khi câu chuyện về Robin bị vỡ lở, lúc đầu, tôi cũng không quan tâm, nhưng Alastair cho rằng đó có thể là một vấn đề và chúng ta phải viết vài dòng về chuyện này – nhưng đây mới là vấn đề. Robin kết hôn với Margaret, nhưng lại đang cặp kè với Gaynor. Trước đây thì chuyện này có thể cứ lặng lẽ trôi qua, nhưng ngày nay, nó làm dấy lên câu hỏi liệu ông ta sẽ chọn ai? Trong văn phòng làm việc của tôi vào buổi sáng thứ Sáu vào ngày tôi lên kế hoạch đi nghỉ, Alastair, Robin Butler và tôi đã phải quyết định xem nên làm gì.

Alastair gọi điện cho Robin Cook ở sân bay lúc anh ta đang trên đường đi nghỉ với Margaret. Một cuộc nói chuyện khá bất tiện nhưng cuối cùng tôi đã nói với Robin rằng: Anh sẽ phải quyết định. Nếu không, chúng tôi sẽ thông báo cho báo chí và một vụ bê bối âm ỉ sẽ xảy ra và tôi cho rằng anh không thể công khai duy trì cả hai mối quan hệ đó được.

Có thể tôi đã sai và có thể anh ta nghĩ rằng tôi đang can thiệp vào chuyện riêng của mình, nhưng tôi không tìm được câu trả lời thích đáng cho câu hỏi: Bây giờ thì chúng tôi đã biết về vụ bê bối tính ái này, liệu nó còn tiếp tục hay sẽ dừng lại?

Hạn cuối để có câu trả lời là ngày Chủ nhật, nếu không vấn đề có thể bị đăng tải trên tờ Tin tức Thế giới. Tất cả chuyện này đang xảy ra đối với cuộc sống riêng tư của một người tội nghiệp “nào đó” và chúng tôi phải ngồi lại với nhau, cố gắng đưa ra lời tư vấn tốt nhất vì lợi ích không phải của Robin mà của cả một Chính phủ. “Bộ trưởng Ngoại giao ruồng rẫy vợ con để theo người đàn bà khác” nghe có vẻ khá “nóng” nhưng rồi nó cũng sớm lắng xuống. “Bộ trưởng Ngoại giao trong cuộc chiến tình ái – ai sẽ giành chiến thắng?” và vụ việc có thể kéo dài trong nhiều tuần.

Mặc dù có vẻ kỳ cục, nhưng chúng tôi phải nói chuyện rõ ràng với Robin. “Anh phải nói với Margaret và phải chọn lựa. Và tôi e rằng anh phải làm như thế trước khi báo ra lò ngày Chủ nhật tức là vào trưa mai.”

Tôi biết sau đó Margaret đã rất đau khổ và cho rằng Alastair và tôi đã thúc ép Robin bỏ cô ấy, nhưng sự thật không phải vậy. Robin yêu Gaynor và cô đã dành trọn tình cảm cho anh ta. Robin Cook đã thực hiện một lựa chọn. Anh ta công bố chuyện đó vào ngày hôm sau. Vì cách Alastair xử lý vấn đề nên nó đã được xem xét một cách hợp lý và mọi chuyện êm đẹp đến bất ngờ.

Với vai trò Thủ tướng, tôi được báo cáo nhiều điều bí mật và thông qua các viên chức của Nghị viện, tôi cũng bị phơi bày nhiều bí mật khác. Đây có thể là những chuyện gây sốc hoặc không: các chính trị gia thực sự cũng giống như những người khác. Một số kết hôn vì tình yêu, một số vì quyền lợi, một số người ngoại tình, một số thẳng thắn và công khai về chuyện đó, một số là

người đồng tính.

Dù sao thì công chúng vẫn không quá khắt khe với những vụ việc nhỏ liên quan đến tình dục. Vấn đề không đơn thuần là sự thỏa mãn bản năng mà là sự rắc rối phức tạp kèm theo đó. Mọi sự rắc rối thường phát sinh khi giới truyền thông “đánh hơi” được điều đó, rồi săn lùng hay bịa đặt, lợi dụng sự chú ý của công chúng để tạo các vụ bê bối: chuyện đó là một sai sót về an ninh; thông tin về Chính phủ được dàn xếp; ông ta bịa đặt chuyện đó; ông ta đã sử dụng các nguồn lực của Chính phủ để theo đuổi chuyện đó. Rồi ông ta biến vấn đề trở nên rất rắc rối dưới hình thức một vụ bê bối về tình dục đơn thuần – nếu chuyện chỉ có vậy thì dân chúng cũng dễ dàng bỏ qua.

Bê bối về tài chính lại là một vấn đề khác. Tiền bạc là vấn đề nhạy cảm và có sức hút hơn chuyện tình ái. Trước khi kết thúc năm thứ nhất tại Chính phủ, chúng tôi cũng trải qua vấn đề đó và nhờ nó tôi đã học được một bài học. Trước bầu cử, Bernie Ecclestone, ông chủ của các cuộc đua Công thức 1, đã tài trợ 1 triệu bảng cho Công Đảng. Trước đây, ông ta đã tài trợ tiền cho Đảng Bảo thủ vào thời điểm mà luật công khai việc ủng hộ tài chính cho các chính đảng chưa được thực thi. Ông ấy đã đến gặp chúng tôi vì các vấn đề liên quan đến Giải đua Công thức 1. Châu Âu sẽ cấm các quảng cáo về thuốc lá ở môn thể thao này và vì Giải Công thức 1 phụ thuộc phần lớn vào chúng nên Bernie muốn có thời gian để dần thực hiện lệnh cấm đó.

Công bằng mà nói, ông ấy không hề đề cập đến việc tài trợ cho chúng tôi hay đề xuất sửa đổi luật mà có cách cư xử rất đúng mực. Trước khi gặp nhau chúng tôi đã nhận được tiền tài trợ của ông và tất nhiên rất có thể chúng tôi còn nhận được thêm tiền tài trợ nữa. Ông đã cho tôi xem một số dữ liệu về ngành công nghiệp này và tôi thực sự ấn tượng với một con số lớn như vậy, đó là số lượng người liên quan đến các công việc của Giải đua Công thức 1: 10 nghìn nhân viên. Và tôi đã ra quyết định sẽ thực hiện dần chính sách cấm quảng cáo thuốc lá tại Giải đua Công thức 1.

Tuy nhiên, trên quan điểm của tôi thì đó thực sự là một quyết định sai lầm khi không ngay lập tức yêu cầu hệ thống cơ quan Dân Chính hoạt động đúng phân sự để đảm bảo sự chuẩn mực khi đưa ra các quyết định không chỉ được tuân thủ mà còn phải giám sát sự tuân thủ đó nữa. Chúng tôi đã không làm vậy và thú thực trong chuyện này chúng tôi đã quá mệt mỏi. (Dù ông Bernie không thực sự là người ngay thẳng, bởi ông ta chưa bao giờ có mối quan hệ chân thật với Công Đảng).

Khi đó, tôi đã học được rằng trong Chính phủ, các nguyên tắc về bất cứ vấn đề gì liên quan tới tiền bạc cũng được xử lý rất khác nhau. Dù vậy, bạn có thể sẽ nói rằng, vấn đề cốt yếu – và luôn tăng mức độ quan trọng theo thời gian – là các chính đảng rất cần tiền. Giới hạn mức tiền quyền góp từ các nhà tài trợ bình thường hay các nhà tài trợ lớn khi được kêu gọi tài trợ, là rất cần thiết. Thậm chí trong năm 1997, Đảng Bảo thủ có lượng tiền nhiều hơn chúng tôi. Trước đó, năm 1992, họ vượt chúng tôi với tỷ lệ 5/1, khi 90% số tiền của chúng tôi đến từ các công đoàn, những nhà tài trợ mà theo kinh nghiệm của tôi là cứ khẳng khẳng đòi gần chuyện tiền bạc với chính sách. Tôi đã quyết định không để mình phải lệ thuộc vào những nguồn cung tài chính đó nữa, nhưng khi đã ở trong Chính phủ, thì không ai tin một khoản tài trợ lớn lại đơn thuần chỉ là tài trợ mà không có mục đích kèm theo.

Tất nhiên, suy xét vấn đề kỹ hơn thì động cơ của các nhà tài trợ rất đa dạng, hoặc là sự kết hợp giữa nhiều động cơ khác nhau. Người ta tài trợ vì những lý do rất khác nhau hay vì nhiều lý do một lúc, mà trong đó – tôi không sai đâu – mong muốn giúp đỡ các chính đảng có lẽ là nhiều nhất; nhưng việc tài trợ cho các chính đảng, chí ít là ở Anh, không được xem là nhằm mục đích hỗ trợ cho hoạt động chính trị mà nhìn bề ngoài là để mua sức ảnh hưởng. Vì thế, chuyện này thực sự rất khó khăn. Ai tài trợ, tài trợ bao nhiêu là một chỉ dấu báo hiệu về chuyện gì sắp diễn ra.

Chuyện tài trợ cũng dạy tôi một bài học mà thậm chí cả sau khi đã hiểu rõ, tôi vẫn thấy khó áp

dụng vào thực tế. Một đặc thù của các vụ bê bối là chúng có thể xuất hiện một cách bất ngờ và không thể lường trước. Sau đó, chúng thu hút giới truyền thông đến để theo dõi và tung tin. Trong khi đó, bạn cố tìm cho ra sự thật, tìm kiếm các manh mối và suy nghĩ xem mình có thể dựa vào căn cứ pháp luật nào không. Nghề nghiệp, cuộc sống của người dân phụ thuộc vào những quyết định chớp nhoáng trong điều kiện thông tin không đầy đủ. Khi sóng gió nổi lên, cảm giác và khả năng ra quyết định của bạn bị lung lay, chao đảo giữa những ngọn sóng của một số “phát giác” mới, cho tới khi bạn sợ rằng mình sẽ không bao giờ được bơi trên mặt nước phẳng lặng hay được sống trên mặt đất bình yên một lần nữa.

Tôi đã đi đến nhận định rằng các vụ bê bối là cơn ác mộng đích thực trong chính trị. Công luận có thể kết luận rằng các chính khách thời nay thiếu “quần chúng” hơn xưa. Đúng là chuyện tầm phào. Sự khác biệt là ở chỗ ngày nay sự kiểm soát phiếu bầu tốt hơn; sự minh bạch được mong đợi mang một bản chất hoàn toàn mới; sự tham gia tranh luận gần như cuồng loạn của công chúng vào các vấn đề chung thì lớn hơn gấp nhiều lần; và tốc độ lan truyền của các vấn đề này thì giống như tốc độ của máy bay phản lực so với tốc độ của máy cày. Nhân dân thì vẫn vậy, vẫn như đang sống trên một hành tinh của 20 năm về trước.

Vậy là những tháng đầu tiên trong Chính phủ đã khép lại. Có nhiều điều để tự hào; nhiều thay đổi lớn đã được thực thi, không chỉ là thay đổi về chính sách mà còn là thay đổi về văn hóa. Chúng tôi mang theo trên cuộc hành trình của mình một chương trình lập pháp đầy tham vọng với những thay đổi có tính bước ngoặt về Hiến pháp, đề xuất mức lương tối thiểu, tạo ra sự độc lập cho Ngân hàng Trung ương Anh – một sự thay đổi bước ngoặt trong cách thức quản lý Nhà nước.

Mặc dù mới trong thời gian đầu nhiệm kỳ Thủ tướng, nhưng tôi cũng cảm nhận được những đám mây mờ của tương lai đang dần kéo đến. Chúng tôi đã đánh mất sự “sạch sẽ” do các vụ bê bối. Đã có những chỉ dấu đầu tiên về các cuộc tranh giành quyền lực trong tương lai. Tuy nhiên, nhìn chung như thế cũng đã là một khởi đầu tốt đẹp. Một Chính phủ mới và chưa hề được thử thách, song chúng tôi đã không gặp trục trặc gì đáng kể trong việc điều hành đất nước. Chúng tôi hài lòng với bản thân và người dân cũng vậy.

5. Công nương Diana

Sau kỳ nghỉ hè, tôi cảm thấy rất khỏe khoắn và thoải mái. Những tháng đầu tiên từ khi bước chân vào ngôi nhà Số 10 đã diễn ra suôn sẻ. Thời gian đầu chúng tôi đã có nhiều sai sót, đã bỏ lỡ nhiều cơ hội và có những quyết định không hoàn hảo nhưng tình hình chung đến nay khá tốt. Thời gian tiếp theo chắc sẽ khó khăn hơn nhiều. Tâm trạng của công chúng diễn biến la thường. Khi họ hoan hỉ vây quanh bạn bạn, thì kinh nghiệm mách bảo bạn rằng có điều gì đó không ổn và hãy chuẩn bị tinh thần. Bạn bắn khoăn tự hỏi không biết làm thế nào để thay đổi được họ. Tất nhiên, bạn biết họ đang và sẽ thay đổi, nhưng họ cũng có thể dễ dàng tăng bốc bạn hoặc tàn nhẫn đẩy bạn lùi lại, như thể bạn buộc phải chấp nhận cảm giác phấp phồng sẽ tồn tại vĩnh viễn vậy.

Quyền lực của truyền thông rất quan trọng trong việc hình thành các sắc thái tình cảm của công chúng. Khi tâm trạng tốt đẹp, mọi thứ theo sau sẽ tốt đẹp: sai sót được xem là chuyện lạ đáng yêu, lừa dối được xem là chuyện vui và quá trình ra quyết định khó khăn gian khổ thì đơn giản chỉ là thể hiện trách nhiệm phải làm cho đúng mà thôi. Khi tâm trạng không tốt thì mọi chuyện lại trở nên khó khăn, tàn nhẫn như khi ta chạy ngược gió vậy: chỉ cần nói một lời hờ hênh thôi cũng sẽ bị thổi phồng lên ngay, mọi sai phạm trước đây đều được nhắc lại để chỉ chiết, quá trình ra quyết định khó khăn được xem là sự kém cỏi. Bạn đang làm cùng một việc với cùng một cách thức, nhưng tùy vào thái độ đánh giá, quan điểm về bạn sẽ hoàn toàn khác biệt.

Khẩu hiệu “Công Đảng Mới, nước Anh Mới” không hề thể hiện sự ngạo mạn. Ngược lại, nó hoàn toàn phù hợp với tâm trạng của nhân dân. Tất nhiên, trên thực tế chúng tôi mới chỉ phác thảo những nét đầu tiên của chính sách về dịch vụ công, phúc lợi xã hội và trợ cấp; nhưng mọi chuyện không hoàn toàn như vậy trong những tháng đầu tiên đó.

Chính phủ Đảng Bảo thủ đã tranh cãi về tất cả các lý do đề xuất chính sách, nhưng xét về một khía cạnh nhất định, thì đó là một nền chính trị bình thường. Cách tiếp cận mới đối với lĩnh vực công nghiệp là để người dân tự do kinh doanh không can thiệp, cuộc chiến với các công đoàn, khủng hoảng ở các nước khác – mỗi thứ đều gây thiệt hại theo những cách khác nhau đối với chương trình hành động được Đảng Bảo thủ thiết lập để lãnh đạo đất nước và những lý luận của chương trình này đã trở thành lẽ phải thông thường trên toàn cầu. Tuy nhiên, họ cũng đang “bảo thủ” với chữ “b” thường, họ đang khiến mình trở nên lạc hậu. Ví dụ, họ chỉ trích mạnh mẽ Công Đảng cánh tả ở London vì đã ủng hộ quyền của người đồng tính nam. Trong những năm 1980, quyền này được ủng hộ nhưng cuối những năm 1990, nó lại bị phản đối. Sự bảo thủ của họ, sự phô trương của họ, tình yêu đối với truyền thống của họ đã vạch ra ranh giới bằng thép ngăn cách họ với một thời đại vàng son đã qua. John Major, theo nhiều cách khác nhau đã có thể dẫn dắt họ vượt qua sức níu kéo của quá khứ vàng son ấy, nhưng vấn đề là ông ta đã không gánh lấy trách nhiệm lãnh đạo.

Thời điểm Công Đảng bắt đầu vứt bỏ sự níu kéo của quá khứ và hành động trên quan điểm hiện đại trong lĩnh vực kinh tế – riêng trong các lĩnh vực như quốc phòng và tội phạm thì chính sách vẫn dựa trên quan điểm truyền thống, thì các lý do khiến cử tri gắn bó với Đảng Bảo thủ cũng không còn nữa. Tư tưởng thời nay đã trở nên thông thoáng hơn, người dân nhìn nhận các vấn đề xã hội với quan niệm tự do hơn, ít bị ràng buộc theo tầng lớp xã hội hơn và họ tôn trọng tài năng hơn. Việc tôi đã từng là một cậu học sinh public school còn John Major là học sinh state school cũng chẳng thành vấn đề. Tôi lãnh đạo một đảng theo hệ tư tưởng này; còn ông ta thì bị kiểm chế bởi một đảng theo hệ tư tưởng khác.

Sự thay đổi tình cảm chính trị hiện nay đã ăn sâu bén rễ vào đời sống của công chúng. Một cách tự nhiên nó cũng ảnh hưởng đến cả vương triều và vương triều cũng thể hiện điều đó theo cách riêng của mình qua Công nương Diana. Bà là một biểu tượng và có lẽ là người nổi tiếng nhất, được chụp ảnh nhiều nhất thế giới. Diana nắm bắt được bản chất của thời đại, giữ

nó trong lòng bàn tay mình. Bà định hình nó.

Điều này đang làm xáo trộn nghiêm trọng vương triều trong tư cách một thể chế, hay trong tư cách một vấn đề, nếu bạn thích nói như vậy. Công nương có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với những người xung quanh, bà có khả năng kết nối với công chúng, bà can đảm khuyến khích cái mới và là người phê bình nhiều hơn là ủng hộ vương triều. Điều đó không có nghĩa là bà hoàn toàn không chấp nhận vương triều và toàn bộ các truyền thống lâu đời mà nó gìn giữ – bà tán thành nó – nhưng cách bà diễn đạt điều đó thì lại rất hiện đại, nhưng như thế thì thật mạo hiểm, chẳng theo lẽ thói gì hết và vì thế mà tiềm ẩn bao nhiêu nguy cơ đối với vương triều. Khi Diana bước vào những khu vực mà cho tới nay vẫn còn bị cấm, cản trọng vượt qua các rào cản về tính chính danh và xé toạc tấm màn che phủ các chuẩn mực ứng xử của Hoàng gia bằng một sự cởi mở mà lúc thì như cực kỳ thiếu khôn ngoan, lúc lại hết sức thông minh, thì hoàng tộc, như tôi thấy, đã rơi vào tình trạng không biết ăn nói ra sao và rất bối rối trước cách hành xử của Công nương. Tất nhiên, Công nương phải hết sức khéo léo khi thể hiện sự ủng hộ của mình đối với bất kỳ một chính đảng nào, nhưng theo tính cách của bà và trong thời điểm hiện nay, thì có một sự phù hợp hoàn hảo giữa những gì bà thể hiện và những giá trị mà chúng tôi đại diện với tư cách một chính đảng. Bất kể điều gì mà Công Đảng mới có thì Diana cũng có, tuy nhiên, chúng tôi mới chỉ có một phần thì bà lại có trọn vẹn điều đó.

Tôi biết rõ về Công nương trước cuộc bầu cử năm 1997. Lord Mishcon, một đồng sự trong Công Đảng, đã mời tôi đến ăn tối để gặp gỡ Công nương. Maggie Rae, một người bạn của tôi, biết một số người quen của bà và cũng mời bà đến ăn tối. Từ đó, chúng tôi giữ liên lạc và thỉnh thoảng gặp gỡ nhau.

Diana có sức quyến rũ mãnh liệt. Sự tinh tế mà bà thể hiện là kết hợp kỳ diệu giữa nét hoàng tộc quý phái với tính cách dung dị. Bà là thành viên hoàng tộc có cách cư xử rất khoáng đạt và tình cảm. Nhưng trên hết, Diana sẵn sàng hòa nhập và thân thiện với tất cả mọi người trên cơ sở bình đẳng. Bà không hề kể cả, mà trái lại cười đùa, trò chuyện tự nhiên với mọi người. Đó chính là nét quyến rũ mãnh liệt của Diana: hãy đưa Công nương vào một nhóm người bất kỳ, ở bất cứ nơi đâu và ta sẽ thấy bà có thể hòa đồng ngay với họ.

Diana có trí tuệ cảm xúc rất tốt nhưng cũng là người có hiểu biết và lý trí cao không kém. Có lần tôi đã nói chuyện với bà về lợi ích và sức mạnh của hình ảnh và cách sử dụng chúng hiệu quả nhất, qua đó tôi thấy bà có một trí tuệ tuyệt vời không những về khả năng trực giác mà còn về lập luận nhạy bén. Diana tư duy mạch lạc và có thể định hình mọi thứ. Thỉnh thoảng bà gọi điện cho tôi và hỏi tại sao một bức ảnh như vậy lại là thứ bỏ đi, hay cần làm gì để mọi thứ tốt hơn và mặc dù như tôi đã nói, bà không thể bày tỏ thái độ chính trị, nhưng bà biết rõ chúng tôi đang cố đạt được điều gì và tại sao chúng tôi lại làm như vậy. Tôi thường nói với Alastair rằng: nếu Công nương mà làm chính trị thì thậm chí cả Clinton cũng sẽ phải dè chừng.

Diana cũng là người có ý chí mạnh mẽ và kiên cường. Tôi có cảm tưởng rằng bà có thể bất đồng với bạn cũng dễ như khi tán đồng. Bà biết sức mạnh của sự hiện diện của mình và có khả năng sử dụng điều đó để làm mê hoặc lòng người và bà thường dùng chúng để làm việc tốt; nhưng trong cảm xúc của bà có sự pha trộn chất tự do phá cách, điều đó có nghĩa là khi sự tức giận hay oán ghét đan xen với chất tự do đó thì có thể khiến cho tính cách của bà trở thành nguy hiểm. Tôi thực sự thích Diana, tất nhiên là do cả sức hút của một Công nương xinh đẹp, nhưng tôi cũng luôn tự nhắc mình phải thận trọng.

Vừa đúng khi chúng tôi đang trên tiến trình thay đổi hình ảnh của nước Anh, thì bà lại thể hiện thái độ cấp tiến về vương triều; hay đúng hơn là sự đối lập của bà với vương triều cho thấy vương triều đã không mấy thay đổi. Đối với những ai có suy nghĩ sâu sắc và lâu dài về chế độ quân chủ và tương lai của nó như Nữ hoàng, thì đó hẳn là một thách thức. Hơn ai hết, Nữ hoàng hiểu được tầm quan trọng của chế độ quân chủ về mặt lịch sử, trong truyền thống đất nước và trong bốn phần của nó đối với dân tộc. Bà cũng biết rằng trong khi chế độ quân chủ cần phải phát triển để theo kịp với mong muốn của nhân dân và hiện có một thỏa ước ngầm giữa vương

triều với nhân dân, một thỏa ước không được viết thành văn, không được phát ngôn thành lời, thỏa ước dựa trên mối quan hệ tạo điều kiện cho sự phát triển của vương triều, thì mối quan hệ đó nên được giữ ổn định, được cân chỉnh và kiểm soát cẩn trọng. Trong hoàn cảnh đó, bỗng dưng một ngôi sao băng với những hành vi không thể dự đoán lạc vào vào hệ sinh thái mà sự tiến hóa của nó đã được kiểm soát chặt chẽ, ngôi sao băng này có thể để lại những hậu quả khó lường. Nữ hoàng có lý do chính đáng để lo lắng.

Sau kỳ nghỉ và trước chuyến thăm cuối tuần tới Balmoral lần đầu tiên của tôi trên cương vị Thủ tướng cùng hoàng tộc – một truyền thống có từ thời Gladstone và Nữ hoàng Victoria – tôi đã tới Sedgfield. Thật tuyệt khi được trở lại đây với tư cách Thủ tướng. Tôi tự hào về người dân nơi đây và họ cũng tự hào về tôi. Cảm giác đó luôn tồn tại trong tôi cho đến khi kết thúc nhiệm kỳ Thủ tướng. Mặc dù sự thật là kể từ khi trở thành lãnh đạo phe Đối lập tôi đã không thể trở lại đây với bất kỳ lý do nào, nhưng người dân nơi đây vẫn nồng nhiệt chào đón tôi. Tôi tham dự Hội nghị Tiểu ban điều phối chung của đảng địa phương và có một bài thuyết trình ở đó, sau đó tôi dành một hoặc hai tiếng để nói chuyện, trao đổi quan điểm, trả lời một số câu hỏi của những người mà tôi đã gặp nhiều lần kể từ năm 1983 và cả những người đã dõi theo bước đường chính trị của tôi; và trong căn phòng đó, tôi thấy hoàn toàn thoải mái. Đó là một đặc ân đối với tôi khi có cơ hội được nói chuyện với những người dân mà tôi thực sự tin tưởng, dưới con mắt dè chừng của ông John Burton; và đối lại họ cũng cảm thấy đó là một đặc ân khi được tiếp cận tôi và cảm nhận một phần của lịch sử đảng hiện hữu trước mặt họ.

Tôi cũng đến thăm quán Dun Cow ở làng Sedgfield hay Câu lạc bộ Công nhân. Người dân rất thân thiện và cũng tôn trọng việc tôi ra ngoài uống một vài cốc bia và giải trí. Ở đây người ta hiếm khi bàn chuyện chính trị trừ phi ngồi quanh bàn ăn tối với John và Lily Burton, Phil Wilson (là người kế nhiệm vị trí nghị viên của tôi ở Sedgfield), Peter và Christine Brooks, đó là những con người chất phác; và Paul Trippett, một người cứng rắn, thẳng thắn nhưng thú vị và rất thông minh, ông là quản lý của Câu lạc bộ và đã trở thành bạn thân của tôi. Chúng tôi cùng tán gẫu, trò chuyện về các vấn đề xung quanh khu vực bầu cử, tôi muốn lắng nghe ý kiến của họ đối với các vấn đề lớn đang diễn ra. Dù thể hiện ý kiến chung hay riêng thì họ đều có một cảm nhận tốt mang tính bản năng về vai trò của công chúng; và hiếm khi họ thất bại khi giúp tôi cảm nhận về con đường của mình. Họ cũng đại diện cho một khuynh hướng rất quan trọng của nhân dân Anh. Họ có thể đọc tờ Guardian nhưng không phải là người ủng hộ Guardian; họ không hoàn toàn thuộc về “London” và cũng chẳng phải là người ủng hộ tờ Daily Mail điển hình. Họ am hiểu nhiều về chính trị nhưng cũng biết nhiều người chẳng quan tâm gì đến chính trị.

Họ còn là một ví dụ thú vị khác về cách thức mà con người bị buộc phải mặc một chiếc áo cũ chật ních mà nay đã không còn phù hợp nữa. Đời sống chính trị của tôi thể hiện chính xác điều đó, nhưng khó diễn tả hết được. Sedgfield là một khu vực bầu cử của “giai cấp công nhân miền bắc”, trừ phi bạn chỉ nhìn qua vấn đề, còn nay thì định nghĩa đó đã không còn phù hợp. Vâng, tất nhiên là bạn có thể đi vào bất kỳ ngôi làng nào thuộc khu mỏ cũ – Trimdons, Fish-burn, Ferryhill, Chilton, v.v... – và có thể tìm thấy những “công nhân” như bạn mong muốn, nhưng nay từ “công nhân” đã không còn phù hợp với họ. Các điền trang mới thuộc sở hữu tư nhân với những ngôi nhà ba hay bốn phòng ngủ và trong khi những người sống ở đó không được coi là thuộc “tầng lớp trung lưu” thì họ cũng chẳng thuộc “tầng lớp công nhân” theo nghĩa của Andy Capp. Họ uống bia và cũng uống cả rượu. Họ tới quán rượu và cũng đi ăn nhà hàng. Mỗi năm họ cũng đi nghỉ nước ngoài một, hai hoặc thậm chí ba lần và không phải tất cả đều tới Benidorn.

Nước Anh nay đã khác hẳn và một trong những điểm khác biệt đó là tôi cảm thấy như đang ở nhà mình dù ở bất cứ địa phương nào trên cả nước. Có một bài báo – của tờ Daily Mail – về chuyện tôi là một người điệu đà và dối trá như thế nào khi nói mình thích cá và khoai tây chiên nhưng khi sống ở khu Islington, London mọi người đều biết rằng tôi ăn mỳ ống. Đơn giản bởi bạn không thể ăn cả hai món đó cùng một lúc, đó là hai món ăn thể hiện hai nét văn hóa khác biệt. Tất nhiên, ở nước Anh cuối những năm 1990, người dân ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, có nhiều trải nghiệm văn hóa khác nhau và khá thích thú với điều đó ở cả hai miền Nam Bắc.

Thế giới đang cởi mở hơn. Những người bạn thân nhất của tôi ở Sedgfield là biểu tượng của sự khác biệt đó. Ở đó, tôi cảm thấy thoải mái và có thể là chính mình khi họ là chính họ và điều đó thật tuyệt vời cho tất cả chúng tôi.

Mọi thứ đã thay đổi quanh trụ sở bầu cử của khu vực này, như tất cả những thay đổi đã diễn ra trong cuộc sống của chúng tôi. Trước đây luôn có lực lượng cảnh sát túc trực 24/24 quanh khu vực để đảm bảo an ninh, tuy sau này không còn chặt chẽ như trước nhưng lúc nào cũng có sự hiện diện của lực lượng an ninh. Các con đường đã được sửa đổi để hạn chế qua lại nhưng dường như cuộc sống của chúng tôi ở nơi đây vẫn không thay đổi. Xung quanh vẫn quen thuộc và ấm áp.

Tối ngày 30 tháng Tám năm 1997, tôi tập trung chủ yếu vào việc xây dựng một chương trình nghị sự có thể tạo ra những thay đổi phù hợp với những gì chúng tôi đã hứa khi tranh cử. Tôi lo lắng rằng nếu người dân không nhận thấy những thay đổi chính ngay từ đầu thì những lời chỉ trích chúng tôi sẽ xuất hiện. Tôi biết rằng chúng tôi có sáng kiến chính trị và rằng Đảng Bảo thủ đã đánh mất sự kết nối với nhân dân, kỷ luật nội bộ kém, nhưng tôi cũng biết sức ảnh hưởng tới truyền thông đại chúng của chúng tôi không nhiều và căn cứ phần lớn trên lợi ích chứ không phải trên sự kết nối đối với cả hai đảng chúng tôi. Sau khi họ đã quyết định ra đi vì chiến thắng của chúng tôi, nếu họ không nắm được bản chất của chúng tôi, thì sẽ cố nắm lấy phong cách của chúng tôi để làm suy yếu sức mạnh của chúng tôi và khiến thành công về chính trị của chúng tôi trở thành một dạng lừa bịp. Truyền thông cánh hữu hiểu rằng chúng tôi thực sự không phải là một hình thức ôn hòa của chủ nghĩa Thatcher và truyền thông cánh tả sẽ nhận ra rằng Công Đảng mới sẽ không chịu nhượng bộ trước những yêu cầu thông thường của cánh tả.

Có lẽ tôi cũng đã phải bận bịu lo cho bọn trẻ đi ngủ – thông thường đây là công việc của tôi – đặt chúng xuống (không thể làm thế với trẻ 13, 11 và 9 tuổi), cho chúng uống, đọc truyện và hy vọng chúng sẽ cho chúng tôi có thời gian nghỉ ngơi hoặc ăn bữa cơm ngon lành cùng nhau mà không bị chúng quấy rầy.

Tôi đi ngủ vào khoảng 11 giờ 30 phút và đến khoảng 2 giờ sáng có chuyện gì đó rất lạ đã xảy ra. Cherie ngủ rất say nhưng tôi tỉnh dậy và thấy một cảnh sát đứng ngay cạnh giường, hú hồn. Khi tôi bình tĩnh trở lại, anh ta bảo tôi rằng mình đã bấm chuông nhưng tôi không nghe thấy; rằng Công nương Diana đã bị thương rất nặng do tai nạn xe và rằng tôi phải gọi điện ngay cho ngài Michael Jay, Đại sứ Anh tại Paris.

Bây giờ thì tôi đã hoàn toàn tỉnh táo. Cherie cũng đã dậy. Tôi giải thích chuyện xảy ra cho cô ấy, sau đó chạy vội xuống cầu thang và nổi máy với Michael. Có vẻ tình hình của Công nương khá nguy kịch. Michael kiểm tra kỹ các vết thương của Công nương và thông báo cho tôi biết bạn trai của bà là Dodi Fayed và người tài xế đã chết ngay tại chỗ, người vệ sỹ còn sống nhưng bất tỉnh.

Tôi gọi điện cho Alastair. Anh ấy đã nghe vụ việc từ tất cả các nguồn tin. Cả hai chúng tôi đều vô cùng choáng váng. Tôi không thể tin vào điều đó. Công nương là người có ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của người dân, ảnh hưởng rất nhiều đến các hoạt động quốc gia, hình ảnh của bà luôn sống động và chúng tôi thể nào nghĩ về sự ra đi của bà.

Vào 4 giờ sáng. Tôi nhận được một cuộc điện thoại thông báo rằng Công nương đã vĩnh viễn ra đi. Michael cảm ơn sâu sắc cách mà những người Pháp đã giải quyết vụ việc: Bộ trưởng Nội vụ Jean-Pierre Chevènement, Bộ trưởng Y tế Bernard Kouchner và Tổng thống Chirac đã rất tinh tế, đầy tinh thần hợp tác và cư xử một cách đáng kính trọng. Từ giờ phút đó trở đi, tôi liên tục nhận được điện thoại, sau cùng thì chúng tôi đã phải tìm cách giải quyết cho ổn thỏa.

Tôi vô cùng đau đớn, tôi rất quý mến bà và cảm thấy vô cùng tiếc cho Công nương và hai người đi cùng, tôi cũng biết rằng đây không chỉ là sự kiện lớn của quốc gia mà thực sự là sự kiện lớn của thế giới, không giống với bất cứ sự kiện nào. Quá trình phát triển của nước Anh không chỉ

là vấn đề quan trọng trong nước mà còn có tầm ảnh hưởng đến tình hình toàn cầu. Tôi là Thủ tướng và có nhiệm vụ tìm hiểu rõ chuyện này. Tôi phải diễn tả được nỗi đau và sự mất mát vô bờ không chỉ được thể hiện thông qua sự tôn kính mà còn phải bày tỏ được cảm xúc và tình yêu – không phải chỉ bằng một lời nói mạnh mẽ rằng: Nhân dân thương tiếc bà.

Nếu Nữ hoàng mất, đó là chuyện đơn giản theo một ý nghĩa nào đó: người ta sẽ tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, nhưng chuyện có thể chỉ dừng ở đó. Sự ra đi của Công nương lại hoàn toàn khác. Công nương không phải là một nhân vật bình thường, cũng không ra đi theo cách thông thường; và người ta cũng sẽ không phản ứng một cách bình thường.

Ngoài nỗi đau, tôi còn có cảm tưởng khác, điều đó có thể phát xuất từ lần gặp mặt cuối cùng của tôi với Công nương Diana. Tất cả không phải là chuyện dễ dàng. Bà muốn tới Chequers và đã định một ngày vào tháng Sáu, tôi chấp nhận. Alastair – mặc dù quý mến Công nương – và Nhà Số 10 cảm thấy rằng việc tôi gặp Công nương trước khi diện kiến Thái tử Charles là không hay và có thể sẽ gây hiểu nhầm. Tôi miễn cưỡng đồng ý và chúng tôi đã thống nhất lại vào một ngày tháng Bảy. Với sự nhay cảm của mình, Công nương đoán chắc việc thay đổi ngày gặp có thể là một chủ ý và đã hơi bực mình về chuyện đó.

Vào ngày hẹn, Diana đến cùng với Hoàng tử William. Thời tiết rất đẹp và Chequers ngập tràn trong ánh nắng. Nhân viên ở đó rất hồi hộp khi nghe tin Diana đến còn Công nương thì hòa nhã cởi mở với mọi người. Chúng tôi nói về việc bà có thể làm gì cụ thể hơn cho đất nước theo một cách chính thức hơn. Hiện tại thì cũng thật khó để có thể biết rõ được Công nương sẽ làm gì cụ thể cho dù bà rất nhiệt tình và hào hứng với việc đó. Công nương rõ ràng là một tài sản quý giá của đất nước và tôi cũng cho rằng bà nên cống hiến tài năng của mình cho một công việc cụ thể nào đó thay vì chỉ chăm chú cho đời sống riêng của mình; nhưng tôi cũng cảm thấy và không rõ – có thể do tôi không chú ý đến các chi tiết nhỏ trong cuộc sống riêng của Công nương – rằng Dodi Fayed chính là một vấn đề. Đây không phải là những lý do hiển nhiên có thể gây khó chịu cho anh ta; quốc tịch, tôn giáo hay lai lịch của anh ta không thành vấn đề với tôi. Tôi chưa bao giờ gặp anh ta, vì thế sẽ là không hay nếu tôi lo lắng về anh ta và với tất cả những gì tôi biết thì anh ta là một người tốt và thú vị; vì thế nếu bạn hỏi tôi, “này anh hãy nói rõ xem, có gì vấn đề gì vậy?” thì tôi không thể nói rõ được nhưng có một điều gì đó mơ hồ khiến tôi thấy không yên tâm và tôi biết một số bạn thân của Công nương – những người thực sự yêu quý bà cũng có cảm tưởng như tôi.

Thời gian đó vào một ngày đẹp trời ở Chequers, nhóm chúng tôi gồm trẻ em, cảnh sát, đội bảo vệ và các nhân viên cùng nhau chơi bóng đá ở sân tennis cỏ rất đẹp phía sau khu nhà được xây dựng từ những năm 1930. Đó là một nơi tuyệt đẹp và chúng tôi thường dành rất nhiều thời gian vui chơi ở đây. Mọi người trừ Diana và tôi đều chơi bóng, William cũng vào sân. Tôi nghiệp cậu ấy, tôi nghĩ chắc hẳn cậu ấy đã thắc mắc không hiểu Công nương đem cậu ấy tới đây làm gì và cũng không muốn chơi bóng lắm nhưng vẫn vào sân và chơi rất nhiệt tình.

Diana và tôi đi dạo quanh khu vực sân. Bà trách khéo tôi vì đã hủy cuộc hẹn tháng Sáu. Tôi băn khoăn tự hỏi không biết hôm nay sẽ nói chuyện như thế nào với Công nương nhưng sau đó tôi đã đề cập ngay đến chủ đề về bà và Dodi. Công nương không thích chuyện đó và tôi có thể cảm nhận được bà khá khó chịu và đang kiềm chế. Tuy nhiên, bà không từ chối nói về chuyện đó vì thế chúng tôi đã cùng chia sẻ những suy nghĩ của mình và các dự định tiếp theo của Công nương. Mặc dù cuộc nói chuyện diễn ra không thoải mái lắm nhưng cuối cùng không khí cũng trở nên thân thiện và sôi nổi hơn. Tôi cố gắng thể hiện thiện chí muốn trở thành một người bạn thực sự của bà và vì thế bà cũng nên cư xử chân thành, thẳng thắn theo tinh thần đó. Sau đó, tôi đã vào sân chơi bóng, còn Công nương ngồi xem chúng tôi chơi và cười đùa với các nhân viên, chụp ảnh và làm mọi việc bà thích. Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy Công nương.

Khi suy ngẫm về sự ra đi của bà và những gì tôi muốn nói, tôi cảm thấy buồn và có trách nhiệm. Sở dĩ tôi có cảm giác như vậy vì tôi đã cố gắng để có thể hiểu được Công nương. Mỗi chúng tôi đều có cách riêng để kết nối với người dân, chúng tôi nắm bắt khá nhanh cảm xúc

của người khác và giao tiếp với họ bằng bản năng trời cho, nhưng tôi biết rằng bà đến với những người khuyết tật, bệnh nhân hay những người khốn khổ bằng một tấm lòng chân thành rất riêng và hiếm có. Tôi ngồi trong phòng làm việc ở Trimdon dưới ánh bình minh hắt qua cửa sổ và nghĩ về việc liệu Công nương sẽ thích tôi nói về bà như thế nào.

Có rất nhiều việc cần phải tính toán và giải quyết: gọi và nhận điện thoại; đưa thi hài công nương trở về; tổ chức tang lễ; công việc của Chính phủ (ví dụ, liệu phong trào trung cầu ý dân Scotland có tiếp tục hay không) – mọi thứ từ các công việc quan trọng cho đến những chuyện vụn vặt đều cần sự tập trung, vì những lúc như thế này việc không quan trọng có thể trở thành quan trọng ngay tức thì mà không có cảnh báo trước.

Tuy nhiên, lúc nào tâm trí tôi cũng vô cùng căng thẳng. Robin Cook vừa đáp máy bay xuống Philipin và đã nói điều gì đó, có lẽ là do thái độ chọc tức của Alastair. Tôi bảo ông ta không cần phải lo; đó là tất cả những gì tôi muốn nói và chúng tôi đồng ý có mặt trước giờ hành lễ ở làng Trimdon vào khoảng 10 giờ 30 phút.

Đại diện Hoàng gia cũng có một bài phát biểu nhưng cá nhân Nữ hoàng thì không. Ngay trước khi đến nhà thờ, tôi gọi cuộc điện thoại đầu tiên để nói chuyện với Nữ hoàng và bày tỏ sự chia buồn sâu sắc. Bà khá bình tĩnh, lo lắng cho các hoàng tử nhưng cũng ứng xử rất hoàn hảo và thực tế. Bà hiểu tầm quan trọng của sự kiện nhưng cảm nhận nó theo cách riêng của mình. Bà không bị cuốn vào chuyện đó. Bà thật xứng đáng là một vị Nữ hoàng theo ý nghĩa đó.

Sau đó, tôi biết mình cần phải nói gì. Tôi ghi tốc ký những gì muốn nói lên mặt sau một chiếc phong bì và trao đổi với Alastair. Tôi đã nói qua với các cộng sự thân tín rồi nhưng muốn ông ấy tư vấn thêm. Ý kiến của ông ấy trong những tình huống như thế này rất có ý nghĩa, chặt chẽ và thẳng thắn.

Cụm từ "Công nương của nhân dân", giờ đây, có vẻ như đến từ một thời đại khác. Nó đã cũ rích. Nó là danh hiệu trên trời và đã mang theo dư âm của nó bay vào thinh không. Nhưng bây giờ thì tôi cho đó là điều hiển nhiên và chắc rằng Công nương đã chấp nhận danh hiệu đó rồi. Nó thể hiện cách bà nhìn nhận bản thân mình như thế nào và bà nên được tưởng nhớ ra sao. Tôi cũng muốn biết cách bà đã chạm vào đời sống của người dân và bà đã làm việc đó trong khi người dân biết rằng cuộc sống riêng của bà không hề suôn sẻ hay dễ dàng gì. Không thể đề cập đến những vấn đề của Công nương khiến tôi có cảm tưởng như mình không trung thực với bà; và hơn thế là phá hỏng ý nghĩa mà cuộc sống của bà đã mang lại cho người khác. Người ta yêu quý bà chính là vì tuy là một Công nương nhưng bà vẫn dễ bị tổn thương, vẫn dễ bị những chuyện vui buồn của cuộc sống tác động và bà có khả năng xoa dịu những vết thương của họ vì bản thân bà biết bị tổn thương là như thế nào.

Tôi lái xe vài dặm tới khu vực rừng cây xanh ngát ở trung tâm Trimdon nơi có một ngôi nhà thờ cổ. Đó là ngôi nhà thờ tuyệt đẹp với một vài mái vòm theo kiểu Norman xung quanh điện thờ chính, một khu vườn xinh xắn và có cả nghĩa trang mà Lily Burton và các bạn của cô đã từng chăm sóc. Cherie và lũ trẻ đi vào bên trong. Alastair sắp xếp để một nhóm nhà báo có mặt. Tôi ra khỏi xe và vừa bước lên vừa nói. Tôi có cảm giác rất lạ, đứng ở đây, trong một ngôi làng bé nhỏ tại Durham, trên thảm cỏ xanh ngay trước ngôi nhà thờ cổ, nói những lời mà tôi biết sẽ được truyền đi khắp đất nước và thế giới. Những lời nói này sẽ là một phần quan trọng ảnh hưởng đến suy nghĩ của mọi người về tôi. Thậm chí ngày nay người ta vẫn còn nhắc đến chuyện đó với tôi. Bạn có thể đang nghĩ về những bài phát biểu công phu, được chuẩn bị nhiều ngày, thậm chí nhiều tuần trước đó, trong những sự kiện trọng đại hình thành nên lịch sử hiện đại mà trong đó tôi đã đóng góp một phần không nhỏ, với các cuộc chiến chính trị, các cuộc khủng hoảng, với những lúc hân hoan và cả những lúc thất vọng; tuy nhiên, một vài từ được viết nguệch ngoạc trên mặt sau của một chiếc phong bì lại có thể ảnh hưởng sâu sắc ngang với tất cả những gì tôi đã từng làm. Điều cốt lõi là bạn phải bỏ mọi thứ ra khỏi đầu, không nên nghĩ đến công việc mình đang làm to lớn cỡ nào, đừng nghe theo những lời khuyên nội bộ cho rằng mọi chuyện có thể bị sai lệch. Hãy bước lên và thực hiện.

Ngoại trừ trong trường hợp này, ngay trước khi phát biểu, tôi đã dừng lại một lúc và nghĩ về Công nương, nhắc nhở mình rằng trên tất cả tôi phải nói vì bà:

Tôi cũng có cảm giác như toàn thể đất nước ngày hôm nay, vô cùng đau xót. Tâm hồn và lời cầu nguyện của chúng ta đồng hành cùng với gia đình Công nương Diana – nhất là hai con trai của bà, hai chàng trai – trái tim chúng ta đến bên họ. Không chỉ mỗi người chúng ta mà cả nước Anh hôm nay đang choáng váng, tiếc thương và bùi ngùi trước nỗi mất mát quá lớn này.

Công nương là một người nhân hậu và tuyệt vời. Cho dù bà phải trải qua nhiều nỗi đau buồn trong cuộc sống riêng, nhưng bà luôn đến với cuộc sống của rất nhiều người dân Anh – hay người dân trên khắp thế giới – bằng niềm vui và sự cởi mở của mình. Chúng ta nhớ đến bà theo nhiều cách, nhớ về cách bà thể hiện tình thương và lòng trắc ẩn của mình đối với những người ốm đau, người sắp qua đời, với trẻ em, với người cần giúp đỡ, chỉ bằng một ánh nhìn hay một cử chỉ nhỏ thôi nhưng ý nghĩa hơn vạn lần so với những lời nói. Mặc dù, Công nương phải đối mặt với nhiều khó khăn là thế nhưng người dân ở khắp nơi, không chỉ ở Anh vẫn giữ trọn niềm tin vào Công nương, họ quý mến bà, coi bà như là một trong số những người bình thường xung quanh họ. Bà là Công nương của nhân dân và đó là cách bà sẽ ở lại trong tâm trí và trái tim chúng ta mãi mãi.

Tôi đã sử dụng cụm từ “giữ trọn niềm tin với Công nương” vì một lý do rất riêng. Trước khi bà mất – đặc biệt trong thời gian gần đây, do mối quan hệ của bà với Dodi – giới truyền thông cứ luôn rình rập săn tin. Giới báo chí (điển hình là tờ Mail) đang tính toán xem họ có nên công kích bà không. Tôi biết họ muốn vậy và tôi đã cảnh báo bà về chuyện này khi chúng tôi gặp nhau ở Chequers nhưng bọn họ vẫn còn lưỡng lự vì chưa biết phản ứng của công chúng sẽ ra sao. Vì thế, họ chấp nhận từ bỏ chủ đề chỉ trích béo bở này, có thể vẫn có những lời xì xèo bàn tán, những cuộc công kích trực diện thường xuyên nhưng không nổi lên thành phong trào. Lý do tờ Mail từ bỏ chủ đề công kích Công nương là do tầm ảnh hưởng và sự ủng hộ đối với bà quá sâu rộng và mọi người luôn tin tưởng vào bà. Người dân sẽ không để bà phải hy sinh cuộc sống riêng. Liệu người ta vẫn còn tiếp tục ủng hộ bà trong tương lai khi bà tái hôn, già đi, trở thành một nhân vật nổi tiếng hơn? Câu hỏi đó thật khó trả lời nhưng chắc chắn mọi người biết những sai lầm của bà và không vì thế mà giảm sự yêu mến đối với bà.

Đúng như những gì chúng tôi nghĩ, cả đất nước chìm đắm trong sự tiếc thương vô hạn, đan xen, pha lẫn sự hối tiếc và giận dữ vì sự ra đi quá sớm và đột ngột của Công nương. Trước hết, cơn thịnh nộ được trút lên những tên săn ảnh đã bám theo bà. Thật khó có thể diễn tả cảm giác của một nhân vật nổi tiếng bị săn lùng. Và vì những lý do hoàn toàn dễ hiểu, nhiều người không cảm thông với người nổi tiếng – những người có phong cách sống hoàn toàn khác biệt. Liệu họ có phải trả giá không?

Trường hợp của Diana, mọi chuyện đã vượt quá cái giá nhỏ phải trả đó. Bà thực sự bị dồn đến đường cùng. Bà là một món hời vô giá, một mỏ vàng thường xuyên bị cướp bóc. Họ đã đào cái mỏ ấy quá sâu và quá liều lĩnh và thu về những món lời không nhỏ. Tất nhiên, giới truyền thông nói rằng bà thích thú theo đuổi truyền thông khi nó phù hợp với bà, nhưng đây là một lý lẽ kém thuyết phục hơn nhiều so với thực tế. Thực tế, khi đã lọt vào mắt của giới truyền thông, bạn chẳng có sự lựa chọn nào khác hơn là phải vào guồng với họ, cố đưa những quan điểm của họ thành quan điểm của bạn, cố ngăn chặn những quan điểm không công bằng và không tốt, quan điểm trái chiều. Nói cách khác, đôi khi đó hoàn toàn làm một hành động tự nguyện. Trong khi đó, nhiều trường hợp – như của Diana – không còn sự lựa chọn nào khác: hoặc là cố gắng cho con quái vật ăn no hoặc là nó sẽ nuốt chửng bạn. Xét ở nhiều góc độ, bà đã cho chúng ăn nhiều hơn mức cần thiết nhưng điều đó không thay đổi được cục diện vấn đề: Bà là đối tượng chịu sự quấy rầy thô bạo, xâm phạm và dai dẳng mà đôi khi có thể nói là khủng khiếp, quá đáng và sai trái.

Sáng Chủ nhật hôm đó, Hoàng gia tham dự buổi lễ tại nhà thờ Crathie ở Balmoral như thường lệ. Không có Diana. Tôi biết Nữ hoàng, dù có Diana hay không, thì nghi lễ thường lệ này vẫn

phải diễn ra. Trong đoàn tháp tùng không có Alastair, việc đó như một điềm báo chẳng lành. Nữ hoàng là một người chân thành, không giả dối, nhưng ý tôi không phải là bà hoàn toàn vô tư. Trong khi bà là người bận bịu với việc trông nom và bảo vệ các Hoàng tử bởi họ là người tiếp tục duy trì sự tồn vong của hoàng tộc thì người ta lại chẳng thắc mắc về việc họ không đến nhà thờ hôm đó, nhiều giờ đồng hồ sau khi mẹ họ qua đời. Đó là nghĩa vụ của họ với tư cách là những Hoàng tử. Tất nhiên, với một phần công chúng thì đây là một chuyện không thể tin nổi, họ cho rằng việc đó quá vô tình.

Tôi biết rằng những xúc động tình cảm có thể đến và đi. Tôi cũng biết rằng từ sâu thẳm bên trong, Nữ hoàng cũng bị ảnh hưởng và tác động sâu sắc. Nhưng đây là một trường hợp hiếm thấy. Mỗi ngày qua đi, đám đông đến chia buồn lớn dần lên. Ba cuốn sổ ghi lời chia buồn tại cung điện St James đã tăng lên thành 4, 15 và 43 cuốn. Những nỗi đau chuyển thành những phong trào của quần chúng. Đây là một khoảnh khắc vận động hàn gắn những rạn nứt quốc gia và điều đó cũng gây phiền hà cho Hoàng gia.

Hoàng gia đã từ chối hạ cờ ở lâu đài Windsor và tháp London với lý do Diana không còn là thành viên của Hoàng gia nữa, danh hiệu Công chúa (Her Royal Highness) của bà đã bị tước bỏ. Cờ ở cung điện Buckingham không được treo nữa vì theo truyền thống, chỉ treo cờ cho Nữ hoàng và chỉ khi bà ở đó. Bà đang ở Balmoral và không đến London vào tháng Chín. Vẫn theo truyền thống, vẫn theo quy định mà không tính đến việc người dân không màng đến, thậm chí còn căm ghét những quy định đó, mặc dù chúng được xây dựng trong chuỗi sự kiện dẫn đến cái chết của Công nương Diana. Trong mối quan hệ cộng sinh kỳ lạ giữa người cai trị và người bị trị, người dân nhất quyết rằng Nữ hoàng phải thừa nhận rằng bà cai trị theo sự ưng thuận của họ và phải tuân thủ theo điều họ muốn đó.

Sự tức giận của công chúng đang hướng về Hoàng tộc, đồng thời sự tức giận đó dành cho báo chí cũng không kém, giới báo chí hiểu rằng họ cần phải hướng nó sang một mục tiêu khác. Và để công bằng, họ đang làm dịu sự phẫn nộ của công chúng và cũng giống như những người khác, đang đấu tranh để xem chuyện có thể dẫn đến đâu.

Trong Cung điện Buckingham cũng có hai phe. Một phe truyền thống và không coi Diana như một tài sản quốc gia mà coi bà như là mối hiểm nguy. Họ cho rằng việc tạo điều kiện cho giới báo chí và sức ép của công chúng là bắt đầu một con đường đầy gian nan tiến đến một chế độ quân chủ bị dân chúng kiểm soát, điều có thể đánh mất bản chất thực sự của vương triều và vì thế vương triều mất đi lý do tồn tại. Trong khi có thể hiểu được nỗi buồn của người dân, thì phe này lại không hiểu được nguy cơ xảy ra do sự phẫn nộ của họ.

Phe thứ hai trong Cung xét ở một góc độ nào đó đại diện bởi những người như Robert Fellowes, Thư ký riêng của Nữ hoàng và là anh rể của Diana, một người đàn ông rất nhạy cảm. Tôi không biết anh ta nghĩ gì về Diana – tôi nghĩ anh ta nhìn thấy cả hai mặt của Công nương, dành nhiều tình cảm cho khía cạnh mà anh ta thích và coi khinh khía cạnh kia – nhưng anh ta là một giáo sư và đôi khi bạn có thể tìm thấy ở những người thuộc tầng lớp thượng lưu có giáo dục cao sự thông minh và khôn ngoan hơn vẻ bề ngoài. Cấp phó của anh ta là Robin Janvrin, người sau này kế nhiệm anh ta, là một viên chức Văn phòng ngoại giao, cũng là người thông minh và thông thạo mọi thứ, cũng như biết được mọi chuyện sẽ đi về đâu.

Với đề nghị của Cung điện, tôi sẽ đón thi hài Công nương khi bà được đưa về từ Paris. Khi đứng với mọi thành viên trong giới quyền uy trước sảnh của tòa nhà Lực lượng Không quân Hoàng gia Northolt, tôi mới nhận thức sâu sắc về sự khác biệt giữa các phe phái đó. Tôi đã chắc chắn trong đầu mình rằng đây là khoảng khắc để đất nước được hợp nhất. Phải có tình yêu dành cho Diana; sự kính trọng dành cho Nữ hoàng; sự vinh danh một đất nước vĩ đại và niềm tự hào khi có một Công nương như vậy; và chúng tôi phải thể hiện khả năng tạo ra một điều gì đó khác biệt trong kỷ ức về bà trong sự ngưỡng mộ của toàn thể giới. Vì thế tôi nghĩ nhiệm vụ của mình là phải bảo vệ vương triều, xoa dịu nỗi tức giận của người dân trước khi nó biến thành sự phẫn nộ và hướng mọi chuyện theo phía tích cực và đoàn kết thay vì căng thẳng, chia rẽ và hiểm

khích lẫn nhau.

Tôi cũng thực sự đồng cảm với Nữ hoàng, người đang ở trong tình thế cực kỳ khó khăn. Một mặt bà rất lo lắng về sự ảnh hưởng của Diana đối với nền quân chủ trong vai trò là một thể chế và mặt khác, tất nhiên bà đau đớn cho người mẹ của những đứa cháu tội nghiệp mà bà thực sự yêu mến; vì vậy bà không muốn giả vờ không nhận biết được rằng quan điểm về Diana đã gây ra nhiều xung đột hơn so với những gì công chúng có thể chấp nhận, do đó sự miễn cưỡng của bà khi giải quyết vấn đề Diana đến ít hơn từ sự tuân theo truyền thống và “kinh thánh” – mặc dù chần chừ kinh thánh là một phần của truyền thống – và nhiều hơn là từ mong muốn chần chừ thành được làm đúng với những gì bà thực sự cảm thấy. Sự trung thực của tôi và việc tôi thực hiện những gì cần thiết để lấp đầy khoảng trống trong quan điểm về Diana mà vương triều đã không thể, rõ ràng khiến bà không thoải mái. Một số người xung quanh bà, thậm chí còn khinh bỉ điều đó. Nó cũng nhấn mạnh sự không thoải mái của họ đối với tôi và với những gì mà tôi đại diện.

Đối với những người trong giới quyền uy, tôi không phải là một nhân vật lớn. Từ đáy lòng mà nói, đó chính là lý do tôi tham gia vào Công Đảng và sẽ mãi là như thế. Tôi không bận tâm đến họ và qua nhiều ngày sau cái chết của Diana, tôi đã cố gắng hết sức để bảo vệ không chỉ Nữ hoàng mà là cả Hoàng tộc. Tôi cũng phải nói điều này, tôi thấy họ là những người lịch sự, thậm chí hấp dẫn và không làm gì ngoài việc giúp đỡ người khác. Vì vậy, những gì tôi muốn bổ sung có thể nói về tôi nhiều hơn về họ. Tôi luôn có cảm giác rằng họ thích các nhà lãnh đạo chính trị thuộc hai loại sau: hoặc là những người như họ hay hoàn toàn tán thành quan điểm của họ – hoặc là những người thuộc Công Đảng “xịn”, tuýp người mà họ luôn tìm đọc các bài viết về các nhà lãnh đạo này, những người ăn nói có gang có thép và phù hợp với quan điểm của họ về phong cách thực sự của các chính trị gia. Những người như tôi hơi giống kẻ mới phát, khó hiểu và vì thế là kẻ đáng nghi. Vì vậy, tôi cũng biết rằng trong những ngày này nếu tôi trượt ngã thì không nên mong được họ giúp đỡ.

Tôi có cảm giác thật lạ khi đứng ở Northolt chờ máy bay đến, chờ quan tài được đưa ra, cánh nhà báo chen chúc tốc ký sau hàng rào, tán chuyện với những người khác. Bạn phải hết sức cẩn thận ở những sự kiện như thế. Bạn đứng quanh quần áo đó, nói chuyện, tâm trạng bồn chồn, người chào hỏi, người cười đùa, một số chụp vội những tấm ảnh. Trước khi bạn nhận ra điều đó, thì trong những tấm ảnh bạn trông như thể vừa cư xử không phù hợp, như thể việc duy nhất mà bạn có thể làm đó là cười mỉm vậy. Diana không gặp trục trặc với những tấm ảnh. Khi Cherie và tôi ra khỏi xe tại buổi lễ tưởng niệm hay vào một dịp trọng thể nào đó, tôi luôn nói với chính tôi cũng như Cherie rằng em không thể lúc nào cũng cười thoải mái được. Hãy cẩn thận.

Đối với thái tử Charles thì đó là một điều khủng khiếp. Ông và Camilla rõ ràng là tâm điểm của mọi sự chú ý và suy đoán. Ông ấy có thể làm được gì? Nếu ra về kiệt sức vì đau buồn, ông ấy sẽ bị cho là đang diễn kịch. Tỏ vẻ bình thần thì ông bị coi là kẻ máu lạnh. Đúng là một tình huống bất khả, mọi cử chỉ của Thái tử đều được diễn giải theo hướng tiêu cực nhiều hơn và người ta sẵn sàng chụp lấy những khoảnh khắc sơ suất của ông.

Trong khoảng thời gian khó khăn và đặc biệt này, mối quan hệ của ông với hai cậu con trai đã cứu ông. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy họ đi cùng nhau nhưng sau này tôi thấy họ gần gũi nhau nhiều hơn và nhận thấy sự chân thành giữa cha con họ. Bạn có thể nói rằng điều đó là hiển nhiên vì họ là cha con; nhưng khi ấy có rất nhiều người cho rằng căng thẳng giữa vợ chồng có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ cha con. Tuy nhiên, mọi chuyện không phải vậy và khi thời gian trôi đi, mọi sự trở nên rõ ràng hơn và điều đó làm giảm đáng kể áp lực đối với Thái tử Charles.

Tôi đã biết ông ấy khá rõ trước khi trở thành Thủ tướng. Thái tử coi việc làm quen với các thành viên hàng đầu của những chính đảng có tiềm năng cầm quyền là nghĩa vụ của mình. Con người Thái tử là sự pha trộn lạ lùng giữa quan điểm chính trị truyền thống và cấp tiến (mặt

nào đó có thể coi ông như là người của Công Đảng mới, mặt khác lại không thể xác định rõ quan điểm của ông), giữa phong cách hoàng tộc và sự thiếu chắc chắn. Ông cho rằng mọi người đều phải phục tùng mình và coi điều đó như một lẽ tự nhiên, bạn có thể cho rằng Thái tử không phải là người dễ gần như Diana nhưng ông ấy cũng khá nhạy cảm với sự chỉ trích và hay lo lắng về phản ứng của công chúng đối với mình.

Tôi không thể nào tưởng tượng được việc ông ấy lại ngồi trong phòng ăn dưới tầng hầm trong nhà Maggie Rae tại Hackney như là Diana đã làm, cũng trêu đùa các vị khách khác bằng trò chơi đố tên, dùng một vài mảnh nhỏ và cười vang khi mọi người mắc bẫy. Mặt khác, ông là một người rất tận tâm và nhiệt tình. Ông không ngồi chờ đợi cơ hội đến với mình mà tìm kiếm chúng, xem xét chúng và tận tâm với chúng. Ông suy nghĩ kỹ về chúng. Và khi hiểu hơn về ông, bạn sẽ thấy Charles gần gũi hơn các nhà lãnh đạo cao cấp khác bằng chính sự hài hước tự nhiên trong con người mình. Có lẽ Charles đánh giá thấp mức độ hiểu biết của công chúng về mình và cảm thấy thân thiện với ông. Họ có thể cười mỉm khi thấy ông làm những công việc bình thường và họ có thể thấy việc ông không chơi theo luật của họ là điều lạ thường và thiếu tự nhiên (như trong khoảnh khắc kỳ lạ khi ông và Diana vừa mới đính hôn và được hỏi là có yêu Diana không, ông trả lời rằng, “Có, cho dù từ “yêu” được hiểu như thế nào đi nữa”), nhưng họ cũng biết rằng ông làm rất tốt công việc của mình, tin tưởng vào trách nhiệm của mình đối với họ và đã tận tụy làm việc. Điều đó rất có ý nghĩa.

Cuối nhiệm kỳ thứ hai, tôi được đề nghị đưa ra lời khuyên về việc ông ấy và Camilla có thể kết hôn hay không. Tổn thương mà Diana để lại là quá lớn. Hoàng cung thực sự đau đầu với bất cứ chuyện gì liên quan đến vấn đề này. Tôi nói ngay rằng tôi nghĩ chuyện đó sẽ ổn thôi. Họ yêu nhau tại sao lại không thể kết hôn? Hay chúng ta nói rằng tốt hơn là họ không nên cưới nhau, cứ như thể hôn nhân là một điều gì đó khủng khiếp và đáng phỉ báng? Giới truyền thông từ trước đến nay luôn bám gót và có thể bêu rếu Camilla, nhưng công chúng cũng hiểu khá rõ về bà ấy. Họ hiểu rằng bà ấy là người đơn giản, thực tế và yêu Charles chân thành. Có phải bà ấy là Diana không? Câu trả lời là không. Bà ấy có giả bộ vậy không? Không. Vậy hãy để họ kết hôn. Bây giờ chúng tôi cảm thông hơn và nhận thức rõ hơn về sự thật rằng người của Hoàng tộc vừa có thể xuất thân từ Hoàng tộc nhưng cũng có thể xuất thân từ bên ngoài Hoàng tộc. Bằng cách nào đó, những tranh cãi xung quanh sự ra đi của Diana là tiêu điểm trong thời gian sau đó. Người ta không chỉ cảm thấy vương triều đã có những biện pháp cần thiết để cởi mở hơn với công luận, nhưng họ cũng nhìn thấy được cả điểm yếu và điểm mạnh của những đại diện hàng đầu của mình và chấp nhận cả hai điều đó. Vương triều nhận ra rằng họ có thể cởi mở hơn trong khi vẫn giữ được nét riêng của Hoàng gia.

Nhưng trong những ngày đó, mọi người luôn có cảm giác khó hoàn thành công việc. Do Nữ hoàng ở lại Balmoral còn London thì trở thành “thủ đô lễ tang” của cả thế giới, nên hố sâu ngăn cách giữa vương triều và nhân dân lại càng lớn hơn. Alastair và Anji được giao nhiệm vụ trong ban lễ tang Hoàng cung để lo liệu đám tang và quản lý mọi chuyện ở cấp độ cao nhất. Cả hai người họ rõ ràng là một lựa chọn rất phù hợp đối với tầm cỡ của sự kiện. Alastair cũng đang hướng dẫn giới báo chí trong khi nhận thức rõ về những lời buộc tội về việc đã thao túng báo chí, thẳng thắn mà nói thì trong những cuộc khủng hoảng như thế này, sự khác biệt giữa hai người là rất nhỏ. Tôi muốn Anji ở đó vì tôi biết rằng nếu Alastair là người có thể chia sẻ một tin vắn trên báo chí về những việc cần làm, thì Anji thể hiện chính xác điều đó bằng một giọng Anh cổ điển của mình. Với họ, chúng ta có cơ hội để có được sự cân bằng. Một số người trong Hoàng gia nghi ngờ về việc “can thiệp” này nhưng mặc dù vậy hầu hết họ vẫn thấy điều đó rất thực tế và đặc biệt Robert Fellowes rất đồng thuận với điều đó.

Lễ tang được tổ chức vào thứ Bảy tuần tiếp theo là chủ đề chính của cuộc tranh luận. Lễ tang phải diễn trong không khí trang trọng, khác biệt và mang phong cách của Diana. Đã có những cuộc thảo luận bất tận về con số chính xác những người được mời đến đám tang, tùy theo các nhóm khách mời khác nhau, thứ tự của buổi lễ và vai trò của gia đình Diana. Em trai Diana, Charles Spencer là một nhân vật có tầm ảnh hưởng và rất mạnh mẽ, ông cảm thấy vô cùng tức giận trước cách giới truyền thông và Hoàng tộc đối xử với Diana. Mỗi quyết định đều có tính

nhảy cảm cao với nhiều ý kiến thuận và chống, vì thế những người tham gia phải cân nhắc kỹ lưỡng. Đã có một cuộc tranh luận nảy lửa về việc liệu hai cậu con trai có nên đi sau đoàn đưa tang cùng với Thái tử Charles hay không và người ta bận tâm xem liệu công chúng sẽ phản ứng thế nào đối với Thái tử và hai cậu con trai.

Trên tất cả, áp lực đang đè lên vai Nữ hoàng. Tôi đã nói chuyện và động viên bà hãy mạnh mẽ, điều quan trọng bây giờ là bọn trẻ. Tuy nhiên, những gì tôi đang khuyên bà chỉ càng nhấn mạnh vào sự thật là bà không phải như vậy. Quả thực, nếu tôi không nói chuyện vào ngày Chủ nhật và cả tuần sau đó, thì sẽ không có bất kỳ ai, ở bất kỳ vị trí nào trong Chính phủ nói chuyện với bà. Trong khi đó, mặc dù Alastair và Anji tập trung chủ yếu vào lễ tang thì tôi vẫn phải tham dự các sự kiện của Chính phủ. Chúng tôi đang bận rộn với công việc ở Bắc Ireland nhằm đạt được thỏa thuận ngừng bắn với IRA (Quân đội Cộng hòa Ireland) và chuyện này khá tốn thời gian; tôi có bài phát biểu chính tại Đại hội Công đoàn (TUC) vào tuần tới; tham gia một hội nghị giáo dục lớn tại phố Downing vào thứ Năm; và tất nhiên còn bận bịu với các cuộc điện thoại hỏi thăm chia buồn của các nhà lãnh đạo trên toàn thế giới.

Vào chiều thứ Tư, tôi quyết định gọi điện cho Thái tử Charles. Tôi gặp khó khăn khi nói chuyện và chia sẻ quan điểm với Nữ hoàng do sự chênh lệch về tuổi tác, thể hệ, quan điểm và sự thân quen. Tôi kính trọng và hơi e ngại bà; nhưng là một Thủ tướng mới nên tôi chưa có thời gian tiếp xúc và tìm hiểu về bà hay việc bà sẽ đón nhận những lời khuyên trực tiếp của tôi như thế nào. Tôi hiểu bà phải đối mặt với chuyện này ra sao và cảm thông với điều đó, nhưng bạn không phải là một thiên tài chính trị để nhận ra rằng đây là dòng thủy triều mạnh mẽ mà cần phải khơi dòng cho nó. Không thể bị phốt lò dòng nước đó, ngăn nó lại hay lợi ngược dòng. Tôi không đủ tự tin đối diện với bà và nói thẳng như mình muốn. Vì thế, tôi đã đến gặp Charles.

Tôi gọi cho Thái tử từ phòng làm việc phố Downing và nhận ngay ra rằng đây là việc cần làm. Thái tử có cùng suy nghĩ với tôi; Nữ hoàng phải đưa ra ý kiến; Hoàng gia phải ra mặt. Mặc dù, Thái tử có cảm thấy khó khăn đến mức nào, vì những lý do hiển nhiên, Thái tử và hai Hoàng tử cũng không nên trốn tránh. Charles đồng ý với ý kiến đó. Ngày tiếp theo, thứ Năm, sẽ có buổi phát sóng về chính Nữ hoàng. Alastair có thể chỉ dẫn cánh nhà báo tập trung theo hướng đó và ngay lập tức sự căng thẳng dần được xua tan và bạn sẽ thấy mọi người lại hướng về phía Nữ hoàng.

Theo yêu cầu của Nữ Hoàng, tôi gọi cho bà vào giờ ăn trưa thứ Năm và chúng tôi đã nói chuyện, bàn tính xem cần phải làm gì vào ngày tiếp theo và phải xoay xở mọi chuyện như thế nào. Lúc đó, bà rất tập trung và hoàn toàn bị thuyết phục. Điều đó không dễ dàng gì nhưng khá chắc chắn. Ngày sau đó, Nữ hoàng, Thái tử Charles và các con trai đã xuất hiện trước Cung điện Buckingham, nơi tổ chức lễ tang. Chúng tôi đã bàn về những lời lẽ trang trọng sẽ được trình bày trong bài phát biểu. Buổi thu phát sóng diễn ra khá hoàn hảo. Bà vừa thể hiện vai trò của một Nữ hoàng cao quý đồng thời cũng là một người bà nội yêu thương các cháu hết mực.

Tôi nói chuyện với Thái tử Charles một lần nữa để bàn lại chuyện bố trí lễ an táng. Ban Chủ trì lễ tang của Hoàng cung đã mời tôi đọc bài phát biểu. Điều đó khẳng định vai trò quan trọng của tôi trong thời gian diễn ra lễ tang nhưng tôi cũng biết điều này cũng mang lại cho tôi nhiều thử thách hơn. Thực ra, chúng tôi cũng gặp khá nhiều khó khăn để sắp xếp mọi việc. Và trong khoảng thời gian yên bình hiếm hoi đó chỉ Chúa mới biết được chuyện gì sẽ xảy ra nếu Diana ra đi mấy năm sau đó.

Đám tang diễn ra suôn sẻ. Thật lạ khi Elton John hát bài "Candle in the wind" (Ngon nến trước gió) thật da diết cùng với đội hợp xướng Tu viện Westminster. Charles Spencer đã giáng một đòn tấn công mạnh vào cánh báo chí (tôi đã nhắc Alastair rằng họ sẽ chờ cơ hội phản công và nếu có thì họ sẽ tận dụng nó một cách triệt để và tàn nhẫn). Lời diễn văn của anh ấy thật mạnh mẽ và có sức ảnh hưởng lớn mặc dù ẩn chứa trong đó là cả sự trách móc đối với Hoàng gia.

Tôi sắp xếp tiệc trưa để tiếp các vị vua chúa, hoàng hậu, nữ hoàng, các nguyên thủ quốc gia và

các viên chức cao cấp. Hillary Clinton cũng tới, bà đại diện cho nước Mỹ và được gặp bà quả là một vinh hạnh đối với tôi. Toàn bộ sự kiện có tầm ảnh hưởng rất sâu rộng. Trong những dịp như thế này, tôi đã dồn hết sự tập trung của mình vào việc thực hiện nó và bỏ ngoài tai những chuyện xung quanh và luôn cảm thấy rất thoải mái khi sự kiện kết thúc.

Sang ngày tiếp theo tôi gần như mệt nhoài nhưng mọi chuyện rồi cũng ổn, sau đó tôi đi Balmoral như thường lệ vào dịp cuối tuần theo truyền thống, tất nhiên, chỉ trừ lần này ra, lần nào cũng chỉ là một chuyến đi nghỉ chẳng có gì đặc biệt.

Lâu đài Balmoral được Hoàng tử Albert xây dựng vào những năm 1840 cho mẹ và vợ mình. Tòa lâu đài nằm giữa hai ngôi làng Ballater và Braemar. Nó rất tráng lệ, khu vườn xung quanh tòa lâu đài trông thật đơn giản nhưng tuyệt đẹp. Thời tiết quanh năm rất tuyệt vời chỉ trừ tháng Chín. Vào những ngày nắng đẹp, không có nơi nào trên thế giới có thể đẹp hơn nơi này của xứ Scotland. Tòa lâu đài mang hơi hướng thời Victoria. Không có các hội trường hay phòng lớn, những căn phòng thì có kích thước trung bình và một số nhà vệ sinh vẫn theo phong cách cũ; không có nhiều phòng có nhà bếp như người ta nói.

Tôi phải nói rằng trải nghiệm của tôi về việc tham quan và dành kỳ nghỉ cuối tuần vào những trò tạo cảm giác hấp dẫn có gì đó thật xa lạ. Tất nhiên, là do toàn bộ nét văn hóa nơi đây chứ không phải là do Hoàng gia không nhiệt tình chào đón. Nhưng tôi chưa bao giờ đi nghỉ cuối tuần ở những ngôi nhà ở nông thôn hay trong những gia đình cao quý quyền lực và cũng không thích kiểu nghỉ cuối tuần đó.

Trên tường của cung điện treo những bức tranh hươu, nai, những cảnh đi săn và tất nhiên là cả ngài Brown của Nữ hoàng Victoria. Cũng có cả người hầu – họ rất đẹp, nhưng vẫn chỉ là những người hầu. Khi tới đó lần đầu tiên vào Chủ nhật, một người giúp việc hỏi tôi xem liệu cậu ta có thể gấp quần áo và là quần đùi, đồ lót cho tôi được không và sau đó cậu ta làm tôi bối rối khi hỏi tôi liệu có thể để cậu ta “chuẩn bị nước tắm” được không,” suy nghĩ một lúc tôi mới hiểu ra rằng cậu ấy muốn “đi tiểu tiện nhờ”. Việc sử dụng phòng tắm phía bên kia hành lang là cả một vấn đề nếu không muốn nói là một sự can đảm phi thường, vì thế cậu ta lén lút mở cửa vào phòng vệ sinh, liếc trái, liếc phải không có ai và tiểu tiện thật nhanh.

Bất cứ điều gì nơi đây cũng có thủ tục. Thường có một bữa trà chiều do đích thân Nữ hoàng pha, rót trà cho khách, với một dụng cụ lọc trà, một ấm nước đun sôi để pha trà. Bữa sáng rất cầu kỳ bao gồm trứng, thịt xông khói, xúc xích, bầu dục, cà chua, cơm với cá, trứng hành (món ketri), cá hồi hun khói, tất cả đều nóng hổi. Cả ba bữa, sáng, trưa và tối đều đầy ắp các món ăn. Nếu cứ ăn thoải mái, bạn sẽ tăng cân trông thấy, nhưng các thành viên, Hoàng gia lại không hề thế. Tôi thấy họ ăn rất ít.

Có một loại rượu mà bạn có thể dùng trước bữa tối. Nếu là thời tiết khô hanh, nếu Nữ hoàng là người không thích rượu, thì tôi không nghĩ rằng mình có thể uống loại rượu đó liên tục trong mấy ngày cuối tuần. Nhưng đây chính là loại tôi đang cần đến, tuy không biết chắc đó là loại rượu gì. Loại rượu thật mạnh. Khi uống vào, mọi gánh nặng dường như tiêu tan, đầu óc tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn rất nhiều. Sự can đảm trở lại và vì thế nó giúp tôi giao tiếp với các thành viên Hoàng gia được tự nhiên hơn. Hai chuyến thăm thường niên đầu tiên vì thế mà diễn ra tốt đẹp.

Dịp cuối tuần tiếp theo vào năm 1998 là ngày giỗ Diana và có thánh lễ ở nhà thờ Crathie nơi cả Hoàng tộc cùng tụ họp vào dịp lễ này và theo tôi thấy thì chỉ có một lần duy nhất đó trong năm. Tôi khá căng thẳng khi đi với gia đình họ; toàn bộ những người tham dự là các thành viên Hoàng gia ngoại trừ tôi và Cherie. Cherie gợi ý rằng chúng tôi nên mang theo Euan, Nicky và Kathryn, nhưng tôi đã cười ồ lên. Vì bọn nhóc khá nghịch ngợm, chúng sẽ đùa nghịch ầm lên như ở nhà với Cherie, nhưng ở đây có sự xuất hiện của Nữ hoàng, vì thế hãy để bọn nhóc ở nhà.

Sau đó, chúng tham dự một bữa tiệc ngoài trời do đích thân Hoàng thân Philip chuẩn bị, bữa tiệc được tổ chức tại một điền trang có nhà mái lá. Đây cũng là một hoạt động theo nghi thức

truyền thống. Thành viên trong hoàng tộc phải đích thân vào bếp và phục vụ khách. Sau bữa ăn họ còn phải rửa bát đĩa. Có thể bạn cho rằng tôi đang đùa, nhưng thực tế là vậy. Tôi thấy họ đi gắng tay vào và rửa bát đĩa trong bồn rửa bát. Nếu bạn dự tiệc ở đó, bạn sẽ thấy Nữ hoàng đến và hỏi bạn ăn xong chưa và thu dọn bát đĩa giúp bạn.

Tôi cũng nói chuyện với William, người lúc đó không chỉ vẫn còn đau xót mà còn khá giận dữ. Theo lý trí, cậu ấy biết tại sao vào tuần lễ ngay sau cái chết của mẹ mình và lễ tang thì mình lại phải ở đây, phải diễn các nghi thức, nhưng cậu cũng nhận thức sâu sắc được rằng đó là sự xung đột giữa vai trò đối với công chúng của mình và tình cảm cá nhân. Nếu trước đây cậu ấy chưa hiểu thì bây giờ cậu đã hiểu được làm một vị vua và một hoàng tử nghĩa là gì. Với tất cả ý nghĩa về trách nhiệm đó, thì truyền thống cha truyền con nối trong Hoàng tộc để gánh vác ngại vàng hăn là phải trả một cái giá quá cao.

Trong chuyến thăm đầu tiên vào năm 1997, ngay sau lễ tang của Diana, tôi đã được gặp Nữ hoàng ở phòng khách, đây chính xác là nơi mà Nữ hoàng Victoria đã ra đi. Khi đang định ngồi vào chiếc ghế trông có vẻ như là dọn sẵn chờ tôi thì một tiếng khóc nghẹn ngào từ một người hầu và một bộ lông mày trông như của Nữ hoàng dựng đứng khiếp sợ đã làm tôi khựng lại. Điều đó nói cho tôi biết rằng đó là chiếc ghế mà trước đây Nữ hoàng Victoria đã ngồi và rằng kể từ ngày bà ra đi thì không có ai ngồi vào chiếc ghế đó nữa.

Chỉ có hai chúng tôi và sau khi tất cả mọi chuyện xảy ra, tất nhiên, xuất hiện những bài báo với các dòng tít như "Blair chỉ bảo Nữ hoàng", v.v... Cho dù người ta có nhạy cảm đến đâu hay vị trí của họ có cao đến mấy – và Nữ hoàng là người rất nhạy cảm và vị trí của bà rất cao quý – thì mọi chuyện cũng không có vẻ dễ dàng cả. Thực ra, một trong những điều gây bối rối nhất ở Balmoral thường là những bài báo Chủ nhật được bày trên bàn ở phòng khách khi bạn ngồi uống nước trước bữa trưa. Không thể tránh khỏi những cái tít nghe tức cười về tôi, về bà hoặc đôi khi là cả hai chúng tôi, toàn là những câu giật tít thiếu thực tế. Không ít lần truyền thông muốn gây rắc rối mà không cần phải tính toán nhiều đến việc họ làm điều đó thế nào, họ dành riêng những câu chuyện cho những dịp cuối tuần về tôi và liên quan đến Nữ hoàng; hay việc tôi không tham gia Highland Games, hay một số sự kiện thể thao và ở đây có mấy lần ống kính đã chụp được cảnh Cherie ngáp ngủ.

Về điểm này, tôi không hiểu Nữ hoàng cho lắm. Nếu tất cả chuyện này xảy ra một vài năm sau đó thì tôi cũng chẳng ngại và thấy đó là chuyện bình thường. Ở cuộc đấu trí này, với những sự kiện vừa qua, do chưa có nhiều kinh nghiệm và mối quan hệ của chúng tôi vẫn đang trong giai đoạn đầu, tôi cảm thấy chưa tự tin. Có lẽ bà cũng vậy. Sau này tôi vẫn lo lắng rằng bà có thể sẽ nghĩ tôi đang lên lớp bà hay tôi quá tự tin, trong khi nói chuyện bà làm ra vẻ kiêu kỳ; nhưng cuối cùng bà cũng thú nhận rằng mình cần phải học hỏi thêm và vì vậy tôi đã học hỏi được sự khôn khéo của bà khi làm việc, đó là nhìn nhận, xem xét, phản ánh và điều chỉnh.

Đây là một kết thúc kỳ lạ cho một tuần kỳ diệu: Bi kịch, thu hút, khó phai mờ.

Còn tôi đã vượt qua được sự phê chuẩn chung. Một cuộc bỏ phiếu đạt kết quả khó tin, với tỷ lệ 93% tán thành. Tôi không thể tin vào những gì mình đang thấy; và cũng nhận ra rằng sự ra đi của Công nương Diana, dù đã gây xáo trộn tình hình trong nước và quốc tế theo một khía cạnh nào đó, nhưng các phép thử về thành tựu đối với một Thủ tướng và một Chính phủ là hoàn toàn khác biệt.

6. Nền hòa bình tại Bắc Ireland

Churchill là nhà lãnh đạo luôn tìm các giải quyết mọi vấn đề một cách quyết liệt, mạo hiểm, luôn hướng về phía trước để tìm kiếm giải pháp; nhưng đối với vấn đề Bắc Ireland, ông gần như bó tay. Tuyên bố được ông viết năm 1922 với nội dung đơn giản súc tích, trong đó xác định quan điểm về việc thiết lập nền chính trị Anh tại Ireland: “Toàn bộ bản đồ châu Âu đã thay đổi nhưng khi cơn bão lớn lắng xuống và nước lũ rút bớt, chúng ta lại một lần nữa trông thấy các tháp chuông âm ỉ của Fermanagh và Tyrone hồi sinh. Cuộc tranh chấp vẫn chưa ngã ngũ, đó là một trong rất ít các thể chế vẫn còn nguyên vẹn sau cơn biến động lớn quét qua toàn thế giới”.

Hận thù đã kéo dài hàng thế kỷ, trong đó tôn giáo và việc tranh chấp lãnh thổ đan xen nhau trong một khối hỗn độn tẻ nhạt, kéo theo cố gắng bất thành về phân quyền vào thế kỷ XIX, sự chia rẽ Bắc và Nam vào thập niên 1920 và cuộc nổi dậy đòi dân quyền của thập niên 1960 đã nhen nhóm một cuộc xung đột tàn khốc ác liệt trải dài nhiều thập kỷ. Rất nhiều nỗ lực nhằm tìm kiếm nền hòa bình đã được thực hiện nhưng thiếu sự tập trung thường xuyên chỉ đem lại một kết quả tất yếu: Sự thất bại liên tục. Ở khía cạnh nào đó, Churchill có thể được khoan dung cho học thuyết chủ bại không điển hình và không thường xuyên của mình.

Khi tôi nói với John Prescott trước cuộc bầu cử năm 1997 rằng tôi quyết tâm đưa nền hòa bình thực sự đến với Bắc Ireland, thì ông chau mày tỏ vẻ hoài nghi. Nỗ lực của John Major nhằm đưa tiến trình hòa bình xích lại gần nhau hơn vừa mới sụp đổ trong chủ nghĩa khủng bố kiểu mới, nhưng Major đã tiên đoán chính xác rằng cơ hội đem lại hòa bình là có thực. Ông đã bắt đầu khởi động các cuộc đàm phán bí mật với IRA và bắt đầu tập hợp một số cá nhân để hợp tác đưa ra thỏa thuận cuối cùng. Ông đã mời Thượng nghị sĩ George Mitchell từ Mỹ, một nhân vật lão luyện và sắc sảo để lôi kéo các bên tham gia vào các cuộc đàm phán ngay từ đầu và đạt được thỏa thuận ngừng bắn. Cho dù không được tổ chức, nhưng rõ ràng nó đã khuấy động ở mức thấp đối với phong trào của phe Cộng hòa.

Có lẽ việc đó đã xảy ra cách đây không lâu. Một trong những khía cạnh bất thường nhất của toàn bộ thảm kịch đó là bất kỳ ai đã từng suy nghĩ nghiêm túc: rằng IRA tin việc một quốc gia đầy tự hào như Vương quốc Anh có thể bị đánh bật ra khỏi Bắc Ireland, nơi phần lớn dân số tự coi mình là công dân Anh; rằng Chính phủ Anh từng tin việc chủ nghĩa dân tộc của Ireland có thể được kiềm chế mà không cần một sự thay đổi điển hình về cách ứng xử đối với phe Công giáo Ireland; rằng những người theo chủ nghĩa Hợp nhất từng tin tưởng trên một hòn đảo nơi có tỷ lệ đa số ủng hộ một Ireland thống nhất và là những người theo chủ nghĩa dân tộc Công giáo, thì rất có thể sẽ từ chối chia sẻ quyền lực với họ.

Những gì xảy ra trong bối cảnh này về bản chất là những gì xảy ra trong vô số các cuộc tranh chấp: cái phi lý hắt cẳng cái hợp lý, bằng cách sử dụng cái phi lý. Cách thức mà điều này diễn ra rất đơn giản: những người không thù ghét, những người muốn hòa bình, những người sẵn sàng ủng hộ cho sự “tha thứ và quên lãng” (hoặc ít nhất là “tha thứ”) bị giảm dần về số lượng, dường như điều này rất phi thực tế, thậm chí không còn tính ái quốc đối với các thành viên khác của nhóm. Những gì khởi đầu như một thiếu số phi lý lại kết thúc với việc dùng cái hợp lý theo kiểu hoang tưởng và ảo giác.

Chủ nghĩa khủng bố gây ra sự hỗn loạn và chết chóc, đồng thời cũng gây ra hiềm khích với những thủ phạm trong nhóm mục tiêu của chúng; bản chất con người như nó vốn có, nhóm nạn nhân coi nhóm thủ phạm, không chỉ là những thủ phạm đơn lẻ, phải chịu trách nhiệm; nhóm thủ phạm trở thành nạn nhân và cái vòng luân hồi lẩn quẩn ghê rợn vẫn tiếp diễn. Sau đó “các chính quyền” can thiệp và sự can thiệp như vậy cũng đầm máu. Một khi những quân nhân và cảnh sát cảm thấy sức mạnh của chủ nghĩa khủng bố, họ cũng trở thành các nạn nhân đầu tiên, sau đó chính họ lại là thủ phạm. Người ta thường quên rằng những người lính Anh được phái tới Bắc Ireland vào thập niên 1960, về cơ bản, không phải để chiến đấu với những

người theo chủ nghĩa quốc gia dân tộc, mà để bảo vệ họ.

Sự hận thù trở nên cực đoan và mãnh liệt, kéo dài nhiều thế kỷ. Những thắng lợi cổ xưa được ca tụng tương ứng với sự tàn bạo gây ra bởi các hành động của một bên trong lịch sử được ghi nhớ để định hình đặc điểm hiện tại và tương lai. Trong một phiên họp kéo dài không hồi kết tại phố Downing, tôi nhớ David Trimble – sau này là thủ lĩnh Đảng Hợp nhất tỉnh Ulster, đã chờ trong Phòng Nội các khi tôi gặp gỡ với Gerry Adams của phong trào Sinn Féin tại phòng làm việc. Khi Gerry và tôi kết thúc cuộc họp và qua Phòng Nội các, David đang xem một cuốn sách trên giá. Cuốn sách nói về tiểu sử của Cromwell, nhân vật có ảnh hưởng đến Gerry. Đối với nước Anh, Cromwell là một nhân vật lịch sử quan trọng; đối với người Ireland, ông là một tên đồ tể và một kẻ bảo thủ. Tôi lại nhớ lại một cuộc họp với Gerry và Martin McGuinness tại Chequers (ngôi nhà nghỉ ở vùng quê của Thủ tướng Anh ở Buckinghamshire, phía nam nước Anh). Con gái của Cromwell đã kết hôn với ông chủ Chequers và nơi này đầy ắp các dấu vết và kỷ niệm về Cromwell. Dẫn Martin đi xem xung quanh, chúng tôi ghé ngang qua chiếc mặt nạ chết của Cromwell. Tôi nói: “Anh thấy đấy, ông ta thực sự đã chết.”

Ông ta đáp lại: “Tôi không đánh cược về điều đó.”

Một nền văn hóa phát triển xoay quanh bất đồng. Phe theo chủ nghĩa Hợp nhất không đơn giản bất đồng chính trị với phe Quốc gia chủ nghĩa, hay sự khác biệt về tôn giáo; họ có âm nhạc riêng, một văn hóa giao tiếp khác nhau, một thái độ khác nhau, một bản chất khác nhau. Xét một cách tự nhiên, có sự phân chia giữ người Công giáo/Tin lành, điều đó cũng ẩn chứa những ý nghĩa tiềm ẩn về văn hóa và tôn giáo, nhưng bất kỳ sự bất đồng về luận thuyết nào từ lâu đã được gộp vào nhân tố bộ tộc. Dân ông Ulster là những người kiêu hãnh, thẳng thắn, giọng vang nhưng lịch sự, hài hước; và có một xu hướng không phải lúc nào cũng nhận thấy, đó là không tin tưởng vào thế giới. Người Ireland thích tụ tập, ăn mặc lòe loẹt, sử dụng ngôn từ đầy hoa mỹ, thích nói về những cái chung chung hơn cụ thể, với một cảm giác mãnh liệt không chỉ về vị thế nạn nhân của mình mà còn về thế giới rộng lớn hơn đang hòa nhịp với họ hơn là với những nạn nhân.

Trong một chuyến công du Bắc Ireland, tôi đã được tận mắt chứng kiến cách thức nền văn hóa đối nghịch được thực thi. Sinn Féin đã mời những người Palestine đến thị trấn. Khi tôi nghỉ đêm ở đây, tôi nhìn thấy lá cờ Palestine phấp phới dọc các nẻo đường thủ đô Belfast với dân số chủ yếu là người thuộc Đảng Cộng Hòa để đón khách. Ngày tiếp theo, khi lái xe rời thành phố, tôi chứng kiến sự hiện diện của các lá cờ xanh – trắng của Israel dọc các khu người theo chủ nghĩa Hợp nhất. Tôi sẽ chẳng bao giờ biết được làm thế nào mà họ có những lá cờ đó và cắm chúng trong đêm, nhưng khi khoảnh khắc những lá cờ Palestine giương cao, tinh thần đoàn kết của những người theo chủ nghĩa Hợp nhất với Israel là tất cả.

Ireland cũng nằm trong dòng máu của tôi. Mẹ tôi sinh ra tại Donegal. Mặc dù sinh sống tại miền Nam, gia đình bà lại thuộc tầng lớp nông dân theo đạo Tin Lành – người theo đạo Tin Lành chính cống. Ông ngoại tôi là hội trưởng của một trong những hội Tin Lành hữu ái. Một ví dụ điển hình về tính chất bền vững của những người theo chủ nghĩa bè phái được thể hiện qua bà ngoại của tôi. Bà là một phụ nữ đáng yêu, nhưng ảnh bị hưởng sâu sắc bởi cộng đồng và thời đại bà sinh sống và trong những ngày này, niềm tin mù quáng được chấp nhận như một quy luật. Cuối đời, bà mắc chứng bệnh Alzheimer. Nhưng một ngày, khi tôi đến thăm bà bên giường bệnh, bà lại có một khoảnh khắc minh mẫn đến kỳ lạ. Thời gian đó, tôi chỉ mới bắt đầu hẹn hò với Cherie. Rõ ràng, bà ngoại tôi không hề biết điều này và thậm chí, bà còn chẳng nhận ra tôi nữa. Khi tôi vỗ nhẹ vào tay bà, bà bỗng nắm chặt lấy tay tôi và nói: “Cháu trai, dù cháu làm gì đi nữa, nhưng không bao giờ được kết hôn với một người Công giáo”. Mọi điều khác đã biến mất khỏi tâm trí bà, nhưng sâu thẳm đáy lòng bà vẫn tồn tại ác cảm xuất phát từ chủ nghĩa bè phái.

Trước đây, hàng năm chúng tôi thường tổ chức đi nghỉ tại Ireland để thăm họ hàng của mẹ. Tôi rất thích những kỳ nghỉ này. Chúng tôi thường đến khách sạn Sandhouse tại khu nghỉ dưỡng

Rossnowlagh, gần Ballyshannon. Tại đây, tôi đã học bơi trong làn nước Đại Tây Dương bằng giá, là nơi lần đầu tiên tôi trò chuyện với các bạn gái khoảng 11 tuổi. Tôi cũng đã được dạy những nốt nhạc đầu tiên trên đàn ghita. Lần đầu tiên, trong đời tôi say mê.

Thú thật, những người họ hàng của tôi cũng hơi lạ. Đó là dì Mabel móm mém, chỉ còn lại một chiếc răng. Có lẽ với một lý do kỳ quái nào đó, tôi thường ví dì với sản phẩm kẹo bạc hà Glacier Mint của hãng Fox, nhưng có trời mới biết tại sao. Lúc đó thậm chí còn có bác Lizzie kỳ quặc, sống trong một ngôi nhà trên đỉnh đồi và rất keo kiệt. Bác không chỉ chi li mà còn rất bủn xỉn – người rõ ràng giàu sụ nhưng luôn dành dụm lo xa. Phần lớn thời gian và năng lượng của một gia đình nhiều thế hệ dành để nghĩ cách kéo bác Lizzie ra khỏi đồng của cái ketch xù đó. Cơ hội để thực hiện điều này khi bác còn sống thật xa vời, nhưng gia đình luôn có nhiều hy vọng về chúc thư của bác. Bác Lizzie luôn được chăm sóc đều đặn chỉ nhằm mục đích kiểm tra xem đã có những dấu hiệu sắp qua đời hay chưa.

Tôi nhớ mẹ đã đưa anh em tôi đến thăm bác. Bác có mong muốn được gặp “những cậu bé” mà mẹ đưa đến như một tín hiệu tốt lành. Tôi chưa bao giờ gặp bác, danh tiếng của bác rất lớn nhưng tôi lại coi điều này chẳng là gì so với cảm giác phấn khích khi được gặp một người keo kiệt trong thế giới thực. Ngay khi chúng tôi bước vào bên trong ngôi nhà, mẹ nói với hai anh em chúng tôi: “Các con thấy đó, nhà bác Lizzie hơi có mùi một chút”. Mẹ dừng lại. “Thực sự, rất nặng mùi. CÁC CON KHÔNG ĐƯỢC BÌNH PHẨM VỀ VẤN ĐỀ NÀY. “Hơn nữa”, mẹ tiếp lời: “Bác Lizzie sẽ mời chúng ta trà. Nếu có bánh, các con hãy ăn chúng. HÃY ĂN CHÚNG”. Mẹ tôi nhắc lại.

“Vâng. Con thích bánh”, tôi đáp.

Mẹ ném về phía tôi một cái nhìn. “Hừm.”

Đến bây giờ, tôi vẫn chưa thể tổng khứ cái mùi hôi của căn nhà hoặc những chiếc bánh ra khỏi tâm trí mình. Cái mùi khét lẹt, ngọt, thum thum xâm chiếm mọi giác quan, giải thích ý nghĩa chính xác của sự mục ruỗng về ngôn từ. Bánh rõ ràng là phần thừa còn lại của bữa trà hào phóng cuối cùng của bác Lizzie, hoặc có thể là bữa trước đó. Cái mùi thum thum quện lẫn với mùi bánh khét khiến tôi muốn ới ra khi ngồi ở đó, cho tới khi bác Lizzie nói với mẹ là tôi không phải là một đứa trẻ ngoan. Thậm chí giờ đây, khi viết những dòng này, tôi còn cảm thấy phát ốm.

Khi chúng tôi rời nhà bác – sớm hơn một chút so với dự kiến, vì mẹ lo rằng tôi có thể ới ra nhà – tôi nói với mẹ: “Nhưng chắc chắn nếu bác là một người keo kiệt, bác sẽ không muốn để lại tiền cho bất kỳ ai”. Một suy nghĩ mang tính cảm nhận già dặn trước tuổi của tôi, đúng như mẹ nhận xét sau khi bác Lizzie qua đời là chẳng để lại cho chúng tôi thứ gì.

Ireland không chỉ ăn sâu trong dòng máu của tôi, mà còn là một phần tuổi thơ nơi tôi khôn lớn. Chúng tôi có những người bạn ở đó và hàng năm đều thường gặp mặt nhau. Thời gian đó vào khoảng năm 1969, gia đình chúng tôi không còn đến đây nữa. Mảnh đất này không còn an toàn, mẹ quyết định. Các trục trặc bắt đầu nảy sinh.

Tôi vẫn giữ liên lạc với bạn bè và những bức thư của họ kể cho tôi về sự cay đắng, cơ cực đang xâm chiếm dòng cảm xúc của xã hội nơi đây như thế nào. Tất nhiên, họ là những người theo đạo Tin Lành. Họ miêu tả bằng những lời lẽ chua cay, độc ác về sự xói mòn trong các mối quan hệ của họ và quan điểm của họ với những người hàng xóm theo Công giáo. Vì vậy tôi có chút hiểu biết, tuy ít ỏi, nhưng trực tiếp về sự bất đồng này.

Nhiều năm trôi qua, nước Anh bị đánh thức bởi những tin tức mới nhất về các cuộc tấn công khủng bố, các vụ thảm sát của những người theo chủ nghĩa bè phái, cái chết của một quân nhân hoặc sự rạn nứt ngày càng gia tăng của tình hữu hảo cộng đồng giữa những người theo Chủ nghĩa Hợp nhất và những người theo chủ nghĩa Quốc gia dân tộc. Ian Paisley – người mà bà ngoại tôi luôn tôn sùng – đã trở thành người lãnh đạo nơi này. Thập niên 1970, rồi đến thập

niên 1980 và 1990 trôi qua, những tên tuổi gắn liền với các nỗ lực bất thành nhằm đem lại nền hòa bình dần hằn sâu trong ý thức của chúng tôi. Danh tiếng của các tay chơi khét tiếng mà với họ tôi tìm thấy nền hòa bình đã bị đem ra công kích khi diễn ra xung đột bè phái trong thời kỳ này: Gerry Adams và Martin McGuinness, John Hume, David Trimble, John Taylor, Peter Robinson và bản thân Paisley. Họ chỉ là một phần của sự hỗn loạn này, giúp định hình và tạo ra lịch sử cũng như những bí ẩn của nó.

Đôi khi chúng tôi quên mất tính chất tàn bạo của nó: sự hành hạ; sự tàn tật; tính tuyệt đối, toàn vẹn và trải rộng của thù hận. Tôi nghĩ về những người đình công vì đói, đặc biệt là Bobby Sands, bản thân ông đã bị bỏ đói đến chết. Tôi nghĩ về nỗi đau, sự khiếp sợ đến cùng cực, dũng khí mù quáng cần cho một hành động tự hủy hoại như vậy. Nhận thấy sự đau đớn không chỉ trong chốc lát mà từ ngày này qua ngày khác, tuần này sang tuần khác. Mọi người đã làm mọi thứ với nhau và với chính bản thân họ mà giờ đây chúng ta chỉ có thể đứng nhìn với cảm giác ngạc nhiên. Trong nhiều thập kỷ, nét cổ truyền đến man rợ xác định đặc điểm của vùng đất Bắc Ireland.

Tôi nghĩ làm sao có thể giải quyết được vấn đề này đây? Jonathan Powell trước đây cũng luôn quy nó về những cái ông gọi là Messiah Complex (chứng ảo tưởng) của tôi, tức là lúc nào tôi nghĩ mình có thể làm những thứ mà người khác không thể làm được. Thực tế, không phải như vậy. Hoặc, ít nhất, có lẽ phải như vậy, trừ phi còn có lý do khác: Tôi nghĩ không ai còn quan tâm đến việc phải chịu đựng những xung đột nữa, không chỉ tại Bắc Ireland, mà quan trọng hơn, không nằm ngoài nó. Tôi nghĩ mọi thứ đã trở nên cũ rích và không còn phù hợp với thời đại khi hòn đảo Ireland tồn tại.

Bạn có thể băn khoăn về những gì mình muốn nói trong câu: “không ai còn quan tâm đến việc phải chịu đựng những xung đột nữa”. Liệu đã từng có khi nào xảy ra điều tương tự chưa? Tất nhiên, đối với người dân Bắc Ireland điều này chưa bao giờ xảy ra, nhưng nó đã được đổ thêm dầu vào lửa bởi niềm tin mù quáng và nỗi đau về những Trục trặc. Đối với thế giới bên ngoài, Bắc Ireland là một bất đồng trong đó mọi người có thể bày tỏ mối liên hệ cảm xúc của mình mà không phải chịu hệ quả, khá giống với nguyên nhân của người Palestine. Tôi không có ý ám chỉ rằng họ chủ động muốn kéo dài xung đột, mà họ chỉ nhìn phiến diện. Nó là một điểm quy tụ. Đối với các cộng đồng có huyết thống với người Ireland, điều này gọi cho họ về cội nguồn của mình. Họ thực sự không nghĩ nó có thể được giải quyết, vì vậy không bao giờ tập hợp lại để tạo dựng một nền hòa bình.

Các khu vực của cộng đồng người Mỹ gốc Ireland là một ví dụ điển hình. Ở nơi cách xa hàng nghìn dặm khỏi tình trạng hỗn loạn, mà có lẽ họ sẽ chẳng bao giờ dễ dàng tha thứ, họ chỉ trích lịch sử và dân ca Ireland, những điều bất công của nước Anh, sự nghiệp bè bạn họ hàng của họ và vui vẻ quên tiền để giết những dân lành vô tội và các quân nhân Anh.

Những nỗ lực to lớn của Gladstone, Asquith và sau này là Lloyd George nhằm giải quyết vấn đề bằng cách phân quyền trong nội bộ Vương quốc Anh, mà vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX – rõ ràng có thể đem lại hiệu quả (và gần đạt được hiệu quả) – đã đổ vỡ liên tiếp trên guồng quay của sự kích động quần chúng đôi khi mang tính chất cơ hội và luôn chịu định kiến của những người theo đường lối Hợp nhất và Đảng Bảo thủ. Thậm chí những nhân vật quan trọng như F.E Smith cũng sẵn sàng sử dụng bất đồng để làm tê liệt bộ máy Chính phủ Hợp nhất Anh mà họ không thích. Đối với nền chính trị của Cộng hòa Ireland, nó là một chủ đề xuyên suốt hữu ích, đưa ra quan điểm và mục đích cho Nhà nước non trẻ mới ra đời này khi bản thân nó được thiết lập từng bước. Trong Thế chiến II, Ireland đóng vai trò trung lập, thậm chí có chút xu hướng chống lại Anh, cho dù nhiều thanh niên Ireland can đảm tự nguyện chiến đấu chống lại Chủ nghĩa Quốc xã.

Nhưng thời thế đã thay đổi khi thế giới hiện đại định hình quanh chúng ta. Quan điểm cũ xung

đột với những thực tế mới, có sinh lực mạnh mẽ. Các chính khách Mỹ như Teddy Kennedy bắt đầu mơ về một mảnh đất Ireland hòa bình. Dân biểu Cộng hòa, phe tôn sùng Margaret Thatcher và ca ngợi tình bạn của bà với Tổng thống Reagan, bắt đầu cho việc họ đang ủng hộ những người cố gắng giết bà là điều kỳ quặc. Đối với Chính phủ Anh dù có theo giáo phái nào đi nữa, sự cạn kiệt các nguồn lực và sức mạnh quân sự mà Bắc Ireland gặp phải khiến cho bất kỳ triển vọng hòa bình nào đều trở nên cực kỳ hấp dẫn.

Nhưng hầu hết người Ireland đã thay đổi cùng với sự thay đổi thái độ đối với họ. Thật khó có thể hiểu được hiện nay người Ireland được nhiều người Anh và người theo đường lối Hợp nhất coi ra sao. Họ là những trò cười, tất cả xoay quanh sự ngốc nghếch. Họ bị gán ghép một cách tùy tiện là “người Ireland sa lầy”, được thuê làm việc như các công nhân của một nhà thầu xây dựng thay vì các nhân viên ngân hàng. Họ thường không được coi trọng, thậm chí khinh bạc hơn cả việc một số người da trắng tại Nam Phi coi người da đen ở kỷ nguyên chế độ Apacthai: như một tầng lớp thấp hèn hơn. Giờ đây điều đó thật kinh ngạc, nhưng ở một thời điểm nào đó, điều đó có thể đúng. Và nền chính trị của họ được xác định với tính chất kế thừa mối quan hệ với nước Anh.

Vào thập niên 1980 và sau đó là dưới thời Albert Reynolds với Bertie Ahern giữ cương vị Bộ trưởng Tài chính cải cách, thì người Ireland bước vào tiến trình tự chuyển đổi. Họ tham gia Liên minh châu Âu (EU) và được hưởng lợi từ các chương trình phát triển lớn mà họ sử dụng một cách thông minh và khéo léo, mang lại một đất nước hiện đại hóa. Dublin đã trở thành một thành phố phát triển hàng đầu tại châu Âu, kèm theo một nền kinh tế bùng nổ. U2 trở thành một trong những tổ chức lớn nhất thế giới, Bob Geldof trở thành người hùng, Roy Keane trở thành huyền thoại bóng đá thời đó. Tóm lại, hoạt động kinh doanh, nghệ thuật, văn hóa, v.v... mọi lĩnh vực của Ireland đều cất cánh phát triển.

Trong khoảng thời gian vài năm, miền Nam không còn là khu vực lạc hậu và bị xem thường, mà thay vào đó chính là miền Bắc. Miền Nam chạy nước rút trên con đường hướng tới tương lai, trong khi người dân miền Bắc Ireland lại đang quanh quẩn tại điểm xuất phát, tranh cãi về những người theo Đạo Tin Lành và những người theo Công Giáo theo cách làm lu mờ cuộc chạy đua nước rút phía trước bằng những thứ không còn phù hợp.

Đây là nhân tố mà tôi nghĩ sẽ đem lại cơ hội hòa bình. Đối với phe Cộng hòa, đây không còn là bất đồng – một biểu tượng thống nhất của bản sắc Ireland mà là một lời nhắc nhở đau buồn và về quá khứ của Ireland. Trong vài thập kỷ, những người theo trường phái Hợp nhất cũng có thể chỉ ra sự lạc hậu về kinh tế của Ireland kèm theo những khác biệt về văn hóa và tôn giáo của họ khi so sánh giữa hai điều bất khả thi. Giờ đây những yếu tố này cũng đang lu mờ hoặc bị đảo ngược.

Thậm chí trước khi nhậm chức, tôi đã thảo ra một chiến lược. Một trong những việc đầu tiên tôi làm khi trở thành lãnh đạo Đảng Lao động là thay đổi vị thế chính sách lâu dài đối với Bắc Ireland. Trong nhiều năm, chính sách của Đảng Lao động đã được đưa ra để cố gắng đàm phán một thỏa thuận hòa bình giữa những người theo trường phái Hợp nhất và những người theo trường phái Chủ nghĩa Quốc gia Dân tộc trên cơ sở rằng chúng ta tin tưởng vào một nước Ireland thống nhất và trở thành nhà vận động cho công cuộc thống nhất đó. Nó không buộc một thủ lĩnh chính trị phải nhận thức rằng một vị thế như vậy hoàn toàn xa rời quan điểm của những người theo trường phái Hợp nhất và quá trình thực hiện điều đó sẽ vô hiệu hóa bất kỳ nỗ lực đàm phán bất kỳ một thỏa thuận nào dựa trên giả thuyết đó.

Tôi biết mình có thể chẳng bao giờ có được cơ hội thay đổi chính sách thông qua bộ máy hoạch định chính sách thông thường của đảng – chắc chắn vào thời điểm đó – vì vậy tôi e rằng mình sẽ chỉ xuất hiện bất ngờ vào một buổi sáng trên chương trình Today (Ngày nay) không lâu sau khi trở thành lãnh đạo và công bố rằng từ nay về sau chúng tôi sẽ có một chính sách mới: Trung lập đối với vấn đề một Ireland thống nhất hay Vương quốc Anh. Tôi cũng thay thế Kenvin McNamara – một người đàn ông thực sự đáng yêu nhưng lại hòa hợp với chính sách cũ

– bằng Mo Mowlam, người đã từng nắm giữ vị trí dưới quyền John Smith ở Bắc Ireland.

Sau đó, chúng tôi đặt mình vào vị thế lưỡng đảng với John Major, hoàn toàn ủng hộ sự thử sức của ông trong việc kiến tạo hòa bình. Tại thời điểm đó, giải pháp lưỡng đảng còn rất hiếm, một phần do những động thái gay gắt đối với cánh tả và cánh hữu của Đảng Lao động và Đảng Bảo thủ, ngoài ra cũng bởi nó được cho là nền chính trị tồi. Tuy nhiên, John Smith đã rất khôn ngoan khi hậu thuẫn cho Major trong việc hội đàm bí mật với IRA.

Tôi quyết định thực hiện một cuộc thao diễn nhanh chóng không chỉ về sự thay đổi trong chính sách của Bắc Ireland, mà là một sự thay đổi trong giải pháp của phe Đối lập. Như tôi kỳ vọng, mọi người cho rằng nó là nền chính trị chín muồi; không ai tin rằng Bắc Ireland cần phải tập trung ghi điểm về đảng phái. Chúng tôi đã triển khai giải pháp này đến cùng và thông qua cuộc bầu cử năm 1997. Tôi nuôi dưỡng mối quan hệ với David Trimble và những người theo trường phái Hợp nhất. Tôi đã gửi các thông điệp thể hiện sự quan tâm đến Sinn Féin. Tôi đã gặp gỡ Bertie Ahern, một nhà lãnh đạo của Phe đối lập và chúng tôi xúc tiến ngay lập tức như cứu hỏa vậy. Taoiseach John Bruton là một người đàn ông vĩ đại nhưng thẳng thắn mà nói thì sẽ thất bại.

Chiến thắng ngày 1 tháng Năm năm 1997, đã giải phóng nguồn năng lượng mới ở mọi nơi. Những thách thức đã từng đẩy một Chính phủ mệt mỏi và mất tinh thần vào tình thế khó khăn giờ đây lại khơi nguồn cảm hứng cho một nhóm cá nhân đầy tự tin và dồi dào sinh lực cố gắng hơn nữa. Tôi thường phản ánh rằng sự táo bạo như vậy chỉ có thể được chấp thêm cánh trong cơn xúc động đầu tiên chào đón một khoảnh khắc thay đổi sâu sắc.

Một vài tuần đầu tiên đã dạy cho tôi rất nhiều về bản chất và sự phức tạp của thách thức này. Trong lúc tôi đang tham dự Hội nghị thượng đỉnh châu Âu lần đầu tiên, tôi nhận được tin IRA đã sát hại hai sỹ quan cảnh sát đang nghỉ phép bằng những phát súng vào đầu khi họ đang dạo trên phố. Hai cuộc đời chấm dứt; hai gia đình tang tóc. Tôi rùng mình. Tôi đã gửi các thông điệp cảnh báo đến lãnh đạo Sinn Féin trước cuộc bầu cử. Đó không phải là một khởi đầu lạc quan lắm.

Tôi cũng đưa ra quyết định rằng bài phát biểu quan trọng đầu tiên của tôi trên cương vị Thủ tướng sẽ là chủ đề về Bắc Ireland và nền hòa bình. Tôi đã ngẫm nghĩ sẽ phát biểu gì vào một vài thời điểm trước cuộc bầu cử và đã đề cập vấn đề này với David Trimble. Ngay khi chúng tôi nhậm chức tại phố Downing, nhà ngoại giao John Holmes, người đã từng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình dưới thời Major, gia nhập và trở thành một nhân vật không thể tách rời trong nhóm chúng tôi. Ngay từ đầu, Jonathan Powell đã là một vụ chủ chốt trong việc thực thi các nỗ lực của Chính phủ.

Tôi chẳng không giờ dám chắc về lý do tại sao và bằng cách nào mà Jonathan lại có vai trò quan trọng đối với vấn đề như vậy. Bạn có thể luôn phóng đại trong các tình huống này và cho rằng: “Nếu không phải vì vấn đề này, vấn đề nọ thì điều này có lẽ chẳng bao giờ xảy ra”, nhưng trong tình huống này, điều đó là sự thật. Nếu không có ông ấy, có lẽ sẽ không có nền hòa bình. Mọi tinh hoa mà ông có – và ông có rất nhiều – dường như được thể hiện trong nỗ lực hết sức nhằm theo đuổi thỏa thuận hòa bình này. Ông là người rất miễn cưỡng, thông minh, sâu sắc, kiên trì, sáng tạo và hơn ai hết là người rất đáng tin cậy đối với cả hai phía. Ông và Adams đã bắt đầu một mối quan hệ chân chính. Những người theo trường phái Hợp nhất tôn trọng ông và ông trở thành nhân vật nổi tiếng nhất trong đội ngũ quan chức Chính phủ Bắc Ireland mà tất cả các đảng phái đều chĩa mũi nhọn để bôi nhọ và trở thành chủ đề của vô số lời than phiền. Nhưng trong thực tế, ông đã thực hiện những nhiệm vụ cao cả trong các tình huống gần như bất khả thi. Sự kiên định không ngờ của ông cũng là một nền tảng lớn cho những thay đổi tâm tính mà vùng đất Bắc Ireland đã sản sinh trong con người tôi.

Trong một cuộc họp, tôi đã được chứng kiến sự giận dữ của người đàn ông Drumcree này với thái độ và tiếng quát tháo mà tôi chưa từng gặp phải trước đó. Người Drumcree là những

người phi lý nhất trong những người phi lý. Đứng đầu trong tất cả những điều phi lý, họ để lại mọi rạn nứt, bất đồng, trong mọi tranh chấp khác, thái độ của họ cuối cùng chỉ là những cái ngáp ngắn, ngáp dài. Có một gã, Breandan MacCionnaith, đại diện cho dân cư của đường Garvaghy. Nhưng trước tiên hãy để tôi giải thích tóm tắt về Drumcree.

Các cuộc điều hành của phe Hợp nhất thường diễn ra xuyên qua các khu vực phe Công Giáo và Cộng Hòa. Không phải là không có lý khi phe Chủ nghĩa Quốc gia Dân tộc và phe Cộng Hòa không ưa gì chúng và đôi khi họ muốn những cuộc điều hành này bị cấm. Các cuộc tuần hành có thể kích động bạo lực là điều hoàn toàn vô lý. Trong số nhiều tuyến đường nhạy cảm, Drumcree là tuyến nhạy cảm nhất. Nó là một phần trong tuyến điều hành thường niên kéo dài đến hàng trăm mét phố Garvaghy, một khu vực lân cận của phe Cộng Hòa. Ủy ban Điều hành đã phải quyết định xem liệu có cho phép điều hành theo tuyến này hay không và sau đó những điều tồi tệ xảy ra và cảnh sát đã phải vào cuộc.

Mọi thứ là một cơn ác mộng. Việc cấm điều hành khiến cho hàng chục nghìn người phe Hợp nhất tràn xuống các đường phố. Việc cho phép điều hành gây ra bạo động tại các khu vực của phe Cộng Hòa. Một phần trong tiến trình hòa bình là nỗ lực giải quyết vấn đề này. Người dân đã được Breandan MacCionnaith dẫn đầu. Ông ta phi lý đến mức khiến tôi khá tò mò. Ông ta biến cái phi lý thành nghệ thuật. Ông ta không thừa nhận bất kỳ điều gì. Tôi không chỉ nói về thực chất của cuộc họp, ý tôi là cuộc họp nên được tổ chức tại địa điểm nào. Ai nên đến đó tham dự. Ai không nên có mặt ở đó. Thời gian cuộc họp bắt đầu, kết thúc, mục đích là gì. Ai phát biểu đầu tiên. Ai phát biểu tiếp theo và ai phát biểu cuối cùng.

Niềm tin lớn nhất của tôi là khi bạn đàm phán với ai đó, điều đầu tiên là phải tạo ra một bầu không khí dễ chịu; thể hiện thái độ hợp tác; trao đổi những lời nhận xét hài hước; và nên mở đầu bằng những vấn đề không mang tính chất tranh cãi hoặc dẫn đến bất hòa. Hãy khiến người khác gật đầu tán thưởng. Đó chính là cái gật đầu để thiết lập quan hệ và là một tín hiệu tốt đẹp cho sự khởi đầu để chúng ta thấy rằng tất cả không phải chỉ có thất bại. Tôi có thể nói: “Tôi biết ngài rất bất bình vấn đề này”. “Ồ, tất nhiên”, họ đáp lại; đó là lý do tại sao có bất đồng; và sẽ có một cái gật đầu.

Breandan MacCionnaith là người chẳng bao giờ gật đầu đồng tình với bất cứ điều gì. Nếu tôi nói với ông ta “tôi biết ngài rất bất bình với vấn đề này”, ông ta sẽ đáp lại: “Tôi thấy vấn đề này chẳng có gì bức xúc hơn so với bất cứ điều gì khác”. “Vâng tất nhiên, xin lỗi, nhưng rõ ràng ngài đang có vẻ khá gay gắt thì phải”, tôi vặn lại ông ta “Anh là ai mà dám phán xét cảm xúc của tôi?”, ông ta thẳng thừng trả lời. Khi tôi nói rằng mục đích của cuộc họp với cư dân trong khu vực Orange là nhằm giải quyết bất đồng một cách thích đáng và làm yên lòng tất cả mọi người, do đó nền hòa bình có thể được thiết lập. Ông ta nói, ngược lại là khác; mục đích của cuộc họp là nhằm gửi Lệnh Orange và sự khiêu khích khó chịu của những người dân thường tử tế trên đường Garvaghy vào việc tạo nên mớ hỗn độn của lịch sử hoặc đại khái như vậy. Cuối cùng tôi sẽ nói: “Thế còn về...” và tạm ngừng, mục đích để nghe ông ta nói “Không” trước cả khi tôi giải thích lời nhận định. Nếu tôi nói với bạn rằng Breandan MacCionnaith không hề có một chút kiên trì với cái điều phi lý của ông ta (cho dù ông ta đạt được huy chương vàng môn thể thao cận đối kháng cơ bản), bạn có thể hiểu được mức độ phi lý như thế nào.

Thật kỳ lạ, Jonathan đã mất bình tĩnh với Lệnh Orange. Chúng tôi đang có một trong các cuộc họp không mang tính chất xây dựng, dài dòng, loay quanh về việc liệu cuộc điều hành có nên diễn ra, ở đâu và như thế nào và Lệnh Orange (nói theo cách lịch sử) đang thẳng thắn. Một thành viên trong số họ đã có nhận xét rất hồ đồ về sự có mặt của tôi. Tôi bất ngờ ý thức về sự bất bình chung của dân chúng dành cho cánh tả của tôi, Jonathan đứng bật dậy, mặt đỏ gay giận dữ và quát: “Anh dám ăn nói với Thủ tướng Anh như thế à? Sao anh dám...?”

Tất cả chúng tôi đều im lặng ngạc nhiên. Ngoại trừ Jonathan, người nói liên tục, đôi lúc lặp đi lặp lại nhưng đã giải thích cặn kẽ và rõ ràng về những đề xuất của mình. Lệnh Orange khá lung lay. Tôi cũng vậy. Tôi chưa từng bao giờ nhìn thấy bộ dạng ông ấy như vậy trước đó. Chúng tôi

đã trao đổi qua với nhau dọc hành lang về việc “đáng lẽ ngài nên uống thuốc sáng nay” và tôi chưa từng thấy ông ấy trong bộ dạng này kể từ đó. Chẳng ai cư xử tầm thường như vậy xung quanh vấn đề Bắc Ireland. Vụ việc xảy ra làm dấy lên mối quan tâm về bản chất của nghề nghiệp: Bạn phải chịu đựng được rất nhiều lời xỉ vả. Không chỉ là ó chửi rửa thô bạo hoặc phản đối, động thái của bạn liên tục bị chất vấn hoặc bị vu khống, ngôn từ của bạn bị hiểu sai lệch, những nỗ lực của bạn nhằm làm cho mọi thứ trở nên tốt đẹp bị nhìn nhận như những nỗ lực hoặc để tăng lợi ích cá nhân của mình hoặc thậm chí để khiến mọi thứ trở nên tồi tệ.

Tôi liên miên gặp vấn đề về sự tin cậy, phần lớn với người theo phái Hợp nhất nhưng cũng với cả phe kia. Nó nảy sinh một phần từ con đường gian nan cần thiết được theo dõi thông qua các góc ngách hiểm nguy của nền chính trị Bắc Ireland và rất nhiều công việc bí mật, đầy rẫy sự nguy hiểm; nhưng quan điểm cho rằng mọi người cảm thấy rất khó để chấp nhận các thủ lĩnh chính trị đang thực sự nỗ lực thúc đẩy tiến triển có vẻ được quan tâm nhiều hơn. Vì vậy, đối với Bắc Ireland, bạn có thể nghĩ về tình trạng rắc rối một cách khá khoan dung: Xung đột là vấn đề tại Bắc Ireland (không có cử tri của Đảng Lao động tại đó) nhưng không thực sự là vấn đề trong nền chính trị nước Anh (thực vậy, bạn càng cố gắng giải quyết, thì vấn đề càng trở nên lu mờ và kém quan trọng); cực kỳ khó khăn; tốn rất nhiều thời gian. Về khía cạnh tư lợi chính trị đơn thuần, nếu bạn thất bại, tiền đặt cược càng cao và thấp nếu thành công.

Nhưng tất cả các phương thức thông qua quá trình, thiện ý của Chính phủ, chẳng bao giờ để tâm đến việc cai trị tốt, vẫn còn là một dấu chấm hỏi. Cuối cùng tôi quyết định mọi người hoạt động ở hai cấp độ liên quan đến lãnh đạo chính trị. Ở một cấp, họ đặt tất cả hy vọng, kỳ vọng và mọi thứ vào Chính phủ, các nỗ lực thất vọng vào nhà lãnh đạo. Bạn trở thành tâm điểm chú ý và do vậy trở thành tâm điểm đối với những lời chỉ trích. Ở cấp độ này bạn không được đo bằng công cụ đo lường phù hợp mà bằng sự hoàn hảo. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi bạn không thể thực hiện được.

Tuy nhiên, ở cấp độ còn lại, mọi người có đánh giá sâu sắc, chín chắn hơn và nếu bạn đang thực sự cố gắng, bạn có thể đạt được kết quả. Ngoài ra, như tôi nói, bạn phải có khả năng chịu đựng những lời xỉ vả vì đây là một phần tất yếu trong công việc.

Có một nét tính cách khác hỗ trợ tôi rất nhiều tại Bắc Ireland. Tôi thực sự không “trèo cao”. Tôi không tự coi mình là “cao sang” tại văn phòng. Tôi đặt thẩm quyền của mình vào việc thúc đẩy và thuyết phục mọi người, chứ không đe dọa họ. Có thể đôi khi tôi hơi quá đà và có thể cũng đúng, khi trong nhiều thời điểm, tính chất ngạo mạn, ông chủ, thậm chí hà hiếp, lại thể hiện trong tôi rõ hơn, nhưng đó là bản chất của tôi. Tại Bắc Ireland, nó có hiệu quả. Mọi người có thể thực sự đang lắng nghe mà không khiêu khích nhiều, nhưng nếu bạn tranh luận với họ về vấn đề đó, hậu quả sẽ khôn lường. Vì vậy nhìn chung, tôi không làm như vậy.

Trong những tháng đầu tiên sau khi nhậm chức, tôi đã cố gắng định hình chiến lược của mình. Tôi đã có bài phát biểu tại Triển lãm Nông nghiệp Hoàng gia Ulster vào ngày 16 tháng Năm và thận trọng trình bày để tranh thủ và đưa ra quan điểm của phe Hợp nhất. Chính buổi phát biểu đã tự thể hiện tính chất chỉ thị của nó – ngay trong tâm trí của cộng đồng phe Hợp nhất. Áp dụng lời khuyên của David Trimble, tôi thể hiện việc đánh giá cao sự Hợp nhất và sau đó là một thông điệp vốn gây ra rất nhiều chỉ trích, với nội dung thể hiện sự nghi ngờ của bản thân tôi về việc bất cứ ai trong chúng tôi có thể nhìn thấy một Ireland thống nhất trong cuộc đời mình. Vì một số trong những người này hiện khoảng 20 tuổi, đó là một tuyên bố ủng hộ Hợp nhất rõ nét. Triển lãm này là nơi huyền bí nhất để đưa ra lời phát biểu quan trọng, trong một túp lều mà bên ngoài những con bò của giải đấu đang tranh giành với những người nông dân có khuôn mặt đỏ gay khi tương lai của mảnh đất đang được định hình.

Cho dù những tên tội phạm sát hại hai sĩ quan cảnh sát là ai (IRA đã gửi thông điệp thông báo rằng việc làm đó là trái pháp luật), chúng tôi đã giành cho IRA năm tuần để khôi phục lại tình trạng cấm sử dụng vũ khí vốn đã mất hiệu lực trong 18 tháng qua. Lần này họ đã thực thi vào ngày 19 tháng Bảy năm 1997.

Vài tuần sau đó, Chính phủ Anh và Chính phủ Ireland đã nhất trí thành lập Ủy ban Quốc tế Độc lập về việc không sử dụng vũ khí (IICD). Việc cấm sử dụng vũ khí là một di sản đầy rủi ro kế thừa từ chính quyền trước mà đã trở thành một quả bóng khổng lồ và dây xích siết chặt chân chúng tôi trong những năm tới. Dưới áp lực của phe Hợp nhất, John Major đã đồng ý rằng điều kiện tiên quyết thiết yếu để thiết lập nền hòa bình và việc chia sẻ quyền lực của IRA không đơn thuần là theo đuổi hòa bình mà còn chấm dứt việc sử dụng vũ khí của họ. Tất nhiên, ở một cấp độ, điều này hoàn toàn hợp lý: nếu bạn theo đuổi hòa bình, bạn không cần vũ khí. Nhưng cấp độ khác, nó ẩn chứa thông điệp gửi tới IRA về những kẻ đầu hàng, về không chỉ nền hòa bình đang theo đuổi đơn thuần mà còn ở hành động xin lỗi vì đã gây ra chiến tranh và nó làm phức tạp hóa việc quản lý nội bộ một cách đáng sợ. Gerry Adams và Martin McGuinness đã cố gắng bám trụ với phong trào của họ đến cùng. Ngoài ra, cũng có một luồng ý kiến như vậy của những người theo phe Cộng hòa. Có những người theo đường lối cứng rắn thực sự. Họ khẳng định quan điểm về đường lối cứng rắn. Nhưng làm sao để họ không bị co kéo lưỡng lự giữa dòng. Triển vọng về việc IRA bị buộc phải hủy bỏ vũ khí đẩy họ đến sự chèo kéo như vậy, nhưng thực tế là vậy; Không thể thất hứa với cam kết của John Major, vì vậy việc đó phải được kiểm soát. IICD đã tiêu tốn của chúng tôi khá nhiều thời gian và sức lực.

George Mitchell đã thực hiện công việc vĩ đại là soạn thảo các nguyên tắc phi bạo lực và các vị trí chung – một cam kết đối với các biện pháp hòa bình dành riêng cho tất cả các bên trong Chính phủ. Ví dụ, những việc chung chung nhưng tạo ra một khuôn khổ cho cuộc đàm phán lớn hơn nhiều được tiến hành – và là các cuộc đàm phán chính thức trước khi chúng tôi nhậm chức. Sinn Féin lập tức cho rằng họ sẽ hành động dựa theo những nguyên tắc của Mitchell, nhưng IRA từ chối đưa ra cam kết tương tự. Điều đó không làm an lòng phe Hợp nhất, nhưng chúng tôi kiên trì và xác định ba chủ đề đối với cuộc đàm phán được khởi động khi John Major làm Thủ tướng: lãnh thổ Bắc Ireland sẽ được quản lý ra sao dưới một hệ thống chia sẻ quyền lực được chuyển giao; mối quan hệ giữa Anh và Bắc Ireland (Đông – Tây); và quan hệ giữa Cộng hòa Ireland và Bắc Ireland (Bắc – Nam).

Các cuộc hội đàm bắt đầu vào tháng Chín mà không có sự tham dự của David Trimble. Những người chống đối phe Cộng hòa đã đặt một quả bom trong ngày thứ hai của buổi hội đàm. Vào ngày thứ ba, các đảng phái phe Hợp nhất khác, ngoài DUP, đảng của Paisley, đã tham gia hội đàm.

Có nhiều cuộc hội đàm hơn vào tháng tiếp theo và đến ngày 13 tháng Mười, tôi có cuộc họp đầu tiên với Gerry Adams và Martin McGuinness. Tính đến thời điểm đó, chưa một Thủ tướng Anh nào gặp gỡ họ. Đó là một khoảnh khắc trọng đại. Một câu hỏi thiết yếu rằng liệu tôi có bắt tay với họ hay không (không một lãnh đạo nào của phe Hợp nhất làm như vậy cho đến 2007). Tôi quyết định thực hiện điều này một cách tự nhiên. Vì vậy khi họ bước vào, chúng tôi đã bắt tay nhau.

Sau đó, khi được hỏi về điều đó, tôi nói rằng tôi đối xử với họ như với bất kỳ người nào khác; nhưng cùng ngày hôm đó tôi nhận được thịnh tình của phe Hợp nhất. Tôi được Peter Robinson, phó thủ lĩnh của DUP mời đến thăm một trung tâm mua sắm trong địa hạt của ông. Tôi chưa bao giờ chắc liệu ông ta có chào đón mình hay không. Tôi sẽ giả sử là không.

Trung tâm đông nghẹt những phụ nữ cao niên mua sắm. Tuy nhiên, như một giấc mộng tồi tệ, họ bỗng nhiên biến thành những người dữ dằn, phản ứng giận dữ, la ó, chửi thề, coi tôi là một kẻ phản bội và vung những chiếc găng tay cao su vào mặt tôi. Tôi hoàn toàn vui vẻ lắng nghe họ, nhưng RUC (Royal Ulster Constabulary – Sở Cảnh sát Hoàng gia Ulster) – với những gì tôi từng nghĩ là hơi háo hức một chút – coi đó là một sự vụ an ninh quan trọng và kéo tôi vào một căn phòng để đảm bảo an toàn.

Thật ngạc nhiên, tôi chẳng hiểu được những đôi găng tay cao su ám chỉ cái gì và ở đâu ra. Tôi nghĩ họ vừa giặt giũ, rửa bát, dọn dẹp hoặc một việc gì đó. Khi tôi kể với Jonathan, anh ấy cười ầm lên và nói: “Không, điều đó có nghĩa là đáng lẽ ngài nên đeo găng tay cao su khi bắt tay với

Gerry Adams.”

Những tháng ngày sau đó đã là một đoạn đường khó khăn băng qua một khu rừng rậm rạp, đầy nguy hiểm chông gai, khi chúng tôi cố gắng trèo lên cao để có thể nhìn thấy con đường dẫn lối đến một thỏa thuận đàm phán. Con đường chúng tôi đi, cho dù có chút may mắn tạm thời, nhưng lại liên tục bị cản trở bởi những sự kiện bất lợi. Một nhóm phe phái Hoàng tộc tái tuyên bố tình trạng ngừng sử dụng vũ khí. Tốt. Sau đó một nhóm phe phái Hoàng tộc khác phá vỡ cam kết của họ và bị loại khỏi các cuộc đàm phán. Xấu. Tháng Một năm 1998, đã xảy ra cuộc khủng hoảng thực sự khi IRA giết hại hai người tại thủ đô Belfast. Sinn Fein đã bị loại khỏi bàn đàm phán trong vòng 17 ngày. Sau đó, phe Cộng Hòa chống đối, Quân giải phóng Dân tộc Ireland giết hại Billy Wright, lãnh đạo Lực lượng Tình nguyện Hoàng gia, bên trong nhà tù Maze. Càng ngày càng có nhiều chính biến xảy ra.

Từ đầu đến cuối tôi chưa bao giờ từ chối nói chuyện điện thoại với David Trimble và các lãnh đạo phe Hợp nhất. Họ coi sự bùng phát rải rác, các vụ bạo lực là một điều gì đó không nhất quán với các nguyên tắc của Mitchell.

Để làm dịu quan điểm của phe Dân tộc Chủ nghĩa và dưới áp lực từ Ireland, tôi cũng ra lệnh mở một cuộc điều tra về vụ nổ súng Ngày Chủ nhật Đẫm máu năm 1972, khi quân đội Anh nổ súng vào những người phản đối tại thủ đô Belfast, giết hại nhiều người. Những người theo phe Dân tộc Chủ nghĩa tuyên bố họ là những người phản đối hòa bình. Một cuộc điều tra tại thời điểm đó do Nghị sĩ Widgery, người sau này trở thành Chánh án Tòa án Tối cao tiến hành đã bị lên án rộng rãi như một vụ che giấu sự thật và chúng tôi nhất trí đáp ứng yêu cầu 25 năm trước để tiến hành một cuộc điều tra khác. Việc làm này tất nhiên làm dịu bớt công luận tại thời điểm đó. Tuy nhiên, nó cũng trở thành một chuỗi các sự kiện kéo dài 12 năm với chi phí lên tới gần 200 triệu bảng Anh. Cho đến khi sự kiện được báo cáo vào năm 2010, tôi xem nó như một ví dụ điển hình về việc tại sao bạn không nên tiến hành các cuộc điều tra về bất kể điều gì trừ phi thật sự bắt buộc, hoặc chỉ trong những trường hợp ngoại lệ nhất. Các cuộc điều tra hiếm khi đạt được mục đích. Tuy nhiên, báo cáo cuối cùng đã chứng tỏ nhận định của tôi là sai. Bản báo cáo rất có giá trị: một bản báo cáo công bằng và thấu đáo về vụ việc đã xảy ra.

Bằng cách này hay cách khác chúng tôi đã do dự bước vào giai đoạn đầu tháng Tư khi quyết định thử tổ chức thỏa thuận xoay quanh ba chủ đề được lấy làm cơ sở cho các cuộc đối thoại dưới thời John Major. Chúng tôi đã định ngày tháng cho cuộc họp. Điều thú vị về Thỏa thuận Ngày thứ Sáu Tốt lành là nó diễn ra một cách rất tình cờ thay vì theo lịch trình định sẵn. Tôi phải ở lại thêm một ngày để nhất trí thông qua bản thỏa thuận, công việc chi tiết do các quan chức thực hiện. Tôi kết thúc sau thời gian ở lại bốn ngày đêm và tham gia tận tình vào một trong những vòng đàm phán hòa bình đặc biệt nhất từng được triển khai. Theo các quan điểm mang tính chỉ trích trong suốt những ngày này thì thỏa hiệp đã thất bại; nhưng cuối cùng, chúng tôi đã thông qua thỏa hiệp đó. Thành thật mà nói thì tôi chưa bao giờ tham gia vào bất cứ vấn đề nào như vấn đề này. Và thỏa thuận đạt được thực sự đã làm nên lịch sử.

Nói về “lịch sử”, có một khoảnh khắc khá hài hước khi lần đầu tiên tôi đến đây. Tôi đã nghe David Trimble trao đổi qua điện thoại đêm trước đó rằng cho dù các quan chức đã triển khai một khối lượng rất lớn các công việc chi tiết, nhưng không chỉ một phần thỏa thuận thực sự được nhất trí mà còn các thỏa thuận trông có vẻ như không chắc chắn cũng đạt được sự nhất trí. Tôi quyết định triển khai theo mô hình thực tiễn, chuyên nghiệp, chu đáo, không khoa trương khi tuyên bố với báo chí ngoài Hillsborough, ngôi nhà lớn ở nông thôn có giá trị lịch sử để khách thăm quan là nơi ở riêng của Bộ trưởng Ngoại giao Anh khi đến Bắc Ireland rằng “Hôm nay không phải là một ngày dành cho lời giới thiệu ngắn về chương trình sắp phát thanh”, tôi bắt đầu háo hức, tỏ lòng kiên nhẫn bắt tay vào làm việc và giận dữ với bất cứ điều gì hoa mỹ và giả tạo. Khi đó – và trời mới biết ý tưởng từ đâu đến, nó chỉ mới xuất hiện trong đầu tôi – tôi nói “nhưng tôi cảm nhận được trách nhiệm của lịch sử đặt lên vai chúng ta”, tất nhiên đó là về lời giới thiệu ngắn cho chương trình sắp phát thanh lớn như bạn có thể suy ngẫm. Tôi có thể nhìn thấy Jonathan và Alastair tán dương. Tôi quyết định không phát biểu nữa và quay

trở lại tòa nhà trước khi được đưa tới các cuộc đàm phán tổ chức tại Tòa nhà Castle ở Stormont.

Stormont, trụ sở của chính quyền Bắc Ireland trong những năm sau chia cắt cho đến khi toàn bộ hệ thống sụp đổ, là điển hình của các tòa nhà đặc biệt mà nước Anh đã công bố với thế giới về tầm quan trọng của chúng. Được xây dựng vào đầu thế kỷ XIX, nó là một kiến trúc hùng vĩ với các khu vực sân diễu hành với một vẻ trang nghiêm đầy ấn tượng, oai vệ và mạnh mẽ. Tuy nhiên, một số thành phần quá khích đã quyết định chọn Tòa nhà Castle – sự tổng hòa của các yếu tố hiện đại nhất – làm nơi gặp gỡ. Hẳn là phải có một lý do bảo đảm cho người thiết kế ra nó. Gần như không có công trình phụ trợ nào, nó xấu xí, chật hẹp và tẻ nhạt, đặc biệt là không có hồn. Tôi khá nhạy cảm với không gian xung quanh. Tôi yêu thích những thiết kế đẹp, tìm kiếm nguồn năng lượng từ cái đẹp, từ sự đặc biệt trong lối kiến trúc, tôi thích làm việc trong một môi trường có thể giúp đôi mắt thư giãn và tâm hồn trở nên tươi mới. Tòa nhà Castle lại là một kiểu kiến trúc tương phản tức mắt.

Tuy nhiên, bỏ qua tòa nhà tồi tệ đó, thì rõ ràng chúng tôi đã đánh giá sai khả năng sẵn sàng thương lượng của phe Hợp nhất. Tất nhiên, David Trimble phải chịu áp lực liên tục từ Ian Paisley, người xuất hiện ngoài Tòa nhà Castle để lên án mọi thứ như là một động thái phản bội gay gắt.

Tôi cũng đã đưa ra cảnh báo về hội đàm vào buổi tối trước đó với John Alderdice, lãnh đạo của Đảng Liên minh các Cộng đồng. John là nhà lãnh đạo hoàn toàn phù hợp cho một đảng rất chính đáng, điều đó có nghĩa là họ không có khả năng giành chiến thắng. Ngược lại, họ có thể mang lại ảnh hưởng hai chiều tại khu vực trung tâm và John là một chính trị gia tài năng đặc biệt vốn hiểu rất rõ về cộng đồng phe Hợp nhất. Ông ta nói thẳng với tôi rằng hội đàm với David Trimble không có triển vọng thành công.

Tôi vào căn phòng trên tầng 5 – nơi tôi sẽ ở trong một vài ngày tới. Tôi bước vội dọc hành lang để gặp George Mitchell, người có tâm trạng vui vẻ nhưng đôi khi cũng khiến tôi bực mình vì đã lịch sự nói với tôi rằng ông ta nghĩ thỏa thuận sẽ không thể nào đạt được.

Ngay lúc đó và tại đó tôi quyết định chịu trách nhiệm hoàn toàn về cuộc thương lượng. Tôi nói lại với David Trimble, người có sở thích để dành mọi việc cho đến sau ngày Lễ Phục sinh. Tôi bắt đầu xem xét tỉ mỉ chi tiết những nội dung ông cần. Buổi tối trước đó, tôi đã tự làm quen với những vấn đề phức tạp thuộc các chủ đề khác nhau trong cuộc đàm phán. Nó giống như việc ngồi phía sau tại Tòa án nghiên cứu tóm tắt hồ sơ vụ kiện ngày tiếp theo. Rất may là tôi có thể “tiêu hóa” được lượng lớn thông tin một cách nhanh chóng, một khóa đào tạo vô giá mà luật pháp thực sự mang lại.

Tôi có sở thích nghiên cứu mở rộng vấn đề đến từng chi tiết. Thực tế, Thủ tướng không thể nào quan tâm đến từng chi tiết của mọi vấn đề, ngoài ra, quá chi tiết lại có thể làm phát sinh một vấn đề mới ngay lập tức. Nhưng đôi khi – tại các thời điểm khủng hoảng hoặc các cuộc đàm phán như thế này hay một số các hiệp ước châu Âu vốn rất khó khăn mới có thể đạt được, các thỏa thuận về ngân sách – thì tính chi tiết tuyệt đối lại đóng vai trò quyết định. Tại các thời điểm như vậy, tôi sẽ đắm mình trong từng chi tiết.

Giờ đây, tôi thực sự ở trong tình huống đó. David đã có những trang sửa đổi và một cách tự nhiên, sự thay đổi văn bản của bên này sẽ là thất bại của bên kia. Thiếu cơ sở chính thức cho quyết định như vậy, nên tôi đã hứa với David là sẽ cung cấp những gì ông ta cần.

Tiếp theo tôi giữ chặt Bertie, người vừa mới đến. Bertie là một trong những thủ lĩnh chính trị ưa thích của tôi. Ông dần trở thành người bạn thực sự của tôi và đóng vai trò người hùng trong toàn bộ quá trình đàm phán; thông minh, mạnh mẽ và hơn hết không bị bất kỳ trói buộc nào của lịch sử. Điều đó không có nghĩa là ông không có ý niệm gì về lịch sử. Ngược lại, gia đình ông đã chiến đấu chống lại Anh, là thành phần trong Cuộc nổi dậy Lễ Phục sinh, là người theo phe Cộng hòa chính thống; nhưng ông lại có tài năng cơ bản, phẩm chất của những chính trị gia vĩ

đại: Ông là một nhà nghiên cứu lịch sử, không phải là nô lệ của lịch sử.

Mẹ ông – người rất gần gũi với ông – vừa qua đời và đêm trước, ông đã thức canh thi hài của bà. Cuối cùng, ông đã trở lại sau công việc gia đình. Giờ đây, ông phải chắc chắn với tôi về vấn đề hai miền Bắc – Nam, hay toàn bộ phần viết về Ireland, khu vực rất thân thuộc với các cử tri của ông – sẽ phải viết lại. Đây không phải là tin tức mà ông muốn đón nhận, nhưng đây là nơi Bertie thể hiện khí phách và tính cách của mình.

Vào ngày 7 tháng Tư năm 1998 – và nhiều lần sau đó vào các năm tiếp theo – ông ta đáng lẽ nên cân nhắc đối chiếu quá khứ truyền thống của đất nước mình trước một tầm nhìn tương lai đang vận động và phát triển. Thay vào đó, ông lại lựa chọn việc xem xét tương lai lên trước. Sự ủng hộ và sự khéo léo của ông chứng tỏ sự trở lại của một vai trò trụ cột, góp phần tìm kiếm nền hòa bình mới. Các quan chức của ông thực sự có năng lực và họ hành động theo ông. Sự hiện diện của ông và của tôi, cá tính của ông và của tôi, ở một khía cạnh nào đó tạo nên biểu tượng về thực tế mới mẻ hiện đại vốn đang dập tắt những tư tưởng cổ hủ lạc hậu trước kia. Ở một khía cạnh khác, chúng tôi đã nhân hình hóa cơ hội để trốn chạy lịch sử của Anh, Ireland và tiến trình hòa bình. Ngược lại, ông thực sự cho tôi thấy rằng việc viết lại hiệp ước Bắc – Nam sẽ là một cú trời giáng đối với phe theo Chủ nghĩa Quốc gia Dân tộc.

Việc tiếp theo là gặp gỡ David Trimble và toàn bộ đội ngũ của ông ấy. Đây là một hiện tượng kỳ lạ về sự khác biệt giữa hai phe phái. Khi gặp phe Cộng hòa, bạn nhìn thấy sự thống nhất trong hành động của họ. Họ có đường lối riêng; họ thực hiện nó; họ nắm giữ nó. Sẽ là ảo tưởng nếu nghĩ rằng các điều chỉnh sẽ được thực hiện trong quá trình diễn ra cuộc họp, với quan niệm rằng sự điều chỉnh đã được xây dựng trước trong đường lối và đường lối vẫn được duy trì. Gerry Adam là thủ lĩnh. Bạn có lẽ không phải khiến một trong số các đại biểu nhượng mảy suy nghĩ trong bài nhận xét của ông, hãy để một mình ông tuôn ra những lời lẽ chống đối hơn là để Ian Paisley lãnh đạo dàn hợp xướng sôi nổi của “Danny Boy”. Trái lại, Đảng Hợp nhất (Ulster Unionist Party – UUP) có cách thức báo động về việc tổ chức các cuộc họp. Bạn có thể nghĩ rằng mình khiến họ trở nên náo nhiệt và phân loại theo nhóm và sau đó từng người trong số họ, thường không phải là lãnh đạo, có thể sẽ đưa ra một nhận xét bi quan phiến muộn và tất cả họ sẽ hòa theo để nhảy xuống bờ vực. Thậm chí đáng báo động hơn, điều đó có thể xảy ra đối với vấn đề nhỏ nhất. Đối với việc ủng hộ lãnh đạo, họ không coi đó là nghề của mình. Không chỉ đơn thuần là những cái nhượng mảy, toàn bộ điệu bộ của họ thể hiện sự mơ màng giả tạo khi nhà lãnh đạo của họ lên phát biểu.

Họ cũng có thiên hướng quyền lực bẩm sinh. Điều đó hoàn toàn có lý lẽ, nhưng đó không phải điểm mấu chốt. Đó chỉ là phong cách của họ. David Trimble sẽ quay trở lại và giải thích những gì ông ta cho là một kết quả hợp lý, chỉ để được nói chuyện huyền thuyên ở trụ sở với vô số những sự phản đối, phẩm chất, quan điểm phụ, các yêu cầu sửa đổi, bổ sung và cần minh bạch hóa, v.v... Trước đây, mỗi khi nghĩ rằng việc dẫn dắt Đảng Lao động thực sự rất khó, tôi nghĩ đến David và cảm thấy biết ơn.

Thừa nhận rất nhiều vấn đề với David, tôi nghĩ chúng tôi sẽ có một cuộc hành trình êm ả với ông và các đồng nghiệp trong phái đoàn. Tôi nhanh chóng tỉnh ngộ về ý nghĩ hão huyền này. Ken McGuinness, một người đàn ông khá tao nhã, có tâm, cao lớn và cường tráng, người chịu trách nhiệm về an ninh cho họ; diễn ra hàng loạt những thay đổi mới mẻ. Hoàn toàn bị bối rối, tôi cố gắng thích nghi với họ. Sau đó, Reg Empey, cấp phó của David, bắt đầu sốt sắng nói rằng: Tại sao không đưa mọi thứ ra khỏi bàn đàm phán và khởi đầu lại tất cả? Căn phòng “rung lắc”. Tôi cử Jonathan đến hội đàm với Ken về vấn đề an ninh và vờ rằng Reg chưa từng nói như vậy (vốn rất khó vì ông ta cứ lặp đi lặp lại điều đó). Tôi đang phung phí các nhượng bộ, vì tôi biết khả năng họ có thể rút khỏi cuộc hội đàm là rất cao. Để lại những gì mình không muốn làm hôm nay đến tận ngày mai là cách thức có lợi cho những người theo phe Hợp nhất trong hàng thập kỷ qua, nếu không muốn nói là hàng thế kỷ. Tôi biết sự trì hoãn là định mệnh.

Trong tôi nảy sinh một cảm giác thật đặc biệt. Về vấn đề đó, tôi dám cược cả mạng sống của

mình vào câu trả lời “không bao giờ”. Cho dù Jonathan vô cùng lạc quan vui vẻ khẳng định điều đó là khả thi. Bertie đã phải trở về nhà để lo đám tang cho mẹ. Khi quay lại, ông quyết định mình sẽ nhất trí với các sửa đổi Nam – Bắc. Đây là một bước tiến lớn. Ông chỉ đơn giản thực hiện nó. Thực thi thôi!

Chúng tôi sau đó mời đại diện Ireland và UUP vào một phòng – văn phòng của tôi – để thảo luận về chuyện đó. Quyết định của Bertie dành cho những người theo phe Hợp nhất sự ủng hộ hoàn toàn. Chúng tôi lập tức quyết định cần có một văn bản thỏa thuận.

Jonathan và tôi chợp mắt khoảng vài giờ sau khi gặp gỡ các đảng phái khác (chúng tôi phải gặp mặt tất cả, dù họ có bổ sung nội dung gì hay không, nhằm kêu gọi sự hậu thuẫn và thúc đẩy các hành động). Khi trở lại, trước sự sững sốt của chúng tôi, đại diện Ireland và UUP vẫn đang thảo luận và chưa đạt được bất kỳ sự đồng thuận nào. Tôi quyết định để đại diện UUP soạn thảo một văn bản và đại diện Ireland sửa đổi nó. Khoảng giữa ngày, cuối cùng, chúng tôi đã đạt được những gì mà mình coi là một văn bản thỏa thuận về những vấn đề khó khăn nhất trong mọi vấn đề.

Suy nghĩ đó thật ngớ ngẩn. Tôi nói rằng phe Cộng hòa đã thiết quân luật trong việc trình bày vấn đề của mình và ủng hộ lãnh đạo của họ. Điều đó đúng, nhưng họ không chỉ là đảng phái duy nhất trong các phe phái người Ireland; còn có chính quyền Ireland và Đảng Dân chủ Tự do (SDLP), Đảng theo Chủ nghĩa Quốc gia ôn hòa và họ có thể bị kiểm tỏa trong cùng một điều nhảy điên cuồng với đảng phái khác, như những người thuộc phe Hợp nhất. SDLP cho rằng họ thường bị phớt lờ bởi chúng tôi quá bận rộn với Sinn Fein. “Nếu chúng tôi có vũ khí, các anh sẽ có thái độ nghiêm túc hơn với chúng tôi” là điệp khúc lặp đi lặp lại của họ. Thực tế, thành công lớn là một hồi kết đối với bạo lực và họ không phải là tác giả của bạo lực. Vấn đề thực sự của họ đó là về mặt chiến lược, họ quyết định sẽ không tham gia vào Chính phủ với người thuộc phe Hợp nhất trừ khi Sinn Fein cũng có chân trong đó. Điều này có thể hiểu được, bởi trước đây Sinn Fein đã thất bại khi tuyên bố SDLP bị phản bội. Vì vậy, đôi lúc họ có chung vương mắc như UUP gặp phải đối với Đảng Dân chủ Hợp nhất (Democratic Unionist Party – DUP).

Tuy nhiên, điều đó có nghĩa là họ đã từ bỏ cuộc chơi chính. Trước đây, họ thường công kích tôi vì “trao cho Sinn Fein quyền biểu quyết”, nhưng thực tế họ có thể đã làm như vậy, bởi nếu không có Sinn Fein, có thể sẽ không có Chính phủ SDLP. Nhưng điểm mấu chốt nằm ở đây: Họ luôn muốn đặt Sinn Fein vào tình huống khó xử. Khi Bertie vừa nói với phe Ireland về các nhượng bộ mà ông đã đưa ra, tất cả họ đều lên tiếng phản đối.

Cuối cùng vào buổi chiều, mọi thứ tan rã. Một lần nữa, Bertie xuất hiện để cứu vãn tình hình. Tôi đã giải thích rằng chúng tôi hiện giờ không thể quay lại đàm phán với UUP với nội dung đàm phán cũ. Ông ta miễn cưỡng đồng ý rằng họ có thể sẽ thỏa hiệp trên cơ sở bản dự thảo của UUP và đánh bại những người khác trong cuộc đối đầu.

Một khi điều đó xảy ra, dựa trên Chủ đề 1 (cơ chế quản lý Bắc Ireland), những người theo phe Hợp nhất thừa nhận gạt bỏ các đề xuất của SDLP. Về cơ bản – và điều này có sự đóng góp to lớn của David Trimble – họ nhất trí rằng sẽ có một hệ thống đảm bảo cho vấn đề chia sẻ quyền lực chính thức qua bỏ phiếu tại Quốc hội và tại Cơ quan Hành pháp. Cho tới lúc đó, những người theo chủ nghĩa Hợp nhất luôn nói rằng phải đạt được quyền biểu quyết đa số phiếu, lờ đi một sự thật rằng điều này đồng nghĩa với uy thế của đa số, tức họ, tại Bắc Ireland. Thay vào đó, giờ đây cần có sự ủng hộ của toàn thể cộng đồng đối với những vấn đề xảy ra và các ghế của Chính phủ tại Cơ quan Hành pháp sẽ phải được chia sẻ một cách công bằng.

Mọi vấn đề bắt đầu xích lại gần nhau hơn. Chúng tôi thở phào nhẹ nhõm. Một lần nữa lại quá sớm. Sinn Fein không bằng lòng với cách mà SDLP đạt được thỏa thuận với UUP. Họ cảm thấy bị áp đảo và đưa ra một thông cáo báo chí rằng sẽ không có sự thỏa hiệp.

Về điểm này, tôi cần nói điều gì đó về thế giới nằm ngoài địa điểm đàm phán âm ỉ mà chúng tôi đang tham gia. Chúng tôi đã ở trong một cái kén. Đáng lẽ chúng tôi có thể ở trong một không

gian rộng lớn hơn. Khi hàng giờ, hàng ngày trôi qua, tôi hầu như không có cảm nhận gì về thực tế bên ngoài Tòa nhà Castle có một đội quân, một hội nghị, một sức sống hùng hực của giới truyền thông. Đó là sự khởi đầu của bản tin 24 giờ/ngày và họ tham gia vào các đám đông của mình.

Tôi không thực sự hiểu được ý nghĩa đầy đủ của vấn đề này cho tới khi sự kiện diễn ra, kể từ đó tôi luôn nghĩ về nó, đáng lẽ tôi đã mất tinh thần do rủi ro chính trị mà chúng tôi đang nắm giữ. Thời gian trôi qua, rủi ro càng trở nên lớn hơn vì rõ ràng tôi đã đặt toàn bộ quyền hành Thủ tướng vào bản thỏa thuận. Thất bại sẽ không chỉ tồi tệ, mà còn tiềm ẩn hiểm nguy, với cả hai khu vực – tràn ngập phe theo chủ nghĩa Hợp nhất và chủ nghĩa Quốc gia Dân tộc – bị “đốt cháy”, theo nghĩa đen.

Alastair và John Holmes, hai thành viên khác của nhóm, đang thực thi nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Alastair đang cố gắng hết mình để cung cấp tin tức cho giới truyền thông mà không có nội dung cụ thể, với ý thức rằng một từ nói ra cũng có thể khiêu khích đảng này hay đảng khác và khiến họ cảm thấy bị coi thường. John là người làm nền hoàn hảo cho Johnathan và tôi, soạn thảo chi tiết, cung cấp ý tưởng, thể hiện sự sáng tạo và để chúng tôi quan tâm đến chính trị. Mo Mowlam đang chăm sóc và làm hài lòng mọi người, nhưng có vẻ tách ra khỏi các cuộc đàm phán.

Khoảnh khắc Sinn Fein tuyên bố với giới báo chí đang chờ đợi rằng có thể sẽ không đạt được thỏa thuận, thì đám đông thực sự vỡ òa. Kết quả, như Gerry và Martin dự tính, chúng tôi phải chạy vội đến chỗ họ và cố gắng đưa họ quay trở lại. Họ rất cứng đầu. Martin nói thẳng rằng ông ta không thể đề xuất vấn đề đó. Tôi thì cho rằng họ bỏ đi và sẽ quay trở lại với những nội dung sửa đổi. Tôi biết phe chủ nghĩa Hợp nhất thật thiếu thực tế nếu họ nghĩ rằng chúng tôi đang yêu cầu Sinn Fein cho ý kiến về bản dự thảo của họ, nhưng tôi chẳng có cao kiến gì khác. Mọi người đều phải được tham gia vào cuộc chơi. Vòng đàm phán liên tục mất thăng bằng, lúc đầu nghiêng về phía này nhưng sau đó họ lại cảm thấy bị lừa dối, bị tận dụng, hoặc bị thất vọng.

Đây là một trò chơi thắng – thua rõ ràng cho tất cả các bên và không chỉ đối với chi tiết đàm phán – “Các anh đề xuất điều này. Chúng tôi phản đối. Anh thích vấn đề này. Chúng tôi lại không thích...”. Quanh tòa nhà, chỉ toàn là những ý kiến bất đồng, bôi nhọ ý kiến của người khác. Nếu người này vui vẻ, thì người kia lại buồn bã. Nếu một người ngồi xuống, người khác sẽ lập tức đứng lên. Thật không thể tin được. Tại các thời khắc quan trọng, khi chúng tôi kéo đảng này quay trở lại bàn đàm phán, thì cũng vô cùng kinh hãi khi họ bỏ ra khỏi phòng với dáng vẻ hài lòng trước mặt những đảng phái khác đang chờ đợi đến lượt mình được “tiếp kiến”.

Tuy nhiên, có một số lượng lớn các thành phần khác nhau trong hội đàm. Có thể điều đó làm phức tạp mọi thứ, nhưng nó cũng đem lại cho chúng tôi nhiều đất diễn. Phe Hợp nhất có thể không vui vẻ với việc nhượng bộ theo cách thức mà cơ quan Hành pháp đã thực hiện, nhưng họ có thể thay đổi ý kiến bởi một thỏa thuận tốt đẹp đối với các cơ quan Bắc – Nam. Thực tế, đối với bất kỳ vấn đề nào, luôn luôn có một thẻ bài khác trong tay.

Sinn Fein quay trở lại hội đàm với 40 trang sửa đổi chi tiết trong tay. Tôi đã thất kinh khi nhận được tài liệu. Trước đây tôi là một luật sư; 40 trang đầy những nội dung sửa đổi có nghĩa là phải thương lượng nhiều. Tôi giả định rằng tất cả sẽ được xem xét nghiêm túc và chắc chắn họ đã khiến phe Hợp nhất phải vô đầu gối tay và thống nhất phái đoàn của mình. Chính tại đây Mo đóng một vai trò quan trọng trong cuộc đàm phán. Ý tưởng đàm phán với Sinn Fein của Mo rất thông minh. Cô ấy lắng nghe ý kiến của họ, tiếp nhận bản dự thảo và tất nhiên, sau khi phớt lờ đa số quan điểm đang áp đảo, tập trung vào một hoặc hai chủ đề có tầm quan trọng nhất định. Những vấn đề khác bị dừng lại. Cách này khá lạ với tôi, nhưng thực tế, nó mang lại hiệu quả.

Điểm mấu chốt mà cô ấy xác định thực sự đóng vai trò quan trọng, đó là các thành viên IRA phía sau song sắt vì hàng loạt hành động khủng bố và giết chóc. Cô đã đi trước một bước, đặc

biệt trong vấn đề này. Về cơ bản, Mo nghĩ rằng nó không phải là kết quả to lớn đối với chủ nghĩa Hợp nhất; mà rút cuộc, nằm ở vấn đề liên quan đến những tù nhân được phóng thích trước thập niên 1970 và những người ít nhiều kỳ vọng về các vấn đề tương tự. Mo đề nghị Sinn Fein phóng thích tất cả những người này trong vòng một năm; và họ trở lại bàn đàm phán.

Sau đó tôi bắt đầu xem xét lại. Với tôi, dường như việc phe Hợp nhất không phản đối “những kẻ giết người IRA” tự do trên đường phố là điều đáng ngờ. Tôi yêu cầu Alastair, người có quan điểm chống đối công chúng Anh, đừng bận tâm về vấn đề Bắc Ireland của những người theo phái Hợp nhất. Tôi đã hỏi John Steele, Thượng Nghị sỹ và là một quan chức nhạy bén của NIO, người đã đưa ra đánh giá của mình bằng ngôn ngữ công chức dân sự – mà tôi bắt đầu có thể hiểu được – và nói cho tôi toàn bộ công việc đang trở nên ầm ĩ. (Tôi nghĩ ông ta nói rằng nó không có ích lắm)

Nhưng tôi bị mắc kẹt. Tôi đã nhất trí với Gerry rằng họ sẽ được phóng thích. Tôi gặp ông ta để thương lượng lại – một việc làm không bao giờ được coi là một chiến thuật hay. Cuối cùng, tôi làm một số việc rất “Tony” còn ông ta hành động rất “Gerry”: Tôi đảm bảo với ông ta rằng chúng tôi sẽ thực hiện điều đó trong vòng một năm nếu điều kiện cho phép, nhưng chính thức và công khai, nó sẽ kéo dài hai năm. Ông ta đồng ý và chẳng bao giờ yêu cầu tôi hứa hẹn hoặc công khai nó để gây sức ép cho tôi.

Vì vậy: Chính phủ Ireland ĐỒNG Ý. UUP ĐỒNG Ý. SDLP hài lòng. Sinn Fein quay trở lại bàn đàm phán. Chúng tôi đã đạt được thỏa thuận. Tôi gọi điện cho Tổng thống Clinton và đề nghị ông gọi điện cho Gerry Adams để ràng buộc họ và ông đã đáp ứng đề nghị của tôi. Ông là người rất hào hiệp, theo dõi cuộc đàm phán, thức cả đêm, gọi cho bất kỳ người nào cần thiết để kêu gọi, nói bất cứ vấn đề gì ông ấy cần nói và đặc biệt, với sở trường về vấn đề này, đang ghi những điểm quan trọng trong chính trị.

Hàng giờ trôi qua khi chúng tôi quay trở lại, vấn đề chi tiết vẫn chưa được đề cập, những vấn đề còn chưa đạt được sự nhất trí, phân loại những sự cố kỹ thuật hành chính và thảo luận về việc chúng tôi sẽ phát biểu những gì và với đối tượng nào.

Tất nhiên cuối cùng, chúng tôi đã đạt được thỏa thuận. Mặc dù đã tiến hành suốt đêm, nhưng giờ đây gần 48 tiếng đồng hồ không ngủ trôi qua, thì sự bất đồng lại xuất hiện vào sáng Ngày thứ Sáu Tốt lành, ngày 10 tháng Tư năm 1998. Người Ireland – vẫn băn khoăn một chút về vấn đề Bắc – Nam được phân chia quyền lợi thế nào – bổ sung thêm một điều khoản vào chủ đề đó, tạo ra hai thể chế Bắc – Nam (do vậy, chứng tỏ Ireland sẽ hành động trên cơ sở thống nhất) trong các lĩnh vực bảo hộ thương mại và bằng ngôn ngữ Ireland.

Giờ đây, bạn có thể nghĩ rằng sự hợp tác về hai vấn đề này không gây ra bất đồng lớn. Trên thực tế, phe Hợp nhất la hét đòi dừng lại. Dường như có một số ngôn từ khó hiểu, hay được gọi là Ullans, một phương ngữ xứ Scotland được sử dụng trong một số khu vực của tỉnh Ulster, vốn là ngôn ngữ tương đương của người phe Hợp nhất trong ngôn ngữ Ireland. Đến thời điểm này, chẳng có gì làm tôi ngạc nhiên. Đáng lẽ họ đã đề nghị họp Quốc hội vào tháng Ba; và đáng lẽ tôi đã có thể bắt đầu soạn thảo các lựa chọn.

Giờ đây, mọi người rất mệt mỏi và dễ nổi cáu. Tôi đã có một cuộc họp tồi tệ với cả Bertie và David Trimble, trong đó Bertie đã không thêm đếm xỉa đến quan điểm tương đối thoáng về tầm quan trọng của Ullans như tôi đã đưa ra, cho thấy rằng có thể David muốn nói về một số điều “giá trị”; còn David đang méch lòng vì ý kiến cho rằng phương ngữ là một phát minh của người theo phe Hợp nhất, lý giải một cách trịnh trọng về nguồn gốc Scotland của vùng Ullans, bằng tất cả sự nhạy cảm của một điển chủ đang nói với những dân làng khờ khạo.

Sự kiện trục xuất phái đoàn của David Trimble một cách vội vàng và những sửa đổi còn nóng hổi bắt đầu diễn ra liên tiếp. Alastair, trong lúc đó, đã gợi ý với giới truyền thông rằng chúng tôi đã đạt được một thỏa thuận, với tất cả thiện ý, chúng tôi nghĩ mình đã đạt được. Khi tôi nói với ông ấy về bế tắc, ông đã tự mình bày tỏ về vấn đề đó rằng chỉ có Alastair là có khả năng, với

ý đồ rằng nếu tôi nghĩ ông ấy đang tiếp tục thông tin cho giới truyền thông những gì trái ngược với những lời lẽ trước đây, chúng tôi đã không thể đi đến một thỏa thuận sau cùng vì trở ngại của phương ngữ Ulster vùng Scot (gọi là Ullans) và vì thể chiến tranh tại Bắc Ireland có thể sẽ tiếp diễn. Tôi hoàn toàn lực bất tòng tâm. Thậm chí những cuộc gọi từ Bill Clinton cũng không đem lại kết quả. Một lần nữa, Jonathan thật oai hùng. Ông ấy giải quyết lần lượt từng vấn đề quan tâm của phe Hợp nhất, làm dịu phái đoàn của họ, cố gắng đưa cuộc hội đàm trở lại thể cân bằng.

Chúng tôi chau chuốt nó thành hai vấn đề – một vấn đề thực tế và vấn đề còn lại phi thực tế – nhưng tới giờ ranh rới giữa hai vấn đề trở nên khó phân biệt hơn. Vấn đề phi thực tế là mong muốn của phe Hợp nhất trấn áp Maryfield. Đầu tiên đã có sự nhầm lẫn, vì chúng tôi nghĩ rằng phe Hợp nhất đang ám chỉ Murrayfield phải đóng cửa và thậm chí tôi khá khó chịu với khả năng không thể sử dụng ngôi nhà Edinburgh tại thị trấn Scot mà tôi từng đến thăm khi còn bé. Nhưng nó là một biện pháp cô lập hoàn toàn của chúng tôi hiện nay trong căn phòng đàm phán mà tôi cũng không thể hỏi được tại sao chủ nghĩa Hợp nhất lại muốn xóa bỏ một khu vực như vậy, hoặc không sẵn sàng để thực hiện điều đó.

Sau vài phút tìm hiểu và tôi thấy nhẹ cả người vì Marryfield thực tế là tên của bộ phận hành chính được thiết lập theo Hiệp định giữa người Ireland và Anglo đáng ghét của bà Thatcher vào thập niên 1980. Đơn vị hành chính này về cơ bản chẳng hoạt động gì và trong bất kỳ trường hợp nào cũng sẽ bị thay thế bởi thỏa thuận của chúng tôi. Maryfield chỉ là một văn phòng, vì vậy toàn bộ công việc chỉ mang tính tượng trưng. Khi đó, họ không chỉ đơn giản muốn đóng cửa văn phòng – điều dù sao cũng sẽ xảy ra – mà muốn cả tòa nhà phải đóng cửa. “Tốt thôi, chúng tôi sẽ dùng nó cho mục đích khác”, tôi nói.

“Không”, họ nói, “chúng tôi muốn Maryfield phải đóng cửa. Đóng cửa. Không được sử dụng nữa. Vì bất cứ mục đích gì”.

Dường như, tòa nhà đã trở thành một biểu tượng chính trị của sự bất đồng. Đến giờ, tôi không quan tâm. Tôi có thể chuyển một căn cầu và máy ủi đến và tự mình phá hủy nó nếu điều đó có thể khiến họ ký kết thỏa thuận.

Văn phòng Bắc Ireland lại phản bác. “Tại sao họ cần đóng cửa tòa nhà? Sao chúng tôi lại không thể sử dụng nó vào việc khác?”

Tôi nói “Ôi các ngài, xin đừng hỏi tôi tại sao. Từ giờ trở đi Maryfield là vấn đề của quá khứ. Nó đã đi vào dĩ vãng. Một phần của lịch sử. San phẳng nó. Tôi sẽ chẳng bao giờ phát hiện ra những gì đã xảy ra với nó. Có lẽ mọi người đã quên lãng nó.”

Tôi thật sự cảm thông với David. Ông ta và toàn bộ chủ nghĩa Hợp nhất rất lo ngại rằng nếu phe Cộng hòa không giữ lời hứa, nếu họ không từ bỏ vũ khí, thì làm sao họ bị loại khỏi Chính phủ? Tất nhiên, những người thuộc phe Hợp nhất có thể ra đi; nhưng lại cảm thấy đáng lẽ họ không phải là người đưa đàm phán đến bờ sụp đổ.

Đối với Sinn Fein, bất kỳ chủ đề nào bị loại trừ đều đáng nguyên rủa. Họ đã từ chối thẳng thừng một đề nghị như vậy trước đó. Giờ đây tái khởi động lại và chúng tôi sẽ mất toàn bộ cơ hội. Tôi đã giải thích với David. Ông ta rời đi trong tâm trạng chán nản và phái đoàn của ông ta bước vào một phiên họp kín.

Tôi ngồi xuống và trao đổi với Jonathan. Chúng tôi đã gần đạt được thỏa thuận, nhưng tôi có thể nói rằng nó sẽ không hiệu quả. David không thể xoay sở được tình thế. Chúa mới biết những gì sẽ diễn ra trong căn phòng của phái đoàn đó, nhưng nếu có chuyển biến tích cực, thì có lẽ bác Lizzie của tôi cũng có thể là người hào phóng. “Chúng ta phải làm một điều gì đó”, tôi nói. Tôi đi tới đi lui trong căn phòng. Tôi có ý tưởng: “Chúng ta hãy viết cho ông ấy một bức thư, một bức thư bên lề”. Bức thư bảo đảm rằng nếu trong vòng 6 tháng đầu tại nhiệm trong Quốc hội, Sinn Fein không tuân thủ việc ngừng sử dụng vũ lực, thì chúng tôi sẽ ủng hộ việc thay

đổi các điều khoản trong thỏa thuận để cho phép loại trừ. Nó mang tính chất rất đặc trưng phức tạp trong đàm phán; chúng tôi không nói mình sẽ loại trừ, thay vào đó là ủng hộ việc thay đổi thỏa thuận để loại trừ.

Chúng tôi nhanh chóng thảo ra nội dung theo ý tưởng, Jonathan ngồi bên máy tính xách tay, tôi đọc nội dung cần đánh còn cả Jonathan và John Steele đưa ra nhận xét. Tôi ký và cử Jonathan đi xuống phòng của phái đoàn. Đầu tiên anh ta không được phép vào. Cuối cùng, như một "lệnh bài" ngừng việc hành quyết chỉ trước khi họ vung dao chém, ông chuyển bức thư vào phiên họp. Các cấp phó khác của John Taylor và David Trimble, là những người có thể có ích hoặc vô tích sự đã đọc nó, nghiên cứu và khẳng định: "Theo tôi nó rất hay".

Tôi ngồi bồn chồn và lo lắng trong vòng hơn một giờ đồng hồ (ít ra không phải vì tôi lo ngại mình không thể giải thích với các đảng phái khác về bức thư bên lề này) trong khi từng thành viên trong phái đoàn đưa ra quan điểm của họ. David gọi điện lên phòng tôi. "Chúng ta sẽ chạy đua với vấn đề này".

Chúng tôi đã đạt được thỏa thuận.

Nhiều giờ tiếp theo trôi qua trong mù mịt. Chúng tôi gần như kiệt sức, đầu óc không còn minh mẫn. Rồi George Mitchell công bố thỏa thuận. Bertie và tôi đưa ra lời tuyên bố. Một vài người rất phấn khích. Cuối cùng tôi đã được giải phóng khỏi tòa nhà Castle vốn trở thành địa ngục trong thời gian qua.

Tôi hoàn toàn mất hết ý niệm về thời gian. Khi bước vào xe ô tô và đội cận vệ nói rằng chúng tôi sẽ có mặt ở sân bay trong vòng 20 phút nữa, tôi mới nhận ra rằng mình sắp đến Tây Ban Nha. Cũng như tất cả những người khác, tôi nghĩ đây có lẽ là một thỏa thuận nhanh chóng và đã đặt một chuyến thăm Tây Ban Nha cùng gia đình mình trong vài ngày, theo lời mời của Thủ tướng Tây Ban Nha, José María Aznar, người mà đến thời điểm đó tôi chỉ biết rất ít. Tôi biết ông ấy là một nhà đàm phán cứng rắn, một nhà lãnh đạo đảng thành công và mạnh mẽ, ngoài ra chẳng biết gì hơn. Chúng tôi xuất thân từ các gia đình dòng dõi chính trị khác nhau, ông ấy là thủ lĩnh của Đảng Bảo thủ Tây Ban Nha (Partido Popular) và tôi nghĩ thông tin đó rất giá trị để giúp tôi tìm hiểu về vị Thủ tướng tài ba này. Tôi biết về sự cứng rắn của ông ta bởi chúng tôi đã từng gặp nhau tại cuộc đàm phán Hiệp ước Amsterdam vào cuối tháng Năm năm 1997, chỉ vài tuần sau khi tôi lên nắm quyền và sau một năm ông tại vị ở nhiệm kỳ đầu tiên.

Tại Amsterdam, tôi phải đối mặt với hàng ngàn vấn đề rắc rối phức tạp, một số chính đáng, một số vấn đề lịch sử còn tồn đọng từ Chính phủ trước khiến tôi đàm phán rất vất vả. Đó là vụ đàm phán quốc tế đầu tiên của tôi vì thế tôi không muốn nó diễn ra tồi tệ. José María có điểm mấu chốt quan trọng: Ông ấy cần đạt được hiệp ước để phản ánh vị thế đặc biệt của Tây Ban Nha là nước nhận được sự ủng hộ của châu Âu và là một nước "lớn" ngang hàng với các nước "lớn" khác, chứ không phải là một nước nhỏ. Đây là vấn đề thực tế đối với các "ông lớn" khác, đáng chú ý là nước Đức do Helmut Kohl lãnh đạo.

Người Hà Lan đã áp dụng chiến thuật cũ kỹ, cùng với sự khích lệ của Đức, để đặt các yêu cầu của Tây Ban Nha xuống vị trí cuối cùng. Trước tiên, bạn làm yên lòng mọi người và sau đó đưa ra giải pháp duy nhất cho những kẻ ngoan cố có thể bị bắt nạt hoặc làm cho xấu hổ đến mức phải chịu khuất phục. "Châu Âu cần bạn. Làm sao bạn lại có thể gây trở ngại cho sự ổn định của châu Âu tại thời khắc như thế? Bạn không có ý niệm về lịch sử ư? Bạn có muốn chịu trách nhiệm trước sự thất bại của châu Âu không? Rất nhiều điều vô nghĩa cổ hủ, nhưng lại có hiệu quả trong nhiều trường hợp.

Nhưng chiến thuật này không được áp dụng với Aznar. Họ đợi cho đến khi mọi người ổn định, bao gồm cả tôi rồi sau đó đưa ra một thỏa hiệp với ông ta, không phải là một thỏa hiệp tồi mà là một thỏa hiệp rất tốt. Ông ta nói: "Không, tôi đã trao đổi với anh những điều kiện của mình". "À, vâng, nhưng chúng tôi cần biết điểm mấu chốt của ông", họ đáp lại. "Đó là điểm mấu chốt của tôi", ông ta trả lời. Sau đó ông ta tiếp tục: "Tôi sẽ sang phòng bên để hút một điếu xì gà" rồi

bỏ đi.

Họ thử mọi thứ. Wim Kok bước vào và thể hiện rõ sự không nhất trí theo cách của người Tin Lành Hà Lan ôn hòa. Jacques Chirac cố gắng lên mặt với ông ta theo kiểu Pháp. Helmut Kohl cuối cùng cũng đứng dậy và nặng nề lê bước sang phòng bên, như một chiếc xe lăn đang tìm kiếm một chú nhím nhưng không thành. Ông ta quay lại với vẻ rất bí ẩn. Kohl quay sang tôi và mở lời: “Ngài cũng mới mẻ như ông ta, hãy đi và thử xem”.

Tôi bước vào nơi José Maria đang ngồi, chỉ có ông ta, người phiên dịch và điều xì gà đang cháy dở như thể chẳng thèm quan tâm gì đến thế giới xung quanh. Chúng tôi không phiên đến người phiên dịch mà nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp. Tôi nói chuyện với ông ta về tầm quan trọng của cuộc đàm phán, làm thế nào để giữ cuộc đàm phán ở thế cân bằng, làm thế nào ông ta có thể tiết kiệm được một ngày và kết thúc bằng việc nói rằng mọi người sẽ thực sự thất vọng ra sao, đặc biệt là Helmut, nếu ông ta không thỏa hiệp. Ông ta nói với nụ cười nhếch mép: “Tôi biết. Tôi cũng rất buồn”. “Ông có thể nhắn với họ rằng tôi trình bày về những điều khoản mà hiệp ước này có thể chấp nhận với Tây Ban Nha và tôi nói nó ngay từ đầu. Và cho đến giờ, họ chẳng bao giờ hỏi lại tôi. Nhưng nếu họ yêu cầu, có lẽ tôi đã bảo họ đó là những điều khoản có thể chấp nhận với Tây Ban Nha. “Và nhìn này”, ông ta nói, rút một thứ gì đó khỏi túi áo, “tôi sẽ có thêm nhiều xì gà để hút”. Ông ta nêu ra điều kiện của mình.

Gia đình tôi đã đến lúc phải bỏ ra vài ngày trước Lễ Phục sinh để thăm ông ấy. Đó là sự tự tin của tôi trong các cuộc đàm phán về Ireland – tôi biết, thật điên khùng – rằng tôi quyết định để Cherie, các con và mẹ vợ tôi đi trước và nói với họ rằng tôi sẽ đến sớm.

Hiện giờ đây là vấn đề thực sự của Aznar. Họ đến đó vào ngày thứ Tư, 48 giờ trước khi tôi đến, trong suốt thời gian đó ông ta đón tiếp họ rất thiện chí và nhiệt tình. Tôi nghĩ rằng mình và hầu hết các nhà lãnh đạo khác đều cảm thấy hơi khó khăn khi phải tiếp đãi gia đình của một nhà lãnh đạo khác; và hơn nữa, họ chưa từng gặp. Nhưng trái lại, ông ấy đã tiếp đón gia đình tôi với thái độ niềm nở và chính điều này đã tạo nền tảng cho một mối quan hệ cá nhân bền vững vốn đem lại các kết quả quan trọng thời gian sau này.

Tại khu vực Sân bay Hoàng gia Aldergrove của thủ phủ Belfast, tôi lên máy bay và nhận được một cuộc gọi chúc mừng từ Nữ hoàng. Sáng sớm hôm sau, tôi mới được nằm ngủ trên giường cạnh Cherie, cô ấy thức dậy và chúc mừng tôi. Tôi thiếp đi đến gần trưa. Khi thức dậy, tôi tìm Aznar và thấy ông ấy đang nói chuyện riêng trong phòng với mẹ vợ tôi. “Ồ, có lẽ con không cần phải lo lắng xuất hiện đâu” bà nói, “chúng ta vừa phân loại mọi thứ”.

“Phân loại gì cơ?” Tôi hỏi.

“Gibratltar, tất nhiên”, bà đáp.

Ồ, có lẽ bà đã làm được một việc tốt như bất kỳ ai.

Sau một vài ngày lưu lại gia đình Aznar, chúng tôi tới thăm những người bạn của Derry, Karrin và Paco Pena – các nghệ sỹ ghi ta flamenco – tại Córdoba. Tôi hoàn toàn bị Córdoba, một vùng đất xinh đẹp, hấp hồn. Mezquita là tâm điểm, nhưng toàn thành phố mang trong mình vẻ đẹp rất quyến rũ, mê hoặc lòng người. Paco có một ngôi nhà cổ rất đẹp tại trung tâm thành phố với khoảng sân nhỏ theo phong cách truyền thống và được điểm xuyết phong cách hiện đại hơn một chút bằng một thùng rượu Tây Ban Nha đặt trên nóc trên cùng của cầu thang gần ban công, làm dịu cơn khát của bất kỳ vị khách nào ghé qua. Đây là một tuần thư giãn tuyệt vời. Paco dạy tôi một số bản ghi ta cổ điển, chúng tôi ghé thăm một số cửa hàng đồ ăn mặn và hầm rượu và đã có một khoảng thời gian rất vui vẻ.

Ảnh hưởng của thỏa thuận Ngày thứ Sáu Tốt lành (ngoại trừ những người theo chủ nghĩa Hợp nhất gọi là Thỏa thuận Belfast), vang dội khắp thế giới. Tôi liên tục phải dừng lại và nhận những lời chúc mừng và đó là một trong số rất ít thời điểm trong công việc tôi cảm thấy hài

lòng, hoàn thành nhiệm vụ và tự hào. Không có nhiều những khoảnh khắc như thế.

Trở về nước, thực tế đã nhanh chóng xâm chiếm những cảm giác trước đó. Hiệp định Ngày thứ Sáu Tốt lành là một thành công lớn nhất – nếu không có thành công đó, sẽ chẳng có gì có thể thực hiện được – nhưng đó không phải là điểm kết thúc mà lại là sự khởi đầu. Nó trở thành nhà tiên tri của cả quá trình mà tiến trình hòa bình cần quan tâm nếu mọi thứ diễn ra tốt đẹp.

Thách thức đầu tiên là phải có một cuộc trưng cầu dân ý ở miền Bắc và miền Nam để thông qua hiệp định và sau đó tổ chức một cuộc bầu cử tại Quốc hội để bắt đầu tiến trình triển khai đưa một Cơ quan Hành pháp đi vào hoạt động. Người Ireland miền Bắc, rất công bằng, là những người rất ủng hộ hiệp định – ít nhất như một ý tưởng. Tuy nhiên, họ không biết chi tiết và trong khoảnh khắc đầy phấn khích thiếu suy ngẫm thấu đáo, họ kêu gọi ủng hộ từ rất sớm.

Trong một khuynh hướng điển hình, hiệp định đã chính thức được UUP nhất trí, nhưng Sinn Fein thì không. Do đó, UUP có thể lạc quan hơn, trái lại không đạt được mong muốn: Ngay khi hiệp định được ký (may mắn thay David Trimble nhanh chóng làm việc với bộ phận hành pháp của đảng ông ta để thông qua nó), những người theo phe Hợp nhất chần chừ. Những nghi ngại như vậy đã bị phóng đại bởi sự tương quan chính trị lớn với những tiên đoán về điều gì sẽ xảy ra tiếp theo.

Thỏa thuận về các tù nhân bao gồm việc Chính phủ nước Anh phải chuyển giao các tù nhân IRA cho miền Nam. Khá ngớ ngẩn, Mo quyết định chuyển giao nhóm “Balcombe Street Four” từ Anh cho Ireland, các thành viên của băng nhóm khét tiếng này đã từng tiến hành các vụ thảm sát và tấn công khủng bố đối với IRA vào thập niên 1970. Khi đó chính quyền Ireland, sau khi tiếp nhận các tù nhân, đã phóng thích họ vì cam kết tham dự Hội nghị Dublin của Sinn Fein mà không thông báo cho chúng tôi. Những tù nhân nhận được sự tung hô trong 10 phút trên các phương tiện truyền hình vào giờ cao điểm trong khi những người theo phe Hợp nhất đứng nhìn chết lặng.

Phải nói thật rằng quyết định đó gần như phá nát đoàn tàu khi nó vừa rời ga. Nó tất nhiên đặt con tàu trên một đường ray trong suốt chiến dịch trưng cầu dân ý và cuộc bầu cử tiếp theo vào Quốc hội, tất cả các sự việc đó phải xảy ra trong vòng gần 10 tuần sau khi Thỏa thuận Ngày thứ Sáu Tốt lành được ký kết.

Tôi và John Major, sau đó là William Hague đã đến thăm để trấn an mọi thứ. Tôi tự tay viết ra các cam kết sẽ không dành ghế nào trong Chính phủ cho những thành phần bạo lực và những sự việc tương tự. Bill Clinton đã ra một tuyên bố ủng hộ từ khối G8 tại Birmingham, nơi tôi có một ghế.

Đó là một thời gian rất khó khăn. Chúng tôi nhận được sự ủng hộ đa số từ những người theo chủ nghĩa Hợp nhất để hậu thuẫn cho thỏa thuận trong cuộc trưng cầu dân ý (55% đến 45%). David giành thắng lợi trong cuộc bầu cử Quốc hội vượt qua DUP và SDLP trở thành đảng lớn thứ hai. Nhưng chúng tôi đã rút ra một bài học vẫn còn cả chặng đường dài phía trước, cho dù cầm trong tay tấm bản đồ, thì chúng tôi cũng còn lâu mới có thể chạm đích.

Chúng tôi cũng mất 9 năm để đưa mọi việc đến một giải pháp có hiệu quả cuối cùng. Mỗi năm qua đi là khoảng thời gian dài đằng đẳng và nhiều thời điểm chúng tôi gần như thú nhận sự thất bại. Không hoàn thành đúng thời hạn, các cuộc đàm phán nhỏ lẻ kéo dài hàng tháng trời, nhưng chúng tôi vẫn kiên trì thực hiện.

Chưa bao giờ có một cuộc đàm phán toàn diện như tại Tòa nhà Castle, nhưng các cuộc họp kéo dài trong vòng 1, 2 hoặc 3 ngày thì diễn ra liên tục được tổ chức tại các địa điểm xinh đẹp. Nhìn lại, chúng như một cuộc điểm danh tại các biệt thự ở vùng ngoại ô: Hillsborough, Công viên Weston, Leeds Castle, St Andrews. Các bên luôn giả vờ miễn cưỡng bị đưa ra khỏi nơi sinh sống của mình nhằm có các cuộc thảo luận thúc đẩy tiến trình, nhưng tôi có linh cảm họ có lẽ đã thích tôi: Nếu bạn đang trải qua thời kỳ tranh cãi nảy lửa, bạn nên tổ chức chúng ở nơi tươi

đẹp. Nó giúp con người cảm thấy thoải mái, theo những cách thức rất kỳ lạ – nếu chúng ta tổ chức các hội nghị tại Thủ đô Belfast hoặc phố Downing, mọi người sẽ có thể giữ mãi các vị trí được yêu mến, nhưng đôi khi một môi trường mới lại tạo ra một thái độ mới. Dù sao, đó cũng là nhận định của tôi về đối tác giữa tiến trình hòa bình tại Bắc Ireland và vài điều từ những trang viết về Cuộc sống Thôn quê.

Tôi đáng lẽ có thể phải trải qua một thời kỳ khó khăn nhất từ tháng Sáu năm 1998 đến tháng Năm năm 2007, nhưng ơn trời, tôi không phải trải qua thời kỳ đó. Thời kỳ khó khăn này kéo dài 15 tháng hoặc hơn, thậm chí sau cuộc bầu cử Quốc hội vào tháng Sáu năm 1998, để hình thành cơ quan Hành pháp và vận hành nó. Bộ phận Hành pháp được lựa chọn theo một công thức bỏ phiếu uyên thâm lấy theo tên của nhà toán học người Bỉ Hondt (tên của ông có thể được bổ sung vào danh sách những người Bỉ nổi tiếng nhất). Điều đó có nghĩa là Martin McGuinness và các thành viên khác của Sinn Féin, Bairbre de Brún, đã trở thành các bộ trưởng, phụ trách các lĩnh vực về giáo dục và y tế; bản thân nó đã là một khoảnh khắc lịch sử.

Lý do cho sự trì hoãn thiết lập bộ phận Hành pháp là cuộc tranh cãi âm ỉ không có hồi kết về việc không sử dụng vũ khí. Cũng có những bất đồng kéo dài về cảnh sát, bởi tại Bắc Ireland mới, RUC phải được chuyển đổi thành một hình thức nào đó mà tất cả các khu vực trong tỉnh có thể chấp nhận được. Tiến trình này đã bị gián đoạn vào tháng Hai năm 2000, tái khởi động vào tháng Năm năm 2000 và kéo dài cho đến tháng Mười năm 2002, khi một lần nữa qua việc IRA giải giáp vũ trang và nhiều vấn đề khác, nó đã bị đình lại cho đến tháng Năm năm 2007. Đồng thời, Đảng DUP của Ian Paisley đã đánh bại đảng của David Trimble để trở thành Đảng Hợp nhất lớn nhất và Sinn Féin vượt qua SDLP. Đàm phán kéo dài khoảng 3,5 năm trước ngày mang tính chất lịch sử bừng sáng, khi Ian Paisley và Martin McGuinness ngồi với nhau trong Chính phủ và chúng tôi có thể nói rằng tiến trình hòa bình, cho dù chưa đến hồi kết, nhưng đã bắt đầu đơm hoa kết trái.

Nhưng trong suốt những giai đoạn thoái trào, những bước tiến triển ngay lập tức bị thay thế bởi các bước thụt lùi; tuyên bố được nối tiếp bởi tuyên bố mới, bởi việc làm rõ các tuyên bố, các cáo buộc chống lại chúng tôi nhiều vô kể (thường tất cả các bên có thể nhất trí ít nhất về sự phụ bạc của Chính phủ Anh). Chúng tôi đã từng trải qua các tình huống thăng trầm của cảm xúc, trong đó hy vọng và thất vọng cùng tồn tại song hành hàng ngày.

Thỏa thuận Ngày thứ Sáu Tốt lành là một bài tập rất khác biệt trong đàm phán và là tài liệu súc tích hơn rất nhiều so với suy nghĩ ban đầu. Nếu tôi không phải là một Thủ tướng mới tại nhiệm, nếu tôi không về đích nhờ cả những tình huống ngẫu nhiên, may mắn và đảm trách cuộc đàm phán, đưa ra quan điểm không quay lại tìm kiếm một giải pháp mà không biết gì về nó, có lẽ chúng tôi sẽ chẳng bao giờ đạt được thỏa thuận.

Tất nhiên, mỗi cuộc xung đột đều có tính chất, nguyên nhân truyền thống, đối lập lịch sử chung, không gian đa dạng riêng để phân tích và tìm ra hướng giải quyết – vì vậy việc rút ra những công thức chung về cách giải quyết là rất khó. Nhưng tôi có thể khẳng định rằng luôn tồn tại các nguyên tắc cốt lõi cho một phương án chung. Không chỉ mô tả từng sự kiện trong chín năm thực hiện, mà tôi sẽ mô tả những nguyên tắc trọng tâm của giải pháp và gắn kết một số sự kiện quan trọng trong từng năm thành những bài bình luận.

1. Điểm cốt lõi của bất kỳ giải pháp xung đột nào phải được hình thành dựa trên các nguyên tắc đồng thuận. Một trong những việc liên quan đến chính trị mà tôi luôn cố gắng thực hiện là quay trở phân tích nguồn gốc của vấn đề: Vấn đề thực sự là gì? Chúng ta đang cố gắng đạt được điều gì? Cốt lõi của vấn đề là gì?

Tại Bắc Ireland, chúng tôi gặp phải bất đồng chính khiến cho cuộc xung đột rất khó giải quyết: Một bên muốn một Ireland thống nhất, bên khác lại muốn nó vẫn thuộc về Vương quốc Anh. Đôi khi, mọi người hay nói với tôi: Chắc chắn vấn đề Bắc Ireland không thể khó khăn như vấn đề Trung Đông. Trong tiến trình hòa bình tại Trung Đông, thỏa thuận cuối cùng đạt được là

giải pháp hai Nhà nước. Tại Bắc Ireland, cuộc tranh cãi sâu sắc và khó hòa giải đã nổ ra mạnh mẽ về việc liệu Bắc Ireland có duy trì hiện trạng thuộc Vương quốc Anh hay thống nhất với miền Nam và trở thành một phần của Nhà nước Ireland. Do không thể giải quyết được vấn đề này, chúng tôi phải tìm kiếm các nguyên tắc đem lại nền hòa bình đồng thời vẫn để ngỏ vấn đề cho tương lai.

Đối với tôi, dường như nguyên tắc đầu tiên thực sự là nguyên tắc đồng thuận. Nếu đại đa số người dân Bắc Ireland muốn thống nhất với miền Nam, thì sẽ thống nhất, nhưng cho tới lúc đó, Bắc Ireland sẽ vẫn là một phần của Vương quốc Anh. Đây chính là nguyên tắc mà phe Cộng hòa không thể chấp nhận về mặt lịch sử, với lý lẽ rằng việc chia tách Ireland theo Hiến pháp không có giá trị và toàn bộ hòn đảo phải được xem như một đơn vị bỏ phiếu. Điều này chẳng khác nào việc khẳng định rằng không thể có hòa bình. Vì vậy, họ buộc phải đi đến chấp thuận nguyên tắc đồng thuận này, dù rõ ràng hay không.

Vậy phe Cộng hòa chấp thuận nó trên cơ sở nào và theo nguyên tắc nào? Câu trả lời xoay quanh việc hình thành Thỏa thuận Ngày thứ Sáu Tốt lành, đó là hòa bình đối lấy bình đẳng và việc chia sẻ quyền lực. Tức là, cuộc chiến IRA sẽ chấm dứt nếu có một Chính phủ tại Bắc Ireland mà thực sự đại diện cho tất cả các khu vực dân cư và mang lại sự đối xử bình đẳng giữa phe Công giáo cũng như phe Tin lành. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải cải cách hệ thống cảnh sát và tòa án, sau đó là chấp nhận ngôn ngữ của người Ireland. Những thành phần muốn một Ireland thống nhất sẽ phải chấp nhận sự chia rẽ, ít nhất đến khi họ thuộc nhóm đa số; nhưng đổi lại, trên mảnh đất Ireland bị chia cắt, họ sẽ nhận được đối xử công bằng, bình đẳng và thừa nhận về khát vọng một Ireland thống nhất.

Nếu không có khung nguyên tắc, tiến triển trong giải pháp xung đột sẽ rất khó khăn, nếu không muốn nói là không thể. Đó là điểm mấu chốt để tham khảo lâu dài và hình thành nên đường lối. Nó cũng bó buộc các bên liên quan. Một khi chấp nhận khung nguyên tắc, họ không thể tranh cãi những vấn đề không nhất quán với nó; hoặc nếu tranh cãi, những lý lẽ về sự thiếu nhất quán sẽ chống lại họ. Vì vậy, nếu có một chương trình về cảnh sát được đồng thuận, dựa trên nguyên tắc đối xử bình đẳng, thì làm sao một lực lượng quân đội bán quân sự có thể hoạt động song song với chương trình này? Thực sự, khi nguyên tắc hòa bình nhằm mục đích chia sẻ quyền lực được nhất trí, thì lý do căn bản đối với IRA – xây dựng một Ireland thống nhất mà không có sự đồng thuận của đa số phe Hợp nhất – sẽ tan rã. Và khi việc bình đẳng trong đối xử được chấp thuận như cơ sở của hệ thống quản lý, thì làm sao chủ nghĩa Hợp nhất có thể tiếp tục phản đối các thành viên của phe Sinn Féin trong Chính phủ, tất nhiên với giả định họ có cam kết về hòa bình?

Theo cách này, việc thiết lập các nguyên tắc cốt lõi sẽ định hình nên tiến trình và tiến đến hòa giải.

2. Để tiến đến giải pháp, mọi quy trình cần phải được kiểm soát, tập trung, liên tục, không nao núng, ngày này qua ngày khác. Khó khăn lớn nhất đối với tiến trình hòa bình tại Trung Đông là không một ai kiểm soát nó đủ lâu hoặc đủ chắc chắn. Việc không kiểm soát liên tục sẽ không đem lại kết quả.

Đối với trường hợp Bắc Ireland, chúng tôi có một thỏa thuận rất chi tiết về hàng loạt vấn đề. Có những bộ phận mới được thành lập, những công việc mới được thực hiện, hàng loạt các chương trình sẽ được tiến hành và mỗi chương trình phải được đàm phán chi tiết kèm theo việc kiểm soát liên tục.

Ví dụ, về chương trình liên quan đến ngành cảnh sát, chúng tôi có rất nhiều vấn đề chưa giải quyết được. Chúng tôi yêu cầu Chris Patten, cựu Bộ trưởng Bắc Ireland của Đảng Bảo thủ và cũng là cựu Chủ tịch Đảng Bảo thủ, phải dẫn đầu trong cuộc điều tra nhằm tìm kiếm cách hiện thực hóa vấn đề này. Ông đã hoàn thành xuất sắc và báo cáo của ông là nền tảng cho việc cải cách ngành cảnh sát; nhưng mỗi phần của nó đã được xem xét gạn lọc kỹ vì chúng tôi cố gắng

giữ “cầu bập bênh” thăng bằng.

Giải giáp vũ khí là một vấn đề thực sự khó khăn. Vì những lý do trên, đây là một vấn đề hết sức nhạy cảm đối với IRA. Và ở một mức độ nào đó, những người theo phe Hợp nhất hiểu rằng nó mang tính biểu tượng hơn thực tế. Thực sự, nếu IRA hủy bỏ vũ khí của họ, họ vẫn luôn có thể mua vũ khí mới. Nói cách khác, hòa bình không phụ thuộc vào việc tiêu hủy vũ khí mà phụ thuộc vào việc tiêu hủy một nếp nghĩ.

Chúng tôi đã có một cuộc tranh luận khá gay gắt về vấn đề này. Cuối cùng, IRA nhất trí “không sử dụng vũ khí” chứ không tiêu hủy chúng – nhưng biết nói thế nào nếu như vấn đề này xảy ra? Chúng tôi đã nghĩ ra một cách, theo đó hai chính khách – Martti Ahtisaari, cựu Tổng thống Phần Lan và Cyril Ramaphosa, một thủ lĩnh của ANC (African National Congress – Đảng Quốc đại châu Phi) – đảm nhiệm nhiệm vụ chứng nhận vũ khí “không được sử dụng”. Hai nhân vật này được đưa đi quanh vùng nông thôn Ireland bằng thuyền để giám sát các kho vũ khí và họ rất vui vẻ thực hiện công việc này. Cyril là người thông minh mà tôi luôn nghĩ đáng lẽ ông phải là một đối thủ lãnh đạo ANC. Martti là người hiếm có trong giới chính trị và trong cuộc sống: Một người rất khiêm tốn.

Nhưng làm sao chúng tôi biết được tất cả các vũ khí này đều là vũ khí? Một viên tướng người Canada, John de Chastelain, đồng môn của tôi tại Edinburgh, đứng đầu IICD. Tại thời điểm này, bộ phận Hành pháp đã bị “treo giò”. David Trimble đang cố gắng đưa nó hoạt động trở lại nhưng cần một hành động thực sự về giải giáp vũ khí. IRA vẫn còn hết sức miễn cưỡng. Thông thường, họ chỉ thực hiện 90% các việc cần thiết; còn đối với vấn đề này, đó chỉ là con số không.

Chúng tôi đến Hillborough sau nhiều cuộc thương lượng, trong khi John đảm nhiệm công tác chứng kiến “Đạo luật giải giáp vũ khí” của IRA. Chúng tôi phải đợi tin tức thông báo rằng Đạo luật đã có hiệu lực – có vẻ giống như ngày xưa, khi các đám đông tụ tập để nghe tin tức về lễ tân hôn của hoàng đế đã diễn ra trọn vẹn. John khi đó hoàn toàn “mất hút”. IRA đã biệt giam ông và trong khi để ông chứng kiến Đạo luật, họ không cho phép ông mô tả về nó, bằng bất cứ cách nào – giống như việc một người hầu không thể tiết lộ việc hoàng đế đã ăn nằm với ai, thời gian chính xác, ở căn phòng nào, hoặc đôi điều gì đó về váy ngủ, hay họ đã hân hoan ra sao; nói cách khác, bất kỳ điều gì nhằm đảm bảo một vài yếu tố đáng tin cậy. Trong trường hợp này, đám đông chờ đợi tin tức đều tỏ vẻ hoài nghi và ngờ vực.

Cuối cùng, John “tội nghiệp” đã xuất hiện để thực hiện công việc đưa tin của mình. Ngay lập tức có thể nhận thấy ông là người đàn ông liêm chính và danh giá, cảm thấy không thể tiết lộ thông tin bởi sự nghiêm ngặt của IRA đối với vấn đề tuyệt mật này. Tuy nhiên, chúng tôi đã quyết định tổ chức một cuộc họp báo, nơi chỉ ý nghĩa lịch sử trường tồn được mang lại khi tất cả sinh viên bắt buộc phải quan sát các cuộc họp báo.

John đã thẳng thắn tuyên bố rằng việc chấm dứt sử dụng vũ khí đã diễn ra trong thực tế, nhưng ông kiên quyết từ chối bàn luận thêm. Khi trả lời câu hỏi “Chấm dứt sử dụng cái gì?”, ông trả lời: “Ồ, không phải là một cỗ xe tăng” – hơi giống câu trả lời của người hầu khi được hỏi hoàng đế đã dành trọn đêm tân hôn với ai, người này sẽ đáp: “Ồ, tôi không biết nhưng đó không phải là một con lừa”.

Điều tương tự đã xảy ra với David Trimble, tôi e ngại và tự đổ lỗi cho bản thân vì điều đó. Thậm chí Sylvi Hermon, một trong những nghị sĩ của ông ta, người đứng dẫn đầu, nhạy cảm và có quan điểm rõ ràng và là một phụ nữ thực sự được yêu mến, cũng cho rằng bà không thể ủng hộ việc phục hồi lại bộ phận Hành pháp trên cơ sở này.

Đáng mừng là John lại là người kiên nhẫn, kiên nhẫn đến thánh thiện. Ông bị ngược đãi, nhiech móc, lạm dụng, loại bỏ và gánh chịu tất cả vì các lợi ích hòa bình. Ông ấy mắc kẹt trong sự tín nhiệm và danh tiếng thẳng thắn là một phần vô giá của toàn bộ tiến trình. Điểm cốt yếu là trong từng giai đoạn tranh luận – và có rất nhiều giai đoạn như vậy – sự việc phải được kiểm soát, cả trước và sau khi nó diễn ra.

3. Đối với giải pháp về xung đột, những việc nhỏ nhất có thể trở thành trọng đại. Đây không chỉ đơn thuần là vấn đề kiểm soát, giống như việc gạt những gì người khác cho là quan trọng sang một bên.

Thường thường, trong vai trò mới của tôi tại Trung Đông, mọi người nói với tôi rằng: Ông sẽ không cảm thấy mất giá trị khi tranh luận về việc rào chắn nên được đặt ở đâu hoặc có thể cho phép xây dựng lại con đường dài 200m tại các khu vực xa xôi hẻo lánh của Palestine hay không? Tôi trả lời: Không – nếu đó là vấn đề liên quan đến họ, thì cũng liên quan đến tôi.

Trước đây, tôi thường biết chính xác vị trí và có thể mô tả cấu trúc của từng tháp canh mà quân đội Anh sử dụng tại Nam Armagh. Đối với IRA, đất nước có biên giới này là đất nước của họ, nơi nhiều nhà hoạt động xã hội quan trọng của họ đã sinh sống. Các tháp canh là một nguyên nhân gây bất đồng liên tục, tiêu biểu cho việc quân đội Anh vẫn theo sát họ. Quân đội của chúng tôi, tất nhiên, xem các tháp canh là điểm trình sát trọng yếu, đặc biệt đối với phe Cộng hòa chống đối đến từ miền Nam để thực hiện các hành động khủng bố. Chúng có thể chỉ rõ những nỗ lực khủng bố đã bị ngăn chặn và những sinh mạng đã được cứu sống. Vì vậy, vấn đề này rất nhạy cảm và việc xóa bỏ các tháp canh phải diễn ra từng bước một và mỗi bước đều phải được tập trung bám sát.

Đối với cả hai bên trong cuộc xung đột, các biểu tượng đóng vai trò quan trọng. Chúng cần phải được xử lý thận trọng. Tại Bắc Ireland, từng nội dung trong cơ chế cảnh sát mới, từ huy hiệu mũ đến phương pháp tuyển dụng chính xác, phải được nghiên cứu cẩn thận.

Thông thường, những chuyện nhỏ nhất như vậy có thể được trao đổi. Với từng phần trong đàm phán Bắc Ireland, một số người luôn phải thỏa hiệp, một số khác luôn lo lắng. Trong một cuộc tranh chấp như vậy, cả hai bên đều phàn nàn kêu ca ít nhiều về bên kia hoặc về người hòa giải. Cả hai bên đều nghĩ rằng chỉ họ mới đang đưa ra các nhượng bộ, chỉ họ mới thực sự muốn hòa bình, chỉ họ đang hành động với thiện chí thật sự. Tôi thường có những cuộc hội thoại tương tự trong các cuộc họp của cơ quan hành pháp với hai bên, mỗi phe đều thuyết phục rằng họ đã thực hiện tất cả các động thái còn bên kia chẳng làm gì cả.

Tôi nhớ lần hội đàm với một nhóm theo trường phái Hợp nhất sau Thỏa thuận Ngày thứ Sáu Tốt lành. Một trong số họ nói với tôi – không hiểu chiến, mà khá chân thành – “Hãy cho tôi biết chúng ta gạt hái được gì từ Thỏa thuận này”. Tôi đáp: “Liên minh. Đó là vấn đề rất quan trọng, anh có nghĩ như vậy không?” Nói cách khác, cơ sở của thỏa thuận đồng nghĩa rằng nguyên tắc đồng thuận được công khai thừa nhận; và miễn là đa số đều mong muốn điều đó, Liên minh sẽ tồn tại. Rốt cuộc, đó là lẽ sống của chủ nghĩa Hợp nhất. Nhưng ông ta không thực sự nhìn nhận nó theo hướng như vậy. Ông ta chỉ nhìn thấy một chuỗi các nhượng bộ để buộc “người đàn ông bạo lực” dừng lại những gì đáng lẽ họ không nên thực hiện.

Vì vậy, những điều nhỏ nhất lại trở thành vấn đề quan trọng bởi trong nếp nghĩ của các bên chủ chốt, chúng thường hiện ra to lớn với một góc độ mà chúng ta không phải lúc nào cũng có thể nắm bắt được.

4. Áp dụng những việc to lớn hay nhỏ nhất, đơn lẻ hay kết hợp và nếu cần thiết, phát minh thêm một vài thứ, để giải phóng cho sự phát triển. Đây là nơi Jonathan đặc biệt sáng tạo. Đôi lúc, dường như không thể vượt qua được thế bế tắc. Ngay khi kết thúc, chúng tôi đã xác định thời hạn cho việc tái cơ cấu bộ phận Hành pháp vào ngày 26 tháng Ba năm 2007. Nhưng lần này, phía Ireland kiên quyết giữ vững quan điểm của mình trong “dàn hợp xướng”. Không có chuyển biến hay động thái gì kể từ thời hạn này. Chúng tôi đã mất ba năm hoặc hơn để cố gắng lôi kéo Ian Paisley vào một thỏa thuận và bây giờ là đúng thời điểm hoặc không bao giờ, hành động hoặc là chết... Vì vậy, ngày 26 tháng Ba phải là ngày diễn ra. Vào phút cuối, khi tôi nghĩ việc này có thể xảy ra, Ian Paisley cho tôi biết ông ta không thể áp dụng điều này cho đảng của mình trong tháng Ba thay vì phải vào tháng Năm. Người Ireland hoài nghi. Sinn Fein giận dữ. Mọi thứ chao đảo trên bờ vực thẳm.

Tôi nghĩ sẽ thật điên rồ khi triển khai toàn bộ chỉ vì mục đích chạy theo thời gian trong vòng hai tháng. Jonnathan đưa ra ý tưởng dành cho DUP thời hạn hai tháng, nhưng đổi lại yêu cầu họ nhất trí với cuộc họp hai bên giữa Ian Paisley và Gerry Adams, hai người chưa bao giờ gặp mặt nhau trước đó. Khi chúng tôi đưa ra đề xuất đó, DUP và Gerry Adams đều chấp thuận.

Khi đó, kế hoạch đã diễn ra theo dự định, chúng tôi phải đàm phán không chỉ về kế hoạch cho cuộc họp chính thức mà còn về trang thiết bị cho cuộc họp, quan trọng nhất là hình dáng chiếc bàn. DUP muốn các bên ngồi đối diện với nhau để chứng tỏ vị thế đối lập. Sinn Fein muốn mọi người ngồi bên cạnh nhau để thể hiện rằng họ là các đối tác bình đẳng. Robert Hannigan, một quan chức trẻ có vai vế, người nắm quyền như nhân vật quan trọng Số 10, khi đó đưa ra ý tưởng sáng tạo cuối cùng: Ông ta đề xuất một chiếc bàn hình thoi vì vậy họ có thể vừa ngồi đối diện với nhau cũng như ngồi cạnh nhau. Ý tưởng này đã được thực hiện.

Trong hoạt động sáng tạo, bạn không phải lúc nào cũng có thể bao quát được mọi thứ, nhưng bạn nên thận trọng cảnh giác với bất cứ điều gì gây mất niềm tin.

Niềm tin, như một khái niệm chính trị, được phân đa tầng. Ở một cấp độ, không ai tin tưởng vào các chính trị gia và các chính trị gia, tùy từng thời điểm, buộc phải hoàn toàn che đậy sự thật, phải bẻ cong và thậm chí bóp méo nó, nơi các lợi ích của mục tiêu chiến lược lớn hơn đòi hỏi phải thực hiện hành động đó. Tất nhiên, trong trường hợp đường thẳng được vẽ mang tính chất thiết yếu và không phải là khoa học chính xác dưới bất kỳ hình thức nào. Ở cấp độ này, nếu không vận hành với sự khôn khéo thì công việc sẽ gần như bất khả thi.

Nhưng công chúng rất sáng suốt và phân biệt các chính trị gia mà họ không tin tưởng ở cấp độ bề ngoài gần như mọi mặt. Mức độ tin cậy liên quan đến việc liệu công chúng có tin tưởng chính trị gia có đang cố gắng hết mình vì họ hay không, cho dù có thể gây ra những sai lầm hay thỏa hiệp nào, như Machiavelli chẳng hạn. Đây là cấp độ tin tưởng thực sự có tầm quan trọng.

Tôi đã nghe một điển hình thú vị về vấn đề này từ Nelson Mandela. Mandela hay còn gọi là Madiba là một nghiên cứu thú vị, không phải vì ông là một vị thánh mà bởi ông là vị thánh không phải theo nghĩa ông có thể bay như phù thủy. Tôi cá rằng Gandhi cũng như vậy.

Tôi luôn có quan hệ tốt với Madiba, một phần vì tôi luôn coi ông như một chính trị gia thay vì một vị thánh. Ông ấy biết chính xác tác dụng của mình đối với mọi người, bao gồm cả tôi – để nâng cao uy tín theo một số quan điểm nhất định và giả sử nếu ông thích bạn, ông ấy hoàn toàn sẵn sàng thể hiện nó. Điều thú vị nhất về ông là sự khôn ngoan. Ông cũng rất xảo quyệt, thông minh như ý nghĩa của từ “habile” trong tiếng Pháp: Thông minh và hoàn toàn có khả năng điều khiển một tình huống khi nó phù hợp với mục đích cao hơn.

Chúng tôi đang thảo luận về cách thức ông thay đổi và cải cách ANC từ một phong trào cách mạng trở thành một đảng lãnh đạo – đây không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. Tất nhiên, trước đây, họ thường phạm vào những hành động bạo lực, được gọi là chủ nghĩa khủng bố bởi chế độ apartheid. Nhưng bạo lực được ANC coi như một phương tiện hợp pháp để giành tự do. Madiba quyết định họ phải từ bỏ chiến dịch bạo lực và cũng biết rằng nếu tiếp cận nó từ quan điểm nguyên tắc, ông sẽ bị phản đối cực lực và sẽ chia rẽ phong trào. Vì vậy, ông đưa ra một lý do mang tính chiến thuật để ngừng việc này lại. Ông ta nói với các cán bộ ANC rằng mình cũng quyết tâm như họ, nhưng về mặt chiến lược họ cần dừng sử dụng bạo lực trong một thời gian, do đó, tất cả các lựa chọn sau đều để mở đối với họ và họ dễ đạt được thành công hơn. Tất nhiên, một khi đã bị đình hoãn, thì nó sẽ tiếp tục bị đình hoãn vĩnh viễn.

Việc triển khai ý đồ chiến thuật như vậy là nền tảng của tiến trình hòa bình tại Bắc Ireland. Một lần nữa vào phút cuối, sau cuộc đàm phán về tuyên bố St Andrews vào tháng Mười năm 2006, bất ngờ xảy ra vấn đề về ngôn từ sẽ được những người lên cầm quyền trong Quốc hội và cơ quan Hành pháp để tuyên thệ. Tất cả các phép hoán vị đã được xem xét để tìm ra một công thức mà hai bên đều có thể chấp nhận. Xét một cách tự nhiên, DUP muốn một cam kết rõ ràng đối với lực lượng cảnh sát trong lời tuyên bố của họ. Sinn Fein không thích kiểu lựa chọn lời lẽ

và sẽ không cam kết cho đến khi cơ quan Hành pháp được hình thành rõ ràng, vì vậy có một vấn đề về đồng bộ hóa cũng như về ngôn ngữ.

Cuối cùng, họ đi đến thỏa thuận nhất trí về thời điểm và cách lựa chọn từ ngữ diễn đạt, nhưng các tuần sau bắt đầu xuất hiện sự chia rẽ. Gerry Adams đã nhất trí triệu tập một Ard Fheis (một cuộc họp Hội đồng của Đảng Sinn Féin) để thông qua, nhưng chỉ trong trường hợp Ian Paisley tuyên bố rõ ràng trước rằng việc thông qua như vậy sẽ cho phép tái ban hành các thể chế. Một lần nữa, vai trò của các bên lại bị đảo lộn, khi Gerry Adams yêu cầu phải có sự rõ ràng, còn Ian Paisley gây ra chuyện đông dài. Khi đó tôi có ý tưởng rằng tôi sẽ diễn dịch lại chuyện đông dài đó và chuyển cho Gerry lời tái khẳng định của Ian.

Tôi đã có một kỳ nghỉ Giáng sinh tại Miami. Gần kết thúc kỳ nghỉ, trời mới có nắng. Do sự chênh lệch về múi giờ nên tôi phải bắt đầu các cuộc điện đàm vào lúc 5 giờ sáng. Paisley thường ra ngoài thăm bạn bè, vì vậy các cuộc gọi hay bị nhỡ. Tôi nắm bắt các cơ hội hiếm có mà tôi có thể bảo người khác nhất trí với việc thối phòng sự thật nhưng tôi thấy mọi thứ sụp đổ bởi vì ngôn từ diễn đạt của lời tuyên thệ đầy tính giáo điều. Đôi lúc, với sự sáng tạo tuần tra, chúng tôi đã thông qua nó.

Quan trọng là bạn cần phải nhanh nhẹn, linh hoạt và đổi mới. Tôi thường phản ánh các vấn đề như định cư, Jerusalem hoặc người tị nạn trong tiến trình hòa bình Trung Đông; trong từng trường hợp, sự khéo léo sẽ giúp bạn tìm ra cách thức giải quyết, nhưng sự khéo léo – nếu được thể hiện bừa bãi – sẽ chỉ là sự khéo léo nhạt nhẽo mà thôi.

5. Các bên sẽ không thể tự mình giải quyết được xung đột. Nếu có thể, có lẽ họ đã thực hiện rồi. Do đó, họ cần sự giúp đỡ từ bên ngoài.

Sự trợ giúp từ bên thứ ba là rất thiết yếu theo nhiều cách thức khác nhau. Rõ ràng, họ có thể tạo ra rất nhiều sự khôn khéo cần thiết như đã đề cập ở trên đồng thời cũng góp phần khẳng định cam kết về thiện ý của mỗi bên. Tại Trung Đông, bạn nói chuyện với bất kỳ người Israel nào và họ sẽ nói với bạn sự thành thật. Tất nhiên tôi muốn hòa bình.

Tôi nhớ đã từng trò chuyện với lãnh đạo cơ quan tình báo quân sự Israel – một người đàn ông gánh trên vai trách nhiệm nặng nề – đó là ông phải hiểu người Palestine không tin Israel nghiêm túc về vấn đề xây dựng một Nhà nước Palestine. Tôi nói: “Họ nghĩ anh chỉ muốn nuốt chửng họ”.

“Điều đó không đúng”, ông đáp lại. “Tôi sẽ kể cho anh câu chuyện về một gã trai, chủ của chú Rottweiler, giống chó rất hung dữ, lao vào một quán rượu và hỏi: “Con chihuahua ngoài kia là của ai thế? “Tôi”, một người nào đó lên tiếng. “Làm ơn hãy giúp tôi”, gã trai đáp, “con chó của anh giết chết con chó của tôi rồi” “Thật kỳ quặc”, chủ của chú chó chihuahua đáp, “làm sao một con chó chihuahua lại có thể giết con Rottweiler được? Gã trai đáp: “Nó bị cắn vào họng”.

Nhưng khi hỏi một người Israel rằng liệu người Palestine có muốn hòa bình không, họ sẽ trả lời: “Không. Đừng nói chuyện với chúng tôi về việc định cư và chiếm đóng. Chúng tôi đã ra khỏi dải Gaza, chúng tôi có người dân của mình và có Hamas và lựu đạn”. Bạn có thể hỏi người Palestine về người Israel và sẽ nhận được câu trả lời y như vậy.

Bên thứ ba không chỉ giữ vai trò thương lượng và hòa giải mà như một bước đệm, một người đưa thông điệp và quan trọng hơn, như một thuyết khách có thiện ý trong môi trường thường bị chi phối bởi sự ngờ vực. Họ cũng giúp xác định rõ các vấn đề và các điểm có thể xoay chuyển. Bắc Ireland đưa lại một minh chứng sinh động về vấn đề này. Thực tế, có hai giai đoạn rõ rệt cho tiến trình hòa bình: Giai đoạn đầu tiên là từ Thỏa thuận Ngày thứ Sáu Tốt lành đến khi Quốc hội và cơ quan Hành pháp bị đình hoạt động từ tháng Mười năm 2002 và đến khi IRA không giải giáp vũ khí; giai đoạn hai là từ sự sụp đổ của David Trimble vào năm 2003 đến tháng Năm năm 2007. Thời kỳ xen giữa kéo dài gần một năm như thời gian tạm nghỉ, cho dù có rất nhiều vấn đề xảy ra.

Giai đoạn đầu là thời kỳ mà chúng tôi có thể gọi là sự mù mờ sáng tạo, trong suốt thời kỳ đó mọi người di chuyển chậm chạp, thận trọng (và thường giẫm chân tại chỗ) từ các quan điểm rất cực đoan. Không ai suy nghĩ nghiêm túc rằng sau Thỏa thuận Ngày thứ Sáu Tốt lành IRA sẽ giải tán; họ sẽ đợi để xem liệu phe Hợp nhất có đưa ra các thỏa thuận hay không và cho tới khi đó IRA sẽ quyết định dùng sử dụng vũ khí dự trữ.

Mặt khác, chúng tôi phải giả định đây là một sự chuyển giao có cơ cấu và có trật tự. Vì vậy xuất hiện những chuyện, những việc giả dối được nói và làm thiếu tính trí tuệ và nhất quán về chính trị ngoại trừ việc nhìn nhận chúng tôi thông qua hàng loạt trở ngại.

Điều này đặc biệt đúng trong mối quan hệ với phe Cộng hòa. Họ có lịch sử của họ, thậm chí giống kiểu học thuyết, nhằm giương cao như một phong trào cách mạng. Họ phải căm ghét những người đã hy sinh và bị cầm tù nhưng họ cũng phải tuân theo nội dung thỏa hiệp hòa bình mà không chắc chắn có thể thực hiện được. Cũng như đối với sự kiện giải giáp vũ khí, có hàng loạt các bước nửa vời, tất cả được che giấu trong lời phát biểu khá khôn ngoan của phe Cộng hòa mà họ đang cố gắng dùng nó để thuyết phục phe Hợp nhất, mà không cần tái thiết lập nền chính trị nội bộ của họ.

Ngoài việc là một lực lượng bán quân sự chống lại người Anh, họ cũng là một lực lượng bán cảnh sát tại các khu vực của phe Cộng hòa. Tôi nhớ đã kể với một trong số các cử tri của mình tại Sedgefield về cách thức IRA có thể đập vỡ xương bánh chè của những kẻ buôn ma túy và đánh như tử những kẻ phạm tội hãm hiếp và tôi có thể nói rằng đó là lần đầu tiên ông ta có thiện cảm với phe Cộng hòa. Tất nhiên, không một sự vụ nào chấm dứt nhanh chóng; nhưng cũng không một sự kiện nào có thể được hòa giải bằng pháp luật như được nêu ra trong Thỏa thuận Ngày thứ Sáu Tốt lành.

Trong một thời gian ngắn, sự mù mờ sáng tạo xung quanh tất cả sự kiện này lại giúp ích cho chúng tôi. Chủ nghĩa khủng bố đã chấm dứt. Các vụ đánh bom đã chấm dứt. Không một quân nhân Anh nào phải bỏ mạng. Không một sỹ quan cảnh sát nào bị sát hại. Nhưng không một sự kiện nào trong số này lại giống như các tiến trình bình thường của luật pháp và trật tự hiện đang thống trị Bắc Ireland. Điều này đã được minh chứng bởi những kẻ đã sát hại Robert McCartney vào tháng Một năm 2005. Anh ta đang bảo vệ một người bạn bị người của IRA đánh như tử trong một quán rượu, những kẻ sau đó kéo lê McCartney ra ngoài và đâm anh đến chết.

Theo nhiều khía cạnh, thì vụ giết hại là giọt nước làm tràn ly. Gia đình anh ta, tất cả phe Cộng hòa, từ chối giữ yên lặng. Gia đình, vợ chưa cưới và bạn bè của McCartney đã mở một chiến dịch đòi đưa thủ phạm ra trước pháp luật. IRA không chấp nhận và thực tế đã ra một tuyên bố cho rằng, nếu như việc xử bắn những kẻ gây tội có thể góp phần giải quyết vấn đề trên, thì ngược lại nó sẽ châm ngòi cho quyết định quan trọng mà IRA đã đưa ra trước đó kể từ khi Quốc hội và cơ quan Hành pháp bị treo vào tháng Mười năm 2002 được thực thi.

Và đây là lúc bên thứ ba cần tham gia vào để góp phần giải quyết vấn đề. Sau vụ đình chỉ vào năm 2002, tôi đã đến Belfast để có bài phát biểu quan trọng nhất về Bắc Ireland kể từ tháng Năm năm 1997. Bài phát biểu này được biết đến như bài phát biểu “những động thái kết thúc”. Về cơ bản, tôi cho rằng: “Sự mù mờ sáng tạo là người bạn của chúng ta trong giai đoạn đầu; nó cho phép chúng ta đưa đoàn người di chuyển; nó giúp chúng ta khoanh vùng vô số các bế tắc trong các giai đoạn đầu tiên. Nhưng giờ đây nó không còn là người bạn của chúng ta; nó là thứ kéo chúng ta tụt lại phía sau, bởi cho đến lúc ý nghĩ rằng bạo lực dù trong bất kỳ hình thức nào sẽ bị loại bỏ để phần đầu vì một mục đích tốt đẹp hơn trở nên rõ ràng – và nếu như vậy, quyền lực sẽ được chia sẻ – thì khi đó chúng ta không thể tiến triển nữa. Thay thế cái “mù mờ sáng tạo” đó giờ đây sẽ phải là “các động thái kết thúc” để chứng tỏ rằng quá khứ đã lùi xa.

Đó là bài phát biểu với từ ngữ thận trọng và cũng có sức thuyết phục bởi vì nó thẳng thắn, tự nhiên không hoa mỹ. Từ thời điểm đó trở đi, điệp khúc thường xuyên của tôi đối với Gerry Adams và Martin McGuinness là IRA không còn phục vụ cho bất kỳ mục đích nào nữa mà chỉ

nhằm duy trì chủ nghĩa Hợp nhất của những kẻ chống đối – và đang cản trở chính việc mà họ muốn, tức là chia sẻ quyền lực.

Tất nhiên, điều tương tự cũng đúng với cánh quân Hamas ngày nay. Họ là những người bạn tốt nhất của Israel “thống nhất”. Việc họ dính líu tới bạo lực đem lại không chỉ quyết định cho việc thương lượng, mà là lời biện hộ cho sự loại trừ.

Tuy nhiên, nhận ra điều đó, xác định nó theo một cách thuyết phục và sử dụng định nghĩa đó để thúc đẩy tiến trình là một điều thường đến sớm hơn bởi bên thứ ba thay vì người trong cuộc.

6. Cả hai bên cần phải nhận ra rằng giải quyết xung đột là một hành trình, một tiến trình, không phải là một sự kiện. Mỗi bên phải có thời gian để khép lại quá khứ. Một cuộc xung đột không chỉ đơn giản là một sự bất đồng mang tính bạo lực. Nó có lịch sử riêng và tạo ra văn hóa riêng với các truyền thống, nghi lễ và học thuyết riêng. Nó có một trí tuệ, một tâm hồn và một cơ thể, đồng thời cũng mang tính chất lâu dài và sâu sắc.

Thay đổi tất cả những sự kiện đó là việc thực hiện hoài bão lớn lao và tự xem xét nội quan mãnh liệt. Con người có thể thay đổi, nhưng con người cũng có thể ổn định theo các cách riêng của mình. Các “phương thức” phải “không ổn định” để sự thay đổi có thể diễn ra. Lần đầu tiên tôi gặp Gerry Adams và Martin McGuinness, họ không lưỡng lự hoặc nghi ngờ, mà ngồi xuống bàn đàm phán với kẻ thù. Ngay thời điểm mở màn của vô số các cuộc họp, Martin không chỉ đơn giản muốn thương lượng mà còn muốn giải trình mục đích của phe mình, nỗi đau, sự giận dữ và các kỳ vọng của họ. Tôi đã mất khá nhiều thời gian để được ông ta xem như một đối tác và thậm chí là một người bạn. Vì vậy, nếu mọi việc thuận theo ý ông ta, thì hãy tưởng tượng rằng một quân tình nguyện IRA bình thường là như thế nào, có lẽ là một người, một quân nhân hoặc một sĩ quan RUC ngược đãi về mặt cá nhân, hay một người có gia đình đã chịu đựng nhiều đau khổ.

Hai phía hiếm khi nhận ra nỗi đau của nhau. Thậm chí người Israel có tư tưởng tiến bộ nhất tôi biết cũng hiếm khi hiểu được sự nhục nhã mà một người Palestine trung tuổi phải chịu đựng khi bị một quân nhân Israel trẻ săn đuổi tại điểm kiểm soát trước mặt gia đình mình. Người Palestine có thể tiếc thương các nạn nhân Palestine vô tội trong cuộc truy kích của Israel, nhưng lại khó cảm thông với cha mẹ của một đứa trẻ Israel bị nổ tan xác trong một vụ đánh bom tự sát.

Đối với chúng ta, có nhiều thái độ dường như ngu xuẩn, thậm chí hài hước, nhưng đối với họ lại có tính cách riêng. Tôi nhớ trước cuộc bầu cử năm 1997, một nhà lãnh đạo Orange cho rằng tôi không phù hợp với vị trí Thủ tướng vì vợ tôi đã tuyên bố trung thành với Rome. Lần đầu tiên nghe thấy điều đó, tôi đã rất khó xử, hiểu sai “Rome” ở đây là cái ghế của Chính phủ Italia chứ không phải là của Vatican và băn khoăn về những gì Cherie đã nói với Thủ tướng Italia, Romano Prodi.

Quan điểm cho rằng sẽ có một khoảnh khắc hòa bình diễn ra lại là một sai lầm. Hòa bình phải có sự chín muồi, ăn sâu bén rễ để thay thế cho gốc rễ của xung đột hình thành những thái độ khác nhau và tạo ra ảnh hưởng của chúng theo thời gian.

Thỉnh thoảng trước đây, tôi thường cố gắng mô tả nó theo phép loại trừ này: Nó giống như việc một chiếc xe hơi chạy khỏi một vụ va chạm. Cảnh tượng đổ nát không biến mất ngay mà sẽ phai nhạt dần theo thời gian. Người lái xe liên tục ngó vào kính chiếu hậu, thậm chí ngay cả khi mắt phải căng ra để quan sát phía trước. Hành khách thì bị kích động và ký ức về những gì đã xảy ra xâm chiếm tâm trí họ với hy vọng rằng khoảnh khắc khả quan hơn đang chờ đợi phía trước. Nỗi đau sẽ không thể dịu bớt ngay tức khắc; nó tiếp tục tồn tại ở mọi nơi và dần nguôi ngoai trước khi hoàn toàn biến mất.

Trọng tâm của phép loại trừ ngụ ý đối với tiến trình này là bạn phải nỗ lực thuyết phục các bên

rằng bước trì trệ của bên kia không phải do thiếu thiện ý hoặc do sự thay đổi về tư duy hòa bình, mà là một kết quả tự nhiên của các trải nghiệm. Nó là một đặc trưng không thể tránh khỏi trong việc giải quyết xung đột.

7. Con đường dẫn đến hòa bình sẽ bị gây trở ngại một cách có chủ ý bởi những người tin rằng xung đột phải tiếp tục. Hãy sẵn sàng đương đầu với trở ngại thay vì bị mất tinh thần vì nó. Mọi người thường quên mất rằng cuộc tấn công khủng bố tồi tệ nhất trong lịch sử của thời kỳ khó khăn xảy ra sau Thỏa thuận Ngày thứ Sáu Tốt lành, chứ không phải trước đó.

Vào 3 giờ 10 phút chiều thứ Bảy, ngày 15 tháng Tám năm 1998, một quả bom lớn đã phát nổ tại khu chợ thị trấn Omagh và làm 29 người thiệt mạng, nhiều người khác bị thương nặng và nhiều người vẫn phải chịu những vết sẹo tinh thần kéo dài dai dẳng trong cuộc sống của họ. Trong số những người tử vong, có một phụ nữ mang thai song sinh, mẹ và con gái của người phụ nữ này cũng thiệt mạng, cùng bốn thanh niên trẻ từ Tây Ban Nha và những người bạn đang dự một chuyến viếng thăm trao đổi giao lưu. Quả bom là tác phẩm của nhóm chống đối IRA, nhằm phản đối sự cương tỏa của Sinn Féin về tiến trình hòa bình. Trong trường hợp đó, người Công giáo bị giết vượt quá số người theo đạo Tin lành. Những kẻ khủng bố đã đưa ra lời cảnh báo, nhưng không đúng địa điểm và cảnh sát đã vô tình đẩy đám đông vào lối đi có chứa bom.

Tại thời điểm đó, tôi đang đi nghỉ trong ngôi làng nhỏ, Miradoux, tại miền Tây Nam nước Pháp. Chúng tôi đang nghỉ ngơi cùng với bạn bè, Maggie, Thư ký văn phòng Đảng Lao động và Alan, một người bạn lâu năm đã giành cho Cherie và tôi một chỗ trú chân trong nhà mình tại Stoke Newington khi chúng tôi mới cưới.

Khoảng 3 giờ 30 phút chiều, tôi nhận được thông báo về sự vụ này. Đến 5 giờ chiều, hành vi tàn bạo của cuộc tấn công đã rõ ràng. Tôi đưa ra một thông cáo báo chí vẫn tắt trên bậc thềm của một nhà thờ nhỏ trong làng, trong một bộ đồ mượn được từ một trong những nhân viên an ninh của mình, tôi có cảm xúc xáo trộn do sốc và lo lắng về hậu quả của nó đối với tiến trình hòa bình.

Buổi sáng hôm sau, tôi đến Bắc Ireland và thăm những người bị thương. Thậm chí giờ đây tôi vẫn không thể cầm được nước mắt khi nghĩ về việc đó. Tôi đã gặp một cô gái bị mù nhưng quyết tâm sẽ làm được những điều tốt nhất trong cuộc đời mình, như sau đó cô đã chứng minh và tôi gặp cha của người phụ nữ mang thai song sinh nọ. Nếu các gia đình lúc đó giận dữ hoặc hét vào mặt tôi rằng – nếu ông không khởi động vụ này, họ sẽ vẫn sống” – tôi có thể đã giữ được bình tĩnh; nhưng những gì làm tôi xao động lại là sự im lặng của họ, nỗi buồn vô hạn của họ đối với những người thân yêu mà họ sẽ không bao giờ được gặp lại, được ôm hôn và được nói chuyện nữa.

Thậm chí tại điểm mấu chốt của thảm kịch tồi cùng của nhân loại do tội ác đem lại vượt qua giới hạn hiểu biết, tôi vẫn phải tư duy một cách chính trị. Chúng tôi phải đối mặt với lựa chọn: Có thể giờ tay lên sợ hãi và nói “những người này sẽ chẳng bao giờ mang lại hòa bình” hoặc phải sử dụng sự kính sợ làm lý do để tiếp tục nói “những người muốn có tiến trình hòa bình phải dừng lại và phản ứng của chúng tôi là thúc đẩy nó đi nhanh hơn và xa hơn nữa”.

Trong trường hợp đó và với uy tín lớn (có phần đóng góp bởi chuyến công du của Tổng thống Bill Clinton), các thành phần tham gia quan trọng trong tiến trình đều lựa chọn chiều hướng sau. Những gì đáng lẽ là một bước thụt lùi lại trở thành một bước ngoặt. Real IRA chẳng bao giờ được khôi phục. Gerry Adams và Martin McGuinness lên án các vụ tấn công một cách dứt khoát. David Trimble tỏ ra có khả năng đối phó với tình hình. Một người thân của nạn nhân đã nói với tôi trong tiếng nấc nghẹn ngào, than khóc về việc ra đi của vợ mình: Đừng dừng lại, hãy tiếp tục, cần tạo dựng một nền hòa bình vĩnh viễn tại Bắc Ireland để tưởng nhớ những người đã thiệt mạng và để không còn ai phải đau khổ như tôi ngày hôm nay”.

Đáng tiếc, thái độ của người dân nơi đây hoàn toàn trái ngược với người dân khu vực Trung Đông, nơi sự phản đối thường diễn ra bất cứ khi nào có một vụ tấn công khủng bố xảy ra. Phản

ứng tại đó thường đi liền với các hành động tăng cường kiểm soát chặt chẽ hơn theo cách đẩy những người kiến tạo hòa bình cũng như những kẻ khủng bố ra xa nhau và phải nhìn nhận bạo lực như thể chỉ là mâu thuẫn với những thành phần không phải xung đột bạo lực. Vấn đề là khoảnh khắc của tiến trình hòa bình được nắm bắt và giao chìa khóa vào tay những kẻ khủng bố. Mục đích của chúng là chấm dứt tiến trình. Đó là nguyên do căn bản, yếu hèn, phía sau những cuộc khủng bố.

Khủng bố là minh chứng rõ ràng nhất của các hành động cực đoan cố gắng phá vỡ tiến trình hòa bình. Nhưng áp lực phá vỡ tiến trình cũng đến từ những phần tử dân chủ và hoàn toàn đáng tôn kính ở cả hai phía, những người cáo buộc đảng của họ đã phản lại nguyên tắc của chính mình. David Trimble phải hứng chịu một chuỗi những hành động không ngừng từ các thành viên DUP và một số thành phần khác vốn nhìn nhận mỗi nhượng bộ như một sự lừa dối và toàn bộ tiến trình như sự phản bội đối với các nguyên tắc trong cộng đồng của họ. Đối với người ngoài Đảng, điều này dường như không hợp lý và không thuyết phục; nhưng với người trong Đảng lại không như vậy. Tôi nghĩ, David cho rằng tôi không giúp gì được cho ông ấy. Theo quan điểm của tôi, ông ta chưa bao giờ thực sự ủng hộ những điểm tích cực; có xu hướng chia sẻ và thông cảm với xu hướng của phe Hợp nhất hơn là việc chứng kiến những âm mưu chống lại họ. Nhưng ông ta có ảnh hưởng rất lớn và đã sử dụng nó với động lực mà ngay lập tức đem lại cho ông Giải Nobel Hòa bình.

8. Các nhà lãnh đạo đóng vai trò vô cùng quan trọng. Bất kỳ tiến trình hòa bình nào cũng có những rủi ro chính trị, cảm giác phiêu lưu chính trị, dũng khí chính trị, thậm chí cả dũng khí cá nhân. Chất lượng lãnh đạo cũng đóng vai trò quan trọng, là một điều kiện thiết yếu.

Điểm mấu chốt nằm ở chỗ: Điều dễ dàng nhất đối với các bên trong bất kỳ cuộc xung đột nào là nắm vững vị trí đã được thiết lập. Một hệ tư tưởng, thậm chí một kiểu luận thuyết, sẽ hình thành trong cuộc xung đột, phản ánh tính chất bề phái của nó. Để nắm giữ được nó cần phải bước chân trên một con đường quen thuộc, vốn có thể chẳng dẫn đến đâu, nhưng có bề mặt láng cứng, với các cột mốc tạo ra nhận thức về khoảng cách và là nơi mà môn đệ của các nhà lãnh đạo cảm thấy thoải mái nhất.

Chúng tôi rất may mắn về chất lượng lãnh đạo của mình. David Trimble là một công cụ. Ông ta đã khởi động lại sự việc khi nó dường như hoàn toàn bất khả thi, kiên trì với nó khi nó lâm vào tình huống khó khăn nhất và trả giá chính trị cao nhất (dù tôi chắc chắn rằng danh tiếng của ông ta trong lịch sử là sự đảm bảo nhất).

Khi trong các vai trò không chắc chắn nhất, Ian Paisley – nhiều năm là người phá hoại, người hư hỏng, người phê bình nghiêm khắc tất cả các vấn đề trong chủ nghĩa Hợp nhất, người tìm kiếm sự thỏa hiệp – nắm quyền và hoàn thành tiến trình.

Rõ ràng, Ian Paisley là một nhà chính trị kỳ lạ, một sản phẩm trùng hợp duy nhất của các điều kiện chính trị tại Bắc Ireland. Ông ta là người theo đạo Thiên chúa, giữ chữ tín và liêm chính, một người yêu Chúa thực sự; một người theo chủ nghĩa Hợp nhất say mê. Ông thông minh, lanh lợi, thậm chí ranh mãnh và có thể kiểm soát hầu như các vấn đề về chiến lược và chiến thuật, đồng thời có thể chỉ ra sự khác biệt giữa hai vấn đề trên.

Vậy, ông đã thay đổi hay chính tình hình đã thay đổi? Ông ta có thể nói tình hình thay đổi và rằng ông luôn sẵn sàng kiến tạo nền hòa bình nếu IRA hứa từ bỏ bạo lực. Nhưng tôi nghĩ có hai điều đồng thời xảy ra và đã làm thay đổi ông ta. Thứ nhất, sau một thời gian ốm yếu suy nhược kéo dài, ông ta biết rằng mình sẽ sống, ông ta cảm nhận cái chết treo lơ lửng trên đầu, cả về chính trị lẫn bản thân mình và muốn bỏ lại phía sau một điều gì đó sâu sắc hơn, bền vững hơn so với việc “không đầu hàng”. Thực sự đã có một khoảnh khắc tiến triển hơn trong quá trình hội đàm tại St Andrews vào tháng Mười năm 2006, khi người ta khám phá ra rằng ông ta và vợ là Eileen đang kỷ niệm 50 năm ngày cưới của hai vợ chồng. Cuối cuộc họp, có một vài nghi lễ trong đó các đảng sẽ chúc tụng ông ta, bao gồm cả Garry Adams và Bertie. Sau đó, ông ta sẽ

được tặng một miếng gỗ cắt từ một cây tại khu vực Cuộc chiến thành Boyne. Ông ta cảm ơn một cách lịch thiệp và nhã nhặn (Ian hoàn toàn có khả năng làm điều này, thậm chí khi được chúc tụng). Tôi cảm thấy đây là một người đàn ông sống nội tâm và nhạy cảm.

Ian sẽ chẳng là gì nếu không phải là một chính trị gia biết lắng nghe. Trong diễn tiến cuối năm 2006 và đầu 2007, ông ta nghe mọi người nói với mình rằng đây là thời điểm cho hòa bình và thậm chí là thời điểm để ông ta kiến tạo hòa bình. Trong suốt các cuộc họp như vậy, Ian chính là người muốn thúc đẩy tiến triển, người sẵn sàng tìm kiếm các giải pháp sáng tạo, người luôn quan tâm đến việc để ngỏ vấn đề. Ông ta và tôi sẽ thường xuyên có những cuộc riêng trong căn phòng nhỏ tại phố Downing. Jonathan trước đây rất ngạc nhiên khi tôi miêu tả các cuộc họp, vốn hầu như luôn đối mặt với vấn đề ở mức độ tinh thần chứ không ở mức độ tạm thời. Cả hai chúng tôi đều rất phấn khích bởi niềm tin tôn giáo. Ông ta tặng tôi một quyển sách cầu nguyện nhỏ về Leo (Cung Sư Tử).

Một lần, gần cuối buổi gặp mặt, ông ta hỏi liệu tôi có nghĩ rằng Chúa muốn ông ta giải quyết vấn đề, theo đó sẽ hàn gắn tiến trình hòa bình. Tôi muốn nói có, nhưng lại lưỡng lự; dù vậy, tôi chắc chắn rằng Chúa muốn hòa bình, chúa không phải là người đàm phán. Tôi cảm thấy việc nói có là sai lầm, mang tính chất thao túng và vì vậy tôi nói tôi không thể trả lời câu hỏi đó. Đó chỉ là bởi ông ta có thể làm được điều đó và tôi hy vọng ông ta sẽ để Chúa hướng dẫn mình.

Mọi người có thể chẳng bao giờ hiểu được điều đó khi trước đây tôi thường nói mình rất yêu quý ông ta và thực tế là như vậy. Tôi nghĩ, sự sùng kính của bà tôi dành cho ông ấy khiến tôi có một điểm yếu.

Về phía những người theo chủ nghĩa quốc gia dân tộc, cũng có những nhà lãnh đạo có phẩm chất thực sự. John Hume đã, đang là một nhân vật chính trị tầm cỡ và một người liêm chính. Ông ta có tầm nhìn, trí tưởng tượng và khả năng tiên đoán trong khi những người khác rõ ràng vẫn bị che mắt. Seamus Mallon và Mark Durkan, các nhà lãnh đạo của SDLP, là người ôn hòa và biết điều và dường như cả hai phẩm chất này đều bị coi là bất lợi đối với họ. Họ luôn lâm vào tình thế khó khăn. Vấn đề là phải thuyết phục Sinn Fein tham gia vào tiến trình thay vì thể hiện thái độ lạnh lùng. Vì vậy họ cần nhiều thời gian, năng lượng và sự tập trung để làm được điều đó. Điều này gây ra sự bất đồng sâu sắc; nhưng nó là một kết quả không thể tránh khỏi đối với việc kiến tạo hòa bình. Ngược lại, cả Seamus và Mark là những nhân vật quan trọng trong lĩnh vực của họ. Rất tình cờ, cả hai đều là những bậc thầy trong các bài giới thiệu tóm tắt về chương trình sắp diễn ra, thực sự họ là những phát ngôn viên hạng nhất, người nằm ngoài nền chính trị của Bắc Ireland và hẳn là các tay chơi lớn trong bất kỳ đảng phái chính trị nào.

Về Bertie và đóng góp của ông ta, như tôi đã trình bày trước đó. Tiếp theo là Gerry và Martin. Họ là một cặp đôi phi thường. Dần dần, tôi thấy mến cả hai người, có lẽ nhiều hơn tôi những gì tôi có thể nói ra ở đây. Một lần nữa, đáng lẽ cả hai sẽ trở thành những nhân vật lớn trong bất kỳ nền chính trị nào. Họ không chỉ đơn thuần hiểu mà là bậc thầy lão luyện về việc phân biệt giữa chiến thuật và chiến lược. Họ biết đích đến và họ quyết tâm đưa môn đệ của mình theo, hoặc ít nhất đa phần trong số họ.

Đã có rất nhiều lời bình luận và bàn tán về Hội đồng Quân sự Lâm thời và các thành viên của trong Hội đồng. Nhiều người, phần lớn thuộc giới tình báo Anh, nghĩ rằng Sinn Fein và IRA rất khó phân biệt. Khi Gerry và Martin nói họ sẽ phải hội đàm với IRA về một vài vấn đề, thật buồn cười là họ luôn bối rối và không thể phân biệt được ai với ai.

Tôi luôn nghĩ rằng mối quan hệ phức tạp hơn mức đó. Ý nghĩ rằng họ có thể chỉ hướng dẫn IRA chẳng bao giờ khiến tôi hài lòng. Tôi không nghi ngờ rằng trong nhiều dịp, sự khác biệt giữa Sinn Fein và IRA là một tiểu xảo, một sự phân chia được sử dụng vì các lý do chiến thuật. Tôi biết cả hai đều rất thông minh và có thể điều khiển được tình huống; nhưng tôi cũng có thể như vậy. Và tôi nghĩ là trong những tình huống nhất định, họ thuyết phục và đàm phán với người khác chứ không phải chỉ ra lệnh. Tôi có quan điểm nhìn nhận rằng quan hệ SF/IRA hơi

giống với quan hệ của lãnh đạo Đảng Lao động và Đảng Lao động NEC: Vâng, lãnh đạo là quyền lực, nó thường có cách riêng của mình, nhưng không phải là mọi lúc và thường đi kèm việc thương thuyết.

Gerry và Martin lo sợ chia rẽ, như đã từng xảy ra trước đây đối với Phe Cộng hòa đi kèm với các hậu quả thảm khốc. Điều này đồng nghĩa với việc phải đi từng bước một, dẫn dắt họ, tán tỉnh họ và không phải lúc nào cũng hoàn toàn thẳng thắn đối với những gì mà đích đến thực sự muốn phản ánh. Nó là một nhiệm vụ nặng nề và họ triển khai nó với kỹ năng đa dạng.

Cuối cùng, họ hiểu rằng sự tồn tại của IRA đã không trở thành cách thức đối phó với vấn đề định cư, mà là rào cản của vấn đề này. Nó đòi hỏi dũng khí chính trị thực sự để quán triệt vấn đề và cho dù bạn có thích họ hay không, dù bạn cực lực phản đối các hành động trước đây của họ như thế nào, thì họ cũng có thừa dũng khí.

Ở đó cũng có lãnh đạo của các phe thiểu số, thường là những người lạc lõng trong cuộc xung đột nhưng vai trò lãnh đạo của họ, lại khá gây hứng thú. Mọi người thích David Ervine của Đảng Hợp nhất Tiến bộ (Progressive Unionist Party – PUP), các lãnh đạo của Liên minh và liên minh của những người phụ nữ tuyệt vời mà tôi thường quan sát chỉ để nhắc nhở bản thân rằng vẫn có những con người bình thường tại Bắc Ireland.

Đó là Ronnie Flanagan và Hugh Orde, hai Đô đốc mà tôi đã làm việc cùng, với vị trí đặc biệt là lãnh đạo của lực lượng cảnh sát Bắc Ireland. Họ có vai trò thiết yếu và vai trò đó không chỉ theo hình thức chính trị công khai mà với cả ý nghĩa chính trị.

Trong trường hợp này, tôi cho rằng ít nhất, mình đã lựa chọn đúng những người cần bổ nhiệm. Bộ trưởng ngoại giao và các bộ trưởng khác đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền hạn của mình. Họ rất khác biệt, như bạn biết: Mo Mowlam, Peter Mandelson, John Reid, Paul Murphy và Peter Hain tất cả đều là những người phi thường trong lĩnh vực của mình, thực sự rất tài hoa và mỗi người có những đóng góp quan trọng thiết yếu, có ý nghĩa cho đảng.

Cho dù họ vẫn đang tại nhiệm hoặc đã được bổ nhiệm vào vị trí khác, nhưng các nhà lãnh đạo này đều đóng vai trò rất quan trọng. Mỗi bước trên con đường chính trị đòi hỏi những quyết định phức tạp. Nhưng nó không chỉ là việc lãnh đạo nội bộ đối với các đảng phái quan trọng mà các điều kiện bên ngoài cũng phải được quan tâm đúng mực.

9. Hoàn cảnh bên ngoài phải ủng hộ chứ không chống lại nền hòa bình. Tôi đã mô tả những thay đổi tại miền Nam Ireland góp phần tạo ra bối cảnh cho tiến trình như thế nào, một sự thay đổi thiết yếu trong mỗi cuộc xung đột. Các cuộc xung đột này hiếm khi gọi lên cảm giác mạnh chỉ trong các khu vực tranh chấp tạm thời như: Kashmir, Sri Lanka, Kosovo. Trong bất kỳ khu vực nào nêu trên, bên trung gian thứ ba cũng đóng một vai trò: Hoặc tốt hoặc xấu.

Điển hình là cuộc tranh chấp giữa người Israel và người Palestine đa bùng nổ và gây xôn xao khắp khu vực, thậm chí trên toàn thế giới. Những tay chơi bên ngoài, đặc biệt trong thế giới Ả Rập, đóng vai trò thiết yếu. Thực sự, có sự thay đổi tiềm ẩn trong thái độ của họ đối với nền hòa bình trong khu vực: Trong nhiều năm, tinh thần “đại nghĩa” của người Palestine được sử dụng và thường bị lạm dụng; nhưng giờ đây họ, cũng như Israel, quan ngại Iran và ảnh hưởng của quốc gia này trong khu vực.

Bắt đầu với sáng kiến hòa bình của Hoàng tử Abdullah vào năm 2002, các nước Ả Rập không còn muốn khai thác cuộc tranh chấp, mà muốn giải quyết nó. Nó đem lại cơ hội to lớn cho Israel. Cũng như vậy, một thế giới rắc rối và bị đe dọa bởi chủ nghĩa khủng bố toàn cầu dựa trên sự xuyên tạc của Hồi giáo đòi hỏi tranh chấp phải được giải quyết. Các điều kiện khách quan ngày nay trở nên ôn hòa. Đó là tại sao việc kiểm soát xác suất và thúc đẩy hòa bình là điều hiển nhiên. Nhưng nó sẽ đòi hỏi sự kiên trì. Vốn sẽ đưa tôi đến nguyên tắc.

10. Đừng bao giờ từ bỏ. Nguyên tắc đơn giản nhưng cần thiết: Đừng bao giờ từ bỏ việc giải quyết nó và đừng bao giờ từ bỏ nó. Đây không chỉ là việc kiểm soát xung đột mà là việc từ chối chấp nhận thất bại. Như chúng tôi thường nói tại Bắc Ireland: Nếu bạn không thể giải quyết nó, hãy quản lý nó cho đến khi bạn có thể giải quyết; nhưng đừng bước đi và bỏ lại nó. Một tiến trình hòa bình không bao giờ đứng tại chỗ như vậy – nó sẽ tiến triển hoặc tụt lùi. Bạn phải tin vào một giải pháp mà thậm chí người khác không tin, thậm chí khi sự thông thái truyền thống chống lại bạn, thậm chí khi những vấn đề này được quan tâm tương tậm nhất – bản thân các đảng – đã từ bỏ hy vọng. Và hãy nhớ: Thử và thất bại còn hơn không dám thử nghiệm.

Đây là mười nguyên tắc của tôi. Ít hay nhiều, chúng tôi đều áp dụng chúng cho tình huống tại Bắc Ireland. Có nhiều lúc, mọi việc dường như đã rơi vào vô vọng, nhưng may mắn thay vẫn còn ai đó nuôi hy vọng.

Cái ngày lịch sử diễn ra vào 8 tháng Năm năm 2007, chín năm sau khi Thỏa thuận Ngày thứ Sáu Tốt lành, khi tôi đến Stormont để chứng kiến việc tái tuyên bố chính quyền Hành pháp mới của Bắc Ireland. Ian Paisley là Bộ trưởng đầu tiên, cấp phó của ông là Martin McGuinness.

Ngày đó, tôi đã nhìn thấy những thứ mà nếu bạn tiên đoán chúng cách đây 10 năm, mọi người có thể cười; hoặc có thể rầu rĩ, nhưng vẫn cười. Cuộc họp diễn ra giữa tôi với Bertie, Peter Hain, Ian Paisley và Martin McGuinness, hai trong số họ nói chuyện phiếm, ba trong số chúng tôi ngồi đó hơi lặng người, bản khẩu liệu chúng tôi có đang mơ. Nơi ban công xưa, những kẻ thù không đội trời chung đang ngồi đó cùng nhau trao đổi những lời nhận xét, pha trò như thể các thập kỷ trước chưa từng xảy ra. Mọi người trước đây muốn giết hại nhau giờ lại muốn hợp tác cùng nhau. Thật đặc biệt, cảm động và hài lòng.

Tại cánh cổng của Stormont có một cuộc phản đối khác. Mỗi khi chúng tôi đặt chân lên đất Bắc Ireland thì luôn có những cuộc phản đối – lớn, bé, hòa bình, bạo lực, một số người phe Hợp nhất, một số người Cộng hòa – luôn luôn cho thấy nền chính trị của Bắc Ireland đã bị chia rẽ từ bất kỳ nơi nào khác như thế nào. Ngày đó, lần đầu tiên có một cuộc phản đối không phải về Bắc Ireland, mà về Iraq. Khi chứng kiến cảnh đó, tôi cảm thấy Bắc Ireland đã tái hòa nhập vào thế giới.

7. "Chúng tôi lãnh đạo bằng văn"

"Anh tranh cử bằng thơ, nhưng anh cai trị bằng văn", đó là câu nói quen thuộc của cựu Thống đốc bang New York, Mario Cuomo. Mùa hè năm 1998, chỉ sau một năm tại vị, tôi đã bị cảm giác bất an đeo đuổi bám riết.

Tôi lên nắm quyền với niềm tin rằng kẻ thù lớn nhất của Đảng Lao động là chính nó chứ không phải bất kỳ một chính đảng nào khác. Nhìn lại lịch sử 100 năm tồn tại, tôi thấy Đảng Lao động mang bản chất của một chính đảng đối lập ở Anh. Tuy có những giai đoạn Đảng nắm giữ quyền điều hành Chính phủ nhưng tâm thế chung của các đảng viên không phải là tâm thế của những người quyết định chính sách mà là của những người phản biện chính sách.

Tuy nhiên, chúng tôi đã trải qua một hành trình thay đổi kỳ diệu. Đảng chấp nhận những điều mà trước đó một thế kỷ, không ai có thể tưởng tượng rằng sẽ có ngày được chấp nhận. Tôi đã luôn tâm niệm rằng nếu ta lãnh đạo bằng cách dẫn đường, can đảm và luôn kiên định một hướng đi – thì mọi người sẽ tin theo sự lãnh đạo của ta. Và họ thực sự đã tin theo như thế. Đó không chỉ là thành quả của 18 năm lãnh đạo của Đảng Đối lập mà là thành quả của một đội ngũ những người hiểu và tin vào một Đảng Lao động mới – với cả bản năng, xúc cảm và trí tuệ của mình. Chỉ có điều họ phải chịu lép vế về số lượng, hoài nghi về tầm ảnh hưởng của chính mình và ở một khía cạnh nào đó, cũng như tôi, họ đều đang mò mẫm tìm hướng đi cho bản thân.

Các đảng viên Đảng Lao động, đặc biệt là những thế hệ đi trước (không phải tất cả, nhưng có thể nói là phần lớn) ủng hộ việc cách tân đảng. Họ muốn một Đảng Lao động đổi mới hơn thời kỳ những năm 1940 và “mới” như ở khoảng những năm 1960. Roy Hattersley là một đại diện tiêu biểu của nhóm này: Kiên quyết chống phe Xã hội Chủ nghĩa, ủng hộ sự tồn tại của khu vực tư nhân bên cạnh khu vực công và hiểu rằng Đảng Lao động buộc phải có những động thái khôn ngoan hơn trong lĩnh vực quốc phòng. Nói cách khác, đối với ông ta và với nhiều người khác, Đảng Lao động không thể giữ quan điểm cực đoan như trước và phải trở về vị trí phù hợp của nó. Đây là lối tư duy vượt xa những suy nghĩ ngớ ngẩn vô nghĩa lý của cuộc khủng hoảng trong Đảng thời kỳ những năm 1980, nhưng để theo kịp với những biến động mà thế giới đã trải qua thì vẫn còn cả một con đường dài phía trước. Rời bỏ quan điểm cực đoan là cần thiết, nhưng chỉ thế thôi thì vẫn chưa đủ.

Phần lớn những người thuộc thế hệ cũ ấy – thuộc cả cánh tả và cánh hữu – đều chấp nhận thực tế rằng Đảng Lao động mới mang chúng tôi ra khỏi bóng đêm của chính đảng đối lập, nhưng lại không tin tưởng vào Đảng. Họ cho rằng Đảng Lao động mới thiếu niềm tin và đồng tình với ý kiến truyền thông của phái Tory bảo thủ thời bấy giờ, cho rằng Đảng Lao động mới về bản chất chỉ là một sản phẩm marketing, một sáng tạo của nghệ thuật quan hệ công chúng, một thứ máu lạnh chỉ có đầu mà không có trái tim. Họ tin rằng đảng viên Đảng Lao động mới đã khám phá ra một công thức thành công tuy thông minh nhưng không chân thành.

Để “lách” Đảng, tôi đã gây dựng một liên minh giữa bản thân mình và công chúng. Trong thời kỳ 1994–1997 và cả thời kỳ đầu tại nhiệm, liên minh của tôi được củng cố rất vững chắc, không thể suy chuyển. Trong Đảng không xuất hiện nhiều ý kiến trái chiều. Bất cứ biểu hiện bất tuân nào cũng sẽ gọi lại ký ức của những năm tháng của Đảng Đối lập. Mà hiện tại, chúng tôi đang ở thế thượng phong, chẳng có gì phải quay lại những năm tháng ấy. Đó là lý lẽ đơn giản, mộc mạc và hoàn hảo trong việc thu phục cử tri mà tôi dùng để duy trì trật tự trong đảng. Điều đó đồng nghĩa với việc tôi có thể vươn dài cành lá lên cao mãi bởi tôi có cả một thân cây dư luận khỏe mạnh nâng đỡ phía sau.

Nhưng điều đó cũng khá rủi ro. Tôi hiểu rằng, thời gian qua đi, cành lá vươn dài ra và cũng yếu dần, thân cây dễ bị lay chuyển hơn và sức bám trụ của nó cũng giảm.

Một trong những cội nguồn của cảm giác bất an trong tôi xuất phát từ chính đảng đối lập, công

chúng sẽ không ngần ngại ủng hộ người đứng đầu chính đảng đó đưa ra những quyết định táo bạo bởi những quyết định ấy chỉ can dự tới đảng của ông ta mà thôi và công chúng chỉ đóng vai trò khán giả của vở diễn. Nhưng với Chính phủ, quyết định của người đứng đầu đảng cầm quyền có can dự tới tất cả mọi người. Công chúng giờ đây là người trong cuộc. Cuộc sống của họ làm nên một phần của vở diễn.

Tôi đã nghiên cứu kỹ lưỡng lịch sử đảng của mình và đi đến kết luận rằng, để chiến thắng, đảng cần vượt lên cái bóng của chính mình và người lãnh đạo phải đứng ở tầm cao hơn vị thế của một người lãnh đạo đảng thuần túy. Nhưng đồng thời, tôi cũng phải đánh giá đúng mức những nguy cơ và khó khăn mà các đảng cấp tiến phải đối mặt – khi liên minh đảng lẽ phải được tạo lập giữa nhà lãnh đạo và người dân lại trở thành liên minh giữa đảng và những người chống lại nhà lãnh đạo đó.

Bạn có thể thắc mắc vì sao điều đó lại là một nguy cơ. Chắc chắn đảng chỉ cần tổng cổ kẻ lãnh đạo đó và tìm một nhà lãnh đạo khác được lòng công chúng hơn và thắng tiến tới những thắng lợi bầu cử. Nguy cơ có thể là cả đảng và người dân đều cùng một phe chống lại người lãnh đạo, nhưng hai bên lại có những lý do rất khác biệt. Với những đảng cấp tiến, người dân có thể vỡ mộng vì đủ các lý do – với trường hợp của Đảng Lao động, đó là những cải tiến chậm chạp về dịch vụ công, giá nhiên liệu, thuế, tình trạng tội phạm và nhập cư, thường là các vấn đề trung tâm. Nhưng chính bản thân đảng cấp tiến còn dễ bị vỡ mộng hơn bởi họ cho rằng bộ máy lãnh đạo không đủ sáng suốt theo nghĩa cực tả truyền thống: Tiêu dùng và áp thuế quá ít, hy sinh những vị trí và những học thuyết được yêu mến, quá ủng hộ tầng lớp trung lưu và ít quan tâm đến người nghèo. Tuy nhiên, Đảng tự huyễn hoặc rằng sự bất mãn của người dân bào chữa cho sự bất mãn của chính họ. Và điều đó mang đến cho các cuộc bầu cử những thảm họa thay vì thắng lợi.

Tôi nhớ lại những năm đầu thập kỷ 1980, sau nhiều thất bại trong các cuộc chạy đua để trở thành ứng viên cho vị trí đại biểu Quốc hội, tôi có cảm giác đang tranh luận gay gắt với một viên chức vấn về lý do Đảng Lao động chịu thất bại trong cuộc bầu cử năm 1979. Lý lẽ căn bản của hắn là đảng chúng tôi đã nghiêng về phía hữu, phản bội giai cấp của mình, quên mất cội rễ cánh tả, v.v... Tôi cố gắng trong tuyệt vọng để kiểm chế bản thân vì tôi biết từ phía đảng mà nói, cãi lại lý lẽ này là một việc làm điên rồ. Nhưng tôi cũng biết rằng đứng về phía công luận mà nói, sẽ là điên rồ nếu đồng ý với lý lẽ này. Tôi lúng búng câu gì đó để hòa giải một cách yếu ớt và hèn nhát. Rồi một người nữa lên tiếng, lại một người khác nữa và cuối cùng tôi không thể kiểm chế bản thân hơn. Tôi như phát hỏa: “Nếu công luận nghĩ rằng Đảng Lao động không đủ chất cánh tả thì tại cái quái gì mà họ lại bầu cho Đảng Bảo thủ? Họ có điên không? Có thật là họ nghĩ rằng Đảng Lao động dưới quyền Margaret Thatcher chắc chắn sẽ đậm chất cánh tả hơn Đảng Lao động dưới quyền Jim Callaghan? Ý ông là công luận dần đến mức ấy?” Mà rõ ràng là họ có nói như vậy.

Khi chúng tôi hoàn tất bản Tổng kết Chi tiêu Toàn diện khoảng giữa năm 1998 (đây là văn bản giúp kết thúc sức ép nặng nề về các khoản chi tiêu công mà chúng tôi tự đề ra trong suốt ba năm đầu kể từ năm 1997), tôi cảm thấy rất lo lắng vì dường như có điều gì đó không thuận trong cách điều hành Chính phủ của chúng tôi. Những bài phát biểu hùng hồn và các phân tích thông minh đều không có vấn đề gì – cần tập trung vào đầu tư và cải cách; cắt giảm trợ cấp Chính phủ; khen thưởng các điển hình tiến bộ, loại trừ thói hư tật xấu trong giáo dục; giảm hiện tượng chờ đợi trong Dịch vụ Y tế Quốc gia. Nhưng thực tế khoảng cách giữa chất lượng của những bài hùng biện và chất lượng của chính những cuộc cải cách là cả một quãng đường dài.

Chúng tôi vẫn có 1,3 triệu bệnh nhân nội trú trong danh sách chờ và phần lớn trong số họ đã phải chờ đợi khoảng hơn 6 tháng mới đến lượt. Tuy vậy, quá trình chờ đợi này vốn không bắt đầu từ các bệnh nhân mà từ các cuộc hẹn với bác sỹ. Vào thời điểm đó, không có bất cứ chuẩn mực tối thiểu nào cho việc gặp được bác sỹ. Sau cuộc gặp với bác sỹ, quá trình chờ đợi bắt đầu với việc lọt được vào danh sách bệnh nhân ngoại trú. Quá trình này có thể kéo dài nhiều tháng.

Chỉ sau khi vào được danh sách bệnh nhân ngoại trú thì các bệnh nhân mới có cơ may được lọt vào danh sách nội trú. Sáu tháng chờ đợi thường không phải đơn thuần là sáu tháng. Đó có thể là mười hai, mười tám hoặc thậm chí nhiều hơn thế.

Dịch vụ Y tế Quốc gia vô cùng hấp dẫn, thậm chí còn đánh giá cao với khả năng ứng phó linh hoạt với các trường hợp cấp cứu và các bệnh mãn tính, nhưng về khía cạnh dịch vụ, nó không được như thế, tốt thì rất tốt, nhưng kém thì cũng không đâu bằng. Nó không được Nhà nước tài trợ hoàn toàn và đầy đủ, nhưng tài chính không phải nguyên do duy nhất. Vì thế, việc rút thêm tiền không phải là giải pháp triệt để.

Ở những lĩnh vực khác, tình trạng cũng diễn ra tương tự. Chúng tôi cố gắng cắt giảm số trẻ mẫu giáo trên một lớp. Đó là điều chúng tôi đã hứa. Đó là điều chúng tôi đang thực hiện. Tiền đang được đổ vào để xây dựng trường học. Nhưng thực tế chúng tôi vẫn có 40% trẻ 11 tuổi tốt nghiệp tiểu học mà không thể đọc hay viết đúng. Chiến lược phổ cập giáo dục của David Blunkett bước đầu phát huy kết quả và tạo ra sự khác biệt. Nhưng cả hai chúng tôi đều biết thách thức thực sự là vấn đề liên quan đến bậc trung học. Chỉ có 30 trường cấp II ở London có trên 70% học sinh đạt 5 điểm GCSE. Trong thâm tâm, tôi biết mình sẽ không gửi các con đến bất cứ trường nào trông hầu hết các trường cấp hai nội thành. Kỷ luật mỗi nơi một kiểu, nhiều lúc còn quá tệ hại. Chẳng có gì ngạc nhiên khi phụ huynh thường mất niềm tin vào giáo viên. Hiếm có đội thể thao nào được tổ chức quy củ trong khu vực nội thành.

Về mặt phúc lợi, chúng tôi cắt giảm số người được nhận trợ cấp. Với nền kinh tế khá ổn định và sau sự kiện Ngân hàng Trung ương Anh tách riêng độc lập, thì sự ổn định vĩ mô lâu dài hoàn toàn trong tầm tay. Một cách tự nhiên, số người thất nghiệp giảm xuống. Chúng tôi coi đó là dấu hiệu cho thấy chính sách phúc lợi thắt chặt của mình đang phát huy tác dụng. Nhưng, một lần nữa, tôi cảm thấy những lời tuyên bố là lạc quan quá mức so với các biện pháp thực tế.

Còn một câu hỏi khác vẫn luôn đeo đuổi suy nghĩ của tôi những ngày mùa hè năm 1998 – thời kỳ tương đối huy hoàng đối với tôi, cũng là câu hỏi mà tôi trăn trở mãi với nỗi lo lắng bứt rứt ngày càng tăng. Đó là câu hỏi về chất lượng của phân tích xã hội. Tôi có thể thấy rằng xã hội đang gãy nứt thành những mảnh vụn định nghĩa lý thuyết trung tả truyền thống. Tầng lớp trung lưu vẫn tồn tại. Nó đang lớn mạnh dần lên. Tầng lớp này bao gồm những luật sư, chủ ngân hàng, các nhà quản lý bậc trung, công nhân tay nghề cao, kỹ thuật viên, nhà phân tích máy tính mới, những con người sáng tạo thuộc tầng trung của ngành công nghiệp.

Nhưng thuật ngữ “tầng lớp lao động” có vẻ không được sử dụng thỏa đáng, nó đúng nhưng không đủ sức bao quát. Thuật ngữ nói về những người làm công ăn lương tối thiểu, những công nhân hợp đồng, thậm chí những y tá lương thấp, những người lao động bình thường. Nhưng nó cũng còn được dùng để miêu tả những người ở đáy của tầng lớp họ – những người “phi lao động”. Thật ra, đây là cụm từ chúng tôi dùng để gọi Chính phủ – những người “ở bên lề xã hội”.

Tôi vừa kịp nhận ra rằng chúng ta không thể và cũng không nên trộn hai nhóm người này với nhau. Phải nói rằng thuật ngữ “tầng lớp hạ lưu” của cánh hữu là một thuật ngữ không gợi hình ảnh tượng trưng nhưng chính xác. Những con người ở dưới đáy xã hội này, không phải đang có một công việc sai lệch. Họ có một cuộc đời sai lệch. Con cái họ, nếu đến trường cũng chỉ gây rối. Cha mẹ chúng thường hoặc là chia tay nhau, mắng nhiếc, đánh đập chúng, hay không đủ khả năng để nuôi nấng chúng.

Người ta có thể cảm nhận hậu quả của những điều đó trong các hành vi phạm tội hoặc chống đối xã hội. Như tôi đã nói ở trên, tôi bước vào chính trường cùng thời điểm với với kẻ sát nhân James Bulger năm 1993. Đó cũng là lúc tôi rút ra kết luận dễ dàng nhưng đầy đau xót rằng xã hội của chúng tôi đang trở nên vỡ nát. Nhưng đương nhiên, đó không phải là điều xảy ra với cả xã hội mà chỉ là một phần của xã hội mà thôi. Tôi chỉ rút ra được kết luận đúng vào cuối nhiệm kỳ Thủ tướng của mình: Tầng lớp người này không cần những chính sách xã hội chung chung tập trung vào họ, họ cần những hành động cụ thể và mang tính phân tầng đối tượng. Vào mùa

hè năm 1998, tôi có thể thấy những triệu chứng của sự sụp đổ ấy một cách rõ ràng: Ở các trường học, trên các con phố, trong các sổ liệu thống kê ngành luật hay các quy định.

Chưa hết. Chúng tôi lên nắm quyền với một quan điểm tương đối truyền thống nhưng khá tự mãn về vấn đề người nhập cư và tị nạn. Jack Straw, Bộ trưởng Nội vụ, chịu ảnh hưởng sâu sắc từ chính địa hạt Balckburn mà ông đại diện, nơi đạo Hồi chiếm đa số và cũng là nơi những vấn đề trên hiện hữu khá sinh động và trực tiếp. Mặt khác, Jack là người khôn ngoan và không khoan nhượng đối với những kẻ phạm luật. Chúng tôi đã không được chuẩn bị trước khi những yêu cầu xin tị nạn bùng nổ trong các năm 1998 và 1999. Trong vòng ba năm nắm quyền đầu tiên của chúng tôi, số lượng yêu cầu tăng gấp ba, thậm chí gấp bốn lần. Tôi đã nghĩ rằng chúng tôi đã có một khung pháp lý khá chặt chẽ, nhưng chúng tôi đã đưa ra một vài tín hiệu xoa dịu và chính điều này cùng với nền kinh tế tăng trưởng tốt và ngôn ngữ tiếng Anh đã khơi nguồn cho dòng lũ những người xin tị nạn. Thêm vào đó, dòng người di cư trên toàn thế giới đang tăng lên. Chúng tôi không phải là quốc gia duy nhất phải đối mặt với vấn nạn này, nhưng gần như nằm trong số ít những nước phải đối mặt với con số thống kê mặc dù chưa đầy đủ nhưng cũng đủ để khiến chúng tôi nhanh chóng được gọi là thủ đô tị nạn của châu Âu. Từ mức con số 30 nghìn lời yêu cầu tị nạn có thể kiểm soát được mỗi năm, giờ con số đó lên tới 100 nghìn yêu cầu. Hơn nữa, sự dồn ứ các yêu cầu này thật đáng sợ và càng ngày càng trở nên đáng sợ hơn. Hệ thống của chúng tôi thực sự không có khả năng xử lý được tất cả các yêu cầu một cách thỏa đáng.

Về bản chất, nước Anh cũng như các nước châu Âu khác đều thừa hưởng một hệ thống và quan điểm về vấn đề tị nạn từ thời hậu chiến, hậu diệt chủng. Những câu chuyện đau thương về những con người trong các trại tị nạn chạy trốn khỏi Hitler và Quốc xã rồi bị từ chối luôn mang lại cảm giác khiếp sợ. Người ta thường nghĩ những người yêu cầu được tị nạn là những người đã bị khủng bố và cần được chấp nhận cho trú nhờ chứ không phải bị đuổi đi. Đó là cảm xúc hoàn toàn có thể hiểu được sau tất cả những điều kinh khủng đã xảy ra.

Tuy nhiên, điều này không còn mang ý nghĩa nguyên vẹn như trước thời điểm cuối thế kỷ XX. Phần lớn các yêu cầu tị nạn đều không thành thực. Nhưng để chứng minh điều đó gần như là không thể. Một tập hợp bao gồm các tòa án (với bản năng pháp lý của họ), Công ước châu Âu về nhân quyền (với thái độ độc tài về việc gửi trả ai đó về cộng đồng không an toàn), Công ước của Liên Hợp Quốc về người tị nạn (với bối cảnh xây dựng gần gũi với bối cảnh nước Đức những năm 1930) có nghĩa là trong thực tế, khi một ai đó đã bước chân được vào nước Anh và yêu cầu tị nạn thì chỉ có quỹ dữ mới dám gửi trả họ về nơi họ ra đi.

Và tất nhiên, nhiều người nghĩ rằng thật sự chỉ có quỹ dữ mới dám làm điều đó. Nỗ lực thắt chặt các điều luật đầu tiên vào năm 1998 dẫn tới một phản ứng giận dữ không thể kiểm soát. Và chúng tôi buộc phải thương lượng để vượt qua giai đoạn tồi tệ đó.

Nhưng thực tế hệ thống quản lý tị nạn của chúng tôi không hoạt động hiệu quả, tê liệt, trôi nổi và cần những hành động cứng rắn hơn. Bộ máy công chức Nhà nước trong khi phải chịu trách nhiệm thi hành công việc này cho đúng đắn thì lại không có những động thái thực thi triệt để cần thiết.

Ở đây, một lần nữa, vẫn tồn tại một khoảng cách giữa nhận thức về vấn đề mà Hệ thống Công chức Nhà nước gặp phải và vấn đề thực tế vốn có. Theo ý hiểu sai lầm của Đảng Lao động, Hệ thống Công chức Nhà nước bao gồm những người ngấm ngầm theo phái Tory, những con rắn ẩn mình trong bụi cỏ Chính phủ, rình rập cơ hội một vị bộ trưởng của Đảng Lao động đưa ra một chính sách bị bóp nghẹt trước cả khi được thi hành. Theo cái điều hoang đường này – và nó thực sự rất hoang đường – họ là những tín đồ của của Đảng Sáng lập và Đảng Sáng lập của họ chính là Đảng Bảo thủ, chính đảng thực sự của Chính phủ, nơi lưu giữ một hình ảnh về nước Anh già cỗi của các thuộc địa, các nhà quý tộc chuyên săn sóc. Theo kịch bản này, những quan chức chớp bu lúc nào cũng sẵn sàng hạ bệ những hành động cấp tiến mà Chính phủ của Đảng Lao động muốn thực thi và đẩy người ta về hướng các kịch bản tồi tệ của phe cánh hữu.

Chúa ơi, giá mà như thế. Thực tế không phải là việc sẵn sàng biểu tình, phá hoại hay hành động. Vấn đề với họ, như tôi đã chỉ ra từ phần đầu, là thái độ bàng quan. Họ có xu hướng đầu hàng trước giới có thể lực, trước hiện thực hoặc lờ đi theo cách thức an toàn nhất để quản lý mọi việc – tất cả đều đồng nghĩa với việc không làm bất cứ điều gì.

Hoàn toàn đối lập với ý hiểu sai lầm trên, những người này không hề bị Đảng Sáng lập cánh hữu chi phối. Họ cũng bị chi phối bởi Đảng Sáng lập cánh tả ở mức độ như vậy. Hay, nói chính xác hơn, họ bị chi phối bởi thời gian, cách thức và thứ tự đã lỗi thời – sản phẩm của 100 năm lịch sử vừa qua.

Nhân vật Ngài Humphrey trong seri phim truyền hình Yes, lấy hình mẫu Thủ tướng để châm biếm và đây là một sản phẩm tượng tượng đã lột tả được những nét điển hình nhất. Ngài Humphrey không thuộc phe cánh tả hay cánh hữu, ông ta chỉ tập trung vào công việc quản lý vào việc giữ đúng trật tự vào hoàn cảnh hiện tại, không phải vì chính hoàn cảnh đó mà vì tính chất hiện tại của nó – tính chất hiện tại mà ông ta biết và có thể hiểu được, một tính chất hiện tại mà bất cứ sự suy biến thay đổi nào để bứt khỏi nó cũng là một rủi ro. Mà rủi ro thì lúc nào cũng nên tránh.

Hệ thống công chức Nhà nước đã và đang có những sức mạnh to lớn ở vị trí trung lập. Nó được điều hành một cách thích đáng, là một bộ máy đáng coi trọng. Vào thời điểm diễn ra các cuộc khủng hoảng, nó hoạt động vô cùng hiệu quả. Thành viên trong bộ máy này là những người thông minh, chăm chỉ và tận tâm với công việc hành chính xã hội. Nó, giống như rất nhiều yếu tố khác, chỉ đơn giản là không được cập nhật. Khi phải đối mặt với những thách thức lớn, bộ máy coi đó là việc bình thường. Nó tư duy bằng sự tụt tụt rồi rạc khi cả hệ thống đòi hỏi những bước nhảy vọt lớn.

Họ không nghĩ rằng Đảng Lao động mới quá tả – ngược lại, họ nghĩ chúng tôi đôi lúc quá hữu – nhưng căn bản, họ nghĩ chúng tôi báng bổ truyền thống và báng bổ một cách liều lĩnh khi họ là những người nắm giữ những vị trí cao cấp, là người giữ đèn với những kiến thức uyên thâm được truyền lại từ xa xưa.

Họ, cùng với nhánh tư pháp, có ý tưởng rằng mối bận tâm của bản thân tôi và của các đảng viên Lao động mới về các hành vi chống đối xã hội, về sự rạn vỡ trong các gia đình, về vấn đề tệ nạn v.v... sinh ra từ ham muốn kiểu chủ nghĩa dân túy nhằm vươn tới và duy trì quyền lực của chúng tôi. Họ không biết rằng mối bận tâm ấy thực sự sinh ra từ mong muốn cải thiện đời sống con người trong một thế giới mà ở đó, những cách làm cũ đã không còn phát huy tác dụng.

Vì thế, năm 1998, tôi mở đầu giai đoạn thứ nhất của các công cuộc cải cách hệ thống công chức Nhà nước với ngài Richard Wilson, Thư ký Nội các mới. Công bằng mà nói, ông ấy hoàn toàn tụt lại đằng sau các công cuộc cải cách. Nhưng, đó là lỗi lầm đáng phải phê phán của bản thân tôi, không phải của ông ấy hay của cả hệ thống công chức Nhà nước. Những cuộc cải cách này cũng giống như nhiều cuộc cải cách khác: Đúng, nhưng e ngại tránh né những biện pháp cấp tiến thực sự.

Và đây là điều khiến tôi bất an. Tôi bắt đầu lo lắng rằng việc đối mặt với đảng về vấn đề cần phải thay đổi là việc làm dễ dàng, còn đối mặt với những lợi ích phi chính trị và với dư luận nhân dân mới là điều khó khăn – nhưng cần thiết.

Tôi học hỏi nhanh chóng và những điều tôi học được tuy hay nhưng cũng gây nản chí. Các vấn đề đều sâu sắc và mang tính hệ thống. Trong suốt kỳ nghỉ đông năm 1998, trong lúc phải đối phó với các cuộc khủng hoảng khác nhau, tôi lấy tuyên ngôn 1997 ra để đọc lại những lời hứa liên quan đến các vấn đề về dịch vụ công và tội phạm trong đó. Tôi bật cười với sự khiêm tốn của nó. Thách thức không nằm ở chỗ làm sao để giữ được những lời hứa này mà là giữ được lời hứa rồi thì sao? Gia tăng số người được điều trị trong danh sách 100 nghìn bệnh nhân chờ – không phải là giảm bớt tổng số người trong danh sách mà chỉ là số người được điều trị mà

thời. Số học sinh trong các lớp tiểu học xuống dưới 30 – không phải là số học sinh trong các lớp ở tất cả các cấp học, chỉ là những lớp trẻ 5, 6, 7 tuổi. Giảm một nửa thời gian cần thiết để đưa tội phạm vị thành niên ra trước tòa – không phải mọi tội phạm, chỉ những người trẻ tuổi và giảm bớt từ con số cao kỷ lục trong lịch sử. Đảng Lao động mới, nước Anh mới? Thật nực cười.

Nhưng để có thể đi sâu hơn, để bắt đầu thay đổi các hệ thống là một thứ tự các nhiệm vụ chính trị và thực tế khác biệt nhau. Điều chỉnh một hệ thống thì ít thu hút sự chú ý của mọi người. Thay đổi hệ thống đó và kênh lợi ích thì hệ thống sẽ được duy trì.

Nhìn về quãng thời gian đó, khi đang viết những điều này, tôi cảm nhận được trong các bài phát biểu và các buổi họp một tâm trạng lo lắng, rằng có điều gì đó còn thiếu hụt, một khía cạnh nào đó còn chưa được phát hiện ra, nhưng là một khía cạnh quan trọng, thậm chí là thiết yếu. Giờ đây, đương nhiên tôi biết đó là vấn đề gì. Nhưng tại thời điểm đó, nó giống như tôi đang nhìn qua một đám mây mù vậy.

Sự việc này được phản ánh trong bài phát biểu hội nghị năm 1998. Một vài tuần trước hội nghị, chúng tôi cho phép Nội các Chính phủ đi nghỉ tại Chequers. Chúng tôi lắng nghe một bài thuyết trình như thường lệ từ Philip Gould về vấn đề trung cầu dân ý và về sự bất lực hoàn toàn của Đảng Bảo thủ. Người ta có thể cảm nhận được những nỗi lo lắng xuyên suốt bài thuyết trình. Tôi nhớ đã kể cho họ nghe về một người đã viết thư cho tôi từ khoảng tháng Năm năm 1998, một bức thư phản nản mở đầu rằng: "Tính đến thời điểm hiện tại, Ngài đã lên nắm quyền được vài năm". Sự sốt ruột đã bắt đầu lộ ra. Vấn đề là ở chỗ chính bản thân tôi cũng sốt ruột như họ.

Khi Philip đang thuyết trình với giọng điệu đều đều về Đảng Bảo thủ, tôi nhìn quanh khán phòng. Chúng tôi đang ở gian phòng tiếp khách lớn trên lầu, một phòng nghỉ rộng rãi với lớp gỗ ốp Hà Lan thế kỷ XVII với một chiếc bàn ăn lớn bằng gỗ gụ tinh xảo, mặc dù căn phòng không bao giờ được sử dụng để làm nơi ăn uống. Phía trên chiếc ghế nơi Thủ tướng đang ngồi là bức tranh vẽ Walpole, giống hệt bức treo ở cùng vị trí trong phòng Nội các tại phố Downing. Walpole là vị Thủ tướng đầu tiên và tại vị lâu nhất (gần 21 năm); ông lên nắm quyền bởi ý muốn bất chợt của Hoàng đế, không được mọi người ủng hộ nhưng lại là người làm việc rất hiệu quả. Nụ cười phảng phất trên chân dung ông luôn gợi cho tôi nhớ tới John Smith. Nhân từ, nhưng đôi khi cũng nghiêm nghị và những lúc như thế thật đáng sợ.

Tôi nghĩ về lịch sử của căn phòng. Tôi nghĩ về Chamberlain, người luôn thích tự mình chăm sóc vườn hồng Chequers và đặc biệt, cuốn nhật ký của ông vẫn còn trên giá sách. Chamberlain: Bị lịch sử phê phán. Việc bị so sánh với Chamberlain là một sự xúc phạm tồi tệ nhất trong giới chính trị Anh. Nhưng ông đã làm gì để phải chịu những điều tiếng như vậy? Sống trong một thế giới tràn ngập những hậu quả đau buồn từ cuộc Đại Chiến đã cướp đi mạng sống của hàng triệu người trong đó có bạn bè và người thân của mình, Chamberlain vô cùng đau khổ; và quyết tâm ngăn chặn một cuộc chiến khác như vậy. Đó không phải là một tham vọng xấu mà trái lại vô cùng cao quý.

Một ngày, khi lang thang lục tìm các giá sách, tôi đã cầm quyển nhật ký của ông lên và bắt đầu đọc phần tường thuật cuộc gặp nổi tiếng của ông với Hitler trước sự kiện Munich, tại ngôi nhà ở Berchtesgaden trên dãy núi Bavarian. Chamberlain miêu tả cách Hitler đã đưa ông lên ngôi nhà gỗ nhỏ trên đỉnh núi sau khi chào đón ông. Ở đó có một căn phòng khá đơn sơ, không có gì ngoài ba chiếc ghế gỗ mộc, hai chiếc để họ ngồi còn một chiếc cho người phiên dịch. Ông tường thuật lại cả việc Hitler lúc thì than phiền về Hiệp ước Versailles và sự bất công của nó, lúc thì quát to, gần như hét lên về những người Czech, người Ba Lan, người Do Thái, những kẻ thù của nước Đức như thế nào. Chamberlain rời khỏi nơi đó và tin rằng mình vừa gặp một kẻ điên, một người thực sự có khả năng làm những điều kinh khủng. Đây là điểm khiến tôi cảm thấy thú vị. Chúng tôi vẫn được dạy rằng Chamberlain là một gã khờ, một kẻ ngốc đã bị Hitler thôi miên. Nhưng thực tế không phải vậy. Ông ấy hoàn toàn nhìn ra những điểm xấu ở con người Hitler.

Tôi cố gắng đặt mình vào vị trí của ông để suy nghĩ và phân tích mọi vấn đề. Ông biết Hitler là người độc ác, nhưng lại không thể biết sự độc ác đó có thể đi xa tới đâu. Một khi bị kích động, hãy nghĩ tới những thiệt hại mà Hitler có thể gây ra. Vì thế, thay vì kích động hẳn, hãy kiềm chế hẳn. Nước Đức sẽ tự biết phán xét, thời gian sẽ quyết định tất cả và với sự may mắn, Herr Hitler cũng sẽ như vậy.

Nhìn nhận vấn đề theo cách này, sự kiện Munich không phải là sản phẩm của một nhà lãnh đạo ngớ ngẩn mà là một nhà lãnh đạo tìm kiếm một chiến lược trì hoãn, chạy đua với thời gian hy vọng tình hình sẽ thay đổi. Trên tất cả, nó là sản phẩm của một nhà lãnh đạo với khát vọng tối cao đầy nhiệt huyết nhằm ngăn những đổ máu, đau thương và khốn khổ của chiến tranh.

Rất có thể sau sự kiện Munich, với thái độ tự mãn quá lớn, ông đã để mọi chuyện xảy ra có vẻ chiến lược mà không chiến thuật. Khi Chamberlain quay trở về sau Thỏa thuận Munich – văn bản định mệnh đã khua múa địa vị của ông trong lịch sử – thì đám đông người dân xếp hàng dọc phố Downing để chào đón ông như một vị anh hùng. Đêm đó trên con phố này vào kỷ nguyên rất lâu trước khi có các rào chắn an ninh vì thế mọi người vẫn có thể tự do đi dọc phố, đám đông tụ tập bên ngoài căn nhà Số 10, gọi to tên ông, tung hô ông và chỉ dừng lại vào sáng sớm ngày hôm sau khi ông buộc phải bước ra ngoài, nói chuyện để giải tán đám đông.

Chamberlain là một người nhân từ, hành động dựa trên những động cơ tích cực. Vậy lỗi là do đâu? Lỗi lầm là việc không nhận ra vấn đề cơ bản. Và đây là cái khó của việc lãnh đạo: Trước tiên, lãnh đạo phải có khả năng nhận diện được vấn đề cơ bản. Điều này nghe có vẻ ngớ ngẩn – chắc chắn rồi; nhưng nếu chúng ta dành thời gian phân tích tình huống, thì vấn đề sẽ không còn ngớ ngẩn nữa.

Bạn có thể nghĩ rằng nghi vấn ở đây là việc liệu có thể kiềm chế Hitler không? Đó là điều Chamberlain nghĩ. Và sau khi suy nghĩ, ông cho rằng mình có thể làm được điều đó. Và có vẻ đáng lẽ Chamberlain đã đúng. Hitler đã chiếm đóng Áo và Tiệp Khắc. Hẳn là “Đấng Tối cao” ở nước Đức. Lý do gì khiến hẳn không thỏa mãn? Thật điên rồ nếu cứ cố gắng vượt khỏi ranh giới và châm ngòi cho chiến tranh.

Nhưng đó không phải là vấn đề căn bản. Vấn đề đó là: Liệu chủ nghĩa phát-xít có đại diện cho một thế lực quá lớn và sâu rễ đến mức cần phải bị nhổ rễ và phá hủy không? Nếu như vậy, thì việc đối đầu là không thể tránh khỏi. Nhưng khi nào và bằng cách nào.

Mặt khác, Chamberlain có một cái nhìn thiển cận và không liên mạch – Hitler là một nhà lãnh đạo, Đức là một quốc gia, năm 1938 là một thời điểm chín muồi: Vậy liệu có thể kìm chân hẳn được không?

Sự thật là, Hitler là sản phẩm kiêm tác giả của một lý tưởng đã chế ngự nhiều quốc gia và nước Đức chỉ là một trong số đó. Năm 1938, chủ nghĩa phát xít đã phát triển thành một thế lực không hành động thuận theo hành trang lý lẽ của Chamberlain nữa mà theo cảm xúc của lý tưởng. Ông ấy đã nhầm câu hỏi căn bản và vì thế đã đưa ra câu trả lời sai.

Nhưng Chúa ơi, lỗi lầm đó thật dễ mắc phải biết bao. Ngược lại, Churchill đã nhận ra câu hỏi chính xác và đưa ra câu trả lời đúng. Churchill: Bị căm ghét ở nhiều nơi, không được tin tưởng đến mức Nhà Vua cũng không muốn ông có mặt trong Chính phủ Baldwin, bị lên án vì những lỗi lầm tại Dardanelles trong Thế chiến thứ I và trong chính sách bản vị vàng của những năm 1920; gần như không được bổ nhiệm làm Thủ tướng năm 1940 cho đến khi Halifax từ chối vị trí này.

Chamberlain đã ngồi cùng một chiếc bàn tại Chequers khi thỉnh thoảng lên hình ở đây. Ông ấy yêu thích Chequers. Ông sa thải người đầu bếp vì đã không nấu súp đúng kiểu, biến Phòng Dài thành rạp phim, thường ở trên giường đến tận trưa đồng thời quát tháo các thư ký để hướng dẫn họ làm việc, dùng bữa tối lúc 10 giờ với nhiều sâm panh và brandy, hoàn tất công việc trong ngày lúc 2 giờ sáng và rất thích đi nghỉ.

Vì thế, trong chuyến công tác này, tại nơi đây, tôi nhìn chăm chăm vào các đồng nghiệp đang ngồi quanh chiếc bàn thăm đấm ký ức, nơi lưu giữ thật nhiều các cuộc nói chuyện và các cuộc họp, suy nghĩ không phải về chiếc tranh – hay khoảng thời gian lúc đó – mà về cảm giác bất an của mình khi bản khoản liệu bản thân có đang xác định đúng vấn đề cần bản không. Tôi biết đảng cần tiếp tục được chèo lái mạnh mẽ tiến lên phía trước, phải có những cột chèo vững vàng. Khi phát biểu, tôi không tập trung vào vấn đề thăm dò cử tri hay Đảng Bảo thủ mà gần như dành sự quan tâm đặc biệt đến yêu cầu cải cách thiết yếu, đặc biệt là việc chúng tôi không thể chỉ vận động tài chính cho vấn đề dịch vụ công.

Việc suy nghĩ rằng có thể vấn đề thực sự không phải là thất bại của đảng trong việc nắm bắt sự đổi mới khiến tôi có cảm giác bất an. Có thể vấn đề là đất nước không thực sự tin vào điều đó. Nếu thay vì phải đối mặt với đảng, tôi đối mặt với công chúng, những đồng minh tin yêu của mình, thân cây vững chãi đã nâng đỡ cành lá của tôi thì sao? Đó không phải là suy nghĩ có thể đùa cợt được.

Con tàu chúng tôi đang vận hành hoạt động rất tốt. Cả đất nước tuy rất nóng lòng nhìn thấy thành quả nhưng về cơ bản vẫn ủng hộ chúng tôi. Về mặt chính trị, phe Bảo thủ lép vế, còn chúng tôi ở thế thượng phong. Thực tế, chúng tôi nên trải qua một quá trình cải cách, nhưng không phải với chiều sâu và tốc độ khiến mọi người bị choáng ngợp, khiến họ mất phương hướng hoặc nghiêng ngả. Chúng tôi vẫn đang trên đường học hỏi. Tháng Ba năm 1998, chúng tôi công bố cuốn Sách Xanh về cải cách phúc lợi, bắt đầu chế độ tín dụng thuế, chương trình Sure Start (Khởi đầu chắc chắn) cho trẻ em, chế độ lương tối thiểu, chiến lược phổ cập giáo dục và các vùng hành động giáo dục trong nội thành. Dịch vụ Y tế Quốc gia Trực tiếp và Đạo luật về các hành vi chống đối xã hội ra đời, đi vào hoạt động và bước đầu đã phát huy hiệu quả.

Nhưng với mỗi trường hợp, tôi vẫn chưa cảm thấy thỏa đáng. Hiện tại chúng tôi đã có một số cải cách chính sách nhỏ, vượt xa những cam kết rất hạn chế đã được đưa ra trong tuyên bố 1997 nhưng tất cả đều chỉ là những mảnh vụn nhỏ lẻ, không hơn. Những giờ học phổ cập đọc, viết và làm toán là một bước tiến đối với các trường tiểu học, nhưng các trường hỗn hợp tụt lùi, nhất là ở các thành phố thì thế nào? Các trường học hỗn hợp này mới là “gót chân Asin” của hệ thống giáo dục công lập. Hệ thống giáo dục địa phương cũng như các kỹ năng dạy học cũng đang gặp nhiều bất cập. Tín dụng thuế và các biện pháp khác được đưa ra trong cuốn Sách Xanh về cải cách phúc lợi, trong đó có các khoản lương bổng “người đầu tư” mới cao hơn mức lương hưu Nhà nước hiện hành (khoản lương hưu hiện hành này được chủ lao động đề xuất với người lao động ở mức thấp), chương trình chuyển từ phúc lợi sang việc làm mới, “những vùng lao động” mới góp phần trợ giúp cho người thất nghiệp và Cơ quan Dịch vụ Lao động & Phúc lợi Thống nhất. Nhưng con số 1,7 triệu người đang sống dựa vào khoản trợ cấp mất khả năng lao động cũng đang tăng lên thì sao? Chúng tôi nói về việc giảm thiểu số người thất nghiệp nhưng điều đó chỉ che giấu sự gia tăng khổng lồ những người phải sống dựa vào trợ cấp mất khả năng do hậu quả từ thời cầm quyền của Đảng Bảo thủ vẫn để lại cho đến tận bây giờ. Cuốn Sách Xanh mới ra đời chỉ mang lại những thay đổi nhỏ trong lĩnh vực quan trọng này.

Ngoài ra, Dịch vụ Y tế Quốc gia Trực tiếp là một khái niệm của tương lai. Những chiến lược cụ thể để đối phó với căn bệnh ung thư và các căn bệnh mãn tính khác cùng với việc gia tăng số lượng bác sỹ và y tá đang tạo ra sự khác biệt trong các dịch vụ y tế nhưng cũng chỉ là những biện pháp đối phó cục bộ. Danh sách chờ điều trị và thời gian chờ điều trị đang dài ra mỗi ngày và khó khắc phục. Bên cạnh đó là những phương thức làm việc đã lỗi thời và những sự lựa chọn chẳng mấy giá trị dành cho bệnh nhân trong chương trình Dịch vụ Y tế Quốc gia. Tình trạng của dịch vụ này nghiêm trọng đến mức trở thành cơn ác mộng thường niên vào mỗi mùa đông – “áp lực mùa đông” – khiến chúng tôi đều nín thở và hy vọng rằng hệ thống Dịch vụ Y tế Quốc gia sẽ không sụp đổ vào mùa đông đầu tiên sau năm 1997. Và hệ thống xét xử tội phạm dường như trở lại trước mọi cuộc cải cách ngoài việc thiết lập thêm những quyền lợi cho người phạm tội hay những thủ tục hành chính gây phiền hà cho cảnh sát và tòa án.

Để thu hẹp khoảng cách giữa cải cách và nguyện vọng, bên cạnh những cuộc cải cách từng

phần này, chúng tôi đặt ra một loạt mục tiêu nhằm loại bỏ những khoảng thời gian chờ điều trị lâu nhất, nâng mức phổ cập đọc, viết, toán và điểm kỳ thi tốt nghiệp phổ thông GCSE lên, v.v... Ngoài ra, còn có các cơ quan quốc gia và cơ cấu mới để thúc đẩy việc cải cách, như: Các Khuôn khổ Ủy thác Quốc gia, Viện Quốc gia vì sự Ưu tú Lâm sàng trong Dịch vụ Y tế Quốc gia, Các chiến lược Phổ cập Đọc, Viết và Toán Quốc gia và thêm trường Đại học Quốc gia đào tạo Nghệ thuật Lãnh đạo với các bằng cấp lãnh đạo bắt buộc cho tầng lớp giáo viên chủ nhiệm mới để chuẩn hóa năng lực đào tạo. Đó là những bước đi khôn ngoan nhằm cải thiện mức độ đáng tin cậy cho những khoản chi tiêu phụ trội cũng như khuyến khích các ban ngành nỗ lực nhiều hơn. Chúng tôi tiếp tục đi xa hơn và – như tôi sẽ miêu tả ở phần sau – công bố một bản “Kế hoạch Dịch vụ Y tế Quốc gia” đầy đủ vào tháng Bảy năm 2000. Điểm đáng chú ý ở bản kế hoạch này là nó ưu tiên một chế độ linh hoạt hơn cho nhân viên, mức độ phân quyền nhiều hơn và giảm thời gian chờ đợi điều trị. Những mục tiêu này có thể đạt được cùng với sự thay đổi to lớn trong các khoản chi tiêu của Dịch vụ Y tế Quốc gia cũng như việc chuyển đổi tài sản của dịch vụ này (việc chuyển đổi có thể xảy ra nhờ bản Tổng kết Chi tiêu Toàn diện thời gian gần đó).

Tuy nhiên, khi “ra roi thúc ngựa” nhanh hơn chỉ để tiến hành những cải cách cục bộ, tôi hiểu rằng cho dù đã được cung cấp thêm nhiều khoản chi tiêu, chúng tôi cũng chỉ có thể chèo lái cuộc cải cách hiệu quả bằng việc cải cách từ Trung Ương, thông qua các mục tiêu và những cuộc cải cách từng phần từ trên xuống. Tôi ngày càng nhìn thấu bản chất các hệ thống tập quyền, các quản lý tuyến trước không trao quyền cho người khác và từ chối không cho phép người sử dụng liên quan tham gia lựa chọn – đó chính là một phần cơ bản của vấn đề. Tôi và một số gương mặt mới (nhưng cấp tiến hơn) trong bộ phận Chính sách của tôi băn khoăn rằng liệu chúng tôi có nên giải tán hệ thống bác sỹ gia đình trong Dịch vụ Y tế Quốc gia và các trường nhận trợ cấp trực tiếp từ Trung Ương? Liệu chúng tôi có nên mang những khái niệm đó áp dụng vào các cấp chính quyền tự quản địa phương để nhân rộng chế độ quản lý phân quyền ra hệ thống y tế và giáo dục toàn quốc (quá trình nhân rộng này không bao gồm việc nhân rộng những bất công được truyền lại từ các cuộc cải cách thiếu tài chính của Đảng Bảo thủ ngày trước)?

Từ những cuộc trò chuyện với các nhà cung ứng tư nhân và tự nguyện có năng lực (những người vô cùng mong muốn được tham gia dịch vụ công nhưng lại bị ngăn cản), tôi càng thấy tức giận với những ràng buộc đang cản trở những nhà cung ứng độc lập tốt tìm được chỗ đứng cho mình trong ngành y tế, giáo dục và các dịch vụ công khác. Đối với tôi, đây là một trường hợp điển hình của việc phương tiện và đích đến bị nhầm lẫn với nhau, sự nhầm lẫn đã đeo đuổi cánh tả trong suốt một thế hệ. Đó cũng là điều mà những đảng viên Lao động mới có sứ mệnh phải vượt qua. Để các dịch vụ công trở nên công bằng và miễn phí, không nhất thiết tất cả những dịch vụ này phải được cung cấp độc quyền trong khu vực Nhà nước dưới sự kiểm soát cứng nhắc của chính quyền Trung Ương và các cấp địa phương – những đơn vị thường chống trả quyết liệt sự đổi mới và tự chủ đích thực.

Tóm lại, câu thần chú của chúng tôi là “đầu tư đi đôi với cải cách”, nhấn mạnh một cách hoa mỹ sự khác biệt đậm nét trong các dịch vụ công giữa Đảng Lao động mới và Đảng Lao động cũ (đầu tư nhưng không cải cách) và giữa Đảng Lao động mới với Đảng Bảo thủ dưới thời Thatcher (cải cách nhưng không đầu tư). Nhưng đâu là mức độ cải cách phù hợp với mức độ đầu tư hiện có?

Trong lĩnh vực phúc lợi, luật pháp và trật tự, tôi cũng lo lắng rằng đảng có một câu thần chú tốt – “quyền lợi đi đôi với trách nhiệm” – nhưng không có một cú hích chính sách toàn diện để thúc đẩy nó. Đó không đơn thuần chỉ là hệ thống phúc lợi. Một nỗi bận tâm lớn khác của tôi đó là vấn đề về các hành vi chống đối xã hội. Chúng tôi thực sự đang làm được điều gì cho các gia đình thu nhập thấp để xóa đi số lượng lớn những tội phạm vị thành niên đã gây khốn khổ triền miên cho bao nhiêu cuộc đời và để phá vỡ vòng thất nghiệp luẩn quẩn cứ truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác? Việc tăng cường số lượng và mức độ hiện đại của cảnh sát cùng các hệ thống hỗ trợ cộng đồng có chức năng thực hiện công việc tuần tra tập trung hơn là những giải pháp cục bộ. Lực lượng cảnh sát cũng cần những công cụ tốt và hiệu quả tức thì hơn cho việc trừng

phạt, tạo ra sự rung động lớn cho hệ thống xét xử tội phạm. Chúng tôi cần phải chuyển từ khái niệm lý thuyết sang chính sách cụ thể và chúng tôi đang chật vật để thực hiện điều đó.

Tôi bắt đầu suy nghĩ một cách có hệ thống hơn về Đảng Lao động mới và quan hệ của nó với hệ thống phúc lợi mà chúng tôi thừa hưởng; đồng thời quyết tâm bảo vệ và cải cách nó. Hệ thống phúc lợi và các dịch vụ xã hội được tạo ra sau những sự kiện dữ dội và lộn xộn của Thế chiến thứ II, nhưng thực chất có gốc gác từ tư tưởng các ngân sách sớm của Lloyd George, các tư tưởng kinh tế đột phá của Keynes, sự pha trộn giữa tầm nhìn với kỹ năng chi tiết của Beveridge – hoạt động dựa trên các nguồn chu cấp của Nhà nước.

Chủ nghĩa tư bản đã dẫn đường cho cuộc Cách mạng Công nghiệp. Không bị điều tiết, không bị giới hạn, không bị thuần hóa, bánh xe khổng lồ của nó lăn khắp nơi, chặt lấy công việc và lợi nhuận từ những người lao động. Nhưng đồng thời nó cũng mang họ xích gần nhau hơn, cho họ thấy rằng họ đã lao động chăm chỉ và đổ mồ hôi không phải với tư cách những cá nhân mà với tư cách một cỗ máy tập thể và không phải vì lợi ích của riêng họ mà vì lợi ích của chủ tư bản.

Từ cuộc đấu tranh chung ấy nảy sinh ra các nghiệp đoàn, những tổ chức hợp tác, những chiếc máy tinh thần và ý chí tập thể vĩ đại sẵn sàng đương đầu với những cỗ máy kéo lê của chủ nghĩa tư bản. Với một số người, cuộc đối đầu đó nhằm loại bỏ chủ nghĩa tư bản. Với một số người khác là để làm cho xã hội công bằng hơn.

Từ cuộc đấu tranh này nảy sinh ra ý tưởng thay đổi xã hội và để làm được điều đó, cần có tổ chức chính trị và cần có dân chủ. Đám đông là đa số. Họ nên nắm được những luật lệ về đất đai. Những người có nhiều nên chia cho những người có ít. Những người thu lợi nhuận bằng vốn tư bản nên chia cho những người làm nên lợi nhuận bằng sức lao động.

Từ ý tưởng này nảy sinh ra khái niệm Nhà nước, khái niệm không phải được hiểu theo nghĩa chính quyền tối cao mà theo nghĩa sự thể hiện về mặt chính trị, xã hội của ý chí tập thể. Nhà nước không phải như trong cụm từ “những vấn đề đại sự của Nhà nước” mà phải hiểu theo nghĩa nhà từ thiện, người chu cấp cho những ai không thể chu cấp cho chính mình.

Và như thế Nhà nước lớn dần lên, trước tiên trong lĩnh vực lương hưu và bảo hiểm quốc gia, sau đó là lĩnh vực giáo dục và cuối cùng là Dịch vụ Y tế Quốc gia thời hậu chiến. Nhà nước cũng điều tiết: Các luật y tế và an toàn; khai mỏ; luật bảo vệ trẻ em; luật loại bỏ bất công và thừa thãi trong những năm 1960 và 1970. Nhà nước sẽ bảo vệ quyền lợi của người dân. Sức mạnh của nó sẽ điều tiết, giới hạn và thuần hóa sức mạnh của tư bản.

Nhưng lúc đó có hai việc xảy ra, gây những hậu quả sâu sắc cho nền chính trị cấp tiến, không chỉ ở Anh mà ở tất cả những nơi có chung quá trình thay đổi. Trước tiên, khi Nhà nước cải thiện các điều kiện của người dân thì sự chia cắt giữa những người muốn nhân đạo hóa chủ nghĩa tư bản và những người muốn loại bỏ chủ nghĩa tư bản trở nên rõ nét hơn và kéo dài 50 năm hoặc lâu hơn thế. Điều đó khiến Đảng Lao động lâm vào hoàn cảnh khốn đốn, nghĩa là sự chia cắt không chỉ diễn ra ở mặt phương tiện mà còn ở mặt mục đích, tạo ra sự chia cắt ngay trong trung tâm của đảng. Thứ hai, Nhà nước càng lớn mạnh, thì thành công của nó trở thành vấn đề của chính nó. Bỗng nhiên, cùng với những lợi ích của giới tư bản, người ta có thể nhìn thấy rõ những lợi ích của Nhà nước. Bộ máy quan liêu là do người dân điều hành. Người dân có lợi ích. Trong khi thị trường bắt buộc phải có những thay đổi thì không có sự bắt buộc nào đối với khu vực Nhà nước. Chính phủ có thể thay đổi Nhà nước, nhưng Chính phủ phải sử dụng các khu vực Nhà nước, phụ thuộc vào nó và là một phần của nó.

Ngoài ra, như là một phần kết quả Nhà nước đã đạt được khi của cải nhân rộng, những người hưởng lợi từ Nhà nước nhận thấy họ đồng thời cũng là những người tài trợ cho Nhà nước thông qua các khoản thuế.

Vào những năm 1930, trước khi Nhà nước phát triển quyền lực tuyệt đối và khi nhân dân vẫn cứ là “đám đông”, con đường trung lập trong chính trị được định nghĩa khá dễ dàng. Đó là một

khu vực Nhà nước, sở hữu tài sản và điều tiết sự công bằng, cũng là một khu vực bị tiết chế một cách phù hợp. Cuốn sách *The Middle Way* (tạm dịch: Con đường trung lập) của Harold Macmillan viết năm 1936 là một tác phẩm phi thường vào thời điểm đó. Nó phản ánh chính xác nơi mà nền chính trị dân chủ xã hội đáng lẽ đã đạt tới. Nhưng người ta chỉ có thể đạt được một nền chính trị như thế đến tận những năm 1960.

Đó là mấu chốt của vấn đề. Trước những năm 1960, chúng tôi bị ùn tắc trong tình trạng của những năm 1930. Cuốn *The Future of Socialism* (tạm dịch: Tương lai của chủ nghĩa xã hội) của Anthony Crosland là một bài luận tráng lệ, giúp đưa Đảng Lao động đến hiện thực cuộc sống của những năm 1950, nhưng chúng tôi chỉ có thể thực sự “tiêu hóa” nó vào cuối những năm 1980.

Cho dù những cải cách của Thatcher trong khu vực tư nhân những năm 1980 có mang lại kết quả to lớn đến đâu thì chúng tôi cũng chỉ thừa hưởng một khu vực tư nhân phần lớn chưa được cải cách và một cách bản năng, chúng tôi không có xu hướng cải cách nó. Nhà nước vẫn giữ nguyên tình trạng như từ năm 1945. Thực tế, nếu Clement Attlee sống lại vào năm 1998 và xem xét nước Anh hiện đại thì chắc hẳn ông ấy sẽ phải kinh ngạc bởi nhiều thứ, như hệ thống phúc lợi; và cũng như Whitehall, ông sẽ được chào đón như một người bạn cũ.

Ngoài ra, còn một rắc rối chính trị sâu xa hơn mà tôi hoàn toàn ý thức được liên quan trực tiếp tới vấn đề cải cách và cảm giác bất an của tôi. Như tôi đã nói ở trên, ngày nay dân chúng phần lớn là những người hưởng lợi kiêm nhà tài trợ cho hệ thống phúc lợi và dịch vụ công. Đáng tiếc, điều đó có nghĩa là cùng một lúc, họ muốn nhận được nhiều hơn từ chính họ và trả ít hơn cho chính họ. Và thật không may, họ hoàn toàn có quyền giữ cho mình những ý kiến hiển nhiên trái ngược này.

Điều đó cũng biến họ thành nạn nhân nghiêm trọng của những người làm trong ngành dịch vụ – những người luôn khiến họ tin rằng bất cứ sự thay đổi nào cũng chỉ gây hại tới họ mà thôi. Tôi như thét lên mỗi khi các bản trưng cầu dân ý được đưa ra để chứng minh ý kiến của giới bác sỹ về Dịch vụ Y tế Quốc gia được tôn trọng và tin tưởng như thế nào và ý kiến của các chính trị gia bị khinh rẻ ra sao (năm 1998, Hiệp hội Y tế Anh đã lần đầu tiên công kích chúng tôi như thế). Tôi thét lên cũng bởi những người làm việc trong ngành dịch vụ phải phục vụ lợi ích của cả bản thân họ và của xã hội. Còn với phần lớn các chính trị gia, họ tiếp tục làm việc chẳng vì lý do nào khác ngoài phục vụ lợi ích cộng đồng.

Đó là tất cả những điều tôi biết. Và thành thực mà nói vào thời điểm đó tôi đã lưỡng lự khi phải tự vấn đến tận cùng tất cả những nghi ngờ của bản thân mình đối với việc thực hiện triệt để những mục tiêu cần nỗ lực đạt tới. Tất cả những điều chúng tôi thực hiện được cho đến thời điểm đó là làm tốt về chính trị và giữ được hình ảnh đẹp trong mắt công chúng.

Đối với Dịch vụ Y tế Quốc gia, chúng tôi phải bắt đầu tái cấu trúc toàn bộ hệ thống. Quyền lựa chọn giờ được phân xuống tận các cơ sở y tế sơ cấp do các bác sỹ gia đình điều hành. Ngày càng nhiều người trong số họ nắm giữ ngân quỹ và thương thảo với các cơ sở y tế của các bệnh viện lớn. Nhưng thực tế là phần lớn quyền lựa chọn liên quan đến các ca phẫu thuật, các cuộc hẹn tư vấn v.v... để đảm bảo các ca cấp cứu được nhập viện ngay lập tức. Ngoài ra, các bác sỹ gia đình hoàn toàn độc quyền. Việc cạnh tranh thực sự bị cấm, thậm chí ngay cả trong lĩnh vực dịch vụ vô vọng như thế này.

Đương nhiên, chúng tôi đã gia tăng số tiền đầu tư và tuyển dụng thêm nhân lực v.v... nhưng như thế vẫn không thể sánh được với một tổ chức đồ sộ có lượng nhân công lao động lớn nhất châu Âu.

Chúng tôi hứa sẽ loại bỏ thị trường chia cắt nội bộ của các bác sỹ gia đình bình thường và những người nắm giữ ngân quỹ. Đây là một cuộc thử nghiệm thị trường giới hạn. Một số bác sỹ gia đình ưa thích kiểu thị trường này, một số khác thì không. Thật sự, nó cũng đã tạo ra một hệ thống phân tầng giống như các trường cấp hai công lập uy tín. Vấn đề đối với chiến lược cải

cách đó là việc ngay một hệ thống không cải cách cũng đã có những tầng bậc riêng. Tầng lớp trung lưu thường luôn tìm ra cách khiến cho hệ thống hoạt động hoặc ít nhất thực hiện những thay đổi theo cách này hay cách khác. Vì thế, các trường tốt ở những lĩnh vực cụ thể chứ không hẳn tốt toàn diện, đều nằm trong những khu vực dân cư tốt.

Suốt thời kỳ đó, khoảng từ tháng Ba năm 1998 đến tháng Mười hai năm 1999, chúng tôi đã trải qua những đợt tự vấn chính sách lớn khi Sách Xanh và Sách Vàng tiếp tục được triển khai, các guồng xe chính sách lăn bánh và Dịch vụ Dân sự thay đổi dần. Tôi tranh luận với các chuyên gia chính sách, các viện nghiên cứu và đơn vị Số 10 do David Miliband đứng đầu nhưng lại linh cảm rằng mình đang đi sai hướng. Không phải những nỗ lực đó chệch hướng hay thiếu hiệu quả nhưng thiếu sự hoàn chỉnh, thiếu một phương diện tuy phụ nhưng quan trọng.

Không có bất cứ cơ quan hay tổ chức, trung tâm đào tạo bên ngoài nào có thể mang cho chúng tôi phương diện còn thiếu đó ngoại trừ công trình nghiên cứu cải cách do Richard Layard thực hiện tại trường Kinh tế London. Tôi vẫn thường xem xét các công trình nghiên cứu mới nhất từ các trường, các viện nghiên cứu học thuật danh tiếng, nhưng cuối cùng không tìm thấy điều gì thực sự có ích. Rắc rối nằm ở chỗ họ muốn thảo luận về hệ tư tưởng đằng sau các vấn đề cải cách. Họ tập trung vào chính trị một cách kỳ quặc – nhưng đó không phải là điều tôi cần họ giúp đỡ. Tôi cần một câu trả lời thực tế. Đối với tôi, để chi trả cho Dịch vụ Y tế Quốc gia là câu hỏi mang tính chính trị hoặc hệ tư tưởng, nhưng cách giải quyết nhanh nhất để cắt giảm danh sách chờ điều trị lại không được đề cập đến.

Trong khi chúng tôi đang cố tìm cách giải quyết – “thứ quan trọng là thứ có hiệu quả” – thì cả hệ thống phúc lợi và dịch vụ xã hội thực tế lại vô cùng phức tạp và “đâu là thứ có hiệu quả?” là câu hỏi luôn khiến tôi đau đầu mà không có được bất cứ thông tin hỗ trợ nào từ bên ngoài. Vì thế chúng tôi đi tiếp con đường đã lựa chọn – khởi đầu từ trung tâm – nhưng tránh những cải cách sâu sắc mang tính hệ thống. Kết quả là chúng tôi đã không tạo ra bất cứ thay đổi nào có khả năng tự duy trì hoặc lan tỏa, mà chỉ có thể tạo ra những thay đổi được khởi nguồn và duy trì từ trung tâm.

Tuy nhiên, tại Đại hội đảng năm 1998, có rất nhiều ý kiến tham vấn. Điều đó mở ra con đường thứ ba – không phải là con đường cánh tả cũ và cũng không phải là con đường cánh hữu kiểu Thatcher. Chúng tôi có đủ động lực để phô ra những điều đang thay đổi. Vấn đề phân quyền ủy nhiệm trong nội bộ đất nước và các liên kết bên ngoài với châu Âu và châu Mỹ nên được thực hiện một cách mạnh mẽ. Cần có những chủ đề phù hợp, chạm được đúng các vấn đề nóng và nhất là chúng phải có khả năng khơi gợi sự hưởng ứng cần thiết.

Khi ngồi trò chuyện với những nhà chính trị thân thiết như – Jonathan, Peter, Alastair, Anji, Sally, Peter Hyman – tôi biết chúng tôi vẫn đang ở điểm xuất phát của cuộc hành trình với một đỉnh núi phía trước để học hỏi và vượt qua. Cảm xúc của tôi lẫn lộn giữa sự nôn nóng lẫn chán nản; tôi vỗ vai mọi người với niềm tự hào về những thành tựu chính trị và đương nhiên có cả sự công nhận nhen nhóm rằng diễn văn và đời thực không bao giờ tương xứng với nhau.

Một khía cạnh khác của vấn đề đó là càng ngày càng thiếu sự quan tâm tới các cuộc tranh luận về chính sách. Ở nhiều phương diện, phe Bảo Thủ chỉ đứng ngoài cuộc chơi để liếm láp vết thương, còn châu Âu lại không mấy bận tâm đến việc phản đối một Chính phủ đang khiến họ mất định hướng bằng cách điều hành từ trung tâm.

Hơn thế, giới truyền thông đã được đặt ở chế độ mà từ lâu không còn tập trung vào một vấn đề nổi cộm hoặc một cuộc tranh luận lớn nào. Vì thế, họ cũng chẳng mấy quan tâm đối với việc giật tít hoặc đưa tin về chính trị. Ví dụ, họ chỉ chăm chăm hướng tới “vũ điệu đôi” của Harriet Harman với Frank Field mà không mấy hào hứng với cuộc tranh cãi về vấn đề lương hưu, trong khi Harriet là Bộ trưởng An ninh Xã hội còn Frank là Bộ trưởng Cải cách Phúc lợi. Phải thừa nhận rằng câu chuyện truyền kỳ này khá hấp dẫn. Harriet không hẳn là một “con mọt” chính sách trong khi công việc của bà lại đòi hỏi những con mọt thực sự. Frank không hẳn là một

chính trị gia sắc sảo, trong khi công việc của ông ấy cần sự nhạy bén chính trị thực sự.

Kết quả dẫn đến sự “lệch pha” nghiêm trọng, loại lỗi lầm mà các “đại lý môi giới hôn nhân” hay mắc phải. Về tổng thể, Frank là một chính trị gia không tồi, nhưng tôi không thể khiến ông ấy tập trung vào các chính sách thực tế. Harriet thì vô cùng ủng hộ các chính sách nhưng lại không hiểu ra rằng việc thiết lập các chính sách quái quỷ ấy chính là công việc của bà.

Frank thường tự khóa mình vào một góc riêng để “nghĩ về những điều không thể nghĩ tới”, nhưng vấn đề là những suy nghĩ của ông quá viễn vông và đao to búa lớn đến mức thiếu thực tế. Harriet thì hay nặng nề và lo lắng. Họ sẽ ngồi vào những cuộc họp Nội các để thể hiện sự bất đồng quan điểm với nhau, điều khiến các thành viên khác lo lắng không ít. Kết quả là chúng tôi khó có thể đưa chính sách ra khỏi phạm vi Ngôi nhà Số 10. Đương nhiên, bản thân lĩnh vực chính sách đó cũng vô cùng khó khăn và những kết quả đạt được thường dưới mức thỏa đáng.

Tôi cách chức Harriet trong cuộc tái bổ nhiệm tháng Bảy. Bà ấy vui vẻ chấp nhận. Khi tôi từ chối không bổ nhiệm Frank làm Bộ trưởng An ninh Xã hội nữa, ông ấy đã đệ đơn từ chức. Đó là điều đáng xấu hổ và mặc dù tôi vừa yêu quý vừa kính trọng Frank – một tinh thần tự do hoàn toàn chân chính – nhưng tôi cũng cảm thấy nhẹ nhõm hơn. Một số người sinh ra để phù hợp với vị trí hoặc công việc này, một số khác thì không. Ông ấy nằm trong số người không đó. Một sự thật đơn giản.

Sau Đại hội Đảng, chúng tôi bắt đầu tích cực chuẩn bị cho bài diễn văn của Nữ hoàng. Mặc dù vì những lý do trên, tôi không hoàn toàn đồng tình với gói cải cách phúc lợi, nhưng nó sẽ là tâm điểm của bài diễn văn. Sau những tuần chuẩn bị vất vả trong giai đoạn cuối năm là ngày diễn ra sự kiện – ngày 24 tháng Mười một (thực ra, thời gian bị lùi đến ngày này do những tàn dư của kỳ họp đặc kín trước đó). Sự kiện này là một bài học lớn cho chúng tôi về việc lịch trình có thể bị xáo trộn bởi những sự kiện to lớn hoặc tầm thường như thế nào, hay ít nhất là tinh thần chung có thể bị xáo trộn như thế nào.

Sáng ngày 27 tháng Mười, Jonathan Powell và Alastair Campbell đột nhiên chen chân vào các cuộc họp thường kỳ kéo dài liên miên để lôi tôi vào phòng ăn của tòa nhà trên phố Downing. Hai người họ đi cùng với nhau thì có nghĩa là đã có chuyện xảy ra. Những điều họ nói với tôi khiến tim tôi như chực nhảy ra khỏi lồng ngực. Những sự kiện khiến tôi phải cười phá lên, nhíu mày, thở gấp nhưng lại là những sự kiện thường nhật.

Ron Davies, Ngoại trưởng của Wales bị một mại dâm nam da màu cướp trên phố Clapham Common. Đầu óc tôi rối bời và chúng tôi mời Ron đến Nhà Số 10 để nói chuyện.

“Chuyện thế này”, ông ấy mở lời. “Tôi lưu lại Wales vào dịp cuối tuần, sau đó lái xe lên London và để thư giãn, tôi quyết định đi bộ loanh quanh trên phố Clapham Common vào lúc nửa đêm”. Tất cả những người nghe lúc đó đều tỏ vẻ suốt ruột. “Tôi tình cờ gặp anh chàng Rasta này và chúng tôi nói chuyện, các vị biết đấy, như cách các vị vẫn làm”. Những cặp lông mày nhướn lên cao hơn. “Anh ta nói: Chúng ta cùng đi ăn cà ri đi? Tôi đáp: Được thôi và trèo lên xe hân”. Những cái mồm bắt đầu há hốc. “Sau đó chúng tôi gặp một vài người bạn của hân và tôi bị tấn công rồi cướp sau đó. Việc này có thể xảy ra với bất cứ ai.”

Một sự im lặng bao trùm và gần như mọi người đều đồng thanh nói: “Ồ, không hân vậy đâu Ron ạ”.

Tôi biết điều đó thật kỳ quặc và mở đầu như truyện cười, nhưng sự việc này cũng sắp khiến sự nghiệp và cuộc đời của một người tan như bong bóng xà phòng. Đó là sự tàn nhẫn đối với những ai làm chính trị. Trong lời nói của Ron (tôi đã giúp ghi chép lại), tôi miêu tả đó là “một khoảng khắc điên rồ”, nhưng tôi biết sự nghiệp của ông không thể cứu vãn được. Vấn đề không phải về tình dục mà là về sự phán xét sai lầm. Tôi cảm thấy tiếc cho ông ấy. Tôi biết ông ấy từ khi chúng tôi cùng bước chân vào Nghị viện năm 1983. Ông là một nhà điều hành tài năng mặc dù phần lớn mọi người đều cho rằng ông ấy quá tài năng đến mức làm cho những người xung

quanh chẳng mấy dễ chịu. Nhưng không ai khác thực sự xứng đáng với những gì ông làm được.

Và một cách tự nhiên, việc từ chức diễn ra giống những lần từ chức khác mà tôi đã gặp. Ban đầu họ hiểu và chấp nhận, sau đó, khi thẩm thấu sự tàn nhẫn của hoàn cảnh dành cho mình, họ bắt đầu nổi loạn và cuối cùng tức giận. Ron trải qua quá trình đó, chính xác từng khâu. Và đương nhiên, bản thân và gia đình những người này phải chịu sức ép bám đuổi lớn. Việc từ chức của Ron là không thể tránh khỏi.

Tuy nhiên, theo thời gian, tôi càng ngày càng tức giận đối với việc người ta cứ bắt ép mọi người phải từ chức. Và phần nhiều các sự vụ từ chức lại tùy thuộc vào việc các rắc rối được phát giác như thế nào.

Thật khó tin rằng chỉ một vài ngày sau khi Ron ra đi, tờ Tin tức Thế giới lại bầu Nick Brown, người mà chúng tôi đã chuyển từ vị trí Chủ tịch Nghị viện sang Bộ trưởng Nông nghiệp trong lần tái bổ nhiệm tháng Bảy. Vụ đánh bầu liên quan tới một thanh niên trẻ được cho là hành nghề mại dâm nam. Khi Alastair cho tôi biết điều đó – và ngây thơ làm sao, tôi không bao giờ dám chắc rằng Nick đồng tính – căn phòng tưởng như chao đảo. Hai vụ scandal đồng tính chỉ trong một tuần. Và tôi đứng đây, hoàn toàn thành tâm đối với quyền bình đẳng giữa những người đồng tính và những người bình thường. Chris Smith là thành viên Nội các đầu tiên vừa dũng cảm thừa nhận mình đồng tính. Mọi người biết Peter Mandelson đồng tính. Tôi đã khá căng thẳng về việc công chúng đã trở nên tọc mạch và tầm thường về tất cả những thứ như vậy.

Về phía tờ Tin tức Thế giới, công bằng mà nói, họ đã mang câu chuyện đến cho chúng tôi vào thứ Năm trước khi đưa nó lên trang báo ngày Chủ nhật và Alastair đã ra sức thuyết phục họ đăng tải câu chuyện theo hướng Nick bước ra thừa nhận mình là người đồng tính. Kết quả, câu chuyện chuyển từ một vụ bê bối tầm thường thành một lời thú nhận thành thực và Nick được cứu thoát.

Nick đã rất tức giận khi bị chuyển khỏi vị trí Chủ tọa chính trong Nghị viện và tôi biết ông ta ít nhiều tiếp tay cho Gordon chống lại tôi. Nhưng khi vụ bê bối bị tiết lộ, ông ta được cứu, không phải bởi ông không còn là Chủ tọa chính mà vì chúng tôi đã phá lệ để cứu ông. Và đây là lúc bạn không được phép cảm thấy tức giận với tư cách là nhà lãnh đạo. Bạn nghĩ rằng ông ta sẽ biết ơn. Không hề. Ông ta tiếp tục tin rằng mình bị đối xử bất công và rằng tôi chủ ý hãm hại ông ta, trong khi thực tế tôi đã có thể hoàn toàn “kết liễu” ông ta ngay lập tức. Nhưng chúng tôi đã không làm thế. Thật lạ, chúng tôi bị mô tả là một cỗ máy tàn nhẫn đến kinh ngạc trong khi thật sự chúng tôi có vô vàn những dịp tỏ lòng vị tha – thậm chí đôi lúc còn quá vị tha.

Ngay trước Giáng sinh năm 1998, một vụ từ chức lớn xảy ra, sự việc khiến tôi vô cùng hối hận và mãi trách cứ bản thân. Mặc dù khi đọc lại nhật ký của Alastair về sự việc cũng như bản tường trình chính xác về phản ứng giận dữ của giới truyền thông, tôi lại thấy thật khó có thể hiểu được cách chúng tôi đối phó với sự cố đó.

Cụ thể là Peter Mandelson đã được Geoffrey Robinson, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho vay vốn để mua nhà. Khoản tiền khá lớn vào thời điểm đó là khoảng 373 nghìn bảng. Peter là Bộ trưởng Công nghiệp và Bộ đã chất vấn các khoản giao dịch của Geoffrey theo yêu cầu của phe Bảo thủ ngay sau thời điểm khoản vay được thực hiện. Peter đã không cho Thư ký thường trực của mình biết về khoản vay này. Đáng lẽ ông ấy nên để người thư ký biết. Và việc giữ kín ấy, tôi chắc chắn là chẳng liên quan gì đến tính liêm khiết vốn có của ông. Thực tế, Peter không liên quan gì tới cuộc điều tra về Geoffrey và cũng sẽ không bao giờ dính dáng tới nó. Nếu vào thời điểm đó Peter đừng giữ kín về khoản vay, thì sự việc có thể sẽ dễ đối phó hơn mặc dù đối với sự kiện này, giới truyền thông chỉ đề cập đến toàn bộ sự việc chứ không phải chỉ một khía cạnh đó.

Theo cách xử lý các vụ bê bối thông thường của tôi vào thời điểm đó, tôi kéo Chủ tịch Thượng viện là Derry Irvine và Charlie Falconer, người cho đến tận gần đây vẫn giữ chức Cố vấn Luật

pháp cấp cao vào cuộc bởi họ đều có đầu óc phân tích tốt. Cả hai đều nghĩ trường hợp này rất khó giải quyết.

Trong hai ngày, tôi gặt vắn đề sang một bên và luôn trong trạng thái căng thẳng cực độ với đề xuất hành động quân sự của Mỹ tại Iraq vào thời điểm đó. Trong khi đó, tờ Guardian đã bắt đầu đăng tin về sự việc, các tờ báo khác cũng vào cuộc, gây ra một tình trạng lộn xộn khó kiểm soát. Nhiều thành viên Nội các cũng gọi cho tôi để nói rằng đó là một trường hợp vô vọng. Ông bạn già Jack Cunningham, người đã được chuyển từ lĩnh vực nông nghiệp sang làm Bộ trưởng Văn phòng Nội các, thậm chí còn đứng ra lên tiếng bênh vực. Nhưng ông cũng nhận thấy rất khó để làm được điều đó. Ớn Chúa là ít nhất thì các nghị viên cũng không ngồi yên.

Đến ngày 23 tháng Mười hai, tôi cảm thấy mình không thể kéo dài sự việc được nữa. Tôi lên dây cót cho bản thân và nói chuyện với Peter. Ông ấy chấp nhận quyết định của tôi với sự cao thượng phi thường. Tôi cũng sa thải Geoffrey. Và tôi nói với Gordon rằng Charlie Whelan, Phát ngôn viên của ông ta cũng sẽ phải ra đi.

Tôi giận dữ còn hơn là buồn bã và thất vọng. Sự thật là tôi không biết người của Gordon đã làm rò rỉ thông tin – bạn chẳng bao giờ có thể biết được – nhưng chỉ có hai người tham gia vào thương vụ cho vay ấy. Tôi chắc chắn Peter đã chẳng hé răng cho ai, vì ông ta thậm chí còn không cho tôi biết. Và chính tờ Guardian chứ không phải tờ Mail hay Tin tức Thế giới đã được tiết lộ câu chuyện. Như thế, có nhiều khả năng thông tin rò rỉ từ trong nội bộ Đảng, như từ Charlie Whelan, bởi vào thời điểm đó, tờ Guardian ít nhiều cũng là một tờ báo nội bộ.

Chắc chắn, dù là ai tiết lộ thông tin thì kẻ đó cũng phải lên kế hoạch hoàn hảo từ trước. Đây không chỉ là một câu chuyện, đây là một vụ ám sát chính trị được thực hiện để loại bỏ Peter. Nhưng âm mưu ấy cũng được thực hiện để gây hại cho tôi một cách nghiêm trọng mà không tính toán tới những hậu quả đối với Chính phủ.

Tôi ngồi ở Chequer vào ngày Giáng sinh năm ấy và suy nghĩ rất nhiều. Peter là một Ngoại trưởng sáng giá, một người có nhiệt huyết và rất có tương lai. Ông ấy được cấp dưới yêu mến, là một phần quan trọng của Chính phủ, một phần không thể thiếu của Đảng Lao động mới. Sự việc này sẽ chấm dứt sự nghiệp của ông. Biết được điểm yếu này, kẻ nào đó đã tiết lộ câu chuyện cho tờ Guardian. Kẻ đó thực sự đang nghĩ gì? Quyết tâm, hận thù, độc ác. Mọi người luôn nghĩ rằng các chính trị gia đối xử với nhau như trong các tiểu thuyết sân bay của Jeffrey Archer hay Micheal Dobbs, nhưng theo kinh nghiệm của tôi, điều đó không hề đúng. Vẫn có sự đua tranh, đánh lén, hạ bệ, nhưng chỉ rất ít trong số đó là thực sự đen tối. Tuy nhiên, trường hợp của Peter thì đúng là đen tối.

Ở một khía cạnh nào đó, tôi biết việc sa thải Charlie Whelan là không công bằng, bởi như tôi đã nói, tôi không chắc ông ấy có phải là người đứng đằng sau sự việc này hay không. Đáng lẽ, ông ta phải quyết liệt phủ nhận việc đó, tuy nhiên, tôi cũng biết rằng nếu không sa thải ông ta thì tôi sẽ phải hối hận mãi về sau, thậm chí phải gánh chịu những hậu quả to lớn. Vì thế, sau một vài tranh cãi, ông ta cũng ra đi.

Lúc ấy tôi biết chắc rằng Peter sẽ phải từ chức. Còn bây giờ thì tôi lại không chắc chắn về điều đó. Vấn đề là không một ai có thể tỉnh táo khi phải đứng giữa một cơn bão khủng khiếp.

Khi giới truyền thông quyết định nhắm vào ai đó, họ bắt đầu từ một câu chuyện. Câu chuyện đó có thể đúng, nhưng nó sẽ được bóp méo. Nếu ai đó chống cự, bọn họ đơn giản là tăng sức ép cho đến khi các nhà báo thấy rằng cơn sốt truyền thông đã đạt đến mức trở thành một nỗi lo lắng cực độ. Nếu sự chống cự tiếp tục, họ sẽ nói là: Được, chúng tôi sẽ tiếp tục câu chuyện này cho đến khi người đó từ chức. Khi đó, vấn đề không còn là một câu chuyện nữa mà là cả hệ thống Chính phủ bị tê liệt.

Sẵn sàng đón chờ những chuyện như vậy là một việc làm vô cùng khó khăn. Càng về cuối nhiệm kỳ, khi tâm lý cẩn trọng cao độ trong tôi đã bay theo làn gió, tôi quyết định đổi đầu trục

diện với sóng gió (đó là khi Tessa Jowell và Hon Prescott bị yêu cầu từ chức). Nhưng đó là một cuộc chiến quyền lực không hề dễ chịu. bạn phải lo lắng về những tổn hại không mong muốn trên cương vị Thủ tướng và lãnh đạo đảng và cảm thấy có trách nhiệm phải tránh xa nó.

Tuy nhiên, tôi chỉ ước là mình đã đứng ngoài cuộc. Đó là một cuộc thử sức sớm với giới truyền thông và tôi đã nhận thất bại. Công bằng mà nói, tôi cũng cảm thấy rằng Peter đã sai và thật ngu ngốc khi không cho thư ký thường trực biết chuyện; với vụ từ chức sau đó của ông vào năm 2001, ông ấy không phải lúc nào cũng giúp đỡ tôi kiểm soát sự việc. Nhưng bạn biết không, đến phút cuối thì đó chỉ là vấn đề phụ. Vấn đề chính không phải là tình bạn hay sự trung thành. Vấn đề là đất nước. Những nhân tài trong giới chính trị rất có hạn. Một tài năng đặc biệt – như ông ấy, đáng lẽ đã phải được cứu vớt để tiếp tục phục vụ đất nước. Khi Gordon trở thành Thủ tướng và Peter xin lời khuyên của tôi về việc ông có nên quay trở lại Chính phủ không, tôi đã trả lời chắc chắn và không hề chần chừ. Sự vắng mặt của ông ấy trong Chính phủ của tôi là một tổn thất lớn. Sự tham gia của ông ấy vào bất cứ Chính phủ nào cũng là một tài sản đáng giá. Đơn giản vậy thôi. Như vậy chính sách không phải thứ duy nhất bạn học được trong Chính phủ.

Vào ngày Tặng quà (ngày 26 tháng Mười hai hàng năm), tôi tới Seychelles để nghỉ ngơi. Tôi nghiệp Alastair, anh ta hẳn sẽ gọi để nói với tôi rằng giới báo chí thật là kinh khủng và tôi đang bị chỉ trích, trong lúc tôi đang tận hưởng ánh mặt trời hoặc đi câu cá, hoặc đơn giản chỉ là đang thư giãn – chơi bóng đá với đội bảo vệ và những người dân địa phương. Ông ấy hẳn sẽ phát điên lên. Ông ấy cảm thấy bản thân đang phải chịu sức ép trong khi tôi thong dong ở xa. Nhưng ông ấy không bao giờ hiểu được tôi và những kỳ nghỉ. Sự thật là tôi đã chịu đựng quá đủ, tôi cần ánh nắng và một nơi cách Westminster, Whitehall, phố Downing và phố Fleet càng xa càng tốt. Alastair thử gọi cho tôi một vài lần để phân loại các chi tiết của vụ Whelan, nhưng cuối cùng cũng phải bỏ cuộc trong thất vọng. Tôi đã nói rằng Whelan phải ra đi và tôi không quan tâm tới các tiểu tiết.

Tuy nhiên, lý do khiến tôi cảm thấy quá tải không phải chỉ là một loạt các vụ từ chức. Tháng Mười một và tháng Mười hai năm 1998 là khoảng thời gian ngập tràn vấn đề về Iraq. Ngày 11 tháng Mười một, tôi tiếp George Robertson, Bộ trưởng Quốc phòng, Robin Cook và Tổng Tư lệnh, Tướng Charles Guthrie. Saddam đã trục xuất các thanh tra vũ khí vì họ viết bản báo cáo về những vấn đề nổi cộm liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt và tham vọng tiếp tục phát triển các chương trình vũ khí của ông ta. Tổng thống Clinton đang cân nhắc một chiến dịch tấn công quân sự. Charles giúp tôi lấy bình tĩnh với những phương án lựa chọn và con số thương vong dự tính nếu chúng tôi tham gia. Như mọi khi, ông ấy thẳng thắn, rõ ràng và mạnh mẽ. Ngày hôm sau, tôi họp Nội các về vấn đề này, không quên lời cảnh báo của George rằng đây là bước tiến triển quan trọng nhất với vấn đề Saddam từ cuộc chiến vùng Vịnh.

Sáng Chủ nhật ngày 14 tháng Mười một, chúng tôi gặp mặt lần nữa ở phố Downing. Chúng tôi đã quyết định một cuộc không kích sẽ bắt đầu diễn ra lúc 4 giờ chiều. Đột nhiên, có tin rằng Clinton quyết định tạm dừng tác chiến vì Saddam gửi thư cho biết ông ta sẽ chấp nhận để các thanh tra viên quay trở lại. Sau đó, chúng tôi nhận được bức thư tiếp theo. Một bức thư đầy những lỗi và vớ vẩn đặc trưng kiểu Saddam. Mười tám tiếng tiếp theo vào lúc 4 giờ 30 phút sáng, tôi liên lạc trực tiếp với Bill Clinton. Cuộc tập kích tạm dừng. Robin thở phào nhẹ nhõm, ông ta đã gặp không ít rắc rối với chuyện này. Tôi quyết tâm duy trì nguyên vẹn và bình thường liên minh với Mỹ vào một thời điểm được cho là vô cùng quan trọng.

Các thanh tra viên quay trở lại, nhưng rõ ràng là Saddam đang làm rối tung mọi việc. Khi báo cáo của họ được trình lên vào giữa tháng Mười hai, thì sự việc lại trở nên tồi tệ. Lần này, Bill quyết định hành động và chúng tôi đã thực hiện các cuộc không kích liên tục trong 4 ngày trong chiến dịch Cáo sa mạc. Đó là một quãng thời gian căng thẳng và chiến dịch không đạt được thành công. Saddam đã một lần nữa thoát nạn.

8. Kosovo

Sự trỗi dậy của phe đối lập lẫn phe Chính phủ là một phần bản chất khắc nghiệt của quá trình ra quyết định. Ở phe đối lập, nếu đủ kỹ năng, bạn có thể che giấu những mâu thuẫn, che giấu những lựa chọn, làm lu mờ sự khác biệt, phủ tấm màn đồng thuận mờ hồ lên những quyết định khó khăn và khiến mọi chuyện trông có vẻ êm xuôi. Nhưng ở Chính phủ, mọi chuyện đều có những góc cạnh riêng, sắc bén. Khoảnh khắc bạn lựa chọn và bắt đầu hành động theo lựa chọn đó, các cạnh sắc cũng bắt đầu cứa vào bạn.

Tôi dần trau dồi thêm về các chính sách đối nội. Nhưng phải đến nhiệm kỳ cuối tôi mới tìm được tiếng nói riêng trong các cải cách này. Ngược lại, sự thức tỉnh của tôi về các chính sách đối ngoại diễn ra khá đột ngột. Tất cả bắt đầu từ sau sự kiện Kosovo.

Việc các chính sách được phân thành nhóm đối nội và đối ngoại có điều gì đó không đúng. Đơn giản là một cuộc khủng hoảng ngoài nước có thể tác động nghiêm trọng tới tình hình trong nước. Có hai điều khiến cho sự phân loại càng trở nên sai lầm trong thời đại ngày nay: Một là, thế giới đã hội nhập toàn cầu, vì thế tình hình trong và nước ngoài có xu hướng song hành; hai là, khi truyền thông toàn cầu phát triển, các cuộc khủng hoảng nước ngoài thường được truyền hình hoặc thông tin trực tiếp qua hệ thống truyền thông. Chúng nhanh chóng trở thành những thách thức đối nội do chúng tác động tới đời sống trong nước – như vấn đề kinh tế thế giới hay tình trạng nhập cư – và cũng bởi sự cảm thông và tình cảm của những người có liên quan. Ví dụ, khi Israel tấn công Gaza, những hình ảnh sống động về cuộc chiến và mất mát mà những người tham gia phải chịu đựng hiện hữu ngay lập tức trong nhà của từng người, vươn tới tận những vùng xa xôi nhất của nước Anh. Chúng ta biết tới tình hình đó theo cách mà trước đó vài thập kỷ, cần phải có những chiến dịch như Midlothian để thu hút và khuấy động tình cảm của mọi người.

Tuy nhiên, ngay cả sự mô tả này dường như cũng tầm thường hóa những việc đang diễn ra, không đơn thuần là việc mọi người bị ảnh hưởng bởi những gì họ nhìn thấy, mà là họ quan tâm tới đồng loại. Cảm xúc của họ là có thực. Họ nhìn thấy trẻ em chết đói ở châu Phi và cảm động tới mức phải bắt tay vào hành động. Họ chứng kiến những bất công và mong muốn Chính phủ của mình giúp thay đổi chúng. Họ có thể quan tâm nhất tới những gì xảy ra trên đất nước mình nhưng cũng không bao giờ thờ ơ với những mảnh đời khốn khổ vượt ra khỏi biên giới.

Kết quả của tất cả những việc này là khiến cho thế giới liên kết với nhau không chỉ về kinh tế hay lợi ích tự thân mà còn về tình cảm, trái tim cũng như khối óc một cách mạnh mẽ. Khi chúng ta nói về một thế giới phụ thuộc lẫn nhau, điều đó có nghĩa là chúng ta được kết nối với nhau, có chung thách thức cũng như giải pháp, vấn đề nảy sinh ở nơi này trên thế giới có thể dễ dàng kích động phản ứng ở nơi khác; nhưng chúng ta cũng cảm thấy tình đồng loại được kết nối vượt ra ngoài các đường biên giới nhiều hơn bao giờ hết. Không gian chúng ta đang sống được chia sẻ nhiều hơn. Du lịch, truyền thông đại chúng, mạng Internet và các hình thức liên lạc hiện đại kéo chúng ta về cùng một hướng. Tôi cảm thấy thoải mái, thậm chí phấn khích về một thế giới đang rộng mở, cho phép chúng ta trải nghiệm và học hỏi từ nhau. Tuy nhiên, ngay cả nếu tôi bực bội vì điều đó, tôi cũng sẽ phải chấp nhận nó như một thực tế của nền chính trị hiện đại.

Trong quá trình đó, chính sách đối nội và đối ngoại tương tác và lẫn lộn nhau, tuy nhiên, chúng tôi vẫn cố vờ rằng sự thực không phải thế. Trước khi trở thành Thủ tướng, tôi đọc rất nhiều, vì thế cũng có vốn hiểu biết tương đối tốt về lịch sử. Nhưng về vấn đề ngoại giao đương đại, tôi biết rất ít. Chiến dịch năm 1997 diễn ra gần như hoàn toàn trên nền tảng chính sách đối nội. Nếu trong buổi sáng tháng Năm tươi sáng ấy, khi lần đầu tiên tôi bước vào phố Downing, bạn cho tôi biết rằng trong thời gian tại nhiệm tôi sẽ kéo nước Anh vào bốn cuộc chiến, chắc hẳn tôi đã vô cùng hoang mang và kinh hoàng.

Mọi sự là như thế. Tôi không nhớ trong các đời Tổng thống Mỹ, đã có người nào lại dựa vào chính sách đối ngoại để bước chân vào Nhà Trắng. Tôi cũng không nhớ đã có tổng thống nào, trong suốt thời gian tại nhiệm lại không thấy căng thẳng với vấn đề chính sách đối ngoại. Tất cả các chiến lược gia chính trị đều đưa ra lời khuyên rằng việc dùng chính sách đối ngoại làm nền tảng hoặc trọng tâm của chiến dịch tranh cử là một thảm họa, là sự mở đầu cho một cái kết. Như tôi tìm hiểu, điều này khá là đúng, lý do vì công chúng nghĩ chính sách đối ngoại vừa quan trọng lại vừa quá xa vời so với những mối bận tâm thường ngày của họ.

Vì thế, ở một mức độ nào đó, công chúng hiểu nhu cầu về một bức tranh quốc tế tổng thể. Ở một mức độ khác, công chúng được chứng kiến hết vòng đàm phán này đến vòng đàm phán khác, các hội nghị thượng đỉnh, các cuộc họp, các cuộc tiếp xúc cấp cao. Những điều đó thật xa vời – dân chúng là ó: “Chúng liên quan gì đến chúng ta?” Trên cương vị một nhà lãnh đạo, bạn nhận ra rằng tuy những cảm xúc đó của người dân có thể thông cảm được, nhưng chúng hoàn toàn sai lệch. Bản chất của việc phụ thuộc lẫn nhau khiến cho vấn đề trở nên như vậy. Toàn cầu hóa kéo mọi người lại gần nhau hơn. Người ta cùng nhau đối mặt với các thách thức và ở một mức độ nào đó, với tốc độ khác nhau. Người ta cùng tìm ra các giải pháp. Vì thế, không thể đảm bảo rằng một thách thức ở lục địa A, nếu nó thực sự nghiêm trọng, sẽ không gây ra một thách thức khác ở lục địa B. Cụm từ “cộng đồng quốc tế” hoàn toàn sáo rỗng, nhưng nó đúng. Đó là cách chúng ta sống ngày nay.

Còn có một hệ quả khác từ mối tương tác giữa các chính sách đối nội và đối ngoại: Bản thân chính sách đối ngoại phải được thực hiện theo cách thức riêng biệt. Các thách thức toàn cầu đòi hỏi những giải pháp toàn cầu. Các giải pháp toàn cầu cần những liên minh toàn cầu. Các liên minh toàn cầu không thể được xây dựng trên nền tảng lợi ích quốc gia hẹp hòi, chúng phải được thiết lập dựa trên những giá trị chung toàn cầu.

Lấy vấn đề biến đổi khí hậu – một thách thức toàn cầu làm ví dụ. Giải pháp là sự đồng thuận toàn cầu và cần phải được các quốc gia phát triển và đang phát triển – Trung Quốc và Ấn Độ, Mỹ và châu Âu – cùng ủng hộ. Lợi ích quốc gia của họ nằm trong những thương thuyết tập thể. Những thương thuyết ấy sẽ không đạt hiệu quả nếu nó không mang lại công bằng cho các quốc gia đang ở những giai đoạn phát triển khác nhau. Với lập luận như thế, chúng ta có thể thấy lợi ích quốc gia phụ thuộc vào sự thỏa thuận đa quốc gia dựa trên những nhận thức chung về sự công bằng.

Tất cả những điều trên cho thấy quan điểm về chính sách đối ngoại truyền thống (vốn dựa trên những phân tích hẹp hòi về lợi ích quốc gia và thái độ thờ ơ nếu lợi ích đó không được đề cập trực tiếp) rất thiếu sót và lỗi thời. Tình cờ, tôi và Gladstone cùng chia sẻ một suy nghĩ, rằng hành xử theo chính sách đối ngoại đó cũng là vô đạo đức. Nhưng ngay cả khi không nghĩ thế, tôi chắc rằng vào những năm đầu thế kỷ XX, quan điểm đó cũng không còn hiệu quả nữa.

Tất nhiên, điều đó trở thành cuộc tranh luận nảy lửa về chính sách đối ngoại trong suốt thời gian tại nhiệm của tôi. Cuối cùng, tôi phải thừa nhận mình thuộc nhóm thiểu số khi lối tư duy này dẫn đến những động thái quân sự. Nhưng trên lĩnh vực kinh tế, môi trường và các vấn đề khác thì quan điểm này lại được chấp nhận rộng rãi hơn, ít nhất về mặt lý thuyết. Nó cũng gây nên tình trạng tả hữu lẫn lộn cho đến khi chúng tôi rơi vào vị thế kỳ quặc, khi việc ủng hộ thực thi nền dân chủ tự do là một quan điểm “tân bảo thủ” và không can thiệp vào tình hình một quốc gia khác là “tiến bộ”.

Khi vấn đề Kosovo trở nên nổi cộm vào cuối năm 1998 và bùng nổ vào những tháng đầu năm 1999, thì những cạnh sắc của chính sách đối ngoại và quá trình ra quyết định lập tức nổi cộm và gây “đau đớn”.

Về cơ bản, những vấn đề này xảy ra sau khi Nam Tư chia tách. Trước đó, sự kiện Bức tường Berline sụp đổ vẫn còn gây chấn động. Những vết thương của cuộc xung đột Bosnia vẫn chưa lành. Đặc biệt, Serbia vẫn nằm dưới chế độ độc tài Slobodan Milosevic. Căng thẳng tôn giáo,

sắc tộc và phong trào dân tộc chủ nghĩa diễn ra khắp nơi. Kosovo – một lãnh thổ nhỏ chỉ bằng diện tích bang Yorkshire hay Connecticut với khoảng một triệu dân mà đa phần là người Albania Kosovo Hồi giáo – vẫn là một phần của Serbia, một quốc gia theo đạo Thiên chúa chính thống. Mỗi quan hệ giữa những người Serb cai trị và những người Kosovo rất tồi tệ.

Hậu quả là cuộc xung đột Bosnia đã chia tách Nam Tư cũ thành nhiều quốc gia (theo Hiệp ước Dayton cuối năm 1995, đạt được nhờ sự nhiệt tình và khả năng thiên tài của nhà ngoại giao Mỹ Richard Holbrooke). Mặc dù, phải mất đến hai năm thì phương Tây mới can thiệp – tại thời điểm đã có tới 750 nghìn người chết – nhưng việc phân vùng cũng mang lại một chút hòa bình.

Tháng Mười hai năm 1998, Paddy Ashdown gửi cho tôi một bức thư ngắn khi ông đến thăm khu vực này. Ông cho rằng nhìn chung mọi việc đang tiến triển tốt đẹp; chỉ riêng với Kosovo, mọi việc trở nên tồi tệ hơn. KLA – lực lượng bán quân sự giải phóng Kosovo đang tái vũ trang khi phải đối mặt với việc quân đội Serbia chuẩn bị một cuộc xâm lược. Sự lo lắng của Paddy trở nên có căn cứ hơn khi vào cuối năm 1998, tình báo của chúng tôi đưa ra những bằng chứng rõ ràng rằng Milosevic chuẩn bị phê duyệt một cuộc tấn công của quân Serbia. Từ nhiều tháng trước đó, hàng trăm nghìn dân thường đã buộc phải di dời và khoảng 2 nghìn người đã bị sát hại.

Tháng Mười năm 1998, một hiệp ước tạm thời được ký kết và một số dân thường đã trở về nhà dưới sự bảo đảm của cộng đồng quốc tế. Nhưng kể từ đó, việc di dời và giết chóc vẫn tiếp tục diễn ra.

Đây là một cuộc thanh trừng sắc tộc. Hơn thế, nó còn xảy ra ngay trên biên giới châu Âu. Trong hai tháng đầu năm 1999, cộng đồng quốc tế đã bắt đầu có những động thái can thiệp. Một hội nghị được tổ chức tại Rambouillet, Pháp nhằm nỗ lực đạt tới một thỏa thuận. Các nghị quyết được thông qua; nhiều tuyên bố được đưa ra nhằm kịch liệt phản đối các động cơ và hàng động không thể chấp nhận của Milosevic. Nhưng giết chóc và thanh trừng vẫn tiếp tục diễn ra. Ngày 15 tháng Một tại Racak, một làng nhỏ ở Kosovo, 45 thường dân bị hành hình. Những lời lên án được gửi đi chỉ khiến cuộc thanh trừng trở nên khốc liệt và tàn bạo hơn, hàng nghìn người đã bị sát hại.

Cuối cùng vào tháng Ba, các hành động quân sự được tiến hành dưới hình thức các cuộc tập kích của NATO chống lại lực lượng Milosevic. Sự việc còn tiếp diễn cho đến tận tháng Sáu năm 1999, khi lực lượng của Milosevic rút lui trong tán loạn do lo sợ phải đối phó với bộ binh – ít nhất là từ Anh và Mỹ, dẫn đến sự suy giảm quyền lực của ông ta và sau đó ông ta buộc phải thoái vị. Khoảng 750 nghìn người tị nạn được hồi hương.

Cuộc xung đột Kosovo dạy cho tôi nhiều điều, về Chính phủ, về bộ máy lãnh đạo, về bản thân mình. Giờ đây khi đọc lại các tài liệu và suy ngẫm về sự việc lúc đó, tôi hoàn toàn cảm thấy thán phục. Nó đã thay đổi thái độ của tôi về chính sách đối ngoại.

Nhiều vấn đề nảy sinh. Thứ nhất, động thái đầu tiên của cộng đồng quốc tế là hành động – không còn nghi ngờ gì – nhưng trong khuôn khổ rất nhỏ hẹp; và nếu có thể, họ còn tập hợp bất cứ hành động nào để giảm nhẹ vấn đề. Đó là mong muốn xoa dịu chứ không phải giải quyết.

Thứ hai, ngay từ đầu tôi đã vô cùng thẳng thắn trong việc vận động một giải pháp quân sự. Giờ nhìn lại toàn bộ quá trình, tôi hoàn toàn cương quyết muốn có một giải pháp chứ không đơn thuần là hành động xoa dịu. Điều đó khiến nhiều đồng minh của chúng tôi tức giận và cả hệ thống sững sốt.

Thứ ba, điểm mạnh và điểm yếu của châu Âu trong những hoàn cảnh này là: Giới đưa ra những tuyên ngôn hành động nhưng để chúng bốc hơi và để lại những hậu quả rõ ràng. Toàn bộ sự kiện này làm tôi tin chắc rằng chúng tôi cần một bộ máy lãnh đạo mạnh mẽ cho khu vực châu Âu và cho một chiến lược phòng thủ châu Âu phù hợp.

Ngoài ra, tôi đặt sức ép lên mối quan hệ cá nhân giữa tôi với Bill Clinton. Điều đó nói lên rất nhiều về ông và ông thật tốt vì đã cho phép tôi tạo sức ép cho ông. Điều đó cũng nói lên rất nhiều về nước Mỹ và về sự sẵn sàng của quốc gia này trong những thời điểm cấp thiết hy khi phải chấp nhận sự cần thiết của thời cơ và hành động.

Kosovo là một vấn đề rất khó khăn đối với nước Mỹ. Không giống những cuộc xung đột tại Afghanistan và Iraq sau này, Mỹ không nhận được nhiều lợi ích trực tiếp từ quốc gia này. Công chúng và giới chính trị gia đều dửng dưng với việc phải thực thi các hành động trong cuộc xung đột này chứ chưa nói đến việc phải đưa bộ binh vào. Quan điểm của Mỹ ít nhiều cũng cho rằng đây là vấn đề của châu Âu, trên biên giới châu Âu, cách Mỹ hàng nghìn dặm; do đó, châu Âu cần tập trung ý chí để đối phó với vấn đề này.

Khi thảo luận với các quan chức và giới quân đội của chúng tôi, tôi nhanh chóng nhận ra rằng không thể giải quyết vấn đề chỉ bằng ngoại giao và quân sự là điều cần thiết. Tiếp theo là thất bại của chúng tôi trong việc can thiệp vào Bosnia và thảm họa Sarajevo. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi Milosevic không cảm nhận được ý chí của phương Tây trong việc đưa ra những hành động mạnh tay. Thay vào đó, ông ta tin rằng mình có thể làm bất cứ điều gì, nếu muốn. Vì thế, tôi nhận được lời khuyên rằng nếu không có ít nhất một lời đe dọa quân sự đáng kể thì không có mấy triển vọng ngăn chặn thảm cảnh bạo lực và áp bức. Kể cả như thế, ông ta cũng vẫn sẽ thử quyết tâm của chúng tôi và xem liệu chúng tôi có đưa lực lượng quân sự của mình vào như tuyên bố không.

Từ đầu tháng Một, tôi cố gắng gây dựng một kế hoạch đồng thuận về hành động. Về cơ bản, chiến lược của tôi là tạo nên một tập hợp các lời tuyên bố mạnh mẽ và duy trì các cuộc đàm phán ngoại giao, nhưng cũng chỉ rõ rằng nếu những biện pháp trên thất bại, chúng tôi sẵn sàng hành động.

Vì sao tôi lại quyết tâm hành động đến thế? Theo cá nhân tôi thì cơ bản là vấn đề về đạo đức. Và ở một khía cạnh nào đó, điều đó định hình quan điểm của tôi về các động thái can thiệp ngoại giao và quân sự. Tôi cũng thấy đó là một hành động làm sáng tỏ lợi ích quốc gia, vì tôi tin rằng nếu chúng ta để vấn đề lây lan hoặc cho phép các cuộc thanh trừng sắc tộc diễn ra, chúng sẽ lan ra toàn châu Âu.

Tuy nhiên, động lực cơ bản của tôi là cảm giác phần nộ trước những gì đang diễn ra. Đó là những dân thường, bị đuổi khỏi nhà và biến thành dân tị nạn, bị giết, hãm hiếp, đánh đập tàn nhẫn, cả gia đình bị làm nhục hoặc bị sát hại. Lạy Chúa, chẳng nhẽ chúng ta chưa học được gì từ lịch sử châu Âu sao? Điều đó thật kinh hoàng. Và theo một cách nào đó, thậm chí nó còn tàn nhẫn hơn ở một vài nơi khác trên thế giới,

Sau này, khi tôi đến thăm các trại tị nạn ở Macedonia, lắng nghe những câu chuyện thương tâm và thống khổ ở đó, tôi cảm thấy thật tự hào về những việc chúng tôi đã làm. Những người tị nạn này sẽ được trở về nhà. Nhưng tôi cũng cảm thấy không thoải mái khi nhận ra chúng tôi đã suýt nữa không bao giờ cho họ cơ hội đó.

Giờ chúng tôi nhìn lại và hầu hết mọi người sẽ nói: Đương nhiên chúng tôi không thể cướp mất cơ hội đó của họ mặc dù chúng tôi gần như đã làm như thế. Không phải bởi các chính trị gia do dự khi ấy là những người xấu hoặc có năng lực lãnh đạo tồi, mà bởi họ không cảm nhận được nhiều như tôi về những nỗi thống khổ của người dân và sự bạo tàn ở trại tị nạn đó. Vào đầu năm 1999, khi chúng tôi tìm ra giải pháp, thì mọi sự lại không hề đơn giản. Kosovo là một phần của Serbia. Serbia có lực lượng quân đội nổi tiếng thiện chiến. Phát động chiến tranh thì dễ, nhưng kết thúc nó thì rất khó. Hàng ngàn người vô tội bị sát hại. Những hậu quả khôn lường xảy ra. Những tình huống xấu có thể sẽ trở nên càng ngày càng tồi tệ. Chỉ đến khi sự việc xảy ra thì người ta mới vỡ lẽ và thông suốt, các hậu quả để lại nói lên tất cả, nhưng như thế là quá muộn – đó là điều làm khó các nhà lãnh đạo.

Qua sự kiện Kosovo, tôi nhận thấy rằng trong một bối cảnh không chắc chắn, cách duy nhất để

tìm ra phương hướng là phải hỏi những câu hỏi đạo đức như: Điều đó có được phép xảy ra hay không? Chế độ này có nên tiếp tục hay không? Những người này có nên tiếp tục chịu đựng bất công không?

Nếu câu trả lời là không thì cũng không có nghĩa là bạn tìm ngay đến giải pháp quân sự. Bạn cần thử tất cả mọi biện pháp thay thế khác trước. Bạn cần hỏi xem liệu những hành động đó có khả thi và thực tế không. Mọi người thường nói với tôi rằng nếu ông đẹp lũ bất lương ở Sierra Leone, Milosevic, Taliban và Saddam, tại sao ông không đẹp bỏ Mugabe? Tôi trả lời rằng mình rất mong muốn làm điều đó, nhưng tình huống này không thực tế (vì trong trường hợp của Mugabe với những lý do tôi chẳng bao giờ hiểu thấu được, thì các quốc gia châu Phi lân cận luôn duy trì sự ủng hộ ông ta và sẽ phản đối bất cứ hành động cứng rắn nào).

Hỏi và trả lời một câu hỏi đạo đức không dẫn ngay đến một giải pháp quân sự, nhưng nó tạo ra một khuôn khổ cho phép làm như vậy. Và đó là cấu trúc có một điểm khởi đầu hoàn toàn khác biệt với các chính sách ngoại giao truyền thống, vậy liệu điều đó có phải vì lợi ích quốc gia không?

Đương nhiên, luận điểm lớn hơn của tôi – dựa vào lý thuyết về sự phụ thuộc toàn cầu – là câu hỏi đạo đức này là một phần của lợi ích quốc gia. Nhưng xét về lịch sử, một luận điểm lớn như vậy là không đáng tin. Nếu biện minh một chút, nó được cho là giống như việc lãnh đạo dẫn đến sự nhiệt thành và những tiêu chuẩn phán xét chủ quan chứ không khách quan, dẫn đến việc lãnh đạo bằng trái tim thay vì khối óc. Tôi có phần đồng tình với quan điểm này. Quan điểm đối lập với quan điểm của tôi không phải là sản phẩm của sự khiếm khuyết về đạo đức. Nó được sinh ra từ sự dè dặt hoàn toàn tự nhiên về những hệ quả không lường trước của các hành động can thiệp có động lực đạo đức. Tôi không chê trách sự hạn chế về đạo đức của loại quan điểm như thế, nhưng tôi muốn nói rằng chính sách không can thiệp cũng để lại những hệ quả khó lường. Chính sách không can thiệp đối với Bosnia những năm đầu thập niên 1990 có vẻ là khôn ngoan vào thời điểm đó. Nhưng khi nhìn nhận lại, nó không hề khôn ngoan chút nào. Chính sách này dẫn tới việc Milosevic tin rằng ông ta có thể chạy thoát với chiến dịch Kosovo.

Giữa năm 1991 và 1992, Milosevic đã theo đuổi chính sách thanh trừng sắc tộc. Ông ta tổ chức và thực hiện chính sách này với sự tàn bạo của lực lượng quân đội quốc gia Nam Tư. Hai trăm nghìn người Bosnia bị sát hại và một con số tương đương bị thương trên tổng số 4 triệu dân. Hãm hiếp và cướp bóc diễn ra trên diện rộng. Thật khó có thể tin rằng những hành vi này lại diễn ra ở một quốc gia tương đối phát triển vào cuối thế kỷ XX. Liên Hợp Quốc cũng bó tay. Khi cuộc chiến nổ ra, lực lượng Liên Hợp Quốc ở Sarajevo rút đi và phó mặc người dân cho số phận. Hậu quả là 12 nghìn người ở khu vực này đã thiệt mạng. Hàng nghìn người khác ở Croatia chết và hàng trăm nghìn người bị mất nhà. Ngay cả khi hòa bình đã được lập lại, Milosevic vẫn không phải trả giá cho những hành động tội ác của ông ta, nghĩa là hòa bình chỉ xoa dịu chứ chưa giải quyết vấn đề. Đầu năm 1999, trong khi nỗ lực tìm kiếm giải pháp, tôi nhận thức rằng sự miễn cưỡng đã hình thành nên thái độ điển hình của chúng tôi những năm đầu thập kỷ 1990 vẫn đang hiện diện.

Tôi làm việc với hai nhóm: Những người Mỹ và những người châu Âu. Với châu Âu, chủ yếu là Jacques Chirac và Gerhard Schroeder, trong đó có cả Thủ tướng Ý Massimo D'Alema bởi nước Ý rất gần gũi với cuộc chiến, tôi cố gắng khơi gợi sự quan tâm và cũng thúc đẩy suy nghĩ rằng việc từ chối giải quyết vấn đề này sẽ chỉ mang lại những rắc rối lớn hơn. Rất nhanh sau đó, họ sẵn sàng bày tỏ sự ghê tởm, đúng với những gì đang diễn ra và yêu cầu phải dừng những hành động đẫm máu đó, nhưng lại không thống nhất được về việc bất cứ hành động đe dọa quân sự nào và cũng thẳng thừng loại bỏ khả năng sử dụng bộ binh.

Một cách tự nhiên, đó là một chiếc thuật thương lượng hoàn toàn vô vọng đối với Milosevic. Ngay từ đầu, nó đã báo hiệu rằng sự nghiêm túc trong ý định hành động của chúng tôi cũng có giới hạn; và rằng nếu có thể chịu được một cuộc không kích thì ông ta có thể trụ lại. Thật kinh ngạc khi người ta liên tục không hiểu được rằng bất cứ sự đe dọa nào trên chính trường quốc

tế cũng là đáng tin cậy. Việc thiếu vắng niềm tin như thế chỉ làm tăng nguy cơ đối đầu. Những kẻ bị đe dọa không tin vào lời cảnh báo và vẫn tiếp diễn hành động. Khi đó, lựa chọn mà bạn cố gắng né tránh – chiến tranh hay không chiến tranh – trở thành lựa chọn bắt buộc. Tôi đã chứng kiến điều này nhiều lần và chuẩn bị chứng kiến cùng một sự kiện đáng buồn tại Iran. Dùng một lời đe dọa đáng tin để nhấn mạnh một yêu cầu và yêu cầu đó có triển vọng được thực thi. Nếu bạn không chắc chắn về việc yêu cầu của bạn được đáp ứng hay không thì việc đối đầu là không tránh khỏi.

Như vậy, có thể nói tôi bị cô lập ở phía châu Âu. Thực tế, Gerhard có những mối bận tâm nội bộ thực sự và đặc biệt là những lo ngại của nước Đức về việc tham gia vào các hoạt động quân sự vì những lý do đã rõ ràng. Nước Đức phải kiềm chế việc sử dụng vũ lực dưới những thể chế và nền chính trị trong nước. Nhưng cùng với thời gian, ông ấy ngày càng nhấn mạnh rằng không nên sử dụng bộ binh ở bất cứ hoàn cảnh nào, không chỉ lực lượng bộ binh của Đức mà của bất kỳ nước nào. Đó là vết rạn đầu tiên trong mối quan hệ giữa tôi và ông ấy. Tôi hiểu vấn đề của ông, nhưng là một người thông minh, ông ấy chắc chắn có thể nhìn thấy vấn đề của chúng tôi: Nếu tình hình cho thấy chỉ bộ binh mới có tác dụng trong hoàn cảnh này thì hoặc chúng tôi sử dụng lực lượng này, hoặc chúng tôi không thể làm gì được. Hàng trăm nghìn người tị nạn đã quay trở về Kosovo vào mùa hè và mùa thu năm 1998 với lời hứa của chúng tôi rằng chúng tôi sẽ không cho phép việc thanh trừng sắc tộc tái diễn.

Khi chúng tôi bắt đầu các cuộc thảo luận chuẩn bị cho một cuộc tấn công của liên quân NATO, thì một vấn đề trở nên vô cùng rõ ràng: Ngay cả nếu chúng tôi chỉ tấn công bằng không quân thì 85% thiết bị sử dụng sẽ do phía Mỹ cung cấp. Sự thật là nếu không có Mỹ tham chiến thì hãy quên việc này đi, sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Đó là toàn bộ sự bất lực của châu Âu.

Tôi bắt đầu liên hệ với Bill Clinton về khả năng tấn công quân sự, không chỉ bằng không quân mà còn bằng bộ binh nếu cần thiết. Quan hệ giữa tôi và ông ấy vốn đã gần gũi từ trước và là những người bạn tâm giao trong chính trị. Chúng tôi chia sẻ khá nhiều luận điểm phân tích về những yếu kém của nền chính trị cấp tiến và đều có tư tưởng đối mới mạnh mẽ. Chúng tôi đều có phong cách giản dị và trông trẻ hơn tuổi thật. Chúng tôi cũng rất dễ gần. Nhưng khi nhìn sâu hơn vào vấn đề, bạn sẽ thấy chúng tôi cũng cần phải có rất nhiều đá hóa cương để tạo nên cái nền tảng chung ấy.

Ông là chính trị gia đáng gờm nhất mà tôi từng phải đương đầu. Năng lực phi thường trên chính trường khiến người ta không nhận ra ông cũng là một người có suy nghĩ sâu sắc, với một triết lý và chương trình chính trị rõ ràng và thông suốt. Những lời đồn thổi mà ông phải chịu đựng là hiểu lầm về khả năng đặc cử của ông. Về phương diện này, một lần nữa, lại có những tương đồng với tình huống khó khăn của Đảng Lao động mới.

Triết lý trung hòa mà chúng tôi ủng hộ không chia tách rõ ràng cánh tả và cánh hữu. Nó cũng không phải là mẫu số chung nhỏ nhất của chủ nghĩa dân túy. Nó là một nỗ lực thực sự, nhất quán và rất thành công nhằm định nghĩa lại nền chính trị cấp tiến: Để giải phóng nó khỏi những hệ tư tưởng lỗi thời; để áp dụng những giá trị của nó vào một thế giới mới; để cải cách vai trò của Chính phủ và Nhà nước; và để tạo ra mối quan hệ hiện đại giữa trách nhiệm của công dân và trách nhiệm của xã hội. Đó là tinh thần dành cho “cần câu” chứ không cho “con cá” trong lĩnh vực phúc lợi xã hội, là cơ hội và trách nhiệm tạo dựng nền tảng của một xã hội vững mạnh. Đó là cách vượt ra trạng thái Nhà nước nhỏ và hệ tư tưởng “không có vai trò cho xã hội” của phe Cộng Hòa; cũng là cách vượt ra trạng thái Nhà nước lớn, hệ tư tưởng kinh doanh thù địch của nền tảng Dân Chủ truyền thống. Chính chúng tôi nên là những nhà quản lý kinh tế giỏi, những người hiểu về tội phạm, những người được truyền cảm hứng và cảm thông với nó.

Bill hoàn toàn thoái lui khỏi nền chính trị liên minh cầu vồng rất được một phần cánh tả ủng hộ vào thời điểm đó. Trong bài phát biểu nổi tiếng của ông chống lại những nhà hoạt động da đen, những người vẫn đi rao giảng lòng thù địch với người da trắng, ông nói thẳng với họ rằng ông sẽ không ủng hộ điều đó, không bao giờ thay đổi hình ảnh của phái dân chủ thành hình

ảnh của những người mắc nợ một thiếu số cấp tiến.

Dần dần, giới cánh tả tạo ra một huyền thoại huy hoàng rằng mọi người bỏ phiếu cho Bill bởi ông là người điều hành chính trị vô cùng thông minh; và đương nhiên một phần không nhỏ giới cánh hữu cũng tham gia vào điệp khúc này. Thực tế, mọi người bỏ phiếu cho ông bởi họ thông minh. Họ không cần một chính trị gia bóng bẩy; họ cần một chương trình khôn ngoan, hiện đại, hiệu quả dựa trên một triết lý phù hợp với thời đại.

Ngay cả về mặt nhân cách, chúng tôi cũng ít khác biệt hơn mọi người nghĩ. Nhưng trong những hoạt động chính trị có tầm ảnh hưởng, tôi vẫn lắng nghe ý kiến của các bậc thầy trong khi Bill lại tự quyết định mọi việc. Sự thông thái vượt bậc của ông thường được che giấu sau phong thái bình thản. Ông cũng có khả năng phân tích đáng kinh ngạc và thực sự quan tâm tới các cuộc tranh luận về chính sách – mà đôi lúc còn quan tâm hơi thái quá – và thường xuyên tìm kiếm các ý tưởng mới.

Clinton là người nhanh trí. Nếu tham gia các phiên điều trần Thủ tướng, hẳn ông đã tỏa sáng. Khi tới thăm ông ở Phòng Bầu dục năm 1996, ngay trước thềm chiến dịch bầu cử của tôi và đợt tái bầu cử của ông, chúng tôi đã ngồi đó và tôi cảm thấy vô cùng kính nể ông; cũng như các bạn, tôi hy vọng buổi gặp gỡ sẽ không diễn ra chóng vánh quá (“Blair bị mất mặt”), cầu mong nó sẽ vượt quá thời gian hạn định (“Blair được chào đón”), nhưng dù cách nào thì cũng mong sao cuộc gặp gỡ không phải là thảm họa. Neil Kinnock, nhà lãnh đạo Đảng Lao động trong chuyến thăm Washington dưới thời Ronald Reagan đã gây tổn hại to lớn bằng cả nội dung cuộc họp (Reagan nói thẳng ra rằng chính sách giải trừ hạt nhân đơn phương của Đảng Lao động thật điên rồ) và bằng việc Reagan nhằm Denis Healey, người đi cùng Neil trong vai trò Ngoại trưởng của Nội các Đối lập, là Đại sứ Anh. Tôi vừa thấy hồi hộp khi được có mặt ở đó, vừa thấy nhẹ nhõm khi cuộc họp kết thúc. Bill đã hết sức niềm nở và hoan nghênh sự có mặt của tôi, cuộc họp thực sự đã vượt quá thời gian dự kiến.

Bill không định tổ chức một cuộc họp báo lớn – và việc tổ chức một cuộc họp báo lớn với nhà lãnh đạo phe đối lập của Anh cũng là không thích hợp – nhưng ông có phát biểu (mà không cần có sự chuẩn bị trước) trong Phòng Bầu dục, vây quanh là giới báo chí xếp hàng chụp ảnh. Khi chúng tôi ngồi đó và các máy ảnh chớp liên tục, thì một ai đó (tôi nghĩ là Peter Riddell của tờ Times) đã hỏi Clinton rằng ông có nghĩ mình đang ngồi cạnh vị Thủ tướng tiếp theo của nước Anh không. Một câu hỏi khó. Nếu nói: “Đó không phải là câu hỏi dành cho tôi” thì thật lạnh lùng, còn nói “Có” thì thật là một câu trả lời không tương xứng về mặt ngoại giao. Phản ứng rất nhanh, Bill trả lời: “Thực ra tôi chỉ hy vọng ông ấy đang ngồi cạnh vị tổng thống tiếp theo của Hoa Kỳ”.

Ông cũng có khả năng linh hoạt mà ít ai sánh kịp. Khi bạn nghĩ về những gì Bill phải trải qua trong thời kỳ xảy ra hàng loạt các lời cáo buộc, bạn sẽ phải ngồi xuống. Quá nhiều việc. Ông đã và có thể vượt qua sóng gió đó như thế nào? Vậy mà ông đã làm được và từ nhiệm với tỷ lệ ủng hộ lên đến 60%.

Ông đã làm được điều đó trước hết vì ông không cho phép sóng gió chi phối quan điểm của mình trên cương vị Tổng thống, ngay cả khi nó thực sự đã chi phối quan điểm của giới truyền thông. Đây là lúc mà khả năng mềm dẻo và linh hoạt đóng vai trò quan trọng đối với thành công và sinh tồn của ông. Ông thường nói với tôi rằng mình thức dậy mỗi ngày với quyết tâm thực hiện việc lãnh đạo. Khi họ nhắc đến câu chuyện về Monika Lewinsky, ông nói về việc khởi động kế hoạch chăm sóc y tế. Khi họ đào sâu về khả năng ông không thể tiếp tục tại nhiệm, thì ông vẫn nắm giữ vị trí ấy và thúc đẩy một chương trình phúc lợi mới. Bất chấp mọi điều họ làm nhằm bôi nhọ hay hạ bệ ông, ông vẫn tiếp tục thực hiện tất cả những gì có thể vì mọi người. Ông chỉ đơn giản là đứng dậy và bước qua sóng gió.

Lý do thứ hai là, như tôi đã gợi mở ở trên, công chúng luôn nhìn đời sống tình dục của các chính trị gia một cách con người và cần trọng hơn so với sự cuồng nhiệt thái quá của giới

truyền thông. Họ hiểu, họ nhấn mạnh và đến một mức nào đó, họ tha thứ. Điều đó không có nghĩa là họ ủng hộ, nhưng sự phản đối của họ khá hòa nhã. Mức độ thất vọng của họ có giới hạn, bởi họ biết rằng chính họ cũng đã, đang và có thể vấp ngã, cũng mắc sai lầm và cũng cần sự tha thứ. Trong khi một số người quan niệm rằng các chính trị gia không có gì đáng trách trong vấn đề này thì một số khác nghĩ rằng cổ những thước đo quan trọng hơn để đánh giá các nhà lãnh đạo, ví như: Họ có đang cống hiến hết mình vì lợi ích của đất nước không?

Vì thế ngay cả khi Bill “không nói sự thật”, họ vẫn hiểu đó là vì ông không muốn làm xấu mặt gia đình mình. Và những kẻ hãm hại ông đã quá tay mà thành thất bại, để rồi cuối cùng chính họ cũng bị đưa ra trước vành móng ngựa của công luận, như ông vậy. Tôi cũng tin rằng hành vi của ông xuất phát một phần từ sự quan tâm và tò mò hơn mức bình thường của ông đối với mọi người. Đối với đàn ông, điều đó thể hiện bằng tình bạn. Đối với phụ nữ, rất có thể liên quan đến yếu tố tình dục. Và như thế, tôi không cho rằng ông quá khác biệt so với phần lớn những người đàn ông khác.

Ông có thể điềm tĩnh một cách phi thường trước những vấn đề “nước sôi lửa bỏng”. Vô cùng tình cờ, tôi có thời gian bên ông trong giai đoạn xảy ra hàng loạt sóng gió. Lần đầu tiên, tháng Hai năm 1998, phần chính của câu chuyện Monica Lenwisky bị tiết lộ và lúc đó tôi đang ở tại Nhà Trắng. Chúng tôi phải dự một cuộc họp báo. Khi đứng trong phòng lớn, chờ đợi đằng sau tấm màn để bước ra, thì chúng tôi đã trò chuyện phiếm. Tôi hơi hồi hộp. Không một giây phút nào tôi lại không nghĩ tới việc sẽ đứng hẳn về phía Bill. Ông ấy là một người đàn ông mẫu mực, một Tổng thống hết lòng vì trách nhiệm của mình đối với đất nước và trên tất cả là một người bạn của tôi. Tôi rất, thậm chí là quá mức, chân thành với bạn bè.

Đó là một trong những thời khắc lạ lùng trong chính trị. Tại các buổi họp báo, luôn có một chủ đề được đưa ra – thực ra trong trường hợp này, dù bạn có tin hay không, thì chủ đề là về Saddam và vũ khí giết người hàng loạt của ông ta. Saddam lại tiếp tục cản trở quá trình điều tra của các thanh tra viên và cộng đồng quốc tế đang chính thức vào cuộc. Chúng tôi nghĩ khả năng tập kích quân sự hoàn toàn có thể xảy ra. Đó là một vấn đề mang tính sống còn nghiêm trọng. Nhưng rồi giới truyền thông lại muốn hướng về một sự việc khác: Monica. Lúc này mọi sự đã rõ ràng: Vấn đề nào mới gây quan tâm nhiều hơn.

Ngay trước khi chúng tôi bước lên sân khấu, Rahm Emanuel, lúc đó là cố vấn cấp cao của Bill nói với chúng tôi rằng: “Đừng rời lên thế!”. Chúng tôi không hề rời. Bill là một người đứng đắn. Tôi ủng hộ ông ấy. Căn cứ vào hoàn cảnh thì chắc chắn đó sẽ là một thắng lợi.

Sau này, một sự kiện khác đã xảy ra: Trong cuộc hội thảo về chính trị cấp tiến ôn hòa, nơi Bill và tôi sẽ cùng phát biểu với Tổng thống Bulgaria (một người đàn ông đáng mến tên là Petar Stoyanov) và Romano Prodi (một sự xếp đặt kỳ lạ) thì các băng ghi âm cuộc phỏng vấn Starr được tiết lộ. Sự việc được bàn tán khắp nơi. Sức ép đè nặng lên Bill và những lời công kích đều có chủ ý. Đối thủ của ông đánh hơi thấy sự việc và lao vào mổ xẻ chúng.

Sau đó, hóa ra các cuộn băng ghi âm không gây sốc như mong đợi, nhưng ngày hôm đó kỳ lạ hơn lần sóng gió trước, khi tôi bước vào phòng chuẩn bị hội thảo, Bill và Hilary dẫn tôi đến một văn phòng nhỏ để cùng trao đổi. Đó là nơi tôi được chứng kiến ý chí và tinh thần mạnh mẽ của Hilary. Nếu tôi đã từng băn khoăn bà ấy quan trọng như thế nào đối với thành công của Bill thì giờ phút đó là lúc tôi biết câu trả lời. Bà tức giận và bị tổn thương còn nhiều hơn cả Bill – điều đó là rõ ràng – nhưng không bao giờ bà ấy cho phép điều đó hủy hoại những thứ mà bà và Bill đã gây dựng nên. Nếu có ai đó được quyền tức giận với Bill thì người đó chỉ có thể là Hilary.

Mọi người thường hỏi tôi về quan hệ giữa họ. Nhiều người, trong đó có cả các nhà lãnh đạo, thường cho rằng cuộc hôn nhân của họ không phải là một cuộc hôn nhân dễ chịu, mà mang tính liên minh chính trị; và rằng chính điều đó đã ràng buộc họ với nhau, bất chấp mọi điều tiếng khác. Còn tôi vẫn thường trả lời họ rằng: “Các anh có biết tôi nghĩ cuộc hôn nhân này là vì điều gì không? Là vì họ yêu nhau.” Đó là sự tiết lộ chân thật nhất. Vâng, đó cũng có thể là một

liên minh chính trị, nền móng của nó là những tham vọng chung, nhưng khi tất cả được nói ra và thực hiện, tham vọng là mái hiên để tình yêu đích thực trú ngụ chứ không phải tình yêu là nơi trú ngụ của tham vọng.

Tôi không biết phải nói điều gì khi ba người chúng tôi ngồi lại bên nhau. Hilary giải thích từ tốn và dứt khoát: Sự việc này không thể loại bỏ anh ấy được. Anh ấy sẽ ở lại, chiến đấu và chiến thắng. Chúng tôi nói về tất cả những chuyện đó trong một khoảng thời gian ngắn trước khi quay lại để thực hiện cuộc hội thảo. Đương nhiên Bill đã rất hoạt ngôn, hấp dẫn và bình thản. Tôi ngồi đó, nhiều lúc kinh ngạc đến sững sờ và thực sự ngưỡng mộ sự gan dạ ấy.

Sau hôm đó, Bill và tôi tới một cuộc hội thảo được tổ chức cho học sinh trường Trung học phổ thông Montgomery Blair ở ngoại ô Washington. Chúng tôi sẽ phát biểu về chính sách giáo dục. Khi tới nơi, chúng tôi thấy có hàng nghìn học sinh đã tập trung trong phòng thể thao của trường. Khung cảnh rất giống một cuộc diễu hành: Các em học sinh náo nhiệt, đậm chân và hát. Chúng tôi phát biểu như dự định và khuấy đảo đám đông như hai ông hoàng phòng hòa nhạc. Bill được chào đón nhiệt liệt và điều đó làm tinh thần ông thoải mái hơn rất nhiều.

Khoảng thời gian này, tháng Chín năm 1998, Kosovo trở thành vấn đề được quan tâm nhiều nhất. Đến đầu năm 1999, tôi đã tìm ra những yếu tố thành công cần thiết và nhận ra rằng tất cả phụ thuộc vào mối quan hệ của tôi với Bill. Nếu có thể thuyết phục ông, chúng tôi còn có cơ hội. Nếu không, phía châu Âu sẽ không bao giờ có động thái gì và chúng tôi sẽ lặp lại sai lầm ở Bosnia.

Khoảng thời gian từ tháng Một đến tháng Hai năm 1999, giữa tôi và Bill thường xuyên có những cuộc trao đổi. Cuộc tấn công ngoại giao vẫn tiếp tục, nhưng cuộc tấn công của Milosevic nhằm vào những người Hồi giáo Kosovo cũng đang tiếp diễn. Bản mô tả các tội ác tàn bạo – Racak là nơi khốc liệt nhất, nhưng cũng còn vô số địa điểm khác – khiến ai cũng phải rùng mình. Điều đó thật kinh khủng: Một nhóm dân thường bị chôn sống chỉ vì họ thuộc về một tôn giáo khác. Lãnh đạo của người Kosovo, Ibrahim Rugova, đến gặp tôi. Ông ấy có dáng người dong dong cao, tiều tụy vì đang phải chống chọi với căn bệnh ung thư vòm họng quái ác. Ông ấy cầu xin sự giúp đỡ với lời thỉnh cầu tha thiết: “Bọn họ đang giết chết chúng tôi”. Ông ấy đưa tôi một tặng vật nhỏ, một chiếc vòng Kosovo pha lê màu tím và trắng. “Tôi muốn tặng ông món quà nhỏ này”, ông ấy giải thích và đặt món quà vào bàn tay tôi. Tôi vẫn luôn để nó ở trên bàn trong phòng nghỉ của mình ở phố Downing.

Bill và tôi đồng ý sẽ thông qua NATO để tiến hành các hoạt động không kích. Ban đầu, mặc dù tôi còn khá chần chừ và nghi ngại, nhưng tất cả đều chắc chắn là sẽ không sử dụng bộ binh. Nếu không tuyên bố trước như vậy, sẽ chẳng có một cuộc không kích nào. Bởi vậy, tôi nghĩ việc đồng ý với tuyên bố này cũng đáng và sẽ tìm cách điều chỉnh sau.

Mọi sự chuẩn bị được tiến hành. Đột nhiên vào cuối tháng Ba, quá trình trục xuất, thanh trừng và sát hại người Hồi giáo Kosovo được đẩy nhanh. Milosevic đang đẩy nhanh chiến dịch vốn đã được dự đoán trước. Điều đó buộc chúng tôi phải hành động. Các cuộc không kích bắt đầu, máy bay Anh tham chiến. Tôi phát biểu ở Nghị viện và chúng tôi giành được sự ủng hộ rộng rãi trong các đảng. Paddy, mặc dù đã thông báo hồi tháng Một rằng sẽ từ chức khỏi vị trí lãnh đạo phe Dân chủ Tự do, vẫn đang tại nhiệm và nhiệt liệt ủng hộ chúng tôi. Ông ấy cũng gửi cho tôi một bức điện ngăn cảnh báo rằng cần phải có bộ binh tham chiến.

Tôi phát động một chiến dịch quân sự toàn diện vì về cơ bản, sự kiện Kosovo đã cho thấy một chiến dịch không quân đơn thuần chống lại kẻ địch ngoan cố và cảm tử thường có những hạn chế căn bản và để lại hậu quả không thể cứu vãn. Chiến dịch không kích rất dữ dội và có khả năng gây ra những thiệt hại đáng kể, nó làm suy yếu cơ sở hạ tầng của kẻ địch và làm mất tinh thần của cả quân đội lẫn dân thường. Không kích có thể cầm chân, chặn đứng và hạn chế quân thù – nhưng nó không thể đánh đuổi một đội quân vốn đã ngoan cố giữ đất và lại sẵn sàng cầm cự và đón nhận thất bại.

Ban đầu mục tiêu rất nhiều nhưng với công nghệ và vũ khí hiện đại, những mục tiêu này nhanh chóng bị loại bỏ. Dần dần, các mục tiêu ngày càng lẫn với khu vực dân cư. “Thương vong ngoài dự tính” – một thuật ngữ tôi đã cố cấm mọi người sử dụng – ngày càng tăng, còn đạn pháo nhắm sai một vài mục tiêu. (Trong trường hợp này, không chỉ là thường dân mà còn là Đại sứ quán Trung Quốc ở Belgrade.) Quân thù chịu tổn hại, nhưng chúng không bị lật đổ. Cảm giác chán nản đối với một chiến dịch thuần không kích tăng lên, cảm giác bất công cũng thế, ít nhất là ở các quốc gia phương Tây. “Máy bay đối đầu với binh lính” là không công bằng. Tất cả làm gia tăng sức ép lên các nhà lãnh đạo. Nếu bạn không cẩn thận, kẻ thù sẽ tự cho mình là nạn nhân trong cuộc chiến.

Trong với trường hợp này, điều tồi tệ hơn là sau một vài ngày, chính NATO lại bộc lộ những hạn chế nghiêm trọng trong việc tiến hành một chiến dịch như thế. Chúng tôi có một quy trình phê chuẩn hội đồng phức tạp đến nực cười và khó tả để phê duyệt các mục tiêu. Điều đó thường gây chậm trễ trong quá trình ra quyết định. Wes Clark, Chỉ huy Liên quân Tối cao châu Âu phụ trách các chiến dịch quân sự của NATO, là một người tốt, nhiệt thành, tâm huyết, nhưng lại không hề có những nền tảng truyền thông cần thiết mà một chiến dịch như thế này cần có để chiếm lĩnh mặt bằng tin tức thế giới. Javier Solana, Tổng Thư ký NATO cũng thuộc nhóm cán bộ cao cấp, nhưng bị mắc kẹt giữa những quan điểm khác nhau của các nhà lãnh đạo cấp cao hơn.

Tóm lại, tại thời điểm đó đã có hàng trăm nghìn người tị nạn dọc biên giới, tràn ngập trong các quốc gia láng giềng quanh đó, nhất là Macedonia. Sau hai tuần, tôi nghĩ là đã quá đủ. Mọi việc không thể tiếp diễn như thế, nếu không nó sẽ trở thành một thảm họa.

Lúc đó, tôi đã đưa ra một quyết định rõ ràng. Mới cầm quyền được 18 tháng, nhưng tôi đã suy ngẫm về việc có thể sẽ phải ra đi. Tôi nói chuyện với Alastair và Jonathan, sau đó gọi cho đội ngũ thân cận của mình. Tôi nói rằng mình chấp nhận mất quyền lãnh đạo vì sự kiện này, nhưng phải sẵn sàng mạo hiểm tất cả. Chúng ta sẽ phải đối đầu nhiều hơn, xông pha hơn, giữ vị trí dẫn đầu và dám hy sinh tất cả để chiến thắng. Sự đáp trả gần đây của quân địch trước cơn phẫn nộ của chúng ta thật thảm hại. Chúng ta phải cố gắng kiềm tỏa chúng và tôi sẽ sử dụng triệt để mối quan hệ với Tổng thống Clinton để đưa bộ binh vào kế hoạch tác chiến.

Đội ngũ của tôi luôn tỏ ra tuyệt vời trong những khoảnh khắc như vậy. Một vài trong số họ nghĩ rằng có chút kỳ lạ khi một Chính phủ vốn cam kết sẽ thay đổi các dịch vụ công và cắt giảm tỷ lệ thất nghiệp của nước Anh lại đặt cược sự tồn vong của mình vào một cuộc phiêu lưu quân sự ở Balkans. Nhưng họ đều bắt tay ngay vào thực hiện nó.

Trước tiên, tôi liên hệ với NATO và nói chuyện với Wes và Javier. Trước sự ngạc nhiên của tôi, thay vì nổi giận với lời đề nghị, họ lại chào đón nó với thái độ cởi mở. Chúng tôi tới NATO. Tôi đi cùng Alastair, không phải để anh ấy hỗ trợ cho các cuộc họp báo của tôi mà là của họ. Tôi nhớ lại lần gặp mặt Wes ở văn phòng của ông ấy. Đột nhiên điện thoại của ông đổ chuông. Đó là một nhà báo hỏi về chiến dịch. Ông ấy trao đổi ngắn gọn rồi quay trở lại cuộc trò chuyện với chúng tôi. “Những việc như thế có thường xảy ra không?” tôi hỏi. “Ồ, luôn thế đấy” ông đáp. Ông có thể rất giỏi về quân sự, nhưng lại hoàn toàn thất bại bởi thiếu vắng sự gắn kết và nhất quán chính trị cần thiết. Ông ấy cảnh báo tôi theo cách mà tôi nghĩ là vì lịch sự và nhã nhặn. Theo ông, tôi không nên cho rằng tất cả các nhà lãnh đạo đều chia sẻ cùng quan điểm với tôi. Alastair bắt tay vào việc “phù phép”, tạo ra một nền tảng truyền thông thích hợp. Wes nói Alastair nên trông chừng tôi. Wes thật tốt bụng khi nói ra điều đó, nhưng tôi đã biết rằng mình hoàn toàn được một mình.

Sau đó, tôi nói chuyện với các tướng lĩnh, đặc biệt là vị tướng nhân từ người Đức phụ trách chiến dịch không kích. Các vị tướng, trong đó có Tướng Rupert Smith rất giỏi của chúng tôi, đều đồng lòng: chúng ta không thể chiến thắng chỉ bằng không kích.

Paddy tới Balkans một lần nữa, quay trở về và cho tôi biết rằng chúng tôi đã thất bại. Sau 30

ngày, chúng tôi vẫn chưa thể ngăn Milosevic làm bất cứ điều gì ông ta muốn nhằm chống lại những người Kosovo. Số lượng người tị nạn đang tăng lên, các mục tiêu dần thu hẹp. Thủ tướng Macedonia gửi cho tôi một thông điệp qua Paddy: “Người dân của tôi đang hoảng sợ vì họ nghĩ NATO có một kế hoạch bí mật mà họ không được biết. Tôi còn hoảng sợ hơn bởi tôi biết NATO chẳng có một kế hoạch nào cả”.

Tôi tiếp tục thảo luận với Tổng thống Clinton, sau đó gửi đi một bức thư cá nhân ngắn. Tôi đề xuất các kế hoạch để điều phối chiến dịch tốt hơn, thay đổi các quy trình thủ tục thông qua mục tiêu, thay đổi cả những chiến dịch truyền thông.

Một tuần sau, tôi gửi một bức thư ngắn khác, đồng thời cũng tới thăm một trong các trại tị nạn. Cho dù các cuộc viếng thăm bề ngoài chỉ mang tính xã giao nhưng nhờ chúng mà tôi đã có thể nói chuyện với các cấp chính quyền cao hơn. Trong bức thư thứ hai, tôi xem xét lại cuộc đàm thoại vào đêm trước của chúng tôi, cuộc gọi mà một lần nữa tôi đã đưa ra ý kiến sử dụng bộ binh. Không ngạc nhiên, Bill nhắc lại tất cả các lý do phản đối, cho dù chỉ là việc lên kế hoạch thực hiện, bởi kế hoạch chắc chắn sẽ rò rỉ ra ngoài. Trong bức thư, tôi nhấn mạnh yêu cầu phải bắt đầu chuẩn bị hậu cần từ bây giờ, bởi nếu không, mọi chuyện sẽ quá muộn khi mùa đông đến. Mà một chiến dịch bộ binh phải mất hàng tháng trời để triển khai.

Sau đó, tôi xem xét kỹ tương quan lực lượng và nghiên cứu tình hình quân đội của mình. Bộ trưởng Quốc phòng, Charles Guthrie, là người tôi rất yêu mến, tôn trọng và tin tưởng. Ông là người có cùng quan điểm với tôi và cũng cho rằng nếu cần một cuộc tấn công bộ binh, thì chúng tôi cần phải yêu cầu huy động 50 nghìn quân Anh, còn phía Mỹ cung cấp 100 nghìn đến 150 nghìn. Tôi rất rõ về vấn đề này, nếu không có bất kỳ quốc gia châu Âu nào khác cùng tham chiến, chúng tôi sẽ phải dựa vào người Mỹ. Không có gì là vô lý nếu họ nói: Xem nào, các ông hăm hở như thế thì các ông đã chuẩn bị những gì để duy trì chiến dịch về lâu dài? Ngay cả Charles cũng phải nhíu mày. Đó là một canh bạc quá mạo hiểm. Và Gordon, một lần nữa, không hề vô lý khi đặt câu hỏi về chi phí.

Các cuộc không kích tiếp diễn, nhưng mỗi ngày trôi qua, sự kỳ quặc của việc từ chối sử dụng bộ binh càng trở nên rõ rệt. Đương nhiên, số lượng quân nhân cần dùng khiến ai cũng phải ngó ngàng. Nhưng đó là điều thật thú vị về nghệ thuật lãnh đạo. Đó là những quyết định vạch rõ sự khác biệt giữa bạn và những người khác. Đó là những quyết định mang tính phân loại. Đó là điểm làm nên tầm cỡ của nghệ thuật chỉ huy cấp cao.

Tại sao tôi nói vậy? Bạn có một mục tiêu chiến lược. Cứ cho là bạn quyết tâm giành được nó. Bạn vấp phải chướng ngại vật. Cái giá phải trả để loại bỏ chướng ngại vật này có thể là rất lớn. Bất cứ ai không ngồi trên ghế lãnh đạo đều có thể bàn tán về sự vụ. Chi phí quá cao, một người nói; mục tiêu là quan trọng, người thứ hai nói; lợi bất cập hại, người thứ ba đáp lại. Nhà lãnh đạo phải quyết định liệu mục tiêu có xứng với chi phí bỏ ra không. Hơn thế, người đó phải đưa ra được quyết định khi không chắc chắn về phí tổn chính xác, hoặc thiệt hại chính xác của việc không đạt được mục tiêu. Cả hai điều đó phải được cân nhắc và đo đếm bằng một loại khoa học không chính xác. Những ai không ngồi trên ghế nóng có thể nghiêng về phí tổn hoặc chi phí, nhưng họ không bị buộc phải quyết định yếu tố nào quan trọng hơn. Trách nhiệm của họ có thể rất lớn, nhưng không phải là tối cao bởi trách nhiệm tối cao nằm trong tay người lãnh đạo.

Trong hoàn cảnh này, không quyết định cũng là một quyết định. Không hành động cũng là một hành động. Lựa chọn hay từ bỏ đều có những hệ quả của nó.

Vì thế, một cuộc chiến bộ binh ở Balkans thì sao? Anh có điên không? Nhưng nếu lựa chọn thay thế là chiến thắng về phần Milosevic thì cái gì sẽ định giá hòa bình cho một khu vực rộng lớn hơn? Cái gì sẽ định giá độ tin cậy của NATO? Cái gì sẽ định giá sự răn đe đối với những kẻ độc tài?

Bởi thế, cho dù cái giá phải trả có cao đến đâu, quyết định của tôi vẫn là cái giá cho việc để Milosevic chiến thắng về vang là không thể chấp nhận được. Vì thế, nếu cách duy nhất để tránh

được cái giá đó là một chiến dịch bộ binh thì chúng ta buộc phải làm điều đó.

Tuy nhiên, có thể nói đó là quan điểm thiếu sót.

Tại thời điểm chuyển giao giữa tháng Tư và tháng Năm, nỗi lo lắng của tôi lại tăng gấp đôi. Bao trùm trụ sở đầu não của NATO tại Brussels là sự bức bối. Chúng tôi có ít nhất một trường hợp nghiêm túc để khai thác và đang khai thác nó. Nhưng thực tế vẫn vậy: Milosevic vẫn ở đó, không có dấu hiệu cho thấy ông ta chuẩn bị rút quân. Còn đường ngoại giao vẫn tiếp tục, nhưng không rõ là nó có dẫn tới kết quả chấp nhận được đối với tôi hay không. Cho tới lúc đó, tôi phải tin rằng chẳng có gì ngoại trừ thất bại rõ ràng của ông ta có thể thỏa mãn tôi.

Nhưng thái độ nhiệt tình của các đồng minh châu Âu đối với một cuộc tấn công bộ binh vẫn không hề tăng lên. Ngược lại, sự phản đối vẫn cứ kiên cố như cũ. Vào ngày 18, 19 tháng Năm, tôi viết hai bức thư, một cho Tổng thống Clinton, một cho các nhà lãnh đạo đồng nhiệm quan trọng ở châu Âu.

Trong bức thư gửi cho Bill, tôi tái khẳng định về sự cần thiết phải chuẩn bị cho một cuộc tấn công bộ binh. Tôi đề nghị huy động một lực lượng khoảng 150 nghìn binh lính với một nửa từ châu Âu và một nửa từ Anh. Đó là một đề xuất khá táo bạo bởi tôi không có lý do để tin rằng châu Âu sẽ góp quân, ngoại trừ nước Anh. Nhưng tôi cũng cược là nếu Mỹ tham gia, phía châu Âu sẽ xấu hổ mà phải ủng hộ, nhất là nếu người Anh đưa nhiều binh lính nhất.

Tôi cũng cố gắng chỉnh sửa đề xuất đã được Massimo D'Alema đưa ra trong 48 tiếng tạm ngừng ném bom. Mục đích của đề xuất là xem xét khả năng nhượng bộ của Milosevic. Tôi thực sự lo lắng rằng nếu chúng tôi chấp nhận đề xuất này một cách đơn giản thì Milosevic sẽ có được chính xác cái ông ta muốn. Vì thế, tôi gợi ý là cùng với đợt tạm ngừng ném bom, cần có một nghị quyết của Hội đồng Bảo an (một số dấu hiệu cho thấy Nga có thể ủng hộ nghị quyết này nếu tạm ngừng ném bom) nhằm cảnh cáo Milosevic: Tiếp tục hay là dừng lại; và nếu ông ta bác bỏ, nghị quyết sẽ ngay lập tức tái thiết lập triển vọng về một cuộc tấn công bộ binh.

Bức thư gửi cho Bill thể hiện sự hối tiếc về việc tiếp tục gây sức ép về vấn đề huy động lực lượng bộ binh, nhưng tôi vẫn kiên trì về sự cần thiết phải đối mặt với vấn đề. Milosevic vẫn đang chịu đựng hình phạt, nhưng việc nhắm trúng mục tiêu ngày càng trở nên khó khăn. Một đoàn xe chở dân thường đã bị đánh trúng, khiến chiến dịch của chúng tôi bị chỉ trích nhiều hơn. Tôi có thể thấy sự việc này sẽ dẫn đến đâu, mà tôi muốn tránh một thỏa hiệp rối rắm bằng mọi giá.

Với nguyên thủ các quốc gia châu Âu, tôi đã trình bày rõ rằng: Kết quả cuối cùng sẽ là “NATO không được thua” hay sẽ là “NATO không được phép sử dụng bộ binh?” Nếu câu trả lời là lựa chọn đầu tiên, sao chúng ta có thể loại bỏ khả năng sử dụng bộ binh trong khi các lời khuyên quân sự đều nhất trí rằng chúng ta không thể chiến thắng chỉ bằng các cuộc không kích?

Tôi củng cố lý lẽ của hai bức thư bằng những cuộc điện đàm. Cuộc điện đàm với Bill bắt đầu khá khó khăn. Một loạt các bài báo ngầm ám chỉ rằng nước Mỹ đang bị tôi gây sức ép phải tham chiến và tôi phải củng cố tinh thần cho ông ấy. Ông ấy chỉ trích chiến dịch báo chí của tôi (đương nhiên ai cũng tin là Alastair tự gây sóng gió qua truyền thông). Ông thực sự tức giận. Tôi đã thành thực (và chân thành) chối bỏ điều đó. Mọi việc khá căng thẳng cho đến khi tôi lái ông ấy sang hướng khác và đưa cuộc hội thoại quay trở về vấn đề chính. Đây là lần đầu tiên tôi cảm thấy ông ấy nghiêng về hướng ủng hộ chiến dịch bộ binh. Đó là một bước tiên quan trọng. Tôi cũng nhận ra điều đó khó khăn với ông ấy như thế nào. Gần như không ai thúc giục ông ấy về vấn đề này và ông ấy biết tường tận rằng phe Cộng hòa sẽ xếp hàng để công kích mình vì một trong hai lý do: Yếu đuối hoặc liều mạng.

Mối quan hệ giữa chúng tôi đủ vững để vượt qua cái mà tôi gọi là “hội chứng đùa cợt” của các triều đình và cận thần chính trị. Đó là một hiện tượng tôi phải trải qua khá thường xuyên và chúng thường gây ra rất nhiều thiệt hại không đáng có.

Nhìn chung, các chính trị gia là sự tổng hòa kỳ quặc của da tê giác và giấy lụa siêu mỏng. Họ cần tấm da để vượt qua cuộc sống khắc nghiệt ban ngày, để tránh đạn và tên ít nhiều thường xuyên nhằm vào họ. Ở một mức độ khác, cảm giác bất an tự nhiên thường khiến họ nhạy cảm với việc chau chuốt hình ảnh của mình trong mắt người khác, với việc liệu họ có được đồng nhiệm tôn trọng đúng mức không, với việc ai là người hăm hại và ai là người ủng hộ họ. Tôi luôn nói rằng trên chính trường nếu không phải là thời khắc thực sự cần thì bạn không nên chủ tâm gây thù chuốc oán, bởi bạn đã vô tình gây thù chuốc quá nhiều rồi.

Trong quá trình đó, “hội chứng đùa cợt” có một vai trò lớn. Các nhà lãnh đạo đã tập hợp được những đội ngũ quanh mình; và nhờ nhà lãnh đạo, các thành viên mới có vị trí hiện tại. Hầu như họ trung thành, thậm chí là rất trung thành với nhà lãnh đạo của mình. Họ luôn cảnh giác với các biểu hiện coi thường và để mắt tới báo chí. Ghê gớm hơn, họ cũng biết về những nỗi sợ hãi và bất an trong tư tưởng của các nhà lãnh đạo và dần trở nên thành thạo trong việc lợi dụng chúng.

Tôi đã có một đội ngũ tuyệt vời và thực sự cảm thấy may mắn rằng Anji và đặc biệt là Jonathan đều đủ tỉnh táo để không nghi ngờ hay nhìn thấu những âm mưu ẩn sau mỗi lời chỉ trích hoặc động thái đó. Nhưng tôi đã phải nhắc lại hàng trăm lần rằng: “Các anh không biết ai là kẻ gây ra chuyện này và tôi cũng thế, quan trọng hơn là chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết, vì thế đừng bận tâm về nó nữa.” Dẫu sao thì tôi cũng không phải là người lên dây cót tinh thần cho các cộng sự của mình nhiều như đa số ứng viên khác, nhưng tôi thấy đây cũng là điều song hành với những nhà lãnh đạo khác và hơn thế nữa là những thành viên Nội các khác. Thời điểm tồi tệ nhất là trong và sau đợt cải tổ Nội các khi số lượng và mức độ của những đồn đại tăng vọt và nếu có tên của bất cứ ai xuất hiện trên báo chí thì ngay lập tức tác giả của chúng bị cho là “Bộ máy phổ Downing”.

Ví dụ bất ngờ nhất của sự kiện này là sự việc xảy ra với Bộ trưởng Lao động và Trợ cấp Xã hội, Andrew Smith vào năm 2004. Andrew là một bộ trưởng có năng lực, một người đàn ông nhũn nhặn và không bao giờ muốn trở thành Bộ trưởng nhưng lại là người làm việc chăm chỉ và hiệu quả. Giới báo chí bắt đầu theo dõi nên rằng tôi đã lên kế hoạch sẵn sàng để cách chức ông ta. Rất có thể là những người của Gordon hoặc chính ông ta đã đưa ra ý kiến này với cánh báo giới. (vậy đó, bản thân tôi cũng là một nạn nhân của hiện tượng này, bởi tôi thực sự không biết ai đứng đằng sau).

Dù sao, ông ta cũng bị thuyết phục rằng mình đang bị đưa vào tầm ngắm. Ông ta đến gặp tôi và nói rằng mình sẽ từ chức trước khi bị đẩy đi. Cuộc cải tổ Nội các sẽ bắt đầu trong vài ngày tới và tôi đã có dự trù kế hoạch sẵn. Tôi không định cách chức ông ta, thực tế là tôi chưa bao giờ nghĩ tới chuyện đó và tôi nói với ông ta điều đó. Thật đáng buồn là Andrew đã bị tổn thương và rõ ràng là không hề tin lời tôi, vẫn nói rằng, ông ta thà tự ra đi còn hơn là phải chịu mất mặt vì bị cách chức. Vì thế ông ấy quyết định ra đi.

Chúng ta phải cẩn trọng đến mức khó tin khi bị người khác làm tổn thương, những người ưa nói tầm phào và cả những mưu đồ, những kẻ đứng trong bóng tối, hay kể cả những nhân viên thân tín, những người thực sự tin rằng bạn bị hăm hại. Sự đa nghi là tình trạng tồi tệ nhất mà một nhà lãnh đạo chính trị có thể gặp phải.

Mặc dù rất nhiều lời rĩ vào tai Bill rằng bộ máy kỳ cựu của Blair đang cố gắng lật lọng ông, nhưng rất may mắn ông lại không quá bận tâm về chuyện đó. Và trong hàng ngàn những quyết định quan trọng, ông đã lựa chọn đúng đường đi với sự dũng cảm của mình.

Trong vòng hai tuần sau đó, rõ ràng phía Mỹ đang cố gắng để nhìn thấu vấn đề. Clinton đã quyết định chuẩn bị và nếu cần, sẽ tiến hành những giải pháp về lực lượng bộ binh, ít nhất là trong tâm trí ông, nhưng đáng kể là những điều như thế được truyền đi nhanh chóng gần như chỉ thông qua hệ thống nội bộ. Giới báo chí tập trung xung quanh tác động này đã bắt đầu lao vào khai thác.

Vào ngày 27 tháng Năm, chúng tôi lại bàn bạc và sau đó tôi viết một bức thư cá nhân gửi tới ông ấy. Dù ông ấy không hoàn toàn bị thuyết phục, nhưng chúng tôi đang cùng ngồi trên một con thuyền. Tôi cũng chỉ ra rằng một thắng lợi trước Milosevic sẽ là dấu hiệu báo trước một tương lai hoàn toàn mới cho các nước khu vực Balkans, trong lòng châu Âu.

Thật thú vị là ngày 1 tháng Sáu, David Miliband đã gửi tôi một bức điện từ Floria, nơi ông ta đang giữ chức Chủ tịch. David nói tóm tắt rằng ông ta nghĩ Clinton đã có quyết định của riêng mình và vấn đề hiện nay chỉ là làm thế nào để ông ta có thể thuyết phục được nước Mỹ.

Khi quyết tâm của chúng tôi lớn dần thì Milosevic cũng bắt đầu sụp đổ. Chúng tôi đã gần đến đích. Khi các nhà lãnh đạo châu Âu gặp mặt vào ngày 3 tháng Sáu, những nhà thương thuyết từ Liên Hợp Quốc do Tổng thống Phần Lan Ahtissari dẫn đầu đã đến Belgrade. Milosevic chuẩn bị đầu hàng. Trong những ngày tiếp sau, sau rất nhiều tranh cãi, mọi thứ đã kết thúc. Ngày 10 tháng Sáu, bản hiệp định về việc rút quân toàn diện và vô điều kiện của lực lượng Serbia khỏi Kosovo đã được hoàn tất.

Đó là một cái kết phi thường, đã phát triển theo hướng sau: Lực lượng Serbia sẽ rút quân và sau đó NATO tiến vào sân bay Pritina. Vào ngày 11 tháng Sáu, chúng tôi đã bất ngờ nhận được tin sẽ có sự trì hoãn và biết rằng lực lượng Nga có ý định chiếm sân bay. Trong suốt quá trình đó, tất nhiên là những hành động quân sự của Nga bị phản đối kịch liệt, đó cũng là lý do vì sao chúng tôi không thể có được một giải pháp từ Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Rõ ràng, họ có liên hệ chặt chẽ với người Serbia. Nếu họ nắm quyền kiểm soát sân bay chính thì đây sẽ là một thất bại với chúng tôi.

Các máy bay của Nga yêu cầu quyền bay qua Hungary để đến sân bay này, xe tăng của họ cũng đang trên đường tới Bosnia. Lúc này, Wes Clark quyết định phải để người Nga tham gia. Ông ta muốn yêu cầu Tướng Mike Jackson, vị chỉ huy người Anh trong lực lượng NATO trên chiến trường, chiến đấu giành quyền kiểm soát sân bay nếu cần thiết. Wes là tổng chỉ huy của Mike trong những mục đích kiểu này. Do đó, sự việc trở nên khá khó khăn. Chúng tôi có thực sự muốn quân đội Anh chiến đấu với người Nga hay không? Tôi không nghĩ là vậy.

Wes đã hoàn toàn đúng đắn khi giận dữ với người Nga. Đó thực sự là một sự vi phạm với những thỏa thuận đã được thống nhất. Sự kiện này mang tính chất kích động và đe dọa tới hòa bình.

Tôi đã hủy bỏ một cuộc họp để thực hiện những cuộc gọi dồn dập, tìm kiếm thông tin về tình hình chiến sự. Charles Guthrie cho rằng chúng tôi cần hết sức cẩn trọng. Khác với chuỗi mệnh lệnh chỉ huy từ trên xuống thông thường, tôi tự mình gọi cho Mike Jackson. Rất may anh ta là một công dân sáng suốt, dũng cảm, không nông nổi; nhưng chính anh ta cũng đang ở trong tình thế khó xử: Wes là tổng chỉ huy của anh ta. Mike giải thích rằng mệnh lệnh vẫn là mệnh lệnh. Chúng tôi nên làm gì? Quân đội Mỹ vẫn chưa tới, chỉ có người Anh đang ở trong tầm ngắm. Chiến đấu hay không? Mike thực sự cho rằng việc nổ súng với người Nga chỉ chuốc lấy thất bại mà thôi. Tôi nói anh ta rằng hãy đứng ngoài, lờ đi mệnh lệnh và giữ bình tĩnh. Lúc này, dường như Mike mới cảm thấy nhẹ nhõm.

Cuối cùng, sau vài ngày tiến rồi lại lui quân một cách nực cười, phía Nga nói rằng đó là một sai lầm và cuối cùng vấn đề đã được giải quyết. Tôi thường băn khoăn rằng điều gì sẽ xảy ra nếu tôi yêu cầu Mike chấp hành mệnh lệnh chiến đấu. Thực sự tôi không muốn nghĩ tiếp nữa.

Phía Nga thực sự rất khó đối phó trong lúc này. Yeltsin là người có dũng khí và đã làm rất nhiều điều vĩ đại cho đất nước mình khi chống lại lực lượng dân chủ sau khi chính quyền Gorbachev thay đổi ở Nga. Nhưng trước khi tôi biết ông ta thì Yeltsin đã trở thành, có thể nói là người khó lường. Tôi nhớ lại cuộc gặp với ông ta tại một hội nghị thượng đỉnh quốc tế không lâu sau xung đột Kosovo. Chúng tôi đã trao đổi những lời lẽ khá gay gắt về chuyện đó nhưng giờ mọi thứ đã qua khi ông bước vào phòng để chào tôi với một trong những cái ôm “hữu nghị” nổi tiếng. Tôi rất vui mừng khi được chào đón như vậy, điều đó là dấu hiệu cho thấy những hận thù đã ở lại

phía sau và giờ cả hai chúng tôi đều đã sẵn sàng bước tiếp. Khi ông ta bắt đầu ôm tôi, 10 giây đầu tôi nghĩ đó là sự thân thiện tuyệt vời, 10 giây sau, tôi bắt đầu cảm thấy thiếu thoải mái và 10 giây tiếp theo tôi dường như nghẹt thở. Cuối cùng, tôi được buông ra sau một phút và bắt đầu loạng choạng đi tìm một thứ đồ uống mạnh. Tôi cho rằng ông ta đã đạt được cái mình muốn.

Tôi ấn tượng với Vladimir Putin hơn nhiều so với Boris Yeltsin. Đó là một mối quan hệ bắt đầu khá suôn sẻ nhưng xa cách dần, có thể là kết quả của cuộc chiến tranh Iraq, nhưng vì một lý do khác khả dĩ hơn là sự đi xuống của mối quan hệ Nga Mỹ. Tôi chưa bao giờ quên sự nồng ấm ban đầu và không bao giờ từ bỏ việc cố tìm hiểu xem điều gì khiến ông đã và đang trở nên như vậy.

Tôi hiểu rõ rằng khi Nga vẫn còn là Liên bang Xô Viết, mặc dù hệ thống Chính phủ và kinh tế đi theo đường lối sai lầm nhưng họ vẫn là một cường quốc, được các nước khác coi trọng, thậm chí sợ hãi. Tôi hiểu được sự thẳng thắn, những cải tổ chính trị và sự sụp đổ của bức tường Berlin đã giải phóng nước Nga khỏi Chủ nghĩa Cộng sản, nhưng cũng khiến họ mất đi vị thế của mình trên thế giới. Yeltsin, với tất cả sức mạnh của mình, không phải là một người có thể gây dựng lại vị thế đó. Putin trái lại, có thể, bởi ông là người theo chủ nghĩa dân tộc thuần túy.

Tôi cũng có mối liên hệ khá tình cờ với ông ấy. Những người bạn của chúng tôi, nhà Strozzi, có khu biệt thự ở Tuscany là nơi chúng tôi từng đến thăm lại là họ hàng của Irina. Họ là một gia đình thế lực. Ông chồng là một giáo sư mà tổ tiên có liên quan tới Machiavelli, còn người vợ là một người phụ nữ mạnh mẽ và hòa nhã. Họ có hai người con gái rất xuất chúng, đều thông thạo năm thứ tiếng. Gia đình của Irina đã di cư trong thời kỳ cách mạng và định cư ở Pháp, nơi cô ấy và người anh trai Vladimir lớn lên, nhưng họ vẫn có mối liên hệ với nước Nga. Một người bạn tốt của Vladimir sau này trở thành Thị trưởng thành phố St Petersburg, Anatoly Sobchak, là một trong những người ủng hộ Putin. Tôi gặp Sobchak tại biệt thự nhà Strozzi vào năm 1996 và một lần khác trước khi ông ấy đột ngột ra đi vào tháng Hai năm 2000 (do tuổi già).

Đó là sợi dây kết nối tôi với Putin, người kế nhiệm chức Thủ tướng của Yeltsin trước khi tự mình tranh cử tổng thống. Ở vị trí Thủ tướng, Putin đã theo đuổi cuộc chiến ở Chechnya một cách hào hùng và như ai đó đã nói, một cách khốc liệt. Mặc dù tôi hiểu được những lời chỉ trích nhưng tôi vẫn đồng tình với sự thật rằng đó là một động thái của chủ trương ly khai với Hồi giáo cực đoan về mặt cốt lõi, vì thế tôi cũng hiểu được tâm thế của người Nga.

Chúng tôi đã có cuộc gặp ngay trước thời điểm ông ấy trở thành Tổng thống vào năm 2000. Trong khi những người khác, bao gồm cả Jacques Chirac vào thời điểm đó, tỏ thái độ lãnh đạm với Putin. Tất nhiên, cũng có lúc mọi thứ thay đổi và mối quan hệ của họ trở nên hết sức thân thiết trong khi giữa chúng tôi lại tồn tại những khoảng cách. Trước đó, Putin muốn Nga phải hướng về châu Âu và cuộc gặp đầu tiên này diễn ra ở St Petersburg, thành phố mang phong cách châu Âu nhất trong số các thành phố của Nga. Ông ấy khâm phục người Mỹ và mong muốn có mối quan hệ chặt chẽ với họ. Putin muốn theo đuổi cải cách dân chủ và kinh tế ở Nga. Chúng tôi cùng độ tuổi và dường như chia sẻ cùng một quan điểm.

Chúng tôi gặp nhau tại nhà hát Mariinsky để xem một vở opera do Valery Gergiev chỉ huy. Putin đã chọn vở opera khá kỹ càng: Chiến tranh và Hòa bình của Prokofiev, được viết như một lời cổ vũ cho chủ nghĩa dân tộc Nga và khắc họa hình ảnh Napoleon một cách châm biếm, giống như Hitler. Đó thực sự là một dịp hiếm hoi và tất cả giới thượng lưu của nước này đều có mặt tại nhà hát. Một sự việc đã xảy ra khiến tôi không thể nào quên được. Vladimir và tôi đi bộ dọc hành lang tuyệt đẹp của tòa nhà tráng lệ được xây dựng từ thế kỷ XIX. Trong một tình huống tương tự ở Anh, tôi có thể sẽ chào hỏi mọi người, bắt tay, chuyện phiếm, nhưng với Vladimir thì hoàn toàn khác, tôi nhận ra mọi người đều lùi lại khi ông ấy tới, không phải là vì e ngại, mà vì sự sợ hãi và sùng kính ông. Khoảnh khắc đó giống như họ đang đứng trước Sa hoàng vậy và tôi nghĩ: "Hmm, chính trị của họ thực sự không giống với chúng ta".

Sau này, Vladimir nhận thấy rằng phía Mỹ không cho ông ta vị trí tương xứng. Tệ hại hơn, ông ta nhìn họ như thể họ đang bầu lấy nước Nga với những thể chế cộng hòa được phương Tây ủng hộ, những người sẽ có thái độ thù địch với lợi ích của nước Nga.

Tôi đã cố gắng trong vô vọng để giải thích cho ông ấy hiểu thực ra chúng tôi hỗ trợ các nước đó theo mong muốn về một nền dân chủ chứ không phải chúng tôi coi họ như một bức tường chiến lược, làm suy yếu hay chi phối nước Nga. Chúng tôi thực sự tin rằng nếu họ cũng mong muốn tự do như chúng tôi, thì chúng tôi nên chấp thuận và ủng hộ họ. Tôi thậm chí còn đề xuất (và đã được NATO chấp nhận) một sự sắp xếp hợp tác với Nga, đưa họ tham gia sâu hơn vào những cuộc họp để đi đến quyết định cuối cùng của NATO.

Nhưng cùng lúc đó thì những nỗ lực của tôi đã thất bại. Iraq; Hệ thống Tên lửa Phòng không Quốc gia mà họ cho rằng đang hướng vào mình; điểm yếu của những nỗ lực của Mỹ mong muốn tìm kiếm đồng minh và hơn thế nữa, niềm tin của phương Tây cho rằng dưới sự lãnh đạo của Putin thì nước Nga sẽ bắt đầu đi theo xu hướng phi dân chủ và giống như Sa hoàng hay KGB. Tất cả những điều đó buộc ông ấy đứng vào tình thế mà ông tin rằng cách tốt nhất là giữ nước Nga ở vị thế “độc lập” và theo đuổi một chính sách ngoại giao đặc trưng của phe dân tộc chủ nghĩa.

Tuy nhiên, tôi không bao giờ quên được những cảm giác đầu tiên mình có với ông ấy hay suy nghĩ rằng nếu mọi thứ thay đổi theo hướng khác thì mối quan hệ của chúng tôi đã có thể tốt đẹp; nhưng mọi chuyện hoàn toàn khác và đó là chính trị.

Một lý do khác biện minh cho mối quan hệ không được suôn sẻ giữa tôi và Vladimir là tôi cho rằng ông ta đã coi cách tôi giải quyết những chính sách can thiệp nước ngoài là khó hiểu và cực kỳ nguy hiểm. Với ông ấy, những người có quyền lực cần phải tìm lợi ích của họ theo một cách truyền thống, kỹ lưỡng và phải cam kết thực hiện chúng. Việc trình bày về các nguyên nhân đạo đức là một sai lầm hết sức nghiêm trọng. Nó suy yếu khi sự bền vững là điểm cốt lõi. Nó làm bùng lên sự tranh cãi giữa đúng và sai, những thứ chỉ tồn tại khi có sự môi giới quyền lực cần thiết.

Tôi lo sợ. Tuy nhiên, sự kiện Kosovo không làm giảm mong muốn can thiệp của tôi. Đó là nơi mà tôi nghĩ là cần thiết để giải quyết một vấn đề đang tìm lối thoát và là nơi mà chúng ta cần coi trọng vấn đề đạo đức.

Ở Sierra Leone đầu năm 2000, một thách thức xa hơn đã án ngữ trước mắt chúng tôi. Nó là một trong những chủ đề ít được bàn đến nhất trong suốt thời kỳ 10 năm làm Thủ tướng của tôi, nhưng là một trong những điều khiến tôi tự hào nhất. Tuy vậy, điều quan trọng nằm ở bài học mà nó truyền tải cho chúng tôi.

Câu chuyện về Sierra Leone là một ẩn dụ về những gì đã xảy ra với châu Phi. Trường Cao đẳng Fourah Bay tại Freetown liên kết với Đại học Durham, nơi cha tôi từng giảng dạy. Trường đó từng là một trong những trường tốt nhất châu Phi và có chất lượng tương đương với nhiều trường ở châu Âu. Những năm 1960, cha tôi đã đến giảng dạy tại Freetown. Lúc đó, Sierra Leone là một đất nước được giải phóng khỏi chính quyền thực dân đô hộ với cơ sở hạ tầng được quản lý tốt và có tỷ lệ GDP trên đầu người tương đương với Bồ Đào Nha.

Giữa lúc đó và cuối những năm 1960, đất nước này trải qua một vòng xoáy suy tàn mặc dù họ hoàn toàn có thể tránh được. Trước khi chúng tôi lên nắm quyền, Chính phủ dân chủ được bầu đã coi đất nước này như thể nó bị những tên lưu manh, những kẻ điên khùng và tàn ác được biết tới với cái tên Mặt trận Đoàn kết Giải phóng (RUF) đứng đầu và sự giàu có tài nguyên thiên nhiên của đất nước, đặc biệt là kim cương, đang bị cướp bóc một cách hệ thống. Và người dân bị kẹt giữa hai bên.

Khi Chính phủ cố gắng khẳng định rằng tương lai sẽ được quyết định thông qua cuộc bầu cử, thì những người ủng hộ phải chịu một chiến dịch tàn bạo như thời trung cổ. Đến thăm đất

nước này sau khi bạo động đã được giải quyết, tôi lái xe đi khắp các ngôi làng. Khoảng 1/3 hoặc 1/4 người dân bị mất tay phải. RUF phản ứng với yêu cầu bầu cử là cắt cánh tay bỏ phiếu của các cử tri.

Trước khi chúng tôi can thiệp thì những vòng thương lượng, các hiệp định, tuyên bố, nỗ lực diễn ra liên tục để tìm tiếng nói chung giữa những bè phái “vô sản”. Trong hai năm, Chính phủ dân chủ lại tiếp diễn, lực lượng Liên Hợp Quốc được gửi tới. Nhưng như thường lệ, họ bị phản đối dữ dội cả về mặt chính trị lẫn hậu cần.

Nước Anh, từng là một nước thực dân hùng mạnh, lại có mối quan tâm riêng. Chúng tôi đóng góp một vài quan sát viên và những cố vấn quân sự cho quân đội, nhưng rõ ràng tình thế đang đi xuống. Lệnh ngừng bắn được ban ra và duy trì. Tháng Năm năm 2000, đột nhiên mọi thứ trở nên khó khăn khi RUF từ bỏ lệnh ngừng bắn mới nhất và giận dữ nổ súng.

Tổng thống Ahmad Tejan Kabbah là một người đàn ông nhân từ và nhã nhặn, ông ta đã đến gặp tôi để cầu xin sự trợ giúp khi RUF đang đe dọa lên nắm quyền kiểm soát toàn bộ đất nước. Chúng tôi đưa ra quyết định đơn giản nhưng cần thiết là sẽ để lại cho quân đội của Liên Hợp Quốc những người đã cho thấy họ không thể ngăn chặn RUF hay chúng tôi sẽ quyết định tự hành động?

Như mọi khi, Charles Guthrie hết sức rõ ràng và rành mạch. Ông ta nói: Chúng ta đã có một lực lượng hơn một nghìn quân. Chúng ta có thể gửi đi nhiều hơn. Chúng ta có thể gửi đến cả một chiến hạm. Nếu anh muốn chúng tôi cầm cự trước RUF, hãy làm thế. Mệnh lệnh đã được đưa ra.

Quân đội Anh đang chiến đấu bảo vệ sân bay ở Lungi. Nhiệm vụ của họ đã được mở rộng và thực sự họ đã cầm cự được trước phiến quân của RUF trong vài tuần liên tục. Những hành động đó đã cho Liên Hợp Quốc cơ hội tăng cường lực lượng. Lãnh đạo của RUF là Foday Sankoh đã bị bắt và trong suốt những tháng sau, sự hiện diện của cộng đồng quốc tế đã tăng lên, phiến quân bị đánh bại và sau đó là chiến dịch giải giáp vũ khí toàn diện, những cựu lính của RUF trở về với cuộc sống thường ngày. Chế độ dân chủ của đất nước này đã được bảo toàn.

Sau trải nghiệm đó, tôi dần tin tưởng hơn về ý tưởng cho ra đời một lực lượng thường trực cho châu Phi, họ được trang bị đầy đủ, với quân số nên là người gốc Phi, có nhiệm vụ can thiệp và có thể được huy động trong những tình huống như ở Sierra Leone. Vấn đề ở đa số các nước châu Phi là xung đột. Bạn có thể đưa đến đây hàng cứu trợ nhưng chỉ khi nào bạn giải quyết được gốc rễ của vấn đề, cuộc chiến tranh giành tài nguyên và lãnh thổ, Chính phủ yếu kém hoặc tham nhũng, còn không thì những hỗ trợ chỉ như là những miếng băng cứu thương, rất dễ bị phá vỡ và vết thương có thể toác ra bất cứ lúc nào. Tôi ủng hộ một lực lượng như thế và với nỗ lực của ngài Kofi Annan, Liên Hợp Quốc cuối cùng cũng đi đến sự đồng thuận. Dù lực lượng vẫn đang trong quá trình thành lập và nếu chúng ta không thể giải quyết những vấn đề còn tồn đọng trong chính trị thực tế thì tất cả những hỗ trợ phát triển đó sẽ chỉ cứu vớt lương tâm của chúng ta chứ không cứu được những nước đang cần được giúp đỡ nhất.

Trong cuộc xung đột Kosovo, tôi có cơ hội phát biểu tại Câu lạc bộ Kinh tế Chicago. Trong bài diễn văn ngày 24 tháng Tư năm 1999, tôi đã nêu ra thứ tôi gọi là “Chủ nghĩa Cộng đồng quốc tế”, một cái tên có vẻ tầm cỡ cho một quan điểm khá đơn giản: Sự can thiệp nhằm lật đổ chế độ độc tài chuyên chế có thể được giải quyết từ gốc rễ bản chất chế độ đó chứ không chỉ từ mối nguy hại trực tiếp tới quyền lợi của chúng ta. Đó là sự bác bỏ rõ ràng về quan điểm lợi ích quốc gia hẹp hòi và xây dựng một chính sách can thiệp trong bối cảnh ảnh hưởng toàn cầu hóa.

Đó thực sự là sự cắt đứt với quá khứ mà tôi đã cẩn trọng đề cập tới chế độ độc tài với những giới hạn, trong trường hợp nó bị cho là ngớ ngẩn. Kể cả như thế thì chủ đề này cũng khơi ra những tranh luận dễ đoán về việc xây dựng chính sách ngoại giao liên quan đến những nguyên nhân đạo đức. Điều thú vị là dưới tác động của những chiến dịch quân sự sau này, nhiều người

thuộc Đảng Cộng Hòa đã ngay lập tức gắn điều đó với vấn đề, coi đây là hành động làm vấy bẩn một trong những điều quan trọng nhất: Lợi ích quốc gia của người Mỹ. Nhưng tất nhiên, quan điểm của tôi có ý nghĩa rằng quyền lợi đó cần được định nghĩa một cách sâu rộng hơn trong kỷ nguyên mới.

Tôi đã đưa ra năm vấn đề chính cần xem xét khi cân nhắc can thiệp.

Thứ nhất, liệu chúng ta có chắc chắn về tình huống này? Chiến tranh là công cụ thiếu hoàn chỉnh nhằm đấu tranh cho sự xúc phạm về nhân quyền, nhưng quân đội có vũ trang đôi khi là công cụ duy nhất để đối phó với những kẻ độc tài. Thứ hai, liệu chúng ta đã cạn kiệt những lựa chọn dân chủ khác? Chúng ta cần ưu tiên hòa bình trong mọi trường hợp như chúng ta đã làm với Kosovo. Thứ ba, trên cơ sở đánh giá thực tiễn tình hình, liệu những can thiệp quân sự có được thực thi một cách khôn ngoan và chặt chẽ? Thứ tư, chúng ta đã chuẩn bị cho kế hoạch lâu dài? Trong quá khứ, chúng ta nói quá nhiều về các chiến lược rút quân nhưng với cam kết đã có, chúng ta không thể đơn giản là ra đi ngay khi cuộc chiến kết thúc. Chúng ta cần duy trì sự hiện diện của một lượng quân sự vừa đủ hơn là phải quay lại với số lượng binh lính lớn hơn. Và cuối cùng, chúng ta đã cân nhắc tới lợi ích quốc gia chưa?

Nghĩ về quá khứ, áp dụng những câu hỏi này với Iraq đã cho thấy một tình thế được cân bằng và tại sao tôi không bao giờ cho những người phản đối là ngu ngốc hay yếu kém.

Tuy nhiên bản thân chủ nghĩa đó không chỉ là một cuộc bàn luận về chính sách ngoại giao mà đã trở thành những nhân định, một nhận định được thống nhất giữa các bên trong chính trị: Làm thế nào để mang đến thay đổi tốt nhất, nếu như thay đổi là cần thiết và được con người khao khát mãnh liệt. Sự thay đổi có thể diễn ra bằng phát triển hay bằng cách mạng. Điều này cũng đúng khi một đất nước đấu tranh vì tự do. Nước Nga năm 1917 là một quốc gia như thế. Nó đã có thể thay đổi qua thời kỳ của Kerensky và từng bước đổi mới nền xã hội dân chủ, nhưng thực tế là cách mạng Bolshevik đã mang tới sự thay đổi đó. Điều này cũng đúng với nhiều khía cạnh của chính trị: Dịch vụ công hoặc nền kinh tế có thể đổi mới bằng những cải cách dần dần hoặc một cách dữ dội như với cách mạng Thatcher về công nghiệp năm 1980.

Nhưng vấn đề ở đây là: Nếu một hệ thống hoạt động kém hiệu quả, nó thực sự cần thay đổi dù sự thay đổi đó là dần dần hay đột ngột.

Trong một số trường hợp mà chế độ này có tính đàn áp và độc tài, cách mạng là con đường giải quyết đúng đắn nhất. Cải cách có thể chậm chạp nhưng chúng ta có hướng đi và nó là cách tốt; ít nhất nó cũng không đe dọa điều gì.

Trong những trường hợp khác, bản chất cốt lõi của chế độ nằm ở cách chúng áp bức. Chúng đã chọn phương thức hoạt động cho mình. Điều đó sẽ không thay đổi, không phải bằng phát triển, không phải bằng việc thực thi ý nguyện của chúng, bởi ý nguyện đó chính là hướng tới sự áp bức và trong thời gian dài, ít nhất, nó sẽ không thể thay đổi bằng ý chí của con người, bởi những người bị áp bức thường thiếu phương tiện để lật đổ chính quyền đó. Vì thế, bản chất thâm hiểm của chúng sẽ càng sâu xa hơn.

Kể cả với những chế độ như vậy, câu trả lời không phải lúc nào cũng là can thiệp. Họ có thể không là mối nguy hại với bên ngoài, hoặc có thể dễ dàng được kiểm soát một cách dân chủ. Nó có thể, như với Mugabe, chỉ đơn giản là phi thực tế chính trị để can thiệp.

Nhưng ở nơi nào chúng ta thấy sự đe dọa và can thiệp là hữu dụng thì cần đưa ra một kết luận. Nếu thay đổi không đến từ phát triển, liệu nó có đến từ cách mạng? liệu những người có sức mạnh quân sự có suy xét đến việc thực hiện các động thái cần thiết không?

Mối nguy hiểm khá rõ ràng. Như tôi đã nói trước đây, những thái độ như vậy có thể dẫn đến cuộc hành quân vội vã và hậu quả còn tồi tệ hơn việc bị áp bức. Đó là điều chúng ta nên làm với Iraq (chúng ta sẽ trở lại bàn luận về việc này trong phần sau). Nhưng việc không can thiệp

cũng có hậu quả riêng, như tôi đã từng nói. Trong mỗi chiến dịch quân sự mà tôi tham gia vào, đều có việc không can thiệp trước khi buộc phải can thiệp. Milosevic đã tước bỏ quyền tự chủ của Kosovo vào năm 1989 và những căng thẳng và đau thương đã tồn tại gần một thập kỷ. Bosnia là ví dụ hoàn hảo của mọi triết lý phi can thiệp và cả những hậu quả của nó. Ở Sierra Leone, thông qua những thỏa hiệp, phi can thiệp hoặc can thiệp nhẹ đã duy trì thống trị trong vài năm. Nói cách khác, sự thay đổi thể trận đã thất bại. Thứ duy nhất có hiệu quả là giải quyết vấn đề chứ không phải là làm nó nguội bót. Và tất nhiên ở một khu vực khác ở châu Phi, một làng nhỏ của Rwanda, những người ủng hộ phi can thiệp đã thành công trong việc đối phó lại những kẻ coi diệt chủng như một cách kêu gọi sử dụng vũ khí.

Không ai có thể nói rằng những vấn đề của Balkan giờ đã được giải quyết. Sierra Leone vẫn nghèo, giống như các nước châu Phi khác. Nhưng với các nước vùng Balkan, với hơn một thế kỷ bất ổn vừa qua, hiện ít nhất cũng đã có triển vọng về một tương lai tươi sáng hơn. Croatia đã mở cửa đàm phán với EU; Slovenia đã trở thành thành viên chính thức. Sierra Leone là một nước dân chủ. Chính quyền của họ đã thay đổi mà không có đổ máu. Quốc gia láng giềng, Liberia, đang trải qua tình cảnh tương tự với một chặng đường khó khăn phía trước, những cựu lãnh đạo của họ từng ủng hộ RUF đang chờ ngày bị đưa ra xét xử.

Khi cách mạng diễn ra thông qua can thiệp và khi can thiệp ấy dựa trên tham vọng mang đến tự do và dân chủ, cuộc chiến vẫn rất cam go và hậu quả vẫn khó lường. Những người cho rằng nếu chúng ta không can thiệp và để mặc các nước đó thì tốt hơn sẽ có thể cho rằng mình đúng, nhưng tôi ngờ rằng lịch sử sẽ có chung nhận định. Ngay cả khi nó mang đến nỗi đau chiến tranh thì ít nhất nạn áp bức cũng sẽ bị loại bỏ sau một cuộc cách mạng như thế. Một sự tiến triển, dù khó khăn cũng sẽ bắt đầu.

Đó là một chủ đề hấp dẫn. Trong cuộc họp đặc biệt của năm ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc tại New York vào tháng Chín năm 2000, bản báo cáo Brahimi đã được thông qua, mở đường cho kế hoạch thành lập một lực lượng thường trực của Liên Hợp Quốc nhằm gìn giữ hòa bình châu Âu, một tác động trực tiếp từ thắng lợi của hành động can thiệp vào Sierra Leone. Điều này cũng dẫn đến việc Liên Hợp Quốc đồng ý nguyên tắc năm 2005 về “Trách nhiệm Bảo vệ”, cho rằng các nước cần có nhiệm vụ bảo vệ công dân của mình khỏi những hành động tàn bạo hàng loạt và cộng đồng quốc tế có nhiệm vụ can thiệp nếu như Nhà nước đó không thể làm tròn trách nhiệm này.

Mặc dù điều này khiến tôi hết sức phấn khích (và với một vài người khác), thì nó vẫn không phá vỡ lớp băng tồn tại với công chúng Anh.

Trong suốt năm 1999 và đặc biệt là xung quanh sự kiện Kosovo, chúng tôi nhận thấy Chính phủ đang mất dần sự ủng hộ. Trọng tâm của Chính phủ, cũng là trọng tâm của tôi dường như bị trôi vào dĩ vãng và có quá nhiều thứ phải làm trong nước, chưa kể đến vấn đề y tế, giáo dục và tội phạm. Và thực sự, chúng tôi đang nỗ lực để làm điều đó, nhưng ngẫu nhiên là tất cả những tin chính đều ngập tràn những xe tăng, bom hay máy bay.

Dù sao cũng không phải mọi thứ đều tồi tệ. Chúng tôi đã giành thắng lợi trong các cuộc bầu cử đầu tiên ở Nghị viện Scotland, lần đầu tiên trong thế kỷ XX, Chính phủ đã dẫn trước trong các cuộc bầu cử địa phương. Không phải vì thế mà tôi gọi họ là “địa phương”, một thứ bản thân cũng là một cuộc cách mạng trong quá khứ.

Những nỗ lực để chuyển giao quyền lực cho Scotland, Ireland và Wales đã được thực hiện từ khi Vương Quốc Anh được thành lập và lần nào họ cũng thất bại. Chính cam kết chuyển giao đã nhấn chìm và gần như phá hủy Đảng Tự Do cuối thế kỷ XIX. Những năm 1970, trong một đợt chuyển giao tương tự, Chính phủ Công Đảng cuối cùng đã thất bại, khi cái được gọi là Nghị vấn West Lothian bao trùm toàn bộ cuộc tranh luận và đánh bại quá trình chuyển giao hợp pháp.

Nghị vấn West Lothian được đặt theo tên của cử tri Đảng Lao động Tam Dayell, kể từ khi anh ta đề xuất vấn đề này. Câu hỏi này thực ra rất đơn giản: Nếu thông qua ủy quyền, bạn có thể

duy trì được một số vấn đề cụ thể như y tế và giáo dục cho Quốc hội Scotland, để các nghị sĩ Anh không phải ý kiến thêm về mấy vấn đề đó; thế thì việc những nghị sĩ Scotland vẫn có thể bỏ phiếu cho những vấn đề giáo dục và y tế của nước Anh hợp pháp và hợp lý ở mức độ nào? Đó là một câu hỏi vô cùng nhạy cảm và là một ví dụ thú vị về vấn đề chính trị mà chúng ta chưa tìm ra câu trả lời thỏa đáng.

Tuy nhiên, câu trả lời của tôi, dù chưa hợp lý lắm, là việc sắp xếp chuyển giao quyền lực không phải là không công bằng như ta tưởng. Sự thật là các nghị sĩ Anh thống trị Nghị viện thông qua ngân sách và ban hành luật. Ví dụ, trong quyết định phân phối ngân sách cho Scots, các nghị sĩ Anh có thể luôn luôn đắc cử. Và dĩ nhiên, căn cứ theo Hiến pháp, về mặt lý thuyết thì bất cứ quyền lực nào Westminster ban cho, nó đều có thể thu hồi. Vì vậy, dù câu hỏi West Lothian là hợp thức, thì việc sắp xếp trong nghị vấn này với nội dung về công bằng và bình đẳng giữa Anh và Scotland trong Liên minh là hợp lý (hoặc ít ra là chính đáng). Dù sao thì cho đến nay chỉ có một câu trả lời, không thể khác được!

Tôi không bao giờ là một người được ủy quyền tận tâm. Đó là một trò chơi khá mạo hiểm. Bạn không thể chắc chắn khi nào quan điểm được thống nhất và khi nào quan điểm bị phân tán. Tôi nhiệt thành với nước Anh, tôi hoài nghi về khái niệm “chủ nghĩa dân tộc”; và lo lắng liệu chúng có thể vượt qua được hay không. Tuy nhiên, dù chẳng thích thú gì, tôi cũng nghĩ rằng điều ấy là khó tránh khỏi. Giống như một Nhà nước liên bang phải kết hợp với các nước khác nhằm củng cố quyền lực trong một tổ chức đa quốc gia để đối phó với thách thức toàn cầu, chúng tôi cần phải có một áp lực không gì suy chuyển để chuyển giao quyền lực xuống mọi người ở những cấp thấp hơn, nơi họ cảm thấy hành động đó là một kết nối bền vững.

Chúng tôi không muốn Scotland coi lựa chọn đó là sự chia rẽ. Đó là yếu tố cốt lõi trong chương trình dành cho Scotland của chúng tôi. Người Scotland vốn nổi tiếng nhạy cảm với vấn đề này.

Tôi luôn nghĩ rằng điều đó thật đặc biệt: Tôi sinh ra ở Scotland, cha mẹ tôi cũng được nuôi dưỡng nơi đây, chúng tôi đã sống ở đây, tôi học tập ở đây, nhưng bằng cách nào đó – đây là vấn đề về chủ nghĩa dân tộc được phát động – bọn họ (chú ý “bọn họ”) đã đối trá nhằm làm cho tôi cảm thấy mình như một người ngoại quốc vậy.

Ngôn từ được sử dụng rất cẩn thận. Họ vốn rất nhạy cảm với nỗi sợ hãi rằng Quốc hội có thể sẽ bị chuyển thành một hội đồng địa phương (dù điều này không bao giờ xảy ra). Các phương tiện truyền thông của Scotland hoàn toàn vô vị và tẻ mồm. Họ thấy được cả một lỗi bé tẹo mà mắt thường không thấy được (bởi nó không hề tồn tại). Trong một lần trả lời phỏng vấn về vấn đề việc tại sao Quốc hội nên tăng thuế chức vụ, tôi trả lời rằng: “Ngay cả một hội đồng Giáo xứ cũng có thể làm được, tại sao Quốc hội Scotland lại không?”. Câu trả lời của tôi đã ngay lập tức biến thành một tiêu đề bài báo: “Blair so sánh Quốc hội với hội đồng Giáo xứ”; cái tiêu đề này, ngay cả với những chuẩn mực nhất định, cũng đã bị bóp méo ít nhiều. Thật nực cười, việc giải quyết vấn đề này quả là khó nhưng nó cũng khá hài hước đấy chứ!

Ví dụ tốt nhất về sự ám ảnh kinh niên của họ đối với mưu đồ của Anh nói về lời đề nghị tuyên ngôn năm 1997, để có một cuộc trưng cầu xem liệu có nên có một Quốc hội Scotland hay không. Khi pháp luật về phân cấp được thúc đẩy thông qua Westminster, tôi biết rằng cách duy nhất chúng ta có thể tránh được cái bẫy mà các Chính phủ trước đó đã rơi vào, là vô hiệu hoá khả năng của hệ thống phá hoại ngầm về mặt pháp lý do Thượng viện gây ra. Quyền nghị sự của họ cũng không ở trong tình trạng tốt như chúng ta, kể từ khi họ buộc phải cải cách và loại bỏ hình thức cha truyền con nối. Vào thời điểm đó, giới cầm quyền đã cơ bản bị kiểm soát bởi “c” nhỏ và “C” lớn (chữ C trong từ Conservative có nghĩa là Bảo thủ). Những người bảo thủ – những kẻ không thích việc chuyển giao quyền lực kể từ khi nó đại diện cho sự thay đổi Hiến pháp. Tôi biết họ sẽ nắm lấy bất kỳ cơ hội nào để loại bỏ biện pháp đó, trừ phi tồn tại một cách nào đó, mà về mặt Hiến pháp hoặc chính trị, cản trở họ ngăn nó lại. Và tất nhiên, West Lothian Question đã cho họ, như trong thập niên 1960 và 1970, lý do chính đáng để chia bè chia phái.

Trong khi lãnh đạo phe đối lập, bất chấp mối nghi ngại lớn từ George Robertson, sau đó là Shadow – Ngoại trưởng Nghị viện Scotland, tôi đã nghĩ ra cách thử nghiệm bằng việc tiến hành trưng cầu dân ý trước khi lập pháp. Nhưng trước đó, phải để mọi người đưa ra quyết định trên nguyên tắc. Chiến lược rất rõ ràng: Phân cấp sau 100 năm chờ đợi. Chiến thuật rõ ràng được mọi người hưởng ứng và các vị lãnh đạo cũng không thể chối từ.

Hành động đó đã tạo ra nhiều điều tiếng xúc phạm méo mó từ các nhà theo chủ nghĩa dân tộc và những người làm thuê, những người đã bị thuyết phục rằng việc làm đó được tạo ra để lật đổ tất cả. Thậm chí nó còn bị gọi là phi dân chủ. Tôi đã có một cuộc đàm thoại trái chiều và phỏng vấn mà trong đó tôi bị hỏi vặn: “Phải chăng cuộc trưng cầu dân ý chỉ là cách phủ nhận quyền lợi của Scotland và Quốc hội hợp pháp”. Tôi trả lời: “Có thể, nhưng những người bỏ phiếu cũng là người Scotland”. Ah, họ sẽ vặn lại rằng, nhưng giả sử họ bỏ phiếu chống? Vâng, tôi sẽ nói, trong trường hợp này tôi cho rằng họ không muốn. Và cứ như vậy. Hết câu hỏi bất ngờ này đến câu trả lời bất ngờ khác.

Trong trường hợp họ bỏ phiếu thuận, Thượng viện có thể chỉ cải biến bằng vỏ ngoài pháp luật, chứ không tấn công vào cốt lõi của vấn đề, việc chuyển giao quyền lực đã xuất hiện. Tôi nghĩ đó là việc nên làm và hy vọng nó có thể được tiến hành.

Vào đầu tháng Mười hai năm 1999, thành viên của Đảng Bảo thủ, Shaun Woodward đến thăm tôi. Ông đã từng là ngôi sao của chiến dịch tranh cử Đảng Bảo thủ năm 1992. Ông là người thông minh, nói năng lưu loát và có phong cách giản dị. Những người đã từng tham gia chiến dịch Đảng Bảo thủ khi Đảng Lao động bất ổn vào thập niên 1980, là những người hào phóng, cực kỳ ghét những thành kiến của Đảng Bảo thủ về quyền của những người đồng tính và bất đồng với họ về vấn đề châu Âu – đó là toàn bộ quan điểm của họ về thế giới mới – muốn rời bỏ hàng ngũ.

Ông ấy gặp Cherie trước, sau đấy chúng tôi mới nói chuyện. Tôi nghĩ ông ấy là một thiên tài. Về bản chất đó là một người táo bạo vĩ đại, nhưng tôi cũng nghĩ ông ấy là phần bù hoàn hảo cho đội chúng tôi. Mời được ông ấy về thật khó khăn (dù cuối cùng chúng tôi cũng đã làm được). Đào ngũ có thể bị xem là hành động của chủ nghĩa cơ hội. Nhưng nó cũng có thể là hành động can trường. Trong trường hợp của ông ấy, tôi nghĩ là điều thứ hai. Alstair đã giải quyết nó quá tốt và điều đó được thông báo ngay trước Giáng sinh.

Điều đó ra sức kìm kẹp chúng tôi ngay giữa vùng đất và biểu hiện ra theo một cách chẳng thể nói thành lời, chính sách mở cửa của chúng tôi hướng tới những người nghĩ rằng đất nước đã chuyển mình theo chủ nghĩa Thatcher mà không quay lại với Đảng Lao động cũ. Đây là những người đã thành công, hoặc muốn được thành công, những người đã ủng hộ một nền kinh tế thị trường cạnh tranh và những người tự do và từ bi. Nó là một dòng tư tưởng đã khắc sâu vào các phương tiện truyền thông, theo một lối suy nghĩ phải/trái truyền thống, nhưng nó có khu vực bầu cử riêng ở đất nước này.

Tuy nhiên, tôi cũng nhận thức rằng khi người ta ủng hộ quan điểm, lời nói và đường lối, họ cần phải biết con đường đang được dõi theo ở mức độ nhất định và phải đạt đến đích như mong muốn. Vì với những điều có thể xảy ra, chúng ta phải có hướng tiếp cận triệt để hơn. Chúng tôi đã thành công về chính trị, thành công to lớn, nhưng chính trị chỉ là một cái đích và sự thất vọng trong tôi và xung quanh tôi lại bắt đầu dâng lên.

9. Lực lượng bảo thủ

Cụm từ “lực lượng bảo thủ” được xướng lên tại hội thảo vào tháng Chín năm 1999, đánh dấu một sự sắc bén về khả năng phân tích và sự cứng nhắc trong tâm trí tôi. Điều thôi thúc tôi vươn lên chính là khát khao trở thành nhà lãnh đạo hàng đầu, dám thách thức mọi đường lối bảo thủ cũ. Thế giới bên ngoài không có nhiều biến đổi, nhưng trong thâm tâm, tôi biết mình đang dần thay đổi.

Khi chúng tôi bắt đầu nỗ lực kiến tạo sự thay đổi trong các dịch vụ công, phúc lợi xã hội, pháp luật và trật tự, thì lợi ích chính yếu của nhóm “c” nhỏ bảo thủ trong các dịch vụ này cưỡng lại sự thay đổi và dần trở nên rõ ràng (đặc biệt về những lợi ích to lớn, thiết yếu) thông qua việc tự bảo toàn mình trên cơ sở giả mạo thành hệ thống bảo vệ những lợi ích cộng đồng.

Tôi bắt đầu suy ngẫm về sự thay đổi, tiến bộ và cách thức nó diễn ra. Tôi thấy một mô hình trong đó những suy nghĩ thông thường bị kiềm toả và khi được nói lỏng, nó bùng ra thành phản ứng dữ dội nghiêm trọng. Khi thay đổi đã xảy ra và bắt đầu bén rễ, nó sẽ trở thành trí tuệ chuẩn mực. Tôi áp dụng điều này không chỉ để cải cách mà còn để xúc tiến về nhân quyền, bình đẳng giới, làm tiêu vong chủ nghĩa chủng tộc và phân biệt màu da với cánh tả cũng như cánh hữu. Thời gian này, nó là một luận cứ đúng đắn và triệt để, nhưng nghe có vẻ cổ điển và truyền thống như thể tôi nói Đảng Lao động mới phải bắt đầu từ con số không. Vì thế, mặc dù luận cứ của tôi đúng, nhưng thái độ của nó một phần bị phán xét không đúng đắn – và trong chính trị, sự chia rẽ lây lan rất nhanh.

Trong tất cả những điều đã hoàn toàn rõ ràng về sự khác biệt giữa phe đối lập và Chính phủ; có một điều xảy đến với chúng tôi, khiến tôi vô cùng ngạc nhiên đó là khoảng cách giữa sự cam kết và quá trình thực hiện. Chúng tôi sẽ đưa ra quyết định, công bố nó; dự cảm được các hậu quả sẽ xảy ra, ngay cả khi có những tình huống cần phải cần thời gian để có thể thấy những tác động của nó.

Hai năm kiểm soát những “di sản” ngân sách từ các Đảng Bảo thủ đã kết thúc. Trong ngân sách năm 1999, chúng tôi đã bắt đầu nói lỏng mọi thứ. Trong các yêu cầu vay nợ công của tháng Mười một năm 1999, chúng tôi đã công bố khoản tiền lớn, nhưng nó giống như việc mở một vòi nước và nhìn nó chỉ nhỏ giọt thôi. Chúng tôi đã công bố năm 1999 là năm “bội chi” – một cụm từ phần nào đã trở lại ám ảnh chúng tôi. Thật ra tình hình cũng có tiến triển, nhưng nó tăng mạnh, không chỉ vì dòng tiền chưa thực sự bắt đầu lưu thông, mà còn vì có một vấn đề cấu trúc mà tiền không thể giải quyết triệt để được, như bài phát biểu của “lực lượng bảo thủ” đã chỉ ra. Các bộ phận cũng như các cấp học, bậc đại học, Dịch vụ Y tế Quốc gia, pháp luật và trật tự, tư pháp hình sự, chúng tôi vẫn chỉ mày mò, chưa chuyển đổi được gì. Bài phát biểu thực sự quan trọng và thiết yếu với hệ thống. Năm 1999 qua đi và năm 2000 đến, tôi bắt đầu tìm cách để chúng tôi có thể đẩy cả cỗ máy cải cách đi xa và nhanh hơn nữa.

Đầu tiên, chúng tôi đã có cả thiên niên kỷ cơ hội. Tôi sẽ nhớ thời khắc bước sang thế kỷ XXI chủ yếu vì hai điều cơ bản: Mái vòm và Con bọ thiên niên kỷ. Một thứ đáng lẽ không nên diễn ra nhưng thực tế lại diễn ra và một thứ đáng lẽ nên diễn ra nhưng cuối cùng lại không.

Khi nghĩ tới các việc chuẩn bị về thời gian, nỗ lực và tinh thần cho sự cố “Y2K”, hoặc bất cứ biến cố gì được gọi bằng thuật ngữ đó, tôi không thể nghĩ rằng hiệu quả thu về quá ít so với thời gian bỏ ra. Điều an ủi duy nhất đó là cả thế giới đều hoàn toàn bị thuyết phục bởi vấn đề này. Về cơ bản, nếu chúng ta nhớ lại, máy tính không được cho là có khả năng chuyển giao số liệu đến năm 2000. Con người nguyên rủa sự ngạo mạn đã hướng nhân loại đến suy nghĩ máy tính sẽ trở thành một sai lầm trong quá trình phát triển. Thảm họa đã được dự báo, các cuộc họp về khủng hoảng vẫn diễn ra liên tục và cả hành tinh đã chuẩn bị tinh thần cho thảm họa không bao giờ xuất hiện. Margaret Beckett và tôi đã thực hiện một cuộc họp về việc đó và đi đến thống nhất rằng chúng tôi không nắm được ý tưởng mù mờ nhất mà các chuyên gia đang

bàn luận. David Miliband cố giải thích nó một lần và thành thật mà nói, tôi không bắt kịp những điều anh ta trình bày và cũng không yêu cầu anh ta giải thích lại thêm.

David chưa bao giờ thực sự lấy lại được thăng bằng từ sau cuộc họp mà tôi đã tham dự với tư cách Lãnh đạo Phe đối lập với Bill Gates, một người sau này trong thời kỳ hoàng kim của mình đóng vai trò như một vị nhạc trưởng về máy tính, đã thay đổi thời đại của chúng ta. David thông minh và tân tiến trong công nghệ. Tôi lại không thông thạo về vấn đề này và tôi là một tay mù tịt về công nghệ. David đã cố gắng “phụ đạo” cho tôi trước cuộc họp và cảnh báo rằng tôi sẽ hành xử mâu thuẫn với câu thần chú của Đảng Lao động mới “Chúng tôi đang đi đầu trong cuộc cách mạng công nghệ”.

Tôi đã không phụ lòng mong đợi của ông ấy. Tôi đem tất cả mớ thuật ngữ công nghệ lộn xộn và trước sự hoảng hốt của David và những “người đẹp” trẻ tuổi trong phòng họp, tôi hỏi Bill về tình hình “máy chủ” của ông ta hoặc một số thứ tương tự như vậy, một câu hỏi gây kinh ngạc và tức cười cho các nhân viên và những kẻ hiểu kỳ đang nuốt từng lời của Bill. Tôi đã nghe thuật ngữ “máy chủ” ở đâu đó hoặc nghĩ rằng tôi có thể làm thánh giả kinh ngạc với việc phò bày kiến thức này. Tôi chỉ đơn thuần làm họ ngạc nhiên.

Dù sao, khủng hoảng Y2K cũng đến và đi mà không ai thực sự để ý đến nó lắm. Có một điều tuyệt vời đó là tôi đã không bao giờ phê duyệt ý tưởng chi quá nhiều tiền cho nó. Đó là một quyết định nực cười của một Thủ tướng: Có nhiều người sắp làm được nhiều việc, nhưng cũng chỉ ngang bằng với những kẻ không chịu làm gì. Có hàng loạt những yêu cầu được đưa lên tới tấp, nhiều khi chúng ta không ngờ rằng mình phải quyết định – và đó là những đối tượng bạn nên nói “không”.

Thật không may, một lần tôi đã phải nói “có” đó là để có thể tiếp tục dự án Dome. Tôi nghĩ rằng quyết định này là một sai lầm, nhưng không phải điều gì đáng sợ. Một phần của vấn đề – và tôi thực sự không có ý xem đây là một điều đáng hối tiếc – là việc hưởng lợi từ quyết định. Trong nhiệm kỳ của mình, chúng tôi được cam kết một khoản 100 triệu bảng, do đó, chi phí bãi bỏ sẽ là đáng kể.

Thực sự, ý tưởng ban đầu của Michael Heseltine đưa ra không tồi và cũng giống như tất cả các ý kiến chủ quan khác của anh ta, ý tưởng này khá quy mô, nổi bật. Khái niệm này (khái niệm về the Dome) tương tự như ở triển lãm Crystal Palace của Hoàng tử Albert và triển lãm London – tưởng nhớ John Prescott – vào năm đăng quang. Chúng tôi đưa nó vào một buổi triển lãm về Vương quốc Anh và đặt nó ở bãi lầy được cải tạo, xung quanh nhà ga Greenwich. Rắc rối là triển lãm không chuyên biệt về loại hình trưng bày và chủ đề vị lai mà chúng tôi muốn được thông qua ở mức độ rộng lại rất khó nắm bắt về tiểu tiết. Vì vậy nó thuộc vào những chức năng được phân hóa: Tương lai, công nghệ, trò chơi, khoa học, giải trí. Nó giống như một nồi lẩu “thập cẩm” không chuyên biệt về một loại nào.

Điều đó cho thấy việc này không hề đáng lo ngại, chỉ là nó không tiềm năng mà thôi. Nhóm Dome – đứng đầu là Jeni Page làm việc không ngừng nghỉ và toàn bộ công việc, thoát nhìn, rất có triển vọng. Sáu triệu người tham gia, nhiều người rất thích nó. Chúng tôi ngày càng dè chừng nó cho đến khi chính mình bước lên sân khấu – tôi, Peter Mandelson và Charlie Falconer – nơi nếu nó có một người tấp vào mặt mọi người xung quanh bằng một con cá sống, thì chúng tôi kiên quyết muốn nó trở thành một công trình vĩnh cửu.

Đơn giản là trong thời đại ngày nay, đó không phải là một dự án thực sự thích hợp đối với Chính phủ và nó cũng không bao giờ tương thích tình hình của thiên niên kỷ này. Nếu không “thừa hưởng” nó thì có thể chúng tôi sẽ không bao giờ phải bắt tay vào để hoàn thiện nó. Theo David Yelland, sau này biên tập viên của tờ Sun nói, một bệnh viện sáng sủa đẹp để mới là ưu tiên của Chính phủ.

Để công bằng, Gordon luôn chống lại điều này, còn tôi nghĩ thiệt hại của việc bãi bỏ quá lớn và trong bất kỳ trường hợp nào, hãy nghĩ rằng nó là một bước tiến mới cần thiết. Nội các đã bật

đèn xanh nhưng ý kiến vẫn không thống nhất. John Prescott xoay sở đủ cách. Tôi phải rời đi sớm. Ông ta dành được chức vụ đó và theo cách hung hăng đúng kiểu “JP”, chủ yếu bởi ông ta nghĩ tôi cũng muốn vị trí đó và vì ông nghĩ ý tưởng này có lợi. Mà quả thật nó chỉ thiếu chút ý nghĩa thôi.

Dome rất nguy nga, tráng lệ và do Richard Rogers thiết kế. Tất nhiên, chúng tôi xem nó như điểm nhấn của thành phố và mở ra cơ hội cho toàn bộ khu vực đông nam London. Ngoài ra, đương nhiên chúng tôi mở rộng đất đai, xây hàng nghìn ngôi nhà, một cơ sở y tế và một trường học. Bây giờ nó cũng được coi như khu giải trí dành cho nhạc Rock và Pop của nước Anh, hoặc có thể là của toàn châu Âu.

Khi nhìn lại, trong khi nó đang chìm trong sai lầm, thì tại thời điểm đó không ai có thể đánh giá hết sự quá tải của toàn bộ dự án. Tuy nhiên, điều này có thể giải thích được. Tôi sẽ không bao giờ quên đêm 31 tháng Mười hai năm 1999. Tôi thường thấy kinh hãi những ngày “tuyệt vời” và các lễ kỷ niệm – tôi biết mình không nên như vậy. Tôi không có khái niệm sinh nhật ngoại trừ nghi thức tặng và nhận quà. Lễ Giáng Sinh vẫn luôn là một ngày tuyệt vời dành cho gia đình, dù đôi khi tôi cảm thấy trống trải mỗi khi nó qua đi.

Tối ngày 31 tháng Mười hai, tôi đang ở văn phòng và có việc cần hoàn thành, mặc dù, thiên niên kỷ mới là một điều kỳ diệu – nhưng mỗi dịp năm mới về – tôi vui vẻ đi ngủ sớm, tự cho phép mình có một buổi tối thanh thoi và thức dậy vào sáng hôm sau, thật sáng khoái và trầm ngâm với ý nghĩ một năm nữa đã trôi qua.

Tuy nhiên, lần này hoàn toàn khác. Tôi trông ngóng trông giờ phút chuyển giao của thiên niên kỷ mới với một chuyến viếng thăm nha sĩ và trong giờ phút này, có vẻ nó sẽ ít đau hơn, êm ái hơn và chắc chắn bớt căng thẳng hơn.

Đầu tiên, tôi phải đến và tham gia khởi động Bánh xe Thiên niên kỷ, với một màn trình diễn pháo hoa. Chúng tôi đi bộ rời phố Downing và đột nhiên trong tôi dấy lên cảm giác sợ hãi càng lúc càng rõ rệt. Trong những thời điểm như thế này, Cherie tỏ ra rất cứng cỏi và là một tấm lá chắn hoàn hảo: Cô ấy đã – hay ít nhất đã rất cố gắng tỏ ra – bị hấp dẫn bởi toàn bộ cảnh tượng lúc đó.

Khi chúng tôi di chuyển giữa những đám đông ở Whitehall để tiến về phía bến tàu, mọi người tỏ ra thân thiện và tung hô khiến tâm trạng của tôi phấn chấn hơn. Chúng tôi tiến gần đến cầu Hungerford nơi Bob Ayling, CEO của hãng Hàng Không Anh, đang đợi tôi khai mạc sự kiện. Bob đã đảm nhiệm việc điều hành tất cả các lễ kỷ niệm thiên niên kỷ và đã hoàn thành trọng trách của mình dưới một áp lực khổng lồ.

“Điều gì xảy ra khi tôi mở màn hả Bob?” Tôi nói vọng từ phía trên khu ẩm thực xuống.

“Chà”, anh ta nói, “không nhiều lắm vì thực tế nó cũng chưa thực sự hoàn chỉnh.” Anh ta không hề bối rối. Tôi thích điều đó. Bởi chắc chắn là tôi đang vô cùng bối rối. Bob chuyển sự chú ý sang màn bắn pháo hoa. “Điều chắc chắn sẽ xảy ra là khi ngài bấm nút, chúng sẽ phụt thẳng lên từ trên sông Thames.”

Chắc chắn là như vậy rồi. Tôi tiến tới bục; đám đông đang reo hò ở phía dưới; tôi nghĩ mình đã phát biểu vài câu trước khi bấm nút.

Màn pháo hoa diễn ra rời rạc và không tạo được những hình thù độc đáo như mọi người hình dung từ trước. Thay vào đó, khi nói về pháo hoa, tôi đã từng chứng kiến những sự kiện sống động hơn ở Highbury Fields tại Islington vào Đêm hội Ông Fawkes.

Và tất nhiên, Bánh xe Thiên niên kỷ cũng chưa hoạt động. “Tôi không nghĩ là điều đó thực sự quan trọng trong đêm nay,” Bob nói một cách vui vẻ.

“Quan trọng chứ, nếu nó đã được gọi là Bánh xe Thiên niên kỷ” tôi nói với giọng điệu chua chát và nỗi sợ hãi đang quay lại xâm chiếm tâm trí tôi.

Nhưng không có thời gian để suy nghĩ nữa. Chúng tôi chuẩn bị có một bữa tiệc Dome với Nữ Hoàng.

Lẽ ra chúng tôi phải đến trên làn đường Jubilee mới. Bản thân Tube đã là một phần của sự phát triển cho các dịp kỷ niệm và các trạm nút giao thông mới đang đi vào hoạt động. Một lần nữa, một ý tưởng thật tuyệt vời; lại một lần nữa, khi năm mới đang cận kề, đó là một nguồn xói mòn liên miên. Chúng tôi vướng phải các cuộc tranh luận của các nhà thầu, của công đoàn và các tranh chấp chính trị. Vấn đề là tất cả mọi người đều biết họ đang đặt chúng tôi vào tình cảnh tiến thoái lưỡng nan – giờ hẹn gần như không thể thay đổi được và nếu không đi đường nhánh, chúng tôi không thể đưa mọi người tới Dome đúng giờ. Chúng tôi đã đi quá sát giờ. Và tôi không thích khiêu hài hước khó chịu với câu nói: “Hãy cầu nguyện, ngài Thủ tướng” phát ra từ Ban quản lý Tàu Điện Ngầm London. Hoàn thành việc đó là cả một trọng trách lớn và John Prescott đã biểu diễn những phép lạ nho nhỏ với những người cầm dùi cui.

Nhưng đêm thiên niên kỷ là lần đầu tiên nó phải vận hành. Phút đầu căng thẳng đã đến khi chúng tôi lên tàu: Liệu nó có hoạt động không? Liệu cửa có mở không? Liệu nó có phanh từ từ rồi dừng hẳn không?

Dù sao: Nó vẫn hoạt động. Cửa tàu mở để chúng tôi lên và xuống, thế là chúng tôi đến được Dome. Hàng đoàn người đang kéo vào và nơi đây không được yên tĩnh cho lắm. Đoàn người chen chúc chật cứng ở các trụ nhà, sẵn sàng dự tiệc, thật không thể tin được. “Mọi người đâu cả rồi?” tôi hỏi người hướng dẫn của chúng tôi ở Dome.

“Tôi nghĩ là chuyển tàu chuyển tiếp từ ga Stratford đã bị trục trặc. Ga đó đã bị đóng cửa rồi.”

Cả phòng chao đảo. “Cái gì? Ga Stratford, một ga quan trọng và trọng yếu trong việc vận chuyển người tới Dome, đã gặp một lỗi kỹ thuật chết tiệt nào đó và đang ngừng hoạt động. Tôi đã nghĩ về công chúng đang chờ đợi ở đó và nỗi sợ dâng trào. “Tôi phải gặp Charlie,” tôi nói.

Khi Peter Mandelson từ chức, Charlie Falconer đã kế nhiệm trong vai trò Bộ trưởng. Charlie đã lậm dụng vấn đề về Dome hơn tưởng tượng và ngay từ đầu đã tỏ thái độ rất kỳ lạ. Mỗi lần gặp anh ta sau những lời lẽ phê phán te tua và kết thúc bằng những lời châm chọc về cân nặng, diện mạo, tính cách và cách ăn nói của anh ta – tôi thường nói, “Anh thế nào, Charlie?” Anh ta thường trả lời rằng mình yêu thích công việc và rất biết ơn tôi về cơ hội này bằng giọng điệu hết sức chân thành. Tôi thấy điều đó thật tuyệt vời. Những thể hiện của anh trong vụ việc ở Dome là minh chứng tuyệt vời cho sự hy sinh bản thân.

Tôi thấy anh ta đang đứng ở phía quầy tiếp khách VIP. “Charlie”, tôi gọi, “chuyện quái gì đang xảy ra ở Stratford thế?” Anh ta giải thích về sự cố. “Chúa ạ, Charlie, bao nhiêu người đang đợi ở đó?”

“Vài nghìn người, tôi e là thế. Tôi rất lấy làm tiếc.”

Tôi nhìn anh ta một cách buồn bã. “Biết nói cái gì khi cánh truyền thông biết được chuyện này đây?”

“Ừm, tôi e là họ đã biết rồi vì các phóng viên đều đang đợi cả ở đây.”

Tôi sợ là mình sắp tóm lấy cổ áo anh ta vào lúc này.

“Cái gì? Cái gì? Giới truyền thông đang làm cái quái gì ở đó? Anh đã, ôi không, xin làm ơn, ôi Chúa ơi, xin hãy nói với tôi là anh đã không mời cánh nhà báo và phóng viên đến đây bằng xe điện Tube từ Stratford, cũng như những người dân bình thường khác đấy chứ?”

“Chúng tôi nghĩ là làm thế thì có vẻ dân chủ hơn đấy.”

“Dân chủ? Thăng ngọc nào lại nghĩ như thế? Họ là giới truyền thông, vì Chúa. Họ viết về người dân. Họ không muốn bị đối xử giống người dân.”

“Điều ngài muốn chúng tôi làm...” Charlie nói, cảm thấy mình cũng nên đấu tranh một chút, “là đưa tất cả bọn họ lên một chiếc xe limo dài ư?”

“Đúng, Charlie ạ”, tôi gầm lên, “với người phục vụ và đủ sâm panh để họ có thể uống thỏa thích; hay ít nhất là đưa họ lên Tube cùng chúng ta.”

Tôi lấy làm xấu hổ phải nói rằng lúc đó tôi đã quát tháo và mặt sát anh ta, trong lúc những người tỉnh táo hơn trong Đảng của chúng tôi đã cố gắng tìm cách giải quyết. Cuối cùng chúng tôi nghe tin họ đang trên đường đến, dù có thể là không kịp cho nửa đêm. “Xin đừng nói với tôi là nếu họ không đến kịp lúc nửa đêm thì cũng không quan trọng, Charlie ạ, nếu không tôi sẽ dùng dùi cui đánh anh chết ngay tại hiện trường đấy,” tôi nhớ là mình đã nói thế. Cuối cùng vài người đã đến nơi vài người không đến kịp; và dù sao, tin tức báo chí cũng đã ít nhiều được khắc tạc ngay từ lúc đó.

Trong lúc này, một mối bận tâm mới lại xâm chiếm tôi. Chúng tôi đã thuyết phục Nữ Hoàng và Hoàng Tử Phillip đến Dome để chung vui. Tôi không biết chính xác Hoàng Tử Phillip nghĩ gì về điều đó, nhưng tôi không nên tưởng tượng là tin đó lại xuất hiện trên mặt báo. Tôi đoán là Nữ Hoàng sẽ dùng một ngôn ngữ khác để thể hiện mong muốn đó nhưng với cùng một cảm xúc. Tuy nhiên, tất cả chúng tôi đều phải trải qua nó với khuôn mặt tươi tỉnh và bà là người thể hiện thành công nhất. Chúng tôi ngồi xuống cạnh nhau và cùng xem chương trình.

Có một buổi diễn nhào lộn trước nửa đêm. Vâng chuyện này thật đặc biệt. Họ ở trên Dome, diễn những màn nhào lộn đẹp mắt, bay lượn trong không trung. Họ đều mặc những bộ quần áo đầy màu sắc, trông rất bắt mắt với màn biểu diễn đầy ấn tượng.

Sau đó một ý nghĩ rùng rợn xâm chiếm tôi và khiến tôi sồn gai ốc. Họ đang làm những động tác hoang dại ngay phía trên nơi Nữ Hoàng ngồi. “Chà, màn đó thật đáng chú ý,” Hoàng Tử Phillip nói, hâm nóng một câu chuyện nhỏ. “Ngài biết họ đang làm vậy mà không có dụng cụ bảo hộ nào không?” Tôi thì là mình biết điều gì sẽ xảy ra. Giống như một người trong một trong những bộ phim có giác quan thứ sáu, người biết trước tương lai: Từ 20m trở lên, một trong những diễn viên nhào lộn sẽ ngã trong một cú ngào lộn, rơi tự do xuống trúng chỗ Nữ Hoàng đang ngồi. Tôi có thể thấy tất cả. “NỮ HOÀNG BỊ GIẾT BỞI DIỄN VIÊN ĐU XÀ Ở DOME”. “BUỔI KỶ NIỆM CHÀO THIÊN NIÊN KỶ CỦA NƯỚC ANH BỊ PHÁ HỎNG”. “BLAIR THÚ NHẬN KHÔNG PHẢI MỌI VIỆC ĐỀU ĐI THEO KẾ HOẠCH”. Lễ chào mừng thiên niên kỷ của Anh có thể sẽ trở nên nổi tiếng; tôi sẽ được lưu tên tuổi vào lịch sử.

Tôi không hề đùa các bạn nhưng vào 11 giờ 30 phút đêm giao thừa năm 1999, tôi đã tin chắc là như thế. Tôi dường như nín thở đến khi màn biểu diễn chấm dứt.

Sau màn nhào lộn là bài hát “Auld Lang Syne” vang lên. Một quyết định nữa; tôi có nên nổi tay với Nữ Hoàng hay không. Chúng tôi nhìn nhau. Tôi cũng nhận ra một cách vô dùng là thật lố bịch khi làm thế, nhưng không làm thế lại tạo cảm giác lạnh lùng khó gần. Tôi đưa ra quyết định, với cánh tay ra. Bà giữ lựa chọn của mình ở dạng mở, chìa ra một cánh tay.

Phần còn lại của buổi tối trôi đi một cách tẻ nhạt. Cuối cùng chúng tôi về đến nhà vào 2 giờ sáng. “Em nghĩ buổi tối cũng khá vui vẻ”, Cherie nói khi chúng tôi lết vào giường.

“Em yêu,” tôi trả lời, “chỉ có một điều khiến anh phải cảm ơn Chúa đêm nay và đó là những điều này chỉ xuất hiện nghìn năm một lần.”

Sáng hôm sau tôi quay lại với công việc thường nhật. Tính đến thời điểm hiện tại, tôi đã tại nhiệm được hai năm rưỡi. Với cách thức hoạt động của Chính phủ, nó giống như một cái chớp mắt. Với cách công chúng nghĩ, nó dài đến vô tận. Bài phát biểu về “các lực lượng của chủ nghĩa bảo thủ”, theo một nghĩa nào đó, là sản phẩm của sự chán nản từ bản thân tôi bởi tôi đã không thể căn chỉnh cho hai khu vực thời gian ấy trùng khớp với nhau. Có một vài lời chỉ trích từ các nhà bình luận và từ công chúng rõ ràng là không công bằng, nhưng số lời chỉ trích khác chủ yếu phê phán rằng quá trình thay đổi đang diễn ra quá chậm và thiếu triệt để. Tôi tin vào bản thân mình và vì thế mà có bài phát biểu đó.

Tôi dần hiểu ra sự phức tạp của các thể chế nền dịch vụ xã hội, sức nặng của các sức ép, độ rộng của các đòi hỏi và mức độ của sự trông đợi về tính khả thi của một số sự kiện trong những thời điểm nhất định. Thiên niên kỷ mới có thể là một khoảng khắc khó quên trong thời lịch, nhưng “cuộc khủng hoảng mùa đông” của Dịch vụ Y tế Quốc gia trong thời điểm chuyển giao năm 1999–2000 xảy với những dự đoán trước về số người chết cùng các thiệt hại khác. Với hai năm rưỡi nắm quyền của tôi, mọi người trông mong nhiều hơn thế.

Giờ đây, rất khó để nhìn lại và nhận thấy những cuộc khủng hoảng như thế là điều không thể tránh khỏi. Vào thời điểm đó, một đại dịch cúm đã xảy ra. Sự xuất hiện của nó kéo theo những ca bệnh đáng buồn và vận đen cho nhiều người. Nó xoay quanh một phụ nữ có tên Mavis Skeaton, một bệnh nhân không được điều trị đúng cách và tử vong. Gia đình cô ấy dĩ nhiên đã nổi giận. Đơn vị chăm sóc đặc biệt của các bệnh viện biết rằng ca bệnh này rất khó đối phó. Ngoài ra còn những câu chuyện về những người bị từ chối điều trị, những người được điều trị trên các xe đẩy hàng, những người phải chờ hàng giờ trong khu vực Tai nạn và Cấp cứu (A&E).

Ngoài những trường hợp mắc bệnh thông thường và dịch cúm, còn những bệnh nhân phải đợi chờ quá lâu để được phẫu thuật tim, đến mức đã ra đi trong lúc chờ đợi. Tôi nhận được thư từ một người phụ nữ có chồng là nhiếp ảnh gia cho tờ Northern Echo mà tôi đã từng có thời gian làm việc chung. Ông ấy đã mất trong một tình huống như vậy. Tôi cảm thấy điều đó thật kinh khủng, cảm thấy mình có trách nhiệm và tồi tệ nhất là cảm thấy một nỗi nghi ngờ day dứt về việc liệu có phải chúng tôi chỉ cần thời gian để cải thiện tình hình, hay cần thứ gì đó khác sâu sắc hơn đối với cách thức vận hành của cả hệ thống dịch vụ. Nếu vẽ đường sau đúng, chúng tôi không đủ tầm để thực hiện điều đó. Và nói rất thật là tôi không hoàn toàn dám chắc về câu trả lời. Đó là lý do vì sao tôi nói mình vẫn đang học hỏi.

Lo lắng về vấn đề y tế và giáo dục đeo đẳng tôi mỗi ngày. Đó là lúc các cải cách của phe Bảo Thủ đã được tiến hành hoặc lý giải tồi tệ thì hướng đi thiết yếu của những cải cách đó thực chất chẳng liên quan đến bản chất Bảo Thủ của họ, mà liên quan đến thế giới hiện đại. Những cải cách này cố gắng giới thiệu các hệ thống mà ở đó, lượng tiền chi tiêu tương ứng với chất lượng dịch vụ và người sử dụng dịch vụ trong vai trò kiểm soát. Chính sách đó có một vài điểm mâu thuẫn và thậm chí là gây nhầm lẫn, nhưng cách tiếp cận tổng thể sinh ra từ cùng các xu hướng kinh tế và xã hội đã giúp vấn đề tư hữu hóa và cắt giảm thuế nhận được nhiều ủng hộ.

Tôi thấy một xu hướng sắp sửa phá vỡ các cấu trúc tập quyền và cũ kỹ, tập trung vào thị hiếu ngày càng cao của khách hàng, chấm dứt những ranh giới cũ kỹ trong các ngành nghề. Với tôi, xu hướng này dường như có liên quan tới cách người dân chứ không phải Chính phủ ứng xử. Theo lẽ thường, sự thay đổi trong cách các khu vực tư nhân được tổ chức và điều hành có vẻ như có sự hồi ứng trong những thách thức mà khu vực công phải đối mặt.

Trong chính sách tội phạm và phúc lợi, tôi nhận ra phe Bảo thủ đã không thực sự suy tính kỹ càng và chỉ bắt đầu suy nghĩ thấu đáo khi nhiệm kỳ của họ gần kết thúc. Nhưng đối với vấn đề Dịch vụ Y tế Quốc gia và trường học lại hoàn toàn khác. Họ đã tạo ra các yếu tố của sự thay đổi mà chúng tôi cần xem lại và học hỏi thay vì thải loại.

Vấn đề là vào thời điểm đó, trong Đảng Lao động không có mấy người hứng thú với suy nghĩ đó. Thật sự, đó là điều dị biệt. Đặc biệt, tôi đã đặt Frank Dobson vào vị trí chịu trách nhiệm về

vấn đề NHS. Bản thân sự việc đó đã cho thấy tầm hiểu biết còn hạn hẹp của tôi khi mới lên cầm quyền. Frank là một đảng viên Lao Động truyền thống, hay nói một cách công bằng thì là một người đã tuyên thệ làm đảng viên Lao Động truyền thống. Ông ấy là một trong nhiều người coi Đảng Lao động mới là một kế hoạch thông minh để thắng cử. Ông ấy không hiểu nhiều về nó và ở mức độ hiểu biết của mình về nó, ông ấy không đồng tình với quan điểm mới.

Những người làm việc trong hệ thống phân cấp của ngành và của Dịch vụ Y tế Quốc gia mặc dù là những “nô bộc” tận tâm và hiệu quả của nhân dân, nhưng họ tin tưởng rằng có sự không tương thích giữa những khái niệm của khu vực tư như “sự lựa chọn” và sự công bằng cơ bản của Dịch vụ Y tế Quốc gia như là một tổ chức. Đó là vấn đề xưa cũ khi chính sách biến thành nguyên lý và vì thế chính sách về NHS của năm 1948 – vô cùng phù hợp với thời đại đó – trở thành nguyên lý thiêng liêng của mọi thời đại.

Tôi suy nghĩ kỹ càng về tất cả những điều đó suốt năm 1999 và bắt đầu đối thoại với các bạn hữu chính trị gần gũi và thân quý nhất của mình. Nhưng tôi gặp hai vấn đề: Một là Frank Dobson, hai là tài chính. Tôi biết tình trạng thiếu đầu tư vào NHS đã quá rõ ràng mà phe Bảo thủ không hiểu được điều đó, hoặc có thể là họ không muốn hiểu. Khi chúng tôi so sánh các khoản chi tiêu của mình với bất cứ quốc gia nào tương tự thì sự thiếu tương xứng rất rõ rệt. Tiền không quan trọng nhưng cần thiết.

Cuộc khủng hoảng mùa đông là biểu hiện trực tiếp của vấn đề. Vấn đề thực nằm sâu bên dưới hệ thống dịch vụ: Ngân quỹ và cách chi tiêu ngân quỹ.

Tôi có một loạt các cuộc bàn thảo với các chuyên gia y tế mà Robert Hill (cố vấn y tế tuyệt vời của tôi) đã sắp xếp. Thật tuyệt vời. Từ nội bộ Dịch vụ Y tế Quốc gia, có những người thực sự tin tưởng vào triết lý bình đẳng của hệ thống nhưng không hài lòng với cách thức người ta điều hành hệ thống này. Cách thức vận hành của nó thật lỗi thời. Sự yếu kém thể hiện ngay trong các mắt xích nhỏ dẫn đến những hệ quả không công bằng cho toàn bộ hệ thống.

Tôi cũng có vài cuộc đối thoại với Gordon về ngân sách cho Dịch vụ Y tế Quốc gia. Nhưng như tôi dự đoán, không thể thuyết phục ông ấy thay đổi điều gì lớn lao trong hệ thống này. Trên cương vị Bộ trưởng Tài chính, ông ấy có nhiệm vụ kiểm soát chặt chẽ các vấn đề tài chính và ngăn cản những khoản chi thêm.

David Frost vẫn là người phỏng vấn giỏi nhất trên TV. Ông ấy không thô bạo hay tỏ ra khó chịu, nhưng có một tài năng phi thường trong việc dẫn dụ người được phỏng, dẫn dắt họ, khiến họ chia sẻ những bí mật và đưa tin lên trang nhất chỉ bằng những cuộc trò chuyện. Tôi không còn nhớ nổi số lần Alastair nói với tôi rằng: “Vì cái quái gì mà ngài lại nói ra điều đó?” sau khi tôi chuyện trò với Frost. Tôi nói: “Hả?”, ông ấy giải thích, còn tôi thì chẳng nói được gì ngoài việc thốt lên: “Ồi!”.

David cũng có tư duy về một khái niệm mang tính cách mạng rằng khán giả muốn nghe người được phỏng vấn trả lời chứ không muốn nghe người phỏng vấn đặt câu hỏi. Nhờ vậy, ông ta khiến mọi người nói ra nhiều hơn dự định và về một đề tài rộng lớn hơn. Bạn sẽ tự “tuôn” ra vài vấn đề đủ để làm thành một tin tức nóng hổi sau mỗi cuộc phỏng vấn. Và đương nhiên, bằng cách kiên quyết mà không sỗ sàng, ông ta khiến người được hỏi, về mặt tâm lý, không thể không trả lời trực tiếp vấn đề.

Dù thế nào đi chăng nữa thì trong tình huống này, không cần phải lo lắng về việc tôi đã nói ra một vài điều ngoài ý muốn, vì tôi chủ ý nói ra những điều đó. Tôi quyết tâm sẽ nâng mức ngân sách cho Dịch vụ Y tế Quốc gia ngang bằng với mặt bằng chung châu Âu. Có rất nhiều cách để tìm ra kết quả. Có rất nhiều các nhà thống kê và kế toán viên có thể tính toán và đưa ra hàng loạt các kết luận khác nhau, nhưng cơ bản là khá rõ ràng. Vào ngày thứ Bảy, Robert Hill và tôi cùng bàn thảo về các phương án khả thi. Tôi nói chuyện lại với Gordon, lúc này đã trở nên khó thuyết phục hơn. Nhưng tôi tin về mặt chiến lược chính trị sâu xa thì quyết định đó cần phải được đưa ra ngay bây giờ.

Tôi cũng biết rằng đến lúc này, chúng tôi có một cơ hội có thể thực hiện cải cách. Cuối năm 1999, Alan Milburn thay thế vị trí của Frank. Alan đã giữ chức Ngoại trưởng trước đó và đã thực sự tỏa sáng, ủng hộ hoàn toàn với hướng thay đổi. Frank từ chức để tập trung vào cuộc đua trở thành thị trưởng London.

Tôi thừa nhận là lúc đó, tôi đã không can ngăn Frank đừng từ chức, một phần vì tôi nghĩ điều đó sẽ giúp giải phóng Bộ Y tế. Tuy nhiên, nó để lại cho chúng tôi một rắc rối lớn liên quan đến cuộc đua thị trưởng. Sự thật là Frank có rất nhiều cơ hội chiến thắng Ken Livingstone trong cuộc đua vào ghế thị trưởng. Về sau, trong quá trình bầu cử, khi tôi cố gắng đẩy cao tinh thần đội ngũ của mình, tôi đã nói liều rằng mình nghĩ Frank chắc chắn sẽ chiến thắng. Đáp lại, Anji nói: “Nếu ngài nghĩ Frank Dobson có thể đánh bại Ken Livingstone ở London thì tôi sẽ đi gọi bác sỹ ngay”.

Thế là có một rắc rối lớn lơ lửng ở London. Nhưng cho đến khi được Frost phỏng vấn, tôi biết mình muốn gì và có được người tôi muốn lên nắm quyền.

Tôi đã tham gia buổi phỏng vấn và trước sự hài lòng của David, tôi không cần thú nhận điều gì đó để được buông tha, mà cứ nói thẳng một cách cởi mở và nhanh chóng. Đó là một trong số ít ví dụ tôi còn nhớ về việc tham dự một chương trình với một câu chuyện có sẵn trong đầu và có thể mở rộng nó.

Có những ngày tôi tranh cãi với Gordon, nhưng ông ta có thể thấy việc đó là không thể tránh khỏi và dù sao trong chính trị, một việc như thế là chuyện đương nhiên. Đó là một kiểu cướp lời thẳng tưng. Nhưng đó là kiểu cướp lời cần thiết và có thể hiểu được. Nó cho phép tôi song hành tiếp với phần còn lại của kế hoạch: Làm việc với Alan về một đề xuất cải cách nghiêm túc.

Chúng tôi nói về đề xuất đó và đồng ý rằng trong những tháng tới, chúng tôi sẽ tìm ra một kế hoạch phù hợp, chín muồi cho Dịch vụ Y tế Quốc gia. Sau khi rà đi rà lại, chúng tôi nhất trí rằng đó nên là một kế hoạch 10 năm. Mục đích phải là thay đổi căn bản cách vận hành của Dịch vụ Y tế Quốc gia: Phá vỡ hòn đá tảng cũ kỹ, thiết lập mối quan hệ mới với khối tư nhân, lắng nghe các khái niệm về sự lựa chọn và cạnh tranh, thương lượng những hợp đồng cơ bản của những người trong ngành, từ y tá đến bác sỹ và quản lý.

Quan trọng nhất là nó đã đưa ra một giải pháp cho những điều đã xoay vần trong tâm trí tôi từ lâu. Khi đạt đến đỉnh quyền lực vào năm 1997, chúng tôi đã nói rằng chính “các chuẩn mực chứ không phải cấu trúc” mới là điều quan trọng. Chúng tôi nói ra điều này với ngụ ý về nền giáo dục, nhưng nó hoàn toàn phù hợp với hệ thống y tế và các hệ thống dịch vụ công khác.

Nói cách khác, chúng tôi tuyên bố rằng: Hãy quên những cải cách hệ thống rườm rà đi và đầu ra mới là thứ có hiệu quả. Về phương diện diễn văn, điều đó chẳng có vấn đề gì. Về phương diện chính trị, nó mang lại lợi ích tích cực. Thật không may, tôi bắt đầu nhận thấy rằng khi suy nghĩ của chúng ta bị kinh nghiệm chi phối, thì nó cũng tào lao giống như một phần chính sách. Toàn bộ vấn đề là cấu trúc sinh ra các chuẩn mực. Cách thức một dịch vụ được sắp đặt ảnh hưởng tới kết quả đầu ra.

Như thế, trừ phi bạn tin rằng những thay đổi được kiểm soát từ trung ương mới hiệu quả nhất. Đây là lúc những thay đổi trong suy nghĩ có tác động chính trị sâu sắc và những mối quan hệ mật thiết về dịch vụ. Một phần của toàn bộ suy nghĩ này đã giúp tạo ra Đảng Lao động mới là tái định nghĩa bản chất của Nhà nước.

Ngoại trừ lĩnh vực luật và quy định, tôi là một người tự do từ trong bản năng. Đó là lý do vì sao tôi thường trượt ra khỏi con đường của mình để khen ngợi Lloyd George, Keynes và Beveridge và vì sao tôi luôn luôn kính trọng và yêu quý trí tuệ của Roy Jenkins.

Trong một thế giới mà cá nhân tìm kiếm nhiều quyền kiểm soát cuộc sống của chính mình hơn, tôi không thể tưởng tượng nổi rằng có một quan niệm nào khác về Nhà nước ngoài quan

niềm nó là nguồn động viên, động lực chứ không phải một thể chế gia trưởng, ban phát, kiểm soát lợi ích của những người dân, những người được cho là không có khả năng tự đưa ra quyết định. Trục giác đó, niềm tin đó rõ ràng phải được chuyển đổi thành hiện thực bộ máy Nhà nước. Vấn đề thực sự đơn giản như vậy, một sự cân đối giữa chính sách và triết lý.

Từ đầu năm 2000 trở đi, khi vấn đề ngân quỹ được giải quyết, ít nhất ở vấn đề mặt bằng chung, tôi, Alan và một nhóm các cố vấn thân cận bắt đầu lên kế hoạch 10 năm cho Dịch vụ Y tế Quốc gia.

Đồng thời, chúng tôi cũng xem xét các lĩnh vực chính sách khác với mục đích tương tự. Andrew Adonis đảm nhiệm vai trò cố vấn giáo dục của tôi. Tôi không thể nhớ chính xác ông ấy đã đến với chúng tôi như thế nào. Ông là một học giả ở Oxford và là một thành viên của Đảng Xã hội Dân chủ. Ông ấy rất tâm huyết với việc viết tiểu sử của Roy Jenkins (nhưng sức ép công việc khiến ông không thể hoàn thành được) và đã từng là một nhà báo của tờ Financial Times và Observer. Sự xuất hiện của ông ấy rất tình cờ nhưng lại vô cùng hữu ích, là người vô cùng trang nhã, có một trí tuệ xuất chúng và dám nghĩ mà không bị giới hạn bởi hệ tư tưởng. Ông ấy hoàn toàn là một người Lao động mới.

Đương nhiên, có những người phản đối ông bởi lý lịch Đảng Xã hội Dân chủ xưa cũ. Điều này cũng tương tự đối với Derek Scott, người đã cho tôi lời khuyên về chính sách lương hưu và kinh tế vĩ mô. Derek là một người dạn dày kinh nghiệm và quyết đoán, thực sự là một sự bổ sung mới mẻ cho đội ngũ của tôi. Tuy nhiên, ông ấy có các kỹ năng ngoại giao của Dirty Harry. Các cuộc họp với quan chức Bộ Tài chính thường trở thành các khu vực chiến sự nhưng tôi luôn thích có ông ấy ở bên.

Andrew, ngược lại, là một người vô cùng dễ mến, ngay cả những người cực đoan thù ghét Đảng Xã hội Dân chủ cũng khó có thể không thích ông.

David Blunkett, cũng như tôi, đang cân nhắc lại những chuẩn mực và cấu trúc và đương nhiên Andrew cũng vẫn thúc đẩy theo hướng đó. David cũng đã tập hợp được quanh mình một đội ngũ rất mạnh, như Micheal Barber và thư ký thường trực của bộ, Micheal Bichard, một trong số những người giỏi nhất. Vậy là chúng tôi cũng bắt đầu tư duy lại về con đường liên quan đến việc cải cách các trường học và đại học, cùng với những nguyên tắc tương tự như trong cải cách y tế.

Tội phạm lại là một vấn đề hoàn toàn khác. Đó là lĩnh vực mà các vấn đề đã và đang rất nhức nhối. Theo thời gian, nó khiến tôi kiểm tra lại thấu đáo bản chất, mục đích, cấu trúc, văn hóa, nhiều hơn thế, tập tục, niềm tin, v.v... của cả hệ thống. Nó đã và đang vận hành không đúng.

Theo một ghi chú dài hơi năm 2000 của tôi, đủ để nói rằng chúng tôi cần phải sâu sát, triệt để, đột phá hơn trong cách tiếp cận với toàn bộ hệ thống ổn định các dịch vụ công và an sinh xã hội thời hậu chiến, một cách đồng loạt.

Trong suốt nửa đầu của năm, chúng tôi làm việc chăm chỉ, nhất là về Dịch vụ Y tế Quốc gia. Vào tháng Ba, tôi phát biểu trước Nghị viện về việc hiện đại hóa Dịch vụ Y tế Quốc gia, mở đường cho kế hoạch tháng Bảy sau đó.

Đồng thời, cuộc đua thị trường từ từ tiếp diễn với kết quả như dự đoán. Có hai giai đoạn: Thứ nhất, cuộc đua cho đề cử trong nội bộ Đảng Lao động; thứ hai: Cuộc đua trực tiếp tới chiếc ghế quyền lực.

Ở giai đoạn đầu, chúng tôi dốc toàn lực để đảm bảo việc đề cử Frank Dobson được diễn ra suôn sẻ. Trong giai đoạn đó, chúng tôi có một bộ máy hoàn hảo và nó cũng hoạt động rất năng suất. Dự cảm về việc Ken dẫn đầu luôn rõ rệt đến khó tin. Tôi cũng không ngoại trừ chính mình. Khác với John và Gordon, tôi không linh cảm được điều gì về vấn đề này. Tôi khá ngưỡng mộ tác phong của Ken, tài mưu lược, điều đã làm ông ta nổi bật theo kiểu khác biệt, cũng như

khả năng giao tiếp của ông ta. Tôi cũng phóng đại những nguy hiểm trong các lập trường về chính sách của ông ấy, không cố ý, nhưng việc này vượt ra ngoài phạm vi của thói quen khi nói về quan điểm chính trị của một đối thủ. Không nên làm như vậy; trong chính trị luôn tiềm ẩn một nguy cơ, đó là khi bạn bất đồng với một ai đó, bạn sẽ phóng đại mỗi bất đồng. Hai mảng màu xám sẽ biến thành trắng và đen. Một chính sách sai lầm sẽ trở thành một thảm họa.

Với tư cách là một ứng viên của Đảng Lao động, Ken sẽ trở thành rắc rối vì một lý do rất đơn giản: Ông ta hoàn toàn bất đồng với liên minh Nhà nước/tư nhân mà John Prescott và Gordon đã ký cho Tube (Hệ thống tàu điện ngầm siêu tốc). Vì giao thông ở London quyết định phần lớn công việc, khó có thể yêu cầu một ứng viên Đảng Lao động bác bỏ chính sách giao thông của chính đảng mình.

Tôi ủng hộ chính sách này, nhưng lạ thay, lại cảm thấy thiếu chắc chắn về bản chất hiện đại hóa của nó. Tôi cũng cho rằng Bob Kiley, người mà Ken muốn đưa vào để vận hành Tube sau một nhiệm kỳ thắng lợi trong vai trò Bộ trưởng bộ Giao thông Vận tải ở New York, có điều gì đó để tán dương ông ta.

Nhưng John lại có sự xem thường của một đảng viên Đảng Lao động miền Bắc đối với Đảng Lao động London và không tin tưởng Ken hay một số kẻ New York mới phát. Còn Gordon thì ghét cay ghét đắng ông ta. Neil Kinnock cũng thể hiện quan điểm của mình như thể chỉ mỗi ông ta mới thể hiện thái độ quyết liệt được như thế. Trong bất cứ sự kiện nào, tôi cũng không ngăn cản Frank từ bỏ quyền đại diện, vì vậy Ken rõ ràng không phải là ứng cử viên cho vị trí lãnh đạo.

Cùng lúc đó, tôi cũng học được cách bỏ qua và nhận ra sự phù phiếm của việc áp đặt một hàng ngũ lãnh đạo trong những tình thế mà mục đích chung nhất là để phân quyền. Thực ra, đây là dư chấn từ những ngày vô tổ chức của Đảng Lao động. Người ta lo sợ bị thoát ly khỏi hàng ngũ đến nỗi tư tưởng nhìn xa trông rộng cũng dễ dàng trở nên lạc lõng. Vì vậy, tôi quyết định rằng, cuối cùng, một chiến thắng độc lập của Ken có thể là lựa chọn đỡ tồi tệ nhất, biết rằng Frank giữ vị trí thị trưởng là điều không thể khác được.

Nhưng chúng tôi vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu nội bộ. Frank đã thắng cử với đa số phiếu của hội đồng. Đây không phải một kết quả đáng mong đợi của Đảng Lao động mới. Tôi đã gặp Ken ở Chequers ngay trước khi công bố kết quả và đã yêu cầu lời hứa trung thành từ ông nếu ông thắng cử. Ông ta hứa, nhưng không nhiệt tình cho lắm và tôi cũng không lấy làm ngạc nhiên lúc ông ta tuyên bố sau khi biết kết quả rằng sẽ giữ vai trò trung lập. Tôi không trách gì ông ta. Thú vị là ở chỗ, một vài thành viên Đảng London từng ủng hộ tôi nhưng hơi nghiêng về cánh hữu, đã bảo tôi rằng họ sẽ bầu cho Ken dù có chuyện gì xảy ra đi chăng nữa; và rằng tôi quá khinh suất khi phản đối ông ta, bởi vì, nếu Ken không trụ được, thì đừng nghĩ rằng Frank có thể làm thị trưởng. Có thể họ đã đúng.

Vào phút cuối, ngay trước cuộc bầu cử chọn ứng cử viên được tiến hành trong nội bộ Đảng Lao động, tôi đã cố gắng lần cuối cùng hòng xoay chuyển tình thế.

Có vài lời đồn đại rằng Mo Mowlam có thể cân nhắc ghi tên vào danh sách. Đây là một thứ tự đề bạt hoàn toàn khác biệt. Mo có thể giúp Ken huy động tài chính. Tôi hỏi liệu cô ta có nghiêm túc không. Cô ta nói là có. Rồi tôi hiểu ra vấn đề. Tôi mời Frank và phu nhân của ông, Janet đến phố Downing và dung trà với họ tại nhà. Alastair có ở đó và Cherie đột nhiên xuất hiện. Tôi giải thích rằng việc Frank thắng cử có thể sẽ rất khó khăn và thăm dò xem liệu ông ta có bằng lòng rút lui hay không. Câu trả lời hết sức rõ ràng, ông ta sẽ không làm thế. Tôi không thể nói mình đã ngạc nhiên, ông ta cũng vậy và sau một vài lời biện hộ, tôi làm ông ta thất vọng vì cố tình xoáy sâu vào chủ đề này.

Cuối cùng, Mo cũng không thực sự sẵn sàng tập trung vào điều này. Quan hệ của tôi với cô ấy cũng không còn được như trước nữa.

Một trong những vấn đề của giới chính trị gia là khi bạn làm lãnh đạo, mà điều này tôi đoán là cũng đúng cả trong các tổ chức khác nữa, bạn sẽ phải đưa ra các quyết định rất khắc nghiệt về hệ thống nhân sự. Chỉ có một số lượng rất ít những vị trí top đầu và số ứng viên hoặc ứng viên phụ cao hơn rất nhiều so với số người trúng tuyển.

Cải tổ nhân sự đã đủ khó khăn nhưng việc sa thải nhân viên còn khủng khiếp hơn và sai lầm trong việc đề bạt nhân viên sao cho tương ứng với ước đoán của họ về bản thân cũng kinh khủng không kém. Giữa bạn và nhân viên luôn có một hố sâu khác biệt trong cách đánh giá về trình độ của họ.

Mo đã từng rất xuất sắc ở Bắc Ireland – đây đúng là điều hoàn cảnh yêu cầu – nhưng khi tôi xuất hiện vào cuối năm 1999 để cân nhắc một sự điều chỉnh ở đó (việc này thường xuyên bị báo chí đem ra công kích một cách vô vị và thậm chí còn được quy kết là một phần không thể thiếu của việc điều hành phổ Downing, việc này hoàn toàn sai thực tế – tôi không thể nào lại làm điều đó với Mo được), tôi đã có một cuộc thảo luận trực tiếp với cô ấy trên sân thượng của ngôi nhà Số 10.

Cô ấy không phản đối việc chuyển đi, mặc dù rất bất bình trước những việc được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, điều này cũng khá dễ hiểu. Nhưng rồi cô ấy làm tôi giật bắn khi nói rằng (và cô ta quả thật đã rất lỗ mắng): Tôi là nhân vật được ưa chuộng nhất trong Chính phủ; Robin Cook vừa không được lòng người lại vừa thoái hóa biến chất; Ngài nên cho tôi làm Bộ Trưởng Ngoại Giao. Tôi hoàn toàn bị động trước yêu sách này và e là tôi đã ngay lập tức cho thấy mình nghĩ đó là điều không tưởng.

Và có một vấn đề. Khi vực thăm mở ra giữa một bên là nhận thức của họ về năng lực của bản thân còn bên kia là nhận thức của bạn về năng lực của họ, thì mối quan hệ giữa hai bên không bao giờ còn có thể cứu vãn được nữa.

Mo đã từng là một người ủng hộ tôi từ rất sớm. Cô có một giác quan chính trị rất bén nhạy. Ở bên cô thật thoải mái. Cô ấy chống chọi với tật bệnh của mình bằng một phẩm giá tốt đẹp và là thành viên được lòng nhiều người nhất trong Chính phủ.

Dấu ấn độc đáo của một điều gì đó rất “Mo” là một cú sốc văn hóa lành mạnh ở Bắc Ireland. Tôi sẽ không thể quên giờ khắc trong các cuộc đàm phán hòa bình khi đứng trước vài người đàn ông Ireland khá chính thống, cô bước vào phòng tôi, tháo mớ tóc giả ra, ném nó lên bàn uống nước, gác chân lên bàn làm việc, ợ thật to rồi “phát biểu chủ trương”, “Chà, đây chẳng phải trò vui thú gì, đúng không?” và tiếp tục nói với họ những việc mà cô muốn lẽ ra phải làm ngay lúc đó, đứng đầu là một màn ái ân thật mãnh liệt. Chỉ trong vài giây, cô đã làm xáo trộn tất cả những quy tắc ứng xử cố định rất dễ nhận ra ở những vị ngoại trưởng tiền nhiệm của Anh. Nhưng tôi lấy làm nao núng khi phải nghĩ đến hậu quả mà thái độ này sẽ gây ra khi nó bị công kích trước sự mẫn cảm đến tinh tế của các ngoại trưởng và trong các cuộc họp thượng đỉnh quốc tế quan trọng. Tôi không chắc là Bộ Ngoại Giao – tòa nhà trang nghiêm, thắm đẫm tinh thần của Palmerston, Grey và Halifax và thậm chí Peter Carrington – có chuẩn bị tinh thần cho những điều rất “Mo” như thế không.

Ngẫu nhiên làm sao, cái ghế Bộ trưởng Ngoại giao cũng thật tuyệt vời – ai cũng muốn nó. Không chỉ đơn thuần vì Bộ trưởng Ngoại giao là một trong những “cơ quan lớn nhất trong các bộ”, mà còn vì bạn chủ yếu dành thời gian bên những người lịch sự, trong các sự kiện mang tính toàn cầu và du lịch vòng quanh thế giới thể hiện sự thiện chí với những người muốn đón nhận chúng. Những chàng trai có bàn tay chai sạn vì công việc cực nhọc suốt ngày cần nhả về giá xăng dầu, phàn nàn về sự thiếu thiện chí của Chính phủ trong việc từ chối đầu tư cho dịch vụ này kia, hay sự lặt vặt của những dự án làm đường, tất cả đều không dành cho bạn. Bạn còn xa để phải bận tâm đến những thứ phù du như thế. Thế giới là khán đài của bạn; diễn ngôn về những lợi ích chiến lược của bạn quá tinh vi và trang trọng để những tâm hồn bình thường có thể hiểu được; thái độ của bạn có thể được cân đối và đo đạc một cách hoàn toàn trái ngược

với hiện trạng đầy biến động và nguy cơ trong nước. Ngay cả trong Hạ viện – nơi gần nhất mà bạn có thể phải đặt chân tới mặt thô lậu của cuộc sống – bạn cũng vẫn có thể nói về những việc, những nơi và những cái tên khiến cho các thành viên bậc trung của Quốc hội phải gật gù tán thành vì chẳng hiểu gì.

Vậy nên người ta muốn ngồi vào vị trí nó. Một trong các lý do khiến tôi tôn trọng Jack Cunningham, một điển hình của những người trưởng thành nghiêm túc trong chính trường Đảng Lao động những năm 1980 và 1990, là vì ông ấy từng được John Smith lựa chọn. Tôi chuyển ông ấy đi để dọn đường cho Robin Cook, người này vốn không phải chiến hữu của Jack. Ông ta chấp nhận – dù có phản đối ông ta cũng không tỏ ra mặt – và tiếp tục công việc. Những người như thế thật hiếm.

Tuy nhiên, tất cả những cố gắng này đều chệch hướng. Cuộc bầu cử thị trưởng tất sẽ diễn ra lộn xộn và thực tế đã chứng minh điều đó. Ken danh chính ngôn thuận đứng ra như một người tự do, thắng đậm Frank và trở thành thị trưởng. Dù vậy, tôi đã rất thận trọng để không trở thành một OTT với việc tấn công Ken trong suốt chiến dịch tranh cử và luôn giữ cho việc giao tiếp được cởi mở. Sau cuộc đua, chúng tôi ổn định lại trong một mối quan hệ đúng mực với sự thoải mái đáng kể, đây là điều mà ông ấy xứng đáng được ghi nhận công lao.

Trong suốt những tháng này, bất chấp tình hình chính trị ở London, những trận động đất mới ở Bắc Ireland, vụ phi tặc người Afghanistan tấn công một máy bay ở Stansted trên đường tháo chạy khỏi Taliban, những vụ bạo động trong ngày Quốc tế Lao động cầm đầu bởi những kẻ vô Chính phủ đã làm xấu mặt nhà tưởng niệm Cenotaph và tất cả những người lang thang du đảng bình thường, tôi vẫn tiếp tục tra cứu địa nhiệt của cuộc cải cách dịch vụ công.

Tính phức tạp của các vụ việc có liên quan thực sự rất khó tháo gỡ và khôi phục. Lúc này, tôi vẫn đang ở giai đoạn dò đường, tổ chức vô số các cuộc họp với cố vấn, chuyên gia và những người trong ngành dịch vụ. Tôi cố tìm hiểu cách thức tạo hình, giới thiệu và quan trọng nhất là đưa cải cách vào thực tế với những hoàn cảnh và con người cụ thể.

Với tôi, tất cả những việc này thật hết sức căng thẳng và bức bối. Có những lúc tôi muốn vứt bỏ tất cả và dành cả ngày xuất hiện ở tuyến đầu, học hỏi cách thức quản lý dịch vụ, những áp lực thực sự của nó, những điều có thể thực hiện trong những điều kiện thông thường và các thay đổi khả dĩ của những điều kiện đó.

Cũng tại đây, tôi va phải điều khó khăn bậc nhất liên quan đến việc tạo ra thay đổi trong bất kỳ tổ chức nào. Tôi gọi việc đó là “quy ước”. Vì vậy trong NHS, một bác sĩ phẫu thuật thực hiện các ca mổ còn GP là một bác sĩ đa khoa thì không bao giờ được động vào con dao mổ. Ý tá không được kê các đơn thuốc phức tạp. Bệnh viện càng có nhiều giường thì dịch vụ càng tốt. Đến phòng khám tư thì phải trả tiền, còn đến phòng khám công thì không.

Hoặc là ở trường học, bạn có một giáo trình chuẩn của quốc gia. Hay trong ngành Dịch vụ Dân sự, bạn có định hướng nghề nghiệp ổn định. Hay ở tòa án, quá trình xử án phải diễn ra trong tôn nghiêm.

Thách thức với những “quy ước” mà trong đó hệ thống vận hành là một việc hết sức khó khăn. Chúng luôn tồn tại có mục đích và ít nhất về mặt lịch sử, thường là vì mục đích tốt. Thay đổi chúng có thể còn khó khăn hơn. Toàn bộ mạng lưới các tập quán, thói quen và sở thích đã được tạo ra xung quanh chúng; nhưng buộc phải được thay đổi để tổ chức có thể tiến bộ hơn.

Vậy nên chúng tôi bắt đầu xem xét lại những nguyên tắc cơ bản mà dựa trên đó các dịch vụ này được vận hành. Chúng tôi cố gắng đo đạc chúng không dựa theo các “quy ước” mà dựa trên thực tế, những khả năng và cơ hội được tạo ra từ các thay đổi, những điều kiện mà chúng tôi mong muốn nếu có thể trút bỏ tất cả gánh nặng chính trị và chỉ thực hành tư duy tự do.

Tôi từng mời các chuyên gia đến và nói, nếu ông hoàn toàn tự do và có thể làm bất cứ điều gì

mình muốn, theo cách mình muốn, ông sẽ làm gì? Bức tranh mà tôi bắt đầu dựng nên tuân theo bản năng của chính tôi, nhưng rõ ràng các dịch vụ thì yêu cầu những thay đổi cấp tiến hơn.

Vậy nên điều này dẫn đến dự án NHS 10 năm. Tôi đã không nghĩ là mình có thể kéo dài được 10 năm và Alan cũng vậy, nhưng chúng tôi đều nhận thức rõ nhu cầu thiết lập một khung chương trình nhằm xây dựng một nền tảng có thể đưa NHS vào quỹ đạo mới. Tốc độ có thể nhanh hơn hoặc chậm hơn, nhưng định hướng thì không thay đổi, ít nhất là nếu chúng tôi có cơ hội cho thấy những gì cải cách có thể mang lại.

Nhưng chúng tôi vẫn phải tiếp tục với sự thận trọng tối đa. Xảy ra sự đối lập giữa các phe trong đảng – John Prescott thường có thái độ thù địch; Bộ Tài Chính thì đa nghi mặc dù ở thời điểm đó đã gây rất nhiều cản trở; công đoàn thì cảnh giác và nghi hoặc (một cách đúng đắn); và các khu vực trong ngành dịch vụ, về cơ bản, bị lấn át bởi những người ủng hộ truyền thống.

Còn có một thách thức nữa. Người ta có thể thừa nhận rằng có những khu vực thất bại rõ ràng và hiển nhiên trong các ngành dịch vụ công. Công bằng mà nói, việc thuyết phục mọi người rằng chúng ta cần thay đổi cách thức xử lý áp lực mùa đông về Dịch vụ Y tế Quốc gia là không khó. Cũng không khó để thuyết phục mọi người đề ra biện pháp với những trường học đang thụt lùi, ý tôi là những trường có thành tích thấp trên mọi phương diện và mục đích – 10%, 15%, 20% học sinh có 5 điểm tốt nghiệp trung học cơ sở đạt – nhưng còn cách xa những gì tôi mong đợi.

Tôi xem xét các dịch vụ công từ một góc nhìn trung lưu và bạn sẽ không thể hiểu được tôi đã cố gắng cải tạo chúng như thế nào. Tôi cho các con của chính mình đi học trường công lập; đó đều là những trường công lập tốt – nhưng tôi muốn chúng phải tốt hơn nữa. Và ít nhất là tại thời điểm đó, những trường này khá hiếm. Tôi không chỉ quan tâm đến những trường đưa được 10%, 15% hay 20% số học sinh lên lớp đúng trình độ, mà còn cả những trường chỉ đưa được 50 hay 60%.

Mục tiêu cuối cùng không chỉ là giảm thiểu thời gian chờ đợi cho bệnh nhân nội trú, từ 18 tháng xuống 6 tháng; tôi nghĩ khoảng thời gian 6 tháng là hoàn toàn không thể chấp nhận được. Tôi biết rằng mình sẽ không thể chịu được nếu người thân của chính tôi phải chờ đợi lâu như thế. Vậy thì sao những người khác lại phải chờ chứ? Và tại sao việc sửa đổi hệ thống để mang lại những điều tốt đẹp hơn lại chỉ có thể là một giấc mơ không tưởng?

Trong bất kể trường hợp nào, mặc dù có những người sẵn sàng chấp nhận cuộc sống thấp hơn mức họ xứng đáng được hưởng, thì một bộ phận lớn của Đảng Lao động mới cho rằng họ bỏ phiếu cho chúng tôi là vì họ có chung tâm lý của giai cấp trung lưu. Theo cách đó, không có nghĩa là những người thuộc “giai cấp lao động” thì đòi hỏi ít hơn; nhưng tôi nhận ra rằng cụm từ dùng trong ngoặc kép này có một ý nghĩa nào đó. Giai cấp lao động khao khát đổi đời sẽ thiết tha mong muốn trở thành giai cấp trung lưu.

Tất cả chuyện này lại quay về một điểm xuất phát. Hầu hết mọi người đều có tham vọng cho chính mình và gia đình, họ không cảm thấy tội lỗi về điều này. Họ cũng không nên cảm thấy tội lỗi. Họ chỉ không nên bức dọc khi người khác có những tham vọng hay đạt được những thành tích tương tự và nên cảm thấy bốn phần giúp đỡ những người kém may mắn và thành công hơn mình.

Tuy nhiên, vấn đề là cho dù phần lớn nội bộ đảng chấp nhận cải cách cấp tiến khi xảy ra thất bại, thì hầu hết lại đều không chấp nhận chủ nghĩa cấp tiến đó trong trường hợp bị động. Vậy nên, chúng tôi đã khơi mào cho một cuộc chiến nhằm thay đổi cấu trúc, biến đổi những “quy ước”; thay đổi thái độ, đề cao sự ưu tú không phải đối lấy công lý mà là mục đích chính đáng cho quyền lợi của chính nó.

Cũng có thể chúng tôi vẫn đang trong quá trình giáo dục thông qua thử nghiệm dựa trên kinh

nghiệm. Dự án Dịch vụ Y tế Quốc gia NHS vẫn còn mang những dấu vết của sự non yếu về mặt chính trị và trí năng. Nhưng đó cũng là một bước thoát ly triệt để khỏi vị trí của chúng ta trước kia.

Trước đó, tôi phải đề cập đến chương trình nghị sự về an ninh trật tự. Chúng tôi đã bắt đầu ban hành pháp chế đầu tiên về hành vi vô văn hóa từ khoảng vài năm trước. Theo như tôi thấy, càng lúc nó càng ăn khớp với toàn bộ chương trình nghị sự xung quanh hệ thống luật hình sự lỗi thời và nhiều nhược điểm. Mục tiêu là bước đầu coi luật hình sự như một dịch vụ công. Tôi biết điều này nghe thật kỳ cục, nhưng đây là vấn đề: Bởi vì nó liên quan đến những câu hỏi sâu sắc và đầy tôn kính về tự do nhân loại, trọng tâm trong hệ thống luật hình sự đã và vẫn đang là mối quan hệ qua lại giữa tố tụng và bào chữa. Trong cuộc điều tra mang tính đối kháng tiếp theo, hệ thống bị chi phối bởi quyền ưu tiên thực thi công lý so với quá trình tìm ra ai là người có tội hoặc vô tội.

Tất nhiên, điều đó là và nên luôn là trọng tâm, nhưng khi tập trung cứng nhắc như thế vào lĩnh vực này, trong thế giới thực, toàn bộ các khu vực chính thống trở thành cận biên. Nhân chứng, nạn nhân, tất cả mọi người ngoài bản thân tòa án, phải khớp nhau xung quanh sự tương tác giữa bên nguyên và bên bị. Các vụ án bị hủy bỏ. Bị cáo không xuất hiện. Lệnh bắt không được ban hành. Cảnh sát không có thời gian để giải quyết những vụ vi phạm nhỏ. Sau mỗi điều này là một người, một nạn nhân không được phát hiện – cho tới khi họ xuất hiện ở tòa án, đó cũng là khi họ phải trải qua một quá trình gian khổ kéo dài, quá trình làm tăng thêm sự xúc phạm cho vết thương vốn đã trầm trọng của họ.

Và tất cả những điều này xảy ra trong bối cảnh tội phạm xuất hiện phổ biến hơn rất nhiều so với khoảng giữa thế kỷ XX. Người ta có thể nói đi nói lại về lý do dẫn đến thực trạng này, nhưng nó quy về việc hệ thống không khớp với thực tại cuộc sống hiện đại. Nó là một con ngựa lạc long giữa thời đại ô tô lên ngôi. Nó là một điều tuyệt vời nhưng lại không mang bạn đi đủ xa và đủ nhanh.

Tôi đã bận tâm rất nhiều đến hành vi phản xã hội và cá nhân tôi tuyệt đối không khoan nhượng với nó. Tôi còn nhớ khi chúng tôi vẫn sống trong ngôi nhà ở đường Stavordale, gần ga điện ngầm Arsenal ở Islington và có một hôm tôi phải ra ngoài ăn tối. Tôi đi bộ xuống ga, khi tôi đi ngang cuối đường nhà mình, một anh chàng đang tiểu vào bờ tường. Tôi dừng lại. “Ông nhìn cái gì thế?” anh ta nói. Tôi trả lời, “Anh, anh không nên làm thế.” Anh ta rút từ trong áo khoác ra một con dao lớn. Tôi đi tiếp.

Tôi ghét điều này. Tôi ghét sự thực là anh ta đã làm việc đó. Thậm chí tôi còn ghét cay ghét đắng sự thực là tôi đã không thể ngăn anh ta lại. Tôi ghét sự lựa chọn mà ở địa vị của mình tôi phải đưa ra: Ngăn anh ta lại và đánh liều mạng sống của mình chỉ vì ai đó đi tiểu trên phố – khó có thể coi là tử vì đạo – hay là cứ đi tiếp.

Ngày qua ngày, xuyên suốt các thành phố, thị trấn, ngoại ô, làng mạc và thôn xóm của chúng ta, những tình tiết như vậy vẫn diễn ra. Điều này ở các thành phố ở châu Âu và ở Mỹ có khi còn tệ hơn. Một cách hoàn toàn chính đáng, người ta cảm tức hành vi này một cách mãnh liệt. Nó xúc phạm đến những cảm giác được nuôi dưỡng tốt nhất trong họ.

Tôi cảm thấy chúng tôi đã thực sự sai trái với tư cách một tổng thể xã hội và phải sửa chữa điều đó. Đây không phải là một chút hoài cổ, mà là một thách thức cổ điển của thế giới hiện đại và hệ thống của chúng ta buộc phải được hiện đại hóa để giải quyết nó. Tôi đã viết một vài đoạn cá nhân, riêng tư về cải cách trong hệ thống luật hình sự. Jack Straw đã hiểu nó. Tôi e là Derry thì không. Anh ta vừa vờ như đã hiểu để trêu tôi, vừa dùng quan điểm hạ mình cho rằng đó chỉ là trò rêu rao dân túy rùm beng để lèo thiên hạ, giống như hầu hết các luật sư, thẩm phán và đủ các thể loại tai to mặt lớn khác đã làm.

Chúng tôi cũng có thêm một vấn đề nữa, nảy sinh từ thực tế chúng tôi là chính quyền của Đảng Lao động. Tờ Mail hóa ra khá hiếm độc. Tệ hơn cả, đối với những người như biên tập viên Paul

Dacre của tờ này, một tín đồ của Đảng Bảo thủ, bí quyết của đảng đối lập có nghĩa là kể cả nếu họ đồng ý với những gì được nói ra, họ cũng không đồng tình với người phát ngôn ra nó.

Toàn bộ phe cánh tả lâm vào một luận điệu về quyền tự do công dân hoàn toàn nhầm nhứ, đồng thời cũng phàn nàn về việc chúng tôi phải mạnh tay hơn với tội phạm. Tôi không bảo rằng toàn bộ bài luận về quyền tự do công dân là vô nghĩa lý, tôi không tán thành nó nhưng vẫn tôn trọng nó. Tôi chỉ nói đến kiểu trật tự trị an cánh tả, những người đột nhiên phát hiện ra rằng duy trì tự do cho nghi phạm chính là tất cả những điều họ đã thực sự làm.

Phải đến khi hai đảng này kết hợp với nhau, vấn đề Iraq mới được chú ý nhiều đến vậy. Sự kết hợp nực cười đó giống như khi tờ nhật báo Mail và Guardian bắt tay nhau dựa trên điểm chung duy nhất là họ ghét tôi. Tuy nhiên nếu muốn, họ vẫn tìm được những điểm bất ổn trong các cải cách. Và họ đã tìm được. Vì vậy, qua thời gian, liên minh ủng hộ mà Đảng Lao động mới đã xây dựng trở nên suy yếu bởi một liên minh phe đối lập được tạo ra từ một mặt là sức thuyết phục, mặt khác là động cơ cá nhân. Nhưng sự tồn tại của liên minh cũ cho thấy việc cất tiếng nói riêng là cả một thách thức đối với liên minh mới.

Khi chuẩn bị biện luận cho cải cách luật hình sự, tôi đã làm được một điều chỉ có thể miêu tả như một thành công phức hợp.

Đầu tiên, tôi quyết định giải trình trên phương diện triết học về bản chất của xã hội, nó đã thay đổi như thế nào, chúng ta có thể làm gì để khôi phục những chân giá trị đã mất nếu sẵn sàng tư duy lại từ đầu. Không may thay, tôi quyết định tham khảo bài luận xã hội học về những mệnh phụ đáng kính trong buổi họp mặt ba năm của Viện Phụ nữ ở Wembley.

Đúng như những gì tôi đã nghĩ khi khởi động cuộc đầu cơ vớ vẩn và xấu số này. Tôi chỉ có thể nghĩ là sự ra đời của Leo có gì đó liên quan tới điều này.

Một lý do tại sao tôi hơi bị phân tâm trong bài phát biểu về “các thế lực bảo thủ” và không kiểm định và tái kiểm định nó theo phong cách bình thường vốn có của mình, là bởi vì Cherie đã làm tôi choáng váng khi thông báo cô ấy mang thai.

Lời tuyên bố vài tuần sau đó đã được chào đón với một chuỗi a) kinh ngạc – “Ý anh là Thủ tướng đã quan hệ với vợ ông ta?”; b) sự chỉ trích – “Alastair Campbell đã yêu cầu việc đó như một phần của một chiến thuật nghi binh”; và từ phía các con tôi, c) sự ghê tởm thoáng qua.

Chính buổi sinh nở cũng diễn ra thật kỳ quặc. Tôi đứng đó trong hành lang cùng các thám tử của mình, nghe và đợi trong lúc Cherie la hét và rên la, rồi tôi đi theo và ở lại với cô ấy lúc thằng bé chào đời. Các nữ hộ sinh thật tuyệt vời – rất nhạy bén, thực tế và không vô vị. Cherie thật phi thường. Có những lúc tôi kính sợ khi ở bên cô ấy. Cô vẫn tiếp tục làm việc cho tới gần giờ sinh, sinh đúng giờ dự sinh và được trả về vào đêm hôm đó khi ở tuổi 45. Khá là ấn tượng đấy chứ.

Đây là một sự kiện toàn cầu. Ngày hôm sau khi tôi lang thang ra khỏi phố Downing để nói vài câu như một người cha đầy tự hào, tôi đã mắc một sai lầm vì cầm một tách trà có in hình của ba đứa trẻ khác, điều này được xem là rất giả tạo và tôi đoán đúng là như thế. Nhưng lần đầu tiên và duy nhất tôi thực sự cảm thấy tự hào.

Rồi tôi quay trở vào để chụp một bức ảnh chính thức của Leo, vì chúng tôi đã quyết định sẽ chụp ảnh rồi bán chúng để gửi tiền thu được cho các quỹ từ thiện. Chúng tôi đã nhờ Mary, con gái của Paul McCartney, làm việc này. Cô ấy rất cừ và các bức ảnh đúng là số dzách. Đây là một điều kỳ diệu nho nhỏ vì các con tôi – lúc ấy đã là thiếu niên cả – đều cố tình cư xử giật gân để gây chú ý một cách tệ hại trong lúc chụp ảnh và tôi chắc là Mary đã nghĩ đáng lẽ chúng phải bị phát một vài Lệnh cấm thực hiện hành vi vô văn hóa (ASBO).

Sau đó, tôi đã phải làm những việc thích hợp của một người cha hiện đại và nghỉ phép vì có con

mới sinh. Đây là một niềm hạnh phúc. Chẳng phải vì tôi yêu thích việc trông nom Leo (tôi e rằng trông nom trẻ sơ sinh ở các giai đoạn sơ sinh và các giai đoạn khác chưa bao giờ là ý niệm của tôi về sự vui vẻ, dù tôi vẫn luôn làm những việc đó). Nhưng tôi có hai tuần để thư giãn, nhớ nhung các câu chất vấn của các vị bộ trưởng và suy nghĩ về bài phát biểu của tôi trước Viện Phụ nữ, tôi nghe nói họ là một nhóm người rất thú vị và thân thiện và tôi đã quyết định sẽ tránh “nhả ngọc phun châu” khi đứng trước họ.

Vậy nên vào buổi sáng ngày 7 tháng Sáu, ngay trước phiên trả lời chất vấn của các bộ trưởng (lúc đó tôi đã nghĩ gì cơ chứ?), tôi tất tưởi đi đến Wembley. Tôi nhớ mình đã đọc diễn văn trong một phòng chờ và có một dự cảm mơ hồ rằng nếu đây là một bài thuyết giảng trước một đám giáo sư thì sẽ hợp lý hơn. Sau đó, điều khó chịu nhất là tôi đã chuẩn bị một bài diễn văn rất hay – rất sâu sắc, lập luận chặt chẽ và dẫu có không như vậy, cũng xứng đáng được bình luận hay phê phán.

Tôi sẽ trình bày lý do để lý giải sự thiếu vắng những lối hành xử lịch thiệp từ cả một nhóm người không phải là một việc nhỏ nhặt mà là một việc đánh dấu sự xuống dốc trong cách cư xử đúng mực mà tự nó thể hiện trong những hình thức nghiêm trọng hơn rất nhiều. Tôi đã nói về những vị phụ huynh bên vực con mình thay vì những người thầy đã giúp chúng vào nề nếp; về sự xem nhẹ những phép lịch sự tối thiểu và về nền văn hóa mà điều này đã góp phần tạo ra. Tôi đã giải thích việc chúng tôi phải cố gắng thay đổi điều này thế nào, không phải bằng cách giả vờ như có thể vận ngược dòng hồ, mà bằng việc nhận thức rằng thế giới đã thay đổi và yêu cầu một hệ thống khác để các hành vi lịch thiệp vẫn được thực thi hành cho dù có thiếu vắng áp lực của truyền thống và gia đình.

Tôi đã nghĩ rằng Viện Phụ nữ có thể nhận ra tất cả những điều này và lạ thay, nếu họ xuất hiện ít hơn và trong tư thế chuẩn bị hơn, họ có thể đã nhận ra.

Thay vào đó, trong khi tôi đi về phía phòng chờ và nhìn vào 10 nghìn người đang ngồi trước mặt và bắt đầu bài diễn thuyết của mình, tôi đã có một cảm giác khó chịu. Tôi là một người vô cùng nhạy cảm với khán giả – bạn phải ở trong địa vị của tôi mới biết – và theo một cách nào đó tôi biết điều này cũng chẳng gây được sự chú ý của ai.

Được khoảng 10 phút, tôi chuẩn bị đào sâu vấn đề và trở nên càng lúc càng khó chịu, một tràng hò hét và vỗ tay chậm đột nhiên rộ lên. Khán giả đang phản ứng. Nói thật ra, bạn chả làm được gì trong một tình huống như vậy. Không ít thì nhiều, bạn bị đóng băng.

Tôi nhìn về phía ban lãnh đạo của Viện Phụ nữ trong phòng chờ. Họ không có vẻ gì là khích lệ. Cuối cùng họ cũng can thiệp theo cái kiểu: “Chúng tôi rất tiếc là các bạn đang phải nghe thứ này, nhưng xin các bạn vui lòng – và xin lỗi vì đã gây phiền phức – nhưng hãy để ông ta ề à lâu thêm một chút nữa”.

Điều này đã làm đám đông phần nào yên lặng trở lại, nhưng chỉ sau một chút cầu nhàu và quát tháo và rõ ràng là tôi bất đắc dĩ chấp nhận rằng điều đó có thể sẽ bị khơi lại. Thực tế là phòng chờ đang thể hiện một kiểu lãnh đạo của Ủy ban Giải phóng Dân tộc Pháp và sự xuất hiện của quý bà Defarge³⁷ cũng không giúp được gì. Tôi quyết tâm phớt lờ các mất mát của mình, đưa ra một vài lời ứng khẩu lật vạt và cố sống chết thoát khỏi chỗ đó. Tôi đã làm điều này một cách chính đáng. Của đáng tội, ban lãnh đạo cũng bình tâm đôi chút để cảm ơn tôi đã có mặt và nịnh nọt thêm một cách chiếu lệ. Tôi uể oải mỉm cười và tỏ ra chấp nhận tất cả một cách hài hước, bất chấp những ý nghĩ không mấy tử tế về tất cả bọn họ.

Khi vào phía sau xe để tới Nghị viện và phiên chất vấn của các bộ trưởng, tôi lắc đầu. “Thật là một thảm họa”, tôi nói với Anji.

Điều tuyệt vời về Anji chính là niềm lạc quan không thể phá hủy và thỉnh thoảng rất phi thường của cô ấy. Cô ấy ngẩng lên trong khi người khác cúi xuống. Cô ấy nhìn thấy sau cơn mưa trời lại sáng. Cô ấy là một nguồn sống tích cực, dập tắt tất cả những gì tiêu cực, hong

phơi đời sống của mình với hàng chùm tia sáng, niềm vui và hy vọng giữa bóng tối bủa vây.

Cô ấy đã không ngã lòng trong chuyện này. “Ngoại trừ sự ngắt lời, tôi thấy nó diễn ra khá tốt”, cô ấy nói.

“Cứ cho là có thể vậy đi, bạn thân mến,” tôi trả lời.

Tối muộn hôm đó, lúc đang nhâm nhi vài chén, sau một ngày đầy rẫy tập san về sự bê mặt và niềm vui sướng chứa chan cho phe đối thủ và dưới tác động của Cherie, tôi đã cười rúc rích về mọi chuyện. Suy cho cùng, cô ấy nói, đó cũng là một bài diễn văn về sự xuống dốc của lối hành xử lịch thiệp.

Việc thứ hai xảy ra xung quanh quyết định đề xuất cải cách luật hình sự cũng không ổn thỏa hơn mấy, cho dù hậu quả của nó lại có tác động sâu rộng và đáng hài lòng tuyệt đối.

Như một phần trong các cuộc thảo luận với nhân viên cảnh sát có thâm niên về tội phạm và tình trạng vô kỷ luật, tôi đã tranh luận với họ về cách thức đi tắt qua những quy trình bình thường và dài dòng để xác minh vi phạm khi xét đến khía cạnh của các hành vi phạm tội hình sự nhỏ hơn.

Vấn đề nằm ở đây. Khi tôi bàn bạc với những cảnh sát tuần tra, đây là việc tôi làm khá thường xuyên, có một chuyện cứ lặp đi lặp lại. Tôi đã từng hỏi: Khi tìm ra ai đó đang say và hành xử vô lối, hay gây sự hoặc tấn công một người khác nhưng sự tấn công đó không đủ nghiêm trọng để dẫn đến bản án nghiêm trọng, anh sẽ làm gì? Và tôi thường xuyên nhận được câu trả lời rằng: Chẳng làm gì cả. Không bỏ.

“Để tôi nói cho ngài biết điều gì diễn ra trong đời thực,” tôi nhớ một viên cảnh sát ở Kent đã nói với mình và kể lại rằng chỉ với một cáo buộc rất nhỏ, cũng có hàng chồng giấy tờ, một loạt các phiên điều trần và nhóm họp và hội ý với ủy viên công tố và nhân chứng và điều khó chịu nhất là những kẻ phạm tội đều đã quá rõ hệ thống, cũng biết rằng họ có thể nhờn nhơ. Vì vậy họ xử sự theo kiểu mình sẽ được miễn hình phạt.

Điều này, cùng với những cuộc nói chuyện tương tự, khiến tôi tin rằng, dù lý thuyết có thể nào đi nữa thì khi tiến hành, việc yêu cầu bắt buộc triển khai một phiên tòa hoàn chỉnh đối với các tội phạm nhỏ đồng nghĩa với việc bọn chúng không bị khởi tố. Tôi đã trở thành một môn đồ tuyệt đối của phép phân tích không khoan nhượng – nếu bạn để người khác thoát tội với những vi phạm nhỏ, điều đó sẽ kéo theo những tội phạm nghiêm trọng hơn. Bạn tạo ra một nền văn hóa “không sao đâu”, của sự bất kính, của việc khoan nhượng những điều không thể khoan nhượng. Và mặc dù tất cả những vi phạm này có thể được coi là nhỏ, tính từ “nhỏ” là rất tương đối. Tôi đã không ấu đả với anh chàng tiểu tiện ngoài đường mà tôi đã từng gặp, nhưng không bao giờ quên được hình ảnh đó.

Vậy nếu trong thực tế, mặc kệ sách vở có nói gì, những vi phạm nhỏ không bị trừng phạt, thì toàn bộ hệ thống phải chịu tai tiếng. Đây là một điểm tranh luận mà lẽ ra tôi đã phải đưa ra nhiều lần sau rất nhiều năm. Tôi đã không thắng tranh luận về nó, chắc chắn không theo kiểu người ta thắng khi tranh luận về lựa chọn về y tế, hay các trường tư thục trong giáo dục, hay học phí cho các trường đại học. Nhưng lúc này hay lúc khác, một Chính phủ sẽ phải học lại bài học này – đao to búa lớn về việc duy trì kỷ luật trật tự trong khi chấp nhận những “quy ước” trong hệ thống pháp lý đang tồn tại giống như thể cưới con Kéo Dây của Tiến sỹ Dolittle và tự hỏi tại sao mình không đi được đến đâu cả.

Sau một vài tranh luận, chúng tôi dần xếp được ý tưởng trao quyền cho cảnh sát để thi hành việc phạt vi cảnh tại hiện trường, được biết đến như các “phiếu phạt cảnh cáo cố định”. Chúng tôi đã có một cuộc chiến nảy lửa về nó tại Ủy Ban Nội các. Ngay cả bộ Nội Vụ cũng muốn cân nhắc lại vấn đề. Cảnh sát đã ủng hộ quy định này và tôi chắc chắn rằng nó sẽ cung cấp cho họ một công cụ hỗ trợ hữu hiệu trong việc thực thi pháp luật. Đến nay, hàng trăm nghìn phiếu

phát đã được phát ra và chúng được chấp nhận như một phần của hệ thống, cho dù theo tôi thì chúng còn có thể được sử dụng rộng rãi hơn nữa và số tiền phạt lẽ ra phải tăng cao hơn nhiều. Nhưng dù sao chúng cũng đang tồn tại và còn có thể phát triển dần dần.

Tôi đã quyết định công bố điều này tại một nơi còn kỳ quặc và không phù hợp cho vấn đề này hơn cả trên giao diện mạng.

Người đồng môn của tôi, Peter Thomson đã không ngớt tán tụng, một cách đúng đắn, Hans Kung vô giá, một linh mục Công Giáo sau trở thành giáo sư Đại học Tübingen, Đức. Hans là một học giả xuất chúng và một tác giả đã bị thất thế trước Giáo Hội Vatican khi trình bày những quan điểm của mình về sự toàn năng của Giáo Hoàng và đã được xem là một người cấp tiến. Ông cũng đã từng viết các cuốn sách như *On being a Christian* (tạm dịch: Trở thành người theo Đạo Tin Lành), những tác phẩm xuất sắc, hướng tới những người không thuộc Công Giáo. Ông cũng đi trước thời đại của mình trong lĩnh vực đa tín ngưỡng. Tôi đã bất đồng với ông trong vấn đề Iraq, cũng như với những người khác, nhưng ông vẫn luôn rất lịch thiệp và hào phóng.

Được Pete thúc giục, Hans đã mời tôi tới diễn thuyết ở Tübingen. Đây là một thành phố cổ kính xinh đẹp, một trong số ít những nơi trốn được cuộc oanh tạc của Liên Bang. John Burton đã có lần biểu diễn ở đó cùng với ban nhạc dân ca của mình. Không có bảng hiệu nào, nhưng tôi hình dung rằng có một số di tích còn sót lại trong các quán rượu bản xứ.

Bài nói chuyện lại về bản chất của một xã hội đang biến chuyển, cùng những luật lệ và quy tắc của nó. Với mục đích về tiêu dùng nội địa ở Anh, chúng tôi có một đoạn trong bài thuyết trình về những kẻ thô lỗ và các hình phạt tại hiện trường. Nếu không làm thế, như Alastair chỉ ra, trong mắt cử tri Anh chúng tôi đã gia nhập EU một cách vô vị.

Một cách ngốc nghếch, tôi đã để anh ta viết một đoạn về những hình phạt đó. Đây là một tuyệt tác trong nghệ thuật viết tin vắn của Alastair. Ngoài ra, đối với thể loại này, nó đã đi quá xa, gợi ý rằng chúng ta nên điều hành đưa người vi phạm tới cột rút tiền gần nhất và long trọng theo dõi khi họ bị buộc phải rút tiền ra nộp phạt – một phiếu phạt tại hiện trường, ngay-tại-hiện-trường thứ thiệt, theo nghĩa đen chứ không phải trên thực tế.

“Ông có thể thấy cách điều này xuất hiện trên các bản tin”, anh ta nói một cách tự tin trong lúc chúng tôi sửa soạn ngồi trên một chiếc máy bay RAF đưa chúng tôi trở về. “Sẽ rùm beng đấy”. Và trong lời tiên đoán đó, dù khá hạn chế, không còn nghi ngờ gì nữa, anh ta đã đúng.

Không may thay, đây là ví dụ điển hình cho một luận điểm lớn bị làm khuất lấp bởi một sai sót nhỏ. Các hình phạt tại hiện trường đã được thi hành, nhưng không ít thì nhiều đã bị bỏ quên trong nỗi xấu hổ của chúng tôi vì đã không thể biện hộ khi nhắc tới “công lý cột rút tiền”.

Về sau, nó cũng không ảnh hưởng quá nhiều. Hạt giống cho một sự phát triển lớn mạnh hơn nhiều – một khung sườn cho việc lập pháp về hành vi vô văn hóa – đã được gieo.

Hình thức xuất hiện của cải cách này trước công luận mà tôi mong muốn đã không tiến triển tốt như mong đợi. Khía cạnh triết học của nó đã bị WI đồn ngã; khía cạnh chính sách thì mắc kẹt trong các học thuyết cổ đại của Tübingen. Bây giờ đến lượt khía cạnh cá nhân của nó.

Một Thủ tướng có con tuổi vị thành niên luôn là một điều nguy hiểm vô thức. Ai cũng biết là có một tai nạn luôn trực sẵn. Tôi thật may mắn vì đã có những đứa con tuyệt vời nhất, nhìn chung khá am hiểu và chỉ nổi loạn ngấm ngầm. Khi nhớ lại mình đã như thế nào lúc bằng tuổi chúng, tôi rùng cả mình khi nghĩ tới mình trong địa vị một đứa trẻ bị chuyển tới phố Downing.

Tôi nhớ lại, trong màn sương mù của thời gian, rằng cha tôi đã từng đón tôi lúc xuống tàu ở nhà ga Durham khi tôi về thăm nhà sau năm đầu học ở Oxford. Mái tóc chưa được gội của tôi dài ngang ngực với tóc của Rapunzel và tôi lại còn đầu trần chân đất. Quần bò của tôi rách tả tơi – vào cái thời trước khi điều này trở thành hợp mốt. Tệ hơn cả, tôi mặc một cái áo khoác

không tay dài làm từ những tấm màn gió mà mẹ tôi đã vứt đi. Tất cả bạn bè của cha tôi đã có mặt ở sân ga và con của họ như những tuyệt phẩm đáng kính trọng khi đứng cạnh tôi.

Cha tôi nhìn những cái màn gió và có thể thấy rõ ông đã nhăn mặt. Những cái màn gió này khá nổi bật. Lúc đó, tôi rất thương ông ấy.

“Cha à”, tôi nói, “có tin tốt mà. Con không chơi thuốc.”

Ông nhìn vào mắt tôi và nói: “Con trai, tin xấu là nếu trông con như thế này mà con lại không chơi thuốc, thì chúng ta đã gặp một rắc rối thực sự.”

Theo như trẻ con mà nói, các con của tôi thật tuyệt. Nhưng vấn đề là ở đó – chỉ theo tiêu chuẩn của trẻ con thôi.

Euan tròn 16 tuổi và vừa mới dự kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở xong. Thực thà mà nói, chẳng có lý do nào để ăn mừng cả, nhưng nó và thằng bạn James, một cậu thanh niên đáng yêu, người vừa trở thành ứng cử viên Đảng Lao động trong cuộc bỏ phiếu năm 2010, đã quyết định dù sao cũng phải ra ngoài ăn mừng.

Khoảng 11 giờ 30 phút đêm ngày 6 tháng Bảy, tôi uể oải đi về phía giường ngủ thì nghĩ ra rằng nên ghé qua xem Euan thế nào, tôi cho rằng giờ ấy thì nó phải về phòng rồi. Nhưng giả thuyết này đã sai. Nó không ở trong phòng, cũng không ở trong nhà.

Cherie đang vắng nhà, cô ấy tới nhà mẹ vợ tôi cùng với Leo cho một kỳ nghỉ ngắn ở Bồ Đào Nha.

Euan đang ở chỗ quái quỷ nào nhỉ? Tôi chỉ biết rằng nó đã ra ngoài với James. Tôi điện cho mẹ của James và có được số của James. Tôi gọi cho nó. Cậu ta nói năng chả ra đầu đũa gì, nhưng đại ý là lần cuối cùng cậu ta thấy Euan lúc nó đang lang thang theo hướng Quảng trường Leicester.

Tôi hoảng sợ. Đây là nơi ẩn chứa một vài thách thức bất thường đối với một Thủ tướng. Tôi muốn đi tìm nó. Bạn cũng vậy. Bạn muốn lao ra ngoài ngay tắp lự khi con bạn không xuất hiện ở nhà sau giờ giới nghiêm. Nhưng tôi khó có thể tản bộ đến Quảng trường Leicester và lượn lờ ở đó vào nửa đêm. Tôi nói chuyện với một nhân viên cảnh sát ở cửa trên phố Downing, giải thích cho anh ta chuyện gì đã xảy ra và phó mặc chính mình cho anh ta định đoạt. Như một lính kỵ binh thứ thiệt, anh ta tuyên bố là sẽ đi và tìm kiếm Euan.

Vài giờ tiếp theo trôi qua trong tuyệt vọng. Trong lúc lo lắng, tôi quên mất là mình có một chương trình rất quan trọng vào hôm sau. Tôi sẽ phải xuống Brighton, trước là để thăm Hiệp hội Nhà thờ cho người da đen của Hội nghị toàn Anh, sau nữa là ghi hình số đặc biệt ở Question Time (Thời Chất Vấn), tôi là khách mời duy nhất và xoay quanh vấn đề – vâng, bạn đoán đúng rồi đấy – kỷ luật trật tự và hành vi vô văn hóa.

Viên cảnh sát phố Downing tuyệt vời đã lần ra thằng bé theo một cách nào đó và khoảng 1 rưỡi sáng, anh ta xuất hiện với một thằng nhóc Euan nhìn rất là con-biết-lỗi-rồi, ăn mặc đơn giản, bị bắt gần nhà ga điện ngầm của Quảng trường Leicester vì uống rượu khi chưa đủ tuổi và say xỉn ở nơi công cộng. Chúng ta có thể nói rằng, cả thời gian và hoàn cảnh đó đều không đáng mong đợi chút nào.

Đêm đó tôi không chợp mắt chút nào. Khoảng 2 rưỡi Euan đòi leo lên giường của tôi. Nó rên rĩ những lời xin lỗi rồi nôn ọe. Tôi yêu thằng bé và rất thương nó, nhưng giá kể có một xà lim của cảnh sát ở đó, tôi sẽ không ngại tống nó vào đấy.

Cuối cùng, làm thế nào đó, trời sáng. Tin tức đã kịp lan ra chắc là ngay từ lúc Euan đang được đưa về trước cửa nhà trên phố Downing. Đồn công an phục vụ nhiều mục đích đáng ngưỡng

mộ và cần thiết, nhưng đó không phải là nơi để giữ bí mật. Alastair, người mà tôi buộc phải bàn bạc về việc dàn xếp trước báo chí, đã cho rằng toàn bộ chuyện này thật buồn cười đến khôi hài, rồi sa đà nói tới một đoạn về mà anh ta nghĩ là rất thú vị về Question Time, liên hệ nó với sự thất bại của hình phạt tại cột rút tiền mà không có chút tự nhận thức nào cả. Tôi có thể xoay sở khi thiếu ngủ, nhưng mất ngủ thì lại khác. Bằng một cách nào đó – tôi cho là khi ở trên tàu – tôi xuống đến Brighton và chộp lấy bài phát biểu, đi thẳng tới nơi Hiệp hội Nhà thờ cho người da đen tổ chức hội thảo.

Tôi không biết nên mong đợi điều gì phía trước. Lúc đó tôi không biết nhiều về họ, dù sau này tôi hiểu họ hơn. Đặc biệt, lúc đó tôi chưa nhận ra sự tương đồng giữa họ và Hiệp hội Nhà thờ cho người da đen ở Mỹ – rất sống động, truyền cảm hứng, tích cực, lúc nào cũng hát và nhảy.

Tôi vừa bước vào thì thấy rộ lên một tràng âm thanh chào đón. Tất nhiên, họ đều đã biết chuyện về Euan. Đó là một tin giật gân. Và đó là chuyện uống rượu và ăn thịt, xin các bạn thứ lỗi về cách diễn đạt, đối với họ. Có một cậu con trai Thủ tướng, đã phụ ơn Chúa, thêm khát rượu cồn của quý sứ, đi lạc khỏi chính đạo; và đây chính là vị Thủ tướng đang đi giữa họ. Chà, bạn tưởng tượng ra rồi đấy.

Việc diễn ra như một hội nghị thức tỉnh đức tin. Mọi người ban phúc và cầu nguyện và hô vang tên Chúa. Vị chủ trì, một nguồn cảm hứng lớn lao và một con người đáng mến, đã chỉ đạo mọi người nắm tay nhau và cầu nguyện cho tôi, cho gia đình tôi, cho Euan. Có một phút tôi đã rất muốn chỉ ra rằng được rồi, nó đã say và lẽ ra không nên say, nhưng tất cả chuyện này có vẻ hơi quá đà – nó nào có phải tội phạm.

Nhưng tôi đã không nói gì và dù có nói thì cũng chẳng có gì quan trọng. Đối với họ, thằng bé đã đi lạc và giờ đây đã được tìm thấy, đó mới là điều quan trọng.

Điều này chắc chắn đã làm tôi tỉnh táo trở lại. Tôi ném bài diễn thuyết đi, nhập tâm hoàn toàn vào tinh thần mà nó thể hiện và thú thật là đã truyền lại cho họ những điều tốt nhất mà tôi có thể, nhảy chân sáo không chút ngưng ngập xung quanh sân khấu như một người truyền giáo trên TV, đôi chốc lại hò hét và reo vui và thấy rất thích thú.

Tới khi bước vào trường quay của chương trình Question Time, tôi đã chuyển choáng vì tinh thần của Giáo hội. Khi người đầu tiên hỏi tôi một câu hỏi thô thiển rằng chẳng phải trò hề mà con trai tôi gây ra đã là điều nhạo báng cho chính lời yêu cầu mà tôi đặt ra về việc duy trì kỷ luật trật tự hay không, tôi gần như đã nện anh ta – bằng lời lẽ – và tiếp tục trong nguồn cảm hứng đó. “Họ đã bỏ cái gì vào trà của ngài về việc tôn giáo ấy thế?” về sau Alastair đã hỏi. “Chúng ta nên đưa ngài tới đó vào mỗi tuần. À mà nghĩ lại, có thể không,” anh ta lại thêm.

Trên đường về chúng tôi dừng lại ở một quán rượu, việc đó có vẻ đã làm dân địa phương rất ngạc nhiên. Họ đều tuyệt đối ủng hộ Euan và tôi được nghe từng câu chuyện của những người khách trong đó về một thời trẻ dại tương tự của họ. Vào những lúc như thế, người Anh luôn là những người thật tử tế.

Khi vô số những chuyện động trời và những chuyến du ngoạn này đã kết thúc, Alan và tôi quay trở lại với tình tiết cho dự án NHS. Chúng tôi đã có hàng chục cuộc họp về nó, trong vài tuần liền – kiểm tra, tái kiểm tra, tái tái kiểm tra hết lần này đến lần khác.

Tôi nhận ra rằng để nó có tính thuyết phục trước một chính đảng đầy hoài nghi và lo lắng, chúng tôi sẽ phải bọc đường cho viên thuốc cải cách ở những thời điểm nhất định. Các đảng tiến bộ có thể tự uống thuốc và khi đã uống, sẽ cảm thấy tốt hơn và hoạt động tốt hơn – nhưng một thìa đầy đường sẽ giúp nuốt trôi nó. Chúng tôi có một số yếu tố tích cực để tận dụng: Nguồn tài chính dư dả; đội ngũ nhân viên đông đảo: NHS có thể đảm bảo thêm nhiều công ăn việc làm, có thể là tư vấn viên trong những năm đầu; thêm nguồn hỗ trợ bệnh nhân ung thư và tim mạch; và hầu như chấm dứt tình trạng hộ lý không phân biệt giới tính; và bổ sung cho một số loại giường bệnh.

Bù lại, chúng tôi dự định mở lại việc đàm phán hợp đồng cho các chuyên gia; hướng tới thỏa thuận mới với các khu vực kinh tế tư nhân; thay đổi cách thức hoạt động của dịch vụ để làm nó thân thiện hơn với người sử dụng; và nếu cần, sẽ dự kiến một dịch vụ y tế bắt đầu du nhập những quan niệm kinh doanh của thế kỷ XXI làm trọng tâm của dịch vụ.

Bây giờ đọc lại nó, tôi có thể nhìn ra tất cả những điểm hạn chế. Ngày nay, nó có thể bị xem là quá liều lĩnh và chắc chắn cũng có khiếm khuyết trong việc thực thi. Chúng tôi đã trả lương cho tư vấn viên và bác sĩ đa khoa quá cao so với cần thiết (điều này về sau trở thành nguyên nhân bất hòa chủ yếu với Bộ Tài chính), nhưng về lâu về dài, tôi cho rằng việc đó xứng đáng. Chúng tôi đã xác định những phần cải cách có thể đưa cả hệ thống đến một sự thay đổi mang tính chuyển hóa khi thời cơ tới. Vì vậy: Các hợp đồng cho bác sĩ đa khoa là khá rộng rãi, nhưng khi ban hành hợp đồng mới thành pháp luật, chúng tôi đã bổ sung quyền được đưa các bác sĩ đa khoa độc quyền ra trước cạnh tranh. Y tá được tăng thêm rất nhiều quyền lực; những ranh giới phân chia trước đây giữa bác sĩ có thâm niên thấp và thâm niên cao cũng sụp đổ.

Cánh cửa cho khu vực kinh tế tư nhân được rộng mở. Quan niệm mà cuối cùng nhằm dẫn đến sự thành lập các bệnh viện đã được đưa ra. Và toàn bộ hệ thống thuật ngữ – lịch hẹn đã được xếp chỗ, bảo hiểm dịch vụ tối thiểu, tự do cách tân – nhân nói về nền văn hóa của sự thay đổi sắp xuất hiện, được định hướng coi NHS như một ngành kinh doanh với các khách hàng, đồng thời cũng là một ngành dịch vụ với các bệnh nhân.

Với tôi, bản thân quá trình này đã hé lộ những điều phi thường và có tính giáo dục cao. Tôi bắt đầu tìm kiếm những luận điểm tham khảo phù hợp khi nghĩ về cải cách; bắt đầu khớp ráp các khái niệm một cách rõ ràng hơn; thể hiện sự tự tin có tầm cỡ lớn hơn theo chiều hướng của sự thay đổi. Tôi thôi nghĩ về nó như một canh bạc với những chứng cứ dựa trên kinh nghiệm rất đáng ngờ và bắt đầu nhận ra nó là một nhiệm vụ trọn vẹn mà thách thức không phải là tính đúng đắn của nó mà là làm sao để nó được thực thi.

Cũng tính từ ngày đấy, tôi dứt điểm rời bỏ tư tưởng đã chế ngự chính sách của Đảng Lao động mới mãi cho tới thời điểm đó: Rằng các ngành kinh tế Nhà nước và tư nhân vận hành trong những lĩnh vực khác nhau, tuân theo các nguyên tắc khác nhau. Đảng Lao động mới thực sự đã làm cho toàn Đảng dứt bỏ sự thù địch với ngành kinh tế tư nhân, nhưng giờ đây chúng tôi đã chuyển từ phiên bản của Đảng Lao động mới từ những năm 1990 thành điều gì đó nhất quán với một hệ tư tưởng của thế kỷ XXI.

Sự thật là việc phân biệt giữa kinh tế Nhà nước và kinh tế tư nhân hoàn toàn giả tạo ở tất cả các điểm, ngoại trừ một điều: Một dịch vụ mà bạn phải trả tiền; còn dịch vụ khác mà bạn được sử dụng miễn phí. Điểm đó hiển nhiên là trọng tâm – nó định nghĩa dịch vụ công. Nhưng nó không định nghĩa cách thức duy trì, quản lý và vận hành của dịch vụ đó. Nói theo cách khác, điểm này thiết yếu, nhưng theo tất cả những điểm còn lại thì cả khu vực kinh tế Nhà nước và kinh tế tư nhân đều có những luật lệ chung và những điểm đó là vô cùng quan trọng.

Với ngành dịch vụ công, kể cả NHS, trong các cuộc thương lượng về hợp đồng xây dựng, thiết bị công nghệ thông tin, kỹ thuật, giống như một ngành kinh tế. Khi cắt giảm chi phí, nó giống như một ngành kinh tế. Khi thuê hay sa thải nhân viên, nó giống như một ngành kinh tế. Khi kiếm tìm cách đổi mới, nó giống như một ngành kinh tế.

Vì vậy tôi bắt đầu tìm kiếm hướng đi, tất cả các hướng, để đưa các ý tưởng kinh doanh vào thực tế của ngành dịch vụ công. Cũng như ngành kinh tế tư nhân đã được chuyển dịch từ sản xuất đại trà và những mặt hàng đạt tiêu chuẩn thành những sản phẩm đặt hàng theo yêu cầu, được quản lý và cung cấp vật liệu đúng thời gian, các ngành dịch vụ công cũng phải làm thế. Giống như người ta có thể chuyển đổi đơn đặt hàng nếu dịch vụ của công ty này tốt hơn của một công ty khác, khách hàng của các dịch vụ công cũng nên làm thế. Cũng như ngành kinh tế tư nhân được điều khiển bởi việc chấp nhận nguy cơ và cách tân, chúng ta nên dẹp quang mặt trận để dịch vụ công có thể làm những điều tương tự.

Đôi khi tôi cũng có đôi chút cảm giác, nhiều khi quá hiển nhiên, về sự thiếu kiên nhẫn với quan điểm cho rằng tất cả những cuộc nói chuyện như thế là một sự phản bội đối với đặc tính của dịch vụ công. Tôi thấy rõ ràng là nếu nguyên trạng dẫn đến một dịch vụ kém chất lượng, thì đây mới chính là sự phản bội; và vì thế nếu dịch vụ kém chất lượng được xây dựng từ một cấu trúc sai lầm, thì cấu trúc đó cần phải được thay đổi. Trong bất kỳ trường hợp nào, tôi cũng có thể nhận thấy việc có quá nhiều thứ ngôn ngữ dùng để bảo vệ những dịch vụ công của chúng ta chỉ là một trò tuyên truyền theo chính sách mị dân, được thiết kế để trang hoàng thứ quyền lợi được đảm bảo bất di bất dịch lên vỏ bọc công ích.

Chúng tôi chịu trách nhiệm về cách trình bày dự thảo, theo lịch nó sẽ được tiến hành vào cuối tháng Bảy, ngay trước khi giải tán Quốc hội. Tôi thường thích công bố một vài sự kiện lớn trước một kỳ nghỉ dài trong mùa hè.

Nó có thể kéo dài ba tháng. Robin Cook – với nhiệt huyết dành cho cải cách trong vai trò Chủ tịch Hạ viện – đã cố thu ngắn nó, một đề xuất khiến cho báo chí rất hài lòng còn các nghị sĩ thì lầm rầm phản đối. Cá nhân tôi thích có một kỳ nghỉ hè dài. Nó cho mọi người một không gian riêng để chiêm nghiệm, nghỉ ngơi, giải quyết tất cả mọi thứ và chỉnh đốn tư thế cho một phiên họp mới của Chính phủ. Cuộc sống cứ rối tung cả lên khi Quốc hội đang họp. Và tất nhiên, môi trường truyền thông mà các vị bộ trưởng đang làm việc trong đó bị đảo lộn đến khó tin, với hàng tấn những ràng buộc với báo chí. Chính trường hiện đại có nhịp độ nhanh chết người, vì vậy một kỳ nghỉ dài thực sự rất giá trị.

Nhưng các nghị sĩ cần được thông báo một phương án rõ ràng trước khi nghỉ hè. Vì thế, cuối tháng Bảy luôn là khoảng thời gian bận rộn, bận rộn nhất đối với tôi.

Trước khi quay lại với dự thảo NHS, chúng tôi còn có một công việc khác cần hoàn thành. Chúng tôi trình bày Báo cáo thường niên của Chính phủ trước Quốc hội. Đây là một trong những cách tân lập dị hơn cả của chúng tôi. Ý tưởng hoàn toàn sáng suốt: Lướt qua những điều mà Chính phủ đã hứa sẽ làm và những gì Chính phủ đã làm trong cả năm. Một kiểu diễn văn liên bang.

Cuối cùng tôi đã cho nó vào sọt rác sau bản Báo cáo năm 2000 mà tôi đã thuyết trình vào trung tuần tháng Bảy trước Quốc hội. Chúng tôi đánh dấu những điểm đã đạt được. Ngoại trừ vài điểm đã được đánh dấu, chúng tôi chưa làm được gì thêm. Đã có một thành tựu đáng nhớ mà chúng tôi đã liệt kê và đánh dấu, đó là việc xây dựng sân vận động mới ở Sheffield. Vấn đề duy nhất là nó đã không tồn tại. William Hague đã cho tôi một vố khá đau. Peter Brooke, một nhà quý tộc già Đảng Bảo thủ tuyệt vời, đã đứng dậy và hỏi mục đích của bức ảnh ở trang này trang kia là gì, hóa ra đó là bức ảnh chụp một vĩ thuốc tránh thai. Quá oái oăm để có thể trả lời. Dù sao đi nữa, có những ý tưởng thành công, trong khi một số khác thì không. Ý tưởng này rõ ràng là không.

Vào ngày 27 tháng Bảy năm 2000, tôi đã thuyết trình dự thảo NHS. Việc này diễn ra tốt đẹp. Chỉ cần nó là một văn bản của Đảng Lao động thì đã đủ làm hài lòng các thành viên Nghị viện không giữ trọng trách trong Chính phủ. Và chúng tôi lại đánh dấu thêm những mốc mới cho Đảng Lao động mới.

Cũng trong thời gian đó, Andrew Adonis và tôi bước đầu tạo lập ý tưởng hàn lâm cho các trường học. Ý tưởng vẫn mới, nhưng thực sự đã đâm chồi nảy lộc. Một phần nào đó, nó dựa trên chính sách của Đảng Bảo thủ cũ về các trường cao đẳng dạy nghề độc lập, nhưng họ mới chỉ thành lập 10 trường trong số đó rồi bỏ nó vào ngăn kéo. Tuy nhiên, nó đi rất trúng ý của chúng tôi: Trao quyền tự lập cho các trường học, để họ thoát ly khỏi hệ thống quyền lực của địa phương với cách kiểm soát chặt chẽ; và để họ cách tân, bao gồm cả việc tuyển chọn nhân viên.

Lịch trình cho cải cách dịch vụ công và phúc lợi xã hội cho nhiệm kỳ thứ hai dần dần được xác định. Khi chuẩn bị cho kỳ nghỉ dài, tôi có tâm trạng khá tốt. Tôi đã không còn phải dò đường nữa, mà đã tìm thấy nó.

Tuy nhiên, một đám mây đen đang kéo đến và bắt đầu lan tỏa với màn đêm dày đặc. Gordon đang quản lý nền kinh tế và với tất cả quyền lực cũng như khả năng của mình, đó không phải một việc nhỏ nhất – nó làm Chính phủ trở nên vững vàng và có trọng lượng hơn – nhưng có một trạng thái đáng lo ngại đang nổi lên, nó còn hơn cả lời cảnh cáo thông thường của Bộ Tài chính. Có thể thấy rõ phương hướng cải cách chưa được chia sẻ; thống nhất; và không được ưa thích lắm. Theo tôi, thuật ngữ “thị trường hóa” các dịch vụ công bắt đầu được dùng trong các cuộc thảo luận giữa chúng tôi, đặc biệt là khi cố vấn của ông ta, Ed Balls, cùng tham gia và thuật ngữ này không hề có ý khen ngợi.

Tại thời điểm đó, đám mây đã không thể che khuất mặt trời hay bầu trời, nhưng nó làm tôi cảm thấy khó chịu. Nó không phải một bản tuyên ngôn cấp tiến – nhưng liệu thuật ngữ “cấp tiến” có cùng nghĩa đối với mỗi chúng ta hay không? Và ông ta có thể cảm thấy điều gì về nhiệm kỳ thứ hai và việc chọn người kế nhiệm? Một cuộc bỏ phiếu có thể cách chúng tôi gần một năm nếu chúng tôi có nhiệm kỳ 4 năm, thời điểm thích hợp cho một Chính phủ tin rằng nó có thể chiến thắng một lần nữa.

Nhưng, khi tôi khởi hành tới Tuscany và sau đó tới Ariège ở Pháp, tôi cảm thấy chúng tôi có đủ tư cách để chiến thắng nhiệm kỳ thứ hai và giành thắng lớn. Leo bé nhỏ tỏ ra là một phúc lành tròn vẹn và thuần khiết: Xinh xắn, hạnh phúc, là niềm vui cho người khác và cho chính thằng bé. Có một đứa con thơ thêm lần nữa nghe thật là kỳ cục và ở phố Downing thậm chí còn kỳ cục hơn nữa. Nhưng ngay từ đầu, thằng bé đã được bế từ phòng này sang phòng khác, từ tổng đài điện thoại tới bộ phận chính sách đối ngoại, một chút hồn nhiên nhân hậu bỏ túi tồn tại trong vòng xoáy của những hoạt động làm thế giới khiếp sợ của Chính phủ.

Trong khu vườn đẹp đẽ và thiêng liêng ở cung điện của Strozzi tại Tuscany, tôi tự hỏi những tháng xen giữa có thể cất chứa những vấn đề gì. Sự phỏng đoán của tôi biến động rất rộng. Nhưng không có một phút nào nó đi lạc vào lĩnh vực của nạn lũ lụt, biểu tình phản đối giá dầu và bệnh chân-tay-miệng. Thực ra mọi chuyện cũng như vậy thôi.

10. Chế ngự các khủng hoảng

Tôi đi nghỉ vào cuối tháng Bảy với mục tiêu cải cách dịch vụ công. Tôi quay lại làm việc vào cuối tháng Tám và chợt nhận ra rằng mục tiêu đã chuyển sang một cuộc bầu cử được dự tính sẽ diễn ra vào tháng Năm năm 2011; cuộc bầu cử này giống như một cuộc chạy đua. Thời khắc chúng tôi khởi động giai đoạn tiền bầu cử, mọi chuyện bắt đầu hình thành xoay quanh nó. Mục tiêu thay đổi kéo theo những tư duy cũng mang tính chính trị hơn; những phân tích và tái phân tích liên tục về quá trình cải cách các thành phần kinh tế Nhà nước nhường chỗ cho số lượng phiếu bầu, những hoạt động phân loại cử tri, thăm dò dư luận; những thành viên của phe đối lập đã từng bị thất thế buộc phải tránh xa chính trường trong một thời gian dài giờ đây tái xuất ở điện Kremlin, dương dương tự đắc – và cỗ máy bầu cử thực sự bắt đầu lăn bánh.

Đối với hầu hết thành viên trong Đảng, chiến dịch sắp tới sẽ tập trung vào tham vọng duy nhất: Lần đầu tiên Đảng Lao động có hai kỳ liên tiếp tại nhiệm. Đối với tôi, hoài bão này đồng nghĩa với trách nhiệm mang lại những thay đổi cho cuộc sống tốt đẹp hơn của người dân. Bản thân tôi nhận thấy những lập luận về đường hướng phát triển đã được hình thành từ lâu. Nhiệm kỳ đầu tiên đã chứng minh khả năng lãnh đạo của chúng tôi. Nhiệm kỳ thứ hai này, chúng tôi cần làm rõ mục tiêu lãnh đạo của mình đó là tiến xa hơn những đường lối Anh kiểu cũ mà theo tôi đã không còn khả dĩ và phù hợp với đất nước và khiến cho người dân cảm thấy Đảng chúng tôi thực sự là sự lựa chọn đúng đắn của họ. Khát vọng vô biên, nhưng khá thất thường của tôi về quá trình hiện đại hóa đôi khi có thể bị lạc hướng, nhưng tôi chắc chắn rằng ý tưởng đột phá là hoàn toàn đúng đắn: chúng ta cần phải hiện đại hóa toàn bộ ý tưởng về các dịch vụ phúc lợi và dịch vụ công từ năm 1945, những hệ thống luật pháp, trật tự trị an và tình trạng nhập cư lỗi thời, cũng như quan điểm về vị thế của mình trên trường quốc tế. Chúng tôi phải dùng thế kỷ XXI như một cơ hội có một không hai để làm mới bản thân với tư cách của một quốc gia. Thatcher đã đúng khi bà ra quyết định tư hữu hóa các doanh nghiệp và các ngành công nghiệp quốc doanh, nhưng khi bị ám ảnh với chủ nghĩa hoài nghi châu Âu, tôi cảm thấy bà vẫn khiến người dân chìm đắm trong quan điểm về một đất nước mà đơn giản đã không còn thích ứng với vị thế mà chúng ta cần đạt tới lúc này, trong năm nay của thiên niên kỷ này.

Tôi vẫn chưa có cách nào nghĩ ra câu trả lời đúng đắn cho những câu hỏi về chính sách, nhưng đã rút ra được nhiều kinh nghiệm từ những thiếu sót trong nhiệm kỳ thứ nhất: quan điểm sai lầm cho rằng nâng cao tiêu chuẩn và hiệu suất có thể được tách rời khỏi công cuộc cải cách cơ cấu tổ chức. Quan điểm này hầu như đúng trong tất cả các lĩnh vực và đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ công. Trên hết, chúng ta phải tước đoạt quyền của những nhóm lợi ích chiếm ưu thế, các liên hiệp và tổ chức đoàn thể, đưa quyền lực vào tay người dân, người tiêu dùng, các bậc phụ huynh, bệnh nhân và người sử dụng.

Vì vậy tôi quay lại sau một kỳ nghỉ dài và khá thoải mái, nhưng cũng không tránh khỏi những bồn chồn và lo lắng. Tôi đã xây dựng khung cho luận cứ chính trị để giành chiến thắng. Tôi phác thảo bản tuyên ngôn để củng cố thêm niềm tin cho các thành viên trong Đảng, cố gắng đem lại lợi ích cho người dân trong tương lai. Chúng tôi đã tích lũy được những kinh nghiệm chính trị trong suốt nhiệm kỳ đầu tiên. Chúng tôi cũng cố gắng duy trì danh tiếng của mình ở mức cao nhất để tiếp tục giành thắng lợi ở nhiệm kỳ này và chiến thắng vẻ vang. Nhưng, thời cơ đến đồng nghĩa với tương lai mở ra trước mắt. Và cho đến giờ, tôi biết rằng nếu lúc đầu tôi còn hoài nghi thì chắc chắn nhiệm kỳ thứ hai này sẽ khó khăn hơn bội phần, thách thức nhiều hơn đương nhiên chúng tôi cũng nhận được sự ủng hộ ít hơn nhiệm kỳ đầu.

Để nhận ra điều này, từ lúc tôi trở lại sau kỳ nghỉ cho đến chín tháng sau, khi chúng tôi thắng cử, tôi dường như bị nhấn chìm trong mớ bòng bong giữa những khó khăn “từ trên trời rơi xuống” cũng như do mọi người tạo ra.

Chỉ trong vòng vài tiếng từ khi tôi trở về, tôi bị buộc phải đứng trước một trong những quyết định vô cùng nhạy cảm và khó khăn mà thường xuất hiện bất cứ lúc nào hay ập đến như sóng

dây. Quân đội Anh ở Sierra Leone đã làm rất tốt và thành công trong việc tái khẳng định tầm kiểm soát của Chính phủ dân chủ, nhưng đáng tiếc là một tốp quân lính thuộc Trung đoàn Bộ binh Hoàng gia Ireland đã mắc kẹt trong một vụ xung đột và bị RUF³⁹ bắt cóc. Chúng tôi nhận được tin tức tình báo về nơi họ đang bị bắt giữ. Charles Guthrie đã yêu cầu gặp tôi khẩn cấp tại phòng làm việc của tôi ở phố Downing. Anh ta nói rằng họ có thể sẽ yêu cầu SAS mở một cuộc giải cứu.

Lúc nào cũng thế, Charles có dũng khí đề xuất một phương án hành động thay vì đơn giản là để tôi tự quyết định, nhưng anh ta cũng cảnh báo tôi về mức độ thương vong. RUF là một phiến quân mạnh động có vũ trang, anh ta lý giải và cả con tin lẫn lực lượng giải cứu đều có nguy cơ rủi ro cao. Phương án ứng phó là tiếp tục thương lượng và hy vọng chúng tôi có thể phần nào đàm phán với chúng. Còn phương án nữa đó dùng tiền để chuộc con tin, nhưng rồi cả hai chúng tôi đều nhanh chóng nhận ra đó sẽ là một tín hiệu nguy hiểm, có thể gây kích động bọn chúng và gián tiếp tạo ra hàng loạt các vụ bắt cóc tương tự khác.

Chúng tôi ngồi yên một lúc, nhìn nhau chằm chằm. Sẽ tốt hơn nếu chúng tôi có thể làm gì đó lúc này; có thể thám thính thêm thông tin; tìm hiểu các phương án, chiến lược và tỷ thứ có trời mới biết người ta có thể làm ở trụ sở của SAS tại Hereford. Nhưng tôi biết rằng cho dù có xem xét, phân tích đi phân tích lại những việc này đi chẳng nữa thì quyết định cuối cùng vẫn không thể khác được.

“Các anh có ủng hộ kế hoạch này không?” Tôi hỏi một cách lơ đãng.

Anh ta khịt mũi tỏ vẻ sốt ruột. “Bọn họ luôn ủng hộ cách đó, như ngài biết.”

“OK, vậy hãy làm thế đi.”

Chúng tôi giải cứu được tất cả các con tin, nhưng chúng tôi đã phải hy sinh một lính SAS. Charles gọi tới nhà riêng của tôi và đích thân báo cáo tin này. Tôi đi đi lại lại trong căn hộ một lúc, hình dung xem người lính đó là ai, trông anh ta như thế nào, anh ta cảm thấy thế nào khi được chuyển vào phòng phẫu thuật, các tế bào thần kinh, thuốc adrenalin, nhận thức của anh ta về cái chết chỉ cách mình trong gang tấc cứ ám ảnh tôi mãi không thôi. Sau đó, tôi chiêm nghiệm về một mạng người đã mất, một gia đình đang phải chịu cảnh tang tóc. Lẽ ra, chúng tôi có thể tiếp tục thương lượng và anh ta có thể vẫn còn sống.

“Tôi rất tiếc, Charles” tôi bắt đầu lên tiếng, “vấn đề là giá mà chúng ta vẫn chưa hành động...”

“Ngài không cần phải nói thế” Charles ngắt lời tôi. “Vì những gì chúng ta đánh đổi, tôi không nghi ngờ gì về tính đúng đắn của quyết định này. Đành rằng mất đi một người là việc đáng buồn. Nhưng bọn họ là những người lính chuyên nghiệp. Họ biết rõ rủi ro. Họ làm việc đó bởi vì họ muốn làm và vì họ tin tưởng vào công việc của mình. Ở Hereford, sự hy sinh của những người lính mang một ý nghĩa và niềm tự hào cao cả.

Trước thềm diễn ra cuộc bầu cử, tôi đã quyết định thực hiện một chuyến “vi hành” qua các vùng để tiếp cận và hiểu thêm về dân chúng. Bao giờ cũng có một chút đáng ngờ trong công tác mà người ta hay gọi là “tiếp xúc với người dân”. Trong chính trường hiện đại, bạn phải vờ như mình đang sống một cuộc đời của người bình thường, tất nhiên, là bạn không và cũng không thể đi mua sắm ở siêu thị, đỗ xăng xe, xuống phố la cà vào mấy quán rượu để uống vài chai, bù khú thâu đêm và nói vài câu bông lơn. Nhưng ngày nay, tất cả mọi người đều vờ vịt cầu kỳ rằng một Thủ tướng có thể làm và nên làm tất cả những việc đó, nếu không thì ông ta hay bà ta đã “cắt đứt liên lạc” với dân chúng – một sự chỉ trích tệ hại nhất mà người dân dành cho các vị chính khách.

Tôi không thể nhớ mình đã bước vào bao nhiêu quán cóc, bao nhiêu hàng cá tẩm bột kèm khoai tây chiên và bao nhiêu khu mua sắm, tiền sẵn trong tay (phải, Thủ tướng thì phải có tiền mặt rủng rỉnh trong túi chứ) và mua một cái gì đó, chỉ để thể hiện tôi là một “gã bình dân”. Một

trong những lý do khiến chuyện này nghe thật nhảm nhí, đó là, trước khi tôi đi bước vào, những nơi này đã được các trình thám có vũ trang tới “nằm vùng”, người bán hàng thì được điều tra về an ninh và chính trị, có khoảng hai mươi nhiếp ảnh và đoàn làm phim, một vài người phản đối ngẫu nhiên, một vài kẻ lập dị qua đường, những dân thường ngơ ngác và đôi khi có cả một chiếc trực thăng cảnh sát lượn lơ trên đầu. Tất cả những điều này hoàn toàn tương phản với hình ảnh một người dân thường đi mua cà phê hay đĩa nghe nhạc. Nhưng tất cả những điều này buộc phải được thông qua và văn phòng – cụ thể là Alastair – sẽ tỏ ra không hài lòng và tức tối nếu tôi cố tình phàn nàn rằng đây là những việc làm ngớ ngẩn.

Kinh điển nhất là lần tôi và Gordon mua kem trong một chuyến đi tới công viên và sân chơi trong cuộc bầu cử năm 2005. Cuộc nói chuyện với Kate Garvey hóa ra lại biến thành thế này: “Hãy đi mua kem ở cái xe tải đằng kia, một chiếc cho ngài, một chiếc cho Gordon, để thể hiện sự mối thâm tình và sự bình dân.”

“Không” tôi nói, “thật quái đản. Tôi không thích kem Mr. Whippy, trừ khi nó có phủ sô-cô-la; và trông Gordon giống người mua kem bình thường của anh lắm chắc? Thôi nào, thật lố bịch, hai người mặc comple, một người là Thủ tướng, người kia là Bộ trưởng Tài chính. Việc này bình thường ở chỗ nào?”

“Cứ làm đi,” cô ta nói một cách hăm dọa, “và đừng có đề nghị phủ sô-cô-la lên trên; nó sẽ làm ngài trông rất tham lam đấy.” (Tôi đã phớt lờ lời khuyên của cô ấy ngay sau đó.)

Những cuộc viếng thăm như thế thường trở thành những trò tiêu khiển thú vị. Khi tôi đi loanh quanh trong công viên ngày hôm đó, tôi đã gặp một phụ nữ trung lưu đang đi dạo cùng với mẹ cô ta và một em bé trong chiếc xe nôi. “Trông ngài ở ngoài ư nhìn hơn trên TV,” người phụ nữ lớn tuổi hơn nhận xét, nhìn tôi dò xét.

“Lần sau bà lại tới nhé” tôi nói một cách vui vẻ.

“Tôi vừa mới “chào Đức Mẹ” xong, “bà ấy nói, một câu chuyện mà sau đó Kate dùng để “thết đãi” “Gordon bồi rồi”.

Trước các vòng phỏng vấn ở bất cứ đâu ngay trước cuộc Tổng tuyển cử, tôi đều phải xem qua một danh sách giá cả của các nhu yếu phẩm hàng ngày như một pint sữa, một cân bơ, một tảng thịt vai cừu. Bánh mì đã từng là nội dung tranh cãi về các thể loại, trắng hay nâu, không quá nhiều bột thô, không quá hại cho sức khỏe. Danh sách này được liệt kê với niềm tin rằng nếu tôi biết những điều như thế đồng nghĩa là tôi đã từng vào một cửa hàng trên phố Downing (không hẳn là vì có một cái ở đó) và mua đồ tạp phẩm, điều mà chắc chắn tôi không làm. Nhưng người ta thường tin vào sức mạnh của những chuyến đi “tiếp xúc” với dân chúng và ai mà có quyền nói họ đã sai chứ.

Tuy nhiên, dù tôi đã xoay sở những việc này khá tốt, trước đây tôi vẫn luôn nghi ngờ những việc làm giả tạo này. Dân chúng không hề ngốc; họ biết rằng Thủ tướng không thể ung dung vào siêu thị như họ được. Họ không muốn biết rằng ông ấy thực sự sống như bất kỳ ai trong số họ, nhưng lại muốn biết rằng ông ấy có thể làm như vậy; và quan trọng hơn, họ muốn biết cảm giác của ông với họ là giống nhau, rằng họ có thể hiểu được ông ấy.

Điều này không liên quan gì đến sự nuôi dạy dỗ, giai cấp hay là nền tảng gia đình. Bạn có thể là một người Estonia cổ mà vẫn sống hòa thuận với mọi người; bạn có thể đến từ Trimdon Colliery và có thể thấy tuyệt vọng trước họ. Đây là một vấn đề về khí chất, tính cách và thái độ và hơn cả là niềm tin. Chắc chắn rằng, nếu bạn không phải một gã bình dân tầm thường mà người khác muốn mời uống bia cùng mà bạn đang tranh cử, thì bạn sẽ gặp rắc rối. Điều này nghe có thể phiến toái, nhưng lại là sự thực. Tôi từng luôn miệng nói với mọi người về George Bush thế này: các bạn đừng có đánh giá thấp bề ngoài dân dã của ông. Bạn có thể không đồng tình với ông ấy, nhưng nếu bạn là một cử tri, bạn sẽ không bao giờ nghĩ rằng mình có thể cảm thấy không thoải mái hay không tương xứng khi nói chuyện xã giao với ông; bạn có thể sẽ nghĩ

Bush rất tốt và cởi mở với bạn. Và bạn đúng.

Bạn có thể không còn thiếu vẻ tự nhiên như thế nếu bạn không cố giả vờ làm người khác thay vì là chính bạn. Một vài chính trị gia và tôi là một trong số đó, thích tán gẫu và gặp gỡ mọi người. Tôi không thể thôi tò mò về họ. (Thế mạnh của cựu Thủ tướng Clinton là khả năng bị cuốn hút không ngừng bởi những người ít cuốn hút nhất vì ông luôn vui lòng học hỏi từ họ.) Nhưng những chính trị gia khác thì không như thế. Nếu các bạn không nằm trong số đó, đừng bị ám ảnh về điều đó. Những người nghiêm nghị, thậm chí là khắc nghiệt, vẫn có thể chiến thắng, miễn là họ chân thành.

Dù tôi luôn phàn nàn về việc thực hiện những chuyến công tác tại địa phương do cái giả thuyết đáng hoài nghi về PR và quãng thời gian sống xa ngôi nhà Số 10, xa rời việc thúc đẩy chính sách và bất chấp sự phi thực tế; đôi khi siêu thực tế của việc này, tôi vẫn luôn học được điều gì đó khi tiếp xúc với thế giới quanh mình, kể cả việc nói chuyện với đội ngũ nhân viên về mặt trận chính trường hay thương trường. Họ không có ảnh hưởng nhiều với vai trò phong vũ biểu để bàn luận chính sự lắm, nhưng họ lại thừa tai mắt nghe ngóng những tin vĩa hè xem liệu người dân phố Downing “buôn bán” về tôi thế nào? Người ta đồn thổi về tôi ra sao? Thường chỉ toàn là tin đồn nhảm.

Đầu tháng Chín, ngay trước khi chúng tôi thực hiện chuyến công du về miền Bắc, người ta đưa tin về các vụ biểu tình nhiên liệu ở Pháp. Giá dầu hỏa lúc đó đã tăng đều lên mức hơn 30 đô-la một thùng, cao nhất trong vòng hơn 10 năm qua. Giá cả tại các trạm nhiên liệu bắt đầu tăng nhanh chóng.

Thuế nhiên liệu đã từng là vấn đề gây tranh cãi trong rất nhiều năm. Để có thể huy động vốn từ người dân, chính quyền trước đây đã thiết lập “quy định điều chỉnh giá thuế nhiên liệu”, nghĩa là thuế sẽ tăng cao hơn tỷ lệ lạm phát theo một mức nhất định. Quy định này cũng kéo theo sự ra đời – loại thuế xanh đầu tiên – như một lời biện hộ bảo vệ môi trường, nhưng không ai thực sự xem trọng cách lý giải đó. Điều này đã giúp tái kiểm soát nhu cầu vay mượn và trong khi giá dầu thô vẫn ở mức thấp, thì việc tăng thuế có thể được che đậy rất hiệu quả bằng mức giá thấp của nguyên liệu thô. Vì vậy, quy định này rất phù hợp với lợi ích của Chính phủ. Tất nhiên, khi giá dầu bắt đầu tăng lên theo hình xoáy tròn ốc và kéo theo giá xăng cũng leo thang, thì đó lại là một vấn đề khác.

Người Pháp có vẻ thích biểu tình trước bất kỳ thứ gì và không cần nhiều lý do để đổ xô ra đường, nhưng ở Anh việc đó không phải là thường lệ. Đột nhiên cơn sốt giá xăng đã thu hút sự quan tâm của người dân vào một thực tế rằng giá thuế nhiên liệu của Anh luôn cao nhất châu Âu. Vào ngày 8 tháng Chín, các cuộc biểu tình từ Pháp, điều mà chúng tôi đã luôn theo dõi với một sự lãnh đạm, đã lan tới Anh.

Những người biểu tình chống đối giá nhiên liệu thuộc mọi tầng lớp xã hội. Từ nông dân, lái xe tải, người kinh doanh cá thể và những người phản đối Chính phủ. Họ không phải là nhóm người biểu tình có tổ chức, điều vốn quen thuộc với phe cánh Hữu; họ là những người mà trường phái Mac-xít gọi là giai cấp “Tư sản bần cùng”, chẳng phải vì có điều gì “nhỏ mọn” hay “mỏ nhọn” ở họ cả. Họ mang trong mình nỗi bất bình chân chính. Ngoài ra, họ cũng kịch liệt phản đối Đảng Lao động, tôi đoán vậy.

Họ cũng đủ thông minh để nhằm vào gót chân Asin của ngành công nghiệp chất đốt, tiếp đến là nền kinh tế và rồi là Chính phủ. Dầu được nhập khẩu và lọc ở những nhà máy lọc dầu lớn có số lượng ít, trước khi được vận chuyển bằng xe tải tới các trạm xăng. Không có nhà máy lọc, sẽ không có đủ xăng dầu để cung cấp cho các trạm xăng dầu lẻ. Ngoài ra, dung tích của các trạm xăng không lớn, vì vậy cứ khoảng 48 giờ chúng lại được đổ đầy một lần. Ngày này qua ngày khác, hệ thống này vận chuyển nhiên liệu tới các “điểm trung chuyển” và tới tay người tiêu dùng, dù họ là nông dân, thương nhân hay bất kỳ một người nào.

Tôi đã không biết điều này vào cái lúc đáng lẽ ra tôi phải biết. Và dường như, cũng không nhà

chức trách nào khác biết điều này, vì thế khi chúng tôi nghe tin một số người biểu tình ở hai nhà máy lọc dầu – Buncefield và Stanlow – phong trào biểu tình này vẫn chưa lan rộng.

Chúng tôi bắt đầu chuyến đi của mình, một vòng qua các trường học và bệnh viện và “kết nối với quảng đại quần chúng”. Chúng tôi dừng lại ăn trưa ở một khách sạn đồng quê nhỏ ở ngoại ô Hull, nơi mà chúng tôi dự kiến sẽ nói chuyện ở một bữa tiệc và sau đó đi ăn tối để kỷ niệm ba mươi năm John Prescott trong vai trò Nghị sĩ của Hull. Chúng tôi đã ăn một bữa thanh đạm và khá ung dung, vì có dư đôi chút thời gian. Có một nhóm các phóng viên và nhà báo đi cùng đoàn và tôi cũng dành một chút thời gian trao đổi với họ về kỳ bầu cử tổng thống sắp diễn ra ở Mỹ. Tôi nhớ là mình đã có một cuộc thảo luận rất say sưa về chủ nghĩa khủng bố và khả năng nó trở thành một mối đe dọa toàn cầu.

Những người biểu tình phản đối giá nhiên liệu đã tận dụng tốt chiến thuật biểu tình “câm” của nghiệp đoàn cổ điển mà bà Thatcher đã cấm. Họ chặn các xe tải không cho rời nhà máy. Anji Hunter nói với tôi rằng cuộc biểu tình đang lan rộng. Shell, người đã đưa tin rằng một vài người biểu tình bắt đầu có dấu hiệu bạo lực và muốn cảnh sát giúp hộ tống những người lái xe của họ. Tôi bắt đầu cảm thấy bất ổn – khoảng 48 giờ sau khi mọi chuyện đã quá muộn.

Khi chúng tôi tới được Hull, sự việc đã trở nên thật sự tồi tệ và những người biểu tình đang gây náo loạn cả khu vực. Như một cơn bão không rõ bắt nguồn từ đâu, cánh báo chí và những người biểu tình bất ngờ hòa vào nhau tạo nên những âm thanh vang như sấm rền. Bạn có thể nghĩ rằng áp dụng chiến thuật kiểu Arthur Scargill như biểu tình “câm” và hăm dọa biến đất nước rơi vào tình trạng đình trệ, sẽ gặp phải hàng rào chỉ trích của các phương tiện truyền thông. Nếu đó là Scargill, có lẽ mọi chuyện đã diễn ra theo chiều hướng đó, nhưng vì đây là vấn đề giá xăng – một tin sốt dẻo đối với độc giả của họ – và những cuộc biểu tình chủ yếu nhắm vào Chính phủ của Đảng Lao động, nên điều đối lập đã xảy ra và những người biểu tình nhanh chóng trở thành những “người hùng đường phố”, chiến đấu vì quyền lợi của dân thường phản đối sự cai trị thiếu tinh tế.

Một trong những điều khó khăn nhất trong những thời điểm thế này là tổ chức và thực hiện kế hoạch, khi bạn tuyệt vọng muốn dừng lại tất cả, kiếm một góc yên tĩnh và suy nghĩ. Ngồi trong phòng chờ trước sảnh chính của Tòa thị chính tráng lệ thành phố Hull, tôi thấy rất bối rối. Tôi biết rằng mình đã làm hỏng thời cơ lớn. Đáng lẽ, tôi nên nhảy cảm hơn. Hay ít nhất, tôi đã phải nhận ra rằng đối với một người sử dụng mô tô thì việc giá một bình xăng tăng là cả một vấn đề, nếu không muốn nói là trọng đại (nhất là khi cô trông trẻ của các con tôi, Jackie, đã phàn nàn về điều đó hàng tuần liên). Lẽ ra tôi phải hiểu rằng toàn bộ các hệ thống từ Trung ương đến địa phương đều rất dễ bị tổn thương trước cuộc biểu tình; và sự hấp dẫn của cuộc biểu tình đối với giới truyền thông. Vậy mà, tôi đã ngồi vào vị trí đó với điểm số 20 dẫn đầu trong các cuộc bầu cử và tôi đã “vô tình” tạo ra một lỗ hổng không gì có thể che lấp trong hàng rào phòng thủ của mình.

Nhà hàng Trung Hoa nơi chúng tôi định tổ chức bữa tối cho John Prescott chật cứng người biểu tình. Cảnh sát khuyên tôi nên tạm hoãn bữa tiệc lại. Tôi đồng ý một cách thoải mái. Đúng là tôi cần phải suy nghĩ.

Chúng tôi thoát ra bằng cửa phụ của Tòa Thị chính và sau khi bị một toán thường dân bám đuôi xuống đến phố, chúng tôi vào được khách sạn. Tôi đã cố gắng tìm hiểu thêm mức độ nghiêm trọng của vấn đề từ các nhân viên ở Trụ sở, Số 10. Alastair đang ở trong tình trạng khủng hoảng cực độ, nhưng những người còn lại của Bộ máy đường như “tĩnh” một cách kỳ lạ, phản ứng của họ với tình cảnh này đang dần hé mở sự pha trộn giữa một “dây chuyền” không ngừng nghỉ và những cái bắt tay ướt át vốn chẳng có gì thú vị.

Bạn luôn phải biết lúc nào thì nên ủy thác công việc cho người khác và lúc nào nên chủ ý và công khai đảm trách. Những nhà lãnh đạo mà có “phe cánh” thường gây ra hỗn loạn – họ sẽ chẳng làm được gì khi còn mãi bản khoản không biết việc mình làm có đúng với ý “sếp” không,

trong khi các nhà lãnh đạo có quá nhiều việc cần tập trung và đưa ra chỉ dẫn thích hợp. Nhưng trong thời kỳ khủng hoảng, hãy quên “phê cánh” đi. Lúc này mới cần đến bạn: nắm bắt, gọt giũa, quyết định và giải quyết tình huống khó khăn này.

Sau một đêm không ngủ – tôi ước mình đã quay về London vào đêm trước – chúng tôi ra ga từ rất sớm. Khi tôi bước lên tàu, trước sự ngỡ ngàng của những người đi tàu, một quý bà nói với tôi: “Đừng nhượng bộ chúng, chúng là những người Đảng Bảo thủ, ngài biết đấy. Hãy đứng lên chống lại chúng”. Đó là một quan điểm, dĩ nhiên rồi. Chắc chắn cũng sẽ có những quan điểm khác nữa.

Trên tàu, tôi nảy ra một chiến thuật. Chúng tôi phải đánh bại cuộc biểu tình và mở cửa những nhà máy lọc dầu trở lại, đó là điều chắc chắn; nhưng chúng tôi cũng phải chắc rằng bản Báo cáo Dự thảo Ngân sách có đề cập thắc mắc về nhiên liệu, ví dụ như việc ủng hộ một Chính phủ phù hợp, nhưng không được khinh suất và phải lắng nghe. Những người vô lý đôi khi cũng đưa ra những yêu cầu có lý.

Ưu tiên những việc quan trọng hàng đầu. Cuộc khủng hoảng lúc này gần như đã được dập tắt hoàn toàn. Giới truyền thông thỏa thích đưa tin về nó. Mua chất đốt dự phòng là chủ đề “hot” trong ngày và hình ảnh những hàng dài xe cộ, những trạm xăng đông nghịt người hoặc đóng cửa im lìm và tình trạng hỗn loạn nói chung là khó cưỡng và giới truyền thông cũng chả lòng dạ mà không chộp những tin giật gân như thế. Họ “đổ dầu vào lửa”, còn những người biểu tình như được “tiếp thêm sinh khí” trong khi Chính phủ bị khiển trách nặng nề vì “làm ngo” trước cuộc khủng hoảng mà chính giới truyền thông lại đang tích cực tung hô.

Tôi thực sự rất tức giận. Tôi cảm thấy một Chính phủ Đảng Bảo thủ sẽ không bao giờ bị đối xử kiểu này. Nhưng, sau khi trút giận “vô lối” lên Jonathan, Anji và Alastair, tôi nhận ra rằng cơn thịnh nộ – hay thậm chí tệ hại hơn, sự tổn thương – chỉ là điều thảm hại. Chúng tôi đã ở nơi cần ở; và đã buộc phải ra khỏi đó đấy thôi.

Tôi triệu tập các vị Bộ trưởng. Jack Straw đã, như mọi lần, rất thực tế và tập trung. Gordon nói rằng quan trọng là không được phép xem xét vụ việc này như một vấn đề về thuế (chúng tôi đã có một cuộc trao đổi khá hão huyền trong những ngày sau đó khi ông ta cứ khẳng khẳng nói rằng không thể xem đây là một vấn đề về thuế, còn tôi cố gắng giải thích rằng không may nó được nhìn nhận là vấn đề về thuế và không điều gì có thể thay đổi được thực tế đó). Stephen Byers, Bộ trưởng Bộ Công thương, đã rất bình tĩnh.

Nhưng xem ra không ai nắm chắc câu trả lời. Nguồn cung nhiên liệu đã bị trì hoãn và cả nước đang rơi vào tình trạng bế tắc. Tôi triệu tập các công ty dầu lửa và cảnh sát. Bộ Quốc phòng vào cuộc, nhưng tất cả những gì họ có chỉ là một vài cái xe tăng cũ, không có gì giống những thứ cần thiết. Tuyệt vọng!

Trong những tình cảnh như vậy, bạn biết cụm từ “hoàn toàn chịu trách nhiệm” là thế nào. Những “gã đầu hỏa” đã rất lịch sự, nhưng họ không coi đó là rắc rối. Cảnh sát xem ra cũng đang “bắt nhảm sóng”. Một sĩ quan nói họ đang cố gắng hết sức để đảm bảo các cuộc biểu tình diễn ra trong hòa bình và rằng họ sẽ “đàm phán” với những người biểu tình. Khi tôi nhìn anh ta, tôi chợt nhận ra: họ đều là những người “thấu tình đạt lý” và họ muốn tiếp tục “thấu tình đạt lý”.

Ôi Chúa ơi! Tôi nghĩ. Tôi có thể cảm thấy tim mình sắp nhảy ra khỏi lồng ngực, cơn giận dữ trào dâng trong lòng, hàm của tôi nghiến chặt lại. Tôi như sắp nổ tung nhưng đã kịp thời bình tĩnh lại khi nhận ra rằng mình là một “Tổng thống”.

Tôi nhìn viên sĩ quan. “Nói tôi nghe các anh sẽ làm gì để chặn đứng các cuộc biểu tình.”

“Chặn đứng?” anh ta vặn lại, hơi nheo mắt. “Ý Ngài là Ngài muốn chúng tôi ngăn không cho chúng xảy ra ư?”

“Đúng”, tôi khẳng định, hết sức bình tĩnh. “Và tôi muốn công ty dầu lửa các vị hướng dẫn lái xe của mình vượt qua hàng rào người vây chặn, nếu họ không chịu, vì bất kỳ lý do nào ngoài việc phải sử dụng bạo lực đối với họ, tôi muốn các vị dẹp được họ. Và tôi muốn quân đội nhập cuộc, nếu cần thiết thì đưa theo xe chở nhiên liệu, nếu gặp phải bất cứ sự chống đối nào từ phía những người biểu tình, tôi muốn cảnh sát giải quyết một cách dứt khoát, nếu không, hãy để quân đội lo việc đó. Họ được đào tạo để làm việc đó.”

Các nhân viên cảnh sát tươi tỉnh hẳn lên. Họ đã hiểu. Không có chuyện những cảnh sát “đảm bảo bình yên” cho dân chúng nữa. Quân đội, bao giờ cũng thế, rất nóng lòng muốn bắt tay ngay vào việc. Những “gã dầu lửa” trông khá lúng túng, nhưng tôi gieo thêm vài lời bóng gió về những “ì xèo” của công chúng trước những lợi nhuận vô tính vô đếm của họ từ việc tăng giá dầu và ít nhất họ cũng hiểu rằng họ cần phải nắm phần chủ động, thay vì “nước đến chân mới chạy”.

Tôi tổng kết một danh sách những hành động cần thiết, sắp xếp một cuộc họp khẩn cấp ứng phó với khủng hoảng tại Văn phòng Nội các (COBR) vào ngày hôm sau do tôi chủ trì và kết thúc cuộc họp trong sự hài lòng rằng ít nhất chúng tôi đã kiểm soát được nó và bắt đầu quá trình xoay ngược tình thế.

Sau đó, tôi tham dự một cuộc họp báo. Điều duy nhất có thể làm trong khoảng thời gian thế này, đó là cho mọi người thấy bạn đang “ngồi trên yên ngựa, cầm chắc dây cương, sẵn sàng xông trận, thể hiện diện mạo của một vị tướng đứng mũi chịu sào, bất chấp những khó khăn đang trông chờ phía trước”. Tôi đã làm tốt điều này, mặc dù đã trót hàm hồ nói rằng trong vòng 24 giờ chúng tôi sẽ đưa mọi chuyện “trở về với quỹ đạo bình thường”. Tôi lựa chọn từ ngữ rất cẩn thận – đó là những gì tôi học được khi còn làm luật sư – nhưng những lời này nghe có vẻ ngu ngốc bởi sự tinh tế thường khó diễn tả thành lời. Người ta sẽ hiểu rằng trong vòng hai mươi tư giờ mọi thứ sẽ bình thường như chưa từng có cuộc biểu tình nào xảy ra. Không thể nào, tất nhiên. Nhưng ngoại trừ điều đó, lời phát biểu không có gì đáng chê trách và nó cũng phát huy được sức nặng của nó.

Điều tiếp theo là đánh vào tâm lý của người biểu tình. Alan Milburn gợi ý chúng tôi nên tập trung “lợi dụng” những ảnh hưởng của Dịch vụ Y tế Quốc gia (National Health Service – NHS) và Alastair đồng tình. Họ đang phải chật vật do thiếu nhiên liệu. Những kẻ biểu tình phản đối giá nhiên liệu – và giờ đây mọi chuyện thành ra lố bịch như thế này – lại cho phép các xe chở nhiên liệu đi qua vì “những ca cấp cứu” dựa trên đánh giá của chúng về định nghĩa thế nào là “cấp cứu”. Dựa trên thương lượng giữa những người biểu tình và một bệnh viện sẽ quyết định xem có cấp nhiên liệu hay không. Điều này thật quá sức chịu đựng, nhưng nhờ nó mà chúng tôi cơ hội khám phá ra điểm yếu của họ; xét cho cùng, họ là ai mà tự cho phép mình nắm quyền sinh quyền sát trong tay?

Vì vậy, chúng tôi đã cử các y tá tới các hàng rào người và tranh luận với người biểu tình. Alan phát biểu rất cứng rắn và chúng tôi có thể thấy đám đông có dấu hiệu dịu xuống. Đây là cú đánh “hattrick” vào công chúng thành công đầu tiên. Nó cũng thể hiện hiệu quả vô giá mà các “phe cánh” của mình mang lại. Nó thường không gợi tưởng đến một trò chơi đồng đội, nhưng đúng là như vậy, đặc biệt là trong một cuộc khủng hoảng. Mọi người xung quanh tôi đều chung tay mỗi người một việc. Thay vì bức dọc câu kính – hay tệ hơn, ngồi một chỗ rên rỉ – những thành viên như Alan thực sự đã cố gắng để tìm ra cách giải quyết vấn đề.

Những thành viên Đảng Bảo thủ cũng đang rối loạn. Tôi đã viết về William Hague ở đâu đó, nhưng tôi không biết liệu Hague của hôm nay có đi lên vết xe đổ của Hague ngày hôm qua không. Ông ta ít nhiều đã hậu thuẫn cho cuộc biểu tình; không hẳn là hoàn toàn, nhưng không ít thì nhiều. Cơ hội luôn gõ cửa nhà lãnh đạo của đảng đối lập, nhưng đôi khi, yên lặng và lắng nghe tiếng gõ là sự lựa chọn hoàn hảo. Làn sóng dư luận nổi lên, nhưng khi “gió” đổi chiều, nếu bạn không cẩn thận và vẫn cố “ngược chiều gió”, hẳn bạn sẽ mắc cạ.

Công chúng rất bất bình trước giá xăng; và đa số ủng hộ thái độ của những người biểu tình. Nhưng cả đất nước đang dần bị mắc kẹt không phải là một ý tưởng hay và công chúng cũng biết điều đó. Cuối cùng, họ dần nhận ra, như từ trong tiềm thức, đâu mới là hành động hết sức vô trách nhiệm. Sau khoảng bốn ngày mọi hoạt động rơi vào trạng thái trì trệ, tâm lý “thôi đủ rồi” bắt đầu lan tràn trên cả nước như một hồi chuông cảnh tỉnh. Dần dần từng bước, từng bước “trời yên, biển lặng”.

Tôi đã từng không hài lòng với những điều đáng bàn cãi xoay quanh vấn đề của của các Công đoàn trong nhiều năm nay, nhưng tôi phải nói rằng trong cuộc khủng hoảng này họ đã phản ứng rất tuyệt vời. Họ nghiêm khắc lên án những người biểu tình, đưa ra luận cứ vững chắc rằng Công đoàn nào đang “vào hùa” với những người biểu tình sẽ được xem như những kẻ bãi công liều lĩnh. Lần đầu tiên trong đời, tôi đã khen ngợi John Edmonds của Tổng Công đoàn Anh (GMB) và Bill Morris của Tổng Công đoàn Vận tải (TGWU) và tôi thực sự rất biết ơn Ủy ban Công đoàn (TUC).

Tôi kêu gọi Jim Callagan đứng lên ủng hộ chúng tôi và ông đã phát biểu trên chương trình Today (Ngày nay) rằng ông ủng hộ Chính phủ và tôi trên phương diện cá nhân (mặc dù ông đã từ chối một cuộc phỏng vấn, vì cho rằng có thể họ sẽ yêu cầu ông so sánh cuộc biểu tình này với những cuộc bãi công trong những năm 1970). Hiệp hội Công nghiệp Anh cuối cùng cũng “thức tỉnh” và ủng hộ về mặt tinh thần.

Từ ngày 13 đến 16 tháng Chín, tình hình tiếp tục diễn biến tồi tệ, nhưng vẫn tiến triển qua từng ngày. Chúng tôi thành lập một Ủy ban liên minh với các công ty dầu lửa để lên kế hoạch ngăn chặn các cuộc biểu tình như vậy trong tương lai. Đến ngày 17 tháng Chín, hơn 60% trạm xăng đã được mở cửa trở lại. Hiện tượng đầu cơ xăng dầu cũng chấm dứt.

Sự việc đã lắng xuống, nhưng Chính phủ đã phải gánh chịu những thiệt hại đáng kể. Bạn thực sự phải liên hệ ngay với giới truyền thông – nếu không một khi mọi chuyện vỡ lở, chúng tôi ngay lập tức bị quy trách nhiệm vì đã không hành động kịp thời và tích cực hơn để ngăn chặn các cuộc biểu tình lan rộng. Thật là khác thường, thậm chí là khôi hài. Họ không ngần ngại lên giọng khiển trách chúng tôi vì đã không dập tắt ngọn lửa mà họ đã ngang nhiên châm ngòi ngay dưới chân. Cuối cùng, tôi nghiệm ra hai điều. Điều đầu tiên là chẳng có ích lợi gì nếu “đổ thêm dầu vào lửa”; bản chất con người vô cùng cố chấp, vì vậy nổi giận thì chỉ phí sức (đây là một châm ngôn rất hay, nhưng thời gian cho thấy để thích nghi thật không dễ dàng gì). Điều thứ hai là đừng cố so sánh một lãnh đạo Đảng Lao động với một lãnh đạo Đảng Bảo thủ bởi họ thuộc hai phe đối lập. Biết mình biết ta thì mọi chuyện sẽ yên ổn; đương nhiên là bạn phải hiểu điều đó.

Dư chấn từ những vụ biểu tình phản đối giá nhiên liệu khiến chúng tôi phải tổ chức Hội nghị trong nội bộ Đảng vào cuối tháng Chín với vô số bức xúc. Một cuộc bỏ phiếu thăm dò đã cho thấy chúng tôi đang theo sau Đảng Bảo thủ với tám điểm cách biệt.

Những cuộc bỏ phiếu kín thực sự là cơn ác mộng. Tất cả những nhà lãnh đạo sẽ nói họ không hề quan tâm đến lượng phiếu bầu, nhưng chẳng ai lại không để ý cả. Vấn đề là những cuộc bỏ phiếu cũng chỉ đơn thuần là một kiểu chụp ảnh lấy ngay để trưng cầu dân ý (những ý kiến này có thật, nhưng bột phát và vì thế mang tính nhất thời) hoặc chúng là những ý kiến theo “số đông” (có khả năng tương đối lâu dài). Bạn không thể biết sẽ là điều nào trong hai điều trên.

Nhưng những cuộc bỏ phiếu đó rất quan trọng bởi vì trên tất cả, những người ủng hộ bạn và giới truyền thông rất quan tâm đến chúng. Chúng giúp tạo ra một “làn sóng” và chính “làn sóng” này là nền móng vững chắc củng cố kết quả bỏ phiếu. Bạn có thể theo dõi bất cứ cuộc bầu cử nào ở nước Mỹ và cách các cuộc bỏ phiếu tạo nên “cơn sốt” thật kỳ diệu. Về phía các phương tiện thông tin đại chúng nói riêng hay tất cả chúng ta nói chung, đều không tin vào “chính kiến” của mình – chúng ta có thể nghĩ “X”, nhưng sau khi cuộc bỏ phiếu chỉ ra “Y”, thì

chúng ta nghĩ, “Chà, có thể “Y” mới là đúng”.

Kết quả của việc này có thể không đáng bàn cãi; nó có thể giảm nguy cơ tranh cãi về một vấn đề. Một trong những yếu điểm của các cuộc bỏ phiếu, như tôi đã nhận ra, là chúng không lường hết được mức độ cởi mở của mọi người đối với những ý kiến thuyết phục. Vậy nên “kiểu ảnh chụp lấy ngay” có thể đưa ra kết quả “Y”, nhưng thực tế công chúng có thể bị thuyết phục để tin theo “X”.

Qua thời gian, tôi bớt quan tâm tới việc bỏ phiếu (điều này có thể trùng hợp với việc các cuộc bỏ phiếu không còn mang yếu tố “cầm cân nảy mực” nữa!), nhưng tôi vẫn thường xuyên hỏi họ theo dõi theo nó. Và rồi Philip Gould và những nhóm “phe cánh” của ông ta xuất hiện. Philip là một người ủng hộ tuyệt vời, đôi lúc vai trò “hoạt náo viên” cũng quan trọng ngang với vai trò của một nhà chiến lược chính trị, nhưng tôi đã từng bật cười trước sự gập gờ kỳ lạ giữa tư tưởng của cá nhân ông ta và ý tưởng mà các nhóm có ý định trình bày. Một lần nữa, rõ ràng kết quả phụ thuộc rất nhiều vào suy nghĩ của mỗi cá nhân. Mặc dù những cuộc trưng cầu dân ý không cung cấp đầy đủ những thông tin cần thiết, nhưng những nhóm này được chọn dựa trên một cơ sở rất “khoa học”, tiêu chí để lựa chọn bất cứ nhóm người như này là họ phải tuyệt đối làm nô lệ cho tâm trạng của mình trong ngày hôm đó, bất kỳ trải nghiệm mới nào, họ nghĩ điều mình nên nghĩ và trên hết tiếng nói của họ đại diện chung cho cả nhóm, thể hiện sự quả quyết và khả năng ảnh hưởng đến bất kỳ một nhóm người xa lạ nào trong lần tụ họp đầu tiên. Tôi luôn muốn tham dự một cuộc như thế trong bí mật và rồi cuối cùng sẽ đứng ra đối chất với họ trước tất cả những lời vu khống xấu xa mà họ vừa mới thốt ra về tôi!

Nhưng ham muốn chính trị “đánh hơi” những luồng gió mới để đảm bảo tập trung và duy trì tính uy nghiêm trong các cuộc bỏ phiếu là một suy nghĩ mê muội. Ban đầu bạn nhận ra cảm giác của các vị giáo sỹ trong những ngôi đền cổ xưa trong những ngày “ngoại đạo”, cố tìm cách đọc các điềm báo. Tôi cá là họ rất giống Philip và một trong những nhóm của ông ta và dự đoán và kết quả mà họ đạt được không khác nhau là bao. Vì vậy họ cũng như các cuộc bỏ phiếu, nên được “chăm sóc” kỹ lưỡng. Nhưng thực tế thì lại trái ngược hoàn toàn.

Trong hội nghị lần này, khoảng cách dẫn trước tám điểm của Đảng Bảo thủ có vẻ như vô cùng mong manh, nhưng nó cũng giáng cho chúng tôi một đòn. Chúng tôi phải khẳng định rằng điều tôi nghĩ là vấn đề tiềm tàng cơ bản. Người ta nghĩ rằng chúng tôi là một Chính phủ tập quyền, Đảng Bảo thủ nhảm nhí và chẳng đáng được gọi là Phe đối lập. Giờ đây, tất nhiên, đối với chúng tôi, những người đang ngồi giải quyết những công việc vụn vặt hàng ngày, mọi việc không hẳn như vậy – chúng tôi đang phải chịu áp lực nặng nề đến khó tin – nhưng công chúng, được các phương tiện truyền thông “tiếp tay”, có thể sẵn sàng chỉ ra những dấu hiệu của sự kiêu căng và ngạo mạn. Đây là một phần lý do khiến họ sẵn sàng về phe những người biểu tình: họ không thực sự muốn chúng tôi thua cuộc, nhưng “chọc gậy bánh xe” một chút thì cũng đáng đời chúng tôi lắm.

Chúng tôi cũng vô tình xung đột với những người hưu trí của Anh. Một trong những điều phi thực của tạo hóa là khi con người ta già đi, họ trở nên nhân từ hơn, nhân nhin hơn, thư thái hơn và thờ ơ hơn với cách cuộc đời đối xử với họ. Theo kinh nghiệm của tôi thì không như thế.

“Càng già càng khó tính”, tại sao tôi lại nói vậy? Vào thời gian đó, tôi nhớ rõ chuyến thăm một văn phòng bất động sản để chuẩn bị khai trương một nhà trẻ mới. Trong lúc tôi vừa đi xuống đường và bắt tay với vài nhà hảo tâm. Đột nhiên, tôi liếc mắt và bắt gặp cảnh một người cao tuổi, một người phụ nữ, gương cao tắp áp phích với: “Blair, ông là đồ bỏ đi”. Không thể tin nổi. Tôi thực sự đã rất sốc. Bà ta trông giống như một người bà nhân từ điển hình. Suýt nữa tôi đã dừng lại để nói chuyện với bà ta, nhưng rồi tôi đã khôn ngoan hơn khi từ bỏ ý nghĩ đó.

Mẹ vợ tôi – nhân đây, một người mẹ tuyệt vời của Cherie và luôn là “bến đỗ bình yên” đối với cả gia đình – đã từng nói cho tôi về quan điểm của những người hưu trí và giống như những người vận động hành lang, bà đã gặp gỡ những người tốt nhất trong số họ. Tôi đã từng suy

ngắm về số tiền đổ vào các hãng vận động hành lang đắt đỏ ở Westminster chỉ để có cơ may nắm được sự ủng hộ của vài thứ trưởng và ở đây, ngay tại trung tâm phố Downing này có một người phụ nữ đang mở một lớp dạy cao cấp về nghệ thuật thuyết phục. Tuy nhiên, đây là một khúc dạo nhằm chán: sự đối xử gây phẫn nộ của Chính phủ dành cho người hưu trí.

Đáng chú ý và gây phẫn nộ, khi hầu như không có sự liên hệ nào giữa mức trợ cấp dành cho người cao tuổi và cường độ phẫn nộ. Trong vài năm trước, khi Chính phủ chi tiền trợ cấp và có thể đã vô tình bỏ lỡ một nhóm tuổi hoặc một lớp người hưu trí nào đó. Việc làm này tạo cơ hội cho những người được hưởng trợ cấp cảm thấy tự hào khi ra tay thể hiện tình đoàn kết với những người mà họ cho rằng đã bị chúng tôi lãng quên một cách nhẫn tâm.

Tôi phóng đại vấn đề này lên để làm rõ một điểm. Có những người thể hiện sự biết ơn chân thành với những gì mà chúng tôi đã làm, chính những phương pháp đó đã khiến thu nhập của những người hưu trí già nhất, túng thiếu nhất và dễ gặp rủi ro nhất tăng vọt lên mức cao nhất từ trước đến nay. Những biện pháp này tự thân chúng đã là đòn phản công chí mạng đối với quan điểm ngó ngẩn trong một bộ phận cánh tả rằng chúng tôi đã phản bội những lá phiếu “truyền thống” của mình. Chúng tôi đã làm những việc mà không Chính quyền Đảng Bảo thủ nào đã từng làm, hay thậm chí là nghĩ đến việc thực hiện. Và chúng tôi làm thế với những động cơ tốt, dù như tôi đã nói lòng biết ơn không phải lúc nào cũng tương xứng với lòng hào hiệp.

Nhưng vào mùa hè năm 1999, chúng tôi đã xáo tung tất cả. Chúng tôi đã áp dụng những quy định thông thường trong việc đẩy cao mức lương hưu cơ bản cho phù hợp với tỷ lệ lạm phát, vốn là thấp. Kết quả? Tăng 75 điểm. Chúng tôi vẫn đang ở trong giai đoạn 2 năm thắt chặt giới hạn chi tiêu. Đây là luật. Chúng tôi đã áp dụng chúng.

Những người hưu trí, không ngạc nhiên lắm, đã không mấy hài lòng. Dù mẹ vợ tôi có phân tích vấn đề này theo chiều hướng “giảm nhẹ”, sinh động hơn, nhưng rõ ràng là chúng tôi đang lâm vào một vấn đề nghiêm trọng. Chúng tôi đã chỉnh sửa nó trong Ngân Sách bằng cách tăng số tiền, nhưng, một lần nữa, đã gây ra thiệt hại.

Tại cuộc họp toàn Đảng năm 2000, tôi quyết định nhận lỗi và “ăn một phần bánh nhún nhường”. Gordon và Alistair Darling đã phản ứng lại vì họ cho rằng việc thú nhận sai sót là rất nguy hiểm, nhưng tôi lại thấy việc đó đáng làm. Dù sao đi nữa, thực sự chúng tôi đã sai.

Phần còn lại của bài phát biểu liên quan đến việc nâng cao vị thế của Đảng bằng cách khơi dậy niềm tự hào về những việc chúng tôi đã làm; tiếp thêm nghị lực cho họ bằng cách đặt ra những việc cần làm tiếp; và thêm vài dòng chiến sự về khả năng chúng tôi có thể thua Đảng Bảo thủ bao nhiêu điểm.

Bài phát biểu đã diễn ra suôn sẻ. Tôi đã có thêm một bài học trong thời gian chuẩn bị cho hội nghị này. Tôi thực sự rút ra được nhiều kinh nghiệm trong những buổi diễn thuyết quan trọng như vậy. Nó diễn ra hết sức tự nhiên chứ không chỉ đơn thuần là hoạt động tinh thần hay thuộc về thuật hùng biện. Và tôi chảy mồ hôi rất nhiều. Vì thế, trước buổi diễn thuyết, chúng tôi đã ở trong một phòng khách sạn, tính xem nên mặc gì. Tôi đã chọn một bộ áo sơ mi/cà vạt rất hợp. Không may thay cái áo lại màu xanh da trời và đến cuối bài nói của tôi nó đã ướt sũng. Cuối cùng, trang nhất các báo đều giật tít như “Blair đổ mồ hôi vì áp lực”... Kể từ đó trở đi, tôi luôn mặc một chiếc sơ mi trắng trong những buổi thuyết trình quan trọng!

Sau mùa hội thảo, không khí vẫn tiếp tục ngột ngạt. Mọi chuyện không rõ ràng, cũng không hẳn sai, nhưng cũng không đúng hoàn toàn. Mỗi trường thông tin đại chúng lắm thủ đoạn. Alistair đang nói về việc tiến triển và Anji cũng thế. Tình trạng hiện tại quá lung lay.

Một phần trong vấn đề của Đảng Lao động mới là ngay từ đầu, nó đã là sự kiến tạo của một nhóm người có quan hệ rất mật thiết. Mãi đến gần cuối nhiệm kỳ một thế hệ người trẻ tuổi có năng khiếu xuất hiện một cách thành công, những người có khả năng thay thế những vị trí lãnh đạo và mở rộng sức ảnh hưởng của chúng tôi. Những chính trị gia có thâm niên xung quanh tôi

đều là những “vận động viên” xuất sắc và dẻo dai; nhưng JP hiển nhiên không có khuynh hướng vào Đảng Lao động mới; với Gordon thì rất khó nói. Ở một mức độ nào đó, Gordon, ngoài những căng thẳng trong nỗ lực đẩy mạnh việc cải cách cấp tiến đang được định hình; thì trong bất cứ trường hợp nào mối bận tâm của ông cũng là quyền kế nhiệm và ông luôn lo lắng rằng bất cứ khó khăn nào cũng có thể làm giảm khả năng quyền kế vị. David Blunket, tất nhiên, luôn về chót, nhưng những người khác như John Reid và Charles Clarke vẫn đang theo sát nút. Robin Cook cũng theo đuổi đến cùng – một phần là do những mối quan hệ đáng sợ giữa ông và Gordon tại thời điểm đó – nhưng đừng hy vọng trông chờ, dựa dẫm vào Cook nếu mọi việc trở nên tệ hại. Jack Straw rất ủng hộ tôi nhưng lại không phải là khả năng đứng mũi chịu sào.

Vì vậy tôi thực sự ý thức được rằng mình phải đứng ra gánh vác trách nhiệm, rằng tôi phải chèo lái và tiếp tục chèo lái; cho dù khả năng còn kém, kinh nghiệm chưa đủ dạn dày. Nói ra điều này nghe có vẻ kỳ cục, nhưng tôi cảm thấy mình vẫn còn phải học hỏi rất nhiều điều và còn phải nỗ lực rất nhiều. Tôi thường cảm thấy tự ti, không đủ dũng khí. Tôi biết rằng nếu rơi vào một tình thế xô đẩy thì tôi sẽ cố gắng hết sức, nhưng tôi còn quá nhiều sự khắc khoải, bồn chồn trong lòng khác hẳn với những gì được thể hiện bên ngoài – có thể điều này luôn đúng với những người nắm giữ những vị trí quan trọng như thế này – và ở khía cạnh nào đó, tôi cảm thấy mình vẫn còn nhiều thiếu sót.

Cherie luôn ủng hộ tôi hết mình, tất nhiên rồi, nhưng cô ấy không ở bên tôi trong lúc làm việc, vì vậy những người luôn kề vai sát cánh bên tôi mới là những người có tầm ảnh hưởng thực sự. Họ là một đội ngũ có tài năng nổi trội và cảm giác của tôi lúc này không khác một huấn luyện viên bóng đá là mấy khi anh ta có một đội hình mơ ước, cân bằng một cách hoàn hảo giữa những yếu tố thiên tài công hưởng với cả sự tận tụy nữa. Khởi cần phải nói, anh ta không muốn mất đi ngôi sao sáng giá nào cả.

Tôi vừa kịp học cách trốn tránh mỗi ràng buộc này – và nó là một sự ràng buộc; rằng ngoài kia trên “đường đua cuộc sống” còn có nhiều “vận động viên” tài giỏi. Sự thay đổi rất mới lạ hẳn là những thách thức đối với những đường lối cũ; nhưng tôi vẫn đang trên đà “tăng tốc” và tôi nghĩ mình không thể xoay sở nổi nếu thiếu đi đội hình cũ tiếp sức.

Mãi về sau tôi mới nhận ra áp lực mà Alastair đang phải chịu đựng và mãi về sau tôi mới chuyển tới một nơi yêu cầu những kỹ năng khác phù hợp với những kỹ năng mà ông ta có. Thời gian đó, kỹ năng giao tiếp vẫn là “bậc quân vương”. Tất nhiên, kỹ năng giao tiếp thì vẫn luôn rất quan trọng, nhưng trong những ngày trước đây, nó là chiếc “chìa khóa vàng” cho mọi vấn đề. Sau này, tôi có đề ra chính sách về vấn đề đó và kỹ năng giao tiếp dần “thoái vị”, cho dù vẫn giữ vai trò thiết yếu.

Alastair đang trở nên kiệt sức và hay gắt gỏng và anh ta còn bị gây phiền hà bởi cánh báo chí, những người mà anh ta càng ngày càng không ưa gì, cũng vì vậy mà xử lý các tính huống liên quan đến họ không được khéo léo cho lắm. Cả anh ta và Anji đều bị tôi trút giận lên đầu và gây áp lực một cách ích kỷ và túng quẫn. Họ cùng tôi san sẻ gánh vác những khó khăn chung, nhưng trong khi làm thế, họ đã vô tình tạo áp lực cho chính mình. Và đó là một gánh nặng rất lớn.

Vào những tháng cuối năm 2000, tôi đã cố gắng thuyết phục cả hai người ở lại, vì cố gắng quá nên có lẽ tôi đã thiếu tế nhị. Nhưng cuộc đời là thế: Đi một ngày đàng học một sàng khôn.

Chúng tôi vẫn cố gắng để đưa những nguyên tắc cơ bản của chính sách vào kế hoạch cải cách. Tôi đã phác họa phương hướng cải cách tổ chức Trường học, dịch vụ Sức khỏe toàn dân, luật Hình sự, quỹ Phúc lợi và Dịch vụ Hành chính công. Tôi đã vô cùng nản chí vì không hiểu tường tận về từng nguyên tắc và thường xuyên cố gắng mở rộng nó. Tất nhiên, một Thủ tướng không thể là một người “Biết Tuốt” hay là một chuyên gia về một nguyên tắc nào đó, ngoại trừ một loạt các hoạt động thường được liên hệ với một cuộc khủng hoảng, nhưng dù sao tôi vẫn gặp gỡ những nhóm chuyên viên trên chính trường, những người hiểu rõ cơ sở của sự thay đổi và muốn tiên phong trong phong trào cải cách đó. Họ cải thiện hiểu biết của tôi khi tôi cố gắng

mày mò học hỏi những mớ hỗn độn, những điều phức tạp ẩn giấu trong bản chất của bất kỳ quy trình thay đổi nào. Tôi chắc chắn rằng, giờ đây chúng tôi có thể giảng buổi, tự tin cho chèo lái con thuyền “nhiệm kỳ thứ hai” này tiến lên phía trước. Trong mọi lĩnh vực tôi đều có một kim chỉ nam khá vững chắc. Tôi ngày càng tự tin hơn về các lập luận, càng lúc càng chắc chắn rằng chúng tôi đang đi đúng hướng. Vấn đề duy nhất là, tôi không chắc mình nhận được bao nhiêu hỗ trợ để “cập bến” thành công.

Trong lúc đó, có một số sự kiện chòng chéo với chương trình của tôi, xô đẩy nó theo nhiều hướng khác nhau. Nạn lụt nghiêm trọng đã diễn ra ở nhiều vùng trên cả nước, một thảm họa tự nhiên kéo theo những đòi hỏi về thời gian và lực lượng. Tôi đã thực hiện một vài chuyến viếng thăm để khích lệ tinh thần và đảm bảo với người dân rằng chúng tôi đang cố gắng hết sức để khắc phục. Lũ lụt có thể gây ra những thiệt hại đáng kể, nó xuất hiện đột ngột cuốn theo hàng tỷ bảng với một tốc độ phi mã. Khi tôi đến thăm York, mọi người ở đây đều đang rất cố gắng khắc phục hậu quả của trận lũ lụt, nhưng rõ ràng là phải mất hàng tháng trời mọi việc mới có thể trở lại bình thường. Với nguy cơ lụt lội tăng cao do biến đổi khí hậu, các công ty bảo hiểm, Chính phủ và các doanh nghiệp – cũng như toàn bộ các thị trấn và làng mạc – đều phải ngồi lại và hoạch định lại các chính sách. Cuối cùng, chúng tôi cam kết đầu tư một tỷ bảng vào công tác phòng chống lũ lụt.

Rồi sau đó đến vụ tai nạn đường sắt ở Hatfield ngày 17 tháng Mười, khi một chiếc xe lửa tốc hành có lịch trình từ London đến vùng Đông Bắc bị trật đường ray, đây cũng là chuyến tàu mà tôi thường xuyên sử dụng khi di chuyển. Bốn người chết – một cú sốc lớn, đặc biệt nó xảy ra chỉ một năm sau vụ đâm tàu ở Ladbroke Grove, làm chết 31 người.

Vụ việc này dẫn đến một cuộc điều tra chính thức đối với ngành đường sắt, những tranh luận về việc tư hữu hóa lại được đưa ra bàn luận và có quá nhiều trăn trở về những việc cần phải làm. Nguyên nhân của vụ tai nạn là do một vết nứt trên một trong các thanh đường ray, đây là một việc nghiêm trọng vì nó có nghĩa là có thể còn tồn tại các vết nứt khác. Chúng tôi đã gặp những người phụ trách đường ray tại trụ sở Số 10 và JP, người phụ trách giao thông vận tải, đã rất nghiêm khắc khiển trách họ. Có lẽ ông ta đã đúng khi làm thế, nhưng một vấn đề khác đã ngay lập tức thu hút toàn bộ sự quan tâm của tôi.

Các công ty đường sắt, được Bộ Giao thông Vận tải khuyến khích, đã có một hành động trốn tránh có khả năng rủi ro cao, đó là đưa tất cả xe lửa vào tình trạng hoạt động lăn công. Tôi biết rằng ngay khi cơn sốc tức thời về vụ tay nạn “bay hơi”, người dân, theo bản chất, sẽ quay lại cuộc sống bình thường và điều họ muốn là những con tàu sẽ chạy đúng giờ và hy vọng những chuyện tương tự như thế này sẽ không bao giờ xảy ra.

Trong khoảng một năm sau đó, giữa tôi và Bộ Giao thông diễn ra một màn kịch câm. Tôi đã tuyệt vọng khi cố gắng kéo họ quay lại lịch trình ban đầu, vì tôi nghĩ rằng họ đang quá cẩn trọng. Họ phản đối vì nghĩ rằng tôi đang quá mạo hiểm. Số cuộc họp tôi; những cái đập bàn; cơn tức giận; đã thay đổi mức độ lịch sự giữa tôi với JP.

Những tháng sau đó vào năm 2000 tiếp tục bị chi phối bởi những sự kiện dồn dập, tới tấp chòng chéo nhau. Vào tháng Mười, Milosevic sụp đổ – giờ phút trọng đại, tất cả đường phố Belgrade như hồi sinh trong xúc cảm và hy vọng – và Donald Dewar, Bộ trưởng đầu tiên của Scotland, qua đời. Ông ấy là một đồng nghiệp tuyệt vời và dù chúng tôi chưa bao giờ là bạn thân, tôi vẫn cảm thấy một mối liên hệ mạnh mẽ với ông. Tôi tin tưởng ông. Ông có một bản ngã chân chính. Thông qua Derry và vợ cũ ông ta là Alison, tôi biết rõ các con của ông. Tôi đã từng đến thăm ông trong căn hộ của ông ở New Town, Edinburgh vài tuần trước khi ông mất, khi đó ông đang phục hồi từ trận ốm trước nhưng vẫn có biểu hiện của bệnh xuất huyết não. Dù tôi đã quen biết ông nhiều năm, đến lúc đó tôi vẫn chưa bao giờ thăm nhà ông và đã khá ngạc nhiên khi nhìn thấy bộ sưu tập các nghệ sĩ theo trường phái Ấn Tượng của Scotland và các phim âm bản rất giá trị. “Tôi chưa bao giờ biết đến điều này”, tôi nói.

“Tôi chưa bao giờ khoe với anh cả”, ông trả lời, rất Donald.

Trên phương diện chính trị, tôi luôn cảm thấy điều này, thăm sâu bên trong, Donald là một người theo Đảng Lao động mới. Ông là người am hiểu và có tinh thần cao, một sự thiếu kiên nhẫn với ý thức hệ và hiểu biết thường thức rất chân thật về bản chất. Sự ra đi của ông là mất mát không thể bù đắp được ở Scotland. Ông là một người cha mẫu mực; người tạo ra một Scotland như ngày nay; và rõ ràng là một người đàn ông có tầm cỡ. Đám tang của ông là một sự kiện buồn. Lạ thay, tôi cảm thấy mình như một người ngoài cuộc. Đám tang mang đậm chất Scotland và GB đã chỉ đạo- ông ấy đã phát biểu một bài điệu văn rất ấn tượng, Gordon đã làm tốt nhất có thể.

Tôi cũng dành rất nhiều thời gian quan tâm đến diễn biến thương mại ở châu Âu. Hội nghị thượng đỉnh Nice diễn ra vào đầu tháng Mười hai đang đến gần, lúc đó chúng tôi sẽ đưa ra quyết định về luật bỏ phiếu mới để phục vụ lợi ích cho cả cộng đồng chung châu Âu. Tôi mời Jacques Chirac tới ăn tối tại một quán rượu tại khu vực bầu cử của tôi để thảo luận và ông ta đã cố gắng tỏ vẻ khen thức ăn rất tuyệt hảo, nhưng đoàn tùy tùng của ông ta lại mĩa mai khẩu vị của tôi khá rõ rệt. Bên ngoài quán rượu, Cảnh “săn cáo” đang “biểu tình”.

“Săn cáo”; sắp có chuyện rồi đây. Trên chính trường luôn có những phần vô cùng kỳ lạ, ví dụ, cách bạn lâm vào những tình thế dẫn đến tranh luận nảy lửa đến khó tin mà thậm chí không có ý đó hoặc không muốn thế. Chủ đề săn cáo nảy sinh từ một trong những phương thức lập pháp trong nước mà tôi tiếc nuối nhất, cùng với Đạo luật Tự do Thông tin. Cả hai đều là những nguyên nhân rất tiến bộ (ít nhất là đối với một số người); cả hai cũng là nguyên nhân của những biến động chính trị đầy sóng gió và vì một lý do nào đó, Chúa biết rõ điều này.

Nhưng “săn cáo” đem lại nhiều đau đớn nhất. Bản thân vấn đề đã vượt qua các ranh giới về quan điểm một cách đáng chú ý, lượn đường ziczac qua các đồng cỏ của miền Trung nước Anh, khu trung tâm của giai cấp lao động và các quý tộc lỗi thời. Vấn đề là ở chỗ, bạn không bao giờ đoán được phản ứng của mọi người với nó. Bạn luôn gặp phải những “kẻ Bảo Thủ”, đối với họ một lệnh cấm là điều ảo tưởng chính trị tối cao; và bạn có những “người Lao Động” thuần nhất, những người thà chết chứ không chịu điền vào lá phiếu ủng hộ Đảng Bảo thủ, những người từng muốn “giết” tôi vì đề xuất cấm “săn cáo”.

Người ta trước đây cho rằng đây là vấn đề giai cấp – và đối với một số người thì thực sự đúng là như vậy. Với những người khác, đó là vấn đề động vật. Tôi nhớ có một thư ký từ văn phòng Vườn Thực vật phổ Downing đã đến gặp tôi ở Chequers trong khi tôi vẫn đang nghiên cứu. Cô ta nói với tôi trong đôi mắt ngấn lệ rằng cuối cùng thì công lý cũng đã được thực thi cho những con cáo bé bỏng. Tôi đã từng tổ chức các cuộc họp với cố vấn của mình hoặc những nghị viên phụ trách tổ chức và chỉ ngồi đó rồi nói: những người ta khó lòng đồng cảm với việc này; điều đó là không thể. Chà, nếu họ có làm, chắc chắn họ sẽ nói với tôi. Và họ đã đúng. Gerald Kaufman – Gerald khôn ngoan, đúng mực, trung thành – đã nói với tôi: nếu Ngài không làm việc này, tôi không thể tiếp tục ủng hộ Chính phủ được nữa. Ông ta không thực sự có ý đó, tất nhiên; nhưng ông ta ước là mình đã làm vậy. Vấn đề này khơi dậy những cảm xúc rất sơ khai. Nếu tôi đề xuất giải quyết vấn đề trợ cấp hưu trí bằng phương pháp chết êm ái bắt buộc cho một trong năm người hưu trí, có thể tôi đã gặp ít rắc rối hơn.

Và đây là bài học chính trị thực sự. Bạn phải “cảm thấy nó” thì mới thành công được trong chính trị. Bản năng bắt nguồn từ trí tuệ xúc cảm. Nhìn chung, tôi đã cảm thấy nó, vì thế, tôi đều nắm bắt được mọi việc. Thế nhưng, với việc này, tôi lại nhầm lẫn hoàn toàn. Tôi không hề “cảm” được nó. Tôi đã không hiểu được tại sao đây là một phần cuộc sống của những người thợ săn cáo. Tôi không hiểu tại sao đây lại là tội ác cơ bản đối với những người muốn ban hành lệnh cấm. Kết quả? Thảm họa.

Tôi chẳng có kiến thức gì về môn thể thao này. Tôi đã nghĩ việc người ta muốn rong ruổi quanh một con cáo là khá kỳ cục, nhưng sau khi đọc cuốn Trollope của mình tôi chợt hiểu ra đó

là một phần trong lịch sử của chúng ta. Tôi đã không hiểu – nhưng trời ạ, về sau thì tôi hiểu – rằng đó là một phần không thể thiếu trong cuộc sống nông thôn.

Tôi đã mắc một sai lầm chết người là không kết thúc vụ việc ngay từ đầu. Thay vào đó, tôi đã để nó vượt ngoài tầm kiểm soát. Người ta nâng cao kỳ vọng. Trong một chương trình TV tôi đã ngu ngốc khẳng định là hiện tượng đó sẽ chắc chắn bị cấm. Tất nhiên tôi có mẫu phiếu bầu, tôi đã bỏ phiếu yêu cầu cấm nó hoặc nói rằng tôi muốn cấm hoặc rằng tôi đã ký đơn kiến nghị điều gì đó. Dù sao, tôi đã khẳng định “vì thế” của mình là chính thay vì dẫn đo suy nghĩ. Lúc tôi làm vậy, tôi đã bị “vây”. Và mắc kẹt. Cuối cùng, tôi cảm thấy mình giống một con cáo khốn khổ.

Vấn đề là, như tôi nói, tôi không thể hiểu được chuyện đó, nhưng Philip Gould bắt đầu nói với tôi rằng đây là vấn đề niềm tin. Sally, Hilary Armstrong, Ann Taylor – toàn nói những chuyện vô liêm sỉ, cái đội ngũ hùng hồn tuyên bố “nếu cần thiết chúng ta sẽ thôn tính thế giới và cho chúng biết tay” – nói với tôi rằng: nếu không làm được điều này Ngài sẽ gặp vấn đề về khả năng lãnh đạo. “Tôi không thể tin được,” tôi vẫn đáp lại một cách vô cùng thiếu não. “Vậy hãy bắt đầu tin đi,” họ trả lời như vậy.

Nếu tôi kể cho bạn những mớ bòng bong và xáo trộn mà tôi đã phải trải qua để tránh cái ngành kinh doanh xấu xa này, có thể bạn sẽ chẳng tin đâu. Chúng tôi có những cuộc trưng cầu dân ý tại địa phương, những lệnh cấm từng phần, những lệnh phạt hành chính, lệnh phạt hình sự – đủ các loại, chúng tôi đều đã cân nhắc cả.

Những người phản đối chủ yếu là những thành viên Đảng Bảo thủ, tất nhiên, sau bao nhiêu chuyện, cuối cùng họ cũng có điều gì đó để phản đối. Và đương nhiên là họ đã phản đối, vừa đi theo tôi vừa khua chiêng gõ trống, hò hét, hát, la hét, cầu kinh. Đều là những hành động đậm chất Anh. Tôi nhớ George Bush đã từng thăm nơi đây trong lúc những người như thế tràn trên các đường phố và ông ấy đã hỏi họ phản đối gì thế? Tôi giải thích. “Cho dù anh có làm điều gì đi chăng nữa, thì là vì cái gì, anh bạn?” George nói, đánh trúng vào vấn đề.

Không may thay, “Tôi làm việc này vì cái quái gì kia chứ?” là câu hỏi mà tôi bắt đầu dùng để chất vấn mình sau khi bắt đầu tìm hiểu về săn cáo – chẳng hạn như liệu tôi có nên thử nghiệm những việc lẽ ra tôi nên làm trước khi tôi nhúng tay vào việc bây giờ không. Tôi càng tìm hiểu nhiều thì càng cảm thấy bất ổn. Tôi bắt đầu nhận ra rằng đây không phải là một nhóm nhỏ những kẻ quái đản bẩm sinh đi tìm thú vui trong giết chóc, mà là một truyền thống, được khởi nguồn bởi lịch sử và ăn sâu vào trong thói quen của cộng đồng và ý thức hệ về quyền nắm giữ xã hội, những điều đã trở thành yếu tố cấu thành nên phong cách sống. Nó có nền tảng rộng hơn và ít liên quan tới giới tinh hoa như tôi nghĩ và có vẻ có nguồn gốc với những nhóm người đã cách xa nguồn gốc công tước và phu nhân.

Có lẽ đó là tất cả những lý do khiến muốn tham gia môn thể thao này, hay thậm chí nếu tôi có thích nó, “Hãy bầu cho Đảng Lao động hay để phiếu bầu cho những con cáo” là một khẩu hiệu khá phổ biến trong một vài cuộc bỏ phiếu – nhưng cấm “săn cáo” như thế này không giống cách làm của tôi cho lắm. Không giống tôi một chút nào. Săn cáo ảnh hưởng sâu sắc tới một nhóm người, những người thuộc về thiểu số nhưng lại có quyền, ít nhất, là bảo vệ lối sống của mình.

Trong suốt kỳ nghỉ hè của chúng tôi với Strozis, chúng tôi đã tới thăm hòn đảo xinh đẹp của Elba. Chúng tôi ăn trưa với một vài người bạn của họ và tình cờ gặp một phụ nữ đứng đầu một nhóm thợ săn gần Oxford, tôi nghĩ thế. Thay vì nhieć móc tôi, bà bình tĩnh giải thích và thuyết phục tôi về những gì họ làm, về sự ảnh hưởng của chúng tới cuộc sống của họ nói riêng, xã hội nói chung thông qua việc duy trì tập quán săn bắn và những hậu quả của việc cấm săn. Cuối cùng, người phụ nữ ấy đã thuyết phục tuyệt đối.

Từ đó, tôi quyết tâm thoát ra khỏi việc này. Nhưng bằng cách nào? Chúng tôi bắt buộc phải cho phép Quốc hội thảo luận và kết quả không còn nghi ngờ gì nữa: sẽ có một lệnh cấm. Cuối cùng, một bản thỏa thuận ưu việt được đưa ra – miễn là người ta tránh giết cáo một cách tàn ác, còn

nếu không nạn sản cáo không bị cấm. Như vậy, nạn sản cáo bị cấm vừa không bị cấm. Hừm. Dù sao, đó cũng là điều tốt nhất tôi có thể làm, nhưng ngẫm lại đó chẳng phải là điều đáng tự hào trong khung chương trình hoạch định chính sách của tôi. Tôi không nên nghĩ gì cả, hãy để các bạn đánh giá.

Cuối cùng, điều luật được thực thi vào năm 2004. Lúc đó, Hazel Blears đang ở Bộ Nội vụ. Cô gọi điện cho tôi và nói “Cảnh sát đang hỏi: Ngài có muốn việc này được kiểm soát quyết liệt không, để chúng tôi đưa ra một số vụ truy tố?” Sau khi nghe tôi trả lời, cô đáp lại, “Tôi đoán là Ngài sẽ nói thế mà.”

Điều này gợi cho tôi nhớ lại việc mình đã từng thắng trong vụ cá cược với Thái tử Charles về việc này. Tất nhiên, Thái tử nghĩ rằng lệnh cấm là phi lý và nhắc đến nó bằng giọng khá ưu phiền. Tôi có thể làm rõ những khó khăn chính trị. Tôi không rõ Ngài ấy đã từng tìm hiểu rõ về nó chưa? – không lấy gì làm ngạc nhiên, vì như tôi vừa thú nhận, tôi cũng không hiểu, cho tới khi quá muộn. Chúng tôi đã cá cược là, sau khi tôi không còn tại nhiệm, người ta sẽ vẫn đi sản. “Nhưng bằng cách nào, nếu ông sắp ra lệnh cấm nó?” ông ấy hỏi.

“Tôi không biết, nhưng tôi sẽ tìm ra cách,” tôi đáp lại.

Thái Tử Charles biết rõ cộng đồng nông thôn và cảm thấy chúng tôi không hiểu nó, điều này cũng có vẻ đúng đắn. Nông dân của chúng tôi phải đối mặt với hàng loạt các thử thách rất cụ thể và độc đáo chỉ có ở Anh: họ đã từng trải qua cuộc tàn phá của BSE và vào thời điểm đó họ không thể xuất khẩu thịt bò ngoại trừ những hoàn cảnh vô cùng hạn chế; giá đất nông trang hạ; giá nhiên liệu tăng; lụt lội đã gây cho người dân nhiều khó khăn. Nhưng điều tệ hại nhất vẫn chưa xuất hiện.

Trong những tháng cuối năm 2000, chúng tôi vẫn tổ chức các cuộc họp thường lệ để chuẩn bị cho cuộc bầu cử năm 2001. Vào tháng 11, chúng tôi đến Chequers và tôi đã quả quyết rằng tính tự mãn chính là điều nguy hiểm; chúng tôi đang nắm chìa khóa của một cuộc chiến thực sự trong tay và cần phải gia tăng vị thế của mình. Chúng tôi lại đang dẫn trước trong các cuộc bỏ phiếu thăm dò nhưng tôi cố tình nhắc Phillip không nhấn mạnh vào điều này thay vì tập trung vào các khó khăn. Chúng tôi bội chi khoảng 20% và mặc dù Đảng Bảo thủ xem như không có gì đột phá, nhưng tôi vẫn vạch ra khả năng họ có thể kích động một cử tri yêu nước, đả phá châu Âu, ủng hộ chống nhập cư và kết hợp điều đó với một sự hoài nghi và lãnh đạm về chúng tôi.

Tôi đã nói rằng chúng tôi còn phải đối mặt với các lựa chọn lớn cho tương lai. Tôi nhấn mạnh nhu cầu cải cách cũng như đầu tư và đưa lời đề nghị tăng cường thịnh vượng cá nhân làm tâm điểm cho kiến nghị của chúng tôi, thông qua một nền kinh tế vững mạnh cũng như các dịch vụ hành chính công được cải thiện.

Peter và Gordon đã liên tục tranh cãi về đồng euro, Peter thì tuyên bố một cách khờ dại trước báo chí về ảnh hưởng của chúng tôi lên đồng tiền riêng. Như thường lệ, Gordon phản ứng thái quá, nhưng tôi bắt đầu lo lắng về số lượng đồng nghiệp có thái độ ghẻ lạnh với Peter và về lời lẽ vô cùng chua cay của GB dành cho anh ta. Là một phụ tá thân thiết của tôi, Peter lúc đó đương nhiên là mục tiêu của những người ủng hộ GB.

Vào đầu năm 2001, Peter bị buộc phải từ chức lần hai. Điều này là điển hình cho cách mà những thứ được gọi là vụ bùng phát các bê-bối, “bùn nóng” phun trào khắp những nơi có liên quan và nạn nhân bị trừ khử trước khi bất cứ ai có cơ hội hay dũng khí dõng đến khi thấy bùn có dính hay không.

Tờ Observer đăng một câu chuyện về Peter, đã từng đi gây quỹ cho Dome từ anh em nhà Hinduja, các thương nhân và những nhà hảo tâm Ấn Độ, rồi sau đó xin hộ chiếu cho một trong số họ. Cách câu chuyện được xử lý đã hướng người đọc tới vụ việc chứ không trực tiếp đưa ra cáo buộc gì. Đây là bài học thực sự trong những việc như thế.

Lẽ ra đã không có vấn đề gì nếu Peter chỉ đơn thuần thông qua yêu cầu xin hộ chiếu hay yêu cầu thực thi điều đó, miễn là anh ta tìm cách đảm bảo đã tuân thủ những quy trình chuẩn mực. Không có lý do thực sự nào mà S.P. Hinduja không được cấp hộ chiếu cả – anh ta đủ điều kiện và là một thương gia vừa giàu có vừa thành công, nên sẽ không nghi ngờ gì về khả năng anh ta tự chu cấp cho mình.

Nhưng đây là điều xảy ra trong những hoàn cảnh như thế: Tôi bận, Alastair bận, Peter cũng bận (còn có một câu chuyện khác, dài hơn rất nhiều đăng trên tờ Sunday Times về Peter và Gordon, việc đã làm anh ta rất bần chồn). Nếu chúng ta không cẩn thận – và thực tế là chúng tôi đã bất cẩn – chúng ta sẽ nhận thấy sự thật bị suy chuyển tí chút và sau đó bị rơi vào một cơn cuồng phong bằng ngôn từ.

Peter đã nói – theo như Alastair nhắc lại trước báo giới – rằng thư ký riêng của Peter, không phải đích thân Peter, đã thông qua yêu cầu. Thực tế, thông tin rò rỉ ra cho thấy Peter đã đề cập điều này với Mike O'Brien, Bộ trưởng Nội vụ.

Khi nhìn lại mọi chuyện, chúng ta sẽ thấy tình cảnh này thật thảm hại. Chỉ vì một lời phát ngôn sai trước báo chí, họ đã biến nó thành một vụ bê bối được thổi phồng hết sức. Peter, trước sự kịch liệt chống đối của những người ủng hộ GB, đã khá cô độc và không nhận được hỗ trợ nào ngoài hỗ trợ từ phía tôi. Điều này thực sự khác lạ, khi lúc này ta biết rằng Peter cuối cùng gia nhập Đảng Lao động trong suốt nhiệm kỳ tại vị của Gordon, nhưng tại thời điểm đó anh ta đã hoàn toàn bị cô lập như điều chúng ta vẫn thấy chính trị.

Thứ Tư – ngày trả lời chất vấn trước Quốc hội cũng đã đến. Thực sự là một cơn ác mộng đối với tất cả chúng tôi. Alastair và Derry cho rằng tình huống này không thể cứu vãn được. Jack Straw cũng cảm thấy tương tự và rất lo lắng bởi quyết định dành cho Peter đã được thảo ra và giờ đây phải được công bố. Tôi gọi cho Peter trước phiên chất vấn và bảo anh ta phải có mặt. Anh ta cảm thấy Alastair đang thúc giục tôi nhưng anh ta đã nhầm, bởi vì đó là quyết định của riêng tôi. Tôi đồng ý cho điều tra vụ việc, giao quyền chỉ đạo cho cựu luật sư của Bộ Tài chính, ngài Anthony Hammond, người đã tuyên bố Peter không hề vi phạm điều gì, trong bản báo cáo năm tuần sau đó. Đây là một kết cục thảm hại nhưng cũng phần nào an ủi cho một câu chuyện đáng tiếc xảy ra.

Peter đã chiến đấu rất dũng cảm cho vị trí của mình trong cuộc bầu cử và giành thắng lợi và rồi quay lại con đường của mình bằng tài năng vốn có, một người mà tôi đã nhớ là đã từng rất tuyệt vọng ở Nội các giữa năm 2001 và 2005.

Tuy nhiên, trở lại thời gian đó, cơn sốt bầu cử bắt đầu ủ bệnh trong phòng “nóng” Westminster. Tôi đã phác ra cấu trúc cuộc bầu cử, những đường lối chủ chốt, viễn cảnh tương lai cho từng bước cơ bản cụ thể về phương thức vận động cho chiến dịch. Việc điều tiết những bản ngã và cá tính đối lập nhau sẽ chẳng dễ dàng gì, nó có thể khiến cho mọi người nghĩ rằng họ đang định hướng nó trong khi cũng đảm bảo rằng tôi mới là người định hướng thực sự.

Chúng tôi đang tiến đến cuộc bầu cử vào tháng Năm năm 2001, nhưng một sự kiện đã diễn ra đột ngột và điều đó dẫn đến bước ngoặt cho những kế hoạch đã được đặt ra trước đó. Tôi đã ở Canada để diễn thuyết trước Quốc hội và gặp bạn tôi Jean Chrétien, Thủ tướng Canada. Ông ấy là một người khôn ngoan, nhiều mưu mẹo và dày dặn kinh nghiệm, rất xuất sắc trong các cuộc họp cấp quốc tế, nơi người ta có thể tin tưởng ông ở cách nói chuyện hợp tình hợp lý, một nét điển hình của người Canada, rất cương nghị và đáng tin cậy mà không hề huênh hoang. Nhìn chung, Jean là một người tốt, một nhà vận hành chính trị cứng rắn và không thể đánh giá thấp được.

Khi ở đó, chúng tôi được cho biết Bộ Nông nghiệp đã được thông báo về một trường hợp mắc bệnh lở mồm long móng tại một lò mổ ở Essex. Nếu chúng ta được đưa cho một mẫu thông tin như thế thì phản ứng đầu tiên thường thấy sẽ là đặt câu hỏi: liệu chuyện đó có thực sự quan trọng không? Câu trả lời là có. Một chuyện rất nghiêm trọng. Hai ngày sau khi tìm ra ổ bệnh, Ủy

ban châu Âu đã ban hành một lệnh cấm tuyệt đối tất cả các loại thịt, sữa và sản phẩm gia súc xuất khẩu từ Anh. Chẳng phải đây là một phản ứng thái quá sao? Tôi hỏi. Không. Vậy đây là chuyện thực sự nghiêm trọng. Jean Chrétien ngay lập tức coi nó là một khủng hoảng. “Hãy theo dõi nó, Tony ạ, hãy theo dõi cẩn thận. Rắc rối là ở đó đấy.” Chúng tôi ấn hành điều lệnh hạn chế di chuyển tất cả các loại gia súc. Tôi gọi cho các nhân viên của mình và hỏi đầy lo lắng khi đang ở Canada dõi theo xem liệu lệnh cấm đó có thể được gỡ bỏ trong vòng một tuần không. Giá mà tôi biết được.

Vài ngày sau đó, mặc dù vẫn ở nước ngoài nhưng tôi vẫn sinh hoạt bình thường theo giờ Anh, cố gắng kêu gọi hưởng ứng đối với vấn đề trên. Nick Brown, Bộ trưởng Nông nghiệp, tỏ ra mình đang làm rất tốt và lần đầu tiên cả bộ được thông báo đầy đủ về tính nghiêm trọng của tình hình.

Bốn ngày sau vụ việc đầu tiên, một đợt bùng phát nữa đã được xác nhận, lần này là ở đầu kia của đất nước, ở khu vực Tyne và Wear. Tiếp sau đó gần ba tháng là sự tập trung gần như liên tục vào đợt bùng phát dịch bệnh lở mồm long móng tồi tệ nhất từ trước đến giờ ở châu Âu và một trong những đợt dịch bệnh tồi tệ nhất trong lịch sử thế giới.

Bệnh lở mồm long móng ảnh hưởng tất cả động vật có móng, nhưng không hẳn làm chúng chết hàng loạt, cũng không khiến thịt của những động vật này không thể ăn được. Một vài quốc gia – Argentina chẳng hạn – có những khu vực mà dịch bệnh này đã tồn tại hàng thập kỷ. Đương nhiên, việc xuất khẩu các loại thịt này ra thị trường là không tốt và người tiêu dùng bình thường cũng không hẳn sẽ mua loại thịt nhiễm bệnh này. Bệnh chưa bao giờ lây sang người, mặc dù người ta cũng lo sợ nguy cơ lây nhiễm. Nó là một loại bệnh mà ở một mức độ nhất định không quá nguy hiểm đối với sự sinh tồn, ngay cả đối với động vật, nhưng những hậu quả thực tế của nó đối với ngành công nghiệp gia súc thì rất nghiêm trọng; nếu nó không được dập tắt, thì sau đó, hậu quả sẽ khôn lường.

Điều thực sự đã xảy ra là thịt bị nhiễm bệnh đã được tuồn vào trong nước, có thể là một cách bất hợp pháp và đã gia súc ở một nông trang nhiễm bệnh theo. Động vật được luân chuyển khắp cả nước và giai đoạn ủ bệnh có thể kéo dài khoảng 10 ngày, dịch bệnh chỉ được phát hiện – và hoạt động vận chuyển gia súc bị hoãn lại – vài ngày sau khi nó bắt đầu lây lan. Kết quả, như chúng tôi ước đoán, là chúng tôi không có bất kỳ manh mối nào dù mờ nhạt nhất về số lượng gia súc đã nhiễm bệnh, hay nơi khởi phát của dịch bệnh.

Hơn nữa, dịch bệnh lây qua đường không khí và có thể lan truyền qua các đế giày. Những lối đi, những con đường đi bộ và các yếu tố khác của ngành du lịch nông thôn đều là những nguồn tiềm ẩn nguy cơ lan bệnh. Trong vòng vài ngày, chúng tôi đã phải đóng cửa khu ngoại ô của nước Anh. Cách duy nhất để giải quyết vấn đề này là thiêu hủy cả đàn gia súc đã nhiễm bệnh. Có cả một cuộc bàn cãi lớn về việc liệu có nên tiêm phòng vắc xin không, cuộc tranh cãi đã nảy ra xung quanh cuộc thảo luận trước công chúng trong suốt thời gian của cuộc khủng hoảng. Sự thật khắc nghiệt là những tiêu chuẩn EU đưa ra đồng nghĩa với việc ngay cả động vật đã được tiêm phòng cũng cần được thiêu hủy và trong trường hợp bất kỳ, việc tiêm vắc xin không được đảm bảo có hiệu quả trên cừu; và cừu có thể lây bệnh cho trâu bò.

Gia súc đã được mang đi thiêu hủy, nhưng tất nhiên không phải tại lò sát sinh, vì vậy các giàn thiêu bắt đầu mọc ra. Một cái được dựng gần đường bay của sân bay Heathrow, để làm vui lòng các hành khách đang hy vọng được sống vài ngày trên miền quê thôn dã của nước Anh. Hình ảnh của các giàn thiêu được truyền đi trên toàn thế giới. Các lời đồn đại xuất hiện; những vụ được gọi là dịch bệnh xảy ra trên người đã được phát hiện (việc những vụ đó về sau được phát hiện không phải bệnh lở mồm long móng cũng chẳng ảnh hưởng gì). Khi chúng tôi đóng cửa các khu du lịch, người ta đoán rằng đó là để tránh rủi ro cho người. Người Mỹ là những khách du lịch kỳ cựu, nhưng họ tuyệt đối nhạy cảm với những chuyện kiểu này. Lượng khách du lịch Mỹ đến Anh giảm đi trông thấy, trên cơ sở là nếu họ đến Anh họ có thể sẽ phải quay lại với hai cái đầu.

Đến khi tôi quay về nhà từ chuyến đi vượt Đại Tây Dương, khủng hoảng hiển hiện rõ ràng trong cả mùi không khí. Tôi đã nghĩ Bộ Nông nghiệp và Nick đều đang ở đỉnh điểm của khủng hoảng. Bọn họ đều đang canh giữ miếng đất của mình một cách đồ kị và rất vui lòng khi được tư vấn tôi, nhưng tôi cảm thấy Nick đang chịu áp lực từ tôi và không muốn lên tiếng đòi quyền kiểm soát. Jonathan đã báo động tôi bằng cách miêu tả rằng tổng đài điện thoại ở nhà Số 10 đã tình cờ nối máy cho anh ta vào cuộc gọi giữa Gordon và Nick, trong đó Gordon bảo Nick đừng khuất phục trước “cung cách Thủ tướng” của tôi, nhưng quả thật sự can thiệp này không được hữu ích cho lắm.

Khi các dịch bệnh lan rộng hơn và việc đóng cửa bắt đầu ảnh hưởng tới thị trường việc làm, lao động, các đơn đặt hàng xuất khẩu, các ngành kinh doanh, các điểm hấp dẫn khách du lịch, khách sạn, B&Bs – toàn bộ kiến trúc hạ tầng nông thôn Anh – tôi cảm thấy nôn nao rõ rệt và hoảng sợ trước điều này. Tôi đã bỏ ra thêm một vài ngày nữa cho các cuộc họp bình thường, phiên chất vấn, thảo luận và hướng dẫn, sau đó tôi nghĩ: “Không, đây không phải là cách giải quyết.”

Lãnh đạo của Hiệp hội Nông dân Quốc gia, Ben Gill và người đại diện của mình, Richard Macdonald, theo như tôi thấy, đều là những công dân khôn khéo và mẫu mực. Họ đang đại diện cho một cộng đồng từng chứng kiến toàn bộ quá khứ, hiện tại và cả tương lai của mình tan thành mây khói. Ngoài kia có nỗi đau, sự khiếp sợ và cả nỗi khổ tận cùng. Ben và Richard rất thẳng thắn: câu trả lời duy nhất là cách thiêu hủy và cách duy nhất để làm việc đó là giải quyết vấn đề thật nhanh gọn.

Thách thức đặt ra là làm sao thực hiện được việc này. Chúng tôi có thể đầu tư vào nó rất nhiều nguồn lực, nhưng đầu tư vào chỗ nào? Cuối tuần đó, tôi đến Chequers sớm. Việc này luôn giúp tôi thoải mái mái đầu óc. Tôi đọc tất cả giấy tờ, nói chuyện với một vài người. Bác sĩ thú y Jim Scudamore là một người tốt, nhưng ông ấy đã bị choáng ngợp. Tất cả chúng tôi đều như vậy. Tôi trao đổi nội dung bao quát của cuộc họp một cách chi tiết nhất có thể, sau đó ngồi xuống và suy nghĩ.

Đôi khi trong một cuộc khủng hoảng, bạn phải thể hiện được hành động để duy trì tinh thần thoải mái, nhưng cỗ máy thực chất đang làm việc rất hiệu quả. Đôi khi bản thân cỗ máy không tồn tại hoặc không phù hợp và khi đó bạn phải suy nghĩ trước. Nếu không hành động sẽ trở thành vô dụng, hay tệ hơn là phản tác dụng.

Thách thức cơ bản nhất là vấn đề thuộc về tiếp vận. Bạn phải có đủ số lượng bác sĩ thú y để thanh tra đàn gia súc ở những nơi nghi ngờ có dịch bệnh bùng phát. Sau đó, bạn phải có khả năng tiến hành thiêu hủy rồi đến hệ thống bồi thường hợp lý và nhanh chóng và hệ thống trợ cấp cho những hoàn cảnh khó khăn sau sự vụ. Bạn cần có một kế hoạch mở cửa lại khu vực ngoại ô và một chiến lược thu hút khách du lịch và kéo họ khỏi nỗi khiếp sợ của bản thân. Bạn phải làm tất cả việc này trong lúc dò tìm dấu vết dịch bệnh để đảm bảo bạn không mở cửa quá sớm hay công bố chiến thắng quá vội vàng. Mặt khác, tái thiết lập lòng tin với cộng đồng nông thôn vừa bị tấn công dữ dội cũng phải kịp thời.

Khi quay lại phố Downing vào Chủ nhật, tôi quyết định tóm tắt toàn bộ sự việc và triệu tập tất cả những cố vấn thân thiết nhất của mình lại. Nhờ một điều kỳ diệu nào đó, không phải của tôi, mà là Richard Wilson, Thư ký Nội các – Cố vấn khoa học chính của chúng tôi, ngài David King, đã được mời tham dự cuộc họp bàn tròn này. Nếu ai đó nói với bạn rằng các nhà khoa học chỉ là những người nghiên cứu thiếu thực tế, thì hãy giới thiệu họ với David. Những điều anh ta nói với tôi nghe có vẻ khá lập dị, nhưng trong nhiều tuần tuần liền sau đó, nó trở thành vô giá trong việc đánh bại dịch bệnh. Bằng các loại biểu đồ và bảng biểu, anh ta đã phác họa ra hướng lây lan của dịch bệnh, cách thức chúng tôi có thể chế ngự nó nếu áp dụng các phương pháp chọn lọc phù hợp và cách chúng tôi có thể dập tắt nó theo thời gian.

Các công chức Chính phủ đã vô cùng hoài nghi. Tôi cũng vậy. Làm sao anh ta có thể dự đoán nó

như thế, khi còn quá nhiều điều chưa biết? Nhưng, gần như không còn cách nào tốt hơn, tôi đi theo lời khuyên của anh ta và với sự chính xác huyền bí, gần như không tự nhiên, dịch bệnh lên tới đỉnh điểm, giảm dần và biến mất, gần sát tuần mà anh ta đã tiên đoán. Ý tưởng của anh ta rất đáng chú ý, mặc dù tôi cũng vẫn trải qua những nghiên cứu chi tiết tỉ mỉ. Đến khi dịch bệnh đã được hoàn toàn kiểm soát vào mùa hè, tôi đã nắm bắt được toàn bộ vấn đề: nó đã bắt đầu như thế nào; đã lây lan ra làm sao; cách thức ngăn chặn; những mặt lợi và hại của việc thiêu hủy và tiêm phòng; những phản ứng khác nhau trên cừu và trâu bò; ảnh hưởng lên người; cách thức hoạt động của các nông trại và lò giết mổ; số lượng súc vật bị giết thịt trung bình trong một tuần và con số mà chúng ta tiêu thụ trong một năm.

11. Sự ủy thác cho Đảng Lao Động mới

Kỳ bầu cử 2001 là một trò chơi quái lạ và rời rạc. Kết quả đã rõ ràng: Lại một kỳ thắng lợi áp đảo của phe đa số. Cổ máy chính trị kết cấu tốt và được bôi trơn dầu mỡ của chúng tôi hoạt động một cách dễ dàng – hoặc chỉ với vẻ bề ngoài – qua mặt cổ máy giải mật Heath Robinson giả mạo: Đảng Bảo thủ. Và có thể vì sự dễ dàng đó mà kỳ bầu cử 2001 diễn ra trong quái lạ và rời rạc.

Tôi học được hai điều từ chiến dịch tranh cử này. Thứ nhất, càng ngày truyền thông báo giới chẳng có hứng thú gì với các chính sách cả, trừ phi là một chính sách nào đó gây ra tranh cãi vừa rõ ràng và vừa có ảnh hưởng lớn. Thứ hai là câu chuyện giữa TB và GB chẳng bao giờ có được một kết cục tốt đẹp, ít nhất là trong khoảng thời gian tôi làm Thủ tướng.

Cơn khủng hoảng bệnh dịch lở mồm long móng đang đi vào giai đoạn cuối. Không phải do chúng tôi tìm ra cách kiểm soát bệnh dịch này hoàn toàn hay do gia súc mắc bệnh bị tiêu hủy hết mà chỉ là do nó tự yếu dần đi. Chúng tôi kiểm soát được nó và nó không làm ảnh hưởng gì đến kỳ bầu cử. Quyết định dừng bầu cử lại một tháng là đúng đắn. Tuy nhiên, các cử tri và cả các chính khách có ý kiến cho rằng cần phải kiểm tra lại sự ủy trị của Chính phủ.

Tôi gọt giũa bản tuyên ngôn tranh cử năm 2001 rất cẩn thận và chi tiết. Tôi đã quyết định rằng chúng tôi đã và đang phạm lỗi vì quá cẩn thận và đến bây giờ phải liều lĩnh và táo bạo hơn. Tôi cũng học được nhiều về Chính phủ của mình và trên hết, tôi học được rằng nguy cơ không phải là chương trình nghị sự nào đó mà cả hệ thống chính trị đang dung dưỡng một cách bí mật mà chính là sự trì trệ. Chúng tôi đã quan sát, làm việc và trải nghiệm khiến mọi thứ dần trở nên tốt đẹp hơn và triệt để hơn.

Tôi hiểu ra rằng những cải tổ về các dịch vụ công cần một sự thay đổi mang tính cơ cấu bao gồm cả sự hợp tác gần gũi hơn nữa với các thành phần tư nhân. Tôi đã hoàn toàn bị thuyết phục rằng luật và những hình thức pháp quy là tù nhân của hệ thống luật hình sự và tổ tụng hình sự – những thứ mà đơn giản đã không còn thức thời với bản chất của xã hội thế kỷ XXI cũng như các loại tội phạm và các hình thức phạm tội. Tôi muốn một sự tập trung vào các vấn đề khoa học, công nghệ và các doanh nghiệp nhỏ để hình thành nên một phần của chính sách công nghiệp và doanh nghiệp hiện đại. Tôi đi đến kết luận rằng về vấn đề trợ cấp phúc lợi xã hội, chúng tôi phải tập trung hơn và cụ thể hơn nữa vào sự chia rẽ trong xã hội và cả mối nguy hiểm khi những gia đình trở nên lạc lõng so với dòng chảy xã hội bên ngoài. Về đồng euro, tôi vẫn gắn chặt với những thử nghiệm kinh tế trong khi hội nhập, nhưng tôi muốn tạo ra một trường hợp chính trị thực sự rõ ràng; và nếu các nền kinh tế có thể phát triển ngang nhau, tôi sẽ sẵn sàng trưng cầu dân ý cho việc sử dụng đồng tiền chung châu Âu.

Vì vậy, tôi vừa vui vừa không vui với bản nghị sự. Một trường hợp ngoại lệ đó là vấn đề cải cách đại học và học phí – chương trình mà tôi đã rút lui mặc dù đã có cam kết rõ ràng bởi vì vẫn tồn đọng những điểm khác biệt chính sách quan trọng trong Đảng và tất nhiên trong cả Bộ Tài chính. Tuy nhiên, nhìn chung, nó vẫn đánh dấu một vị trí rõ ràng và trọn vẹn của Đảng Lao động.

Chiến dịch tranh cử bắt đầu một cách lạ kỳ và luôn như thế đến tận khi kết thúc. Chúng tôi quyết định không tranh cử theo cách truyền thống cũ rích với hình ảnh mấy vị chính khách chễm chệ trong những bộ comple ngồi trong các phòng hội nghị nữa mà thay vào đó là cuộc vận động được diễn ra ở một trường học để nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục trong nhiệm kỳ thứ hai. Tôi đến thăm một trường trung học dòng của của nhà thờ St Saviour và St Olave, nằm ở Southwark phía Nam London để gặp gỡ các em học sinh, dự giờ một vài lớp học và sau đó chúng tôi tham dự một cuộc họp. Vì đây là trường dòng nên trước khi phát biểu, các thầy trò ở đây đã biểu diễn một số bài thánh ca. Khoảng khắc đó thật đáng nhớ: Tôi đứng trước một cửa sổ kính mờ, ca hát và cầu nguyện. Sau đó tôi diễn thuyết, trình bày lý do vì sao chúng ta

không thể quay về thời kỳ bùng nổ của những năm do Đảng Bảo thủ lãnh đạo. Khán giả toàn là những em học sinh nữ hầu hết chưa đến tuổi bầu cử. Ngay khi bắt đầu, tôi thấy thật buồn cười vì cái sự ngu ngốc và lối bịch này. Tuy vậy, tôi vẫn cứ tiếp tục trước sự kinh ngạc của các em học sinh và cả sự xấu hổ của bản thân, tôi kết thúc vội vã và rời đi nhanh nhất có thể.

Buổi nói chuyện đó quả thực không phù hợp và có một làn sóng phản đối nổi lên. Anji và Kate Garvey rất giỏi trong việc tổ chức những việc đó và thực sự có năng lực. Tuy vậy, đây là lần duy nhất bộ máy ưu việt của chúng tôi phải làm đủ thứ để vụ việc chìm xuống. Về phía trường học không có vấn đề gì, bởi vì thầy hiệu trưởng đã chịu hết búa rìu dư luận khi dám cho phép buổi diễn thuyết đó.

Một phần, chúng tôi là nạn nhân của “thần thoại” do chính mình tạo ra. Tất cả mọi người đều nghĩ đó là một hành động lỗi lạc. Chà, hẳn là phải thế chứ? Rốt cuộc, chúng tôi chỉ là những ông vua vua sọ, blah blah blah.

Tuy nhiên, tại sao chúng tôi lại nghĩ việc phải đưa ra một “phong cách mới” là điều cần thiết? Người ta cho rằng các chính trị gia phải liên tục tìm kiếm những cách thức trình bày tốt hơn bởi họ thường bỏ qua thành công của bài thuyết trình để đạt được mong muốn của mình. Thực ra, chính trị gia chỉ đối phó với thực trạng, chứ không tạo ra nó.

Một chính trị gia bậc trung hạnh phúc nhất khi nói về các chính sách. Họ thích làm vậy và tôi cũng thế. Tôi có thể dành hàng giờ để nói về về mặt tích cực và tiêu cực của chính sách cải cách giáo dục hay y tế. Tôi thực sự thấy thích thú trước hệ thống luật pháp về tội phạm hình sự và sự tranh luận cũng như cân bằng giữa quyền tự do công dân và việc thực thi pháp luật hiệu quả. Một trong những lời đồn đáng bàn cãi nhất về các chính trị gia là họ có vai trò của những người dẫn chương trình đối thoại truyền hình, những người mà phải học về chính sách; thông thường hơn, họ là những người nắm quyền sinh sát các chính sách phải học cách trở thành người dẫn chương trình đối thoại truyền hình.

Bởi vì giới truyền thông thường đặc biệt quan tâm tới những tin giật gân, các vụ bê bối và đùng độ, nên các chính trị gia phải tìm thêm nhiều phương tiện và chiến thuật để thu hút được sự quan tâm. Tôi đi đến một kết luận đáng buồn thông qua chiến dịch năm 2001 rằng điều tốt nhất tôi có thể hy vọng nằm bên dưới sức sáng tạo quảng bá có tốc độ tên lửa hay bên dưới tình tiết của một câu chuyện, chúng tôi có thể rút ra được một chính sách nào đó. Nhưng chưa bao giờ có bất kỳ một cơ hội nào đưa chính sách giữ vai trò trung tâm.

Khi một chính quyền đang trải qua những tháng ngày đầu tiên mới được thành lập và có một vài chính sách đánh dấu sự phá vỡ tôn chỉ của chính quyền trước đó, thì chính sách đó có thể được công bố, có thể được lắng nghe và thực thi. Nhưng dần dần khi chương trình nghị sự trở nên quen thuộc – thậm chí nếu những chính sách thực sự mới mẻ – thì sự quan tâm cũng mờ nhạt dần và rất nhanh chóng, một cảm giác “trước đây chúng tôi đã nghe điều này rồi” xâm chiếm hoàn cảnh.

Để công bằng với giới truyền thông, phải công nhận sự tồn tại của những tình huống khó khăn khi Đảng Bảo thủ không thực sự gắn kết, trừ vấn đề về châu Âu. Nhưng ngay cả thế, thái độ đó của họ cũng làm mất nhuệ khí và nó có nghĩa rằng khi chúng tôi cố gắng, như trong bài nói ở trường học và khoe mẽ, thì nó chỉ cho phép họ khẳng định trước công luận rằng chúng tôi thực sự chỉ đang cưỡi ngựa xem hoa. Nhưng chúng tôi biết chắc rằng nếu mình tiến hành một cuộc bầu cử chung theo quy củ, nó cũng chẳng đi đến đâu cả.

Trong suốt chiến dịch, với những cuộc bỏ phiếu thăm dò đã cho thấy chúng tôi dẫn trước dao động trong khoảng 10 đến 20 điểm. Sau cuộc mit-tinh của đảng ở Croydon, tôi nhận một cuộc gọi từ Bill Clinton khi đang ở trong phòng khách sạn. Tôi rùng mình khi nhận ra ông ta có thể “đọc vị” được tôi từ cách đó vài nghìn kilômét.

“Tôi chỉ gọi xem anh thế nào,” ông ta nói.

“Tôi rất ổn”, tôi trả lời.

“Không, tôi biết anh đang thấy thế nào”, ông ta nói. Sau đó, ông ta giải thích cho tôi nghe tại sao trong chiến dịch năm 1996 chống lại Bob Dole, ông ấy đã nắm chắc phần thắng trong tay. Tất cả những gì chiến dịch đó làm, ông ta nói, chỉ là khiến giới truyền thông phát cuồng lên và công chúng nghĩ rằng đó là sự kiện nhất định giành thắng lợi. Ông ấy biết rằng vào lúc này tôi có thể đang nản lòng và lo sợ rằng công chúng sẽ phản ứng chống lại nó.

“OK, anh nói đúng”, tôi nói. “Thế câu trả lời là gì?”

Câu trả lời, ông ta nói tiếp, là phải dốc sức cho chiến dịch như thể đó là trận chiến sống còn, để thể hiện cho mọi người biết lòng nhiệt huyết của anh, anh đã chuẩn bị kĩ càng như thế nào và anh biết ơn từng lá phiếu cuối cùng mà mình sắp được nhận ra sao. “Hãy cho họ biết anh đang rất mong chờ sự ủy thác của họ và càng dẫn trước trong các cuộc thăm dò, thì anh càng cần phải tỏ ra nhiệt huyết.”

Đây là một lời khuyên thấu tình đạt lý vì thế tôi đã áp dụng nó. Từ đó trở đi, tôi đã không quan tâm Đảng Bảo thủ tệ như thế nào, tôi chỉ đấu đá, tranh chấp và dẫn lên từng bước như thể mạng sống của tôi phụ thuộc vào từng lá phiếu. Điều đó không làm thay đổi tâm trạng giới truyền thông và có trời mà biết nó có làm thay đổi kết quả cuối cùng hay không, nhưng nó đem lại cho tôi năng lượng và đem lại cho đảng động lực.

Chiến dịch của Đảng Bảo thủ thực sự rất dễ tiện. Tôi chóng mặt vì William Hague. Ông ta thực sự là một nhà hùng biện xuất chúng, một trí tuệ phi thường và một khả năng lập luận bậc cao. Có rất nhiều điều giá trị trong con người ông ta và về ông ta. Tôi nghĩ ông ta có một năng lực lãnh đạo tuyệt đối. Trong những hoàn cảnh khác và ở một thời điểm khác, ông ta có thể đã – và rất có khả năng vẫn đang là – một lãnh đạo tuyệt vời và thậm chí một Thủ tướng.

Tuy nhiên, khi nghe ông ta nói, tôi tự hỏi liệu người ta có thể quá coi trọng câu chữ không. Khả năng sử dụng từ ngữ và khiếu hài hước; năng lực thấu hiểu tính tự cao tự đại một cách thông minh và sự minh họa hóm hỉnh gây cười mà ông ta đã phát triển quá nhiều trong đầu, khiến ông ta quên hẳn việc tập trung vào mục đích chính mà sự tự cao và hóm hỉnh đó được sử dụng. Cuối cùng, mặc dù ông ta thường hạ nhục đối thủ, nhưng thường hiếm khi có thể đánh bại họ trong tranh luận.

Tôi không thể khinh địch ông ta được bởi vì ông ta khá “cao tay” Đảng Bảo thủ đã bước đầu đưa chiến dịch của họ ở châu Âu vào thực thi theo một cách khó lý giải. Có đủ dẫn chứng truyền thông và kết quả bỏ phiếu trưng cầu dân ý hoàn hảo cho một chiến thuật như vậy: Kết quả bỏ phiếu cho thấy chính sách của Đảng Bảo thủ được ưa chuộng hơn của chúng tôi rất nhiều; tờ Murdoch, tờ Mail và tờ Telegraph đều có quan điểm chuộng châu Âu và vì thế mạnh mẽ ủng hộ quan điểm của Đảng Bảo thủ. Vấn đề ở chỗ, những thành viên Bảo Thủ cấp cao như Ken Clarke lại phản đối chiến thuật đó và vụ việc có nguy cơ gây chia rẽ đảng sâu sắc. Hơn nữa, khi chủ nghĩa hoài nghi châu Âu vẫn còn có thể chịu đựng được, như thường vẫn xảy ra với những vụ việc như thế, thì xuất hiện những người muốn chiếm một vị trí vốn đã nằm trên ranh giới của sự tôn trọng và đẩy ra xa ranh giới đó. Vì thế lãnh đạo cho họ quyền hạn đi xa hơn và tiến tới nơi ý kiến dư luận về châu Âu không thể được đoán định hoàn toàn bằng cách tham khảo các cuộc bỏ phiếu thăm dò. Nếu được hỏi, đúng là họ ủng hộ Đảng Bảo thủ về vấn đề đó, nhưng điều này không bao giờ quyết định kết quả bầu cử. Đó không phải đặc quyền của họ, vì thế sự tập trung của Đảng Bảo thủ vào nó đã “tặng” cho các đảng viên của đảng này một cái nhìn hiếm hoi, phiến diện vốn có thể khiến công chúng nghĩ rằng, chà, có lẽ họ chưa sẵn sàng để nắm chính quyền. Một khi suy nghĩ đó chiếm ưu thế, cuộc bầu sẽ đi đến hồi kết.

Rõ ràng, điều quan trọng duy nhất là chúng tôi phải tránh được một sai lầm nghiêm trọng. Tất nhiên, giới truyền thông cũng biết điều đó và cố gắng tìm cách buộc chúng tôi mắc sai lầm. Chúng tôi đã tạo lập thông điệp thiết thực: Nhiều điều đã được thực hiện; nhiều điều đang chờ đợi phía trước; nhiều điều phải mất đi. Rất đơn giản. Không ai có thể phủ nhận nền kinh tế

đang vững mạnh và tiền bạc đang bắt đầu chảy vào các trường học và bệnh viện (mặc dù cam kết duy trì thắt chặt chi tiêu trong hai năm đầu đã gây ra một số bất cập – quyết định đó là đúng đắn nhưng đã khổng chế chúng tôi rất nhiều). Và đó là nhiệm kỳ đầu tiên; chắc chắn chúng tôi cần có thêm cơ hội hoàn thành những gì mình đã khởi xướng. Ký ức về Đảng Bảo thủ vẫn còn đủ tươi mới để câu “còn nhiều thứ để mất” vẫn giữ nguyên được tiếng vang.

Một cách tự nhiên, tôi muốn một chiến dịch được đẩy nhanh hơn, một chiến dịch có thể chuyển cả đất nước ra ngoài những lựa chọn của quá khứ, ra ngoài chủ nghĩa Thatcher theo một nghĩa nào đó. Trong một bài nói chuyện của tôi trong khi cuộc bầu cử đang diễn ra, tôi đã nêu rõ những trục trặc của chủ nghĩa Thatcher, đã dành quá nhiều thời gian trước đây để nhắc người ta nhớ về những điều cần phải giữ gìn.

Trên phương diện lịch sử, bà Thatcher đã nhận ra rằng khi người ta ngày càng giàu có, họ càng muốn tự do sử dụng tiền bạc theo ý thích; và họ không muốn một quốc gia lớn can thiệp vào sự giải phóng đó bằng cách bóp nghẹt người dân trong sự đồng nhất, trong sự buồn tẻ và nhàm chán của tư tưởng độc quyền Nhà nước. Rõ ràng là sự cạnh tranh đẩy cao các tiêu chuẩn và mức thuế cao là một chướng ngại.

Tuy nhiên, điểm cho thấy bà đã sai lầm và đi ngược lại dòng thủy triều của lịch sử là thái độ đối với châu Âu và lời từ chối ửng thuận sự thật rằng số đông mọi người thường xuyên phải phụ thuộc vào các dịch vụ công và sức mạnh của Chính phủ để đạt được các cơ hội mà họ cần. Chính phủ nên thay đổi; các dịch vụ công nên được cải cách; nhưng bà đã quá sa đà khi nghĩ rằng mọi thứ có thể được quy về lựa chọn cá nhân. Theo cách đó, bà là một đảng viên truyền thống của Đảng Bảo thủ, nhưng thêm vào đó là sự thiếu kiên nhẫn với bất kỳ ai chưa thành công với ý nghĩ rằng mình đã thành công rồi, tại sao những người khác vẫn chưa?

Cuối cùng, bà có quan điểm về nước Anh ở mức độ đúng đắn và cần thiết – lấy lại tinh thần can trường và tham vọng – nhưng ở một mức độ khác, lại hoàn toàn thất bại vì khổng tính đến sự thay đổi vị thế của nước Anh trên thế giới dựa trên dân số, kích cỡ và địa lý; và cho phép nguyện vọng được đứng trên chính đôi chân mình của người dân thiếu hụt nghiêm trọng lòng trắc ẩn dành cho những ai bị bỏ lại phía sau. Bà đã không có thích thú gì với nguồn vốn xã hội.

Tôi nhìn thấy vai trò của đảng mình là đưa nước Anh lên một giai đoạn hiện đại hóa xa hơn, tạo ra những ngành dịch vụ công và một trạng thái phúc lợi kết hợp đầu tư với cải cách để biến những dịch vụ này sâu sát tới từng cá nhân, đáp ứng nhanh được tình hình xã hội, có tính chất kinh doanh, đảm bảo được mặt phúc lợi dựa trên các trách nhiệm và quyền hạn cũng như tư cách pháp lý. Tôi cho rằng đây chính là nơi quảng đại quần chúng có chỗ đứng, nơi mặt bằng hiểu biết và nghiêm túc có thể được quy tập và nơi chúng ta có thể vạch ra một khung nghị sự là vật liệu ba chiều thiết yếu: Tham vọng cá nhân kết hợp với lòng trắc ẩn của xã hội.

Về vị trí của nước Anh trên thế giới, dường như với tôi, thì việc chúng tôi phải thiết lập quyền lực thông qua các liên minh là điều hiển nhiên. Chúng tôi có hai đồng minh tốt nhất – châu Âu và Mỹ – vậy thì tại sao lại không duy trì mối quan hệ bền vững với họ và tranh thủ sự ủng hộ đó? Lập luận này khó có thể thuyết phục số đông; nhưng sức mạnh của nó lại rất rõ ràng và mặc dù số lượng người ủng hộ ít nhưng chất lượng lại rất cao. Đặc biệt, các doanh nghiệp nắm vững vấn đề này một cách triệt để.

Tuy nhiên, kế hoạch đẩy mạnh hiện đại hóa này lại được cho là một điều hoàn toàn bất khả thi. Tôi quyết định vận dụng một loạt bài diễn thuyết về tương lai của nước Anh về từng phần khác nhau của nghị trình và từ đó cố gắng thúc đẩy một cuộc tranh luận hùng hồn về chính sách. Các bài diễn thuyết đều rất thấu đáo và chặt chẽ. Tôi đã tự tay soạn thảo phần lớn những bài này, cùng với sự giúp đỡ từ trưởng ban cố vấn chiến thuật Matthew Taylor, Andrew Adonis và David Miliband. Nhưng trong những ngày khởi động chiến dịch, thì rõ ràng đó cũng không phải là một bài trần thuật sâu sắc về những lựa chọn chính sách trong tương lai của đất nước.

Ngày chúng tôi đưa ra bản tuyên ngôn, 16 tháng Năm năm 2001, gần như là sự minh họa khôi

hài của luận điểm này. Nếu các cuộc bầu cử được đánh giá dựa trên thành công của sự phát động ngày bầu cử, thắng lợi về vang có thể đã thuộc về bên đối lập. Tôi nghĩ là nhiều điều không may, sai lầm và rủi ro hơn nữa trong chiến dịch một ngày tranh cử rất có thể xảy ra.

Chúng tôi chọn thực hiện một cuộc họp báo nghiêm túc có quy mô lớn để giới thiệu bản tuyên ngôn, trong đó các bộ trưởng chuẩn bị để miêu tả chương trình tiếp theo của Quốc hội. Tôi quyết định đưa ra giới hạn cho mọi thứ bằng cách phác họa rõ thiết kế khung của chúng tôi để đưa khu vực kinh tế tư nhân tham gia vào quy trình dịch vụ công. Giới chính trị gia và cố vấn thâm niên có xu hướng xem đây như một phần của kế hoạch nhằm đổi chiều sang phải và đổ dành giới truyền thông cánh tả. Tôi vẫn cố giải thích rằng mình thực sự tin tưởng nó – điều này tôi nghĩ đã làm tình hình trở nên tồi tệ hơn. Khi bạn nghiên cứu về hệ thống các dịch vụ công ở các quốc gia khác, tôi gần như nhận thấy các hệ thống chăm sóc sức khỏe trong đó có một sự pha lẫn giữa công và tư, hay ít nhất nó đòi hỏi một sự cam kết cá nhân nào đó và cung cấp một lựa chọn cá nhân là có hiệu quả nhất. Những hệ thống nguyên khối vừa đang trong thời kỳ thay đổi hoặc thất bại. Việc thất bại của hệ thống Mỹ nằm ở số người nghèo bị bỏ quên là đúng đắn, nhưng với những người được bao chi phí, tiêu chuẩn của sự chăm sóc và sự phục vụ nhiệt tình (cùng với những thứ thuộc hàng thứ yếu như thức ăn, môi trường sống, vv...) thường cao hơn so với một dịch vụ Nhà nước thuần túy. Rõ ràng là chúng ta có thể kết hợp giữa công bằng và hiệu suất.

Ở Mỹ, loại hình các trường học đặc cách cũng chỉ mới được khởi xướng và kết quả của các cuộc cải cách giáo dục ở Thụy Điển bắt đầu có hiệu lực, vì vậy có một loạt dẫn chứng dựa trên kinh nghiệm trên khắp thế giới về những thay đổi đang được đề xuất, bởi ai, vì mục đích gì và với thành công như thế nào.

Tất cả điều này là một lời nguyện đối với các nhóm lợi ích vốn quyết tâm duy trì nguyên hiện trạng nhưng lại chi nhiều tiền hơn; dù vậy, tôi vẫn biết rằng bất cứ người quan sát khôn ngoan và khách quan nào cũng muốn biết chúng tôi cởi mở với những ý tưởng mới, cho dù truyền thống của đảng phái nào đang chi phối đi chăng nữa.

Vì vậy, buổi ra mắt ngày 16 tháng Năm là một giờ phút trọng đại hơn về ngoài của nó. Có đủ các loại chuyện sau cánh gà xoay quanh việc ai nói về vấn đề gì và vào lúc nào, có khá nhiều người khá bức tức vì tôi đã kiên quyết đòi không chế vấn đề này, nhưng tôi chỉ muốn đảm bảo rằng mong muốn giữ ổn định sự ủy trị cấp tiến ở nhiệm kỳ thứ hai rất đơn giản và thuận theo tự nhiên. Một vài bộ trưởng, như David Blunkett và Patricia Hewitt, đã hòa chung vào tinh thần đó một cách trọn vẹn, cũng như tôi, họ cảm nhận rằng nhiệm kỳ thứ hai là vô dụng trừ phi nó đem lại bước đột phá và rằng điều này đồng nghĩa với việc chấp nhận những nguy cơ sâu xa hơn.

Nhưng, theo thường lệ, với mong ước sắp xếp vấn đề này một cách quy củ và vận hành suôn sẻ, chúng tôi vẫn còn cảm thấy nực cười về chính mình, các bộ trưởng có hai phút xuất hiện – nếu không toàn bộ sự kiện sẽ dài quá – và sau đó lui vào cánh gà. Tuy nhiên, sự kiện cũng thành công mà không có trục trặc nhiều vượt xa mong đợi của chúng tôi ngày hôm ấy.

Theo lịch trình, tôi phải đi thăm Bệnh viện Nữ hoàng Elizabeth ở Birmingham, nơi chúng tôi sẽ cắt băng khánh thành trung tâm tim mạch được dự định sẽ trở thành (và ngày nay nó đã là) một trong những trung tâm hàng đầu và tân tiến nhất ở châu Âu. Tôi đã gặp Gisela Stuart, vị Ủy viên Quốc hội địa phương xuất chúng, ở lối ra vào. Gisela là một nhân vật không bình thường ở chỗ bà là người Đức, với giọng đặc trưng của người Đức và giành được một ghế trong cơ quan địa phương ở miền Trung nước Anh – điều đã cho thấy mọi người không có nhiều định kiến như bạn vẫn nghĩ. Bà rất thông minh và có khí chất của Đảng Lao động mới. Khi chúng tôi bước vào bệnh viện, một người phụ nữ tên là Sharron Storer, người đã trở nên khá nổi tiếng sau cuộc gặp này, đã đi về phía tôi và bắt đầu “diễn thuyết” về sự đối xử mà bạn của cô ấy, một bệnh nhân ung thư, đã nhận được tại bệnh viện. Tất nhiên, việc làm này kéo theo một loạt các tranh cãi về việc anh ta có bị đối xử tồi tệ hay không, trong khi đội ngũ nhân viên bệnh viện

kịch liệt phản đối, nhưng sự phản đối của họ đã bị dập tắt vì Thủ tướng đã nhận được một cú bạt tai từ một ai đó đã “nói ra sự thật” về NHS và sự kinh khủng của nó.

Đối với giới truyền thông vốn đang chán ốm với một chiến dịch mà kết quả rành rành, thì sự việc này quả là lợi lộc trời cho. Trong chớp mắt, cô ta trở thành một ngôi sao. Người ta mừng vui tột độ vì cuối cùng cỗ máy trơn tru của Đảng Lao động cũng gặp phải một người “thực”. Có một chủ đề xuyên suốt – tờ Mail thể hiện quan điểm khá gay gắt – rằng chúng tôi không những gặp những người “thực”, mà mọi thứ đã được sắp đặt như trên sân khấu. Thực ra, tôi chưa bao giờ gặp một chiến dịch nào trong một cuộc bầu cử mà không được sắp đặt như trên sân khấu (việc đó được làm tốt hay dở lại là chuyện khác). Và tất nhiên, chúng tôi đã gặp rất nhiều người.

Đây chính là vấn đề: Một người không phải là một người “thực” trừ phi họ đang la mắng một chính trị gia; trừ phi có một cảnh tượng dàn xếp; trừ phi có sự giận dữ và thái độ thô lỗ. Chỉ có một cảnh lộn xộn mới mang lại cho mẫu tin một ấn tượng tốt. Sự thật là hầu hết những người “thực” – ý tôi là những người “thực” thực sự – không cư xử theo cách đó. Hầu hết người Anh đều lịch sự. Họ lắng nghe. Họ có thể không đồng ý, nhưng thể hiện sự không đồng tình một cách lịch sự. Bạn gặp rất nhiều người như họ, nhưng họ không “thực” bởi vì họ không dễ bị kích động.

Một hiện tượng kỳ lạ nhưng rất quan trọng đang diễn ra: Ăn mừng cuộc phản đối. Ví dụ, một chính trị gia đi dự một cuộc họp mà ở đó có khoảng 1 nghìn người tham dự và một người trong số họ hét lên điều gì đó. 999 người còn lại có thể hòa theo, hay ít nhất tỏ thái độ phản đối, nhưng hầu hết mọi người không thích làm to chuyện, vì thế theo định nghĩa thì người phản đối duy nhất không điển hình.

Tôi nhớ lại chuyến thăm tới Hebron ở Palestine sau khi rời nhiệm sở, để tới Nhà thờ Hồi giáo Ibrahimi nơi người định cư Do Thái gốc New York Baruch Goldstein đã giết hai những tín đồ đạo Hồi năm 1994. Có một giọng phản đối duy nhất hét về phía tôi, người đó hóa ra là một thành viên của Hizb ut-Tahrir, một nhóm Hồi giáo bị cấm ở một số quốc gia và hoàn toàn không đại diện cho ý kiến của hầu hết người Palestine. Ngày hôm sau nó trở thành mẫu tin duy nhất về toàn bộ chuyến viếng thăm. Người phản đối đã được phỏng vấn và ý kiến của anh ta được đưa ra tranh luận và phân tích. Tất cả những lời lẽ của những người khác đều không chính thống. Không ai khác được chú ý.

Đó là sự phát triển cơ bản trong việc thông tin về chính trị hiện đại và người ta càng nhận ra nó, họ càng quyết tâm can thiệp vào nó. Hiện nay nó đã thực sự trở thành một hệ hình mà từ đó tin tức được tạo ra. Ném một thứ gì đó, truy vấn, đối mặt, gây sóng gió trên diễn đàn hoặc các phương tiện thông tin, bạn sẽ dần dần trong các bản tin, do đó quan điểm của bạn trở thành chính thống. Chính trị gia kinh ngạc, tức giận, không thể trả miếng và vì thế chỉ có một người chiến thắng. Đó là lý do tại sao ngày càng có nhiều người làm việc này. Bất kỳ luận điểm nào được đưa ra trong giai đoạn căng thẳng đều có thể là một cuộc tranh luận quan điểm, không phải sự trao đổi quan điểm. Tuy nhiên đó chỉ là tin tức!

Dù sao, điều này, chứ không phải bản tuyên ngôn, rõ ràng đã chiếm ưu thế. Tôi lão đảo đi xung quanh trung tâm tim mạch và nhận ra rằng ngày tuyên bố trọng đại đã bị xóa sổ.

Nhưng mọi thứ mới chỉ đang được hâm nóng. Sau màn giới thiệu nhanh chóng, tôi nghe tin Jack Straw vừa nhận sự ủng hộ rời rạc ở Hội nghị Liên đoàn Cảnh sát. Sau đó anh ta kể với tôi rằng đáng buồn cười ở chỗ là phản ứng của khán giả hoàn toàn tách biệt khỏi nội dung bài phát biểu của anh ta. Không một chút khinh suất, Jack đã quyết định sẽ trình bày một bài diễn thuyết khá quy củ và dứt khoát về an ninh trật tự ở giữa chiến dịch tranh cử; nhưng chẳng ai hiểu gì về nó. Anh ta rất có thể bị họ phản ứng gay gắt gấp đôi và chắc chắn sẽ la ó đuổi anh ta xuống.

Vì thế đến cuối ngày, bạn có thể nghĩ cả nước đang chống lại Chính phủ mà họ sắp bỏ phiếu với

một chiến thắng thuyết phục nữa. Một phần của vấn đề khi phe đối lập trở nên vô dụng đó là công chúng cảm thấy mình bị tước đi quyền công dân. Đây chính là điều mà nhiều thành viên ở Đảng Lao động cảm thấy trong những năm tháng dưới quyền Thatcher. Đó là lý do tại sao từ sau năm 1992, Đảng Lao động bắt đầu xem xét cải cách bầu cử. Chúng tôi đã thua liền bốn kỳ bỏ phiếu. Hệ thống chắc chắn phải có vấn đề gì đó, đúng không? Tất nhiên, chúng tôi đã có lỗi. Cho nên cảm giác xa lánh này, thực ra, không được đúng mức cho lắm. Thực ra, nó còn tồi tệ hơn thế; nó không hề phi dân chủ từ trong gốc rễ. Đó không phải là cảm giác thua cuộc mà nó nên có và cố gắng phát động quá trình tái tranh cử, hay thay đổi trong các quy định.

Đây là điểm một Nhà nước tiến bộ thường được đối xử khác với một chính quyền Bảo Thủ: Phe Bảo Thủ nghĩ rằng đảng của họ thực sự nên nắm quyền, còn nếu không thì có ai đó đang gian lận. Khi Đảng Lao động không được cầm quyền trong 18 năm liền, các nỗ lực của một số nhóm (như những phần của Đảng Lao động có tổ chức trong cuộc đình công của các thợ mỏ) nhằm lật đổ kết quả của phe dân chủ đã được cho là sai trái, cho dù người ta có thông cảm thế nào với cá nhân những người thợ mỏ. Nhưng ở thời đại của chúng tôi, khi phe bên kia đang thắng thế, sự phản đối như vậy thường xuyên được phác họa hoàn toàn có căn cứ bởi những người tước quyền công dân một cách khó giải thích.

Vì vậy có sự ly gián kỳ quặc giữa ý kiến dư luận được thể hiện trong các cuộc bỏ phiếu thăm dò và ý kiến dư luận đang vật lộn dưới sự khống chế của một Chính phủ, mà để chống lại Chính phủ đó, hàng loạt các hành động gay gắt đã được áp dụng bởi vì không còn lựa chọn nào khác, bởi vì hệ thống dân chủ vì một lý do nào đó đã không làm đúng phận sự của mình. Vào những ngày cuối khi tôi còn tại chức, điều này có nghĩa là những người làm dò rỉ tài liệu của Chính phủ chẳng hạn, được đối xử như những người hùng của nhân dân thay vì bị kết tội vì đã vi phạm quyền bảo mật.

Vào ngày hôm ấy, sự tương tác giữa bên “thống trị” và bên “bị trị” đã được thể hiện một cách kỳ lạ, sống động và ấn tượng, vượt xa cả những “mơ ước” lớn lao nhất của giới truyền thông. John Prescott đang tiến hành một cuộc họp trong chiến dịch tranh cử ở Rhyl, miền Bắc xứ Wales thì có một đám đông hỗn độn những người biểu tình ở phía ngoài giễu cợt anh ta trên đường vào. Khi anh ta bước xuống giữa hai hàng người ken chặt, một gã cao lớn, với kiểu tóc mullet từ những năm 70, đã ném một quả trứng vào anh ta; John quay người lại và thụi cho hắn một cú móc trái hiểm hóc, làm gã này ngã lăn bò. Sau đó, chà, chuyện gì xảy ra thì bạn biết rồi đấy.

Tôi đang làm một chương trình truyền hình với các cử tri, khách tham dự là Jonathan Dimbleby. Alastair đã giấu tôi vụ việc xảy ra với John trước chương trình, nhưng nó lại được ghi hình ngay sau khi xảy ra và trước khi bị nêu ra trong buổi chất vấn. Sau khi tôi vào xe, mừng vì ra khỏi phòng thu mà không có vấn đề gì thực sự, Alastair nói một cách vui vẻ: Ừm, có thêm một vài tin nữa. John Prescott vừa đấm ngã một cử tri”.

Tôi đã nghe nhầm nên hỏi lại. “Ai đó đã đánh John á?” tôi hỏi. “Thật kinh khủng!”

“Không,” anh ta nói, “John mới là người đánh. Ông ta vừa đo ván một tên đô con.”

Tôi há hốc miệng kinh ngạc.

Sau đó, bắt đầu thời kỳ chiêm nghiệm, phân tích, tự kiểm điểm, hồi cố rất căng thẳng và sự hốt hoảng bao trùm lên chúng tôi khi nghĩ về những việc phải làm. Chúng tôi còn 12 giờ trước cuộc họp báo vào sáng hôm sau và lúc đó, đương nhiên chúng tôi phải có đôi lời trước những người quan tâm. Quyền Thủ tướng hạ nhục một thành viên của công chúng, cho dù là một người đã ném trứng vào anh ta, nhưng ở một mức độ nào đó, việc ấy khác thường và khá nghiêm trọng. Ở một mức độ khác, nó khác thường và hài hước.

Khi nhìn lại, tôi thấy chuyện này hài hước hơn là nghiêm trọng, nhưng tôi có thể đảm bảo với bạn là lúc đó mọi chuyện không rõ ràng như hiện tại, Nhìn nhận vấn đề dưới góc độ hài hước

đem lại một góc nhìn thú vị về tầm quan trọng của bản năng trong chính trị; và cả một chút về sự cân xứng nữa, ngay cả khi tất cả sự cân xứng xung quanh bạn bị ném xuống biển hết.

Cá nhân tôi cảm thấy chuyện này thật buồn cười. Quả trứng thật buồn cười. Bộ tóc mullet thật buồn cười. Cú móc trái thật buồn cười. Những nét biểu cảm trên mặt cả hai người bọn họ thật buồn cười. Nhưng cũng không thể tránh khỏi những ý kiến trái chiều khác và một số phụ nữ đã khá lớn tiếng: Anh không thể để một quyền Thủ tướng làm một việc như thế, như thế là không đường hoàng, không xứng làm đại trượng phu. Người ta ai chả có lúc bị khó chịu, hoảng sợ, xấu hổ, vv...

Những phụ nữ miền Nam kịch liệt bảo vệ quan điểm này. Anji, ngạc nhiên làm sao, cũng nghĩ vậy, nhưng sau đó tôi tự hỏi liệu đó có phải vì Adam Boulton của tờ Sky News (người mà sau đó cô ấy kết hôn). Có thể cô ấy đã thảo luận vấn đề này với anh ta, đã giữ lập trường bảo vệ đó và được anh ta tôn lên rất cao. Bản năng của Anji thường rất tuyệt vời. Ngay cả Sally bình thường vốn chắc chắn mà còn không chắc chắn. Alastair cũng vậy, dù có thể đó là do ảnh hưởng của Fiona. Nhưng hầu hết mọi người trong các nhân viên của Đảng Lao động, phụ nữ hay nam giới, đều ủng hộ John hết mình.

Tôi quyết định ít nhất phải có một lời xin lỗi để “nhổ được cái vôi độc” ra khỏi việc này, nhún mình trước những người miền Nam nhỏ nhẹ. Vì vậy tôi gọi cho John. Tôi dịu giọng mở đầu thể hiện thái độ hối tiếc về chuyện đã xảy ra. Anh ta thật đáng sợ khi làm như vậy. Hẳn là anh phải rất sốc. Ngay lúc nước sôi lửa bỏng như thế, hành động của anh ta cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Sau khoảng năm phút để tôi nêu ra quan điểm của mình về chuyện này, John ngắt lời: “Tôi biết anh rồi,” ông ta nói, “Tôi biết anh đang suy tính thế nào. Anh muốn tôi xin lỗi.”

“Chà “ tôi bắt đầu nói.

“Này, tôi thà chết cũng không làm. Nên hãy quên việc ấy đi.”

Tôi nghiêm khắc hơn và bắt đầu kiên quyết; khi biết tôi thực sự nghiêm túc, ông ta sẵn sàng thỏa hiệp. Vì thế chúng tôi thỏa thuận vài câu cần nói và kết thúc cuộc nói chuyện.

Trên đường về nhà, tôi vẫn cảm thấy không thoải mái. Tin tức truyền thông hỗn loạn, những người theo Đảng Bảo thủ nhảy lên vui sướng trong khi Đảng Tự Do thì có lỗi rất “tự do”, rất cải lương. Nhưng tôi vẫn không thể buộc mình cảm thấy cần phải kết tội việc làm đó.

Tôi bước vào nhà khi Cherie vẫn ngồi chờ. “Một ngày thật dài!” tôi nói. “Trời ạ, John đã nghĩ không biết? Mọi người cho rằng như thế thật khủng khiếp,” tôi nói, dò xét thái độ của cô ấy. Cherie cố vấn của Nữ Hoàng, có qua điểm tự do và đang sống ở London.

“Ồ, đừng có lỗ bịch như thế,” cô ấy đáp lại. “Sao ông ta lại không được đánh hẳn chứ? Người kia đã phản ứng trước mà.” Bạn thấy đấy, cô ấy cũng là một cô gái Liverpool. “Thế nếu là anh thì anh đã làm thế nào?” Cherie hỏi. “Đeo lên mặt một nụ cười và bảo anh ta đừng có làm thế nữa chắc? Anh ta đã nhận được những gì xứng đáng. John đúng là một đấng nam nhi.”

Tôi gọi cho John Burton. Anh ta và các chàng trai của mình cũng có cùng quan điểm. “Tôi nghĩ vụ ấy thật tuyệt,” John nói. Tôi đánh giá ý kiến của John rất cao. Tôi biết nhiều lãnh đạo thế giới không có phán đoán nhạy bén như John. Hơn nữa, anh ta bảo tôi rằng mấy người phụ nữ đó chỉ hùa theo tư tưởng cận Bắc. Khi tin tức đến câu lạc bộ Đảng Lao động Trimdon, tất cả mọi người đều hò reo khi nghe JP đánh anh chàng kia.

Vậy là câu chuyện đã được an bài. Tuy nhiên, câu hỏi về cách giải quyết tại cuộc họp báo thì vẫn còn đó, khi mà giới truyền thông chắc chắn đang bất bình về việc này. Tôi quyết định một điều cốt yếu cuối cùng: Không xin lỗi thêm nữa, không từ chức, không gì cả. Một vài người trong nhóm vẫn lên tiếng quan ngại, nhưng tới lúc đó thì tôi cũng đã chịu đủ rồi. Vấn đề là, bạn thực sự không thể biện hộ cho việc một quyền Thủ tướng đánh một cử tri. Mặt khác, giờ đây

chúng tôi đã quyết định không kết tội hành động đó.

Chúng tôi suy nghĩ về vụ việc này rất nhiều trong lúc ngồi ở phòng chuẩn bị trước buổi họp báo. David Blunkett cũng ở đó và nhiệt liệt ủng hộ tư tưởng của John Burton.

“Vấn đề là,” cuối cùng tôi cất lời, sau khoảng một phút im lặng, “John đích thị là John. Chẳng có gì để bàn cãi cả.” Đây là chiến lược tiếp cận kiểu Eric Cantona: Bạn nói điều gì đó bí ẩn đến nỗi người ta chỉ có thể lúng túng. Vậy đó là những gì tôi đã nói.

“Ý ngài là gì khi nói: John đích thị là John?” họ hỏi.

Tôi nhún vai một cách biểu cảm: “Ý tôi John là John.”

Vậy là vụ bê bối vĩ đại đã chìm dần xuống. Quan điểm của Cherie/ John Burton cũng bắt đầu chiếm ưu thế rõ rệt. Người dân – hay ít nhất là rất nhiều người – ủng hộ quan điểm này. Một chính trị gia hành xử như người thường – chà! Sau 48 tiếng đồng hồ, khi quay về Sedgfield tôi thường xuyên được cử tri bắt chuyện, trong đó có cả những phụ nữ lớn tuổi, những người này cũng đặt câu hỏi giống hệt như Cherie. “Chà, nếu là ngài thì lúc ấy ngài đã làm gì?”. “Ngài hẳn đã không đánh anh ta đúng không?” – và họ không hề coi đó là một lời khen ngợi.

Và thế là cuộc tiến hành bỏ phiếu bắt đầu với một tuyên ngôn thừa nhận những phác thảo nghiêm túc về chính sách cho tương lai của cả dân tộc, lại kết thúc với một “kiểu tóc mullet, một quả trứng và một cú đấm” đã nhấn chìm chính sách nghiêm túc xuống đáy của đại dương chính trị.

John Prescott thường xuyên đem đến những điều độc nhất vô nhị cho Đảng Lao động và Chính phủ. Ông ta có thể làm người khác phát điên; có thể nguy hiểm; có thể kỳ cục; và có thể tuyệt vời. Nhưng nhàm chán, tĩnh lặng, không nổi bật và mờ nhạt là những từ không bao giờ có thể được dùng để mô tả về ông ta.

Neil Kinnock một lần đã miêu tả ông ta như một người có rất nhiều mặc cảm về bản thân, điều này đúng, dù tôi thường xuyên nghĩ rằng họ bù trừ cho nhau; trong khi chỉ một mặc cảm duy nhất của Neil cũng đã phức tạp hơn rồi.

John đã mang lại điều gì cho đảng? Rất nhiều, thực sự là như vậy. Khi John Smith qua đời và một câu hỏi được đặt ra về quyền Thủ tướng mới – lúc đó việc tôi sắp thắng cử khá rõ ràng – đáp án an toàn nhất là Margaret Beckett. Bà ấy đã từng là thành viên của nhóm kinh tế trước năm 1992; bà rất có năng lực và không còn nghi ngờ gì nữa, là một đôi tay đáng tin cậy. John có thể không thể được miêu tả như vậy, nhưng ông ta mang đến một sự xác thực, một ấn tượng mạnh đối với cánh truyền thống của đảng, đặc biệt là trong phong trào của công đoàn và ở ông có một điều khác nữa mà tôi hết sức coi trọng: Trong tình huống ngặt nghèo, tôi nghĩ rằng chúng ta có thể tin tưởng ông ta. Bạn không nhất thiết có thể tin tưởng ông ta trên phương diện chính sách cá nhân, hay nhìn chung là trên phương diện Đảng Lao động mới, nhưng, ví dụ, trên cơ sở về một cuộc săn hổ (liệu bạn có dám đi vào rừng sâu cùng với người này không?), thì chắc chắn ông ta sẽ vượt qua vòng loại. Tôi không chắc về Margaret. Tôi quý và tôn trọng bà ấy, nhưng nếu mọi chuyện trở nên thực sự tồi tệ, tôi không chắc liệu bà ấy có bước lên và dựng một rào thép gai bảo vệ tôi không; trong khi John, tôi nghĩ, ông ta sẽ làm thế. Tôi không bao giờ có vị trí trong một cuộc bầu cử quyền Thủ tướng. Một trong số những người thân tín nhất của tôi bỏ phiếu cho Margaret, nhưng sự thật từ việc tôi không nhường đường cho bà ta đã gửi đi một tín hiệu rằng mình có thể sống với John. Trong bất cứ sự kiện nào, ông ấy đều là lựa chọn được ưa chuộng của đảng. Họ muốn một chút âm-dương và nếu tôi thiên về “âm” thì ông ta chắc chắn là “dương”.

Giữa hai chúng tôi có một sự đối lập vô cùng lớn. Tôi là một luật sư học trường tư, được đào tạo ở Havard. Ông ta từng là một người bồi bàn trên tàu, một vị lão thành của phong trào công

đoàn và rất tự hào về xuất xứ giai cấp lao động của mình. Ông ta là một trong những nhân vật hấp dẫn nhất từng có vị trí rất cao trong nhiệm sở. Ngày nay, tất nhiên, John có thể không còn là John. Về mặt đó, ông ta rất giống với Dennis Skinner. Dennis là một anh chàng thực sự rất thông minh – tư duy nhanh nhạy, có khả năng nắm bắt tâm lý con người – nhưng lại được nuôi dạy trong thời đại mà những người thông minh xuất chúng thường xuyên bị hệ thống giáo dục đánh trượt, hay rơi qua những khe hở của chất lượng trường học tồi tệ và những quan điểm hẹp hòi của bố mẹ hay cộng đồng. Nhưng ơn trời theo một cách nào đó, những điều này đã dần biến mất. John trượt kỳ thi lên trung học, điều này hẳn đã có một tác động khủng khiếp lên ông và là một trong những nỗi mặc cảm lớn nhất của ông ấy. Nhưng ông thông minh một cách tự nhiên và chăm chỉ đến khó tin. Đó là lý do vì sao, cuối cùng, việc lấy một bài thi đầu vào như thế để làm căn cứ cho hệ thống các trường trung học là điều không hề khôn ngoan.

Tuy nhiên, tất cả những ngày đó đã qua và giờ John rất có thể đã có một công việc trong ngành công nghiệp hay ngành kinh tế Nhà nước trong vai trò quản lý và có thể không bao giờ đến gần một hiệp hội thương mại. Thay vào đó, ông ta là điểm nổi cơ bản với một phần của gốc rễ Đảng Lao động có thể đang dần bị tiêu hủy, nhưng vẫn có tầm với và chiều sâu trong những phần chủ chốt của một ngôi rừng chính trị.

Dù trượt kỳ thi lên trung học nhưng ông vẫn thi vào trường Đại học Ruskin ở Oxford (cũng như Dennis Skinner), rất ham học và có năng lực nhiều hơn những gì ông thể hiện. Phần câu chuyện về cuộc đời ông về sau cũng làm tôi thích thú. Ông có thể bắt đầu từ một lập trường thù địch tự nhiên với bất cứ chính sách nào của Đảng Lao động mới, nhưng nếu vấn đề được tranh luận hợp lý, ông rất sẵn sàng lắng nghe; và cuối cùng, nếu nhận ra giá trị của bản đề án, ông sẽ sẵn sàng để bị thuyết phục. Điều này không có nghĩa là ông luôn luôn tán đồng với bất cứ điều gì, thường thì không và cũng khá công bằng khi nói rằng một số người xung quanh tôi bắt đầu coi ông như một cơ hội bởi vì ông là nơi tập hợp lòng người của phe đối lập trong nhu cầu đề ra cải cách.

Sau này, ông có quan hệ với Gordon và đây là một điều đáng tiếc. Gordon đã từng ủng hộ Margaret rất nhiệt tình và để bộ máy của mình làm việc cho bà ta, vì thế mối quan hệ ban đầu giữa ông và John không được suôn sẻ lắm, nhưng dần dần tôi thúc giục Gordon hòa hảo với John. “Đừng đánh giá thấp ông ta,” tôi từng nói, “và nếu anh muốn làm lãnh đạo, đừng coi ông ta là kẻ thù. Ông ta không nhất thiết có thể biến ai đó thành lãnh đạo; nhưng hoàn toàn có thể ngăn cản việc đó xảy ra.”

Gordon đã lắng nghe lời khuyên và theo tôi thì có vẻ ông ta đã theo răm rắp. Không phải bản thân John không trung thành – nhưng Gordon đã đẩy cao vị trí của chính ông ta trong công cuộc cải cách theo một cách rõ ràng là thông cảm hơn với vị trí của John; vì thế nó thay đổi chòm sao các thế lực xung quanh tôi.

John cũng có quan điểm rằng Gordon và tôi có thể thay đổi vai trò lãnh đạo cho nhau, trong đó vị trí của Gordon hơi chếch về phía trái tôi, nhưng không vì thế mà kém hấp dẫn (có thể vì thế mà còn hấp dẫn hơn). Ông ta vì thế chấp nhận ý tưởng rằng việc chuyển giao quyền lực là công bằng và đúng đắn, vì Gordon rốt cuộc cũng chỉ là một phiên bản không khác nhiều của Đảng Lao động mới. Đặc biệt, ông ta ủng hộ quan điểm rằng về vấn đề dịch vụ công và phúc lợi, chúng tôi đã tiến đủ xa trong các cải cách “thị trường”, trong khi tôi kịch liệt nghĩ rằng chúng tôi đi chưa đủ xa.

Có hai hệ quả diễn ra theo hướng này. Hệ quả thứ nhất là tôi không thể dựa vào sự ủng hộ của quyền Thủ tướng hay Đại Pháp Quan về vấn đề các học viện thành phố, việc giới thiệu những nhà cung cấp dịch vụ sức khỏe mới và về điều kiện tốt hơn trong vấn đề phúc lợi xã hội. Mặc dù, cuối cùng John cũng bị thuyết phục – ông ta vẫn phủ một bài hùng biện về những thất bại của hệ thống trường phổ thông hỗn hợp truyền thống của Nhà nước ở Hull, khu vực bầu cử của ông ta – đó là một cuộc chiến và nó ngốn hàng giờ liền họp hành, thảo luận và tranh luận gay gắt.

Hệ quả thứ hai là tới cuối cùng vào năm 2006, John liên tục kích động để tôi ra đi, một phần là do những vấn đề của cá nhân ông với giới truyền thông không được suôn sẻ và một phần là vì ông thực sự không nghĩ có vấn đề gì với việc bầu cử nếu tôi rời đi và thay vào đó là Gordon. Tới lúc đó, tôi đã quyết định dù gì cũng sẽ ra đi; nhưng, không chắc liệu mình có nên chân thành và cùng hưởng lời đồn đoán chung là không ai lại tự nguyện từ bỏ căn nhà Số 10, thì ông đã nói với tôi vào mùa xuân năm 2007 rằng mình sẽ từ chức quyền Thủ tướng nếu tôi không đi. Ông không có ý cho rằng đó là cách thể hiện sự không trung thành và thật tức cười, tôi không nghĩ theo hướng đó; ông ta chỉ thành thực tin tưởng rằng Gordon trở thành lãnh đạo là vì lợi ích chung của toàn đảng.

Đã nhiều lần trong nhiều năm khi tôi cần sự hỗ trợ, ông vẫn giúp đỡ tôi với tất cả lòng nhiệt thành của mình. Ông biết rằng mình ở đó như một phanh hãm cho Đảng Lao động mới. Vì thế, ông biết rằng độ tín nhiệm của mình phụ thuộc vào khả năng thay đổi tôi và mỗi lần đi cùng tôi, ông lại hy sinh một chút tín nhiệm đó. Nhưng ông vẫn làm thế.

Về Điều khoản IV, ông đi từ chỗ nghi ngờ đến ủng hộ tích cực, bởi cuối cùng ông ấy tin rằng nó hoàn toàn đúng đắn. Một khi đã tin, ông ấy trở thành người đề xướng thay đổi kiến định nhất. Sau ngày 11 tháng Chín – thực ra là trong bất cứ giờ phút khủng hoảng nào trong chính sách đối ngoại – ông cũng luôn sát cánh với tôi, đưa ra những hỗ trợ thiết yếu vào những giờ phút mà bất kỳ sự chia rẽ nhỏ nhất nào giữa chúng tôi cũng có thể để lại những hậu quả sâu sắc.

Vậy nên nhìn tổng thể và xét đến cường độ căng thẳng và mệt mỏi khủng khiếp đè nặng lên bất cứ mối quan hệ nào về vấn đề chính trị, tôi phải nói rằng mình thật may mắn vì đã có một người ủy quyền như ông.

Là một bộ trưởng, đôi khi ông ta có thể quá nhiệt tình về quyền lực của Chính phủ, sẵn sàng can thiệp, hòa trộn quá nhiều sự quan liêu vào chính sách; nhưng ông ta cũng có rất nhiều sáng kiến và trí tưởng tượng phong phú. Ông đã đem ngành công nghiệp đường thủy quay lại với nước Anh bằng cách thuyết phục Bộ Tài chính thay đổi những luật lệ về cò để thuận tiện hơn. Ông dẫn đầu các cuộc đàm phán ở Kyoto và giúp Anh trở thành nước duy nhất trên thế giới đáp ứng được mục đích của nghị định thư Kyoto. Ông đóng một vai trò quan trọng trong chính sách nhà ở, đã chủ trì ủy ban chính sách nhà ở để xúc tiến các dự án Giấy Trắng (White Paper) nhằm cải thiện hệ thống hoạch định chính sách. Trong 10 năm tại nhiệm của ông ta, Chính phủ đã ổn định được nhà ở bình dân cho thêm hai triệu người. Ông cũng đại diện cho nước Anh trong các chuyến công du quốc tế và chủ trì lực lượng Biệt phái Trung Quốc, dẫn đầu các hiệp ước liên ngành về thương mại và đầu tư cũng như các lĩnh vực khác. Các công chức dưới quyền ông, một khi đã quen với tính cách và nhìn thấy vẻ đẹp tiềm ẩn dưới vẻ ngoài thô ráp, đều rất quý và tôn trọng ông.

Nhược điểm của ông ta thường nằm ở điểm tận cùng rất đáng yêu của thái cực – mặc dù, một vài phụ nữ tôi biết kịch liệt bất đồng với nhân định này. Ông cực kỳ cổ hủ, không giỏi giao thiệp với kiểu phụ nữ trung lưu điển hình và dù rất thấu đáo chính sách về quyền lợi dành cho người đồng giới nhưng ông ta đã được dẫn đường bằng khối óc chứ không phải con tim. Ông ta cũng hoàn toàn “hoang tưởng” về những trí thức thông minh, trẻ và hoạt ngôn. Với những người này, ông ta như một chú lợn với một cây nấm khuy. Ông có thể cảm nhận được sự hạ mình chiếu cố, một kẻ cả hay hợm hĩnh từ cách xa hàng nghìn bước; và một khi đã phát hiện ra, ông ta sẽ tấn công với một sự ruồng bỏ đáng ngạc nhiên. Những cố vấn trẻ tuổi giống như những vạt cỏ mới xén, đã quen với lớp đất ngầm của cuộc tranh luận kiểu sinh viên và kiểu trao đổi quan điểm ôn hòa, sẽ bị theo đuổi với sự hăng hái rất thất thường cho đến khi bị buộc rời bỏ nơi ẩn náu và bị cắt thành từng mảnh. Việc này trở nên đáng báo động hơn đối với họ bởi một thực tế là họ thường xuyên hoàn toàn mù tịt chẳng hiểu tại sao mình đã gây ra sự xúc phạm lớn như thế.

Tôi thú nhận là mình thấy điều này rất khôi hài, mặc dù thực sự tôi không nên như vậy. Quay lại những năm cuối thập kỷ 1980 khi lần đầu tôi trở nên xuất chúng và được bầu cử vào Nội các

Ma, John cũng thể hiện thái độ như vậy với tôi. Peter và tôi là một phần của thứ mà ông ta gọi là “bộ sưu tập người đẹp” và đó là lời xúc phạm lớn nhất mà ông ta có thể chiếu cố ban phát.

Tôi đoán điều làm cho việc đó có thể chịu đựng được, thậm chí chấp nhận được, ít nhất là với tôi, là ở chỗ mọi việc đều rất minh bạch. Dù John có thể cực kỳ xảo quyệt, nhưng việc nói ông ta “ruột để ngoài da” là một lời giảm nhẹ nghiêm trọng. Trong Nội các, ông thường xuyên ngồi như một ngọn núi nửa đang sôi sùng sục, sẵn sàng phun trào bất cứ lúc nào. Nguyên nhân có thể chấp nhận nhất của sự phun trào thường có thể là việc một trong những người phụ nữ chen ngang. Patricia Hewitt chắc chắn có thể làm ông ta thay đổi. Cô ấy, trên thực tế, là một bộ trưởng rất tài năng và tỏ ra xuất sắc ở Bộ Y tế, đưa ra những quyết định thực sự khó khăn với một quyết tâm không lồ, nhưng trong Nội các, cô lại thường thể hiện góc nhìn của một phụ nữ. John có thể đưa ra một nhận xét khá cộc cằn nếu đang ở trong tâm trạng không tốt. Lúc đó tôi sẽ cho gọi cô ấy quay lại, chỉ vì một chút tiêu khiển khi được chứng kiến ông ta nổ tung. Cô ấy sẽ tỏ ra kẻ cả theo lối thiếu nhạy cảm nhất có thể: “John, ông vừa đưa ra một điểm rất, rất hay và thật bổ công khi nghe ông nói.”

Ông ta đơn giản là làm tôi bật cười. Khá giống với chương trình “How do you solve a problem like Maria?” (tạm dịch: Làm cách nào mà bạn giải quyết được vấn đề như Maria) trong chương trình âm nhạc, dù sự tương đồng giữa John Prescott và Julie Andrews cũng chỉ dừng lại ở đó. Cười nhạo ông ta hay cười cùng với ông cũng như nhau. Tôi từng thường xuyên nói với ông rằng những ông phải sử dụng tiếng Anh là một phần ẩn tượng về ông, nhưng ông lo lắng, cảm thấy xấu hổ về điều đó và khi nói đến những việc như bảo vệ chất vấn của các ủy viên Quốc hội, ông cảm thấy cực kỳ sợ hãi. Việc đe dọa sẽ có một cuộc họp ở nước ngoài vào ngày thứ Tư nào đó là cách duy nhất mà tôi biết để khủng bố ông; ông có thể run lên vì lo sợ điều sắp tới, nhưng lại đứng dậy và làm việc đó. Trường hợp duy nhất khiến vấn đề trở thành một rắc rối thực sự đó là khi ông đang họp với những khách nước ngoài và yêu cầu phiên dịch, ở đó cung cách phát biểu của ông làm thui chột tài năng của hầu hết các phiên dịch viên, những người có lẽ cần tri liệu và tư vấn tâm lý tổng thể sau một trong những phiên họp như thế.

Ông cũng hiểu tôi rất rõ và đặc biệt biết khi nào tôi đang cố dẫn dụ ông vào một điều gì đó, lảng tránh ông hay khi tôi đang thoái lui. Ông cực kỳ nhạy cảm khi cảm thấy vai trò của mình chưa thực sự được đề cao. Một cuộc họp có thể được triệu tập, ông sẽ bước vào, tức giận và bắt đầu phàn nàn đầy phần nộ. Tôi đã đưa ra một hệ thống riêng để giải quyết những tình huống như thế: Vấn đề là phải để ông nói và không được ngắt lời hay lật lại; mà phải lắng nghe và chờ cho cơn giận tự nhiên nguôi xuống.

Có lẽ đặc điểm đáng báo động nhất ở ông là thói quen bắt đầu một cuộc nói chuyện không đầu cuối, không có ngữ cảnh, không giải thích vấn đề là gì. Tôi nhớ một lần khi có vẻ như tôi đang sắp sửa đưa những thành viên Dân chủ Tự do vào Nội các – báo chí đầy ắp thông tin về việc này – và JP đã vô cùng hoảng hốt. Vài ngày kể từ khi vụ việc bắt đầu đã trôi qua, vì vậy tôi không còn để ý đến nó nữa. Nhưng ông ấy thì có.

Tôi đang làm việc ở phòng họp của Nội các và đang suy nghĩ về một bài toán chính sách nào đó. John chợt xông vào phòng: “Menziess chết tiệt đâu rồi?” ông bắt đầu. Có vẻ không phải một khởi đầu hứa hẹn. Sau đó, ông bắt đầu lục soát dưới gầm bàn Nội các. “Thôi nào, anh ta đang ở đâu?” Tôi thực sự không hiểu ông ta đang nói về việc gì. Ông lùng sục cả phòng. Cuối cùng tôi mới ngã ngũ ra: Menziess đương nhiên là tên riêng của thành viên Dân chủ Tự do lâu năm mà chúng tôi đều biết đến với tên Ming Cambell. John đã nghiền ngẫm bản báo cáo từ báo chí về việc người này vào Nội các và qua một số quá trình đã quyết định đó là Ming – và vì một lý do nào đó mà ông chưa biết anh ta được gọi là Ming, hoặc có thể đã nghĩ “Ming” là một cái tên hiệu từ hồi còn học trường tư, vì thế nghi ngờ – và sắp sửa chấm dứt nó.

Tôi chật vật phản đối rằng Ming không gia nhập Nội các và anh ta cũng không trốn dưới gầm bàn Nội các. Sau một hồi rửa xả đến vài phút, John chuẩn bị rời đi. Khi đã tiến đến gần cửa ra vào, ông quay lại và nói: “Vậy anh có hứa với tôi là anh ta sẽ không gia nhập Nội các không

đấy?” “Có”, tôi nói.

“Chà, chỉ là để anh biết thêm nhé,” ông ta trả lời, “tôi đích chấp nhận chuyện đó đâu.”

Ông nghi ngờ tầng lớp quý tộc một cách sâu sắc, tất nhiên và vì thế cũng nghi ngờ giới hoàng thân, nhưng ông vẫn đối xử với họ một cách tôn kính và đúng mực. Về phần mình, họ vừa lo lắng, vừa bị ông mê hoặc. Ông và Thái tử Charles thường tọa đàm về các vấn đề và vì John chịu trách nhiệm về các vụ việc nông thôn, đó là một mối quan hệ hơi tế nhị một chút. John là một người phản đối việc săn bắn và không có cách nào thuyết phục ông về điều đó.

Ngay sau cuộc gặp đầu tiên của họ, tôi tình cờ gặp Thái tử Charles. “Tôi vừa có một cuộc họp với ngài Prescott,” Hoàng tử nói.

“À, thế mọi chuyện thế nào ạ?” Tôi hỏi.

“Ổn, ổn,” Thái tử Charles trả lời với một chút lơ đãng, “ngoại trừ.”

“Thế...?” tôi hỏi đầy khích lệ, biết là một việc gì đó rất “John” sắp được nói ra.

“Chà”, ông ấy nói, nhìn quanh xem chúng tôi có bị làm phiền không, “ông ấy có bao giờ làm cái việc ấy với ông không?”

“Việc gì?” tôi hỏi.

“Chà, khi đang ngồi đối diện với ông, ông ấy có trượt dần xuống ghế ngồi, hai chân chĩa ra hai bên để lộ đũng quần và đặt chén trà cùng cái đĩa trên bụng không? Khá kỳ cục. Tôi chưa từng thấy ai làm thế bao giờ. Theo ông thế nghĩa là sao?”

“Tôi không cho là nó có nghĩa gì đâu, thật đấy”, tôi nói.

“Hừm. Ông không nghĩ đó là một kiểu cử chỉ hay dấu hiệu thù địch hay phân biệt giai cấp hay gì à?”

“Không,” tôi nói, “ông ấy thường xuyên làm thế với tôi.”

“Hừm,” ông ta đáp lời, nhưng hoàn toàn không tin, “nhưng...”

“Ý ông là,” tôi xen vào, “ông ấy đang thể hiện một quan điểm của giai cấp công nhân chống lại ông, giai cấp thượng lưu và tôi, giai cấp trung lưu?”

“Chà, có thể lắm,” ông ta nói.

“Không, tôi nghĩ ông ta chỉ thích uống trà theo kiểu đó thôi.”

“Phải, có thể ông nói đúng,” ông ta nói, hoàn toàn bối rối và nghi hoặc, “chỉ là trước đây tôi chưa bao giờ thấy có ai làm thế thôi.”

Ngày sau khi John thực hiện cú đấm, chúng tôi đã phải làm quen với nó. Tôi tới Manchester để có một vòng viếng thăm như thường lệ nhằm cung cấp những bức hình nền: Không quá ít, để đảm bảo sự phong phú; không quá nhiều, để không khơi dậy bất cứ nguy hiểm không cần thiết nào.

Sau những sự kiện buổi giới thiệu bản tuyên ngôn, không có gì ngạc nhiên khi chúng tôi muốn duy trì sự chú ý. Nhưng thật nản chí, giới truyền thông muốn có một câu chuyện và câu chuyện duy nhất lại chỉ là một sơ suất. Chúng tôi muốn tập trung chú ý vào hồ sơ và chính sách, điểm mà chúng tôi nghĩ là mình mạnh hơn Đảng Bảo thủ. Kết quả là hai chiến dịch không bao giờ quy tụ và mãi mãi là hai đường song song.

Đôi khi tôi gọi Peter Mandelson và thông báo cho ông ta về chiến dịch và xin lời khuyên. Ông ta đang vận động ở Hartlepool, thể hiện ý chí thép và sự ngoan cường của mình. Tôi nghĩ có thể tốt nhất ông ta nên rút lui, nhưng ông kiên quyết không làm thế và đã đúng. Nếu họ kéo đổ ông, ông cũng sẽ không dễ yên mà không trải qua một trận chiến. Về sau, tôi tự hỏi về sự khác biệt giữa chúng tôi. Tất nhiên, chiến đấu để giữ nguyên vị trí Thủ tướng và chiến đấu để giữ nguyên vị trí bộ trưởng là hai việc khác nhau một trời một vực.

Thời điểm đó là vào tháng Sáu năm 2001, tôi đã khá chắc chắn về bản thân: Tôi sẵn sàng ra đi trước cuộc bầu cử thứ ba. Tôi chỉ không rõ về động cơ của mình. Tôi muốn nghỉ đó là vì tôi có thể bước đi; tôi không bị ám ảnh về việc làm Thủ tướng; tôi có một hậu phương và một nhiệm vụ khác cần làm do sự quan tâm của mình dành cho tôn giáo. Nhưng tôi vẫn nghi ngờ rằng một phần là do sự hèn nhát; một phần là tôi muốn thoát khỏi các gánh nặng, khỏi nỗi đau nó mang lại, khỏi trọng trách mà đôi khi gần như khiến tôi không thể chịu nổi. Liệu tôi muốn ra đi vì những lý do không ích kỷ, hay vì những lý do mà trên thực tế là ích kỷ đến tột độ? Liệu tôi có đùa cợt với chính mình về nguyện vọng duy trì quyền lực không? Liệu tôi có đang chơi khăm chính mình về nguyện vọng gỡ bỏ quyền lực ấy? Liệu tôi có lo sợ phải kéo dài sự hữu dụng của mình hay, trong thực tế, sợ vị đắng và sự hiểm thù của cuộc chiến tranh giành quyền ở lại?

Peter Mandelson có thể đã lựa chọn một lối ra dễ dàng sau lần từ chức thứ hai. Lẽ ra ông đã có thể đi thẳng tới vị trí thượng nghị sĩ và vẫn còn là một ủy viên của EU. Nhưng ông đã chọn cách thức giữ vững lập trường, để thể hiện quan điểm rằng mình không có gì phải hổ thẹn và chứng tỏ rằng những kẻ gièm pha ông, những kẻ đã muốn nói ông bị căm ghét như thế nào, hoàn toàn sai lầm.

Cuộc bầu cử rất khó khăn đối với ông. Tôi đã đề nghị ông đứng ngoài phương diện cả nước và chỉ tập trung vào địa phương, đấu tranh cho quyền lợi của Hartlepool được chọn ra một nghị sĩ theo ý mình, chứ không phải để truyền thông đưa ra quyết định thay. Ông đã làm thế với một sự tự tin khó lay chuyển và bằng một kỹ năng chính trị rất thực tế. Tất nhiên, giới truyền thông London đã chuyển hướng quan tâm lên khu vực đó, tấn công ông, liên tục tỏ ra tiêu cực, khuyến nho và khó chịu về ông và biến toàn bộ ý tưởng về việc Peter có khả năng theo kịp “những người dân thuộc giai cấp lao động miền Bắc ở Hartlepool” thành trò đùa.

Đương nhiên, như từ trước đến giờ, những kiểu ấn tượng rập khuôn như thế đơn giản đến lỗi bịch; và vốn khôn ngoan, người dân Hartlepool đã quyết định rằng Peter đã làm rất nhiều để đưa nơi này lên bản đồ và đã bảo vệ cũng như giúp đỡ mảnh đất này dù bản thân ông không xuất thân từ đây. Cuối cùng, thế áp đảo của ông hầu như không giảm đi. Nhưng theo một nghĩa nào đó rắc rối mà Peter gặp phải đã được phản ánh trong một vấn đề rộng hơn của chiến dịch.

Chúng tôi đã cố gắng giành lại sự chú ý. Các sự kiện nối tiếp sự kiện. Chúng tôi đưa ra hàng loạt những người nổi tiếng để đem lại chút gia vị. Những người thường xuyên xuất hiện như Alex Ferguson, một số diễn viên của Lễ Đăng Quang Đường Phố, như Richard Wilson và Michael Cashman cũng xuất hiện, cũng có các ngôi sao Cận Đông khác như Michelle Collins. Ngài John Mills xuất hiện theo lời mời của chúng tôi và giới thiệu tôi tại các cuộc mít tinh. Ở độ tuổi 90, ông vẫn nhanh nhẹn, hoạt bát và khá minh mẫn. Ông không thuộc về Đảng Lao động; nhưng ông ủng hộ tôi. Dàn hợp xướng nhà thờ Charlotte đã hát cho chúng tôi ở một buổi mít tinh và cả Lesley Garrett nữa. Mick Hucknall cũng hăng hái trợ giúp.

Tới ngày hôm nay, tôi cũng không bao giờ chắc chắn về hiệu quả mà những người nổi tiếng mang lại. Tôi không phủ nhận nó, như một số người nhưng khi bạn đang cố gắng nắm bắt tâm trạng – và thường thì điều này là cho một đảng cấp tiến hơn – những người nổi tiếng có thể củng cố, thậm chí là thúc đẩy thông điệp. Họ thêm một chút mê hoặc và hưng phấn vào thứ có thể đơn thuần là việc kinh doanh khô cứng. Điều họ không thể làm, tất nhiên, là thay thế cho chính trị. Thực ra, nếu cố tình, họ sẽ ngay lập tức trở nên phản tác dụng. Nếu họ bắt đầu thuyết giảng cho người dân rằng tại sao hay làm thế nào họ nên bỏ phiếu, thì nó sẽ giống một thảm họa. Công chúng cảm thấy họ đang lấn vạch và đặt họ cùng những người bạn chính trị của họ

vào vị trí của mình. Rõ ràng họ không quyết định kết quả, nhưng nếu được sử dụng hợp lý, họ sẽ có vai trò hỗ trợ.

Tôi trải qua một sự dao động đã được hiệu chỉnh giữa các vùng phụ cận – Dartford, Gravesend, Basildon, Loughborough, Weymouth, Forest of Dean, điểm danh các ghế mà Đảng Lao động nghĩ trong hàng thập kỷ rằng chúng tôi không bao giờ thắng được và giờ đây hy vọng nắm giữ – và những phần cứng nhắc của Đảng Lao động của các thành phố bên trong, các bờ biển phía bắc và các khu công nghiệp cũ, để giải quyết lập luận rằng, khi chúng tôi cố thêm cử tri mới, chúng tôi sẽ xao lãng vùng trung tâm truyền thống. Khi họp báo được tổ chức để đưa tin về cuộc họp, bản thân cuộc họp sẽ đưa tin về sự kiện và sau đó là cuộc mít tinh và các cuộc phỏng vấn chõng chất nhau, sự náo nhức bắt đầu hiện rõ trong tôi đi kèm với sự lo lắng nữa.

Ở một mức độ, chiến dịch đang diễn ra hết sức tuyệt vời. Chúng tôi dẫn đầu trong các cuộc thăm dò. Bỏ qua cú đấm Prescott, chúng tôi bắt đầu chạy nước rút về đích. Khi sự việc được sáng tỏ rằng Đảng Bảo thủ không có điểm gì nổi bật và không thể đạt được đột phá, họ bắt đầu tan đàn sẻ nghé. Cánh tả bắt đầu phát biểu những điều ngốc nghếch, như khi Thư ký phụ trách y tế của Nội các Đối lập lúc đó là Liam Fox – thực ra rất khéo léo – đã làm bảo vệ của mình thất vọng và nhận xét: “Tất cả những điều chúng tôi nghe nói từ Đảng Lao động là đói nghèo, đói nghèo, đói nghèo, la, la, la. Việc này thật nhảm chán đối với các thành viên Bảo Thủ.” Một khẳng định phần nào đúng, nhưng không khôn ngoan. Sau đó Oliver Letwin – Thư ký Bộ Tài chính của Nội các đối lập, cũng là người khéo léo – đã tiết lộ bí mật rằng Đảng Bảo thủ muốn cắt giảm chi tiêu khoảng 20 tỷ bảng Anh.

Đây là điểm khiến chính trị hiện đại trở nên lố bịch. Sau khi vượt qua một con số nhất định, các số tiền đối với hầu hết công chúng hoàn toàn vô nghĩa trên phương diện tỷ lệ. “Chúng tôi sẽ đầu tư khoảng 500 nghìn bảng vào công trình vệ sinh mới cho các trường học nghe có thể là một con số lớn. Một tỷ bảng là một con số khổng lồ, trong khi 20 tỷ bảng thì vượt quá những giấc mơ hay cơn ác mộng hoang đường nhất và tất cả cảm giác về tính tương đối biến mất. Hầu hết các dự báo của Bộ Tài chính về GDP hay thu nhập từ thuế có thể ở mức đó và không mấy ai để ý tới, nhưng khi đặt nó vào tiêu đề báo thì nó lập tức gây xôn xao. Tôi thắc mắc là tại sao Đảng Bảo thủ có thể nghĩ việc quy ra định lượng chính xác cho những việc họ dự định làm là khôn ngoan, vì rõ ràng là bất cứ con số nào lớn như thế cũng bị ảnh hưởng bởi việc đánh giá lại nếu người ta có ý định bầu một Chính phủ mới.

Tuy nhiên, những công bố như vậy thể hiện bản năng, định hướng và một ý định tiềm ẩn. Với một Đảng Bảo thủ bị tước bỏ quyền lực vì thiếu đầu tư vào các dịch vụ công, thì đó là một động thái ngốc nghếch như thể chỉ có người thông minh mới có thể tổ chức. Đảng Lao động tấn công ngược. Ngài Letwin xui rủi mất đến mấy ngày sau để lảng tránh. Đảng Bảo thủ không rõ liệu họ nên xác thực, giải thích hay loại bỏ, vì vậy đã làm cả ba việc cùng một lúc. Việc đó cho tôi cơ hội để để bám vào, chiếm lĩnh các phương tiện thông tin đại chúng trong ít nhất vài ngày và nhờ đó cho chúng tôi thời gian giải lao; và nó còn gọi các phê phán khác từ nội bộ Đảng Bảo thủ. Những người bài châu Âu lộ rõ. Những người chuộng châu Âu cũng xuất hiện. Công chúng đặt câu hỏi: Họ chưa sẵn sàng lắm, đúng không?

Nhưng ngay cả khi tôi vui sướng trước cơ hội hạ gục Đảng Bảo thủ một lần nữa, tôi cũng cảm nhận được sinh mạng chính trị của riêng mình. Vâng, chiến dịch đang thành công. Vâng, truyền thông theo một nghĩa nào đó đang đứng về phe chúng tôi, tờ Times đã ủng hộ chúng tôi lần đầu tiên; nhưng nhìn vào điều đang thực sự hiển hiện, tôi cảm thấy một sự cô lập sâu sắc. Các tờ báo cánh tả, như Guardian, tất nhiên đang thúc giục cuộc tái cử của chúng tôi, nhưng trên cơ sở của nỗi lo lắng về Đảng Bảo thủ và liên tục cảnh báo Chính phủ và tôi rằng bất cứ hình thức cải cách nào đối với các dịch vụ công cũng bị chống đối dữ dội. Tờ Mirror cũng thế. Bên cánh hữu, tờ Sun và Tin tức Thế giới ủng hộ chúng tôi, nhưng rất kiên quyết chống lại châu Âu và nghĩ rằng chúng tôi chưa tiến đủ xa trên các mặt cải cách.

Họ là những người tin vào Đảng Lao động mới. Có nhiều người như họ hơn dự tính. Họ là

những người đã đảm bảo vào năm 2005 rằng chúng tôi không thể thua. Họ “chiếm” được thể cân bằng, sự mới mẻ trong hướng tiếp cận chính trị: Tỷ lệ thuế cá nhân được giữ ổn định (không giảm) nhưng đầu tư tăng; trọng thương nhưng cũng phải đảm bảo công bằng trong công việc (không ủng hộ công đoàn); cải cách đi kèm với việc tiêu dùng vào các dịch vụ công; một hướng tiếp cận cứng rắn với trách nhiệm về vấn đề trật tự kỷ cương và phúc lợi; thắng tay với Mỹ và là một thành viên tích cực ở châu Âu. Họ biết bà Thatcher đã đứng khi biển nước Anh thành một đất nước cạnh tranh, nhưng họ cũng muốn một xã hội ôn hòa. Họ có tư tưởng tự do về đời tư; và rất kiên định về vấn đề tội phạm. Họ không gặp khó khăn gì với một nước Anh hiện đại. Họ muốn nó, không thích và không tin tưởng những thái độ Nước Anh Nhỏ Bé.

Đúng là có một Hiến pháp cho Đảng Lao động mới, nhưng nó không được giới truyền thông đưa tin và vẫn còn trong giai đoạn thai nghén ở Đảng Lao động. Xung quanh tôi là những người vì một lý do nào đó có thái độ rất lãnh đạm. Những người ủng hộ nó – như John Reid, David Blunkett, Tessa Jowell, Charles Clarke, Alan Milburn, Hilary Armstrong và John Hutton – đều đang tiến lên và còn cách một khoảng xa nữa; hay như Peter, đang hứng chịu rất nhiều đòn tấn công. Quay lại thời kỳ tháng 5 năm 2001 và không một vị trí trọng yếu nào – như quyền Thủ tướng, Đại pháp quan, Bộ trưởng Nội Vụ, Bộ trưởng Ngoại Vụ – được giữ bởi một người theo thuyết hiện đại hóa.

Nhưng tôi đã kiên quyết đấu tranh cho thay đổi cấp tiến. Tôi tuyệt đối chắc chắn rằng trong từng lĩnh vực này, chúng tôi đều có một lập luận đủ mạnh, đúng và có thể chiếm được lòng người trên cả nước. Tréo ngoe là ở chỗ: Tôi không thể khiến người ta lắng nghe lập luận đó. Tôi không phải là không làm được – tôi đã làm được, to tát và rõ ràng – nhưng nó thực sự không được lắng nghe. Nó được vọng lại mờ nhạt giữa các thuyết trình viên khác của Đảng Lao động và hầu như không xuất hiện trong giới truyền thông. Kết quả là một chiến dịch và một sự ủy quyền có ý nghĩa khác nhau với những người khác nhau. Tôi chắc chắn rằng bản tuyên ngôn và bản ủy quyền đều là cho Đảng Lao động mới, nhưng sự thiếu vắng các hoạt động thảo luận chính sách nghiêm túc cho thấy việc đó không có ý nghĩa gì. Nếu bạn hỏi người dân bình thường, họ có thể đã nói: Các ông đã làm tốt, nhưng phía kia chưa sẵn sàng lắm, hãy làm tiếp đi. Đó là một cuộc bầu cử được chiến đấu bằng lời lẽ, bằng văn xuôi, trong khi tôi đang cố gắng tìm chất thơ cho nó.

Vào thời điểm đó, ở một mức độ nhất định, việc đó có ảnh hưởng gì chứ? Chúng tôi đã thắng và thắng vẻ vang. Nhưng nó tạo ra một sự nhầm lẫn nguy hiểm trong đảng, một số người tin rằng điều giúp đem đến chiến thắng cho cuộc bầu cử không hẳn là Đảng Lao động mới mà là một nền kinh tế vững mạnh, một nguồn ngân sách dư thừa và tình trạng ngặt nghèo của Đảng Bảo thủ. Tôi đã hoàn toàn chắc chắn con đường duy nhất dẫn đến chiến thắng là Đảng Lao động mới, thậm chí dù không tập trung vào chính sách, vị trí nền tảng trung tâm cấp tiến quan trọng đó đã phần nào được thiết lập và phổ biến nhưng không rõ đối với đảng hay đối với giới truyền thông.

Hiệu suất khá thấp và một lời đồn rộ lên rằng người thắng cuộc duy nhất là sự thờ ơ. Chúng tôi đã bị tấn công bởi hoa âm cao và thấp của những kẻ khuyến nho ưa giễu cợt. Tất nhiên, hiệu suất thường là một chức năng cho thấy người ta đoán kết quả sát đến mức nào. Hiệu suất năm 1992 cao hơn năm 1997; năm 2005 cao hơn 2001. Thực ra nó là hoa tiêu rất thiếu tin cậy cho những cảm xúc về Chính phủ.

Nhưng, dù tôi đã rất cố gắng, điều đó có nghĩa là khi chiến dịch gần đến hồi kết, dù chúng tôi đã là những người thắng cuộc chưa lộ diện, thì có một nét thoáng của chiến thắng làm tôi chùng hững và khiến tôi nhận ra rằng cải cách ở nhiệm kỳ hai sẽ là một con đường thực sự trắc trở.

Tuy nhiên, đêm bầu cử hoàn toàn đối lập với năm 1997, khi tất cả mọi người trừ tôi đều rất “phơn phơ”. Lần này tôi khá phơn phơ, trong khi mọi người khác lại hơi trầm. Rốt cuộc, đó là chiến thắng lớn thứ hai trong lịch sử của nền chính trị Anh – hai chiến thắng tuyệt đối liên tiếp thật là ấn tượng. (George Bush gọi điện cho tôi sau cuộc bầu cử và nói, “Ông bạn, ông đã làm

thể nào vậy?”) Khi kết quả của cuộc bầu cử đã rõ ràng và thể hiện chiến thắng áp đảo, thì tôi đã tự cho phép mình uống một ly và ăn mừng một chút. Nhưng tôi cũng còn nhiều quyết định phải đưa ra.

Một quyết định trong phạm vi nội bộ. Anji đang muốn ra đi. John Browne, ông chủ của hãng dầu BP, đã đưa ra đề nghị công việc hấp dẫn. Tôi, tất nhiên, nghĩ rằng cô ấy thật điên rồ khi từ bỏ vị trí trung tâm của ngôi nhà Số 10, ngay cả là để làm việc cho một công ty tầm cỡ như BP và một người có danh tiếng và tài năng như John. Thật sự, tôi không thể tin điều đó và tôi đã dành rất nhiều thời gian trước và trong cuộc bầu cử để cố thuyết phục cô ấy nghĩ lại.

Cuối cùng, cô ấy cũng vui lòng và đồng ý ở lại, nhưng với cô ấy, đó là một sai lầm. Cô hối hận vì đã vui lòng và cuối cùng vẫn ra đi vào cuối năm ấy, dù không phải là trước khi tiễn tôi qua cơ đận ngày 11 tháng Chín.

Đó là một cuộc chia ly khủng khiếp. Cô ấy là một trong những người bạn lâu năm nhất của tôi. Tôi hoàn toàn tin tưởng cô ấy. Thủ tướng là một vị trí rất cô đơn và một ai đó như thế, một người bạn có thể tin tưởng tuyệt đối trọn vẹn, là một món quà từ Chúa. Cô ấy đã trở thành một công sự nổi bật – quyến rũ, hoạt bát, có khả năng lan tỏa niềm hạnh phúc và mãn nguyện, trong khi vẫn duy trì khả năng quyết đoán và năng lực lập kế hoạch. Cô là tiếng nói vững vàng đại diện cho miền Trung nước Anh, không có hệ tư tưởng rập khuôn nào và rất điềm đạm trong thời điểm khủng hoảng.

Tôi đã học được một bài học: Không bao giờ cố giữ một người đã có dao động trong tâm trí hay một người muốn ra đi.

Vào buổi sáng ngày 8 tháng Sáu, tôi để Anji ngồi vào một vị trí mới với nhiều quyền lực hơn. Tôi hấp tấp chuyển Sally tới Nghị viện và để cô ấy đảm nhiệm vị trí bộ trưởng, cô đã đón nhận điều này với niềm vui sướng hân hoan và từ trải nghiệm này cô đã đạt được vô số thành quả, vì vậy khi đảm nhiệm các vụ việc trong Chính phủ và liên minh chính trị sau đó vài tháng, cô đã trở thành một người quản lý chính trị khá khác thường và vô giá trong việc giải quyết những công việc khó nhọc của nhiệm kỳ thứ hai. Tôi sớm nhận ra rằng mình rất nhớ cô ấy; và rằng những kỹ năng của cô ấy, thiết thực với đảng hơn Anji.

Một phần bởi vì phần lớn quá trình cải cách phải được điều khiển từ và thông qua ngôi nhà Số 10, nên tôi biết rằng chúng tôi phải tăng cường sức mạnh cho trung tâm của Chính phủ và tôi đã đề ra những thay đổi chính. Đó là một đặc điểm của chính trị hiện đại, khi không việc gì có thể được thực hiện nếu không được điều khiển từ cấp cao nhất. Một khi khung chương trình đã được cố định, các phòng ban sẽ biết phương hướng cách thức giải quyết, nhưng bỏ nó cho họ hoàn toàn là một việc hết sức liều lĩnh, trừ phi từng cá nhân các bộ trưởng đều tin tưởng vào triển vọng; và ngay cả khi đó, họ cũng cần có sức mạnh hỗ trợ từ trung tâm.

Sự thiếu kiên nhẫn của tôi với quy mô và tham vọng cải cách của chúng tôi đến giờ đã bị khắc vào đá hoa cương. Tôi chắc chắn sẽ làm việc đó, dù có khó khăn thế nào đi chăng nữa. Tôi cần giải quyết những câu hỏi hóc búa về tình tiết trong chính sách, chính những tình tiết lên khung cho thay đổi; và tôi cần phải thăm dò liệu có nên hay không và cần giới thiệu thay đổi đó như thế nào. Tôi cũng ý thức được rằng mức độ và cấp độ của các vụ việc chính sách đối ngoại sẽ tạo ra một yêu cầu cần có cho một trật tự dịch vụ hoàn toàn mới. Các cuộc họp thượng đỉnh tăng lên nhanh chóng và quy mô của các quyết định về chính sách đối ngoại và hậu quả của chúng đồng nghĩa với các lãnh đạo, chứ không phải các bộ trưởng nước ngoài chắc chắn phải đảm trách những vai trò lớn hơn.

Điều này không bao giờ được những người theo truyền thống ủng hộ. Họ nói rất nhiều về Chính phủ tập trung; muốn trở thành tổng thống; ước muốn ngạo mạn (thậm chí là ngông cuồng) được có quyền lực tuyệt đối. Tất nhiên tất cả chỉ là chuyện vớ vẩn. Sự thật là bạn không thể hoàn thành được việc trừ phi có các trình tự và cơ chế rõ ràng để triển khai chương trình. Còn rất nhiều việc phải làm xét trên khía cạnh chính sách đối ngoại, nơi một thể giới tương

thuộc đang tăng cường tác động lên những quyết định về chính sách đối ngoại đa phương. Còn đối với chính sách đối nội, thay đổi những hệ thống dịch vụ công có nghĩa là tìm hiểu chi tiết việc quản lý ban hành và thực thi theo cách cấp tiến và liên kết với nhau hơn. Các bộ trưởng càng lúc càng giống như giám đốc điều hành (CEO) hay chủ tịch của các công ty lớn. Họ phải đề ra phương hướng chính sách; họ phải đảm bảo nó được tuân thủ; họ phải thu thập số liệu xem nó có được tuân thủ không; họ phải đo đạc các hậu quả.

Một lần nữa, vô số chuyện nhảm nhí về các mục tiêu trong thành phần kinh tế Nhà nước xuất hiện. Một số phê bình có giá trị. Mục tiêu có thể quá rộng. Đôi khi các mục tiêu khác nhau xung đột lẫn nhau, đây chính là công thức cho sự thiếu trình độ. Đôi khi chúng lại quá tỉ mỉ. Tất cả những phê bình đó đều có giá trị.

Tuy nhiên, như tôi từng nói với các bộ trưởng và công chức, nếu điều đó là đúng, thì hãy cắt giảm chúng thành những điều thiết yếu, giải quyết các mâu thuẫn, quy định một quyền tùy nghi khôn ngoan về việc chúng cần được đáp ứng như thế nào. Đầu vào rất phong phú, nhưng tôi biết, khi nguồn chi tăng lên, người ta sẽ tập trung nhiều hơn vào kết quả đầu ra; và đó là một việc làm đúng đắn.

Chúng tôi thiết lập một Đơn Vị Phân Phát, do Michael Barber đứng đầu, người đã từng là cố vấn của David Blunkett ở Bộ Giáo dục. Khái niệm về Đơn Vị Phân Phát chính là ý tưởng của Michael. Đó là một sự cải tiến bị chống đối rất nhiều, nhưng lại vô giá và chứng tỏ giá trị của nó qua thời gian. Đây là một đơn vị tương đối nhỏ, với nhân viên là các công chức và cả người ngoại đạo từ McKinsey, Bain và các công ty kinh tế tư nhân khác, những người này có nhiệm vụ truy tìm đầu ra cho những chỉ tiêu được ưu tiên của Chính phủ. Nó có thể tập trung vào một vấn đề, vẽ ra một kế hoạch để đảm bảo nó có tác dụng với các ban ngành có liên quan và sau đó quản lý việc thực thi tìm ra giải pháp. Nó có thể thu được số liệu hạng nhất và dùng đó làm tài liệu kiểm kê mà tôi giải quyết trên phương diện cá nhân với bộ trưởng, các nhân viên cốt cán của họ và của tôi, hàng tháng. Đơn vị này có thể đưa ra một bản báo cáo tiến độ và đưa ra các hành động ủy quyền cần thiết.

Chúng tôi đã giảm đáng kể số lượng những nhà thương điên không được thành lập theo cách đó; thúc đẩy trình độ đọc viết và sử dụng con số ở các trường học; ứng dụng nó vào danh sách chờ của NHS, tội phạm đường phố và rất nhiều vấn đề khác. Nó giống như một doanh nghiệp tư nhân tự do hay doanh nghiệp xã hội ở trung tâm của Chính phủ. Trong quá trình này, toàn bộ những khu vực mới cần cải cách có thể được khai mở và thách thức này hoàn toàn có hệ thống, yêu cầu thay đổi toàn bộ sang hình thức một dịch vụ công vận hành, thay vì một sắc lệnh được ban hành một cách tập quyền hay quan liêu.

Chúng tôi cũng tạo ra Đơn Vị Chiến Lược, để dự tính cách thức phát triển của một chính sách, những thách thức và những ý tưởng hoàn toàn mới để giải quyết chúng. Việc này cũng thành công vang dội. Nó cho phép chúng tôi tiếp nhận một quan điểm trung – thậm chí là dài hạn về một số vấn đề nhất định vốn đang lộ diện nhưng chưa cấp bách. Trong khi Đơn Vị Chính Sách giải quyết những vụ việc hàng ngày và tập trung vào quản lý các phòng ban để ban hành các chính sách và việc ban hành các chính sách đó xuất phát từ bản tuyên ngôn hay các kế hoạch cấp phòng ban, thì Đơn Vị Chiến Lược cố gắng thiết lập cương lĩnh chính sách tiếp theo. Tất nhiên hai đơn vị này có vấn đề tương tự nhau, nhưng ở những lĩnh vực như lương hưu, phúc lợi cho tới công việc, sức khỏe cộng đồng và giáo dục đại học, Đơn Vị Chiến Lược cũng liên tục đưa ra trên chương trình nghị sự những vấn đề dù có không cấp thiết hôm nay, cũng có thể trở thành khủng hoảng của ngày mai nếu không được phòng bị trước.

Hơn nữa, tôi cũng củng cố đội ngũ chính sách đối ngoại. Thay vì chỉ có một người chạt vật khổ bao quát tất cả chính sách đối ngoại cho Thủ tướng, việc này thường đồng nghĩa với việc họ phải làm 14 giờ một ngày và không bao giờ có thời gian giao tiếp với các bộ phận khác trong hệ thống của chúng tôi hay ở các nước khác theo cách họ cần, chúng tôi đã tạo ra một đơn vị gồm bốn hay năm người, với một người chịu trách nhiệm chính về vấn đề châu Âu, một người

nữa phụ trách phần còn lại của chính sách đối ngoại và một số nhân viên khác hỗ trợ. Việc làm này hỗ trợ Phố Downing rất nhiều trong việc giải quyết với gánh nặng đang chồng chất của các thách thức về chính sách đối ngoại.

Tôi muốn tiến xa hơn trong cơ cấu của Chính phủ. Tôi thực sự tâm huyết với các hành vi phản xã hội và tội phạm nhỏ cũng như nỗi đau mà nó gây ra cho mọi người. Tôi cũng tin rằng đáng cần một cách tiếp cận hoàn toàn mới với các tội phạm có tổ chức. Lĩnh vực này được coi là phức tạp ngoài sức tưởng tượng. Tôi có một kế hoạch tổ chức lại toàn bộ cách thức hoạt động của hệ thống tội phạm hình sự: Nhằm giảm thiểu tỷ lệ phạm tội, nỗi lo sợ về tội phạm và những thiệt hại kinh tế cũng như xã hội của chúng, đẩy nhanh quá trình xử lý vụ việc trong hệ thống, thực thi công lý một cách công bằng và hiệu quả, nâng cao lòng tin của quần chúng vào luật pháp và hệ thống.

Quyết định mà tôi đã không đưa ra là dịch chuyển Gordon. Khi mọi người nhìn lại, họ thường xuyên nghĩ rằng đó là giờ phút trọng đại khi việc di chuyển ông ta có thể đạt được trên phương diện chính trị; và rằng vì thế đó là một cơ hội đã bị bỏ lỡ. Sau khi cân nhắc kỹ, tôi vẫn không đồng ý. Ông ta được nhận định là một Quan Chương Ấn lỗi lạc. Ông là một nhân vật tầm cỡ, một vĩ nhân nhìn từ nhiều góc độ. Ông ta có cả một lực lượng truyền thông và một đảng hậu thuẫn. Việc chuyển ông có vẻ như và có thể được thêu dệt thành, mang một chút tư thù từ phía tôi, thể hiện một động thái ganh tị, một động thái vị kỷ hơn là vụ lợi. Và tôi có thể thay ai vào vị trí của ông ta? Chỉ có Robin Cook hay Jack Straw là có thể đảm nhận vị trí này. Thực ra, cả hai người này đều không thể tốt bằng ông ta – mềm mỏng hơn, nhưng lại không quyết liệt bằng. Bài toán Gordon – sự kết hợp giữa sự thông minh và sự bất khả thi – vẫn còn nguyên đó.

Tôi nghĩ ông ta tin là tôi muốn di chuyển ông ta, vì thế khi tôi nói rằng nhiệm kỳ thứ hai chắc chắn sẽ khác so với nhiệm kỳ đầu và ông phải hợp tác, ông ta ngay lập tức phản ứng rằng ông ta biết tôi muốn gạt phăng ông ta đi rồi. Nỗ lực chân thành để giữ thăng bằng một chiếc thuyền sắp lật hóa ra lại phá hủy cái thuyền một cách nghiêm trọng hơn.

Tôi vẫn chuyển Robin từ vị trí Bộ trưởng Ngoại giao thay thế Jack Straw vào. Robin đã làm rất tốt, nhưng bốn năm có lẽ đã là một khoảng thời gian đủ dài cho công việc đó. Tuy nhiên, quyết định này không hẳn đã là một quyết định khôn ngoan trên phương diện chính trị. Từ đó trở đi, Robin trở thành một mối nguy hiểm tiềm tàng và điều này lại lặp lại với Jack vào năm 2005. Vấn đề là không ai muốn rời bỏ chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao. Như tôi đã nói, trong tất cả các công việc, đó là việc khiến họ dần nghĩ nó thuộc về mình và nên vui vẻ tiếp tục thuộc về họ cho đến cuối cùng, hay ít nhất đến khi Chính phủ không còn tồn tại và thậm chí khi đó một vài người sẽ vẫn ấp ủ ý tưởng rằng họ đã làm nhiệm vụ của mình rất tốt, chẳng phải Chính phủ đó nên được nâng cấp khỏi tình trạng dơ bẩn của chính trường đảng phái hay sao?

Tại cuộc họp PLP đầu tiên sau cuộc bầu cử, các thành viên PLP ở trong tâm trạng rất hưng hăng. Không thể tin nổi – chiến thắng áp đảo lần thứ hai liên tiếp, còn gì phải phàn nàn nữa? Sự căng thẳng mà tôi đã cảm nhận trong suốt chiến dịch đang dần nổi lên: Họ cảm thấy mình đã chiến thắng dựa trên một cơ sở; còn tôi cảm thấy mình chiến thắng trên một cơ sở khác.

Tuy nhiên, trước khi cả hai phía có đủ thời gian để ca cẩm về nhau, trong vòng chưa đầy chín tuần kể từ sau chiến thắng của chúng tôi, thế giới đã thay đổi và định mệnh về quyền lãnh đạo chính trị của tôi – cùng với rất nhiều điều khác có tầm quan trọng hơn rất nhiều – cũng thay đổi cùng với nó.

12. 11/9: "Kề vai sát cánh"

Thật kỳ diệu khi nghĩ về việc cơn chấn động và nhịp điệu tự nhiên của tinh thần con người tự lấy lại nhịp điệu một cách nhanh chóng như thế nào. Một trận đại hồng thủy xuất hiện. Các giác quan quay cuồng. Trong cái khoảnh khắc quyết định cuối cùng đó, chúng ta có thể giữ trong tâm trí mình tầm cỡ trọng đại của cả một sự kiện. Dần dần, không phải ký ức về nó bị phai nhạt mà chính xác là sức ảnh hưởng của nó mờ dần, mất đi sức mạnh và theo đó sự chú ý của chúng ta lại dịch chuyển. Chúng ta ghi nhớ, nhưng không theo cách mà chúng ta đã cảm nhận ở chính thời khắc đó. Ảnh hưởng tình cảm được thay thế bởi một cảm giác bình tĩnh hơn, vì vậy mà có vẻ lý trí hơn. Nhưng ngược đời thay nó lại có thể ít lý trí hơn, bởi sự bình tĩnh không phải là sản phẩm của một phân tích đã được thay đổi, mà là sự mãn hạn về thời gian.

Vụ khủng bố ngày 11 tháng Chín đã xảy ra theo hướng này. Vào cái ngày tàn khốc đó, trong chưa đầy hai giờ, gần 3 nghìn người đã thiệt mạng trong thảm họa khủng bố tàn khốc nhất mà thế giới từng chứng kiến. Trong vụ tấn công tòa Tháp Đôi của Trung tâm Thương mại Thế giới, vốn thống lĩnh đường chân trời của New York, hầu hết các nạn nhân đều tử vong. Hai tòa tháp là địa điểm làm việc của một lực lượng lao động đa dạng hơn bất cứ nơi nào trên thế giới. Họ đến từ tất cả các quốc gia, đa dạng về chủng tộc và tôn giáo. Tòa tháp không chỉ biểu tượng của sức mạnh Mỹ mà còn tượng trưng đầy đủ nhất cho khái niệm toàn cầu hóa hiện đại.

Vụ nổ xảy ra sau khi các máy bay đâm vào tòa tháp, làm hàng trăm người chết ngay lập tức. Sau đó, phần lớn nạn nhân đã tử vong khi các tầng của hai tòa tháp sụp đổ. Lửa và khói làm họ ngạt thở, nhiều người đã nhảy xuống từ các tầng vì sợ hãi và hoảng loạn, hoặc vì họ thừa chấp nhận cái chết đó còn hơn bị lửa thiêu. Rất nhiều nhân viên cứu hộ đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ, hành động anh hùng của họ trong ngày hôm đó là minh chứng hùng hồn cho sự hy sinh quên mình.

Tòa Tháp Đôi không phải là mục tiêu duy nhất. Chuyến bay mang số hiệu 77 của hãng Hàng Không Mỹ, chở 64 người từ Washington đến Los Angeles, đã bị điều khiển chuyển hướng tới Lầu Năm Góc. Tổng cộng 189 người chết. Chuyến bay mang số hiệu 93 của hãng Hàng Không Liên Bang, được lập trình bay từ Newark tới San Francisco với 44 hành khách, bị không tặc tấn công, mục tiêu của nó có lẽ là Nhà Trắng. Chuyến bay đó đã hạ cánh khẩn cấp xuống Hạt Somerset, Pennsylvania. Các hành khách trên chuyến bay, khi phát hiện ra mục tiêu của không tặc, đã tấn công vào buồng lái. Chấp nhận cái chết, họ đã cứu mạng nhiều người khác.

Sự kiện này được coi như là sự kiện độc nhất vô nhị. Ngày hôm sau, báo chí Anh – tiêu biểu cho cho giới truyền thông toàn cầu – thẳng thừng tuyên bố: “Có chiến tranh”. Vụ việc tương tự được liên hệ nhiều nhất là trận chiến Trân Châu Cảng. Ý niệm về một thế giới, không chỉ nước Mỹ, phải đương đầu với một tai họa chết chóc đã thực sự tuyên chiến với chúng ta lúc đó đã không bị gạt bỏ như thứ ngôn ngữ bề ngoài cảm xúc của công chúng. Nó là tình cảm thực sự. Hàng nghìn người bị khủng bố sát hại – chúng ta còn có thể gọi nó là gì?

Các quan điểm đều rất thẳng thắn và rõ ràng, đồng thời cũng trái chiều nhau, không chỉ ở phương Tây mà ở mọi nơi. Hầu hết các quốc gia thuộc thế giới Ả Rập đều phản đối gay gắt hành vi này, chỉ có Saddam yêu cầu đài truyền hình quốc gia Iraq phát một bài hát tuyên truyền mang tính đảng phái, “Down with Ameriaca” (tạm dịch: Sụp đổ cùng nước Mỹ), gọi các vụ tấn công là “trái đảng từ cây tội ác của người Mỹ chống lại nhân loại”. Yasser Arafat kết tội các hành vi này nhân danh những người Palestine, dù không may thay, truyền hình lại chiếu một vài cảnh trong đó có một số người Palestine đang hân hoan ăn mừng.

Những từ phổ biến nhất ngày đó là “chiến tranh”, “tội ác”, “lòng cảm thông”, “sự đoàn kết”, “quyết tâm” và tất nhiên có cả “thay đổi”. Trên tất cả, mọi người đều công nhận rằng thế giới đã thay đổi.

Lý do cho nhận định về sự thay đổi đó cũng không khó để tiên đoán. Nỗ lực đầu tiên nhằm tấn công Trung tâm Thương mại Thế giới vào năm 1993, đã bị ngăn cản, nhưng việc lập kế hoạch lần này rõ ràng đã tỉ mỉ hơn. Kẻ thù đã sẵn sàng chờ đợi tới khi có đủ phương tiện lẫn cơ hội cần thiết.

Ngoài ra, một cuộc tấn công khủng bố trên quy mô này không được tính toán chỉ để gây ra thiệt hại nhỏ. Nó được thiết kế để gây ra thương vong tối đa. Nó là một hành động liều chết. Vì vậy, nó có ý nghĩa, mục đích và phạm vi vượt xa bất cứ điều gì chúng ta đã từng gặp trước đây. Đây là cuộc khủng bố không giới hạn, không khoan dung, không đoái hoài tới mạng người, bởi nó đã được thúc đẩy bởi một nguyên nhân cao hơn cả nguyên nhân vì con người. Nó được truyền cảm hứng từ một niềm tin vào Chúa, một niềm tin bị biến dạng, một niềm tin hoang tưởng và bị quỷ ám, nhưng đã được truyền cảm hứng rõ rệt.

Nó là lời tuyên bố chiến tranh chân thực nhất. Nó đã được tính toán, lên kế hoạch và thiết kế để kéo chúng ta vào xung đột. Cho tới thời điểm đó, các hoạt động cực đoan kiểu này đã đang phát triển rất mạnh mẽ. Nó càng ngày càng được liên hệ với những cuộc tranh luận đường như khá rời rạc, nhưng dần dần mối liên hệ đã được thiết lập. Kashmir, Chechnya, Algeria, Yemen, Palestine, Lebanon; ở mỗi khu vực đều có các nguyên nhân khác nhau, từ những nguồn gốc khác nhau, nhưng các cuộc tấn công, được tiến hành như những động thái khủng bố, dần lớn mạnh và quy mô hơn và cầu nối về hệ tư tưởng với một yếu tố cực đoan bày tỏ niềm tin vào đạo Hồi được thể hiện thường xuyên hơn bao giờ hết. Cho tới ngày 11 tháng Chín, các mảng màu trên các phần khác nhau của bức tranh sơn dầu còn không xuất hiện như một bức tranh đơn lẻ. Sau thời điểm trên, sự sáng tỏ đã trở nên thuần nhất, sống động và định ra ranh giới rõ rệt.

Bây giờ khi nhìn lại, gần một thập kỷ sau đó, chúng ta vẫn đang phải đối mặt với chiến tranh, vẫn đang vật lộn và kiểm soát những hậu quả rừng rợn mà chiến tranh mang lại và chúng ta có thể thắng hoặc nhớ lại cách chúng ta đã vượt qua nó để có được ngày hôm nay. Nhưng vào buổi sáng đẹp trời ở New York ngày hôm đó, không một gợn mây nào làm vẩn bầu trời xanh ngắt một màu ấy, chúng ta đã biết chính xác điều gì đang xảy ra và tại sao.

Chúng tôi đã biết rằng chúng ta đã không phát động và gây hấn mang lại sự phẫn nộ này. Đã từng có các hành vi khủng bố chống lại chúng tôi như Lockerbie, USS Cole, Đại sứ quán Mỹ ở Tanzania. Trước đó chúng tôi đã cố gắng trả đũa, nhưng ở một mức độ tương đối thấp. Đó là các chiến thuật đơn lẻ, nhưng đúng là chúng đã gây ra chiến tranh. Đó là cái giá mà nước Mỹ phải trả vì là nước Mỹ. Các xung đột khác mà chúng tôi nhận ra không thuộc về trách nhiệm của chúng tôi; hay ít nhất đó là việc của các tổ chức ngoại giao, chứ không phải của nhân dân chúng tôi.

Vì vậy những kẻ gây ra các hành động này thật đồi bại, nhưng chúng cũng không làm thay đổi được quan điểm của chúng tôi về thế giới. George Bush đã thắng cử Tổng thống sau các tranh cãi về cuộc bỏ phiếu kín có nhiều cạnh tranh gay gắt nhất trong lịch sử Hoa Kỳ, nhưng cuộc chiến giữa ông ta và Al Gore đã tập trung chủ yếu vào vấn đề chính sách đối nội. Tại cuộc gặp đầu tiên của tôi với ông ta – trại lính David vào tháng Hai cùng năm – ưu tiên hàng đầu của ông ta là về giáo dục, trợ cấp và cắt giảm quy mô Chính phủ công kênh theo như ông ta thấy.

Vì vậy không có sự tăng cường vũ trang nào cho ngày 11 tháng Chín, không có leo thang, không có nỗ lực xoa dịu nào bị thất bại, không có dự đoán hay sự tất yếu. Chỉ có một vụ tấn công – được lên kế hoạch, rõ ràng là từ nhiệm kỳ tổng thống trước – với mức độ tàn bạo và hậu quả nghiêm trọng đến khó tin. Không cảnh báo, không yêu sách, không thương lượng. Không gì ngoài một vụ thảm sát những người vô tội.

Chúng tôi đang có chiến tranh. Chúng tôi không thể phớt lờ sự thực đó. Nhưng chúng tôi nên giải quyết nó như thế nào? Và ai là kẻ thù? Một người? Một nhóm người? Một phong trào? Hay một chính quyền?

Ngày hôm đó tôi đang ở Brington để trình bày bài diễn văn hai năm một lần trước Hiệp hội Đại diện Nghiệp đoàn Anh. Thành thật mà nói, đó luôn là một sự vụ khủng khiếp đối với cả hai bên. Như đã giải thích ở đâu đó, tôi rất nản lòng khi họ quyết không thực hiện công cuộc hiện đại hóa; họ thì nản chí vì tôi cứ dạy họ phải xử lý công việc của mình như thế nào. Họ phớt lờ lời cố vấn của tôi; còn tôi phớt lờ lời tham vấn của họ. Vì tất cả những điều đó, chúng tôi gần như chỉ tiến hành cho xong và bằng hình thức diễn văn đến khi kết thúc.

Điều tuyệt vời về Brington là nó có khí hậu ấm áp và gần London hơn Blackpool, đặc biệt khu vực này vẫn còn lưu giữ vẻ cuốn hút mãnh liệt của những ngày xưa cũ. Blackpool có thể là một thành phố tuyệt vời và có nét sang trọng độc đáo, nhưng thành phố này vẫn còn nhiều điều cần cải tổ. Brington là nơi Neil Kinnock đã tổ chức một buổi chụp ảnh với cánh báo giới trên bãi biển đầy đá cuội vào ngày ông trở thành lãnh đạo Đảng Lao động năm 1983, ông sảy chân ngã xuống biển. Bạn có thể tưởng tượng được niềm vui của cánh báo chí lúc đó. Cảnh tượng đó hẳn đã được tua đi tua lại hàng nghìn lần và trở thành một hành động sơ sảy nổi tiếng. Thật bất công với Neil, tất nhiên; nhưng những việc như thế không bao giờ là công bằng cả. Trước công chúng, bạn luôn phải ở trong tư thế trình diễn, vì vậy luôn bị kiểm soát. Thực ra, bạn chỉ cần xuất hiện một cách tự nhiên, giữ chặt bản chất thực của mình trong gọng kìm của sự cẩn trọng. Đừng để lộ điểm yếu; đừng nghĩ đây là lúc bắt đầu chuyến phiêu lưu mới trong giao tiếp; đừng bỏ qua những giới hạn về cảm xúc; hãy làm những việc đó thật thoải mái với tư thế của một người đang trò chuyện với bạn cũ, mặc dù trên thực tế, chỉ là các mối quan hệ xã giao.

Dần dần, tôi bắt đầu nghĩ sẽ không bao giờ có một giây phút nào tôi được là chính mình mà không phải che giấu. Bạn lo rằng thậm chí đang ngồi trong phòng khách hay trong nhà tắm, ai đó cũng có thể chụp ảnh, đặt câu hỏi và yêu cầu bạn phải lý giải hành động của mình. Tôi dần tập trung thái quá vào việc người khác nhìn tôi thế nào, cho đến khi, đến một thời điểm, tôi tập trung trở lại vào cách tôi nhìn chính mình. Tôi nhận ra rằng mình là tài sản của công chúng, nhưng quyền sở hữu vô thời hạn lại thuộc về tôi. Tôi học được cách không để quan điểm của người khác, kể cả những quan điểm chiếm ưu thế, chi phối và quyết định quan điểm của chính mình hay những gì tôi nên hay không nên làm.

Cuộc diễn thuyết TUC diễn ra từ đầu đến trung tuần tháng Chín và Hội nghị Đảng diễn ra khoảng hai tuần sau đó. Cả hai điều này khiến tháng Chín trở nên khá căng thẳng. Từ TUC, bạn có thể dự cảm được vị trí của Đảng xét theo phương diện có bằng lòng hay không. Vấn đề đầu tiên thường là điểm báo cho vấn đề thứ hai. Cuộc họp TUC năm 2001 cũng không phải ngoại lệ.

Với chiến thắng áp đảo hai nhiệm kỳ liên tiếp đầu tiên trong lịch sử nước Anh của chúng tôi, có lẽ bạn đã nghĩ đó là một dịp để chung vui. “Tôi nghĩ chủ yếu là họ muốn chúc mừng ngài về chiến thắng”, Alastair đã nói với tôi, với vẻ mặt trịnh trọng, trong lúc chúng tôi lên tàu.

“Anh nghĩ thế à?” Tôi nói, ngẩng mặt lên.

“Đừng có lỗ bịch như thế”, anh ta trả lời.

Khỏi phải nói, tâm trạng khi tôi đến vào giờ ăn trưa là sự pha trộn giữa vị ngọt và chua, nhưng với vị ngọt bị lẫn át. Tôi đi thẳng đến khách sạn Grand Hotel. Chúng tôi có một tiếng rười rượi trước khi tôi phải tới Trung tâm Hội Nghị mới cách đó khoảng 100m dọc theo đường ven biển. Tôi làm việc trong phòng ngủ trong lúc cả đoàn tập trung tại phòng khách của khách sạn. Chỉ sau hai giờ kém 15 phút, khoảng 8 giờ 45 theo giờ chuẩn Đông, Alastair được Godric Smith – một trợ lý rất có năng lực của anh ta, gọi ra khỏi phòng. Alastair quay vào, bật ti vi lên và nói: “Tốt hơn các ngài nên xem cái này.” Anh ta biết tôi ghét bị làm phiền ngay trước giờ diễn thuyết, vì thế tôi nhận ra rằng mình nên xem TV theo lời Alastair. TV đang chiếu hình ảnh Trung tâm Thương mại như thể ai đó vừa giáng một cú đấm vào nó, lửa và khói tỏa ra ngùn ngụt. Chỉ hơn 15 phút sau, một chiếc máy bay thứ hai đâm vào, lần này hình ảnh được truyền hình trực tiếp. Đây không phải một vụ tai nạn. Nó là một vụ tấn công.

Vào lúc đó, tôi cảm thấy bình tĩnh đến kỳ lạ cho dù dĩ nhiên cảm thấy kinh sợ trước sự tàn phá

và tôi hiểu đây không phải một sự kiện bình thường, mà là một sự kiện làm rung chuyển thế giới. Ở một mức độ nào đó, nó là một cơn chấn động, một hành động tội ác vô cảm. Ở một mức độ khác, nó giải thích cho các sự phát triển đang diễn ra trên thế giới trong thời gian qua – những hành vi khủng bố nhỏ lẻ, những bất đồng quan điểm được đánh dấu bởi chủ nghĩa cực đoan và áp lực tăng cao của lý tưởng tôn giáo vốn thường xuyên đe dọa bùng nổ và giờ đã bùng nổ thực sự.

Chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn, rõ ràng là con số thương vong có thể lên tới hàng nghìn người. Tôi cố gắng trấn tĩnh và sắp xếp lại các ý nghĩ của mình. Đây là vụ tấn công khủng bố tệ hại nhất trong lịch sử loài người. Nước Mỹ không phải là mục tiêu duy nhất, mà tất cả những khu vực có chung hệ giá trị. Chúng tôi phải sát cánh bên nhau, phải hiểu được quy mô của thách thức và phải dũng cảm đối diện với nó. Chúng tôi không thể từ bỏ cho tới khi việc đó được giải quyết. Không được kiểm tra và không được thử thách, điều này có thể đe dọa lối sống của chúng ta. Không có chiều hướng nào khác; không lựa chọn nào khác; không có lối đi nào khác. Đó là chiến tranh. Chúng tôi phải chiến đấu và chiến thắng. Nhưng đó là một cuộc chiến không giống bất cứ cuộc chiến nào. Đây không phải là cuộc chiến về những ý tưởng và giá trị có thể định hình nên thế kỷ XX.

Tất cả những gì điều này mang lại cho tôi 40 phút giữa cuộc tấn công đầu tiên và việc tôi đứng trước khán giả, nói với họ rằng tôi không thể thực hiện bài diễn thuyết, tôi phải quay về London ngay lập tức. Và điều này hoàn toàn rõ ràng. Nó vẫn rõ ràng như thế và duy trì nguyên vẹn, theo cùng một cách, như đã rõ ràng từ trước đến nay.

Ngay lập tức tôi nhận thấy, dù đây là chiến tranh, nó có thể được miêu tả và đấu tranh theo những cách khác nhau vì bản chất thực sự của nó. Được nhìn nhận một cách sâu sắc, thì đây là cuộc chiến mang tính hệ tư tưởng, những tập tục và lễ thói sinh sống của sự cuồng tín tôn giáo đối lập với một hệ thống Chính phủ lâu đời đã được khai sáng. Hệ thống đó, ít nhất là ở phương Tây, đã hòa hợp đức tin trong tinh thần giải phóng, công bằng và dân chủ. Nó cũng là cuộc chiến về sự nghiệp hiện đại hóa, một sự đụng độ không hẳn là giữa các nền văn minh, mà là giữa động lực và hậu quả của quá trình toàn cầu hóa.

Trên toàn cầu, công nghệ mới – mạng Internet, máy tính, điện thoại di động, du lịch và truyền thông đại chúng – đã khiến thế giới rộng mở, đưa mọi người lại gần nhau, hòa trộn các nền văn hóa, chủng tộc, đức tin vào một thế giới giao hòa giữa con người với con người và phản ứng xuất hiện. Ở phương Tây, phản ứng thường có hình thức của chủ nghĩa dân tộc tàn bạo, những làn sóng chống nhập cư vì người ta thấy nhận dạng truyền thống của mình bị suy yếu và tầm kiểm soát của họ đối với thế giới xung quanh bị bao vây, cả về kinh tế và văn hóa.

Trong phạm vi đạo Hồi, những thế lực sâu xa hơn đang hoạt động. Nhiều người không tin vào quá trình toàn cầu hóa, lo lắng về cách nó thay đổi xã hội, về việc giới chức trách sẽ nhượng bộ nó. Nhiều người không thích nền văn hóa phương Tây, sự đòi hỏi xác xược của nó với những thái độ tự do, với tự do quan hệ, chủ nghĩa cá nhân mà đôi khi có thể sa đà vào chủ nghĩa anh hùng. Trong hàng thế kỷ, đạo Hồi đã không chỉ là một phong trào tôn giáo chiếm ưu thế ở Trung Đông và nhiều khu vực khác trên thế giới, mà còn đạt được sự thống trị về chính trị và dẫn đầu thế giới về khoa học, nghệ thuật và văn hóa.

Trong hàng trăm năm sau cái chết của Chúa Jesus, khi đạo Cơ Đốc được lan truyền ban đầu nhờ những người bị Đế chế Roma khinh bỉ, ngược đãi và sau đó trở thành tôn giáo chính thức của Đế chế này, nó đã trở thành tôn giáo được công nhận hoặc tuân thủ của các quốc gia mà ngày nay được biết đến như các quốc gia đạo Hồi: Ai Cập, Palestine, Lebanon, Syria, Iraq. Ngày nay, ở các nước này vẫn còn những nhóm nhỏ người theo đạo Cơ Đốc, dù ít hơn nhiều so với trước kia; và họ bắt nguồn từ các cộng đồng người Cơ Đốc tồn tại trước đạo Hồi.

Vào thế kỷ thứ VII, đạo Cơ Đốc dần lu mờ vì sự chia tách, ly gián và các cuộc chiến để quy định đâu là dị giáo và đâu là tôn giáo chính thống. Một khi bị ngược đãi và phải tử vì đạo, những

người Cơ Đốc giáo bị sẵn lòng không chỉ bởi những người không theo Cơ Đốc, mà còn bởi những người Cơ Đốc vốn bất đồng với tính chất chính thống. Với một tôn giáo dựa trên lòng trắc ẩn và tình yêu, đây là một bức tranh ảm đạm.

Khi đạo Hồi bắt đầu thịnh và trong khoảng 20 năm đã được thiết lập bởi Nhà tiên tri Mohamet để trở thành một Nhà nước mà chúng ta biết đến ngày nay như Ả Rập Xê út và hơn thế, nó là một phần của nỗ lực đưa những đức tin Abrahamitic quay lại nguồn cội của mình và phát triển thành một lối sống có nguyên tắc, có lý trí và đạo đức để tiến về phía trước. Thông điệp của nhà tiên tri được truyền đến cho ngài bởi thiên thần từ Chúa Trời – kinh Koran vì vậy chính là câu chuyện được truyền trực tiếp về lời của Chúa.

Ít nhất ngay từ đầu đạo Hồi đã là một sự đối lập rõ rệt với đạo Cơ Đốc. Trong khi quân đội Cơ Đốc giáo có thể thường xuyên tàn sát kẻ thù của mình, thì đạo Hồi lại thể hiện sự khoan dung. Khi các tôn giáo khác bị đàn áp bằng vũ lực, đạo Hồi thể hiện sự nhân nhượng. Khi các linh mục và giáo sĩ sống những cuộc đời hư hỏng và đồi bại, những người theo đạo Hồi lại tỏ ra là những môn đồ thực thụ của sự sùng đạo và kỷ luật trước Chúa.

Khi đạo Hồi mở rộng xa hơn Mecca và Medina, nó thường được xem như một sự giải thoát, ngay cả với một số cộng đồng Cơ Đốc giáo như những người Nestor ở Iraq. Theo thời gian, tất nhiên, khi trở nên hùng mạnh hơn nó cũng độc tài hơn. Những người ngoại đạo được đề xuất một lựa chọn – đồng hóa hay đánh thuế – và cái giá của việc đánh thuế cao đến khó chịu. Tuy nhiên, công bằng mà nói, cho tới và xuyên suốt các cuộc Thập Tự Chinh và cho đến gần thời kỳ Phục Hưng ở châu Âu, đạo Hồi vẫn là kho tàng vĩ đại của những tư tưởng văn minh.

Lịch sử của đạo Hồi – nguồn gốc của nó, sự phát triển, tình trạng khó khăn hiện tại – đều có vai trò quan trọng đối với những sự kiện ngày 11 tháng Chín. Tôi vốn không biết nhiều về bản chất sâu xa của hiện tượng. Cho đến ngày 11 tháng Chín năm 2001, tôi chấp nhận những gì mà hầu hết mọi người chấp nhận: Hành động này được thực hiện bởi một nhóm nhỏ những kẻ cuồng tín không đại diện cho đạo Hồi, những kẻ có thể và nên bị tiêu diệt.

Nếu lúc ấy tôi biết rằng một thập kỷ sau chúng tôi vẫn đang chiến đấu ở Afghanistan, thì tôi có thể đã thấy lo ngại và báo động một cách sâu sắc hơn.

Tôi hy vọng vẫn có thể đưa ra quyết định như ban đầu, cả ở đó lẫn sự tôn trọng dành cho Iraq. Trốn tránh đương đầu có thể sẽ là một sai lầm khủng khiếp, một động thái của sự yếu hèn trên chính trường. Những điều được biết lúc này cũng không hề làm tôi giảm quyết tâm ủng hộ cuộc chiến mà chúng tôi đã bắt đầu từ ngày xảy ra sự kiện đó. Trái lại, tôi còn xác định rằng cuộc chiến phải được tiến hành với mọi phương tiện mà chúng tôi có quyền sử dụng và diễn ra cho tới khi thắng lợi.

Điều đã trở nên rõ ràng lúc này là quy mô của thách thức, nó khác với những gì chúng tôi dự tính lúc đầu trên hai phương diện. Trước hết, theo hệ tư tưởng của đạo Hồi hiện đại, chỉ duy nhất một trục đối xứng. Ở tận cùng trục bên kia là những người cực đoan, những người ủng hộ chủ nghĩa khủng bố để đẩy xa mục tiêu trở thành một nước đạo Hồi, sự tái sinh của vị vua khalip, người sẽ xuất hiện vào những năm sau khi Nhà Tiên Tri qua đời. Nhóm người đó không đông, nhưng những người cảm thông với họ đã dần vượt xa trên trục đối xứng hơn chúng ta tưởng. Tuy nhiên người không đồng tình với chủ nghĩa khủng bố, nhưng họ “hiếu” tại sao nó đang diễn ra.

Xa hơn trên trục này là những người kết tội những kẻ khủng bố, nhưng lại tin tưởng thế giới quan của mình một cách tò mò và nguy hiểm. Họ đồng ý với những kẻ cực đoan rằng Mỹ là một quốc gia chống đạo Hồi; họ coi cuộc xâm lược Afghanistan hay Iraq là những cuộc xâm lược vào các quốc gia đạo Hồi bởi hai nước này đều theo đạo Hồi. Họ coi Israel là biểu tượng của thành kiến chống đạo Hồi ở các nước phương Tây. Nhóm người này vươn rộng một cách khó chịu tới giữa trục đối xứng.

Và rồi bạn có, tất nhiên, một số lượng lớn, có thể là đa số, những người kết tội những kẻ khủng bố và thể giới quan của chúng.

Nhưng – đây là điểm thứ hai – ngay cả nhóm này cũng chưa tự tin tìm ra cách nêu rõ một quan điểm hiện đại và đã được cải tiến về đạo Hồi. Nói cách khác, đúng là họ thấy chủ nghĩa khủng bố rất đáng lên án và họ muốn liên minh với các nước phương Tây để chống lại nó, nhưng dù sao cũng chưa thể xem điều này như một câu chuyện thay thế về đạo Hồi để có thể làm rõ hơn về lịch sử của nó và cung cấp một tầm nhìn khoáng đạt về tương lai của tôn giáo này. Điều này có nghĩa là các quốc gia trong thế giới Ả Rập và đạo Hồi sẽ đưa ra cho nhân dân của mình một lựa chọn gây lúng túng và vô cùng tự huyền hoặc giữa một thế giới tinh hoa lãnh đạo bằng lý tưởng đúng đắn nhưng lại miễn cưỡng hoặc lo lắng không dám quảng bá rộng rãi và một phong trào phổ biến với lý tưởng sai trái nhưng họ đều rất sốt sắng được khẳng định.

Kết hợp của tất cả những yếu tố trên, ta thấy cuộc chiến này không phải diễn ra giữa một nhóm không điển hình của những kẻ cực đoan và chúng tôi mà là một cuộc đấu tranh thiết yếu cho lý trí, trái tim và tâm hồn của đạo Hồi.

Trong cuộc đấu tranh đó chúng tôi là những người tham gia không thể thiếu, vừa bởi chúng tôi bị tấn công và cũng bởi những nhà lãnh đạo Hồi giáo đi tới cải cách rất cần sự hỗ trợ của chúng tôi. Trong phân tích cuối cùng, tất nhiên, nó là cuộc đấu tranh cần được chiến thắng từ bên trong. Những cuộc đấu tranh như vậy không kéo dài trong một nhiệm kỳ bầu cử; chúng có thể kéo dài đến một thế hệ.

Quay lại với khoảnh khắc theo sau hành vi khủng bố gây chấn động đã làm cả thế giới choáng váng, ngỡ ngàng và kinh hoàng, vụ việc đã rõ: Những kẻ điên cuồng đã tuyên bố chiến tranh. Chúng cần được nhổ sạch và loại bỏ. Không ai nghi ngờ điều đó. Không ai – hoặc rất ít người – phản đối nó, hay phản đối các hành vi hệ lụy.

Chúng tôi không ảo tưởng chút nào cho dù giai đoạn sau đó đã nảy sinh những ảo tưởng và chỉ có hai cách giải quyết hiện tượng này. Một là kiểm soát nó; để Taliban nắm quyền lực nhưng khống chế họ bằng các lệnh cấm và liên minh; thực hiện phương án sử dụng thuần túy sức mạnh mềm để đối phó với thách thức. Một số người đã ủng hộ chiến thuật này (dù không có nhiều người như thế vào ngày 12 tháng Chín nữa) và tôi không bãi bỏ nó. Nó là phương án dự phòng cho những gì chúng tôi thực sự đã làm. Ý tưởng này lẽ ra đã có hiệu quả đối với công cuộc cải cách từng bước và sự xuất hiện một đạo Hồi mới theo thời gian. Vì vậy, lẽ ra chúng tôi đã châm ngòi cuộc chiến; nhưng trên thực tế, chúng tôi đã dừng lại.

Cách còn lại, cách mà chúng tôi đã chọn, là đương đầu với nó bằng quân sự. Tôi vẫn tin rằng đó là một lựa chọn đúng, nhưng cái giá phải trả, bài học và những hậu quả của nó lớn hơn những điều mà bất cứ ai trong chúng tôi, đặc biệt là tôi, có thể nhận ra vào hôm ấy.

Để chiến thắng theo cách này không cần một chiến dịch quân sự đơn giản để đánh bại một kẻ thù đang đối đầu với chúng tôi. Nó cần có một khung địa chính trị hoàn toàn mới. Nó cần một quy trình xây dựng tầm cỡ quốc gia. Nó yêu cầu những hành động can thiệp liên tục vào sự vụ của các quốc gia khác. Nó yêu cầu, trên hết, thiện chí nhìn nhận thực tế cuộc chiến và xem xét nó, để tận dụng thời gian, sử dụng ngân sách, chiến đấu trong khi tin tưởng rằng nếu không làm vậy chỉ là để trì hoãn ngày giặc ngộ. Khi thời gian, tiền bạc và sự đổ máu sẽ lớn hơn gấp bội. Ai có thể nói cách nào là đúng? Không ai cả. Chúng tôi sẽ chỉ tìm ra một thời gian sau đó. Cũng như kiến thức của chúng tôi vào ngày 11 tháng Chín vẫn còn hạn chế, kiến thức của chúng tôi bây giờ cũng vẫn vậy. Trong trường hợp đó, trong những điều kiện về nhận thức như thế, cách duy nhất là đi theo bản năng và niềm tin. Không thể làm gì nhiều hơn. Đó là những gì tôi đã làm trong những ngày sau vụ thảm kịch.

Ngày đó chúng tôi đã nghĩ rằng phương án giải quyết khá đơn giản: Hạ gục Taliban, để Afghanistan thực hiện một cuộc bầu cử dưới sự giám sát của Liên Hợp Quốc, tài trợ hàng tỷ đô-la đầu tư cho phát triển và chắc chắn kết quả đạt được sẽ là sự tiến bộ. Và tất nhiên, nếu

không có kẻ thù dùng hành vi khủng bố để can thiệp và gây rối loạn, không có tư tưởng bè phái mang tính bộ lạc và cửa quyền của một quốc gia đang lui bại, nếu người dân được cho phép làm những gì họ muốn, thì có thể họ đã quyết định hướng tới sự phát triển. Trên thực tế, trong khả năng, họ đã làm và tại tất cả các cuộc bỏ phiếu, họ đã thể hiện mình muốn gì và không muốn gì. Nhưng ngay cả khi được chúng tôi ủng hộ, ngay cả với hoạt động của lực lượng và sự trợ giúp từ chúng tôi, thì ý chí của con người khi cố gắng đạt tới kỷ cương đã không thể vượt qua ý muốn bạo loạn thay vào đó.

Tuy nhiên, kết luận từ việc này không phải là chúng tôi sẽ từ bỏ cuộc chiến, càng không phải nếu chúng tôi chưa từng tham dự thì tình trạng của cả chúng tôi và người dân sẽ tốt đẹp hơn. Chúng ta chỉ có thể nói rằng chiến tranh rất tàn ác và dai dẳng. Và đó chính xác là những gì khiến việc chiến thắng trở nên ý nghĩa và quan trọng hơn nữa.

Cái nền tảng mà thông qua đó chúng tôi nhìn nhận toàn bộ sự việc đó ngày hôm nay đó là chúng tôi không thể nhìn thấy kết cục và trong khi đang mất dần những người lính dũng cảm và tận tụy trong một cuộc chiến có hậu quả không rõ ràng. Nhưng trong bất cứ cuộc chiến nghiêm trọng nào, ở một thời điểm nào đó người ta có thể chạm tới vấn đề này và câu hỏi khi đó là nên rút lui hay tiếp tục tiến lên. Những người lính không hy sinh vì mục tiêu không công bằng; họ hy sinh vì kẻ thù đang chống lại chúng tôi; bởi vì nguy cơ đối với họ cũng rất cao và họ có thể nhìn thấy khả năng, nếu họ thất bại, chúng tôi sẽ ngã lòng hay nghĩ ra một thỏa thuận dễ dàng nào đó đánh đổi những nguyên tắc quan trọng mà chúng tôi đang đấu tranh để bảo vệ, để lấy lại sự yên bình. Do đó, họ đã vùng lên mạnh mẽ hơn, mang theo lý tưởng bên mình.

Vì vậy, việc tìm ra nguyên nhân cho cuộc chiến ở Afghanistan là rất quan trọng. Cuộc chiến xảy ra vì vào cái ngày định mệnh đó, những kẻ khủng bố được Taliban nuôi dưỡng và đang huấn luyện ở Afghanistan đã cho thấy chúng có thể giết người vô tội trên một quy mô cho đến nay vẫn không thể xác định; để đánh bật chúng tôi khỏi liên minh với những người muốn cùng sống trong thế giới hòa bình với đạo Hồi và để buộc chúng tôi rời bỏ thế giới đó để hướng tới một lý tưởng về chủ nghĩa tôn giáo cực đoan, tới một Nhà nước được cai trị bởi những kẻ cuồng tín hoặc độc tài. Chúng tôi đã không thể tìm ra chúng. Nếu không phải ngày 11 tháng Chín, có thể đã là bất cứ một dịp nào khác.

Trong hậu quả ngay sau đó, chúng tôi cũng không biết cuộc đột kích tiếp theo sẽ diễn ra ở đâu. Sau đó một thời gian, chúng tôi đề ra một kế hoạch khẩn cấp để phòng cho bất cứ máy bay nào qua London hay thành phố trọng yếu nào đó bị mất tín hiệu trên không. Về cơ bản, chúng tôi đã có một chuỗi cảnh báo leo thang tới mức mà chính tôi cũng bị yêu cầu xác minh khi cho máy bay hạ cánh. Máy bay chiến đấu cũng được lệnh điều động, sẵn sàng bắn hạ mục tiêu nếu được yêu cầu. Điều này chỉ xảy ra một lần duy nhất. Tôi có thể nhớ lại nó, như bạn biết đấy, một cách sống động. Tôi đang ở Chequers vào cuối tuần và nhận được một cuộc gọi khẩn. Một máy bay chở khách đã mất kiểm soát được vài phút và đang bay về phía London. Tôi ủy quyền cho sĩ quan trưởng RAF nhận quyết định. Máy bay chiến đấu đã cất cánh. Trong vài phút rất căng thẳng chúng tôi đã nói chuyện, cố gắng trong tuyệt vọng để dựa vào bản năng và ước đoán xem đây là mối đe dọa hay chỉ là tai nạn. Giờ chót đã điểm. Tôi quyết định là chúng tôi cần phải trì hoãn. Vài giây sau chiếc máy bay nổi lại liên lạc. Đã có một trục trặc kỹ thuật. Tôi đã phải ngồi xuống và cảm ơn Chúa vì điều vừa xảy ra.

Sau khi rời bục diễn thuyết tại cuộc họp TUC – mỉa mai thay, tôi lại nhận được sự chào đón nồng nhiệt hơn bất cứ sự chào đón nào mà tôi từng được nhận – tôi đã sắp xếp các cuộc họp khẩn cấp để đưa ra quyết định tối cao cho an ninh của nước Anh. Tôi cũng ấn định cuộc gọi với các lãnh đạo chủ chốt trên thế giới, đương nhiên trong đó có Tổng thống Bush. Tôi nhận được nhiều cuộc gọi từ các bộ trưởng và thư ký Nội các đã bắt tàu về London.

Đó là một chuyến đi kỳ lạ, vì chúng tôi đang ngồi trong toa hành khách đi qua vùng ngoại ô Sussex thanh bình và xinh đẹp, đối lập hoàn toàn với các cuộc thảo luận nóng bỏng liên tiếp về một thế giới có nền an ninh đang lung lay tận gốc rễ. Tại thời điểm đó, như đã nói, tôi khá bình

tình và biết rõ cần phải làm gì.

Quay lại phố Downing, trong phiên họp đầu tiên với các bộ trưởng và ủy viên, chúng tôi xem qua những phương án có thể thực hiện. Các chuyến bay tới London bị hoãn, cảnh sát và các cơ quan an ninh được đặt trong chế độ báo động đỏ. Nhân viên cục tình báo được điều động vào cuộc. Whitehall sôi sục. Vào những thời điểm nhạy cảm như thế, bộ máy đã làm việc với công suất tối đa; xem xét mọi cơ sở, đề ra lịch trình cho việc đưa ra quyết định, kết nối các phần riêng lẻ theo một lực cố kết bán tự động. Thật ấn tượng. Tôi rất vui khi Richard Wilson và các đồng nghiệp Dịch vụ Hành chính Công cấp cao trước kia của anh ta bắt tay với nhau.

Tôi nói chuyện, theo thứ tự với Putin, Schroeder, Chirac and Berlusconi và ngày hôm sau là Tổng thống Bush. Qua đó, tôi có thể cảm nhận được sự đoàn kết tuyệt đối. Mọi người đều toàn tâm ủng hộ nước Mỹ. Thật khó có thể nhận ra người ta đã sợ hãi thế nào vào thời điểm đó. Theo những gì chúng tôi biết, các cuộc tấn công khác cũng sắp diễn ra. Chúng tôi dự tính là bất cứ lúc nào cũng có thể nghe thông báo về một hành động tàn ác mới.

Tôi nhận ra vai trò của mình trong việc kích thích các động thái hỗ trợ lên mức tối đa. Tôi biết rằng khi hậu quả tức thời của sự việc dần mờ nhạt, sẽ luôn có nguy cơ tái phạm. Tôi cũng biết rằng điều chủ chốt là phải tập hợp được một liên minh hỗ trợ hành động càng sâu rộng càng tốt. Vào đêm 11 tháng Chín, tôi đưa ra lập trường của mình trên phương diện quốc gia và được phát sóng từ phố Downing:

Chủ nghĩa khủng bố là tội ác mới trong thế giới của chúng ta. Những người thực hiện nó không hề quan tâm đến sự thiêng liêng hay giá trị sinh mạng của con người. Chúng ta, những nền dân chủ trên thế giới cần phải tập trung lại để đánh bại và loại bỏ nó. Đây không phải là cuộc chiến giữa nước Mỹ với chủ nghĩa khủng bố, mà là giữa một thế giới tự do và dân chủ với chủ nghĩa khủng bố. Vì thế, chúng tôi, ở đây, tại nước Anh, nguyện kề vai sát cánh với những người bạn Mỹ trong giờ phút thảm kịch này và chúng tôi, cũng như họ, sẽ chiến đấu không ngừng nghỉ cho tới khi tội ác này bị quét sạch.

“Kề vai sát cánh” trở thành một cụm từ mang tính định dạng. Tôi đã chọn lựa và cân nhắc lời lẽ phát biểu của mình một cách cẩn thận. Tôi ý thức được rằng đây là một lời cam kết không thể cân đo bằng ngôn từ mà bằng hành động; và tôi biết rằng con đường phía trước chúng tôi cần “kề vai sát cánh” sẽ rất khúc khuỷu, gian nan. Dù thế nào, tôi hy vọng rằng những lời lẽ của mình vẫn không thay đổi.

Tôi tiếp nhận quan điểm này vì những lý do thuộc về nguyên tắc cũng như lợi ích quốc gia (và một cách tình cờ, chưa bao giờ tin rằng hai lý do này loại trừ lẫn nhau). Về nguyên tắc, tôi chắc chắn rằng chúng tôi không nên coi hành động tàn bạo kia như một sự tấn công vào bản thân nước Mỹ, mà bởi vì nước Mỹ là lãnh đạo của một thế giới tự do cho nên đó cũng là cuộc tấn công vào chính chúng tôi. Cũng vì lợi ích quốc gia mà chúng tôi cần đánh bại hiểm họa này và nếu muốn đóng một vai trò chủ yếu trong việc định hình cho diễn tiến của bất cứ cuộc chiến nào, thì chúng tôi cũng phải ở đó từ lúc bắt đầu và thể hiện lập trường và tinh thần tương trợ rõ rệt. Tôi tin vào liên minh với Mỹ, tôi nghĩ rằng việc duy trì và thúc đẩy nó là mục tiêu trung tâm trong các chính sách của nước Anh và tôi biết rằng các liên minh chỉ thực sự có hiệu quả trong thời gian đối phó với thách thức, không phải trong thời bình.

Trong những ngày tiếp theo, tôi tập hợp các nguồn hỗ trợ. Tôi tiếp đãi Silvio Berlusconi, người từ trước đến giờ vẫn luôn thẳng thắn về sự gắn bó của mình với nước Mỹ. Tôi đi thăm Pháp và Đức và nhận được sự ủng hộ của họ, dù tôi có hơi băn khoăn khi thấy Jacques Chirac cấp thiết yêu cầu cảnh giác cao độ trước bất kỳ phản ứng thái quá nào. Quốc hội được triệu tập và tôi đưa ra một tuyên bố. Quan điểm đã được thống nhất – ít nhất là giữa các lãnh đạo phe đối lập – ủng hộ.

Vào ngày 20 tháng Chín, tôi đến Mỹ. Cho tới khi đó, vị trí lãnh đạo cấp quốc tế của tôi thể hiện rõ nhu cầu bức thiết về một kế hoạch tổng quan và chiến thuật. Quan tâm lớn nhất của tôi lúc

đó là đảm bảo sao cho nước Mỹ cảm nhận được sự chia sẻ và hỗ trợ; cảm nhận được vòng tay thực sự của tình đoàn kết đang giang rộng về phía họ. Nỗi sợ, nhưng trên hết là sự tức giận và căm thù, có thể đang trào dâng. Cách nó được dung hòa có thể là sản phẩm không chỉ của giới lãnh đạo Mỹ tuyên bố với nhân dân trong nước, mà còn là của cả thế giới thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng chia sẻ trách nhiệm.

Tất nhiên, điểm mấu chốt còn lại nằm ở chỗ rất nhiều người dân Anh đã thiệt mạng. Tôi đã gặp gia đình của những nạn nhân này. Những cuộc tri ngộ như thế thường là những việc khó khăn nhất. Bạn phải duy trì vẻ đường hoàng chốn nhiệm sở, nhưng cũng chân thành cảm nhận và đồng cảm với nỗi đau và thường thì không thể kìm hãm mà phải thể hiện bằng nước mắt. Một phụ nữ tôi gặp đang mang thai. Chồng cô ấy đã bay đến dự một cuộc họp ở Trung tâm Thương mại. Anh ấy và đứa bé không bao giờ có thể gặp nhau được nữa. Các vị phụ huynh khác thì khóc thương cho cái chết của đứa con trai duy nhất, người mà họ đã gửi gắm tất cả niềm tin và hy vọng. Tôi đã rất bàng hoàng trước bản chất ngẫu nhiên ghê gớm của chủ nghĩa khủng bố. Người ta chết chỉ vì tình cờ có mặt ở đó. Không còn lý do gì khác. Không có lời giải thích nào thêm. Chỉ là sự ngẫu nhiên thuần túy nhất.

Khi vừa hạ cánh xuống New York, chúng tôi tới nhà thờ St Thomas nằm trên Đại lộ số Năm. Thị trưởng Rudy Giuliani đang ở đó. Tôi đã ấn tượng và cảm mến ông ngay lập tức. Ông vô cùng căng thẳng nhưng vẫn cố gắng xoay sở, tiến lên phía trước và cho thấy khả năng lãnh đạo rõ rệt của mình. Tôi nhận được tin nhắn từ Nữ Hoàng, rất mạnh mẽ và rõ ràng. Những từ mà tôi trích từ cuốn tiểu thuyết *The Bridge of San Luis Rey* (tạm dịch: Cây Cầu San Luis Rey) của Thornton Wilder về 5 người đã qua đời khi một cây cầu trên hẻm núi bị sập:

Mỗi chúng ta đều trải qua quy luật sinh – tử và sẽ là cõi đời này vào một ngày không xa, rồi tất cả ký ức về 5 người này cũng biến mất, chúng ta được yêu thương rồi cũng dần đi vào quên lãng. Nhưng tình yêu sẽ còn lại mãi mãi. Tất cả những xung lực tình yêu sẽ quay về với tình yêu khởi nguồn tạo ra chúng. Ngay cả ký ức cũng không cần thiết đối với tình yêu. Miền đất sự sống và miền đất cái chết được cây cầu tình yêu bắc nhịp, đó là điều duy nhất tồn tại, điều duy nhất có ý nghĩa.

Khi chúng tôi bước ra khỏi nhà thờ, một rừng máy quay, nhà báo, phóng viên chen lấn, xô đẩy chúng tôi. Lúc đó, tôi đã dừng lại để trình bày đôi lời mà mình đã ấp ủ khi từ sân bay về:

Tôi chỉ có thể tưởng tượng người dân New York đã phải chịu đựng những gì suốt 9 ngày qua... Thế hệ của cha tôi đã trải qua thảm kịch Blitz. Họ biết vụ tấn công này gây ra những hậu quả tàn khốc đến mức nào. Có một đất nước và một dân tộc đã đứng bên chúng tôi trong thời gian đó. Đất nước đó chính là Mỹ và dân tộc đó chính là người Mỹ. Vì các bạn đã sát cánh bên chúng tôi trong những ngày ấy và giờ đây hãy để chúng tôi ở bên các bạn. Mất mát của các bạn cũng là mất mát của chúng tôi. Cuộc chiến của các bạn cũng là cuộc chiến của chúng tôi.

Rudy đang đứng cạnh tôi lúc đó và tôi cảm nhận được ông thư giãn và đón nhận sự an ủi trong lời nói của tôi lúc đó. Tôi có thể nhìn thấy khuôn mặt của những người chúng tôi đi ngang qua thể hiện một khát khao chân thành với mong muốn biết được liệu mình có bạn đồng hành trong giờ phút thử thách này không; liệu nước Mỹ phải đứng một mình không; liệu thế giới có thực sự nghĩ những điều họ nói ra và có thành tâm thực hiện chúng không. Tôi muốn đảm bảo với họ rằng điều này là thật và rằng ít nhất nước Anh sẽ dẫn đầu chứ không phải ở phía sau.

Cuối cùng, chúng tôi cũng đến Washington, muộn mất một giờ cho cuộc họp với Tổng thống Bush, người chịu trách nhiệm phát biểu trước cả Thượng viện và Hạ viện trong đêm đó. Khi tới cổng sau của Nhà Trắng, nơi những lính thủy lục chiến ăn mặc chỉnh tề đang đứng gác hai bên cổng ra vào, tôi tự hỏi làm sao để tìm được George. Chúng tôi đã nói chuyện vài lần qua điện thoại. Chúng tôi cũng vừa mới bắt đầu trao đổi ý kiến. Sau cú sốc ban đầu, ông ấy dần giữ được bình tĩnh đến không ngờ và có cả Mỹ đằng sau.

Tôi đi vào Phòng Bầu dục. Ông ấy đang ở trong phòng và sửa lại bài diễn thuyết lần cuối. Chúng

tôi thỏa thuận là tôi sẽ ngồi trong phòng họp để nghe ông ấy diễn thuyết, cùng với Đệ nhất Phu nhân của George, bà Laura. Ông ấy bình tĩnh đến khó tin. Chúng tôi thậm chí còn ăn tối cùng nhau. Tôi nghĩ rằng nếu phải thực hiện một bài diễn thuyết tương tự vậy, có lẽ tôi đã phải chui vào buồng riêng, nháp đi nháp lại. Tôi đề nghị tránh mặt nhưng ông ấy nhấn mạnh, không, hãy ở lại, chúng ta hãy nói chuyện tới khi ông ấy phải duyệt lại. Đột nhiên tôi nhận ra hai điều ở ông: Thứ nhất, ông ấy thật lòng chào đón tình bạn và thiện chí của tôi và nước Anh. Ông ấy không chỉ trân trọng nó; mà còn coi nó là nguồn sức mạnh. Thứ hai, ông không hoảng sợ, phiền muộn hay thậm chí chỉ là lo lắng. Ông hoàn toàn bình tĩnh. Ông có nhiệm vụ của riêng mình với tư cách một tổng thống. Ông đã không hỏi xin nó. Ông không đoán đờn nó. Ông không tìm thấy nó. Nó đã tìm đến ông. Thế giới đã thay đổi và với việc là tổng thống của đất nước hùng mạnh nhất trên thế giới, ông được giao nhiệm vụ tìm hiểu thay đổi đó và giải quyết nó.

Khi chúng tôi vào trong thang máy, như thường lệ ông nói đùa vài câu với George Hannie dễ thương, bà quản gia của Nhà Trắng. Tôi hỏi ông có lo lắng không. “Không, không hẳn”, ông ấy đáp lại. “Tôi có một bài diễn thuyết ở đây và thông điệp đã quá rõ ràng.” Tôi kinh ngạc trước điều này, nhìn kỹ ông ấy; nhưng đúng, ông ấy thực sự tỏ ra hoàn toàn thoải mái.

Đó là lần đầu tiên tôi được dự một buổi diễn thuyết ở Quốc hội. (Năm 2003 chính tôi cũng có một bài phát biểu ở đó.) Đây là một sự kiện trọng đại, một việc mà chỉ nước Mỹ mới có thể làm với sự hào hứng và tự tin lớn đến thế. Khi ngài tổng thống nói, bạn có thể cảm thấy các nghị viên cùng sát lại quanh tình yêu đất nước, niềm tự hào, chủ nghĩa dân tộc chảy trong khí quản của mảnh đất hào hùng với những cây gụ, với đồng và đá, với lịch sử giàu có và tương lai chắc chắn. George gọi riêng tôi ra hành lang cùng với Laura và tôi đã cúi đầu, một cách vô thức.

Khi tôi nhìn xuống phía các hàng ghế của đại biểu, tôi nghĩ về tất cả những gì đang chờ đợi phía trước một cách thẳng thắn, quả quyết, chắc chắn. Tôi cho rằng chúng tôi có thể trục xuất nhóm Taliban. Tôi cũng đã suy tính rằng việc đó cần được thực hiện bởi một cuộc diễn tập mang tính chiến thuật để cho họ một lựa chọn: Giao nộp Bin Laden và những kẻ khủng bố, hay bị tước đi quyền lực. Và rồi sao? Tôi biết rất ít về Afghanistan, nhưng tôi vẫn biết rằng đó là một đất nước mà sau hàng thế kỷ bị xâm lược, chiếm đóng và bóc lột nhưng luôn thành công trong việc làm suy yếu và khuất phục những kẻ xâm lược.

Vài tháng trước đó, khi đang ngồi trong Phòng Dài ở Chequers, vây quanh bởi chân dung của các tiền bối và những bức tranh sự kiện trọng đại của Cromwell, cùng với những thanh kiếm của ông trong Trận Naseby, tôi tình cờ nghĩ đến một bộ nhật ký có ba tập. Chúng được viết bởi Field Marshal Roberts, một sĩ quan và sau đó là lãnh đạo Quân đội Anh từ giữa tới cuối thế kỷ XIX, tính cả thời gian của cuộc nổi dậy của người Ấn Độ. Đó là những tác phẩm rất hấp dẫn và đưa ra những lý giải tổng quan rất xuất chúng về những gì xảy ra với một sĩ quan trẻ, điểm lại những sự kiện của cuộc nổi dậy, cách thức lan tràn và bị dập tắt, mô tả vô cùng sống động về Đế chế Anh. Chúng miêu tả những cuộc chiến ở Hyderabad và Peshawar và sau đó là Hindu Kush, Kandahar, Helmand và Lashkar Gah, những cái tên tới nay vẫn vô cùng quen thuộc với người dân Anh và người dân trên toàn thế giới.

Chúng cũng cho thấy tinh thần chiến đấu phi thường của người lính Anh. Khi cuộc nổi dậy bị gián đoạn – và nó cũng vượt ra khỏi lời đồn đoán bịa đặt rằng những người lính đạo Hồi trong quân đội Anh lấy mỡ lợn để bôi trơn súng – các tiểu đoàn lính Anh bị đẩy lui và các thị trấn bị đóng chiếm. Những người lính địa phương, được huấn luyện và trang bị đầy đủ bởi chính những người dân mà giờ đây họ được lệnh sát hại, đã chiến đấu rất kiên cường. Sau một thời gian, mọi việc ở thế cân bằng. Nawabs, các hoàng tử của Ấn Độ, đã tính toán hướng đi của sự việc, một vài người tham gia cuộc nổi dậy, những người khác giao nộp cỏ khô cho những kẻ chiếm đóng.

Roberts đã kể lại một cách xuất chúng rằng trong lúc họ chuẩn bị để cuốn sạch mọi nghi ngờ của cuộc nổi dậy, đã có một cuộc tranh luận gay gắt giữa những người lính, về việc ai có vinh dự là người đầu tiên tiến vào khoảng trống mà đội pháo binh tạo ra trên bức tường thành phố.

Dẫn đầu đồng nghĩa với cái chết. Nhưng cuộc cạnh tranh để được hy sinh đã diễn ra rất căng thẳng. Cuối cùng, trước sự vui sướng của họ, người dân cao nguyên Scotland đã giành phần thắng. Họ dẫn đầu và cũng hy sinh một cách quả cảm. Nhưng lòng tự hào về trung đoàn dẫn đầu cảm tử của họ đã dâng trào trước nỗ lực đó.

Trong những cuốn nhật ký này, Afghanistan được nhìn nhận theo một cách khác: Trống trải hơn, hoang dại hơn, vô Chính phủ hơn. Như người Nga khám phá ra 100 năm sau đó, đất nước này cũng có lối sống của riêng mình.

Vì vậy tôi đã cho quân đội tham gia cuộc chiến; nhưng tôi làm vậy vì biết rằng chiến tranh là không thể dự đoán trước và đặc biệt là ở Afghanistan. Một phần vì điều này, cuộc chiến mà chúng tôi sắp bắt đầu không thể đơn thuần là một cuộc chiến trừng phạt mà là giải phóng. Nguyên nhân là do cuộc tấn công vào tòa Tháp Đôi nhưng một khi cuộc giao chiến bắt đầu, nó không thể chỉ là một sự trả đũa, một sự trả thù, một sự bồi thường cho những gì sai trái đã xảy ra đối với chúng tôi. Nó cần phải có mục tiêu, ý nghĩa và nội dung lớn lao hơn. Chính xác bởi vì cuộc chiến này gắn kết với một hệ tư tưởng không chỉ của riêng Afghanistan – thực ra nó đã du nhập vào Afghanistan – nên tham vọng cần phải lớn hơn. Tất cả những điều này có thể gia tăng sức nặng và trách nhiệm nhìn nhận vấn đề cho thấu đạt.

Trong đêm 20 tháng Chín, chúng tôi bay tới Brussels để tham dự một cuộc họp khẩn cấp của Ủy ban châu Âu. Tôi đã cố tình quyết định đi Mỹ trước khi Ủy ban họp, để khi tới nơi tôi có thể trình bày trực tiếp về những gì mình đã chứng kiến và trải nghiệm ở New York lẫn Washington. Châu Âu đã từng hậu thuẫn rất tích cực cho Mỹ, nhưng giờ đây khi chúng tôi đến giai đoạn hành động, bạn cũng không thể nói chắc chắn. Nếu cuộc họp diễn ra tốt đẹp và kết thúc với một tuyên bố hài lòng nhằm hợp nhất mọi người trong việc kết án chủ nghĩa khủng bố và nhận ra nhu cầu hành động. Ký ức về các sự kiện vẫn còn đọng trong tâm trí của các chính trị gia cũng như công chúng; giới truyền thông đã đưa tin về nó và sẽ còn tiếp tục đưa tin trong vài tuần và khi nhiều tình tiết xuất hiện, những câu chuyện của con người về bi kịch, sự hy sinh, sự thống khổ và chủ nghĩa anh hùng trở nên rõ ràng cũng như những điều ẩn ý được phân tích làm sáng tỏ.

Những ẩn ý đó rất rộng. Nếu những kẻ khủng bố có thể sát hại nhiều người hơn, chúng đã làm thế. Nếu không phải 3 nghìn mà là 30 nghìn, có thể chúng đã rất hoan hỉ. Đối với những nhà lãnh đạo thế giới còn đang băn khoăn và lo lắng xem hành động thù địch tiếp theo sẽ diễn ra ở đâu, sự chiêm nghiệm không chỉ về những việc đã xảy ra mà cả những việc có thể xảy ra là việc làm liên tục, khẩn cấp và vô cùng căng thẳng.

Trong những ngày đầu tiên này, thậm chí trước khi cuộc chiến bắt đầu và rất lâu trước khi Iraq xuất hiện trong lịch trình, một vài ý nghĩ nhất định trở nên thấu đạt và trở thành các quyết định. Một điều tôi đã miêu tả là đây không thể là cuộc chiến trên tầng thấp của lý tưởng; nó phải được chiến đấu dựa trên tầng cao – những giá trị của chúng ta đối lập với họ. Mục tiêu không đơn thuần là đánh đuổi Taliban mà là thay thế họ bởi một thể chế dân chủ, là xây dựng lại đất nước. Đây không chỉ là vấn đề về chủ nghĩa lý tưởng, mà còn là về việc tìm hiểu tại sao Afghanistan đã trở thành một đất nước thất bại, tại sao nó trở thành nơi sản sinh ra khủng bố, tại sao nó lại thoái hóa thành một nơi chất chứa sự hỗn loạn kinh khủng, độc ác với tình trạng vô Chính phủ và chế độ chuyên quyền. Dù muốn hay không, từ đó trở đi, chúng tôi đã bước vào sự nghiệp tái thiết dân tộc.

Thứ hai, viễn cảnh có bất kỳ nhóm người hay một đất nước nào thông cảm hay chia sẻ một quan điểm tương đồng với họ, tích lũy vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học và vũ khí sinh học – nhóm WMD – là điều không tưởng. Nếu họ có chúng, không còn nghi ngờ gì khi họ sử dụng chúng trong ngày 11 tháng Chín. Thực ra, trong những ngày sau cuộc tấn công, vi khuẩn bệnh than đã được gửi tới Quốc hội, Nhà Trắng và các cơ quan khác, đồng thời chương trình thời sự cũng liên tục phát những báo động về khả năng có một cuộc tấn công bằng vũ khí sinh học nào đó. Với tôi, rõ ràng là thái độ của chúng tôi đối với việc kinh doanh, vận chuyển và phát triển

các loại vũ khí như thế sẽ thuộc một loại khác. Một tín hiệu mới phải được gửi đi, một tình trạng khẩn cấp cần được thiết lập để làm rõ rằng một khả năng như thế đe dọa trực tiếp xã hội của chúng ta.

Điều này ngay lập tức trở nên rõ ràng và được truyền tới Trung Đông. Vụ việc điều tra Saddam và hành động tàng trữ vũ khí trong 10 năm của ông ta đã không bị làm rùm beng lên. Nhưng từ đó trở đi, nó luôn nằm trong tầm ngắm. Tại thời điểm đó vẫn chưa có quyết định nên làm gì với ông ta; tuy nhiên, việc ông ta cần phải đối chất, đưa ra trước công luận hay bị trục xuất trở nên khá rõ ràng trong các phân tích sâu hơn.

Thứ ba, một vụ tấn công như vậy sao có thể được lập kế hoạch, triển khai, giám sát và thi hành mà không có một manh mối nào bị lộ? Nếu một kịch bản như thế được áp dụng ở Mỹ, những kịch bản tương tự có thể diễn ra ở đâu? Từ điểm này, tôi thấy rằng sự cân đối trong các quyền tự do công dân giữa việc bảo vệ quyền lợi của nghi phạm và bảo vệ quyền lợi của người dân đã thay đổi. Tất nhiên chúng ta cần phải chú ý hơn và bởi vì là một luật sư nên tôi ý thức rất rõ về các nguy cơ của việc gây nguy hiểm cho cuộc sống của mình trên danh nghĩa là bảo vệ nó; nhưng một khi sự kiện ngày 11 tháng Chín đã minh họa khả năng và mục đích của chủ nghĩa khủng bố, thì các Chính phủ trên toàn cầu – đặc biệt là những nước có quan hệ đồng minh mật thiết với Mỹ – đã nhận ra nhu cầu áp dụng những biện pháp an ninh mới và có thể là một hướng tiếp cận mới.

Tất cả những quyết định này – được đưa ra dưới sự hỗ trợ và cảm thông đồng thời – cần phải đem lại những kết quả có ảnh hưởng sâu rộng đến tương lai của cả đất nước và Chính phủ. Chúng tôi cảm thấy chính mình đã bị tấn công. Nhưng hơn thế: Chúng tôi cảm thấy mình đã được cảnh báo.

Khi tôi quay lại Chequers vào cuối ngày thứ Sáu, 21 tháng Chín, tôi rất mệt mỏi cũng như bị kích động. Nếu tôi có khả năng nhìn trước tương lai, có thể tôi cũng sẽ bị làm cho phát điên.

Những tuần tiếp theo diễn ra theo một quá trình điên rồ nhưng cũng khá quy củ nhằm sắp xếp lực lượng quân đội để trục xuất quân lính Taliban và kế hoạch tái thiết cho Afghanistan.

Bất chấp áp lực, George quyết định không vội vàng – “Tôi không muốn một tên lửa 10 triệu đô-la bắn trúng một cái lều 10 đô-la chỉ vì hiệu quả,” ông đã đưa ra một lời nhận xét đáng nhớ. Ông ấy đồng ý đưa ra tối hậu thư cho Taliban, để mọi người có thể thấy chúng tôi đã đưa ra phương án lựa chọn lối thoát nếu họ muốn nhưng rõ ràng họ không chấp nhận.

Tôi vẫn viết thư từ thường xuyên cho ông ấy, nêu ra các vấn đề, xem xét hệ thống của cả hai chúng tôi: Các hoạt động hỗ trợ nhân đạo; liên minh chính trị, đặc biệt bao gồm cách chúng tôi phối hợp Quân Đồng Minh Bắc Bán Cầu (liên minh chống Taliban) mà không trao quyền lãnh đạo đất nước cho họ; phát triển kinh tế; hòa giải sau một cuộc tấn công quân sự được hy vọng là thành công. Trên hết, tôi định công du tới Trung Đông, Pakistan, Nga – cố gắng đảm bảo rằng chúng tôi vẫn giữ vững được sự hậu thuẫn vốn có. Tôi viết một bức thư cá nhân, bảo mật gửi cho nhân viên và các viên chức cấp cao của mình, phác thảo tại sao chúng tôi cần sự hỗ trợ của toàn bộ hệ thống, cả của chúng tôi và của Mỹ, phối hợp nhịp nhàng hơn.

Liên Hợp Quốc dưới sự hướng dẫn của Tổng Thư ký Kofi Annan đã tỏ ra rất hữu dụng và ngay từ đầu tôi đã quyết định rằng họ cần hỗ trợ chúng tôi chống đỡ với những căng thẳng về mặt chính trị. May thay, ở Lakhdar Brahimi, họ có một đàm phán viên với người Afghanistan rất tinh tường, một người có nhiều kinh nghiệm và mưu mẹo.

Những cuộc họp ở nước ngoài cũng diễn ra tốt đẹp. Tôi đã đến thăm Tổng thống Nga Putin. Tại thời điểm này, chúng tôi vẫn là những đồng minh thân cận. Ông ấy và tôi ngồi trong sảnh của điện Kremlin. Tôi luôn nghĩ rằng định vị được Moscow về mặt văn hóa là một việc làm rất khó khăn. St Petersburg rõ ràng mang đậm chất châu Âu, nhưng Moscow thì không thể được đặt trong một bối cảnh rộng hơn, thậm chí không thể hiểu thấu, nhưng rất ấn tượng theo một cách

đầy hăm dọa.

Putin rất nóng lòng được giúp đỡ. Thông qua Chechnya, ông ấy đã hiểu hơn về tầm ảnh hưởng của chủ nghĩa cực đoan này. Ông nhận ra một sợi dây kết nối giữa tất cả các khu vực đấu tranh khác nhau. Hồi đó, ông cũng thấy khả năng một thời phục hưng Nga và sự trỗi dậy của sức mạnh Nga song hành với nhau hay thậm chí được thúc đẩy bởi nước Mỹ. Tôi cảm thấy tiếc khi chúng tôi chưa bao giờ ngồi cùng nhau để phác thảo ra một phương án hợp lý cho phép ông ấy đạt được tham vọng đó cùng chúng tôi. Có thể đó đã luôn là một hy vọng tốt đẹp. Ông ấy và George họp nhau trên phương diện cá nhân, nhưng Vladimir nghĩ rằng người Mỹ đối xử thiếu tôn trọng với ông và nước Nga và dần dần, ông đã quyết định đưa Nga vào cộng đồng quốc tế với tư cách một đất nước chống lại Mỹ. Ở Iraq, ông đã phát hiện ra một vụ việc để dựa vào và thiết lập vai trò đó, ông ta đóng vai đó với sự mãnh liệt thông thường của mình. Chúng tôi cần phải nỗ lực hơn; đặc biệt là người Mỹ, họ có vẻ đánh giá thấp ông ấy và đó không bao giờ là một ý tưởng hay.

Tuy nhiên vào cuối năm 2001, chúng tôi cùng nhau vạch ra những gì chúng tôi có thể làm để đảm bảo rằng các quốc gia vệ tinh của Xô Viết trước kia sẽ ủng hộ hoặc tuân thủ trước bất cứ động thái nào sắp diễn ra. Có lúc, ông ấy còn gợi ý là chúng tôi nên cùng bay tới Tajikistan trong đêm đó để vận động hành lang tổng thống nước này với tư cách cá nhân, một ý kiến mà tôi rất tán thưởng, nhưng lại khiến đội ngũ phụ trách việc đi lại của tôi run sợ.

Tổng Thống Pakistan Musharraf đang ở trong một tình thế khó xử: Chính phủ của ông đã từng làm việc với Chính phủ Taliban; biên giới giữa hai nước này có nhiều lỗ hổng; các mối liên hệ giữa các dân tộc và chính trị rất vững chắc, nhưng đương nhiên, ông ấy cũng là một đồng minh của chúng tôi và nước Mỹ.

Vào ngày 5 tháng Mười, chúng tôi sử dụng một chiếc máy bay RAF được trang bị các thiết bị chống tên lửa đặc biệt. Tôi đã nghĩ điều này có chút thái quá, cho tới khi chúng tôi bắt đầu hạ cánh xuống sân bay. Chiếc máy bay quay vòng đột ngột, hạ xuống theo đường xoắn ốc một cách thận trọng và tiếng bánh xe rít trên mặt đường bay, thì cả phi hành đoàn nổ một tràng pháo tay. Họ thấy nhẹ người. Từ sân bay tới Islamabad, tôi nhìn thấy nhiều con đường và tuyến phố bị cấm, nhưng thay vào đó có từng hàng người đông đúc đứng dọc theo hai bên đường, đàn ông quần khăn trắng, phụ nữ quần khăn voan, nhìn chăm chăm, không hẳn là với thái độ thù địch hay thân thiện.

Tôi được đưa tới phòng riêng của Musharraf trong Cung điện Tổng thống. Xuyên suốt cuộc họp có một vệ sĩ đứng gần cửa ra vào, đi vào và đứng phía trên chúng tôi mỗi lần đám người hầu mang trà hay đồ uống vào. Musharraf khẳng khái kết tội Taliban và đề nghị giúp đỡ, hỗ trợ từ chúng tôi. Ông biết rằng cuộc tấn công đã làm thay đổi mọi thứ. Ông nói với tôi một điều khiến tôi phải suy nghĩ rất nhiều trong những năm sau đó: Vào những năm 1970, Tướng Zia đã phạm một sai lầm chết người trong việc liên hệ giữa chủ nghĩa dân tộc của Pakistan với đạo Hồi đang được sùng bái, bằng việc làm đó ông đã thiết lập phong cách của một lãnh đạo về tôn giáo cũng như chính trị và quân sự, thể hiện một cách tự hào dấu vết trên trán được tạo ra do cúi đầu xuống đất trong khi cầu nguyện. Mối liên hệ giữa hai điều này, theo như Musharraf giải thích, đã đẩy mạnh chủ nghĩa cấp tiến trong đất nước, nâng cao căng thẳng ở Kashmir và khiến việc tái hòa giải với Ấn Độ trở nên khó khăn hơn bao giờ hết.

“Chắc chắn rằng,” tôi nói, “phát triển kinh tế là thách thức chủ yếu đối với Pakistan.”

“Tất nhiên,” ông ta nói, “nhưng thực tế là ngày nay chính trị ở Pakistan chỉ xoay quanh vũ khí hạt nhân và Kashmir.”

“Chúng tôi có thể làm gì đây?” tôi hỏi, chờ đợi câu trả lời liên quan đến hỗ trợ hay Ấn Độ.

“Hãy giải quyết Palestine,” ông ta trả lời ngay lập tức. “Điều đó có thể giúp chúng tôi đấy.”

Trong tất cả những chuyến viếng thăm này, chúng tôi đi theo phái đoàn. Tôi cũng có lợi thế khổng lồ từ David Manning, người đã trở thành cố vấn trưởng cho các vấn đề đối ngoại của tôi và đã ở Mỹ trong thời gian xảy ra các vụ khủng bố ngày 11 tháng Chín. Tới thời điểm này tôi đã tăng cường lực lượng cho phố Downing và giờ thì có Stephen Wall đáng gờm trong vai trò cố vấn châu Âu. David rất tuyệt, bình tĩnh, chịu được áp lực và rất sáng tạo, luôn sẵn sàng cho các chiến thuật giải quyết thể bế tắc. Qua thời gian này, anh ta thực sự là người khổng lồ của đội, thực sự vô giá. Stephen rất chuyên nghiệp và có năng lực, tất nhiên; nhưng sâu bên trong bạn có thể thấy rõ anh ta có một cuộc nổi loạn của những cảm xúc, quan điểm và nhận thức mãnh liệt, điều mà anh ta mong chờ bạn nhận ra, chụp lấy và áp dụng. Bạn có thể làm vậy với một vài quan điểm và là một người không bị quan và tôi thích điều đó.

Vào ngày 7 tháng Mười, chiến dịch quân sự bắt đầu. Chủ yếu đây là chiến dịch ném bom, với số lượng cọc tiêu rất hạn chế trên mặt đất. Liên Minh Bắc Bán Cầu cũng đang tịnh tiến. Chúng tôi đã xác định một mục tiêu trung tâm: Phản đối việc coi Afghanistan là căn cứ của al-Qaeda; phản đối việc chúng xây dựng một căn cứ thay thế bên ngoài Afghanistan; tấn công chúng trên phạm vi quốc tế; ủng hộ các quốc gia khác trong nỗ lực chống lại al-Qaeda.

Từ những cuộc tấn công đầu tiên vào tháng Mười năm 2001, nước Anh đã liên quan vào các lực lượng liên minh do Mỹ dẫn đầu dưới hiệp ước Thực Hiện Quyền Tự Do Lâu Dài (OEF). Tàu ngầm của Hải Quân Hoàng Gia đã bắn tên lửa Tomahawk để tấn công mạng lưới của Taliban và al-Qaeda, tàu bay RAF cung cấp tàu do thám và tàu tự nạp nhiên liệu đối không để yểm hộ cho tàu tấn công của Mỹ. Mỹ đã phóng tên lửa từ Diego Garcia, một phần lãnh thổ Anh trên Ấn Độ Dương, dưới sự cho phép của Chính phủ Anh.

Quân đội Anh được dàn quân lần đầu vào tháng Mười một năm 2001, khi Hải Quân Hoàng Gia của đội Đặc Công số 40 giúp đảm bảo an ninh ở sân bay Bagram. Một nhóm tiên phong 1.700 quân dựa trên 45 căn cứ Đặc Công đã lần lượt được dàn quân với tên Đội Đặc Nhiệm JACANA. Vai trò của họ là tấn công và phá hủy cơ sở hạ tầng khủng bố và nghiêm cấm hoạt động của al-Qaeda ở phía đông Afghanistan. Trong một số đợt tấn công lớn, Đội Đặc Nhiệm JACANA đã phá hủy một lượng lớn kho chứa và hang động, đồng thời cung cấp viện trợ nhân đạo cho những vùng trước kia bị Taliban và al-Qaeda chiếm đóng. Nhóm này lui quân năm 2002.

Lực lượng Hỗ trợ An ninh Quốc tế (ISAF), nhằm hỗ trợ Chính phủ Quá độ của Afghanistan trong việc kiến tạo và duy trì một môi trường an toàn và ổn định ở Kabul và các khu vực lân cận, đã được thành lập vào tháng Mười hai năm 2001 trong các thỏa hiệp do Anh dẫn đầu và được ủy quyền bởi Hội đồng Hòa giải An ninh của Liên Hợp Quốc (UNSCR) 1386 và các nghị quyết kế tiếp (gần nhất là UNSCR 1776 năm 2007). Thiếu Tướng John McColl đã chỉ huy chiến dịch ISAF đầu tiên với sự hỗ trợ của 16 quốc gia. Cùng với việc cung cấp các sở chỉ huy và hầu hết lực lượng hỗ trợ cho ISAF, Anh còn đóng góp các sở chỉ huy lữ đoàn và một tiểu đoàn bộ binh. Sự đóng góp của chúng ta ban đầu ở ngưỡng 2.100 quân, về sau giảm xuống gần 300 người sau cuộc chuyển giao quyền lãnh đạo của ISAF sang Thổ Nhĩ Kỳ vào mùa hè năm 2002.

Taliban đã sụp đổ vào cuối năm 2001, tàn dư của chúng dồn về vùng dân cư Pushtun ở phía nam Afghanistan và khu vực của các bộ lạc Pakistan. Điều quan trọng là phải đảm bảo Afghanistan không quay lại thời kỳ của một mảnh đất vô Chính phủ mà trong đó hoạt động huấn luyện và chuẩn bị của khủng bố có khả năng sinh sôi rất cao. Các lực lượng quốc tế do đó được giữ nguyên để đảm bảo an ninh và ổn định, nhằm tiêu diệt các phần tử Taliban và al-Qaeda còn sót lại, đồng thời hỗ trợ sự phát triển của lực lượng an ninh Afghanistan.

Vào lúc đó, liên minh vẫn rất vững bền, quan điểm của chúng tôi vẫn có trọng lượng và các mục tiêu thì rất rõ ràng. Phân tích mà chúng tôi đưa ra là Afghanistan là một quốc gia thất bại; Taliban đã chiếm quyền; và hậu quả kéo theo là chủ nghĩa cực đoan dưới sự bảo hộ của chúng đã được phép lớn mạnh. Một yếu tố phá hủy nữa là hoạt động buôn bán các chất ma túy. Afghanistan đã trở thành nguồn cung cho 90% lượng heroin xuất hiện trên các đường phố châu Âu.

Giờ đây, nhiều năm sau người ta nói: Nhưng nhiệm vụ không rõ ràng, hoặc nó bị nhầm lẫn. Nó không hề nhầm lẫn và lúc đó thì càng không. Đối với chúng tôi hồi đó và tôi tin rằng bây giờ điều này vẫn đúng, không có sự phân biệt rạch ròi giữa một chiến dịch xóa sổ al-Qaeda, ngăn chặn sự tái xuất hiện của Taliban, xây dựng nền dân chủ, hay đảm bảo một nền kinh tế đứng đắn chứ không mơ hồ. Cho phép Taliban hoạt động trở lại, thất bại trong xây dựng chính quyền, bạn cũng sẽ có một quốc gia thất bại với cùng những hậu quả như ban đầu. Vấn đề không phải là chúng tôi đã cố làm quá nhiều; mà là để làm được việc đó cần sự tập trung tuyệt đối và bền bỉ, hậu thuẫn với những nguồn tài nguyên và ý chí xuyên suốt một thời gian rất dài.

Trong năm 2004, trong khi quy mô rộng lớn của thách thức đã rõ ràng, mọi thứ dường như đang dần có hiệu quả. Tôi sẽ trình bày về những quyết định vào năm 2006, khi rõ ràng mọi tiến triển đã trì đọng, nhưng từ ngày 22 tháng Mười hai năm 2001, khi Chính phủ lâm thời vừa được thiết lập, cho tới các cuộc bầu cử tổng thống vào năm 2004 với kết quả là 70% và số đông cử tri là nữ, tới ngay cả những cuộc bầu cử tại địa phương vào mùa thu năm 2005, Afghanistan dường như về cơ bản vẫn đang trên đà trở thành một quốc gia tốt đẹp hơn, bất chấp những chia rẽ, chệch hướng và thoái trào liên tục.

Ngoài ra, tôi muốn nhấn mạnh rằng không phải chúng tôi đã làm tốt mọi việc hay không thể làm nhiều việc tốt hơn nếu có thể. Trong hoàn cảnh ấy mọi việc luôn là như vậy. Nhưng trên hết, rõ ràng tôi đã đánh giá sai thất bại sâu rộng của Afghanistan; và khả năng Taliban trà trộn vào các cộng đồng ở địa phương, đặc biệt ở miền Nam và kêu gọi sự tăng cường từ biên giới của những vùng cao nguyên và vùng núi. Vì trà trộn như vậy, họ mới có thể tái lập quyền kiểm soát các phần lãnh thổ, hay ít nhất cản trở công việc mà chúng tôi đang làm bằng cách đe dọa, tổ chức và thẳng tay đàn áp dân địa phương.

Đồng thời, sự cuồng tín của họ có nghĩa là kết quả biện minh cho phương tiện. Họ có thể giết chóc, khủng bố và hành hạ mà không ăn năn hay cắn rứt lương tâm. Dân làng không biết sắp phải đối mặt với những chủ nhân nào, nên phân vân giữa việc hỗ trợ quân đồng minh và tuân thủ những tín đồ cực đoan trong địa phương của họ. Trong khi đó, Chính phủ trung tâm ở Kabul, do Hamid Karzai dẫn đầu, đang vật lộn để Đạo luật của mình có hiệu lực.

Điều đã xảy ra là ngay cả khi năm 2001 gần kết thúc, ngay cả khi tin tức cuối cùng lại tiếp tục lưu chuyển – ban đầu là một cách miễn cưỡng, nhưng về sau là một cách vui vẻ – điều này vẫn là một nỗ lực quốc tế lớn lao dần có nhiều điểm tương đồng với nỗ lực của nước Mỹ và các đồng minh thân cận. Chúng tôi đã không gặp phải một vụ 11 tháng Chín lần thứ hai. Những câu chuyện về các cuộc tấn công bằng vũ khí hóa học dần dần bị quên lãng. Sự ý thức của thế giới về một thảm họa cần được loại trừ đã dần phai nhạt, mất đi hình dáng và tầm ảnh hưởng, một vài luồng ý kiến rộ lên đã có hiệu quả ăn mòn sâu sắc đối với ý chí chiến đấu.

Ý kiến đầu tiên trong những ý kiến này là dần dần, khi bức tranh về những vụ thả bom của quân đồng minh gây được tác động, sức mạnh hỗ trợ của người Hồi giáo dành cho chiến dịch sẽ giảm dần. Hệ tư tưởng mà kẻ thù của chúng tôi kiếm tìm để áp đặt một cách tuyệt vọng – rằng đây là cuộc chiến chống lại một quốc gia theo đạo Hồi – đã thu hút được chú ý. Quan trọng hơn, ngay từ đầu việc này đã được xem là một vấn đề của phương Tây. Các lực lượng của Thổ Nhĩ Kỳ và sau này là các quốc gia khác, nhưng theo quan điểm của Á Rập và đạo Hồi, cuộc tấn công được thực hiện vì nước Mỹ, chứ không phải để chống khủng bố. Những yếu tố thẩm sâu bên trong thế giới Hồi giáo và coi nó là nạn nhân đã tự xác nhận lại, chất vấn động cơ của chúng tôi, bắt lấy bất kỳ dấu hiệu ngôn ngữ bất cần nào. Cả George và Silvio đều đã dùng từ “cuộc viễn chinh”. Rõ ràng họ đã dùng nó theo nghĩa chung chung, như là một người có thể dùng từ này để diễn tả cuộc chiến chống lại ma túy hay tội phạm, một thuật ngữ thường được sử dụng trong giới chính trị chúng tôi; nhưng nó đã bị bóp méo để gợi ý rằng họ đã dùng từ này ám chỉ cuộc Thập Tự Chinh trong quá khứ. Nhiều Chính phủ của Á Rập và đạo Hồi đã không xem mục đích xây dựng nền cộng hòa là một điều họ nên ủng hộ – có thể điều này cũng không đáng ngạc nhiên.

Động lực đạo đức là cơ sở cho hành động của chúng tôi cũng bắt đầu tan biến trong những vòng tròn phương Tây. Trong vài năm sau khi Afghanistan rút lui khỏi vị trí dẫn đầu các bảng tin, sự tan biến này có vẻ không tạo ra khác biệt gì đáng kể, nhưng nó có nghĩa là qua thời gian khi chúng tôi cần sự tập trung tối đa, nó đã không ở đó, ngoại trừ từ phía Mỹ và Anh; và rõ ràng chúng tôi không thể tự mình làm mọi việc. Người châu Âu đã ủng hộ chúng tôi, nhưng chỉ trong các phạm vi được thiết lập bởi chính ý kiến dư luận của họ, vốn được chuẩn bị để ủng hộ nhiệm vụ một cách chung chung nhưng vô cùng do dự khi phải góp quân và chịu đựng thương vong.

Không còn nghi ngờ gì, mọi việc lẽ ra nên được làm khác đi và tốt hơn; nhưng lý do chính khiến tiến triển bị ngưng trệ là kẻ thù của chúng tôi bắt đầu cảm thấy giới hạn trong sức chịu đựng của chúng tôi và sức mạnh viện trợ lương thực cho cuộc chiến dài. Ở cả Iraq và Afghanistan họ đều bắt đầu hiểu ra rằng chúng tôi không được chuẩn bị cho một cuộc chiến có thể gây ra cho chúng tôi những tổn thất đáng kể; và nếu họ cho thấy mình sẵn sàng tiếp tục, ngày lại ngày, trong lãnh thổ mà họ biết rõ như lòng bàn tay và với những người đã chứng kiến quá nhiều bạo lực và đàn áp qua nhiều thập kỷ, họ có thể chiến thắng, không phải bằng lực lượng hùng mạnh hơn hay tài nguyên phong phú hơn hay một tầm ảnh hưởng rộng hơn, mà bằng sự bền gan khó lay chuyển.

Vào những giờ phút đen tối hơn của mình, tôi có thể nghĩ đến câu chuyện ngụ ngôn mà trong đó chúa Jesus đã hỏi: “Ai trong số các con, đang định xây một ngọn tháp, nhưng lại không ngồi xuống tính toán xem liệu mình có đủ tiền để xây không?” Chúng tôi đã tính đến một cuộc hành quân dài và chậm rãi; đã tính cả những khó khăn vô biên dọc đường nhưng vẫn chưa tính đến khe sâu mà chủ nghĩa cực đoan này có thể tác động lên trí tưởng tượng, ý chí và lối sống của những người tuân theo nó.

Sự thật là thậm chí nhiều người không phải kẻ cực đoan cũng vẫn chia sẻ một cảm giác rằng họ có lý do chính đáng để chiến đấu với chúng tôi; rằng đây là cuộc chiến giữa phương Tây và người dân Afghanistan. Lập luận như vậy là hoàn toàn sai lầm, vì người dân Afghanistan đã cho thấy họ mong chờ điều gì đó thông qua cuộc bỏ phiếu. Tôi cố gắng bác bỏ lập luận này bằng cách xây dựng một chiến lược rộng lớn dựa trên những giá trị yêu cầu cả sức mạnh trên bàn đàm phán và sức mạnh vũ trang.

Trong bài diễn thuyết của tôi tại hội thảo năm 2001, tôi đã phác họa những gì mình nghĩ là có thể và nên là trật tự mới cho mọi việc. Tôi đã vẽ một trục lịch sử song song với sự thất bại trong phong trào cách mạng của Chủ nghĩa Cộng sản. Sức mạnh quân sự đóng một vai trò lớn, tất nhiên – nếu Liên Xô không hiểu rằng ý chí của nó có thể xung đột với ý chí của chúng tôi, nó có thể đã giành thắng lợi về vang bất kể điều gì mới là đúng đắn – nhưng nó đã bị đánh bại hoàn toàn bởi sức mạnh của một lý tưởng: Tự do cho nhân loại. Người ta cũng nhìn nhận chế độ của những người Cộng Sản Xô Viết đúng như bản chất của họ: Những kẻ độc tài. Những nền kinh tế cộng sản trên thực tế là những thảm họa. Xã hội cộng sản bóc lột từ người dân của nó tất cả những gì thúc đẩy và làm giàu tâm hồn con người. Dù trên suốt chặng đường chúng tôi đã mắc nhiều sai lầm, nhưng sự kiên quyết tiến hành cuộc chiến của chúng tôi là đúng đắn.

Khi thế kỷ XXI mở ra, những cuộc chiến giành uy quyền cho những lý tưởng chính trị đã trở nên thừa thớt. Ngay cả Trung Quốc – chủ nghĩa xã hội với những đặc điểm của người Trung Quốc – chế độ đó cũng đã trở thành một sự cân đối giữa thị trường và quốc gia. Ngoài Bắc Triều Tiên, sự sụp đổ của Bức Tường Berlin thực sự đã mở ra một kỷ nguyên mới.

Giờ đây chúng tôi phải đối mặt với một cuộc chiến mới – cuộc chiến về văn hóa và khu vực hơn là về chính trị, nhưng lối đi của lịch sử, theo nhận xét của tôi, không hề thay đổi: Nổi dậy về mặt quân sự, nhưng nhận ra rằng cách thức đánh bại một ý tưởng tồi là đưa ra ý tưởng tốt hơn. Tôi nghĩ chúng tôi phải cung cấp một chiến dịch quy mô lớn để thay đổi thế giới và thể hiện những giá trị mà chúng tôi tin tưởng và hành động theo với tất cả khả năng của mình.

Các nước phương Tây mắc nhiều lỗi lầm, nhưng như tôi thường nói, có một bài kiểm tra đơn

giải cho một đất nước: Người ta đang cố thâm nhập vào nó hay thoát khỏi nó? Nhìn chung, nạn nhập cư chứ không phải di cư mới là vấn đề của chúng tôi. Xét cho cùng thì nhân dân mới là người làm chủ, không phải các chính trị gia. Chúng tôi cũng đại diện cho công lý; vì thế, như một phần của cuộc chiến lớn hơn, chúng tôi đặt ra cách thức thể hiện quyết tâm của mình đối với tình hình hòa bình ở Trung Đông, quan tâm của chúng tôi đối với châu Phi – “một vết sẹo trong lòng thế giới” – và sự tận tụy của chúng tôi đối với vấn đề môi trường. Chúng tôi phải thể hiện rằng những gì chúng tôi muốn có cho mình thì cũng muốn có cho tất cả mọi người.

Tiền đề cho bài diễn thuyết của tôi chính là đặc điểm mang tính định hình cho cả thế giới về sự tương thuộc.

Vòng quanh thế giới, sự kiện 11 tháng Chín đang khiến các Chính phủ và người dân cùng chiêm nghiệm, xem xét và thay đổi. Trong quá trình này, giữa tất cả những đối thoại về chiến tranh và hành động, có một chiều kích mới xuất hiện. Có một sự kết lại cùng nhau. Sức mạnh của cộng đồng đang tự mình lên tiếng. Chúng ta đang nhận ra biên giới của mình mong manh nhường nào khi đứng trước những thách thức mới của thế giới.

Những xung đột ngày nay hiếm khi diễn ra trong nội bộ lãnh thổ một quốc gia. Ngày nay, một cơn chấn động nhẹ ở một thị trường tài chính sẽ được lặp lại trong thị trường toàn cầu. Ngày nay, sự tự tin mang tính toàn cầu; dù có nó hay thiếu nó. Ngày nay, đe dọa sẽ dẫn đến rối loạn; bởi vì với những người có công việc cần làm, cuộc sống gia đình cần cân bằng, những khoản thế chấp cần trả, những nghề nghiệp cần theo đuổi, lương hưu cần chu cấp, họ khao khát kỷ luật trật tự và sự ổn định và nếu nó không tồn tại ở đâu khác, thì nó khó có thể tồn tại ở đây. Tôi đã luôn tin rằng sự tương thuộc này định nghĩa thế giới mới mà chúng ta đang sống.

Tôi đặt ra nhu cầu hành động đồng thời trước một loạt những vấn đề quốc tế và miêu tả những thách thức của quá trình toàn cầu hóa. Lúc đó tôi nói:

Vấn đề không phải là làm sao để ngăn chặn quá trình toàn cầu hóa. Vấn đề nằm ở cách chúng ta sử dụng sức mạnh của cộng đồng để kết hợp nó với công lý. Nếu toàn cầu hóa chỉ phục vụ cho lợi ích của một vài cá nhân, nó sẽ thất bại và xứng đáng thất bại. Nhưng nếu chúng ta tuân thủ các nguyên tắc đã từng phục vụ chúng ta rất tốt ở nước ta – sức mạnh đó, của cải và cơ hội đó sẽ phải thuộc về tay của nhiều người, chứ không phải một nhóm thiểu số – nếu chúng ta biến đó thành ngọn đèn hoa tiêu cho nền kinh tế toàn cầu, nó sẽ mãi mãi trở thành một lực đẩy và một phong trào quốc tế mà chúng ta phải lấy làm tự hào được dẫn đầu. Bởi vì sự cô lập sẽ thay thế cho toàn cầu hóa.

Đối diện với thực tế này, trên thế giới, các quốc gia sát cánh bên nhau theo bản năng. Ở Quebec, tất cả các quốc gia ở Bắc và Nam Mỹ đang quyết định thành lập một khu vực tự do thương mại khổng lồ, cạnh tranh với châu Âu. Ở châu Á, có ASEAN. Ở châu Âu, khu vực hợp nhất hàng đầu, chúng tôi hiện có 15 quốc gia, với 12 nước nữa đang đàm phán để gia nhập và còn nhiều hơn nữa. Một quan hệ mới giữa Nga và châu Âu đang hình thành.

Và chẳng lẽ Ấn Độ và Trung Quốc, mỗi nước có dân số đông gấp ba toàn bộ EU cộng lại, sẽ không tái cấu trúc hình toàn bộ hệ thống địa chính trị của thế giới trong thời đại của chúng ta, một khi nền kinh tế của họ phát triển một cách vững mạnh?

Khi chúng tôi hành động để đưa những kẻ thực hiện vụ thảm sát ngày 11 tháng Chín ra trước ánh sáng, chúng tôi đã không làm vì hận thù. Chúng tôi làm vì đó là công lý. Chúng tôi không chống lại đạo Hồi. Những tín đồ thực sự của đạo Hồi là những anh chị em của chúng tôi trong cuộc chiến này. Bin Laden không tuân thủ những lời dạy của kinh Koran hơn những lính thập tự chinh của thế kỷ XX, những kẻ đã cướp bóc và giết người, đại diện cho điều răn dạy của sách phúc âm.

Đã đến lúc phương Tây đối mặt với sự thiếu hiểu biết của mình về đạo Hồi. Người Do Thái, người Hồi và người Thiên Chúa Giáo đều là con của Abraham. Đây là lúc đưa những đức tin lại

gần nhau để hiểu được những giá trị và di sản chung của chúng ta, nguồn gốc của sự thống nhất và sức mạnh.

Tôi cũng thẳng thắn bảo vệ nước Mỹ, không phải như một quốc gia mà như một khái niệm:

Nước Mỹ cũng có những lỗi lầm của mình trên phương diện một xã hội, cũng như chúng ta cũng mắc lỗi. Nhưng tôi nghĩ về một nước Mỹ được sinh ra từ sự đánh bại chế độ nô lệ. Tôi nghĩ về Hiến pháp của nó, với những quyền lợi thiết thực dành cho mọi công dân và vẫn là hình mẫu cho cả thế giới. Tôi nghĩ về một người đàn ông da đen, sinh ra trong nghèo đói, người đã trở thành thủ lĩnh của Lực Lượng Vũ Trang và hiện giờ là Ngoại Trưởng Colin Powell và tôi thành thật tự hỏi liệu một điều như vậy có bao giờ diễn ra ở đây không. Tôi nghĩ về Tượng Nữ Thần Tự Do và biết bao người dân tị nạn, di cư và những kẻ nghèo khổ đã đi qua ánh sáng của nó mà cảm thấy một thế giới mới có thể thuộc về họ, nếu không thì cũng là cho con cháu của họ. Tôi nghĩ về một đất nước nơi những người dân đang sống tốt không bị đặt câu hỏi về nguồn gốc tổ tiên, về giai cấp, về xuất xứ, mà chỉ nhận được sự ngưỡng mộ cho những gì họ đã làm và thành công mà họ đã đạt được. Tôi nghĩ về những người New York mà tôi đã gặp, vẫn còn trong cơn hoảng loạn, nhưng rất cương quyết; những lính cứu hỏa và cảnh sát, khóc thương đồng đội của mình nhưng vẫn gắng cao đầu.

Tôi nghĩ về tất cả những điều này và tôi chiêm nghiệm: Vâng, nước Mỹ có những lỗi lầm của riêng nó, nhưng nó là một đất nước tự do, một nền dân chủ, đó là đồng minh của chúng ta và một vài phản ứng về ngày 11 tháng Chín đã phản bội lòng sự căm thù nước Mỹ làm những kẻ cảm thấy như vậy phải xấu hổ.

Vì vậy tôi tin rằng đây là một cuộc chiến vì tự do. Và tôi muốn biến nó thành một cuộc chiến vì công lý. Công lý không chỉ trừng phạt kẻ có tội, mà còn đưa những giá trị dân chủ và tự do giống nhau tới toàn thế giới.

Và tôi muốn nói rằng tự do, không chỉ theo nghĩa hẹp của sự giải phóng cá nhân, mà theo nghĩa rộng hơn với mỗi cá nhân có một sự tự do về kinh tế và xã hội để phát triển tối đa khả năng của mình. Đó chính là ý nghĩa của cộng đồng, được thành lập dựa trên sự công bằng về giá trị cho tất cả mọi người. Người chết đói, người nghèo khổ, người bị áp bức, người thiếu hiểu biết, người sống trong túng thiếu và bắn thủ từ những sa mạc của Bắc Mỹ tới những khu ổ chuột ở Gaza, tới những dãy núi ở Afghanistan: Họ cũng là nguyên nhân cho cuộc chiến của chúng tôi.

Đây là thời cơ cần nắm bắt. Kính vạn hoa đã bị rung chuyển. Các mảnh ghép đã hòa thành dòng. Sớm muộn gì chúng sẽ ổn định trở lại. Trước khi đó, chúng ta hãy sắp xếp lại thế giới quanh mình.

Ngày nay, nhân loại có khoa học và công nghệ để phá hủy chính mình hoặc để cung cấp sự thịnh vượng cho tất cả. Nhưng khoa học không thể đưa ra quyết định thay chúng ta. Chỉ có sức mạnh đạo đức của một thế giới cùng hành động như một cộng đồng mới có thể làm thế. “Bằng sức mạnh của nỗ lực chung, chúng ta sẽ cùng nhau đạt được nhiều hơn những gì có thể đạt được khi riêng lẻ một mình.” [Một lời trích từ Điều khoản IV]

Với những người đã thiệt mạng trong ngày 11 tháng Chín và những người đang tưởng niệm họ, giờ đây là thời khắc để xây dựng sức mạnh cho cộng đồng. Hãy biến nó thành đài tưởng niệm cho họ.

Như với tất cả những bài diễn thuyết hảo huyền khác, nó thu hút cả những tràng pháo tay và những cái cười khinh bỉ. Tôi đã tự tay viết nó, viết rất phóng tay. Không có một chút đau thương thường thấy. Những bản viết lại đều sửa rất ít. Tôi ngồi trong phòng làm việc ở Chequers nhìn ra Vườn Hồng, khi những mảng màu mùa thu đầu tiên bắt đầu xuất hiện và viết. Tôi nhớ đã cầm một cái giá để bút mực bằng bạc nạm vàng từng được tặng cho Chamberlain vào năm 1937, có khắc một dòng chữ Latin được dịch là “Hãy đứng trên những con đường cổ đại, nhìn xem đâu là con đường đúng đắn và tốt nhất, để bước đi trên đó”. Tôi cảm thấy chúng

tôi đang ở trong đêm quyết định trọng đại cho tương lai thế giới. Tôi viết khá dễ dàng bởi tôi đã viết những gì mình nghĩ.

Khi nhìn lại, việc làm đó vô cùng duy tâm; nhưng nó cũng là một chiến thuật. Và nó dựa trên một quyết định rất quan trọng nhưng cũng gây rất nhiều tranh cãi.

Trong bài diễn thuyết tại Chicago vào tháng Tư năm 1999, tôi đã đề ra một học thuyết lấy can thiệp – nếu cần, can thiệp quân sự – làm trung tâm của việc tạo dựng một cộng đồng quốc gia công bằng hơn. Tôi đã mở rộng khái niệm lợi ích dân tộc, tranh luận rằng trong một thế giới tương thuộc, lợi ích quốc gia của chúng ta luôn liên quan đến bất cứ nơi nào có bất công và nguy hiểm tồn tại. Vì vậy, tôi đã đi đến thách thức mới này với một bản năng vốn được phát triển rất cao tương ứng với một cách tiếp cận mạnh dạn và để chuẩn bị cho sự can thiệp hơn là bỏ mặc.

Một điều thiết yếu là, có hai quan điểm về cách thi hành chính sách đối ngoại. Chúng thường được giới thiệu như một sự lựa chọn giữa chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật, nhưng làm thế là bất công với cả hai luồng tư tưởng này. Những người duy tâm tin rằng một chính sách đối ngoại được điều khiển bởi nguyên tắc là chính sách duy nhất có hiệu quả, bởi nó là cách duy nhất có thể thay đổi và thuyết phục. Những người theo chủ nghĩa duy vật tin rằng bằng chính sách thực dụng, chúng ta có thể tiết kiệm được tiền bạc, tính mạng và tránh được xung đột và điều đó hẳn là đáng để phấn đấu. Đây đơn giản là hai sự phân tích khác nhau cho câu hỏi về tính hiệu quả.

Bởi lẽ nó là một hành vi gây chấn động và khủng khiếp, sự kiện 11 tháng Chín đã ném từng mẩu của thế giới lên không trung. Nó hoàn toàn được chấp nhận là đã thay đổi một cách căn bản quan điểm của chúng ta về thế giới. Vào thời điểm đó, người ta đã được chuẩn bị đầy đủ để can thiệp một cách tích cực nhằm mang những mẩu kia quay về trật tự hài hòa trước đó.

Nhưng qua thời gian, người ta tự hỏi liệu những hậu quả của nó có được phóng đại lên không; có lẽ nó chỉ là một sự kiện độc nhất vô nhị, trong trường hợp đó, lập luận được phát triển, liệu chúng ta có nên cố gắng điều khiển tình thế, có thể làm nó tiến hóa theo thời gian, nhưng trên hết là xoa dịu nó? Khi nhiệm vụ trở nên đau đớn hơn và ý chí quyết chiến của kẻ thù trở nên rõ ràng hơn, lập luận như thế trở nên ngày càng hấp dẫn. Có lẽ chủ nghĩa cực đoan có thể bị làm lu mờ dần. Nếu tác động lớn lên vấn đề Israel và Palestine, chẳng hạn, chúng ta có thể ra ngoài vòng chiến. Nếu theo đuổi một tham vọng nhỏ hơn và có thể thu xếp các vấn đề về thế giới, nhận ra rằng những nền văn hóa khác nhau có những cách thức ứng phó với vấn đề khác nhau, chúng ta sẽ phát triển tốt hơn. Vì vậy, họ cho rằng, đó không hẳn là một cuộc “Chiến tranh chống Khủng bố” – thì thứ ngôn ngữ không kiêng nể đó thật vô dụng. Việc này không thực sự liên quan đến đạo Hồi hay vấn đề tôn giáo. Những bất đồng có vẻ liên quan thực ra lại không hề liên quan đến nhau. Việc mang lại nền dân chủ cho những quốc gia này chính là cố gắng áp đặt những tư tưởng phương Tây lên người dân của những nước ngoài phương Tây. Đó là một hình thức đô hộ thuộc dân về văn hóa được sinh ra từ sự thiếu hiểu biết. Đó là cách lập luận này phát triển.

Phản ứng trước lập luận này, những người như tôi cho rằng chúng tôi đã nhận được lời cảnh báo và nên lưu ý đến nó. Bạn không thể phân loại al-Qaeda giản đơn như là một nhánh của một lý tưởng điên rồ kỳ cục nào đó. Sau này, khi nghiên cứu sự việc này kỹ càng hơn, tôi đã nhận ra tầm quan trọng của Cách mạng Iran. Dù đúng là vào năm 2001, Iran còn thù địch với cả Taliban và Saddam và vì thế với al-Qaeda, sự thù địch xoay quanh sự chia tách những người Hồi giáo Shia/Sunni, không dựa trên lập trường quan điểm về thế giới của cả hai dòng này. Cuộc chiến diễn ra để tìm người lãnh đạo phong trào phản động nội bộ đạo Hồi, không phải để tìm người có khả năng kiến thiết một phong trào tiến bộ.

Tôi xem xét trận đổ bom ở Mecca vào cuối năm 1979, bởi những người cực đoan dòng Sunni, lo lắng rằng những người dòng Shia đang che giấu một cuộc diễu hành. Nó được dập tắt ngay

lập tức và Chính phủ Ả Rập cũng học thêm được về sức mạnh của mình. Kể từ đó, luôn có một khuynh hướng cho phép các lực lượng tôn giáo tạo hình cho xã hội Ả Rập.

Tôi cũng tin rằng câu trả lời cho một mối đe dọa không phải là việc gọi lên một mối đe dọa khác. Tôi đã điều tra tại sao ở Afghanistan chúng tôi lại hỗ trợ một tổ chức sau này trở thành Taliban nhằm ngăn chặn người Nga, chính xác là trên danh nghĩa kiểm soát tình hình; tại sao chúng tôi lại trang bị vũ khí cho Saddam để kìm hãm tình hình ở Iran; và tại sao trong mỗi trường hợp hậu quả của “chủ nghĩa duy vật” lại có thể tạo ra một bất ổn mới và có thể là tệ hơn.

Tuy nhiên, trên hết, tôi nhận thức được rằng sự kiện 11 tháng Chín đã khiến tất cả phân tích trước đó đều trở nên hợp lý, hay ít nhất rằng buộc trách nhiệm cho việc điều tra lại. Chúng tôi không thể ước đoán rằng những quốc gia bị loại virus này chế ngự không thuộc thẩm quyền của mình. Để lựa chọn giữa một chính sách quản lý và một chính sách cách mạng, tôi chọn phương án thứ hai. Tôi không nghĩ tình trạng này có thể được điều chỉnh một cách an toàn. Nó phải được đặt trên một con đường của sự thay đổi về bản chất.

Vào tháng Một năm 2002, với ký ức vẫn còn sống động về vài ngày nghỉ vui vẻ cùng gia đình và Leo bé nhỏ ở Sharmel-Sheikj, Ai Cập, tôi thăm sân bay Bagram ở Afghanistan. Tôi bước xuống chiếc xe chuyên chở C130 và thấy một chiếc thảm đỏ được trải ra. Chúng tôi được cảnh báo không được bước khỏi tấm thảm này vì phần lớn sân bay vẫn bị đặt mìn.

Khi bước xuống các bậc thang và được Karzai chào đón, tôi nhìn vào đội ngũ lính gác danh dự đang dàn hàng. Họ được xếp đứng cạnh nhau vội vã, đồng phục của họ được xin, mượn hay lấy cấp từ vài doanh trại quân đội ở đâu đó. Những người đàn ông gầy gò; còn sân bay là một mớ hỗn độn với những những tòa nhà cháy và hố bom.

Khi Kazai và tôi bước xuống hàng lính gác, nhóm phóng viên và thợ ảnh di chuyển phía trước để chụp ảnh, họ va chạm với nhóm an ninh của Afghanistan, những người đẩy họ ra khỏi thảm, rồi nhảy vội quay lại, như những hành động trong một câu chuyện cười, hai chúng tôi phải phản xạ rất tự nhiên và bình thường trước ông kính đang ngắm vào mình, trong lúc các điệu nhảy Thánh Vitus này đang diễn ra trước mặt.

“Tôi muốn ngài gặp Nội các của tôi,” Hamid nói. Chúng tôi đi bộ tới một tòa nhà đã được gỡ hết bom gần mép đường băng, bước vào trong và ngồi lên hàng ghế băng tạm bợ và mấy chiếc ghế ngồi trong vườn làm bằng nhựa. Một người đàn ông, được giới thiệu với tôi là Bộ trưởng Văn hóa và Nghệ thuật, ngồi bất động. Ông ta mất một mắt và nhìn tôi chăm chăm không chớp.

Họ nói về những hy vọng và nỗi sợ hãi của mình. Hamid biết chính xác phải nói điều gì và nói theo cách nào. Tiếng Anh của ông ấy rất chuẩn, tự thể và sự tự tin hoàn hảo của ông ấy, đã làm tinh thần tôi phấn chấn. Tôi được truyền cảm hứng bởi những biểu hiện quyết tâm anh hùng của họ, nhưng thấy nản lòng trước thực tại và tình hình đất nước họ.

Việc này cần thời gian. Nhưng bao lâu và khó khăn đến mức nào, tôi không biết được.

13. Iraq: Đếm ngược tới chiến tranh

Khi nghĩ cách trả lời câu hỏi đã đặt mình vào tận cùng của bằng chứng về cuộc Điều tra Chilcot cho cuộc Chiến tranh Iraq vào tháng 1 năm 2010, tôi phát ốm, một kết quả cộng hưởng giữa tức giận và đau đớn. ‘Ông có tiếc điều gì không?’ Đây không phải là câu hỏi được đặt ra hay trả lời trong sự chiêm nghiệm thâm lặng của tâm hồn; không phải một điều có thể cân đo đong đếm, xem xét hay giải thích bằng sự thâm thúy và sắc sảo hay thậm chí là sự thành thật dễ dãi.

Đó là một câu hỏi theo kiểu giât tít của báo. Nó phải cần phải có một câu trả lời chuẩn mực. Nếu trả lời ‘có’ tôi dễ dàng biết ngay kết quả: ‘Thủ tướng BLAIR XIN LỖI VÌ ĐÃ GÂY CHIẾN TRANH’, ‘CUỐI CÙNG ÔNG TA ĐÃ NÓI XIN LỖI’. Hãy chọn một biến thể. Ấn tượng tạo ra vẫn không đổi. Những người phản đối chiến tranh có thể sẽ vui mừng; những người ủng hộ có thể sẽ mất tinh thần, tưởng tượng rằng sự ủng hộ và trong một số trường hợp, sự hy sinh của họ đã trở nên vô ích. Trả lời ‘không’, bạn sẽ trở thành kẻ chai sạn, thờ ơ với nỗi thống khổ hay có thể tệ hơn, chống cự một cách ngoan cố, không phải vì sức mạnh mà bởi vì bạn biết không thể làm gì hơn.

Vì vậy tôi nhận trách nhiệm, thừa nhận rằng quyết định là của tôi và tránh một tít báo có thể phản bội mình. Tuy nhiên, đó là một câu trả lời không hoàn chỉnh.

Tôi cảm thấy phần nộ vì đã bị đặt vào một cuộc điều tra mà lẽ ra được dành để nói về những bài học rút ra, nhưng lại không tránh khỏi bị biến thành một phiên tòa xét xử, kiểm nghiệm đức tin; và trước một số gia đình của những người ngã xuống, những người tôi muốn ôm xiết, dù biết rằng nếu làm thế, vòng tay ôm đó sẽ ngay lập tức bị lạm dụng và hiểu lầm. Nhưng cơn phần nộ này là ích kỷ, nhỏ nhặt và nhất thời.

Nỗi đau vẫn còn đọng lại không phải vì ích kỷ. Liệu họ có thực sự nghĩ rằng tôi không quan tâm, không cảm thấy gì, không tiếc nuối gì khi sự mất mát của những người nằm xuống luôn hiển hiện trong tôi tới từng đường gân thớ thịt? Và không chỉ có những người lính Anh mà cả các nước khác, phần lớn là người Mỹ, nhưng cũng có người Nhật, Hà Lan, Đan Mạch, Estonia, Tây Ban Nha, Italia và tất cả những quốc gia khác trong liên minh của chúng tôi. Và chính những người Iraq, không chỉ những người đã thương vong trong chiến tranh, mà cả những người đã chết dưới tay những kẻ khác, những cái chết mà chúng tôi không thể ngăn cản. Các nhà ngoại giao, như Sergio Vieira de Mello tài giỏi, những người đã trao mạng sống của mình vì một lý do mà họ không bao giờ ủng hộ. Những thương vong ngẫu nhiên của những cá tính đồng đánh trong chiến tranh, như Ken Bigley và những lính hộ vệ riêng bị bắt làm con tin cùng với Peter Moore.

Thờ ơ trước những điều này là vô nhân tính, là thiếu năng về cảm xúc. Nhưng không phải lời buộc tội đó đã gây ra đau đớn cho tôi.

Sự đau đớn xuất phát từ một nỗi buồn vượt xa những miêu tả thông thường, là mũi dao đâm vào lòng trắc ẩn của bạn khi nghe thấy tin tức về thảm họa. Nước mắt, dù đã rơi rất nhiều, cũng không chứa đựng được hết những nỗi đau đó. Tôi cảm thấy tiếc thương đến tuyệt vọng cho họ, tiếc thương những cuộc đời yếu mệnh, tiếc thương những gia đình mà sự mất mát người thân còn trở nên tệ hơn bởi những lời thị phi về lý do khiến những người yêu thương đó phải nằm xuống, tiếc thương cho sự chọn lựa vô cùng bất công rằng mất mát nên thuộc về họ. Tại sao lại phải là con họ, chồng họ, gia quyến của họ vào lúc đó, ở nơi đó, trong hành trình, nhiệm vụ hay cuộc tập kết đó?

Lý do số phận đưa ra lựa chọn đó xuất phát từ quyết định của tôi. Nhưng lúc đó đã có hàng triệu những yếu tố ngẫu nhiên khác cùng kết hợp khiến họ phải bỏ mạng.

Nỗi đau xuất hiện từ tình trạng khẩn cấp phải hành động, phải giao phó. Không phải cảm nhận,

mà phải thực hiện.

Lúc này tôi đã vượt qua những biểu hiện của tình cảm đơn thuần. Tôi cảm thấy những lời an ủi và thông cảm là hoàn toàn không phù hợp. Họ đã chết, còn tôi, người đưa ra quyết định dẫn tới cái chết của họ, vẫn đang sống.

Tôi đã cố ý dùng từ “trách nhiệm”, cho dù nó cũng chưa diễn tả được hết ý nghĩa mà tôi mong muốn.

Tôi không hối tiếc về quyết định đi đến chiến tranh vì một lý do. Tôi chưa bao giờ đoán được cơn ác mộng tiềm tàng sau đó và đây cũng là một phần trách nhiệm. Nhưng khái niệm ‘trách nhiệm’ không thể hiện gánh nặng được trút bỏ mà là một gánh nặng còn tiếp diễn. “Tiếc nuối” có vẻ nặng nề quá khứ. “Trách nhiệm” bao gồm cả hiện tại và tương lai.

Ngay cả khi rời nhiệm sở và hiện giờ đảm nhiệm một vai trò hoàn toàn khác, tôi vẫn tận tụy với cuộc chiến trước kia vốn đã gây ra những sự kiện dưới đây. Tôi luôn nghĩ về đất nước Iraq và Afghanistan với những hậu quả mà những nạn nhân của cuộc chiến đang gánh chịu từng ngày từng giờ trong cuộc sống của mình; nhưng hơn thế, tôi dùng sự chiêm nghiệm đó để tiếp tục cam kết một mục tiêu cho nhiệm vụ lớn hơn, một nhiệm vụ mà tôi vẫn chưa hoàn thành. Tôi không thể hồi sinh những người đã chết; nhưng có thể cống hiến phần đời còn lại cho cuộc chiến lớn hơn, cố gắng đem lại ý nghĩa, mục đích để quyết tâm đó của mình không suy chuyển dù bằng cách này hay cách khác. Tôi không thể diễn tả sự tiếc nuối bằng lời; mà chỉ có thể hy vọng chuộc lại lỗi lầm cho hành động của mình bằng cả phần đời còn lại.

Có thể khi đọc đến đây, nhiều người sẽ phản đối gay gắt quyết định của tôi. Nhưng chỉ trong một khoảnh khắc thôi, hãy để mỗi chúng ta quay lại thời điểm bắt đầu và tôi sẽ cố gắng giải thích rõ điều đã diễn ra trong tâm trí mình lúc đó.

Rắc rối trong tranh luận về vấn đề Iraq nằm ở chỗ mỗi người trong chúng ta đã không còn lắng nghe nhau. Có thể có nhiều những người “không ràng buộc” trong công chúng hơn chúng ta thường nghĩ. Theo kinh nghiệm của tôi, “mọi người” – đối lập với những người khác, người tham gia, người bình luận, những kẻ theo đám ăn tàn, người cuồng nhiệt trong phạm vi ám ảnh chật hẹp của chính trị – luôn có một sự trân trọng bẩm sinh dành cho sự phức tạp của quá trình ra quyết định. Họ hướng tới một quan điểm nào đó theo bản năng. Họ được chuẩn bị để thay đổi nó theo thời gian. Họ hiểu rằng lãnh đạo là một nghề khó nhọc. Và họ có một quá trình suy luận khác với các chính trị gia, lúc nồng nặc đến ngạc nhiên, có khi lại sâu sắc hơn rất nhiều. Giờ đây công chúng không còn quá bận tâm tới vấn đề Iraq, nhưng nếu có, họ sẽ vẫn khá dễ dàng bị thuyết phục.

Những người quan tâm sâu sắc đến chủ đề này thì không thế. Họ tự quyết định và sự thông thái – chắc chắn giữa những người tiến bộ – đã biến hầu hết thành đá hoa cương; và điều này khá tiêu cực: đó là một sai lầm. Trong số tất cả những quyết định tôi từng đưa ra, quyết định về vấn đề Iraq cũng là một quyết định mà ngay cả những người bạn thân nhất của tôi cũng không tán thành; thực ra, không chỉ đơn giản là không tán thành, mà còn thấy vô cùng khó hiểu. Chính trị gia Geoff Gallop, một trong những người bạn lớn tuổi nhất của tôi đã từng nói ông có quan điểm khác với tôi, nhưng: ‘Chỉ không hiểu sao anh lại làm thế, Tony.’ Nhiều người ủng hộ cho rằng tôi làm thế vì những động cơ đúng đắn, nhưng vẫn coi đó là một ‘vết nho’ trên một lý lịch đáng lẽ ra đã rất ấn tượng. Và tất nhiên những người không ủng hộ thì coi đó là bằng chứng cuối cùng của hành động xấu xa đáng ghê tởm.

Tôi hoàn toàn hiểu tại sao người ta lại có quan điểm này. Nguyên nhân sâu xa của mâu thuẫn này là hiệu lực hóa những nghị quyết của LHQ về WMD (vũ khí phá hủy hàng loạt) của Saddam và chúng tôi đã không tìm thấy WMD sau khi giành quyền kiểm soát đất nước. Chúng tôi đã cho là có chương trình vũ khí phá hủy hàng loạt đang hoạt động nhưng thực tế là không. Hậu

quả, sau vụ hành quyết Saddam vào tháng 5 năm 2003, vô cùng đẫm máu, có sức tàn phá ghê gớm và gây nên tình trạng hỗn loạn chưa từng có. Nếu chúng tôi tìm thấy WMD thực sự, quan điểm có thể sẽ khác đi; và nếu chúng tôi chấm dứt mâu thuẫn vào tháng 5 năm 2003 với hậu quả giống như ở Kosovo, cuộc tranh luận có thể sẽ trở nên kém sôi nổi và có tính hàn lâm. Nhưng cách thứ nhất có vẻ sẽ khiến động cơ tiến hành chiến tranh trở nên thiếu nhất quán; và cách thứ hai sẽ lưu giữ sự việc diễn ra cùng hậu quả của nó liên tục trong suy nghĩ của chúng tôi.

Vì vậy đó là một lý do và là một lý do hoàn toàn dễ hiểu, đối với một người bình thường. Nhưng còn một lý do khác nữa. Chính trị ngày nay vận hành bằng cách sử dụng những quan điểm được hình thành, tôi luyện nhanh chóng và sau đó trở nên gần như không thể thay đổi được. Người ta có ít thời gian để chiêm nghiệm và cân nhắc; các vụ việc được đánh giá nhanh chóng, người ta ít quan tâm tới những gì đang diễn ra ở các góc độ khác nhau và vì thế phán quyết được đưa ra với tốc độ và sự khốc liệt mà một quá trình xem xét tỉ mỉ hơn có thể tránh được. Một khi những phán quyết như thế được thực hiện, các câu chuyện được viết ra sẽ có xu hướng tái khẳng định những phán quyết này. Mặt khác bản thân những câu chuyện lại bị phớt lờ, cho đến khi việc thử thách phán quyết bị coi là hoang tưởng. Sự cân bằng là một khái niệm xa lạ trong thế giới ngày nay. Nó đòi hỏi những quan điểm chắc chắn và được xác định nhanh chóng.

Cho nên, vì những lý do này, nhiệm vụ của tôi thật khiêm tốn: không phải là thuyết phục người đọc về tính đúng đắn của nguyên nhân, mà đơn thuần là thuyết phục họ rằng có thể giải thích nguyên nhân đó. Phải mở rộng tư tưởng của bản thân. Tôi từng nghĩ lại xem mình có làm sai không.

Tin tình báo về Saddam và vũ khí hủy diệt hàng loạt hóa ra hoàn toàn sai lệch. Người ta – và chính tôi – cũng nói rằng nguyên nhân xảy ra cơ sự này vẫn là một điều bí ẩn. Tại sao Saddam lại phải ngăn cản các thanh tra viên lâu đến thế nếu ông ta không có gì phải giấu giếm? Thậm chí cả khi để họ vào Iraq, tại sao vẫn cản trở họ? Tại sao ông ta lại gây ra chiến tranh cho đất nước mình chỉ để bảo vệ một tin đồn? Liệu đó có phải là sự ngược đời? Xin dẫn lời cựu thanh tra vũ khí của LHQ, Charles Duelfer: ông ta nghĩ nước Mỹ cùng đồng minh đang khoác lác khi đe dọa sử dụng vũ lực, nhưng thực ra chúng tôi đã thành thực; còn chúng tôi nghĩ ông ta thực sự cố vũ khí hủy diệt hàng loạt trong khi ông ta lại chỉ đang khoác lác mà thôi?

Khi nhìn lại tất cả các vụ việc để phục vụ cuộc Thanh tra Chilcot, tôi đã đọc lại bản hoàn chỉnh của Báo cáo Nhóm Khảo sát Iraq từ năm 2004 và có nhiều thời gian hơn để nhìn nhận lại mục đích của nó. Được tổng hợp bởi nhóm các chuyên gia Mỹ/Anh do tiến sĩ David Kay và sau đó là Charles Duelfer chủ trì để xác định sự thật về Saddam và WMD, bản báo cáo được công bố thành hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất, khi David Kay lãnh đạo nhóm, đã kết luận rằng vào năm 2003, Saddam không hoạt động chương trình sản xuất WMD. Điều này là đề tài cho báo giới và không ngạc nhiên khi nó dẫn tới quan điểm rằng thông tin tình báo đã hoàn toàn sai lệch, rằng Saddam có chứng cứ về việc tuân thủ nghị quyết của LHQ và cuộc chiến này hoàn toàn phi nghĩa. Những thông báo do tiến sĩ Kay thêm vào hầu như đã bị bác bỏ, bao gồm cả tuyên bố cho rằng Saddam có thể còn là một mối đe dọa lớn hơn thực tế, một dấu hiệu mà ở thời điểm đó không thể giải thích được, dựa trên những kết quả thu được ban đầu.

Bản báo cáo thứ hai của Charles Duelfer không được công bố cho đến tháng 9 năm 2004. Nó nhận được ít sự chú ý hơn trước, nhưng đây vẫn là một bản phân tích hoàn chỉnh. Dưới áp lực của những thách thức trong giai đoạn ở Iraq, tôi đã không lĩnh hội được hết nó. Hơn nữa, chỉ vài năm sau đó Charles Duelfer đã xuất bản cuốn sách của mình, mô tả chi tiết việc biên soạn bản báo cáo đó. Vì mục đích của cuộc điều tra Chilcot, tôi đã nghiên cứu cả hai. Những điều không thể giải thích nổi đều đã được giải thích trong cuốn sách đó.

Đội ISG dưới sự lãnh đạo của Duelfer đã cố gắng tiến hành các cuộc phỏng vấn với những nhân sự chủ chốt của chế độ, những cộng sự hàng đầu của Saddam. Trong một quá trình đặc biệt kéo dài vài tháng, nhân viên FBI, George Piro, cũng tự mình bố trí phỏng vấn Saddam. Đội ngũ này

đã khám phá ra những băng ghi âm các cuộc họp mà Saddam đã có với các nhân viên tiền nhiệm trong đó thảo luận chương trình sản xuất WMD. Câu chuyện thực sự lại nổi lên và tài liệu này rất đáng đọc.

Về bản chất, sau khi các lệnh cấm được ban hành, chế độ của Saddam bị ép buộc nghiêm trọng. Càng thẳng càng trở nên phức tạp hơn khi con rết của Saddam tiết lộ về mối quan tâm không ngừng của ông ta tới sự phát triển WMD. Tiết lộ này được phát sóng cho toàn thế giới vào năm 1996. (Về sau người này đã được dẫn dụ quay về Iraq và bị giết hại.)

Saddam đã có một quyết định rất khôn ngoan. Từ giữa những năm 1990 trở đi, chính sách của Saddam là phá bỏ các lệnh cấm này bằng mọi giá. Chương trình WMD đang hoạt động bị đóng cửa. Tài liệu chưa bị phá hủy bởi các thanh sát viên vào năm 1991 đã bị vứt bỏ. Ông ta biết rằng mình không thể mạo hiểm sản xuất WMD và cố gắng che giấu chúng nữa.

Tuy nhiên, ông ta vẫn duy trì niềm tin tuyệt đối vào tầm quan trọng chiến lược của WMD đối với chế độ của mình và sự sống còn của nó. Ông ta tin rằng việc sử dụng vũ khí hóa học là thiết yếu để đẩy lùi những người lính Iran, những người đầy ắp nhiệt huyết tôn giáo, đã ném mình vào những làn sóng chống lại vũ lực của Iraq trong chiến tranh Iraq – Iran. Ông ta nghĩ chỉ có sử dụng vũ khí hóa học mới có thể đối phó với số lượng đông đảo của quân đội Iran. Vụ tấn công bằng hơi độc đối với người Kurd đã thổi một luồng hơi nóng không chỉ bằng quân sự mà còn bằng tâm lý với hy vọng thách thức Saddam, vì vậy những vũ khí này đã đóng một vai trò nòng cốt trong việc đàn áp cuộc nội chiến. Saddam biết rằng Iran đang tăng cường tiềm năng chế tạo vũ khí hạt nhân và tin rằng Israel đã có sẵn khả năng rồi. Đối với ông ta, việc sở hữu năng lực hạt nhân như vậy có thể phục vụ mục tiêu cơ bản: trở thành lực lượng áp đảo trong thế giới Ả Rập.

Vì vậy ông ta quyết định che giấu hoặc loại bỏ bất cứ bằng chứng nào về một chương trình chế tạo vũ khí hạt nhân, hóa học hay sinh học đang hoạt động. Tuy nhiên, những gì ISG phát hiện ra lại cho thấy đây chỉ đơn thuần là một quyết định khôn khéo để tạm treo chương trình, chứ không phải một quyết định mang tính chiến lược để hoàn toàn loại bỏ nó.

ISG kết luận:

Saddam muốn tái tạo năng lực sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt của Iraq – về cơ bản đã bị phá hủy vào năm 1991 – sau khi các hiệp ước bị dỡ bỏ và nền kinh tế Iraq dần ổn định, nhưng có thể phải dựa dẫm vào hàng loạt các tiềm năng vốn có trước đó. Saddam khao khát được phát triển năng lực hạt nhân – theo xu hướng gia tăng, bất chấp áp lực từ dư luận quốc tế và những hiểm họa cho nền kinh tế – ông ta có ý định tập trung vào các tiềm lực chế tạo tên lửa đạn đạo và vũ khí sinh học chiến thuật (CW).

Kết luận về vũ khí hạt nhân đã được chứng thực bởi Báo Cáo Butler vào tháng 7 năm 2004, mặc dù nó được viết trước bản báo cáo đầy đủ của ISG vào tháng 9 năm 2004. Báo Cáo Butler kết luận:

Từ kết quả của bản Tổng duyệt của chúng tôi và xem xét những dẫn chứng đã được ISG tìm ra và thẩm vấn nhân viên người Iraq, chúng tôi đã đi đến kết luận rằng trước chiến tranh, các nhà cầm quyền Iraq đã có chiến lược nhằm khôi phục việc theo đuổi các chương trình vũ khí cấm, bao gồm chương trình vũ khí hạt nhân nếu có thể, khi LHQ tiến hành điều tra thì chúng đã được giải tán và các lệnh cấm đã dần mất hiệu lực hoặc bị tháo gỡ.

Khi theo đuổi chiến lược này, Saddam đã quy tụ những nhà khoa học và kỹ sư cần thiết để hoàn nguyên một chương trình như thế; ông ta đã vi phạm lệnh cấm bằng việc nhập khẩu hàng hóa có hai công dụng và duy trì các phòng thí nghiệm không được tiết lộ đối với LHQ mà vốn có thể được khởi động lại để phục vụ các mục đích về WMD. Những hoạt động này được tài trợ bởi sự thao túng bất hợp pháp của chương trình đổi dầu lấy lương thực trong đó cho phép một số hoạt động bán dầu để mua thức ăn và thuốc men.

Theo những nhân viên tiền nhiệm đã phỏng vấn, thì Cục Tình Báo Iraq (IIS) đã duy trì từ năm 1991 đến 2003 một hệ thống phòng thí nghiệm được giấu kín không công khai để nghiên cứu và kiểm nghiệm các loại hóa chất và thuốc độc khác nhau. Họ đi đến khẳng định:

ISG không có bằng chứng cho thấy các nhà khoa học thuộc Ban Giám Đốc của khoa Tội Phạm Học IIS (M16) đang sản xuất CW hay BW trong những phòng thí nghiệm này. Tuy nhiên, các nguồn tin cho thấy M16 đang có kế hoạch sản xuất một vài chất CW bao gồm hơi cay sulfur, hơi cay nitrogen và Sarin.

Sự tồn tại, chức năng và mục đích của các phòng thí nghiệm không bao giờ được tuyên bố trước LHQ.

Chương trình IIS bao gồm sử dụng con người cho các mục đích thí nghiệm.

Tất cả những điều này xuất hiện trong các cuộc phỏng vấn do ISG tiến hành tất nhiên là điểm gắn kết trong các cuộc điều tra Hans Blix từ tháng 11 năm 2002 đến tháng 3 năm 2003. Đó không phải bằng chứng hỗ trợ tình báo về một chương trình WMD đang hoạt động mà chúng tôi theo đuổi vào. Vì vậy các yếu tố trên thực tế khác với những gì chúng tôi nghĩ là thật. Nhưng các yếu tố đó đã cung cấp nền tảng rõ ràng nhất có thể để đánh giá rằng hẳn thực sự là một mối nguy hiểm và đặc biệt, lời cáo buộc hẳn đang vi phạm hiến chương LHQ là hoàn toàn chính xác.

Nếu chúng tôi lui quân vào năm 2003, thì tình hình nguy hiểm vô cùng rõ ràng; các thanh sát viên LHQ do Blix dẫn đầu sẽ không bao giờ có những cuộc phỏng vấn đó; họ có thể sẽ kết luận (một cách sai lầm) rằng Saddam đã từ bỏ hy vọng về WMD; các lệnh cấm sẽ được bãi bỏ; và việc tái xác lập áp lực lên một chính quyền đã được 'dọn quang' gần như là bất khả thi. Saddam lúc đó có ý định; có sách lược; và với mức giá dầu tăng, ông ta sẽ có quyền lực kinh tế khổng lồ.

Giờ, bạn có thể tháo gỡ nhiều phần của luận đề này. Có thể ông ta đã quyết định là thực ra mình không cần đến vũ khí hủy diệt hàng loạt; nếu ông ta cố gắng phát triển chúng, có thể cộng đồng quốc tế sẽ hành động; trong bất kỳ trường hợp nào, việc đó có thể mất thời gian. Nhưng nếu bạn đọc Báo Cáo ISG, bức tranh một chính quyền có mối ràng buộc lớn nhất cũng là chính quyền bị áp chế từ bên ngoài. Bản chất của nó hoàn toàn đen tối. Ví dụ, một điểm nhỏ: những miêu tả của cuộc thử nghiệm được tiến hành trên người để nghiên cứu thuốc độc sinh học – thừa nhận phục vụ mục đích ám sát, không phải WMD.

Ý tôi ở đây không phải là thuyết phục rằng chúng tôi đã đúng khi trừ khử Saddam, mà chỉ nhằm mục đích kêu gọi những ai vốn tuân thủ sự thông thái của số đông ít nhất hãy dừng lại và suy nghĩ. Tôi không khẳng định luận đề này có thể được bác bỏ, rằng nếu chúng tôi không hành động vào năm 2003, Saddam đã có thể tái xuất mạnh mẽ hơn, cạnh tranh với Iran cả trên phương diện WMD và trên phương diện hỗ trợ chủ nghĩa khủng bố trong khu vực. Saddam rồi cũng sẽ già đi và không còn gây đe dọa nữa; và các con trai ông ta, được chuẩn bị để kế nghiệp, sẽ tiến hành cải cách.

Lập luận đạo đức chống lại những gì chúng tôi đã làm cũng tương tự, chúng liên quan đến những hỗn loạn và cái chết theo sau cuộc trừ khử Saddam. Không có đánh giá đạo đức nào có thể hoặc nên được dựa trên những thống kê toán học khô khan: đây là số những người bị Saddam giết; đây là số những người chết sau khi hắn bị lật đổ. Phép tính đó có thể gây ác cảm. Tuy nhiên, vì người ta nói quá nhiều về số người Iraq thiệt mạng sau tháng 3 năm 2003, thì một cuộc tranh luận về dẫn chứng tốt nhất chứ không phải tồi nhất nên được khởi xướng.

Với câu hỏi 'liệu Iraq ngày nay có tốt hơn dưới thời Saddam không?' câu trả lời khôn ngoan đó là: tất nhiên. Ước tính về những người chết dưới thời Saddam như sau:

- Chiến tranh Iran – Iraq, 1980-1988: 600.000 - 1,1 triệu người thương vong ở cả hai phía (Anthony Cordesman, The Lessons of Modern War (tạm dịch: Những bài học từ chiến tranh hiện đại, Tập II, trang 3);

- Chiến dịch Anfal chống lại người Kurd, 1988: gần 100.000 người chết phía Kurd; thêm nhiều người bị thương và mất tích (Human Rights Watch, 'Genocide in Iraq' – tạm dịch: Giám sát Nhân quyền, 'Tội diệt chủng ở Iraq', 2003);
- 1991 Cuộc xâm lược Kuwait / Chiến tranh vùng Vịnh: 75.000 người chết (Milton Leitenberg, 'Deaths in Wars and Conflicts in the 20th Century' – tạm dịch: Thương vong trong các cuộc Chiến tranh và Xung đột thế kỷ XX, trường Đại học Cornell, Chương trình nghiên cứu hòa bình);
- 1991 Chiến dịch/Sự trả đũa Shia: 50.000 người chết (Leitenberg).

- Các vụ giết hại vì mục đích chính trị trong các năm: 100.000 hoặc hơn (Human Rights Watch – tạm dịch: Giám sát Nhân quyền, 'Công lý cần cho các tội ác của chính quyền Iraq', tháng 12 năm 2002).

Nhưng điều này chỉ nói lên một phần của câu chuyện. Khi Saddam lên nắm quyền vào năm 1979, Iraq giàu có hơn cả Bồ Đào Nha và Malaysia. Đến năm 2003, 60% dân số sống phụ thuộc vào cứu trợ lương thực. Hàng triệu người bị suy dinh dưỡng, hàng triệu người khác bị lưu đầy. Một thống kê toàn diện về cục diện xã hội Iraq dưới thời Saddam được tiến hành. Theo LHQ, đến năm 2002 số trẻ em dưới 5 tuổi bị chết là 130/1000 ca sinh, một con số khủng khiếp hơn cả Congo. Tới năm 2007, do tác động của liên minh và sau đó là việc chính quyền Iraq giới thiệu các chương trình miễn dịch và dinh dưỡng, con số này giảm xuống chỉ còn trên 40/1000 người. Sự khác biệt này tương đương gần 50.000 – 60.000 trẻ em được cứu sống hàng năm.

Trước khi ai đó nói “à, nhưng đó là lệnh cấm”, thì họ nên nhớ rằng Saddam được tự do mua thực phẩm và thuốc men theo ý muốn. Nhưng ông ta đã chọn cách không làm vậy, để có thể đổ vấy một cách sai lầm rằng chính phương Tây đã gây ra cái chết cho trẻ em Iraq. Tại khu vực của người Kurd, mặc dù các lệnh cấm được lan tỏa tại khu vực này, nhưng tỷ lệ tử vong ở trẻ em chỉ bằng một nửa so với miền trung và miền nam Iraq.

1/3 số trẻ em ở miền trung và miền nam Iraq phải chịu đựng nạn suy dinh dưỡng kinh niên trước năm 2003. Số người tử vong do bệnh tả và viêm đường hô hấp nghiêm trọng có thể được ngăn chặn dễ dàng. Ngay cả trong cuộc chiến tranh kéo theo sau đó, giữa năm 2005 và 2007, bệnh suy dinh dưỡng cũng giảm còn dưới 1/4 so với kỷ nguyên của Saddam.

Đó là những cái chết chúng ta không bao giờ nhìn thấy; sự tàn sát mà chúng ta không bao giờ chứng kiến; nỗi đau chưa bao giờ xuất hiện trên truyền hình. Nhưng chúng đều chân thực và sống động, như những mất mát bị kịch sau khi Saddam bị tiêu trừ.

Mất mát đó là gì? Một lần nữa, 'sự thật' được gói gọn và nhanh chóng trở nên không thể bác bỏ. Người ta công bố rằng có tới 500.000 hay 600.000 người chết trong khoảng từ năm 2003 đến năm 2009. Một khi được tuyên bố, các thông tin này bị cắt xén với bối cảnh chung rồi được nhắc đi nhắc lại.

Nguồn gốc của con số này được công bố trong tạp chí y khoa Lancet tháng 10 năm 2004 vốn là một bản phân tích khoa học số thương vong ở Iraq. Con số mà họ đưa ra – 600.000 người chết – dẫn đầu các bản tin và trở nên áp đảo, được khai thác lại như một sự thực hiển nhiên. Về sau, phương pháp luận mà tạp chí dùng làm căn cứ khảo sát đã bị nghi ngờ nghiêm trọng; những con số của nó bị cáo buộc là thiếu chính xác và gây hiểu lầm; và đánh giá đưa ra đã gặp phải nhiều nghi vấn. Số liệu này là nguy tạo.

Hội Chữ thập đỏ Quốc tế, những người đã tiến hành một Cuộc điều tra chi tiết tất cả các dẫn chứng, kết luận rằng cơ quan Thống kê tử thi của Iraq, cùng với kho dữ liệu từ cuộc Khảo sát Điều kiện sống và Sức khỏe Gia đình Iraq, có thể đưa ra ước tính chính xác nhất. Viện Nghiên cứu Brookings đã tự tổng hợp số liệu và đi đến quan điểm tương đồng với cơ quan Thống kê tử thi (một nhóm phản đối chiến tranh). Các con số cùng nằm trong khoảng giữa 100.000 và 112.000.

112.000 là một con số khá lớn nhưng vẫn khác một trời một vực với con số nửa triệu kia. Tuy nhiên, kết quả của họ cho thấy đa số – khoảng 70.000 người – đã không bị quân của liên minh giết hại mà chết trong các vụ thanh toán bẽ đàng trong khoảng những năm 2005-2007 do quân nổi dậy được al-Qaeda và Iran hậu thuẫn gây ra.

Hơn nữa, điều này được đưa ra không phải để chứng minh rằng việc loại bỏ Saddam đem lại điều gì tốt đẹp hơn cho Iraq, mà là cân bằng những gì Iraq đã thực sự trải qua dưới thời Saddam và những gì diễn ra sau khi ông ta bị loại trừ.

Như vậy đây không chỉ là một trường hợp “giá như trước đây chúng ta biết được điều mà bây giờ chúng ta mới biết”. Trên cơ sở thông tin hiện tại, tôi vẫn tin rằng để Saddam lãnh quyền sẽ là một mối nguy lớn hơn tới an ninh của chúng ta thay vì loại bỏ và rằng mặc dù hậu quả rất thảm khốc, nhưng thực tế việc để Saddam và các con trai lãnh đạo Iraq sẽ mang lại những tình huống khó khăn hơn rất nhiều. Không điều gì có thể làm giảm áp lực việc chỉ trích rằng chúng tôi đã không dự đoán được bản chất của những gì có thể xảy ra một khi Saddam không còn nữa. Việc lập kế hoạch cho các hậu quả là một vấn đề gây tranh luận gay gắt. Thực tế, chúng tôi đã không dự tính vai trò của al-Qaeda hay Iran. Chúng tôi có nên làm thế hay không lại là một vấn đề khác; và nếu dự tính, thì những gì chúng tôi có thể làm trong trường hợp đó, một lần nữa, cũng là cả một thách thức to lớn.

Vì những lý do này mà tôi không thể thỏa mãn mong muốn của những người đã ủng hộ mình, những người muốn tôi nói: đó là một sai lầm nhưng là sai lầm tạo ra từ thiện chí. Những người bạn phản đối chiến tranh nghĩ tôi đang tỏ ra ngoan cố; những người khác, ít thân thiện hơn, thì nghĩ tôi bị hoang tưởng. Tôi sẽ nói với cả hai rằng: Hãy giữ tư duy cởi mở.

Trong khi tôi phải chấp nhận thực tế của những gì đã xảy ra khi loại trừ Sadda, những người có quan điểm khác phải chấp nhận rằng lẽ ra đã xảy ra thực tế rằng Saddam và các con vẫn nắm quyền ở Iraq. Nhìn vào lịch sử 25 năm cầm quyền của ông ta, liệu họ có dám nói với tôi rằng 5, 10, 15 hay 25 tiếp theo, tương lai đất nước ấy có thể sẽ sáng sủa hơn.

Tuy nhiên, tôi đang nhảy cóc. Hãy quay lại thời gian những năm 2001-2003 và bắt đầu lại. Có hai cách mô tả những gì đã xảy ra: một là xem xét bản chất của việc đưa ra quyết định; hai là xem xét trình tự thời gian của các sự kiện. Tôi sẽ bắt đầu từ bản chất của quyết định.

Trước hết, có lẽ bằng một cuộc đàm phán sơ bộ, chúng ta không nên coi giả thuyết về sự thông đồng là một phần của câu chuyện. Không có “lời nói dối” vĩ đại nào về WMD. Bạn có thể thẩm tra thông tin tình báo mà tôi nhận được trên rất nhiều website của Chính phủ. Các bản báo cáo từ Ủy ban Tình báo chung (JIC) đã được mở rộng qua nhiều năm và tất cả đều đồn đoán về một chương trình vũ khí hóa học và sinh học đang hoạt động. Có những người trong cộng đồng tình báo quốc tế tranh luận về phạm vi của chương trình, nhưng không ai tranh luận một cách nghiêm túc rằng nó có tồn tại. Nghị quyết 1441 của LHQ ban hành tháng 11 năm 2002, đã được nhất trí thông qua, cũng chỉ nói thế.

Nguyên nhân của điều này rất đơn giản. Vào năm 1981, Israel đã ném bom cơ sở nghiên cứu vũ khí hạt nhân ở Tuwaitha gần Baghdad, dựa trên bằng chứng xác đáng rằng đây là một phần của chương trình đang hoạt động và gia tăng nhằm tạo dựng tiềm năng chế tạo vũ khí hạt nhân. Chương trình sinh học và hóa học được tiếp tục. Vào năm 1988, là một phần của chính sách Ả Rập hóa, trong đó có việc đưa người Kurd ra khỏi đất nước về phía bắc của Baghdad, đã có một vài vụ tấn công bằng vũ khí hóa học vào các làng người Kurd trong đó hơn 100.000 người đã bị giết, bao gồm cả một vụ tấn công vào Halabja khiến vài nghìn người bị tiêu diệt chỉ trong vòng một ngày.

Vào tháng 3 năm 1990, phóng viên Farzad Bazoft của tờ Observer bị treo cổ, nghi là do hoạt động gián điệp về các vụ lắp đặt quân sự. Là một phần của cuộc đình chiến sau Chiến tranh Vùng Vịnh theo sau cuộc xâm lược Kuwait của Iraq, các thanh sát viên vũ khí đã được cử đến Iraq để định vị và phá hủy kho đạn hóa sinh của họ. Phải nói rằng, người ta quan tâm đến việc

sử dụng chúng đối với dân thường Iraq thì ít, mà phần lớn về tiềm năng sử dụng trong các tên lửa hỏa tiễn vốn từng được bắn vào Israel trong khoảng thời gian xung đột, dẫn đến nguy cơ sử dụng chúng trong các cuộc chiến rộng hơn trên quy mô khu vực.

Các thanh sát viên vũ khí đã liệt kê những vật liệu họ tìm thấy và cả những vật liệu họ không tìm thấy. Trong một báo cáo vào tháng 1 năm 1999, sau đó được trích dẫn rất nhiều, họ cho biết đã liệt kê một lượng lớn vật liệu WMD không được lý giải cặn kẽ.

Ngay từ đầu hành vi cản trở đã xảy ra. Vào tháng 3 năm 2003, khi xung đột bắt đầu, có ít nhất 17 lệnh cấm riêng biệt mà LHQ đã ban hành về việc Iraq từ chối hợp tác với các thanh sát viên. Năm 1998, đội điều tra đã bỏ đi để phản đối. Như tôi đã nói lúc đầu vào tháng 12 năm 1998 Tổng thống Clinton và tôi đã hợp thức hóa một cuộc không kích vào Baghdad với mục đích phá hủy các trang thiết bị. Việc làm này đã đạt được mục đích, nhưng không ai có thể đảm bảo nó có hiệu quả. Những lời đồn đoán mạnh mẽ nổi lên, rằng chương trình này vẫn tiếp tục.

Tôi không biện minh cho xung đột năm 2003, mà nhớ lại một cảm giác giờ đây đã được găm sâu trong trí nhớ, về cảnh tượng Iraq dưới thời Saddam. Chính phủ của ông ta là một nguồn bạo lực và áp chế đáng kinh ngạc đối với đất nước; và là nguyên nhân gây ra tình trạng bất ổn và xung đột trong khu vực. Một chút dư âm của việc này có thể được tìm thấy trong các báo cáo từ năm 1999.

Tình trạng nhân quyền ở Iraq đang trở nên tệ hại hơn, sự đàn áp quyền công dân và quyền chính trị vẫn không hề suy giảm. Chế độ thịnh hành với những vi phạm nhân quyền mang tính hệ thống đi ngược lại nhiều ràng buộc quốc tế của Iraq và vẫn còn là mối đe dọa với hòa bình thế giới và an ninh khu vực. (Báo cáo Tạm thời của Max der Stoel, báo cáo viên LHQ về vấn đề Iraq từ 1991-1999, tại hội nghị lần thứ 54 của cuộc họp Đại Hội Đồng LHQ [UNGA], 14 tháng 10 năm 1999).

Những vi phạm nhân quyền nghiêm trọng đang diễn ra một cách hệ thống ở Iraq trong khi chính quyền Iraq đã tận dụng mọi cơ hội để công khai nổi thống khổ của dân chúng dưới thời ban hành các lệnh cấm. Chính quyền đó đã thực hiện một hành động bùng nổ toàn diện những thông tin về hành động dã man mà lực lượng an ninh của nó đã và đang tiến hành. (Báo cáo Ân xá Quốc tế, 24 tháng 11 năm 1999).

Vấn đề là trong khi không một điều nào trong đây biện minh cho chiến tranh, thì nó lại thực sự ẩn chứa điều ngớ ngẩn của quan điểm cho rằng Bush đã đánh dấu hiệu quả một mốc mới trên bản đồ và quyết định, một cách khó giải thích, sẽ tiến tới Iraq. Đúng là những gì xảy ra trong cuộc chiến vùng Vịnh đầu tiên, khi quyết định không tiến tới Baghdad được đưa ra sau khi khai trừ Iraq khỏi Kuwait, đã ảnh hưởng tới lối suy nghĩ của Mỹ. Quyết định như thế vì một lý do chính đáng đến hoàn hảo: theo sau vụ ngừng bắn vào tháng 3 năm 1991, Saddam dẫn sâu hơn vào một cuộc đàn áp đẫm máu dân thường khiến hàng ngàn người dân vô tội bị chết và sự kìm kẹp của chính quyền quân phiệt đối với đất nước ngày càng được xiết chặt.

Thông qua chương trình đổi dầu lấy lương thực, cộng đồng quốc tế đã cố gắng giảm nhẹ đau khổ cho người dân. Một chương trình như vậy rất cần thiết bởi vì những lệnh cấm vẫn còn hiệu lực, chính xác là vì WMD và những nghi ngại khác liên quan đến Saddam. Nhưng nó không bao giờ thực sự có hiệu quả; ngân sách liên tục bị Saddam cùng các con trai và cộng sự thay nhau bòn rút. Kết quả, thực phẩm và thuốc men thường không thể lọt vào được để đến tay người dân.

Vấn đề về dầu lửa làm dấy lên một luận điệu mới: rằng tất cả mọi xung đột chỉ là vì dầu lửa. Mặc dù lý giải này nghe thật phi lý, nhưng nó vẫn có sức nặng thuyết phục và đến nay vẫn còn nhiều người ủng hộ. Thực ra, nếu dầu là mối quan tâm của chúng tôi, chúng tôi đã có thể nhanh chóng sắp đặt một thỏa thuận với Saddam. Ông ta còn có thể sẵn sàng hỗ trợ nhiều hơn vì đã gỡ bỏ các lệnh cấm và tránh được mối đe dọa từ các cuộc kiểm tra. Sau xung đột năm 2003 và theo một quy định của hiến chương LHQ, chúng tôi đã thiết lập một khung hoạt động do LHQ

quản lý để đảm bảo rằng tiền thu được từ sản xuất dầu sẽ đến được với người dân Iraq. Và ngày nay, lần đầu tiên trong nhiều thập kỷ, khoản tiền đó đang được sử dụng để tái thiết cơ sở hạ tầng cho người Iraq, trường học và bệnh viện; và là một lý do khiến bình quân GDP trên đầu người ở Iraq vào năm 2010 tăng gấp ba so với Iraq năm 2003.

Có lẽ lúc này là thời điểm thích hợp để giải quyết những cáo buộc nghiêm trọng rằng các lệnh cấm có tác dụng ngăn cản Saddam và vẫn có thể tiếp tục làm thế, do đó loại bỏ được mối đe dọa do hắn tạo ra. Vì thế, người ta lập luận, chiến tranh là không cần thiết.

Sự thật là cho đến năm 2001, khung chương trình của các lệnh cấm đã không còn thống nhất. Chính vì điều này mà các cuộc thảo luận được bắt đầu ở UNSC vào giữa năm 2001, yêu cầu một chính sách về các lệnh cấm thay thế. Saddam đã thành công trong việc lừa phỉnh người dân tin rằng các lệnh cấm có liên quan đến hoàn cảnh thống khổ của họ. Các lệnh cấm đã bị vi phạm. Hắn đã rút ra hàng tỉ đô-la mờ ám từ các dự án bán dầu.

Cuộc thảo luận tập trung vào cái được gọi là “lệnh cấm thông minh”, điều sẽ trở thành mục tiêu lớn hơn nữa. Lập luận rằng những ‘lệnh cấm thông minh’ này có thể đã khống chế Saddam không đứng vững trước phân tích tỉ mỉ hơn. “Lệnh cấm thông minh”, như ban đầu được nhận định, phụ thuộc chủ yếu vào việc những quốc gia xung quanh Iraq thay đổi chính sách và ngăn chặn việc rò rỉ hàng hóa và dịch vụ trái phép, vốn là một yếu tố chủ chốt làm suy yếu khung chương trình ban đầu. Tới lúc này, dự thảo đầu tiên của chính sách “lệnh cấm thông minh” bao gồm việc nghiêm cấm những hình thức kinh doanh như vậy và các giới hạn then chốt đối với Saddam.

Tôi không nghĩ là những lệnh cấm này đã từng có hiệu quả, ngay cả với những lệnh thay thế. Nhưng nếu không sử dụng chúng thì sẽ không còn cách nào khác. Trong khi cuộc thảo luận diễn ra, một vài quốc gia phản đối những điều khoản hà khắc hơn và chúng đã được loại bỏ. Đặc biệt, những lệnh cấm với các quốc gia lân cận đã bị loại bỏ. Theo như Kenneth Pollack viết trong cuốn sách của ông ta về chủ đề này, (The threatening storm: The case for invaliding Iraq – tạm dịch: Con Bão đe dọa: Lý do xâm lược Iraq), điều này đã biến chính sách trở thành trung lập. Ông ta nói rằng có một vài tiền đề để các lệnh cấm có thể hoạt động và kết luận rằng không điều nào trong số đó có thể xảy ra.

Không, dù đúng hay sai, chúng tôi cũng đã làm thế vì những lý do đã nêu và vì tư tưởng đằng sau những lý do này. Vậy: chúng là gì?

Nếu không có sự kiện 11 tháng 9, cuộc chiến Iraq có thể đã không xảy ra. Đôi khi người ta nghĩ điều này hàm nghĩa tôi ám chỉ Iraq là một mối đe dọa giống như Afghanistan, nghĩa là có một mối liên hệ với al-Qaeda. Nhưng thực tế không phải vậy. Đúng là một vài cá nhân trong hệ thống Mỹ đã nghĩ có tồn tại một mối liên hệ như thế. Cũng có rất nhiều thông tin tình báo cho biết al-Qaeda đã được Saddam cho phép vào Iraq vào giữa năm 2002 (với những hậu quả nghiêm trọng về sau) và rằng ông ta chắc chắn có chuẩn bị ủng hộ khủng bố, như việc chấp nhận trả tiền cho gia đình của những kẻ đánh bom liều chết người Palestine. Nhưng việc đánh giá mối đe dọa không dựa trên sự tài trợ của Saddam đối với chủ nghĩa khủng bố hay các nhóm khủng bố.

(Có một thông tin bên lề rất thú vị về điều này. Về sau nổi lên tin đồn rằng al-Zarqawi, người được ủy quyền của bin Laden, đã đến Iraq vào tháng 5 năm 2002, dự các cuộc họp với những người Iraq tiền nhiệm và thiết lập một cơ quan đại diện ở đó vào tháng 10 năm 2002. Tin tình báo này đến nay vẫn chưa bị bác bỏ. Có thể lẽ ra chúng tôi nên chú ý nhiều hơn tới tầm quan trọng của nó, nhưng chúng tôi đã quá chú ý đến việc tránh phát ngôn sai lầm về al-Qaeda và Saddam đến mức thành ra đánh giá nó quá thấp, ít nhất là về phía nước Anh.)

Mối liên hệ với sự kiện 11 tháng 9 cũng xuất hiện theo cách này. Con số thật sự từ cuộc tấn công làm 3.000 người chết – vụ tấn công khủng bố đơn lẻ tồi tệ nhất trong lịch sử thế giới – là ở chỗ nó thể hiện hệ tư tưởng của al-Qaeda về sự phá hủy không giới hạn, rằng lẽ ra con số đó có

thể là 30.000 hoặc 300.000, như chúng mong muốn. Đây không phải cuộc tấn công khủng bố được xác định nhằm đạt được mục tiêu có thể định hình và trong tầm với; nó là lời tuyên bố cho một cuộc chiến mang mục đích tôn giáo một mất một còn. Vì thế nó thuộc về một trật tự khác với bất cứ trật tự nào mà thế giới đã đối mặt trước đó.

Cùng thời điểm đó, vụ việc về WMD cũng lớn mạnh dần. Một lần nữa, lịch sử được viết lại để áp đặt mẫu hình tệ nhất có thể lên hành động đã diễn ra, hầu như có vẻ toàn bộ sự việc về WMD đã trở thành hành động can thiệp thuận tiện để biện minh cho một quyết định vốn đã được đưa ra. Thực ra, vấn đề làm giàu – và không chỉ làm giàu hạt nhân mà cả các vũ khí hóa học và sinh học – chính là nguồn gây ra căng thẳng leo thang thậm chí trước cả sự kiện 11 tháng 9. Vô số hiệp định và hiệp ước được ban hành thiếu tính bắt buộc. Những hoạt động của A. Q. Khan, nhà khoa học Palestine - người đã đưa Pakistan vào tình trạng chạy đua sử dụng vũ khí hạt nhân, là chủ đề trong nhiều cuộc thảo luận, tranh cãi và quan ngại sau cánh gà của giới tình báo. Công nghệ của ông ta rao bán. Chúng tôi chắc chắn rằng một số quốc gia như Lybia có sở hữu các chương trình hóa học hoặc sinh học hoặc hạt nhân đang hoạt động.

Sau ngày 11 tháng 9, người ta suy nghĩ thế này: nếu những nhóm khủng bố có thể tăng cường tiềm lực WMD, liệu họ có sử dụng nó không? Dựa trên dẫn chứng về ngày 11 tháng 9, thì câu trả lời là có. Vậy làm sao chúng ta có thể đóng cửa các hoạt động này? Làm sao chúng ta có thể gửi một thông điệp rõ ràng và sống động tới những quốc gia đang phát triển hay có thể sẽ phát triển loại tiềm lực đó rằng họ nên dừng lại? Làm sao chúng ta có thể cho thấy việc coi thường ý chí của cộng đồng quốc tế sẽ không được nhân nhượng thêm nữa?

Xét về mặt này, có một sự khác biệt không hữu dụng mà cũng chẳng khôn ngoan đang ngày càng phát triển. Thông thường và trước hết đối với trường hợp của Iraq, người ta sẽ nói: bạn đang theo đuổi sự thay đổi thể chế, hay là vũ khí WMD? Câu trả lời thực sự là một mặt, đây là những câu hỏi riêng biệt, nhưng mặt khác, tất nhiên, hai câu đó lại có liên quan tới nhau. Nếu Iran là một quốc gia dân chủ được lãnh đạo tốt đang có quan hệ hòa hảo với thế giới và đang muốn tăng cường tiềm lực về chế tạo vũ khí hạt nhân, thái độ của chúng tôi sẽ rất khác. Chúng tôi sẽ vẫn quan tâm và vẫn phản đối, nhưng ngữ cảnh của nguy cơ và mối đe dọa có thể được thay đổi đáng kể. Và nếu là quốc gia dân chủ, họ có thể đã không tìm kiếm một tiềm lực như thế. Nói cách khác, sự dự đoán nguy hiểm được phần nào điều khiển bởi sự đánh giá đối với chế độ cầm quyền. Theo một nghĩa rất sâu sắc, người ta đã tìm ra và đánh giá những tham vọng với WMD và đánh giá được những nguy cơ của nó chính trong chế độ của Saddam.

Một ví dụ cho lối tư duy rối ren này có thể được tìm thấy ở việc liên tục thông báo rằng trong khi nước Mỹ có chính sách thay đổi chế độ, nước Anh lại có chính sách liên quan đến WMD. Vì thế, người ta nói rằng, chúng tôi đang ở hai mặt khác nhau của một lập luận và cuối cùng nước Anh đã được kéo dần về phía lập trường của nước Mỹ.

Việc tham khảo Đạo luật Giải phóng Iraq năm 1998 do Tổng thống Clinton thông qua sẽ có tác dụng cung cấp thêm thông tin. Vào lúc đó, chính sách của Mỹ trở thành vấn đề thay đổi chế độ, nhưng nếu vậy – như đã nói rõ trong Đạo luật – là do vấn đề WMD và sự vi phạm hiến chương LHQ của Saddam. Nó không liên quan tới tư tưởng đạo đức chống lại Saddam; chính xác là nó nhằm giải quyết mối đe dọa WMD và làm khơi dậy ý chí của cộng đồng quốc tế thông qua hành vi bất tuân của hắn.

Vì thế, trong lúc hậu quả của ngày 11 tháng 9 còn dấy lên trên thế giới và tôi, trong vai trò người lãnh đạo, đang dự tính những nguy cơ tiềm ẩn trong tương lai, khả năng những kẻ khủng bố phát triển được WMD luôn thường trực trong tâm trí tôi.

Đúng là, trên một số khía cạnh, bạn có thể nói rằng những nhóm như al-Qaeda và các chế độ như chế độ của Saddam không nằm trên hai mặt đối lập. Al-Qaeda nhằm vào các Chính phủ và thường là những Chính phủ trong thế giới Ả Rập. Các Chính phủ – và đặc biệt là những nền dân chủ độc tài – từ xưa đã không thích và không tin tưởng những kẻ hoạt động bên ngoài tầm ảnh

hưởng của họ. Chủ nghĩa cuồng tín có hai cho hệ thống trị vì thông qua luật lệ được áp đặt bằng nắm tay sắt. Tất cả những điều này đã đúng và hiện vẫn đúng.

Nhưng tôi nghĩ rằng mình có thể nhìn sâu xa hơn, rằng ở một mức độ nhất định, dưới vẻ bề ngoài, vẫn có một liên minh được hình thành giữa những nước yếu thế và các nhóm khủng bố. Có một kẻ thù chung: phương Tây và các đồng minh của họ trong thế giới Ả Rập và đạo Hồi. Họ có chung một nỗi sợ hãi đối với văn hóa, thái độ và tư tưởng của người phương Tây. Điều này cũng có lý, vì sự dung nạp tư tưởng đó chính là mối đe dọa về vật chất đối với họ. Có một lý do khiến Saddam và tất cả các lãnh đạo Ả Rập đều kháng kháng chống lại bước đầu kiến thiết nền hòa bình cho người Saudi, được thiết lập bằng lòng dũng cảm của Thái tử Abdullah vào năm 2002. Hòa bình giữa Israel và Palestine là mối đe dọa với tất cả những người cực đoan, giống như ngày nay. Lẽ ra nó có thể mang ý nghĩa cùng tồn tại nhưng với những nhóm người như al-Qaeda, đây lại là một lời nguyền. Còn với những chế độ như của Saddam, đó là mối đe dọa. Một khu vực bình ổn, trên công cuộc cải cách, sẽ không phải là một khu vực dễ cai trị đáp ứng được ý nguyện của Saddam và các con trai mình.

Việc có chung một kẻ thù đã được củng cố bởi một loạt thái độ: sự thờ ơ đối với mạng sống con người; sự biện minh cho việc giết người hàng loạt để đạt được những mục đích đáng ghê tởm đối với hầu hết mọi người; và sự hào hứng viển vông tôn giáo và lịch sử của đạo Hồi để theo đuổi những mục đích như vậy.

Liệu một người như Saddam có muốn al-Qaeda trở nên lớn mạnh trong phạm vi Iraq? Chắc chắn là không. Liệu ông ta có chuẩn bị sử dụng họ bên ngoài Iraq? Rất có thể. Liệu có một nguy cơ thực sự của hành vi làm giàu vũ khí, không chỉ từ Iraq mà còn ở những chỗ khác, lọt vào các nhóm khủng bố vốn không hề chống đối việc sử dụng WMD? Chắc chắn, tôi đã nghĩ như vậy.

Thực ra, tôi vẫn nghĩ vậy. Đã bao lần tôi nghe thấy, xét về phía Chính phủ Iran, có người nói với tôi rằng người Shia sẽ không bao giờ hình thành liên minh với các nhóm người Sunni ở Trung Đông? Nhưng khi họ phát hiện ra rằng nó phục vụ một mục đích chiến lược, họ thực hiện – vì họ chia sẻ với những nhóm này niềm thích thú với tình hình bất ổn và sự căm ghét những giá trị ‘phương Tây’, điều mà họ xem như là một mối đe dọa lâu dài đối với sự khống chế quyền lực của mình.

Tôi cũng cảm thấy Trung Đông nên được xem như là một khu vực mà những vấn đề của nó liên quan mật xích với nhau và gặp phải thách thức cơ bản: đất nước này đang cần cấp thiết một quá trình hiện đại hóa. Nó là sự hòa trộn đáng báo động của các thành phần gây nguy hiểm: một quan điểm lầm lạc về tương lai; một câu chuyện về đạo Hồi hiểu theo nghĩa tốt nhất là không đầy đủ và theo nghĩa xấu nhất là nguy hiểm; và được cai quản bởi những chính quyền lẽ ra có thể là đồng minh của phương Tây nhưng hóa ra lại nằm dưới áp lực nội bộ nặng nề. Các nhà lãnh đạo thường có động cơ tốt, nhưng lại cố xúi những hệ thống bất ổn sâu sắc đến hiển nhiên. Vì thế các nhà lãnh đạo có thể rất cởi mở với phương Tây, nhưng xã hội của họ lại không thế. Cuộc đàm luận giữa những lãnh đạo trong thế giới đó và trong thế giới của chúng tôi có thể đi đến thống nhất về nhu cầu nhổ sạch tận gốc rễ chủ nghĩa cực đoan, nhưng cuộc chuyện phiếm trên đường phố của họ lại thường xuyên đại diện cho chủ nghĩa cực đoan đó.

Điều này được minh họa bằng thái độ với Israel. Các nhà lãnh đạo về cơ bản đều muốn hòa bình. Điều trước kia từng được dùng như một lời kêu gọi giờ đây lại trở thành khó chịu và hơn nữa trở thành một nguồn bất mãn nội bộ. Trong khi có lúc họ muốn tận dụng vụ việc, nhưng giờ chỉ muốn xử lý nó, “quét” nó khỏi đường đi, khỏi chương trình nghị sự. Và mặc dù tại thời điểm đó, Iran được xem là ít gây đe dọa hơn (một điểm họ sẽ đưa ra để chống lại cuộc chiến Iraq), thậm chí từ lúc đó đã có một sự lo lắng không ngừng về tầm ảnh hưởng và ý định của Iran. Họ có thể không thích Israel, nhưng không bao giờ lo sợ nó. Iran là một nỗi lo âu của tất cả những trật tự khác.

Nhưng, dù chỉ đọc lướt các tiêu đề báo chí địa phương ở Ả Rập cũng cho thấy, ở mức độ đường

phổ và giữa những bài bình luận của giới tri thức, Israel bị căm ghét. Nó trở thành một phương tiện để truyền dẫn nhu cầu thay đổi chủ quan, bằng cách tập trung năng lượng và cam kết chính trị vào một mục đích khách quan, một sự bất công không chỉ với người Palestine mà cả với đạo Hồi ở bất cứ đâu, một bằng chứng quan trọng và bền bỉ cho thấy phương Tây không thân thiện với lợi ích của người theo đạo Hồi và với chính đạo Hồi.

Như tôi đã lập luận trên đây, sự kết hợp dễ gây kích động nhất mà giới chính trị biết đến là một dân tộc phải đối mặt với lựa chọn giữa Chính phủ không dân chủ nhưng có tư tưởng đúng và phong trào phổ biến có tư tưởng sai. Sự lựa chọn đó luôn luôn xuất hiện trong và ngoài phạm vi khu vực. Trong trường hợp của Saddam, điều này gần như đảo lộn, có nghĩa là tầm ảnh hưởng của hắc trong khu vực vừa tiêu cực vừa phản tiến bộ với những người muốn đưa người dân của họ vào cuộc hành trình tới tương lai như nhiều nước vùng Vịnh.

Tôi nhìn vào tình hình khu vực và cảm thấy các cơ hội cho một cuộc thay da đổi thịt chắc chắn là không cao, thậm chí còn tệ hơn nếu Saddam vẫn còn quyền lực. Tôi chưa bao giờ thực sự hiểu thuật ngữ ‘neocon’ nghĩa là gì. Trước sự sùng sốt của tôi, người ta giải thích rằng: Nó có nghĩa là sự áp đặt nền dân chủ và tự do, điều mà tôi cho là kỳ cục vì nó giống như bản chất đặc trưng của sự “bảo thủ”. Nhưng qua phân tích, nó thực sự là một quan điểm cho rằng sự đổi mới toàn bộ là bất khả thi, rằng khu vực cần được tái sắp xếp một cách cơ bản.

Thông điệp liên bang của George Bush vào tháng 1 năm 2002 nổi tiếng với nhận định về “trục ma quỷ”, nối Iran, Iraq, Syria và Bắc Triều Tiên với nhau. Nó cho thấy nước Mỹ đã quyết tâm thay đổi thế giới, chứ không chỉ lãnh đạo nó; và, như trường hợp Afghanistan đã minh chứng, có thể huy động vũ lực nếu cần.

Từ phương diện của tôi, có hai điểm bất lợi đối với cách thể hiện luận đề của những người ủng hộ thông điệp này. Thứ nhất, bằng cách gói nó trong ngôn ngữ đảng phái – “neocon” – nó sẽ gây ra những vấn đề hiển nhiên cho những người đến từ phe tiến bộ trong giới chính trị, như tôi chẳng hạn. Thứ hai, như đã nói trong bài diễn thuyết tại hội nghị tháng 9 năm 2001, tôi tin rằng hiến chương về vấn đề của người Palestine có tầm quan trọng chiến lược đặc biệt để giải quyết cuộc chiến ở quy mô rộng này. Nó không châm ngòi cho chủ nghĩa cực đoan, nhưng việc giải quyết nó có thể ảnh hưởng đến toàn bộ cục diện của trận chiến loại bỏ nó.

Tuy nhiên, khi đặt các vấn đề này sang một bên, tôi đã đi đến cùng một kết luận từ lập trường tiến bộ, giống với George từ lập trường bảo thủ, rằng khu vực này cần một sự thay đổi cơ bản và sự thay đổi này phải mang một tính chất mới. Vào những năm 1980, chúng tôi đã trang bị vũ khí cho Saddam vì chúng tôi có những kẻ nổi loạn ở Afghanistan, để có thể ngăn chặn Iran và Liên Bang Xô Viết. Đây là một bước tiến khôn ngoan nhưng lại là một sai lầm trong chiến thuật. Nhưng lần này, chúng tôi sẽ mang lại dân chủ và tự do, trao lại quyền lực cho người dân, giúp họ xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn. Chúng tôi sẽ không đem đến những chủ nhân mới, mà đem đến cơ hội để họ trở thành chủ nhân, cũng giống như nhân dân của chúng tôi là chủ nhân của chúng tôi vậy.

Và chẳng phải chúng tôi đã chứng minh lý tưởng đó thực tế có thể đạt được hay sao? Ở Afghanistan người ta đang chuẩn bị cuộc bầu cử đầu tiên và Taliban ở thời điểm đó dường như đã bị trục xuất hoàn toàn. Trọng nhiệm kỳ đầu tiên của tôi, chúng tôi đã lật đổ Milosevic và thay đổi bộ mặt của Balkans. Ở Sierra Leone, chúng tôi đã cứu và sau đó giúp bình ổn nền cộng hòa sau những thiệt hại từ các cuộc chiến tranh kim cương. Chúng tôi có sức mạnh quân đội của nước Mỹ, chưa kể đến Anh và các nước khác. Saddam không có đường nào để chống trả: hắc chỉ có thể chịu thua, hoặc ra đi một cách tự nguyện, hắc nên biết rằng lựa chọn còn lại là sự tiêu trừ không tình nguyện.

Vì vậy, nếu có một thông điệp cần gửi về sự phản đối của cộng đồng quốc tế, nó nên được gửi cho Iraq. Nếu có một chính quyền có bản chất đáng lên án và thiên hướng gây xung đột quá rõ ràng, đó sẽ là chính quyền của Saddam. Nếu có một dân tộc đang cần được giải phóng, chắc

chấn đó là Iraq.

Chuyện hóa ra không diễn ra theo cách đó. Chính xác là vì gốc rễ của cuộc chiến trên quy mô rộng hơn này bắt nguồn rất sâu, chính xác vì nó là một cuộc chiến bản năng sống còn giữa những người theo thuyết hiện đại hóa và những kẻ phản động, chính xác là vì điều đã và đang trên bờ vực của đổ vỡ chính là toàn bộ tương lai của đạo Hồi – căn nguyên cho niềm tin, câu chuyện của nó về chính mình và ý thức về vị thế của nó trong thế kỷ XXI – chính xác là vì tất cả những điều này, không thể có chuyện những thế lực phản đối hiện đại hóa và cũng là phản đối chúng tôi, lại có thể buông tha lãnh thổ của họ một cách dễ dàng. Họ sẽ chiến đấu như thể sự tồn tại của họ phụ thuộc vào nó, bởi vì nó đã và đang phụ thuộc. Hãy để những giá trị của nền dân chủ tự bắt rễ; hãy để sự phát triển do phương Tây đầu tư giúp đất nước thịnh vượng; giúp cho người dân ở chính thế giới Ả Rập nhìn thấy lợi ích khi sự hiện đại tiếp cận công việc đại, niềm vui và cuộc sống và câu chuyện về phương Tây như những kẻ thù, những kẻ vô đạo, phải sụp đổ và được nhìn nhận như một điều nhảm nhí phục vụ những kẻ tư lợi.

Và chúng sẽ chiến đấu, sử dụng một vũ khí mà hầu như bất cứ Chính phủ nào, ngay cả Chính phủ có truyền thống lâu đời nhất, cũng không thể đối phó: nạn khủng bố. Sự thật là tình trạng nổi loạn giữa những nhóm người Sunni, chưa kể đến một số vụ tấn công khủng bố có nguy cơ cao được xen vào, tuy phá hoại nhưng vẫn có thể kiểm soát. Điều đã thúc đẩy cơn đại hồng thủy này và gần như bẻ đôi đất nước chính là những cuộc tấn công khủng bố bừa bãi do al-Qaeda cầm đầu ở các chợ, các khu mua sắm và thậm chí ở chính các nhà thờ Hồi giáo, giết hại số lượng lớn những dân thường vô tội, làm lan tỏa nỗi sợ hãi và hoảng loạn; kết thúc bằng những vụ tấn công chọn lọc đặc biệt hướng vào những đền thờ và thánh địa của người Shia và chính dân thường Shia. Những cuộc tấn công đó được thiết kế để đổ thêm dầu vào ngọn lửa chia rẽ bè phái.

Nếu để riêng lẻ, chính khủng bố cũng có thể bị đánh bại. Nhưng điều đã tiếp thêm cho nó sức mạnh hủy diệt đó là nạn khủng bố kết hợp với sự hình thành tầm ảnh hưởng của Iran giữa những nhóm người Shia cực đoan và cuối cùng với al-Qaeda, những người đã sử dụng khủng bố và sau đó là những thiết bị phát nổ ứng biến (IED) để chống lại Anh, Mỹ và các lực lượng khác, dẫn tới sự suy giảm lực lượng trợ giúp cho toàn bộ chiến dịch. Chúng tôi lẽ ra đã có thể bắt đầu chiến đấu với Saddam; nhưng cuối cùng chúng tôi lại phải đối phó với chính những lực lượng phản ứng mà chúng tôi đang chiến đấu ở mọi nơi trong khu vực, bên ngoài khu vực và thậm chí trên chính đường phố của chúng tôi.

Nói cách khác, nếu để một mình, đất nước có thể đã tự xoay sở. Điều khiến cho nhiệm vụ trở nên khó khăn hơn, thậm chí gần như bất khả thi, chính là những hoạt động của thế lực bên ngoài, khẳng khẳng đẩy mạnh sức tàn phá và sự náo loạn. Cả al-Qaeda và Iran đều biết điều gì ở Iraq đang gặp nguy hiểm. Nhưng không ai trong số họ để yên cho đất nước đó tự bình ổn mà không cần chiến tranh và đến khi ý chí của chúng tôi suy yếu, ý chí của họ lớn mạnh. Sau đó nhờ quyết định thúc đẩy mạnh mẽ của Bush – mà thể cân bằng của ý chí chiến thắng mới được chuyển lại về phía những lực lượng dân chủ và hiện đại hóa.

Cục diện vấn đề thực sự rất khó khăn, khó khăn hơn sức tưởng tượng của bất cứ ai. Tuy nhiên, những hậu quả sau chiến tranh đã ‘chứng tỏ’ rằng việc tiêu trừ Saddam là sai. Chúng tôi loại bỏ Saddam. Người dân được trao cơ hội về một quá trình dân chủ được LHQ bảo trợ và một khoản tiền lớn để xây dựng đất nước của mình. Họ muốn nhận nó và tỏ rõ nguyện vọng qua cuộc bầu cử. Tuy nhiên, việc loại bỏ Saddam lại cho các lực lượng khủng bố và chống dân chủ một cơ hội phá hủy đất nước. Điều này gây ra một cuộc chiến đẫm máu. Vì thế, người ta cho rằng hãy để Saddam đó. Do đó, người Iraq, hơi giống với người Afghanistan, được tặng một lựa chọn: bị cai trị bởi kẻ độc tài tàn bạo mà họ đang có, hay bị thống trị bởi những kẻ khủng bố, những kẻ sẽ ban hành nền độc tài của riêng mình. Vì vậy họ có thể phải sống dưới một nền chuyên quyền muôn thuở hoặc một nền cai trị bằng tôn giáo.

Như một người Iraq đã nói với tôi trong chuyến thăm tới Baghdad ngay trước khi tôi rời sở

nhiệm: “Vây ý các ông (ý chỉ các nhà phê bình phương Tây) là: Chúng tôi có thể có Saddam hay bị những kẻ khủng bố thống trị; tại sao chúng tôi không thể có những gì các ông có? Đương nhiên chúng tôi đã phải đánh bại Saddam; giờ chúng tôi phải đánh bại khủng bố. Nhưng bắt buộc phải có một lựa chọn tốt hơn cho tương lai của chúng tôi”.

Rắc rối ở chỗ kẻ thù mà chúng tôi đang chiến đấu ở Iraq và Afghanistan đã tìm ra một khía cạnh rất quan trọng trong tâm lý người phương Tây hiện đại: chúng tôi muốn các cuộc chiến của mình diễn ra ngắn gọn và thành công. Nếu chúng đẫm máu, kéo dài và thiếu chắc chắn, ý chí của chúng tôi sẽ suy yếu. Đặc biệt, sự mất mát của những người lính đã làm chúng tôi thoái chí và tuyệt vọng. Thay vì khơi gợi những cảm xúc tức giận, quyết tâm hay thậm chí là báo thù, nó gợi lên cảm giác về một nỗi đau không xứng đáng, về một cuộc chiến nặng trĩu thương đau. Và tất nhiên trong kỷ nguyên truyền thông đại chúng ngày nay, nó được phát đi ngay lập tức, trong đời thực – và trong đời thực, chiến tranh chưa bao giờ là một điều gì khác ngoài sự kinh hoàng. Mĩa mai thay, người cuối cùng ngã lòng chính là những chiến binh, những người lính tình nguyện gia nhập quân đội và những người muốn quân đội sẵn sàng chiến đấu. Nhưng công luận đã quá mệt mỏi, cảm xúc của họ cạn kiệt còn tinh thần thì suy sụp. Kết quả của cuộc chiến ở Iraq kéo theo sự sa sút ý chí chết người và chỉ có thể được phục hồi bằng quyết tâm nhảy vọt để tránh rơi xuống vực thẳm ở người Iraq.

Thực tế là, ở Iraq đã tồn tại hai xung đột: một xung đột tương đối ngắn nhằm loại bỏ Saddam và một xung đột kéo dài nhằm giải quyết những hậu quả sau chiến tranh do các hoạt động gây bất ổn của khủng bố gây ra. Chính ở xung đột thứ hai này, vô số thương vong khủng khiếp đã xảy ra, cả với những dân thường vô tội theo đạo Hồi ở Iraq và cả với lính Mỹ, Anh cũng như quân đồng minh. Nhưng nhượng bộ một hành vi khủng bố được tuyên truyền rộng rãi và hướng dẫn tỉ mỉ như vậy có thể gây ra một thoái trào mang tính thảm họa, khơi mào cho một cuộc chiến lớn hơn.

Vì thế lập luận này đã gây tranh cãi dữ dội vào lúc đó và vẫn còn gây tranh cãi đến tận bây giờ. Lịch sử sẽ đưa ra phán quyết cuối cùng. Còn tôi không tìm kiếm thỏa hiệp mà chỉ tìm kiếm sự thấu hiểu rằng các lập luận ủng hộ và bác bỏ đã và đang tỏ ra cân bằng hơn những gì mà sự thông thái phổ biến gợi mở.

Đây không phải là Suez, nơi mà vào năm 1956 Anh và Pháp đã đi ngược lại ý muốn của Mỹ, tìm cách lật đổ Nasser nhưng thất bại. Đây cũng không phải Việt Nam, nơi cuộc chiến chính nghĩa xảy ra và những người nổi dậy giành được phần thắng.

Ảnh hưởng tới các chính quyền khác tại thời điểm hành động chính là điều bị lãng quên trong tất cả những điều ồn ào xung quanh cuộc chiến ở Iraq. Vào đầu năm 2003, Lybia bắt đầu đàm phán để loại bỏ hoàn toàn chương trình hạt nhân và hóa học, cuối cùng đã tập hợp và tiêu hủy toàn bộ chúng. Vào tháng 10 năm 2003, lần đầu tiên kể từ tháng 8 năm 2002, Iran, ban đầu bị bất ngờ trước hành động của Mỹ, đã quay lại bàn đàm phán về chương trình hạt nhân của mình. Bắc Triều Tiên quay lại các cuộc đối thoại sáu bên theo yêu cầu của Tổng thống Bush. Các hoạt động của A. Q. Khan đã trở thành mục tiêu của phong trào cấp tiến của Chính phủ Pakistan và cuối cùng phải đóng cửa. Những kẻ làm giàu và cung cấp vật liệu WMD đã ngay lập tức co vùi lại. Hậu quả bất lợi từ thái độ không khoan nhượng của người Mỹ rất phổ biến, nhưng cũng có cả những kết quả quan trọng và ôn hòa. Người ta đoán rằng Bush đủ bản lĩnh để làm bất cứ điều gì nên họ cần trọng hơn. Như tôi được biết từ các cuộc nói chuyện riêng với các nhà lãnh đạo trong thế giới Ả Rập, phản ứng của họ vào lúc đó, dù công chúng đang ở vị trí nào, cũng là thái độ ngầm chấp thuận đối với một nước Mỹ tỏ ra không chấp nhận mưu đồ đen tối của bất cứ ai. Khi xung đột tiếp tục và tâm trạng dân chúng thay đổi, sự đồng thuận cũng thay đổi theo; nhưng họ không bao giờ muốn một Tổng thống Mỹ yếu đuối. Họ hiểu rõ khu vực của mình và cũng đôi chút lo sợ rằng điều Mỹ có thể làm không phải là điều xấu.

Trình tự thời gian của các sự kiện dẫn tới tháng 3 năm 2003 được đánh dấu bởi sự hình thành xung đột diễn ra một cách ổn định. Trạng thái tâm lý của người Mỹ từ sau sự kiện 11 tháng 9 đã thay đổi triệt để và cơ bản. Chủ nghĩa cực đoan nằm trong đạo Hồi, dựa trên sự xuyên tạc sự thật của nó, đã tuyên bố chiến tranh với Mỹ. Thậm chí hơn cả những người đứng ngoài như tôi, giới chức Mỹ hiểu rõ: chúng tôi phải có một cái nhìn mới mẻ hoàn toàn đối với thế giới. Những nước nuôi chứa hay cứu viện cho khủng bố chính là những kẻ thù tiềm năng hay các nước tham gia vào hoạt động WMD cũng vậy. Khả năng hai phe này quy về một mối – những kẻ khủng bố và những quốc gia được gọi là ‘hai mặt’ cùng phát triển vũ khí hạt nhân, hóa học hay sinh học – là một nguy cơ lớn khó lường trước được. Trong một động thái ít được biết đến tại hội nghị G8 năm 2002, các quốc gia chủ chốt đã nhất trí sử dụng hàng tỉ đô-la để bảo vệ hoặc loại bỏ những kho sản xuất WMD trước kia của liên bang Xô Viết. Mỗi quốc gia đều đồng ý triển khai và trên thực tế đã triển khai Đạo luật chống khủng bố đầy đủ, xiết chặt điều luật về rửa tiền có thể được liên kết với hoạt động thương mại trong khủng bố hay WMD và chống lại bất cứ nhóm nào có âm mưu xúi giục, thúc đẩy chủ nghĩa cực đoan.

Trong cuộc họp đầu tiên với George vào tháng 2 năm 2001 ở trại David, vấn đề Iraq đã được nêu lên nhưng không có thái độ thúc bách trong bối cảnh ban hành sắc lệnh trừng phạt mà tôi nói trên đây. George đã xác định thiết lập một nền tảng quyền lực cánh tả ở Mỹ, có khả năng giúp ông ta duy trì qua hai nhiệm kỳ và được tập trung đặc biệt vào giáo dục và cải cách thuế. Chúng tôi tiến hành khá thuận lợi, nhưng cũng khá thận trọng. Thực ra, Cherie có lẽ đã làm việc đó suôn sẻ với Laura Bush hơn là tôi làm với George lúc đầu. Tôi có thiện cảm với Laura ngay lập tức – Đệ nhất phu nhân là người khiêm tốn, không giả tạo, nhưng ẩn chứa sức mạnh thực chất rất dễ nhận ra dưới vẻ bề ngoài. Việc được đón nhận vào một gia tộc quyền lực như vậy hẳn không dễ dàng và Barbara hẳn phải là một bà mẹ chồng rất nghiêm khắc (dù rằng vẫn còn đáng yêu hơn hẳn hình ảnh đôi khi được thể hiện trước công chúng). Laura sở hữu niềm tin thầm lặng và sâu lắng vào bản thân, điều đã tạo cho bà sự cứng rắn, gai góc khi đối mặt với những thử thách phía trước.

George rất hài hước, khiêm tốn và tự nhiên một cách vô cùng cuốn hút, nhưng thật sự ông ấy khá bảo thủ trong khi tôi lại khá cấp tiến. Chúng tôi hiếm khi thống nhất được với nhau về một vấn đề xã hội nào đó; về vấn đề biến đổi khí hậu, chúng tôi thậm chí ở hai thái cực đối lập.

Đó không phải lần đầu tiên tôi đến Trại David – tôi đã từng đến đó với Bill, nhưng điều này cũng khiến việc đó trở nên kỳ quặc. Lần trước, Bill và tôi đã ngồi dưới ánh nắng mặt trời tháng 2 năm 1998, tranh luận xem làm thế nào để trung tâm cánh tả có thể tự đưa mình thoát khỏi tình trạng vĩnh viễn thiếu hụt những bút phá quyền lực ngăn ngui trong một Nhà nước bảo thủ quá bình lặng. Đây chính xác là kiểu đối thoại đầy nhiệt huyết, có tính trí tuệ và nhận thức mà Bill yêu thích và tôi liên tục học hỏi thêm được từ ông, bổ xung thêm phân tích của riêng mình và liên tục ngạc nhiên xen lẫn can đảm hơn mỗi khi suy nghĩ của chúng tôi tương đồng.

George không hề như vậy, điều này không phải là do ông ấy không thông minh; trái lại ông là người rất thông minh. Một trong những bức biếm họa lồ bịch nhất về George đó là bức vẽ thể hiện ông trong vai một kẻ ngốc sẩy chân rơi vào chức Tổng thống. Không có ai lại “sẩy” chân rơi vào một vị trí như thế và lịch sử của các cuộc tranh cử Tổng thống ở Hoa Kỳ được rải đầy những thất bại của những người thông minh nhưng thua cuộc bởi trên chính trường, thông minh thôi thì không đủ. Không ai kém thông minh lại có thể sống sót qua thử thách của cuộc tranh đấu tay đôi trong chín tháng bầu cử vốn thường kéo theo vài năm cố gắng cật lực. Điều này cũng tương tự như chính trị ở Anh, nhưng thêm một lý do khác: Các cuộc chất vấn của bộ trưởng. Một kẻ ngốc không thể sống sót sau một phiên họp. Để sống sót và ngẩng cao đầu trong một khoảng thời gian dài – giả dụ một năm là lãnh đạo Phe đối lập – bạn phải thông minh, vượt qua một bài kiểm tra trí tuệ cơ bản một cách xuất sắc, nếu không, bạn sẽ bị ăn tươi nuốt sống.

Nhưng để thành công trên chính trường Mỹ hay Anh, bạn cần không chỉ sự thông minh mà phải có khả năng kết nối và lí giải chính xác sự kết nối đó bằng ngôn ngữ đơn giản. Sự đơn giản của

ngôn ngữ dẫn người ta đến việc bỏ qua phần trí tuệ trong đó. Reagan rất thông minh. Thacher rất thông minh. Và đôi khi sự đơn giản thuần túy lại chạm đến một điều rất khác – sự đơn giản – sản phẩm của một bản chất quyết đoán. Sự đơn giản đó có thể thúc đẩy; hoặc cũng có thể bỏ qua sự phức tạp của vấn đề; và có thể, tất nhiên, đôi khi dẫn tới một quyết định sai lầm. Nhưng nó không sinh ra từ sự thiếu trí tuệ. Bạn có thể làm sáng tỏ một quyết định và hành động trong những trường hợp yêu cầu sự minh bạch như thế, vừa mạnh mẽ vừa bổ ích. Có những nhà lãnh đạo trần trụi quá nhiều; những người muôn đời suy đi tính lại; những người mà sự cân nhắc của họ có thể trở thành cái kết cho chính nó và sự thay thế cho tính minh bạch của quyết định. Tất nhiên việc suy nghĩ trước khi làm là rất tốt, nhưng quá trình suy nghĩ cũng cần một thời lượng nhất định và ngay sau đó phải là hành động. Điều này vốn đã đúng, nhưng nó còn đúng hơn nữa bởi vì khi lãnh đạo một đất nước, hay thực ra khi lãnh đạo bất cứ một tổ chức nào, chậm trễ trong việc đưa ra hành động là một việc làm để lại nhiều hậu quả. Không hành động là một quyết định nhằm duy trì hiện trạng. Việc duy trì hiện trạng cũng có kết quả nhất định và thường có cả ý đồ riêng. Vì vậy việc loại bỏ Saddam có một hệ quả khổng lồ. Không loại bỏ ông ta cũng không vì thế mà tránh được hệ quả. Chúng ta có thể tranh luận về bản chất của hệ quả xem nó có thể sâu sắc tới mức nào, nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, hệ quả xảy ra là tất yếu.

George có một sự đơn giản tuyệt đối trong cách nhìn nhận thế giới. Dù đúng hay sai, nó cũng dẫn tới lối lãnh đạo quyết đoán. Bạn có thể bất đồng gay gắt với các quyết định, nhưng bạn phải biết rằng điều đối lập cũng có những vấn đề của riêng chúng.

Khi chúng tôi ngồi ngoài tòa nhà chính của trại David, trên ban công dưới ánh mặt trời tháng 2 và nói chuyện trên cơ sở 'tìm hiểu lẫn nhau', tôi thấy George khác Bill một trời một vực nhưng cũng rất cương quyết, rõ ràng và biết chính xác mình muốn gì.

Chuyến viếng thăm trại David chính là kỳ nghỉ chào mừng trong lúc tôi chuẩn bị cho cuộc bầu cử năm 2001, dù ngay sau đó nó bị trì hoãn do bệnh dịch lở mồm long móng gia súc. Tôi đã trải qua một thời gian khó khăn theo đuổi các cuộc biểu tình phản đối thuế nhiên liệu, dẫn trước ít nhất 10 điểm trong các cuộc bỏ phiếu thăm dò và cảm thấy vững tin ở chính mình. Tôi có thể thấy rõ George đang hợp tác với tôi với mong đợi rằng có thể tiếp tục hợp tác với tôi một năm sau đó. Vì vậy cả hai chúng tôi đều muốn tiếp tục thỏa hiệp với nhau.

Trại David được xây dựng trên địa hình khá cao của khu rừng xung quanh Công viên Núi Catoctin với phạm vi hơn 140 héc ta. Nó là một chuỗi những căn nhà gỗ, đậm chất Mỹ và được xây rất kiên cố. Các tòa nhà chính; nhà ăn của Tổng thống, một rạp chiếu phim (nơi chúng tôi đã xem bộ phim Meet the Parents) và vô số phòng làm việc và giải trí. Nó được trang bị rất đầy đủ. Nó vẫn có nét của một trang trại, nhưng khi cần lại có thể biến hóa rất nhanh thành một rạp hát.

Tôi rất thích nơi ấy. Khu trại này có rất nhiều sân chơi để đi dạo xung quanh, những lối đi uốn lượn quanh các gốc cây. Giới truyền thông bị chặn ở phía ngoài và chỉ được phép vào khi có họp báo. Có một phòng tập thể dục và một nhà thờ nhỏ và đồ ăn ở đây rất ngon. Đây là một nơi rất tuyệt để thư giãn và lập kế hoạch và chỉ cách Nhà Trắng một chuyến trục thẳng ngắn, vì vậy những điểm hấp dẫn của nó càng được phóng đại gấp bội.

Những tháng sau chuyến viếng thăm ấy (chuyến đi thực tế thú vị), tôi thậm chí còn nghĩ về vấn đề Iraq nhiều hơn Bush.

Từ sau cuộc ném bom vây ráp vào Baghdad tháng 12 năm 1998, đã có hàng loạt những hoạt động quân sự / phi quân sự và hoạt động ngoại giao nhằm vào Saddam, dù không mấy thành công. Sau cuộc tái đắc cử của tôi vào tháng 6 năm 2001, đã có một cuộc thảo luận kéo dài giữa Mỹ, Anh, Pháp, Đức và Nga về chế độ của những lệnh cấm mới nhằm yêu cầu Saddam cho phép các thanh sát viên LHQ quay lại Iraq. Người ta liên tục quan ngại về các lợi ích kinh tế của Nga. Khi Vladimir Putin và tôi thảo luận các lệnh cấm tại Hội nghị thượng đỉnh G8 ở Genoa vào tháng 7 năm 2001, ông ấy đã nói đùa rằng mình ủng hộ họ, với điều kiện chúng tôi phải bồi

thường cho ông ấy 8 tỉ đô-la mà Iraq nợ Nga.

Mỹ có kế hoạch lặp lại các hoạt động năm 1998 nếu Saddam từ chối tuân thủ, nhưng về bản chất toàn bộ bối cảnh là sự ổn định chứ không có áp lực ngoại giao khẩn cấp, với chính tôi là người kiên quyết nhất ủng hộ biện pháp mạnh, dù tôi cũng chưa nghĩ đến việc loại bỏ Saddam bằng vũ lực.

Vào tháng 7 năm 2001, tôi thậm chí đã viết thư cho Thủ tướng Khatami của Iran để cảm ơn sự hỗ trợ của ông ấy cho bản thảo nghị quyết của chúng tôi về vấn đề Iraq. Tôi từng được nghe rằng Khatami đề nghị một cơ hội rất thực tế cho việc tái lập quan hệ của chúng tôi với Iran và đưa nước này quay lại nhóm quyền lợi. Tôi đã hoài nghi nhưng cũng vui lòng thử.

Tháng 8 năm 2001, các sĩ quan quân đội Mỹ và Anh đi tuần trên vùng cấm bay ở miền Nam Iraq đã thông báo rằng mối đe dọa tới máy bay của liên minh đang gia tăng rõ rệt và tới cuối tháng 8, máy bay F-16 của Mỹ đã hoạt động trên không phận Basra nhưng không chiếc nào làm huyền não giới truyền thông.

Với cuộc tấn công vào New York và Washington vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, tất cả những điều này đã thay đổi. Như tôi đã giải thích trước đây, đột nhiên toàn bộ bản chất của mối đe dọa về an ninh đảo lộn hoàn toàn: từ mức độ thấp tới mức độ quan trọng nhất; từ mối đe dọa có thể giải quyết được qua thời gian, tới mối đe dọa khẩn cấp, ngay lập tức, gây áp lực và có độ chi phối lớn.

Trong nháy mắt, thái độ của người Mỹ thay đổi. Saddam khiến người ta gợi nhớ về những cuộc chiến đau lòng đã qua, một kẻ thù mà chúng tôi đã đánh bại nhưng vẫn hiện hữu trong nỗi đau của rất nhiều người. Nhưng người ta đã không coi ông ta là một mối đe dọa. Mối đe dọa trực tiếp không hề gia tăng, nhưng ông ta hiện ra trong niềm tin của người Mỹ về một cuộc tấn công đã gây ra nhiều chấn động, đi kèm với những ấn ý nghiêm trọng về một thế giới cần được thiết lập lại. Những quốc gia có chính quyền từng không được ưa chuộng nhưng vẫn được chịu đựng, chỉ sau một đêm đã trở thành kẻ thù tiềm ẩn cần đối phó, cần được yêu cầu thay đổi thái độ, hoặc thay đổi chính quyền.

Trên hết, đó là cảm giác báo động. Trong thời gian này, “không hành động” thực ra chính là “một hành động” với những hậu quả gây ra có thể nguy hiểm khôn lường. Tại thời điểm đó, nỗi sợ sự phán xét của lịch sử không phải là nỗi sợ kèm theo hành động, mà là không hành động. Làm thế nào để thay đổi thế giới là một thách thức lớn cần câu trả lời; nếu không trả lời hoặc không đưa ra được quyết định cho câu hỏi đó, sẽ bị xem là một nguy cơ lớn hơn, trên quy mô rộng hơn.

Câu hỏi đặt ra ngay lúc đó là làm sao để giải quyết bin Laden, al-Qaeda và Taliban, nhưng rõ ràng Mỹ đang linh hoạt tiếp cận những vấn đề rộng hơn liên quan đến WMD. Vào tháng 11 năm 2001, Tổng thống Bush ban hành một cảnh báo chung công khai tới những Chính phủ đang phát triển WMD; và đặc biệt tới Iraq, để đưa các thanh sát viên quay lại. Một nhóm thượng nghị sĩ liên đảng đã nhắc nhở ông trong một lá thư có lời lẽ gay gắt vào đầu tháng 12 năm 2001, yêu cầu loại bỏ Saddam, rằng chính sách của Mỹ là sự thay đổi chính quyền.

Vào tháng 1 năm 2002, Saddam bắt đầu quá trình mở lại các cuộc đàm phán với LHQ liên quan đến các thanh sát viên vũ khí dưới áp lực từ nhiều phía. Nhưng sự tuân thủ của ông ta đối với hiến chương LHQ chỉ ở mức tối thiểu, như trong bảng sau, bảng này được tổng hợp cho cuộc thảo luận cho phía PLP ở cuộc họp Nội các vào tháng 7 năm 2002.

Bảng đề cập đến những yêu cầu mà Iraq phải đạt được dựa trên rất nhiều hiến chương của Hội Đồng Bảo An LHQ và bảng chứng tuân thủ của chính quyền.

Yêu cầu

Iraq có hợp tác không?

UNSCR 66I – 6.8.1990	Liên minh 37 quốc gia bị trục xuất khỏi Iraq
Iraq phải tuân theo Nghị quyết SCR 660 (Rời Kuwait)	
Lệnh cấm vận thương mại ở Iraq, ngoại trừ lĩnh vực năng lượng và y tế	Không
UNSCR 686 – 2.3.1991	
Iraq phải trả lại toàn bộ tài sản cướp được từ Kuwait.	Không
UNSCR 687 – 2.4.1991	
Iraq phải tôn trọng biên giới với Kuwait theo thỏa thuận năm 1963.	
Iraq phải chấp nhận việc phá hủy, di dời và giao nộp toàn bộ vũ khí hủy diệt hàng loạt của mình.	Có Không
Iraq phải công bố toàn bộ các giai đoạn liên quan đến quá trình xây dựng vũ khí hủy diệt hàng loạt.	Không
Iraq phải hợp tác với các thanh sát viên INMOVIC và IAEA.	Không
Iraq phải chịu toàn bộ trách nhiệm cho những tổn thất trực tiếp do cuộc xâm lược Kuwait của mình.	Không
Iraq phải phối hợp tìm kiếm các nạn nhân mất tích người Kuwait và các nạn nhân mất tích khác kể từ khi Iraq xâm lược Kuwait.	Không
Iraq không được cam kết ủng hộ nạn khủng bố toàn cầu.	
UNSCR 688 – 5/4/1991	
Iraq phải dừng ngay việc đàn áp những người dân thường Iraq.	Không
Iraq phải cho phép việc tiếp cận các tổ chức nhân quyền thế giới.	Không
Iraq phải phối hợp với Tổng Thư Ký LHQ về các nhu cầu của người dân Iraq.	Có
UNSCR 707 – 15.8.1991	
Iraq phải đưa ra bản công khai đầy đủ, chi tiết cuối cùng về các chương trình vũ khí hủy diệt hàng loạt của mình.	Không
Iraq phải để các thanh sát viên UNMOVIC và IAEA tiếp cận vô điều kiện và không giới hạn.	
Iraq không được gây trở ngại cho các chuyến bay của UNMOVIC và IAEA.	Không Không
Iraq phải giảm toàn bộ các hoạt động hạt nhân thay vì hợp pháp hoá	Không

việc sử dụng các đồng vị của nó. Không

Iraq phải cung cấp cho IAEA/UNMOVIC bất cứ sự hỗ trợ hậu cần cần thiết nào.

UNSCR 715 – 11.10.1991

Iraq phải hợp tác với quá trình điều tra của IAEA.UNMOVIC. Không

Iraq phải cho phép các luật hình sự chống lại các chương trình vũ khí hàng loạt ở Iraq. Không

UNSCR 949 – 15.10.1994

Iraq không được sử dụng lực lượng để đe dọa các nước láng giềng của mình hay các hoạt động của LHQ. Không

Iraq không được tăng cường quân sự ở miền Nam Iraq.

UNSCR 1051 – 27.3.1996

Iraq phải thông báo cho IAEA/UNMOVIC về việc vận chuyển các chi tiết hai công dụng của vũ khí hủy diệt hàng loạt. Không

UNSCR 1284 – 17.12.1999

Iraq phải hợp tác với UNMOVIC. Không

Iraq phải hợp tác với Ủy ban Ba bên. Không

Iraq phải hợp tác với chương trình đổi dầu lấy lương thực. Không

Tất nhiên, khi những đồn đoán về âm mưu đang nảy sinh trong khu vực gia tăng, người ta cho rằng LHQ đưa ra quyết định tiêu trừ Saddam bằng vũ lực vào cuối năm 2001 và từ đó trở đi, chiến tranh là điều không tránh khỏi. Nhưng thực tế không phải vậy. Đó cũng là cách chính trường vận hành. Hay là con người. Vì rốt cuộc chính con người đưa ra các quyết định chính trị.

Điều đã xảy ra, như tôi nói, đó là thái độ mạo hiểm của Mỹ đã bị lật ngược. Iraq giờ đây đã tâm điểm vấn đề của chương trình nghị sự. Có một nhóm những người tin rằng Saddam là người không thể thay đổi và cũng đoán chắc rằng ông ta đang chỉ đạo một chương trình WMD. Người ta cũng tin rằng thế giới sẽ tốt đẹp hơn nếu Saddam mất đi quyền lực, tất cả đều đúng nhưng còn xa mới có thể dẫn đến quyết định. Thay vì quanh co và không chân thành, nếu Saddam thực hiện tâm huyết mà Gaddafi mong muốn làm cho Lybia, thì vấn đề có thể đã được giải quyết. Nếu ông ta cởi mở, lên án thay vì ủng hộ cuộc tấn công ngày 11 tháng 9, thể hiện rõ rằng ông ta hiểu luật chơi đã thay đổi về cơ bản, thì có thể sẽ tìm được cho mình một lối thoát. Nhưng nếu như thế thì đã không còn là Saddam.

Quyết định đối phó với Saddam đã sôi sục trong tâm trí nước Mỹ kể từ ngày 11 tháng 9; nhưng sự đối phó về lý thuyết vẫn là một bài học ngoại giao thành công.

Tôi biết vì tôi đang nói chuyện với George. Ông ấy có thể đã nghĩ rằng việc hành động là cần thiết ở một khía cạnh nào đó và tới cuối năm 2002 mọi chuyện đã trở nên rõ ràng hơn rất

nhieu. Nhưng vào những tháng đầu và giữa năm 2002, mọi việc không như vậy. Và thậm chí tới cuối năm 2002 đầu năm 2003, chúng tôi vẫn cố gắng tránh xung đột. Tất nhiên, hiện tại người ta nhấn mạnh vào sự thật rằng đã có một kế hoạch quân sự cho thấy hoạt động ngoại giao chỉ là màn kịch. Việc lập kế hoạch là không tránh khỏi và đúng đắn, không phải vì chiến tranh là tất yếu mà bởi vì đó là một lựa chọn và lựa chọn đó cần được lập kế hoạch cẩn thận.

Lần đầu tiên chúng tôi chính thức gặp mặt với vấn đề này là trong chuyến thăm của tôi Crawford, nông trại của George ở Texas vào tháng 4 năm 2002. Khu trang trại nằm ở vùng xa xôi hẻo lánh có diện tích khoảng 1.600 héc ta với một ngôi nhà chính và nhà khách cùng với vô số nhà phụ. Như thường lệ, tôi đi cùng gia đình, vợ, mẹ vợ và Leo. Việc này thật kỳ quặc. Cherie thường muốn cả gia đình đi cùng tôi, nhưng thành thực mà nói khi đang làm việc, tôi muốn được ở một mình không có ai quấy rầy hơn, để có thể tập trung hoàn toàn vào vấn đề trước mắt, không phải lo lắng về việc Leo buồn chán, mẹ vợ tôi than phiền hay dành thời gian bên vợ. Vì vậy tôi thường bị căng thẳng và khó chịu trong những lần công tác có gia đình đi cùng.

Tuy nhiên, George và Laura chào đón chúng tôi rất niềm nở. Thời tiết quá lạnh khiến tôi rất thất vọng. Tôi vốn nghĩ rằng Texas nắng quanh năm và trông đợi nó không lạnh như ở Anh. Tôi luôn dành thời gian cuối tuần bên gia đình và cố gắng giữ chỗ khoảng thời gian đó không bị ảnh hưởng bởi công việc trừ phi có việc tuyệt đối cần thiết. Tuy nhiên, đây là ngoại lệ và tôi cho rằng cách tốt nhất để hiểu được tâm lý của George về vấn đề này là làm việc đó ở ngoài Washington hay thậm chí là trại David.

Tới lúc này, tôi khá chắc chắn rằng việc loại bỏ Saddam sẽ giúp thế giới và đặc biệt trao cho người dân Iraq một ân huệ. Dù tôi biết việc thay đổi chế độ không phải là chính sách của chúng tôi, tôi đã nhìn nhận đổi thay một cách lạc quan, trực diện. Trong bài diễn thuyết ở Chicago năm 1999, tôi đã phát biểu học thuyết mới về 'trách nhiệm bảo vệ', rằng một Chính phủ không thể tự do đàn áp và dùng vũ lực với công dân của mình. Tôi đã hiệu lực hóa nó ở Kosovo và Sierra Leone.

Do những khó khăn mà một động thái như vậy yêu cầu, do chiến tranh nên là biện pháp cuối cùng chứ không phải đầu tiên, tôi đã kết luận chắc chắn rằng chúng tôi chỉ có thể tiến hành nó dựa trên sự bất tuân đối với hiến chương LHQ. Dù có là bạo chúa, Saddam cũng không thể bị tiêu trừ chỉ dựa trên bản chất bạo chúa đó.

Sau đó, một lời đồn đại nữa được đưa ra ánh sáng, dựa trên những quan sát của Đại sứ Anh tại Mỹ khi đó, Ngài Christopher Meyer. Ông này tuyên bố rằng tại Crawford, tôi đã chính thức lên tiếng ủng hộ Mỹ, đã đăng ký quyết định thay đổi chính quyền và phát biểu điều đó trong bài diễn thuyết ở Texas vào ngày sau khi ở Crawford, vì George Bush.

Thực ra, ông này không bao giờ xuất hiện tại cuộc họp của Bush; thậm chí còn không ở cùng một tòa nhà; tôi không đưa ra cam kết nào như thế – trong thực tế tôi đã nhấn mạnh đường lối của LHQ; và bài diễn thuyết của tôi ở Texas hoàn toàn trùng khớp với các tuyên bố khác trước công luận của tôi.

Tuy nhiên, tôi cũng cần nhắc rõ ràng về hai vấn đề. Thứ nhất, Saddam buộc phải tuân thủ hiến chương LHQ, những năm tháng gây cản trở và bất hợp tác đã đến hồi chấm dứt. Thứ hai, nước Anh cần phải duy trì trạng thái 'kề vai sát cánh' với Mỹ trên phương diện quốc gia. Đây không phải một chính sách thô thiển hay thiếu suy nghĩ như người ta vẫn nghĩ. Điều đó không có nghĩa là chúng tôi hy sinh lợi ích của mình vì lợi ích của họ; hay đưa ra chính sách đối ngoại phụ trợ hay có nghĩa là liên minh giữa hai quốc gia là một lợi ích chiến lược thiết yếu, một tài sản chiến lược thiết yếu đối với nước Anh.

Nó cũng hàm ý rằng chúng tôi coi các cuộc tấn công vào nước Mỹ như là tấn công vào chính mình. Nó biện luận cho thái độ coi chúng tôi thực sự đang cùng ở trong tình trạng chiến tranh, với một lợi ích chung trong một kết quả thành công. Ngày ấy tôi đã tin, cũng như bây giờ vẫn vậy, rằng nước Mỹ không thể thua trong cuộc chiến này, rằng nhiệm vụ của chúng tôi trong vai

trò một đồng minh đang đối diện với một mối đe dọa chung là ở bên cạnh lúc họ cần.

Tôi biết điều này nghe có vẻ ủy mị hay thậm chí, như một số người nghĩ, tự huỷ hoại hoặc xét trên vai trò của chúng tôi trong quá trình đưa ra quyết sách của Mỹ. Tôi đã ý thức rõ rằng nước Mỹ sẽ đưa ra những quyết định của riêng mình vì quyền lợi của bản thân họ. Nhưng tôi cũng biết rằng trong thế giới mới đang thành hình quanh chúng ta, nước Anh và châu Âu sẽ phải đối mặt với một tương lai bất định hơn nhiều nếu không có Mỹ. Như sự thất bại của chủ nghĩa Cộng Sản cho thấy – không có Mỹ, hệ thống đó không thể bị đánh bại – liên minh của chúng ta với Mỹ thực sự có sức ảnh hưởng. Kinh nghiệm của tôi về việc kêu gọi sự giúp đỡ từ Bill Clinton trong việc hành động với Kosovo – ông ấy đã làm và điều đó đã cứu được người Balkan – đã cho thấy chúng tôi có những lý do đương đại và không thuần túy là những lý do lịch sử để hiểu rõ chúng ta cần nước Mỹ. Vì vậy khi họ cần chúng ta, liệu chúng ta sẽ từ chối; hay, tệ hơn, hy vọng họ thành công nhưng có thể thành công mà không cần chúng ta? Tôi đã nghĩ lại và cảm thấy sức nặng và lịch sử của liên minh, theo một cách kiên quyết, một tiếng gọi của nhiệm vụ, một lời kêu gọi hành động, lời kêu gọi ở bên họ, khi họ gặp khó khăn.

Tại cuộc họp báo ở thư viện trường Crawford, với những lá quốc kì Mỹ và Anh làm nền, chúng tôi đã truyền đạt một thông điệp mạnh mẽ. Nó thay đổi cơ bản thái độ của chính quyền đối với các cuộc thanh tra WMD, hay đối diện với một triển vọng thay đổi hoàn toàn chính quyền.

Tuy nhiên, trong phòng họp kín, cuộc nói chuyện của chúng tôi có nhiều sắc thái hơn. Chúng tôi có chung phân tích về bản chất của Chính phủ Saddam, những nguy cơ của nó đối với nền an ninh quốc gia và khu vực. Mối quan tâm kéo theo của tôi khi đó là xác định được câu hỏi về Saddam trong bối cảnh rộng hơn của Trung Đông như một khu vực trong giai đoạn chuyển giao. Ngay từ lúc đó, dù không rõ ràng như bây giờ, tôi đã nhìn rõ những vụ việc khác nhau như một phần không thể thiếu của cùng một bức tranh. Vì thế tôi đã có những đóng góp đáng kể với George về tiến trình hòa bình của Israel – Palestine. Với tôi đây là sức mạnh mềm không thể thiếu để có thể đem đến trạng thái cân bằng cho sức mạnh cứng mà sẽ cần thiết nếu Saddam buộc phải bị tiêu trừ.

Tiến trình đó đang trong một mớ hỗn loạn. Theo sau cuộc nổi dậy của người Palestine năm 2000 là một chuỗi những sự kiện với người Palestine có liên quan trong các cuộc tấn công khủng bố và sự trả đũa nghiêm trọng của người Israel dẫn đến hậu quả là một tình trạng chiếm đóng gia tăng rộng rãi. Quá trình gần đi đến đột phá vào cuối nhiệm kỳ của Clinton giờ đây đã không thể cứu vãn. Chấp nối nó lại và đặt nó lại con đường cũ là một việc vô cùng cấp thiết đối với quá trình kiến tạo điều kiện để những biện pháp cứng rắn hơn có thể được áp dụng mà không cần một cuộc nổi loạn trên đường phố Ả Rập và làm căng thẳng toàn bộ thế giới đạo Hồi. Chỉ 6 tháng sau vụ thảm sát ngày 11 tháng 9, nhu cầu hành động đã dần mờ nhạt và sự nhiệt tình ủng hộ bất kỳ hình thức đối phó bằng quân sự nào đã giảm thiểu tới mức thấp nhất.

Vài ngày trước khi rời đến Crawford, tôi đã có một cuộc họp ở Chequers với những sĩ quan quân đội cấp cao. Cuộc họp không chỉ để chuẩn bị cho chuyến đi Crawford, mà còn để tung ra những câu hỏi cơ bản về những gì kéo theo sau các hành động quân sự. Đã từng có thảo luận về việc liệu mục đích của chúng tôi tập trung vào WMD hay thay đổi chính quyền. Tôi đã nhấn mạnh rằng cả hai vấn đề có liên hệ với nhau và rằng tại thời điểm này rất khó có thể nói bản chất của mối đe dọa WMD cụ thể với Iraq đã thay đổi rõ ràng trong những năm gần đây. Chỉ có thể công nhận cách đánh giá nguy cơ đã thay đổi.

Thủ lĩnh mới của Bộ Quốc phòng, Ngài Mike Boyce, sĩ quan tàu ngầm và nguyên Bộ trưởng Hải quân và Ngài Anthony Pigott, đại tướng đã từng nghiên cứu các lựa chọn quân sự, có một bài phát biểu. Họ cảnh báo rằng để tiêu trừ Saddam có thể sẽ phải trải qua một cuộc chiến đẫm máu và lâu dài. Nước Mỹ liên quan đến việc lập kế hoạch bước đầu, nhưng khó có thể đọc được họ định đi đâu với kế hoạch đó. Chúng ta cần phải tiếp cận kế hoạch đó và tham gia thực hiện một phần kế hoạch. Tất nhiên, như từ trước đến giờ, điều này đưa ra một tình thế tiến thoái lưỡng nan: nếu bạn muốn trở thành một phần của quá trình lập kế hoạch, ít nhất bạn phải tuân

theo nguyên tắc, sẵn sàng trở thành một phần của hành động. Trước đó, vì có thể thấy việc này sẽ kết thúc qua việc Saddam bị tiêu trừ bằng vũ lực, tôi đã từ chối trở thành một phần của kế hoạch. Từ khoảng tháng 4, chúng tôi đã liên quan khá mật thiết tới những giai đoạn tư duy ban đầu của Mỹ.

Không điều nào trong đây ngụ ý chiến tranh là điều chắc chắn. Điều này không chắc chắn và thực sự là một phần liên tục trong các cuộc trao đổi của George và tôi trong những tháng đó, có lẽ tới gần tháng 11, chúng tôi lo lắng phấp phỏng rằng từ khi chúng tôi lập kế hoạch đối phó với một khả năng, thì trong tâm trí của giới truyền thông, nó đã là điều không tránh khỏi. Chúng tôi làm rõ những khái niệm cơ bản: Saddam phải tuân thủ hiến chương LHQ và cho phép các thanh sát viên quay trở lại; ông ta không được phép gây rối – phải tuân thủ tuyệt đối; và nếu từ chối, chúng tôi sẽ chuyển sang tình trạng có đủ thẩm quyền để loại bỏ ông ta. Vì vậy tiến trình ngoại giao và lập kế hoạch diễn ra song song, vừa riêng biệt vừa được liên kết ở những điểm nhất định.

Tuy nhiên, điều này làm cho chính trị trong nước trở nên vô cùng khó khăn. Dĩ nhiên, mọi người đang đọc các bản báo cáo, đoán rằng mọi việc đã được quyết định và do đó tự xác định vị trí của mình. Nếu chúng tôi nói rằng quyết định chiến tranh không được thông qua, họ sẽ hỏi chúng tôi có lập kế hoạch không; nếu chúng tôi thừa nhận là đang lập kế hoạch, thì điều đó có nghĩa là chiến tranh thực tế đã được ủng hộ. Quan niệm về một việc có thể hoặc không thể xảy ra là quá mập mờ. Và, công bằng mà nói, nhiều quan điểm bắt nguồn từ vài bộ phận của hệ thống Mỹ đã gợi ý rằng chính sách chỉ nên đi theo một hướng duy nhất.

Chúng tôi trở về từ Crawford với nhiệm vụ được suy nghĩ rất thấu đáo. Tôi đã thực hiện một tuyên bố về tiến trình hòa bình ở Trung Đông, theo sau cam kết của George với tôi về việc tiếp tục tham gia. Chúng tôi ổn định Cục Ngân sách, về vấn đề này, tôi cũng có nhiều cuộc họp với Gordon, nhìn chung tương đối hài lòng. Cuối cùng chúng tôi cùng thống nhất về một chính sách nâng cao thuế Bảo hiểm Quốc gia để trả cho Dịch vụ Y tế Quốc gia.

Thời gian này và cũng là lần đầu tiên kể từ khi chúng tôi tham gia vào Chính phủ, mối quan hệ với báo chí trở nên thực sự gay gắt. Sự thất vọng của phe cánh tả trước thái độ của Đảng Bảo thủ khiến họ sôi sục tấn công trên phương diện cá nhân bằng những lời nhục mạ rất cay độc vào tôi vào bất cứ bộ trưởng nào có vẻ dễ bị tấn công và vào những người thân cận của tôi.

Chúng tôi đã có một thiên tiểu thuyết phi thường về lễ tang của Hoàng thái hậu. Bà qua đời ở tuổi 101. Cả nước buồn đau trước sự ra đi của bà. Bà là một nhân vật điển hình của Vương quốc Anh trong nhiều thập kỷ, được yêu quý và tưởng nhớ nhờ sự khắc kỷ và can đảm trong chiến tranh, khi bà quyết định ở lại London trong thời gian xảy ra sự kiện Blitz.

Việc sắp xếp cho một sự kiện trọng đại tầm cỡ quốc gia như vậy luôn luôn phức tạp. Linh cữu Thái hậu sẽ được đặt nằm ở sảnh cung điện Westminster trong một tuần, trước khi tiến hành tang lễ chính thức. Từ văn phòng của tôi, Clare Summer, một công chức và một người phụ nữ dễ thương, có năng lực và rất thẳng thắn, liên hệ với Black Rod, một đại tướng đã nghỉ hưu, về nghi thức lễ tang. Vì một số lý do tế nhị, đã xảy ra một vụ việc liên quan đến những gì tôi làm hoặc nơi tôi đứng hay tương tự như thế (tôi không thể nhớ lại chi tiết vì nó quá nhỏ nhặt), điều này đã được xử lý rất đơn giản, vì thế Clare đã nghĩ và đồng ý làm theo chính xác những gì Black Rod muốn. Tôi không bao giờ biết về việc đó cho đến mãi về sau.

Tờ Telegraph, Spector và Mailon Sunday sau đó đã đưa câu chuyện về việc tôi và Alastair đã can thiệp vào tang lễ của mẹ Nữ hoàng: nào là gây ra nỗi khiếp đảm và đau đớn, thật là thiếu tôn trọng khi can thiệp thô lỗ như vậy, vv... Toàn là tin tức rác rưởi. Lần duy nhất trong đời, hành xử một cách ngu ngốc, tôi đã xem đó là chuyện lớn và quyết định đến gặp Hội đồng Khiếu nại Báo chí (PCC). Đó là lần cuối cùng tôi vướng vào sai lầm như vậy. Công bằng mà nói, vị CEO của hội đồng này đã vô cùng khéo léo, nhưng tất nhiên ban hội thẩm PCC được thành lập gồm

các biên tập viên. Chúng tôi phát hiện ra rằng nguồn tin này xuất phát từ những vị trí thân cận với Black Rod. Vì vậy PCC cảm thấy khó xử và không thể đi đến kết luận cuối cùng. Nhưng nó đã để lại dư vị rất cay đắng.

Sau đó Steve Byers, một bộ trưởng tài năng, quyết định từ chức. Ông đã trải qua những tuần bị tấn công liên tục, bị thóa mạ là một kẻ dối trá, một kẻ lừa đảo và một tên bạo chúa vì đã từ chối sa thải trợ lý báo chí của mình Jo Moore (người đã gửi một bức email vào ngày 11 tháng 9 nói rằng đây là thời gian thích hợp để “chôn vùi” tin xấu) và vô số vụ việc liên quan đến vấn đề đường sắt. Hoàn toàn không có sự biện hộ nào cho việc từ chức đó nhưng tôi có thể nói ông ấy đã chịu đựng quá đủ. Bạn phải là một siêu nhân hay một người thiếu năng mới có thể chịu đựng tất cả những điều đó, với gia đình, bạn bè của bạn biết tin và vô cùng đau đớn còn kẻ thù thì reo mừng và tôi thấy ông ấy đã bị hạ gục. Việc sắp xếp lại nhân sự cho tôi một cơ hội đưa David Miliband vào vai trò bộ trưởng, chưa đầy một năm sau khi ông ta được bầu làm nghị sĩ.

Chúng tôi có một phiên họp nội các vào tháng 6, trong phiên họp đó John Prescott đã nghiêm khắc tấn công Peter Mandelson và những người khác, mà theo ông, đang gây ảnh hưởng xấu tới sự cân bằng giữa Đảng Lao động mới và cũ. Tôi phản đối việc đó khá mạnh mẽ và nói đây đang là thời điểm khó khăn nhưng Chính phủ lại bất đồng như thế và chúng ta không thể run sợ mỗi lần gặp thử thách như thế được.

Dù sao, bạn cũng có thể thấy bức tranh toàn cảnh: hỗn hợp thông thường của tính lịch sử, tính nhất thời và sự vật vãn. Và xuyên suốt, giờ đây là một chủ đề cố hữu và được quan tâm sâu sắc – Iraq và phương án hành động của chúng tôi.

Vấn đề Iraq sẽ được xem xét lại vì rất nhiều lý do, nhưng có một nghiên cứu thú vị xung quanh sự thật rằng đó là cuộc chiến bộ binh đầu tiên trong kỷ nguyên mới của chính sách minh bạch và truyền thông 24 giờ. Nó có nghĩa là hàng ngày, nhiều câu chuyện có thể xuất hiện và chèo lái cuộc tranh luận từ hướng này sang hướng kia và song song với các hoạt động báo cáo, thường xuyên biến phỏng đoán thành sự thật. Có lúc chúng tôi không dám chắc liệu mình có đang điều khiển chương trình nghị sự hay là đang bị nó điều khiển. Trong kỳ nghỉ ở Pháp vào tháng 8 năm 2002, tôi đã nhận một cuộc gọi từ George, người cũng thất vọng không kém trước thực tế là tất cả mọi người đều nghĩ chúng tôi đã quyết định và cuộc tuần hành tới chiến tranh là điều không thể tránh khỏi.

Tuy nhiên, cũng không đáng ngạc nhiên khi họ cảm nhận theo cách này. Tại một cuộc họp ngay trước kỳ nghỉ vào cuối tháng 7, Mike Boyce đã nghĩ nước Mỹ đã quyết định vấn đề đó, ngoại trừ một sự thay đổi thực sự trong thâm tâm Saddam. Geoff Hoon, lúc đó đang là Thư ký Bộ Quốc phòng, đã nêu ra các lựa chọn – cho một khởi đầu mới phát sinh, tức là từ từ xây dựng lực lượng; hay một khởi đầu đang vận hành, tức là di chuyển nhanh; và cũng bàn về việc quân đội nên di chuyển tới đâu vào thời điểm đó người ta ưa chuộng gửi quân miền bắc tới. Vì vậy khó có thể đọc những biên bản của các cuộc họp trong thời gian này mà không suy đoán rằng quyết định đã được đưa ra rồi.

Nhưng đây là sự khác biệt giữa người đưa quyết định cuối cùng và những người xung quanh. Những người xung quanh có thể tranh luận và đồn đoán; nhưng chỉ có một người đưa ra quyết định. Tôi biết vào thời điểm đó George vẫn chưa quyết định. Ông ấy đã đưa ra một khung hành động trong đó nguyên tắc nòng cốt chính là Saddam phải tuân thủ trọn vẹn và giải giáp vũ khí, nhưng vẫn chưa quyết định xử lý Saddam như thế nào.

Vào cuối tháng 7, tôi gửi cho George một bức thư mật riêng, trong đó phác thảo trường hợp lựa chọn đường lối của LHQ; và nhấn mạnh một lần nữa tiến trình hòa bình ở Trung Đông. David Manning, cố vấn ngoại vụ của tôi, đến Washington, để trao đổi rõ với ngoại trưởng Condoleezza Rice và sau đó là trực tiếp với Tổng thống. Tôi cũng nối theo sau bằng một cuộc gọi.

Tranh luận xung quanh về LHQ trong ban điều hành rất căng thẳng. Chúng tôi đồng ý gặp lại

sau kỳ nghỉ hè.

Tôi đã cùng đội cộng sự thân tín nhất xem xét những mặt khác nhau của thách thức. Nếu nó dẫn đến một cuộc chiến tranh, chúng tôi có thể làm gì để hạn chế đổ máu tối đa? Đó là câu hỏi về quân sự. Trên cơ sở tiến hành việc này, làm sao chúng tôi có thể cực đại hóa liên minh? Đó là câu hỏi về LHQ. Và làm sao chúng tôi có thể tiến hành mà không khơi lên làn sóng phản đối ở Trung Đông? Đó là câu hỏi về Ả Rập.

Khi trở về từ kỳ nghỉ, tôi đã có một cuộc họp báo ở Sedgefield. Tôi luôn thấy rất thư giãn khi ở đây, ngay cả trong những giờ phút căng thẳng nhất. Tôi cũng làm rõ được phương châm của mình. Tôi quyết định phải thật cứng rắn: phải giải quyết Saddam; làm như thế là đúng đắn; chúng tôi phải gửi một thông điệp thẳng thắn và đơn giản về vũ khí hủy diệt hàng loạt tới thế giới.

Một quyết định thuộc về số mệnh cũng đã được đưa ra vào lúc đó. Người ta muốn xem bằng chứng về Saddam và WMD. Bằng chứng này được lưu giữ trong cục tình báo. Việc tiết lộ tin tình báo không phải là thông lệ, vì những lý do hiển nhiên. Chúng tôi quyết định phải làm thế. Sau đó, nhiều lần, tôi rất tiếc vì đã đưa ra quyết định này. “Hồ sơ”, theo cách nó được gọi, về sau đã trở thành chủ đề cho sự cáo buộc lẫn nhau và kết tội lẫn lộn. Thực tế, chúng tôi đã làm thế vì không có cách nào từ chối, đặc biệt khi tính đến sự phản đối dành cho nó. Tuy nhiên, điều chưa từng có tiền lệ trong vụ việc này chính là một phần của rắc rối. Cả những người phản đối và người ủng hộ của hành động chống lại Saddam đều thúc giục chúng tôi chia sẻ thông tin tình báo mà chúng tôi có trước công chúng.

Giờ đây khi nhìn lại tôi có thể nói hai điều về hồ sơ này. Thứ nhất, trái lệ về hiệu lực hồi tố, ở thời điểm đó – tháng 9 năm 2001, nó được coi là mờ nhạt và không có yếu tố mới. Bản yêu sách khét tiếng dài 45 phút đã choán thời gian gần cả ngày của giới truyền thông nhưng rồi lại bị bỏ ngỏ sau đó và thậm chí còn không được tôi nhắc tới tại bất kỳ thời điểm nào trong tương lai, bao gồm cả cuộc tranh luận chủ chốt tại quốc hội vào ngày 18 tháng 3 năm 2003, cuộc tranh luận đã hợp thức hóa hành động quân sự. Trong số 40.000 câu hỏi ở dạng văn bản của nghị viện đưa ra giữa tháng 9 năm 2002 và cuối tháng 5 năm 2003 khi BBC đưa tin về nó, chỉ có hai câu hỏi về vụ việc 45 phút đó. Trong số 5.000 câu hỏi văn đáp, không có câu nào nhắc tới vấn đề này. Không ai thảo luận nó trong toàn bộ cuộc tranh luận vào ngày 18 tháng 3 năm 2003. Vì thế ý kiến cho rằng chúng tôi tiến tới chiến tranh chỉ vì bản yêu sách này là hão huyền.

Thứ hai, nếu chỉ công bố những bản báo cáo của JIC, tức những báo cáo tình báo dựa trên tài liệu thô, thì có thể đã tốt hơn rất nhiều. Chúng tôi đã tranh luận về điều này, nhưng cũng dễ hiểu khi các lực lượng tình báo cảm thấy đây là sự vi phạm truyền thống quá nặng nề. Nhưng nếu có làm thế, chúng tôi có thể đã tránh được rất nhiều thương đau – cũng như những lời cáo buộc hoàn toàn không có cơ sở về việc nói dối và bịa ra tin tình báo, v.v... Hoặc cũng có thể không.

Khi xét đến những lời cáo buộc khác nhau về hồ sơ, cũng đáng để nêu ra một vài lời đồn đại chủ yếu. Bản thân hồ sơ là kết quả của JIC. Họ đã bảo vệ quyền tác giả của nó một cách sốt sắng và chính đáng. Nội dung đã được công bố, như bốn cuộc thẩm tra đã tìm ra, là bản tóm tắt chính xác của các tài liệu. Cả tôi và Alastair đều không viết điều nào trong đó. Tôi chỉ viết lời đề tựa thôi.

Người ta nói rằng bản báo cáo vào tháng 3 năm 2002 về Iraq đã cảnh báo rằng tin tình báo về Iraq là “rời rạc” và “chấp vá”. Người ta sau đó đã bỏ đi điều tiếp theo được tuyên bố: “nhưng rõ ràng là Iraq tiếp tục theo đuổi chính sách thu nạp WMD và các phương tiện chứa đựng chúng.” Cho tới tháng 9 năm 2002, đã có thêm nhiều tin tình báo. Bản báo cáo cuối cùng đã nhắc đến điều này một cách kiên quyết hơn. Ngay trước khi hồ sơ được tiết lộ, tin tình báo đã cập nhật về một thiết bị sản xuất di động vừa được chế tạo. Việc này đã khiến người ta miêu tả rằng chương trình WMD của Saddam đang trong tình trạng ‘lớn mạnh’.

Có lẽ chúng tôi có thể đối mặt với một vụ việc sâu xa hơn nữa. Cuộc Điều Tra Chilcot có được dẫn chứng tình báo rằng ngay trước khi chiến tranh bùng nổ, Saddam có thể sẽ không đủ khả năng lắp đặt WMD nhanh chóng. Giới truyền thông lại đưa tin rằng cuộc điều tra cho thấy, tôi đã được cảnh báo về mối đe dọa ít nghiêm trọng hơn dự tính. Nhưng thực tế tin tình báo chính xác đó là Saddam đã tiến hành những biện pháp che giấu chương trình của mình, bao gồm tháo dỡ và lưu giữ những thiết bị nhất định. Vậy tin tình báo không phải là ông ta đã từ bỏ chương trình của mình mà là che giấu nó khỏi các thanh sát viên. Tôi đã được đặc biệt lưu ý rằng tin tình báo khẳng định chắc chắn sự tồn tại các chương trình WMD. Vậy là, trái hẳn với việc được cảnh báo phải dừng lại, nó xác định rõ yêu cầu phải tiếp tục.

Dù sao, không còn nghi ngờ gì nữa, sẽ vẫn còn những lời kêu gọi tiếp tục điều tra sau cuộc điều tra thứ 5. Chúng tôi tin rằng, Saddam chắc chắn đang có một chương trình WMD. Xét đến quá khứ của hắn, chúng tôi có nhiều lý do chắc chắn để tin như vậy. Không hề có ý đồ lừa gạt. Thực sự, trong bất kỳ trường hợp nào, một ý định như vậy cũng là ngớ ngẩn, vì một khi Saddam bị loại bỏ, sự thật cũng sẽ bị tiết lộ. Báo cáo ISG cũng giải thích cả việc tại sao chúng tôi mắc phải sai lầm và điều gì vẫn còn chính xác.

Vào ngày 7 tháng 9, trước ngày công bố hồ sơ, chúng tôi đã quay lại Trại David. Tại cuộc họp này chúng tôi muốn thuyết phục George đi theo đường lối của LHQ, tức đồng ý rằng trước khi đưa ra hành động nào chúng tôi cũng cần phải đưa ra hiến chương của LHQ và cho Saddam một cơ hội cuối cùng.

Đây không phải một cuộc ngã giá đơn giản. Bối cảnh của Mỹ, về mặt chính trị, hoàn toàn trái ngược với chúng tôi và LHQ không có nhiều tiếng nói ở đó. Cuộc họp diễn ra khá căng thẳng, dù cho tới lúc đó George và tôi đã khá tâm đầu ý hợp. Cuối cùng, một đối một, tôi thuyết phục được ông ấy, không phải như một ân huệ mà bởi vì tôi nghĩ cuối cùng ông ấy dễ dàng chấp nhận hơn nếu chúng tôi có một đồng minh đứng đằng sau. Tôi nói rằng mình rất sợ hậu quả mà những hành động đơn phương của Mỹ hay những hành động chung của Mỹ và Anh gây ra. Trước buổi họp, tôi đã gửi công hàm cho George, bày tỏ những mối quan ngại của mình và chỉ ra rằng để tránh hậu quả khôn lường thì hai bên nên liên minh với nhau. Chúng ta cố gắng giữ hòa bình, kể cả nếu cuối cùng phải gây chiến. Đây không phải là Kosovo hay Afghanistan. Trận chiến này sẽ còn khốc liệt hơn thế gấp nhiều lần.

Tuy nhiên, đúng là tại thời điểm đó, lo ngại về các hành động vũ trang xoay quanh vấn đề độ rủi ro của việc hạ bệ Saddam và phản ứng tiêu cực của những nhóm người theo chủ nghĩa nhân đạo. Dĩ nhiên, có cả vấn đề Sunni/Shia, nhưng tại thời điểm đó, mà thực chất là đến tận sau khi Saddam bị hạ bệ, người ta vẫn không nhận thức được mối nguy cơ thực sự: sự can thiệp từ bên ngoài của al-Qaeda và Iran. Quan điểm của quân đội và giới tình báo Anh là dù Saddam có tài trợ cho các nhóm khủng bố, thì hầu như không có chứng cứ nào cho thấy mối liên hệ giữa al-Qaeda. Và sau chiến tranh Iraq-Iran, với một triệu người chết trong trận chiến này, người ta cho rằng Iran sẽ tương đối phục tùng. Người ta bàn cãi nhiều về vấn đề nhóm thiểu số Sunni đột nhiên từ người thống trị trở thành kẻ bị trị. Nhưng câu hỏi chính là khả năng của Saddam trong việc chống lại một chiến dịch quân sự và về mức độ hỗ trợ của hắn. Điều này liên quan trực tiếp đến những cuộc tranh luận về việc lên kế hoạch khắc phục hậu quả chiến tranh.

Khi George tuyên bố ủng hộ chính sách của LHQ, không khí trở nên bớt căng thẳng hơn. Dick Cheney đã có mặt ở đó một thời gian và nêu rõ rằng ông kiên quyết không đi theo con đường của LHQ.

Dick là trung tâm của nhiều giả thuyết âm mưu tới mức hầu như không thể bàn về ông một cách chùng mực. Với phe cánh tả, ông là một nhân vật phức tạp bị thù ghét. Kể cả những người không thuộc phe nào cũng không ưa gì ông. Và không phải người nào ở cánh hữu cũng thực tâm ủng hộ Dick.

Quan điểm của tôi về Dick không giống với số đông. Tôi cho rằng ông ta có nhận thức sâu sắc đáng nể. Về bản chất, ông tin rằng Mỹ đang trong tình trạng chiến tranh với khủng bố và các nước tiếp tay cho chúng, rằng đây là mối nguy hiểm trực tiếp đối với Mỹ, do đó cách duy nhất để chiến thắng là một cuộc đối đầu sử dụng tối đa sức mạnh quốc gia với kẻ đang phá hoại lý tưởng, nhằm bảo vệ nền dân chủ vững mạnh của Mỹ. Để làm được điều này, ông sẽ phải đương đầu với nhiều nước, Iraq, Syria, Iran, đối phó với những kẻ thay thế như Hezbollah, Hamas. Nói cách khác, ông cho rằng phải đổi mới thế giới và rằng sau sự kiện 11 tháng 9, việc làm mới này phải được thực hiện bằng sức mạnh và khẩn trương. Vì vậy ông ta chủ trương sử dụng sức mạnh toàn lực. Không nếu, không nhưng, không có thể. Ta đang truy đuổi người, nên hãy thay đổi và bị thay đổi đi.

Dĩ nhiên, thái độ này khiến người dân khiếp sợ và khó chịu. Nhưng, tôi không cho rằng quan điểm này là ngông cuồng như ý kiến của nhiều người. Đây là một cuộc đấu tranh. Kẻ thù của chúng ta có lý tưởng của họ. Điều đó đe dọa chúng ta. Câu trả lời cuối cùng chính là dân chủ và tự do rộng rãi. Khó mà tưởng tượng được viễn cảnh này khi nghĩ đến nhiệm vụ hạ bệ một kẻ như Saddam.

Tôi cho rằng vấn đề của Dick là ở chỗ cách thức tiến hành còn chưa đầy đủ. Vì trận chiến này xuất phát từ một lý tưởng, ta phải tiến hành và chiến thắng nó ở tầm ý tưởng, không chỉ đối với chúng ta mà cả với những người đã rơi vào hoặc trở thành con thiêu thân của lý tưởng đó. Nói cách khác, đây không thể là một trận chiến sử dụng hoàn toàn chiến lược sức mạnh vũ trang. Nó phải sử dụng nhiều hơn là sức mạnh quân sự. Nó phải lôi kéo được những người ở chính khu vực Trung Đông, trong thế giới đạo Hồi và phải xây dựng các liên minh trong thế giới đó. Đây không phải là một chính sách ủy mị, mà là một phần trọng yếu để chiến thắng. Đó là lý do vì sao, diễn biến với Palestine lại có tầm quan trọng lớn đến vậy. Đây không phải là màn diễn phụ; đây là trung tâm của sân khấu chính, nơi trận chiến đang thực sự diễn ra.

Vì thế, khi đề cập đến vấn đề nhân quyền và tù binh, ta phải dùng hành động để chứng tỏ sức mạnh của các ý tưởng thay thế của mình cho dù khiên cưỡng thế nào. Sự thật là bối cảnh kỷ nguyên thông tin đang làm biến đổi cách thức diễn ra các cuộc tranh luận, đây không phải là sự nhượng bộ nhu nhược, mà là một nhu cầu cấp thiết.

Tôi đã bàn nhiều về quan điểm sâu sắc của Dick, song phương pháp và thông điệp của ông phù hợp với thế giới những năm 1980, chứ không phải đầu thế kỷ XXI.

Vào cuối tháng 9, chúng tôi đã cam kết rõ ràng với Nghị quyết mới của LHQ. Điều này cũng hỗ trợ nhiều cho mối bận tâm của Ngoại trưởng của chúng tôi, Peter Goldsmith, về tính hợp pháp của việc hành động mà không có cam kết.

Bài phát biểu của tôi tại buổi họp của đảng năm đó trôi qua suôn sẻ một cách bất ngờ. Dù có đề cập đến Iraq và chính sách đối ngoại, nhưng tôi dành hầu hết bài phát biểu để nói về sự cần thiết phải cải cách. Chúng tôi đã giải quyết tốt các kế hoạch về y tế, giáo dục và tội phạm. Tôi cảm thấy yên tâm về tình hình và tin tưởng vào năng lực của các bộ trưởng trong việc quản lý các vấn đề này.

Một người bạn lâu năm, Bill Clinton, như thường lệ, xuất hiện tại buổi họp để phát biểu và nhắc mọi người nhớ rằng tôi là người tiến bộ và biết ít nhất một người Mỹ ngoài George. Bill thậm chí còn đến Blackpool McDonald để mua hamburger và khoai tây chiên. Sự xuất hiện của ông khiến vài vị thực khách đêm khuya ngạc nhiên và thích thú. Bill có khả năng vô hạn trong việc trò chuyện với dân thường, ông thích làm vậy và cảm thấy sảng khoái sau mỗi lần như thế. Tôi cũng có thể làm vậy nhưng luôn hơi dè dặt, không biết chắc liệu mình có đang áp đặt hay làm phiền người khác không. Bill thì sẽ thoải mái tán dóc, như thế là đêm thứ Ba nào ông cũng ăn McDonald ở Blackpool vậy. Kevin Spacey cũng ở đó. Anh chàng này rất vui tính và đã thủ vai Bill trong vở kịch Northern night (Đêm phương Bắc) một cách xuất sắc. Cũng biểu diễn đêm đó là Paul Rodgers, ca sĩ độc quyền của Công ty Free and Bad. Vậy là người ta chụp được một bộ

ảnh kỳ quái của tất cả chúng tôi, một cảnh tượng khiến những nhà hoạt động chính trị phải thán phục.

Tôi luôn cho rằng cả những người không ưa hoặc không tán thành với tôi vẫn phải công nhận sự thật rằng tôi không chỉ là một nhà lãnh đạo quốc gia mà còn là một nhân vật có tầm cỡ quốc tế. Dù sao đây cũng không phải là lý do khiến tôi làm bất kỳ điều gì, nhưng người Anh luôn thích Thủ tướng của họ có vị thế cao trên trường quốc tế. Người ta sẽ không nhận ra hầu hết các nhà lãnh đạo nước ngoài nếu họ lai vãng quanh Đại lộ Guildford. Người ta sẽ nhận ra Tổng thống Mỹ, hoặc sau này có thể là Sarkozy, nhưng có lẽ không ai nhận ra Chirac kể cả tại thời điểm này. Tuy nhiên, nhân dân Anh muốn biết rằng liệu người Toulouse có nhận ra tôi không. Các nhà lãnh đạo của chúng ta phải nổi bật và nếu không ăn mặc bảnh bao thì chí ít cũng phải gây ấn tượng. Nhưng trong một thế giới đang dần biến đổi, tầm vóc cũng như trách nhiệm của nước Anh đã không còn như trước, việc này càng trở nên khó thực hiện hơn.

Một lần nữa tôi nhấn mạnh lại: đây không phải là lý do cho những hành động của Anh ở Afghanistan, Iraq hay bất kỳ nơi nào khác, nhưng việc liên minh với Mỹ đã cho Anh một vị thế lớn hơn. Phần còn lại của thế giới cho rằng sự thân thiết của chúng tôi với Mỹ là một vấn đề thì lại không thể chứng minh gì thêm cho luận điểm này. Trái lại, sự thân thiết ấy đã lập tức cho chúng tôi động lực. Không gì vô lý hơn khi cho rằng liên minh với Mỹ làm giảm vị thế của nước Anh trên trường quốc tế mà ngược lại mới đúng. Điều này đúng kể cả ở Trung Đông, đúng với con bài ở Trung Quốc và Ấn Độ. Tôi vẫn nhớ lần tranh luận với Robin Cook về quan điểm chính trị thuần túy đối với Iraq. Ông ta nói với tôi rằng: Điều này sẽ gây ra thảm họa khi bầu cử; hãy nhớ Wilson và Việt Nam – ông ta đã không đứng về phe Mỹ. Tôi đáp lại rằng thế anh còn nhớ kết quả của cuộc bầu cử 1970 không? Một lần nữa, tôi không nhận xét gì về quyết định đó, tôi chỉ nhận xét về quan điểm chính trị ẩn sau quyết định đó.

Tháng 10 năm 2002, chúng tôi có bằng chứng về nguy cơ khủng bố tiếp diễn khi một hộp đêm ở Bali bị đánh bom, khiến hơn 200 người chết, trong đó có nhiều khách du lịch, chủ yếu là người Úc. Đây là một đòn giáng chí mạng vào sự tự mãn của bất kỳ dân tộc nào. Sau đó là một vụ tấn công con tin ở nhà hát Moscow, khiến hơn 100 người thiệt mạng. Ít lâu sau vào tháng 2 năm 2003, chúng tôi lo sợ khi nhận được tin tình báo về nguy cơ sân bay Heathrow bị tấn công. Chúng tôi lập tức tổ chức một cuộc họp khẩn cấp bất thường. Một trong các lựa chọn là đóng cửa sân bay, nhưng tôi e điều này sẽ gây hậu quả nghiêm trọng với nền công nghiệp và các hãng hàng không Anh. Thay vào đó, tôi quyết định sắp đặt hàng các rào bao quanh sân bay nhằm ngăn cản ý định khủng bố, gồm nhiều phương tiện bọc sắt và các đội tuần tra được trang bị vũ khí tối tân. Kế hoạch này thành công, nhưng báo chí lại buộc tội chúng tôi dựng chuyện nhằm viện cớ mở đầu cuộc “chiến tranh chống khủng bố”.

Nghị quyết LHQ được thông qua kịp thời vào tháng 11 năm 2002 và ngay sau đó, các thanh tra vũ khí, do Hans Blix dẫn đầu, được phép trở lại Iraq. Hans là một người tò mò, thông minh và có năng lực, nhưng ông ta lại là người cảm nhận được gánh nặng chính trị trong việc thanh tra. Điều này khá tự nhiên, nhưng thực tế ông ta chỉ cần hoàn thành công việc của mình. Nếu Saddam phục tùng, tốt thôi. Nếu không, cũng không sao cả. Đó là quyết định của ông ta. Nhưng chúng tôi mới là những người quyết định hậu quả. Thay vào đó, ban đầu ông ta nói rằng Saddam không hợp tác; nhưng rồi vì nhận ra kết quả của sự phản kháng đó, ông ta dần dần chuyển sang nói rằng Saddam có thể hợp tác. Không rõ là thực tế đã thay đổi hay sự nhận thức về ngụ ý chính trị của ông ta đã thay đổi. Ông ta liên tục nói rằng “Tôi phải quyết định chiến tranh hay hòa bình”, còn tôi cố khẳng định rằng “Không phải vậy. Anh chỉ cần cho chúng tôi biết đánh giá chân thực của mình thôi.” Tuy nhiên, công bằng mà nói, ông ta ở vào vị thế gần như tiến thoái lưỡng nan và như tôi sẽ kể ở phần sau, thực tế đã đóng góp nhiều vào cố gắng cuối cùng để giải quyết vấn đề trong hòa bình.

Cuối năm 2002, quân đội của chúng ta đã sát cánh bên quân đội Mỹ. Chúng tôi vẫn đang bàn cãi về các lựa chọn. Về bản chất Anh có ba phương hướng tham gia. Một là hỗ trợ hậu cần thuần túy. Hai là không quân và hải quân, với các lực lượng đặc biệt. Thứ ba là Anh tham gia

vào lực lượng bộ binh trong Iraq. Mike Boyce – người có vóc dáng và sự tự tin tăng dần lên theo thời gian, khẳng định rằng phương án tối ưu về phía Anh là phương án thứ ba. Ông ta cho rằng quân đội Anh sẽ gặp vấn đề trầm trọng nếu không tham gia toàn diện và việc tham gia toàn diện sẽ cho phép Anh tạo ảnh hưởng lớn hơn nhiều tới quan điểm của Mỹ. Tôi cũng cảm thấy như vậy.

Năm mới sang kéo theo cảm giác rằng chúng tôi đã ở giai đoạn cuối. Các thanh tra vũ khí đã vào được Iraq. Báo cáo Blix đầu tiên vào giữa tháng 1 đã rõ ràng. Saddam không phục tùng. Sẽ có báo cáo chi tiết trong vòng một tháng. Nghị quyết LHQ thông qua vào tháng 11 vẫn im hơi lặng tiếng, một nghị quyết mới cần phải được xây dựng trước khi tiến hành bất kỳ hành động vũ trang nào. Các cuộc tranh cãi pháp lý về việc chiến tranh có cần thiết hay không lại nổ ra và Peter Goldsmith một lần nữa lại lo lắng về nó. Nga phản đối và rất có thể nghị quyết thứ hai này sẽ bị phủ quyết.

Tôi vẫn nghĩ có thể sẽ có một nghị quyết thứ hai, George thì định ninh rằng ông không cần nghị quyết đó. Jack Straw và những người khác cảnh báo rằng, nếu không có nghị quyết thứ hai của LHQ, tôi có thể không sống sót nổi qua cuộc bỏ phiếu của Hạ viện.

Tôi bị cô lập về chính trị hết mức có thể. Một mặt, Mỹ liên tục trêu tức và về cơ bản thì tôi đồng ý với quan điểm của họ: Saddam là một mối đe dọa, ông ta sẽ không bao giờ hoàn toàn hợp tác với cộng đồng quốc tế và thế giới, không kể đất nước Iraq sẽ tốt đẹp hơn nếu ông ta bị hạ bệ. Bản năng của tôi ở cùng phe với họ. Chúng tôi đã liên minh với họ. Tôi đã cam kết sau ngày 11 tháng 9 sẽ “kề vai sát cánh” với họ. Tôi đã quyết tâm thực hiện cam kết này.

Mặt khác, tôi bị Nội các, chưa kể các nghị sỹ Đảng Lao động, phần lớn giới truyền thông và công chúng cô lập. Tôi lo lắng, không phải vì mình sẽ mất chức, mà vì có quá nhiều thứ đang trên miệng vực. Chiến tranh và hòa bình. Cuộc chiến chống khủng bố. Tương lai của quan hệ đồng minh quý giá với Mỹ. Danh tiếng của đất nước và lực lượng vũ trang Anh. Trên hết là cuộc sống của con người. “Hòa bình” sẽ không chỉ đơn thuần là hòa bình với những người dân Iraq sống dưới ách thống trị của Saddam.

Suốt tháng 12 năm 2002 và kỳ nghỉ đông ngắn vào tháng 1 năm 2003, tôi trăn trở về vấn đề này, cố suy tính tìm một hướng đi đúng đắn. Tôi đã nghĩ tới tính thiết thực, những tính toán chính trị và cả nội tâm cá nhân. Tôi biết đây có thể sẽ là dấu chấm hết đối với sự nghiệp chính trị của mình. Tôi chỉ quan tâm: làm thế nào mới đúng?

Giờ tôi đã biết và sau Báo cáo Blix thứ nhất, rằng việc ngăn chặn những điều không thể lường trước rất dễ dẫn đến chiến tranh. Chúng tôi có thể chọn cách rút lui, điều này thì tôi chắc chắn. Phương án một được xây dựng với ẩn ý này. George thường xuyên cho tôi cơ hội rút lui và nằm ngoài vòng xung đột, chỉ cần tham gia giải quyết vấn đề hậu chiến. Khi đó chúng tôi có nhiều đồng minh. 13 trong số 25 nước EU có khả năng tham gia. Liên minh cuối cùng có thể lên đến hơn 30 nước khác nhau. Nhưng nhiều nước chọn con đường né tránh trận chiến đầu tiên.

Tôi vẫn còn nhớ Giáng sinh năm đó ở Chequers. Như mọi năm, có một cây thông khổng lồ được đặt ở sảnh lớn, những đồ trang trí, không khí hân hoan theo lễ nghi và sự trang nghiêm từ lâu đã trở nên thiêng liêng. Gia đình tôi tới dự, gia đình của Cherie cũng vậy. Căn nhà náo nhiệt, hối hả, tràn ngập không khí Giáng sinh. Tôi để mọi người lại và đi lên phòng dài – không gian yên tĩnh mà tôi thường lui tới, với những cuốn sách cổ, một số có từ thời Caxton⁴⁷. Tôi ngồi xuống và suy ngẫm. Tôi thực sự tin vào điều gì? Rằng Saddam sắp tấn công Anh hay Mỹ? Không. Rằng ông ta là mối đe dọa vũ khí hủy diệt hàng loạt lớn hơn Iran hay Bắc Triều Tiên hay Libya? Không hẳn thế, dù ông ta là nhà lãnh đạo duy nhất có thể đã dùng loại vũ khí này. Tạm thời không nói tới chuyện đó, với những chuyển thanh tra đem lại kết quả như nhau, liệu ông ta sẽ đe dọa sự ổn định của khu vực? Rất có thể. Ông ta sẽ lọc ra các nguyên liệu vũ khí hủy diệt hàng loạt và giúp đỡ các nhóm khủng bố? Đúng, Saddam rất có thể làm vậy. Liệu loại bỏ ông ta có tốt hơn cho đất nước Iraq không? Dĩ nhiên rồi. Có thể làm điều đó mà không nổ ra một cuộc

chiến tranh dài dầm máu không? Không ai biết chắc được điều này. Tôi có muốn thêm thời gian không? Có, nhưng là để tôi tìm các cách khác, chứ không phải vì tôi tin rằng bản chất của chế độ Saddam sẽ có ngày thay đổi. Liệu một Iraq mới có giúp xây dựng một Trung Đông mới không? Tôi cho rằng có thể.

Tôi có nghĩ rằng nếu chúng tôi rút lui bây giờ thì sau này sẽ phải đối mặt với Saddam không? Điều này quá rõ ràng: có, người đàn ông này, với quá khứ như thế, sẽ luôn luôn là nguồn gốc của sự bất ổn. Vào một lúc nào đó, đặc biệt là nếu bây giờ được củng cố sức mạnh, ông ta sẽ quay lại với những âm mưu cũ của mình.

Vậy, tham gia hay không tham gia? Tham gia. Tôi quyết định! Và nếu tham gia, toàn diện thì tốt hơn là một phần. Tôi vẫn nghĩ có thể tránh được chiến tranh. Tôi vẫn nghĩ có thể có phương án thay thế khác như ngoại giao, hoặc điều phi thường sẽ xảy ra để tránh xung đột. Tôi đã quyết tâm, ít nhất là cố thuyết phục Mỹ cho Iraq thêm thời gian. Nhưng tôi đã nói mình sẽ đứng về phía họ và nếu không thể tránh được xung đột, tôi sẽ dốc toàn lực chứ không phải tham gia nửa vời.

Nếu lúc đó bạn nói với tôi rằng sẽ không tìm thấy vũ khí hủy diệt hàng loạt sau khi lật đổ Saddam và rằng sau khi lật đổ hắn sẽ có 6 năm xung đột vật lộn với chủ nghĩa khủng bố, gây ảnh hưởng nặng nề đến người dân Iraq, thì liệu quyết định của tôi có khác đi không? Tôi tự đặt câu hỏi đó mỗi ngày. Quá nhiều máu đã đổ. Quá nhiều cuộc đời đã bị hủy hoại một cách tàn nhẫn. Vâng, một Iraq mới giờ đây đang hiện ra và cuối cùng ta cũng nhìn thấy những tia hy vọng. Nhưng cái giá phải trả có đáng không?

Và rồi tôi nghĩ đến việc để Saddam tiếp tục cầm quyền. Tôi còn nhớ những câu chuyện mà một vài người Iraq đã kể tôi nghe về cuộc sống dưới quyền Saddam. Những vụ giết chóc, những vụ tra tấn và trên tất cả là nỗi sợ bao trùm. “Bạn không tin ai cả ngoài gia đình thân thiết nhất của mình”. Tôi nhớ một người đàn ông nói: “Không ai cả.” Trong những ngày tồi tệ nhất của năm 2006 khi Basra dường như giày xéo dân chúng, tôi từng hỏi một người dân rằng liệu có tốt hơn không nếu điều đó chưa từng xảy ra. “Ông nói đùa à?”, anh ta nói. “Sẽ mất thời gian. Iraq từng là một đất nước mục nát. Với một số người, hiện tại thậm chí còn tồi tệ hơn. Đúng thế. Nhưng không, anh không biết quá khứ như thế nào đâu. Và ít ra thì giờ đây tương lai của chúng tôi nằm trong tay chúng tôi.”

Nhưng ngày đó, tôi không thể nhìn thấy tương lai; tôi chỉ có thể quan tâm tới những vấn đề hiện tại. Tháng 2 năm 2003, một triệu người đã diễu hành ở London phản đối cuộc chiến tranh. Chưa từng có cuộc biểu tình nào lớn hơn thế và nó nhắc tôi nhớ về tình thế cô lập của mình và trách nhiệm của quyết định mà tôi sắp đưa ra.

14. Nghị quyết

Những tuần chuẩn bị cho hoạt động vũ trang ngày 19 tháng 3 có lẽ là những ngày tháng khó khăn nhất trong suốt 10 năm làm Thủ tướng của tôi. Các thanh tra viên đã trở lại Iraq và cung cấp các báo cáo, nhưng chúng lúc nào cũng lấp lửng. Báo cáo Blix ngày 27 tháng 1 năm 2003 là báo cáo chính thức đầu tiên của đoàn thanh tra. Trong bài phát biểu tại Ủy Ban An ninh LHQ ngày 9 tháng 1, ông ta nhận định rằng tuyên bố Iraq tháng 12 năm 2002 vẫn chưa giải quyết được nhiều vấn đề nổi cộm; và thông tin mà đoàn thanh tra tìm kiếm vẫn chưa ngã ngũ.

Trong tờ trình ngày 27 tháng Một, đoàn thanh tra nêu rõ rằng, ít nhất là về mặt thủ tục, Iraq đã hơi thông thoáng hơn, nhưng nghị quyết LHQ tháng 11 năm 2002 lại yêu cầu Saddam phải phối hợp “ngay lập tức, vô điều kiện và chủ động”. Tờ trình này đóng vai trò quan trọng vì nó miêu tả bối cảnh cần thiết để hiểu những quyết định của tôi và người khác vào thời điểm đó. Blix thuyết minh như sau:

Nghị quyết 687 (năm 1991), giống như những Nghị quyết về sau mà tôi sẽ đề cập tới dưới đây, yêu cầu Iraq phối hợp nhưng Iraq thường xuyên từ chối hoặc phối hợp một cách miễn cưỡng. Khác với Nam Mỹ – nước đã tự quyết định xóa bỏ vũ khí hạt nhân và chào đón đoàn thanh tra như một cách để tạo niềm tin vào sự giải trừ quân bị của mình, Iraq dường như không thực sự chấp nhận – kể cả đến ngày hôm nay – việc giải trừ quân bị mà Nghị quyết yêu cầu, không thực sự chấp nhận rằng Iraq phải giải trừ quân bị thì mới lấy được niềm tin của thế giới và được sống trong hòa bình.

Sau đó ông ta tiếp tục miêu tả chi tiết những gì mình biết về một số chương trình vũ khí. Đây là điều đáng đọc vì nó cho ta cái nhìn sâu sắc hơn về những khó khăn khi đương đầu với một thể chế như thể chế của Saddam.

Vũ khí hóa học và vũ khí sinh học

Tác nhân thần kinh VX là một trong những chất độc nhất loài người từng tạo ra.

Iraq đã công bố rằng họ chỉ sản xuất VX trong phạm vi thử nghiệm, chỉ vài tấn với chất lượng kém và sản phẩm không ổn định. Vì thế, Iraq nói rằng họ chưa từng vũ khí hóa tác nhân này và khẳng định rằng họ đã đơn phương tiêu hủy lượng tác nhân còn lại sau Chiến tranh vùng Vịnh vào mùa hè năm 1991.

Tuy nhiên, Ủy ban Thanh tra, Kiểm tra, Giám sát LHQ (UNMOVIC) tìm thấy thông tin mâu thuẫn với tuyên bố này. Có dấu hiệu cho thấy Iraq đã nghiên cứu vấn đề độ tinh khiết và ổn định hóa tác nhân VX và đạt kết quả cao hơn so với công bố. Thật vậy, một trong số các tài liệu do chính Iraq cung cấp cũng chỉ ra rằng độ tinh khiết của nhân tố này, ít nhất là trong sản xuất phòng thí nghiệm, cao hơn công bố.

Cũng có dấu hiệu cho thấy tác nhân VX đã được vũ khí hóa và vẫn còn một lượng lớn tác nhân này sau ngày tiêu hủy mà Iraq công bố. Nó có thể vẫn còn tồn tại. Hoặc là UNMOVIC phải tìm ra và tiêu hủy nó, hoặc là Iraq phải trình được bằng chứng thuyết phục cho thấy nó đúng là đã bị tiêu hủy năm 1991.

Như tôi đã báo cáo với Hội đồng trước đó, Iraq đã không công bố một lượng lớn môi trường phát triển vi khuẩn, khoảng 650 kg, được nhập khẩu khi Iraq nộp cho hội đồng Amorim vào tháng 2 năm 1999. Trong tuyên bố ngày 7 tháng 12 năm 2002, Iraq đã nộp lại tài liệu cho hội đồng Amorim, nhưng trong đó không có bảng biểu thông tin nào về việc nhập khẩu lượng môi trường này. Việc thiếu bảng biểu có vẻ như là cố ý vì sổ trang trong tập tài liệu nộp đã được đánh lại.

Trong bức thư ngày 24 tháng 1 gửi cho Chủ tịch Hội đồng, Bộ trưởng Ngoại giao Iraq khẳng

định rằng “chúng tôi đã công bố tất cả thông tin về lượng môi trường phát triển vi khuẩn được nhập khẩu”. Đây không phải là bằng chứng. Tôi xin lưu ý thêm rằng lượng môi trường này đủ để sản xuất khoảng 5.000 lít vi khuẩn bệnh than đậm đặc.

Tên lửa

Giờ tôi xin được chuyển sang lĩnh vực tên lửa. Vẫn còn nghi vấn về việc liệu Iraq có giữ lại các tên lửa loại SCUD sau Chiến tranh vùng Vịnh không. Iraq tuyên bố đã sử dụng một số tên lửa SCUD như đích bắn trong quá trình phát triển hệ thống phòng vệ tên lửa chống đạn đạo trong những năm 1980. Tuy vậy người ta không đưa ra bất kỳ thông tin kỹ thuật nào về chương trình này hay dữ liệu nào về việc sử dụng các tên lửa này.

Đã có nhiều bước tiến trong lĩnh vực tên lửa trong 4 năm qua và Iraq cho rằng các hoạt động này không bị cấm. Chúng tôi đang tìm hiểu thêm về vấn đề này thông qua các chuyển thanh tra và các buổi thảo luận tại hiện trường.

Có hai dự án cụ thể đáng lưu ý. Đó là dự án phát triển một tên lửa chạy bằng nguyên liệu đốt cháy dạng lỏng gọi là Al Samoud 2 và một tên lửa sử dụng chất nổ rắn gọi là Al Fatah. Cả hai tên lửa đều đã được thử nghiệm vượt quá mức cho phép là 150 km. Al Samoud 2 được bắn thử với tầm bắn tối đa là 183 km và Al Fatah là 161 km. Một số tên lửa thuộc hai loại này đã được cung cấp cho các lực lượng vũ trang Iraq mặc dù nước này công bố rằng hai loại tên lửa này vẫn đang trong quá trình nghiên cứu thử nghiệm.

Đường kính của Al Samoud tăng lên 760mm từ phiên bản cũ bất chấp thư của chủ tịch UNSCOM năm 1994 ra lệnh cho Iraq hạn chế đường kính tên lửa ở dưới mức 600mm. Hơn nữa, bức thư năm 1997 của chủ tịch UNSCOM gửi Iraq còn cấm sử dụng các động cơ của một số tên lửa đất-đối-không vào mục đích tên lửa đạn đạo.

Trong buổi họp mới đây tại Baghdad, chúng tôi đã nghe trình bày về hai chương trình này. Iraq tuyên bố rằng tầm bắn chính của cả hai hệ thống này sẽ là 150 km, thấp hơn mức tối đa cho phép.

Những tên lửa này có thể đại diện cho những trường hợp vi phạm lệnh cấm ở Iraq. Cuộc thử nghiệm vượt quá mức cho phép 150 km khá nhiều, nhưng vẫn cần cân nhắc thêm về các yếu tố kỹ thuật trước khi chúng tôi có thể kết luận về vấn đề này. Hiện tại, chúng tôi đã yêu cầu Iraq dừng việc bắn thử nghiệm cả hai loại tên lửa nói trên.

Thêm vào đó, Iraq đã tân trang hạ tầng sản xuất tên lửa của mình. Cụ thể họ cho xây dựng lại một số khoang đúc trước đây đã bị phá hủy dưới sự giám sát của UNSCOM. Các khoang này được sử dụng để sản xuất các tên lửa sử dụng nguyên liệu rắn. Dù các khoang đúc này được sử dụng cho hệ thống tên lửa nào đi nữa, chúng cũng có thể sản xuất ra những mô-tơ cho tên lửa có tầm bắn xa hơn 150 km.

Cũng liên quan đến các tên lửa này là việc nhập khẩu trong những năm gần đây một số mặt hàng bất chấp các biện pháp trừng phạt, bao gồm cả biện pháp vào tháng 12 năm 2002. Đáng lưu ý nhất trong số này là việc nhập khẩu 380 động cơ tên lửa có thể được sử dụng cho Al Samoud 2.

Iraq cũng công bố lần nhập khẩu gần đây các chất hóa học sử dụng trong nhiên liệu phản lực, các dụng cụ đo kiểm thử nghiệm, các hệ thống hướng dẫn và điều khiển. Các mặt hàng này rất có thể đã được sử dụng vào các mục đích cấm. Điều này vẫn chưa được xác định chắc chắn. Rõ ràng là chúng đã được vận chuyển bất hợp pháp vào Iraq, tức là Iraq hoặc một công ty nào đó của Iraq đã vi phạm các giới hạn mà nhiều nghị quyết đã đề ra.

Chuyển thanh tra gần đây tìm thấy tại nhà riêng của một nhà khoa học hơn 3.000 trang tài liệu, nhiều trong số đó liên quan đến việc làm giàu uranium bằng laser. Điều này làm gia tăng mối

quan ngại từ lâu rằng các tài liệu có thể bị phân tán đến các gia đình cá nhân riêng lẻ. Iraq phủ nhận quan điểm này, khẳng định rằng các cán bộ nghiên cứu đôi khi có thể mang giấy tờ từ cơ quan về nhà. Về phía mình, chúng tôi không thể không nghĩ rằng đây có thể không phải là một trường hợp đơn lẻ và rằng sự xuất hiện của các tài liệu đó là cố ý để gây khó khăn cho việc tìm kiếm và hồng che giấu bằng cách cất chúng ở nhà riêng.

Tình hình sẽ trở nên nghiêm trọng nếu có thêm bất kỳ dấu hiệu che giấu tài liệu nào nữa. Tại những buổi đàm phán gần đây, phía Iraq đã cam kết khuyến khích người dân đồng ý cho kiểm tra cả ở những địa điểm cá nhân. Như vậy sẽ không thể che giấu các mặt hàng, hoạt động và tài liệu bị cấm nữa. Sẽ không ai có thể từ chối không cho kiểm tra đột xuất bất kỳ địa điểm nào nữa.

Tìm những người có thông tin đáng tin cậy: một danh sách nhân viên

Khi Iraq tuyên bố rằng không có bằng chứng hữu hình dưới dạng tài liệu, họ chí ít cũng phải tìm được các cá nhân, kỹ sư, nhà khoa học và người quản lý để cung cấp lời khai về những gì mình biết. Các chương trình vũ khí lớn đều do con người thực hiện và quản lý. Việc phỏng vấn các cá nhân đã làm việc trong các chương trình đó có thể bổ sung thêm những thông tin mà chúng ta chưa biết. Và việc đó cũng có thể có ích nếu như hiện tại họ đang làm việc trong những lĩnh vực hòa bình. Đây là những lý do vì sao UNMOVIC yêu cầu Iraq cung cấp danh sách những người như vậy, theo nghị quyết 1441.

Phía Iraq cung cấp khoảng 400 cái tên cho tất cả các chương trình vũ khí sinh học, hóa học và tên lửa. Có thể so sánh con số này với 3.500 cái tên của những người liên quan đến các chương trình vũ khí trước đây mà UNSCOM từng phỏng vấn trong thập niên 1990 hoặc biết qua tài liệu và các nguồn khác. Tại buổi mít tinh gần đây ở Baghdad, phía Iraq cam kết bổ sung thêm vào danh sách và họ đã cung cấp thêm khoảng 80 cái tên nữa.

Cung cấp thông tin thông qua phỏng vấn

Trước đây, rất nhiều thông tin quý giá đến từ các cuộc phỏng vấn. Cũng có trường hợp người được phỏng vấn rõ ràng tỏ ra sợ hãi trước sự xuất hiện và ngắt lời của các công chức Iraq. Đó là lý do vì sao Nghị quyết 1441 lại quy định trao cho UNMOVIC và IAEA quyền tổ chức phỏng vấn theo “hình thức và địa điểm” tự chọn, ở Baghdad hoặc thậm chí ở nước ngoài.

Đến nay, chúng tôi đã yêu cầu phỏng vấn 11 cá nhân ở Baghdad. Câu trả lời được nhất quán là cá nhân đó sẽ chỉ trả lời phỏng vấn nếu có sự xuất hiện của ban giám sát Iraq hoặc một công chức Iraq. Điều này có thể là do người được mời muốn có bằng chứng cho thấy họ đã không nói bất kỳ điều gì mà chính quyền không mong muốn. Tại những buổi tọa đàm gần đây ở Baghdad, phía Iraq đã cam kết sẽ khuyến khích người dân đồng ý phỏng vấn “riêng”, tức là chỉ với sự có mặt của chúng tôi. Dù vậy, tình hình vẫn chưa có gì thay đổi. Tuy nhiên, chúng tôi hy vọng với sự khuyến khích hơn nữa từ phía chính quyền, những cá nhân hiểu biết sẽ đồng ý phỏng vấn riêng ở Baghdad hay nước ngoài.

Tôi xin lỗi đã trích dẫn dài như vậy, nhưng chúng ta nhất thiết phải hiểu được bối cảnh của cuộc tranh luận về vũ khí hủy diệt hàng loạt trước thềm bùng nổ xung đột. Chúng ta là những người đồng minh chủ chốt đã chắc chắn rằng Saddam có một chương trình vũ khí hủy diệt hàng loạt đang hoạt động. Chúng ta đã cố gắng rất nhiều để Nghị quyết 1441 được thông qua. Rõ ràng lý do duy nhất khiến Iraq cho phép đoàn thanh tra trở lại là mối đe dọa về hành động quân sự. Cũng như vậy, việc Mỹ rục rịch xây dựng lực lượng là lý do duy nhất khiến Iraq chịu hợp tác. Nhưng sự hợp tác đó không đáp ứng được các yêu cầu của Nghị quyết 1441. Và lịch sử đã cho thấy khó mà tin tưởng được vào sự trung thực của Saddam đối với LHQ.

Tại thời điểm này, quân đội Anh cũng đã sẵn sàng chuẩn bị tinh thần cho chiến tranh. Nghị viện Anh đã nhận được nhiều thông báo vào tháng 1. Tôi vẫn hy vọng dù mong manh vào một hành động ngoại giao đột phá. Đối với tôi, viễn cảnh của một nghị quyết LHQ thứ 2 mới là

trung tâm. Chúng tôi vẫn chưa giải quyết được vấn đề liệu bản thân việc vi phạm Nghị quyết 1441 có đủ là lý do gây chiến không. Người ta đã bàn cãi về mặt pháp lý, nhưng rõ ràng là luật pháp và chính trị gắn bó chặt chẽ với nhau. Nếu phản đối chiến tranh, người ta có chiều hướng nghĩ rằng cần phải có một nghị quyết LHQ thứ 2 cho phép một cách cụ thể và rõ ràng các hành động quân sự. Nếu đồng ý lật đổ Saddam, họ sẽ không nghĩ đến điều này. Sự xuất hiện của nghị quyết này phụ thuộc vào việc Tổng thống Chirac và Tổng thống Putin đồng ý, hoặc ít nhất là không phủ quyết đối với nghị quyết mới này.

Lúc này có lẽ là thời điểm hợp lý để giải quyết vấn đề lời khuyên của Bộ trưởng Tư pháp Peter Goldsmith. Một lần nữa vấn đề này đã được bàn thảo tỉ mỉ thấu đáo trước Ủy ban điều tra Chilcot, nhưng một lần nữa nó lại trở thành chủ đề thâm căn cố đế được tạo ra để chứng minh rằng cuộc chiến này hoàn toàn bất hợp pháp, rằng Peter thực sự nghĩ như vậy và rằng ông ta bị ép phải thay đổi quan điểm của mình, không phải vì lý do pháp lý mà là vì nguyên cố chính trị sâu xa.

Vì thế chúng ta cần nêu lại một số ý tưởng và khái niệm pháp lý đằng sau kết luận cuối cùng của Peter. Nghị quyết trước của LHQ vào đầu thập niên 90 đã cho phép sử dụng sức mạnh để bắt Saddam tuân theo thể chế kiểm tra của LHQ. Cụ thể, Nghị quyết 678 nêu rằng nó:

“Cho phép các Nước Thành viên dùng mọi biện pháp cần thiết để giữ gìn và thực hiện Nghị quyết 660 của LHQ ngày 2 tháng 8 năm 1990 và tất cả những nghị quyết liên quan sau Nghị quyết 660 (năm 1990) và tái lập lại nền hòa bình quốc tế và an ninh khu vực.”

Vì thế cơ chế thanh tra UNSCOM đã được thành lập vào thời điểm đó nhằm giải trừ quân bị của Saddam, cho phép sử dụng vũ lực nếu ông ta không tuân theo. Nghị quyết này lúc đó vẫn còn hiệu lực. Vì thế ngay từ đầu đã có luận điểm cho rằng chúng ta có thẩm quyền sử dụng sức mạnh quân sự.

Việc phục hồi lại nghị quyết này là nền tảng cho hành động vũ trang chống lại Saddam năm 1993 và 1998, khi ông ta vi phạm nghị quyết LHQ và đuổi các thanh tra viên ra khỏi Iraq. Năm 2002, Nghị quyết 678 vẫn còn hiệu lực. Nhưng có vẻ như – và nêu rõ trong một công hàm tôi nhận được vào tháng 3 năm 2002 – vì thời gian trôi qua đã lâu, chúng ta nên có một nghị quyết LHQ mới nêu rõ việc Saddam vi phạm các nghị quyết LHQ để làm căn cứ cho các hoạt động tiếp theo. Vì thế chúng tôi đã nhất trí với LHQ rằng về mặt pháp lý cần có một nghị quyết mới.

Nghị quyết 1441 tháng 12 năm 2002 chính là nghị quyết LHQ mới đó. Nghị quyết này nêu rõ rằng Saddam đã vi phạm, cho ông ta “một cơ hội cuối cùng” để tuân theo; kêu gọi chấp thuận để các đoàn thanh tra “tiếp cận ngay lập tức, vô điều kiện và không bị hạn chế” và rằng việc từ chối lời kêu gọi này sẽ được coi là một “vi phạm nghiêm trọng hơn nữa”.

Nghị quyết này không quy định về các hành động quân sự trong trường hợp Iraq vi phạm. Tuy nhiên, nghị quyết này có yêu cầu sự đánh giá do Hội đồng thực hiện trong trường hợp vi phạm.

Vì thế dĩ nhiên cần có một nghị quyết nữa công khai cho phép sử dụng vũ lực. Nhưng quan điểm cho rằng việc làm đó không cần thiết cũng không phải không có căn cứ, rằng Nghị quyết 1441 quá rõ ràng và rằng nếu không hoàn toàn tuân theo Nghị quyết, Saddam vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của nghị quyết, Nghị quyết 678 vẫn được áp dụng và vì thế hành động can thiệp quân sự là hợp pháp.

Tôi không có ý rằng vấn đề này không cần thảo luận và tranh cãi; mà đơn giản là để khẳng định rằng hành động này có tính hợp pháp nhiều hơn.

Sự thực là cộng đồng quốc tế đã cùng nhau chấp thuận Nghị quyết 1441 và rồi hối hận khi nhận ra rằng Saddam vẫn không hoàn toàn hợp tác. Theo tôi, nếu Saddam tuân theo quyết định của Gaddafi và thực sự thay đổi, thì Nghị quyết 1441 đồng nghĩa với việc không có hành động quân sự nào diễn ra. George đã nhiều lần bày tỏ quan điểm đồng ý với điều này. Nhưng

Saddam lại không nghĩ vậy; vì thế hậu quả của thất bại này lại không được chấp nhận trên tinh thần của Nghị quyết 1441.

Việc này đã dẫn đến một cuộc thảo luận nội bộ ở Bộ Ngoại giao và Bộ Tư pháp. Đầu tiên, mặc dù Peter nghĩ rằng nghị quyết 1441 thay đổi buổi thảo luận đáng kể, ông ấy vẫn đưa ra quan điểm rằng, để chắc chắn chúng tôi nên có một nghị quyết khác nữa. Đó là tất cả những gì mà UNSC nghĩ khi thông qua Nghị quyết 1441.

Cuối cùng, khi nói chuyện với Ngài Jeremy Greenstock – đại sứ ở LHQ thực hiện nhiệm vụ đàm phán Nghị quyết 1441, Peter đã bị lay chuyển. Và sau một cuộc tranh luận với các luật sư Mỹ, ông ta cuối cùng cũng bị thuyết phục. Điều thuyết phục Peter là lợi ích của việc đàm phán và cụ thể hơn là thực tế rằng Pháp và Nga đã thất bại khi cố gắng liên kết bất kỳ hành động quân sự nào với một nghị quyết mới.

Vì thế, đương nhiên là có ý kiến tán thành và phản đối trong vụ việc pháp lý này, nhưng cuối cùng, Peter đi đến kết luận ủng hộ tính hợp pháp của hành động quân sự này, miễn là có chứng cứ rõ ràng cho thấy Saddam vẫn không hoàn toàn tuân theo. Và Blix, dù có lấp lửng đến đâu, vẫn thể hiện quan điểm rõ ràng về vấn đề này thậm chí cho đến tận khi giao chiến bùng nổ.

Tuy nhiên, về mặt chính trị, cũng như đặt vấn đề lên trên mọi yêu cầu pháp lý, chắc chắn một nghị quyết thứ hai vẫn được mong đợi. Trên tất cả, nghị quyết này hy vọng sẽ liên kết được cộng đồng quốc tế.

Đáng tiếc là trong suốt tháng 2, bất chấp mọi nỗ lực của tôi, sự chia rẽ trong cộng đồng quốc tế chỉ tăng lên chứ không hề giảm đi. Châu Âu bị phân làm đôi. Như tôi đã nói, 13 trong số 25 nước thành viên châu Âu biểu quyết ủng hộ. 10 nước ủng hộ mạnh mẽ quan điểm của Mỹ và bị Jacques Chirac thẳng thắn phê phán vì điều đó. Nhưng hệ thống châu Âu “cũ và mới” dẫn đến những quan điểm sai lầm – Tây Ban Nha và Ý cùng ủng hộ khai chiến. Các đồng minh của Mỹ ngoài châu Âu, như Nhật Bản và Hàn Quốc, cũng tập hợp lại. Nhiều nước thành viên NATO cũng vậy. Nước Úc, dưới thời kỳ lãnh đạo của John Howard, thì ủng hộ một cách vững vàng và kiên quyết.

Nhưng dư luận ở nhiều nước vốn có truyền thống ủng hộ, như Thổ Nhĩ Kỳ, lại phản đối mạnh mẽ. Canada quyết định không ủng hộ nếu không có một nghị quyết LHQ mới, Mexico cũng vậy.

Về cơ bản, ở những quốc gia mà quan hệ đồng minh với Mỹ đóng vai trò quan trọng trong chính sách ngoại giao, họ có xu hướng ủng hộ Mỹ. Còn những nước mà quan hệ đồng minh ấy cũng quan trọng, nhưng giữ vai trò căn bản, họ rút lui. Trong tình cảnh này, động cơ dẫn đến bất đồng bắt đầu cấu thành những mối liên minh mới, với Pháp, Đức và Nga để tạo ra một cực quyền lực và ảnh hưởng thay thế.

Tôi cho rằng điều này rất có hại, nhưng tôi cũng hiểu đây là điều không thể tránh khỏi. Họ cũng cảm nhận như tôi và không sẵn lòng “chạy theo” Mỹ. Họ cho rằng xung đột sẽ gây hại đến mối quan hệ giữa phương Tây và thế giới Hồi giáo. Và dĩ nhiên, càng nói nhiều về vấn đề này thì họ càng phân tích sâu và củng cố nó.

Đối với tôi, lựa chọn vẫn như cũ. Tôi đồng ý với phân tích cơ bản của Mỹ rằng Saddam là một mối đe dọa; tôi cho rằng ông ta là một con quỷ và việc phá vỡ quan hệ đồng minh với Mỹ trong trường hợp này, khi các đồng minh chủ chốt của Mỹ đều tập trung xung quanh, sẽ gây tổn hại lớn và lâu dài đối với mối quan hệ đó.

Tuy vậy, tôi vẫn tung xúc xắc lần cuối. Vấn đề mà một người sáng suốt phải nhìn thấy ở đây là cảm giác rằng chiến tranh xảy ra quá gấp gáp. Hiện nay, phía Mỹ cho rằng mọi thứ đã sẵn sàng, họ đã tập trung 250 nghìn quân ở khu vực đó và không thể khoan tay ngồi chờ các biện pháp ngoại giao mà họ có lý do chính đáng để cho là sẽ không bao giờ kết thúc. Mỹ cho rằng Nghị quyết 1441 là cơ hội cuối cùng; Saddam đã không nắm lấy; nếu chúng ta cho thêm thời gian,

ông ta cũng sẽ chỉ chơi xỏ chúng ta như đã từng làm; ông ta sẽ không không bao giờ thay đổi; chúng ta đang tự huỷ hoại mình khi nghĩ rằng ông ta sẽ thay đổi; vì thế hãy đứng lên và giải quyết vấn đề ngay bây giờ.

Các báo cáo của đoàn thanh tra không bao giờ mang lại kết luận cuối cùng; nhưng rõ ràng chúng không phải là bằng chứng của việc “tuân theo ngày lập tức, vô điều kiện và chủ động”. Mỹ đã vô cùng nôn nóng. Tổng thống Bush trên thực tế đang mất dần sự ủng hộ chỉ vì chờ đợi. Cộng đồng quốc tế chia rẽ. Dự luận Anh không thống nhất. Đảng cầm quyền cũng bị phân hóa. Tôi đang ở trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn.

Sự căng thẳng đối với mọi người quanh tôi tưởng như không thể chịu nổi. Tại nhà riêng trên phố Downing, tôi gần giống như một thầy ma, ăn uống lơ đãng, không nghe thấy câu hỏi của lũ trẻ, cố gắng giữ cho cuộc sống gia đình bình thường nhưng cả gia đình đều nhận thấy rõ rằng nó cực kỳ bất thường, ít nhất là vì cách tôi cư xử. Đôi khi tôi ép mình thư giãn và dừng làm việc, nhưng vấn đề này cứ như một cơn đau nhói liên miên không ngớt, không cho tôi quên nó dù chỉ một tích tắc và không ngừng nhắc nhở tôi phải giải quyết ngay.

Dần dần tôi buộc phải làm vậy. Tôi ngồi xuống và suy ngẫm ngọn ngành phải trái. Tôi biết rằng quyết định cuối cùng của mình là sẽ đứng về phía Mỹ, vì theo tôi đó là điều đúng đắn về mặt đạo đức và chiến lược. Nhưng vẫn nên cố gắng lần cuối tìm kiếm giải pháp hòa bình. Tôi quyết định làm hai việc. Thứ nhất là phân tích những lý do đạo đức để lật đổ Saddam nhằm đáp lại những lý do đạo đức của những người phản đối chiến tranh. Thứ hai là cố thêm một lần nữa đoàn kết cộng đồng quốc tế đằng sau căn cứ gây chiến rõ ràng trong trường hợp liên tục vi phạm nghị quyết.

Vào ngày biểu tình lớn ở London – ngày 15 tháng 2 – tôi phải phát biểu tại Hội nghị mùa Xuân của Công Đảng Scotland ở Glasgow. Tôi ngủ không ngon, những lý lẽ cứ lớn vồn trong đầu, nhưng quyết tâm nêu rõ vấn đề rằng dù họ cảm thấy thế nào về viễn cảnh ghê sợ nếu xảy ra xung đột, thì họ cũng không nên né tránh viễn cảnh khủng khiếp nếu Saddam tiếp tục nắm quyền. Trong khách sạn ở Edinburgh (nơi chúng tôi ở vì lý do an ninh), tôi ngồi tại bàn làm việc và viết bài diễn thuyết đến tận sáng sớm.

Caledonian là một khách sạn cổ tuyệt vời ở cuối phố Princes. Từ phòng mình tôi có thể nhìn thấy Arthur's Seat nhô lên đằng sau Cung điện Edinburgh. Công trình kỳ vĩ có từ thế kỷ XIV đó là nơi diễn ra những buổi dạ hội mùa hè, nơi kèn trống khoa trương sức mạnh quân sự cổ đại của Scotland. Khi còn nhỏ vẫn còn ở Fettes tôi đã từng tới đó trong những kỳ nghỉ. Phóng tầm mắt ngoài khung cửa sổ khách sạn, nhìn ngắm những tảng đá, cung điện và tất cả những cảnh vật quen thuộc ở Edinburgh, tâm trí tôi đã sẵn sàng để viết bài phát biểu này.

Trung tâm hội nghị ở Glasgow được bảo vệ bao quanh. Vô số người chống đối tập trung ở phía ngoài. Các thành viên của đảng lắng nghe bài phát biểu của tôi một cách chăm chú. Thật ra, mọi người quan tâm tới luận điểm của tôi. Khi nói đến đoạn chính của bài phát biểu, tôi mô tả tình hình như sau:

Lý lẽ đạo đức để phản đối chiến tranh có một câu trả lời: đó chính là nguyên có để lật đổ Saddam. Đó không phải là lý do khiến chúng ta hành động. Việc này phải tuân theo quyết định của LHQ về vũ khí hủy diệt hàng loạt. Nhưng đó chính là lý do vì sao, nói thẳng thắn, nếu chúng ta phải hành động, thì chúng ta nên làm vậy với lương tâm trong sạch.

Vâng, chiến tranh đem lại tổn thất. Nếu chúng ta lật đổ Saddam bằng vũ lực, sẽ có người phải nằm xuống, trong đó có cả người vô tội. Và chúng ta phải sống với những hậu quả do hành động của mình gây ra, kể cả là những hậu quả không dự tính trước. Nhưng “dừng cuộc chiến” cũng sẽ để lại những hậu quả.

Nếu tôi làm theo lời khuyên đó và không cương quyết giải trừ quân bị, vâng sẽ không có chiến tranh – nhưng Saddam vẫn còn đó. Nhiều người diễu hành hôm nay sẽ nói ghét Saddam,

nhưng hậu quả của việc nghe theo lời khuyên của họ là ông ta vẫn sẽ nắm quyền ở Iraq, cai trị người dân Iraq. Một đất nước, mà vào năm 1978 trước khi ông ta nắm quyền, giàu có hơn cả Malaysia hay Bồ Đào Nha. Một đất nước mà ngày nay, trong số 1.000 trẻ em Iraq được sinh ra có tới 130 đứa trẻ chết trước khi lên 5, 70% trong số đó là do tiêu chảy và viêm đường hô hấp – những bệnh có thể dễ dàng phòng tránh. Một đất nước mà hơn 1/3 trẻ em sinh ra ở trung tâm và phía Nam Iraq bị suy dinh dưỡng mãn tính. Một đất nước mà 60% người dân sống phụ thuộc vào trợ cấp lương thực. Một đất nước mà một nửa dân số ở vùng nông thôn không có nước sạch.

Một đất nước mà hàng năm và hiện tại, hàng vạn người tù chính trị đang héo mòn vì điều kiện sống kinh khủng trong những nhà tù của Saddam và thường xuyên bị hành quyết. Một đất nước mà trong suốt 15 năm qua, hơn 150 nghìn người Hồi giáo Shia ở phía nam Iraq và người Hồi giáo Kurd ở phía bắc Iraq đã bị giết hại; với gần 4 triệu người Iraq tha hương khắp thế giới, bao gồm 350 nghìn người nay đang ở Anh.

Đây không phải là một thể chế ôn hòa nếu không có vũ khí hủy diệt hàng loạt. Đây là một thể chế đi ngược lại mọi nguyên tắc hay giá trị mà bất kỳ chính trị gia nào trong số chúng ta tin vào. Sẽ không ai điều hành vì các nạn nhân của Saddam, không ai biểu tình vì hàng nghìn trẻ em chết đói hàng năm dưới ách thống trị của ông ta, không ai nổi giận vì những nhà tù tra tấn dã man mà ông ta đang duy trì.

Những ngày sau đó là một chuỗi những hoạt động ngoại giao, phát biểu, họp báo và các cuộc điện thoại. Giờ đây tôi hoạt động hoàn toàn trong trạng thái hưng phấn, cực kỳ tập trung, thông suốt đầu óc và theo dõi các nhà lãnh đạo khác đi đến quyết định cuối cùng. Một số quay ra ủng hộ Mỹ, một số chống lại, một số lánh tránh. Đây là thời điểm khốn khổ đối với tất cả mọi người. Có quá nhiều rủi ro. Quan điểm của George rất rõ ràng: ngăn chặn những gì bất thường và khó đoán trước, Mỹ sẽ lật đổ Saddam. Toàn bộ sức mạnh của lực lượng vũ trang Mỹ đã tập trung quanh Iraq.

Điều trớ trêu, như tôi chỉ ra cho George, là ý định của Mỹ càng rõ ràng dứt khoát, thì thái độ của Saddam càng hướng về phía hợp tác. Điều này được phản ánh trong báo cáo Blix ngày 14 tháng 2. Trong khi báo cáo tháng 1 chỉ ra vi phạm Nghị quyết 1441, báo cáo tháng 2 chỉ ra dấu hiệu tăng cường hợp tác. Rõ ràng, Iraq ngày càng tích cực hợp tác khi mà viễn cảnh hành động vũ trang ngày càng đến gần, nhưng cũng rõ ràng là khó mà giải quyết được vấn đề trừ phi kẻ cầm quyền ở Iraq thay đổi một cách thực sự chứ không phải chỉ là tạm thời. Báo cáo cũng mô tả việc phát hiện Iraq nhập khẩu thêm nguyên liệu cho tên lửa tầm xa – hành vi vi phạm nghị quyết LHQ và những khó khăn trong việc truy tìm vi khuẩn than, tác nhân thần kinh VX nếu Iraq không hợp tác hơn nữa. Báo cáo kết luận rằng: “Nếu Iraq hợp tác vào năm 1991, quá trình giải trừ quân bị – theo Nghị quyết 678 (năm 1991) đã tốn ít thời gian hơn và tránh được một thập kỷ trừng phạt. Hiện nay, 3 tháng sau khi Nghị quyết 1441 (năm 2002) được thông qua, quá trình giải trừ quân bị vẫn có thể tốn ít thời gian nếu Iraq chịu “hợp tác ngay lập tức, tích cực và vô điều kiện” với UNMOVIC và IAEA.” Họ hy vọng rằng sẽ giải trừ được quân bị của Iraq, nhưng báo cáo vẫn kết luận rằng mức độ hợp tác của nước này chưa đáp ứng đủ yêu cầu của nghị quyết LHQ ba tháng trước đây.

Ngay cả trong báo cáo của mình với LHQ ngày 7 tháng 3, đây cũng là những gì mà Hans Blix nói về sự hợp tác của Iraq. Dù khẳng định rằng sự hợp tác đang gia tăng, mà ông cho rằng “nhiều khả năng là do áp lực bên ngoài”. ông tiếp tục đặt ra vấn đề về phỏng vấn và tài liệu:

Rõ ràng, dù nhiều động thái về phía Iraq có thể được coi là “chủ động”, hoặc thậm chí là “tiên phong”, nhưng những động thái sau khi nghị quyết mới ra đời tới 3, 4 tháng thì không thể coi là hợp tác “ngay lập tức” được.

Quan trọng nhất, về vấn đề cốt yếu – phỏng vấn, Blix sẽ không thể nhận được sự hợp tác. Điều này chỉ xảy ra sau tháng 3 năm 2003 với Nhóm Nghiên cứu Iraq (ISG). Vì thế mặc dù cả chúng

ta và Blix đều muốn có thêm thời gian, nhưng khoảng thời gian ấy khó mà mang lại điều gì ngoài kết luận sai lầm rằng vì Saddam không có chương trình vũ khí hủy diệt hàng loạt nào, nên ông ta không phải là một mối đe dọa.

Vấn đề phỏng vấn có vai trò đặc biệt quan trọng. Cuối cùng thì phỏng vấn chính là cách giúp ISG tìm ra sự thật của toàn bộ vụ việc. Thực tế, Saddam sẽ không bao giờ cho phép những người đứng đầu bộ máy của mình để lọt tin tức ra ngoài. Tháng 12 năm 2002, chỉ sau khi Blix và UNMOVIC đã vào Iraq, chúng ta mới biết rằng Saddam đã gọi những người chủ chốt, trực tiếp làm việc về vấn đề vũ khí tới và nói với họ rằng bất kỳ ai tiến hành phỏng vấn ngoài Iraq sẽ bị đối xử như một điệp viên của kẻ thù. Về sau vào năm 2004, ISG tìm ra bằng chứng của một buổi họp gồm hơn 400 nhà khoa học do Taha Ramadan (phó Tổng thống Iraq) chủ tọa, ngay trước khi đoàn thanh tra quay lại. Trong cuộc họp đó, Taha Ramadan đã cảnh báo họ về những hậu quả khủng khiếp nếu đoàn thanh tra tìm thấy bất kỳ điều gì cản trở việc gỡ bỏ các biện pháp trừng phạt. Dĩ nhiên nghĩa vụ theo Nghị quyết 1441 hoàn toàn ngược lại: tiết lộ mọi điều liên quan đến việc kiểm tra. ISG cũng phát hiện ra rằng khi tiếp tục kiểm tra, các chuyên gia nước ngoài đã bị hạn chế ngoài tầm kiểm soát của các thanh tra.

Vì thế nói cho cùng, nỗ lực của tôi có thể là vô ích, mặc dù vào lúc đó tôi nghĩ rằng các cuộc phỏng vấn có thể đem lại kết quả nào đó.

Nhưng khi báo cáo lấp lửng này nối tiếp báo cáo lấp lửng kia, thì các ý kiến ngày một phân cực.

Dư luận ở đa số các nước châu Âu phản đối mạnh mẽ. Ở Tây Ban Nha, José María Aznar nói với tôi rằng chỉ có 4% người ủng hộ hành động quân sự. Tôi đáp lại ông ấy rằng đó cũng tương đương số phần trăm những người tin rằng Elvis vẫn còn sống. Nhưng ông ấy là một người cứng đầu và sẽ kiên quyết với Mỹ. Ông ấy tin, giống như tôi, rằng nhiều khả năng có mối liên hệ nào đó giữa sự gia tăng vũ khí hủy diệt hàng loạt với các nhóm khủng bố; và rằng bây giờ chính là thời điểm quyết định lập trường đối với thể chế Saddam – thể chế đã sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Nhưng ông ấy cũng, giống như tôi, cho rằng việc xây dựng một nghị quyết LHQ mới cho phép tấn công, nếu có thể, là rất quan trọng. Jack, Hilary Armstrong, Sally, tất cả những người thân cận nhất với tôi đều khuyên rằng nếu không có một nghị quyết LHQ đồng ý sử dụng vũ lực, hoạt động chính trị của tôi sẽ rất khó khăn và có thể phải dừng lại. Tôi hỏi Alastair về khả năng tôi phải từ chức. “Khoảng 20%”, ông ta nói. “Phải 30%”, tôi trả lời, “và sẽ ngày càng tăng.”

Các phiên họp nội các vẫn diễn ra đều đặn và nhìn chung mọi người đều thông cảm. Robin rõ ràng là đang mong chờ một lối thoát, nhưng ông ta làm điều đó với sự minh bạch và không có ý định xấu nào (vào thời điểm đó) đối với cá nhân tôi.

Clare vẫn cư xử như bình thường. Một trong những điều kỳ quặc nhất mà người ta thường nói về việc quyết định chiến tranh đó là: một nhiệm vụ của riêng một người, bàn thảo với một vài cố vấn đặc biệt trên sofa trong phòng làm việc, mà không có sự xuất hiện của Nội các. Thực ra, đây là chủ đề thảo luận của hầu hết mọi phiên họp Nội các trong suốt gần 6 tháng, không chỉ có tôi mà cả Jack và Geoff Hoon giải trình cặn kẽ và mọi người không chỉ có quyền phát biểu, mà thực sự đã tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.

Đây cũng là hành động vũ trang duy nhất cần được Hạ viện chấp thuận trước. Các nhà lãnh đạo Đảng Đối lập được cung cấp thông tin kỹ càng và được gặp các nhà tình báo và chỉ huy quân sự.

Cả hai nhà lãnh đạo Đảng Đối lập đều cư xử một cách nhã nhặn và đáng kính. Charles Kennedy phản đối chiến tranh, điều này đã rõ, nhưng ông ta trình bày quan điểm một cách ý tứ và thân thiện; và tôi nghĩ ông ta cũng hiểu rằng tôi đang ở vào thế khó.

Iain Duncan Smith từ lâu đã ủng hộ việc tấn công Saddam. Ông cho rằng Saddam là một mối đe dọa, sẽ không bao giờ thay đổi và cần phải được giải quyết triệt để. Ông đã viết một cuốn sách

rất cương quyết về vấn đề này hồi đầu năm 2002. Giống như những vị cựu Bộ trưởng dưới thời Thatcher và là người theo Đảng Bảo thủ, ông phản đối việc Anh thắt chặt quan hệ với EU nhưng ủng hộ mạnh mẽ quan hệ liên minh với Mỹ. Ông ra sức ủng hộ và tôi rất biết ơn vì điều này. Thêm vào đó, khác với đồng nghiệp của mình, ông không phải là một người hay thay đổi, “gió chiều nào che chiều đó” mà luôn giữ lập trường của mình kể cả trong trường hợp “gió đổi chiều”.

Rõ ràng, tôi cần các lá phiếu của Đảng Bảo thủ để có thể chắc chắn giành phiếu thuận trong Hạ viện và chúng tôi đã cam kết một lá phiếu trước khi hoạt động diễn ra. Vì thế tôi biết mình sẽ có lá phiếu đó. Nhưng – chữ “nhưng” ở đây khá lớn – các thành viên Đảng Bảo thủ đã thể hiện rõ ràng nếu có động thái “không –tin tưởng” sau khi bỏ phiếu về xung đột, họ sẽ đứng về phía những kẻ chống đối. Trong trường hợp đó, tôi sẽ thua. Vì thế tôi phải thắng bằng cách ngăn cản những người ở phe mình đứng về phía đối phương cho tới khi chấp thuận việc họ sẽ bỏ phiếu chống lại Chính phủ nếu có động thái “không –tin tưởng”.

Vào thứ Tư ngày 5 tháng 3, khi Pháp, Đức và Nga tuyên bố chung tách ra khỏi liên minh Mỹ, Jack đến gặp tôi sau chương trình chất vấn Thủ tướng. Ông ta thực sự lo sợ về một vụ bùng nổ chính trị. “Nếu thứ Tư tuần sau ngài đi với Bush mà không có nghị quyết thứ hai, thể chế duy nhất sẽ thay đổi chính là thể chế trong căn phòng này.” Ông nói như một người bạn và một đồng nghiệp; và ông ấy đã nói thật lòng.

Tôi phát hiện ra rằng Andrew Turnbull, người kế nhiệm Richard Wilson làm Thư ký Nội các vào tháng Chín năm 2002, đang lặng lẽ nghiên cứu các quy định của Công Đảng và chính sách với Chính phủ trong trường hợp tôi từ chức. Chắc là John Prescott sẽ lãnh đạo Chính phủ và sẽ có một loạt những hệ quả hành chính mà Andrew phải giải quyết. Anh ta làm việc đó không phải một cách lén lút; anh ta có quyền nghiên cứu mọi khả năng và đây chắc chắn là một trong số đó. Nhưng khi biết chuyện, tôi cười gượng và nghĩ rằng: Đây rất có lẽ là những ngày đương nhiệm cuối cùng của mình.

Tôi gắng hết sức tìm cách giải quyết theo con đường ngoại giao. Ngày 7 tháng 3, mọi chuyện trở nên phức tạp hơn khi Putin tuyên bố sẽ phủ quyết bất kỳ nghị quyết thứ hai nào. Tôi biết rằng mình còn khoảng 10 ngày để các thanh tra có thêm chút thời gian. Tôi vẫn nghĩ rằng có thể, dù cơ hội ngày càng mong manh, khiến Saddam đầu hàng; hoặc chúng ta có thể cử một lực lượng thanh tra của LHQ tới Iraq thực hiện quá trình giải trừ quân bị một cách hiệu quả. Trong lúc đó, tôi nghĩ ra ý tưởng của riêng mình, ý tưởng mà tôi đã trao đổi với Hans Blix và một số nước không liên kết trong Hội đồng Bảo an LHQ.

Có 5 thành viên cố định trong Hội đồng Bảo an LHQ. Rồi có 10 thành viên không cố định do các nước thay phiên nhau đảm nhiệm. Các vị trí này chủ yếu là cho các quốc gia Nam Mỹ, châu Phi hoặc châu Á. Mỗi thành viên cố định có một phiếu phủ quyết. Các thành viên không cố định thì không.

Thực ra ý tưởng của tôi nảy sinh từ sự mập mờ trong các báo cáo của thanh tra LHQ mà Hans Blix đã trình. Các báo cáo này, theo lời Mỹ, là bằng chứng cho thấy Iraq đã vi phạm Nghị quyết tháng 11 năm 2002 của LHQ. Vì thế, họ cho rằng, về mặt chính sách và luật pháp, tiến hành hành động vũ trang là hoàn toàn chính đáng.

Tuy nhiên, chính bạn có cũng có thể nói rằng: Đúng là Iraq không hoàn toàn hợp tác, nhưng họ cũng đã phần nào hợp tác rồi. Và hiển nhiên chúng ta có thể chỉ ra những lĩnh vực không hợp tác, ví dụ như việc từ chối cho phép tiến hành phỏng vấn ngoài Iraq, việc không trình được các tài liệu liên quan, việc từ chối cung cấp chứng cứ tiêu hủy các chất trái phép, v.v... Tôi cho rằng: chúng ta sẽ soạn thảo một văn bản với các thanh tra LHQ, nêu rõ những vấn đề chưa được giải quyết, mặt sau của văn bản này sẽ là các yêu cầu mà Saddam phải thực hiện ngay tức khắc và chúng ta cho họ một thời hạn – 7 ngày – để bắt đầu hợp tác hoàn toàn, nếu không chúng ta sẽ tiến hành các hành động vũ trang. Blix cho rằng Saddam có thể sẽ đồng ý. Tôi nhận nhiệm vụ

rất khó khăn là thuyết phục Mỹ.

Một lần nữa, tôi tập trung vào vấn đề phỏng vấn. Về vấn đề này, tôi đã có nhiều cuộc thảo luận với Hans Blix. Tôi nói với ông ta rằng chúng ta phải đưa những người quan trọng ra khỏi Iraq. Đây là cách duy nhất khiến họ dám nói thật. Ông tỏ ra miễn cưỡng. Họ có thể bị giết, ông nói, hoặc gia đình họ sẽ bị tra tấn. Ông ta thấy không gánh nổi trách nhiệm đó. Tôi cảm thấy hơi khó chịu. Nếu chính quyền Saddam giết họ, hành động đó sẽ thuyết minh hùng hồn cho những hành động của Saddam và có hay không việc tuân thủ Nghị quyết 1441? Dù sao thì cuối cùng ông ta cũng miễn cưỡng.

Những người quanh tôi đã đi đến quan điểm này: nếu đặt một nghị quyết với lịch trình như vậy trước Hội đồng Bảo an và bị phủ quyết, chúng ta vẫn có thể chấp nhận được, miễn là được phân công Hội đồng ủng hộ. Đây là vấn đề chính trị chứ không phải hành động pháp lý.

Trong tuần từ ngày 7 đến ngày 14 tháng 3, tôi có lịch điện thoại dày đặc. Vì phải nói chuyện với nhiều người ở múi giờ EST (thời gian chuẩn phương Đông), tôi thường thực hiện các cuộc gọi vào tờ mờ sáng. Thuyết phục George quả là một nhiệm vụ khó khăn. Cả bộ máy của ông ta hoàn toàn phản đối điều này. Quân đội của ông ta lo sợ một cách chính đáng rằng việc trì hoãn sẽ cho đối phương thêm thời gian – và thời gian đồng nghĩa với một cuộc chiến khốc liệt hơn và mất nhiều sinh mạng hơn. Điều này cũng gây phiền não cho quân đội của tôi. Chúng tôi đã lập tất cả các loại kế hoạch sẵn sàng đối phó với từng hành động mà Saddam có thể tiến hành. Có thể là đốt cháy các mỏ dầu, thả chất độc hóa học hoặc tòi tẻ hơn, chất độc sinh học, hoặc tấn công Israel. Những sự kiện trong quá khứ khiến chúng ta khó có thể tin rằng ông ta là một người đáng tin hay có tính nhân đạo. Trước đây đã có cảnh báo về mối đe dọa này.

Dù vậy tôi nghĩ vẫn đáng thử một lần. Ricardo Lagos, Tổng thống của Chile là một đồng minh, một người đàn ông thực sự thông minh và nhạy cảm, một chính trị gia tân tiến duy chỉ thiếu lòng dũng cảm để làm những công việc khó khăn. Cả ông và Tổng thống Fox của Mexico đều ở trong tình thế không hề dễ chịu chút nào. Họ đều là những đồng minh lớn của Mỹ nhưng tư tưởng chủ nghĩa của họ lại kịch liệt phản đối chiến tranh.

Tôi nêu rõ lý do trì hoãn của mình trong một công hàm gửi George. Sau đó chúng tôi đã có một cuộc nói chuyện điện thoại. Dù khó nhưng tôi cố gắng trình bày rõ ràng qua điện thoại và George đã miễn cưỡng đồng ý. Chúng tôi chuẩn bị tài liệu với nhóm người của Blix. Trong đó có 5 bài kiểm tra. Điều này có thể, đặc biệt là trong các cuộc phỏng vấn, moi được thông tin về những gì mà họ đang che giấu và xác định liệu họ có chút thành thật nào không.

Chile và Mexico đã chuẩn bị để tham gia nhưng chỉ ở một chừng mực nào đó. Ricardo đã làm rõ rằng nếu Pháp phản đối mạnh mẽ, sẽ rất khó để họ có thể tham gia vào cái mà sau này sẽ là một lá phiếu chiếu lệ, không thể được thông qua bởi một phủ quyết – và hơn cả một phủ quyết của Nga, đó là phiếu phủ quyết của Pháp.

Thật không may là vị trí của Pháp ngày càng vững chắc hơn chứ không yếu đi. Họ đã bắt đầu tuyên bố rằng trong bất kỳ trường hợp nào cũng sẽ không ủng hộ hành động vũ trang bất luận cho các thanh tra có tìm được gì đi nữa. Họ đã xây dựng được một mối quan hệ tay ba mới và rất vững chắc với Đức và Nga. Nó trở thành một cực quyền lực thay thế, chống lại Mỹ và mang lại cho họ lợi ích về cảm tình từ người Hồi giáo và Ả Rập.

Tôi quyết định rằng dù sao đi nữa thì chúng tôi cũng phải bàn bạc về năm bài kiểm tra đó. Chúng tôi đã làm vậy vào sáng sớm ngày thứ Năm, 13 tháng 3. Chúng tôi ngay lập tức bị Pháp từ chối. Jacques Chirac đã đưa ra một tuyên bố hùng hồn rằng trong bất cứ trường hợp nào ông ta cũng sẽ không ủng hộ các hành động vũ trang. Dominique de Villepin, khi đó là Bộ trưởng Ngoại giao, là người mà tôi thực sự quý mến, nhưng không đồng tình với tôi về điều này và từ chối sử dụng bài kiểm tra. Điều này xảy ra trước cả khi Iraq phản ứng. Ricardo sau đó đã giải thích rằng, trong tình thế này ông ta không thể tham gia vào trò chơi đổ chữ rõ là phù phiếm ở Hội đồng Bảo An. Con đường LHQ đã bị chặn lại.

Trong lúc đó chúng tôi đã giải quyết xong các vấn đề pháp lý của mình.

Mùng 7 tháng 3, Peter Goldsmith đệ trình ý kiến cuối cùng của ông. Như tôi đã nói trước đây, ông tới Washington bàn bạc kỹ lưỡng với các luật sư của Chính phủ. Ông đưa ra các lý lẽ để bênh vực và chống lại và cuối cùng thì tỏ ra đồng tình. Sau đó, Peter phải chịu nhiều áp lực vì đã hành động như vậy. Sự thật ông đã và đang là một người thật sự liêm chính. Ông muốn chắc chắn. Điều này thật khó. Hệ thống luật sư trên thế giới rất rộng và với vấn đề này mỗi luật sư lại có chính kiến riêng của họ. Ông cảm nhận được trách nhiệm sâu sắc, như ông cần phải có. Rõ ràng là có một lý do pháp lý để phản đối, nhưng cũng có lý do để ủng hộ. Ông đã tranh luận, bàn bạc, chỉ trích và đưa ra quyết định. Ý kiến của ông được cân bằng. Những luận điểm của ông cũng cân bằng. Ông đã hoàn thành công việc của mình.

Peter cũng là một trong số hiếm hoi những luật sư chịu trách nhiệm quản lý hành chính có tài điều hành thực sự. Những thay đổi mà Peter thực hiện đối với vai trò của một Trưởng Công tố, đối với Hệ thống Công tố Anh và luật hình sự đã tạo nên một khác biệt to lớn cho chất lượng của hệ thống. Ông chịu đựng được tính thiếu nhần nại thường xuyên biểu hiện ra ngoài của tôi (không phải lúc nào cũng được thể hiện một cách lịch sự), với tòa án về việc giải quyết vấn đề nhập cư, khủng bố và tị nạn. Ông là một người chặt chẽ về mặt thủ tục chính xác. Vì thế, ông là người cấp tiến với khả năng biến thuyết cấp tiến thành những thay đổi thiết thực.

George và tôi đã hẹn gặp ở Azores vào ngày 16 tháng 3, một phần là để thuyết phục Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, những nước đều rất ủng hộ và Thủ tướng của hai nước cũng đều chịu áp lực lớn từ phía những ý kiến thù địch của quốc hội và công luận. Bây giờ rõ ràng không thể tránh hành động vũ trang xảy ra, điều này sẽ cản trở việc Saddam tự nguyện ra đi. George đồng ý gửi cho hân một tối hậu thư, cho hân cơ hội rút lui cuối cùng. Không ai hy vọng gì rằng hân sẽ đồng ý. Alastair, Johnathan và David đã làm việc cật lực với nhóm người của Bush, đặc biệt là Condoleezza Rice, để đưa ra tuyên bố thích hợp vào đúng thời điểm.

Tình hình ở Anh tiếp tục bất ổn. Vào ngày 11 tháng Ba, Donald Rumsfeld vô tình gây thêm rắc rối khi đề xuất ở một cuộc họp báo rằng có lẽ chúng ta không nên tham gia vào hành động quân sự đầu tiên do vấn đề chính trị nội bộ của nước Anh. Một vài người nghĩ ông ta đang cố đe dọa chúng tôi. Tôi thấy nói như vậy là nói bừa. Ông ta thực ra đang cố gắng giúp sức. Tuy nhiên điều đó không giúp được gì cả và sau đó quân đội hoàn toàn quyết tâm tham chiến ngay từ đầu và bực bội khi nghĩ đến chuyện chúng tôi sẽ chỉ xếp ở hàng thứ hai.

Robin Cook tới và thông báo rằng, nghị quyết thứ hai là điều không thể, vì thế ông sẽ từ chức và chúng tôi cùng nhau soạn thảo tuyên bố từ chức trong không khí hết sức thân thiện. Tôi hiểu tầm quan trọng của nghị quyết thứ hai trong sinh mệnh chính trị của mình. Tôi thú thực rằng mình luôn suy nghĩ một cách hơi kỳ cục về mặt đạo đức của việc tấn công hay không tấn công. Đúng là tấn công chính đáng, nhưng việc chúng ta có đạt được một nghị quyết thứ hai hay không chỉ đơn thuần phụ thuộc vào quan điểm chính trị của Pháp và Nga cũng như những toan tính về lợi ích chính trị của họ. Chúng ta đã từng hành động ở Kosovo mà không có sự cho phép của LHQ. Tôi nghi ngờ liệu có bao giờ chúng ta được Hội đồng Bảo an đồng ý về vấn đề Bosnia hay Rwanda không. Tôi không bao giờ nghĩ về điều này đối với Sierra Leone. Tuy nhiên cũng thật khó để tranh cãi rằng, xét về mặt đạo đức, trong mỗi tình huống như thế này chúng ta không nên can thiệp. Hơn nữa, nếu như mọi việc trở nên khó khăn, như chúng ta từng thấy ở Afghanistan, thì chỉ riêng sự cho phép của LHQ cũng không thể ràng buộc được ai.

Tuy nhiên, nếu như chúng ta có được sự cho phép đó thì tình hình chính trị, ít nhất là trong một khoảng thời gian nhất định, có thể sẽ trở nên cực kỳ êm xuôi. Nhưng chúng ta không làm được và các lựa chọn đã rõ ràng dành cho các nhà lãnh đạo của nhiều quốc gia vào thời điểm đó: tham gia hay không tham gia? Chúng ta có thể đếm sơ sơ 30 nước trong khối liên minh quân sự, nhưng chỉ riêng Mỹ và Anh cũng đủ mạnh rồi.

Vào sáng ngày 16 tháng 3, chúng tôi dậy sớm và bay tới Azores. Đó quả là một sự kiện kỳ cục.

Ngoài mặt thì chúng tôi vẫn hướng tới một giải pháp chính trị, vẫn hy vọng mong manh rằng Ả Rập sẽ có sáng kiến lật đổ được Saddam hoặc giả như Saddam sẽ đầu hàng.

George đã đồng ý và chúng tôi sẽ giữ mọi tia hy vọng cuối cùng về khả năng giải quyết hòa bình. Chúng tôi ngồi nói chuyện một hồi trong căn phòng chờ nhỏ, ở bên ngoài là phòng chính nơi cuộc họp diễn ra. Đó là ở căn cứ không quân Lajes và cơ sở vật chất đều rất đơn sơ, giống như ở mọi căn cứ không quân quân sự khác, phòng chức năng, trang trí khá đơn giản với vài viên gạch ốp Bồ Đào Nha trên tường. Hòn đảo này rất đẹp, từ trên máy bay chúng tôi đã nhìn thấy hình dáng xinh đẹp xa xa của nó nhưng không có thời gian đi thăm thú xung quanh.

Chúng tôi diễn tập lại các luận điểm chính. Và George hoàn toàn bình tĩnh. George nghĩ rằng chúng tôi phải gửi đi một thông điệp cực kỳ rõ ràng để tuyên bố cho toàn thế giới rằng: Bất cứ đối tượng nào quan tâm đến việc sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt thì kẻ đó sẽ bị chúng tôi trừng trị. Hơn cả tôi, George đặc biệt quan tâm đến khả năng các nhóm khủng bố nắm giữ được nguyên liệu vũ khí hủy diệt hàng loạt. “Tôi sẽ không chịu làm một vị tổng thống ngồi yên nhìn thảm kịch xảy ra” – ông ta nói. “Tôi yêu đất nước mình và những kẻ đó hăm dọa bằng sự căm ghét mà chúng dành cho chúng tôi.”

Quan điểm của George Bush về thế giới thật đơn giản. Mặt khác, sự đơn giản ấy bắt nguồn từ cách phân tích trực tiếp vấn đề một cách chặt chẽ. Ngoài những khuyết điểm hạn chế tự nhiên trong bất kỳ cộng đồng người nào, Mỹ là một đất nước vĩ đại và tự do. Có rất nhiều thứ về Mỹ mà tôi thấy khó có thể so sánh với cách mà người châu Âu nghĩ về mọi vật: việc sử dụng súng ống, hình phạt tử hình, hệ thống nhà tù và một cái gì đó giống như là sự lãnh cảm với cái nghèo đói trong thành phố. Nhưng rất nhiều người Mỹ cũng không đồng tình với những điều này.

Không điều nào trong danh sách kể trên làm suy giảm sức mạnh, sức hấp dẫn và sự tốt đẹp của Mỹ. Tôi biết cụm từ “sự tốt đẹp của Mỹ” nghe có vẻ kỳ quặc nhưng họ và chúng tôi có hệ thống Nhà nước với những quyền cơ bản và tự do thực sự “tốt đẹp”. Giờ đây, một vài quốc gia vẫn chưa đạt được tự do nhưng vẫn đang trên con đường tiến tới tự do và rồi cũng sẽ đến đích. Tôi tin rằng Trung Quốc là một quốc gia như thế. Đất nước này có những vấn đề riêng. Là quốc gia có dân số lớn nhất thế giới với hơn 50 dân tộc. Sẽ mất thời gian để phát triển về chính trị. Chúng ta nên nhạy cảm với những điểm nhấn và giai đoạn trong quá trình phát triển đó.

Nhưng bạn hãy thử nhìn vào những quốc gia khác và bạn sẽ không thấy một dấu hiệu cải cách nào. Bạn thấy, thay vào đó là quyền lực lỏng lẻo, quốc gia thụt lùi, người dân bị áp bức và tương lai mờ mịt. Không có động lực, viễn cảnh tươi đẹp nào cho những cuộc đấu tranh hiện tại, chỉ có một chân trời tím tắp màu tuyệt vọng.

Với những con người sống trong sự tiêu điều ảm đạm đó, nước Mỹ nổi bật lên, rực sáng. Nước Mỹ có thể không phải là một ngôi nhà trên mảnh đất mà họ mong muốn, nhưng đó là một ngôi nhà mà họ có thể thấy từ xa và để thấy, để biết rằng cách mà họ đang sống không phải là cách mà họ phải sống.

Khi tôi nhìn lại quá khứ và đọc lại tài liệu ký ức về các cuộc bàn cãi, các cuộc triệu tập họp và các buổi mít tinh khốn khổ ấy lại ùa về. Tôi biết rằng sẽ không bao giờ có chuyện Anh không sát cánh với Mỹ tại thời điểm đó. Một khi chúng tôi sụp đổ, thì đường lối của Liên Hợp Quốc và Saddam cũng đã phạm phải sai lầm. Đương nhiên tuyên bố trên còn tùy thuộc vào hành động của những thành phần cực đoan. Một hành vi công kích điên rồ ư? Không, chúng ta sẽ không ủng hộ điều đó. Nhưng theo như những gì đã xảy ra, không thể chỉ coi Saddam là một mục tiêu điên rồ được.

Cá nhân tôi không nghi ngờ việc chúng ta sẽ phải xử lý ông ta vào một lúc nào đó. Nhưng như đã từng nói trong bài diễn văn tại Glasgow, tôi cũng trấn tĩnh lại bản thân rằng nếu chúng tôi sai, thì chúng tôi cũng đã loại bỏ tên bạo chúa rồi. Theo lẽ tự nhiên, tôi thích làm việc đó hơn.

Tuy nhiên, tôi cũng ý thức được rằng sự chia rẽ trong quan điểm của cộng đồng quốc tế có

nghĩa là chúng tôi đang hoàn toàn kiểm soát toàn bộ những sự việc đang diễn ra và trong chiến tranh, các sự việc luôn khó kiểm soát và không thể dự đoán được. Nên khi rời khỏi Azores, tôi biết là thương vong sẽ bớt đi. Tôi nhận thức được sự cô lập, sự ràng buộc quyền lực và – một suy nghĩ thật khó chịu về sự phụ thuộc tuyệt đối vào những việc làm đúng, chứ không phải những việc làm sai. Hơn nữa, đây là lần đầu tôi giao cho các đội bộ binh nhiệm vụ lật đổ một bộ máy mà trong khi vai trò của chúng ta chỉ là thứ yếu và không được tham gia vào sắp xếp chiến lược. Đúng là đội quân Anh tại Afghanistan sẽ lo phần trên bộ, nhưng động thái đầu tiên lại là một chiến dịch trên không. Lần này chúng tôi sẽ chiến đấu với quân lính của Saddam, những kẻ đã từng trải qua 2 cuộc chiến trước đây và chúng cũng sẽ chiến đấu để bảo vệ vị trí cũng như đặc quyền của chúng trong bộ máy chính quyền Iraq.

Khi nhìn ra khỏi cửa sổ máy bay BA sau chuyến đi một ngày và ngắm bờ biển Azores xa mờ dần, tôi biết những cuộc đời kia sẽ kết thúc hoặc thay đổi bởi quyết định này. Nhưng tôi cũng vẫn bình tĩnh, bình tĩnh vì số phận của tôi cũng được gắn chặt với biết bao nhiêu số phận kia. Tôi đang làm việc mình cho là đúng. Nhưng Chúa ơi, tôi ước gì mình không phải làm việc này.

Chúng tôi tổ chức một cuộc họp Nội các khẩn cấp vào thứ Hai. Robin đã từ chức nên không tham gia. Tôi cho mọi người tranh luận lại lần nữa. Cuối cùng tôi cũng khiến George tham gia vào Bản Đồ Đường. Việc này rất quan trọng đối với quá trình thiết lập lại hòa bình ở Trung Đông. Đặc biệt là nó giúp cung cấp khung chương trình cho các bước tiến tới hòa bình giống như việc nó đang làm ở hiện tại. Nó đã từng bị người Israel phản đối (thật mỉa mai vì sau đó họ lại ủng hộ nó mạnh mẽ) và bộ máy Mỹ lúc ấy lại hoàn toàn thờ ơ, nhưng nó được trân trọng viết ra cho người Palestine, cho vương quốc Ả Rập và EU. Sau rất nhiều cuộc tranh luận và bàn cãi, chúng ta đã thuyết phục được Mỹ ký và thậm chí còn có được sự tham gia đặc biệt trong tối hậu thư của Mỹ gửi tới Saddam.

Ngoại trừ Clare Short ra các thành viên Nội các đều rất ủng hộ. Tất cả những thành viên trung thành nhất đều tham gia. John Prescott rất cứng rắn. Derry Irvine cũng tham gia một cách rất có ích bằng việc nói rằng Pháp đã không dọa khi nói sẽ bác bỏ bất kỳ nghị quyết nào cho phép các hành động quân sự, chúng ta đã có thể đưa ra nghị quyết thứ hai và vấn đề là sự cố gắng của chúng ta dành cho nghị quyết thứ hai ấy nhiều đến mức khiến cho mọi người tưởng là chúng ta thật sự đang cần phải có nó.

Rời tới cuộc thảo luận ở Hạ Nghị Viện. Tối hậu thư của Bush, sau khi đã được thay đổi, được đưa ra bàn bạc, cuối cùng đã trở nên công bằng hơn, bảo vệ quyền lợi người dân Iraq hơn. Đối với tôi, nó giúp cải thiện tiến trình hòa bình ở Iraq. Đêm hôm đó và sáng thứ Ba, tôi đã hoàn tất bài diễn văn của mình – bài diễn văn quan trọng nhất mà tôi từng nói. Những lúc như thế này, tôi chỉ muốn viết để giải bày tâm sự.

Cuộc tranh luận diễn ra suôn sẻ. Tôi nói về lịch sử sự trôi nổi vĩnh cửu của các nghị quyết LHQ và luật quốc tế, sự bỏ cuộc của các thanh tra và quân đội vào năm 1998. Tôi giải thích tại sao chúng ta không thể để chuyện này tiếp diễn, nhất là sau vụ 11 tháng 9, chúng ta phải thể hiện một cách phô trương nhất việc hệ thống an ninh đã thay đổi và sự khoan dung của chúng ta đối với bộ máy yếu kém mà vốn được sử dụng và phát triển WMD cũng cần được thay đổi.

Trong một đoạn mà tôi hối hận vì đã viết ra và suýt nữa bỏ đi, tôi đề cập đến những năm 30 của thế kỷ XX và sự phủ nhận suốt một thời gian dài của cộng đồng quốc tế về việc Hitler là một mối đe dọa. Tôi cẩn thận tránh đưa Saddam và Hitler về cùng một chủ đề và gạt bỏ những so sánh kịch cớm giữa năm 2003 và 1933. Nhưng tôi đề cập đến việc mọi người ở Munich đã vui mừng như thế nào khi họ biết các hành động quân sự được gạt bỏ.

Giờ tôi sẽ nói theo một cách khác. Thật ra đây là sự kiện tương tự, việc dẫn đến hành động quân sự là tác động nhỏ, tác động chủ yếu là liên quan đến quan điểm về chủ nghĩa cực đoan do sự biến thái của một bộ phận tín đồ Hồi giáo và thái độ của chúng ta về nó, cũng như thái độ của chúng ta về hiểm họa Phát xít đang gia tăng. Trong cả hai trường hợp, chúng ta đều lưỡng

lự tin rằng mình thực sự đang ở trong một cuộc chiến. Trong cả hai trường hợp, ham muốn hòa bình làm chúng ta mờ mắt trước sự hiếu chiến và hung hăng của quân địch. Trong cả hai trường hợp, chúng ta đều cố gắng bào chữa cho hành động của đồng loại và khẳng định rằng trong hoàn cảnh khác chúng ta chắc chắn sẽ cảm ghét chúng. Trong cả hai trường hợp, mọi chuyện đều có vẻ xa vời và chúng ta tự hỏi: Sao chúng ta lại phải can thiệp?

Tôi tóm tắt lại vấn đề cơ bản như sau:

Hãy để tôi trình bày cho các bạn nghe những gì tôi biết. Tôi biết là có những quốc gia, những đảng phái, băng nhóm ở các quốc gia đang đẩy mạnh việc trao đổi vũ khí hủy diệt hàng loạt, đặc biệt là công nghệ vũ khí hạt nhân. Tôi biết có những tổ chức, cá nhân và các nhà cựu khoa học của chương trình vũ khí hạt nhân đang mua bán thiết bị, kiến thức cũng như thông tin. Tôi biết có vài quốc gia, phần lớn là các nước có bộ máy đàn áp và tư tưởng độc tài, đang cố thu thập vũ khí hóa học, vũ khí sinh học và đặc biệt là đang phát triển vũ khí hạt nhân. Một vài nước này sắp trang bị được đầy đủ vũ khí hạt nhân cho mình. Các hoạt động này không hề giảm đi, mà đang tăng lên.

Tất cả chúng ta đều biết rằng các nhóm khủng bố hiện nay đang hoạt động tại các nước lớn. Mới chỉ trong 2 năm vừa qua, khoảng 20 nước khác nhau đã phải gánh chịu các vụ tấn công khủng bố nghiêm trọng.

Không kể vụ 11 tháng 9, hàng ngàn người đã chết trong các vụ khủng bố này. Mục đích của những kẻ khủng bố không chỉ nhằm thực hiện những hành vi bạo lực mà còn là để gieo rắc những nỗi kinh hoàng, khiếp sợ, để kích động, chia cắt, gây tai họa. Những vụ khủng bố trên toàn thế giới gây ảnh hưởng xấu đến những diễn tiến chính trị – ở Trung Đông, Kashmir, Chechnya và châu Phi. Việc loại bỏ Taliban là một bước tiến lớn, đúng vậy. Nhưng khủng bố vẫn chưa chấm dứt hoàn toàn.

Hai mối đe dọa trên dĩ nhiên có những động cơ và khởi nguồn khác nhau, nhưng chúng có chung một cơ sở: chúng căm ghét tự do, dân chủ và sự bao dung, vốn là những tiêu chuẩn đảm bảo cho cuộc sống của chúng ta. Vào thời điểm này, tôi phải thừa nhận rằng mối liên hệ giữa chúng không chặt chẽ nhưng đang ngày càng phát triển. Khả năng diễn ra sự liên kết giữa chúng – những nhóm khủng bố nắm trong tay những vũ khí có sức công phá lớn hoặc thậm chí một loại bom tia X đáng sợ nào đó – theo đánh giá của tôi, thực sự là một mối nguy hiểm hiển hiện đối với nước Anh và an ninh quốc gia.

Hãy để tôi giải thích thêm về những mối nguy này. Chỉ ba kg VX từ một vụ phóng tên lửa có thể phá hủy 0,25 km² của một thành phố. Một lít vi khuẩn than đã có thể chứa hàng triệu liều thuốc độc chết người, với khối lượng độc chất chưa trong 10.000 lít thì thật không thể hình dung nổi hậu quả lớn tới đâu. Những gì xảy ra trong vụ 11 tháng 9 có tác động lớn đối với tâm lý của người Mỹ – điều đó là rõ ràng – nhưng tâm lý của người dân toàn thế giới cũng nên thay đổi sau sự kiện đó.

Dĩ nhiên, Iraq không phải là đối tượng duy nhất của mối đe dọa này. Tôi chưa bao giờ nói như thế. Nhưng đó là thử thách đối với việc liệu chúng ta đã nhìn nhận mối đe dọa này một cách nghiêm túc hay chưa. Để đương đầu với nó, thế giới cần sự liên hợp. LHQ phải tập trung được cả những chiến lược về ngoại giao và hành động. Đó là điều mà Nghị quyết 1441 chỉ ra. Đó là thỏa thuận. Tôi vẫn hay nói đơn giản với Hạ viện rằng, phá bỏ thỏa thuận đó bây giờ, cùng với việc giải quyết hậu quả của vấn đề mà không tìm ra nguyên nhân của nó, sẽ đem lại nhiều thiệt hại lâu dài hơn cho LHQ so với bất kỳ tiến trình nào mà chúng ta từng theo đuổi. Không thể tiếp tục sự mệt mỏi của 12 năm qua, đàm thoại, thảo luận, tranh luận mà không bao giờ đi đến được hành động, tuyên bố ý chí của chúng ta mà không hiện thực hóa được. Nếu chúng ta cứ theo đuổi tiến trình đó, thì khi những mối đe dọa quay trở lại, từ Iraq hoặc một nơi nào khác, còn ai sẽ tin tưởng chúng ta?

Tôi sẽ nói về những sự chia rẽ trong cộng đồng quốc tế và cụ thể thì, tôi từng thực sự rất mong

châu Âu có thể thương lượng với Mỹ. Nghĩ lại, tôi sợ rằng điều này sẽ chỉ khiến tôi bị cô lập hơn, nhưng việc dự đoán liệu một nhà lãnh đạo mới có thể đem lại kết quả nào khác hơn không cũng rất thú vị.

Những gì chúng ta đã được chứng kiến trên thực tế là hậu quả của sự chia rẽ diễn ra giữa châu Âu và Mỹ. Không phải tất cả các nước châu Âu – Tây Ban Nha, Ý, Hà Lan, Đan Mạch và Bồ Đào Nha đã ủng hộ chúng ta một cách mạnh mẽ – và không phải là phần lớn các nước châu Âu nếu có cả nước Anh và nên như thế, những thành viên mới của châu Âu, những nước sẽ gia nhập năm tới, tất cả 10 nước trong số đó đã luôn ủng hộ mạnh mẽ cách nhìn nhận này của Chính phủ. Nhưng sự tê liệt của LHQ là kết quả của sự chia rẽ này.

Tôi muốn đương đầu với vấn đề đó như thế này. Cốt lõi của sự chia rẽ trên là quan niệm về một thế giới quyền lực phân cực, ở đó nước Mỹ và những đồng minh của nó ở một cực và Pháp, Đức và Nga cùng những đồng minh ở cực còn lại. Tôi không tin là tất cả các nước trên có ý định hình thành một thế giới như vậy, nhưng bây giờ chúng ta phải đối mặt với nó. Tôi tin rằng cách nhìn nhận đó là sai lầm và cực kỳ nguy hiểm đối với thế giới. Tôi biết tại sao lại xảy ra chuyện này. Sự thù ghét đối với tính vượt trội của Mỹ. Sự e ngại đối với chủ nghĩa đơn phương của Mỹ. Người ta đặt câu hỏi, “Liệu nước Mỹ có lắng nghe chúng ta và quan tâm đến những mối bận tâm của chúng ta hay không?” Và có lẽ cả những hiểu biết chưa thấu đáo về những mối lo của nước Mỹ sau vụ 11/9. Tôi biết tất cả những điều này nhưng cách giải quyết chúng không phải là đối đầu mà là hợp tác. Đối tác không phải người hầu, nhưng cũng không phải là địch thủ. Những điều đáng lẽ ra châu Âu nên nói với Mỹ vào tháng 9 vừa rồi là: “Chúng tôi hiểu những lo ngại mang tính chiến lược của các bạn về chủ nghĩa khủng bố, vũ khí hủy diệt và chúng tôi sẽ giúp các bạn giải quyết những mối lo này. Những điều phát biểu trong các chính sách của LHQ mà chúng tôi thông qua là những ý định thực sự của chúng tôi và sẽ biến những điều đó thành hành động nếu Saddam không tự nguyện giải giáp vũ khí. Tuy nhiên, đối lại – châu Âu lẽ ra nên tuyên bố rằng – “chúng tôi đòi hỏi ở các bạn hai điều: nước Mỹ nên thực sự lựa chọn con đường LHQ và các bạn nên công nhận tầm quan trọng vượt bậc của việc khởi động lại tiến trình hòa bình Trung Đông, việc mà chúng tôi sẽ yêu cầu các bạn tham gia.”

Cuối cùng, tôi sẽ giải quyết vấn đề thay đổi chế độ.

Tôi chưa bao giờ dùng sự thay đổi chế độ để biện minh cho các hành động. Chúng ta phải hành động theo những điều khoản của Nghị quyết 1441 – đó là cơ sở pháp lý của chúng ta. Nhưng đó là lý do tại sao tôi thẳng thắn nói rằng nếu chúng ta thực sự hành động, chúng ta nên có ý thức rõ ràng và quyết tâm mạnh mẽ. Tôi tin rằng những người phản đối động thái này cũng chia sẻ sự căm ghét của tôi đối với Saddam. Ai có thể không cảm thấy như vậy chứ?

Sự tàn bạo của những cuộc đàn áp – cái chết và những khu trại tra tấn, những nhà tù man rợ dành cho những đối thủ chính trị, những vụ tấn công bất thường đối với bất kỳ thành viên nào trong một gia đình bị nghi là không trung thành đã được phản ánh rất nhiều. Chỉ tuần trước thôi, một người vì phỉ báng Saddam đã bị buộc vào một cột đèn trên đường phố Baghdad, bị cắt lưỡi và một số bộ phận trên cơ thể và bỏ mặc cho chảy máu đến chết như một lời đe dọa đối với những người khác. Còn nhớ khi nói chuyện với một người dân di cư từ Iraq vài tuần trước, tôi có nói với bà rằng tôi hiểu cuộc sống dưới chế độ của Saddam ác nghiệt như thế nào, bà ấy đã trả lời: “Ông không thể hiểu được đâu.” “Ông không thể. Ông không biết sống trong nỗi sợ hãi thường trực là như thế nào đâu”. Và bà ấy nói đúng. Chúng ta đã xem nhẹ tự do. Nhưng hãy tưởng tượng cảnh không được phép nói, thảo luận hay tranh luận hoặc thậm chí là thắc mắc về xã hội mà ta đang sống. Cảnh nhìn ban bè và gia đình bị lôi đi mà không bao giờ dám phản nản. Cảnh chịu sự tủi nhục khi không đủ dũng cảm đối mặt với bọn khủng bố không khoan nhượng. Đó là cách người Iraq sống. Nếu ta để Saddam tại vị, sự thực là họ sẽ buộc phải tiếp tục sống như thế.

Và thế là lý do đạo đức để gây chiến – điều luôn hiện hữu trong tâm trí tôi – đã trở thành phần cuối cùng trong bài phát biểu và đoạn kết của nó có lẽ mang bóng dáng của bài diễn văn

Chicago năm 1999.

Cuối cùng chúng tôi thắng lớn trong cuộc bỏ phiếu, với kết quả 412 – 149. Đội của tôi, gồm cả công chức lẫn các cố vấn đặc biệt, đã cực kỳ tuyệt vời, hỗ trợ cho tôi một cách mạnh mẽ và liên tục.

Tôi quay trở lại phố Downing. Mọi người đều tưởng rằng Mỹ sẽ bắt đầu chiến dịch thả bom vào ngày hôm sau. Thực ra, hành động vũ trang bắt đầu với lực lượng của Anh, bao gồm các lực lượng đặc biệt bảo vệ các mỏ dầu để tránh thảm họa sinh thái xảy ra.

Chúng tôi đang ở trong cuộc chiến tranh. Sớm thôi, ta sẽ biết cuộc chiến ấy lâu dài, đẫm máu và khó khăn tới mức nào.

15. Iraq: Thời hậu chiến

Với một chiến dịch quân sự mà phần lớn các luận điểm chính bị phản đối – do công chúng và giới truyền thông – thì vấn đề là ở chỗ này tiếp tục có một số luận điểm phải được chứng minh. Trừ phi họ có thể đứng vào vị thế trung gian và tiếp cận mâu thuẫn với mong muốn mạnh mẽ trong cả ý thức lẫn tiềm thức để chứng kiến nó thất bại. Tôi không nói với ý rằng coonh chúng mong muốn một thảm họa sẽ xảy đến với liên quân hay với người dân địa phương, nhưng họ đang quanh quẩn trong mâu thuẫn mà chưa được hòa giải. Họ cảm thấy, một cách mãnh liệt, rằng chiến dịch này hoàn toàn sai trái. Họ muốn nói rằng: chúng tôi đã nói với các ông rồi mà. Tuy nhiên, họ đã rất cố gắng để phản ứng lại – và trong trường hợp của Iraq, một vài người đã không cố gắng hết sức – họ nhìn nhận mỗi thất bại như những gáo nước lạnh dội vào những người ủng hộ hành động này. Điều này gây ra những hậu quả tất yếu cho các giai đoạn sau của cuộc chiến Iraq.

Ngay từ đầu, tôi đã rất muốn lùi cuộc tái điều quân dưới danh nghĩa LHQ càng nhanh càng tốt và nối lại mối liên minh liên Đại Tây Dương đang bị đứt đoạn. Nếu mọi việc khó khăn thì chúng tôi sẽ cần tới mối liên minh đó.

Việc hoạch định thiếu đúng đắn cho tình hình hậu chiến không rõ ràng tại Iraq đã được lưu trữ đầy đủ. Những bài học, được nêu lên trong bản báo cáo súc tích của trưởng phái đoàn Thanh tra của Mỹ vào năm 2009 và trong bản báo cáo Rand cùng năm đã được nghiên cứu, khảo sát và nhiều phần được học hỏi.

Chiến dịch quân sự để chinh phục là một thành công rực rỡ. Nhưng chiến dịch tái thiết cuộc sống cho người dân thì ngược lại. Nhưng việc thoát khỏi sai lầm lẽ ra có thể tránh được này, việc tránh né những thách thức khó lường, không thể đoán trước và những tác động mà nó có thể gây ra là một việc vô cùng khó khăn ngay cả trong thời điểm hiện tại. Nước Mỹ đã thừa nhận rằng kế hoạch tái thiết của họ rất yếu kém. Nước Anh có thể sẽ làm tốt hơn nhưng nói thẳng ra, với địa phận mà chúng ta kiểm soát, những kế hoạch được xây dựng khá là phù hợp và dù trong bất kỳ một sự kiện nào chúng cũng được xử lý nhanh chóng và khắc phục những sai sót còn tồn tại.

Tuy nhiên, ngay cả khi chúng ta đã có một kế hoạch cực kỳ tập trung và hoàn toàn phù hợp cho thời kỳ hậu chiến, thì điều này cũng có nghĩa là chúng ta cần phải tập trung nỗ lực hơn vào những thứ mà suy cho cùng không phải là nguyên nhân của đổ máu.

Những công đoạn chuẩn bị trước chiến tranh bao gồm ba vùng nguyên tắc có liên quan chính. Đầu tiên, chúng tôi lo ngại một thảm họa về nhân đạo khi một đất nước lệ thuộc vào những phiếu viện trợ thực phẩm và mất đi sự kiểm soát chặt chẽ của hệ thống phân phối của Chính phủ. Vấn đề này khiến chúng tôi cân nhắc khá nhiều và là chủ đề cho rất nhiều cuộc thảo luận trong nội bộ Chính phủ; giữa nước Mỹ và các đồng minh chính.

Thứ hai là về khả năng Saddam sử dụng vũ khí hóa học hoặc sinh học. Chúng tôi đã tiêu tốn rất nhiều thời gian và tiền bạc cố gắng bảo vệ người dân khỏi nguy cơ đó. Trong cuộc chiến này, vì những lý do tất yếu mà điều đó đã không bao giờ xảy ra.

Cuối cùng, chúng tôi lo ngại rằng Saddam có thể “thả lửa” vào các mỏ dầu và tạo ra một thảm họa sinh thái nghiêm trọng. Điều này đã được ngăn chặn đúng lúc và được quân đội Anh can thiệp sớm trong chiến dịch.

Nếu chúng tôi không làm thế – chúng tôi phát hiện ra các dàn khoan dầu mọc lên và sắp bị thiêu rụi – hậu quả có thể xảy ra đó là toàn bộ khu vực phía Nam Iraq, các vùng đầm lầy, hệ sinh thái, động thực vật hoang dã và khu vực biển bao quanh sẽ bị ô nhiễm trầm trọng. Saddam đã đẩy cộng đồng người Marsh Arab, khoảng 100.000 hộ dân, ra khỏi khu vực đầm lầy

mà họ sinh sống và bảo tồn, vì thế đã có những dấu hiệu cho thấy các khu vực đầm lầy đang dần biến mất. Nhưng một vụ dầu loang sẽ gây ra những hậu quả khủng khiếp hơn nữa cho khu vực này.

Tuy nhiên, vấn đề lớn nhất với chúng tôi vẫn chính là chiến dịch quân sự. Hơn hết, về mặt lực lượng có vũ trang, chúng tôi lo ngại liệu quân đội của Saddam, với những cận vệ phe Cộng hòa đã nắm quyền kiểm soát đất nước với đặc quyền tối cao về sức mạnh, có chiến đấu đến cùng không. Thương vong trong tình huống đó sẽ rất lớn.

Vì thế chiến dịch bắt đầu. Trong một bản tuyên bố với Thượng viện vào ngày 20 tháng 3, sau đó Cộng đồng chung châu Âu vào ngày 21, 22 tháng 3, tôi đã vạch rõ những mục đích và các hành động sẽ được thực hiện đầu tiên.

Chúng tôi chỉ có bốn ngày để giải quyết mâu thuẫn này, vì thế cần phải tái khẳng định những mục tiêu cốt lõi của mình. Đó là hạ bệ Saddam Hussein, đảm bảo rằng đất nước Iraq được giải giáp mọi loại vũ khí từ hóa học, sinh học đến chương trình hạt nhân. Nhưng để đạt được những mục tiêu đó, chúng tôi cũng phải tính toán cả những yếu tố khác. Chúng tôi muốn thực hiện một chiến dịch có thể giảm thiểu tối đa những đau đớn mà người dân Iraq phải gánh chịu, đồng thời đưa cuộc chiến này về vị trí không phải là một cuộc xâm lược mà là giải phóng tự do. Vì lý do đó, chúng tôi đã không bắt đầu chiến dịch bằng một đòn phủ đầu với các cuộc ném bom, tiếp nối bởi một chiến dịch đổ bộ tiếp cận mặt đất. Thay vì thế, lực lượng mặt đất ngay lập tức hành động, bảo toàn các khu chế xuất dầu mỏ và duy trì các cơ sở vật chất chiến lược thay vì phá hủy chúng. Chiến dịch trên không được triển khai với các mục tiêu chính xác nên không thể tránh khỏi thương vong cho dân thường nhưng chúng tôi đã cố gắng hết sức để giảm thiểu con số đó. Nguồn nước và điện được sử dụng tiết kiệm. Các mục tiêu là các cơ sở hạ tầng, trung tâm chỉ huy của chính quyền Saddam chứ không phải dân thường. Chúng tôi đang nỗ lực hết sức để dọn đường cho nguồn cứu trợ nhân đạo mặc dù sự hiện diện của các mỏ dầu ít nhiều gây khó khăn cho chúng tôi.

Ngược lại, bản chất của chính quyền Saddam được bộc lộ rõ ràng qua hành động của họ. Kho dầu mỏ dồi dào bị khai thác tràn lan, thiếu hợp lý và khai thác đến cùng kiệt. Nếu chúng tôi không tấn công sớm, sự phồn thịnh của đất nước Iraq trong tương lai rất có thể chỉ còn là con số 0. Những tù nhân bị mang ra diễu trên các con phố bất chấp các cuộc họp quốc tế. Những người dám cất tiếng chỉ trích chính quyền sẽ bị hành quyết.

Ở phía Nam, mục tiêu của chúng tôi là đảm bảo an toàn cho các khu dầu mỏ tại bán đảo Al Faw, chiếm cảng Umm Quasr, cảng duy nhất của Iraq giao thương với thế giới bên ngoài và làm cho Basra - thành phố lớn thứ hai ở Iraq, trở thành một căn cứ quân sự kém hiệu quả của Saddam chống lại quân đội liên minh. Ở phía Tây, trên sa mạc, chúng tôi mong muốn ngăn chặn Saddam sử dụng khu vực này như một bàn đạp mở rộng gây hấn với bên ngoài. Ở phía Bắc, chúng tôi quyết tâm bảo vệ người dân ở khu tự trị người Kurd, các khu vực mỏ dầu và đảm bảo rằng khu vực miền Bắc không thể làm cơ sở cho sự kháng cự của Saddam. Sau đó, tất nhiên, mục tiêu quan trọng nhất là kiểm soát Baghdad càng sớm càng tốt, để nhanh chóng chấm dứt chế độ.

Tôi hy vọng Nghị viện sẽ hiểu rằng tôi không thể nói chi tiết về hoạt động của chúng tôi, đặc biệt là những người liên quan đến lực lượng đặc biệt, nhưng với thực tế lúc đó quân đội Mỹ và Anh chiếm được bán đảo Al Faw, thì điều dự đoán này đã được bảo đảm. Việc kiểm soát mỏ dầu ở phía Nam đã được phe liên minh khống chế. Cảng Umm Quasr, mặc dù liên tục bị ảnh hưởng bởi các nhóm đối kháng, vẫn nằm trong tầm kiểm soát của quân đồng minh, tuy nhiên, những tuyến đường thủy cần thiết cho các hoạt động viện trợ nhân đạo có thể bị chặn lại do mìn và việc này cần vài ngày để dọn sạch. Basra bị bao vây và không thể trở thành căn cứ Iraq, nhưng ở Basra, các lực lượng an ninh mạnh và trung thành nhất của Saddam vẫn đang lẫn lút. Chúng đang bị kìm hãm, nhưng vẫn có thể gây thiệt hại cho quân đội của chúng tôi, vì vậy chúng tôi phải hành động thận trọng. Sân bay quốc tế Basra đã được đảm bảo an toàn. Sa

mac phía Tây cũng rất an toàn. Ở phía Bắc đã diễn ra các cuộc không kích vào các mục tiêu tại Mốul, Kirkuk và Tikrit. Chúng tôi liên tục liên lạc với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và các cơ quan chính quyền người Kurd để trấn an họ.

Trong khi đó, lực lượng liên quân, dẫn đầu là Quân Đoàn số 5 của Mỹ đang trên đường tới Baghdad. Như chúng tôi đã nói, họ đang ở cách Baghdad khoảng 60 dặm về phía nam, gần Karbala. Họ đang tiến đến khu vực có thể sẽ chạm trán nhóm Medina của lực lượng Cảnh sát Cộng hòa, đang bảo vệ các tuyến đường tới Baghdad. Đó rõ ràng sẽ là một thời điểm rất quan trọng. Lực lượng liên quân tiến vào al-Kut, phía đông của Iraq. Hai cây cầu chính bắc qua sông Euphrates ở phía nam Baghdad được giữ nguyên vẹn. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng

Các chiến dịch không quân đều nhằm vào các căn cứ quân sự Iraq, trung tâm chỉ huy và kiểm soát của chế độ Saddam Hussein. Hơn 5.000 cuộc không kích đã diễn ra, hàng ngàn binh sĩ Iraq đã đầu hàng và nhiều binh sĩ rời khỏi trận địa, đơn vị của họ bị tan rã. Tuy nhiên, vẫn có những căn cứ gần gũi nhất với Saddam, những người đang kháng cự và sẽ kháng cự mạnh mẽ. Đó là những chiến binh cảm tử, những kẻ bị người dân địa phương căm ghét. Do đó, những ngày khó khăn đang chờ đợi chúng tôi ở phía trước, nhưng chiến lược và lịch trình vẫn đang được tiến hành theo đúng kế hoạch.

Cộng đồng chung châu Âu bắt đầu bằng một thảm kịch. Tôi đã đến Brussels vào đêm khuya thứ Năm. Ngày 20 tháng 3, chúng tôi nghỉ đêm tại nhà Đại sứ Anh quốc, một ngôi nhà cổ xinh xắn kiểu Brussel thế kỷ XIX nằm ở khu thượng. Ở Brussels có nhiều khu rất đẹp (tiếc là không có bất kỳ tòa nhà nào của Liên minh châu Âu) và căn nhà này nằm ở một trong những khu như thế. Đó là một kiểu kiến trúc rất điển hình giữa thế kỷ XIX, với các phòng lớn, trần nhà cao và những cánh cửa đôi cao, thanh mảnh.

Tôi bị đánh thức dậy vào sáng sớm ngày thứ Sáu để nghe tin tám thủy quân lục chiến Anh và 4 binh sĩ Mỹ đã bị thiệt mạng trong một vụ va chạm máy bay trực thăng tại Kuwait. Đó là một dấu hiệu đáng ngại. Cho tới thời điểm đó, tại các căn cứ kết hợp ở Kosovo, Sierra Leone và Afghanistan, chúng tôi mới chỉ thiệt hại một số binh sĩ. Trong tôi dấy lên một cảm giác khủng khiếp rằng tình hình sẽ trở nên rất, rất khó khăn. Như mọi lần, tôi lại tưởng tượng cảnh các gia đình, những tiếng gõ cửa, các góa phụ đau buồn, trẻ em mồ côi cha, những bi kịch tột cùng đối với tất cả mọi người.

Cả Jacques Chirac và Gerhard Schroeder đến gặp tôi trước khi bắt đầu cuộc họp Hội đồng để bày tỏ lời chia buồn chân thành và cảm động. Tôi rất biết ơn họ về điều đó. Điều này cũng cho chúng tôi cơ hội được thảo luận về cách thức liên kết cộng đồng quốc tế lại với nhau.

Mục tiêu của tôi là thuyết phục Mỹ rằng ngay sau khi trận chiến kết thúc, toàn bộ tiến trình chính trị nên được đặt dưới quyền kiểm soát của LHQ. Sau đó, họ có thể giám sát các cuộc bầu cử. Họ sẽ có quyền ra quyết định chính thức, ngay cả khi rõ ràng sức mạnh thực tế thuộc về Mỹ. Sau đó chúng tôi có thể nói: Thôi được, chúng ta tất cả không đồng ý loại bỏ Saddam. Nhưng bây giờ ông ta đã chết, hãy đồng ý rằng tất cả chúng ta đều quan tâm đến một đất nước Iraq hòa bình, ổn định và thân thiện.

Về vấn đề này, phía Hội đồng đã đưa ra các ý kiến tốt hơn dự kiến. Hội đồng đã nhất trí nguồn lợi tức về dầu mỏ cần được uỷ thác cho LHQ gìn giữ cho người dân Iraq. Hội đồng đã thống nhất rằng LHQ cần phải có một sứ mệnh mạnh mẽ trong thời kỳ hậu xung đột và rằng Chính phủ lâm thời mới, lần đầu tiên trong nhiều thập kỷ qua, nên đại diện cho tất cả các thành phần chính kiến của Iraq. Kể từ những năm 1960, người Shia (chiếm 60% dân số) và người Kurd (chiếm 20%) đã bị gạt ra khỏi quyền lực một cách triệt để thì bây giờ là cơ hội cho họ tham gia vào các hoạt động của đất nước mình.

Việc thuyết phục Mỹ khó khăn hơn. Colin Powell đã nhận được rất nhiều ủng hộ vì những lý do giống như tôi. Dick Cheney, Donald Rumsfeld và nhiều quan chức trong Chính phủ nghĩ rằng bộ máy hành chính công kênh của LHQ sẽ chỉ làm mọi chuyện rắc rối thêm. Nhiệm vụ quan trọng

hơn bao giờ hết là thuyết phục George. Chúng tôi có kế hoạch gặp gỡ nhau ngày 27 tháng 3. Tôi viết cho ông một bức thư chi tiết giải thích lý do tại sao LHQ phải tham gia vào vấn đề này. Tôi nhấn mạnh một lần nữa tầm quan trọng của tiến trình hòa bình Trung Đông. Khi gặp nhau tại trại David, chúng tôi đã thông qua từng dòng trong bức thư. Sau khi nghiên cứu bức thư một cách cẩn thận, ông đã xuống nước đồng ý đứng một bên LHQ. Điều này có vẻ tốt đẹp đơn giản, nhưng thực tế, đó là cả một cuộc đấu tranh để làm rõ bản chất của vấn đề.

Người Mỹ tin rằng LHQ đang làm kỳ đà cản mũi còn tôi tin rằng việc xây dựng một liên minh để giành chiến thắng là cần thiết và LHQ chính là xương sống của một liên minh như vậy. Đây không phải chỉ là vấn đề tiến hành một cuộc chiến tranh, cũng không phải là một cuộc chiến tranh thông thường mà là một cuộc chiến dịch du kích. Đã từng có rất nhiều các cuộc chiến tranh du kích trước đây nhưng bây giờ, với công nghệ, tin tức và phương tiện truyền thông hiện đại, thực tế của chiến tranh được hiển hiện hàng ngày hàng giờ, thậm chí trong phòng khách của mỗi gia đình trên khắp thế giới. Đó là mục tiêu của sự chú ý. Những gì mà khán giả nhìn thấy – và hơn hết, những lăng kính mà qua đó họ nhìn thấy, là một thành phần quan trọng quyết định người thắng, kẻ thua. Tất nhiên, dư luận luôn đóng một phần trong chiến tranh, nhưng giờ đây, truyền thông cũng nằm vùng với quân đội ở tuyến đầu. Mọi sự kiện đều có thể bình luận trực tiếp. Các cảnh quay không chỉ rộng hơn, mà còn có tính chất hoàn toàn khác so với những gì đã có trước đó. Đôi khi tôi tự hỏi liệu các cuộc chiến tranh trong quá khứ, bao gồm cả chiến tranh thế giới II, có thể diễn ra như vậy hay không nếu có các phương tiện truyền thông cùng với công nghệ của ngày hôm nay. Hãy nghĩ về những địa danh như Dresden hay Hiroshima.

Vấn đề là ở chỗ tác động trực quan của thực tế cuộc chiến hoàn toàn che khuất những phân tích, bối cảnh hoặc những lý giải. Nó trở thành một câu chuyện riêng của cuộc chiến bởi những hình ảnh quá gây sốc. Trong những hoàn cảnh đó, điều cốt yếu là câu chuyện lý giải tại sao chúng tôi làm điều đó, mục tiêu, mục đích là gì, lý lẽ đạo đức cũng như lý giải về chính trị địa lý, rất rõ ràng và được tương đối đồng ý và chấp nhận, miễn sao điều đó có thể áp đảo ảnh hưởng của truyền hình về cuộc chiến.

Điều này đúng với bất kỳ cam kết quân sự hiện đại nào. Đó là lý do tại sao việc xây dựng một liên minh nhằm lật đổ Saddam lại quan trọng và đó cũng là lý do tại sao, trên tất cả, việc tái hợp cộng đồng quốc tế hậu Saddam càng quan trọng hơn. Nếu vấn đề Iraq thời kỳ hậu Saddam có thể trở thành một nhiệm vụ chung cho tất cả chúng tôi, thì đúng là sẽ có những vấn đề phiên hà xoay quay bộ máy hành chính cồng kềnh của LHQ, nhưng bù lại sẽ có sự tham gia đáng kể của cộng đồng quốc tế. Hoặc, ít nhất, triển vọng về điều đó sẽ lớn hơn.

Rất khó có thể thuyết phục được George và thậm chí Dick còn khó khăn hơn nữa. Nhưng cuối cùng, chúng tôi cũng có được sự đồng thuận “về nguyên tắc” rằng LHQ nên vào cuộc.

Tôi đã cố gắng gỡ dần hàng rào ngăn cách bằng việc từ trại David đi thẳng đến New York để gặp Kofi Annan. Tôi luôn tôn kính và có thiện cảm với Kofi. Tầm ảnh hưởng của ông trên khắp Iraq là điều không thể hình dung hết. Ông đã cố gắng hết sức để lèo lái cuộc chiến hợp lý. Tôi dám chắc, về cá nhân, ông phản đối hành động sử dụng vũ lực, nhưng ông đã hoàn toàn nhìn thấy ý nghĩa vai trò của việc LHQ trở lại và rất biết ơn tôi đã thực hiện các nỗ lực để gặp gỡ và tham khảo ý kiến ông.

Nhờ việc những lời chỉ trích thường xuyên đối với LHQ bị loại trừ và vì điều đó cung cấp cho bộ trưởng Phát triển quốc tế Clare Short một lý do mơ hồ về việc xin từ chức một vài tuần sau đó, thì cần chỉ ra rằng ngay từ đầu Kofi đã nói rõ là ông không tìm kiếm vai trò “dẫn đầu” của LHQ trong vấn đề này. Ông muốn LHQ ở trung tâm mọi việc, nhưng cũng nghĩ rằng không có cách nào khiến LHQ có thể đi đầu cho đến khi đất nước ổn định. Những gì ông muốn – vai trò “trung tâm” hay “vai trò quan trọng,” – là những gì ông nhận được.

Thời gian sau đó là những cuộc họp liên tục, cập nhật, đàm phán qua điện thoại và các bên đã

đạt được những bước tiến ổn định về các lực lượng thực địa.

Tôi đã gặp gỡ nhóm nòng cốt bao gồm Bộ trưởng Quốc phòng, những người đứng đầu cơ quan tình báo, Jack Straw và Geoff Hoon vào sáng sớm và sau đó họp Nội các Chiến tranh lúc 9 giờ. Các cuộc họp Nội các Chiến tranh được đánh dấu bằng việc Clare vẫn tiếp tục bắn khoản liệu bà ấy nên ở lại trong Chính phủ hay nên từ chức và từng vấn đề được thảo luận rất chi tiết. Tôi đã cố gắng hướng cuộc họp vào trọng tâm, nhưng thú thực điều này rất khó. Mặc dù vậy, tất cả mọi người đều bị lôi cuốn vào cuộc họp. Có một báo cáo nhận được sự ủng hộ của một số các nhân vật chủ chốt của các tổ chức dân sự mô tả rằng các sai lầm tại Iraq là do thiếu sự thảo luận thẳng thắn và đầy đủ ở nội các mở rộng. Điều này thực sự vô nghĩa. Tôi đã không có mặt trong chiến tranh thế giới II hoặc Falklands, nhưng nếu Winston Churchill, Margaret Thatcher đã từng làm mọi thứ thông qua các cuộc họp Nội các chính thức, thì tôi sẽ “đi đầu xuống đất”. Nó giống như bất kỳ bước đi nào của cuộc sống – bạn không thể quyết định dựa trên số đông. Bạn có thể tranh luận, thảo luận và tiếp thu quan điểm theo cách đó, nhưng bạn không thể tiến hành một cuộc chiến tranh, vận hành một tổ chức hoặc một công ty theo cách đó. Đơn giản là vì điều đó không áp dụng được, ít nhất, không phải theo kinh nghiệm của tôi. Nhưng cũng có thể đó là lỗi của tôi.

Các lực lượng Anh và Mỹ đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc. Thật vậy, từ ngày bắt đầu hành động 19 tháng 3 đến ngày Chính phủ của Saddam hoàn toàn bị vô hiệu hóa chỉ mất chưa đầy hai tháng. Thực tế, ngày 14 tháng Tư, trong một tuyên bố với Hạ nghị viện, tôi đã nói rằng mặc dù cuộc xung đột chưa kết thúc, nhưng về bản chất chế độ của Saddam đã sụp đổ. Đó là một chiến dịch được thực hiện bài bản và nhanh chóng chưa từng có. Tôi tóm tắt những gì đã đạt được cho tới thời điểm đó:

Nam Iraq hiện nay chủ yếu nằm dưới quyền kiểm soát của Anh. Khu vực phía tây an toàn và tại thị trấn chính Al Qaim tranh chấp đang giảm. Ở phía Bắc, lực lượng người Kurd đã rút khỏi Kirkuk và Mosul, để lại quyền kiểm soát cho Mỹ. Lực lượng Mỹ đang tập kết quanh Tikrit. Họ đang gặp phải một số kháng cự. Tuy nhiên, về bản chất, khắp đất nước Iraq, lực lượng của Saddam đã sụp đổ. Phần lớn những tranh chấp còn lại, đặc biệt là ở Baghdad, đang được các lực lượng nước ngoài không chính quy giải quyết. Ngay chính tại Baghdad, người Mỹ đã kiểm soát hầu hết các phố, nhưng chưa phải tất cả.

Rõ ràng, vấn đề bây giờ là tình hình hỗn loạn sau khi chế độ độc tài sụp đổ. Nói một cách thẳng thắn, sự rối loạn này là điều không thể tránh khỏi. Nó sẽ xảy ra trong bất kỳ tình huống nào khi hệ thống chính quyền và cảnh sát tàn bạo, trong suốt 30 năm đã khủng bố và kiểm soát dân chúng, bỗng nhiên bị lật đổ. Cướp bóc diễn ra cũng là nhằm vào các mục tiêu cụ thể của chế độ, bao gồm cả các bệnh viện được sử dụng cho mục đích riêng của hệ thống cai trị. Nhưng đó là một tình huống nghiêm trọng và chúng tôi cần phải khẩn trương kiểm soát tình hình.

Basra cho thấy các vấn đề ban đầu có thể được khắc phục. Tôi đặc biệt tự hào về vai trò mà các lực lượng Anh, dưới sự lãnh đạo của Thiếu tướng Robin, đóng góp ở Basra.

Các kỹ thuật viên và nhà quản lý Iraq đang tự “quảng bá” mình với các lực lượng Anh. Chúng tôi đang cùng nhau khôi phục lại các dịch vụ quan trọng. Hầu hết các phòng khám y tế công cộng đang hoạt động trở lại. Lực lượng quân đội Anh đã phục hồi lại Bệnh viện đa khoa Al Basra và cung cấp các hỗ trợ y tế khác ở những nơi mà họ có thể. Khoảng 200 cảnh sát đã được huy động cho việc này. Tuần tra chung bắt đầu vào ngày 13 tháng 4. Ở các thị trấn lân cận, tình trạng cướp bóc đã chấm dứt hoặc đang giảm dần, tuần tra địa phương đang được tái lập và việc phối hợp với các hội đồng thành phố tiến triển khá tốt.

Con số thương vong cho một chiến dịch quân sự như vậy về phía nước Anh là không lớn – gần 30 sĩ quan hy sinh, thực sự đáng buồn, nhưng số lượng thiệt hại như vậy là thấp so với sự mạng có tầm vóc như thế này.

Khi quân đội di chuyển qua miền nam, vừa kiềm chế sự kháng cự của người dân Iraq khu vực

này và truy quét bất kỳ thành phần ly khai nào, đồng thời họ đã sửa chữa hạ tầng cơ sở như cầu, hệ thống điện, nước nhờ sự xuất sắc của đơn vị kỹ thuật hỗ trợ. Kế hoạch chi tiết đã được xây dựng để phục vụ cho các hoạt động tái thiết và sửa chữa. Mặc dù thái độ của Clare đã cản trở những nỗ lực dân sự, nhưng cam kết của quân đội đã bù đắp rất nhiều cho điều đó và trong bất kỳ trường hợp nào, nói một cách thẳng thắn, mọi thiếu sót của Clare đều có thể khắc phục được một cách dễ dàng, với tình hình an ninh được duy trì rất khả quan.

Những nỗ lực của Mỹ, thông qua Văn phòng Tái thiết và Hỗ trợ nhân đạo (ORHA), là một mô hình hỗn độn. Mặt khác, cho đến khi lực lượng quân đội của Mỹ vào Baghdad và thực sự chứng kiến cuộc sống nơi đây thì dường như những gì họ có thể làm cũng giảm đi đôi chút. Tôi sẽ phân tích những nỗ lực đó tiến triển như thế nào. Nhưng ngay từ đầu, chúng ta nên biết rằng nếu nói lý do cho những khó khăn chồng chất tiếp theo là do thất bại của việc lập kế hoạch, liên quan đến năng lực dân sự nhằm xây dựng lại Iraq thì quá đơn giản. Điều đó không đúng. Thực tế đó là với tiền bạc và nỗ lực cam kết, bất kỳ sai sót nào cũng sẽ được khắc phục, nếu vấn đề đó liên quan đến hành chính hoặc nạn quan liêu. Sai sót thuộc về bên an ninh. Một số quyết định dân sự dường như chẳng có tác dụng và tôi sẽ nói về điều này sau. Nhưng quan điểm cho rằng đó là gốc rễ của vấn đề là hoàn toàn sai sự thật và ảo tưởng. Tôi e rằng bởi vì để rút kinh nghiệm cho các cuộc xung đột sau này, chúng ta phải nhận thức được những hạn chế của phương pháp tiếp cận đó. Việc tái thiết một đất nước rất quan trọng và cần thiết. Nó không thể diễn ra trong một môi trường bạo lực. Tôi thấy điều đó ở Iraq và Afghanistan. Tôi cũng nhìn thấy nó ở Gaza và khu vực Bờ Tây.

Vấn đề là nếu công tác chuẩn bị tốt hơn thì tình hình an ninh ở đó có thể tốt hơn hay không. Nếu sự chuẩn bị đó kéo theo nhiều lực lượng quân đội khác nhau tập kết tại Baghdad và những vùng lân cận, thì điều đó có thể đúng. Nhưng ở miền Nam, nơi đang có sự hiện hữu của quân đội Anh và chẳng bao lâu nữa sẽ có sự tham gia của 20.000 quân từ các quốc gia khác, thì điều đó chưa rõ lắm. Năm 2003, tình hình miền Nam Iraq tương đối yên ổn.

Nhưng tôi nghi ngờ việc bất kỳ thay đổi nào có thể ngăn chặn được các phần tử al-Qaeda và Iran mới nổi; và chính những nhân tố này trong khoảng thời gian từ năm 2005 đến 2007 đã suýt đẩy quốc gia này xuống vực thẳm.

Trong những tuần đầu tiên, mọi việc dường như diễn ra theo kế hoạch. Chế độ đã không có hỗ trợ cho số đông dân chúng. Nhiều thị trấn tự tuyên bố mở cửa cho các lực lượng liên minh. Các nhóm tàn quân vẫn tiếp tục chiến đấu, nhưng không có cơ sở địa phương hỗ trợ, nên nhanh chóng bị loại bỏ và phía Nam – Shia và những phần tử chống Saddam khét tiếng – đã nhanh chóng bị chinh phục. Thật vậy, trước ngày 12 tháng 4, các nhóm cảnh sát địa phương đã tiếp tục hoạt động trở lại ở Basra.

Các quan chức đảng Baath bị bắt hoặc đầu hàng lực lượng Hoa Kỳ. Khi nhà tù khét tiếng Abu Ghraib – khi đó đã rất nổi tiếng và sau này còn nổi hơn – bị chiếm, người ta thấy nhà tù trống trơn. Saddam đã thả tất cả các tù nhân, ít nhất là các thành phần tội phạm. Đáng lẽ thông tin tình báo rằng Saddam đã cho phép al-Qaeda thiết lập một cơ sở bên trong Iraq vào đầu năm 2003 phải cảnh báo chúng tôi rằng chiến thuật của ông ta không phải nhằm chống lại siêu lực lượng của chúng tôi mà là để đất nước bị xâm chiếm và sau đó cố khiến đất nước rơi vào tình trạng hỗn loạn. Tới cuối tháng 4, một triệu người hành hương Shia đã tới tham dự lễ hội chính của người Shia ở Karbala, đó là điều mà trong thời Saddam bị cấm.

Ngày 27 và 28 tháng 4, mọi chuyện tạm thời yên ắng ngay cả ở Baghdad, yên ắng đủ để Tướng Garner, người đứng đầu ORHA có thể tổ chức một cuộc họp chính trị và tái thiết đất nước với hơn 200 đại biểu Iraq và đại diện của các quốc gia lực lượng liên minh. Vào cuối tháng 6, hội đồng chính trị mới của thành phố Basra được thành lập.

Trước đó, tôi đã đến thăm Basra ngày 29 tháng 5. Quân đội Anh đã rất xuất sắc. Tôi thấy các lực lượng tại Phủ tổng thống và sau đó tại cảng Umm Qasr. Cảng đã từng bị đóng cửa và giờ

đang chuẩn bị được mở lại. Tiềm năng của cảng này rất lớn và không hề được phát huy trong suốt thời gian cầm quyền của Saddam. Đáng lẽ khu vực cảng này phải là một trong những cảng lớn nhất thế giới (nó đã từng như vậy trong thời hoàng kim của Iraq cổ xưa). Thời điểm đó, ngay trước khi rời nhiệm kỳ năm 2007, tôi đã thực hiện một bài phát biểu tại Emirates và dự đoán rằng Basra trong tương lai có thể giống như Dubai hay Abu Dhabi, điều đó đã khiến tôi bị nhiều người chế giễu. Nhưng sự thật hoàn toàn có thể và hôm nay người ta dự kiến hiệu suất của cảng sẽ tăng gấp đôi trong ba năm tới, sau khi đã tăng đáng kể so với dưới thời của Saddam.

Tôi đến thăm một trường học mới được quân đội Anh nâng cấp. Basra yên tĩnh và thanh bình. Ngược lên Baghdad, bức tượng Saddam bị giật đổ khỏi bệ và phá vụn. Đó là một khoảnh khắc tuyệt vời. Thật ngớ ngẩn, tôi trả lời phỏng vấn tờ The Sun và để mình bị kéo vào một nhận xét khoe khoang về việc suýt nữa thì tôi bị “truất ngôi” trong cuộc chiến. (Bạn có thể nghĩ việc đó ít quan trọng hơn nhiều so với những người lính mất mạng hoặc mạo hiểm cuộc sống của họ). Nhưng rút cục, tại thời điểm đó, chiến dịch rất khó khăn và căng thẳng, nhưng đã thành công và trôi qua nhanh. Đến cuối tháng, khoảng 500 binh sĩ liên minh đã bị thiệt mạng, hơn 400 trong số đó là lính Mỹ và khoảng 8.000 lính Iraq đã bị thiệt mạng, một con số khá đáng kể trong tổng số lính đã tham chiến của họ.

Thảm họa nhân đạo đã không xảy ra. Các mỏ dầu đã được bảo vệ. Sự kháng cự của lực lượng theo Saddam bị sụp đổ. Những cảnh báo về định mệnh đã lạc hướng.

Chúng tôi nghĩ rằng mình đang ở giai đoạn cuối của chiến dịch quân sự quan trọng. Song trên thực tế, chúng tôi mới chỉ ở giai đoạn bắt đầu của thứ mà sau đó đã chuyển biến thành một giai đoạn hoạt động khác hẳn, nhưng lần này rất khó khăn, đẫm máu, kéo dài và trong những năm tháng đó, có những chúng tôi chẳng dám chắc về tương lai, thậm chí ngay hiện tại cũng mong manh.

Trong giai đoạn này, việc thiếu vắng sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế trong quyết định ban đầu và quyền lợi đảm bảo bất di bất dịch của nhiều người để chứng minh rằng việc đó là một sai lầm, đã cực lực chống lại chúng tôi. Tôi đã nếm trải điều này trong một chuyến thăm Nga vào cuối tháng 4. Vladimir Putin đã phát động một cuộc tấn công cay độc tại buổi họp báo, thực sự bằng cách sử dụng nước Anh như người đại diện cho Mỹ và rồi sau đó trong bữa tối, chúng tôi đã có một cuộc tranh luận căng thẳng gần như nảy lửa. Putin đã bị thuyết phục rằng nước Mỹ được xếp đặt trong một quá trình đơn phương, không phải vì mục đích thực tế tốt đẹp, mà là vấn đề về nguyên tắc. Ông nhắc đi nhắc lại rằng “Giả sử chúng tôi hành động chống lại Georgia, là cơ sở của chủ nghĩa khủng bố chống lại nước Nga – ngài sẽ nói gì nếu như chúng tôi loại trừ Georgia? Ấy thế mà người Mỹ nghĩ rằng họ có thể làm bất cứ điều gì với bất cứ ai mà họ muốn. Chechnya là một ví dụ khác, mặc dù như tôi đã chỉ ra, tôi đã thực sự ủng hộ việc đàn áp khủng bố ở đó.”

Sau đó tôi nhận ra ông ấy có cảm giác sâu sắc rằng Nga đã bị Mỹ qua mặt và quả quyết rằng rồi cuối cùng họ sẽ thấy đó là một sai lầm. Khó khăn là ở chỗ tôi không đồng tình lắm với ông ấy về chủ nghĩa đơn phương. Sự thật là tranh chấp giữa Ấn độ và Pakistan về vấn đề Kashmir đã nổ ra thành bạo lực không thường xuyên và có khủng bố ở Pakistan. Nhưng, dù cho các thành phần của các tổ chức Nhà nước có thể tham gia vào, thì cũng khó có thể nói rằng Chính phủ Pakistan là một Chính phủ khủng bố, hay Pakistan là một Nhà nước bất hảo. Vấn đề của Trung Quốc với Đài Loan là vấn đề thống nhất nội bộ Trung Quốc. Đó là không thực sự là một mối đe dọa từ bên ngoài đối với bất kỳ ai. Chechnya cũng rơi vào tình trạng tương tự, nhưng nói một cách thẳng thắn nếu Mỹ hoặc Anh can thiệp vào vấn đề Iraq sâu sắc như Nga tại Chechnya, thì chắc chắn tình trạng hỗn loạn sẽ xảy ra.

Tôi tôn trọng Vladimir vì ông đã nói thẳng suy nghĩ của mình. Mặc dù chúng tôi bất đồng quan điểm nhưng vẫn giữ một thái độ cởi mở. Tuy nhiên, cơ hội để tiến tới một mối quan hệ đối tác Mỹ - Nga thực sự mạnh mẽ đã mất. Nếu tôi là Mỹ, tôi sẽ không cho phép điều tương tự xảy ra

với Trung Quốc. Hãy ràng buộc họ lại và đối xử với họ một cách bình đẳng, không phải chỉ về hình thức mà là cả về bản chất.

Có một vấn đề cấp bách và đáng hổ thẹn hơn. Chúng tôi đã hành động tích cực để tìm kiếm các vũ khí hủy diệt hàng loạt. Chúng tôi chắc chắn rằng mình sẽ tìm thấy chúng. Đây là khoảnh khắc mà tôi chờ đợi. Khoảnh khắc đó sẽ đánh dấu một sự kiện lớn.

Khi quân đội tiến sâu hơn vào Iraq, chúng tôi nhận được báo cáo hàng ngày. Đôi khi, chúng tôi cố gắng kiểm tra các nhà máy hoặc các địa điểm và gặp trở ngại. Lần khác, chúng tôi nghĩ đã tìm thấy gì đó nhưng lại thất vọng. Tuần lại tuần trôi qua, tôi càng ngày càng trở nên sốt ruột. Vào trước chuyến thăm Basra cuối tháng 5, Donald Rumsfeld đã không nhiệt tình lắm và cho rằng chúng tôi sẽ không bao giờ có thể tìm thấy vũ khí hủy diệt hàng loạt, một dự đoán mà hóa ra là đúng nhưng cần phải được xử lý một cách thận trọng.

Khi ở Basra, tôi gặp Jerry Bremer, người vừa mới tiếp quản việc vận hành ORHA, sắp tới sẽ là Cơ quan Liên minh Tạm thời (CPA). Tôi nói với ông ta rằng không nên ngần ngại yêu cầu hỗ trợ từ chúng tôi và khuyên ông ta sử dụng chiến thuật tương tự với lãnh đạo của mình. “Đừng ngại,” tôi nói. “Nếu anh cần điều gì, anh phải nói. Tôi sẽ hỗ trợ anh và chắc rằng ngài chủ tịch của anh cũng vậy.” Không ngạc nhiên khi ông ta có vẻ hơi choáng, nhưng dường như ông ta là người rất chắc chắn và được việc.

Tuy nhiên, sau cuộc nói chuyện đó, tôi nỗ lực gấp đôi trong việc giúp đỡ, không chỉ trong lĩnh vực hoạt động ở Basra, mà còn ở tất cả các lĩnh vực khác mà chúng tôi có thể, nhằm hỗ trợ Mỹ với phần còn lại của đất nước. Điều này đã trở thành mối bận tâm chính của tôi trong những tháng sau đó.

Chuyến thăm đó thực sự là một cú đánh thức tỉnh. Mặc dù có thể thấy rất nhiều chương trình đang được thực hiện, chúng tôi có nguy cơ giành chiến thắng và sau đó sẽ mất đi sự bình yên. Mong đợi của người dân rất lớn. Sự phức tạp của cuộc sống bộ tộc và tôn giáo biểu hiện rõ. Đây là một thách thức rất lớn và không có bất cứ cứ lý do gì kể cả vì tự mãn để lẩn tránh.

Khi trở về, tôi đã triệu tập các bộ trưởng quan trọng và đã đưa ra một loạt chỉ đạo để chúng tôi giúp đỡ Mỹ tốt hơn. Chúng tôi đã nghĩ rằng họ sẽ đảm nhận khu vực miền trung Iraq và chúng tôi đảm nhận miền nam. Tôi nhận ra sau chuyến thăm rằng nếu họ không thành công, chúng tôi cũng sẽ thất bại. Tôi cử John Sawers, cựu cố vấn chính sách đối ngoại chủ chốt của tôi, tới Baghdad. Ông ấy cũng kết luận rằng chiến dịch của Mỹ cần sự thúc đẩy mạnh mẽ. Tôi cũng đã gửi một lưu ý mạnh mẽ tới George và sau đó chúng tôi nói chuyện qua điện thoại.

May mắn thay, ngày 22 tháng 5, LHQ đã nhất trí thông qua Nghị quyết 1483, nghị quyết đã mang đến cho LHQ một vai trò quan trọng trong tất cả các vấn đề liên quan đến sự phát triển của Iraq. Nó đưa chúng tôi trở lại con đường đa phương. Tôi đã đưa ra lý lẽ mạnh mẽ cho việc bổ nhiệm một đặc vụ hàng đầu của LHQ tới Baghdad. Sau khi cân nhắc, Kofi đã đồng ý. Theo sự thúc thúc của tôi, ông ấy đã chọn Sergio Vieira de Mello, ủy viên cao cấp về nhân quyền, một người giàu kinh nghiệm và những đóng góp hàng đầu.

Tuy nhiên, sự chú ý của tôi chẳng bao lâu chuyển hướng sang lĩnh vực khác. Ngày 29 tháng 5, chương trình Today (Hôm nay) của BBC tiết lộ câu chuyện được quan tâm hàng đầu từ phóng viên quốc phòng Andrew Gilligan. Trong câu chuyện, ông chú trọng đến tuyên bố 45 phút trong hồ sơ tháng Chín năm 2002. Như tôi đã nói, tuyên bố này nằm trong hồ sơ và ngày hôm sau, nó đã được một số báo nhấn mạnh dưới một hình thức mà đáng lẽ chúng ta khi nhìn lại, phải sửa chữa. Tuy nhiên, sau đó nó không còn được báo chí nhắc đến nữa.

Tuyên bố đó hoá ra là sai lầm. Ngoài ra, tôi hoặc ngài Ngoại trưởng và thực ra là cả JIC đều không biết đó là có một cuộc tranh luận nội bộ tại Bộ Quốc phòng về điều đó. Một trong những người tham gia trong cuộc tranh luận, mặc dù không trực tiếp chịu trách nhiệm về hồ sơ, là Tiến sĩ David Kelly, một chuyên gia tình báo Bộ Quốc phòng với 20 năm kinh nghiệm.

Đài BBC đã không tuyên bố rằng ngành tình báo sai lầm trong vụ tuyên bố 45 phút. Gilligan nói rằng:

Điều mà một trong các quan chức cao cấp phụ trách xây dựng hồ sơ đã nói với chúng tôi là thật ra Chính phủ có lẽ đã biết rằng con số 45 phút là sai ngay cả trước khi Chính phủ quyết định đưa ra. Theo nguồn tin của chúng tôi, một tuần trước khi công bố, Phố Downing đã ra lệnh đánh bóng, làm nó thú vị hơn và bổ sung thêm nhiều dữ kiện.

Khó có thể có một cáo buộc nào gay gắt hoặc nghiêm trọng hơn tuyên bố này. Tình báo nhằm lẫn là một chuyện. Tình báo biết là nhằm lẫn nhưng vẫn công bố nó như là một dữ liệu chính xác là một vấn đề hoàn toàn khác. Đó không phải là một sai lầm, mà đó là vô đạo đức. Nhất là lại cáo buộc trực tiếp Số 10 phố Downing.

Khi xem xét năm vấn đề tách bạch nhau và tốn nhiều giấy mực của báo giới thì việc phải quay lại từng dữ liệu, từng luận điểm và cả những ảnh hưởng mà việc đó gây ra cho mọi người là một việc thực sự rất khó khăn. Tiến sĩ Kelly, một người đàn ông tốt và đáng kính đã mất đi mạng sống của mình. Hai lãnh đạo cao nhất của đài BBC, Greg Dyke và Gavyn Davies, phải từ chức. Alastair và nhiều quan chức đã trải qua nhiều tháng ngày như địa ngục vì đã có những lời khẳng định không đúng sự thật. Có lẽ sự toàn vẹn của riêng tôi không bao giờ được phục hồi từ đó. Hậu quả thật lớn. Hậu quả đó cũng kéo theo một vấn đề khác: sự khác biệt ý kiến về chiến tranh không còn là những tranh chấp bất đồng, mà là một tranh chấp luẩn quẩn về sự trung thực của những người tham gia. Một tình huống khó khăn đã trở thành một tình huống xấu.

Tất nhiên, như tôi đã nói, sự thật không thể tránh được đó là mặc dù Saddam chắc chắn có vũ khí hủy diệt hàng loạt, kể từ khi hắn sử dụng những vũ khí này, chúng tôi chưa bao giờ tìm thấy chúng. Tình báo hóa ra đã sai lầm. Nhưng đây cũng là điểm mà các mối quan hệ giữa chính trị và các phương tiện truyền thông hiện đại đóng một vai trò xúc tác rất quan trọng.

Các thông tin tình báo đã sai. Chúng tôi thừa nhận điều đó. Chúng tôi xin lỗi về điều đó. Thậm chí chúng tôi đã giải thích điều đó. Nhưng giải thích trên các phương tiện truyền thông ngày nay chưa bao giờ là đủ vì đó là một sự nhầm lẫn. Một sự nhầm lẫn nghiêm trọng. Con người đã phạm lỗi. Và, với lịch sử của Saddam, đó là một lỗi có thể hiểu được. Nhưng điều đó dẫn đến một tiêu đề mà không đáp ứng sự thèm khát các vụ bê bối hiện nay của giới truyền thông. Một lỗi lầm dường như không đủ hấp dẫn cho lắm. Vì vậy, người ta tìm kiếm một lời nói dối, một sự lừa dối, một hành động không phải là lỗi nữa mà là hành động phi pháp. Và vấn đề là, nếu điều này không có thì người ta hoặc là làm giả hoặc bịa ra nó.

Tôi không nói rằng chúng tôi xử lý tốt các cáo buộc. Nhưng đó là một quả pháo toàn cầu châm ngòi cho toàn bộ các lý thuyết âm mưu. Vào đúng lúc chúng tôi đang cần đoàn kết mọi người thì nó lại làm chia rẽ họ một cách rõ nét nhất có thể. Trước thời điểm đó, chúng tôi có sai sót, sau thời điểm đó, chúng tôi là những kẻ nói dối.

Các dữ kiện cơ bản, trên thực tế, rất đơn giản. Khi từng vấn đề lần lượt được tìm ra, mỗi một điểm nêu ra trong lần phát sóng ban đầu đều sai. Tuyên bố 45 phút đã không được bất cứ ai ở Phố Downing, hay trong Chính phủ đưa vào hồ sơ, ngoại trừ JIC. Chúng tôi đã không thể “biết điều này là sai” và chẳng ai biết cả. Chúng tôi không bao giờ ra lệnh là hồ sơ cần phải được đánh bóng, cường điệu lên. Tiến sĩ Kelly không phải là một trong những quan chức tham gia vào việc đó.

Tệ hơn nữa, Gilligan sau đó tiếp tục, trong một bài báo trên tạp chí Mail số ra ngày Chủ nhật, cáo buộc rằng Alastair là tác giả của toàn bộ tuyên bố này, tức là Al đã bịa ra nó, một cáo buộc đẩy Alastair lên hàng đầu của tất cả các cuộc biểu tình chống chiến tranh và thật là một việc khó tin, trừ phi bạn thực sự chắc chắn đó là sự thật, nhưng tất nhiên điều này hoàn toàn sai trái và đến lúc đó chính chúng tôi và JIC phải đứng lên và phủ nhận điều đó.

Chúng ta không bao giờ biết rõ liệu có hay không việc Tiến sĩ Kelly, người đã phủ nhận cáo

buộc mặc dù ông thừa nhận từng nói chuyện với Gilligan, có tóm tắt cho ông ta về những lý lẽ để biện minh cho câu chuyện này hay không.

Nhưng những gì diễn ra tiếp theo đã tạo một mối tương tác giữa chúng tôi và các phương tiện truyền thông trong những năm sau đó. Mối quan hệ giữa bản thân tôi và BBC chưa bao giờ thực sự được phục hồi và các phương tiện truyền thông sau chuyện đó không có giới hạn.

Vấn đề là hệ thống phân cấp của BBC không thấy rằng đó không phải là một cáo buộc mà chúng tôi có thể bỏ qua. Hãy nghĩ xem, nếu các nhà lãnh đạo chính trị cứ phải đuổi theo mỗi câu chuyện sai lầm hoặc bị bóp méo về động cơ của họ, thì họ sẽ trở thành những chuyên viên phụ trách chất lượng của các thông cáo báo chí toàn thời gian. Nhưng điều này khác nhau về bản chất. Người ta phải gắn bó cả đời với Iraq. Họ có thể tha thứ cho một lỗi. Họ không thể tha thứ cho một sự lừa dối. Ngoài ra, điều đó có nghĩa là tôi đã cố tình lừa dối Hạ viện, điều đó đồng nghĩa với việc từ chức và nhục nhã.

Ngay từ đầu, tôi đã cố gắng để Greg và Gavyn xem xét vấn đề. Đây là lúc mà tình bạn của tôi với cả hai là một trở ngại chứ không phải là một sự trợ giúp. Tạp chí Mail đã tiến hành một chiến dịch nhằm vào họ như những vai phụ. Họ muốn chứng minh sự độc lập của mình. Cá nhân Greg cũng phản đối chiến tranh và thực sự không thấy rằng với vai trò là Tổng giám đốc của BBC, ông phải duy trì quan điểm trung lập.

Tất cả những điều mà tôi cần là họ phải chấp nhận rằng câu chuyện hoàn toàn là bịa đặt. Họ có thể tấn công Chính phủ nếu muốn, nhưng những cáo buộc không chính xác nên được rút lại. Họ không làm như vậy. Gavyn nói đi nói lại rằng việc điều tra sự thật không phải là chức năng của các giám đốc BBC – một quan điểm kỳ lạ, vì đó chính xác là những gì mà họ đáng ra nên làm. Greg – người có thể trở nên rất bướng bỉnh – cố giữ quan điểm rằng việc phát sóng hoàn toàn đúng đắn bởi vì tuyên bố 45 phút là sai, đây là điều mà tôi vẫn thường nói là không phải vấn đề chính.

Dù sao, tôi có thể khiến các bạn chán ngấy lên bằng quan điểm của mình về vấn đề này và dĩ nhiên họ cũng có thể làm điều đó với tôi. Những gì xảy ra sau đó nghiêm trọng và bi thảm hơn nhiều.

Cáo buộc của Gilligan đã kéo đổ một loạt những người khác. Ủy ban Ngoại giao quyết định điều tra và chúng tôi phải bước vào một trận chiến sáu tháng vô cùng tốn thời gian, mệt mỏi, chán nản và mất nhiều công sức để lấy lại danh tiếng cho cả một tập thể.

Đầu tháng 7 mọi việc trở nên rõ ràng hơn rằng đâu là nguyên nhân cho câu chuyện của Gilligan. Tiến sĩ Kelly đã tự lên tiếng. Ông thừa nhận rằng mình cũng đã nói chuyện với Watts Susan của báo Newsnight, nhưng những bài báo của bà nhẹ hơn nhiều và không khích bác, dù những bài báo đó đã đưa ra một cáo buộc không đúng rằng có một cuộc tranh luận về tuyên bố 45 phút giữa tổ chức tình báo và phó Downing mà sự thực không phải như vậy. Chưa bao giờ có một cuộc thảo luận như thế về chủ đề này chúng tôi chỉ biết về điều đó khi JIC đưa nó vào hồ sơ.

Tôi sẽ không bao giờ biết chính xác điều gì đã khiến Tiến sĩ Kelly kết thúc cuộc sống của mình. Không ai có thể biết lý do đằng sau những điều này? Điều đó thật buồn, đáng tiếc và thật khủng khiếp. Ông đã trung thành và phục vụ đất nước tận tâm trong nhiều năm. Có lẽ, do không quen với sự căng thẳng do áp lực mà chương trình phát sóng của Gilligan tạo ra, ông cảm thấy bế tắc và có thể dễ bị tổn thương với kỷ luật nội bộ nếu vai trò của ông lộ ra. Tôi không biết và cũng chẳng nên suy đoán. Sau đó, tôi đã yêu cầu gặp gia đình ông tại Chequers, đó là những người rất đáng kính trọng và nhạy cảm. Sự trớ trêu kinh khủng là ở chỗ trong tất cả những tranh cãi đã xảy ra, chính tiến sĩ Kelly từ lâu đã là một trong những người ủng hộ việc loại bỏ Saddam.

Làm cách nào mà tên của tiến sĩ Kelly trở thành chủ đề một phần quan trọng trong điều tra của Hutton. Đó cũng là chủ đề của các cáo buộc độc địa của giới truyền thông, đặc biệt là đối đầu

với Alastair. Báo chí đã gợi ý rằng ông đã vi phạm các hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và làm rò rỉ thông tin. Ông không làm điều đó. Mọi việc chỉ đơn giản là khi chúng tôi biết đó là tiến sĩ Kelly và kể từ khi Ủy ban Bộ Ngoại giao tham gia vào việc điều tra tuyên bố 45 phút và chương trình phát sóng, chúng tôi có nguy cơ bị cáo buộc tội che giấu, nếu biết nguồn rò rỉ thông tin và từ chối nói ra. Trên thực tế, toàn bộ sự việc được xử lý bởi những người quản lý liên ngành của tiến sĩ Kelly theo yêu cầu của tôi như thư ký thường trực Bộ Quốc phòng, Kevin Tebbit, Điều phối viên tình báo và an ninh David Omand của Văn phòng Nội các. Tên của ông được tung ra vào ngày 10 tháng 7 và không có gì ngạc nhiên, ngay lập tức, Ủy ban Ngoại giao cho biết họ sẽ chất vấn ông.

Ngày 15 tháng 7, ông được phỏng vấn. Ông phủ nhận việc mình có thể là nguồn gốc của câu chuyện Gilligan, bởi vì ông đã tranh cãi điều đó. Cụ thể, ông cho biết mình chưa bao giờ nghĩ hoặc nói rằng Alastair chịu trách nhiệm về việc bóp méo hồ sơ. Ủy ban Tình báo và An ninh (ISC) cũng tiến hành điều tra riêng. Ông cũng phải đưa ra bằng chứng cho họ và trong quá trình đó ông cho biết mình nghĩ rằng hồ sơ phản ánh công bằng tình trạng của tình báo, có thể sử dụng và được trình bày rất khôn ngoan và thực tế.

Tôi đã có một bài chất vấn Thủ tướng nháp trên mặt sau của nó ngày 16 tháng 7. Đài BBC đã từ chối nói tiến sĩ Kelly có phải là nguồn cung cấp thông tin của họ không. Ủy ban Ngoại giao đã quyết định rằng ông không phải là nguồn gốc thông tin và khiển trách Chính phủ. Tôi đã rất bức mình với lý lẽ của BBC. Họ có thể tổ chức tác nghiệp báo chí truyền thống mà không tiết lộ nguồn gốc cung cấp thông tin cho họ, nhưng rõ ràng đây là một trường hợp ngoại lệ. Trường hợp này, một người đang được mô tả nguồn đã cung cấp thông tin. Họ có thể xác nhận hoặc từ chối sự tham gia của mình. Họ không cần phải gọi tên đó là ai, nếu đó không phải là tiến sĩ Kelly. Chỉ cần nói rằng họ có một người khác. Nhưng, tất nhiên, họ đã không dám, vì nếu họ thừa nhận rằng chỉ có Tiến sĩ Kelly và vì ông đã từ chối nói những gì họ bị cáo buộc, họ sẽ phải ngừng phát sóng câu chuyện ban đầu và sẽ phải công khai xin lỗi nếu làm như vậy.

Tối hôm đó, tôi bay sang Mỹ. Ngày hôm sau tôi có bài phát biểu ở cả Hạ viện và Nghị viện. Đó là một thời khắc quan trọng. Tôi viết các bài phát biểu trên đường đi và buổi sáng hôm sau. Đó là một trong những bài phát biểu quan trọng nhất và thành công nhất mà tôi đã làm, theo đánh giá của cá nhân tôi.

... Đây là một trận chiến mà không thể chiến đấu hoặc chiến thắng bằng lực lượng vũ trang. Chúng ta sẽ mạnh hơn rất nhiều bằng tất cả các cách chiến đấu truyền thống, mạnh hơn những kẻ khủng bố, nhưng cho dù có mạnh hơn kẻ thù đi chăng nữa, chúng ta cũng phải học được khiêm tốn. Chắc chắn, chúng ta không thể chiến thắng các thế lực thù địch chỉ bằng sức mạnh quân sự. Vũ khí tối thượng của chúng ta không phải là súng, mà là niềm tin.

Người ta vẫn đồn đoán rằng, mặc dù chúng ta yêu tự do, nhưng những kẻ khác thì không; rằng sự gắn bó của chúng ta với tự do là sản phẩm của nền văn hóa của chúng ta; tự do, dân chủ, nhân quyền, thể chế pháp luật là những giá trị của Mỹ, hay các giá trị của phương Tây; phụ nữ Afgha chấp nhận cuộc sống hà khắc của Taliban, Saddam ít nhiều cũng được người dân của mình ưa thích, Milosevic là vị cứu tinh của Serbia.

Kính thưa các vị, những giá trị của chúng ta không phải là những giá trị phương Tây, đó là những giá trị phổ quát của tinh thần con người. Và ở bất cứ đâu, bất cứ khi nào những người dân thường đều có cơ hội lựa chọn: tự do, chứ không phải chế độ độc tài; dân chủ chứ không độc đoán cực đoan, các thể chế pháp luật chứ không phải là các quy tắc của cảnh sát bí mật.

Sự lan truyền tự do là đảm bảo tốt nhất cho những người dân tự do. Đây là lời cuối cùng của chúng ta về tự vệ và là lời đầu tiên của chúng ta về tấn công. Và cũng giống như khủng bố tìm cách phân chia nhân loại trong thù hận, chúng ta phải thống nhất nhân loại xung quanh một ý tưởng. Và ý tưởng đó là tự do. Chúng ta phải tìm ra sức mạnh chiến đấu cho ý tưởng này và lòng trắc ẩn để khiến nó phổ quát. Abraham Lincoln đã nói, "Những người từ chối mang lại tự

do cho người khác không xứng đáng để có nó.” Và chính ý nghĩa của sự công bằng đó đã làm cho tình yêu tự do mang ý nghĩa đạo đức.

Trong một số trường hợp khi an ninh của chúng ta bị đe dọa trực tiếp, chúng ta sẽ phải viện đến quân đội. Còn nếu không, chúng ta sẽ dựa vào sức mạnh của lý lẽ. Nhưng dù là gì đi chăng nữa thì sự tự do mà chúng ta đang tìm kiếm không phải là cho một số người, mà là cho tất cả mọi người, bởi vì đó là con đường đúng đắn duy nhất dẫn đến chiến thắng trong cuộc đấu tranh này.

Và đây không phải là một cuộc chiến tranh của các nền văn minh, bởi vì mỗi một nền văn minh đều có một khía cạnh độc đáo riêng để làm phong phú thêm cho kho tàng di sản của con người. Chúng ta đang đấu tranh cho quyền bất khả xâm phạm của nhân loại – người da màu hay da trắng, người theo đạo Cơ đốc hay không, người theo cánh tả hay cánh hữu v.v... đều có quyền được tự do, tự do để nuôi gia đình trong tình yêu và hy vọng, tự do để kiếm sống và được hưởng thành quả nỗ lực của mình, tự do để không quỳ gối trước sợ hãi trước bất cứ người nào, tự do là bản thân mình chùng nào mà điều đó không làm phương hại đến tự do của người khác. Đó là những gì mà vì nó chúng ta đang chiến đấu. Và đó là một trận chiến đáng chiến đấu.

Và tôi biết rằng sẽ rất khó khăn cho nước Mỹ và ở góc nhỏ của đất nước rộng lớn này, ngoài Nevada hay Idaho hoặc những nơi mà tôi chưa bao giờ đặt chân tới, nhưng luôn muốn lên đường đến, tôi biết ở đó có một ai đó đang sống rất hạnh phúc, làm việc và đang nói với các ngài, các chính trị gia của đất nước này, “Tại sao tôi? Tại sao chúng ta? Tại sao lại là nước Mỹ?”

Và câu trả lời duy nhất là, “Bởi vì định mệnh đã đưa bạn đến nơi này của lịch sử, trong khoảnh khắc này và đây là nhiệm vụ của bạn.”

Và công việc của chúng tôi, đất nước của tôi dõi theo sự phát triển của các bạn, dân tộc chúng tôi đang chiến đấu bên các bạn và bây giờ chiến đấu cùng các bạn và hành trang cần có là niềm tự hào to lớn trong liên minh cộng với tình cảm tuyệt vời của chúng ta, công việc của chúng tôi là có mặt ở đó cùng các bạn. Nước Mỹ sẽ không đơn độc. Chúng tôi sẽ ở bên các bạn trong cuộc đấu tranh vì tự do này. Và nếu tinh thần của chúng tôi là đúng đắn và lòng can đảm của chúng tôi là chắc chắn, thì thế giới sẽ đứng về phía chúng ta.

Lễ đón tiếp thật nồng nhiệt. Thính giả đứng dậy và vỗ tay, tổng cộng đến 35 lần và cũng làm vậy với các diễn giả của mình.

Thời gian sau đó, các dân biểu và thượng nghị sĩ thường xuyên đề cập điều đó với tôi. Có điều là: đã có một cuộc tranh luận về điều đó và mặc dù Đảng Cộng Hòa yêu thích các công cụ bảo mật nghiêm khắc, thì Đảng Dân Chủ lại có thể đồng tình về chương trình nghị sự lớn hơn trong bài phát biểu liên quan đến vấn đề biến đổi khí hậu, hòa bình Trung Đông, châu Phi và công bằng xã hội. Tuy nhiên, điều này phần nào đó cũng mô tả điểm yếu chính trị của tôi. Cánh hữu đồng ý một phần, cánh tả đồng ý một phần. Nhưng tổng thể thì chẳng được là bao!

Sau bài phát biểu, Cherie và tôi đã đi ăn tối với George và Laura, những người vô cùng lịch thiệp và hiếu khách. Tôi nghĩ rằng ông ấy thực sự ấn tượng với bài phát biểu và chúng tôi đã có một buổi tối thư giãn vui vẻ. Tại thời điểm đó, chúng tôi đã chiến thắng. Saddam đã bị loại trừ. Theo quan điểm của George, chế độ đã được thay đổi và tương đối dễ dàng. Theo tôi, LHQ đã được trở lại hợp tác và có triển vọng về sức mạnh đoàn kết của một cộng đồng quốc tế một lần nữa. Đó là buổi tối thoải mái cuối cùng dự tính về tình hình Iraq.

Chúng tôi ra về khá sớm. Alastair quay trở lại Anh. Tôi thì phải bay sang Nhật và Hàn Quốc để thăm 2 nước như đã hứa từ lâu. Cheire và tôi lái xe đến căn cứ không quân Andrews nằm ngoài Washington. Đó là một chuyến bay rất dài. Chúng tôi thay đồ và đi ngủ. Nửa đêm, David Manning đánh thức tôi dậy. “Tin rất xấu đây, thưa ngài,” ông nói.

David rất điềm đạm, đơn giản và là nhà tư vấn kiệt xuất, một người rất chân thật, trung thành và không mấy can đảm. Ông đã hỗ trợ tôi rất nhiều trong toàn bộ vấn đề Iraq. Ông chuẩn bị

sang Washington là đại sứ. “David Kelly được tìm thấy đã chết. Nghi ngờ là tự tử.” ông ấy nói. Đó thực sự là một khoảng khắc khó quên.

Tất nhiên, theo lý trí, thì đó chỉ là một bi kịch cá nhân. Điều này được lý giải bằng sức ép ông ta phải chịu đựng. Đó cũng có thể được coi là chuyện riêng. Nhưng không đời nào giới truyền thông của chúng tôi coi đó là “chuyện riêng” cả. Đó có thể được coi là một vụ giết người giống vụ Watergate. Nó khơi gợi mọi hành vi theo học thuyết âm mưu. Nó cho phép bất kỳ và mọi sự bịa đặt về ngữ cảnh, hậu trường và cốt truyện. Giới truyền thông sẽ tuyên bố đó là một vụ bê bối. Họ hoàn toàn có khả năng chắc chắn như vậy.

Tôi xem lại quyết định tiến hành chất vấn về cái chết của Tiến sĩ Kelly khi khởi hành chuyến bay đầy mệt mỏi băng qua Thái Bình Dương, bằng chiếc điện thoại không dây trên máy bay. Tôi nói chuyện với Charlie Falconer. Ông ấy đồng ý tìm một thẩm phán. Đó phải là một người thực sự hoàn hảo, công bằng, một người mà không ai có thể viện lý là có dính dáng đến Tuyên ngôn Lao động mới của Đảng Lao động hoặc thậm chí biết chúng tôi. Nếu cần thiết, chúng tôi sẽ tiến hành công khai, mặc dù tôi chưa hề tính toán xem việc đó sẽ tốn kém bao nhiêu và sẽ kéo dài trong bao lâu. Cuối cùng, Charlie trở lại theo lời khuyên của Ngài Hutton, Nguyên thẩm phán Bắc Ireland, một nguyên lão pháp luật, một người hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của chúng tôi. Theo cách người ta mô tả, ông ta quả thực là người hoàn toàn chính trực. Chúng tôi đã lựa chọn ông ta ngay lập tức vào thời điểm đó.

Có thể tôi chỉ nên tranh đấu cho tới khi ngã ngũ. Có thể tôi chỉ nên tìm cách tránh bị lấn át bởi tính tàn bạo của sự công kích. Ngay từ đầu, bị loại bỏ bởi sự công kích chính sách thực sự đối với Tuyên ngôn Lao động mới, sự công kích thay thế này với tư cách là một Chính phủ ‘thoái trào’, ‘giả dối’, hoặc như tôi, một kẻ nói dối’, đã thực sự ‘lên ngôi’. Đó là một phần của nền chính trị hiện đại đang hình thành: công kích cá nhân, chứ không phải tranh luận chính trị. Trong những hoàn cảnh bình thường, trong những cuộc tranh luận về vấn đề chính trị không có gì đặc biệt, những cuộc trao đổi mang tính tàn bạo này không kéo dài. Chính từ cuộc bầu cử năm 2001, phe Bảo thủ đã lần đầu tiên gọi tôi là ‘Bliar’ (kẻ nói dối).

Tuy nhiên, điều này có liên quan đến quyết định tham chiến. Trong trường hợp cá biệt này, liệu chúng tôi chỉ có thể cam chịu? Chúng tôi không có nghĩa vụ điều tra vụ này chăng? Có thể đúng, có thể không. Nhưng vào thời điểm đó, tôi cảm thấy: đủ rồi. Hãy để mọi việc được sáng tỏ. Hãy để chúng tôi được minh oan. Hãy để sự thật được phơi bày. Và chắc chắn sau đó, với phán quyết khách quan của một vị thẩm phán chuyên nghiệp, mọi người sẽ chấp nhận bị cai trị. Chắc chắn. Chắc chắn không? Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, tôi vẫn nghĩ việc này rất cần thiết. Có thể, lúc đó, sự việc sẽ được phơi bày; nhưng trước đó, sau 6 tháng băng đi, thật khó có thể nhận ra đâu là sự thực.

Tôi sẽ không tìm đủ mọi cách để lần ra chứng cứ. Tôi định đọc lại bản báo cáo. Việc vị nguyên thủ quốc gia và tất cả các quan chức cao cấp cung cấp chứng cứ như vậy quả là sự kiện vô tiền khoáng hậu. Chưa hề có trường hợp tương tự như vậy. Hạn cuối để đưa ra kết luận là vào tháng 10. Cuối cùng Hutton cũng xuất bản bản báo cáo vào cuối tháng 1/2004. Bản báo cáo nêu chi tiết hồ sơ, quá trình sưu tập tài liệu, vai trò của Giám đốc Truyền thông Alastair, các hoạt động trong mỗi biên bản họp của Bộ Quốc Phòng và tại Phố Downing, những việc tiến sĩ Kelly đã làm, vô cùng chi tiết và tường tận. Đây là một phần trích ra từ báo cáo kết luận đó:

Hồ sơ được chuẩn bị và biên soạn bởi một nhóm nhân viên thuộc Ủy ban Tình báo Liên quân (JIC), Vương Quốc Anh. Ngài John Scarlett, chủ tịch của JIC, chịu trách nhiệm chung trong quá trình biên soạn hồ sơ.

Tuyên bố 45 phút dựa trên một báo cáo do Cơ quan Tình báo Anh (SIS) nhận được từ một nguồn mà cơ quan này cho là đáng tin cậy. Do đó, liệu rằng thời gian tương lai mà tuyên bố 45 phút này dựa vào được chứng minh là không đáng tin cậy, thì luận điệu do ông Gilligan đưa ra vào ngày 29/5/2003 rằng Chính phủ có thể biết tuyên bố 45 phút đó là sai trái trước khi Chính

phủ quyết định đưa nó vào bộ hồ sơ, là một luận điệu vô căn cứ.

Khi hồ sơ đó sẽ được trình lên và xem xét bởi Nghị viện và công chúng và nó cũng không phải là một đánh giá của cơ quan tình báo chỉ do mỗi Chính phủ xem xét, nên tôi không cho là việc Ngài Scarlett và JIC sẽ xem xét những đề nghị trong bản thảo do phổ Downing chuẩn bị và sẽ thông qua những đề nghị đó nếu chúng phù hợp với tin tình báo do JIC thu thập được là thiếu đúng đắn.

Các lãnh đạo đài BBC đã mắc sai lầm ở chỗ đã không điều tra các khiếu nại của Chính phủ một cách hợp lý rằng báo cáo được phát thanh lúc 6 giờ 7 phút sáng là không xác thực và việc Chính phủ có thể đã biết tuyên bố 45 phút sai sót thậm chí trước khi quyết định đưa nó vào hồ sơ.

Không hề có chiến lược giả mạo, dối trá và dè tiện nào của Chính phủ nhằm ngấm ngầm tiết lộ tên của tiến sĩ Kelly cho giới truyền thông.

Vị thẩm phán đã cố gắng hết sức mình để tìm ra những thông tin hoàn toàn có căn cứ. Tuy nhiên đó là thời điểm có sức ảnh hưởng sâu xa theo cách ứng xử của giới truyền thông.

Tất nhiên, vị thẩm phán đã phải chịu sức ép ghê gớm nhất từ giới truyền thông. Ông ta đã biết cách đối phó rất tốt, thế nhưng, ít ngày trước khi tin tức được công bố, tôi đã rất lo lắng, không phải về sự thật, mà là liệu ông ta có đặt những cán bộ truyền thông của Chính phủ vào đúng vị trí của họ; liệu ông ta có dám lên tiếng bảo vệ lẽ phải hay không, v.v...

Khi tôi còn là học trò của ông ấy, Derry thường dạy tôi rằng trên đời có hai loại thẩm phán: Một là những người biết đưa ra quyết định, nhưng lại không giải quyết triệt để vấn đề, để lại kẽ hở cho bên thua kiện vin vào, kẽ hở đó thể hiện sự do dự của người thẩm phán đó về việc đưa ra quyết định rõ ràng; thứ hai là những người cũng biết đưa ra quyết định và dựa trên lập trường đó, đưa ra quyết định đơn giản, đầy đủ và dứt khoát, trong đó mọi lý lẽ và mọi băn khoăn đều được giải đáp. Lord Hutton thuộc kiểu người thứ hai.

Đó là một phán quyết đầy đủ, được đưa ra một cách dứt khoát. Michael Howard, phản ứng lại điều đó trước Nghị Viện, cố gắng một cách xuẩn ngốc vào vô vọng như thể vị thẩm phán không hề biết anh ta muốn tiếp cận những người có tư tưởng chống chiến tranh, quả là một lỗi rất tệ và điều này càng thể hiện rõ anh ta là một kẻ cơ hội ủng hộ cuộc chiến, vốn đã rất tàn khốc.

Đối với chúng tôi, đó là sự chi viện rất lớn, nhưng chúng tôi có lỗi riêng của mình, một lỗi rất nghiêm trọng để lại hậu quả khôn lường. Tôi đã trao đổi riêng với Ngài Gavyn Davies khá lâu, về việc duy trì ranh giới mở và đảm bảo mối quan hệ giữa chúng tôi với đài BBC không bị tổn hại. Dầu sao, họ cũng là cơ quan truyền thông chính của quốc gia.

Chúng tôi đã thỏa thuận trong quá trình đàm phán rằng trong trường hợp vị thẩm phán tìm ra sai sót, chúng tôi sẽ phải cố gắng để trấn an cả hai bên. Cuộc trao đổi lần cuối diễn ra trước khi Ngài Hutton công bố phán quyết và tôi đã trấn an Gavyn rằng chúng tôi sẽ không đòi "lấy đầu" của bất kỳ ai nếu đài BBC bị chỉ trích.

Ngày báo cáo được công bố hôm 28/1 quả là thời điểm vô cùng bận rộn đối với chúng tôi. Đội thân cận ngồi chờ trong Phòng Nội Các trong niềm lo lắng, mong ngóng, chờ đợi bản copy tài liệu mà Godric Smith, Giám đốc Truyền thông thứ 2 của Alastair, mang vào. Tôi ngồi cùng họ và chúng tôi đã đọc kỹ càng bản kết luận và cùng thở phào nhẹ nhõm vì nhận ra rằng ông ta đã có thiện ý với chúng tôi và vui sướng khôn xiết khi ông ta không dám đánh bóng tên tuổi đài BBC, mà giữ nguyên cáo trạng.

Sau đó tôi phải chuẩn bị bài phát biểu trước Hạ Nghị Viện. Chỉ một ngày sau khi chúng tôi đã rất khó khăn để hoàn thành cuộc trưng cầu ý dân về học phí và cả hai sự kiện đã làm tôi mệt lử. Tôi chỉ muốn quay trở lại phòng làm việc riêng của mình và viết bài phát biểu.

Alastair nói cũng muốn có bài phát biểu. Ông rời Downing sau đó, nhưng đã quay lại để lấy bản báo cáo, với tư cách là một trong những diễn viên quan trọng của màn kịch. Chúng tôi vẫn rất thân thiết. Tôi đã đồng ý một cách miễn cưỡng. Thực tế, tôi nghĩ ông ấy sẽ nhất quyết muốn thế. Alastair viết vài lời phát biểu. Bài phát biểu có một đoạn nói về chuyện xảy ra tiếp theo nếu ông ấy hoặc ai đó dưới quyền bị phát hiện có liên quan đến vụ việc thì những người đứng đầu sẽ bị cách chức. Tôi cắt đoạn đó đi và trong sự bối rối đến cực độ, ông đã phản đối mạnh mẽ. Ông không thể hiểu tại sao tôi làm vậy. Khi thỏa thuận với Gavyn, tôi đã không nói với bất kỳ ai về cuộc trao đổi giữa chúng tôi, ngoài Anji. Do đó, Alastair đã không biết tại sao tôi lại phản ứng mạnh đến mức cắt đoạn đó đi.

Tôi đã, rất vô cảm và điên rồ, khi không đánh giá đúng trạng thái căng thẳng của Alastair. Ông ấy, như tôi đã nói, là một chính trị gia rất nghiêm khắc và khắt khe. Tôi không biết rằng ông đã dành hàng tháng trời cực khổ để đi đến phán quyết đó. Tất nhiên, khi rời phố Downing, Alastair đã không để tính chất phức tạp của công việc làm rối tâm trí mình. Ông tạm gác những vấn đề của cuộc sống riêng, thay vào đó, lang thang trên các con phố tìm cách bắt chuyện, hỏi han và buộc tội ai đó đã giết tiến Sĩ Kelly và thậm chí nhận được cả bức thư hăm dọa trả thù có dính máu tại nhà riêng của mình. Do vậy, với ông, đây là thời điểm để bộc lộ cảm xúc rõ nhất. Tuy nhiên, ông đã kìm nén mọi cơn giận nhưng rồi đến một lúc cũng không kiềm chế nổi. Ông đã không nghĩ rằng mình đang chửi rủa.

Khi có lời phát biểu, mà ông đã viết với biết bao cảm xúc, tuôn trào từ nỗi buồn với công việc, trong khi nhiều người coi đó là sự trả đũa đối với giới truyền thông mà ông thù ghét bấy lâu; ông đã khéo léo lồng đoạn viết về việc ‘cách chức người đứng đầu’ vào với cách diễn đạt nhẹ nhàng hơn nhưng vẫn giữ nguyên nội dung chính.

Lúc ấy, tôi đã có thể cứu vãn được tình thế. Nhưng tôi đã không tập trung vào đài BBC; vì tôi đang bận chuẩn bị cho bài phát biểu trước Hạ Viện, thanh minh cho mình và chỉ trích chủ nghĩa cơ hội của Michael Howard. Tôi đọc bài phát biểu rất lưu loát. Và ngay sau đó tôi đi thăm một trường đại học. Khi bước chân vào hậu trường, tôi vẫn không thể chắc chắn hoàn toàn đài BBC sẽ quyết định làm gì. Tuy nhiên, đáng lẽ ra tôi nên tuyên bố trong bài phát biểu rằng mình không muốn bất kỳ ai bị sa thải. Thay vào đó, tôi chỉ tập trung vào việc hủy bỏ câu chuyện sai lệch ảnh hưởng đến sự liêm khiết của bản thân.

Đó là một sai lầm. Tôi nghĩ, Gavyn đã cho rằng tôi phá vỡ thỏa thuận và ủng hộ sự khắt khe của phán quyết. Cả ông ấy và Greg đã từ chức. Tôi thực sự không muốn điều đó xảy ra. Greg là Greg và chưa bao giờ thực sự thích hợp với BBC, nhưng Gavyn là một người đứng đắn và rất đáng kính trọng và tôi cảm thấy chính mình đã khiến ông ấy thất vọng.

Điều này cũng đã tạo nên nhiều cuộc đấu đá lẫn nhau trong giới truyền thông. Trong khoảng 12 tiếng, họ đã rất choáng váng. Sau đó, với liên minh giữa Tập đoàn Bưu chính và BBC – một trong những điều đáng tiếc nhất trong vụ việc này – họ đã quyết định bắt tay nhau để đối đầu với tổ chức của chúng tôi. Tờ Daily Mail đã chạy dòng tít ‘SỰ THANH MINH’ ngay vào số báo hôm sau. Nhiều tờ báo khác chạy lại tít đó. Trong chốc lát, một người đàn ông lịch lãm trở thành một gã xu nịnh ở phố Downing, đài BBC trở thành nạn nhân của vụ đưa tin và âm mưu tồi tệ nhất. Thực tế có ai biết chúng tôi chính là những kẻ nói dối không? Chuyện này phủ kín trên các trang báo trong nhiều ngày và rồi chốt lại bằng những cuộc trưng cầu dân ý thể hiện việc công chúng đã hoàn toàn tin rằng đó là ‘sự thanh minh’. Chính vì vậy, chính cách xoáy sâu vào phân tích sự ngờ vực lại càng làm cho sự việc trở nên rối ren và hiểm độc hơn.

Khi những lý lẽ cho rằng chúng tôi, một Chính phủ ‘thoái trào’ và khi tôi cần bằng chứng cho điều đó, thì bản hồ sơ đó luôn là một ví dụ điển hình. Tuy nhiên, tôi khẳng định rằng, đã có một cuộc điều tra (một trong bốn) kéo dài 6 tháng liền lại cho kết quả ngược lại. Đúng vậy, nhưng đó là một ‘sự thanh minh’, như tất cả chúng tôi đều biết.

Tuy nhiên, cách thức tiến hành cuộc tranh luận chính trị không phụ họa cho sự bất đồng hợp lý

giữa những người có lý lẽ. Chương trình truyền hình của Gilligan đi đầu trong việc đưa tin về vụ này vì nó coi đây là hành vi sai trái và một lời nói dối thực sự. Chúng tôi không hề được biết trước khi tin đó được phát sóng. Trong bất kỳ sự kiện nào, dù là một sự cố rất nhỏ thì cũng sẽ không được phát sóng đưa tin.

Cơ quan tình báo đã sai sót và chúng tôi nên xin lỗi vì điều đó. Vì thế, chỉ có một câu chuyện có thực và đúng sự thực. Nhưng trong môi trường hiện nay, nó không có yếu tố giật gân gây ngạc nhiên và tính lãng mạ của một vụ bê bối. Do vậy, một sự cố được biến thành một trò lừa bịp. Và chính mối liên quan giữa chính trị và truyền thông đã tạo nên cuộc tranh cãi chính trị. Phe đối lập miễn cưỡng phải tham gia, nếu không họ sẽ trở thành những gã khờ. Thay vì tranh cãi về quan điểm giữa nước này với một nước khác, nó đã trở thành một cuộc chiến dành cho những ai 'trung thực hơn' hoặc 'ít giả dối hơn' hơn là những người khác, một trò chơi cho những gã khờ thực sự trong lịch sử chính trị.

Nhưng dù sao, điều đó đã xảy ra. Cuối cùng, tình hình trở nên căng thẳng hơn khi bàn đến diễn biến gia tăng ở chính đất nước Iraq. Một cuộc điều tra kỹ lưỡng về những hậu quả thực sự cần thiết đối với nước này và, quan trọng nhất, cũng là cho tương lai. Cách thức chúng tôi giải quyết một vấn đề như thế đó là cần phân tích suy luận. Vấn đề, vẫn chưa được giải quyết, nhưng rất cần giải quyết, đó là: ở mức độ nào những thử thách chúng tôi đã và đang đối mặt ở Iraq và Afghanistan có thể tránh được; và ở mức độ nào họ tất yếu nhận được sự phân chia nhiệm vụ?

Hãy để tôi giải thích thêm về điều này. Những gì đã xảy ra ở Iraq sau năm 2003, ban đầu, khá ôn hòa. Có xuất hiện tình trạng cướp bóc và bạo lực; một vài vụ tấn công đối với lực lượng liên quân, nhưng có thể kiểm chế. Tôi xin mô tả lại việc LHQ đã được kéo trở lại sân chơi như thế nào. Vào đầu tháng 7, với sự hỗ trợ của LHQ, chúng tôi triệu tập Hội đồng Chăm quyền Iraq. Đó là một thời khắc quyết định. Hội đồng có 25 thành viên: 13 người Hồi giáo Shia, 11 người theo Đạo Hồi Sunni và 1 người Thiên Chúa Giáo. Hội đồng này không thuộc quy trình tham vấn. Đây là bước đầu tiên của quá trình phục hồi chủ quyền của người Iraq. Như Sergio Vieira de Mello đã nhận định: Iraq đang trở lại vị trí phù hợp với nó: hòa bình quốc gia và là một thành viên chính thức của cộng đồng các quốc gia'.

Trong khi đó, ở đâu đó, mặc dù đã có các tổ chức quân sự đối phó với bất kỳ phần tử nào còn lại của trùm khủng bố Saddam Hussein; thì các việc cần thiết cho quá trình tái thiết đất nước như mở lại trường học, khôi phục lại bệnh viện và hệ thống an ninh trật tự cần hoạt động trở lại. Ở Basra vào cuối tháng 6, 17.000 sinh viên đại học vẫn tham dự kỳ thi theo thông lệ.

Điều này không có nghĩa là bạo lực vắng bóng ở phía Nam. Đã xảy ra một tai nạn nghiêm trọng ở tỉnh Maysan. Ngày 24/6, sáu nhân viên thuộc Cảnh sát Quân đội Hoàng gia đã thiệt mạng trong một cuộc tấn công tại thị trấn Al Majar Al Kabir, phía Nam Al Amarah. Đây là những cuộc tấn công riêng rẽ. Nhưng, thậm chí vào đầu năm 2004, người dân có thể lái xe quanh Basra và khi đại diện phía Anh đến đó, Ngài Hilary Synnott đã khá lạc quan khi đến chào tôi trước khi kết thúc nhiệm kỳ của ông vào tháng 2 năm 2004.

Khi Jack Straw phác thảo lại bài phát biểu trước Hạ Viện hôm 15/7, chúng tôi đã khẳng định rõ ràng rằng khi Iraq có thể tự đứng vững, thì chúng tôi sẽ rút quân.

Chúng tôi đã nhận được rất nhiều cam kết hỗ trợ tài chính từ khắp nơi trên thế giới. Quỹ Tín Thác Dầu Khí đã được thành lập. Văn phòng Hỗ trợ Nhân đạo và Tái thiết (ORHA) đã bắt đầu hoạt động và phát triển rất nhanh. Giao thông ở Baghdad dần trở lại đông đúc. Hai thành phố Mosul và Kirkuk khá yên bình. Khu vực của người Kurd tất yếu đã được tự do.

Tuy nhiên, chúng tôi và đa số người dân Iraq mong muốn chung một điều – chế độ của Saddam Hussein sụp đổ, đất nước tái thiết và chúng tôi sẽ rút quân. Và một Chính phủ mới theo hình thức tuyển cử đại diện được thiết lập.

8.000 người Iraq tử vong là một con số lớn nhưng vẫn chỉ là một con số không đáng kể so với

tổng số người chết dưới chế độ của Saddam năm này qua năm khác. Chúng tôi phải chịu mất mát nhiều hơn những gì chúng tôi hình dung được, nhưng, vẫn ít hơn so với thảm kịch chúng tôi có thể phải đối mặt. Đối lại, một quốc gia lạc lõng giữa cộng đồng quốc tế, đã khơi ngòi hai cuộc chiến, nay đã có thể trở thành một bạn, chứ không phải một kẻ thù.

Quan niệm cho rằng điều xảy ra sau đó là hệ quả không tránh khỏi của việc lật đổ Saddam là hoàn toàn không đúng. Không có lực lượng nổi dậy nào do nhân dân đứng đầu lại ủng hộ Saddam. Không có sự chuốc giận nào về sự xâm chiếm ngoài sự trợ giúp và niềm hy vọng.

Phải, tất nhiên, ORHA đã làm tốt hơn với các kế hoạch tái thiết, nhưng đó không phải là vấn đề. Chúng tôi có đủ nguồn tài chính, nỗ lực và người dân để tái thiết Iraq chỉ trong vòng một năm kể từ khi xung đột kết thúc.

Điều đang diễn ra khiến tình trạng an ninh trở nên xấu đi. Điều này xảy ra một phần là do các phần tử Iraq thực hiện thỏa hiệp riêng của mình về việc các nhóm tội phạm, tôn giáo và bộ lạc quyết định bỏ dỡ nền dân chủ mới khai sinh và cố gắng giành chính quyền. Tuy nhiên, khía cạnh phản biện mở rộng, chính là yếu tố biến một tình huống khó khăn trở nên gần như hỗn loạn, lại có liên quan đến các bè cánh bất đồng quan điểm nội bộ với al-Qaeda về mặt này và với Iraq về mặt khác.

Trong quá trình diễn biến này, lực lượng khủng bố phát hiện ra hai khả năng: Nếu họ tiến hành khủng bố đối với dân thường Iraq, đặc biệt bằng cách đánh bom liều chết, thì lực lượng liên quân và Chính phủ Iraq sẽ bị buộc tội, chứ không phải họ; và đặc biệt nói về lực lượng liên quân, mức phạt dành cho những nước tham chiến có tổn thất về lực lượng là thấp, rất thấp, nếu vi phạm, thì lực lượng liên quân sẽ mất hết dũng khí – chứ không phải là quân đội, nhưng quân chúng sẽ được về nhà. Nói cách khác, nếu bọn khủng bố có thể tạo nên bạo loạn, nỗi sợ kéo theo và chính sách an ninh khẩn cấp có thể là dấu hiệu chỉ ra rằng nhiệm vụ đã thất bại, rằng cuộc thử nghiệm dân chủ bị lạc lối và rằng quay trở lại các chính sách cũ sẽ là sự lựa chọn duy nhất dành cho Iraq.

Thay vì oán hận những hành vi tội ác của bọn khủng bố, thì sự phản công lại hoàn toàn yếu ớt và ảo tưởng về mục tiêu. Ở mức độ này người ta có thể hiểu rằng khủng bố là những kẻ chúng ta phải chống lại, nhưng ở một cấp độ khác, các vụ đánh bom xe hơi kế tiếp nhau và binh lính chết trong những cuộc tấn công sử dụng chất nổ tự chế chứ không phải ngoài trận địa, cảnh tượng tàn sát đầy ắp các báo cáo phân tích lý do vì sao chúng tôi đã đến đó. Sự đổ máu làm tiêu tan hy vọng và, còn hơn thế, mang lại sự tuyệt vọng.

Điều này có thể được giải thích là do thiếu một liên quân lớn hơn và sự chia rẽ trong cộng đồng quốc tế đã dẫn đến tình cảnh đó. Tuy nhiên khi chúng tôi chứng kiến điều tương tự xảy ra ở Afghanistan, tôi không chắc điều này hoàn toàn đúng.

Thời khắc quyết định xảy ra vào ngày 19/8 ở Baghdad. Một vụ đánh bom bằng xe tải tại trụ sở của LHQ đã dẫn đến những cái chết thảm thương của hơn 20 nhân viên LHQ, bao gồm cả ngài Sergio. Đó là một ngày kinh hoàng và không thể quên được. Tôi nghe tin tức khi đang đi nghỉ mát. Tôi báo cho Kofi; ông ấy đã rất choáng váng. Sau đó tôi viết thư cho đối tác của Sergio. Tôi đã và vẫn đang cảm thấy mình phải có trách nhiệm rất lớn trong vụ việc này. Tôi đã trần trụi việc bổ nhiệm người thay vị trí Sergio và đã giao việc này cho Kofi.

Tại thời điểm đó tôi đã không đánh giá hết ý nghĩa đầy đủ của cuộc tấn công này. Vụ tấn công này thật hiếm độc. Những nhân viên đó không có khả năng tự vệ. Họ đến để giúp Iraq. Họ đến đó với thiện chí hoàn toàn ủng hộ cộng đồng quốc tế; thực sự, họ đại diện cho cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, đó cũng là một thời khắc trọng đại vì một số lý do khác nữa. Đó là thời điểm mà chúng tôi nên hiểu rằng cuộc xung đột đã biến chất thành một vấn đề khác. Nó thực sự giống hoạt động của tổ chức al-Qaeda, mà người đứng đầu lại ở Iraq, tổ chức al-Zarqawi của người Jordani, đã tấn công Iraq trước sự xâm chiếm. Đó là thời điểm chúng tôi nên củng cố sự trợ giúp quốc tế và tuyên bố: 'Chúng tôi sẽ giữ vững lập trường, sẽ không để LHQ bị ảnh hưởng;

tuy nhiên cuộc chiến đã thực sự bắt đầu; đây là một cuộc chiến chống lại cùng một kẻ thù, chúng tôi sẽ chiến đấu ở cùng một nơi khác và sẽ sát cánh bên nhau.'

Thay vào đó, ngay lập tức LHQ đã cho nhân viên rời trụ sở và hoạt động trong tình trạng thiếu quân số trong nhiều năm. Còn với al-Qaeda, cuộc tấn công của họ đã có kết quả. Họ đã loại trừ sự hiện diện của LHQ. Họ đã gieo rắc sợ hãi hơn là thách thức. Cuộc đổ máu này là dẫn chứng cho câu chuyện về sự thất bại trong nỗ lực bảo vệ Iraq của chúng tôi, chứ không phải khuyến khích giết người vô tội của họ.

Tuy nhiên, kể từ đó, trong suốt nửa đầu năm 2004, chỉ có 30 vụ đánh bom liều chết. Có thêm nhiều bước tiến chính trị. Đến nửa đầu năm 2005, số vụ đánh bom liều chết đã lên tới 200. Đến giữa năm 2005, nhóm nổi loạn Hồi giáo Sunni đã liên kết với al-Qaeda; lực lượng liên quân do Iran hậu thuẫn đã bắt đầu gây bạo loạn ở phía Nam. Sau đó, chúng tiến hành các cuộc tấn công giáo phái Hồi giáo Sunni. Tất nhiên, hầu hết những người ngã xuống là người Iraq, nhưng Tây Ban Nha và Ý cũng bị tổn thất nhiều binh lính và công dân. Ngày càng có nhiều cuộc kêu gọi rút quân của người dân và cuối cùng ngày đó cũng xảy ra. Công dân Hà Lan, Đan Mạch, Nhật Bản và binh lính của nhiều quốc gia khác, trong đó có nhiều chính khách và nhà báo cũng trở thành nạn nhân.

Khi lực lượng của Hoa Kỳ trả đũa, thì tất yếu người dân bị bắt bớ, có thể đúng, có thể sai. Vào tháng 4 năm 2004, các bức hình về cảnh binh lính Mỹ hành hung tù nhân Iraq tại nhà tù Abu Ghraib bị phát tán. Không nghi ngờ gì nữa, đó là những tình tiết hiếm hoi và các bị can đã bị truy tố. Tuy nhiên, tổn thất rất lớn. Đối với những người luôn chống đối lại sự hành hung, thì những tấm hình này là cơ hội trời cho để bôi nhọ nước Mỹ, trong khi đó hãng tin Al Jazeera và các hãng khác tại Ả Rập, sử dụng những tấm hình này như là minh họa hùng hồn cho thái độ thù địch của Mỹ đối với những người theo Đạo Hồi.

Những lập luận tương tự được giành cho binh lính Anh. Tôi đã cố gắng hết sức để bảo vệ binh lính khỏi cuộc điều tra khủng bố những người không theo chính phái, nhưng điều đó thật khó và nhân viên hành pháp phải chịu sức ép khủng khiếp khi tiến hành truy tố. Đó là thời khắc thật kinh khủng. Tất nhiên, cách đối đãi với tù nhân theo kiểu này hoàn toàn không thể bào chữa được và cần phải xử phạt; nhưng thật là vô cùng bất công khi những hành vi sai trái riêng lẻ này lại tác động đến toàn bộ nhiệm vụ mà các binh lính đang làm để giúp Iraq và người dân nơi đây.

Tuy nhiên, toàn bộ vụ việc lại được dùng để tạo nên cảm giác chống lại phương Tây trên các trang web về chiến tranh Hồi giáo và rất nhiều cơ quan truyền thông có tiếng. Tôi không nghĩ lại có một cuộc phản kháng riêng rẽ như thế ở bất kỳ đâu ngoài Iraq đối với những vụ đánh bom liều chết, hoặc vụ nổi loạn là nhằm ngăn chặn người dân Iraq thiết lập chính quyền riêng của họ.

Mô tuýp là: anh đi xâm lược; đó là sự lựa chọn của anh; do vậy đó là mớ hỗn độn của anh, hãy đứng lên giải quyết và dọn dẹp nó. Anh có thể cảm nhận, điều đó hoàn toàn có thể hiểu được và công bằng. Nhưng mô hình đó đã bỏ qua một khía cạnh quan trọng: mớ hỗn độn xảy ra ở Iraq cũng là do các lực lượng bên ngoài – như al-Qaeda và quân đội Hồi giáo – mà chúng tôi đang chiến đấu ở bất kỳ nơi đâu. Chiến đấu với những lực lượng này ở Iraq không phải là chiến thuật nghi binh trong cuộc chiến thực sự. Đó là một phần của cuộc chiến đó.

Chúng tôi đã không thể truyền đạt thông điệp. Tôi đã nhận thức ngay từ đầu rằng chúng tôi phải mở rộng chiến dịch và kết nối với cuộc đấu tranh tổng thể. Đó cũng là sự kết hợp hiệu quả giữa quyền lực cứng và quyền lực mềm; lý do cấp thiết phải tiếp tục tiến trình hòa bình ở Trung Đông, hướng tới các mục tiêu hiện đại hóa và ôn hòa Đạo Hồi.

Lãnh đạo al-Qaeda ở Iraq nhận định rằng giữa năm 2003 và năm 2006 sẽ xảy ra hàng ngàn vụ đánh bom liều chết. Quan điểm của tôi rất đơn giản: loại những yếu tố đó ra khỏi mục tiêu, thì nhiệm vụ an ninh sẽ hoàn toàn khác: cam go nhưng có thể kiểm soát được.

Đặc biệt, khi diễn biến chính trị ở Iraq đã tiến tới việc thành lập một Chính phủ dân chính tối cao của người dân Iraq vào tháng 4/2004 dưới sự lãnh đạo của Ayad Allawi, một chính trị gia không bè phái và rất tài năng, thì Qaeda đã nhận ra rằng chiến dịch đánh bom nhằm vào dân thường là chưa đủ. Ngay sau đợt bầu cử đầu tiên của người Iraq, một Chính phủ mới được thành lập và al-Qaeda đã ngay lập tức tiến hành bạo động lật đổ chính quyền. Tuy nhiên, qua năm 2005, mặc cho những hoạt động bạo động đó, đa số người dân Iraq vẫn đi bầu cử và thể hiện mong muốn ổn định quốc gia. Năng lực của họ đã bắt đầu được cải thiện dần dần.

Vì thế, để xoáy sâu vào mối xung đột, tháng 2/2006, al-Qaeda đánh bom nhà thờ Hồi giáo Samarra, nơi linh thiêng nhất của dân Hồi giáo Shia ở Iraq. Đó là một hoạt động phá hoại mới. Nó thể hiện rằng giờ đây điều mà al-Qaeda muốn chính là khiêu khích bạo lực giữa các bè phái. Với lòng quả cảm, Giáo sĩ Shia tối cao đã kêu gọi người dân phải trấn tĩnh. Tuy nhiên, một mô hình đã được thiết lập: ngay khi các nhóm dân quân Shia thành lập lực lượng cả trong lẫn ngoài và tiến hành các cuộc trả đũa tàn bạo đối với người Sunni. Tất nhiên, đây là chủ tâm của al-Qaeda. Một số kẻ đánh bom liều chết là người Iraq, nhưng đa số không phải, họ vượt biên từ các nước láng giềng sang Iraq. Một số người là phụ nữ, thậm chí có cả phụ nữ mang thai.

Mãi đến đầu năm 2004, tình hình phía Nam mới tương đối ổn định. Vẫn có các cuộc đánh bom rải rác và các cơ sở hạ tầng ngày càng bị tàn phá đến mức đáng lo ngại, tuy nhiên tình hình ít nhiều đã được kiểm soát. Thế nhưng, Muqtada al-Sadr, một giáo sĩ Shia cấp tiến có mối liên hệ chặt chẽ với Iran, đã dẫn đầu vụ chống đối của người Shia đối với 'sự chiếm đóng' của Anh quốc và kêu gọi trợ giúp. Ông ta bắt đầu xúi giục bạo lực một cách công khai.

Vào tháng 1/2004, tôi đến thăm Basra và Học viện Cảnh sát mới do chúng tôi thành lập ở Az Zubayr. Đó là một học viện chất lượng và vào thời điểm đó, chúng tôi đã rất tin tưởng vào sự trung thành của những cảnh sát mà chúng tôi đào tạo. Tình hình ở Basra được cải thiện. Nhưng đến cuối năm 2004, thực tế chỉ ra rằng một số lực lượng Shia ở ngay tại Iraq và quan trọng hơn là ở Iran, đã theo dõi tiến trình chính trị ở phía nam trong lo sợ và tức tối. Dầu có al-Qaeda, dầu có các phần tử theo chủ nghĩa chính trị Ả Rập, thì sự thật là Iraq vẫn đang tiến lên phía trước. Đã có các cuộc bầu cử nghị viện và cấp tỉnh. Thật không dễ dàng gì để người dân sử dụng quyền dân chủ của họ, nhưng họ thu hút được rất đông đảo người dân làm điều đó. Vào thời điểm đó, việc bầu cử được tổ chức đều đặn trong phạm vi bộ lạc và tôn giáo hoàn toàn có thể dự đoán được, nhưng có những dấu hiệu đứt quãng trong một vài quý và ngày càng thể hiện xu hướng bầu cho những người họ cho rằng sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tương tự, doanh thu từ dầu khí cũng tăng đột biến, mặc dù bọn khủng bố tấn công vào các cơ sở sản xuất này. Nói tóm lại, với sự đồi bại của toàn bộ hệ thống chính trị quốc gia suốt ba thập kỷ và với sự vắng bóng của một nền dân chủ thực sự trong khu vực, đây được coi là một thành tựu đáng kể.

Nhưng tất nhiên đó là một mối đe dọa và phiền toái khôn lường đối với tất cả những phần tử chống đối lại ý tưởng về một nước Iraq dân chủ, tự do. Một cách hiếu kỳ, họ đã tiến hành một phân tích rõ ràng và toàn diện hơn chúng tôi về các sự kiện đe dọa. Nếu Iraq đi vào trật tự dưới chế độ dân chủ có sự lãnh đạo sáng suốt, thì Iran sẽ không thể giữ được vị thế như hiện nay. Sự thịnh vượng của Iraq sẽ được củng cố – vì thực thể điều đó đang diễn ra – và mối tương quan giữa chất lượng cuộc sống và bộ máy chính quyền sẽ rõ ràng hơn rất nhiều. Việc bố trí đa số người Shia nằm trong bộ máy chính quyền, thì sức ảnh hưởng của Iran sẽ dễ dàng lan tỏa là điều đúng đắn – thực tế Saddam là một vật cản đối với sự ảnh hưởng này – nhưng với thời gian (và vì tôi luôn nghĩ điều đó sẽ xảy ra), người Hồi giáo Shia ở Iraq vẫn là người Iraq. Khi al-Sadr rời đi nơi khác, ông ta nhanh chóng đánh mất sự ủng hộ và lực lượng dân quân do Iran hậu thuẫn đã buộc phải giải tán năm 2007.

Tuy nhiên, quay trở lại năm 2004, đầu tiên Basra ngày càng trở nên bất ổn. Thiết bị nổ tự chế đầu tiên được sử dụng để chống đối lực lượng của Anh vào tháng 3/2004. cái chết đầu tiên do loại thiết bị này xảy ra vào tháng 6/2004. Những thiết bị nguy hiểm chết người này đã trở thành giải pháp tối ưu của những phần tử dân quân rời rạc nhằm tấn công lực lượng quân đội Anh. Chúng tôi càng dùng xe tăng bọc thép để đối phó với các phương tiện này, thì chúng càng

tăng lượng chất nổ thêm. Có ý kiến cho rằng, có khả năng, các thiết bị này được sản xuất ở Iran, vì chúng ngày càng trở nên tinh vi và nguy hiểm hơn.

Tất nhiên, Iran đã đứng đằng sau việc đào tạo và huấn luyện lực lượng dân quân, những người ngày càng quyết tâm tiếp quản phía Nam, cụ thể là thành phố Basra. Thế nhưng nhiều bè phái trong số họ đã suy đồi và phạm tội.

Trong cuốn sách gần đây có tên The Surge (tạm dịch: Sóng cồn) , nhà sử học quân đội Mỹ Kimberly Kagan mô tả cách al-Qaeda và Iran phối hợp với nhau trong việc bóp méo các mô hình dân chủ đang hình thành ở Iraq.

Theo giải thích của bà vào giữa năm 2007, Iran đã vừa trợ cấp lẫn chỉ huy các hoạt động của al-Qaeda. Rất nhiều lần kể từ tháng 4 đến tháng 7/2007, phía Mỹ định sang Iran để nỗ lực hòa giải. Phía Iran cam kết rất nhiều nhưng họ đã không hề thay đổi hành động.

Đó là năm chứng kiến số binh lính Anh chết nhiều nhất, phần lớn là do các thiết bị nổ tự chế. Tất nhiên quân đội Anh luôn theo đuổi cuộc chiến chống lại lực lượng dân quân và phản công rất mạnh mỗi khi họ bị đánh bom. Khi một phần của phía Nam được trao trả lại hoàn toàn cho người Iraq, các hoạt động ngày càng tập trung vào Basra. Quân đội cầm cự ở các tỉnh khác như Maysan, nhưng thực chất họ vẫn cố gắng đương đầu với những thử thách về chính trị và quân đội rất phức tạp ở thành phố chính này.

Quay lại thời điểm cuối năm 2006, ngài tư lệnh quân cấp cao đã đưa ra nhận định rất tích cực rằng chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể tại Basra. Thực vậy, chúng tôi đã đạt được một tam ước với các nhà chức trách và lực lượng dân quân ở đó. Điều kiện kinh tế của người dân được cải thiện, nhưng tình hình an ninh chưa được đảm bảo. Vậy, chúng tôi là lực lượng khiêu khích hay lực lượng trợ giúp? Ngày càng nhiều người cho rằng chúng tôi thuộc nhóm thứ hai.

Thành thật mà nói, tôi đã rất băn khoăn về điều này. Mặc dù theo lẽ thường, Basra phải được quản lý theo cách này bởi vì thực chất là như vậy, nhưng tôi vẫn rất hoài nghi về quan điểm của người dân Iraq và bất kỳ ai khác muốn có một cuộc sống như vậy không. Nhưng tôi có thể hiểu tại sao họ lại cảm thấy như vậy. Đã có lúc, công dân của chúng tôi ở Basra có thể làm gì đó, thì trụ Sở LHQ ở đó lại đóng cửa vì sợ bị đánh bom và tấn công bằng bạo lực.

Vào tháng 10/2006, khi tôi đến St Andrews tham dự cuộc đàm phán với Ian Paisley và Sinn Fein, thì Đại tướng Richard Dannatt, Tổng Tham mưu trưởng mới, đã có cuộc phỏng vấn với tờ Daily Mail , cho rằng chúng tôi đã hoàn thành sứ mệnh ở Iraq, chúng tôi đang làm điều đó như một sự đe dọa an ninh và chúng tôi nên dành mối quan tâm đến Afghanistan, nơi mà, thực chất, chúng tôi có cơ hội tốt hơn. Bạn hãy hình dung, tôi không hề vui mừng, tâm trạng của tôi không tốt hơn khi Martin McGuinness và Gerry Adams bảo tôi rằng Quân đội Cộng hòa Ireland sẽ không bao giờ có một vị tổng tham mưu nào có thể cư xử như vậy.

Tôi trở lại Basra vào tháng 12/2006 và tất nhiên, như mọi khi, tôi nhận thấy quân đội rất phấn chấn và quyết tâm đương đầu với quân thù. Vì thiếu tướng ở đó, Richard Shirreff, có vẻ rất có dũng khí. Binh lính kể cho tôi nghe về một kế hoạch họ đang chuẩn bị để tấn công một đơn vị cảnh sát bị bỏ rơi, điều này làm tôi rất phấn chấn và họ dự định tiến hành đúng vào ngày lễ Giáng Sinh, bắt giữ toàn bộ và giải tán đơn vị này.

Sau đó chúng tôi đề nghị chuẩn bị một cuộc tấn công tổng lực nhằm giành lại Basra từ tay lực lượng dân quân. Chúng tôi đã bị thiệt hại một phần binh lính, nhưng lực lượng dân quân chiếm đóng các thành phố ở Basra đã nhận ra rằng chừng nào chúng tôi còn ở lại thì họ sẽ phải chịu cảnh khốn đốn. Những cuộc tấn công, không giống những vụ xảy ra ở trung tâm quốc gia, lúc ấy chủ yếu nhằm vào lượng lượng quân đội Anh, chứ không phải dân thường.

Tuy nhiên, với những lý do tôi có thể giải thích được, thì Chính phủ Iraq mới dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Maliki không muốn cuộc tấn công do các lực lượng liên quân tiến hành mà phải

do người Iraq chủ mưu. Quân đội Anh đã làm tốt tại Khu vực Hành chính Số 10 của Iraq và rõ ràng trong tương lai không xa, họ có thể tiến hành các cuộc tấn công tương tự với sự trợ giúp của lực lượng liên quân.

Cuối cùng vào tháng 3/2008, lực lượng của Iraq và Hoa Kỳ, với sự trợ giúp của quân đội Anh, đã tiến hành một cuộc tấn công an ninh lớn nhất và thành công nhất tại Basra kể từ năm 2003, mà người Iraq gọi là Cuộc Tấn Công Của Các Hiệp Sĩ (Charge of the Knights), đã trục xuất toàn bộ lực lượng dân quân phạm tội và do Iran hậu thuẫn ra khỏi thành phố. Đó là một thời khắc quan trọng, nhưng tôi cho rằng càng tin tưởng vào nhiệm vụ của mình và không thất vọng một cách dễ dàng – và thực sự các chiến binh đã thể hiện điều đó – chúng tôi càng giành được ưu thế hơn trong trận chiến cuối cùng. Vai trò tương đối nhỏ trong việc lập lại trật tự cho thành phố Basra năm 2008 đã để lại dư âm không tốt về lực lượng của chúng tôi.

Tuy nhiên, khi mọi việc được công bố và hoàn thành, thực tế là quân đội Anh rất anh hùng, họ đóng vai trò tối quan trọng và không thể thay thế được trong việc ổn định phía Nam và bám trụ lại đó cho tới khi năng lực của lực lượng Iraq đủ hùng mạnh để thực hiện Cuộc Tấn Công Của Các Hiệp Sĩ.

Cũng nên chỉ ra rằng từ năm 2003, quân đội Anh và Hoa Kỳ đã bám trụ ở Iraq với sự ủng hộ trọn vẹn và không thể bàn cãi được của LHQ. Họ cũng cư xử không gì khác đối với những kẻ tấn công mình. Tuy nhiên, đáng lẽ họ nên cư xử khác đối với những kẻ đứng bên ngoài chỉ trích sự hiện diện của họ. Tuy vậy, những động thái của quân đội Anh năm 2007 đóng vai trò cốt yếu trong việc tạo dựng nền tảng cho quá trình ổn định lại thành phố năm 2008.

Ở phần còn lại của Iraq, tình hình thậm chí còn đẫm máu hơn. Khi những cuộc đánh bom liều chết gia tăng, tình hình an ninh ngày càng trở nên tồi tệ khiến cho những dân thường không thể trợ giúp Iraq được. Họ phải dùng đến cân vệ khi đi ra ngoài và họ cũng là mục tiêu của các cuộc tấn công. Các phần tử phạm tội bắt đầu bắt cóc người dân và đòi tiền chuộc. Những kẻ cuồng tín bắt đầu truy tố bất kỳ ai bất đồng quan điểm với chúng. Những người theo Thiên Chúa bị theo dõi và đe dọa.

Quân đội Mỹ đã chiến đấu vô cùng ngoan mục; họ đã rất bền bỉ và tận tụy. Với lòng quả cảm hiếm có. Lực lượng đặc biệt của chúng tôi kết hợp với họ ở Baghdad, tiếp tục thực hiện một trong những nhiệm vụ ít được biết đến trong xung đột, nhưng cũng là một trong những nhiệm vụ có ý nghĩa rất lớn đối với tương lai. Tôi đến thăm họ. Họ là những người thực sự lạ thường. Can đảm hơn mức tưởng tượng. Và thông minh, chứ không hăng hái hay theo kiểu nam nhi đại trượng phu, chỉ là những người lính thông minh đang thực thi nhiệm vụ của mình với một quan điểm hoàn toàn rõ ràng về vấn đề tình hình thực tế. Đặc biệt họ ra nhập sau al-Qaeda. Thời gian trôi đi, họ đánh bại được chúng. Tất nhiên, cuộc tấn công được đánh giá là giúp nâng cao năng lực của Lực lượng An Ninh Iraq (ISF). Nhưng điều mà các lực lượng đặc biệt tại Iraq là một trong những câu chuyện đáng nhớ nhất trong toàn bộ chiến dịch và xứng đáng là một trang sử đặc biệt trong lịch sử của đất nước Iraq. Chắc chắn, họ đã đánh bại khả năng của al-Qaeda và cản trở bước tiến của họ không chỉ ở Iraq là còn trên toàn cầu.

Tôi cũng đồng ý đưa Black Watch, tiểu đoàn số 3 thuộc Quân Đội Hoàng Gia Scotland vào thực thi nhiệm vụ trợ giúp lực lượng Hoa Kỳ trong Chiến dịch Cây Sơn Thù Du (Operation Dogwood) ở bắc Babil hồi tháng 11/2004. Tôi đã bị chỉ trích vì đồng ý việc này và có một chuyện vô lý quen thuộc về việc người Anh chấp nhận rủi ro đối với người Mỹ, bác bỏ thực tế là phe chống đối cũng đúng; tuy nhiên, như thường lệ, chính quân đội phải bị xử phạt hoàn toàn về việc này và thực thi với sự ưu đãi đặc biệt.

Tuy nhiên, đến giữa năm 2006, thực tế đã chỉ ra rằng chiến dịch ở Iraq không thành công. Chúng tôi không hề mất quyền kiểm soát, mặc dù đã bị dồn vào thế bí và chẳng có gì ngạc nhiên, người dân Iraq kêu ca và cho rằng chúng tôi đã không thể đảm bảo an ninh. Nhiều bài viết được đăng tải đã so sánh tình thế của chúng tôi với tình thế của Saddam một cách không

thiện chí. Năm 2006, theo số liệu của dự án Điều tra Tử vong ở Iraq (IBC), gần 28.000 người Iraq ngã xuống và phần lớn thiệt mạng năm 2007. Đa số họ chết trong các cuộc tấn công khủng bố và các cuộc trả đũa, bị chết không chỉ dưới tay chiến binh Hoa Kỳ hay Anh quốc mà cả vì bạo lực giữa các bè phái. Tuy nhiên, chúng tôi, với tư cách là những lực lượng liên quân, phải chịu trách nhiệm.

Vào tháng 11/2006, George Bush bổ nhiệm Bob Gates thay Donald Rumsfeld. Đầu năm 2007, George quyết định quân đội Hoa Kỳ tấn công. Đó là một quyết định phi thường mà tôi cho rằng không ai khác có thể đưa ra. Nhưng ông ấy đã quyết định. Cuộc tấn công bắt đầu vào cuối năm 2007. Quyết định được thực hiện. Có thêm nhiều nhân tố khác: một là quá trình tiếp cận người Hồi giáo Sunni và mang lại những cuộc khởi nghĩa của nhóm những người đã từng là tín đồ Hồi giáo Sunni; nỗ lực một phần do Thiếu tướng Graeme Lamb, một người Anh, mang lại. Chính phủ Iraq cũng đang củng cố lực lượng an ninh Iraq.

Năm 2008, số người Iraq thiệt mạng giảm xuống chỉ còn hơn 9.000. Đến năm 2009, con số này đã giảm xuống dưới 4.000. Đến tháng 5/2010, chỉ còn 850.

Chính vì vậy, hậu quả lại đẫm máu hơn, khủng khiếp hơn và kinh hoàng hơn từng thấy. Hiểm họa chúng tôi dự đoán không đúng. Mỗi hiểm họa chúng tôi không lường trước được đi cùng với sự tàn bạo và tội lỗi mà thậm chí đến tận bây giờ vẫn còn gây kinh sợ.

Vậy thì: điều này có thể được ngăn chặn không? Và hành động này có đáng không?

Những thiếu sót trong quá trình tái thiết, đặc biệt là phía dân thường có thể, tôi đã nêu rõ và phần nào chịu sự khiển trách. Việc đó tiến hành nhanh hơn, đã tạo nên một không khí ôn hòa và có thuận lợi hơn. Nhưng hành vi khủng bố không bắt nguồn từ sự vỡ mộng trước sự trì trệ của công tác tái thiết. Liên tiếp ở phía Nam, quân đội Anh kiến thiết lại cơ sở hạ tầng cốt yếu chỉ để cho bọn khủng bố tiếp tục tàn phá. Phương thức tấn công của al-Qaeda ở trung tâm và phía Bắc Iraq nhằm làm kinh sợ và ngăn chặn người dân Iraq tái thiết đất nước. Chính vì vậy, những cuộc tấn công này không phải là sự biểu đạt của nỗi thất vọng trước tiến độ thay đổi; đó là chủ tâm nhằm phá hoại tiến trình này.

Giờ đây điều đó đã đúng, một nỗ lực lớn hơn được chuẩn bị kỹ lưỡng và một chương trình tái thiết cho đông đảo dân chúng sẽ lấp đầy khoảng trống. Đó có lẽ là một chương trình cấp thiết cho những người Iraq không có việc làm. Nhưng theo tôi, thật ngây ngô khi tin rằng chỉ với chương trình này có thể ngăn chặn được bạo lực, khi mà căn nguyên của vấn đề lại rất sâu xa và mang tính chính trị.

Trong tình trạng an ninh có thể kiểm soát được, bất kỳ thiếu sót nào cũng sẽ được khắc phục nhanh chóng (và điều tương tự đã đúng với Afghanistan). An ninh là vấn đề – không phải xếp ngang hàng với các yếu tố khác – mà là vấn đề đáng quan tâm hàng đầu.

Việc giải tán quân đội và Tổ chức Dự bị Liên Minh ngày càng được tranh luận rộng rãi, vì điều này ảnh hưởng đến tình hình an ninh cho Iraq. Có thể cả hai đối tượng này góp phần vào tình trạng vô Chính phủ. Nhưng đó chỉ là khả năng trong giới hạn. Mục tiêu bao trùm và trước mắt trong chính sách của Tổ chức Dự bị Liên Minh đã nhanh chóng bị thay đổi, một phần là do phía Anh thúc giục. Và cần phải nhớ rằng với đa số người dân Iraq, Đảng Baath là hiện thân của chế độ Saddam, gây chán ghét và đáng sợ và việc nó tiếp tục tồn tại dưới bất kỳ hình thức nào sẽ là rào cản đối với công cuộc giải phóng.

Trong số 2 triệu đảng viên Đảng Baath, chỉ có khoảng 25.000 người bị cách chức. Người ta cho rằng đây là một chương trình kém quyết liệt hơn chương trình tiêu diệt chủ nghĩa quốc xã ở Đức sau Thế chiến II. Khi người Anh ở phía Nam đã tam dũ uy lực của Saddam – có quyền lực tối cao – để duy trì trật tự, đã dẫn đến sự phản đối kịch liệt của người dân ở Basra, những người coi ông ta là một biểu tượng căm hờn của chế độ cũ.

Thậm chí phía Hoa Kỳ, với tất cả những lỗi lầm mắc phải – mà giờ đây họ đã thừa nhận – nhằm khiển trách những người gây náo loạn và tàn sát cần phải được phân tích kỹ lưỡng. Xem xét lại bản ghi chép của tất cả các cuộc họp, các bản đánh giá và các đánh giá lại, điểm nổi bật không phải là những người dân tặc trách hay liều lĩnh đưa ra những quyết định ngớ ngẩn hoặc vội vàng; mà chính là một trong số những người lạm dụng chức quyền để đưa ra chính sách cho một tình huống hư cấu, thù địch và thay đổi liên tục, với những hậu quả khôn lường đối với tất cả mọi người.

Vậy thì tôi nên rút ra bài học gì? Điều này rất quan trọng vì rất có thể tôi sẽ gặp những tình huống tương tự như vậy trong tương lai?

Đầu tiên, tôi thừa nhận điều tồi tệ nhất. Chúng tôi tin rằng Iraq có một Cơ quan Công quyền đang hoạt động, trong đó kết cấu cơ bản của Chính phủ được giữ nguyên và có năng lực. Nhưng thực tế không phải vậy. Chính quyền Saddam đã hủy hoại toàn bộ đất nước. Chẳng có gì, ngoài việc thực thi quyền cai trị hoàn toàn bằng nỗi sợ hãi và bạo lực. Chính quyền của Iraq là một tổ chức thối nát hoàn toàn. Chính quyền thất bại đơn giản chỉ là: thất bại, ở mọi phương diện, bao gồm cả vấn đề an ninh. Trong tương lai, chúng tôi cần phải chuẩn bị tâm lý cho tình huống một Chính phủ tương tự được thiết lập, sẵn sàng hoạt động – khi chúng tôi chuẩn bị đầy đủ – thông qua việc thành lập một tổ chức gọi là Cơ quan Ổn định vào năm 2004, một cơ quan liên bộ nhằm hỗ trợ các quốc gia giải quyết các xung đột.

Ngoài ra, quân đội cần cho chiến dịch quân sự có thể sẽ khác so với lực lượng giải quyết hậu quả và chắc chắn đối việc can thiệp và tham gia nhiều hơn của nước ngoài sẽ bị phản đối và gây phản nộ. Tuy nhiên, chúng tôi nên đặt mình vào một vị trí cho phép sự linh hoạt hoàn toàn nhằm kêu gọi thêm quân đội và sự ủng hộ.

Chúng tôi sẽ đứng ở vị trí của những người xây dựng đất nước. Chúng tôi phải nhận trách nhiệm và đề cao điều đó cũng như kế hoạch cho nhiệm vụ ấy ngay từ đầu. Đó là một thất bại rõ ràng, đặc biệt với trường hợp của Iraq.

Thứ hai, chúng tôi cần xây dựng lực lượng an ninh địa phương càng sớm càng tốt. Tuy nhiên, việc thiết lập một lực lượng quân đội Iraq mới là một thách thức với mức độ nghiêm trọng hoàn toàn khác và tốn thời gian. Khi lưu ý với Tổng thống Bush hồi tháng 5 và tháng 6 năm 2004 rằng Đại tướng Petraeus, được giao nhiệm vụ thực thi tiến trình ‘Iraq hóa’ hệ thống an ninh rất xuất sắc, thì khi đó một kế hoạch cho các lực lượng của Iraq đã được vạch ra. Hơn nữa, một phần vì chủ đề ‘Iraq hóa’ chủ yếu là ý tưởng của tôi, nên chúng tôi sẽ sắp xếp quân đội Anh là đại diện tiếp sau Đại tướng Petraeus. Tuy nhiên, đó là một nỗ lực mang tính chính trị, kỹ thuật và logic. Một quân đội đang được tạo dựng từ đồng đồ nát. Nó cần được huấn luyện, cần một tổ chức huấn luyện, các đơn vị hậu cần, các trang thiết bị, hợp pháp trong cả những trường hợp mà chúng ta phải thường xuyên giám sát để ngăn chặn phản bội hoặc thất thoát.

Vào tháng 6 năm 2004, nghị quyết mới của LHQ giao cho lực lượng an ninh Iraq thẩm quyền chuẩn bị một kế hoạch chuyển giao. Đến tháng 11 năm 2004, tôi có thể ghi nhận với tổ chức rằng kế hoạch của Petraeus đang hoạt động; nhưng đến cuối năm đó, khi các cuộc tấn công khủng bố tăng cường, tôi xem lại lịch trình và chủ đề rằng chúng tôi cần để đẩy mạnh kế hoạch ‘Iraq hóa’ và phần nào phải đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Các cuộc bầu cử tháng 1 năm 2005 quả là một thời khắc trọng đại. Cuộc nổi dậy được đổi hướng và dần lắng xuống. Allawi, Thủ tướng mới được bầu cử, đã rất thất vọng khi không để đảm bảo an ninh cần thiết cho người dân. Ông bãi bỏ kế hoạch chi thêm 120 triệu đô-la cho các lực lượng Iraq ở phía Nam. Vì tôi hỏi: ‘Ông có chắc chắn là nó cần thiết không? Không, nhưng tôi sẽ chấp nhận rủi ro hơn là bị chậm hơn 6 tháng so với kế hoạch,’ ông đáp.

Từ đó cho đến hết năm 2005, khi Ayad Allawi bàn giao công việc lại cho Ibrahim Jaafari và sau này Jaafari lại bàn giao cho Nouri Maliki, tôi vẫn đang tiến hành một cuộc đàm phán kéo dài với Hoa Kỳ và các nhân viên của tôi về cách thức củng cố năng lực của lực lượng Iraq một cách

nhANH chóng. Tuy nhiên, công việc này luôn mất rất nhiều thời gian. Đến năm 2007, họ đã sẵn sàng, hoặc ít nhất đang ở những giai đoạn đầu đáp ứng yêu cầu năng lực và ở một khía cạnh có thể cuộc tấn công chỉ thành công nếu nó đáp ứng được năng lực tối thiểu này. Trở lại năm 2006, tôi mãi mê với công tác chuẩn bị chi tiết và không ngồi nghĩ cho một kế hoạch tốt hơn, nhanh hơn và hiệu quả hơn.

Một chủ đề khác trở lại luôn trong các báo báo là yêu cầu mở rộng phạm vi của người Sunni. Đây là bài học thứ 3. Chính trị phải đi kèm với an ninh và tái thiết. Người Sunni chắc chắn không được yên ổn khi mất vị thế nắm quyền hoàn toàn, mặc dù họ là nhóm thiểu số duy nhất ở quốc gia. Mất một khoảng thời gian để họ hiểu rằng chúng tôi không muốn thay thế nền chuyên chính Sunni bằng chế độ của người Shia. Ngay từ đầu, chúng tôi đã có sự ưu tiên đặc biệt. Tuy nhiên, tàn dư của chế độ Saddam và al-Qaeda đã biết cách khai thác khát vọng của người Sunni một cách tài tình. Trong suốt tiến trình chính trị, mặc cho những nỗ lực của chúng tôi, luôn có một mối bất hòa thường trực trong họ. Chúng tôi cũng biết rằng một số vụ khủng bố được hậu thuẫn bởi nguồn lực bên ngoài Iraq núp dưới quyền của người Shia. Sau này khi người Shia bắt đầu trả đũa, ý thức của họ khi tham gia một cuộc chiến bè phái được cải thiện. Trong suốt năm 2006, người dân thực sự coi tình trạng ở Iraq giống như một cuộc chiến bè phái. Một số người cho rằng chia cắt ở Iraq là một giải pháp duy nhất.

Tuy nhiên, cuối cùng khi các nhóm người Sunni mệt mỏi với những cuộc chiến do các hoạt động của al-Qaeda đem lại, họ bắt đầu tìm giải pháp. Từ năm 2007 đến 2008, với sự tham gia tích cực của Thiếu tướng Lamb, một cách từ từ nhưng chắc chắn, họ đã đạt được thỏa thuận với lực lượng đa quốc gia và Chính phủ Iraq cùng chống lại bọn khủng bố al-Qaeda, những kẻ đã gây ra cho họ biết bao cơ cực và đau khổ. Một khi điều đó xảy ra, trong mối tương quan với cuộc nổi dậy, thì xu thế sẽ trào dâng. Các cuộc nổi dậy rải rác tiếp tục diễn ra, nhưng hoạt động của lực lượng an ninh Iraq đã làm suy yếu đáng kể lực lượng al-Qaeda và khiến chúng bắt đầu tuyệt vọng.

Trong các hoạt động chống lại những người theo al-Sadr Maliki thể hiện rằng ông ta đã chuẩn bị để đối đầu với những người chống lại lực lượng Sunni và Shia. Quá trình lập pháp trong năm 2009 với tất cả những vấn đề tồn tại vẫn còn rất mập mờ. Tuy nhiên, cho dù những người Iraq ủng hộ cuộc chiến ngày càng trở nên bị quan trọng suốt năm 2006, thì đến năm 2008 họ đã lấy lại niềm tin. 'Quá trình này mất rất nhiều thời gian', 'nhưng rồi sẽ thành công,' một người đã khẳng định với tôi. Tôi hy vọng ông ta đúng.

Cuộc gặp cuối cùng của tôi với Maliki diễn ra vào cuối năm 2006. Ông ta vẫn gây ra không ít bất hòa nội bộ (một số người mô tả ông ta như một kẻ bè phái núp bóng và hiển nhiên ông ta phải đương đầu với nhiều thử thách); nhưng khi ngồi trong phòng, mặt đối mặt, chúng tôi đã có cuộc trao đổi rất thẳng thắn và thân thiện. Như mọi khi, tôi đến bằng trực thăng quân sự, bay quanh những khu vực nguy hiểm và hạ cánh xuống Sân bay Quốc tế Green Zone, khu vực cách ly và được bảo vệ ở Baghdad nơi có trụ sở của cộng đồng quốc tế và Chính phủ Iraq. Tôi đến thăm đại sứ quán vào ngày trước khi xảy ra cuộc tấn công.

Tòa nhà Chính phủ là dinh thự trước đây của Saddam. Lực lượng an ninh được bố trí dày đặc. Thật khó có thể tin rằng một Chính phủ thực sự được xây dựng ở đó. Khi trò chuyện với Maliki, tôi đã nhấn mạnh với ông ta một điều vô cùng cần thiết rằng ông ta phải chứng minh mình nắm quyền là vì đất nước Iraq, chứ không chỉ vì nước Iraq của người Shia. Ông ta đáp lại bằng ngôn ngữ rất đơn giản. Ông ta nói rằng sẽ xử lý bất kỳ ai chống lại chính quyền hợp pháp. Ông cho biết một số kẻ chống đối là người thân cận trước đây của Saddam, những người sẽ không bao giờ chịu hòa giải và sẽ bị triệt tiêu; đồng thời, cho biết mình đã chán ngấy giáo sĩ cấp tiến Muqtada al-Sadr. 'Ông ta sẽ biết tôi không dung thứ điều này,' ông ta nói. Tôi đã không chắc là mình tin tưởng Maliki.

Nhưng tôi đã nhầm. Thực ra Maliki đã đánh cược và giải trừ Allawi. Trong cuộc bầu cử năm 2010, Maliki và Allawi đều đứng đầu các bộ quản lý các dòng giáo phái. Tổng thống Talabani

tiếp tục giữ nòng cốt, hợp nhất.

Vậy thì: chúng tôi sắp có thêm các lực lượng quân sự? Tiếp tục cống hiến để xây dựng lực lượng Iraq mạnh mẽ hơn? Nỗ lực hơn để thống nhất các nhóm Sunni sớm hơn? Rõ ràng hầu hết các lĩnh vực đều không được như ý muốn. Tuy nhiên, thực tế, trong tất cả các lĩnh vực chúng tôi đều đã nỗ lực hết sức có thể để đạt được mục tiêu. Quân đội của chúng tôi chiến đấu quả cảm. Chúng tôi thiết lập Quân đội Iraq trong 3 năm, không ngừng cố gắng để tiếp cận cho dù là những lĩnh vực không mấy quan trọng của những người theo Đạo Hồi dòng Sunni.

Ở tất cả các khu vực đó – an ninh, tái thiết và chính trị – chúng tôi đã có thể nỗ lực và đạt được nhiều thành tựu hơn, chắc chắn như vậy, nhưng cũng có cảm giác rằng tình hình sẽ chỉ như vậy. Đã không và sẽ không có một chiến dịch với bất kỳ mục tiêu nào mà thành quả lại không khác so với những gì dự đoán.

Đánh giá của chúng tôi về mong đợi ở Iraq đã không được đưa ra một cách ngẫu nhiên. Các chuyên gia tư vấn về kế hoạch bày binh bố trận. Có những người Iraq sống xa quê đã đóng góp ý kiến nhưng một số người có những quan điểm hết sức cá nhân. Chúng tôi nghe nói có Cơ quan Dân sự Iraq đang hoạt động. Nhưng thực tế là không. Chúng tôi nghe nói có một tổ chức cứu trợ nhân đạo. Nhưng nó đã bị đẩy lùi. Chúng tôi được cảnh báo rằng Saddam sẽ chiến đấu đến cùng. Nhưng chế độ của ông ta đã sụp đổ. Chúng tôi nghe nói bạo lực giáo phái Shia/Sunni sẽ là một tác nhân. Thực tế, tình hình bớt căng thẳng hơn người ta lo ngại.

Nói tóm lại, hầu hết người dân nhận thấy không có mối liên hệ nào giữa Iraq và al-Qaeda; có rất ít nguy cơ Iran can thiệp vào tình hình chiến sự ngoại trừ vùng biển. Và bài học lớn nhất là về sự dối trá.

Mãi đến cuối nhiệm kỳ của tôi, tôi hỏi nhân viên quân sự và nhân viên tình báo của mình tại một cuộc họp ở phố Downing rằng: Giả sử chúng ta không coi al-Qaeda và Iran là những quân bài trong vở kịch này, thì tình hình có thể kiểm soát được không? Không hề do dự, câu trả lời là có.

Chính mối đe dọa bên ngoài kết hợp với những kẻ chống đối bên trong đã gần như phá hủy triển vọng của Iraq. Họ thực hiện âm mưu này nhằm phá hủy một đất nước bằng sự dối bại và thờ ơ đầy tội lỗi đối với cuộc sống và nỗi đau của con người bất chấp đức tin. Những kẻ đánh bom liều chết được đưa ra trận địa. Những người sùng đạo bị tấn công tại chính nơi họ cầu nguyện. Binh lính và cảnh sát ở đó để giúp đất nước thiết lập lại chính quyền thì bị ám sát. Các nhân viên LHQ, thành viên của các tổ chức phi Chính phủ, người lao động bình thường luôn cố gắng hỗ trợ người dân Iraq có một cuộc sống tốt đẹp hơn, thì bị hạ gục, lật đổ, bắt cóc và giết chết.

Tuy nhiên sau khi nói ra những điều này, phần kết của tôi không nhắc đến thái độ của những kẻ đánh bom liều chết đối với cuộc nổi dậy này và nỗi đau gắn với những bàn cãi nảy lửa, mà là liên quan đến chúng tôi.

Liệu có không một cuộc chống đối riêng rẽ ở bất kỳ nước phương Tây nào về thảm họa này? Nổi cảm phần đạo lý ở đâu? Những người đồng sự của người Iraq theo Đạo Hồi ở đâu vào thời khắc họ cần giúp đỡ? Ai đã giúp đỡ họ? Sự chỉ trích tập trung vào đâu?

Chính lực lượng Hoa Kỳ và Anh Quốc là những người đã cố gắng ngăn chặn cuộc nổi dậy; chứ không nhằm vào những người nổi dậy. Tuy nhiên, những tổ chức như al-Qaeda và Iran đã không có chừng mực ở Iraq. Iraq trở thành phương tiện chính và chính họ lựa chọn Iraq là chiến trường. Sự ảnh hưởng của họ là mối đe dọa tương tự chúng tôi được chứng kiến ở Pakistan, một số khu vực ở Lebanon, Palestine, toàn bộ khu vực Trung Đông, đất nước Somalia xa xôi và thậm chí cả khu vực Viễn Đông.

Đó là điều chúng ta chứng kiến trên phố, ở sân bay, ở những trung tâm triển lãm quốc gia, giờ

đây mỗi quốc gia phải có nghĩa vụ chi hàng tỷ đô-la mỗi năm cho các kế hoạch chống khủng bố ở nước mình.

Vì thế kết luận cuối cùng của tôi là với bất kỳ kế hoạch nào, cần phải chuẩn bị tinh thần cho những vấn đề sau: nổi dậy và đấu tranh, nếu cần thiết trong các cuộc chiến đẫm máu và kéo dài. Chuẩn bị không chỉ để tái thiết đất nước vốn đã thất bại, mà làm vậy để đối phó với một kẻ thù vốn đã sai lầm làm mọi cách có thể để ngăn cản chúng ta bảo vệ công lý.

Nếu chúng tôi dự đoán được điều sẽ diễn ra ở Iraq, ví dụ như việc lật đổ chế độ của Saddam, thì liệu chúng tôi vẫn tiếp tục làm vậy? Chúng tôi có nên tiếp tục làm như vậy chứ? Nhiều người cho là không nên. Chúng tôi chắc chắn sẽ chịu tổn thất cả về người lẫn tài sản.

Tuy nhiên, câu trả lời của tôi rất rõ ràng. Nếu phí tổn về người và tài sản đổi lại bằng sự sụp đổ của chế độ Saddam, thì tôi đồng tình. Nhưng thực tế không phải vậy, thay vào đó chúng tôi phải chi một khoản tiền rất lớn để khắc phục hậu quả của chủ nghĩa cực đoan mà là mục đích của nó không phải để thực hiện nguyện ước của người dân Iraq mà để ngăn cản điều đó.

Chúng ta sẽ nói gì khi tự hỏi: Hãy nhìn vào những thiệt hại về người, nó đáng giá bao nhiêu? Trước hết, hãy xem ai phải chịu trách nhiệm. Đó không phải là binh lính Hoa Kỳ và Anh quốc. Đó là những hành động phá hoại có chủ ý. Nếu chúng tôi nhượng bộ chúng, chúng tôi sẽ vô tình giúp củng cố tư tưởng chúng rêu rao. Bằng việc từ chối nhượng bộ và quyết định hỗ trợ chế độ dân chủ Iraq, chúng tôi đã thể hiện quyết tâm phản đối tư tưởng đó ở mọi nơi.

Có lẽ, giống như Chu Ân Lai nói khi được đề nghị đánh giá về Cuộc Cách mạng Pháp, “Quá sớm để đưa ra nhận định.” Tất cả những gì tôi biết là tôi đã làm điều mình cho là đúng. Tôi ủng hộ Hoa Kỳ khi họ cần trợ giúp. Chúng tôi cùng nhau đưa thế giới thoát khỏi một kẻ bạo chúa. Chúng tôi cùng nhau chiến đấu để giữ gìn quyền có một Chính phủ dân chủ của người dân Iraq.

Tôi vẫn giữ lại trong ngăn kéo bàn làm việc lá thư của một phụ nữ Iraq, người này đến chỉ để gặp tôi trước khi cuộc chiến bắt đầu. Bà kể cho tôi nghe về sự tra tấn và nỗi chết chóc kinh hoàng mà gia đình bà phải gánh chịu bởi sự đồi bại của con trai Saddam. Bà đã cầu xin tôi hành động. Sau sự sụp đổ của chế độ Saddam, bà quay trở lại Iraq. Bà đã bị giết bởi những kẻ thuộc cùng giáo phái vài tháng sau đó. Bà ấy sẽ nói gì với tôi bây giờ?

16. Cải tổ quốc nội

Không khó để nhìn lại những năm đầu cuộc chiến tại Iraq và cho rằng nước Anh chỉ bị chi phối bởi sự kiện đó. Thực tế, cũng trong chính thời điểm này, chương trình cải cách quốc nội đã thực hiện những bước tiến đáng khích lệ.

Trong hai năm 2003-2004 và đầu năm 2005, nhiều cuộc tranh luận chính yếu đã nổ ra xung quanh vấn đề các bệnh viện cơ sở và cải cách Dịch vụ Y tế Quốc gia (NHS), học phí đại học, mở đầu chương trình học viện thành phố, thẻ căn cước và các hành động chống phá xã hội. Thời điểm tôi cảm thấy chiếc ghế của mình lung lay nhiều nhất, mĩa mai thay, không phải vì cuộc chiến tại Iraq mà là vấn đề học phí. Thời điểm gần đây nhất mà tôi cho rằng mình phải từ chức là khoảng năm 2004, khi cảm thấy quá đủ và sẽ nhường ghế cho Gordon, bởi tôi cảm thấy ông ấy sẽ là người tiếp tục phát triển chương trình cải cách kinh tế. Còn khi tôi cảm thấy rõ ràng nhất về việc nên tiếp tục tại vị, bất chấp tất cả, là lúc tôi nhận ra ông ấy không thể và vì thế tôi tiếp tục đấu tranh cho nhiệm kỳ thứ ba.

Tôi đã kể về một cuộc hành trình. Ban đầu, chúng ta điều hành đất nước với một bản năng rõ ràng và đầy lý trí nhưng lại thiếu đi kiến thức và kinh nghiệm về nơi mà bản năng dẫn dắt chúng ta đến dưới những nội dung chính sách cụ thể. Nói một cách rõ ràng, chúng tôi cho rằng tách biệt các cơ quan khỏi các tiêu chuẩn là việc làm khá hợp lý, ví dụ như chúng tôi tin rằng bạn có thể giữ những thông số đã có về hệ thống các dịch vụ công cộng hiện tại nhưng vẫn cần tiến hành những thay đổi cơ bản về chất lượng dịch vụ mà các hệ thống đó tạo ra. May mắn là chúng tôi đã kịp nhận ra quan điểm sai lầm đó, trừ phi bạn thay đổi cấu trúc, nếu không bạn không thể nâng mức các tiêu chuẩn. Đến đầu nhiệm kỳ thứ hai, chúng tôi đã thiết kế một hình mẫu của cuộc cải cách: thay đổi cơ chế ị ạch của ngành dịch vụ, mở ra cơ hội cạnh tranh, những khác biệt giữa những doanh nghiệp Nhà nước và tư nhân bị xóa mờ, áp dụng phương pháp chuyên nghiệp truyền thống phân chia giữa công việc và quyền lợi. Nói chung, chúng tôi cố gắng giải phóng hệ thống này, giúp nó đổi mới, tách biệt, duy trì sự sống và phát triển. Mỗi ngành nghề đều phải trải qua quá trình điều tra, khảo sát kỹ lưỡng. Mỗi công cuộc đổi mới đều lặp đi lặp lại đầy khó khăn. Mỗi đợt như vậy đều bao gồm những sửa chữa và thay đổi. Nhưng cũng từ đó, các đợt cải cách cũng mang lại những thay đổi đáng kể, hướng hệ thống phát triển theo một hướng mới.

Tuy nhiên, mỗi đợt cải cách đều phải hứng chịu những chỉ trích nặng nề, những lời công kích và phản đối. Có thể chương trình vấp phải những tranh cãi dữ dội nhất chính là việc thay đổi trợ cấp cho các trường đại học. Toàn bộ cuộc bàn luận mang đến một cái nhìn toàn diện về những khó khăn khi phải tiến hành cải cách trong thế giới hiện đại và gần như đó là lý do chính khiến tôi từ chức. Vấn đề này đã làm dấy lên làn sóng phản nộ dai dẳng tới mức khó tin. Chúng tôi đã mất một vài ghế trong kỳ bầu cử năm 2005 cũng vì vấn đề này. Kết quả này đã làm chia rẽ Chính phủ, nhưng khi cuộc cải cách được công bố chính thức vào cuối năm 2005, chỉ có một số ít tranh luận diễn ra và mọi bàn tán hiện tại lại tập trung vào việc làm sao để thúc đẩy cải cách cũng như là làm sao để dập tắt nó.

Và đây là một bài học khách quan trong quá trình cải cách: khi những thay đổi được đưa ra, chúng liền bị lên án như những thảm họa, bị chỉ trích và phản đối, không được đa số đồng tình, rồi lại bất ngờ xoay sang hướng khác chỉ trong thời gian ngắn.

Bài học này cũng mang tính dẫn dắt: nếu bạn nghĩ sự thay đổi này là đúng đắn, hãy kiên trì theo đuổi. Sự phản đối là tất yếu nhưng hiếm khi là không thể phản kháng lại. Người ủng hộ vẫn âm thầm tồn tại bên cạnh những người phản đối ra mặt. Và lãnh đạo chính là người đưa ra tất cả những quyết định có khả năng thay đổi. Nếu bạn không thể đảm đương việc đó, đừng trở thành lãnh đạo.

Và bài học ngày một rộng mở hơn: đó là việc vượt qua những chỉ trích, học cách lên tiếng giữa

những điều tiếng và luôn luôn quan tâm đến bức tranh toàn cục. Khi đọc lại những tin tức hàng ngày về những thay đổi đó, tôi thực sự bị choáng ngợp bởi cách mỗi câu chuyện đã bị đẩy lên cao trào như thế nào vào thời điểm đó và ngày nay chúng đã bị lãng quên ra sao. Học phí, nói riêng, là một chuỗi lạ thường những khủng hoảng nho nhỏ, những thất bại hay chống đối trên mỗi bước thực hiện. Nhưng quan trọng hơn cả là một cuộc cải cách cần thiết đã được tiến hành và đang được tiếp tục, đó là cơ sở để những cải cách khác được xây dựng trong tương lai.

Điều đó bắt đầu bằng cuộc trao đổi với Gordon và Bộ Tài Chính.

Tôi đã cho phép David Blunkett đưa vào bản tuyên ngôn tranh cử năm 2001 rằng chúng tôi sẽ không chấp thuận những loại phí trội. Điều này đã đi ngược lại cách tôi đánh giá, nhưng vấn đề này hàm chứa những lý do chính trị xác đáng: những lo ngại về việc chúng tôi đang đưa ra kế hoạch này đã xuất hiện giữa hai phe PLP – NEC và David cho rằng chúng tôi nên chấm dứt chuyện này. Đó là một trong số ít những thỏa hiệp tôi chấp thuận trong chương trình năm 2001.

Nhưng không bao lâu sau cuộc bầu cử, thách thức cho các trường đại học trở nên rõ ràng hơn. Tôi đã quan sát và sau đó, tin rằng hiện nay điều này còn mạnh mẽ hơn, tương lai của những quốc gia phát triển như chúng tôi, phần lớn dựa vào nguồn nhân lực, phụ thuộc vào hệ thống giáo dục bậc cao năng động, giàu sức sống, ở đẳng cấp quốc tế của chúng tôi. Thêm vào đó, một đất nước như Anh quốc cùng với truyền thống và ngôn ngữ đặc biệt phù hợp với một thách thức như thế. Tuy nhiên, giống như nhiều điều khác ở đất nước này, chúng ta không thể ngủ quên trên vàng hào quang của mình. Nhìn vào bảng xếp hạng 50 trường đại học tốt nhất thế giới, tôi chỉ thấy có một số ít các trường của Anh và hiếm thấy cái tên nào thuộc châu Âu. Nước Mỹ đang giành thắng lợi trên cuộc đua đặc biệt này, cùng với Trung Quốc và Ấn Độ đang bám sát phía sau. Bài học về nước Mỹ thực sự có ý nghĩa với chúng tôi. Sự áp đảo của họ trong nhóm 50 trường đứng đầu và 100 trường, không phải là ngẫu nhiên hay do sự rộng lớn, hiển nhiên và không thể khác được đó là nhờ hệ thống học phí. Họ mang tư tưởng doanh nhân hơn, họ tìm đến những cựu sinh viên và gây dựng những quỹ hiến tặng lớn cho trường, chế độ học bổng của họ giúp các trường này có thể giúp đỡ những sinh viên nghèo và sự linh hoạt về tài chính đồng nghĩa với việc họ sẽ thu hút được những tên tuổi giỏi nhất. Những người trả nhiều tiền nhất sẽ nhận được thứ tốt nhất. Chỉ đơn giản là vậy.

Chúng tôi cũng đặt mình vào tình thế quân bình lộn xộn đặc trưng mà những trường đại học ở vị thế thấp hơn gặp phải. Chính phủ Đảng Bảo thủ tiền nhiệm đã chuyển hóa những trường được gọi là tổng hợp thành các trường đại học, một quyết định không tồi, ngoại trừ việc nó củng cố quan điểm rằng tất cả các trường đại học đều đứng chung một hạng, một điều hiển nhiên là sai lầm. Ngay cả những trường từng trực thuộc các trường tổng hợp mà một số trong đó đang cung cấp những dịch vụ thật sự nổi bật, đều cần sự linh hoạt trong việc cấp kinh phí.

Cuối năm 2001, các nhà lãnh đạo quan trọng của nhóm Russell – 20 trường đại học đứng đầu nước Anh đã đến gặp tôi tại phố Downing. Thông điệp họ đưa ra rất thẳng thắn: Họ thật sự cần thêm nhiều tài trợ hơn. Roy Jenkins, sau đó trở thành Hiệu trưởng danh dự trường Oxford, nhiệt tình ủng hộ chính sách học phí, hối thúc tôi theo một cách riêng. Ivor Crewe, lúc đó là chủ tịch Hiệp hội Đại học Anh quốc (Ủy ban gồm hiệu trưởng và phó hiệu trưởng các trường), cũng có thái độ mạnh mẽ tương tự. Từng làm việc trong SDP và cũng là người có hiểu biết về chính trị cấp tiến, Ivor hiểu thấu đáo lý do chính trị và ông khẳng định chắc chắn rằng chúng cần phải được thay đổi.

Tôi đã cất nhắc Estelle Morris lên vị trí Bộ trưởng Giáo dục vào tháng 6 năm 2001, sau khi David Blunkett ngồi vào ghế Bộ trưởng Nội vụ. Bà Estelle là một điển hình thú vị cho điều mà bạn hiếm thấy trong chính trị. Cuối cùng bà từ chức vào tháng 10 năm 2002 và chỉ nói đơn giản rằng “Thành thực, tôi không ưa công việc này... Tôi không thể chấp nhận việc đứng thứ hai. Tôi rất khắt khe khi đánh giá hiệu quả làm việc của mình. Tôi không giỏi đưa ra các ưu tiên và cũng phải biết được rằng mình đang tạo ra một sự khác biệt và không nghĩ rằng mình đã

cống hiến đủ cho Thủ tướng”. Tôi không chắc liệu bà ấy có thực sự nghiêm túc hay không nhưng cuối cùng tôi cũng biết chắc rằng đó là sự thật. Đó thực sự là một gánh nặng với Estelle và bà ấy không hài lòng. Bà hoàn toàn không phải người yếu đuối, ngược lại, là người đã giữ được vị thế của mình trước một cuộc vận động dữ dội ở địa phương trước Đảng Dân chủ Tự do (đối thủ chính của mình). Bà đã thể hiện là một người khôn ngoan và chăm chỉ, nhưng những vị trí đứng đầu trong Chính phủ thường rất khắc nghiệt và đơn giản bà cảm thấy mình bị quá tải.

Vì thế bà ra đi và được thay thế bởi Charles Clarke, người từng sống dưới thời Kinnock, đủ cứng rắn và bản thân cũng là người mạnh mẽ. Ông ta đã đem đến một sự thúc đẩy mạnh mẽ cho cả khu vực

Khi những người đứng đầu các trường đại học nêu ra vấn đề, tôi hiểu rằng chúng tôi phải hành động. Chúng tôi cam kết không chấp nhận những khoản phí bổ sung, điều đó đúng, nhưng nói thẳng việc trì hoãn những quyết định cần thiết cho đất nước chỉ vì lý do này là điều vô lý. Vì thế tôi đã khởi động một chu trình những tranh luận nội bộ và bàn bạc cùng với Bộ Tài chính kéo dài gần hai năm. Ngay khi bắt đầu, rõ ràng Gordon có ý định từ bỏ nó, điều mà sau này tôi mới hiểu được vấn đề của ông ta là gì. Ông ta xác định rõ mình cần phải đấu tranh cho cuộc bầu cử thứ ba và không muốn bất cứ thứ gì bó buộc chương trình hành động của mình. Vì thế ông ta tiếp cận vấn đề, như mọi khi, không phải với thái độ phản đối thẳng thừng mà với nghệ thuật trì hoãn khéo léo.

Cuối năm 2001, chúng tôi bắt đầu thảo luận vấn đề này. Không phải ngẫu nhiên mà khi đó ông ta đòi hỏi phải hoàn thành nhiều việc hơn. Tiến độ thực hiện hết sức chậm chạp, buộc chúng tôi trong những buổi họp sau đó vào nửa đầu năm 2002 phải đưa ra quyết định. Vào thời điểm này, bà Estelle cảm thấy mình bị mắc kẹt giữa hai chúng tôi và không còn đủ kiên cường để đứng ở vị trí đó. Vì thế, điều này ít nhiều đã biến thành một cuộc chiến về ý chí giữa tôi và Gordon. Có thể nói, đây là lúc áp lực sáng tạo, trước đó vẫn đang ở thế cân bằng tích cực, đã chuyển sang cân bằng tiêu cực. Tôi không nói rằng việc Gordon ở đây là không có ảnh hưởng tích cực, như tôi vẫn luôn nhắc đi nhắc lại rằng, ông ấy là một nhân vật tầm cỡ, một chính trị gia đáng tin cậy và, hiển nhiên là một nhân tài cho Chính phủ theo nghĩa rộng, vì thế việc Gordon tiếp tục giữ chức Bộ trưởng Tài chính là điều hoàn toàn đúng đắn. Thế nhưng, vấn đề nằm ở chỗ, vì những kỳ vọng và cả tham vọng của mình mà ông ta muốn đóng băng tiến độ thực hiện cho đến khi ông ta có thể nắm quyền. Tôi không bao giờ có thể hoàn toàn chắc chắn rằng ông ta thiên về cánh nào về mặt chính sách, nhưng tham vọng muốn kìm hãm hoạt động của Chính phủ, đã trở thành tấm bình phong che đậy một chương trình hành động khôn khéo, rõ ràng thiên về cánh tả. Điều này đã được phản ánh qua các cố vấn của chúng tôi: Ed Balls làm việc cho Gordon (sau trở thành Cố vấn kinh tế trưởng cho bộ Tài chính) và Andrew Adonis làm việc cho tôi.

Cả Andrew và tôi đều thân thiết với Roy Jenkins. Tôi thực sự rất nhớ Roy khi ông ra đi vào đầu tháng 1 năm 2003. Khi Andrew gọi điện thông báo tin này, trong lòng tôi tràn ngập sự tiếc thương. Khi còn sống, Roy là một nhân cách liêm chính toàn vẹn. Ông là một người bạn, một cố vấn thông thái. Lẽ ra ông ấy đã có thể phản đối cuộc chiến Iraq, tôi dám chắc là vậy nhưng ông cũng đã hiểu lý do tại sao tôi lại hành động như vậy. Ông ấy đã truyền lại cho Andrew không chỉ sự nghiệp chính trị của mình mà còn là bản lĩnh chính trường: một con người lý trí luôn tìm kiếm sự thật. Với ông ấy, giống như với Andrew, câu hỏi đầu tiên luôn là: Điều này có đúng không? Chỉ sau khi trả lời được câu hỏi đó, ông ấy mới xét đến “Đây có phải chính trị hay không? Đó đã và đang là cách tiếp cận chính trường đúng đắn và tình cờ phù hợp cả với công chúng. Nhưng nó rất hiếm.

Ed Balls đã và đang là một trí thức hết sức có tài và ông cũng sở hữu một vài tố chất tiên quyết của một nhà lãnh đạo tài ba: sự can đảm và khả năng ra quyết định. Tuy nhiên, ông ta lại vấp phải cái bẫy mà mọi trí thức thiên về cánh tả đều mắc phải. Như tôi đã từng nhận xét, những người như họ không bao giờ “tìm” được tham vọng. Họ tất nhiên sẽ chối bỏ nó, nhưng họ sẽ

thấy tầng lớp trung lưu, ngoại trừ thành phần trí thức của tầng lớp này, chính là những người mà tự nhiên lại bỏ phiếu cho họ. Không phải vì giới trí thức coi tầng lớp này là kẻ thù nhưng họ sẽ nghĩ rằng một người lo lắng về các mức thuế hằn là một kẻ ích kỷ và từ đó, sẽ bị suy ra là một kẻ gần như thua cuộc. Họ sẽ nhận định rằng, việc trừng phạt những người như thế có thể không phải là hành động sáng suốt nhưng cũng không phải hoàn toàn sai trái.

Ed đã vạch ra một chiến lược cho Gordon như sau: có sự đánh đổi giữa tính công bằng và thị trường, Blair đang đẩy chúng ta đi quá xa, hướng đến mục tiêu “thị trường hóa” và từ đó xa rời tính công bằng. Vì vậy, tất cả những lời lẽ về lựa chọn, ganh đua, sự đa dạng, tính linh hoạt, cuối cùng cũng chỉ cố gắng để đưa chúng ta tới một hệ thống không hề có sự công bằng về bản chất, thiếu động lực, bởi đó là tất cả của việc quá gắn bó với giới trung lưu, vốn là một phần nhỏ của lực lượng ủng hộ Công Đảng, để đối lấy những cử tri nòng cốt.

Về những chỉ trích giới trí thức này, ông ấy còn bổ sung thêm những lời tương tự về đảng, thực sự lộn xộn. Đó là quan điểm – tôi cảm thấy lo lắng về thái độ nghiêng ngả của Gordon khi đối phó với đảng – rằng tôi nhất quyết lựa chọn việc đối đầu với tổ chức nhằm bảo toàn lời hứa của mình với công chúng, nói cách khác tôi thà hy sinh đảng của mình để nhận được sự ủng hộ của nhân dân. Đó là một lập luận khá cay nghiệt.

Nói chung, ông ta là người xứng đáng được tôn trọng. Dần dần, với những cuộc gặp gỡ liên tục với cả Ed và Gordon, tôi khiến Ed quên đi sự bảo thủ của mình. Dù sao, tôi cũng là Thủ tướng và là người dẫn dắt ông ta trở về với những quan điểm chân chính. Tư tưởng cơ bản của ông ta là toàn bộ việc tấn công vào lối tư duy truyền thống của đảng là để chứng minh tôi là người “ngoại lệ”. Ông ta gọi đó là “chủ nghĩa ngoại lệ”. Ý ông ta là tôi tin rằng chỉ mình tôi có thể chiến thắng và tất cả những trở ngại đó, như những chính sách về học phí, cải cách trường học, y tế, thể căn cước, nhà điều dưỡng, luật pháp, phúc lợi xã hội, đều gần như được vẽ ra để tạo uy tín của một nhà lãnh đạo trước đảng của mình.

Tôi từng nói với ông ta rằng việc hiểu sai cơ bản cơ sở trí thức và chính trị của Công Đảng mới là điều hết sức nguy hiểm. Về mặt trí thức, tư tưởng này khá rõ ràng: tất cả mọi Chính phủ trên toàn thế giới, chắc chắn là cả những nơi mới được tái bổ nhiệm, đều đang cải tổ những dịch vụ công để thể hiện trách nhiệm hơn với những người sử dụng chúng, những người đang chọn lựa và quyết định theo thói quen trong cuộc sống của mình. Nói cách khác, những cải cách này đang lược bỏ những điểm mà nhân dân đang hướng tới.

Về mặt chính trị, tôi đã cố gắng giải thích toàn bộ mục tiêu của quãng thời gian lãnh đạo của mình là nhằm tạo ra sự ổn định trong Công Đảng mới. Ngay cả khi trở lại năm 2002, rõ ràng chúng tôi đã trở thành một chính quyền công đảng vững chãi, bền bỉ và mạnh mẽ hơn bất kỳ đảng nào trước đó. Đúng là tôi tin tưởng rằng để chiến thắng thì một người đứng đầu Công Đảng sẽ không thể hành động như một chính trị gia truyền thống bởi tôi tin chính chúng tôi sẽ làm thay đổi truyền thống ấy. Tôi không chọn việc tranh cãi với đảng của mình mà chọn cải cách. Nhưng nếu chương trình cải tổ bị bác bỏ, thì sẽ khó lòng tránh được các cuộc tranh luận nổ ra.

Dù sao, năm 2002 qua đi còn chúng tôi bị kẹt lại. Đầu năm 2003, với áp lực từ phía Charles Clarke, chúng tôi tổ chức thêm nhiều cuộc họp. Lần này, tôi cương quyết muốn bộ Tài chính phải thông qua với một phương án cụ thể, thay vì liên tục phản đối dự thảo về học phí mà chúng tôi đưa ra.

Tóm lại, chúng tôi đề nghị rằng thay vì trả mức học phí là 1.150 bảng mỗi năm ngay từ đầu năm, khi sinh viên vẫn theo học thì chúng tôi sẽ xây dựng một mức phí không cố định, cao nhất là 3.000 bảng mỗi năm, mức chênh lệch tùy thuộc vào quyết định của từng trường. Mức phí này sẽ được trả lại sau khi tốt nghiệp dựa trên các mức kiểm tra khác nhau. Trợ cấp cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vẫn được duy trì và học bổng vẫn được khuyến khích. Toàn bộ gói cải cách này sẽ giúp tăng đáng kể nguồn thu của các trường đại học, lên tới 30% mỗi năm. Rõ

ràng đó là một hệ thống công bằng hơn. Hiển nhiên cũng sẽ có nhiều khoản nợ hơn, nhưng chúng ta chỉ có thể thu lại tiền từ các sinh viên tốt nghiệp sau khi họ bắt đầu kiếm tiền. Và những sinh viên nghèo sẽ nhận được trợ giúp đích thực và có ý nghĩa. Thông thường trong những tình huống như thế này, những thỏa hiệp khôn khéo sẽ được đưa ra trong quá trình thực hiện để làm dịu đi phản ứng từ công luận. Một vài thỏa hiệp trong số đó làm tôi khá do dự và tất cả chúng đều được cộng thêm vào chi phí, nhưng không thể phủ nhận rằng nó mang lại những lợi ích khổng lồ cho các trường đại học, tách biệt họ khỏi số những trường đang vật lộn với tài chính ở châu Âu và đưa chúng tôi đứng ngang hàng với các trường đại học Mỹ. Bên cạnh đó, sau khi những biện pháp này được thông qua, một số vị phó hiệu trưởng nói với tôi rằng sự thay đổi này về căn bản đã cứu họ thoát khỏi bờ vực khủng hoảng tài chính. Thêm vào đó, như những đối thủ của chúng tôi đã biết, một khi đã được giới thiệu như một tư tưởng, sẽ không còn chỗ cho sự phản đối hay xem xét lại.

Bộ Tài chính vẫn giữ nguyên yêu cầu phải tiến hành nhiều biện pháp và phân tích nhiều hơn. Họ chỉ ra rằng bản dự thảo của chúng tôi cũng có những điểm yếu. Tôi đã đáp lại rằng mọi hệ thống đều có khiếm khuyết. Họ lại tiến hành điều tra dư luận, nói rằng hiếm người đồng tình với kế hoạch của chúng tôi. Tôi phản bác rằng mọi sự thay đổi đều không dễ dàng, ngoại trừ việc tăng trợ cấp cho các trường đại học thông qua tăng thuế chung và khoanh khắc nó thay đổi từ chỗ gọi ra những nghị ngờ về trợ cấp sang nghị ngờ về thuế cũng là lúc chúng không nhận được sự ủng hộ. Thực tế, luôn luôn có một kịch bản cổ điển xảy ra với một thay đổi cần thiết và đúng đắn và chúng sẽ không bao giờ được toàn dân ủng hộ. Mặt khác, như tôi vẫn thường lập luận, công chúng cho rằng Chính phủ sẽ đưa ra những quyết định trái với ý kiến số đông, cho rằng họ sẽ phải kêu ca về chúng và kỳ vọng các nhà lãnh đạo sẽ vượt qua những chỉ trích đó. Tuy nhiên, nếu bạn thôi không ngồi ở vị trí lãnh đạo nữa, nó sẽ không là chỉ trích nữa mà trở thành dấu hiệu của sự bãi miễn, bởi trong sâu thẳm, công chúng biết rằng Chính phủ ở đó là để lãnh đạo đất nước.

Cuối cùng, chúng tôi đã buộc bộ Tài chính phải đưa ra một giải pháp, điều thực tế là một loại thuế bậc thang, đơn giản là vậy. Chính sách này, rất tự nhiên, vừa có tỷ lệ không ủng hộ bằng với kết quả trưng cầu dân ý, nhưng hơn thế nữa, nó vấp phải một khiếm khuyết mà tôi cho là khá nghiêm trọng và khó sửa chữa. Nó có nghĩa là thay vì để cho một sinh viên tốt nghiệp trả lại tiền học phí, sẽ có mức thuế chung cho mọi sinh viên đã ra trường, phụ thuộc vào thu nhập của họ chứ không dựa vào chất lượng giáo dục mà họ đã nhận được. Nói cách khác, chính sách này không phải là việc một cá nhân trả lại một khoản nợ của riêng họ mà là trả nợ chung. Tôi thực sự không ủng hộ giải pháp này. Nó đã phá vỡ mối liên hệ cần thiết giữa thứ sinh viên thu nhận được và thứ họ đền đáp lại. Hơn thế nữa, nó thay đổi bản chất hệ thống thuế của chúng tôi về mặt cơ bản nhưng lại thiếu sáng suốt và tinh tế.

Đây hoàn toàn là ý tưởng của Ed nhưng chưa bao giờ nhận được sự đồng thuận từ phía Gordon, vì thế, nó dường như trôi vào dĩ vãng. Điều này đồng nghĩa với việc: một là họ phải chấp thuận đề nghị của chúng tôi, hai là chẳng có gì cả. Cuối cùng vào cuối năm 2003, chúng tôi lại có một cuộc họp trong vòng 1 tháng, kết luận cuối cùng đã được đưa ra, thời điểm đó, hoặc là bộ Tài chính có đề nghị mới hoặc là chúng tôi sẽ thực hiện theo bản dự thảo. Chúng tôi đã hiện thực hóa được ý tưởng của mình nhưng cũng đã lãng phí quá nhiều thời gian quý báu.

Trong suốt quá trình, Andrew Adonis thực sự là một ngôi sao sáng, với việc viết ra hàng loạt các bản phân tích rồi phản biện, dẫn dắt các cuộc tranh luận bằng sự minh bạch vốn có, nhẹ nhàng và kiên nhẫn đốc thúc mọi việc. Andrew đối lập hẳn với Ed. Trong một cuộc tranh cãi về chính trị, Ed sẽ thắng. Ed, như tôi từng nói, là một người khá thông minh. Nhưng về độ thu hút và ảnh hưởng với công chúng thì Andrew lại đứng ở một vị thế riêng. Anh ta thấu hiểu tại sao chúng tôi lại cần phải vượt qua khuôn khổ nền tảng truyền thống của Công Đảng: bản thân anh ta cũng là một đại diện của tham vọng. Cha anh ta từng là một người đưa thư, dân nhập cư gốc Hy Lạp và Andrew hiểu rằng nếu Công Đảng lên nắm quyền vào những thời điểm quan trọng thì nó phải là một đảng lấy định hướng và tầm nhìn hướng tới tương lai làm cơ sở trọng tâm.

Andrew cẩn trọng đưa ra những sự thật và lập luận. Charles Clarke có sự hậu thuẫn rất mạnh mẽ. Lần đầu tiên, tôi có cảm giác rằng Charles, Alan Milburn và David Blunkett là những người kề vai sát cánh với sự đồng điệu về tư tưởng với tôi và họ hiểu rõ tôi muốn làm gì và tại sao lại như vậy. Họ có nhiều phẩm chất tương đồng và mỗi người lại sở hữu những kỹ năng chính trị, nhằm giúp hiện đại hóa và thay đổi Công Đảng. Tất cả đã mài giũa những kỹ năng ấy qua vô số những cuộc tiếp xúc với các nhà lãnh đạo các hiệp hội ngoan cố, những thành viên quốc hội bảo thủ, những nhà hoạt động thuộc cánh tả và những trí thức được lựa chọn, những người mà đóng góp của họ là giải thích vì sao lại chẳng có gì thay đổi dù họ là những người có quan điểm cấp tiến thực thụ.

Trong khi tôi có xu hướng suy nghĩ rằng mình có thể thuyết phục bất kỳ ai về bất cứ điều gì mà tôi thực sự tin tưởng (ngay cả kinh nghiệm cũng không khiến tôi mất đi suy nghĩ này), thì họ đã thực tế hơn và hiệu quả hơn. Họ nắm rõ sự khác biệt giữa chiến thuật và chiến lược và lý do cũng như thời gian chúng cần được phối hợp với nhau.

Trở lại bài diễn văn của Nữ Hoàng vào cuối năm đó, khoảng cuối tháng 11. Tất nhiên, lúc đó những tin tức tiếp tục tập trung về cuộc chiến Iraq, hay những nỗ lực không ngừng nghỉ để ngăn chặn khủng bố đe dọa tình trạng mong manh của đất nước này và cuối cùng là tin về cuộc thẩm tra Hutton. Tuy vậy, lý do chính cho việc trì hoãn được cho là một cuộc cải cách quốc nội quy mô lớn liên quan đến NHS, trường học, các hành vi chống đối xã hội và học phí. Sau rất nhiều tránh né và cả những phản đối từ phía nhà 11, tôi đã nhận được sự đồng thuận nói chung. Tất cả những vấn đề đó, dù đang ở nhiều bước của quá trình lập pháp, đã đang vào guồng.

Câu chuyện dài về vấn đề học phí đã được quan tâm hàng đầu khi quá trình bầu cử vòng hai diễn ra, theo kế hoạch là cuối tháng 1 năm 2004. Đây thực sự là một vấn đề không chắc chắn. Mặc dù việc liên hệ tới nó bây giờ là hơi lạ lùng nhưng chúng thực sự không phải ngẫu nhiên.

Michael Howard vừa trở thành lãnh đạo của Đảng Bảo thủ và đã mắc phải sai lầm đầu tiên của mình. Ông ta kế thừa cả việc phản đối chính sách học phí từ người tiền nhiệm Duncan Smith. Tất nhiên là Đảng Bảo thủ hiểu sâu sắc rằng họ nên ủng hộ giải pháp này và lý do vì sao họ không làm vậy phản ánh nghệ thuật tồn tại của một đảng đối lập.

Hãy đặt sang một bên những nguyên tắc, hay tính đúng sai của một chính sách và chỉ tập trung vào bản chất cốt lõi của chính trị. Quan điểm thường thấy của một đảng Đối lập chính là hãy thu gom các phiếu bầu ở bất cứ nơi nào có thể. Tất cả các phiếu đều nói học phí là vấn đề không được lòng dân. Thậm chí có hẳn một đoàn diễu hành công khai phản đối.

Trong nhiều trường hợp thì đây là một hiện tượng đúng đắn về mặt chính trị. Lấy ví dụ cuộc tranh cãi về chi tiêu của thành viên quốc hội, sự thật là họ không được trả lương thỏa đáng và các chi phí được sử dụng để bổ sung cho thu nhập. Công chúng bị xúc phạm, những chiếc xe diễu hành phản đối đã lăn bánh. Và sẽ thật khó để trông đợi đảng đối lập có thể làm ngơ trước làn sóng ấy. Tuy thế, xét về lâu dài đó cũng không phải là điều sáng suốt, tôi thường hối tiếc khi những động thái xảy ra ở đảng đối lập lại quay lại tiếp diễn ở Chính phủ. Đó là những điều đã xảy ra và đảng đối lập, quá nôn nóng mong muốn thêm số phiếu, đã mù quáng trước cái lợi trước mắt.

Nhưng những làn sóng phản đối đó rất nguy hiểm nếu như chúng được phát triển theo hướng mà những thành viên chủ chốt của các đảng phái khác cùng phản đối. Và đó là một lỗi lầm không đáng có, bởi kể cả khi ý kiến chính yếu và chỉ chiếm thiểu số thì nó cũng có ảnh hưởng đáng kể và có thể làm giảm rõ rệt uy tín của bạn.

Mọi thành viên chủ chốt của Đảng Bảo thủ, những người từng ở trong Chính phủ, từng ao ước rằng họ có thể tiến hành một cuộc cải cách như thế đều đứng về phía chúng tôi. Chủ trương của các nhân vật chủ chốt đã rõ ràng: thay đổi là cần thiết và đúng đắn. Bằng việc sát cánh với đảng đối lập: các tổ chức, cánh tả, v.v..., Michael Howard đã không thể giành chiến thắng bằng

phiếu bầu và đánh mất lòng tin nơi công chúng. Cùng với những nỗ lực khai thác Hutton Inquiry khi ông ta hùng hồn tuyên bố ủng hộ cuộc chiến tại Iraq, tất cả đã góp phần làm gia tăng những chỉ trích của chúng tôi chĩa vào ông ta, rằng ông ta là một kẻ cơ hội và vì thế, chẳng hề đáng tin cậy.

Cái giá phải trả của một kẻ cơ hội dường như chỉ là một cuộc công kích nho nhỏ, hàm chứa trong đó một bài học. Với mỗi người lãnh đạo kế nhiệm của Đảng Bảo thủ, tôi sẽ đều phát triển một phương án đối phó nhất định, nhưng chỉ làm thế sau cân nhắc kỹ lưỡng. Thường thì tôi ra quyết định đó dựa vào việc quan sát kỹ càng tại các buổi PMQs. Không bao giờ tôi để sự việc đi quá xa, mà chỉ cố gắng khiến cho chúng để lại ấn tượng mạnh trong lòng công chúng. Mục tiêu ở đây là giành được sự đồng thuận từ các nhóm đứng ngoài chính trường. Tôi không băn khoăn về điều gây chú ý Hội nghị Công Đảng lúc bàn tán sôi nổi nhất, nhưng điều khiến những bạn bè cũ của tôi ở Bar quan tâm, những người muốn một phương án hợp lý và cả những người phản đối phương án đó nếu nó tồn tại.

Vì thế tôi coi Major là kẻ yếu đuối, Hague giỏi tấu hài hơn là đưa ra phán quyết, Howard là kẻ cơ hội, Cameron dễ thay đổi, không biết mình muốn gì. (Chính Đảng Bảo thủ đã làm thay việc của tôi khi hạ bệ Duncan Smith).

Thực tế là nếu Michael ủng hộ tôi về vấn đề học phí thì lực lượng của tôi sẽ phải chịu những tổn thất thực sự còn ông ta sẽ được hưởng lợi với những ý kiến khôn ngoan và không làm thay đổi kết quả. Nhưng ông ta lại không làm thế và điều đó có lợi cho tôi.

Tuy nhiên, sự chống đối trong đội ngũ của tôi cũng không phải là nhỏ. Hiện tượng này do Nick Brown và George Mudie châm ngòi, cả hai đều thân với Gordon và đều là những người có đầu óc tổ chức siêu phàm. Tôi đã buộc phải để nhóm chuyên trách chính trị của mình làm thêm giờ. Sally Morgan đã cố gắng hết sức để làm việc hiệu quả nhất có thể. Cô ấy ủng hộ Công Đảng mới nhưng lại được hưởng lợi từ các hoạt động đào tạo của hội sinh viên từ những năm 1980, vì thế, cô đã đạt tới vị trí của người phụ nữ trong đảng PLP theo cách mà người khác không thể. Ngoài ra, có một số phụ nữ khó lòng có thể ngồi vào vị trí vận động những phụ nữ khác, trong khi nhiều người khác lại có thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đó. Sally không phải thuộc nhóm ưu tú nhất nhưng cô ấy có thể vượt ra ngoài phạm vi của Công Đảng mới, có thể nói nhiều hơn một ngôn ngữ chính trị và là người luôn luôn thực tế về thách thức phía trước. Charles và tôi thuộc kiểu người “hãy cứ đi và làm cái điều ngớ ngẩn ấy đi”, dù chẳng hại gì nhưng làm điều ngớ ngẩn cũng sẽ kéo theo những lá phiếu ngớ ngẩn. Và chúng tôi lại đi vào ngõ cụt. Sally và Hilary Armstrong, một trưởng ban tổ chức tuyệt vời và rất thành thạo việc vận động hành lang và chính thức của nền chính trị PLP, đã khẳng định rất chắc chắn với tôi rằng số lá phiếu đang khá cân bằng.

Vào buổi họp trước Giáng sinh, chúng tôi cùng ngồi lại ở văn phòng. Tôi, Charles, Sally, Andrew cùng David Hill, người kế nhiệm Alastair và trở thành thư ký báo chí của chúng tôi. Tôi thực sự vui mừng khi David đồng ý quay lại và làm việc thêm một vài năm, khi anh từng là trưởng ban báo chí của Công Đảng vào kỳ bầu cử năm 1997.

“Tôi cảm thấy cực kỳ tự tin”, Charles nói với giọng đặc trưng của mình.

“Tôi thực sự không hiểu vì sao”, Sally tỏ ra chanh chua. “Liệu có phải vì việc tính toán số phiếu bầu đã khiến anh nghĩ thế, hay đó thực sự là trí thông minh bình thường của anh? Bởi vì tôi đang nhìn vào số phiếu và anh đừng tính của trong lỗ thế.”

Đó thực sự là khoảng thời gian khó khăn. Chúng tôi phải trải qua lần kiểm phiếu thứ hai ngày 27 tháng 1 năm 2004 và bản báo cáo Hutton Inquiry vào ngày hôm sau. Tháng 1 đã trôi qua không hề dễ dàng gì. Một kết quả tồi tệ đồng nghĩa với một dấu chấm hết.

Tôi không quá hứng thú với việc giữ ghế và cũng đã giải thích với Sally khi chỉ còn hai chúng tôi ngồi lại văn phòng uống cà phê. “Đó là suy nghĩ vĩ đại đấy, tôi chắc chắn như vậy”, cô ấy nói

với một cái cười chua ngoa, “nhưng nếu anh không phiền, tôi nghĩ chúng ta cần tập trung vào việc giành thêm số phiếu”.

“Làm thế nào để chúng ta giành thắng lợi”, tôi hỏi.

“Anh không thể thắng được”, cô ấy đáp lại “mà không có Bộ trưởng Tài chính hoàn toàn ủng hộ”.

Và đó là cốt lõi của vấn đề.

Đầu năm mới, tôi tái khởi động cuộc đối thoại với Gordon về việc rời ghế. Điều này có thể là thiếu sáng suốt trên mọi khía cạnh nhưng tôi thực sự cảm thấy mệt mỏi. Ở bất cứ khúc ngoặt lớn nào trên bất cứ cung đường nào của chính trường, những rào cản vẫn tồn tại và án ngữ trên con đường phía trước.

Những bệnh viện cơ sở đầu tiên đã sớm đi vào hoạt động. Được tuyển chọn kỹ càng từ những nơi xếp hạng cao nhất, những bệnh viện này có sự độc lập lớn hơn, có quyền hạn và tự chủ cao hơn. Chúng là bước chuyển dịch lớn đầu tiên trong quy trình tạo ra những cơ sở y tế tự chủ, tự quản, có khả năng tự thay đổi trong lĩnh vực chăm sóc y tế theo cách được mong muốn, nhằm thích ứng với những thách thức đang diễn ra trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe hiện đại.

Vấn đề cốt lõi của NHS chính là dịch vụ y tế công cộng cũ kỹ: quá cứng nhắc và không có động lực để đổi mới. Những hành vi khám chữa bệnh tốt hay xấu đều được ghi nhận như nhau. Quyền lợi của các bác sĩ đầy quyền lực cùng với làn sóng ủng hộ sâu rộng nhưng lại thiếu thông tin từ phía công chúng mới là những thứ có ảnh hưởng nhất. Những bệnh viện cơ sở đó chính là những phát đạn đầu tiên nã vào thành trì đá tảng của y tế hiện nay. Họ đã kịp thời được tiếp nối bởi những lựa chọn, sự cho phép y tế tư nhân được góp mặt và những thay đổi đáng kể trong cung cách làm việc của các nhân viên y tế.

Cùng với Alan Wilburn, chúng tôi đã bắt đầu triển khai các chương trình đó vào tháng 1 năm 2002. Tuy nhiên, chúng đã làm dấy lên những cuộc tranh luận gay gắt với bộ Tài chính. Gordon cảm thấy Alan có thái độ thù địch với ông ta. Như mọi khi, ông ta tiếp cận lập luận không theo cách chính diện mà bằng một lập luận có liên quan đến bộ Tài chính: bằng cách sử dụng quyền mượn tài sản ngoài tài sản cố hữu, các bệnh viện cơ sở là một mối lo ngại đối với tài chính công. Cuộc tranh cãi này kéo dài bất tận, đầy tính thù hằn và bất ổn định. Trước khi chúng tôi cuối cùng cũng nhận được sự đồng thuận từ phía ban lập pháp – điều này lại làm dấy lên làn sóng phản kháng lớn và nhiều người vin vào sự phản đối rõ ràng của bộ tài chính với chính sách này – thì Alan lại rời Chính phủ.

Tháng 5 năm 2003, một tháng trước kỳ bầu cử, ông ấy đến gặp tôi. Ông ấy hiểu rằng đó là quyết định tồi tệ nhưng cảm thấy thế là quá đủ. Tôi rất tiếc khi để mất một người như Alan. Ông ấy quả thực là một bộ trưởng đặc biệt. Tôi không cho rằng lý do Alan ra đi là vì bất đồng với Gordon, có rất nhiều lý do dẫn đến việc ông ấy muốn từ bỏ. Một trong số đó là chính trường nước Anh thực sự cần phải nhìn lại.

Ngồi ở vị trí đứng đầu nền chính trị nước Anh bây giờ giống như nắm giữ cuộc đời chính trị của bạn trong tay mỗi ngày. Được thôi, chính trị là một thứ khó nhằn, không dành cho những kẻ yếu đuối, nhưng với chính trị hiện đại, áp lực quá căng thẳng, những lời chỉ trích quá gay gắt và mục tiêu khó đoán định, đến mức tất cả chúng ta đang ở trong một mối nguy hiểm thực sự, một tình cảnh mà bất cứ “người bình thường” nào cũng sẽ muốn ra đi, thay thế bằng những kẻ tham vọng và lập dị. Tất nhiên không phải lúc nào người ta cũng ra đi nhưng họ sẽ có xu hướng làm như vậy bởi những áp lực từ cơn bão của những vụ bê bối và những âm mưu ngầm ngầm luôn khiến họ phải đau đầu. Những người coi trọng một cuộc sống, một gia đình hay lợi ích cao hơn chính trị và có khả năng trong những lĩnh vực khác sẽ thấy xu hướng từ bỏ rõ rệt hơn và

chấp nhận đứng ngoài cơn bão.

Alan là người đầu tiên (mặc dù có thể Estelle cũng chung quan điểm như thế) đã ra đi, dưới thời tôi, chỉ vì họ muốn như thế. Ông ấy khá trẻ, dưới 50 và đang ở đỉnh cao tài năng nhưng lại chọn cách từ bỏ. Tất nhiên là những lời bàn tán quanh điện Westminster không cho rằng ai đó có thể đưa ra những quyết định lý trí như thế và cố gắng sáng tác ra tất cả mọi lý do có thể đằng sau sự ra đi của Alan, nhưng lý do ông đưa ra chỉ là: mình không còn hứng thú với sự nghiệp chính trị nữa và muốn đứng ngoài cuộc chơi.

John Reid được đề cử để tiếp tục công việc của Alan. Ban đầu ông ấy khá do dự. Là người Scotland và được chứng kiến sự chuyển giao quyền lực, chính quyền NHS ở Scotland đã được bàn giao cho Ban quản lý người Scotland. Tôi tin rằng ông ấy có thể coi đề nghị này giống như cốc rượu tẩm độc bởi chiếc ghế này sẽ là trung tâm của dư luận chính trị và tất nhiên là ông ấy sẽ tiếp tục cuộc tranh cãi giữa Alan và Gordon. John cũng từng được luân chuyển qua vài vị trí và có thể mong muốn ngồi lại ở một vị trí nào đó một thời gian nhưng tôi chắc chắn rằng việc lựa chọn John vào chiếc ghế của Alan là chính xác. Những lời đánh giá về John là hoàn toàn chuẩn xác: ông ta thấu hiểu cơ sở của cuộc cải cách, bản chất chính trị của nó, biết cách tiến hành chúng cả trong nội bộ lẫn công chúng, cùng với quyết tâm để phát triển những dự án đó hơn. Ông ấy thực sự thích hợp cho vị trí này và hoàn toàn có khả năng đối phó với Gordon và hơn thế nữa, thoải mái với việc đó. John tin rằng Gordon đã cố gắng châm ngòi một vụ bê bối sau lưng ông ấy và John không phải kiểu người dễ dàng quên được sự xúc phạm đó. Ông ấy có thể làm việc cùng Gordon nhưng sẽ không chịu dưới trướng ông ta.

Cùng lúc đó, David Blunkett đang tiến hành xây dựng khung luật pháp. Bài diễn văn năm 2002 của Nữ hoàng tập trung vào các điều luật liên quan đến những hành vi chống phá xã hội. Chúng tôi cũng cho phát hành bản tham vấn đầu tiên về vấn đề thể căn cước. Cả hai biện pháp bản thân đều đúng đắn nhưng cũng là một phần trong một kế hoạch chính trị trọng yếu.

Với nhiều cộng đồng, nhất là những người sống ở những khu vực nghèo của các thành phố hay thị trấn, các hành vi chống phá xã hội hay tội phạm mức độ thấp hoặc gây rối trật tự là những vấn đề quan tâm số một. Những bức tường nhằng nhịt graffiti, buôn bán thuốc kích thích, bạo lực và lạm dụng có thể biến một khu dân cư yên bình trở thành một tụ điểm nhức nhối chỉ trong vòng vài tháng. Xét về chất lượng cuộc sống thì chẳng có vấn đề nào lớn hơn thế. Hãy thử đến ở tại một nơi như thế và bạn sẽ hiểu ý tôi muốn nói. Người Mỹ đã nghĩ ra giải pháp “zero tolerance” (không khoan nhượng) để giải quyết vấn đề này và những bộ luật về các hành vi chống phá xã hội của chúng tôi cũng được phát triển trên cùng nguyên tắc đó. Quan điểm là nếu bạn chịu đựng những vụ việc có mức độ thấp, bạn sẽ nhanh chóng nhận thấy những vụ việc trái pháp luật đang leo thang lên mức độ cao. Vì thế phải ngăn chặn ngay từ trong trứng nước, không chấp nhận chịu đựng kể cả việc vẽ lên tường hay xả rác. Tư tưởng này hoàn toàn phù hợp với niềm tin của tôi về những cộng đồng dính kết với nhau trên cơ sở kết hợp giữa cải thiện cơ hội và tăng cường trách nhiệm. Chúng ta đang đầu tư hàng tỉ đô-la vào các dự án đổi mới trong thành phố nhưng chúng sẽ chẳng đi đến đâu nếu các hành vi trên đường phố trở nên suy đồi do thiếu luật pháp và mất trật tự trị an.

Lý do phải đưa ra những bộ luật chuyên biệt để đối phó với những hành vi chống phá xã hội rất đơn giản: các vụ phạm tội cá nhân có quy mô khá nhỏ để không cần đến lực lượng cảnh sát hùng hậu và cũng không phải chịu án phạt nặng. Chính vì chúng được giải quyết như những vụ phạm tội thông thường nên không ai quá coi trọng chúng. Mục đích của bộ luật mới là đặt chúng vào nhóm các hành vi chống phá xã hội, đơn giản hóa các quy trình và áp đặt những hạn chế thực sự lên những kẻ vi phạm.

Thông thường, các bộ luật thường làm dấy lên làn sóng phản đối sâu sắc và ở một vài khía cạnh nào đó thì như vậy cũng là hợp lý, bởi chúng đi kèm cả việc thu gọn các quy trình thông thường, mặc dù có thể nói, chẳng bao giờ cộng đồng nơi mà các bộ luật được thực thi lại có thể yêu mến hay mong muốn có nhiều hơn những bộ luật như thế. Đảng Bảo thủ lại được phen bồi

riott. Họ cảm thấy họ nên phản đối bởi những người bạn luật sư của họ đều xem thường hoặc không tán thành với toàn bộ quan điểm. Những người ủng hộ Đảng này lại đồng ý với các biện pháp được đưa ra và nói cho cùng họ vẫn tự hào mình mới chính là đảng của luật pháp và trật tự. Vì thế Đảng Bảo thủ phải đối mặt với cả hai thái cực với thái độ chẳng mấy dễ dàng gì.

Thêm vào đó, vấn đề thẻ căn cước lại là một chuyện khác. Trong trường hợp này, sẽ có một cơ sở những ý kiến phản đối, bao gồm rất nhiều người đứng trên quan điểm thực tế. Tôi bị thuyết phục bởi lý lẽ rằng chúng cần thiết vì hai lý do: đầu tiên, tôi không thể tìm ra giải pháp nào khác để giải quyết vấn đề nhập cư bất hợp pháp. Tôi đã rất quan tâm đến vấn đề nhập cư cả vì tính chất của nó và cũng vì tôi cho rằng, nếu không đối phó được, rất có khả năng nó sẽ làm tổn hại đến những mối quan hệ đa sắc tộc tốt đẹp. Thứ hai, tôi từng nghĩ rằng theo thời gian, thẻ căn cước sẽ làm đơn giản hóa những giao dịch trong cả khu vực Nhà nước và tư nhân, những điều tạo nên toàn cảnh cuộc sống thường ngày hiện nay. Những giao dịch về thế chấp, rút tiền ngân hàng, thẻ tín dụng, uống rượu khi chưa đến tuổi, giải quyết với hàng tá những cơ quan Nhà nước, phục lợi xã hội, tất cả những giao dịch này thường đòi hỏi phải có một vài giấy tờ chứng minh tùy thân.

Tôi có thể nhận ra tất cả những vấn đề thực tế đó. Tôi cũng thấy rõ rằng chúng sẽ cần nhiều thời gian. Lập luận về các quyền tự do cơ bản của công dân, tôi cho là lỗ bịch, rất nhiều chính quyền dân chủ có thể căn cước và thông tin mà nó lưu trữ ít hơn nhiều so với những thứ nằm trong kho thông tin của hầu hết siêu thị. Tuy nhiên, dẫn chứng vững chắc mà tôi viện tới đã và đang là vấn đề về công nghệ. Nhờ có công nghệ mới, chúng ta có thể sử dụng dấu vân tay và máy quét đồng tử mắt để tạo ra một loại thẻ khó có thể làm giả, vì thế cơ hội để ai đó lừa lọc hay lạm dụng thẻ căn cước giảm đi đáng kể. Đó là sự kết hợp của việc thay đổi cách sống và công nghệ đang thuyết phục tôi rằng điều đó là đúng đắn.

Sau rất nhiều tranh cãi qua lại, Đảng Bảo thủ quyết định chống lại dự luật này, mà một lần nữa, theo tôi, là quyết định sai lầm.

Gordon có một cơ sở những lập luận chặt chẽ về vấn đề thẻ căn cước, bởi tính thực tế và chi phí luôn là vấn đề đáng bàn. Những lý lẽ của ông ấy phản đối luật về hành vi chống xã hội là thứ mà một lần nữa do những cố vấn đưa ra cho ông ta. Ông ta có nhóm riêng chuyên thăm dò ý kiến nhưng chẳng may là nhiều lần họ từng đưa ra những lời khuyên ngớ ngẩn đến khó tin. Họ cho rằng vấn đề nhập cư và luật pháp là vấn đề nổi cộm chỉ bởi chúng tôi cương quyết thảo luận về nó. David, nói riêng, đã bị kết tội kích động những vấn đề đó hơn là phản ứng với chúng.

Tôi khá ngạc nhiên khi nói về chuyện này. Bạn chỉ cần đi vòng quanh đất nước trong nửa giờ là có thể thấy những vấn đề này đang tồn tại thực tế sống động đến thế nào và ý nghĩ rằng chúng sẽ tan biến đi khi chúng tôi thôi không nói đến chúng nữa quả thật là điều ngớ ngẩn. Mặt khác, điều duy nhất khiến chúng không đồn ngã chính mình là vì chúng tôi đang bàn luận và đang hành động để giải quyết chuyện đó. Tất nhiên có thể những gì chúng tôi đang làm là chưa đủ nhưng việc đối phó bằng cách chẳng làm gì thì còn tồi tệ hơn gấp ngàn lần.

Trong mảng này, vai trò của bộ Tài chính khá hạn chế và vì thế, đảng đối lập, nếu không yên lặng quan sát thì cũng khó có thể gây khó dễ.

Nhưng tôi e rằng bạn đã có được cái nhìn toàn cảnh: Tôi thúc đẩy vấn đề còn Gordon kháng cự lại. Mọi thứ đang dần suy yếu và khủng hoảng. Vì thế, không phải lần đầu tiên hay lần cuối cùng, tôi trở về với tình thế khó xử: làm sao để ứng phó với mọi chuyện đây?

Từ sau đó, thậm chí còn hơn cả năm 2001, việc loại bỏ Gordon có thể khiến cho toàn bộ tòa nhà sập đổ trước mắt chúng tôi. Ông ta có sự hậu thuẫn hùng mạnh trong đảng và được rất nhiều nhân vật quyền lực trong giới truyền thông ủng hộ. Khi tôi mâu thuẫn với Paul Dacre của tờ Daily Mail thì anh ta lại được lòng của Gordon. Rupert Murdoch cũng ủng hộ Gordon. Khi cuộc chiến Iraq tách tôi khỏi những tờ báo cánh tả thì mối quan hệ riêng của ông ta với họ lại đem hoa kết trái. Những gương mặt có ảnh hưởng bầu chọn ông ta bởi những lý do hết sức

hoàn hảo: ông ta là một bộ trưởng tuyệt vời, một trí tuệ hàng đầu, có năng lực và động lực làm việc cù khôi đến mức không thể tin nổi. Ông ta là cái gai trong mắt tôi nhưng lại không phải vấn đề gì to lớn lắm trong mắt những người khác. Thực ra với một số thành viên Nội các thì có thể nhưng không ai đủ quyền lực để có thể đấu tay đôi với ông ta, kể cả là với tôi. Ông ta đủ thận trọng để có thể phản đối lại bộ Tài chính mà không đứng trên lập trường của những người phản đối cải cách.

Bên cạnh đó, với tất cả sự phản kháng đó, tác dụng là làm chậm tiến độ và đôi khi là cắt giảm quá trình nhưng không thể ngăn chặn nó. Mỗi cuộc cải cách vẫn được tiến hành mặc dù khá khó khăn. Rõ ràng, nếu ông ta ủng hộ thì mọi việc sẽ dễ dàng hơn, nhưng ông ta giống một cái phanh hơn là một bức tường gạch.

Phương án cách chức Gordon là điều mà tôi đã chọn: cố gắng để tìm kiếm một sự tương đồng với ông ta, cố gắng cam đoan rằng nếu như ông và tôi cùng hợp tác, nếu chúng tôi thực sự cùng chia sẻ chung một chương trình hành động thì tôi sẽ ra đi trước kỳ bầu cử và trao quyền lại cho ông ta.

Những điều đó thực ra không hề sáng suốt bởi nó sẽ chẳng bao giờ có kết quả. Việc sử dụng John Prescott như người trung gian giữa chúng tôi cũng là một quyết định thiếu khôn ngoan. Tôi nói như vậy không phải vì John có ý đồ gì xấu mà ngược lại, anh ta chỉ có động lực từ những gì anh ta tin rằng có lợi cho Công Đảng và vấn đề nằm ở chỗ anh ta nghĩ rằng hầu như không có sự khác biệt nào đáng kể giữa chính sách của hai chúng tôi. Anh ta nghĩ rằng vấn đề đó mang tính cá nhân. Bởi John có những quan điểm bảo thủ của riêng mình về Công Đảng mới, họ đã khiến anh ta tin rằng sự khác biệt đó nằm ở ý nghĩa cốt lõi của Công Đảng mới.

Với tôi, ít nhất thì nó cũng không phải chuyện cá nhân mặc dù tôi đã vài lần bực tức và khó chịu trước cách hành xử của Gordon. Quan trọng nhất lúc này là để chương trình hành động của Công Đảng mới được thông qua, chứng minh rằng Công Đảng là tổ chức có thể thay đổi, bởi vì nó đã thay đổi được các dịch vụ công và phúc lợi xã hội Nhà nước mà nó đã cùng tạo ra, thay đổi chúng một cách hợp lý và bảo đảm cho sự tồn tại của chúng bởi chúng tôi đã hiện đại hóa chúng, chuẩn bị tinh thần cho thế kỷ XXI, cho một thế giới mà lối tư duy đã cách năm 1945 đến cả một thời đại. Tôi cho đó là sự hoàn thành sứ mệnh tối cao của mình, để chúng tôi chứng tỏ chính trị đã phát triển thế nào, khi chúng tôi hiện đại hóa bản thân thì cũng có khả năng hiện đại hóa cả đất nước, xa rời những quy định cũ kỹ và cổ hủ mà Công Đảng đã áp dụng trong quá khứ, từ đó đưa đất nước thoát khỏi tư duy lạc hậu. Tôi cho rằng mình có thể nhận thấy điểm đúng đắn của chủ nghĩa "Người đàn bà thép" Thatcher và những giới hạn nghiêm trọng và nguy cấp còn tồn tại. Tôi cũng tin tưởng rằng một nền chính trị mới đang mở ra, nơi những ranh giới truyền thống giữa cánh tả, cánh hữu không còn mờ mịt một cách vô ích khi phân tích cả quá khứ và tương lai nữa.

Liệu ông ta có lý khi ngăn chặn những biện pháp chỉ vì tôi không nhường ông ta vị trí Thủ tướng? Tất nhiên là không. Nhưng thử tiếp cận vấn đề dưới góc nhìn của ông ấy: liên tục chờ đợi, liên tục mong mỏi rằng tôi sẽ hy sinh tất cả những mong muốn chính trị tốt đẹp của mình trước khi ông ta kể nhiệm, liên tục lo lắng đến sự trôi đi của thời gian, đó chính là hình ảnh của ông ấy, Gordon.

Nhìn sự việc dưới góc nhìn của tôi: Cuối năm 2004, tôi đã hoàn thành hơn 7 năm trong nhiệm kỳ. Cũng có những mất mát. Chiến tranh Iraq và vụ khủng bố 11 tháng 9 để lại nhiều đau thương. Sự đối đầu với Gordon cũng để lại những thiệt hại. Peter ra đi, Alastair cũng đi và Anji cũng không ở lại. Những cái bóng trở nên lớn hơn và tối hơn.

Nếu cho rằng chính tôi là rào cản cho những hình dung của ông ấy không chỉ về vị trí đó mà còn cả số phận của ông ta? Cứ cho rằng, nếu ông ta có được vị trí đó, ông ta sẽ thay đổi, sẽ thư giãn, sẽ phá vỡ lớp vỏ ốc và bắt đầu mọc cánh? Dám chắc là nếu ông ta hoàn thành nó sau khi tôi đã khởi động thì đó là sự ghi nhận dành cho cả hai chúng tôi. Vì thế, nếu ông ta chỉ đồng ý

tiến hành cải cách, tại sao ông ta không dỡ gánh nặng xuống, bước ra ngoài và chạy trốn? Hãy tưởng tượng đến sự giải thoát, đến tự do. Nghĩ về một cuộc sống mới không có những áp lực, căng thẳng và đấu tranh ấy. Đó là điều cho phép tôi suy nghĩ, xây đắp, nghiên cứu về triết lý tôn giáo khiến tôi say mê và có thể xây dựng nên thứ còn quan trọng hơn thứ tôi có thể làm được trong chính trị.

Tất nhiên, đó chỉ là một ảo giác. Nhưng tôi tệ hơn, đó là hành động của một kẻ hèn nhát. Tôi đã bị đánh gục. Đơn giản là thế. Tầm thường là thế. Chẳng có gì to tát. Chẳng có gì cao cả. Cũng chẳng liên quan gì đến số phận của cả tôi lẫn ông ấy. Chúng sinh ra từ những điểm yếu tầm thường của một con người bình thường.

Tháng 11 năm 2003, chúng tôi đồng ý gặp mặt ở căn hộ của John tại Admiralty House. Một cuộc họp trước đó tại khu Dorneywood khá ồn ào và gặp nhiều vấn đề. Cuộc bỏ phiếu về vấn đề học phí mới diễn ra được vài tuần và dấu ấn của nó vẫn còn rõ nét. Văn phòng của tôi cực lực phản đối việc tôi dùng bữa tối với John và Gordon. Họ đoán được nó sẽ dẫn tới đâu. Lý do không phải phần nhiều vì họ không tin tưởng John hay cho rằng anh ta chống lại tôi, họ chỉ nghĩ rằng anh ta nghĩ chúng tôi có thể hoán đổi cho nhau trong khi thực tế lại không phải và vì thế, họ không đặt lòng tin vào bản tính của anh ta.

Tôi đi dọc Quảng trường Ky binh ở Whitehall. Đó là một buổi tối khá lạnh và quảng trường hầu như vắng bóng người. Tôi bước đến cánh cửa bên hông và đi lên căn hộ bằng thang máy. Đó là một căn hộ có diện tích chuẩn, được trang hoàng đẹp đẽ, nhưng giống như tất cả những ngôi nhà công vụ khác, chúng lúc nào cũng đem đến cho tôi một cảm giác lạnh lẽo. Nhà của John và Pauline ở Hull, một ngôi nhà nghỉ cũ của quân đội, ấn tượng hơn, căn hộ này có ưu điểm là khá thoải mái và tiện nghi.

Tôi uống một chút với John và cùng đợi Gordon đến. Ông ta đến hơi muộn. Chúng tôi cùng ngồi vào bàn ăn luôn. Đó là một cuộc đối thoại khá căng thẳng. Một lúc sau, tôi đề nghị John ra ngoài để hai người chúng tôi nói chuyện riêng. Tôi nói thẳng với Gordon về những lo ngại của mình: Tôi đã chuẩn bị để ra đi, tôi chỉ muốn tại nhiệm hai nhiệm kỳ nhưng việc liên tiếp gây trở ngại và phá đám một cách có chủ ý của ông ta với chương trình cải cách cần phải được chấm dứt. Như mọi khi, ông ta phủ nhận rằng mình đang gây khó dễ, mà chỉ là nêu lên những quan điểm tài chính hợp lý. Tôi nói rằng mình cần phải biết rằng ông ta có toàn tâm toàn ý với chương trình cải cách này không và có thể tiếp tục tiến hành nó sau khi tôi rời ghế không. Ông ta nói tất nhiên là mình sẽ làm vậy. John quay lại phòng, tôi nói rằng: Tôi đã nói rõ rằng tôi sẽ không tiếp tục theo đuổi nhiệm kỳ thứ ba và sẽ ra đi trước kỳ bầu cử nhưng tôi cần sự hỗ trợ trọn vẹn và vô điều kiện của Gordon. John nói ông ta nghĩ đó là ý kiến sáng suốt. Chúng tôi ra về.

Tôi nhìn nhận vấn đề một cách trực diện. Ông ta có thể nói: Tôi đã nhận được lời cam đoan rằng Tony sẽ ra đi. Tôi có thể nói rằng: Tôi nhận được lời cam đoan rằng Gordon sẽ cùng cộng tác và tiếp tục triển khai chương trình hành động. Sau này bạn hãy xem ai là người giữ lời.

Tôi không có ý đưa ra những lập luận phô trương về Đảng Dân Chủ. Rất nhiều trường hợp một Thủ tướng đã chọn lựa được người kế nhiệm. Quyết định của tôi hoàn toàn mang tính chính trị; đó là một sự lựa chọn rất tồi tệ.

Tất nhiên, nhiều người bạn và kể cả những đối thủ của tôi vẫn thường hỏi là tại sao tôi lại không sa thải Gordon. Một câu hỏi hết sức chí lý mà không có câu trả lời nào rõ ràng.

Đôi lúc, những nhân viên thân cận nói với tôi rằng: Ông không nợ ông ta thứ ông nghĩ, tình bạn trong quá khứ của hai người không có chỗ trong chính trị.

Nhưng không phải sự ép buộc hay tình bạn khiến tôi không làm vậy mà bởi tôi vẫn cảm thấy khó khăn với suy nghĩ ông ta sẽ vắng mặt trong Chính phủ hơn là sự hiện diện của Gordon. Câu trả lời cho câu hỏi “Liệu cuộc sống có dễ dàng hơn không nếu như ông ta bị cách chức” trở nên rõ ràng hơn, tuy nhiên, câu trả lời lại giả định rằng nếu ông ta ra đi thì mọi thứ cũng sẽ chẳng

khác đi là bao, nói cách khác, thế giới vẫn như vậy, chỉ là không có Gordon.

Đó không phải là chính trị.

Cuối cùng, một nhà lãnh đạo chính trị sẽ vừa phải giải quyết những tình huống phức tạp, vừa phải đưa ra đánh giá về chúng. Gordon có thể được coi là một tình huống phức tạp và cần được giải quyết. Tuy nhiên giữa quản lý và vận hành chính trị có một sự khác biệt cơ bản, giống như một công ty hay một đội bóng đá. Cuộc đối thoại của tôi với Alex Ferguson đã chỉ ra điều đó. “Ông sẽ làm gì trong tình huống khi một cầu thủ khó chiều nhưng lại rất xuất sắc gây khó khăn cho ông?”, tôi đặt câu hỏi. “Loại bỏ họ”, ông ta đáp lại. “Và nếu sau khi ông đã loại bỏ họ, họ vẫn đứng trong phòng thay đồ và trong đội của ông? Tôi lại hỏi. “Đó lại là một vấn đề khác”, Alex đáp lại và cười lớn.

Gordon có sự hậu thuẫn lớn từ nội bộ đảng và giới truyền thông. Ông ta được nhiều người đánh giá là một bộ trưởng tuyệt vời và có uy thế. Khi nói rằng tôi sẽ sa thải hoặc cách chức ông ta, quyết định này sẽ không bị ảnh hưởng bởi thực tế nếu tôi làm vậy, đảng và Chính phủ sẽ ngay lập tức lâm vào tình trạng bất ổn định nghiêm trọng và con đường đi lên chiếc ghế Thủ tướng của ông ta thậm chí sẽ còn rút ngắn lại. Đến năm 2004, giới truyền thông cả hai cánh tả và hữu, đều khẳng định chắc chắn rằng tôi đã hành động đầy ác ý và sai lầm.

Tuy nhiên, đó không phải là lý do tại sao tôi lại không làm thế. Nếu tôi quyết định rằng ông ta thực sự không thích hợp để giữ chức Hiệu trưởng thì tôi sẽ bãi miễn ông ta, ngay cả khi nó đẩy nhanh sự ra đi của chính tôi. Việc tôi không thể quyết định như vậy không phải là thiếu dũng khí, cũng không phải nó chỉ là việc giải quyết một tình huống khó khăn. Đó là bởi vì tôi tin tưởng, trên tất cả, trên cả những cảm xúc cá nhân của tôi trong nhiều thời điểm thì ông ta là Hiệu trưởng tốt nhất cho đất nước này.

Tôi đã đi đến kết luận này vì hai lý do. Thứ nhất, trong quá trình Gordon núp dưới bóng tôi, thì ông ta đã cố ý ngụy trang để mọi người có ấn tượng tốt đẹp về mình và giờ thì họ lại bị dẫn dắt để đánh giá thấp sức mạnh to lớn của ông ta. Sự thật là mỗi khi tôi cân nhắc xem ai có thể thay thế ông ta thì luôn đi đến kết luận rằng ông ta vẫn là người tốt nhất cho vị trí ấy. Ông ta cống hiến cho chính trường sự dày dạn chín chắn, sự cương quyết và sức mạnh. Nhiều tác động can thiệp của ông ta có hiệu quả lớn, đặc biệt là trên trường quốc tế. Ở thời kỳ đỉnh cao, sự thông tuệ và năng lượng dồi dào của Gordon hết sức có ích cho đất nước. Đôi lúc vào năm 2001, tôi cho rằng đã có lời đề nghị ông ta đảm đương một chức vụ mang tầm quốc tế, nhưng tôi quyết định rằng Chính phủ sẽ mất đi một rường cột vững chãi nếu làm vậy.

Sau đó, khi tôi điếm qua một vài gương mặt thay thế tiềm năng, tôi vẫn phải đối mặt với sự thật khó chịu nhưng hiển nhiên ấy. Ông ta thực sự nổi trội hơn hẳn so với những người khác. Chỉ đến sau này thì nhân sự Công Đảng mới nổi lên một vài người có thể đủ thâm niên và kinh nghiệm để thế chỗ ông ấy.

Lý do thứ hai là, mặc dù Gordon phản đối nhiều mục của chương trình cải cách và làm chậm tiến độ của một số dự án nhưng ông ta không ngăn cản chúng được tiến hành. Chúng tôi vẫn triển khai chúng. Trước khi tôi ra đi, những lựa chọn và ganh đua đã nảy sinh trong lòng NHS, những học viện đang được đầu tư thêm, dự luật về tội phạm đã được thông qua, chính sách về học phí đã đầu vào đó, cải cách phúc lợi xã hội và tiền trợ cấp đang được soạn thảo. Chúng không phải là điều nhỏ nhặt. Chúng là những thay đổi lớn. Sau lần phân tích cuối cùng, ông ta đã ủng hộ những dự án này. Mặc dù không phải là người khởi xướng, nhưng khi xem xét, ông ta đã cùng đồng hành với chúng. Các dự án đã được thông qua. Và sự việc này hàm chứa một bài học. Ngoài lý do liên quan tới Công Đảng mới, có một nguyên nhân khác lý giải vì sao Chính phủ mà tôi đứng đầu lại là chính quyền Công Đảng đầu tiên giành được thắng lợi liên tiếp trong hai nhiệm kỳ trọn vẹn, nếu không muốn nói là ba và tại sao đảng của chúng tôi lại có thể lãnh đạo trong thời gian hơn gấp đôi thời kỳ tại nhiệm lâu nhất của Công Đảng từ trước tới nay. Đó là phần mà ngay cả những cố vấn thân cận nhất của tôi cũng sẽ không bao giờ hiểu được,

nhưng như tôi từng lý giải với họ, những kết quả đó thể hiện tại sao tôi là người đứng đầu còn bạn thì không.

Cuối cùng, mặc dù những áp lực cá nhân không ngớt từ phía Gordon vẫn tồn tại trong tôi, chúng vẫn gây khó dễ cho tôi ít hơn nhiều. Trên nhiều phương diện thì chúng còn ít nguy hiểm và thiếu sự chống đối dữ dội.

Bởi Gordon là người đi đầu trong việc phản đối, ý kiến của ông ta thường được các chuyên gia nội bộ thu thập, sự bất đồng tự nhiên mà chính trị cấp tiến thường có được giữ kín trong nội bộ. Nếu đặt ông ta ra ngoài vòng tròn đó thì một trong hai điều sau sẽ xảy ra: hoặc ông ta sẽ ở một vị trí mà sớm hơn 10 năm, sẽ vượt qua một thách thức thực hoặc một quan điểm khác sẽ được khơi mào, có thể thiên về cánh tả hơn, có thể sẽ có hại cho sự tồn tại lâu dài của đảng. Tôi đi đến kết luận rằng, để ông ta bên cạnh và kiềm chế vẫn tốt hơn nhiều so với việc đẩy ông ta ra đi và thua cuộc, thậm chí tồi tệ hơn là trở thành một nhân vật tầm cỡ của một thế lực thiên cánh tả nguy hại hơn nhiều?

Vậy ông ta là người khó khăn, nhiều lúc hóa giận dữ? Đúng vậy, nhưng ông ta cũng là người có uy thế, có khả năng xuất chúng và đó là những phẩm chất mà tôi luôn luôn kính nể.

Bên cạnh đó, một nhân tố thú vị khác cũng khiến tôi bận tâm. Tôi luôn cho rằng Margaret Thatcher, mặc dù bà là một Thủ tướng vĩ đại nhưng không bao giờ đứng chặn trên lối đi của Michael Heseltine trở thành người lãnh đạo. Lòng quyết tâm ngăn cản ông ta đã buộc bà rút lui khỏi cuộc cạnh tranh về quyền lãnh đạo, thứ gây ra khó khăn cho bà, mang cơ hội chiến thắng về cho John Major. Heseltine có rất nhiều điểm yếu nhưng ông ta là nhân vật tầm cỡ và lẽ ra đã trở thành một thế lực rất khó đối phó. Ông ta cũng đã có thể chặn đứng virus “thờ ơ với châu Âu” không cho chúng kiểm soát Đảng Bảo thủ. Vì thế, tôi luôn nghĩ rằng bà ấy đã cho phép những thù ghét cá nhân của mình làm ảnh hưởng đến mối quan tâm thực sự của mình và lợi ích của đảng.

Tôi đã cố gắng không mắc phải sai lầm đó. Tôi đủ tầm cỡ để gạt những hiềm khích cay đắng cá nhân và không đứng trên lối đi của Gordon. Vì thế, tôi đã mắc cùng một lỗi với Thatcher nhưng theo cách khác. Tôi cố gắng lựa chọn người kế nhiệm và trước khi tôi nhận ra sự lựa chọn đó là sai lầm thì nó đã quá muộn.

Tuy nhiên, nó cũng mang đến cho tôi sự bình yên. Sau bữa tối, Gordon và tôi bắt đầu nói chuyện tử tế. Mặc dù khá ngoắt ngoéo nhưng nhiều phần ông ta đã thuyết phục được George Mudie từ Ủy ban Lựa chọn bộ Tài chính cùng với Nick Brown từ bỏ phản đối. Chúng tôi đã giành được đủ số phiếu để thông qua dự luật về học phí. Bản báo cáo Hutton đã kết luận đầy ưu ái.

Tôi trở nên điềm tĩnh hơn. Tôi không nói với bất kỳ ai trong văn phòng rằng mình đã đồng ý rút nếu như Gordon chịu hợp tác nhưng họ có thể đoán được phần nào. Thay vì bỏ qua, họ lại quan tâm đến vấn đề này. Jonathan và Sally tin chắc rằng chuyện sẽ không bao giờ xảy ra. Họ hiểu được mong muốn ra đi của tôi, nhưng cho rằng sẽ là không tưởng nếu tôi cứ khẳng định rằng Gordon sẽ cùng theo đuổi chương trình hành động này. Họ hoàn toàn chắc chắn rằng ông ta sẽ không làm thế.

Trong khi đó, nhiều sự kiện dồn dập ập tới với mức độ dày đặc và nhanh chóng hơn bao giờ hết. Tháng 3 năm 2004, vụ tấn công khủng bố tại Madrid xảy ra đúng vào thời điểm tổng tuyển cử của Tây Ban Nha. Gần 200 người chết và hơn 2.000 người bị thương. Đó là một đòn báo hiệu phong trào khủng bố vẫn tồn tại và đang tấn công chúng ta. Ký ức về vụ khủng bố 11 tháng 9 đã mờ dần bất chấp những sự kiện như vụ đánh bom tại Bali năm 2002. Những đạo luật chống khủng bố được thông qua trong cơn sợ hãi đầu tiên sau vụ tấn công ở New York đã phải chịu những làn sóng phản đối đều đặn từ những người cho rằng chúng đi chệch hướng với sự tự do của nước Anh. Tôi liên tục phải nhận thức một thực tế rằng những kẻ khủng bố ưa hoạt động ở nước Anh. Chúng ta đã có ít nhiều những bản cập nhật thường xuyên đi kèm với bản tóm tắt và

theo dõi hàng loạt các hoạt động của chúng.

Vào tháng 5, mười quốc gia mới gia nhập EU. Chúng tôi vẫn luôn ủng hộ sự mở rộng của tổ chức này. Đây là một thời khắc lớn lao. Hiến pháp châu Âu đã được thông qua. Với sự lo ngại sâu sắc, tôi đã đồng ý hứa sẽ tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý về vấn đề này. Chúng tôi không thể đưa bản Hiến pháp thông qua Thượng nghị viện mà không có một cuộc trưng cầu dân ý, ngay cả những lá phiếu của Hạ nghị viện cũng vẫn bị hoài nghi. Lời phát biểu của tôi nhận được sự tán dương dễ hiểu từ phía Đảng Bảo thủ, những người hiểu rằng tôi thực sự không quá quan tâm đến vấn đề này.

Jacques Chirac cũng hết sức lo ngại bởi ông cảm thấy điều đó sẽ thực sự gây khó khăn cho ông. Về mặt này thì ông ta đã đúng. Nếu nước Anh hứa tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý thì nó sẽ gây áp lực khủng khiếp lên nước Pháp và buộc họ phải làm như thế. Tuy nhiên, nó nhắc tôi nhớ đến sự vất vả của mình trong việc thuyết phục người dân Anh về lợi ích của việc hòa chung vào dòng chảy châu Âu. Khó khăn lớn nhất như mọi khi vẫn là thái độ thờ ơ với châu Âu đang ngự trị và được giới truyền thông ủng hộ, những người theo xu hướng tiến bộ lại quá lễ tẻ, thiếu tổ chức và cũng nhận được “sự hậu thuẫn” từ báo chí, ví dụ như giành nhiều thời lượng phê bình chính phe của họ hơn là bác bỏ lời lẽ tuyên truyền của phe còn lại.

Nhưng dù vậy, chúng tôi vẫn là một nước khá mạnh ở châu Âu. Chúng tôi cần trọng chọn cuộc đối đầu cho mình. Tôi đã ra khỏi con đường của mình và gây dựng các đồng minh có thể bảo vệ chúng tôi trước bất cứ liên minh tiềm tàng giữa Pháp hay Đức và bất chấp sự phản đối mạnh mẽ về cuộc chiến Iraq, chúng tôi vẫn giữ mối quan hệ cởi mở với Chirac và Schroeder.

Gerhard Schroder là người thực sự khá gai góc. Mặc dù thất bại trong chính sách đối ngoại nhưng tôi vẫn thán phục ông về tư tưởng cấp tiến trong chính sách cải tổ quốc nội và đồng cảm với những vấn đề của ông với Oskar Lafontaine, cựu Bộ Trưởng Tài chính, người giờ là cánh tay trái của ông và sẽ sớm thành lập một đảng mới và tôi nghĩ rằng Gerhard thực sự có những phẩm chất lãnh đạo chân chính.

Động cơ để tôi đưa nước Anh trở thành trung tâm của châu Âu không hề liên quan tới những lý tưởng hào huyền, mặc dù tôi cùng chung quan điểm về lý tưởng của châu Âu nhưng đó hoàn toàn là vì lợi ích của quốc gia. Không một quốc gia châu Âu nào, nếu không kể cả Đức, có thể đủ lớn để đối chọi với những áp lực từ những quốc gia thực sự to lớn hơn trừ phi chúng tôi cùng hợp nhau lại. Đoàn kết để mạnh mẽ. Chia rẽ, không những làm suy yếu mà khiến đất nước chúng tôi còn không thể cân bằng được vị thế chính trị địa lý. Châu Âu không phải giữ vai trò người trung gian mà là kẻ sát cánh cùng Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Brazil và các nước đang phát triển khác. Nhưng nếu các quốc gia châu Âu tự mâu thuẫn với nhau và các các thế lực chủ chốt sẽ quay sang tận dụng cơ hội đó, khi đó bất lợi sẽ đến không chỉ với chúng tôi mà với toàn bộ cộng đồng quốc tế.

Và mọi chuyện vẫn tiếp diễn cùng với cả những điều nhỏ nhặt: nhóm vận động Những người cha vì Công lý (Father 4 Justice) đã ném một bao cao su đầy bột mì tím vào tôi trong buổi trả lời chất vấn Thủ tướng (đây là phiên chất vấn ngắn nhất mà tôi từng trải qua và tôi biết ơn vì điều đó), Ken Livingstone tái đắc cử Thị trưởng London và đội tuyển Anh bị loại khỏi vòng chung kết Euro năm 2004 qua loạt đá luân lưu 11m. Trong một khoảng thời gian, tầm ngắm của giới truyền thông bị phân tán và dường như sự bình thường đã trở lại. Tôi bổ nhiệm Peter Mandelson vào vị trí đại sứ mới của Anh tại EU bất chấp những phản đối nội bộ quyết liệt từ phía PLP và các thành viên nội các. Chúng tôi đã để mất một ghế vào tay Đảng Dân chủ Tự do và cố gắng giành co 1 ghế khác với họ trong hai cuộc bầu cử phụ. Ở các cuộc bầu cử địa phương, chúng tôi đã chịu thất bại nặng nề nhưng không đến mức thảm bại. Cuộc bầu cử phụ cho vị trí của Peter đã giành được thắng lợi.

Vị thế chính trị của chúng tôi có vẻ mỏng manh nhưng thực tế chúng tôi vẫn giữ được uy thế mạnh mẽ. Đảng Bảo thủ chưa bao giờ thắng được một lần trong các đợt bầu cử phụ khi tôi tại

nhệm. Lẽ ra tôi cũng gây dựng thêm nhiều lòng tin từ các sự kiện đó như Peter từng nói với tôi nhưng chưa bao giờ tôi đồng ý với nhận định ấy, “Ông có sức mạnh hơn ông nghĩ nhiều”.

Trong đợt làm việc đầu tiên vào đầu năm 2004, chúng tôi tiến hành bước tiếp theo của kế hoạch cải cách. Chúng tôi giờ đã có những quyết sách về chương trình cải cách trường học bao gồm việc trao cho các trường quyền tự do lớn hơn và cả những học viện academy non trẻ đầu tiên, hệ thống học phí không cố định, học tập mô hình hệ thống của các trường Hoa Kỳ, hệ thống dịch vụ y tế công và bệnh viện đi kèm với những bệnh viện cơ sở đầu tiên và một lần nữa là sự khởi đầu của cuộc cạnh tranh trong giới tư nhân, cải cách tại các nhà điều dưỡng, luật về các hành vi chống phá xã hội, hệ thống mới về việc học sớm tại các cơ sở chăm sóc trẻ em và dự thảo về tiền trợ cấp, phúc lợi xã hội và thẻ căn cước vẫn đang được thảo luận.

Mục tiêu hiện tại là xây dựng được một chương trình hành động cụ thể để đưa tất cả những thay đổi này lên một tầm vóc mới, được duy trì và có sức lan tỏa mạnh mẽ. Cho tới nay, những thay đổi này đã thể hiện rõ rằng quyền tự chủ của các trường học và bệnh viện càng lớn thì cải cách đổi mới càng nhiều, nhiều lựa chọn và cạnh tranh hơn, chất lượng đầu ra cũng được tăng lên và đặc biệt với NHS thì việc cắt giảm thời gian chờ đợi là nhờ hai yếu tố: hệ thống cởi mở và khuyến khích đầu tư tư nhân và tiền bạc do bệnh nhân chi trả, vấn đề duy nhất với sự thay đổi của các quy định và thể chế luật pháp là người dân muốn những thay đổi này được thực hiện nhanh hơn và nhất quán hơn nữa.

Nói ngắn gọn, việc đầu tư thêm tiền của và sự thay đổi của hệ thống đã mang lại kết quả. Qua năm 2004 và sau 7 năm làm việc, cuối cùng chúng tôi đã mang lại những tiến bộ thực sự đáng kể. Đơn vị Delivery (Cung cấp) được Michael Barber thành lập sáu kỳ bầu cử năm 2001 đã thu về lãi lớn. Cùng với Đơn vị Chiến lược, đây là một bước cải cách trọng đại. Mặc dù phải chịu những chỉ trích nặng nề và những cắt giảm liên tiếp từ phía dịch vụ công truyền thống nhưng Michael và nhóm nhân viên 30 người của mình đã tạo ra những thay đổi về mặt định tính và định lượng cho việc vận hành của Chính phủ.

Như cách Michael đã lý giải trong cuốn sách *Instruction to Deliver* (tạm dịch: Hướng dẫn Cung cấp) của mình, thứ đã trở thành một văn bản Nhà nước quý giá trên khắp thế giới, lần đầu tiên chúng ta tìm kiếm những cam kết ưu tiên, nhận được những dữ liệu thực tế về cách chúng được xử lý và tiếp tục giải quyết, dần dần, những chướng ngại sẽ bị gạt bỏ và các chính sách được điều chỉnh nếu cần thiết. Hơn hết, những người có trách nhiệm giao tài liệu hiểu rằng họ đang được giám sát. Đây không phải là một quy trình phức tạp. Michael đã khéo léo biến việc quản lý điều hành trở thành sự cộng tác. Điều này đã mang lại hiệu quả làm việc rất cao.

Lúc này, tôi cảm thấy mọi thứ đang thực sự vào guồng và chúng tôi cần phải đưa tất cả chúng sang giai đoạn phát triển tiếp theo. Vì vậy, chúng tôi bắt đầu làm việc trên một chuỗi kế hoạch 5 năm sẽ được xuất bản vào cuối kỳ làm việc mùa hè. Mục đích là tạo ra một nền tảng vững chắc và hợp lý để giành thắng lợi ở nhiệm kỳ thứ ba cho Công Đảng. Tất nhiên, điểm mấu chốt của kế hoạch này là đảm bảo cho nhà Số 10 và nhà số 11 phố Downing cùng nhau thảo luận các vấn đề chi tiết và vì thế chúng tôi bắt đầu các buổi làm việc để cố gắng thông qua kế hoạch này.

Trong lúc đó, tôi chuẩn bị cho cuộc ra đi được chờ đợi của mình. Cherie và tôi đã đứng ngoài thị trường nhà ở của London từ năm 1997, thời gian mà giá nhà đã leo thang với tốc độ chóng mặt. Với sự giúp đỡ của Martha Greene, một người bạn, chúng tôi bắt đầu thận trọng tìm một ngôi nhà mới. Rất khó để làm vậy mà không bị ai dòm ngó nhưng Martha đã khéo léo đảm nhiệm việc này và chúng tôi đã tìm ra một ngôi nhà ở Quảng trường Connaught, giúp chúng tôi có thể để Leo tiếp tục thao tác ở lại trường tiểu học Westminster, nơi thằng bé thích.

Tôi đã tự nói với mình rằng hai nhiệm kỳ là đủ để ổn định tư tưởng. Như đã lý giải, tôi đã đưa ra quyết định về cuộc chiến Iraq với niềm tin lớn lao. Đúng hay sai, tôi cố gắng làm điều tôi cho là sẽ mang lại lợi ích tốt nhất cho đất nước. Sự xuất hiện cùng lúc của truyền thông hai phía,

cánh hữu muốn tôi ra đi bởi tôi có thể sẽ giành thắng lợi cho Công Đảng và cánh tả, hoàn toàn bị chi phối bởi cuộc chiến, dẫn đến một chiến dịch thách thức cả sự kiên cường và sức chịu đựng của tôi. Ở cương vị Thủ tướng, bạn nên làm quen với việc bị chỉ trích. Bị lãng mạ thì lại là chuyện khác. Tôi vốn dĩ không phải người thích than vãn nhưng tâm trí tôi đang bắt đầu kêu ca về mình.

“Bị bào mòn” là từ tôi dùng để diễn tả cảm giác ấy một lần nữa. Thật khó để diễn tả cảm giác ấy. Việc được đảm đương công việc này vốn dĩ đã là một đặc ân, một vinh dự nhưng đây chính là nơi điểm mạnh lớn nhất của tôi trở thành điểm yếu lớn nhất: tôi là một con người bình thường. Nếu phải đối mặt với sự lựa chọn giữa một bộ phim bi hùng với nhiều cảnh hành động và kỹ xảo đặc biệt, nơi cuối cùng người anh hùng sẽ chiến thắng và một phim tâm lý xã hội về một người vợ hấp hối phát hiện ra rằng chồng mình đang có mối quan hệ sâu sắc với bạn thân của mình, đứa con duy nhất tự tử và cuối cùng bà chết trong cô đơn và nghèo túng, thì tôi sẽ chọn phương án đầu tiên. Nếu hỏi rằng tôi thích đi ăn ở một nhà hàng hấp dẫn với những người bạn trò chuyện về những vấn đề ngoài chính trị hay là ngồi nghe vở *Götterdämmerung* của Wagner thì bạn sẽ tìm thấy tôi ở nhà hàng. Giống như đa số mọi người, tôi thích cười hơn là khóc, chọn lựa niềm vui hơn nỗi buồn tang tóc, hứng thú cảm giác phấn khích hơn là buồn tẻ. Thói quen tự nhiên của tôi là thức dậy và đón đợi ngày mới.

Và tôi nhận ra là mình không như thế. Tất nhiên, đôi lúc cuộc sống giống như một bộ phim tâm lý xã hội hơn là phim hành động ly kỳ, một bản opera của Wagner có thể khơi gợi nhiều cảm xúc suy tư hơn là một buổi tối với bạn bè và nước mắt thì thường đến nhiều hơn là nụ cười. Rất nhiều nước mắt đã rơi do những quyết định của tôi, vì thế tại sao tôi lại không chia sẻ chúng? Hơn thế, tại sao tôi lại không thể chia sẻ chúng?

Thái độ lạc quan vô hạn cùng với sự thanh thoi của những năm đầu đã qua lâu rồi. Thay vào đó, mỗi ngày, mỗi cuộc họp, nhiều lúc là mỗi giờ dường như đều là một cuộc tranh đấu, nỗ lực không ngừng nghỉ để chống lại những thế lực, vô hình hay hữu hình chống đối chúng ta, đôi khi với mức độ đều đều, đôi khi lại dữ dội nhưng lúc nào chúng cũng đi kèm với một cảm giác như một năng lượng không bao giờ cạn đi kèm với những mưu đồ ác ý.

Vậy từ khi nào mà sự mệt mỏi đã trở thành sự than vãn và đầu hàng? Tôi nhận thức được rằng những cảm xúc ấy đang dày vò bản thân. Tôi thừa nhận cái đầu tiên nhưng phủ nhận hai cảm xúc phía sau nhưng tôi có thể cảm thấy ý chí của mình đang suy sụp và sự kháng cự cũng đang giảm xuống. Và tôi đã nói với Gordon rằng tôi sẽ ra đi nếu như ông ta tiếp tục duy trì bản kế hoạch. Vì thế, điều đó cho tôi một lý do (hay một lời biện hộ) để ra đi. Dù thế nào đi nữa tôi cũng muốn từ bỏ.

Tôi đã nói về điều này với Cherie. Cô ấy nghĩ rằng tôi đã sai lầm khi quyết định như vậy, nhưng khi đã thấu suốt, cô ấy ủng hộ tôi. Nhưng giống như trong những thời khắc quan trọng khác, cô ấy ép tôi phải thành thật về lý do tại sao tôi muốn ra đi. Cherie nói thẳng với tôi rằng tôi đang tự giấu chính mình nếu nghĩ rằng Gordon sẽ cùng chung tay thực hiện bản kế hoạch. “Anh chỉ muốn ra đi”, cô ấy nói. “Em hiểu vì sao. Trong nhiều trường hợp em cũng sẽ làm thế, nhưng chúng ta phải thành thực về nó”.

Tôi không chắc liệu điều cô ấy nói về Gordon có đúng hay không. Tôi đã nghĩ rằng rất có thể ông ta sẽ đồng hành cùng với bản kế hoạch một khi ông ta sở hữu nó. Và còn một lý do khác thôi thúc tôi, liên quan đến Công Đảng. Trong chính trị hiện đại, trải qua 2 nhiệm kỳ là một thành tích không tồi, tôi đã ở cương vị này trong 10 năm, chắc hẳn hiện tại là thời gian tại vị lâu nhất của một Thủ tướng. Trước kia, khi nhịp độ chính trị chậm rãi hơn và người lãnh đạo ít hiện diện hơn, ít bị soi mói và chỉ trích hơn, bạn có thể làm liên tiếp ba hay bốn nhiệm kỳ. Ngày nay, một Thủ tướng hay Tổng thống mới có thể quen thuộc đến nhàm chán với người dân chỉ sau một năm. Sau 8 năm, họ cảm thấy như thế là quá đủ. Thực sự thì bạn cũng chung cảm xúc như họ, bạn đã có quá đủ rồi.

Chúng tôi đã đưa ra vấn đề và được nghị viện chấp nhận. Cảm giác của tôi khi đó là muốn công bố trong thời gian hội nghị rằng tôi sẽ ra đi trước kỳ Giáng sinh. Thời điểm đó sẽ cho Gordon khoảng thời gian sáu tháng đủ cho cuộc vận động tranh cử của mình.

Tuy nhiên, công việc với những bản kế hoạch 5 năm lâm vào tình trạng thực sự khó khăn. Thực sự thì khi bạn đã thông báo về dự định rằng bạn sẽ ra đi, kể cả là chỉ với chính bản thân bạn, trong tâm trí bạn thì nó sẽ trôi qua như thấm qua một tấm lọc vậy.

Bên cạnh đó, tôi đã có một cam kết với John Prescott và Gordon rằng không ai trong số họ được nói đến sự ra đi của tôi, kể cả với những nhân viên thân tín nhất. Đặc biệt, tôi nói với Gordon rằng ông ta không được phép bàn luận về chuyện này với Eds, Balls và Miliband. Tôi cho phép ông ta được nói với Sue Nye và tôi nói với Anji (người tất nhiên là không còn làm việc cho tôi nữa), nhưng chỉ có vậy. Mặc dù vậy, cuối cùng ông ta đã nói với toàn thể nhân viên của mình.

Đó thực sự là một vấn đề. Tôi đã nghĩ tới khả năng chia sẻ với tờ Guardian rằng nếu tôi cảm thấy mình có nghĩa vụ với Công Đảng thì tôi sẽ ra đi. Đó là lúc tôi muốn từ bỏ, nếu sự ra đi của tôi trở nên rõ ràng và sắp trở thành hiện thực thì mọi quyền lực sẽ đều không cánh mà bay. Nhưng các bài báo lúc đó đều bàn luận về khả năng tôi ra đi, một số còn khẳng định rằng nó đã được toàn thể mọi người chấp thuận.

Tôi cảm thấy bức bối vì chuyện này, nhưng cuối cùng, tôi cho rằng việc ông ta nói với nhân viên mình là lẽ tất yếu và ông ta sẽ nói rằng mình cần một bản kế hoạch. Thực ra, lý do khiến tôi thay đổi ý định không liên quan đến điều đó.

Nguyên nhân sâu xa nằm ở chuỗi bàn luận kéo dài giữa tôi với bộ Tài chính. Matthew Taylor và Jeremy Heywood, cả hai người đang thay mặt cho nhà Số 10 điều hành cuộc thảo luận này, đều nói rằng rõ ràng Ed Balls không thể nào ủng hộ cho kế hoạch này. Các quan chức bộ Tài chính đã nói chuyện với tôi và miêu tả, như một người trong số họ đã nói rằng “Tất cả chỉ vô ích mà thôi bởi ông ta sẽ không đồng tâm với chúng ta đâu”.

Rồi một ngày tháng 5, Matthew nói nhỏ với tôi rằng “Anh biết rằng không đời nào họ sẽ chịu thực hiện những kế hoạch năm năm này, phải không?” Ông ấy cũng nói với tôi rằng họ đang cân nhắc về những thay đổi cơ bản liên quan đến việc cải cách học phí.

Tôi quyết định sẽ nói chuyện này với Gordon và chúng tôi gặp nhau cũng vào tháng 5. Tôi nói với ông ta rằng chúng tôi đang hết sức lo ngại rằng có thể ông ta chẳng bận tâm gì đến bản kế hoạch, rằng nếu vậy thì ông ta đã tính toán sai lầm rồi.

Tôi chắc chắn rằng chưa bao giờ mình có thể tìm được cách đối phó đúng đắn với ông ta trong những tình huống căng thẳng. Có thể chúng tôi đã hiểu nhau quá rõ và giống như những cặp vợ chồng thỉnh thoảng cãi nhau, chúng tôi dễ cảm xúc dẫn dắt lý trí. Nhưng trong lần này thì ông ta đã mắc phải một sai lầm nghiêm trọng: ông ta nên trấn an tôi, nhưng thay vào đó, ông ta lại đàn áp tôi. Ông ta cần nhằn vào lúc ông ta nên tỏ ra tử tế.

Thực tế, ông ta đã nói rằng: anh đã hứa là sẽ ra đi và câu chuyện là thế đấy. Đó chắc chắn là một chiến thuật sai lầm và tôi đáp lại hết sức gai góc. Ông ta liền đổi giọng và nói rằng tất nhiên chúng ta đã nhất trí với bản kế hoạch, bác bỏ rằng Ed Balls hoàn toàn ủng hộ chúng và cũng phủ nhận việc ông ta đã nói với Ed về sự ra đi của tôi. Tôi biết rằng cả hai điều đó đều là dối trá.

Cuộc gặp kết thúc khá tệ. Nhưng tồi tệ hơn, sự thù địch lại nảy sinh gần như ngay lập tức. Họ đã quyết định thúc đẩy vấn đề xa hơn. Đó là điều ngớ ngẩn nhất, nó ép buộc tôi phải lựa chọn đối đầu hay đầu hàng. Và nếu tôi đầu hàng, liệu có từ nào tôi có thể nói ra khi nhìn mình trong gương ngoại trừ hai chữ “hèn nhát”?

Cuối tháng 6, tôi đến tham dự hội nghị NATO tại Istanbul, nơi tôi được David Hill gọi nhớ lại cảm giác được nhắc đến ở những dòng tin chính đầu tiên từ báo chí nước Anh. Một cách bình dị và đầy cảm kích, David rất ít khi đưa tin báo chí cho tôi. Như anh ấy nói “Tôi sẽ chỉ đưa cho ông những thứ mà ông cần phải biết”. Anh ấy là một nhà điều hành tài ba với những đánh giá chính trị tuyệt vời, sự bình tĩnh, cẩn trọng và giống như một người ngạt thở trong một câu chuyện nóng sốt. Và bạn có thể tưởng tượng rằng sẽ có quá nhiều thứ khiến bạn có thể bị ngạt thở. Báo chí tràn ngập những điều hiển nhiên và khá cởi mở, một cuộc họp báo GB đã được mở ra sau những nhận định khắt khe mà Derek Scot, cựu cố vấn kinh tế của tôi đã nói về Gordon. Derek sau đó đã rời phố Downing. Mặc dù là một cố vấn giỏi và khá thoả đáng về tư tưởng, nhưng anh ta là người “độc lập” (nói cách khác là không thể kiểm soát nổi) đến mức khi làm việc ở nhà Số 10 thì ngoài chỗ đó ra thì bạn đừng có hy vọng tìm thấy ông ta ở bất kỳ đâu. Mọi người đều biết vậy. Gordon cũng thế, nhưng những nhận định của Derek lại bị thổi phồng như một đòn tấn công vào Gordon do tôi đứng sau chỉ đạo, thật là nực cười. Từ đó bắt đầu một chuỗi những sự việc coi Gordon là nạn nhân kéo dài cho đến khi tôi rời ghế.

“Chúng ta làm gì đây?” David nói.

“Chẳng gì cả,” tôi đáp lại, “ngoài việc làm rõ rằng chúng ta hoàn toàn ủng hộ Gordon và không cùng quan điểm với Derek”.

Tôi dời Istanbul và tới Ủy ban EU Đặc biệt và trở về London vào ngày 30 tháng 6 để đưa ra phát biểu về cả hai cuộc họp với NATO và EU. Đó thực sự là một tháng bận rộn đến khó tưởng. Tuần trước khi chúng tôi có cuộc họp thường niên với Ủy ban EU. Tuần trước đó, chúng tôi có cuộc họp thượng đỉnh G8 tại đảo Sea, Georgia. Tôi ít nhiều vẫn phải tiếp tục đi công tác và chẳng có mấy thời gian để nghĩ đến Gordon. Nhưng tôi có thể cảm thấy áp lực đang dần đè nặng và tồi tệ hơn mỗi ngày.

Tôi chủ trì cuộc họp thường lệ vào thứ Năm với Nội các, chủ trì một loạt các cuộc họp khác trước khi đến Chequers vào thứ Sáu. Lâu lâu tôi cũng về đây nghỉ ngơi và cũng khó tránh việc thỉnh thoảng gặp những nhà lãnh đạo khác ở đây, nhưng về tổng thể thì Chequers là một nơi thư giãn và tự chiêm nghiệm lý tưởng. Tôi nhìn thấy hai điều đó luôn song hành cùng nhau.

Mùa hè, tôi thường ngồi ngoài vườn, khó nhọc giải quyết đồng giấy tờ, thắng hoặc tôi dừng lại nhấp một ngụm trà hay gọi một cú điện thoại. Tôi thường dùng bữa trưa nhẹ mà không dùng đồ uống, xem chương trình Tâm điểm Bóng đá nếu hôm đó là thứ Bảy, giả vờ như mình là một nhà bình luận, hay xem một trận trực tiếp nếu lúc đó là giữa buổi, làm việc thêm một chút trước khi đến phòng tập. Trước kia, tôi thường đến RAF Halton và chơi tennis.

Vào cuối tuần đó, tôi ngồi lại và suy nghĩ rất lung. Tôi đi đến một kết luận không thể khác và rồi thêm một kết luận nữa. Thứ nhất, tôi thực sự không tin rằng Gordon sẽ tiếp tục tiến hành dự án. Thực tế nếu ông ta tin tưởng vào nó thì ông ta sẽ ủng hộ. Và bạn có thể nói về một người thông qua những người xung quanh anh ta và ở đây những người thân cận với Gordon không nhất trí với dự án này. Được rồi, họ có thể tỏ vẻ quan tâm hay thậm chí nghiên cứu dự án nhưng một khi tôi rời ghế thì sẽ chẳng có mấy may hy vọng nào rằng dự án non trẻ ấy sẽ được tiếp tục.

Thứ hai là lý do duy nhất khiến tôi muốn từ bỏ là sự hèn nhát, đơn thuần chỉ có vậy. Tôi có thể cố gắng tô vẽ nó bằng những hành động to lớn của lòng vị tha, ảo tưởng rằng tôi ra đi là vì lợi ích của đảng, của đất nước và kể cả là của gia đình, nhưng nó không thể che giấu được điều gì. Động cơ đó không vì người khác mà chính là sự vị kỷ. Tôi ra đi vì tôi không thể chịu đựng thêm nữa, những lăng mạ, áp lực, sự xuyên tạc những động cơ của tôi, sự gièm pha chế giễu. Áp lực đang tăng lên khiến tôi vã mồ hôi.

Và tôi cũng biết tương lai sẽ thế nào. Đó không còn là Công Đảng cũ nhưng cũng chưa thể hoàn toàn là Công Đảng mới. Rất nhanh thôi chúng tôi sẽ lại trở về với cuộc đối đầu muôn thuở giữa Công Đảng và Bảo Thủ truyền thống. Và sẽ chỉ có một phe chiến thắng duy nhất trong cuộc đấu

này.

Một vài tuần trước đó, giữa lúc nghỉ ngơi hiếm hoi sau thời điểm hỗn loạn, John Reid đến gặp tôi. John là một người khôn ngoan. Một khi ông ta đã phá được vòng cương tỏa của ma men thì ông ta trở thành một trong những nhà chính trị xuất chúng và tài ba nhất trong bất cứ đảng phái nào. Nếu đến sớm hơn thì ông ta sẽ góp phần lớn trong việc duy trì Công Đảng như một Công Đảng mới.

Chúng tôi ngồi xuống những chiếc ghế bằng liễu gai tại khu vườn của phố Downing. Ông ta thẳng thắn như vốn thấy.

“Anh không thể đi được”, ông nói. Tôi có ý phản đối nhưng ông ta ra dấu tôi im lặng. “Tôi biết rằng anh đang cân nhắc về vấn đề này. Đó sẽ là sai lầm tồi tệ nhất không chỉ với anh mà còn với đảng và cả đất nước. Anh không thể làm thế. Anh với tôi đều biết rõ rằng Gordon sẽ như thế nào. Ông ta có thể trở thành người đứng đầu, có thể không, nhưng nếu để ông ta ngồi vào vị trí đó bây giờ thì sẽ thật là vô trách nhiệm. Thêm vào đó, anh cần phải chiến đấu trong đợt bầu cử ngay cả sau cuộc chiến Iraq, ngay cả với những gánh nặng của nó và anh cần phải chiến thắng. Nếu anh không làm thế, dù anh có tỏ ra như thế thì anh vẫn là đang chạy trốn”.

Khi đắm mình trong ánh nắng dịu dàng ở Chequers vào năm 2004, tôi nhận ra rằng không chỉ John từng thuyết phục tôi, mà Tessa Jowell, Alan Milburn, Peter Mandelson và những người khác cũng đưa ra những lập luận tương tự nhưng thay vì làm thế anh ấy đã gọi ra những suy nghĩ thực của tôi ẩn giấu sau những ảo tưởng và thấp sáng chúng. Rất khó khăn để ở lại, dù là lúc tồi tệ nhất nhưng đó sẽ là một thất bại của sự dũng cảm đơn thuần khi ra đi.

Nhiều lúc, người dân Anh, những người tôi thực sự ngưỡng mộ và có mối liên hệ chính trị mật thiết, giống như một chuyện tình, có lúc không còn yêu và không muốn bắt đầu lại. Sự ủng hộ vẫn còn, nhưng nhiều người dao động, thậm chí giận dữ. Niềm vui còn lại chỉ là sự hưng khởi khi được làm điều tôi tin tưởng bằng cả trái tim, giành thắng lợi ở nhiệm kỳ thứ ba, vì thế buộc Đảng Bảo thủ phải thay đổi và thực hiện đến cùng kế hoạch cải tổ quốc nội mà tôi dám chắc là đúng đắn. Cuộc chiến Iraq có thể là một chiều gió ngược mạnh nhưng một lần nữa tôi dám chắc rằng dù nguyên nhân của nó là gì thì hành động ngó ngẩn rút quân về là điều không tưởng và việc rút quân vội vã đã trở thành một thảm họa. Tôi đã nghiên cứu kỹ lưỡng như với chương trình của mình và với Đảng Bảo thủ dưới trướng của Michael Howard, tôi thực sự không may mắn nghi ngờ đối với những điều có lợi cho nước Anh. Nhưng chiến thắng của chúng tôi phụ thuộc hoàn toàn vào việc chúng tôi tiếp tục và cương quyết là một Công Đảng mới. Nếu chúng tôi rời xa triết lý ấy dù chỉ là đôi chút, tôi biết rằng mọi thứ sẽ kết thúc.

Tôi đã đi đến một quyết định. Tôi không thể chuyển giao lại cho Gordon, ít nhất là không phải bây giờ và có thể là không bao giờ. Tuần sau đó, tôi nói với ông ta về điều này. Bạn có thể đoán được ông ta phản ứng thế nào. Tôi quay lại việc quản lý những kế hoạch năm năm. Chúng tôi mới chỉ làm việc với các bộ và mới chỉ lòng vòng chứ chưa chính thức với bộ Tài chính. Kế hoạch đã được soạn thảo hợp lý và nó trở thành cương lĩnh của đợt tranh cử lần ba này. Sau kỳ nghỉ hai tuần để chịu, tôi trở lại tràn đầy sức sống.

Trong bài diễn văn tại cuộc họp, tôi đã nêu lên kế hoạch hành động cho nhiệm kỳ thứ ba. Trước đây thì Alastair và Peter Hyman sẽ soạn một bản nháp, đó là chuyên môn của họ. Tôi sau đó sẽ sửa đi sửa lại, thường có từ hơn 10 đến 15 bản nháp. Họ thường triển khai theo cách lý tưởng trong khi Anji và Jonathan lại khác. Dần dần, bắt đầu bằng bài diễn văn năm 2001, tôi tự viết bản nháp cho mình. Peter và Alastair chịu trách nhiệm những đoạn quan trọng hoặc có nhiệm vụ phải tạo bản sắc riêng cho bài diễn văn. Những người khác sẽ đọc lại. Trong lúc đó, David Hill sẽ chỉ ra những chỗ có thể mắc bẫy hoặc đưa đến những dòng tít không mong muốn. Matthew Taylor và Andrew Adonis sẽ chịu trách nhiệm về chính sách và Sally Morgan sẽ đưa ra nhận xét.

Tôi đưa ra những gì đã làm được và những phần việc còn lại. Tôi luôn cố gắng kết hợp những

giá trị truyền thống với bản phân tích tình hình thế giới trong tương lai. Tôi cũng cố gắng ổn định đảng trong vị thế mới, không phải là những kẻ lép vế chỉ được cầm quyền trong một thời gian ngắn mà là một đảng có khả năng làm chủ trong một thời gian dài.

Cuối buổi họp, tôi gặp phải một tình huống khác cần giải quyết. Năm ngoái, lần đầu tiên tôi phải chống chọi với chứng loạn nhịp tim gây ra những nhịp tim bất thường, khó thở và cảm giác mệt mỏi. Nếu không được chữa trị, nó có thể gây ra cơn đột quỵ (vâng, thật lạ là một cơn đột quỵ, chứ không phải một cơn đau tim). Chứng bệnh này đã được chữa trị bằng một quá trình đẩy rồi hạ nhịp tim xuống để trở về nhịp bình thường).

Mùa hè năm 2004, tôi nhận ra mình lại gặp phải chứng loạn nhịp tim. Sự tái phát của nó khiến hơi thở của tôi ngắn hơn (rõ ràng nhất là khi trong phòng tập và tôi nhận ra có điều gì đó không ổn). Lúc này, các bác sĩ nói rằng tôi nên tìm hiểu một kỹ thuật phẫu thuật với cái tên “loại bỏ”, loại bỏ hiệu quả một phần nhỏ quả tim hoạt động kém hiệu quả. Dù sao cũng đừng bắt tôi phải tranh luận về y học, tôi chỉ xin một lời khuyên, nhận lấy và làm theo nó. Ngày phẫu thuật được chỉ định ngay sau ngày họp của Đảng.

Gordon vẫn đang trong tâm thế hết sức nguy hiểm. Trong bài diễn văn tại buổi họp, ông ta đã đi chệch hướng tán dương những phẩm chất tốt đẹp của “Công Đảng chân chính”. Đó tất nhiên là một sai lầm nhưng cũng là một dấu hiệu xấu với Đảng. Tôi cảm thấy mình cần phải giải quyết vấn đề lãnh đạo này.

Đối lập với những lời khuyên, tôi giải quyết bằng cách nói rằng tôi sẽ tham gia đợt tranh cử sau nhưng không phải đợt sau nữa. Mọi người cho rằng sẽ là thảm họa nếu ta nói rằng mình sẽ nhường bước. Tôi chỉ ra rằng đó là góc nhìn của Margaret Thatcher và nó đã đem lại nhiều ích lợi cho bà ấy. Ở khía cạnh nào đó, bạn vẫn là kẻ đáng nguyên rủa dù nói theo cách nào. Bạn nói rằng mình sẽ ra đi và họ nói “Tại sao ở lại?” Nói rằng bạn sẽ tiếp tục mà không có giới hạn nào và họ lại nói: Bạn dự định sẽ tiếp tục mãi mãi? Chẳng có cách nào là dễ dàng cả.

Tôi quyết định sẽ nói với giới truyền thông rằng thực ra họ chẳng hề biết gì về lý do dẫn tới quyết định đó và lập tức kể với họ 3 câu chuyện: Tôi sẽ tranh cử lần thứ ba nhưng sẽ không có lần thứ tư, tôi đã mua một ngôi nhà và sắp trải qua một cuộc phẫu thuật tim. Đó là cách duy nhất để đối phó và tôi thực sự thích thú với cách họ đồng loạt cố gắng tìm ra đâu là ý nghĩa thực của những câu chuyện được đưa ra cùng lúc, bởi tất nhiên họ sẽ không chỉ tường thuật lại ba câu chuyện thuần túy. David Hill đã giải quyết rất xuất sắc. Tôi đã thực hiện cuộc phẫu thuật. Tôi cũng mua được ngôi nhà. Và cứ như vậy một thời gian.

17. 2005: Tb/gb

Cuộc bầu cử năm 2005 thật tồi tệ, từ phần chuẩn bị đến quá trình tổ chức đều bị những mâu thuẫn nội bộ làm ảnh hưởng, sự lẩn quẩn trong bản chất của chiến dịch và cả sự bấp bênh của tình thế hậu bầu cử. Tôi không mong chờ điều này. Tôi chẳng hề thích thú khi thực hiện. Nhưng chúng tôi đã giành chiến thắng, nhìn lại số ghế nhiều hơn 60 ghế so với tổng số ghế các đảng khác cộng lại, thì nó dường như là một điều kỳ diệu nho nhỏ.

Nói theo cách khác, tôi đã đưa đất nước vào một cuộc chiến không được ủng hộ cùng với vị Tổng thống Mỹ thuộc Đảng Cộng Hòa cũng không nhận được sự ưu ái của người dân. Cuộc chiến cuối cùng đã đưa hai phe tả và hữu quy tụ về một điểm. Vị trí chính trị của riêng tôi đã cho đảng lý do tin rằng nếu thất bại, chúng tôi sẽ đổi mới với sự lãnh đạo của Gordon.

Tất cả những điều đó che giấu một sự thật quan trọng: vị thế cơ bản của Công Đảng mới vẫn chiếm ưu thế và quyết định trọng tâm của nền chính trị nước Anh. Chúng tôi đã chiến thắng bất chấp những bất lợi, bất chấp chiến tranh, bất chấp thời gian tôi tại vị, vấn đề học phí (khiến chúng tôi phải đau đầu) và những tranh cãi nội bộ thâm lắng với Gordon cộng với những lời chỉ trích tiêu cực từ cả hai phía tả và hữu. Đó là một cuộc bầu cử mà chúng tôi không bao giờ nghĩ rằng mình có thể chiến thắng nhưng tôi đã cố gắng giải nghĩa trong những cuộc phân tích và tranh luận sau bầu cử: điều cốt lõi đó là chúng tôi sẽ không bao giờ thất bại.

Bài Diễn văn của Nữ hoàng vào tháng 11 năm 2004 đã trôi qua một cách đáng ngạc nhiên. Chương trình lập pháp, luôn luôn là một công cụ khó khăn để miêu tả những điều Chính phủ muốn làm, đã có sức mạnh rõ rệt. Chúng tôi có một bản đề cương thuyết phục trong cuộc bầu cử. Nền tảng cốt lõi vẫn là Công Đảng mới và những kế hoạch cụ thể trong mọi mảng chính sách chính: về trường học, đặc biệt là các học viện, giai đoạn tiếp theo của cải cách NHS, về phúc lợi xã hội và tội phạm, thể căn cước, nhà ở và hoạch định, chính quyền địa phương và kể cả một chiến lược công nghiệp mới. Nói thẳng ra, với không khí mà giới truyền thông tạo ra, sau đó đài BBC ít nhiều tập trung vào chủ đề về Iraq, thì họ sẽ quan tâm ít hơn tới chính sách, đặc biệt là chính sách đối nội một cách dày đặc như vậy trên mặt báo. Nhưng công chúng thật là lòng. Kể cả khi không hiểu biết về chính sách cụ thể, họ vẫn cảm nhận rằng chúng tôi là một Chính phủ có tiềm năng, một đảng vẫn giữ được nhiệm vụ cùng với một người lãnh đạo vẫn có thể đảm đương được mọi việc. Các bộ trưởng và đảng luôn đồng hành cùng họ, giữ họ luôn tập trung kể cả khi họ phải vật lộn với những tranh cãi xung quanh vấn đề chiến tranh Iraq, những câu như “Blair, kẻ nói dối”, “đến lúc phải thay đổi” và những sự ị ạch chung của một chiến dịch thiếu chuẩn bị chu đáo. Mặc dù Đảng Bảo thủ có một hệ thống chính sách, nhưng dường như họ đang đưa ra những điểm khơi dậy sự giận dữ và bất bình hơn là phản ánh hoặc vận động cho một kế hoạch cho tương lai đất nước.

George Bush tái đắc cử chức Tổng thống Hoa Kỳ. Tôi, tất nhiên là một người thân Đảng Dân Chủ ưa John Kerry và cho rằng ông ta sẽ trở thành một tổng thống tốt. Nhưng dù quan điểm chính trị của tôi có thể nào hiển nhiên tôi vẫn nhận thức được rằng: một thất bại cho Bush thì cũng là một thất bại cho Blair.

Như đã nói, tôi dần dần yêu quý và ngưỡng mộ George. Gần đây, khi được hỏi nhà lãnh đạo chính trị nào tôi từng gặp liêm chính nhất, tôi đã xếp George gần ở top đầu. Một số thánh giả tự do ngày nay, chắc chắn sẽ rất kinh ngạc khi nghe điều này. Một số thậm chí sẽ cười, nghĩ rằng tôi đùa. Nhưng đúng là như vậy. Ông ấy thực sự là một nhà lãnh đạo liêm chính và can trường nhất mà tôi từng gặp. Tôi nói với những thánh giả rằng: Anh có thể không tán thành những chính sách của ông ấy với Iraq (không giống như tôi) hay các vấn đề khác (giống như tôi), nhưng anh vẫn phải thừa nhận tư tưởng chân thành truyền bá tự do và dân chủ của ông ấy.

Theo một lối suy nghĩ tương đối kỳ dị (kỳ dị bởi vì nó có vẻ đi ngược lại trực giác), thì ông ấy là một người thực sự duy tâm. Tôi còn nhớ vào thời điểm diễn ra các cuộc bầu cử của Palestine

tháng 1 năm 2005, trong khi nhiều người đã nghĩ rằng nên hoãn lại các cuộc bầu cử này thì George lại hậu thuẫn việc tiến hành chúng. Ông ấy không phớt lờ hay không hiểu những lời khuyên rằng bầu cử có thể đem lại chiến thắng cho Hamas mà chỉ nói một cách đơn giản rằng: “Nếu đó là điều mọi người muốn thì hãy cứ làm như vậy đi”. Đó là một trong những điều kỳ lạ nhất về chính trị hiện đại. Người ta đã đặt ra các khuôn mẫu, thường thì theo quan điểm nào đó của giới truyền thông, hoàn toàn làm lạc hướng những phân tích thích đáng. Tôi thường cười vào cách mà người ta đóng khung cho cuộc tranh cử Obama/McCain năm 2008: Barack là người có tầm nhìn, còn John là một chính trị gia thủ cựu vị kỷ. Một người dường như hướng nước Mỹ tới một tương lai mới, còn người kia có vẻ như muốn hồi tưởng lại một quá khứ nhàm chán. Đó là một khuôn mẫu chi phối cảm quan của mọi người và định hình cuộc bầu cử.

Thực ra, chính John là người tuyên bố rõ ràng về một chính sách đối ngoại duy tâm, một cái cơ cho chủ nghĩa tự do. Barack là bậc thầy trong diễn thuyết, ông rất giỏi trong việc vẽ ra một tầm nhìn rạng rỡ cho nước Mỹ, nhưng ông ấy là người thực thi chủ nghĩa hiện thực, ủng hộ những phương pháp thận trọng, dựa trên việc thương lượng, tiến tới nhượng bộ và đạt những thỏa thuận làm dịu căng thẳng. Về những phương diện này, không cần bận tâm ai đúng ai sai. Đó chỉ đơn giản là một đặc điểm thực sự thú vị về chính trị hiện đại. Và nó cho thấy cảm quan luôn chiến thắng các chính sách vào mọi thời điểm.

Điều đó cũng xảy ra với George. Về cơ bản, ông ấy được xem là một thành viên Đảng Cộng Hòa cánh hữu đáng khinh, trong khi chính ông đã vứt bỏ những chính sách độc tài tàn bạo mang tính thù địch và khẳng khái đòi thay thế chúng, không chỉ bằng sự độc tài tàn bạo thân thiện hơn, mà bằng nỗ lực hướng tới nền dân chủ tự do. Dĩ nhiên, sở dĩ người ta có cảm giác ghét bỏ George một phần là vì họ ghét bỏ chiến tranh, theo lẽ tự nhiên. Phần khác là do lỗi của Đảng Cộng Hòa đã cho phép ý niệm “tân bảo thủ” được duy trì. Tôi đã thường xuyên cảnh báo George về điều đó. Như thế có nghĩa là cuộc chiến tranh đã được hiểu theo ý thức hệ cánh tả/cánh hữu, thay vì được hiểu theo cách là có thể thống nhất, điều có thể được thực hiện dễ dàng và đúng đắn. Ngay cả Guantánamo, một chính sách mà cả hai bên đều tường tận nhưng lại được thực hiện theo một cách khác hẳn và trở thành một cái gai trong mắt những người tin tưởng vào sự cai trị của luật pháp.

Sự thực là những tù nhân bị bắt giữ từ vùng chiến Afghanistan, được hiểu là tù nhân chiến tranh. Trong những hoàn cảnh thông thường, khi chiến tranh kết thúc, họ sẽ được trả về nước và chúng ta đều được sống trong một nền hòa bình mãi mãi.

Không có cách nào chứng tỏ, trong một tòa án luật pháp đúng đắn, rằng họ phạm tội. Mặt khác, nhiều người trong số họ, không còn nghi ngờ gì nữa, sẽ trở thành một mối đe dọa, nếu được phóng thích. Nhưng gần như toàn bộ cách xử lý việc này đã được thực hiện theo một cách khiêu khích nhất, cứ như là chúng ta muốn gạt đi những quan điểm tự do, thay vì cố gắng nêu bật các vấn đề an ninh có liên quan.

Nhưng dù điều gì xảy ra, việc George được tái bầu đã tước đi cơ hội công kích của cả những người bên trong và ngoài đảng đối với tôi và hoàn toàn có thể thấy rõ sự thất vọng sâu sắc của họ.

Các sự kiện khác đến và đi: Nữ hoàng cắt băng khánh thành tòa nhà Quốc hội Scotland mới và gây nhiều tranh cãi (vì đắt đỏ) ở Edinburgh, tháng 10 năm 2004; Yasser Arafat qua đời vào tháng 11, tháng 12 tôi mất David Blunkett với cương vị Bộ trưởng Nội vụ. Ông này bị cáo buộc rằng đã tác động để đẩy nhanh quá trình cấp visa cho vú em của người tình cũ.

Tôi rất tiếc cho ông ấy. Ông ấy đã phải lòng một người hoàn toàn không phù hợp với mình. Cô này đã kết hôn và hiện đang mang thai đứa con chung của họ. David đã kể cho tôi về việc này trước đó vài tháng, một cách rất chân thành và hối hận sâu sắc. Bản thân ông ấy cũng đã ly dị, các con trai đã lớn và sống độc thân, đơn giản là như vậy. Tuy nhiên, mối quan hệ đó chẳng bao giờ đi đến đâu – ông ấy rất tận tụy với đứa trẻ, nhưng mẹ của nó không muốn rời bỏ chồng

mình. Đó là một tình huống đầy bất trắc đối với ông ấy và cả hai không thể duy trì hay giữ bí mật mối quan hệ đó. Khi vụ việc bị vỡ lở, tôi bị ông ấy làm cho lúng túng, nhưng giới truyền thông thì cố gắng đặt điều để hạ bệ ông. Đó là sự xung đột về lợi ích. Lỗi đó thực sự chẳng đáng gì, nhưng vào thời điểm đó thì nó thực sự là vấn đề. Bị tổn thương và quá căng thẳng, ông ấy khó có thể tiếp tục đảm đương công việc của mình. Vì thế, ông ấy đã ra đi.

Chúng tôi đã có một cuộc chia tay ngậm ngùi. Tôi đã kiên quyết đưa ông ấy trở lại sau kỳ bầu cử. Tôi yêu quý và khâm phục David và cũng nhận thấy cách cư xử của ông ấy với đứa con của mình là đúng đắn. Ông ấy không từ bỏ việc thăm nom đứa trẻ, bất chấp những nguy cơ có thể xảy ra từ việc công khai mối quan hệ đó. David thực sự là một người tốt, một nhà chính trị tài năng. Ông ấy chỉ đơn giản là chọn nhầm người phụ nữ của mình. Điều đó rất dễ xảy ra. Và nó đã hủy hoại sự nghiệp chính trị của ông ấy.

Tôi dự định đi nghỉ ở Sharm el-Sheikh, Ai Cập vào năm mới. Khi chuẩn bị rời Chequers, tôi nhận được một cuộc điện thoại báo tin sóng thần ở châu Á vào Ngày lễ tặng quà (26/12). Tôi đã rất băn khoăn về việc có nên đi nghỉ nữa hay không. Đã có hàng nghìn người bị thiệt mạng do sóng thần và trong số thương vong có cả công dân Anh.

Cuối cùng tôi vẫn quyết định đi. Tôi đã làm việc vất vả. Leo hầu như không nhìn thấy tôi những ngày gần đây. Tôi vừa trở về sau một phiên họp Hội đồng Châu Âu căng thẳng. Tôi còn có một kỳ bầu cử sắp tới. Và khó có thể xử lý được hậu quả của sóng thần qua điện thoại. Sharm cũng nằm gần nơi có múi giờ phù hợp. Mặc dù vậy, tôi biết là mình sẽ bị chỉ trích về việc này. Và đúng là thế.

Những ngày ở Sharm bị chia làm hai phần: liên tục nhận các cuộc điện thoại từ sáng sớm đến tận trưa muộn và sau đó mới là giờ nghỉ ngơi. Chúng tôi đã cố gắng thu xếp để giúp đỡ hết mức có thể. Chúng tôi có các hoạt động đối ngoại, lãnh sự, pháp lý và cảnh sát để trợ giúp các cơ quan có thẩm quyền ở Indonesia và Thái Lan; đồng thời lo liệu các vướng mắc về mặt hành chính, giúp những gia đình nạn nhân hoặc những gia đình vẫn đang đơn độc tìm kiếm người thân. Hóa ra, một số gia đình nạn nhân có quen biết với tôi, trong đó có cả Dickie và Sheila Attenborough. Họ mất con gái, cháu gái và bà thông gia.

Chưa bao giờ tôi cảm thấy đau buồn trước sự mất mát của các tang quyến đến như vậy. Khi nói chuyện với Dickie – một người kiệt xuất – ông ấy đã khóc. Tôi đã cảm nhận được sự mất mát Euan, Nicky hay Kathryn – cháu gái mới 14 tuổi của ông ấy – đó gần như là một sự hủy diệt. Trái tim tôi đau đớn, cảm thương cho cảnh ngộ của ông ấy.

Khi trở về nhà, rất nhiều việc cuốn tôi đi. Một tin tuyệt vời là sự ly khai của Robert Jackson, nghị sỹ Đảng Bảo thủ của Wantage. Robert từng là hiệu trưởng trường All Souls, Oxford và là Bộ trưởng Giáo dục dưới thời chính quyền Bảo Thủ tiền nhiệm và hoàn toàn ủng hộ việc thu học phí mới. Ông coi đây là một bước cần thiết để thúc đẩy giáo dục bậc cao.

Robert có một vẻ ngoài đạo mạo, giấu trong mình một tính cách nồng nhiệt và thú vị. Tôi đưa Alastair (người mà đến nay tôi vẫn giữ quan hệ mật thiết) lên thay Robert và mọi việc diễn ra khá suôn sẻ.

Có một điều lý thú là, tôi đã tổ chức một hội nghị ở London để hỗ trợ việc xây dựng năng lực cho chính quyền Palestine và nhà lãnh đạo mới của họ, Tổng thống Mahmoud Abbas, người nổi tiếng với cái tên Abu Mazen.

Thực tế, tôi vẫn đi theo cả hai chiến lược: cứng và mềm. Cứng: thể hiện trong lập trường đối với Iraq và Afghanistan. Mềm: thể hiện trong lập trường về Palestine (công nhận nước Palestine).

Cho dù cộng đồng quốc tế, theo những cách mù quáng thường lệ, coi sự rút khỏi dải Gaza là một hành động đơn phương của Israel và do đó là một hành động sai, thì tôi phải nhấn mạnh

rằng, điều đó đồng nghĩa với việc chấm dứt sự chiếm đóng và dỡ bỏ các khu định cư. Vì tất cả lý do đó, chúng tôi không có lựa chọn nào ngoài việc đồng ý với quyết định đó.

Ariel Sharon là một người kỳ lạ. Ông ấy có thể khiến bạn tức sôi lên trong các cuộc họp, ông ấy chỉ ngồi đó và nói về chủ nghĩa khủng bố, cứ như người Anh chúng tôi chưa bao giờ nghe về nó, rao giảng, dọa nạt và hơn hết thấy, ngay cả khi bạn đồng tình, ông ấy vẫn cứ nói chuyện như thể bạn vừa phản đối. Tôi thường bỏ cuộc họp ra ngoài và nói với các quan chức của mình rằng: "Ông ta nghĩ tôi là người Pháp chắc?"

Nhưng trong khi tỏ ra vô cùng điên rồ, ông ấy lại là một nhà lãnh đạo thực sự. Một người vĩ đại, theo tất cả các nghĩa. Rất cứng rắn, không chịu thỏa hiệp và nếu ông ấy không muốn thay đổi, bạn đừng mong có thể thay đổi ông ấy. Một người chẳng quan tâm đến bất kỳ lời nói vô vị nào của người khác, kể cả những người ủng hộ mình. Ông ấy khiến người ta khó có thể ủng hộ mình trong chính sách rút khỏi Gaza.

Ông ấy thực hiện điều đó theo một cách trái ngược với những điều mà cộng đồng quốc tế có thể tưởng tượng được. Nhưng như tôi đã nói trong các cuộc thảo luận với các nhà lãnh đạo khác, thế thì sao? Tôi từng nói, ông ấy cần phải lo lắng, bận tâm tới ý kiến của người Israel và họ đã trải qua 4 năm thao túng của chủ nghĩa khủng bố. Họ sẽ không làm theo cách mà trông như là sẽ giúp đỡ Palestine hay làm phật lòng người phương Tây. Thực tế, Israel đã rời khỏi Gaza, vậy hãy tận dụng việc đó.

Hội nghị ở London đã thành công, nhưng tôi không chắc rằng George giành toàn bộ tâm trí cho nó và Condoleezza Rice, Ngoại trưởng mới được bổ nhiệm của Mỹ, cảm nhận theo cách của riêng mình. Với cuộc bầu cử trước mắt và nhiều vấn đề khác, tôi không có thời gian quan tâm thường xuyên tới vấn đề Palestine.

Trong những tháng đầu năm 2005, tôi ngập trong những công việc nội bộ, lập những kế hoạch bầu cử, chuẩn bị đến từng chi tiết cho những bài phát biểu sắp tới, phát sốt lên với những thông báo từ các bộ vào những thời điểm bất tiện nhất. Các công chức Nhà nước đã thực sự phải sống một cách "minh bạch" khi Đạo luật Tự do Thông tin sau 7 năm xây dựng, có hiệu lực vào 1 tháng 1 năm 2005.

Tự do Thông tin. Những từ ngữ vô hại. Tôi nhìn vào những từ ngữ mình viết ra mà cảm thấy như đầu mình rung lên tới mức tuột khỏi vai. Thật ngu ngốc, ngây thơ, ngờ nghệch. Không có gì thực sự miêu tả đầy đủ được sự ngu ngốc đó, cho dù sinh động như thế nào. Tôi phát run lên vì sự ngu ngốc của nó.

Một khi tôi đã đánh giá được tầm cỡ của sự ngớ ngẩn đó, tôi thường nói với bất kỳ công chức nào lắng nghe mình rằng: Ngài Humphrey ở đâu khi tôi cần ông ta. Chúng tôi đã xây dựng nó trong giai đoạn đầu vật lộn với quyền lực. Từ những gì bạn biết, làm thế nào bạn có thể cho phép chúng tôi làm một việc hủy hoại ghê gớm một Chính phủ hiểu biết như vậy?

Một số người có thể thấy việc này đúng là gây sốc. Ồ, hóa ra ông ta muốn có một Chính phủ bí mật, muốn che giấu những hành động xấu, những lỗi lầm của các chính trị gia và không cho "người dân" quyền được biết điều gì họ đã làm.

Sự thực là "người dân" không sử dụng phần lớn Luật tự do thông tin. Đối với các nhà chính trị gia, nó giống như việc ai đó đánh vào đầu bạn bằng một cái gậy và bạn nói 'Này, thay vì dùng cái đó, hãy thử cái này xem sao' và đưa cho họ một cái búa. Thông tin ấy đã không được tìm kiếm bởi vì các nhà báo tò mò, cũng không phải được cung cấp để đáp ứng nhu cầu được biết của "người dân". Nó được sử dụng như một vũ khí.

Vào thời điểm đó, hậu quả vẫn chưa thể hiện rõ và không tác động lớn như trong năm 2005. Phải tới sau đó, khi đã quá muộn, khi mà toàn bộ sự điên rồ của đạo luật này trở nên rõ ràng, tôi mới nhận ra rằng chúng tôi đã bỏ qua một loạt các vấn đề quan trọng và đi quá xa ranh giới

những vấn đề quá nhạy cảm không nên tiết lộ.

Trong khi đó, chúng tôi đã bận rộn tìm kiếm những ngôn từ đúng đắn cho cuộc bầu cử. Cuối cùng, tôi đã quyết định sử dụng khẩu hiệu: “Hướng tới tương lai”. Bất chấp mọi thứ, tôi biết sức mạnh của mình nằm ở chương trình nghị sự cho tương lai. Tôi biết điểm yếu của Đảng Bảo thủ – đó là dưới sự lãnh đạo của Michael Howard, họ chẳng có sự thay đổi thực sự nào. “Hướng tới tương lai” có vẻ hơi buồn tẻ một chút, nhưng là một khẩu hiệu rõ ràng và chất lượng. Theo khẩu hiệu này, chúng tôi có thể tập hợp một loạt các chính sách rất rộng. Ở khẩu hiệu nhỏ, chúng tôi tập trung vào một dòng kép: “Iraq và chương trình nghị sự trong nước”. Các đảng đối lập sẽ cố gắng tập trung toàn bộ vào Iraq. Chúng tôi phải mở rộng nó. Tôi biết, vấn đề Iraq sẽ khiến công chúng bức bối và phẫn nộ, nhưng tôi cũng biết họ sẽ không thoải mái nếu người ta khai thác vấn đề Iraq để làm lý do thay đổi Chính phủ. Họ biết các thành viên Đảng Bảo thủ ủng hộ chiến tranh và vì lý do giống như tôi. Ý định sử dụng vấn đề Iraq của Michael đã cho thấy, nhìn sâu nhìn xa, ông ta thiếu bản năng chính trị thực sự.

Chúng tôi đã gặp phải “vấn đề Gordon” trong cuộc bầu cử. Tôi đề nghị Alan Miburn trở về giúp điều phối cuộc bầu cử. Điều này làm nảy sinh một loạt các cuộc họp chống lại ông ấy và các ý đồ làm suy yếu Ian McCartney, người đang làm một việc quả cảm là chủ tịch Đảng. Ian là một nhân vật tuyệt vời, một nhà tổ chức giỏi và trung thành, nhưng không phải là một chiến lược gia. Tôi đã cố gắng xây dựng một cơ cấu tạo điều kiện cho Alan kết hợp tổ chức một chiến dịch tranh cử đúng đắn, mà không huỷ hoại vai trò của Ian. Alastair trở lại để giúp. Về bản chất, Philip Gould có vai trò trung tâm. Tuy nhiên điều này không giải quyết được vấn đề Gordon Brown. Thông qua Alastair và Philip, chúng tôi gần như đã kết hợp được chương trình lại với nhau, nhưng tôi nhấn mạnh hai chữ “gần như”.

Có một vấn đề khác tương đối khó khăn và có hậu quả nghiêm trọng. Alastair và Philip đều nghĩ cần tiến hành một chiến dịch kép Tony Blair/Gordon Brown. Tôi không được công chúng ưu ái trong nhiều quý; Gordon là một Bộ trưởng Tài chính thành công, điều này hoàn toàn có lý. Nhưng Peter Mandelson và Alan phản đối kịch liệt, trong đó Peter nhắc lại với tôi rằng tôi mạnh hơn tôi nghĩ và không cần việc này. Sự bất đồng giữa một bên là Peter và một bên là Alastair và Philip rất gay gắt.

Có lúc, tôi hoàn toàn không chắc tôi đã nghĩ gì. Một phần, tôi biết chương trình nghị sự là của tôi và cảm thấy thực sự tin tưởng vào chính sách đó. Nhưng một phần, tôi cảm thấy bị áp lực, tôi phải nói rằng mình hơi nản lòng trước sức mạnh của phe đối lập và điều đó hoàn toàn mang tính cá nhân. Như tôi đã nói, cái tên “B-liar” (Blair dối trá) đã được sử dụng lần đầu tiên trong cuộc bầu cử năm 2001, nhưng câu chuyện nhiều tập về WMD (Vũ khí hủy diệt hàng loạt) gần như đã tạo bệ phóng chẳng khác gì tên lửa cho cái tên đó. Bất chấp kết luận của bản cáo trạng Hutton, bất chấp thực tế là bất kỳ ai muốn cũng có thể đọc thông tin trên website Chính phủ và tự đánh giá, đó vẫn là một cơ hội tốt cho những người “cầm thù” tôi lúc đó tận dụng và tôi nghĩ đối với một số người, “cầm thù” không phải là một từ cường điệu.

Một phần là vì, họ cảm thấy giận dữ với chính sự bất lực của bản thân. Cụ thể là những người thuộc Đảng Bảo thủ có thể phải chứng kiến sự thất bại lần thứ ba – và họ chưa từng thua ba lần liên tiếp trước đó. Dĩ nhiên, cũng như với Đảng Lao động trong những năm 1980, họ thua vì một lý do và lý do đó không phải lỗi của họ, nhưng một lần nữa, cũng như với đảng đối lập của Đảng Lao động và Thatcher, sự thất vọng đã lên tới mức tàn bạo. (“Bà ta là một tên độc tài”, tôi nhớ mọi người đã hét lên như thế với tôi một lần. “Không, bà ấy không phải như vậy”, Tôi trả lời hơi thiếu khôn ngoan “Bà ấy đã thắng cử mà”). Trong khi Thatcher luôn được một số tờ báo lớn hậu thuẫn và tích cực ủng hộ, thì tôi bị một số tờ báo chủ chốt cấp phép cho chiến dịch cá nhân chống lại tôi. Tờ Daily Mail chẳng hạn, đã rất ác ý. Như tôi nói, Gordon chơi thân với Paul Dacre, Tổng biên tập của Mail Group. Sự kết hợp giữa hay yếu tố này khiến tình huống trở nên vô cùng khó khăn.

Tôi đã không thể chịu đựng nổi Dacre sau vụ việc lộ bịch có tên “Cheriegate” năm 2002, khi

bạn trai của Carole Caplin, Peter Foster quan tâm tới việc Cherie mua hai căn hộ ở Bristol. Thường thì tôi để cho giới truyền thông thích nói gì về tôi thì nói, mà chẳng bận tâm đó là gì. Thỉnh thoảng nếu có gặp những nhà báo viết điều gì đó sai lệch về tôi hay thậm chí là cả Cherie tôi chỉ nói “Xin chào” một cách vui vẻ, mà không quá bận tâm. Với lại, thật ngạc nhiên khi mọi người thường nhanh chóng quên đi những lời đàm tiếu, cho dù tốt hay xấu, được hình thành xung quanh một nhân vật của công chúng – trừ phi nó được duy trì và thúc đẩy bởi một mưu đồ hay một chương trình vận động nào đó. Trong trường hợp đó, nó có thể khiến hình ảnh người đó bị xói mòn và đôi khi có thể gây ra những thiệt hại dài lâu. Nhưng thường thì khi tôi gặp một người nào đó và nói “anh thế nào?”, họ sẽ nhìn tôi như thể muốn nói “Anh không thấy sao”. Thông thường khi gặp một chuyện tồi tệ khiến mình phải lo lắng, người ta thường đau khổ một thời gian dài. Nhưng tôi, một người luôn xem xét điều đó một cách bàng quan, tự cho phép mình “tặc lưỡi” hay mỉm cười. Tôi sẽ nhanh chóng vượt qua. Tôi biết mọi việc cũng như vậy khi tôi bị công kích, do đó tôi không phát điên lên với giới truyền thông và không bị ám ảnh bởi họ. Những câu chuyện của họ có thể làm tôi bị tổn thương nhưng vết thương của tôi luôn lành rất nhanh.

Về chuyện của Cherie, Carole đã sai lầm khi để Peter Foster bước vào đời mình. Cô ấy đã thành thật thừa nhận và xin lỗi về điều đó. Cherie đáng ra không bao giờ nên cố mua các căn hộ ở Bristol, nhưng Euan đang học đại học ở đó và cô ấy nghĩ chúng sẽ hữu dụng. Vấn đề là bạn không thể làm điều đó nếu bạn là phu nhân của Thủ tướng, vì bất kỳ lý do gì đi nữa, đơn giản là bạn không thể. Bản thân việc mua bán đó chẳng có gì sai trái cả, cả cách mua cũng vậy. Vai trò của Peter Foster rất nhỏ. Cherie chỉ gặp anh ta có 5 phút; Tôi thì chưa bao giờ gặp hoặc nói chuyện với anh ta. Và nhân đây, bạn không thể đổ lỗi cho tờ Mail kể câu chuyện đó, vì nó quá hấp dẫn đối với họ.

Tuy nhiên, trong một buổi trưa thứ Bảy bận rộn với hàng loạt các cuộc điện thoại, tờ Sunday đã gọi điện đến vào phút chót để hỏi xem tôi phản ứng thế nào với câu chuyện của Cherie và để đỡ mất thời gian cho chủ đề này, tôi, qua điện thoại, do không hiểu tình hình của Cherie, tôi đã nói rằng Foster chẳng liên quan gì đến vụ mua bán này cả, sau đó chuyển điện thoại sang cho Alastair. Thế là vài ngày sau chúng tôi phải đón nhận một cơn bão công kích từ giới truyền thông. Sau đó, khi càng ngày càng tiếu sử về Foster được tiết lộ, nó trở thành một điều gì đó thực sự xấu xa. Tờ Mail đi đầu trong việc công kích. Đó là cách làm việc của tờ báo này, do đó chẳng có gì phải buồn vì điều đó.

Để đối phó với chiến dịch chống lại mình, tôi đã quyết định đối mặt một cách thận trọng với những lời chỉ trích trong cuộc bầu cử. Đó không phải là việc dễ dàng và cần có những tính toán kỹ lưỡng. Có một ranh giới rất mỏng manh giữa việc “đủ dũng cảm để chấp nhận sự chỉ trích” và “mọi người ghét ông ta”. Nhưng sau khi cân nhắc tất cả mọi thứ, thì đây đúng là một chiến lược hiệu quả, cho dù nó chẳng dễ chịu gì.

Trong suốt thời gian trước thềm cuộc bầu cử, chúng tôi gần như phải đối mặt với một thời kỳ hoảng loạn với “nạn dịch cúm”. Có lẽ người ta có thể viết cả một luận văn tiến sỹ về “các nạn dịch” chưa bao giờ xảy ra. Trong trường hợp này, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã đưa ra một báo cáo cho rằng sẽ có từ 500 đến 700 nghìn người chết trên khắp thế giới. Những thống kê về bệnh cúm tương tự nạn dịch diễn ra trong chiến tranh thế giới I được công bố và tất cả mọi người rơi vào trạng thái hoảng loạn. Bất kỳ ca bệnh cụ thể nào cũng thu hút được sự chú ý của công chúng và trở thành những tin nóng của báo chí trong thời kỳ ảm đạm đó. Bất kỳ ai bị cảm lạnh cũng nghĩ rằng ôi thôi, mình đã là nạn nhân của thảm họa toàn cầu rồi.

Tôi e rằng mình đã chẳng làm gì mấy. Tôi hiểu nguy cơ của nạn dịch, nhưng đơn giản là tôi không nghĩ việc người dân “quá hoảng loạn” là điều đúng đắn. Và trong những tình huống đó, tất cả mọi người đều không muốn có rủi ro, nếu bạn không cẩn thận, bạn sẽ tốn nhiều tiền của để xử lý một khủng hoảng chưa bao giờ thực sự xảy ra.

Mặc dù vậy, phản ứng của hệ thống là điều hoàn toàn có thể hiểu được. Lần đầu tiên bạn không

phải bận tâm là lúc chó sói đã thực sự ở trong làng, khi đó bạn phải đề ra phương án, tiến hành những biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng tấn công nếu tình hình thực sự xảy ra. Nhưng không, chỉ là những cuộc họp không dứt và sự cường điệu hóa.

Nhưng rồi chúng tôi cũng vượt qua sự việc đó. Lúc chúng tôi sắp bắt đầu chiến dịch tranh cử thì Giáo hoàng John Paul II từ trần vào đầu tháng 4. Ông ấy là một nhà lãnh đạo kiệt xuất và vô cùng đáng kính của Nhà thờ Thiên Chúa giáo. Chúng tôi đã tham dự lễ Ban thánh thể với đức Giáo hoàng hai năm trước, trong nhà nguyện riêng của ông. Ông ấy rất ân cần và quan tâm đến mọi người. Ông không đồng tình với vấn đề Iraq, nhưng tỏ ra thấu hiểu hoàn cảnh nguy hiểm và áp lực của những nhà lãnh đạo như chúng tôi. Và khi nói với tôi về vấn đề đó, ông ấy không đưa ra ý kiến của mình mà chỉ cố vấn về mặt tinh thần. Dĩ nhiên là về tư tưởng, ông ấy thấm nhuần học thuyết bảo thủ nhưng về tình cảm, ông ấy có thể đồng cảm với chúng tôi.

Khi ông qua đời, hàng triệu người đã đổ ra đường. Các nhà lãnh đạo thế giới đã đến nhà thờ St Peter's, Rome để dự đám tang. Vatican là một nơi kỳ diệu. Ngay khi vừa đến đó, bạn đột nhiên ở trong một thế giới khác. Tòa thánh vĩ đại hơn bất kỳ thứ gì. Vua của Ả rập Xê út từng nói với tôi rằng đó là một trong những tòa nhà nguy nga nhất ông từng đến (và dĩ nhiên ông ấy đã đến rất nhiều nơi). Nếu đến thăm Giáo hoàng, để đến được khán phòng bạn sẽ phải đi qua một loạt các phòng chờ, phòng sau lại lớn hơn phòng trước, cho tới khi bạn được chào đón bởi đức Giáo hoàng. Nếu người ta thiết kế Tòa thánh với mục đích gây ấn tượng cho khách tới thăm, thì họ đã thành công. Từ Giáo hoàng Gregory thế kỷ thứ V trở đi, luôn có sự pha trộn kỳ lạ giữa chính trị và tôn giáo ở Vatican và ý nghĩa đó vẫn còn được lưu giữ cho tới ngày này – đó là trụ sở chính của một tổ chức tôn giáo, nhưng cũng là một tổ chức quyền lực. Vatican luôn muốn thể hiện điều này và tất nhiên, đó không phải là chuyện đùa.

Lễ tang được tổ chức trên các bậc thềm của nhà thờ. Ở vị trí cao nhất là các nhà lãnh đạo. Và ở dưới quảng trường, người dân tề tựu đông đủ. Tất cả đều tới dự. Có một khoảnh khắc khôi hài diễn ra ở hàng ghế của các vị chức sắc. Vatican đã quyết định xếp chỗ cho chúng tôi theo thứ tự Alphabet. Không may là tôi phải ngồi kế bên Robert Mugabe, bởi Vương quốc Anh được xếp cạnh Zimbabwe. Trong một vài giây ngắn ngủi lúc sắp sửa ngồi xuống, tôi đã nhìn sang bên cạnh xem đó là ai, thì may sao vào thời điểm đó Mugabe đang mải nói chuyện với người ngồi cạnh ở phía bên kia. Ông ta không nhìn thấy tôi. Tôi đang ở trong tình thế sắp bắt đầu chiến dịch tranh cử và việc tôi ngồi cạnh Mugabe sẽ không phải là một cảnh tượng lý tưởng đối với công chúng mà quá khủng khiếp.

Tôi lùi xuống bậc phía sau, nơi các đại sứ, nhân viên an ninh và những người khác an tọa. Điều này khiến các tu sĩ phụ trách việc bố trí chỗ ngồi thất kinh, họ cố gắng kéo tôi lên hàng ghế trước. Khi lễ tang sắp diễn ra, tôi kinh hoàng nhìn thấy Hoàng tử Charles tiến đến và sắp sửa ngồi vào ghế dành cho vương quốc Anh. Tôi vội vàng tiến lên nhưng đã quá muộn, ông ấy ngồi ngay xuống ghế cạnh Mugabe. Nhưng ít nhất thì người của hoàng gia cũng không cần phải bầu bán gì cả.

Vài ngày sau đó, tôi triển khai chiến dịch tranh cử cho nhiệm kỳ thứ ba lịch sử của mình. Chúng tôi bắt đầu khá suôn sẻ, cuộc bầu cử cho thấy chúng tôi dẫn trước đối thủ 5 điểm, cho dù có một số tháng khó khăn. Đã từng có sự bất bình và phản đối không dứt đối với quyết định tranh cử của tôi. Robert Peston – một nhà báo thân cận với Gordon – đã xuất bản cuốn tiểu sử của ông ấy, cơ bản là để tuyên truyền chủ đề “nạn nhân/sự phản bội” và điều này đã phát huy ảnh hưởng trong nhiều tuần. Công bằng mà nói, cuốn sách đó được xem là trùng hợp với những giả định của ông ấy về việc lãnh đạo và sau đó được xem xét trong một bối cảnh khác, nhưng điều đó có nghĩa là sự chia rẽ giữa Tony Blair và Gordon Brown giờ đây đã trở nên quen thuộc.

Mặc dù vậy, tôi cảm thấy rất tin tưởng vào tuyên ngôn, thành tích của chúng tôi và khả năng phơi bày những nhược điểm và sự nghèo nàn trong chiến dịch của Đảng Bảo thủ. Chuyến thăm đầu tiên của tôi là đến Weymouth, ngay ở trung tâm quê hương cũ của Đảng Bảo thủ, nơi chúng tôi đã thắng ở Dorset South lần đầu tiên năm 2001.

Kết quả cuối cùng thực ra không ấn tượng về số phiếu cũng như về quy mô đa số, do sự thiếu đồng nhất ở những người chuyển từ ủng hộ đảng này sang đảng kia. Trong hai ghế sát nút nhất mà chúng tôi giành được, thì có một ghế ở Dorset South, quy mô đa số đã tăng lên, một kết quả kỳ lạ. Ở một số nơi, những người chuyển sang ủng hộ chúng tôi tăng. Ở những nơi khác, chúng tôi mất những ghế cũ của Đảng Lao động vào tay Đảng Dân chủ Tự do, đảng vận động chống chiến tranh và phản đối thu phí giảng dạy.

Ở khu vực nông cốt, số phiếu bầu cho Đảng Lao động mới vẫn được giữ vững, nó không bị suy chuyển gì cả. Nhưng khi việc chúng tôi sẽ được tái bầu trở nên rõ ràng, số phiếu bầu cho chúng tôi bị giảm, do một số người nhận thấy họ có thể bỏ phiếu một cách an toàn cho Đảng Dân chủ Tự do, vì biết chắc họ sẽ không có một Chính phủ Bảo thủ.

Tuy nhiên, trong một tình huống hiểu sai nghiêm trọng kết quả bầu cử, đảng tôi tin rằng, với một nhà lãnh đạo khác, tức là Gordon, chúng tôi sẽ làm tốt hơn. Sự thực là với một nhà lãnh đạo Lao động mới khác, chúng tôi có thể làm được điều đó, tất nhiên với một người có thể xem Iraq là quyết định của người khác. Nhưng sự khác biệt thực sự giữa năm 2001 và 2005 là 4% số phiếu bầu bị mất cho Đảng Dân chủ Tự do, chứ không phải có một số đáng kể cử tri chuyển sang ủng hộ Đảng Bảo thủ. Nói theo cách khác, đây là số phiếu chống thường gặp và chúng tôi có thể dễ dàng lấy lại những gì đã mất trong nhiệm kỳ ba và kịp cho nhiệm kỳ bốn, bởi chúng tôi không mất sự ủng hộ nông cốt đối với Đảng Lao động mới, những người đã trung thành với chúng tôi. Do đó sự thiếu đồng nhất trong tỷ lệ người chuyển từ ủng hộ đảng này sang đảng khác không phải là sự tình cờ. Vì thế, đây là một bài học chính trị quan trọng và sâu sắc.

Như vậy là chiến dịch tranh cử đang diễn ra. Tâm trạng của chúng tôi TẠM ỔN, nhưng bị ảnh hưởng bởi quyết định của một số người muốn biến Iraq thành vấn đề duy nhất – bao gồm cả một bộ phận lớn không đồng đều của giới truyền thông – trong khi đối với hầu hết cử tri, Iraq đóng vai trò hoàn toàn khác.

Điều này không phải là vì mọi người không quan tâm đến chiến tranh hay hậu quả của nó – họ hiển nhiên là có và lúc đó, thật đau lòng khi chúng tôi đang mất đi những người lính của mình thường xuyên hơn, trong những chiến dịch tấn công khủng bố ở Basra. Nói theo cách khác, đánh giá của người dân về khó khăn trong việc ra quyết định ở vấn đề Iraq sắc sảo hơn giới truyền thông, những người vốn chỉ ưa chuộng những nhận định đen-trắng thẳng thừng.

Các vấn đề khác cũng tồn tại như nhà máy Longbridge ở Midlands, ngay trung tâm vùng ảnh hưởng của Đảng Bảo thủ, nơi chủ sở hữu của các nhà máy ô tô lớn và lâu đời đang trên bờ vực phá sản. Tất cả đều được nêu ra ngay khi chiến dịch tranh cử được xúc tiến. Ở đây, Gordon và tôi đã làm việc rất tốt, tạo ra những tác động mắt thấy tai nghe. Chúng tôi đã đến đó ngay, nói chuyện với mọi người, cố gắng giải quyết vấn đề, phụ trách và làm tốt, có thể nói là như vậy.

Chương trình của tôi bao gồm từ việc đến thăm các trường học và bệnh viện, trung tâm nuôi dưỡng trẻ em đến toàn bộ cơ sở hạ tầng dịch vụ công, những công trình mà chúng tôi đã đầu tư rất nhiều tiền của và đạt kết quả. Bạn có thể thấy những tác động hiển hiện trước mắt của tiền bạc. Những số liệu thống kê về kết quả ở trường học, bệnh viện cần có thời gian, còn những số liệu về tội phạm đã cho thấy rõ lợi ích của cải cách.

Học sinh ở độ tuổi lên 10 ở Anh được xếp thứ ba thế giới về khả năng biết đọc, biết viết. Đã có sự cải thiện nhanh nhất về số lượng, với $\frac{3}{4}$ trẻ em ở độ tuổi 11 đạt tiêu chuẩn cao trong đọc, viết và làm toán. 97% bệnh nhân phải đợi dưới bốn giờ sau tai nạn và các tình huống cấp cứu và gần như không ai phải đợi nhiều hơn 9 tháng cho một cuộc phẫu thuật. Về tổng thể, theo Cơ quan Thống kê Tội phạm Anh, số tội phạm đã giảm 30% – giảm gần 5 triệu người một năm. Số cảnh sát lên tới mức kỷ lục – nhiều hơn gần 13.000 người so với năm 1997, với sự cộng tác của 4.600 nhân viên hỗ trợ cộng đồng mới.

Chương trình mới trong chiến dịch tranh cử không còn giống một “danh sách điều ước của một chính trị gia”, mà chính là giai đoạn kế tiếp của một kế hoạch chặt chẽ, mạch lạc, đã đem

hoa kết trái. Những người làm việc trong khu vực công cảm thấy chúng tôi luôn sát cánh bên họ và cảm thấy, một cách bản năng, rằng Đảng Bảo thủ thì không. Do đó, về chương trình đối nội, chúng tôi rất mạnh.

Đảng Bảo thủ có công cụ tốt để đánh bại chúng tôi là vấn đề nhập cư. Trong những năm đầu lãnh đạo đất nước, chúng tôi đã thực sự có vấn đề với những đơn xin tị nạn của những người thực sự nhập cư vì mục đích kinh tế. Như tôi đề cập từ trước, hệ thống xử lý những đơn từ đó đã quá lạc hậu. Cuối cùng và sau nhiều quyết định đau thương về hành chính, chúng tôi đã định hình được hệ thống đó, nhưng vấn đề nhập cư trái phép vẫn còn tồn tại. Dĩ nhiên, Anh không phải là nước duy nhất đối mặt với vấn đề này, nhưng tôi cảm thấy nản, khi các đảng tiên tiến trên khắp châu Âu, đảng nọ nổi tiếp đảng kia, xử lý sai vấn đề nhập cư và sau đó thất bại.

Những người ở cánh tả, về tổng thể, là những người có bản năng rất tốt về di cư. Họ ghét chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và biết rằng nhập cư thường mang theo virus phân biệt chủng tộc. Khi những người ở Anh nói họ phản đối nhập cư, thì có một phần khá lớn phản đối những dạng người nhập cư nhất định, nghĩa là da đen hoặc da nâu. Điều này không được nói ra, nhưng tất cả mọi người đều biết thực tế là vậy.

Do đó, khuynh hướng của phe cánh tả là đánh đồng những lo ngại về nhập cư với chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trá hình. Đó là một sai lầm. Thực tế, vấn đề nhập cư, nếu không được kiểm soát tốt, có thể tạo ra những căng thẳng thực sự, gây sức ép lên một nguồn tài nguyên có hạn và tạo ra ở một số khu vực xu hướng thu hút người nhập cư đến với số lượng lớn và kết quả là, cộng đồng đó không kiểm soát được chính văn hóa của mình.

Trong trường hợp của chúng tôi, lo ngại là điều hoàn toàn tự nhiên, căn cứ vào những số liệu về nhập cư và đó không phải là vì phân biệt chủng tộc. Và nó lan rộng. Ngoài ra, có những dòng nhập cư nhất định, từ những khu vực thường gặp những vấn đề nghiêm trọng của thế giới. Những người nhập cư này đem những vấn đề nội bộ của họ vào các thị trấn hay làng mạc của nước Anh. Và chẳng có gì là đáng ngạc nhiên khi nó khiến cộng đồng lo lắng.

Mỗi khi chúng tôi điều tiết và thắt chặt những đạo luật về tị nạn, tôi sẽ phải nghe những lời kêu ca của những cá nhân cấp tiến, có chủ ý rõ ràng, cho rằng tôi dung túng chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Tôi thường giải thích rằng, những điều mà chúng tôi làm chính xác là để tránh chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Những đạo luật đó thật lộn xộn. Khó khăn chính trị lúc đó là ngăn chủ nghĩa phân biệt chủng tộc chủ quan hình thành trong liên minh đang giữ vai trò chủ đạo. Nhưng vào thời điểm đó, trên khắp châu Âu, các đảng cánh hữu có ý định đề xuất các đạo luật kiểm soát nghiêm ngặt hơn tình trạng nhập cư. Và các đảng cánh tả sẽ gào lên rằng: Phân biệt chủng tộc. Người dân sẽ nói: Anh chẳng kiểm soát được nó.

Đảng Bảo thủ dốc hết sức để đưa chúng tôi vào tình thế tương tự như vậy, do đó họ bắt đầu tiến hành một cuộc tấn công quy mô vào vấn đề nhập cư bất hợp pháp, lập luận rằng đó không phải là chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, không cần phải lo lắng về nó và hy vọng rằng chúng tôi sẽ tuyên bố đó là phân biệt chủng tộc. Dĩ nhiên, tôi kiên quyết không làm như thế.

Thay vào đó vào một dịp trong chiến dịch tranh cử, tôi đã tới thăm Dover, nơi những người xin tị nạn vô căn cứ thường ở trọ và có một bài phát biểu đề cập trực tiếp đến vấn đề này. Gwyn Prosser, nghị sỹ đại diện cho Dover, bản thân cũng là một người thuộc phe cánh tả và đủ khôn ngoan để hiểu nếu ông ta không trang bị lập luận thừa nhận phân biệt chủng tộc là một vấn đề, ông ta sẽ không được tái bầu. Tôi đã ca ngợi những đóng góp của người nhập cư với nước Anh, nhưng cũng thừa nhận những vấn đề nảy sinh từ việc nhập cư bất hợp pháp. Tôi đã miêu tả cách chúng tôi sẽ xử lý vấn đề này. Tôi công kích Đảng Bảo thủ về việc nêu lên vấn đề mà không có đối sách cho nó, tức là đã lợi dụng vấn đề này mà không giải quyết nó. Và ngoài sức tưởng tượng của họ, tôi đưa vấn đề thể căn cước vào trung tâm của lập luận, cho rằng, một số hệ thống kiểm tra nhân dạng nhất định là cách đúng đắn duy nhất để đối phó với thách thức kể trên. Về cơ bản, sau bài phát biểu đó, chúng tôi đã chấm dứt được sự công kích của phe Bảo thủ

và có một lần, giới truyền thông còn cho phép phát sóng vấn đề đó và kêu gọi thảo luận. Do lập trường của chúng tôi đủ tinh vi – một chiến lược “vừa đấm vừa xoa”, như các luật sư nói – chúng tôi đã giành chiến thắng.

Chiến dịch tranh cử được quản lý rất chặt chẽ. Nhưng trong trường hợp này, chúng tôi phải cẩn trọng hơn nữa. Cho dù chúng tôi đã tiến đến đâu trong chiến dịch năm 2005, thì bất kỳ ai la hét hay làm ồn lên cũng thu hút được sự chú ý của báo chí. Dĩ nhiên, sau đó chiến dịch phản ứng bằng cách cố gắng đảm bảo rằng nó không bị gián đoạn. Kết quả là giới truyền thông và chính trị bị đẩy xa nhau. Chúng tôi cảm thấy bị phân biệt đối xử; họ cảm thấy bị đẩy ra ngoài lề hay bị lôi kéo một cách không công bằng.

Đó là ác mộng đối với những nhà tổ chức của đảng, nhưng họ là những người xuất sắc và vô cùng trung thành. Họ sẵn sàng nhảy ra trước đoàn tàu sắp lao tới trong gang tấc, nếu hành động đó có thể giúp gì cho đảng. Tôi đã quan tâm đến việc xây dựng một bộ máy đảng vững mạnh. Tuy việc gây quỹ cho chiến dịch tranh cử năm nay khó khăn hơn năm 2001, nhưng cũng không phải là quá khó và Michael Levy, trưởng nhóm gây quỹ của đảng, đã làm việc này xuất sắc chưa từng thấy. Liên minh cơ bản, trung dung, hợp lý của chúng tôi vẫn rất vững chắc và cộng đồng doanh nghiệp thì không tin vào Đảng Bảo thủ và không thích những khía cạnh “không rõ ràng” trong chính sách của họ với châu Âu và vấn đề nhập cư, hay sự công kích cá nhân đối với tôi. Đảng Bảo thủ thu hút được những khoản tài trợ từ các thế lực “hoài nghi châu Âu”, nhưng những khoản tài trợ của những người hiểu biết, hiện đại thì đến với chúng tôi.

Kate Garvey và các nhà quản lý chiến dịch tranh cử cũng đã làm được một việc tuyệt vời để bảo tồn năng lượng cho chúng tôi, đảm bảo một cách cẩn trọng rằng chúng tôi không bị kiệt sức. Những cuộc điều tra trên truyền hình luôn đầy thách thức và luôn nhắm vào tôi – thành tích, đời tư, các quyết định. Tôi đang là mục tiêu. Tôi là người để họ đồn ngã. Tất cả rất rõ ràng và tự nhiên, nhưng nó có nghĩa là chúng tôi phải rất cẩn trọng. Và chúng tôi đã làm như vậy.

Sức khỏe của tôi không được tốt. Sau này tôi mới phát hiện ra mình đã vật lộn với toàn bộ chiến dịch tranh cử bằng một bên đĩa đệm bị lệch. Tôi vừa phải cố gắng xuất hiện với một diện mạo trẻ trung, năng động, nhanh nhẹn trên bục diễn giả, đi lại thoăn thoắt, sải bước có mục đích – tất cả những thứ rác rưởi thường thấy – vừa phải thường xuyên chịu đựng những cơn đau khổ sở. Nếu cơn đau bùng phát đúng vào lúc tôi xuất hiện trước công chúng, tôi cũng không thể để vẻ mặt của mình thay đổi. Tôi quan tâm tới hình ảnh của mình trước ống kính với một đội ngũ nhiếp ảnh hùng hậu, những người đón lõng từng cử động của tôi và ít nhất 4 trong 5 người chỉ muốn ở đó để chụp được những bức ảnh xấu và, như công nương Diana thường nói, những bức ảnh luôn rất có giá. Nếu bạn từng bị đau lưng, bạn sẽ hiểu những gì tôi nói. Chẳng có gì tệ hơn thế nữa. Việc đau lưng thật kinh khủng với bản thân nhưng lại vô hình trong mắt người ngoài. Bằng bất cứ giá nào cũng phải tránh những căn bệnh dễ thấy trong mắt công chúng, đặc biệt là giới truyền thông của chúng ta, nó sẽ làm xấu xí hình ảnh của bạn và gần như ngay lập tức bạn sẽ trở thành anh gù Quasimodo của nhà thờ Đức Bà tranh cử trước mắt mọi người.

Vì thế mỗi cuộc họp đối với tôi giống như một cuộc phiêu lưu đầy rủi ro, mỗi cuộc chạm trán đều có nguy cơ bùng nổ, mỗi một lời bình luận đều có khả năng bị soi xét, mỗi một biểu hiện của gương mặt có thể bị xem là biểu hiện của sự thanh thản hay lo lắng, mỗi một nụ cười bị xem là nhân nhố nếu quá hẹp, giả dối nếu quá lớn. Và người ta nói rằng, các chiến dịch tranh cử đều bị dàn xếp quá mức.

Quan hệ của tôi với Gordon, dù bạn có tin hay không, có vẻ tốt hơn trong suốt đợt tranh cử. Một phần là vì chúng tôi thường xuyên phải làm việc cùng nhau và tôi nghĩ điều này đã làm ông ấy trấn tĩnh lại. Chúng tôi đã có một cuộc tranh luận thú vị, không quá gay gắt về thuế và các khoản chi tiêu của Chính phủ. Tôi thì cho rằng chúng tôi đã chạm hạn mức chi tiêu. Chúng tôi đã tăng mức phí Bảo hiểm Quốc gia để trả cho NHS và cho dù nền kinh tế vẫn tăng trưởng đều, tôi phải nói rằng thế là quá đủ. Chúng tôi vẫn cố gắng chi tiêu phù hợp trong nguồn quỹ

của Đảng, nhưng ở một số lĩnh vực có vẻ “hơi quá tay”; do đó tôi nghĩ trong nhiệm kỳ ba, chúng tôi phải sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách đó. Cuối cùng, chúng tôi đã tăng mạnh việc đầu tư vào y tế, giáo dục và dịch vụ công trong những thời điểm không có chiến tranh. Vì vậy, những lời chỉ trích rằng chúng tôi không phải là một Chính phủ tiên tiến thật lỗi bịch. Thực tế, chúng tôi đã tăng mạnh chi tiêu công để khắc phục những khoản đầu tư ít ỏi trong thời Thatcher; nhưng vấn đề cũng không dừng lại ở đó.

Ed Balls là một trong những người cho rằng công chúng thậm chí còn muốn Chính phủ chi nhiều hơn và sẵn sàng đóng thêm thuế, bằng cách tham khảo những bản trưng cầu dân ý của Bộ Tài chính – điều mà tôi cho rằng chẳng có ý nghĩa gì. Về vấn đề này, công chúng đã không thành thật. Họ nói muốn tăng cường chi tiêu, về lý thuyết đúng là như vậy – nhưng trong thực tế – họ nghĩ người khác sẽ trả các khoản chi đó. Mặc dù vậy, bên ngoài thì họ không thể hiện như thế. Như tôi từng nói, công chúng luôn không logic nhưng đó là đặc quyền của họ. Dù sao, họ cũng thực sự kỳ vọng Chính phủ của họ sẽ làm như thế.

Trong suốt kỳ tranh cử, tôi bắt đầu thể hiện lập trường rằng, sẽ không triển khai bất kỳ chính sách tăng thuế mạnh tay nào để trang trải cho việc chi tiêu nhiều hơn trong thời gian tới. Vào năm 2001, chúng tôi đã đấu tranh để duy trì mức thuế thu nhập. Chúng tôi đã giữ lời hứa, tuy có tăng mức Bảo hiểm Quốc gia để trả cho NHS. Điều này khá chính đáng.

Gordon thiên về hướng để ngỏ tất cả các lựa chọn, nhưng khi chiến dịch tranh cử tiếp diễn, ông ấy nhận ra rằng nếu làm vậy, mọi người sẽ hiểu lầm rằng ông ấy định nâng thêm mức Bảo hiểm Quốc gia. Vì thế, dần dần ông ấy cũng ít nhiều có cách nhìn nhận vấn đề giống như tôi.

Nhìn chung, mọi chuyện đều ổn và đến cuối tuần lễ thứ hai, chúng tôi đã bỏ xa đối thủ trong cuộc bầu cử. Sức mạnh của chương trình nghị sự “Hướng tới tương lai” của chúng tôi, bản chất của Đảng Lao động mới, thực tế luôn đứng đầu trong các cuộc tranh luận về chính sách – tất cả những điều đó đã thôi thúc mọi người ủng hộ chúng tôi. Trái lại, chiến dịch của Đảng Bảo thủ có vẻ hơi tầm thường và không mạnh mẽ. Đảng Dân chủ Tự do thì tránh thực hiện một chiến dịch cá nhân ở cấp độ lãnh đạo – bởi Charles Kennedy là một người khá tử tế – cho dù ở địa phương họ cơ bản đã dán khắp mọi nơi những tờ rơi về tôi và George Bush với những lời lẽ mà những người lao động xã hội chủ nghĩa hẳn phải tự hào.

Hơn nửa chặng đường tranh cử đã trôi qua và rõ ràng là chúng tôi sẽ chiến thắng một cách thanh thoi. Vào những ngày cuối cùng của chiến dịch, giới truyền thông, bất lực trong một cuộc chiến đã an bài, đã quyết định tiếp tục công kích. Những người ở BBC thực sự phẫn nộ bởi vấn đề Iraq. Khi cuộc bầu cử còn đang diễn ra, họ “cáu tiết” vì điều đó không nhấn chìm chúng tôi như cách họ muốn. Họ nghĩ rằng đó là bởi vì chúng tôi quá khôn ngoan. Thực tế, đó là bởi vì tuy mọi người hiểu nó quan trọng như thế nào, nhưng họ cũng hiểu sự phức tạp của nó. Họ không tăng lờ nó, nhưng họ sợ rằng nó sẽ hủy hoại kết quả của cuộc bầu cử.

Tờ Mail đã nhận được một bản sao bí mật về lời khuyên của Ngoại trưởng. Như tất cả những lời cố vấn của các luật sư khác – đặc biệt luôn lập luận về hai mặt của vấn đề – nó trung tính và giải thích cả những lý lẽ tán thành, phản đối, rồi đi đến kết luận. Chúng tôi đã công bố kết luận đó, rằng khi cân nhắc kỹ thì chiến tranh là hợp pháp xét về lý nhưng không hợp tình – trong trường hợp này, vì một lý do rất nhạy cảm, lời khuyên này vẫn được giữ bí mật với tất cả mọi người, trừ các thành viên cấp cao của Chính phủ và ban thẩm tra Butler, theo các quy định của Hội đồng Cơ mật hoàng gia.

Tờ Mail đã cho đăng một đoạn trích hàm ý rằng Ngoại trưởng đã cho rằng chiến tranh là bất hợp pháp. BBC chớp ngay lấy tin đó. Mặc dù chúng tôi đã công bố toàn bộ tài liệu dài 13 trang về việc này ngay ngày hôm sau, ngày 28 tháng 4, họ vẫn nắm được cơ hội đã mong muốn từ lâu. Bị kích thay, chúng tôi mất thêm một người lính nữa ngay trước ngày bầu cử. Kết quả là, 10 ngày cuối cùng của chiến dịch tranh cử đã bị nhấn chìm bởi vấn đề về Iraq. Trong sự tuyệt vọng về khả năng thua cuộc, Đảng Dân chủ Tự do và Đảng Bảo thủ trở lại với những lời công

kích “kẻ nói dối”. Chúng tôi mất 3-4% số phiếu trong giai đoạn cuối cùng đó do chúng được chuyển sang cho Đảng Dân chủ Tự do. Tờ Mail không nói: Đừng bỏ phiếu cho họ. Thay vào đó, cũng như BBC, tờ báo này khôn khéo tập trung vào một khẩu hiệu rất hiệu quả: Chặn đảng đa số phiếu.

Tuy nhiên, vì thế mà đêm bầu cử giống như một bước lùi của chúng tôi hơn là một đêm chiến thắng. Tôi ngồi ở Myrobella đợi kết quả cuối cùng. Gordon gọi điện để nói với tôi, Andy Marr, biên tập viên chính trị của BBC đã bảo ông ấy rằng, họ nghĩ sẽ có một quốc hội đa đảng. Tôi thực sự nghi ngờ về điều này. Ngay cả khi mọi người vô cùng chú trọng tới vấn đề Iraq, tôi vẫn chắc rằng người Anh muốn Chính phủ tồn tại nguyên vẹn với một tỷ lệ ủng hộ đa số hiệu quả. Ngoài ra, tôi cũng tin rằng cho dù ở bắc London và ở một số nơi, một nhóm cử tri nhất định của Đảng Lao động sẽ bị tác động, thì những cử tri thuộc tầng lớp trung lưu bậc thấp nhiều nhiệt huyết, nòng cốt của Đảng Lao động mới – sẽ trung thành với chúng tôi.

Philip Gould gọi để nói rằng ông ấy nghĩ chúng tôi sẽ có đa số ghế là 80. Nếu điều đó xảy ra thì mọi việc sẽ ổn. Thật nực cười. Sự khác biệt giữa 66 – số ghế chúng tôi có được – và 80 – chỉ là 14 ghế. Thực tế, nếu 7 ghế thay đổi, đó sẽ là sự khác biệt; và chúng tôi đã mất ít nhất 7 ghế do sinh viên bỏ phiếu về vấn đề học phí. Nhưng số phiếu thuận chỉ ở mức dưới 36% là rất thấp cho một đảng thắng cử và nó làm tinh thần tôi sa sút.

Ngoài ra, trong khu vực bầu cử của tôi, một trong các ứng cử viên là Reg Keys, cha của Chuẩn Hạ sĩ Tom Keys, một trong 6 lính Mũ đỏ bị sát hại bởi một băng đảng ở Iraq vào tháng 6 năm 2003. Tôi muốn gửi tới ông Keys lòng tiếc thương sâu sắc, tôi cũng cảm thấy tiếc vì ông ấy cho rằng con trai mình đã hy sinh một cách vô ích, chẳng vì điều gì cả. Tôi muốn đến thăm và trò chuyện với ông ấy về việc này, nhưng tôi biết máy quay ở khắp nơi đang theo sát tôi, với hy vọng ghi được những cảnh có thể định nghĩa cuộc bầu cử theo cách họ muốn.

Chúng tôi đã đi đến trụ sở chính của đảng để “ăn mừng” chiến thắng. Những thành viên của đảng đã có một suy nghĩ, kể ra thì cũng đúng, rằng: chúng ta đã có một nhiệm kỳ ba mang tính lịch sử, có đa số ghế hơn 60, vậy có gì mà phải bàn nữa? Vì thế đã bắt đầu có sự tách rời khá kỳ lạ giữa tâm trạng (chán nản) của tôi và tâm trạng (hưng phấn) của họ.

Mặc dù vậy, tôi còn có một lý do khác để chán nản. Sau buổi tối hôm đó, khi kết quả bầu cử trở nên rõ ràng, thì quan hệ giữa tôi và Gordon xấu đi nhanh chóng. Tôi không thể hiểu vì sao. Có vẻ là bởi vì ông ấy nghĩ tôi đã từ chối hỏi ý kiến ông ấy về Nội các mới, nhưng thực tế là tôi có hỏi – tôi chỉ từ chối một số đề cử nhân sự của Gordon vào những vị trí ông ấy muốn. Ông ấy đánh giá quá cao Geoff Hoon và muốn Geoff trở thành Trưởng ban tổ chức của đảng, một vị trí mà tôi nghĩ Geoff hoàn toàn không phù hợp; ông ấy cũng muốn Ed Balls, vừa mới được bầu vào thẳng Chính phủ, điều tôi nghĩ là không thích đáng; và chúng tôi cũng có những tranh luận đông dài như thường lệ về Michael Wills, Dawn Primarolo và những người khác mà tôi nghĩ không phù hợp cho Chính phủ vì nhiều nguyên nhân, nhưng đó là những người tôi đã cố gắng dàn xếp vì họ là lực lượng ủng hộ ông ấy nhiệt tình.

Hệ quả của tất cả những điều này là khi tôi cải tổ nhân sự trong những ngày sau đó – nhìn chung mọi chuyện cũng ổn sau đó – tôi nhận thấy PLP dần có tư tưởng hạn hẹp. Một mặt, tôi vẫn nhận được những cuộc gọi chúc mừng từ mọi người ngoài đảng, những người một cách tự nhiên, cho rằng, thắng cử nhiệm kỳ ba là một điều đáng vui mừng; thì mặt khác đã có những phản ứng ngày càng ngang ngạnh từ PLP, những người rất cuộc đã tự thuyết phục bản thân rằng tình hình khá khó khăn.

Người của Gordon – và vào thời điểm đó bao gồm cả những nhân vật như Clare Short – đã ít nhiều xuất hiện trước giới truyền thông, liên tục đả kích tôi và nói rằng chúng tôi đáng ra đã có thể làm tốt hơn với một vị lãnh đạo khác, trong khi người của tôi thì ở thế phòng thủ. Nhìn lại những điều này dĩ nhiên là thật lố bịch, nhưng như Peter luôn cảnh báo, một phần là kết quả của việc tiến hành một chiến dịch tranh cử kép Tony Blair/Gordon Brown. Nó cho phép những

người thân cận của ông ấy diễn giải kết quả của cuộc bầu cử theo hướng: chúng tôi chiến thắng là nhờ anh chàng của chúng tôi, nhưng anh chàng đó lại có một gánh nặng của một người khác phải giải quyết. Thực tế là tuy tôi có mất một số cử tri, nhưng tôi cũng thu phục được những người khác. Nó không có nghĩa là theo cách đó, một ai khác có thể thực hiện được việc thu phục này, cho dù đúng là họ không làm mất cử tri. Và mặc dù giới truyền thông đối xử với tôi như thể tôi đã thua, thì sự thực không phải vậy. Tuy nhiên, tôi tự cho phép mình không bị mắc kẹt trong bầu không khí hơi điên rồ này.

Sau đó Michael Howard khiến sự việc diễn biến tốt hơn với tôi, khi thông báo sẽ từ bỏ vị trí lãnh đạo Đảng Bảo thủ. Việc này đã làm thay đổi bầu không khí; không phải là toàn bộ, nhưng vừa đủ. Đột nhiên, mọi người nhớ rằng Đảng Bảo thủ đã thua còn chúng tôi thắng. Sự điên rồ giảm dần và vào thời điểm tôi có bài diễn văn trước PLP vào thứ Tư, mọi chuyện dần lắng xuống, cho dù nhiều vấn đề còn tồn tại và một lần nữa người của Gordon vẫn mượn nó để gây khó dễ. Tôi nhận ra rằng, từ thời điểm đó trở đi, mỗi ngày còn lại của tôi sẽ là một cuộc chiến.

Mặc dù chiến dịch tranh cử thật kinh khủng, nhưng tôi trở nên cứng rắn hơn nhờ được tôi luyện trong chiến dịch này, trưởng thành hơn và trở thành một nhà lãnh đạo thực sự. Tất cả sự yếu đuối, sợ hãi, mong muốn bỏ chạy vẫn còn đó, nhưng quan trọng là tôi thừa nhận những cảm giác này. Giờ chúng là những người bạn công khai của tôi và bởi chúng đã được thừa nhận, chúng được nén lại và không còn là thứ yếu ma quỷ quái ác nghiệt nào nữa; chúng ở đó để tôi chịu đựng, tranh cãi và đương đầu; chúng là những cảm nhận bình thường, tự nhiên mà bất kỳ người nào cũng sẽ cảm thấy trong cùng một tình huống. Không có gì phải xấu hổ hay sợ hãi cả. Không có gì vượt ngoài tầm kiểm soát của tôi.

Giờ đây tôi đã chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với cuộc chiến dai dẳng với Gordon. Tôi phải triển khai được chương trình cải cách (và cho dù thủ đoạn của Gordon là gì, tôi cho rằng ông ấy cũng sẽ không dám thẳng thừng phản đối tôi); tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để giải quyết vấn đề Iraq và nếu có thể sẽ đưa quân đội của chúng tôi rút khỏi đó trước khi rời nhiệm sở; hoàn thành thành công nhiệm kỳ chủ tịch G8 và chủ tịch EU; và nếu có thể thực hiện chiến dịch xin đăng cai Olympic. Và vạch ra một chương trình nghị sự cho nhiệm kỳ 4 nếu Gordon không ngoan chấp nhận nó; và nếu không, đó sẽ là cái cớ cho sự thất bại mà tôi sợ rằng sẽ hiển nhiên xảy ra là nếu ông ấy kế nhiệm và chẳng thay đổi gì trong Đảng Lao động mới.

Cũng có một vấn đề lớn khác đang nổi lên. Hiến pháp EU – được đặt tên một cách chết người theo quan điểm của chúng tôi và dẫn tới việc cam kết tiến hành một cuộc trưng cầu dân ý về nó. Đây sẽ là một việc chính trong những tháng đầu tiên của nhiệm kỳ ba. Pháp và Hà Lan cũng dự định tổ chức các cuộc trưng cầu dân ý của riêng họ vào tháng 5. Kết quả của các cuộc trưng cầu dân ý này chưa rõ ràng, nhưng tôi đồ rằng Pháp vẫn sẽ nói Có; và nếu họ làm vậy, Hà Lan nhiều khả năng sẽ làm theo. Các cuộc trưng cầu của chúng tôi chắc sẽ thất bại và không nhiều người tin rằng chúng tôi có thể thay đổi chúng. Nhưng tôi thì lạc quan hơn. Tôi nghĩ chúng tôi chỉ cần biến nó thành một cuộc trưng cầu dân ý về việc có hay không tham gia hiến pháp châu Âu.

Nếu người Pháp nói Có, thì nước Anh chỉ cần làm theo. Các cố vấn của tôi không đồng ý, nhưng tôi thì thiên về việc phát động những cuộc tranh luận thực sự lớn trong công chúng về một vấn đề tôi cảm thấy tự tin và làm đúng. Tôi cũng muốn thông qua một chiến dịch như vậy, hàn gắn liên minh tiến bộ – vốn bị rạn nứt về vấn đề Iraq. Tuy đó là một thách thức cam go, nhưng tôi vẫn thích đương đầu.

Do mọi việc đã dần yên ổn, tôi quyết định đi nghỉ ở Tuscany vào cuối tháng 5. Tôi nghỉ ở nhà các bạn, nhà Strozzi tại Cusona. Tôi đã có một quãng thời gian tuyệt vời với Leo, trải qua những khoảnh khắc thật sự với cậu con trai 5 tuổi của mình. Thắng bé đang ở độ tuổi ưa khám phá. Trẻ sơ sinh thường không có nhiều điểm đặc biệt. Từ khoảng 3 tuổi trở đi, chúng trở nên sinh động hơn và ưa khám phá đến khoảng 12 tuổi, khi bước sang độ tuổi tiếp xúc và bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi môi trường bên ngoài. Sau đó, ở độ tuổi 20, chúng nửa muốn làm người

lớn, nửa vẫn là trẻ con. Đây là giai đoạn các bậc cha mẹ phải khó xử với chúng nhiều nhất và cần hơn nữa sự quan tâm của các bạn. Tất nhiên có những ngoại lệ, nhưng đó là kinh nghiệm của tôi.

Tôi đã hơi lạc đề một chút. Cusona là một địa điểm lý tưởng. Thời tiết dễ chịu và yên tĩnh và khi tất cả giới truyền thông tập trung vào Pháp và cuộc trưng cầu dân ý ở đó, thì những con mắt của thú săn mồi đã tạm thời nhắm sang hướng khác để tôi có thêm cơ hội thư giãn. Nicolas Sarkozy thời điểm đó vẫn còn là một bộ trưởng trong Chính phủ Pháp có ghé thăm tôi. Rõ ràng đã có một cuộc chiến hoàng gia về tương lai của đảng trung hữu UMP mà ông lãnh đạo, nhưng cũng rõ ràng rằng ông ấy đã chắc chắn mình sẽ giành thắng lợi.

Nicolas và tôi có một số điểm chung: nhiệt huyết và kiên định; thiếu kiên nhẫn với những hạng mục truyền thống về cánh tả và cánh hữu; ghét thâm căn cố đế học thuyết và sự cứng nhắc; chúng tôi cùng thích phân tích các vấn đề theo bản năng hơn là theo hệ tư tưởng; và chúng tôi cùng học được rằng thế kỷ XXI không thể phù hợp với nền chính trị của hàng trăm năm trước. Mặc dù vậy, chúng tôi khác nhau ở điểm: ông ấy tự tin thái quá. Khi chúng tôi đi qua một con đường đầy cây xanh dẫn vào biệt thự của gia đình Strozzi, ông ấy quả quyết với tôi rằng: “Tôi sẽ thắng, tôi sẽ trở thành Tổng thống”.

Nếu điều này được nói từ miệng người khác, nó sẽ nghe có vẻ hão huyền, hay thậm chí là hơi điên rồ; nhưng từ Nicolas, điều này được nói ra một cách hấp dẫn và rõ ràng, khiến vấn đề trở nên hoàn toàn thực tế. Đối với những người phát ngôn như thế, người Anh thường sẽ chỉ trích để họ bớt kênh kiệu đi, nhưng người Pháp sẽ ủng hộ. Đó là một người có đam mê, tự tin, phong cách và ngạo mạn, những tính cách mà trong một chừng mực nào đó là đặc trưng của Pháp và trong một chừng mực nào đó làm tôi ngưỡng mộ. Tôi có thể tưởng tượng ra cảnh họ nhìn Nicolas và nghĩ: Giờ đây, đó chính là Tổng thống của chúng ta.

Cuối kỳ nghỉ, có một tin tức đến đúng vào bữa tối: Pháp đã nói “Không” với Hiến pháp. Tôi như cá thoát khỏi lưới câu. Tôi thích tranh đấu, nhưng nếu tôi thua, đó sẽ là một “lời tạm biệt” đối với tôi. Bạn có thể thấy người ta thở phào nhẹ nhõm ở khắp nơi, vượt qua kênh Anh và đến tận Italia. Tôi nói chuyện với Jack Straw, người hoàn toàn nhất quán trong cảm nhận của mình. “Đó là một tin tuyệt vời”, ông ấy nói.

“Tôi thì trông chờ một cuộc trưng cầu dân ý hơn”, tôi trả lời.

“Thế thì ông nông nổi hơn tôi nghĩ đấy”, ông ấy đáp.

Kết quả của cuộc trưng cầu dân ý có ý nghĩa quan trọng đối với tôi vì một lý do khác. Vào ngày 1 tháng 7 tôi sẽ tiếp quản cương vị chủ tịch Liên minh châu Âu nhiệm kỳ 6 tháng. Lần cuối cùng chúng tôi đảm nhiệm vị trí này là năm 1998.

Trong suốt nhiệm kỳ chủ tịch EU 7 năm trước, trong tôi còn đầy ắp sự nhiệt tình của thuở nguyên sơ, thời mới làm Thủ tướng, một nhân vật hoàn toàn mới trên chính trường châu Âu, người ta chưa biết về tôi và tôi cũng vậy. Đó không phải là một sự kiện nổi bật trong nhiệm kỳ đầu tiên của tôi. Tôi quan tâm tới việc chứng tỏ sự thay đổi của nước Anh hơn là thay đổi cục diện châu Âu. Một tư tưởng sáng láng đã nghĩ ra ý tưởng rằng chiếc cà vạt cho nhiệm kỳ chủ tịch của chúng tôi (mỗi nước kế nhiệm có một chiếc cà vạt của riêng mình với biểu tượng đánh dấu nhiệm kỳ chủ tịch đó) cần được vẽ theo tưởng tượng của các em học sinh về từng quốc gia thành viên riêng lẻ. Tôi không biết gì về ý tưởng này cho tới khi tôi nhận được điện thoại của Romano Prodi, lúc đó đang là Thủ tướng Italia. Romano thường rất khó hiểu, nhưng lần đó, ông ấy đã nói rất rõ ràng: “Này Tony, anh đã xúc phạm nước tôi rồi đấy. Chúng tôi không chỉ là một chiếc pizza, anh biết không. Chúng tôi có Rome, Florence, Venice, Michelangelo, Leonardo da Vinci, Galileo, Verdi, Garibaldi và giờ đây nước tôi nghĩ thế giới coi chúng tôi là một chiếc pizza bốn mùa. Điều đó không đúng. Nó cần phải được thay đổi nếu không quan hệ giữa Anh và Italia sẽ trở nên vô cùng tồi tệ”, v.v.... Nếu tôi nói rằng đó là tất cả những gì tôi có thể hồi tưởng lại từ khi tôi làm chủ tịch EU, bạn sẽ hiểu rằng đó không phải là một trong những giai đoạn xuất sắc

trong sự nghiệp của tôi.

Giờ đây, ngay sau khi thắng cử nhiệm kỳ ba, với 8 năm kinh nghiệm làm Thủ tướng, tôi đã trở thành một nhà lãnh đạo hoàn toàn khác và những thách thức mà châu Âu đang phải đối mặt cũng đã thay đổi, cả về số lượng và chất lượng. Đầu tiên – và một phần là do Anh kiên quyết đề nghị – EU đã mở rộng thành tổ chức có 25 thành viên và không lâu nữa sẽ có 27 thành viên. EU đã trải qua một giai đoạn chia rẽ về vấn đề Iraq, ít nhiều cũng có sự cân bằng giữa phe ủng hộ và phe phản đối, nhưng kể từ khi Pháp và Đức nói “không”, mọi thứ trở nên khó khăn hơn. Sau nhiều năm tranh cãi nội bộ, sau một quá trình tham vấn, người ta đã đưa ra một Hiến pháp cho châu Âu, bản hiến pháp mà giờ đây bị bác bỏ. Vậy: Bạn đang đi về đâu? Và tệ nhất là đã có một cuộc chiến về việc cải tổ chi tiêu ngân sách của EU.

Trong vấn đề cuối cùng này, Anh đã trải qua rất nhiều cuộc tranh luận và bất đồng ý kiến. Thực chất việc Anh được giảm mức đóng góp trong EU xem xét chính sách nông nghiệp chung (CAP) hay không vẫn còn bỏ ngỏ. Việc giảm mức đóng góp này là vấn đề mang tính nhạy cảm chính trị cao đối với Vương quốc Anh do CAP là chính sách dành cho Pháp.

Nhìn chung, nhiệm kỳ chủ tịch này, đặc biệt là ở Anh, sẽ rất hấp dẫn, nếu không nói sẽ là một hiện tượng bùng nổ như là việc khuấy động sự việc hơn nữa (đẩy mọi việc phức tạp hơn nữa), ngay trước khi đảm nhiệm cương vị chủ tịch, chúng tôi đã từ chối nỗ lực đạt được một thỏa hiệp về ngân sách của Luxembourg và Thủ tướng nước này, Jean-Claude Juncker.

Jean-Claude là một nhân vật kỳ cựu ở Hội đồng châu Âu, từng là Bộ trưởng Tài chính từ những năm 1980. Tuy là một nước nhỏ, nhưng Luxembourg là một thành viên sáng lập và Jean-Claude rất được kính trọng vì là một thành viên giàu kinh nghiệm và uyên thâm của Hội đồng. Ông đã dốc sức để đạt được một hiệp định và rất nhạy cảm với vấn đề giảm mức đóng góp của nước Anh. Nhưng tôi cảm thấy mình không thể làm được điều đó. Tôi là kẻ phá bĩnh và ông ấy có quyền coi tôi như là vết thương trên cổ.

Tôi gặp hai vấn đề về việc giảm phần đóng góp này, cả hai đều có ý nghĩa quan trọng, quyết định xem mối quan hệ của chúng tôi với châu Âu, tài lãnh đạo của tôi trong việc phát triển Hội đồng. Vấn đề đầu tiên là điều chỉnh hành vi thực sự kích động của giới truyền thông theo trường phái hoài nghi châu Âu. Tất cả báo chí, với số lượng phát hành khoảng 8 triệu bản một ngày – một sức lan tỏa độc nhất vô nhị ở châu Âu – đã hoàn toàn thể hiện thái độ thù địch điên cuồng, man rợ và không thể cứu vãn được đối với châu Âu – thể hiện sai những gì châu Âu đang làm và coi đó là một cuộc chơi vô nghĩa. Báo chí Murdoch đặc biệt hiểm độc. Giới truyền thông có vẻ đều như thế dưới thời Thatcher và lúc tôi bắt đầu nhận ra thái độ đó thì bà ấy đã để lại cho nước Anh một di sản tồi tệ nhất (mặc dù không nghi ngờ gì, về tổng thể, bà ấy là một Thủ tướng vĩ đại).

Đối với tôi, nhìn chung, châu Âu là một vấn đề đơn giản. Đó là việc đối phó với thế giới hiện đại. Tôi ủng hộ tư tưởng châu Âu, nhưng dù tôi không nghĩ thế, thì trong thế giới có nhiều quyền lực mới nổi này, Anh cần châu Âu để phát huy ảnh hưởng và gia tăng lợi ích. Không hề phức tạp, mà cũng không phải là vấn đề tâm lý gì cả. Đó là vấn đề thực tế về chính trị thực sự.

Tôi xem thái độ bài châu Âu là thái độ vô vọng, lỗi thời một cách ngớ ngẩn và phi thực tế. Đó cũng là sản phẩm của lối suy nghĩ thiển cận nguy hiểm, một cách nhìn hẹp hòi về thế giới mà tôi nghĩ sẽ tác động xấu tới tâm lý cả quốc gia. Đó là một dạng ảo tưởng hậu đế quốc.

Thái độ này được thúc đẩy liên tục khi phe Mỹ – những người có xu hướng coi khinh sự yếu đuối, mù mờ trong chính sách đối ngoại của châu Âu (và dĩ nhiên bộ máy hành chính Brussels là trò cười) – hợp tác với phe Anh và xây dựng một lập luận bị xem là trò tiêu khiển của Mỹ nhưng lại là một ngõ cụt nguy hiểm với Anh. Vì thế nước Anh nên duy trì quan hệ mật thiết với Mỹ, thay vì trở thành đối tác chủ chốt của các thành viên EU.

Dĩ nhiên, đây cũng là một ảo tưởng. So với Anh, Mỹ mạnh hơn rất nhiều về kinh tế chính trị và

chắc chắn chúng tôi sẽ bị lép vế khi hợp tác với Mỹ. Ngoài ra, nếu tiếp cận với châu Âu, chúng tôi sẽ được xem trọng hơn ở Washington.

Hơn nữa, đối với phần còn lại của thế giới, một nước Anh tách rời với châu Âu sẽ bị xem là chuyện lạ, điều khiến người ta cười nhạo, còn tôi ghét cay ghét đắng một “nước Anh tốt đẹp xa xưa”. Tôi nhớ lại lần thăm Lý Quang Diệu – một nhà lãnh đạo lỗi lạc nhất tôi từng gặp – ở Singapore năm 1995, khi là Lãnh đạo phe đối lập. Ông ấy là người bị phe cánh tả ghét cay ghét đắng. Tôi đã làm ông ấy ngạc nhiên khi không hỏi về dân chủ ở Singapore. Do tôi đã từng nghe mọi người kể rằng ông ấy là một nhân vật kiệt xuất và bất cứ ai cũng có thể nhận thấy điều ông ấy đạt được ở Singapore là một trong những thành tựu vĩ đại nhất trong trí tưởng tượng của nền chính trị hiện đại, nên tôi chỉ hỏi ông ấy đơn giản rằng: Hãy chỉ tôi cách chiến thắng và điều hành đất nước.

Ông ấy lăm băm, ngừng lại một lúc rồi bộp bạch với tôi. Ông ấy khuyên tôi nên duy trì những cải cách của Thatchers nhưng loại bỏ thái độ thù ghét điên rồ với châu Âu đi. “Tôi đã bảo với Margaret là bà ấy sai lầm về vấn đề này rồi”, ông nói “Nước Anh, không thể trụ được trên thế giới ngày nay nếu tách rời châu Âu. Đơn giản là nó không thực tế”. Rất lâu sau này, vị Thủ tướng tuyệt vời của Ấn Độ, Manmohan Singh cũng nói với tôi những điều tương tự. Người Trung Quốc quá lịch sự và hình thức để đề cập trực diện đến vấn đề đó, nhưng rõ ràng là họ cũng nghĩ như thế.

Việc tại sao Anh đã để thái độ hoài nghi châu Âu ngấm vào tận tâm can mình là một câu hỏi gây tò mò. Giả định của tôi – có thể hoàn toàn vô lý – là vấn đề của chúng tôi với liên minh châu Âu rằng chúng tôi không sáng tạo ra nó; hay ít nhất là không phải là thành viên sáng lập nó. Sau đó khi Harold Macmillan quyết định đúng đắn là chúng tôi nên gia nhập, thì de Gaulle đã nói, “Không”. Điều này, kết hợp với cảm giác cao ngạo của kẻ có uy quyền vẫn còn tồn tại trong tâm lý của người Anh – một phần vừa cảm thấy mình ưu việt, một phần vừa cảm thấy bất an – đã khiến cả quốc gia có thái độ bài EU, điều hoàn toàn chẳng giúp ích được gì.

Dĩ nhiên, châu Âu cũng có ảo tưởng của riêng họ: cách khiến châu Âu mạnh hơn đơn giản là hòa nhập các tiến trình hoạch định chính sách của nó. Nói theo cách khác, “ủng hộ châu Âu” có nghĩa là ủng hộ việc tăng cường bỏ phiếu đa số đủ điều kiện, tăng quyền lực cho nghị viện châu Âu, tăng các lĩnh vực cho pháp luật châu Âu, v.v... Hiến pháp đã được chú ý hơn và việc này không có ích lợi gì. Nó trở thành cách để người ta tránh các vấn đề thực sự đang ảnh hưởng tới sức mạnh của châu Âu: làm thế nào để ra những quyết định chính sách mạnh mẽ, đưa châu Âu đi đúng hướng. Mọi người muốn có những cuộc tranh luận vô tận về câu chữ, khuôn khổ pháp lý và có xu hướng tránh các vấn đề chính trị như: có tự do hóa nền kinh tế của chúng ta hay không, có trở thành một lực lượng mạnh về quốc phòng hay không; nên có chính sách đối ngoại gì, v.v....

Tất cả những điều này khiến ảo tưởng của Anh – một định kiến – đã được duy trì bởi một cơ sở khách quan tìm thấy trong ảo tưởng của châu Âu. Đã có những chỉ trích về châu Âu hoàn toàn đúng đắn, nhưng đáng ra các lập luận này không nên dẫn tới việc tự chia tách nước Anh khỏi châu Âu. Chúng tạo cho chủ nghĩa bài châu Âu những luận điểm vững chắc nhằm phản đối đường hướng của châu Âu và những luận điểm này ít nhiều đã chi phối các tranh luận ở nước Anh.

Thêm vào đó vào thời điểm này, trong các thương lượng về ngân sách năm 2005, vấn đề giảm nghĩa vụ đóng góp của Anh được lồng thêm những sắc màu thần thánh tôn giáo. Thách thức nó giống như việc giới thiệu Darwin với một người theo thuyết tạo hóa. Trong những năm đầu, Anh đã phải đóng góp một khoản không cân xứng, căn cứ vào những công thức tính toán đơn giản về nghĩa vụ đóng góp của các thành viên cho ngân sách EU. Năm 1983, Thatcher đã đạt được việc giảm số tiền đóng góp, dựa trên một công thức phức tạp, nhưng với một mục đích đơn giản: giảm số tiền đóng góp cho nước Anh và khiến nó cân xứng hơn. Bà đã rất nỗ lực và điều này đã trở thành một phần của thần thoại linh thiêng.

Do châu Âu mở rộng, công thức này – vào thời điểm đó chỉ làm nhiệm vụ bù đắp những tính toán không công bằng cho nước Anh – giờ lại vận hành theo cách không công bằng với các thành viên khác. Điều này rất khó hiểu. Những con số vẫn còn đó. Đồng ý. Đã rõ. Bảng bảng Anh, shillings và pence. Hay euro.

Nhưng không điều gì trong số này được đề cập đến trong các tranh luận ở Anh. Không gì có thể chạm tới được vấn đề giảm nghĩa vụ đóng góp. Nghi ngờ nó là một động thái phản bội dân tộc. Việc phân tích những số liệu này sẽ đẩy Anh xuống một đoạn dốc trơn trượt. Tòa án Thiên Chúa giáo – ban thẩm tra Tây Ban Nha – sẽ có thêm cơ sở để kết án một kẻ bỏ đạo.

Tôi đã nói rằng có hai vấn đề với việc giảm nghĩa vụ đóng góp này. Vấn đề còn lại liên quan đến Gordon. Ông ta thể hiện một lập trường rất cứng rắn và tôi biết Gordon rất được “quản lý” rất cẩn thận. Có rất nhiều bài báo cho rằng ông ta sẽ “ngăn” tôi nhưng bộ trong vấn đề này. Không cần phải nói, báo của Rupert Murdoch luôn đi tiên phong và tấn công toàn lực. Do đó tôi nghĩ, nó sẽ là một chỉ dẫn chết tiệt làm hoa tiêu cho tôi nếu tôi là một phi công. Hiệp định Luxembourg không tồi; nhưng tôi có thể làm tốt hơn. Và tôi có thể làm điều đó với những công cụ tốt hơn nhiều nếu đảm đương việc đàm phán. Dĩ nhiên đó là một canh bạc thực sự và nó sẽ nâng tầm hoặc làm tổn hại sâu sắc tới nhiệm kỳ chủ tịch EU của tôi. Nếu thất bại, tình hình sẽ rất tệ hại, nhưng nếu tôi thành công, đó sẽ là một thành tựu lớn.

Vào 22 tháng 6, ngay sau khi hội nghị thượng đỉnh Luxembourg kết thúc mà không đạt được hiệp định gì, Jean-Claude đã có bài phát biểu trước Nghị viện châu Âu với tư cách là một chủ tịch sắp rời nhiệm sở. Theo kế hoạch, tôi sẽ có bài phát biểu nhậm chức trước Nghị viện một ngày sau đó. Jean-Claude, người mà nhiều thành viên nghị viện cho rằng đã bị đối xử vô cùng tệ hại, đã được đón tiếp nồng hậu. Ông ấy là người châu Âu thực sự. Ông ấy đã thất bại vì bị phản bội. Ông ấy đã chiến đấu cừ khôi và Nghị viện châu Âu, hơi giống Đảng Lao động và một kẻ bại trận anh dũng. Trong khi được mọi người đứng dậy tung hô, ông đọc một bài diễn văn rất giống một thông điệp liên bang và về cơ bản là buộc tội kẻ đã không nhất trí làm suy yếu châu Âu.

Đó không phải là một quang cảnh tuyệt vời được sắp đặt cho chuyến viếng thăm của tôi ngày hôm sau. Mọi thứ giống như là sau khi lắng nghe tâm sự của một người cha đang sốc và giận dữ vì con gái bị bắt cóc, bị xâm hại vô cùng tàn bạo, giờ đây, họ sắp lắng nghe tâm sự của kẻ đã làm điều đó.

Đó là một dịp rất trọng đại đối với tôi. Tôi là Thủ tướng vừa thắng cử nhiệm kỳ ba (điều khiến một số người ngưỡng mộ tôi và một số oán hận tôi – đặc biệt là những người ở cánh tả, do họ cho rằng một vị lãnh đạo cấp tiến thắng nhiều cuộc bầu cử chắc hẳn khá vô nguyên tắc); Sau vấn đề Iraq, tôi là một nhân vật không nhất quán. Tôi không đưa Anh gia nhập nhóm sử dụng đồng euro. Cho dù về tổng thể, lập trường của tôi là ủng hộ châu Âu, tôi vẫn lưu ý không để mọi việc đi quá những gì mà dư luận Anh coi là hợp lý. Điều đó có nghĩa là tôi bị cả hai phe phỉ báng, phe cánh hữu ủng hộ châu Âu và phe cánh tả vì không hành động đúng mức. Nhưng nó cho phép tôi điều hành đất nước và đưa mọi thứ tiến lên phía trước, điều mà tôi có thể.

Và tôi đã làm được, với việc Jacques Chirac triển khai chính sách phòng thủ chung của châu Âu. Khi là chủ tịch EU năm 1998, thực tế tôi đã làm chủ tịch Hội đồng đưa đồng euro vào cuộc sống (thực ra cách đây vài trang, tôi đã bông đùa một chút về nhiệm kỳ này), bố trí một cuộc thương lượng việc bổ nhiệm Wim Duisenberg vào chức Chủ tịch Ngân hàng Trung ương Châu Âu – một cuộc thương lượng lộn xộn – nơi niềm kiêu hãnh của Pháp vấp phải tính ngoan cố của người Hà Lan và xung đột với lợi ích của người Đức, được trình bày bởi nhân vật vĩ đại (nhưng vào thời điểm đó uy tín đã hơi giảm) Helmut Kohl. Tôi đã góp phần vào tiến trình Lisbon, một nỗ lực nghiêm túc đầu tiên đặt việc cải cách kinh tế châu Âu vào một khuôn khổ hành động chặt chẽ, tuy hạn chế nhưng vẫn đạt được thành công thực sự. Tôi đã len lỏi qua 3 hiệp ước châu Âu lớn – Amsterdam, Nice và Hiệp ước Hiến pháp Rome – tất cả những điều này có thể đẩy Anh trở lại biên giới của châu Âu, nơi sự quan tâm của chúng tôi đã suy giảm từ năm 1992 đến năm

1997. Thay vào đó, Anh vẫn là trung tâm của mọi vấn đề.

Trên hết vào tháng 6 năm 2004, tôi đã phản đối yêu cầu của Pháp/Đức rằng để Thủ tướng Bỉ Guy Verhofstadf trở thành chủ tịch của Ủy ban châu Âu và thay vào đó bổ nhiệm José Manuel Barroso. Đây là lần đầu tiên động cơ đôi của châu Âu đã ngừng trệ trước một vấn đề lớn như vậy. Quan hệ của tôi với Gerhard Schroeder không bao giờ phục hồi được. Jacques Chirac đón nhận việc này một cách bình tĩnh hơn. Nhưng Barroso rõ ràng là một lựa chọn tốt hơn, nếu bạn muốn châu Âu cải cách theo hướng phi liên bang hóa. Mặc dù vậy, nếu Anh không có quan hệ tốt với các nhà lãnh đạo khác và không chiếm vai trò chủ đạo thì điều đó sẽ không bao giờ xảy ra. Chúng tôi có thể đạt được điều tôi muốn nhờ vị trí này.

Dĩ nhiên, thực tế, tôi cũng đã bị những người vận động ủng hộ châu Âu chỉ trích vì không đủ “dũng cảm” đưa nước Anh gia nhập khối sử dụng đồng tiền chung euro. Đúng ra, chẳng có gì liên quan tới dũng cảm hay thiếu dũng cảm ở đây. Cũng như chẳng liên quan gì tới sự phản đối của Gordon. Thành thực mà nói, lúc đầu, năm 1997, ông ta là một trong những người thiên về lập trường ủng hộ ý tưởng một đồng tiền chung và tôi phản đối.

Vấn đề của tôi với đồng euro rất đơn giản. Về cơ bản, tôi thích chính trị và với tôi chính trị rất rõ ràng: nên gia nhập và tham gia đầy đủ vào tiến trình hoạch định kinh tế của châu Âu. Nhưng tôi cũng biết rằng, chính trị cũng rất rõ ràng trong một hướng khác. Châu Âu là một đề xuất kinh tế. Nó được gọi là liên minh kinh tế và tiền tệ. Nếu không toàn nói về vấn đề kinh tế, nó sẽ tốt cho Anh, nó đơn giản không phải là một thứ gì có giá trị về chính trị, có nghĩa là vấn đề của chính trị là kinh tế. Tuy nhiên, trong điều kiện tốt nhất thì các vấn đề kinh tế vẫn mơ hồ; và chắc chắn hàm chứa nhiều hoài nghi. Vào thời điểm diễn ra bầu cử năm 2001, tôi đã nghĩ rằng nếu quan điểm thúc đẩy hợp tác kinh tế ở châu Âu thay đổi một cách quyết định, tôi chắc chắn sẽ đặt cược vào một cuộc trưng cầu dân ý. Tôi không đồng ý với Gordon ở chỗ ông ta bày tỏ thái độ tiêu cực với đồng euro. Tôi thì luôn luôn nói rằng, cho dù chúng ta không gia nhập vì nhiều lý do, nhưng vì những lý do ngoại giao cũng phải luôn thể hiện thái độ tích cực của mình. Nếu các yếu tố kinh tế thay đổi, thì tôi đã ủng hộ việc gia nhập. Nhưng sự thực là không. Và đối với tôi, đó là điều quan trọng. (Cũng hoàn toàn không đúng khi người ta cho rằng tôi sẽ nhượng bộ nếu Gordon đồng ý thử để Anh gia nhập khối đồng tiền chung).

Vậy, tóm lại, tôi đã có một thành tích đem lại cho tôi cả những người ủng hộ và những kẻ gièm pha. Nhưng vào thời điểm tính đến ngày 23 tháng 6 năm 2005, số người gièm pha nhiều hơn người ủng hộ.

Rốt cuộc, bài diễn văn sắp tới sẽ có ý nghĩa rất quan trọng. Tôi quyết định tự viết nó. Ngồi bên chiếc bàn vào sáng sớm trong khách sạn ở Brussels, tôi cầm bút lên, viết những dòng vừa thoáng đến trong đầu và tôi viết một mạch cho đến khi kết thúc.

Khi tôi đứng trước Nghị viện châu Âu, dường như mọi người đã sẵn sàng để cười nhạo. Tôi muốn nhắc các bạn rằng, sau các buổi chất vấn Thủ tướng (PMQ) ở Hạ viện, cảm giác ở đây giống như đứng trong sân chơi của trường nữ sinh sau một thời gian dài bị giam giữ ở một nhà tù an ninh tối cao.

Tôi biết mình muốn nói gì. Tôi đã nghĩ về nó nhiều năm rồi và đây là cơ hội của tôi. Đối với tôi, châu Âu đã đủ chín cho một cuộc tranh luận về chính trị ôn hòa kinh điển. Nó được kết hợp giữa những người có tư tưởng châu Âu mang tính xã hội, trong đó về cơ bản là tăng cường các quy định pháp lý và những người chỉ muốn châu Âu trở thành một thị trường chung. Như vậy có nghĩa là: tư tưởng hoài nghi đối chọi với tư tưởng liên bang hóa. Về bản chất, tôi đã nói rằng mục đích của tư tưởng châu Âu xã hội và châu Âu kinh tế có thể sống chung với nhau và rằng “mục đích của một châu Âu mang tính chính trị phải thúc đẩy các thể chế dân chủ và hiệu quả, để phát triển chính sách trong hai lĩnh vực trên và trên tất cả mọi mặt, chúng ta muốn và cần hợp tác vì lợi ích đôi bên. Nhưng mục đích của lãnh đạo chính trị là hoạch định ra các chính sách phù hợp với thế giới ngày nay”.

Do đó tôi tiếp tục vạch ra các thách thức của châu Âu: đó là làm thế nào để thay đổi trong một thế giới đang biến đổi, trong đó không chỉ Mỹ mà cả Trung Quốc, Ấn Độ và những cường quốc đang trỗi dậy sẽ đóng một vai trò lớn hơn, do các quốc gia đó lớn hơn nhiều so với các quốc gia riêng lẻ của châu Âu về kích cỡ, về dân số và do đó cả về sức ảnh hưởng, theo thời gian.

Tôi ca ngợi châu Âu. Tôi cũng chế nhạo những ý tưởng chú trọng vào phát triển thể chế. Tôi chỉ ra rằng, mỗi lần nói nguyên do của sự ám ảnh đó là đưa chúng ta “gần với người dân hơn”, chúng ta thậm chí sẽ mất thêm sự ủng hộ của họ. Do đó tôi vạch ra một chương trình nghị sự cho sự thay đổi, dựa trên hướng đi và các quyết sách lớn.

Dĩ nhiên, tôi có được sự trợ giúp khổng lồ từ thực tế rằng, Pháp và Hà Lan đã bác bỏ bản Hiến pháp trong các buổi trưng cầu dân ý của họ và khó có thể nói rằng điều này cho thấy nền chính trị ở châu Âu hiệu quả. Việc châu Âu đang lâm vào khủng hoảng thực sự là điều không còn phải tranh cãi và điều này củng cố thêm các lập luận về thái độ thay đổi châu Âu của tôi.

Bài diễn văn đã tạo ra một ảnh hưởng lớn và giúp xây dựng một danh tiếng tuyệt vời mà tôi chưa đạt được ở Anh trong nhiều năm. Việc này được nhắc đi nhắc lại khắp châu Âu và trở thành một chủ đề bàn luận hấp dẫn.

Trong phiên chất vấn tại Nghị viện châu Âu, sau bài phát biểu, tôi cũng đã cho họ thấy một chút nghệ thuật chứng tỏ mình giống như trong các phiên chất vấn Thủ tướng (PMQ), tôi to tiếng một chút với một số người trong số họ (đồng nghiệp của họ luôn rất thích điều này), tôi hạ thấp những kẻ lạc loài trong Đảng Tự Do Anh (chứng tỏ tôi có thể sẵn sàng chiến đấu với chủ nghĩa hoài nghi Anh), pha trò và làm bẽ mặt một số người để thỏa mãn đám đông. Danny Cohn-Bendit, lãnh đạo của cuộc cách mạng Paris 1968, được sắp xếp phát biểu sau tôi. Tôi đã bảo ông ta rằng, tôi từng lắng nghe các bài diễn văn của ông ta trước đây và giờ ông ấy phải lắng nghe bài phát biểu của tôi, lúc đó vẫn còn chưa kết thúc. Các đại biểu đều hưởng ứng và điều đó làm ông ta tiu nghỉu.

Theo thời gian, dần dần, tác động của bài diễn văn giảm dần, nhưng nó đã dọn cho tôi một con đường thẳng tiến tới chức chủ tịch EU. Điều tưởng là không may cuối cùng được hóa giải và mọi người đã phải ngạc nhiên và sau đó sẵn lòng ủng hộ luận điểm của tôi.

Dĩ nhiên, chúng tôi chưa có một thỏa thuận về ngân sách. Nền chính trị của châu Âu cũng sắp trải qua một sự thay đổi lớn về lãnh đạo với cuộc bầu cử tháng 9 ở Đức. Gerhard và đảng SPD đã rất nỗ lực để phản công sau khi thu được kết quả kém trong cuộc bỏ phiếu và đã gần như làm được điều đó, nhưng Angela Merkel đã vượt qua trong gang tấc và trở thành Thủ tướng mới.

Như tôi đã nói, tình bằng hữu giữa tôi và Gerhard đã xấu đi. Ông ấy tạm quên vụ Iraq, nhưng lại giận dữ về Guy và chức chủ tịch Ủy ban. Vào bữa tối, sau khi việc bổ nhiệm Guy bị ngăn cản, ông ấy đã công kích tôi theo cách rất cá nhân. Tôi đã cố gắng giải thích rằng Guy không phải là người có cách dẫn dắt châu Âu mà tôi cho là phù hợp. Về phần tôi, chẳng có gì liên quan đến cá nhân trong việc này cả. Gerhard thì nói thẳng ra rằng: với ông ấy thì có và chỉ thế thôi. Thật đáng tiếc. Ông ấy có nhiều phẩm chất của một nhà lãnh đạo lớn, điều mà tôi từng ngưỡng mộ.

Tôi đã có một khoảng thời gian tiếp xúc với Angela trước cuộc bầu cử. Sự thực là – tôi sợ điều này ngày càng trở thành một điều quen thuộc trong quan hệ của tôi với phe trung hữu của châu Âu – chúng tôi có nhiều điểm chung với bà ấy hơn đảng SPD của Đức. SPD rất thân cận với Nga và tuy Gerhard là một nhà cải cách nhưng đảng của ông ấy thì không. Quan điểm về mô hình xã hội châu Âu rất truyền thống. Angela sẽ thấy cần phải có sự thay đổi. Tôi cũng quý mến bà ấy về mặt cá nhân nữa. Thoạt đầu, bà ấy có vẻ hơi rụt rè, thậm chí là xa cách, nhưng khoảnh khắc đó sẽ nhanh chóng qua đi. Tôi nghĩ bà ấy là người cương trực và về bản năng có sự đồng cảm nào đó với tôi. Chúng tôi khá thân thiện.

Sự xuất hiện của bà – hơi lúng túng, ngượng ngịu do tác động những cuộc thương lượng hình

thành Chính phủ liên minh kéo dài và sau chiến thắng sát sao trong cuộc tranh cử – là một nhân tố mới và chủ chốt trong thỏa thuận về ngân sách. Nó cũng nhấn mạnh một thách thức quan trọng khác: mối quan hệ với Thổ Nhĩ Kỳ. Dưới sự lãnh đạo của Chính phủ mới, Thổ Nhĩ Kỳ đã đạt những bước tiến ý nghĩa tới gần với châu Âu. Chính phủ nước này được kiểm soát bởi đảng Hồi giáo AK, tương phản với mô hình muôn thuở trong nền chính trị Thổ. Mặc dù vậy, Thủ tướng Tayyip Erdogan và Ngoại trưởng đối ngoại lúc đó, Abdullah Gül, là những người biết điều và có tư tưởng tân tiến. Thành thực mà nói, ít nhất vào thời điểm đó, đó là những chính trị gia Thổ Nhĩ Kỳ mềm mỏng nhất mà tôi từng gặp. Họ khôn ngoan, biết mình muốn gì và tỏ ra lo lắng khi xích lại gần châu Âu và cư xử khá hợp lý về vấn đề Cyprus.

Châu Âu đã tìm ra một lập trường ủng hộ việc Thổ Nhĩ Kỳ trở thành thành viên của EU trong dài hạn, nhưng việc này sẽ cần thời gian. Có những tiêu chí cho việc gia nhập; chúng cần được đáp ứng để xoa dịu nỗi lo ngại của các nước châu Âu có bộ phận đông đảo người Thổ nhập cư như Đức và để tạo mục tiêu phấn đấu cho những nhà hiện đại hóa của Thổ Nhĩ Kỳ. Do đó, về cơ bản, người ta đã nói “Có” với việc gia nhập EU của Thổ Nhĩ Kỳ; nhưng trong thực tế, còn xa việc đó mới xảy ra. Nhưng thế là tạm ổn, chỉ cần gắn kết với nhau.

Lý do cho sự miễn cưỡng này một phần là vì EU mới chỉ mở rộng tiếp nhận thêm thành viên cách đó không lâu và người ta muốn có thời gian để sắp xếp mọi việc và một phần là vì Thổ Nhĩ Kỳ, một quốc gia có hơn 70 triệu người Hồi giáo, vẫn là một điều gì đó khác biệt. Đó không phải là vì các nhà lãnh đạo EU ghét bỏ đạo Hồi, cho dù trong dân cư, không còn nghi ngờ gì nữa, thái độ đó vẫn còn hiện diện. Nhưng, rõ ràng và thực ra hoàn toàn có lý khi nói rằng, việc Thổ Nhĩ Kỳ gia nhập EU sẽ tạo ra một sự thay đổi lớn trong bản chất của châu Âu và phải xử lý làm sao để việc này sẽ được tiến hành đúng.

Tôi đã và đang ủng hộ sự gia nhập của Thổ Nhĩ Kỳ. Tôi muốn Thổ Nhĩ Kỳ hướng về phía Tây còn châu Âu hướng về phía Đông và nếu xử lý việc này đúng đắn, việc Thổ Nhĩ Kỳ trở thành thành viên sẽ chỉ có lợi cho chúng tôi. Sẽ rất nguy hiểm – cho cả chúng tôi và họ – nếu đẩy Thổ Nhĩ Kỳ ra xa, bởi vì nó sẽ nêu bật một thực tế là hai nền văn minh Do Thái-Cơ đốc và Hồi giáo không thể cùng tồn tại hòa bình. Những hàm ý về sự ghẻ lạnh này sẽ rất lớn. Sau khi tôi rời nhiệm sở, một cách lịch sự nhưng kiên quyết, Thổ Nhĩ Kỳ đã bị đẩy trở lại hướng mà theo đó họ sẽ không phải là thành viên hoàn toàn của EU. Đó là một sai lầm nguy hiểm cho cả hai bên.

Vào cuối tháng 10, tôi đã chủ trì một hội nghị thượng đỉnh EU không chính thức ở Cung điện Hampton Court. Thường thì đối với những hội nghị như thế này, người ta sẽ vạch ra những chương trình hoạt động cho các vấn đề như trường đại học, nghiên cứu và phát triển, năng lượng và phát minh, mà một ngân sách mới của châu Âu cần tập trung vào một cách hợp lý. Châu Âu đang đứng trước nguy cơ bị tụt lại phía sau và tôi định đặt ra một chương trình chú trọng vào các lĩnh vực sẽ có ý nghĩa sống còn trong việc tăng cường khả năng cạnh tranh của châu Âu trong tương lai.

Nhưng vấn đề ngân sách vẫn là một vấn đề gây tranh cãi duy nhất và việc giảm phần đóng góp của Anh là điểm được bàn tới nhiều nhất. Nó càng được thảo luận nhiều bao nhiêu, nó càng gây khó khăn cho tôi, do, như tôi đã nói, ngay cả chỉ nói về nó cũng đồng nghĩa với một lời báng bổ về chính trị. Người Pháp sẽ nêu vấn đề này ra theo cách thực sự khó chịu và làm thế thường xuyên. Tôi phản công với một số luận điểm chống chính sách nông nghiệp chung.

Dĩ nhiên, do ngân sách được phân bổ rộng khắp, cho toàn bộ các chi tiêu của EU, đó chính là điểm bắt nguồn của những vấn đề phức tạp. Đây thực sự là một cuộc chơi chẳng tích sự gì. Ngân sách luôn cố định vì vậy, lợi ích của người này sẽ đồng nghĩa với mất mát của người khác. Trong khía cạnh này, mọi quốc gia đều có một mối quan tâm, thành viên mới thì muốn nhận được tài chính của EU để phát triển đất nước, còn thành viên cũ thì muốn vin vào bất kỳ đặc quyền nào mà lịch sử đã để lại cho họ.

Đó là một cơn ác mộng của chi tiết, những tư tưởng đối lập về mặt chính trị, niềm tự hào dân

tộc, nhiệm kỳ chủ tịch EU và Thủ tướng; tất cả thể hiện trước công chúng trong một thứ màu sắc chói lọi. Sau hội nghị thượng đỉnh tháng 12, nơi sẽ tiến hành những thương lượng cuối cùng, mỗi thành viên sẽ phải trở về nhà trong sự chào đón, hay nước mắt. Tất cả họ sẽ nỗ lực điên cuồng để nhận được sự chào đón, nhưng giới truyền thông của mỗi nước đã sẵn sàng tin rằng kết quả sẽ là nước mắt. Tôi bị mắc kẹt ở giữa và hiển nhiên, bởi vì lập trường của Anh về vấn đề giảm phần đóng góp, như định kiến.

Những cuộc thương lượng kéo dài nhiều giờ, nhiều ngày và vào cuối năm, những cuộc thảo luận gay gắt kéo dài hàng tuần. Tôi đã trở thành một chuyên gia đúng nghĩa về việc cấp tài chính cơ cấu và cố kết phức tạp, về việc Tây Ban Nha chiếm lại Ceuta và Melilla, về các công thức tính số tiền đóng góp được giảm trừ của Thụy Điển và Hà Lan, về việc một nông dân Pháp trung bình kiếm được bao nhiêu, về việc các bang ở Đức có thể chịu đựng được những gì và dĩ nhiên cả chi tiết về sự phù hợp trong chi tiêu của EU cho mỗi lĩnh vực chính sách trọng yếu.

Tôi được giúp sức bởi một đội ngũ tuyệt vời, đứng đầu là cố vấn về EU của tôi ở nhà Số 10, Kim Darroch và Đại sứ Anh ở Brussels, Ngài John Grant. Họ là những nhân vật kiệt xuất, là những công chức Anh giỏi giang nhất, đầy óc sáng tạo, sẵn sàng tư duy ngoài khuôn khổ (phải nói rằng đã có rất nhiều khuôn khổ) và với một mạng lưới liên lạc sâu ở các quốc gia thành viên.

Những cuộc thương lượng cuối cùng được dự kiến diễn ra vào 15 -16 tháng 12. Chắc chắn, đó sẽ là những cuộc họp hành thâu đêm. Giống như một tấm ghép hình khổng lồ với hàng nghìn mảnh ghép, nếu các đường viền của một mảnh bị thay đổi, thì đột nhiên 5 mảnh khác sẽ không vừa. Khoảng 1/3 tổng ngân sách sẽ phải được phân bổ lại vì lợi ích của những thành viên mới. Điều đó có nghĩa là tất cả các thành viên cũ, bao gồm cả Anh, sẽ phải đóng góp thêm.

Hội đồng châu Âu nhóm họp ở tầng 5 của tòa nhà Justus Lipsius ở Brussels. Các phòng họp khủng khiếp đến mức bạn chỉ muốn có một động lực nào đó để đồng ý và ra khỏi đó ngay. Quốc gia giữ chức chủ tịch luân phiên sẽ có một dãy phòng ngay gần hành lang chính, nơi bạn có thể ngồi và xem hết quốc gia này đến quốc gia khác, lắng nghe các nhà lãnh đạo của họ than phiền, phỉnh phờ và đe dọa khi bạn đánh giá điều gì là sự khoe khoang khoác lác và điều gì là thực, điều gì có thể thừa nhận và điều gì phải dẹp tan và khi nào là đúng lúc cho chủ tịch lên tiếng uy hiếp.

Không quốc gia nào muốn bị lợi dụng, nhưng không quốc gia nào muốn bị cho là nguyên nhân của sự thất bại. Vậy là, trải qua liên tiếp các cuộc họp tồi tệ như vậy trong căn phòng tẻ ngắt và vô hồn đó, bạn vẫn phải tính toán xem khi nào tiến, khi nào thoái và khi nào trì hoãn.

Chiến lược của tôi là: kết đồng minh với Angela và chia sẻ lợi ích của thành công với bà ấy, điều giúp ổn định vị trí Thủ tướng của bà ấy; phân loại người Tây Ban Nha và người Italia; giành chiến thắng trước người Ba Lan; dàn xếp với người Pháp. Và sau đó đưa mảnh ghép của chúng tôi vào, sao cho đúng thời điểm tất cả mọi người đều muốn có một hiệp định và muốn về nhà.

Chúng tôi đã đạt được một thỏa thuận mà thực ra khiến Anh lần đầu tiên đóng góp một phần gần bằng Pháp. Giới truyền thông Anh gọi đó là sự phản bội, nhưng thành thực mà nói, họ cũng sẽ nói như vậy ngay cả khi tôi xích Jacques Chirac và giải đi dọc các con phố London. Và vào lúc đó, tôi cũng không mấy quan tâm tới những gì họ nói. Chúng tôi đã bảo toàn được việc giảm phần đóng góp, khẳng định rằng nếu quyền lợi này bị mất đi thì chính sách nông nghiệp chung (CAP) cũng sẽ bị ảnh hưởng. Chúng tôi cũng nhất trí về một điểm đột phá trong phân bổ ngân sách để cải cách hai vấn đề trên. Tuy không nên nói ra nhưng thành công này gần giống như một điều thần kỳ nhỏ.

Mặc dù vậy, tôi đã có một thời gian kinh khủng nhất với Gordon. Ông ấy khẳng khái đòi Pháp chấp nhận sự thoái trào của CAP và đưa những tư tưởng này vào những tuyên bố trước công chúng, như là để chọc tức người Pháp. Thực ra, ông ấy không chỉ muốn Pháp từ bỏ CAP mà còn muốn họ phải lên tiếng xin lỗi vì đã từng ủng hộ nó. Buồn cười ở chỗ là điều này lại có ích cho tôi, bởi tôi đã có thể nói: thấy vấn đề của tôi chưa? Giờ đây anh đã bắt đầu hành động hợp lý

hơn phải không? Do đó, vô tình chúng tôi đã hành động theo kiểu vừa dấn vừa xoa đối với Pháp.

Nhưng khi các cuộc thương lượng kéo dài sang sáng sớm, nó đã trở nên nghiêm trọng hơn. Gordon từ chối chấp nhận bản thỏa thuận. Jon Cunliffe, một viên chức mẫu mực và giỏi giang của Bộ Tài chính, làm trung gian giữa tôi và Gordon, đã làm ông ấy nổi cơn tam bành, thật đáng thương. Gordon bằng lòng với việc để mọi việc đi xuống và sẽ chiến đấu trong nhiệm kỳ chủ tịch sau. Tôi biết đó chắc chắn sẽ là một điều kinh khủng với danh tiếng của đất nước, của Chính phủ và của tôi; và một khi chúng tôi đã không còn ngồi ở ghế người lái nữa, chẳng có gì có thể đảm bảo rằng Anh sẽ đạt được một thỏa thuận tốt hơn. Trên thực tế, thỏa thuận này gần như sẽ tệ hơn.

Cuối cùng, tôi không nhận cuộc gọi của ông ấy nữa. Jon đáng thương vào văn phòng chủ tịch và nói: "Bộ trưởng Tài chính muốn nói chuyện với ngài". Tôi sẽ nói: Tôi rất bận, John. Và ông ấy nói: "Ông ấy yêu cầu gặp". Rồi tôi nói "Tôi sẽ gọi cho ông ấy ngay thôi" Và Jon nói: "Ông nói thật chứ, Thủ tướng?" Và tôi sẽ nói "Không, Jon".

Ít hay nhiều, thì việc đó cũng hiệu quả. Chúng tôi đã có một thỏa thuận tốt. Gordon đã có thể tự tách khỏi vấn đề này. Và ngay sau đó, có quá nhiều chuyện khác phải bận tâm.

18. Chiến thắng và bi kịch

Chương trình làm việc của các nhà lãnh đạo ngày nay thậm chí còn điên cuồng hơn trước. Sự tiện lợi của phương tiện đi lại hiện đại; hoạt động đối ngoại chiếm phần lớn các công việc; quy mô và phạm vi của các sự kiện cần phải xử lý; tất cả những điều đó khiến bạn phải đi tới 4 hay 5 nước chỉ trong từng ấy thời gian. Bởi điều đó hoàn toàn khả thi, cho nên sớm hay muộn gì bạn cũng sẽ phải làm như vậy. Chương trình làm việc mệt mỏi hơn rất nhiều so với chỉ cách đó 20 năm.

Tôi đã quen với việc đó và có một lợi thế lớn: Tôi không bị lệch múi giờ. Đối với tôi, nếu trời vẫn sáng thì đó là ngày; còn nếu trời tối, đó là đêm. Tôi cũng thường uống một viên melatonin. Chỉ cần uống một viên bạn có thể ngủ khoảng 6 tiếng đồng hồ cho dù bạn đang ở múi giờ nào.

Tuy nhiên, đi lại nhiều sẽ tàn phá hệ tiêu hóa của bạn. Bạn cần phải ăn uống điều độ và hợp lý. Tôi là một người Anh điển hình. Tôi muốn có thời gian ngâm mình trong bồn tắm và thư giãn. Phòng tắm là phòng quan trọng nhất và một chính trị gia cũng cần được nhìn nhận và thấu hiểu như một người bình thường. Nếu bạn mất ngủ hoặc ngủ không ngon giấc vào đêm hôm trước hoặc cơ thể bạn rã rời thì chắc chắn bạn sẽ làm việc rất tệ vào hôm sau. Và đặc biệt, các chính trị gia càng cần phải thận trọng hơn vì mỗi hành động của họ đều có thể bị ghi hình và rêu rao trên các phương tiện truyền thông mà không bao giờ có đúp quay thứ hai.

Tôi luôn biết rằng, đợt làm việc kéo dài 7 ngày, bắt đầu từ ngày 2 tháng 7 năm 2005, sẽ là quãng thời gian đầy thử thách: bay đến Singapore để tuyên truyền cho việc xin đăng cai Olympic và trải qua hai ngày làm việc với cường độ cao. Sau đó, bay về Gleneagle ở Scotland để dự Hội nghị G8, năm đó nước Anh là Chủ tịch và v.v... Đó là hai thách thức rất lớn, hai nguy cơ rất lớn và hai thất bại tiềm năng rất lớn.

Khi Olympic khai mạc ở London vào năm 2012, nhiều người sẽ được nhớ tới với tư cách là người đã đem sự kiện thể thao này về cho nước Anh nhưng tất cả sẽ bắt đầu với Tessa Jowell, người vào thời điểm đó là Bộ trưởng Văn hóa, Truyền thông và Thể thao. Khi việc xin đăng cai mới nhen nhóm, thì hầu hết Nội các đều tỏ ra hoài nghi còn Bộ Tài chính thì có thái độ thù nghịch. Tôi thích sự táo bạo của ý tưởng đó nhưng dường như không có vẻ gì là chúng tôi sẽ đạt được nó – kế hoạch đăng cai của Pháp để để lại ấn tượng hơn cùng với những kế hoạch công phu của Madrid và New York – và sau sự kiện Dome, chúng tôi đều hơi lo lắng một chút với những sự kiện quá lớn, quá tốn kém và tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao. Mặc dù vậy, cộng đồng vận động viên, ngay lập tức hiểu được tầm quan trọng của việc đăng cai và đã ủng hộ chúng tôi một cách mạnh mẽ, khôn ngoan và chứng tỏ sự cứng rắn đáng ngưỡng mộ trong suốt chiến dịch vận động đăng cai. Tessa cũng rất nhiệt tình và quả quyết.

Bà ấy là một phụ nữ tuyệt vời, một viên ngọc quý. Bà thể hiện sự nhạy bén và trung thành của mình rất rõ ràng ở những thời điểm thích hợp và cần thiết nhất. Bà hiểu rằng để thành công, một đảng chính trị cần phải được dẫn dắt một cách mạnh mẽ và một nhà lãnh đạo mạnh mẽ cần những người ủng hộ trung thành. Nếu bạn nghĩ rằng sự lãnh đạo đó là sai hay về cơ bản là lầm lạc thì hãy thay đổi người lãnh đạo; nhưng đừng để xảy ra việc bạn có lãnh đạo nhưng lại không ủng hộ sự lãnh đạo của họ. Việc làm đó sẽ làm chính trị suy yếu. Tessa là người rất mực trung thành, hiểu biết và ủng hộ tôi từ đầu tới cuối, bất chấp những khó khăn gian khổ, bởi bà tin vào đường lối lãnh đạo. Và nếu không tin hoặc không đồng tình, chắc chắn bà ấy sẽ đóng góp ý kiến với tôi.

Về vấn đề đăng cai Olympic, bà ấy đã nói với tôi rằng đó là một cơ hội khổng lồ. Hãy nghĩ về tác động mà sự kiện này tạo ra với lớp trẻ của chúng ta, với việc rèn luyện sức khỏe, với thể thao và với niềm tin vào đất nước mình. Tôi nói: “Được, nhưng giả sử chúng ta thua và tệ hơn chúng ta bị người Pháp đánh bại và thua cuộc một cách bẽ bàng thì sao?” Một ngày, tôi đã nói bóng gió những lời này với bà tại khu vườn phố Downing, nơi nếu trời nắng ấm, tôi sẽ tổ chức những

cuộc họp cá nhân. Khi tôi vừa dứt lời, bà ấy nhìn tôi một cách trách móc và nói, “Tôi thực sự không nghĩ đó là thái độ của một nhà lãnh đạo. Tôi nghĩ ông sẵn sàng chấp nhận rủi ro. Và đó sẽ là một rủi ro rất lớn. Dĩ nhiên, chúng ta có thể không giành chiến thắng, nhưng ít nhất chúng ta đã có đủ dũng khí để thử”. Khi Tessa nói điều này, tôi cảm thấy mình thật nhỏ bé và hơi xấu hổ. Tôi biết bà ấy đang vận động tôi nhưng tôi cũng biết bà ấy đã thành công. Và tôi nói “Được, chúng ta sẽ làm”.

Nội các thay đổi quan điểm, nhưng chỉ vì tôi thực sự hậu thuẫn ý tưởng đó và JP, như chưa bao giờ ủng hộ một cách quyết liệt như vậy, đã la rầy và châm chọc theo cách của JP, khiến mọi người nghĩ rằng họ có thể cũng sẽ đi theo số đông.

Vào giữa năm 2003, chúng tôi đã thành lập một nhóm vận động đăng cai, dưới sự dẫn dắt của Barbara Cassani, một nhân vật rất chuyên nghiệp và tài năng. Craig Tweedie từ IOC là một chính trị gia của ủy ban rất lão luyện và tài giỏi. Vào tháng 5 năm 2004, Sed Coe kế nhiệm. Tôi chỉ biết ông ấy qua truyền hình trong cuộc chạy đua nổi tiếng của ông ấy với Steve Ovett. Ông ấy là một vận động viên vĩ đại; sau đó lại là tham mưu trưởng của William Hague – điều không lấy gì làm hay ho. Tôi không mấy bận tâm, kể cả việc ông ấy từng là người của Đảng Bảo thủ – ông ấy rõ ràng không phải là một thành viên đấu tranh mù quáng vì đảng của mình và dù gì đi nữa, việc kết hợp các thành viên ở mọi đảng phải chính trị lại với nhau cho chiến dịch này là một việc làm đúng đắn và có lợi – nhưng thành thực mà nói, tôi không chắc về ông ấy lắm. Mặc dù vậy, tôi tin Tessa. Và nó hóa ra lại là một lựa chọn đầy cảm hứng. Từng là một vận động viên, ông ấy có thể ngay lập tức tranh thủ được tình cảm của bất kỳ ai trong thế giới vận động viên. Còn với tư cách một cá nhân, ông ấy đã làm việc đó một cách rất thông minh, chín chu và đầy thuyết phục. Ông ấy chẳng mang một đặc điểm tệ hại nào của Đảng Bảo thủ mà trái lại mang trong mình những đặc điểm tốt nhất của họ.

Nhưng rõ ràng đây là một nhiệm vụ khó khăn. Chúng tôi thậm chí còn không xếp thứ hai trong cuộc đua và về cá nhân, tôi nghi ngờ khả năng chiến thắng của chúng tôi. Đã có một cuộc tranh luận dữ dội về việc liệu tôi có nên đi Singapore hay không. Cuối cùng, tôi đã đi, nhưng nguyên nhân chủ yếu là bởi vì đó sẽ là một cảnh tượng tội lỗi nếu tôi không đi. Tôi phải có mặt ở đó để có cơ, để tránh bị chỉ trích vì đã không đủ nỗ lực. Vào thời điểm tôi đến đó, nhóm vận động đăng cai đã ở đó được vài ngày. Lại một màn kịch cảm buồn cười thường gặp xảy ra trong tình huống này: chúng tôi có thể nói về việc đăng cai nhưng chúng tôi không định vận động.

Chiến lược chạy đua gồm hai phần: phần lễ và phần tiệc ở Cao ủy Anh để chúng tôi chứng tỏ những gì chúng tôi có và kêu gọi tinh thần đoàn kết của đội vận động. Sau đó, chúng tôi sẽ gặp rất nhiều thành viên của ủy ban, khoảng 40 người, những người tôi được ủy quyền để gặp trên cơ sở một-đối-một. 40 trong tổng số 115 người, đó là một tỷ lệ công bằng. Tôi ngồi trong phòng khách sạn và ngay trước khi họ tới, tôi được trao một tập tài liệu ghi những thông tin về họ để tôi có thể biết sơ qua những điều họ thích, họ ghét và những điều họ lo lắng. Trong thời gian 2 ngày gặp mặt, tôi học thêm được một bài học, ở một cấp độ sâu xa hơn, đó là các khu vực cử tri đều giống nhau ở tất cả mọi nơi: mỗi khu vực có một phiếu. Ở những khu vực cử tri nhỏ, điều này rất quan trọng.

Khi tôi chạy đua cho việc đề cử ở Sedgfield, John Burton đã dạy tôi điều này. Có rất nhiều người có tiếng nói, có quyền lực và tầm ảnh hưởng ở Ủy ban Quản lý chung (cơ quan bầu chọn vào thời điểm đó), cứ như là họ sẽ là người chi phối tình hình nhưng John đã nhận ra có những vị cao niên nhỏ bé, có vẻ không phải là thành viên cần mẫn, e dè, khác biệt, không chắc chắn, không liên kết, mà chúng tôi đã cùng nhau tìm hiểu về họ. Hóa ra, mỗi người họ đều có số phiếu bằng những người người có quyền và có tầm ảnh hưởng kia: một phiếu.

Bởi các khu bầu cử Olympic được phân bố rộng khắp toàn cầu, châm ngôn trên thậm chí còn đúng hơn. Người đầu tiên phát hiện ra điều này là Cherie. Kể từ khi chúng tôi triển khai chiến dịch xin đăng cai, cô ấy đã đi đến nhiều nơi trên thế giới và gặp những thành viên kém quan trọng hơn. Có những người mà thiếu họ chúng tôi không giành được quyền đăng cai và cô ấy là

một trong số đó. Vợ tôi, cô ấy có thể rất khó tính nhưng khi cần quyết đoán, cô ấy rất quyết đoán. Cô ấy cũng có thể giao thiệp, tương tác, tranh thủ cảm tình của cử tri giỏi hơn bất kỳ ai mà tôi từng gặp.

Cô ấy, mẹ vợ tôi và Jackie, bà vú tuyệt vời của chúng tôi, tất cả đều có cách cư xử rất nồng nhiệt với với các vận động viên (sự thực là tôi thì không) và cô ấy cũng vui vì điều đó. Nhưng dù thích hay không vào thời gian chúng tôi nhóm họp ở Singapore, cô ấy đã gặp, theo dõi và giữ liên lạc với phần lớn thành viên của hội đồng. Tại bữa tiệc của IOC, chúng tôi liên tục va phải “bạn cũ” của cô ấy, những người trông có vẻ đang cô đơn, lạc lõng và không được xem trọng, nhưng mỗi người trong số họ, dĩ nhiên có số phiếu bằng với những người đang làm huyên náo đám đông bởi sự xuất hiện của mình. Do đó, một cách kín đáo, chúng tôi đã tạo dựng được rất nhiều sự ủng hộ thầm lặng. Seb cũng đi khắp nơi trên thế giới và rất được việc.

Tôi nhanh chóng phát hiện ra rằng những người gặp tôi chẳng thích thú tẹo nào về việc nói chuyện với tôi về vận động viên, do đã nhận ra rằng tôi thực sự là một người khá thờ ơ về lĩnh vực đó; nhưng họ lại rất hào hứng nói chuyện về chính trị và thích được gặp những nhà chính trị nổi tiếng. Tôi nhận thấy rằng bài phát biểu gần đây của tôi trước Nghị viện châu Âu là một chủ đề mà họ ưa thích. Tôi biết điều này thật kỳ lạ nhưng nó có vẻ thân thuộc với họ và cho dù một số người đồng ý hay không đồng ý với Iraq, họ đều có một sự nể trọng kỳ lạ đối với việc tôi đã ra một quyết định không được lòng mọi người.

Bởi chúng tôi không nên phóng đại lực kéo của chính trị, nên chúng tôi cũng đã đưa David Beckham vào nhóm. David là một người hoàn toàn chuyên nghiệp – anh ấy hoàn thành những việc được giao rất gọn gàng, chần chừ và nhìn chung gây ảnh hưởng thực sự ở Singapore, đó chính xác là điều cần làm.

Trong thời gian diễn ra các cuộc họp, tôi lại học được rằng lắng nghe cũng quan trọng không kém việc phát biểu. Biết khi nào nên dừng lại là một trong những quy tắc sống còn nhất trong cuộc sống, không chỉ trong chính trị. Về cơ bản, hầu hết mọi người có tâm lý đi khắp nơi để tìm kiếm một ai đó muốn nghe họ nói, quan tâm đến những gì họ nói và coi những gì họ nói vừa uyên thâm vừa thú vị. Điều này áp dụng ở bất kỳ cấp độ nào. Thực tế, cấp độ càng cao, thì điều này càng đúng. Trong hầu hết các cuộc gặp của tôi với các nhà lãnh đạo khác, cả những người tôi biết rất rõ hay những người khi có những việc thực sự khẩn cấp mới phải giao thiệp – tôi sẽ lắng nghe hay đặt câu hỏi để khuyến khích họ nói, để tôi có thể lắng nghe. Một cuộc họp tuyệt vời là nơi bạn có thể lắng nghe nhiều hơn nói.

Ngoài ra, biết khi nào nên phản đối và khi nào bỏ qua một câu bình luận nào đó. Nếu vấn đề thực sự nghiêm trọng và có thể gây ra hiểu lầm, bạn phải can thiệp và bác bỏ; nhưng thường thì, ngay cả nếu người đối thoại đưa ra một đánh giá lỗ bịch, việc phản bác sẽ chỉ dẫn đến một cuộc tranh luận vô ích chằm ngoi cho những điều đáng xấu hổ nảy sinh. Nếu nó chẳng liên quan gì đến vấn đề thực tế đang bàn tới thì hãy bỏ qua.

Vậy là, dù gì đi nữa tôi cũng đã gặp vô số thành viên của IOC và tập trung hết mức có thể trong thời gian được sắp xếp. Đôi khi, họ tiến vào đông và nhanh. Tôi nhận được những tập tài liệu bị sắp xếp sai và lẫn lộn danh tính mọi người. Một người bước vào và tập tài liệu chỉ rằng anh ta là nhà vô địch ném lao. Tôi nghĩ thật kỳ lạ vì anh ấy có vẻ quá nhỏ bé – khoảng 1m7. Tôi cho rằng những vận động viên ném lao phải có thể hình to, cho dù thành thực mà nói kiến thức về vận động viên ném lao của tôi rất hạn chế. Tôi hỏi anh ta rằng điều gì là quan trọng nhất trong môn thể thao của mình. Câu trả lời của anh ta làm tôi hoàn toàn choáng váng: “Đó là chất lượng của băng”.

Chúa ơi, tôi nghĩ, tôi thực sự không biết gì về ném lao ư. “À, tôi hiểu rồi” tôi nói: “Điều đó rất quan trọng với anh phải không?”

“Vâng đó là điều tối quan trọng” anh ta đáp. “Nó quyết định xem có thể bật cao bao nhiêu” anh ta tiếp tục. Tôi có thể nhìn thấy Seb khoa tay múa chân điên cuồng để ra hiệu nhưng không rõ

anh ấy muốn nói gì.

“Cao bao nhiêu” Tôi hỏi.

“Khoảng 1m”, Anh ta nói.

Seb nói chen vào. “Ông ấy biết tất cả điều này bởi trong nhiều năm ông ấy đã là nhà vô địch trượt băng. Ông ấy rất nổi tiếng trong lĩnh vực trượt băng”.

Một khoảnh khắc kịch tính khác xảy ra khi phái đoàn Nga đến gặp tôi, dẫn đầu là Thị trưởng Moscow. Ken Livingstone nói với tôi một cách bí hiểm là họ rất thân cận và hiểu biết. Ông ấy chẳng cho tôi thông tin chi tiết và tôi nghĩ tốt hơn hết là không hỏi.

Họ bước vào rất theo phong cách Nga. Có một điều gì đó ở nhóm người Nga này mà bạn muốn họ ở phe bạn. Bạn cảm thấy trong một hoàn cảnh sai lầm nào, hay bất kỳ hoàn cảnh nào, họ có thể trở nên phẫn khích; rằng ranh giới, giới hạn hành vi và tính cách của chúng ta không được áp dụng; rằng bạn hoàn toàn hiểu tại sao Napoleon thất bại và tạo sao Hitler dám thử mọi điều như vậy.

Họ ngồi xuống một cách nặng nhọc và nhìn tôi. Tôi nhìn họ. Rồi họ mỉm cười ẩn ý và gật đầu. Ken, người tiếp đón cùng tôi, nhìn tôi và chúng tôi cùng gật đầu với họ.

Màn gật đầu kéo dài một lúc cho tới khi cuộc trò chuyện bắt đầu, cuộc trò chuyện hoàn toàn gián tiếp, ít nhất là đối với tôi. Nguyên nhân chính của điều này là chúng tôi đã hiểu nhau rất rõ, họ cũng rất thành thực với những điều họ nói và chúng tôi cũng vậy và họ không thích những người không thành thật (tôi cảm thấy hơi lo lắng về điều đó). Nhưng do họ và chúng tôi đã thỏa thuận như thế, nên chẳng cần thiết phải nói gì thêm. Sau một màn mỉm cười ẩn ý và gật đầu khác, họ rút ra ngoài.

“Tất cả việc quái quỷ này là cái gì hả Ken?” Tôi hỏi khi họ đã đi.

“Đừng bận tâm”, anh ta nói “Tôi nghĩ mọi việc sẽ tiến triển tốt thôi”.

Xen giữa tất cả hoạt động “phi vận động” đó, có những cuộc họp chính thức và những buổi tiếp khách. Nữ hoàng của Tây Ban Nha – một người rất lịch thiệp và là một biểu tượng của đất nước này – đã đến cùng với Thủ tướng mới của Tây Ban Nha, José Luis Rodríguez Zapatero, người mà bất chấp mối quan hệ bằng hữu giữa tôi với Aznar, vẫn cư xử rất lịch thiệp với tôi và rõ ràng là một nhà lãnh đạo khôn ngoan. Những chính trị gia lớn lẫn lộn với những nhân vật ít quyền thế của hoàng gia. Tại buổi tiếp, được tổ chức bởi Thủ tướng Singapore, trong một căn nhà cổ tuyệt đẹp được xây dựng từ thời thuộc địa, chúng tôi đều được xếp xen kẽ, nói chuyện với người này. Trong khi theo dõi sát sao động thái của tất cả những người khác, với sự thận trọng tối đa bởi bất kỳ từ ngữ sơ suất hay hành động mất mặt nào có thể khiến họ bị mất một lá phiếu quý giá. Một thái độ thực sự kinh khủng: một cuộc cạnh tranh ngầm và cố gắng duy trì lòng tự trọng trong khi đang cầu xin.

Công chúa Anne cũng đến tham quan các cuộc gặp này và rất cẩn trọng vì bà là thành viên của IOC. Bà thực sự được kính trọng bởi là người am hiểu và dĩ nhiên bởi bà chính là một vị thánh Olympic thực sự. Bà làm rất nhiều công việc từ thiện thầm lặng và là đại sứ vĩ đại của đất nước. Tôi luôn yêu quý bà. Tôi ngờ rằng tình cảm có từ cả hai phía hay đúng hơn là bà ấy tỏ thái độ trung lập, trừ thái độ phản đối gay gắt với lệnh cấm sấn. Bà ấy được thừa hưởng tính cách đó từ cha. Mọi người nghĩ Hoàng tử Phillip chẳng bao giờ quan tâm mọi người nghĩ gì về mình và họ đúng: ông ấy chẳng mảy may bận tâm. Anne giống ông ấy như đúc. Bà ấy luôn là chính mình và nếu bạn không thích điều đó bạn có thể đi. Đó không phải là phẩm chất mà tôi có nhưng tôi ngưỡng mộ những người như thế. Không may là, nó ngăn mọi người hiểu được những tính cách khác của mình.

Trong suốt thời gian đầu tiên ở Balmoral, Công chúa Anne gọi Cherie là “Bà Blair” và Cherie (luôn là Cherie) nói “Hãy gọi tôi là Cherie thôi”. “Thực ra, tôi thích gọi là Bà Blair hơn”, Anne đáp. Ở một mức độ, hành động này quá khiếm nhã và không phù hợp với thời đại dân chủ của chúng tôi. Nhưng mặt khác, nó cho thấy sự kiên định đáng ngưỡng mộ của Anne, không chỉ không đồng tình với thời đại dân chủ của chúng tôi mà còn bảo rằng, nên bỏ nó đi.

Tôi còn nhớ vào những ngày đầu của Chính phủ, Điện Buckingham nghĩ họ nên tổ chức một buổi tiệc cho một số nghị sỹ Đảng Lao động. Do chúng tôi chiếm phần đa, vì thế có lẽ họ nghĩ họ cần làm như vậy, phòng khi bất kỳ xu hướng công hòa tiềm tàng nào có thể bùng phát. Mọi việc diễn ra tốt đẹp cho đến khi Hoàng tử Philip đi dạo và tình cờ gặp Joan Wally, một nghị sỹ ủng hộ bình đẳng giới cánh tả rất mực chân thành. “Xin chào”, ông ấy nói, “Cô đại diện cho cơ quan nào?”

“Stoke”, cô ấy đáp.

“Đó là một nơi kinh khủng phải không?”, ông ấy hỏi.

Vào buổi tối trước khi tôi rời Singapore, chúng tôi có một buổi lễ lớn, những bài phát biểu khai mạc và tiệc rước của IOC. Tôi đã gặp cầu thủ tài năng của Tây Ban Nha Raul và cố thuyết phục anh ấy chuyển về chơi cho Newcastle United thay vì Real Madrid nhưng không thành. Đến khi tiệc rước diễn ra thì tôi chỉ muốn ra về. Tôi đã mệt tới mức có thể giết bất kỳ người kế tiếp nào nói với tôi về những thách thức địa chính trị trong thế giới ngày nay. Tôi đã sắp chịu không nổi Olympic, các thành viên của nó và các buổi lễ liên quan. Đầu óc tôi giờ đã chuyển sang quan tâm tới việc chuẩn bị cho G8. Tôi liên tục nhận được các báo cáo về việc này trong suốt những ngày ở Singapore mà không phải báo cáo nào cũng tích cực. Tôi ngày càng lo lắng về khả năng tôi phải chịu thất bại kép: không được đăng cai Olympic và xử lý bung bét các vấn đề của G8.

Jacques Chirac đến, đi lại nghênh ngang trong bữa tiệc cứ như ông ta sở hữu Olympic và tất cả mọi thứ thuộc về nó. Tôi nhận ra một cách hơi hằn học – có lẽ do tâm trạng của tôi lúc đó – rằng tất cả mọi người đang phấn khích vây xung quanh ông ta. Có thể là do tôi đã ở đó quá lâu, trở nên quá quen thuộc, quá tầm thường và không đủ vĩ đại. Tôi bắt đầu lảm bảm, báo hiệu cho nhân viên của tôi và họ đã nhận ra.

Đây là lúc cần có những người xung quanh bạn, không tôn trọng hay sùng bái bạn quá mức. Jo Gibbons từ Số 10 phố Downing, phụ trách các sự kiện, cảm thông với sự mệt mỏi của tôi nhưng kiên quyết không đồng tình với việc tôi rời đi. Có quá nhiều người cần phải gặp. Seb rất tốt bụng nhưng cũng rất kiên quyết, anh ấy nói: hãy ở lại. Cherie thì có vẻ chẳng nhọc mệt gì cả. Tôi sẽ lỡ bài phát biểu lớn vào hôm sau, bởi tôi phải trở về để chuẩn bị cho G8. Jacques có thể có mặt ở đó, còn tôi chỉ có thể xuất hiện qua băng hình. Vậy là tôi phải ở lại.

Cuối cùng, khi tôi mệt lử, khi tất cả những người phục vụ rước đều đã có ảnh chụp cùng với tôi, tôi nhận thấy đã đến lúc phải đi, lên máy bay trở về, một chuyến bay kéo dài 12 giờ.

Thực tế, sự khác biệt giữa tôi và Jacques tại buổi tiệc rước hôm đó đã cho thấy sự khác biệt trong phương thức vận động đăng cai Olympic của London và Paris.

Năm 1948, London đã tin rằng sẽ đăng cai sự kiện này. Sau đó, Chiến tranh Lạnh đã một phần nào đó bóp méo tiến trình vận động đăng cai. Nhưng đến những năm 1990, thì phong trào Olympic đã hoàn toàn phát triển. Không còn là việc một quốc gia nào đó sẽ là người ban ân huệ cho thể vận hội nếu đăng cai nó, trái lại, đăng cai sự kiện này chính là một giải thưởng mà ai cũng khao khát và dốc sức giành lấy. Ngày nay, IOC cho rằng các quốc gia có thể xây dựng cơ sở hạ tầng và đầu tư vật chất vào thể vận hội. Điều từng là điểm cuối của vấn đề giờ chỉ là điểm khởi đầu. Giá trị thực tế được bổ sung chính là thành phố đăng cai có thể đóng góp gì cho điều được miêu tả tương đối sơ sài là tinh thần Olympic – thứ tinh thần vô hình nhưng có thể cảm nhận một cách sâu sắc của phong trào này.

Trong chuyến thăm sơ bộ của IOC tới London để đánh giá kế hoạch đăng cai của chúng tôi, Điện Buckingham đã tổ chức một bữa tiệc tối cho phái đoàn đánh giá và trưởng phái đoàn đó ngồi kế bên tôi trong bữa tiệc đó. Chỉ khi nói chuyện với bà ấy, tôi mới nhận ra rằng kế hoạch đăng cai của London phải nói về họ, chứ không phải về chúng tôi; hay chính xác hơn là chúng tôi có thể làm gì để tăng cường nét đặc biệt, tinh thần, cảm xúc nội tại của phong trào Olympic, chứ không phải đơn giản là vì London, cơ sở hạ tầng v.v... IOC tò mò về nhiều thứ, vận động viên, doanh nhân, những người của hoàng gia, những điều tuyệt vời và tốt đẹp; nhưng cho dù họ căn cứ vào đâu, họ cũng rất nhạy cảm với những cáo buộc rằng tất cả mọi thứ đã bị thương mại hóa và đánh mất ý nghĩa nội tại của nó. Họ muốn Olympic mang ý nghĩa riêng, một ý nghĩa cao cả hơn và tốt đẹp hơn, chứ không chỉ là một dịp để kiếm bộn tiền. Người ta nói rằng Olympic cần để lại di sản, theo cách hiểu thông thường thì đó có nghĩa là các cơ sở hạ tầng không đóng cửa ngay khi thể vận hội kết thúc. Tôi thì cho rằng, đó là việc tạo ra những thay đổi tích cực cho thế giới. Tôi thấy Seb và những người khác cũng có suy nghĩ tương tự, do đó chúng tôi dự định giới thiệu London như một thành phố hiện đại, năng động, đa văn hóa, đa chủng tộc và đầy tự hào. London với những phẩm chất đương đại – chất hiện đại song hành cùng chất truyền thống.

Cũng giống như tại buổi tiệc rượu hôm trước, người Pháp cố gắng thể hiện thái độ “chúng tôi sẽ thắng và các anh đã gặp may khi chúng tôi đăng cai sự kiện đó”, đồng thời cố gắng cản quét người khác trên đường đi của họ, cứ như là họ bất khả chiến bại – một thái độ “rất Pháp”. Còn chúng tôi thể hiện thái độ rằng “chúng tôi khiêm nhường cầu xin anh dùng dịch vụ của chúng tôi trong sự kiện tuyệt vời của anh”, tiến hành những bước đi nhẹ nhàng, chậm rãi và tích cực hợp tác – rất Anh. Cách làm của người Pháp trong nhiều trường hợp có thể đúng đắn, nhưng lần này họ đã làm hơi quá một chút. Và không còn nghi ngờ gì nữa, nó đã tạo ra sự khác biệt; sự thể hiện của chúng tôi đã đem lại cảm nhận tốt hơn.

Có một người cuối cùng mà thiếu ông ấy chúng tôi có thể không chiến thắng, đó là Silvio Berlusconi. Tháng 8 năm trước đó, tôi đã đến thăm ông ấy tại nhà riêng ở Sardinia, để tìm kiếm sự giúp đỡ của ông trong đợt vận động đăng cai này. Italia là một thành tố chủ chốt.

Ông ấy hỏi việc đăng cai Olympic có ý nghĩa thế nào. “Quan trọng”, tôi đáp. “Rất rất quan trọng?” ông ấy hỏi. “Vô cùng quan trọng”, tôi trả lời.

Rồi ông nói “Anh là bạn tôi, tôi chẳng thể hứa được gì nhưng tôi sẽ xem có thể giúp được không”. Đúng với tính cách của Silvio, điều khiến tôi quý mến ông. Hầu hết các chính trị gia thường nói “Tôi hứa” nhưng sau đó chẳng làm gì cả. Ông ấy nói “Tôi không hứa gì cả” nhưng sau lại giúp đỡ tôi rất nhiều.

Quan hệ cá nhân rất quan trọng – điều này là hiển nhiên, nhưng đôi khi nó cũng hoàn toàn bị phớt lờ bởi những người cho rằng chính những mưu kế cầu kỳ và những tính toán mới là điều thúc đẩy các thương lượng và nhượng bộ. Ở bất kỳ cấp nào, nhưng đặc biệt là ở cấp cao nhất, chính trị là về con người. Nếu anh thích vị lãnh đạo đó, anh sẽ cố gắng giúp họ, cho dù nó ảnh hưởng tới lợi ích của anh. Nếu không thích, anh sẽ không giúp. Và nếu duy trì khoảng cách với mọi người trên vũ đài chính trị – chẳng hạn như duy trì khoảng cách với Silvio, vì có những vụ bê bối gây tranh cãi nào đó – thì sau đó nước Anh sẽ là kẻ thua cuộc. Nhà lãnh đạo đó không phải là gã khờ, ông ta biết rõ chúng tôi không sẵn sàng trả giá để có một mối quan hệ. Chúng tôi nghĩ họ sẽ không nuôi dưỡng lòng hận thù về việc này hay sao? Tôi không biết người Italia đã bỏ phiếu như thế nào nhưng tôi tin Berlusconi.

Chúng tôi rời Singapore, không dám hy vọng nhiều, nhưng vẫn đặt chút hy vọng nhỏ nhoi vào những gương mặt tươi cười niềm nở mà chúng tôi đã gặp. Nhưng, không biết vì sao tôi không cảm thấy Pháp chắc chắn sẽ giành chiến thắng nữa.

Chúng tôi hạ cánh xuống sân bay Edinburg sau khi bay qua đêm, rồi đi ô tô về khách sạn Gleneagles. Tôi chọn Gleneagles không phải vì nó lớn mà vì tôi cần một nơi nào đó an toàn. Hội

ng nghị G8 năm 1998 ở Birmingham – hội nghị đầu tiên của tôi – đã được tổ chức ở trung tâm thành phố nhưng việc tổ chức hội nghị thượng đỉnh trên thế giới đã thay đổi sau 7 năm, kể từ thời điểm đó, thậm chí trước cả sự kiện 11 tháng 9 và chắc chắn là sau đó. Chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên mà công khai sẽ dẫn đến biểu tình. Bởi truyền thông hiện đại sẽ ngay lập tức bóc móc những tác động của việc đó, người biểu tình hiểu rằng nếu họ biểu tình ở một mức độ đủ gây gián đoạn, họ sẽ phá được chương trình nghị sự từ các chính trị gia được bầu dân chủ của họ. Những người đó sẽ đến các hội nghị thượng đỉnh và phá nó, chỉ phối các bản tin, làm giảm giá trị của hội nghị. Điều này buộc các nhà lãnh đạo phải tránh xa các cuộc biểu tình và sau hội nghị Genoa năm 2001, các cuộc họp có xu hướng được tổ chức ở những nơi xa xôi hẻo lánh, không dễ bị gián đoạn: Evian ở Pháp, Heiligendamm ở Đức và Đảo Sea ở Mỹ.

Khi xe vừa đến Gleneagles, chúng tôi đã có thể nghe thấy tiếng la hét của những người biểu tình chống toàn cầu hóa, những người phản đối chúng tôi nhóm họp, phản đối G8, phản đối cả hệ thống. Tôi không thể suy nghĩ rộng lượng về họ. Tại sao chúng tôi không nên nhóm họp và nói chuyện? Sau tất cả mọi chuyện, đó là về châu Phi và biến đổi khí hậu. Cảm nhận của tôi về họ cũng tương tự như cảm nhận của họ về tôi.

Sau đó, tôi phải gặp Jack McConnell, Bộ trưởng thứ nhất của Scotland. Việc tham gia xử lý những gì đang diễn ra là việc quan trọng với ông ấy, vì an ninh đã được bố trí rất nghiêm ngặt ở khắp nơi. Ông ấy phải đi gặp người dân địa phương, bố trí cảnh sát bảo vệ buổi gặp lớn tiền G8, diễn ra vài ngày trước ở Edinburgh và như thường lệ, tất cả mọi người đều muốn có hội nghị G8 nhưng đều muốn than phiền về sự gián đoạn của hội nghị.

Thật tuyệt là tôi đã ngủ được trên đường từ Singapore về, nhờ những viên thuốc của tôi. Khi ngấm mình trong bồn tắm và nghĩ ra mình phải làm gì, tôi cảm thấy tốt hơn, dĩ nhiên trừ cảm giác sốt ruột ngóng đợi kết quả về Olympic. Rõ ràng tôi chẳng làm được gì khác cho Olympic nữa, do đó tôi tập trung vào G8.

Tôi quyết định năm nay sẽ làm khác mọi năm. Tôi đang ở một thế yếu hơn sau cuộc bầu cử. Gordon và người của ông ta công kích dữ dội. Báo chí thì liên tục đánh lén tôi. Tôi đã bị buộc phải nói về việc chuyển giao quyền lực cho một nhà lãnh đạo mới, một việc vừa bẽ bàng vừa yếu thế.

Mặc dù vậy vào thời điểm đó, tôi đã vươn tới một giai đoạn mới trong sự phát triển của bản thân. Tôi không vui – bởi áp lực thực sự nặng nề – nhưng tinh thần của tôi khá mạnh mẽ. Tôi sẽ đảm nhiệm cương vị này tối thiểu 2 năm nữa. Đó là điều mà tôi có thể chắc chắn nhất. Dĩ nhiên là tôi không thể thực hiện toàn bộ lời hứa sẽ phụng sự hết cả nhiệm kỳ của mình, nhưng ít nhất tôi cũng không trắng trợn vi phạm nó như một kẻ bội tín. Nếu Gordon và tôi có thể hợp tác với nhau để cho ra đời một chương trình nghị sự đồng thuận, thì tôi đáng ra đã có thể ra đi trước thời điểm đó, như tôi đã nói; nhưng như nhận định của tôi, mọi việc sẽ rất khó khăn, nên tôi sẽ tại vị ít nhất hai năm nữa.

Nếu những người trong đảng hay giới truyền thông tấn công tôi và dùng vũ lực buộc tôi phải ra đi trước thời điểm đó thì sẽ có một trận chiến đẫm máu. Và trước khi mọi việc đi đến mức độ đó, tôi sẽ làm những gì tôi nghĩ là đúng. Tôi đã hoạt động theo nguyên tắc đó trong vài năm qua và mọi việc sắp tới cũng sẽ như vậy. Tôi sẽ không chùn bước. Đơn giản là thế. Tôi sẽ sẵn sàng chấp nhận rủi ro và có thể thất bại thay vì để nỗi sợ thất bại hủy hoại hoài bão của mình. Và tôi sẽ không lãng phí bất cứ khoảnh khắc nào hay hạ thấp tầm nhìn của mình. Đó là điều tạo ra sự khác biệt trong chương trình nghị sự của G8 lần này.

Thường thì G8 tập trung vào những vấn đề diễn ra tại thời điểm đó và về truyền thống, luôn bàn về tình hình kinh tế thế giới. Cơ chế thành viên của G8 là do lịch sử để lại, hơn là căn cứ vào sức mạnh kinh tế và chính trị. Dần dần chúng tôi bắt đầu đưa những vấn đề khác vào bàn bạc không chính thức, đó là điều chúng tôi đã khởi động tại G8 ở Birmingham năm 1998.

Lần này, tôi đưa việc đó lên một mức độ hoàn toàn mới. Đầu tiên, tôi mời 5 nước – Trung Quốc,

Ấn Độ, Brazil, Nam Phi và Mexico – cộng thêm nhiều nhà lãnh đạo châu Phi và Ả Rập khác. G8+5 đã trở thành một mô thức mới cho phép những thế lực lớn nhất thế giới – hay hầu hết trong số họ – nhóm họp, một cách không chính thức, tại một trong những hội nghị chính trị toàn cầu phi khu vực duy nhất, ngoài những diễn đàn chính thức của LHQ và WTO.

Thứ hai, tôi quyết định thúc đẩy một loạt các mục tiêu tham vọng. Tôi xác định đó là mục tiêu hai mặt: đạt được một gói toàn diện hỗ trợ và thúc đẩy quan hệ hợp tác với châu Phi; và ít nhất là thiết lập các nguyên tắc cơ bản của một thỏa thuận toàn cầu mới về biến đổi khí hậu – trong đó có cả sự tham gia của Mỹ và Trung Quốc, sau khi Nghị định thư Kyoto hết hạn vào năm 2012. Gói châu Phi sẽ căn cứ vào Ủy ban châu Phi mà tôi đã lập ra từ năm 2004, với sự “xúi bẩy” của Bob Geldof.

Bob à, tôi có thể nói gì về ông ấy đây? Ông ấy có thể khiến bạn hoàn toàn phát điên. Ông ấy có thể nói không ngừng nghỉ. Ông ấy có thể nói với các nhà lãnh đạo trên thế giới cứ như họ là một câu học trò mắc lỗi. Cá nhân tôi thì không bận tâm đến việc này nhưng tôi là trưởng hợp ngoại lệ. Nhiều khi sự dai dẳng của ông ấy có thể rất vô lý hoặc điên rồ. Mặc dù vậy, ông ấy lại có hai phẩm chất đáng giá cứu vãn lại tình hình: thông minh và can đảm. Ông ấy đủ thông minh để biết khi nào nên dừng, để không chầm ngồi cho thảm họa xảy ra hay đưa ra những yêu cầu vô lý không-thể-thương-lượng được. Ông ấy can đảm bởi ông ấy không phải là một trong những kẻ phù thính, kiểu như... giờ anh không còn được yêu mến nữa, tôi không muốn dính dáng gì đến anh cả. Ông ấy và Bono đều gắn bó một cách thành thực, am hiểu và quan tâm tuyệt đối tới việc hoàn thành công việc hơn là bảo vệ cái tôi của mình.

Ủy ban châu Phi có những nhân viên rất giỏi. Cấu trúc của ủy ban cân bằng nhưng nghiêm túc, đặc biệt, những thành viên người Phi rất hiểu biết, sáng suốt và kiên định trong việc thể hiện chủ đề trung tâm của bản báo cáo: cuối cùng thì châu Phi nên tự tìm ra hướng đi cho mình. Họ muốn viện trợ theo phương thức truyền thống là “trao cần câu chứ không trao con cá”. Vâng, đúng là chúng tôi cần tăng cường viện trợ, nhưng mục đích của việc này là giúp châu Phi tự đứng trên đôi chân của mình, mà không băn khoăn gì về việc không được tự quản trị đất nước, như thời đế quốc tàn ác trước đây. Quan điểm của tôi về châu Phi luôn đi theo hướng ôn hòa: chúng ta cần xây dựng mối quan hệ đối tác giữa thế giới phát triển và đang phát triển, chứ không phải là quan hệ cho-nhận. Quản trị và tham nhũng cũng là vấn đề lớn không kém vấn đề nợ nần và viện trợ.

Mặc dù người dân phương Tây thấy thương cảm cho cảnh ngộ của người châu Phi, thì ở một chừng mực nào đó họ cũng sợ rằng châu Phi đã lâm vào tình thế vô vọng rồi. Viện trợ gần như là điều bắt buộc do bị tác động bởi vấn đề đạo đức (sự thôi thúc về mặt đạo đức), nhưng rất ít người thực sự tin rằng viện trợ sẽ đem lại kết quả và rốt cuộc dẫn đến hiện tượng “phản ứng chầm hay chán nản” khi nhận được kêu gọi viện trợ. Đó là điều mà Bob và Bono đã biết theo bản năng và nếu họ không biết, cuộc gặp đầu tiên với George Bush sẽ giúp họ hành động đúng.

Tôi biết Bono sẽ là một nhân vật quan trọng diện kiến George. Bono có thể là Tổng thống hay Thủ tướng, nếu căn cứ vào đầu óc của ông ấy. Ông ấy chắc chắn đã có năng lực thiên bẩm về chính trị, quan hệ tốt với mọi người, rất thông minh và là một diễn giả đầy cảm hứng. Tôi đã dành nhiều thời gian suy nghĩ xem điều gì khiến ông ấy làm mọi việc tốt như vậy. Cuối cùng, tôi nhận ra rằng, ngoài việc làm việc chăm chỉ, ông ấy còn có một phẩm chất mà theo tôi hiện diện trong tất cả những nhân vật thực sự thành đạt mà tôi từng gặp: động lực làm việc của ông ấy là khát khao cải biến mọi thứ, không bao giờ thực sự bằng lòng hoặc ngại nghỉ. Khi được thực hiện đúng và được kiểm soát, động lực đó cũng mang lại cho người ta một chút khiêm nhường nào đó. Tôi biết ông ấy sẽ làm việc tốt với George và sẽ không thể hiện thái độ bất kính hay cáu kỉnh nào cả.

Thành thực mà nói, George rất lo lắng về chương trình nghị sự G8 của tôi. Ông ấy chưa bao giờ thích các hội nghị thượng đỉnh cả, thậm chí ông ấy còn không tin chúng. Ông ấy cảm thấy phải chịu áp lực và không thích cách người ta nhắm vào Mỹ với luận điệu “hành động không đủ” và

phần nộ trước đạo đức giả của một số hội nghị. Tôi đã phải sử dụng gần hết “vốn” của mình – dù sao nỗ lực đó cũng đáng kể – để thuyết phục ông ấy nhất trí với chương trình nghị sự đó.

Ông ấy thể hiện lập trường rất cứng rắn đối với vấn đề châu Phi và việc quản trị Nhà nước ở đó và cũng nâng gấp đôi viện trợ cho châu Phi và tỏ ra hoài nghi về vấn đề biến đổi khí hậu. George thực sự là một người bảo thủ; có những phẩm chất bảo thủ khiến tôi ngưỡng mộ, nhưng cũng có những tính cách, mà về mặt chính trị, khiến tôi quyết tâm không học theo.

Một trong những phẩm chất đó là nếu đại bộ phận công chúng chạy theo một vấn đề gì, thì bản năng đầu tiên của người bảo thủ là chống lại nó và họ thường đúng khi làm thế. Họ không đưa ra một quan điểm nào bởi vì tất cả mọi người bảo họ nên làm như vậy.

Thái độ này là nguyên nhân khiến mọi người, tuy nói rằng không thích các chính trị gia bảo thủ, nhưng vẫn bỏ phiếu cho họ. Mọi người thường có tâm lý bầy đàn, chạy theo số đông, nhưng một cách kỳ lạ là họ lại ngưỡng mộ một nhà lãnh đạo sẵn sàng chống lại số đông. Thực tế, nếu họ không sẵn sàng làm vậy, thì công chúng sẽ nghi ngờ rằng họ không phải là nhà lãnh đạo thích hợp. Điều này thật lạ, nhưng đúng như thế. Các chính trị gia tân tiến thường không hiểu điều này. Họ thích chia sẻ lập trường với số đông và trở nên bối rối khi công chúng nói rằng họ tin vào X, nhưng lại bỏ phiếu cho Y trong cuộc trưng cầu dân ý.

Tôi còn nhớ mãi về việc đấu tranh với chính sách rút khỏi Cộng đồng Kinh tế châu Âu của Đảng Lao động thời đó vào cuộc bầu cử năm 1983. Bản thân tôi không ủng hộ chính sách này và đã nói rất nhiều lần với ủy ban tuyển chọn của mình. Tuy nhiên, lúc đó, tham gia chiến dịch tranh cử với tư cách là một ứng viên mới, tôi cố gắng không dính vào điều gì phiền toái. Do đó, tôi đã quyết định đứng trên lập trường của đảng mình. Cuộc trưng cầu dân ý cho thấy đa số áp đảo ủng hộ việc rút khỏi ECC đặc biệt là nhóm những người ủng hộ Đảng Lao động. Có vẻ như Đảng Lao động đã chắc chắn giành được ghế đó. Nhưng rốt cuộc lại không. Thật kinh khủng, tôi đã hậu thuẫn cho một chính sách mà không chỉ tôi không tin vào nó, mà cả những người ủng hộ tôi cũng vậy. Cuối cùng, họ đã chấp nhận quan điểm ra khỏi châu Âu của phe bảo thủ đơn giản là điều không thực tế. Thử ví là các lập trường của đảng sau đó được đảo ngược, nhưng phản ứng của công chúng vẫn thế. Không đảng nào ở Anh nhận được sự ủng hộ đa số tuyệt đối cho một chính sách chống EU ngày nay, nếu công chúng không trở nên mất trí, mà ít nhiều gì thì họ cũng không bao giờ như vậy.

Điều đó hơi ngoài lề một chút. Tôi muốn rằng là khi cả thế giới nói biến đổi khí hậu đe dọa cả hành tinh, thì phản ứng tự nhiên của những người như George sẽ là “Anh nói vậy thì nói, nhưng tôi không tin”. Luận điểm đưa ra càng gay gắt, thì những người bảo thủ càng phản kháng dữ dội.

Tại hội nghị thượng đỉnh G8 ở Genoa năm 2001 – hội nghị đầu tiên của ông ấy – chúng tôi đã có một cuộc thảo luận về biến đổi khí hậu. Vào thời điểm đó thì người Bỉ là chủ tịch luân phiên của EU và do đó họ cũng tham dự G8. Thủ tướng Bỉ lúc đó, Guy Verhofstadt, là một người tốt bụng và thông minh nhưng mang phong cách rất Brussels. Nghị định thư Kyoto đã được nhất trí và Bill Clinton đã ký, nhưng Thượng viện Mỹ đã bỏ phiếu 98-0 phản đối việc phê chuẩn. Tiếp quản công việc, George đã thẳng thừng bác bỏ nó. Sau đó, tôi nghĩ ông ấy biết mình đã mắc một sai lầm chiến lược. Sự thực là dù ông ấy nói gì vào thời điểm đó và trong tình huống đó, không bao giờ Quốc hội Mỹ sẽ thông qua nó. Ông ấy nên chọn lập trường ít cực đoan hơn và không gây phản ứng tiêu cực. Trái lại ông ấy không làm thế, ông ấy nói thẳng điều mình nghĩ, rằng mình không tin, cả Kyoto hay cả lập luận cơ bản nhất về việc biến đổi khí hậu. Ông ấy còn bổ sung rằng, Mỹ không bao giờ có thể đáp ứng các mục tiêu của Kyoto mà không làm tổn hại nặng nề tới nền kinh tế và sẽ không bao giờ làm điều đó.

Khi George dứt lời, Guy nói mình hiểu điều George nói, nhưng thực ra vấn đề của người Mỹ có một giải pháp rất đơn giản, một điều tốt cho thế giới và cũng rất có lợi cho sức khỏe của người Mỹ: đó là họ có thể cắt giảm đáng kể khí thải nếu nâng gấp đôi giá xăng bằng cách tăng thuế

đánh vào nó. Đó là một hành động mạnh bạo, có thể giúp người Mỹ thoát khỏi những ám ảnh về những chiếc ô tô và giúp George được giới chính trị quốc tế, không chỉ Brussels, đánh giá cao.

George đến hội nghị vào lúc phiên thảo luận đầu tiên đang diễn ra và không thể nói lời chào tới tất cả các thành viên tham dự. Ông ấy không biết hoặc chẳng nhận ra Guy, người vừa đưa ra một lời khuyên khiến ông ấy hết sức ngạc nhiên.

Ông ấy quay sang tôi và thì thầm “Ông ta là ai vậy?”. “Ông ấy là Thủ tướng Bỉ,” tôi đáp.

“Bỉ ư?” George nói, rõ ràng là rất ngạc nhiên vì sự ngờ nghệch của mình.

“Bỉ không thuộc G8”.

“Không”, tôi nói. “Nhưng ông ấy đến đây với tư cách là Chủ tịch của châu Âu”.

“Các anh để Bỉ điều hành châu Âu ư”, ông ấy lắc đầu, giờ hẳn là kinh ngạc vì sự khờ khạo của chúng tôi.

Do đó, nói George là một người không tin vào biến đổi khí hậu vẫn còn nhẹ. Thời gian trôi đi, ông ấy đã thay đổi suy nghĩ, nhưng sự thay đổi đó diễn ra quá chậm – một tính cách bảo thủ mà tôi không ngưỡng mộ – và chủ yếu là bởi vì ông ấy có thể thấy sự phụ thuộc của người Mỹ vào carbon sẽ đặt tương lai của họ vào tay những phần bất ổn và bội bạc của thế giới. Khi thay đổi, ông ấy chỉ mạnh tay vào việc phát triển nhiên liệu sạch nhiều hơn bất kỳ chính quyền nào trước đó. Ông ấy cũng tăng gấp ba viện trợ cho châu Phi. Nhưng mãi mãi về sau, ông ấy vẫn chẳng được thế giới tín nhiệm, bởi người ta đã có sẵn định kiến với ông ấy rồi.

Tôi từng hỏi một trong những nghị sỹ cấp thấp của tôi rằng vì sao ông ta ghét George như vậy. Ông ta nói “Chỉ đơn giản là ghét thôi, chẳng thể giải thích được”. Rồi tôi hỏi nếu George làm những điều đúng đắn hơn thì có thay đổi được gì không? “Trong trường hợp đó, tôi nghĩ tôi còn ghét ông ta hơn”, ông ấy đáp. Điều này khiến tôi nhớ tới những người bạn thân của tôi cũng hỏi tôi một cách riêng tư rằng tôi thực sự nghĩ gì về George. Tôi thường nói mình thực sự thích ông ấy. Và họ cũng không hiểu nổi vì sao lại như thế.

Vậy đó là những điều diễn ra với George. Ông ấy đã thay đổi một chút vào hội nghị G8 tháng 7 năm 2005, nhưng không nhiều như tôi muốn. Ông ấy vẫn tiếp tục từ chối nói rằng mình sẽ cam kết để Mỹ tham gia một hiệp định về biến đổi khí hậu. Và mặc dù ông ấy đã thực sự hướng tới châu Phi và có một thành tích ấn tượng về các hoạt động tài trợ cho HIV/AIDS, chúng tôi đề xuất một khoản chi lớn – thêm 50 tỉ đô-la trong những năm tới – và kê khai chi tiết về việc chi tiêu khoản tiền này ra sao. Thay vì thảo luận các vấn đề được mọi người ủng hộ nhưng chỉ mang tính chung chung, chúng tôi đặt lên bàn đàm phán những con số thực tế, những cam kết thực tế và những kết quả thực tế sẽ thu được. George đã rất lo lắng và tôi biết chắc rằng dù những người khác sẽ ủng hộ, nhưng họ sẽ chỉ làm như vậy khi tin rằng George sẽ cứu họ bằng cách tình nguyện trở thành kẻ phá bình trong bữa tiệc. Tôi cũng biết rằng nếu ông ấy đồng ý, không ai khác dám phản đối.

Tôi đã đặt ra những sức ép thực sự, hơi quá so những gì mà các nhà lãnh đạo khác nghĩ là cần thiết. Thật ra, không có sự hậu thuẫn của George, điều đó sẽ là bất khả thi.

Phong cách thương lượng của Mỹ ở hội nghị thượng đỉnh thực sự khó nắm bắt, họ sẵn sàng so toẹt mọi thứ đi, tranh cãi đến từng từ cuối cùng, rồi xuất hiện vào cuối buổi và khiến mọi người thấy vui vì họ đã đến. Họ không có nhiều bạn nhưng biết rõ rằng tất cả mọi người đều cần họ. Nếu họ nhượng bộ, không ai dám đấu tranh cho những người này và những người này phải tự đấu tranh cho mình. Điều này là công bằng, nhưng nó tạo ra những khoảnh khắc lo âu cho bất kỳ người nào chủ trì hội nghị, kể cả tôi. Tôi biết nếu tình hình trở nên quá tệ, tôi có thể phải đương đầu với George. Chúng tôi sẽ xúc tiến cả hai vấn đề biến đổi khí hậu và châu Phi,

trong khi ông ấy có thể nghĩ rằng một là đủ thì tôi muốn cả hai.

Ngoài ra, khi đã tham gia một tiến trình, mọi người sẽ thấy khó có thể thoát ra. George biết rằng, từ khoảnh khắc ông ấy nhượng bộ, ông ấy đã dẫn thân vào một chuyến đi rất dài – và sự thực là như vậy, hai năm sau ở Đức. Ông ấy biết rằng, nếu mình nhất trí với tiến trình này bây giờ, với một tuyên bố thừa nhận tính nghiêm trọng của thách thức và thực tế rằng biến đổi khí hậu thực chất là do con người tạo ra, ông ấy sẽ bị mắc kẹt ở Mỹ. Và ông ấy không bao giờ trốn đằng sau cái bóng của Quốc hội. Nếu đã nói rằng sẽ làm điều gì đó, ông ấy thực sự sẽ cố gắng để thực hiện nó, thay vì chỉ nhất trí để đẩy với hy vọng là những người khác sẽ phong tỏa thỏa thuận đó và giúp ông ấy khỏi phải thực hiện nó.

G8+5 là một diễn đàn mang tính quyết định, trong đó các cuộc tranh luận giữa các nước thải nhiều khí nhà kính có thể diễn ra một cách không chính thức. Và tôi không bao giờ ngại chỉ ra rằng, sẽ chẳng ích lợi gì nếu có hàng trăm quốc gia dưới khuôn khổ Liên Hợp Quốc cùng nhất trí về một hiệp định khí hậu mà Mỹ lại không tham gia vào hiệp định đó và Ấn Độ cùng Trung Quốc không muốn chấp nhận bất kỳ nghĩa vụ giảm phát thải. Đó là lý do tài sao đến ngày nay, dù có bao nhiêu nước phê chuẩn hiệp định Kyoto, thì có rất ít nước, mà Anh là một ngoại lệ – đáp ứng được các mục tiêu của họ.

Tôi biết rằng, về vấn đề châu Phi, nếu không đạt được những số liệu thực tế, thì sẽ lại tái diễn những lời lẽ rác rưởi như “Châu Phi thật đáng thương, chúng tôi rất quan tâm đến bạn” trong một thông cáo chung mà sẽ chẳng còn lừa dối được bất kỳ ai. Bob, Bono và liên minh phi Chính phủ (NGO) đã triển khai một chiến dịch hiệu quả, đến từng quốc gia chủ chốt và cố gắng “dọa” các nhà lãnh đạo bằng cách chứng tỏ sự ủng hộ của đông đảo công chúng đối với hành động trợ giúp châu Phi. Chiến dịch này được tiến hành rất khôn ngoan, trong đó khéo léo tán dương các nhà lãnh đạo trong một chừng mực vừa đủ để khuyến khích họ hành động. Khi Bob và Bono phụ trách, sẽ có một cuộc tranh luận hợp lý. Nếu chúng tôi làm được, họ sẽ đó là công của chúng tôi. Nếu không, họ sẽ chỉ trích chúng tôi. Thế là công bằng. Các tổ chức vận động vì môi trường sẽ rất cơ hội chủ nghĩa ngay cả khi George đến với đồ tang và cầu xin sự tha thứ cho quá khứ tàn bạo thủ của mình và nói rằng từ nay trở đi, người Mỹ sẽ từ bỏ những chiếc xe hơi và thay vào đó chỉ lái toàn xe scooter chạy bằng điện gió.

Dần dần, tôi e rằng tôi đã đi đến chỗ không tán đồng với một phần văn hóa của NGO, đặc biệt là các nhóm vận động bảo vệ môi trường. Xin đừng hiểu nhầm ý tôi, các NGO đã làm rất tốt nhiệm vụ của mình, nhưng vấn đề với một số tổ chức trong số đó là họ được giới truyền thông xem là những công dân có trách nhiệm, quan tâm đến những gì đang xảy ra, trong khi dĩ nhiên họ còn là những tổ chức, thu hút tài chính, tiếp thị bản thân và cạnh tranh với các NGO khác trong cùng một lĩnh vực. Bởi toàn bộ “lý do tồn tại” của họ là để thay đổi chính sách, họ khó có thể nói vâng, chúng tôi đã hoàn thành xong công việc, mà không rơi vào cảnh chấm dứt hoạt động. Và họ đã học được cách chơi trò chơi của truyền thông hiện đại một cách hoàn hảo. Khi nói về tác động, họ cố “la hét” ngày càng to hơn để được nghe thấy. Từ “cân bằng” không có trong từ điển của họ. Tất cả đều là “vi phạm”, “phản bội”, “khủng hoảng”. Họ cũng có những tín điều và châm ngôn được định nghĩa rất hẹp theo cách của riêng, mà nếu bạn có phản đối chúng, họ sẽ bảo vệ quyết liệt – thường không phải vì quyền lợi của họ mà là để lợi dụng động cơ của bạn trong việc phản đối chúng. Ở châu Phi, tôi đã liên tục cố gắng giúp họ hiểu về tự do thương mại, với viện trợ đối lấy thương mại, như một trong những lợi ích thiết thực cho châu Phi, nhưng việc này gần như bất khả thi. Một bộ phận của liên minh NGO về cơ bản đã có quan điểm rằng “toàn cầu hóa là âm mưu của nước giàu” và thách thức làm đứt đoạn sự ủng hộ của họ, vì thế họ hạn chế.

Giống như quan điểm của các tổ chức vận động bảo vệ môi trường với vấn đề năng lượng hạt nhân. Năng lượng hạt nhân giờ đã trở nên quan trọng đến mức việc phản đối phát triển nó gần như là vô trách nhiệm – trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với việc thiếu hụt năng lượng và biến đổi khí hậu. Tôi cá rằng rất nhiều người trong số họ biết rõ điều đó, nhưng họ sẽ bị coi là phần tử phản đối khi nói thể và chia rẽ phong trào.

Tôi muốn rằng trong NGO, “chất” chính trị cũng nhiều chẳng kém trong giới chính trị thực – và đôi khi còn hơn – họ đang được xem là những nhà quan sát khách quan, nhưng thực tế không phải vậy. Họ vừa vận động vì chính nghĩa, nhưng cũng vì những quyền lợi bất di bất dịch. Điều này không có nghĩa là tất cả những điều họ nói đều sai và họ chính xác là một phần của một nền dân chủ lành mạnh.

Tại Gleneagles, chúng tôi may mắn vì thời tiết khá đẹp, trời ấm áp và chúng tôi có thể ngồi ngoài trời, dưới ánh nắng. Tôi thì chìm trong tâm trạng rối bời, từ chi tiết của Hội nghị G8 đến các tin đồn về quyết định đăng cai Olympic, điều mà những đám đông tụ tập trên quảng trường Trafalgar và Đại lộ Champs-Élysées đang háo hức ngóng đợi. Những kết quả ban đầu được hé lộ: Moscow bị loại, sau đó đến lượt New York.

Đầu óc tôi căng như dây đàn và các nhân viên của tôi thôi không cố nói với tôi về châu Phi và biến đổi khí hậu nữa, do tôi không còn đủ tinh thần để nói chuyện với họ. Thông qua các cuộc trò chuyện của tôi với các thành viên Mỹ Latinh của IOC, tôi thấy rằng, nếu Olympic chỉ còn là cuộc đua giữa London và Madrid, họ sẽ ủng hộ Madrid (những người Tây Ban Nha rất đoàn kết và gắn bó với nhau), còn nếu là cuộc đua giữa London và Paris, họ có thể ủng hộ chúng tôi. Tình hình rất căng thẳng. Giống như tất cả các khu vực cử tri nhỏ như thế này, thường thì số phiếu cam kết cho các địch thủ chính nhiều hơn cả số cử tri. Mỗi khi Seb nói với tôi rằng ông ấy có bao nhiêu phiếu cam kết chắc chắn, tôi chỉ cười nhạt như tất cả những người từng trải qua tiến trình chọn ứng cử viên của Đảng Lao động.

Khoảng 10 giờ thì có tin Madrid bị loại. Như vậy là chỉ còn chúng tôi và Paris. Không lâu nữa sẽ có kết quả. Jo và cả đội đi xem thông báo trên truyền hình nhưng tôi không thể đủ can đảm để làm việc đó. Jonathan Powell, một người vô cùng điềm tĩnh ở lại với tôi. Tôi không nghĩ anh ta quan tâm quá nhiều đến kết quả Olympic. Khi câu chuyện trong văn phòng chuyển sang đề tài bóng đá, như nó vẫn thường diễn ra ít nhất một lần một ngày, Jonathan bật tai như thể muốn nói hãy nói điều này ở nơi khác, một số người trong chúng tôi có việc phải làm. Điện thoại anh ta đổ chuông, anh ta nhận cuộc gọi chẳng khác gì thường ngày và trò chuyện cứ như là người ta vừa nói với anh ta rằng cuộc hẹn lúc 4 giờ được chuyển sang 4 giờ 15 phút. Rồi anh ta nói: “Ồ, chúng ta đã thắng à, thật không? Tốt, được rồi”.

Dĩ nhiên là tôi bật dậy như lò xo. Thật kỳ lạ vào khoảnh khắc đó, tôi bỗng nhớ lại năm 12 tuổi, khi biết tin mình giành học bổng vào Fettes, tôi đã chạy quanh vườn nhà ở Durham, trong niềm vui sướng tột cùng và dĩ nhiên là sự thoải mái trong tâm hồn; nỗi ưu tư trữu nặng bấy lâu được thay thế bằng niềm vui. Tôi nghĩ tôi đã nhảy múa xung quanh Jonathan và sau đó ôm chầm lấy anh ta. Jonathan không phải là người hay thể hiện tình cảm bằng những cái ôm; nhưng anh ta đã ở đó và được ôm. Rồi những người khác chạy vào và dĩ nhiên sẵn sàng chờ đón cái ôm chia sẻ niềm vui của tôi.

Đó là một chiến thắng lớn, đúng hơn là một chiến thắng xuất sắc. Thành thực mà nói, tôi cũng biết rằng mặc dù G8 vẫn còn là thách thức cần vượt qua, nhưng thắng lợi này sẽ giải phóng những áp lực đang đè nặng lên tôi.

Sau khi thực hiện những cuộc gọi chúc mừng, những cuộc trả lời phỏng vấn và phát biểu trước những đám đông tụ tập ở Đại lộ Trafalgar, tôi đã có thể quay trở lại nghĩ về vấn đề G8 một cách tự tin và đầy lạc quan.

Một trong những người đầu tiên đến hội nghị thượng đỉnh là Jacques Chirac. Tôi thực lòng cảm thấy tiếc cho ông ấy, thực sự là như vậy. Cuộc trưng cầu dân ý về Hiệp ước của Liên minh châu Âu đã thất bại và đây thực sự là một đòn tể hại giáng vào ông ấy. Jacques chắc hẳn đã cảm thấy rất buồn khi bị người dân của mình cự tuyệt. Giờ lại đến Olympic. Và bởi tôi đảm nhiệm vai trò quá quan trọng trong việc lèo lái tiến trình vận động đăng cai của nước mình và ông ấy cũng thế, cảm giác buồn tủi sẽ tăng gấp đôi. Nếu ở vị trí của ông ấy có thể tôi sẽ suy sụp mất.

Nhưng dù bạn có nói gì về Jacques, thì ông ấy vẫn là một người can đảm và chuyên nghiệp. Ông

ấy vẫn ngẩng cao đầu và vô cùng lịch thiệp, chúc mừng cá nhân tôi và nước Anh, chúc tôi tất cả những gì tốt đẹp nhất, với một thái độ chân thành và đường hoàng. Tôi không biết liệu khi chỉ còn một mình trong phòng riêng, ông ấy có dấm liên tục vào tường hay không, nhưng tôi đồ rằng không.

Khi Jacques cạnh tranh với Lionel Jospin cho nhiệm kỳ Tổng thống năm 2002, Jospin đang là một Thủ tướng xã hội chủ nghĩa trong một cơ chế cùng tồn tại vô lý mà hệ thống chính trị Pháp cho phép. Cuộc bầu cử rất căng thẳng. Nhưng tôi luôn chắc rằng Jacques sẽ thắng và khi mọi người hỏi tại sao, tôi có thể nói đơn giản là: ông ấy trông giống Tổng thống Pháp, trong khi Lionel giống một giáo sư Pháp và tất nhiên người Pháp muốn Tổng thống của mình phải ra dáng tổng thống, giống Mitterrand.

Hội nghị thượng đỉnh sẽ được bắt đầu bằng một bữa tiệc tối xa hoa do Nữ hoàng chủ trì. Trước đó, George và tôi, cùng với Cherie và Laura đã uống với nhau vài ly. Tôi có thể thấy là ông ấy sẽ ủng hộ tôi và dĩ nhiên Cherie và Laura luôn thân thiện với nhau. Bạn chung của chúng tôi là Bill Gammell ghé qua. Bill giàu hơn theo từng phút. Anh ấy mua một số mỏ dầu nhượng quyền ở Bangladesh, những mỏ từng không có ai muốn mua, giờ hóa ra có trữ lượng lớn hơn sự dự đoán của bất kỳ ai. “Chúng ta đã chọn sai nghề rồi, George”, tôi nói đùa sau khi Bill đã rời đi. Ông ấy tỏ vẻ nhất trí, nhưng chẳng ai trong chúng tôi thực sự nghĩ vậy. Chính trị là tự nguyện.

Có vẻ như những rắc rối đối với Jacques vẫn chưa đủ vài ngày trước đó, báo chí đưa tin rằng ông ấy đã nói đùa về thức ăn của Anh, trong một số nhận xét khinh suất với Vladimir Putin và Gerhard Schroeder, rằng bạn không thể tin được rằng họ là những người nấu ăn quá tệ. Ông ấy đã vô tình đưa cả người Phần Lan vào câu chuyện này. Tôi chẳng hề bận tâm và nghĩ đó chỉ là đùa vui, nhưng dĩ nhiên tất cả mọi người phải giả như là rất tức giận và làm quá mọi chuyện lên. Việc Jacques bác bỏ nhận xét này chẳng tác dụng gì và rất nhiều bếp trưởng nổi tiếng, những đầu bếp đủ loại và những người ghét Pháp nói chung đã đồng loạt chỉ trích nhận định vô lý này; và người Phần Lan, tôi nghĩ, thực sự rất phật ý. Thủ tướng Phần Lan sau đó đã nói riêng với tôi rằng điều này đã trở thành một vấn đề rất lớn ở Phần Lan (Tôi thì nghĩ: Ồ, chỉ là đùa thôi mà).

Khi chúng tôi dự bữa tiệc tối với Nữ hoàng, Thủ tướng Nhật Bản Junichiro Koizumi đã đem chuyện này ra giễu cợt. Koizumi là một trong những nhân vật thú vị nhất tôi từng gặp trong giới chính trị và chắc chắn không giống bất kỳ chính trị gia Nhật Bản nào tôi đã tiếp xúc đến thời điểm đó: một nhà lãnh đạo tuyệt vời, rất sôi nổi, với một cá tính khác thường. Khi ăn xong món đầu tiên, ông ấy nói to bằng một thứ tiếng Anh ngắc ngứ với Jacques, lúc này đang ngồi ở bên kia bàn: “Này, Jacques, đồ ăn Anh tuyệt đấy chứ?” Và một tràng cười nổi lên. Jacques nhìn Koizumi với ánh mắt hơi gay gắt, ông ấy bị buộc phải tham gia vào chuyện cười này và lại còn phải thanh minh với Nữ hoàng rằng ông ấy chưa bao giờ nói những điều người ta gán cho ông. “Nói gì cơ?”, Nữ hoàng hỏi, có lẽ bà là người duy nhất chưa từng nghe tới câu chuyện này. Thế là câu chuyện lại được kể lại từ đầu, khiến mọi người càng thích thú hơn, đặc biệt là Koizumi. Ông ấy đã chớp lấy cơ hội này để khai thác câu chuyện một cách nhảm tâm, ngắt nghỉ từng đoạn một và đôi khi còn ngắt nghỉ sau từng từ dài. Bằng một giọng khàn khàn, ông ấy đưa ra những nhận định về sự tuyệt vời của các món ăn. Tôi nghĩ Koizumi chỉ dừng lại khi Jacques đã không chịu đựng nổi, như thể sắp sửa rút súng của cận vệ ra và bắn Koizumi.

Những bữa tiệc tối ở G8 luôn toàn chuyện lạ. Các nhà lãnh đạo thường hơi bị lệch múi giờ một chút, trong khi họ vẫn phải để mắt tới chương trình nghị sự và ở hội nghị Gleneagles lần này cũng vậy. Hội nghị lúc nào cũng được tổ chức rất hoành tráng và công chúng luôn quan tâm đến mức độ hoành tráng ấy và cuối cùng câu hỏi đặt ra là chi phí cho việc tổ chức hội nghị là bao nhiêu. Dĩ nhiên chi phí lớn nhất vẫn là an ninh, nhưng không hiểu vì sao đây là lỗi của các nhà lãnh đạo dám cả gan gặp gỡ và trò chuyện về các vấn đề của thế giới, chứ không phải là lỗi của những kẻ biểu tình, mặc trang phục lòe loẹt như các anh hề, không bị kiểm soát và chạy toán loạn. Đó là sự pha trộn giữa một kỳ nghỉ xa xỉ của doanh nhân, một hội thảo khoa học và một thỏa thuận chính trị lớn. Và bạn không bao giờ có thể biết chắc hiệu quả của nó sẽ ra sao.

Các bữa tối mở màn thường có xu hướng khá vui nhưng khi khó khăn đến trong những ngày sau đó, họ có vẻ thận trọng hơn. Bữa tối hôm nay diễn ra tốt đẹp. Nữ hoàng đối đãi lịch thiệp với tất cả mọi người, cho dù một số vị khách không biết cư xử với Nữ hoàng ra sao. Một số cố trở nên thân thiết với Nữ hoàng. Giờ hãy để tôi nói với bạn điều này: đừng trở nên thân thiết với Nữ hoàng. Đôi khi, bà ấy có thể thân thiết với bạn, nhưng đừng cố gắng đáp trả tình cảm đó. Tôi hơi buồn cười khi nhìn thấy một số người hiểu được sự khác biệt giữa một Nữ hoàng và một Tổng thống và một số thì không. Tất cả đều là những nguyên thủ quốc gia, như Nữ hoàng vẫn là Nữ hoàng. Đó là một ngôi vị trong Hoàng gia, không phải là vị trí bạn có thể đạt được nhờ bầu cử. Và đừng quên điều đó.

Sau bữa tối, tôi về phòng để nghiên cứu chương trình nghị sự. Vẫn còn nhiều việc phải làm, mọi người vẫn còn có nhiều quan điểm khác nhau xung quanh số tiền viện trợ cho châu Phi và vẫn kháng cự kiên quyết về vấn đề biến đổi khí hậu. Tôi nhắm mắt và chìm vào giấc ngủ, sau đó dậy sớm để chuẩn bị, tinh thần rất phấn chấn, nhưng đã đến lúc phải bắt đầu phải tập trung.

Cuộc họp đầu tiên là cuộc họp song phương với George. Khá nhanh chóng chúng tôi đã loại bỏ tất cả những người khác và ăn sáng cùng nhau. Tôi cần phải biết liệu ông ấy có vượt qua ranh giới và nhất trí tham gia đối thoại, với mục tiêu rõ ràng là đạt thỏa thuận hậu Kyoto mới hay không. Hiện giờ ông ấy không cam kết đi theo một mục tiêu nào, điều đó tôi đã biết, nhưng liệu ông ấy có tham gia vào một tiến trình mà rốt cuộc sẽ được thực hiện hay không? Ít nhiều gì thì ông ấy cũng sẽ ở đó vì vấn đề châu Phi.

Để xử lý toàn bộ chương trình nghị sự của G8, tôi đã vô cùng may mắn khi có sự trợ giúp của một nhóm mới và thực sự có năng lực, bao gồm cả ngài Michael Jay, từng là Đại sứ ở Paris và giờ là người đứng đầu ngành ngoại giao. Ông ấy đã khiến tôi rất ngạc nhiên và vui mừng khi đồng ý đảm nhận vai trò Sherpa tại G8 (nhân vật chủ chốt trong Chính phủ chuẩn bị cho hội nghị). Việc này thấp hơn rất nhiều so với cấp bậc của ông ấy, nhưng nó cho thấy quyết tâm của chúng tôi và những vấn đề quan trọng chúng tôi đưa ra hội nghị. Ông ấy có nhiều kinh nghiệm, lời nói của ông có trọng lượng và có sức thuyết phục.

Ông ấy nhận được sự hỗ trợ của Justin Forsyth, người gia nhập nhóm cố vấn từ Oxfram. Nói theo cách khách, thì ông ấy đến từ phong trào phi Chính phủ (NGO) từng bị ghét cay ghét đắng. Nhưng việc này hóa ra lại rất tuyệt; ông ấy biết tất cả họ và là một trong số họ, có thể phát hiện ra thủ thuật của họ, nhận diện chính xác điểm yếu, sai lầm của họ và là một “chính trị gia phi chính trị” thực sự sắc bén. Ông ấy phụ trách lĩnh vực chính trị của NGO, còn Michael phụ trách chính trị trong Chính phủ. Và ngài Nigel Sheinwald, cố vấn chính sách đối ngoại của tôi ở Số 10 phố Downing, để mắt tới tất cả mọi việc và đặc biệt là theo sát các vấn đề với người Mỹ theo cách chỉ có ông ấy mới làm được.

George và tôi đã cùng tham gia một cuộc họp báo ngắn. Ông ấy phải giải thích tại sao xe của ông ấy đâm vào một viên cảnh sát trong sân buổi tối hôm trước. Đó là điều chỉ có thể xảy ra với George. Về cơ bản, ông ấy đã nói chuyện với viên cảnh sát đó trong bệnh viện và tự trách mình về điều đó, nhưng hoàn toàn tự nhiên, tất cả sự việc được giới truyền thông trầm trọng hóa lên, họ cho rằng George đến Gleneagles với ý định tìm một anh cảnh sát người Scotland để đâm và có lẽ muốn buổi chiều hôm đó có thêm vài anh cảnh sát xếp hàng nữa để ông ấy “sát hại”.

Dường như chẳng gì có thể phá vỡ bầu không khí sôi nổi. Một chút động lực và G8 sẽ đồng thuận với nhau, điều này sẽ là bước ngoặt trong hội nghị thượng đỉnh. Tôi hiểu rõ nguy cơ của việc biến nó thành điều mà các quốc gia lớn và thế lực có thể làm cho thế giới và bỏ đi vai trò kinh tế truyền thống. Tôi biết đó là canh bạc đúng để dẫn thân. Tôi cảm thấy tràn đầy tin tưởng, tin vào đánh giá, sự tự tin và số phận của mình.

Tôi bước vào phòng họp báo nhỏ, nơi tôi gặp Chủ tịch Hồ của Trung Quốc. Ông ấy có vẻ rất nghi thức, nhưng nắm rất rõ vấn đề. Chúng tôi bắt đầu cuộc họp bằng việc tôi đề nghị ông ấy bổ

nhệm một ai đó để chúng tôi có thể liên lạc một cách phi chính thức hơn, để quan hệ Anh – Trung Quốc, vốn đã được cải thiện đáng kể kể từ khi Hồng Kông được trao trả cho Trung Quốc – có thể tiến lên một nấc thang mới. Ông ấy đưa ra đề xuất, chúng tôi nhất trí và bắt đầu bàn về chương trình nghị sự của G8.

Trung Quốc rất miễn cưỡng trong việc hành động về biến đổi khí hậu. Họ sợ rằng sẽ bị ràng buộc vào các nghĩa vụ không phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế mà họ đang trải qua. Người Trung Quốc sợ bị thúc ép chấp nhận một điều gì đó ảnh hưởng xấu tới ưu tiên số một của họ là: tăng trưởng. 60% dân số của Trung Quốc vẫn đang sống bằng nghề nông (trong khi tỷ lệ này ở Mỹ và Liên minh châu Âu chỉ khoảng 3%). Họ muốn chuyển hàng triệu người từ nông thôn lên thành phố. Nếu không có tăng trưởng công nghiệp và kinh tế vững mạnh, đó sẽ là một nhiệm vụ bất khả thi. Người Trung Quốc đã tiêu thụ gấp đôi lượng than đá trong khoảng từ năm 2000 đến năm 2006. Họ biết rằng việc chấp thuận tham gia vào tiến trình đối thoại, nhằm hướng tới một hiệp định tốt cuộc sẽ không vô thưởng vô phạt như vẻ bề ngoài, do đó vì sao họ cần trọng là điều hoàn toàn dễ hiểu, nhưng họ cũng cảm nhận thấy quyền lực của mình; ý thức được trách nhiệm đi kèm với nó, nhận ra rằng họ không thể “chân trong chân ngoài” ở một câu lạc bộ quyền lực. Tôi nghĩ, tôi có thể thuyết phục được họ ngồi vào bàn đối thoại, do tôi không phóng đại vấn đề lên hay gán cho họ những vị trí mà họ chưa sẵn sàng.

15 phút trôi qua, Jonathan chuyển cho tôi một tờ giấy nháp. Nó chỉ nói rằng đã có một sự cố xảy ra ở hệ thống tàu điện ngầm. Có thể có thương vong. Có thể là một tai nạn, có thể không. Bản năng mách bảo tôi rằng, không phải là một tai nạn.

Đột nhiên Jonathan rời phòng họp và rời trở lại với vẻ xúc động. Tôi xin lỗi Chủ tịch Hồ, giải thích về tờ giấy nháp và hỏi Jonathan liệu chúng tôi có biết thông tin gì thêm không.

Ôi Chúa ơi, đừng nói đó là một đợt tấn công khủng bố, không phải kiểu đó và không phải ở đây. Điều tôi luôn lo sợ, quá rõ ràng với họ, quá chia rẽ đối với chúng tôi. Hiện giờ vào thời điểm này, có những người tôi không biết mặt mà cuộc sống đã thay đổi mãi mãi, có lẽ là kết thúc mãi mãi, thế giới bị lãng quên trong sự hủy diệt của hy vọng, mơ ước và hoài bão của con người, tất cả đều kết thúc vì những lý do họ không bao giờ biết hay hiểu và không bao giờ có thể tranh luận về nó. Chủ nghĩa khủng bố là tột cùng của sự bất công: nó nhằm vào người vô tội chính xác là bởi vì họ vô tội.

Tôi đứng dậy và xin ngài Chủ tịch lượng thứ, tôi phải đi để xem mọi việc thế nào. Trên đường đến phòng, lúc đang gọi điện thoại mà Jonathan đưa mà chẳng nhận được thêm thông tin chi tiết nào, tôi va phải George. Dĩ nhiên là ông ấy đã biết chuyện rồi. “Tấn công khủng bố phải không?”, ông ấy hỏi. “Có thể là một tai nạn”, tôi nói, nhưng hai chúng tôi nhìn nhau và biết rằng không phải như thế.

Đến giờ thì đã đã có ba cuộc tấn công, tất cả đều diễn ra ở hệ thống tàu điện ngầm của London, tất cả đều vào giờ cao điểm. Tôi nói chuyện với Charles Clarke, người mà tôi hy vọng sẽ điềm tĩnh, không hoảng loạn và cố gắng nghĩ ra biện pháp đối phó hậu cần. Tất nhiên là tạm đóng cửa hệ thống, ga tàu điện nhưng còn các biện pháp phòng ngừa khác thì sao? Những tình huống khẩn cấp cần trợ giúp gì? “Có bao nhiêu thương vong?” Tôi hỏi.

“Tôi chưa thể biết rõ”, ông ấy nói.

“Có người thiệt mạng không?”

“Tôi e là có.”

“Bao nhiêu?”

“Tôi không biết!”

Những câu hỏi vô nghĩa và những câu trả lời vô nghĩa; không ai biết gì cả.

Thoạt tiên, chúng tôi nghĩ có thể có nhiều thương vong. Các cuộc tấn công đó là bi kịch nhưng vẫn chưa phải tình huống xấu nhất. Tình huống xấu nhất là tấn công diễn ra vào thời điểm đó vào các tuyến nổi phố Aldgate và Liverpool, Quảng trường Russel và King's Cross, Đường Edgware và Paddington, tất cả đều là những hành trình vô cùng đông đúc.

Vào 10 giờ sáng, có tin vụ nổ thứ tư. Lần này là tấn công một chuyến xe bus ở Quảng trường Tavistock ngay ở phía Nam Upper Woburn Place, nơi tôi đến khá thường xuyên khi còn là luật sư, nơi từng là một tòa án công nghiệp. Tôi mơ hồ nghĩ về tất cả khoảng thời gian tôi ở đó và hình dung ra cảnh tượng chiếc xe bus với nóc bị thổi bay, rồi chân cẳng, xương, máu vương vãi khắp nơi. Và để làm gì cơ chứ? Nhân danh Chúa ư?

Những cảm xúc giận dữ, tiếc nuối và kiên quyết cứ đan xen lẫn lộn trong tôi. Tôi hít một hơi thật sâu. Bỏ qua những cảm xúc, hãy nghĩ xem. Hãy xem xét tầm cỡ của vụ khủng bố, xem xét cảm xúc của đất nước, nhưng hãy để đầu óc thanh thoi mà đánh giá về những điều đó, nhưng đừng chia sẻ chúng trừ phi vì mục đích của việc đánh giá, để đầu óc bạn minh mẫn. Tôi có nên rời khỏi G8? Chúng tôi có nên hủy nó không? Làm thế nào tôi có thể chủ trì nó trong khi đợi tin tức? Chúng tôi có thể trao chiến thắng cho kẻ thù bằng cách từ bỏ những dàn xếp của mình? Chúng tôi có thể vô cảm với những nạn nhân của cuộc tấn công khi cứ tiếp tục tổ chức hội nghị không?

Một cách chậm rãi, bằng tiến trình Xô-crát kỳ lạ thường được tiến hành trong khủng hoảng, chúng tôi đã cùng nhau lên kế hoạch. Quy mô của cuộc tấn công đã rõ ràng: không phải là tình huống tồi tệ nhất, nhưng 52 người đã thiệt mạng và nhiều người hơn thế bị thương và Chúa mới biết có bao nhiêu người nữa bị ảnh hưởng tâm lý. 52 người chết. 52 người với gia đình, bạn bè, người yêu, con nhỏ. 52 người đã từng sống những cuộc sống thường nhật. 52 người thức dậy vào buổi sáng không hề biết đó là lần cuối cùng họ thức dậy hay hôn tạm biệt một ai đó.

Tôi biết nghe có vẻ nhảm tâm nhưng cần phải tính toán. Sau này sẽ có nhiều thời gian cho tôi khóc thương. Còn giờ tôi là lãnh đạo và tôi phải làm việc của mình.

Tôi gọi cho những nhà lãnh đạo khác và giải thích về tình hình xảy ra. Tôi thực sự lúng túng không biết có nên rời hội nghị thượng đỉnh hay không. Sau khi mọi việc đã qua thì mọi chuyện mới trở nên rõ ràng, là tôi nên trở về London. Vào thời điểm đó thì mọi việc không có vẻ như thế. Chính Jacques là người dứt khoát nhất: Ông phải trở về, người Anh trông chờ điều đó. Thế còn hội nghị thì sao? tôi hỏi. Chúng tôi đã nhất trí rằng ngài Michael Jay sẽ tiếp tục chủ trì nó.

Tôi thực hiện một cuộc họp báo rất ngắn, sau khi nói với họ rằng tôi sẽ ra một tuyên bố sau này ở phố Downing khi biết rõ hơn về tình hình thực tế. Charles sẽ trông coi công việc ở Hạ viện. Tôi lên trực thăng RAF và từ sân bay Dundee, chúng tôi bay về Northolt và từ đó về phố Downing.

Trong thời khắc đỉnh điểm của bi kịch đó, vẫn có những khoảnh khắc thật lố bịch. Đại sứ Pháp Gerard Errera ước mướm hỏi nếu ông ấy có thể về cùng với chúng tôi bằng máy bay không. Đương nhiên là chúng tôi tán thành. Khi chúng tôi đang bay xuống, thì tiếp viên hỏi chúng tôi có muốn ăn gì không, vì tất cả đều đã bỏ bữa trưa và đang rất đói. Chẳng có thời gian chuẩn bị gì, bữa trưa chỉ bao gồm một bát khoai tây chiên ôi vài hạt đậu muối cũ tro tro và một vài chiếc sandwich, những thức mà Hãng đường sắt Anh đã bỏ đi. Trong một tích tắc, Errera bắt gặp ánh mắt của tôi và gương mặt ông ấy giật giật. Nếu chúng tôi kiện Jacques ra tòa vì tội phỉ báng đồ ăn của Anh, thì Errera chắc hẳn sẽ là nhân chứng đầu tiên bảo vệ Jacques.

Trở về phố Downing, chúng tôi cố gắng thu thập thông tin hết mức có thể và triệu tập một cuộc họp khẩn cấp ở Phòng họp của Văn phòng Nội các (COBR). Điều tồi tệ nhất chúng tôi không biết là còn điều gì khác ở ngoài đó không. Đó là gì? Ai và tại sao? Rõ ràng đó là một phần

của mạng lưới al-Qaeda, nhưng cụ thể đó là ai, ở đây hay nước ngoài? Phải mất một thời gian trước khi chúng tôi có tất cả câu trả lời. Hậu quả của việc đó là, trong nhiều tuần chúng tôi nhận được những cuộc gọi đe dọa tấn công mới, hay những thông tin về những ý đồ như thế. Đó thực sự là một ác mộng.

Mỗi cuộc gọi nhận được có thể là lý do để đóng cửa một sân bay hay một cơ sở giao thông nào đó hay đóng cửa trung tâm thành phố. Chúng tôi đã gặp phải thảm họa từ vụ nhằm giết sinh viên Brazil Jean Charles de Menezes, ngày 22 tháng 7, một sai lầm tệ hại, nhưng tôi cũng cảm thấy rất tiếc cho những nhân viên tham gia vào vụ đó, những người hành động vì cố gắng bảo vệ sự an toàn của đất nước. Một lần, chúng tôi đã họp ở COBR về mối đe dọa mới nhất cho dù thông tin về điều đó rất ít. Khó có thể lờ nó đi. Nhưng khó có thể hành động phòng ngừa mỗi nguy này. Lại một lần nữa chúng tôi sẽ phải ngừng hoạt động hệ thống tàu điện ngầm. Vậy hành động hay bỏ qua? Tôi nhìn quanh bàn và cuối cùng hỏi lan Blair, Ủy viên của Lực lượng cảnh sát London Metropolitan Police, người đã làm rất tốt nhiệm vụ trong và sau cuộc tấn công, rằng nên làm gì. “Tôi e rằng đó là việc của ngài”, ông ấy nói. Tôi quyết định không hành động, nhưng tôi đã có một đêm lo lắng không yên khi thời gian của cuộc tấn công được đe dọa tới gần.

Trên đường về bằng máy bay từ Scotland, tôi đã suy nghĩ rất kỹ về việc chúng tôi phải phản ứng thế nào với tư cách là một dân tộc. Jonathan, Charles và những người khác có thể lo về những phản ứng chi tiết, tức thời; còn điều mà tôi tập trung vào là làm thế nào để bày tỏ suy nghĩ của chúng tôi với tư cách là một đất nước. Không phải là “sự xúc động” hay “sự cảm thông”, như người ta thường nói một cách ngu ngốc và bất cần đạo lý. Đôi khi với những việc như thế này, cần xác định rõ cảm nhận để có thể định hình phản ứng và quản lý tốt hậu quả. Bởi vì đã có hậu quả là việc 52 người vô tội thiệt mạng, vụ tấn công khủng bố tệ hại nhất nước Anh, tệ hơn bất kỳ cuộc tấn công của Cộng hòa Ireland nào trong thời gian 40 năm Xung đột.

Người ta có thể phản ứng theo nhiều cách: sẽ có những người bài đạo Hồi; và sẽ có những người nói đó tất cả là lỗi của Blair và Bush); nhưng hầu hết các phản ứng sẽ là tuyệt vọng và cảm thấy vừa trải qua thảm kịch. Làm thế nào tấn công khủng bố có thể xảy ra và ở London, một thủ đô đa văn hóa, nơi vừa được trao quyền đăng cai Thế vận hội Olympic; chính xác là bởi vì tính cách cởi mở, thân thiện và không thành kiến của thành phố? Không thể tin được. Đầu tiên là chiến thắng, sau đó là bị kịch.

Tôi đã định hình ý tưởng rằng bản năng tốt đầu tiên của người Anh – Hồi giáo, Thiên chúa giáo, tất cả chúng tôi – sẽ là đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau chống lại những kẻ cực đoan, từ bỏ định kiến vì tình đoàn kết. Tôi biết rằng, sau một khoảng thời gian, sẽ xuất hiện dạng cảm xúc thứ hai: tức giận và đòi hỏi hành động ngăn chặn những sự việc như thế này tái diễn, bằng những biện pháp cứng rắn, bao gồm cả luật pháp. Tới thời điểm này trong sự nghiệp lãnh đạo của tôi, tâm hồn tôi đã trở nên sắt đá, kiên quyết hơn về vấn đề Tự do đối lập với Luật chống khủng bố. Khi ngài Hoffman miêu tả luật chống khủng bố là mối nguy lớn hơn cả khủng bố đối với đất nước, tôi không thể tin nổi. Tôi không thể tưởng tượng được một người hiểu biết như vậy lại có thể nói ra một điều ngu ngốc như thế. Do đó tôi biết rằng một cuộc chiến đang tới gần.

Nhưng tôi cũng hiểu điều đầu tiên phải làm là đoàn kết mọi người lại với nhau, do đó, tại phố Downing tôi đã có một bài phát biểu cổ vũ cho tinh thần và tôi nghĩ, ít nhiều gì tôi cũng đã làm được điều đó. Cụ thể, tôi tỏ lòng kính trọng với cộng đồng người Hồi giáo ở Anh. Tôi có những nghi ngại thực sự về một số lãnh đạo của cộng đồng này và cách họ đương đầu – hay đúng hơn là không đương đầu – với hành động cực đoan này – tuy nhiên, đây không phải là thời điểm để đưa ra những hoài nghi như vậy. Đây là thời điểm để tinh thần Olympic tuôn chảy, qua bị kịch này và cả chiến thắng nữa.

Đêm hôm đó, tôi trở lại Gleneagles. Chúng tôi đã làm những việc cần thiết để chứng tỏ sự đồng cảm với các nạn nhân của hành động khủng bố kinh hoàng đó. Giờ thì chúng tôi phải thể hiện rằng G8 là cách chúng tôi thực thi chính trị và điều đó cũng quan trọng. Cần phải cho thấy sự

tương phản giữa cách làm của chúng tôi và cách làm của chủ nghĩa khủng bố. Chúng tôi chống khủng bố không chỉ bằng lực lượng cảnh sát, tình báo và an ninh mà như tôi nhắc đi nhắc lại, đó là trận chiến của ý chí. Tôi không biết liệu khủng bố có chủ ý hoạch định thời điểm tấn công vì G8 hay không, nhưng sự thực là nó đã xảy ra đúng vào thời điểm diễn ra G8; vì vậy chúng tôi phải thể hiện sự tương phản bằng những từ ngữ mạnh mẽ nhất có thể. Tương phản giữa một nền chính trị tốt và ma quỷ. Trần trụi. Đơn giản. Không thể bác bỏ với tất cả mọi người, trừ những kẻ loạn trí.

Cuối cùng, nó đã tạo ra một tiêu chuẩn mới cho những hội nghị như thế này và được xem là một dấu ấn lịch sử.

Chúng tôi sắp xếp ngày hôm sau sẽ là phiên họp cuối cùng và sau đó là thông cáo chung. Tôi có ý tưởng rằng sẽ có một tuyên bố, trong đó nêu bật những thành tựu đạt được và làm rõ sự đối lập của điều đó với khủng bố, nhấn mạnh rằng, thực hiện tất cả những điều đó, các nhà lãnh đạo trên thế giới sẽ liên kết lại và ký một cách biểu tượng thông cáo chung để tạo thêm tiếng vang và tính tin cậy của nó. Đó là điều mà chúng tôi đã làm được, 48 giờ sau khi tôi nhận được kết quả về Olympic, hai ngày biến động bất thường nhất mà tôi đã trải qua trong sự nghiệp chính trị của mình.

Về vấn đề châu Phi, chúng tôi đã nhất trí về một kế hoạch hành động toàn diện, dựa trên Ủy ban châu Phi. Chúng tôi đồng thuận nâng viện trợ lên 50 tỉ đô-la, xóa bỏ nợ, đạt được những cam kết về điều trị AIDS, sốt rét, quản trị và tham nhũng.

Về biến đổi khí hậu, chúng tôi đồng ý rằng sẽ bắt đầu cơ chế đối thoại G8+5 nhằm mục đích rõ ràng là đạt được một thỏa thuận toàn cầu mới, mà trước tiên sẽ làm chậm quá trình thải khí nhà kính và sau đó là cắt giảm chúng.

Vì những mục đích tốt đẹp, chúng tôi cũng đã nhất trí một gói biện pháp hỗ trợ Chính quyền Palestine. Nhưng trên tất cả chúng tôi đứng lên vì một nền chính trị đúng đắn. Tuy tất cả trang phục, trang bị cho hội nghị, những từ ngữ nghi thức trong thông cáo chung, quang cảnh hoành tráng đều đậm chất chính trị như thường lệ, nhưng tất cả chúng tôi – những người luôn cứng rắn và quá quen với những cảm xúc chính trị – đã cảm nhận rằng những điều chúng tôi sắp làm là rất chân thực.

Tôi đã tổ chức một cuộc họp báo tại khu vườn của khách sạn. Một số kẻ ở NGO đã nói một cách vô lý rằng tất cả chúng tôi đã khiến châu Phi thất vọng như thế nào. Đó là điều chúng tôi chẳng xa lạ gì. Nhưng Bob đã bất ngờ phản công lại, cứ như là muốn đánh cho anh ta một trận vì quá tiêu cực. Bob đã kéo anh ta ra khỏi khu vực báo chí và chửi ầm lên, điều mà chỉ một người Ireland có thể làm thế.

Tôi đã ghi hình một cuộc trả lời phỏng vấn với Jim Naughtie cho chương trình Today. Tôi quý Jim, nhưng tôi cũng biết thừa rằng cuộc phỏng vấn sẽ hướng tới đâu: nếu không đến Iraq, chúng tôi đã có thể an toàn. Đó là một lập luận ác mộng phải xử lý, dĩ nhiên, ở một chừng mực nào đó, nếu bạn không đánh nhau với những người này, có thể bạn không nằm trong danh sách “cầm thù” của họ. Nhưng nếu tin tưởng dù chỉ một chút vào lập luận đó, thì đột nhiên đó sẽ là lỗi của chúng tôi, không phải của họ và đó chính là điều mà họ muốn.

Vào thời điểm đó, tôi bằng lòng với việc đi vòng quanh và không đối đầu trực diện với nó. Mặc dù vậy, nó khiến tôi tức giận, chẳng vì lý do gì. Nhưng tôi có thể cảm thấy cả cuộc tranh luận sẽ đi tới chỗ mà tôi sẽ bị cô lập, bất hòa không phải với đảng mà với nhân dân. Tôi nhận thấy điều đó một cách sâu sắc, về chúng tôi với tư cách một quốc gia, về tính cách của chúng tôi. Tôi cảm nhận điều đó mà không lo ngại gì về đạo đức chính trị – cho dù tôi biết điều đó sắp đến, nhưng theo một cách ít điên rồ hơn và đau đớn hơn.

Tôi có một tầm nhìn cho nước Anh. Trước đây, tôi đã từng tin tưởng rằng mình có thể thuyết phục đất nước rằng đó là lựa chọn đúng, là phương thức hiện đại, nước Anh mới song hành

cùng Lao động mới. Tầm nhìn đó lớn hơn Iraq, lớn hơn liên minh của Mỹ, lớn hơn bất cứ điều gì; một tầm nhìn toàn diện về vị trí mà chúng tôi nên thiết lập vào đầu thế kỷ XXI; về cách chúng tôi cuối cùng cũng vượt qua được sự vĩ đại của lịch sử và khai phá toàn bộ tiềm năng của tương lai.

Nhưng giờ đây, tôi không chắc rằng mình có thể triển khai nó hay không. Tôi không chắc rằng người dân còn tin vào nó nữa hay không. Những lực lượng chống lại tôi có quá nhiều. Nếu tôi phản công quá dữ dội sẽ xảy ra quá nhiều chia rẽ và đau đớn – cả vết thương cá nhân – khi tôi có thể được giải phóng một cách quá dễ dàng.

Tôi biết tất cả những điều này, nhưng hãy để nó sang một bên. Để sau sẽ tính. Còn hiện giờ, tôi chỉ cảm thấy nhẹ người khi tuần lễ quan trọng vừa qua rồi cuộc cũng kết thúc. Nó đã bắt đầu trong chiến thắng, diễn ra trong bi kịch và kết thúc với sự thực về vai trò của một nền chính trị tối ưu.

Tôi nghĩ về cách tuần lễ này sẽ được hồi tưởng lại. Đối với một số gia đình đó là khoảnh khắc đau thương cực điểm vì mất người thân. Đối với những người khác ở châu Phi, có thể chẳng biết tới những nỗ lực đã được bỏ ra để đưa họ thoát khỏi đói, nghèo, xung đột và bệnh tật, đem lại sự sống, thay chỗ cái chết, không phải cho hàng chục người, mà là cho hàng triệu người.

Tôi lê bước về nhà vào tối thứ Sáu đó. Sau khi ngắm Leo ngủ say sưa trong phòng thẳng bé, tôi tự rót cho mình một ly rượu, quyết định xem một bộ phim – dường như để thoát ly thực tế. Tôi cố gắng tập trung vào những việc của gia đình, như đề nghị của Cherie và gạt tất cả công việc quốc gia ra khỏi đầu, cố không phải lo nghĩ đến những điều sắp xảy ra, những cuộc điện thoại, những tập tài liệu, những cuộc đương đầu, những nỗi sợ hãi ớn lạnh sắp tới.

Tôi ngẫm nghĩ về bản chất kinh ngạc của những gánh nặng đang đặt lên đôi vai mình; sự đau đớn và sự hưng khởi. Chính trị: lý lẽ thì cao quý, phương tiện thì bần tiện; những kế hoạch bặt tăm ra và những sự kiện thay đổi hoàn toàn kế hoạch đó; những nỗi đau chưa được biết tới và những nỗ lực chưa hoàn hảo để giảm nhẹ nó. Tôi lại lên tầng trên và ngắm Leo một lần nữa, thẳng bé vẫn đang rất ngon giấc. Một tương lai đang đợi nó ở phía trước.

Bao nhiêu chiến thắng, bao nhiêu bi kịch bao nhiêu hạnh phúc và đau khổ mà nó sẽ trải qua? Bao nhiêu nước mắt và vì mục đích gì? Tôi bỗng nhớ về mẹ tôi. Ở độ tuổi 52, tôi đã nhiều hơn tuổi của bà ấy khi qua đời. Bà ấy còn quá trẻ, tôi nghĩ. Khi bà ấy ốm và biết rằng bà ấy sắp ra đi, một lần tôi đã hỏi bà rằng, nếu có thể bà có muốn quay trở lại độ tuổi của tôi, lúc ấy mới 20, để trải nghiệm lại tất cả không. Bà ấy đã nói “Không, quá nhiều nỗi đau và mẹ không muốn phải trải qua một lần nữa”.

“Nhưng mẹ đã có một cuộc sống hạnh phúc phải không?”

“Tất nhiên rồi. Nhưng không, mẹ không muốn lặp lại nó, không, chắc chắn là không.”

Giờ thì tôi biết ý bà là gì, không phải vì chết đi sẽ tốt hơn – dĩ nhiên không phải là thế – nhưng trải qua tất cả những điều đó một lần nữa, tất cả sự lo lắng, tham vọng phải thực hiện, những mơ ước bạn biết sẽ va vấp, quá nhiều đấu tranh. Đó là mục đích của cuộc sống: đấu tranh.

Leo hẳn là có thể ở trên chuyến tàu điện ngầm hay chiếc xe bus đó. Ô Chúa ơi, đừng để con tôi chết trước tôi. Tôi đã nghĩ về sự tang thương của việc những ông bố bà mẹ có con chết trận tại Iraq, Afghanistan, về những người khác bị vùi chôn trong những đồng đổ vỡ ở Baghdad hay Kandahar.

Nghĩ về sự kinh hoàng. Trách nhiệm của mình.

Tôi lặng lẽ đóng cửa phòng Leo, dừng lại một chút để quẳng tất cả mọi suy nghĩ trên ra khỏi đầu. Hãy để tôi quên đi mọi chuyện trong chốc lát. Cho đến thời điểm cần thiết, tôi sẽ lại đặt chúng trở lại vị trí cũ.

19. Mạnh mẽ đương đầu

Trong hai năm cuối cùng tại nhiệm, có thể hiểu theo nhiều cách, là những năm tốt nhất và tệ nhất của tôi. Tốt nhất là bởi vì vào thời điểm đó tôi cảm thấy được tự do, mạnh mẽ và trưởng thành hơn trước bất kỳ vấn đề gì. Tệ nhất là bởi nó cũng chỉ tạm được như tôi cảm nhận. Trong hai năm này, đảng tôi trở nên hỗn loạn. Gordon liên tục ở trong trạng thái bầy mùu tính kế; giới truyền thông chống Blair (nghĩa là hầu hết trong số đó) đã từ bỏ việc ra vẻ khách quan; Iraq đã lảo đảo trên miệng vực; và khi tất cả những kẻ khác thất bại, thì có một cuộc điều tra của cảnh sát về tôi và bộ máy của mình đã suýt nữa lật đổ cả Chính phủ mà hầu như không đưa ra được phán quyết nào. Giờ đây tôi nhớ lại và nghĩ: Làm thế nào tôi có thể trụ được?

Vào thời điểm này, tôi cố gắng mang một cái vỏ “tâm lý” bằng sắt rất hiệu quả, mà tên bắn không lọt và cố đạt được trạng thái không trọng lượng cho phép tôi, ở mức độ nào đó, bay lên trên những đám người hiểm ác cố gắng xé toạc đuôi tôi ra.

Lúc đó, tôi thực sự can đảm và giờ đây tôi không khỏi tự hào khi nhìn lại. Tôi đã bị dồn vào góc tường, do đó phải lựa chọn giữa việc gục ngã hay chiến đấu chống trả. Tôi nhớ lại nhiều năm trước, một người bạn của tôi trong khu vực bầu cử, người từng khá thô lỗ ở khu phố đó, nói với tôi rằng: nếu anh từng tham gia vào một cuộc đánh lộn trên phố, cố gắng trụ vững, đừng gục ngã. Mọi người luôn nghĩ nếu bạn ngã xuống đất, người ta sẽ để cho bạn yên; nhưng sự thực là không, họ sẽ đá vào đầu bạn và gần như giết chết bạn. Vì vậy hãy cố trụ vững trên đôi chân của mình, anh ta cảnh báo. Họ sẽ khiến bạn tái mặt, nhưng bạn sẽ sống.

Tuy lúc đó, có thể mặt tôi biến sắc, nhưng tôi đã trụ được và làm được rất nhiều việc. Điển hình là một ngày vào giữa năm 2007 – nửa nhiệm kỳ của nghị viện – đó là thời điểm phù hợp để ra đi, nhưng tôi có thể rời đi sớm hơn nếu Gordon hợp tác và muộn hơn nếu ông ấy không hợp tác. Đương nhiên là ông ấy không thực sự làm như vậy, hay không tạo cho tôi sự tin tưởng sẽ tiếp tục chương trình một cách thích đáng; nhưng tôi đã bị đẩy ra bất chấp sau sự nổi dậy tháng 9 năm 2006, nghĩa là muộn hơn nhiều.

Bất chấp tất cả khó khăn kể trên, tôi rất tin vào những gì mình đang làm. Dĩ nhiên, sẽ tốt hơn nếu tôi ở lại thêm một năm, hay 18 tháng nữa và đưa chương trình cải cách đi xa hơn, tốt hơn cho đảng và cho đất nước. Mặc dù vậy, những điều tôi đã làm được rất quan trọng và sẽ phát huy ảnh hưởng lâu dài.

Lý do tôi tự tin như vậy là vì giờ đây tôi đã tiến gần đến một chương trình nghị sự chính sách. Tôi có các bộ trưởng ở các vị trí chủ chốt, những người hiểu điều tôi đang cố gắng gây dựng và tại sao. Tuy chương trình này là nguồn cơn cho sự thất vọng triền miên của “người hàng xóm”, nhưng tôi có thể nói rằng, Gordon cũng lo ngại về việc đẩy mọi việc đi quá xa, vì sợ những người của Murdoch và những người khác kết luận rằng ông ấy chống lại cải cách.

Mỗi bước đi là một cuộc chiến; nhưng vào thời điểm đó tôi đã quá quen với tất cả những điều đó; tôi sẵn sàng thức dậy mỗi ngày và chuẩn bị sẵn sàng ống đạn dược để bước ra và chiến đấu với bất cứ thứ gì cản đường, không phải tôi không sợ hãi, nhưng gần như không để ý tới sự an toàn về chính trị của chính bản thân mình.

Không phải tôi không “lắt léo” để tìm đường tiến lên; mà đôi lúc còn đưa ra một số thỏa hiệp chiến thuật. Nhưng nhìn chung, đây là lần đầu tiên kể từ khi trở thành một Thủ tướng, tôi được dẫn dắt đơn giản bởi những điều tôi thực sự nghĩ là đúng trong cả về chính sách đối nội và đối ngoại. Tôi đã chuẩn bị sẵn tâm lý rằng bất cứ lúc nào mình cũng có thể bị đánh bại và ra đi, nhưng sẽ không thay đổi dù chỉ một li các mục tiêu chiến lược sống còn đã đặt ra.

Vào tháng 2 năm 2006, tôi đã viết một văn kiện cho các hội nghị mà Philip, Alastair và tôi sẽ nhóm họp với Gordon, Ed Balls, Ed Miliband và Sue Nye. Tôi chủ tâm muốn họ tham gia vào,

đặt ra trước mặt họ các ý tưởng, thực sự cố gắng thuyết phục họ. Vài lần tôi đã đưa ra những điều khoản hợp lý để rời sở nhiệm, nếu có một mối quan hệ thích hợp trong thời điểm đó. Tôi thể hiện thái độ cứng rắn: sẽ không ra đi tự nguyện nếu không đạt được cam kết rõ ràng rằng Gordon sẽ tiếp tục chương trình cải cách.

Trong văn kiện hồi tháng 2 đó, tôi đã vạch ra một mẫu cơ bản về cách chúng tôi làm việc và sau đó nghiên cứu một chương trình nghị sự trong tương lai đối với từng mục riêng. Ngoài ra, tôi đã triển khai một cơ quan thực thi nội bộ, đứng sau Bộ Tài chính, có tên gọi Cơ quan Đánh giá Tiết kiệm Cơ bản FSR. Mục đích của FSR là đánh giá xem chúng tôi có thể chuyển dịch năm ngoài những khoản đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ công ở điểm nào; và thay vào đó tập trung vào một Chính phủ nhỏ hơn, chiến lược hơn. Theo ý tôi, bản thân ý tưởng này rất đúng đắn nhưng việc giải quyết các tranh cãi về “một Nhà nước lớn”; các khoản “thuế và chi tiêu” cũng quan trọng không kém mà tôi chắc chắn rằng những vấn đề này sẽ làm chia rẽ liên minh nội bộ và do đó ảnh hưởng tới khả năng chiến thắng của chúng tôi. Nó đã nhắc lại những lập luận đã được đưa ra trong cuộc bầu cử năm 2005.

Không may là, FSR bị công kích dữ dội và là vấn đề mà tôi không thể hoàn tất trước khi rời đi và hoạt động của nó đã trở thành yếu tố thực sự phụ thuộc vào sự hợp tác của Gordon.

Mặc dù vậy, phần còn lại của chương trình tiến triển rất nhanh. Về vấn đề cải cách trường học, đặc biệt là với Andrew Adonis giờ là Bộ trưởng và Conor Ryan, cố vấn đặc biệt của tôi, chúng tôi đã có thể thúc đẩy một chương trình rất tham vọng hỗ trợ thành công mong ước của tôi.

Chúng tôi đã trải qua khoảng thời gian trước Giáng sinh 2005, trong không khí vô cùng bận rộn. Vào 25 tháng 10, chúng tôi công bố Tài liệu Trắng (White Paper) về trường học mới, trong đó chúng tôi ủng hộ ý tưởng về các trường công độc lập không phải trả học phí. Chúng tôi không phục hồi các nguyên tắc lựa chọn, điều đã quá chia tách đất nước giữa các trường chuyên và trường thường; nhưng ở tất cả các khía cạnh khác chúng tôi đã phá vỡ những đặc tính của trường công thường truyền thống. Chúng tôi làm rõ rằng, trong tương lai, tất cả các trường có thể và nên trở thành những quỹ tự cung tự cấp hay các trường hoặc học viện cơ bản với sự linh hoạt hơn gấp bội trong việc tuyển nhân sự và trả lương, với đối tác từ bất kỳ lĩnh vực nào họ muốn và khi các trường mở rộng được người lớn và thanh niên sử dụng để học tập, chơi thể thao, giải trí và các hoạt động cộng đồng khác trở thành một phần của cộng đồng nơi đặt trụ sở.

Trong một bài diễn văn mùa hè năm 2005 trước Diễn đàn Chính sách Quốc gia – cơ quan là sản phẩm của một cuộc cải cách trước của đảng, giúp quá trình hoạch định chính sách cấp tiến hơn và bớt sự công kích hơn – tôi đã vạch ra cơ sở căn bản cho vấn đề cải cách.

Cho dù đến lúc đó tôi thường tự viết hầu hết những bài diễn văn quan trọng của mình, nhưng Phil Collins, người đã gia nhập nhóm, là người viết diễn văn giỏi nhất mà tôi từng có, đã giúp tôi rất nhiều. Dưới áp lực thời gian, các bài diễn văn thường được viết vào sáng sớm ở căn hộ phố Downing. Tôi thường dậy vào khoảng 5 giờ, đi thật khẽ xuống cầu thang để không đánh thức bọn trẻ, pha một tách trà và vào mang vào phòng khách. Ở đó, tôi ngồi xuống ghế cạnh một cái bàn tròn bọc da và viết bài diễn văn bằng bút mực, thỉnh thoảng tôi lại nhìn ra cửa sổ ở phía sau nhà, ngắm mọi người đi bộ thể dục ở Công viên St James hay hối hả đến chỗ làm trong ánh nắng sớm và đôi lúc liếc mắt sang ngôi nhà nổi tiếng nhất nước Anh. Tôi phân vân không hiểu cuộc sống của họ ra sao, tâm trạng của họ thế nào trong ngày hôm đó, suy nghĩ nào chi phối họ, mỗi cuộc sống là một mạng lưới đan xen giữa tình bạn, sự lo âu, tham vọng và nỗi sợ hãi.

Trong bài diễn văn, tôi viết:

“Nếu đó là một hệ thống lạc hậu, thì hệ thống đó cần phải thay đổi. Không thay đổi, nghĩa là chúng ta quan tâm tới hệ thống đó hơn quyền lợi của người dân. Đó là điều hoàn toàn không thể chấp nhận được.

Và dĩ nhiên, các công cuộc cải cách phải đúng đắn kéo theo những sự thay đổi đúng đắn. Nhưng mọi người lại thường xuyên cho rằng thay đổi là vi phạm nguyên tắc, trong khi thực tế, họ không bảo vệ nguyên tắc mà là thực tiễn và thường là một thực tiễn đã lỗi thời.

Tuy nhiên cũng đang có những ví dụ thực sự về sự tiến triển, được thúc đẩy bởi ý nguyện của chúng ta nhằm vượt qua những kháng cự đối với sự thay đổi, mà còn bởi ý nguyện đầy nhiệt huyết của những công chức nhằm giải phóng sức sáng tạo và phát kiến của họ. Do đó, đây là thời gian để đẩy nhanh hơn nữa công cuộc cải cách và tiến hành cải cách trên tất cả các mặt trận: mở cửa hệ thống, phá vỡ những hòn đá tảng chai lì, đặt các bậc cha mẹ, học sinh, bệnh nhân và những công dân tuân thủ pháp luật vào trung tâm của hệ thống. Thực sự, chúng tôi đã đạt được những tiến bộ lớn, từ đó rút ra những bài học, không phải ngủ quên trên thành công hiện tại mà để đưa thành công đến một cấp độ cao hơn trong tương lai ...

Tám năm trôi qua, chúng tôi đã căn cứ vào những bằng chứng thực tế để có thể đưa ra kết luận rất rõ ràng rằng: công cuộc cải cách không thể thực hiện chỉ bằng tiền thay vào đó là tiền kết hợp với hiện đại hóa hệ thống, các thực tiễn hoạt động và các động lực kết hợp sẽ tạo ra được kết quả tốt nhất.

Tất cả những cải cách này, theo những phân tích cuối cùng, là phương tiện dẫn đến một kết quả cuối cùng. Kết quả này không phải là sự lựa chọn. Kết quả là những dịch vụ chất lượng bất chấp sự giàu có. Kết quả là cơ hội để tối đa hóa khả năng của bạn cho dù bạn bắt đầu như thế nào trong cuộc đời. Kết quả là sự tiến bộ tốt cùng của giá trị. Nhưng những phương tiện tiến bộ duy nhất là những phương tiện đem lại kết quả lũy tiến.

Những học viện đầu tiên đã bị quá tải. Rõ ràng là không phải bởi đây là những tòa nhà mới mà chính xác là bởi vì các trường theo kiểu học viện này dường như không thuộc về một bộ máy hành chính xa xôi nào đó, những người cai trị Chính phủ, địa phương hay quốc gia, mà thuộc về chính bản thân nó, phục vụ lợi ích của nó. Trường hoạt động dựa trên nguyên tắc tự cung tự cầu. Điều này ngay lập tức đem lại cho trường niềm tự hào và mục đích hoạt động. Bởi những nhà tài trợ là những cá nhân kiên định và thành công, họ đã đem sự kiên định đó và thành công đó đến với trường. Và trên tất cả, chúng được giải phóng khỏi những can thiệp và điều chỉnh chính trị đúng đắn từ Nhà nước hay chính quyền địa phương, thậm chí còn bất bình thường và thường xuyên trong những hoàn cảnh tệ nhất. Các học viện đó chỉ phải phấn đấu làm thế nào để phát triển trường và biến nó thành một địa điểm lý tưởng cho các học sinh – một vấn đề về chất lượng không bị chi phối bởi định kiến chính trị mà bởi những suy nghĩ thông thường.

Do đó, ngay cả trong những khu vực như Hackney, nơi tôi đến thăm Học viện Cộng đồng Mossbourne mới tại Hackney Downs, địa điểm mà việc cải cách trước đây chưa được thực hiện toàn diện, nơi mà lớp trung lưu địa phương kiểu cách và sống tách biệt, chúng tôi tập trung nghiêm khắc vào các quy định, việc học sinh mặc đồng phục; cư xử đúng mực với các bậc cha mẹ và học sinh giàu và nghèo đều được hưởng và thực hiện các quyền và nghĩa vụ như nhau. Khi chương trình Dispatches trên kênh 4 giấu giếm thực hiện một chương trình về Học viện Doncaster mới, với hình ảnh một số bậc cha mẹ than phiền rằng con họ bị cảnh báo sẽ bị đuổi học nếu không đến trường đúng giờ, tôi biết rằng các chương trình cải cách đã thức sự có tác dụng. Dĩ nhiên, người thực hiện chương trình truyền hình nghĩ rằng mọi người sẽ nổi giận với kỷ luật hà khắc đó, tuy nhiên, về bản chất những bậc cha mẹ khác lại cảm thấy vui mừng.

Mặc dù ý tưởng về học viện bị giảm sút sau khi tôi ra đi, nhưng nó thực sự có tầm ảnh hưởng sâu rộng và sẽ tiếp tục phát huy sức mạnh. Vào cuối năm 2006, tôi thông báo mở rộng gấp đôi chương trình hiện thời đối với 400 trường và thực sự cảm thấy hài lòng nếu đạt được điều đó đồng thời chúng tôi cũng kết hợp mô hình học viện với các trường dạng quỹ, thực hiện những bước tiến vững chãi trên con đường cải cách. Nhưng một lần nữa tôi lại sợ tiếng la hét từ phía nhà kế bên.

Gordon sẽ bác bỏ rằng ông ấy chưa bao giờ phản đối chương trình này và công bằng mà nói thì

ông ấy chưa bao giờ trực tiếp làm vậy; nhưng rõ ràng, người của ông ấy không ủng hộ và việc lấy bất cứ thứ gì ra khỏi Bộ Tài chính phải cần một con dao rựa, liên tục cắt xén hàng rào “phản đối” dày đặc mỗi ngày của họ. Tôi nhớ lại một sự kiện ở phố Downing, khi chúng tôi chào mừng các hiệu trưởng đến xin cấp danh hiệu “trường học kiểu quý”. Một trong số họ đã vô tình kể với tôi rằng ông ấy đã đến bắt chấp lời khuyên của một nghị sỹ quốc hội địa phương. “Ồ”, tôi nói, lúc đó khá bức tức “ai vậy?”

“Ed Balls”, người đó trả lời, mà không biết rằng chính mình đã giúp tôi xác nhận lại đánh giá của bản thân về điều mà nhóm của Gordon Brown đang thực sự hậu thuẫn.

Những đánh giá ban đầu về các học viện thường bị xem là tiêu cực, nhưng ngay cả những đánh giá tiêu cực đó cũng đánh dấu thành công của chúng. Mọi người so sánh các học viện với những trường tốt nhất, mà quên rằng, trong mọi trường hợp, chúng có khả năng thay thế các trường công đã trở nên rệu rã – cũng giống như việc chúng tôi đã chọn những hạt rần nhất để tách vỏ. Việc mọi người đưa ra so sánh như vậy chứng tỏ kỳ vọng rất cao mà họ đặt vào các học viện này. Họ đã giả định rằng chúng sẽ là các trường tốt hơn hẳn một bậc, phù hợp để sánh ngang với các trường tốt nhất. Và đó chính xác là thước đo mà chúng tôi muốn.

Hiện nay, dĩ nhiên là kết quả đã rõ ràng: các học viện tiến bộ nhanh gấp ba lần các trường khác. Nhưng vào thời điểm đó, một số vẫn còn phải chật vật để vươn lên, một số thậm chí đã xuống cấp và phải phục hồi lại; nhưng về tổng thể, các học viện đã thành công.

Sự phản đối của đảng là khá dai dẳng và nhất quán. Đáng buồn là ngay cả Estelle Morris cũng nghi ngờ về các học viện, trở lại câu ngạn ngữ cổ “tiêu chuẩn, chứ không phải cấu trúc” và than vãn rằng thực tế chúng tôi đã đi ngược lại câu ngạn ngữ đó. Nhưng, nếu không có cấu trúc khác, thì các trường không có khả năng đạt được tiêu chuẩn cao hơn. Neil Kinnock cũng tham gia, lúc đó ông ta thường xuyên đứng về phe bên kia và vận động cho việc thay thế tôi bằng Gordon. Ông ta cho rằng các học viện đó quá quý tộc, mặc dù theo một cuộc kiểm tra mới nhất thì, tính “quý tộc” theo nghĩa trường dành cho người giàu có thì ít mà tốt hơn các trường địa phương khác thì nhiều. Đối với tôi đó là điều cốt lõi. Mặc dù được thúc đẩy tốt, nhưng chính tính cổ điển đã giảm. Đã có một lập luận trung tâm về bản chất của Lao động mới và sự vô địch trong cảm hứng của đảng. Sự công bằng không thể và không bao giờ ảnh hưởng tới lợi ích của sự xuất sắc. Sự kiên định của tôi không bao giờ chùn bước trước sự xuất sắc, cho dù nó có ở đâu đi nữa. Tấn công nó – không xét tới cảm nhận của chúng tôi về các trường chuyên, trường tư, trường đặc biệt, bất kỳ loại trường nào khác – là phạm một sai lầm chết người. Nó đồng nghĩa với việc chúng tôi sẵn sàng từ bỏ thứ gì đó xuất sắc mà về cơ bản đại diện cho một hệ tư tưởng sai lầm.

Bây giờ, việc một trường như vậy đại diện cho một hệ tư tưởng sai lầm có thể đúng. Tôi phản đối việc chọn trường vào tuổi 11. Nó tước đoạt quá thô bạo, quá dứt khoát, quá quyết liệt các cơ hội trong đời một đứa trẻ ở độ tuổi quá nhỏ, hay nói một cách bớt xúc cảm hơn thì là khả năng học tập của trẻ. Tôi thường liên hệ tới trường hợp của anh trai tôi, Bill. Anh ấy thông minh, hiểu biết, điềm đạm và rõ ràng là một người tốt. Thật vinh dự khi có một người anh trai như anh ấy. Anh ấy cũng rất thông minh, hiện làm quan tòa tại Tòa án Tối cao, sau khi là luật sư số 1 của Nữ hoàng và tác giả của nhiều tác phẩm kinh viện về luật ngân hàng.

Khi Bill tham gia thi đầu vào ở trường Fettes những năm 1960, lúc đó 13 tuổi, anh ấy chỉ vừa đủ điểm qua và được xếp vào hệ thấp hơn của học viện. Anh ấy thực sự chẳng hề để lại ấn tượng gì. Nhưng 5 năm sau khi tham gia kỳ thi ở Oxford, anh ấy phát triển hơn nhiều và vào trường Balliol (thuộc Oxford) nhờ học bổng.

Trẻ em thay đổi theo thời gian và do đó, chia tách chúng ở độ tuổi quá nhỏ là một phương pháp hoàn toàn sai lầm và không công bằng. Nhưng cách mà các trường học thường được triển khai và trường chuyên bị từ bỏ khá gần với sự phá hoại các học viện. Nó cũng không ảnh hưởng mấy đến các Bộ trưởng Nội các – chủ yếu thuộc Lao động, nhưng cũng có những người

thuộc Đảng Bảo thủ, những người, dĩ nhiên, tiếp tục gửi con cái của họ tới trường tư. Không trải nghiệm thực tế sự thay đổi qua con cái mình và không có cảm nhận gì với việc giảng dạy, họ đã ban hành quy định rằng các trường chuyên (chọn lọc và xuất sắc) sẽ được chuyển thành trường toàn diện (trường thường) (không chọn lọc và thường thì cũng không xuất sắc và đôi khi còn thực sự kinh khủng).

Điều này được thực hiện, bởi người ta cho rằng nguyên nhân mà trường chuyên tốt hơn vì chúng được chọn lọc. Giả định này cũng mắc phải sai lầm tương tự khi người ta nói rằng trường tư tốt chỉ bởi vì cha mẹ của học sinh là những người thuộc tầng lớp trung lưu, đóng góp nhiều tiền hơn và trang thiết bị tốt hơn, có nghĩa là chúng tốt chỉ vì đẳng cấp và đặc quyền đặc lợi.

Sự thực là cả hai dạng trường đó đều tốt vì nhiều lý do khác nữa. Họ độc lập. Họ có ý thức sâu sắc về bản sắc và đặc tính. Họ được lãnh đạo tốt và được cho phép dẫn đầu. Họ linh hoạt hơn. Họ sáng tạo vì không ai bắt họ không được phép như thế. Họ theo đuổi sự xuất sắc. Và đây là yếu tố chủ chốt – họ cho rằng sự xuất sắc hoàn toàn có thể đạt được. Hay nói theo cách khác, họ tin rằng thất bại là điều có thể tránh được; và sẽ là lỗi của họ nếu họ không tránh được nó, chứ không phải là lỗi của “hệ thống”, “lại lịch của bọn trẻ” hay “sự thiếu thốn của các bậc cha mẹ”.

Dĩ nhiên, giờ đây, những đặc tính này sẽ dễ hơn nếu cha mẹ bạn thuộc tầng lớp trung lưu hay bạn được lựa chọn. Dễ suy nghĩ, dễ làm hơn. Nhưng toàn bộ nền tảng của chương trình cải cách trường học của tôi đó là các trường công, những trường không chọn lọc không thể đạt được những đặc tính đó, do đó chúng tôi đã:

a. chuẩn bị sẵn sàng thừa nhận nguyên nhân vì sao các trường chuyên và trường tư hoạt động hiệu quả.

b. sẵn sàng để các trường công có sự tự do tương tự và khuyến khích triển khai các cách làm việc mới với các đối tác mới.

c. sẵn sàng cấp nhiều vốn hơn cho các trường này.

Tôi thường có những tranh luận nội bộ dữ dội về tất cả những điều này, ngay cả với những nhân viên thân cận nhất của mình. Cuối cùng, chúng tôi đi đến kết luận rằng nếu bạn triển khai một trường thực sự tốt trong một khu vực đầy rẫy những trường trung bình, thì tất cả các bậc cha mẹ đều đổ xô gửi con đến trường tốt. Và dĩ nhiên, điều đó sẽ tạo ra sự lo lắng trong nhóm các bậc cha mẹ không gửi được con đến trường tốt, những ủy viên hội đồng địa phương, các giáo viên và nhiều người khác. Nhưng theo tôi, đó không thể là lý do để không triển khai những trường thực sự tốt; mà đó phải là lý do để phân tích tại sao những trường khác chỉ có chất lượng trung bình hoặc tồi và tìm cách thay đổi chúng.

Tôi còn nhớ lần đến thăm một trường ở London, ngay trước cuộc bầu cử năm 1997. Khi hiệu trưởng đón chúng tôi vào, thì có một cuộc gây lộn diễn ra ở phòng giải lao của bọn trẻ. Chúng tôi đứng trò chuyện một lúc cho tới khi – tiếng động của trận ẩu đả làm chúng tôi xao nhãng – hiệu trưởng nói: “Chúng ta nên chuyển sang nơi khác”. “Chúng ta có nên ngăn chúng lại không?” tôi hỏi và chỉ vào đám học sinh đang hỗn chiến.

“Không nên”, ông ấy nói rồi đưa chúng tôi xuống phòng mình. Sau đó ông ấy giải thích rằng các gia đình ở khu vực này gặp vấn đề ra sao, ma túy thực sự là vấn đề nhức nhối, trẻ em được nuôi dạy rất tệ và không thích học hành. Đó là lời lý giải đáng tin – và đối với ông ta rõ ràng là thuyết phục – về việc tại sao trường học lại thất bại. Tôi cũng phải nói rằng ông ấy là một người rất tốt và rất gần bó với trường. Ông cũng nói thêm rằng do danh tiếng của trường không tốt – chẳng hạn như tất cả mọi người đều nghĩ trường đáng bỏ đi – và rất cuộc, họ đã nhận những học sinh bị đuổi học từ những trường khác.

Vậy là chúng ta đã chấp nhận thất bại và không chỉ là thất bại cá nhân của một số học sinh nào đó, mà là thất bại của tập thể trường. Tôi biết hai điều rõ ràng rằng: tôi sẽ không bao giờ chấp nhận điều như vậy đối với con cái mình; và không bao giờ có chuyện tất cả các học sinh và/hay tất cả các bậc cha mẹ cùng có suy nghĩ hay gặp vấn đề như nhau. Chúng ta đã để cho tư tưởng “con sâu làm rầu nồi canh” khuấy đảo. Dĩ nhiên, chúng ta không nên chấp nhận thất bại thậm chí ngay cả đối với những người không bị ảnh hưởng và ở bên ngoài. Nhưng để chấp nhận điều đó đối với cả trường – và có hàng trăm thứ như thế khi chúng tôi nhậm chức – thì thật thô thiển, bất công không thể tin nổi về mặt ý thức xã hội; và còn gì nữa, chính hệ tư tưởng sai lầm của chúng tôi đã giúp nó nảy sinh.

Trước thời điểm năm 1997, Đảng Bảo thủ đã xử lý một phần vấn đề với các trường “nhận trợ cấp”, những trường nhờ “cấp bậc” của họ đã có được nhiều tự do và độc lập hơn. Tuy nhiên, họ chỉ giải quyết được một phần vấn đề và về cơ bản là cho phép các trường đã cải thiện được chất lượng hoạt động tự do. Điều này không sai và tôi đã nỗ lực hết sức để đảm bảo rằng dù chúng tôi đã bác bỏ hệ thống “cấp bậc” – đảng tôi ghét các trường “nhận trợ cấp” – nhưng vẫn cố gắng giữ lại phần tự do cơ bản trong các trường đó. Nhưng giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến 27 tháng 6 năm 2007, thực sự là giai đoạn điều chỉnh một phần của chương trình đó đầu tiên – tập trung vào các trường nghèo nhất thay vì các trường nhận trợ cấp – và thứ hai, thông qua các chương trình học viện, tạo ra một dạng trường mới thỏa mãn mục đích của cả các trường nhận trợ cấp và cả các chương trình cải cách của chúng tôi: đó là chất lượng của trường công. Trong khi những người thuộc Đảng Bảo thủ tập trung sự quan tâm vào các trường trung lưu, thì tôi biết rằng để có được sự chấp nhận của tất cả mọi người hay ít nhất là sự chấp nhận rộng rãi, thì chương trình đó phải thỏa mãn nhu cầu cho cả các trường tệ nhất lẫn các trường tốt nhất của hệ thống.

Nhưng cuộc đấu tranh diễn ra rất quyết liệt. Và ngay cả vào những tháng cuối năm 2005, khi tôi đang sát cánh với một nhóm các bộ trưởng nội các đáng tin cậy, những người có cùng một tầm nhìn với tôi và biết rõ rằng đây là nơi mà Đảng Lao động thuộc về, thì chúng tôi vẫn phải vật lộn đấu tranh với một bộ phận lớn của đảng. Mặc dù vậy, tôi cảm thấy chúng tôi đã giành thắng lợi trong vấn đề này.

Chúng tôi cũng “chiến đấu” trong các mặt trận khác nữa. Ngay trước Giáng sinh, Luật Đối tác Dân sự đã có hiệu lực, trao cho những đôi tình nhân đồng giới quyền và nghĩa vụ giống với những cặp vợ chồng đã kết hôn. Tôi rất tự hào về điều đó. Dĩ nhiên là đại bộ phận PLP ủng hộ vấn đề này, nhưng chúng tôi cũng đã phải trải qua những cuộc tranh luận đầy tính đả kích, khi Đảng Bảo thủ tấn công chúng tôi vì chúng tôi bảo vệ quyền của người đồng tính. Vào những năm 1980, đó thực sự là vấn đề đối với chúng tôi, do chúng tôi sợ mất phiếu bầu trong cuộc bầu cử phụ, nhưng giờ đây chúng tôi đã đưa được đạo luật này đi vào hoạt động và mọi người chìm trong bầu không khí hân hoan vui mừng.

Những đôi tình nhân đồng giới đầu tiên làm lễ thành hôn ở Belfast. Tôi đã dự đoán sẽ có phản đối, nhưng mọi việc trôi qua mà chẳng có lời xì xầm nào. Chúng tôi đã nhận được thư từ khắp nơi trên thế giới và tôi đánh giá cao những ý nghĩa mà nó mang lại với rất nhiều người, hơn cả tượng tượng của tôi khi thông qua đạo luật đó. Người ta chắc hẳn sẽ cảm thấy thật tệ khi bị xem là công dân hạng hai chỉ vì những điều mà mẹ thiên nhiên đã đem lại. Do đó, tôi đáng ra không nên ngạc nhiên khi người ta bày tỏ cảm xúc dạt dào như vậy trước sự kiện này. Nhưng tôi đã thực sự bất ngờ.

Tuyệt vời nhất tính đến thời điểm đó là những thành viên của Đảng Bảo thủ cũng đến để ủng hộ sự kiện này, hành động này đồng nghĩa với việc vấn đề quyền lợi của người đồng giới sẽ không còn được xem là ranh giới chia rẽ nền chính trị Anh. Tôi nghĩ, đây là một lợi ích quan trọng đối với khả năng tranh luận chính trị của chúng tôi và cách mà vấn đề này phát huy tác dụng cho thấy đã có những thay đổi nào đó về bản chất của chính trị. Tôi luôn nhận thấy rằng chính trị tiên tiến phải tạo ra một mô hình khác để đạt được sự ủng hộ rộng và sâu hơn. Dần dần, tôi đúc rút được lập trường về thứ chính trị gọi là “cứng rắn với tội phạm, ủng hộ người

đồng tính” – một lần nữa giống như Bill Clinton.

Điều này dường như là sự tương quan giữa hai vấn đề hoàn toàn riêng biệt, nhưng đối với tôi chúng thể hiện sự thay đổi quan trọng trong quan điểm xã hội tiến bộ. Thời xưa, một Đảng Bảo thủ luôn luôn có lập trường cứng rắn đối với những đạo luật, sắc lệnh và những vấn đề thuộc phạm vi “điều chỉnh chính trị” (sử dụng những ngôn ngữ và hành vi không xúc phạm một nhóm nào đó) như nhập cư và đồng tính. Những người cánh tả theo chủ nghĩa tự do, những người cánh hữu thì không. Thế hệ tôi đã định nghĩa chúng theo một mô hình khác: cuộc sống cá nhân là lựa chọn của bạn, nhưng điều mà bạn làm cho người khác thì không. Do đó có sự phân biệt giữa quan điểm về con người (không phân biệt đối xử về chủng tộc, giới tính) và quan điểm về trật tự xã hội. Chúng ta vẫn có khả năng tìm thấy những quan điểm cũ kỹ và chia rẽ ở cả phe cánh tả và cánh hữu, nhưng đã ít hơn nhiều và các chính trị gia nếu không hiểu được thay đổi của tình hình sẽ gặp khó khăn.

Chúng tôi không mấy hài lòng khi nói đến luật chống khủng bố mới mà chúng tôi lúc đó đang thúc đẩy thông qua phán quyết của Thượng viện tháng 12 năm 2004 rằng việc giam giữ kẻ tình nghi là trái pháp luật theo Công ước châu Âu về quyền con người, điều lúc đó cũng phù hợp với luật pháp Anh. Tôi đã có sự bất đồng cơ bản với bộ máy tư pháp và giới truyền thông, hay ít nhất là phần lớn trong số họ, về mối nguy mà chúng tôi đã phải đối mặt.

Mặc dù những quyết định này được cho là các quyết định nghiêm ngặt hơn về mặt pháp lý, mà rốt cuộc trong lĩnh vực quyền con người, có rất nhiều đánh giá chủ quan trong giới chính trị. Tôi ngờ rằng một quyết định như thế sẽ được thông qua vào tháng 9 năm 2001 hay tháng 7 năm 2005 – thời điểm khủng bố trời dấy dữ dội, tấn công Mỹ và London – nhưng thời gian trôi đi đã kéo theo cả tính cấp thiết phải làm điều đó. Và thực tế chúng tôi đang đề nghị cấp các quyền lực hà khắc, không chấp nhận được về nguyên tắc, trừ một số tình huống hiểm hoi nhất.

Thực chất, vấn đề hoàn toàn rõ ràng, ít nhất có thể miêu tả như sau: chúng tôi (“chúng tôi” là lực lượng an ninh, cảnh sát, các chính trị gia) tin rằng những kẻ tình nghi là khủng bố đang bị theo dõi là một mối nguy thực sự. Nhưng để chứng minh một lời cáo buộc lớn hơn những nghi ngờ hợp lý luôn rất khó khăn. Chúng tôi đã bỏ ra rất nhiều thời gian và nhân lực để theo dõi tổ chức đó, tiến hành những giám sát và đánh giá liên tục. Chúng tôi muốn đợi đến khi các chứng cứ về chủ nghĩa khủng bố được thu thập, nhưng cũng sợ rằng nếu chờ đợi quá lâu sẽ có điều gì đó không lường trước xảy ra, âm mưu ra hoa kết trái và chúng tôi bỏ lỡ nó. Với những kẻ tình nghi là người ngoại quốc, tôi đã mừng tượng đến việc cho họ một lựa chọn: rời nước Anh, hay ở lại và bị bắt giam.

Cả hai điều này đều không phù hợp với các nguyên tắc thông thường về việc buộc phải đem người bị bắt ra tòa để xem Nhà nước có được quyền giam giữ người đó hay không và cũng phân biệt đối xử công dân nước ngoài với công dân Anh, do đó đây là một khó khăn về pháp lý nhưng nảy sinh từ những đòi hỏi an ninh thực tế.

Một khi Thượng viện ra phán quyết, chúng tôi phải sửa luật. Chúng tôi muốn trao cho cảnh sát quyền giam giữ kẻ tình nghi khủng bố tới 90 ngày mà không có lời buộc tội. Dĩ nhiên có một bộ các biện pháp phòng hộ, bao gồm thực tế cứ mỗi 7 ngày họ phải ra tòa một lần. Nhưng cảnh sát hiểu rõ rằng quyền này có tác dụng và sau vụ đánh bom tháng 7, tôi nhận thấy chúng tôi phải chọn lập trường cứng rắn. Chúng tôi đã thử một lần vào trước cuộc bầu cử 2005. Đảng Bảo thủ phản đối bất kỳ việc giam giữ mà không có xét xử nào. David Davis, người vào thời điểm đó đang giữ chức Bộ trưởng Giám sát Nội vụ, từng chuyển lập trường của các thành viên Đảng Bảo thủ sang tự do trong nhiều đạo luật và sắc lệnh, đã không chỉ phản đối luật khủng bố quốc tế mà cả các biện pháp xét xử gian lận bởi quan tòa, các hành vi chống xã hội và tiến trình phạm tội. Tôi quý David và nghĩ rằng ông ấy là một chính trị gia khác thường và nguyên tắc. Nhưng tôi cũng nghĩ đó là một sai lầm điên rồ của Đảng Bảo thủ.

Mặc dù vậy, trong giai đoạn chuẩn bị bầu cử, ngoài những sự ủng hộ trước đây, Đảng Bảo thủ

lại tập hợp thêm được nhiều ủng hộ mới. Những tờ báo cánh hữu như Mail hay Telegraph đăng ra phải công kích Đảng đối lập nhưng thay vào đó lại quay sang công kích chúng tôi cứ như tôi là Thủ tướng của Đảng Bảo thủ. Mọi việc diễn biến rất tồi tệ.

Sau cuộc bầu cử, chúng tôi đã có thể bàn đến vấn đề này với thái độ bình tĩnh hơn, nhưng Đảng Bảo thủ vẫn duy trì lập trường phản đối. Đảng Dân chủ Tự do về bản chất là phản đối vấn đề này và phần lớn nội bộ PLP cũng nổi loạn. Vào thời điểm đó tôi đã biết và giờ đây lập trường cũng không thay đổi, rằng chúng tôi đã giám sát khoảng 20 tổ chức cực đoan và khủng bố tiềm tàng và tôi muốn quyền đó được thông qua, không chỉ vì sự đúng đắn của nó mà còn bởi tôi muốn gửi tới thế giới một thông điệp mạnh mẽ rằng, nước Anh sẽ là một nơi không thân thiện với các nhóm khủng bố muốn hoành hành ở đây. Như tôi thường nói với mọi người: anh không thể thích cách làm của Bush, nhưng kể từ sự kiện 11 tháng 9 năm 2001, không có vụ tấn công khủng bố nghiêm trọng nào xảy ra ở nước Mỹ. Đừng lờ đi khả năng rằng đó có thể không phải là do may mắn.

Mặc dù công chúng đứng về phía tôi, nhưng đa số thành viên trong Hạ viện thì không. Vào tháng 11 năm 2005, chúng tôi đã mất một phiếu lần đầu tiên kể từ khi nhậm chức. Tuy nhiên, tôi dễ dàng chịu đựng được điều đó. Lúc đó, tôi đã tính rằng, cơ hội duy nhất để tồn tại trong hai năm, thời hạn cần thiết tối thiểu mà tôi tự đặt ra cho mình để sắp đặt đầu đầy chương trình cải cách, là quản trị theo cách khiến mọi người luôn luôn bị bất ngờ về sự khác biệt bề ngoài với đảng hay thậm chí là ý kiến của công chúng, do tôi nghĩ rằng điều mình làm là đúng đắn và sẽ đem lại lợi ích dài hạn cho cả đảng lẫn công chúng. Nói theo cách khác, tôi tin rằng cách duy nhất để giữ quyền lực là sẵn sàng đánh mất nó, nhưng đánh mất một cách có nguyên tắc.

Trái ngược với những cách làm truyền thống được cho là uyên thâm, khi nói đến việc bỏ phiếu, tôi quyết định không thỏa hiệp về bản chất, tôi thua nhưng không nhượng bộ.

Dĩ nhiên, khi chúng tôi thua, sẽ có rất nhiều kiểu bài báo viết về uy quyền tiêu tan của Thủ tướng, v.v... nhưng tôi xem thường những điều đó. Tôi cho rằng những điều tôi tin là đúng sẽ giúp tôi có được sự ủng hộ của công chúng. Bây giờ đây, để thực hiện điều đó trong các trường học hay trong Dịch vụ Y tế Quốc gia có thể sẽ khác. Nhưng đối với những vấn đề đơn giản, gần như nguyên sơ như vấn đề an ninh quốc gia – về bản năng tôi cảm thấy thua còn thoải mái hơn là thắng thông qua thỏa hiệp hay nhượng bộ.

Vài tuần sau, cơn bão đã ở lại đằng sau, chúng tôi lại triển khai một biện pháp gây tranh cãi khác: cho phép Luật sử dụng đồ uống có cồn ở Anh đồng nhất với đạo luật tương tự ở châu Âu. Tôi nghĩ rằng việc khẳng định áp đặt một khung thời gian đóng cửa các quán rượu cứng nhắc là không hợp lý và xét trên nhiều khía cạnh lại phản tác dụng. Tôi cũng phản kháng cố hữu đối với ý tưởng đó bởi vì chỉ có một cộng đồng thiểu số hành xử sai lại khiến số đông áp đảo bị hạn chế quyền được tự do uống rượu khi muốn. Câu. Tôi lựa chọn phương án nghiêm khắc với một số ít người không tuân thủ pháp luật và thoải mái với số đông tuân thủ pháp luật. Như thường lệ, tờ Mail đã tung ra một chiến lược công kích, được ủng hộ bởi một số tờ báo khác, nhưng chúng tôi không hề run sợ. Tessa Jowell rất cứng rắn và thực hiện mọi việc đến cùng (mặc dù từ giây phút đó Tessa đã trở thành mục tiêu bị công kích).

Tôi đẩy mạnh cải cách tất cả các mặt trận. Vào cuối năm 2002, tôi đã bổ nhiệm Adair Turner rà soát lại chính sách hưu trí. Điều này đã làm nảy sinh sự phản đối dữ dội từ phía Gordon, cũng như việc bổ nhiệm David Freud, một cố vấn độc lập, thực hiện những rà soát tương tự về an sinh xã hội. Tôi biết Adair và David sẽ trình tôi những bản đề xuất cấp tiến. Cả hai vấn đề này phải được cải cách.

Cả hai lĩnh vực đều liên quan đến những quan ngại của tôi về mô hình chi tiêu công trong tương lai. FSR đã được thành lập để chuyển các tranh luận từ lượng đầu tư sang giá trị được bổ sung nhờ đầu tư, điều giải thích tại sao tốc độ của cải cách lại nhanh như vậy. Tôi chưa hình dung chính xác bao nhiêu phần trăm chi tiêu công sẽ là thích đáng để đảm bảo sự cân bằng về

kinh tế giữa khu vực công và khu vực tư nhân, nhưng tôi biết đã có một giới hạn cho vấn đề này. Vì vậy tôi nghĩ, sau năm 2005, là thời điểm đúng đắn để chuyển trọng tâm và bỏ đi ý niệm rằng vấn đề này chỉ nhằm vào việc xem bộ phận nào sẽ chi tiêu nhiều nhất.

Tôi nghĩ điều này đúng đắn đối với đất nước và cũng là một bước đi khôn ngoan về chính trị. Tình hình đáng ra đã khó khăn hơn nếu Đảng Bảo thủ thực hiện bản năng ban đầu của mình – hậu thuẫn cải cách. Được ủng hộ và chào mừng bởi đảng đối lập chẳng có vẻ gì thoải mái. Mặc dù David Cameron đã bắt đầu với quan điểm này và trong giáo dục, ít nhiều họ cũng duy trì nó, ở các lĩnh vực khác trong cải cách dịch vụ công, họ bắt đầu liên minh với những quyền lợi bất di bất dịch, chẳng hạn về y tế. Về mặt chính trị, điều này quá phù hợp và cho phép chúng tôi bảo vệ được liên minh cơ bản của mình, những người không tin vào các liều thuốc thử của Đảng Bảo thủ và cảm thấy họ thay đổi lập trường quá thường xuyên.

Mặc dù vậy, vấn đề không chỉ ở lượng chi tiêu công, mà cả các thành phần cấu tạo của nó cũng rất quan trọng. Đây là nơi mà cải cách hưu trí và an sinh xã hội có vai trò quyết định. Như mọi dân tộc phát triển khác, chúng tôi sẽ đối mặt với các vấn đề lớn từ chi phí lương hưu trong thời gian tới. Số người già ngày càng tăng trong khi số người thuộc thế hệ trẻ hơn giảm; mọi người kỳ vọng chất lượng sống được cải thiện; và chi phí chăm sóc sức khỏe tăng do tuổi thọ tăng: rõ ràng chúng tôi sẽ lâm vào cảnh thiếu hụt tài chính ở một giai đoạn nào đó.

Chúng tôi nên đương đầu với vấn đề này ngay từ bây giờ và đặt ra một khuôn khổ giúp chúng tôi quản lý được chi phí và chuyển dần trách nhiệm dự phòng tài chính cho tuổi già từ Nhà nước sang cá nhân. Nhà nước vẫn ở đó và đóng vai trò là người tạo điều kiện, trong trường hợp khó khăn là người bảo lãnh; nhưng sẽ tốt hơn nếu mọi người tự cung cấp tài chính cho mình nhiều hơn; và ngoài ra việc này cũng phản ánh một khía cạnh khác nữa: đó là ngày nay người ta có thể lựa chọn một cách linh hoạt hơn rất nhiều về cách họ chu cấp cho tuổi về hưu – làm những công việc bán thời gian, có cổ phần trong căn nhà của họ, trong nhiều công cụ đầu tư tiết kiệm, thay vì các loại hình lương hưu truyền thống.

Trước đây chúng tôi đã từng thử các cải cách thiếu may mắn của Harriet Harman và Frank Field, nhưng các quỹ hưu trí “cổ đông” này chưa bao giờ thuộc về một dạng nào đó rõ ràng, nó vẫn mập mờ giữa sự chu cấp Nhà nước và chu cấp tư nhân. Trong thời gian dự định thực hiện cải cách theo hướng đó, tôi đã học được một bài học lớn hơn: chúng tôi phải hiểu rằng nếu một phương thức không bị ai đó phản nản ở điểm nào đó, thì phương thức đó sẽ không hiệu quả. Đồng thuận thật tuyệt vời, nhưng trong chính trị hiện đại, bất đồng lại tốt cho các cuộc tranh luận, nó giống như loại vật chất của các nhà triết học mà các nhà giả kim nhọc công tìm kiếm để có thể biến kim loại rẻ tiền thành vàng; như vậy, nếu một điều nghe có vẻ quá hay ho có thể trở thành sự thực thì nó không khả thi. Do đó, đồng thuận thật tuyệt vời nhưng đồng thuận tuyệt đối sẽ không tốt, nếu nó là một phần của ảo tưởng rằng chúng ta có thể tạo ra những thay đổi thực sự với những tác động thực sự nếu làm hài lòng tất cả mọi người. Hoàn toàn sai lầm. Và trong những tình huống này, “đồng thuận” có thể là một dấu hiệu cho thấy công cuộc cải cách không thực sự tốt như mong đợi.

Ý tưởng cổ phần hóa quỹ lương hưu không vấp phải nhiều phản đối; nhưng cũng không mấy hiệu quả. Chúng tôi cần suy nghĩ cấp tiến hơn và đặt ra cả một chương trình thực tế hơn về sự hỗ trợ của Nhà nước, bao gồm có việc nâng tuổi về hưu và một phương pháp toàn diện hơn cho những người có thu nhập trung bình tiết kiệm các khoản tiền chuẩn bị khi về hưu.

Tôi đã đề nghị Adair điều hành hoạt động cải cách này. Ông ấy có hai phụ tá giỏi giang là John Hills và Jeannie Drake. Họ đã soạn ra hai báo cáo vào tháng 10 năm 2004 và tháng 11 năm 2005 và cuối cùng các báo cáo này đã định hình nên mô hình chu cấp lương hưu cho thế hệ sau. Chương trình cải cách này bảo vệ hệ thống lương hưu cơ bản của Nhà nước, nhưng sử dụng nó như một nền tảng, mà dựa vào đó các cá nhân có thể chọn cách tăng lương hưu bằng nỗ lực và quyết định của bản thân, đồng thời làm điều đó trong một khuôn khổ cho phép việc chi tiêu cho lương hưu không tăng trong tương quan tỷ lệ với GDP.

Với tư cách là một đội, họ đã tổ chức rất nhiều hoạt động tư vấn rộng rãi và chúng tôi đã gần đạt đến sự đồng thuận có thể mà không cần phải nhượng bộ các nguyên tắc cơ bản của cải cách. Tuy nhiên, những sự ủng hộ đó đã mất do nhiều lý do. Đảng Bảo thủ không hoàn toàn hậu thuẫn nó và phản ứng của bộ tài chính rất dữ dội. Lần này, sự bất đồng của Gordon là thực. Không chỉ đơn giản là chống lại tiến trình – ông ấy cảm thấy rằng bằng cách bảo vệ hệ thống lương hưu Nhà nước cơ bản, chúng tôi đã thực hiện một cam kết không cần thiết. Ông ấy ủng hộ việc phân chia lương hưu trong hệ thống lương Nhà nước cơ bản cân xứng giữa người giàu và người nghèo.

Tôi hoàn toàn phản đối việc đó. Tôi cảm thấy, về tổng thể công chúng sẽ coi lương hưu Nhà nước cơ bản là “cổ tức” hay “quyền lợi” được hưởng do họ đóng góp vào quỹ bảo hiểm quốc gia. Bắt đầu can thiệp vào việc đó và đặc biệt là cơ sở của một số biện pháp tái phân bổ lương hưu, chúng tôi sẽ bị “bẫy” trong một cuộc tranh luận thực sự tai hại.

Điều này cũng chạm vào một vấn đề chính trị rất nhạy cảm khác. Tôi đã phản đối ý tưởng đánh thuế 50% cho những người thu nhập cao trước cuộc bầu cử 1997. Tôi đã luôn đề nghị phương án cắt giảm thuế, đối với mức thu nhập thấp nhưng đã cho phép tiến hành một số biện pháp tái phân bổ chi tiêu quan trọng.

Các mức trần của Bảo hiểm quốc gia đã thay đổi; trợ cấp cá nhân được sửa đổi; và quan trọng hơn, do kinh tế tăng trưởng, chúng tôi đã chi hàng tỉ bảng cho những người về hưu và các gia đình nghèo nhất. Sẽ là ảo tưởng nếu đề xuất rằng Chính phủ giai đoạn 1997-2007, không tiến hành tái phân bổ. Việc tái phân bổ đã diễn ra và được thực hiện với quy mô lớn.

Và cũng hoàn toàn đúng đắn khi nói rằng do nền kinh tế tăng trưởng mạnh, tầng lớp trung lưu và những người có thu nhập cao sẽ làm ăn rất tốt và những người có thu nhập cao nhất cũng làm ăn tốt nhất. Do đó, bạn có thể so sánh thu nhập giữa người có thu nhập vô cùng cao và vô cùng thấp và nói rằng khoảng cách thu nhập đã được nói rộng. Thực tế, việc những người thu nhập cao làm ăn tốt luôn có vai trò của nó. Và thu nhập của những người thu nhập thấp đã được cải thiện đáng kể. Tôi không phải là người thích giảm thuế và cũng có thể làm khác đi, nhưng dầu sao chẳng nữa tôi sẽ làm điều đó.

Những người về hưu nghèo nhất đã được hưởng mức gia tăng khổng lồ trong thu nhập, điều mà những người về hưu giàu hơn có thể phẫn nộ (chẳng hạn như mẹ vợ tôi thường xuyên tỏ ra bức tức về việc này).

Về mặt tình cảm, tôi cũng đồng ý với quan điểm rằng một số người có thu nhập cao một cách vô lý, nhưng về mặt lý trí, tôi nghĩ đó là cách thể giới vận động trong một nền kinh tế toàn cầu hóa và việc ngăn chặn nó chỉ có hại nhiều hơn có lợi. Liệu Wayne Rooney có nên kiếm được nhiều tiền hơn một y tá không? Hay một diễn viên hoặc một tác giả của các cuốn sách bán chạy nhất? Hay các nhà giao dịch cổ phiếu và chứng khoán phái sinh? Những người bán doanh nghiệp vào đúng thời điểm và bỏ túi hàng trăm triệu đô-la với một mức thuế lãi vốn thấp? Không điều gì có lý cả, nhưng sẽ là vô lý khi ngăn chặn nó trong một thể giới mà trong đó, dù thích hay không, vẫn có những người nhất định có những kỹ năng ở cấp toàn cầu có thể chuyển nhượng được, trong bối cảnh cung ít cầu cao.

Và nếu có thể đánh thuế gấp đôi các cầu thủ của giải Ngoại hạng, bạn cũng chẳng đem về nhiều tiền cho ngân sách Nhà nước. Trong khi đó, rốt cuộc bạn lại thúc đẩy việc ban hành các mức thuế cao hơn đánh vào một chuỗi thu nhập, mà người bị ảnh hưởng là những người làm việc chăm chỉ, không có các kỹ năng toàn cầu chuyển nhượng được và không thực sự là những người mà chúng ta gọi là “giàu không xứng đáng”.

Do đó tôi cũng đã nghĩ rằng sau năm 2005, đó là điều chúng tôi cần quan tâm. Một số người có thể nói chúng tôi đã không tái phân bổ đầy đủ. Chúng tôi đã tiến hành rất nhiều hoạt động tái phân bổ và cần trao một số TLC cho tầng lớp trung lưu và hạ-trung-lưu nữa. Vì vậy, tôi hậu thuẫn và khuyến khích Adair nghiên cứu một chính sách tránh bất kỳ ý niệm nào về việc tái

phân bổ quỹ lương hưu cơ bản của Nhà nước.

Và về lĩnh vực này, phe cánh tả rất hoan hỉ, vì họ sợ rằng sẽ hủy hoại hệ thống lương hưu cơ bản của Nhà nước bởi một ý tưởng khác, chẳng hạn như ý tưởng dẫn tới việc giảm nguyên tắc phân chia cho tất cả mọi người. Và còn gì nữa? Chúng tôi đã thực hiện việc này trên cơ sở quay trở về hình thức nâng mức lương hưu dựa trên thu nhập, không phải là giá cả. Nhưng bằng việc thừa nhận điều này – điều mà tôi nghĩ là đúng đắn trong bất kỳ trường hợp nào, sẽ tạo ra mối liên kết giữa lương hưu và sự đóng góp dựa trên thu nhập vào Bảo hiểm Quốc gia – chúng tôi đã đạt được một gói biện pháp có vẻ công bằng và cân bằng.

Cuộc tranh luận về an sinh xã hội luôn gay gắt hơn nhiều, nhưng chỉ ở mức cần thiết và đã có những nhân vật kiệt xuất thuộc phe tiên tiến trong chính trị có thể nhận thấy sự cần thiết phải thay đổi. Lý do cải cách đã được vạch ra từ trước đó: người ta đã lạm dụng lợi tức cấp cho người không có khả năng làm việc; quá nhiều người phụ thuộc vào lợi tức dài hạn; quá ít biện pháp hỗ trợ tích cực được áp dụng để đưa họ vào thị trường lao động.

John Hutton đã là một Bộ trưởng Y tế tuyệt vời, góp phần vào quá trình thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc cải cách. Ông là một nhân tố quan trọng trong lĩnh vực an sinh xã hội – một người tốt, trung thành, cân cù và thông minh. Đối với những người tham vọng, ông ấy dường như thiếu đi động lực quyết tâm cuối cùng; nhưng đối với bản thân, ông ấy hoàn toàn thoải mái với mức độ tham vọng đó. Điều này đã tạo cho ông ấy, ngoài những đức tính khác, sự dũng cảm – mong muốn làm những điều đúng đắn trong quyền hạn của mình hoặc là không làm gì cả. Đó là một thái độ tích cực và hỗ trợ ông ấy rất nhiều. John không tranh cãi quá nhiều với Gordon mà vui vẻ làm việc quanh ông ta, giống như một bưu tá chuyển thư cho một ngôi nhà với một con chó săn lớn sủa inh ỏi. Ông ấy không lờ nó đi hay không cần thận đề phòng. Thậm chí ông ấy có thể ném một miếng bánh quy cho nó và chuyển thư.

Đánh giá của David Freud về chi tiêu cho an sinh xã hội, với trọng tâm nhằm vào phúc lợi cho những người không đủ năng lực, đã dẫn đến một báo cáo đúng đắn và cấp tiến, cho phép chúng tôi thiết kế lại ngân sách cho an sinh xã hội một cách kịp thời.

Các đề xuất của Turner và Freud đã trao cho chúng tôi những cơ hội lớn để mô tả, định nghĩa và tiến hành các cải cách quan trọng, không chỉ đối với đất nước mà với cả sự tồn tại của Chính phủ. Tôi vẫn nói với Gordon rằng, ngoài thực tế rằng cả hai đề xuất đó vô cùng đúng đắn, nếu chúng tôi không thực hiện chúng, thì một Chính phủ của Đảng Bảo thủ trong tương lai sẽ thực hiện, nhưng theo cách của Đảng Bảo thủ. Do đó chúng ta hãy sở hữu và thực hiện chúng. Chúng cũng sẽ tạo cho bạn một nền tảng tuyệt vời để chứng tỏ tính liên tục và gắn bó đối với cải cách.

Về cơ bản, cả hai đề xuất đó đã một lần nữa vẽ lại ranh giới giữa trách nhiệm cá nhân và Nhà nước. Theo tôi, đó là cách thức thích hợp để thể hiện mối quan hệ giữa xã hội và công dân trong thế kỷ XXI. Mọi người phải tự gánh thêm trách nhiệm, không chỉ trả các mức thuế cao hơn; và mặc dù họ rất sẵn lòng chu cấp tài chính cho những người không thể tự chăm sóc mình, nhưng sự hào phóng đó vẫn không dành cho những người mà họ tin rằng, với một số lý lẽ nào đó, đang đùa giỡn với hệ thống. Không may là tôi không thể thuyết phục được Gordon hiểu điều đó.

Khi tất cả công việc quan trọng và nghiêm túc nhằm định hình bản chất tương lai của lĩnh vực an sinh xã hội đang được tiến hành, thì xảy ra các vụ bê bối chi phối các dòng tín báo chính. Chúng có thể làm giảm tỷ lệ tín nhiệm bằng một đợt tấn công dữ dội nhất. Nhưng các bạn biết không, sau đó mọi việc sẽ lại qua đi, chúng ta vẫn phải tồn tại. Và bí quyết để tồn tại là giữ bình tĩnh, trong khi tất cả mọi người xung quanh để mất nó.

Trong những tháng đầu năm 2006, chúng tôi đã sống trong trạng thái cùng tồn tại. Bề ngoài, những điều chỉnh trong hệ thống y tế quốc gia, trường học, tội phạm, lương hưu và an sinh xã hội đều được thực hiện hoặc lên kế hoạch thực hiện. Cấu trúc cơ bản của một hệ thống dịch vụ hiện đại đã liên tục được tranh luận trong Chính phủ, nhưng vào thời điểm đó, nó bị bùng bít

và công chúng chẳng biết gì về nó, do đó thật buồn khi phải nói rằng họ không có cơ hội thực sự tham gia vào các tranh luận. Điều này bắt nguồn từ văn hóa truyền thông được phát triển trong hai thập kỷ trước đó. Người ta chỉ quan tâm tới bê bối, còn chính sách thì không (trừ phi nó kết hợp với những điều gây tranh cãi).

Việc thảo luận về cải cách được tăng cường gấp bội bởi thực tế là sau 9 năm, giới truyền thông đã quyết định cần phải cải cách. Nếu vì bất kỳ lý do gì – có thể là những bất đồng thực sự, sự chán nản, khát khao tìm kiếm một điều gì đó hay một ai đó để chấp bút – thì một bộ phận quan trọng trong truyền thông quyết định họ muốn thay đổi, họ tạo nền tảng cho các phóng sự phản ánh sự đúng đắn công cuộc cải cách. Trong phương kế cuối cùng, họ từ bỏ chính sách ưu ái các vụ bê bối và sau đó đối với công chúng, họ phát biểu như thể là Chính phủ đã bị sa lầy điều đó chẳng khác nào ý ám chỉ Chính phủ không thể làm gì cho người dân.

Trong hai năm cuối của tôi, họ liên tục nói rằng chúng tôi đã mất động lực, trong khi ở bất kỳ mục tiêu nào chúng tôi cũng tràn trề sinh khí tiến lên phía trước, ít nhất là đối với vấn đề cải cách trong nước – điều thực sự đúng là họ đã mất hết kiên nhẫn và sự quan tâm.

Vào lúc đó thì David Hill đang phụ trách truyền thông thay thế Alastair. Tôi nghĩ Alastair đã hết chịu nổi giới truyền thông giai đoạn trước và sẵn sàng có thể nổi điên với giới truyền thông. Đó là một khoảng thời gian kỳ lạ.

Vào tháng 1, chúng tôi gặp phải chuyện Ruth Kelly và danh sách những kẻ phạm tội tình dục. Ôi, nhiều ngày và nhiều tuần chúng tôi phải đương đầu với sự giận dữ tột cùng và những lời bình luận điên cuồng về sai lầm bị phát hiện, trong đó một người nào đó đã không được đưa vào danh sách do sai lầm của hệ thống (nhưng không có bằng chứng nào cho thấy có ai đó thực sự bị tổn thương do hệ quả của việc này) và người ta cho rằng đó thực sự là kết quả của một hệ thống mới sắp được triển khai.

Vào tháng 3, vụ bê bối “tiền đổi lấy danh” xảy ra và thêm các tình tiết liên quan tiếp tục bị đào xới sau đó.

Và vào tháng 4, lại đến vụ Charles Clarke và các tội phạm nước ngoài, những người này đã thụ án xong và đáng ra phải bị trục xuất khỏi nước Anh, nhưng điều đó đã không xảy ra. Sự việc rất nghiêm trọng, nhưng Charles đã mắc sai lầm khi cố gắng cởi mở quá sớm, khi mà toàn bộ sự việc chưa sáng tỏ – vấn đề này và nhiều việc khác, đã tồn tại trong một thời gian dài, rất lâu trước khi tôi lên nắm quyền – và ông ta bị công kích, gây ảnh hưởng nặng nề đến tôi, bản thân ông ta và Chính phủ.

Dù chuyện gì xảy ra đi chăng nữa, chúng ta cũng phải vượt qua nó và tôi dần dần trở nên khéo léo hơn trong việc xử lý những kiểu giận dữ như thế này. Về cơ bản, bạn phải nhanh chóng giành thế chủ động bằng cách khẩn trương hiểu rõ chi tiết của sự việc và “quay” mọi người bằng những chi tiết thực tế, bối cảnh, những lời bác bỏ, giải thích và nghệ thuật dùng ngôn ngữ kỹ thuật, chuyên ngành làm mọi người lúng túng chẳng biết đâu mà lần.

Và tất cả những vụ bê bối đó vẫn còn chưa đủ, thì ngay sau đó đã xảy ra vụ John Prescott và tin tức về mối quan hệ tình ái với cô Thư ký Tracey Temple.

Chính trị và tình dục, một điều kỳ lạ. Người ta thường nói với tôi rằng quyền lực là một dạng thuốc kích dục và do đó phụ nữ – khi chính trị vẫn do nam giới thống trị – sẽ đến với các chính trị gia theo cách mà họ không bao giờ ngờ tới. Tôi cho rằng điều này là đúng đắn, do hầu hết các chính trị gia đều có sự đảm bảo về tài chính. Vấn đề tương tự cũng xảy ra với các chân dài và đại gia. Những phụ nữ này nhìn thấy điều gì ở những người đàn ông kia? Điều này chẳng quá rõ ràng sao!

Điều thú vị là tại sao các chính trị gia lại mạo hiểm như thế. Tôi cho rằng đó chính xác là bởi bạn phải kiểm soát bản thân ở mức độ cực điểm khi ở vị trí lãnh đạo. Các chính trị gia luôn

sống cùng các áp lực. Họ bị kiểm soát chặt chẽ việc đi đâu, nói gì, làm gì và hành xử như thế nào. Và bản năng được tự do luôn sôi sục trong bạn, bạn muốn phá tung nhà tù của sự tự kiểm soát, rồi đến khoảnh khắc gặp gỡ, thật hồi hộp, thật hưng phấn và thiếu kiểm soát bản thân, đột nhiên, bạn đi ra khỏi thế giới của toàn những âm mưu, những vấn đề vô tận, những sự vụ nghiêm trọng chồng chất để đến một hòn đảo vắng vẻ xa xôi hẻo lánh của niềm vui, sự giải phóng và khoái lạc. Bạn trở thành một người khác, trong một khoảnh khắc, ít nhất là cho đến khi trở lại với thực tại.

Nhưng đó không phải là một cái có thích hợp. Thật khờ khạo khi tự đặt mình vào tình huống đó; và hành động một cách vô trách nhiệm; bởi khi bị phát hiện, việc đó có thể làm tổn thương vô cùng lớn những người xung quanh bạn. Đây là nơi chính trị gia bỗng trở nên ngây thơ một cách bất thường và không thể hiểu nổi. Anh ta có thể chọn một loạt phương án an toàn. Không, khoan đã, không có phương án an toàn nào cả. Nhưng anh ta có thể chọn phương án an toàn hơn cả nhưng đã không làm như vậy. Anh ta đã mở lòng với người đầu tiên có vẻ như quan tâm và đam mê anh ta thật sự, như một người bình thường và trên tất cả anh ta mở lòng với bất kỳ ai không suy nghĩ, hành động hay nói chuyện như một chính trị gia đồng nhiệm.

Chính trị ở một mức độ nhất định là thứ rất, rất tẻ nhạt. Các vấn đề liên quan đến chính trị rõ ràng là không – chúng rất vĩ mô và thường đó là lý do khiến người ta gia nhập vào thế giới chính trị – nhưng dần dần sự lớn lao đó dễ dàng biến mất trong môi trường mà chúng tồn tại. Hết ngày này qua ngày khác, hết cuộc họp này đến cuộc họp khác, mọi việc diễn ra trong một vòng luẩn quẩn buồn chán. Đôi khi bạn gặp những người khá đặc biệt và hứng thú. Tôi đã may mắn khi được làm việc và gặp gỡ những người rất hài hước và tài năng. Mỗi quan hệ của tôi với các nhân viên trong văn phòng và mối liên kết mật thiết với các nghị sỹ, các bộ trưởng luôn được ghi dấu ấn bởi những câu chuyện cười, chúng tôi cười đùa với nhau về những điều ngớ ngẩn trong đời sống chính trị và chính điều đó làm cuộc sống bớt tẻ nhạt hơn. Nếu được lựa chọn, tôi sẽ chọn sự lạc quan và vui vẻ bên những người xung quanh tôi.

Nhưng ngoài các khu rừng nhiệt đới, ngoài những loại thú ăn thịt người, còn có những “đầm lầy” của các thủ tục hành chính mệt mỏi, các vấn đề gây tranh cãi, giới truyền thông ồn ào và những cuộc họp lặp đi lặp lại.

Đối với nhiều chính trị gia bạn bè của tôi, họ gần như thiếu đi phần “niềm vui sống nho nhỏ” tôi đã nói tới và “đầm lầy” là tất cả những gì họ trải qua. Tôi hoàn toàn hiểu được mong muốn được giải thoát của họ. Và điều này thực sự chẳng liên quan gì tới việc cuộc hôn nhân của bạn có hạnh phúc hay không. Đó là sự bùng nổ của sự vô trách nhiệm trong một cuộc sống mà trái lại bạn đang phải gánh trên vai đầy trọng trách. Không may là, giống như tất cả các vụ nổ, nó luôn để lại hậu quả.

Khi tôi đang họp với một vị khách nước ngoài thì Gus O'Donnell, người kế vị Andrew Turnbull là Bộ trưởng Nội các, xin được gặp tôi và Jonathan Powell gấp. Tôi biết sẽ chẳng bao giờ có tin tốt cả. Nhưng tôi phải nói rằng mình không đón đợi được nghe tin choáng váng về John Prescott và Tracey.

Thoạt đầu và tôi sợ rằng có nhầm lẫn, tôi đã không ngờ sự việc lại nghiêm trọng đến thế. Tôi tiếc cho John, hơn hết là tiếc cho Pauline vợ ông ấy và cả Tracey. Điều mà những người ở bên “bối mớ sự việc” trong bất kỳ vụ bê bối nào không bao giờ nhận ra rằng họ sẽ tự gán cho mình một cái mác vĩnh viễn. Vì chính trị gia kia có thể phục hồi, ít nhất cũng là phần nào đó; nhưng người “kể chuyện” kia thì không. Họ là chủ thích của một câu chuyện. Lựa chọn duy nhất của họ là lợi dụng nó để kiếm tiền hay chết chìm cùng nó. Một người bị sa sút nhân phẩm, rồi bị chuyển đi nơi khác; người kia thì ít ảm ỉ hơn, nhưng dù có thế thì họ vẫn bị gán với vụ bê bối đó suốt đời không gì xóa sạch. Dù gì đi nữa thì rõ ràng Tracey đã không làm điều đó vì tiền và sự vô lễ của câu chuyện đó là một tai nạn ác ý.

Chúng tôi phải trải qua một quãng thời gian khó khăn sau sự việc đó. Câu chuyện trở nên phức

tập hơn, do Tracey là nhân viên văn phòng John nên điều này đã tạo thêm căn cứ cho người ta vin vào để chỉ trích. Mặc dù vậy, tôi kiên quyết không để John ra đi. Ông ấy là một thành viên tích cực của đảng, là người luôn trung thành, là cánh tay đắc lực và rất can trường. Tôi biết rằng đối với ông ấy, việc trở thành một Phó Thủ tướng là một thành công rất tự hào và ông ấy xứng đáng được như vậy. Sa thải ông ấy vì một sự việc, mà xét cho cùng là một vụ bê bối tình dục ngu ngốc, sẽ kết thúc sự nghiệp của ông ấy một cách tàn nhẫn, quay lưng lại với tất cả những cống hiến của ông ấy.

Giới truyền thông cuối cùng cũng đưa ông ấy vào tròng tầm ngắm của mình, đặt ông ấy vào vị trí bia tập bắn. John chưa bao giờ che giấu sự ghê tởm đối với họ. Còn họ chẳng bao giờ giấu giếm sự khinh miệt đối với ông ấy. Từ khi vụ việc xảy ra đến khi ông ấy rời nhiệm sở, mọi việc giống như họ đã dựng lên một hàng rào, thỉnh thoảng tấn công bằng một khẩu bazooka đầy giận dữ, thỉnh thoảng bằng một ống thổi lửa đầy lỗ bịch, nhưng lúc nào cũng thể hiện sự thích thú đầy nhẫn tâm khi hủy diệt được người khác.

Không may khi những đợt tấn công liên tục đó đã tạo ra một hậu quả khác ảnh hưởng đến tôi. Nói một cách ích kỷ thì việc sa thải ông ấy sẽ tốt hơn. Nó sẽ trao cho giới truyền thông “mảnh da đầu” của kẻ bại trận mà họ muốn. Nó tạo ra một số sự thay đổi ở vị trí lãnh đạo và ngay cả nếu có tạo ra một cuộc đua TB/GB, nó sẽ khiến mọi người ngừng tránh né. Nhưng đơn giản là tôi không thể buộc mình làm điều đó. Pauline quả quyết rằng ông ấy sẽ ở lại, theo quan điểm của tôi là đúng. Bà ấy không đổ lỗi cho ông ấy vì ngoại tình, bạn có thể hiểu điều đó. Ngoài ra, bà ấy là người biết rằng điều gì có ý nghĩa, điều gì không. Bà ấy bị phản bội nhưng không bị bỏ rơi; và do đó bà ấy giận dữ nhiều hơn là quần trí. Tôi cảm thấy rằng mình cũng nên làm điều đúng đắn vì bà ấy. Và thế là ông ấy đã ở lại.

Nhưng sự phiền muộn đã đến với John sau những đợt công kích. Từ khoảnh khắc đó, ông ấy chẳng vui vẻ gì khi ở lại. Đó là sự kháng cự chứ không phải niềm vui. Ông ấy muốn ra đi; nhưng rất khó cho ông ấy khi ra đi mà không có tôi cũng rời nhiệm sở. Dần dần và ngày một kiên quyết, mong muốn được từ chức của ông ấy đã trở thành niềm tin rằng đã đến lúc cần thay đổi lãnh đạo. Dĩ nhiên, còn có nhiều yếu tố khác tác động vào. Nhưng vấn đề này không phải là không quan trọng.

Đó là thời điểm kỳ lạ nhất. Chương trình cải cách đang tiến triển mạnh, nhưng xung quanh tôi vẫn còn một mớ lộn xộn các vụ bê bối và các sự việc gây tranh cãi. Trong cái “tổ chim” đặt trên ngọn cây cao, với những bạn bè tâm giao, chúng tôi có thể nuôi dưỡng tâm trí và cơ thể của mình trước khi mao hiểm trở về tầng cây thấp hơn; và chúng tôi dọn đường đến đó với tâm trạng và ý chí tốt nhất có thể. Chúng tôi đang trải qua một thời kỳ khó khăn thực sự.

Bối cảnh này đôi lúc khiến tôi mắc sai lầm. Sau các cuộc bầu cử địa phương vào tháng 5 năm 2006, với kết quả khá tệ, tôi đã quyết định cải tổ Nội các. Đó là một dạng thông lệ nên thực hiện hàng năm. Rõ ràng là các Chính phủ cần có sức sống mới và cần để những dòng máu mới chảy trong huyết quản. Ngoài ra, một vị Thủ tướng hay Tổng thống luôn tham gia thương lượng về vị thế của đảng, qua đó, làm thỏa mãn những tham vọng của cá nhân trong nội bộ. Một số tham vọng có lý, một số thì không, nhưng tựu chung đối với những người sở hữu chúng, chúng luôn có lý. Nếu bạn không thăng chức cho ai đó, họ sẽ không bằng lòng với bạn. Nếu bạn thăng chức cho họ, bạn sẽ phải đưa người khác ra và rồi người đó lại phật ý. Bạn phải tìm kiếm một loạt các phương pháp phức tạp để giữ những người bị giáng chức ở lại phe mình, nhưng tôi phải nói với bạn rằng, từ kinh nghiệm của mình tôi biết: việc này không bao giờ thành cả. Điều duy nhất quyết định sự trung thành của họ từ khoảnh khắc đó là tính cách. Người tốt sẽ trung thành; người xấu thì không. Nếu bạn không đem lại cho họ điều gì thực sự tuyệt vời như một lựa chọn khác với chức danh bộ trưởng; thì họ sẽ không bị lừa phỉnh (dại gì) và về bản chất, tất cả diễn ra trước mắt giới truyền thông và được cho đó là bị sa thải. Trong những tình huống này thì những người tốt thật quý và hiếm.

Vậy bạn phải cải tổ. Nhưng người ta cũng khuyên rằng luôn thăng chức hay giáng chức vì mục

đích, chứ không vì tác động. Với lần cải tổ này, tôi quyết tâm gây chú ý, chứng tỏ rằng chúng tôi vẫn còn mạnh và tôi sẽ vẫn tiếp tục điều hành đất nước trong tương lai. Tôi đã nghĩ về việc đưa Charles Clarke lên làm Bộ trưởng Ngoại giao. Ông ấy sẽ đảm nhiệm tốt vị trí này và có lẽ nhìn lại quá khứ, tôi nghĩ mình nên bổ nhiệm ông ấy. Nhưng ông ấy lại sa lầy vào vụ bê bối khốn khổ liên quan đến “tội phạm nước ngoài”. Tôi cũng đã tính đến việc giữ lại Jack Straw. Ông ấy đã làm việc chăm chỉ và được các bộ trưởng ngoại giao khác ngưỡng mộ. Không có lý do thuyết phục nào để thay ông ấy, có chăng chỉ là ông ấy đã đảm nhiệm vị trí này 5 năm rồi; nhưng khi nghĩ về điều đó, tôi thấy việc thay thế ông ấy chỉ vì lý do đó thì quá ngớ ngẩn. Tôi thậm chí cũng đã nảy ra ý tưởng về David Miliband, nhưng rồi lại cho rằng vì quyền lợi của mình, ông ấy vẫn nên tiếp tục xử lý các vấn đề nội bộ, bởi điều đó sẽ giúp ông ấy có một hồ sơ tốt hơn ở trong đảng.

Cuối cùng tôi đã đưa ra một loạt các quyết định “tệ nhất thế giới”. Tôi đã bổ nhiệm David vào vị trí Bộ trưởng Môi trường và chuyển Margaret Beckett từ đó về làm Bộ trưởng Ngoại giao. Bà ấy kinh ngạc nhiều hơn là phấn khởi về việc được thăng chức. Và không bất ngờ khi Jack bức tức về việc bị thay thế. Tôi đã đề nghị Charles vào Bộ Quốc phòng. Ông ấy đã từ chối mà theo tôi đó là một quyết định xuẩn ngốc và trở lại làm một nghị sỹ không trọng trách trong Chính phủ. Nhìn chung, đó là một mớ lộn xộn xuất hiện không đúng lúc, với những người không phù hợp, những người mà tôi cần theo phe mình. Những quyết định cải tổ còn lại trong thực tế đã giúp một số người trẻ thăng tiến, như Douglas Alexander, James Purnell, Andy Burnham và Jim Murphy. Nhưng về tổng thể, các quyết định này chẳng làm được gì nhiều cho Chính phủ mà lại có hại cho tôi.

Mọi việc diễn ra thật tồi tệ, thậm chí vào mùa hè năm 2006, đã xảy ra chiến tranh Israel/Lebanon. Sự kiện đó và phản ứng của tôi đối với nó, có lẽ đã khiến tôi bị tổn hại nhiều hơn bất kỳ sự kiện nào khác kể từ cuộc chiến Iraq. Nó chứng tỏ rằng suy nghĩ của tôi khác với suy nghĩ của đông đảo giới truyền thông truyền thống và người dân Anh như thế nào, nhưng nó cũng chứng tỏ suy nghĩ của tôi đã được định hình vững chắc (hay bị đóng khung?) như thế nào.

Cả trường đoạn này cho thấy khó khăn trong việc đối phó với cuộc chiến hiện đại, không cân sức mà chúng ta đang tham gia vào. Hezbollah đã triển khai một cuộc tấn công vào Israel, một cuộc tấn công mức độ thấp nhưng đã làm nhiều binh lính Israel thiệt mạng. Dải Gaza vào thời điểm đó đã bị phong tỏa, sau khi Hamas tiếp quản và trục xuất chính quyền Palestine. Khi người Israel đẩy mạnh việc chiếm dải Gaza và tiến trình hòa bình ở đây chẳng đi đến đâu, Hamas đã nã tên lửa vào các thị trấn của Israel. Và rồi Hezbollah mở một mặt trận mới.

Đó thực sự là một sự khiêu khích có chủ ý. Israel đã rút khỏi Lebanon. Thực tế, vấn đề Shebaa Farms – mảnh đất đã bị Israel tước đoạt vào những năm 1980 và hiện vẫn bị chiếm đóng và đó là căn cứ lý thuyết cho việc Hezbollah cho rằng họ vẫn phải sử dụng vũ trang – không được giải quyết, nhưng diện tích đất liền rất nhỏ. Vấn đề này không thực sự làm bất kỳ ai bận tâm và thách thức thực sự trong nội bộ Lebanon là xử lý với sự kiểm soát từ từ nhưng vững chắc và tăng cường độ của Hezbollah về cấu trúc chính trị và quân sự của nước này. Lebanon là một nước dân chủ. Beirut đã được xây dựng từ các thảm họa xảy ra vào đầu những năm 1980. Nhưng căng thẳng vẫn còn tiềm ẩn, tạo ra những cuộc tranh giành quy mô rộng hơn, tồn tại dai dẳng khắp khu vực. Về cơ bản, nước này đang hòa bình, nhưng nền hòa bình đó dễ bị tổn thương, các chính trị gia dân chủ của nước này ngày đêm sống trong hiểm nguy, nhiều người trong số họ, chẳng hạn như Rafiq Hariri đã bị ám sát và ảnh hưởng lan tỏa của Syria. Một mảnh đất đẹp đẽ, có lịch sử lâu đời và đầy tiềm năng, nhưng cũng là mảnh đất thu hút tất cả các hơi độc của một khu vực mà trung tâm của nó đang thối rữa.

Israel phản ứng với sự khiêu khích này theo cách họ phải làm. Người Israel tin vào một điều và niềm tin ấy xuất phát từ kinh nghiệm: nếu bị khiêu khích, đừng giơ nốt má còn lại ra, phải phản công và phản công mạnh mẽ. Anh lấy của tôi một mắt; tôi sẽ lấy của anh hai. Họ tin rằng nếu thể hiện bất kỳ dấu hiệu yếu đuối nào, thì lịch sử của dân tộc có 60 năm ngăn ngui của họ sẽ

kết thúc.

Không còn nghi ngờ gì về việc ai là kẻ khởi động cuộc chiến. Có những mô thức quen thuộc cho sự bùng phát này. Israel bị tấn công. Israel chống trả. Và đây là vấn đề. Thoat đầu, người ta ủng hộ họ. Ở hậu trường, nhiều nước, thậm chí ở Trung Đông, lo lắng về mối liên hệ của Hezbollah với Iran và coi họ như lực lượng Hamas thừa lệnh của thế lực Iran, kín đáo kêu gọi Israel hủy diệt Hezbollah. Các nhà lãnh đạo phương Tây có chung quan điểm thoát đầu cũng thi nhau khuyên Israel giữ lập trường cứng rắn và tấn công quyết liệt.

Khi xung đột bắt đầu, Hội nghị thượng đỉnh G8 ở St Petersburg đang diễn ra. Nó đáng nhớ vì hai điều. Thứ nhất là khoảnh khắc tuyệt vời của “George”, không biết rằng micro đang được bật trong phòng họp, đã chào tôi theo phong cách “rất George”: “Ê, Blair”. Chúng tôi tiếp tục trò chuyện mà không biết nó đã được ghi lại để lưu truyền cho hậu thế, cho tới khi tôi nhận ra rằng người ta đang nghe mình, nhưng đó toàn là những chuyện vui vẻ và tình hình đáng ra có thể tệ hơn thế cả nghìn lần. Người Anh xôn xao, vì một lý do nào đó, họ cảm thấy nước Anh bị xúc phạm. Chúng tôi trở nên khô khan, suồng sã. Tôi không nghĩ vậy, do đó tôi nghĩ câu chào “Ê, Blair” khá vui vẻ. Thực tế, nó chỉ biểu lộ sự thân mật mà thôi. Trong tất cả những nhân vật cấp cao tôi gặp trong giới chính trị, ông ấy là người ít khiếm nhã và ít khó chịu nhất. Ông ấy có thể nói chuyện với Alastair hay Jonathan theo cách thức và sự thân mật mà gần như tất cả các Tổng thống của tất cả các quốc gia không bao giờ làm. Riêng Alastair thường trêu đùa George theo cách mà có lẽ không ai làm, ngay cả những người thân cận của ông ấy và tôi nghĩ George có vẻ thích điều đó. Sau khi tôi rời nhiệm sở, một nhóm bạn của tôi đã tới thăm Nhà Trắng, cùng với Leo, mà không có tôi hay Cherie. George tình cờ đang làm việc trong phòng và biết họ đến. Ông ấy đã ra và dẫn họ đi thăm quan, đưa họ đến Phòng Bầu Dục, chụp một bức ảnh với họ và cư xử rất dễ mến. Ông ấy không cần làm như vậy. Ông ấy cũng không cảm thấy bị buộc phải làm như vậy. Ông ấy làm điều đó một cách rất tự nhiên thôi.

Vậy, “Yo, Blair” là một câu chuyện đùa tếu; nhưng không may chỉ có mình tôi hiểu điều đó. Dù gì thì đó cũng là chuyện bức mình nhỏ. Thứ hai đó là các thảo luận về Lebanon. Thú vị là đằng sau tất cả những tuyên bố, giải pháp và các cuộc họp báo thường thấy, mọi người đều có chung niềm tin rằng Hezbollah đáng bị thế và nếu Israel đánh bật họ ra, thì tốt hơn nhiều.

Dĩ nhiên, những điều xảy ra sau đó chẳng xa lạ gì. Sau khi Israel trả miếng quyết liệt, thì Hezbollah phản công bằng rốc-kết. Mô hình dễ dàng nhìn thấy của một trận chiến như thế này là: lực lượng siêu việt “phương Tây”, vũ khí siêu việt, gây ra sự hủy diệt. Trong vài ngày, dư luận quốc tế đã chuyển từ việc bất bình với phe khiêu khích sang cảm giận phe tấn công trả đũa. Đột nhiên Israel trở thành kẻ xâm lược. Những thiệt hại họ gây ra thực sự gây kinh hoàng. Nhưng khi lực lượng được triển khai theo cách đó thì mọi việc luôn diễn ra như vậy. Lựa chọn không rõ ràng. Trả đũa quá nhẹ nhàng thì kẻ khiêu khích sẽ táo bạo hơn. Ở Israel, người ta đã lo lắng rằng, như thế họ còn quá nhẹ tay. Ở Anh, cũng như ở nơi khác, trừ Mỹ, dư luận cho rằng: Israel đã đi quá xa.

Về bản chất, hành động kể trên không hiệu quả, nếu “hiệu quả” có nghĩa là kẻ thù thất bại. Đó là ý nghĩa của chiến tranh hiện đại. Hezbollah đã và đang là phong trào du kích nội thành. Họ nhắm vào dân thường một cách có chủ ý. Vũ khí của họ nghèo nàn hơn nên họ gây thương vong tương đối ít. Họ có dáng vẻ của một nạn nhân can trường. Israel là một Chính phủ có một lực lượng quân đội và không lực được đào tạo bài bản và được trang bị vũ khí hiện đại. Họ không nhắm mục tiêu vào dân thường. Nhưng vũ khí cuối cùng và duy nhất của họ, trong một khu dân cư có lực lượng du kích đóng, là ngăn chặn. Do đó họ sử dụng quân lực để cố gắng ngăn những cuộc tấn công tiếp theo xảy ra. Và tất yếu là một số lớn dân thường đã bị thiệt mạng. Và rất nhanh chóng họ bị gán cho cái mác của kẻ đàn áp.

Dư luận quốc tế, từ chỗ thấu hiểu sự khiêu khích ban đầu, đã nhanh chóng chuyển thành đau lòng với những cảnh tàn sát người vô tội Lebanon xảy ra hàng đêm. Họ đau buồn sâu sắc và rồi chuyển thành lên án. Vào lúc đó tôi phải đưa ra lựa chọn về chính trị, điều đã khiến tôi phải

chịu những tổn hại thực sự và kéo dài. Dư luận châu Âu lúc đó nhanh chóng đoàn kết xung quanh lập trường yêu cầu Israel ngừng bắn. Đơn phương. Ngay cả nếu Hezbollah có tiếp tục bắn rốc-két. Dư luận Mỹ thì hoàn toàn khác, hơn 60% người Mỹ ủng hộ hành động của Israel.

Tôi nghĩ rằng ngừng bắn đơn phương là sai trái. Việc này cần phải được tiến hành ở cả hai bên và chúng tôi không kỳ vọng Israel sẽ dừng lại cho đến khi im tiếng rốc-két. Nhưng dường như đó không phải là điều hầu hết mọi người cảm nhận. Họ chỉ thấy rằng chúng tôi có quan điểm khác về sự tàn sát này. Tôi nghĩ, Thủ tướng Israel, Ehud Olmert, đã ở một tình thế thực sự khó khăn. Tôi biết nếu tôi là ông ấy tôi sẽ nghĩ rằng không thể dừng lại cho đến khi Hezbollah cũng làm như vậy; hay cho tới khi họ bị đánh bại; hay cuối cùng thì Lebanon đã chịu đủ tổn thương và Hezbollah nhận thấy họ không thể tiếp tục làm thế một lần nữa. Đó là phương pháp ngăn chặn góm ghiếc và kinh khủng đối với Lebanon. Nhưng tôi có thể hiểu điều đó từ lập trường của Olmert và Israel.

Ẩn dưới tất cả sự việc này, dĩ nhiên, là tình trạng của tiến trình hòa bình Israel/Palestine. Do sự đình trệ của tiến trình này, tất cả điều tồi tệ sẽ có thể xảy ra. Khi tiến trình này vận hành, mỗi đường hầm – trong một khu vực đầy đường hầm tối tăm – sẽ đột nhiên nhận được một chút ánh sáng ở phía cuối nó. Trong tâm trí tôi, tất cả trở lại với cùng một vấn đề như trước, trong đó xung đột Israel/Ả Rập là biểu hiện bên ngoài, không phải là nguyên nhân. Israel/Palestine luôn là một nguồn tiềm năng các va chạm và chiến tranh bởi những khác biệt về tôn giáo.

Việc chiếm đất của người Palestine có thể không công bằng, tùy thuộc vào quan điểm của bạn, nhưng đây là một khu vực có nhiều bất công. Điều biến nó thành mối nguy cho an ninh toàn cầu là việc Jerusalem là thánh địa của người Hồi giáo, thánh địa thiêng liêng thứ ba trên thế giới bởi theo người Hồi giáo, nhà sáng lập ra đạo Hồi đã được đưa đến đó trong một giấc mơ; việc người Do Thái xâm chiếm mảnh đất đó là sự lăng mạ, sỉ nhục và trên tất cả là biểu tượng cho sự yếu kém của đạo Hồi. Nó gợi nhớ lại tất cả hình ảnh các nạn nhân của đạo Hồi trong các cuộc Thập Tự chinh. Nó gợi sự bất kính đối với tôn giáo và người ta bị ám ảnh bởi điều đó.

Dần dần, với những bước đi tạm thời trước khi đòi hỏi những sai bước mạnh bạo, người ta đã đi đến một giải pháp sơ thảo, một thỏa hiệp thực sự. Israel có Nhà nước của mình; Nhà nước của Palestine được công nhận. Jerusalem được chia đôi, ít nhất là về mặt lãnh thổ. Các vùng đất thiêng được chia sẻ.

Nó sẽ có tác dụng như một giải pháp – không có sự lựa chọn nào khác – nhưng để đến được nó phải vượt qua tất cả các vật cản khác. Do đó người ta sẽ phải trải qua một tiến trình phức tạp khủng khiếp để đạt được nó. Kết quả ít khi có tính đột phá, bị ngắt quãng bởi những giai đoạn dài thoái lui hay lệch hướng. Khi tiến trình tiến triển, tất cả mọi thứ khác có vẻ tốt đẹp hơn; còn khi không, như tôi đã nói, những điều tồi tệ sẽ xảy ra. Và xung đột ở Lebanon chỉ là một ví dụ khác.

Cuộc chiến kéo dài hơn mức cần thiết. Sự ghét bỏ của cộng đồng quốc tế với Israel – và lần này là công chúng quốc tế, chứ không phải Chính phủ – đã trở nên sâu sắc hơn. Vì hầu như hiếm có người hiểu quan điểm của Israel, tôi đã bị tổn thương bởi việc đó.

Vào tháng 9 năm 2006, tôi công du tới Beirut. Tôi đã liên tục đàm luận với Thủ tướng Lebanon, Fouad Siniora trong suốt quá trình xảy ra chiến tranh. Ông ấy là một người tốt, nhưng rõ ràng đã bị mắc kẹt giữa sự ghét bỏ Hezbollah và việc chẳng thể làm bất cứ điều gì ngoài việc dùng lời để ngăn chặn hành động của Israel. Di chuyển bằng một chiếc máy bay quân sự, sau đó tôi được hộ tống từ sân bay bởi một lực lượng an ninh nghiêm ngặt chưa từng thấy. Không có gì đáng ngạc nhiên khi tôi chẳng được nhiều người Lebanon yêu quý. Nhưng các nhà lãnh đạo chính trị chủ chốt đã hiểu sự phức tạp của tình hình và trên hết họ biết rằng việc để Hezbollah trỗi dậy thành công sẽ là một thảm họa cho tương lai của Lebanon. Tôi đã gặp Thủ tướng Lebanon trong văn phòng của ông ấy, ở một khu vực cổ xưa của thành phố và cho dù luôn bị

các vấn đề chính trị choán hết tâm trí như thường lệ, tôi vẫn cảm nhận vẻ đẹp đẽ, giàu có về lịch sử, tôn giáo, nghệ thuật và văn hóa của khu vực này.

Fouad Siniora rất đạo mạo và thân thiện. Ông ấy đưa ra một thông điệp thẳng thắn là: sẽ không bao giờ có hòa bình nếu vấn đề Israel/Palestine không được giải quyết. “Có hòa bình, tất cả mọi thứ đều khả thi; không có hòa bình, không có gì cả”, ông ấy nói. Tôi cam kết sẽ cố gắng hết sức để khiến Tổng thống Mỹ tái tập trung các nỗ lực vào quá trình văn hồi hòa bình.

Tôi đã gặp nhiều thành viên của Chính phủ Lebanon, một số người theo đạo Hồi, một số theo Đạo Thiên chúa, một số theo Druze. Tất cả đều cảm thấy biết ơn vì có người đến gặp họ. Thông điệp họ đưa ra thật vô cùng thương tâm: quốc gia của họ đang trên miệng vực, nó cần phải được cứu; nhưng số phận của nó lại phụ thuộc vào việc giải quyết cuộc tranh giành quyền lực ở cả khu vực. Một vài người cho biết đồng nghiệp của họ đã bị ám sát trong những năm qua, gần như là bị “hạ” từng người một và họ nói, chẳng có chút than vãn nào, rằng họ rồi có lẽ cũng phải chịu chung số phận như thế, nhưng mặc dù vậy, tinh thần của người dân vẫn tốt và sẽ phát huy đúng lúc. Tại cuộc họp báo của chúng tôi, đã có một sự gián đoạn cố ý và dĩ nhiên như thường lệ, việc này ngay lập tức trở thành tin nóng của báo chí.

Khi trò chuyện với Siniora, tôi nhận ra rằng vấn đề chính trị của riêng tôi giờ đây rất nghiêm trọng; thực tế là vô phương cứu chữa. Đôi khi tôi phân vân vì sao mình đã không chọn lựa cách thức đơn giản là nhượng bộ và phê phán Israel, đồng thời kêu gọi họ ngừng chiến đơn phương. Người Israel sẽ hiểu điều đó và đó sẽ là chốt khóa an toàn mà ai cũng biết để đối phó với những chỉ trích dữ dội của giới chính trị.

Nhưng đến bây giờ tôi đã hiểu toàn bộ cách thức giải quyết vấn đề này theo cách thức truyền thống, do bản thân nó là một phần của vấn đề. Và nhân đây, vấn đề là gì? Đó là câu hỏi hay đầu tiên. Đối với hầu hết mọi người vào tháng 7 năm 2006, theo các tin tức trên báo chí truyền hình thì đó là cuộc xung đột Israel/Lebanon. Tôi thì không thấy như vậy. Tôi xem vấn đề này là một cuộc chiến lớn hơn giữa các phần tử cực đoan của đạo Hồi và phần còn lại của chúng ta. Đối với tôi, Lebanon đã bị lôi kéo vào một điều gì đó lớn hơn và quan trọng hơn là một cuộc chiến tạm thời với Israel. Thực tế, tôi đã nghĩ rằng toàn bộ vấn đề Israel là một phần của một bức tranh rộng lớn.

Dĩ nhiên, tôi có thể thấy rằng ở mức độ nào đó, hành động của Israel là không cân xứng. Tôi có thể thấy những điểm bất hợp lý trong một số lập trường nhất định của Israel. Tôi có thể thấy sự không công bằng rõ ràng mà người Palestine phải gánh chịu. Nhưng không điều nào đi được đến tận gốc rễ của vấn đề, trong một cuộc đấu tranh sâu hơn và rộng hơn đã ảnh hưởng tới cả Trung Đông và đạo Hồi. Vậy điều gì đang kìm giữ tiến trình hòa bình. Vấn đề Shebaa Farm? Không nghiêm trọng như vậy. Một cuộc tranh chấp về trao đổi đất và biên giới năm 1967 giữa người Israel và Palestine. Loại nó đi.

Những người hiểu lý lẽ nửa vời có thể tìm ra cách vượt qua vấn đề này khi họ muốn, nếu các thành tố vận động trong cuộc đấu tranh này cho phép. Đối với tôi, bạn không thể hiểu Hezbollah nếu bạn không hiểu vai trò của Iran; hay không thể hiểu Lebanon nếu không hiểu Syria; không thể hiểu Hamas nếu không hiểu vai trò của cả hai; hay không thể hiểu cả quốc gia trong trạng thái hiện tại nếu không hiểu lịch sử, không chỉ của khu vực mà của cả tôn giáo, cách họ nhìn nhận bản thân, cách họ phát triển các truyền thuyết của mình, cách họ nhìn nhận tình thế khó khăn của mình. Và ở đây, cũng như ở Iraq hay Afghanistan, có sự cạnh tranh giữa hiện đại và lai tạp. Do đó tôi cho rằng giải pháp không nằm ở việc chỉ sử dụng quyền lực cứng hay quyền lực mềm, mà là kết hợp hai yếu tố này.

Như tôi đã giải thích từ trước, đây đã là chủ đề lặp đi lặp lại đối với tôi kể từ tháng 9 năm 2001. Tôi đã ủng hộ lập trường quân sự cứng rắn của Mỹ: chúng tôi có thể làm gì khác sau khi hàng nghìn người vô tội đã bị giết hại vào ngày 11 tháng 9? Khi sự hoảng loạn trở thành vũ khí ưa thích của al-Qaeda và những phần tử hậu thuẫn Iran ở Iraq hay của Taliban ở Afghanistan, tôi

có một niềm tin mạnh mẽ rằng, chúng tôi phải chống lại chúng, chứ không thể nhượng bộ.

Mặc dù vậy, tôi luôn cho rằng, chỉ bằng các biện pháp quân sự không thể giúp chúng tôi giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh. Bên cạnh quân sự, cần phải có những nỗ lực kiên quyết và mạnh mẽ thúc đẩy hòa bình, đáng chú ý là hòa bình giữa Israel và Palestine, thúc đẩy sự hòa giải, vượt qua những chia rẽ về tôn giáo và văn hóa, liên kết những người thiện chí, bất kể niềm tin của họ là gì, trong một thế giới hiện đại và cùng tồn tại hòa bình.

Tính thô bạo của đấu tranh quân sự, những sai lầm và rủi ro không thể tránh khỏi, đã chia rẽ dư luận thế giới. Có những người tin rằng bản thân Bush là một vấn đề và có những người nghĩ quyền lực mềm là một sự xao nhãng ngờ nghệch. Theo thời gian, những người sau đã bị những người trước vượt qua. Toàn bộ suy nghĩ này – với những hệ quả vang vọng lại đã phát triển thành lập trường rằng: để thành công, không thể “là Bush”. Làm điều ngược lại với ông ta và mọi chuyện sẽ ổn. Đó là quan điểm nguy hiểm và chệch hướng.

Do đó tôi đã chịu sức ép. Nhưng lúc đó tôi cảm thấy thực sự khó có thể thỏa hiệp được. Nếu tôi đã chỉ trích Israel, điều đó còn hơn cả việc thiếu trung thực và nó sẽ hủy hoại quan điểm về thế giới mà tôi đã cố gắng giữ gìn. Do đó tôi đã không làm thế, nhưng tôi có thể cảm thấy được rằng Nghị sỹ Đảng Lao động cũng đã đồng loạt chuyển sang phản nản, công kích. Người dân đã nghe được điều này và xuôi theo những lời đồn thổi thay vì nhà lãnh đạo của họ. Nhưng tôi có sự kiên định để trấn an mình và nó khá hiệu quả (tôi cho rằng điều đó luôn xảy ra với các nhà lãnh đạo khi sự ngạo mạn lấn át họ).

Nghị viện thường nghỉ họp vài ngày trước khi chúng tôi bắt đầu kỳ nghỉ hè. Quảng thời gian đó tôi thường ở Chequers, dành thời gian suy nghĩ và nghỉ ngơi ở bên gia đình. Tôi thường mặc quần jeans và áo phông xử lý giấy tờ, chơi guitar, chạy bộ trong rừng hoặc thưởng thức một ly rượu vang ở ngoài trời sau bữa tối và hít thở khí trời về đêm. Những nhân viên ở đó rất thân thiện và cũng rất đơn điệu, họ chỉ ở đó để giúp việc. Dĩ nhiên các Thủ tướng cần được thử thách, nhưng đôi khi bạn cũng cần có những khoảng thời gian, không ai nói âm ỉ bên tai bạn, không thảo luận chiến lược với bạn, không ai giúp bạn giải quyết một tình huống khó khăn; không ai làm một điều gì đó quá nhiều, trừ việc hỏi bạn muốn ăn gì cho bữa tối.

Tinh thần của con người luôn tìm được cách để thích nghi. Tôi không có ý định so sánh (dù xa xôi) quãng thời gian khó khăn của một Thủ tướng với những quãng thời gian khắc nghiệt mà nhiều người đã phải trải qua và trải qua một cách anh hùng. Tôi chỉ muốn nói rằng, ở vị trí của một nhà lãnh đạo, nhưng cũng là người bình thường, bạn khám phá ra dưới áp lực bản năng nội tại đó để tồn tại. Bạn phải tiếp tục sống. Bạn phải tìm thấy ý nghĩa của việc đó. Đối với tôi vào thời điểm đó, ý nghĩa duy nhất là trung thực với bản thân. Tôi có thể là một trong số ít người có quan điểm như vậy, nhưng đó là quan điểm mà tôi tin.

Mùa hè đó, ngay trước khi chúng tôi dự định ra nước ngoài, với việc Lebanon vẫn ngập trong bạo lực đầy ác mộng, tôi nhận ra tôi nên hoãn kỳ nghỉ. Tôi chủ yếu ở Phố Downing để cố gắng thống nhất các giải pháp của Liên Hợp Quốc nhằm chấm dứt xung đột. Có hai điều chi phối tâm trí tôi khi nghĩ xem có nên quyết định hoãn nghỉ hay không. Tôi đã rất miễn cưỡng trong việc này, khi biết rằng nếu không cẩn thận kỳ nghỉ đó đơn giản là không thể xảy ra và trên hết, có quá nhiều phương tiện truyền thông hiện đại bám theo nó. Cuối cùng, tôi đã ở lại London cho đến khi chắc chắn đạt được một giải pháp.

Vào thời điểm tôi lên máy bay đi St Lucia, tôi đã kiệt sức và mong mỗi tới cảnh được ngồi trên thuyền giữa đại dương ấm áp, gió mơn man bờ vai. Đó là kỳ nghỉ hè cuối cùng của tôi với tư cách là một Thủ tướng.

20. Kết thúc cuộc chơi

Trên chuyến bay, tôi có thời gian suy ngẫm kỹ càng về yếu tố chính trị của tình hình Lebanon và phản ứng của riêng tôi với vấn đề này. Ruth Turner, trưởng ban quan hệ công chúng của Chính phủ, đã gặp gỡ nhiều thành viên của PLP. Họ không hẳn là những người thiếu trung thành mà chỉ là bị mất đi tiềm năng, như Peter Hain, John Denham và Karen Buck. Họ là những thành viên PLP chủ đạo, có liên hệ mật thiết với cả cánh tả và cánh hữu trong đảng và chắc chắn có những hiểu biết sâu sắc về các lĩnh vực cụ thể của đảng.

Họ thẳng thắn với bà ấy hơn là với tôi. Họ không đồng ý với lập trường về Lebanon, nhưng đó không phải là quan điểm thực sự của họ. Họ nghĩ rằng phản ứng của tôi cho thấy sự thiếu nhạy cảm trầm trọng, sự sai lầm của bản năng và sự tách biệt giữa tôi và quan điểm của công chúng mà theo họ là nguy hiểm và không giống cách hành xử bình thường của tôi.

Tôi luôn được biết đến là một chính trị gia nhạy cảm, người có thể biểu lộ được suy nghĩ của công chúng và nhờ đó định hình chúng, là người có thể “cảm nhận” được ý kiến của đông đảo dư luận và làm theo nó bằng trực giác. Họ cảm thấy tôi đã đánh mất khả năng này; và đó là bản năng đã tạo dựng nên con người tôi. Và họ coi sự mất mát đó là một thảm họa về chính trị.

Điều này khiến tôi phải suy nghĩ khá lâu trên chuyến bay trở về kéo dài 8 tiếng đồng hồ. Đó không phải vì tôi không hiểu công chúng nghĩ gì về Lebanon, hay do tôi không rõ tình hình. Tôi gặp khó khăn khi không đồng tình với nó. Tôi hoàn toàn nhất trí rằng, việc có quá nhiều dân thường vô tội, đặc biệt là trẻ em bị thiệt mạng là điều hoàn toàn sai trái và không thể chấp nhận được. Thảm họa thiệt hại về người của hành động đó làm tôi thấy kinh sợ. Tôi nghĩ đến những gia đình chịu cảnh tang thương, những nỗi đau cay đắng dồn nén và nếu bạn là một người dân Lebanon gặp phải cơn ác mộng này, bạn chỉ muốn nổi giận với cả thế giới.

Nhưng tôi cũng lo lắng về nguy cơ Hezbollah giành “chiến thắng”, một tình huống mà bọn chúng có thể đã tính toán: khiêu khích, kéo Israel vào vụ trả đũa và nổi lên giành chiến thắng. Tôi cảm thấy việc ngừng bắn đơn phương sẽ trao cho chúng cơ hội đó. Tôi cũng nhận ra rằng bất kỳ điều gì khuyến khích chúng tính toán như vậy lần kế tiếp sẽ là mối đe dọa thực sự và tiềm năng. Chúng phải hiểu rằng, nếu cố gắng làm điều đó một lần nữa, chúng sẽ phải trả giá, một cái giá mà người Lebanon sẽ không cho phép họ trả, ít nhất là không phải bằng mạng sống của người vô tội.

Đối với tôi, các phân tích này không hạn chế ở bản thân cuộc xung đột này, mà còn mở rộng đến những xung đột tiềm tàng trong tương lai. Kết thúc cuộc xung đột bằng cách ngăn chặn Hezbollah có thể cứu sống được hàng triệu sinh mạng vô tội. Việc này đã cho chúng tôi thời gian và không gian chính trị để giải quyết vấn đề Shebaa Farms bằng quyền lực mềm và dĩ nhiên là để hồi sinh tiến trình hòa bình Israel/Palestine. Rất ít người ủng hộ lập trường “trung lập” bị xa lánh của tôi, nhưng tôi tin rằng đó chỉ bởi vì chúng tôi đã thực sự bị sốc khi xem những thước phim về hậu quả chiến tranh qua truyền hình, điều này không thể che mắt chúng tôi trước những hậu quả của một nền hòa bình được xây dựng trên những điều khoản sai lầm.

Vậy là không phải vì tôi không thể đoán được “hướng gió” mà bởi vì tôi không tin vào nó. 10 năm trước, khi mới nhậm chức và bị chi phối bởi tưởng tượng của công chúng, tôi có thể đã đưa ra lựa chọn khác. Giờ đây, tôi như một nhà phân tích, được sinh ra không phải vì nhu cầu kết nối của đảng đối lập, mà vì nghĩa vụ lãnh đạo đất nước của Chính phủ, tôi đã trưởng thành hơn. Tôi không thay đổi với tư cách một người bình thường mà với tư cách một nhà lãnh đạo. Tôi có thể thấy rõ mình sẽ gặp phải vấn đề gì, nhưng tôi đã đi đến một quan điểm rằng, đối với vấn đề an ninh, tôi nên làm theo những gì trực giác cho là đúng đắn, chứ không phải theo số đông.

Khi đến St Lucia, tôi nghĩ rằng: tôi đã thay đổi hay là ngoan cố? Đó là sự lãnh đạo hay chỉ là

chuyện hão huyền? Việc can dự vào vấn đề Iraq là do tôi tin đó là một việc làm đúng đắn hay chỉ đơn giản là tôi không còn nơi nào khác để đi? Chúng ta trung thực với bản thân đến mức độ nào? Chúng ta thật khó có thể rạch ròi giữa những động cơ và sự lo lắng, niềm tin và sự kiêu hãnh của bản thân.

Vào ngày thứ ba trong kỳ nghỉ đã xảy ra một mối nguy lớn về an ninh khi âm mưu cho nổ tung nhiều máy bay đang bay giữa Anh và Mỹ bị đẩy lùi chỉ trong gang tấc. Những kẻ chủ mưu đã định dùng loại thuốc nổ lỏng pe-rô-xít, điều đó lý giải tại sao lệnh cấm mang chất lỏng lên máy bay luôn được kiểm soát nghiêm ngặt. Về bản chất, nó đã châm ngòi cho việc áp dụng vô vàn biện pháp thắt chặt an ninh sân bay.

Ngày hôm đó và những ngày kế tiếp đã có một loạt cuộc họp, giữa tôi, Bộ trưởng Giao thông Douglas Alexander và Bộ trưởng Nội vụ John Reid. Sau những hoảng loạn ban đầu, tôi có một mong muốn mạnh mẽ là giảm thiểu sự gián đoạn hoạt động. Do đó như thường lệ đã có một loạt các cuộc đấu khẩu giữa chúng tôi, giữa tôi, người thuộc phe ủng hộ sự tiện lợi của hành khách và hai người họ, những người thuộc phe phòng ngừa rủi ro. John chắc chắn đã hiểu ý tưởng đó, nhưng để bắt đầu triển khai ý tưởng, chúng tôi phải cực kỳ thận trọng. Douglas có thể phải đọc những dòng tin xấu xa về việc chúng tôi đã lờ đi lời khuyên của “chuyên gia”. Tôi tin rằng một khi sự hoảng loạn dịu đi, chúng tôi sẽ gây ra những thiệt hại thực sự cho sân bay Heathrow nếu đi quá xa. Do đó, họ khẳng định rằng, doanh nhân không được mang túi đựng áo vest, tất cả phải để ở khoang hành lý gửi, nước hoa được liệt vào danh sách nguy cơ tiềm năng, tất cả đều có thể là mối đe dọa. Sau khi tôi phê bình rất nhiều và những người khác đã phải nghe đến rất tai và kiên nhẫn chịu đựng, chúng tôi mới đạt được một tạm ước, mặc dù phải mất nhiều tháng tâm thế chung mới trở lại bình thường.

Bất chấp sự gián đoạn liên tục và những cuộc gọi thường xuyên đề nghị tôi trở về Anh, tôi vẫn cố gắng thu xếp đi nghỉ. Bạn phải gắn bó với công việc cả đời và sự nặng nề của trách nhiệm cũng vậy. Chúng ở bên bạn mọi lúc, mức độ nặng nhẹ tùy thuộc vào tâm trạng và tin tức; nhưng không hiểu vì sao, tạm thời tránh xa nó để đi đến một nơi khác thì gánh nặng đó có vẻ dễ chịu hơn nhiều. Tôi cần nghỉ ngơi và sẽ trở về vào cuối tháng 8, với tinh thần khá lạc quan và thư thái.

Cảm giác đó chỉ kéo dài được 10 phút. Không khí ở PLP rất căng thẳng. Ít hay nhiều thì phe Gordon cũng đã vận động công khai cho ngày ra đi của tôi. Đồng minh của ông ta chủ yếu là những người không ủng hộ tôi, nhưng ông ta cũng chiêu mộ dần dần những người trẻ hơn, những người mặc dù ưu ái tôi hơn, nhưng vì nhiều lý do mà trước đây còn đứng ngoài cuộc chơi và sau đó tôi phát hiện ra rằng, họ thay đổi vì nhận được những lời hứa hẹn thăng tiến hấp dẫn.

Tôi biết mình đã bị bao vây. PLP bị chia rẽ và có lẽ lần đầu tiên đa số ghế sẽ bị thay đổi. Nhưng thay đổi để làm gì? Đưa Gordon lên, nhưng để làm gì? Đó là điều mà họ không biết và theo tôi, thật thiếu cần và khác thường đến mức kỳ lạ khi họ còn chẳng có vẻ muốn hỏi về vấn đề này.

Cùng với Ed Balls và Nick Brown chịu trách nhiệm về các con số, Gordon đã xây dựng một liên minh tuyên bố với PLP rằng: Chúng tôi có thể giữ được sự ủng hộ Lao động mới tuy trở thành một dạng khác, nghĩa là không có các thành tố “mới”. Nhưng mọi thứ dường như không phải vậy và người ta chưa bao giờ phân tích đủ sâu để mọi người đều có thể hiểu được. Một số người chắc chắn đã hỏi rằng thay đổi sẽ được thực hiện theo kiểu gì và kết luận rằng mô hình sau thay đổi chẳng phải là Lao động mới mà sẽ là một dạng thức quá mơ hồ có khả năng mang lại hiệu quả; nhưng họ chỉ là thiếu số mà thôi.

Vào thời điểm đó, tôi cho rằng, nếu tôi rời nhiệm sở, chúng tôi sẽ nhận được một cơ cấu lộn xộn và phiền toái, mà về cơ bản là sự kết hợp của một nền chính trị Lao động cũ, các mẫu chính sách của Lao động mới, cùng với những thỏa hiệp với phe cánh tả. Đảng sẽ theo mô hình Lao động cũ, còn Chính phủ sẽ là Lao động mới. Tôi nghĩ rằng những đặc trưng của Lao động mới

còn tồn tại ở mức độ nào còn tùy thuộc vào việc tôi có thể làm được bao nhiêu trước khi ra đi; và dĩ nhiên phụ thuộc vào việc ai sẽ là người nhận trách nhiệm của Lao động mới và nếu cần thiết thì có thể thách thức cả Gordon.

Những cuộc họp của tôi với Gordon và nhóm của ông ta đã liên tục diễn ra trong suốt năm 2006, nhưng họ chưa bao giờ nuôi dưỡng những nỗ lực chung hay chân thành cùng nhau xây dựng một chương trình nghị sự chính sách mới; và bất luận thế nào, quan hệ của chúng tôi cũng đã thay đổi sau cuộc điều tra của cảnh sát bắt đầu diễn ra vào tháng 3.

Bạn cần phải để tâm đến sự hằn thù trong chính trị còn nhiều hơn sự hằn thù ở đời thực. Thứ nhất là bởi vì đó là một cảm xúc tồi tệ và méo mó. Thứ hai, đó là cảm xúc không lành mạnh bên trong một nhà lãnh đạo. Thứ ba, bạn thường có rất ít nguyên nhân để than phiền, do những đặc quyền nổi trội mà vị trí lãnh đạo đem lại. Nhìn chung tôi chưa bao giờ cảm thấy oán giận điều gì trong thời gian tại nhiệm. Tức giận muốn nổ tung, có. Tuyệt vọng, rất thường xuyên. Nhưng không oán giận, một cảm xúc dai dẳng, có thể gặm nhấm bạn thay vì sự đột phá lâu lâu mới xảy ra một lần.

Nếu có lần nào đó gần chạm tới trạng thái oán giận, thì đó có lẽ là việc liên quan đến vụ bê bối “đổi tiền lấy danh”. Nỗi oán giận của tôi ít nảy sinh từ bản thân sự việc mà qua thời gian bản chất của vấn đề đã hoàn toàn lung lay, mà phần lớn đến từ những cách cư xử thực sự không công bằng và tệ hại đối với các nhân viên của tôi. Đó là mưu đồ muốn chấm dứt nhiệm kỳ Thủ tướng của tôi theo cách làm ô uế danh tiếng của chúng tôi.

Tôi chưa bao giờ chỉ trích viên cảnh sát trong vụ việc đó. Tôi đã hiểu và thực sự quý mến viên cảnh sát đã bảo vệ tôi và tự đáy lòng mình kính trọng cả nhóm sỹ quan và nhiệm vụ của họ. Tôi cũng có quan hệ tốt với các nhà xây dựng luật và hoạch định chính sách. Tôi có thể biết rõ lỗi lầm của họ, như với bất kỳ ngành nghề nào khác, nhưng tôi cũng biết rằng họ hầu như làm tốt việc của mình và tôi nghĩ sự thất vọng của họ với các tòa án và bộ máy quan liêu trong chừng mực nào đó là có lý. Tôi cũng thường xuyên có mặt ở các buổi tưởng niệm sỹ quan hy sinh – được Police Memorial Trust (Quỹ Tưởng nhớ Cảnh sát), do Michael Winner sáng lập tổ chức để tưởng nhớ những cá nhân đã nằm xuống vì Tổ quốc.

Trong trường hợp này, tôi có thể hiểu vấn đề của họ. Họ sẽ bị giới truyền thông “đánh” tơi tả nếu không theo vụ việc; vụ việc càng kéo dài, họ càng có nguy cơ rơi vào tình thế “cầm chắc phần thua”. Khép lại vụ việc họ sẽ bị cáo buộc là bao che. Còn nếu tiếp tục nó, họ sẽ phải chịu ngày càng nhiều sức ép phải điều tra được điều gì đó (hay đúng hơn là được ai đó). Hậu quả của tất cả các sự việc này đó là Chính phủ sẽ phải đối mặt với hiện tượng mỗi tháng 1 vụ scandal, chi phối các tờ tin tức, khiến người ta phải nhướn mày ngạc nhiên, nhưng luôn chẳng có nhiều giá trị.

Vào thời điểm đó, tôi đủ cứng rắn để đương đầu với bất cứ điều gì, nhưng đối với những nhân viên của tôi, đặc biệt là Ruth Turner và Jonathan Powel, điều đó thực sự kinh khủng. Khi gặp phải vấn đề như vậy, những người yếu đuối hơn có thể sẽ bị suy sụp. May mắn thay, họ vẫn vững vàng, nhưng cho đến lúc kết thúc, họ đã phải dốc sức lực để chống chọi với nó.

Câu chuyện bắt đầu được đăng tải bởi tờ Sunday Times vào ngày 15 tháng 3 năm 2006. Họ cáo buộc Michael Levy, một người gây quỹ của đảng, đã đề nghị với các đại gia rằng sẽ đề cử họ vào danh sách Thượng viện năm 2006, đổi lại họ sẽ ủng hộ tiền bạc cho đảng và các khoản tiền này được che đậy dưới danh nghĩa là các khoản vay. Tôi không tin chuyện này lại xảy ra. Thứ nhất, như kết quả của việc thành lập Hội đồng Bổ nhiệm mới để xem xét các đại gia, chưa một ý tưởng nào như vậy từng được đưa ra. Nhưng thực tế do chúng tôi có nhận các khoản cho vay – và các khoản vay này không đòi hỏi phải công khai danh tính của người cho vay – nên có thể người ta đã hiểu sai rằng, các khoản vay này sau đó sẽ biến thành các khoản tiền tài trợ nếu vị đại gia đó được đề cử vào Thượng viện.

Một phần của vấn đề nổi lên từ thực tế rằng những nhà tài trợ vào thời điểm đó, đặc biệt là

trước mỗi kỳ bầu cử, bị mắc kẹt, nổi bật và dễ bị giới truyền thông mổ xẻ. Vì một số lý do nào đó, tài trợ cho một đảng chính trị thoát nhìn bị xem là bằng chứng tham nhũng. Do đó, tên của nhà tài trợ phải được công khai trong những lần tài trợ còn tên người cho vay vốn thì không.

Bây giờ đúng là đã có nhiều nhà tài trợ lớn từ cả Đảng Bảo thủ lẫn Đảng Lao động (có lẽ tôi cần bổ sung cả Đảng Dân chủ Tự do nữa), những người sau đó đã được chọn vào Thượng viện với tư cách là “đối tác”. Nhưng tôi cho rằng không có lý do giải thích vì sao họ không nên được chọn, không phải là một cuộc mua bán, mà có những lý do đúng đắn khác cho sự bổ nhiệm đó. Có rất nhiều người làm từ thiện và hy vọng được biểu dương theo một cách nào đó. Nhưng bạn không thể đặt ra điều kiện cho việc đó; và họ không thể tài trợ chỉ vì một lời hứa đạt được điều gì đó.

Dù gì đi nữa, thì đó cũng là một việc rất mờ ám, nhưng đó là hệ thống đã vận hành từ rất lâu rồi. Điều khác biệt duy nhất đó là chúng tôi đã ban hành các quy định về tính minh bạch và yêu cầu phải khai báo các khoản tài trợ cho mục đích chính trị. Trong quá khứ, chẳng ai biết người đã tài trợ cho Đảng Bảo thủ, ngay cả trong những thập niên 1970, 80 và 90, chưa ai từng thắc mắc về điều này. Nhưng với chúng tôi, mọi việc luôn khác biệt. Và dĩ nhiên, giờ đây chúng tôi đã điều chỉnh luật. Do đó, một lần nữa, thật trớ trêu khi các nỗ lực thúc đẩy sự minh bạch lại đem lại kết quả trái ngược với mong đợi một cách ngoạn mục.

Tôi chắc chắn rằng, những người cho vay hay các nhà tài trợ cá nhân không hề nhận được một lời hứa hẹn nào như thế. Có những lý do hoàn toàn đúng đắn để đưa tất cả họ vào danh sách và mỗi người trong số họ đều đã có những đóng góp quan trọng cho Thượng viện. Người ta đã cường điệu việc các nhà lãnh đạo của đảng có quyền đề cử nhất định. Nói theo cách khác, đã có những giả định từ một bộ phận công chúng rằng đã có những đánh giá khách quan trên cơ sở “phi đảng phái” về việc đề cử thành viên Thượng viện. Nhưng đó không phải điều hệ thống đảng đã làm với các “đối tác”. Thực tế, tôi là Thủ tướng đầu tiên, cho tới thời điểm đó, từ bỏ toàn quyền đề cử đối với tất cả các vụ bổ nhiệm, mặc dù chúng tôi đã giữ được quyền đề cử một số ghế giới hạn mặc định thuộc về đảng. Do đó, theo cách này, điều kỳ lạ chính là một nhà lãnh đạo một công đoàn đã tài trợ một khoản hào phóng vào Thượng viện mà chẳng bị ai dòm ngó, nhưng nếu một doanh nhân thành đạt, được vào Thượng viện, không hiểu sao lại bị coi là bất hợp pháp.

Khi tờ Sunny Times bắt đầu khai phá câu chuyện, nó mới chỉ là một vụ bê bối ở quy mô trung bình khiến đảng của tôi bị công kích (vì đã cố tình quên nguồn gốc của khoản tiền sử dụng vận động tranh cử) và khiến giới truyền thông phấn khích. Nhưng điều đã biến vụ việc này từ có thể kiểm chế được sang bùng nổ và không thể kiểm soát là tuyên bố của kế toán của đảng Jack Dromey ngày 11 tháng 3 rằng, ông chưa bao giờ được báo cáo về bất kỳ điều gì liên quan và cần phải có một cuộc điều tra. Ngày hôm sau, một nghị sỹ Đảng Dân tộc Scotland đã yêu cầu cảnh sát tiến hành điều tra và cảnh sát nhận thấy họ không còn lựa chọn nào ngoài việc làm như vậy. Từ ngày 21 tháng 3 năm 2006 đến ngày tôi rời nhiệm sở, đã có một cuộc điều tra căng thẳng có sức công phá nặng nề và nhức nhối nhất diễn ra. Vài tuần sau khi tôi rời đi, hồ sơ vụ án khép lại mà không đưa ra được lời buộc tội nào, nhưng những người liên quan đã phải trải qua gần 18 tháng sống trong địa ngục.

Gordon liên quan vào vấn đề theo cách thế này. Tôi đã cân nhắc rất lâu xem có nên đưa chương này vào hồi ký không. Cuốn sách của Andrew Rawnsley về hai chúng tôi đã đưa ra những thông tin không chính xác. Vì vậy, tôi quyết định phải làm rõ sự tình. Chúng tôi đã tranh cãi rất dữ dội về các đề xuất lương hưu của Adair Turner. Bộ trưởng Lương hưu John Hutton và tôi đều cho rằng các đề xuất đó là đúng đắn, nhưng Gordon thì không. Chúng tôi dự định sẽ tổ chức một cuộc họp quan trọng để quyết định về vấn đề này vào ngày 15 tháng 3. Đó chắc chắn sẽ là một cuộc họp rất căng thẳng và gay gắt. Tôi đã đồng ý gặp Gordon vào buổi sáng trước một cuộc họp tay ba với John Hutton sau đó vào lúc 4 giờ chiều. Khi Gordon đến, ông ấy có thái độ rất khó chịu. Thành thực mà nói đó là cuộc họp “thù địch” nhất mà chúng tôi từng có. Ông ấy nghĩ rằng, thông qua vụ tài trợ này, tôi đã để lại cho ông ấy một vụ bê bối kinh hoàng, một quả bom

hẹn giờ có thể tàn phá sự nghiệp lãnh đạo của ông ấy và gán tội với vụ việc mà Jean Chrétien đã làm với Paul Martin ở Canada (Paul Martin đã thừa kế một cuộc tranh cãi nảy lửa về ngân sách Đảng Tự do từ thời Jean còn là Thủ tướng).

Dĩ nhiên, tất cả cáo buộc đó đều rất vô lý, nhưng tôi nghĩ Gordon có thể đã thực sự tin như vậy. Hay đó có thể là một cái cớ tinh vi. Tôi không thể biết được. Nhưng những điều mà ông ấy đã nói mở đầu cuộc họp đã khiến tôi kinh ngạc. Ông ấy bắt đầu cuộc trò chuyện không phải bằng vấn đề lương hưu, mà bằng cách nói rằng các khoản vay kể trên đã gây ra những tổn hại như thế nào, rằng ông ấy có thể sẽ phải yêu cầu một cuộc điều tra của NEC. Tôi đáp lại một cách tự nhiên rằng, điều đó sẽ vô cùng tai hại và khiến vấn đề bùng phát mạnh hơn và chẳng có lý do gì khiến ông ấy làm vậy.

Không khí gần như đóng băng, rồi sau đó đột nhiên ông ấy lên tiếng: “Thôi được rồi, mọi chuyện phụ thuộc vào buổi họp chiều nay. Nếu tôi đồng ý xếp lại những đề xuất của Turner, ông ấy sẽ không làm vậy, còn nếu không thì ông ta quyết làm đến cùng.

Tôi còn nhớ đã có một mẫu giấy trên bàn tôi với một đoạn dịch khá kỳ lạ về khẩu hiệu của Trung đoàn Hoàng gia Ireland “Faugh a ballagh”, nghĩa là “Dẹp đường”. Tôi đã nhìn thấy chúng ở Phố Downing khi họ chuẩn bị họp nhất và hoàn thành xong nhiệm vụ ở Bắc Ireland sau tiến trình hòa bình. Chúng tôi đã từng nói đùa rằng tôi có thể sử dụng khẩu hiệu của họ trong các phiên chất vấn Thủ tướng. Trong trường hợp này, tôi đã không có cơ hội làm thế.

Đột nhiên nhìn thấy nó, Gordon với tay lấy nó và nói: “Đó là điều ông nên làm – hãy dẹp đường đi!”

Đó là điều chẳng dễ chịu gì. Có những thứ cần được giữ kín trong căn phòng đó và trong hồi ức của chúng tôi. Ông ấy cảm thấy tôi đang hủy hoại những gì ông ấy được kế thừa và tôi cảm thấy ông ấy sẽ hủy hoại di sản của tôi. Ông ấy tin rằng chính sách này là sai trái, còn tôi cho là đúng đắn. Ông ấy đe dọa, còn tôi thì coi khinh nó.

Sau đó chúng tôi nhóm họp với John Hutton về vấn đề lương hưu vào lúc 4 giờ. Tại cuộc họp, tôi khẳng định rằng đề xuất của Turner là đúng đắn. Cuộc họp kết thúc vào khoảng 5 giờ. 6 giờ, Jack Dromey ra tuyên bố cần phải có một cuộc điều tra. Tôi thực sự không biết liệu Gordon có xúi Jack làm thế hay không. Gordon chối rằng chưa từng nói chuyện với Jack nhưng tôi thực sự không tin rằng ông ấy muốn chứng kiến những hậu quả không mong đợi mà cuộc điều tra mang lại. Nó đã khiến đảng của tôi phải gánh chịu những tổn thất to lớn. Nó đã khiến uy tín của đảng và của cả cá nhân tôi giảm sút mỗi khi được khơi gợi lại. Trớ trêu thay khi chương trình nghị sự chính sách đang tiến triển, mọi việc diễn ra như thể chúng tôi sắp chết đuối.

Sau sự kiện đó, tôi và Gordon bước sang một mối quan hệ khác: hình thức, thậm chí thân thiện, nhưng tôi không thể quên được những điều đã xảy ra và cảm thấy khó có thể tha thứ. Tôi cũng cảm thấy buồn vì điều đó; không đơn giản là vì những nguyên nhân rõ ràng, mà bởi vì nó chứng tỏ khía cạnh thực sự xấu xa của chính trị. Ở chừng mực nào đó, nó có thể buộc người ta làm những điều thực sự không nên làm, như những vết dơ không thể nào gột rửa được.

Do đó, đến tháng 9 năm 2006, khi sự việc này đã xảy ra được vài tháng, cứ cách vài tuần lại bùng phát một số “tiết lộ” mới hay thông tin rò rỉ từ cuộc điều tra, và vấn đề Lebanon, những phần “nổi loạn” về chương trình cải cách, kết hợp với 9 năm tại nhiệm, hoàn toàn không bất ngờ khi các nghị sỹ PLP hà khắc hơn. Có thể tha thứ cho thái độ đó của họ khi nghĩ rằng vị lãnh đạo của mình không phải là tài sản số 1.

Mặc dù trong suốt thời gian diễn ra cuộc điều tra, chúng tôi đã tụt lại phía sau trong các đợt thăm dò dư luận và đây là lần thứ hai kể từ năm 1997 (lần đầu tiên là trong cuộc khủng hoảng nhiên liệu) – nhưng cuộc thăm dò dư luận không tệ như vẻ ngoài của nó. Chúng tôi mất vài điểm nhưng tôi đã bắt đầu hiểu David Cameron. Tôi có thể cảm giác rằng ông ta không những không chắc mình có thể thay đổi được đảng của mình bao nhiêu, mà còn không biết muốn làm

việc đó ở mức độ nào. Tôi nghĩ các lập trường chính sách của họ không ổn định, đặc biệt là về vấn đề luật lệ và châu Âu, do đó chiến lược của tôi là phải tiến lên phía trước, liên tục thách thức họ, khiến họ phải tăng tốc để bám sát chúng tôi hoặc tụt lại phía sau, hoặc chuyển hướng sang hướng khác. David là một người thông minh và thân thiện với người dân và tôi nghĩ ông ta cũng khá cứng cỏi, tuy nhiên chưa trải qua thời gian học việc khó khăn nhưng vô cùng bổ ích mà tôi đã được tôi luyện trong những năm 1980 và đầu những năm 90. Tôi đã mài giũa kỹ năng lãnh đạo và bản năng của mình. Ông ấy thì chưa. Ông ấy có kỹ năng và bản năng, nhưng vẫn còn thô và chưa sắc bén.

Sau khi đi nghỉ về, tôi đã đến Balmoral cho dịp cuối tuần thường lệ để gặp Nữ hoàng. Trong thời gian này, đã xảy ra vụ đâm máy bay Nimrod chết người ở Afghanistan làm 14 quan chức quân sự tử nạn. Chiến dịch trong đó chiếc máy bay bị đâm – chiến dịch Medusa – là một cú đánh trời giáng đối với các lãnh đạo của Taliban, mang lại một chiến thắng oanh liệt về mặt tâm lý đối với chúng tôi. Họ đã phải chịu rất nhiều thương vong.

Đã có những mối quan tâm mới dành cho Afghanistan trong giai đoạn 2005 và 2006. Người ta cho rằng mọi người đã rời mắt khỏi Afghanistan vì vấn đề Iraq, nhưng thực tế không phải vậy, hoặc ít nhất cũng là về phía người Anh. Trong những giai đoạn khốc liệt nhất ở Iraq, chúng tôi vẫn kiên quyết lập lại sự ổn định cho đất nước này. Các cuộc bầu cử năm 2004 đã thành công. Do tình hình an ninh trở nên khó khăn hơn, nên vào mùa hè năm 2005, chúng tôi đã bắt đầu chuẩn bị đảm đương nhiệm vụ lãnh đạo ở miền Nam đất nước, nơi lực lượng Taliban vẫn đóng vai trò chính yếu và ma túy vẫn là nguồn thu nhập chính của người dân Afghanistan. Trên thực tế, những nhà lãnh đạo quân sự quá chán nản với những giới hạn đặt ra cho hành động của chúng tôi ở Iraq, ngày càng muốn chuyển trọng tâm từ Iraq sang Afghanistan.

Vào tháng 9 năm 2005, John Reid đã gửi cho tôi một tin nhắn nói về việc xin 9 tháng chuẩn bị triển khai quân đội Anh đến tỉnh Helmand. Việc trao đổi tin nhắn và thư từ, các cuộc họp, hội thảo tiếp tục diễn ra trong những tháng cuối năm 2005 và sang cả năm 2006. Chúng tôi đã nhất trí về nguyên tắc trong việc triển khai quân. Nhưng như John đã chỉ ra, đó sẽ là một nhiệm vụ khó khăn và nguy hiểm. Lực lượng Taliban sẽ tấn công quyết liệt để giữ vùng lãnh thổ mà chúng tôi chưa bao giờ có thể giành giật được với họ. Sẽ có những đợt tấn công tự sát vào lực lượng của chúng tôi.

Chúng tôi đã tổ chức một hội nghị về Afghanistan ở London vào tháng 2 do Kofi Annan và tôi đồng chủ trì. Tại hội nghị này, người ta thấy rõ quy mô của thách thức trong việc xây dựng năng lực dân sự và quân sự, xây dựng đất nước và đem lại cho người Afghan những hy vọng chắc chắn rằng họ sẽ có một nền dân chủ ổn định trong tương lai.

Ở cả Iraq và Afghanistan, kẻ thù xác định rất rõ sự quan trọng của cuộc chiến mà chúng tôi đã tham gia. Cố nhiên, tất cả đều được đeo mặt nạ là cuộc chiến chống lại thế lực xâm lược phương Tây, nhưng họ đã bỏ qua thực tế rằng:

- đã có một nghị quyết của Liên Hợp Quốc cho phép sự hiện diện của các lực lượng như vậy,
- đã có các cuộc bầu cử ở cả hai nước, thành lập ra các Chính phủ muốn có sự hiện diện của các lực lượng như vậy,
- hơn hết, lý do duy nhất cho sự hiện diện của chúng tôi là chiến dịch khủng bố của họ. Nếu họ dừng lại, chúng tôi sẽ rút quân ngay lập tức.

Dĩ nhiên, họ biết rõ điều này. Nỗi lo ngại thực sự của họ chính xác là để người dân quyết định kết quả, bởi vì hiển nhiên khi kết quả là sản phẩm của việc tự do quyết định, nó sẽ chống lại sự cuồng tín và ủng hộ hiện đại hóa. Khi Zahir Shah, vị vua cuối cùng của Afghanistan (người đã có chuyến thăm cấp Nhà nước tới Vương quốc Anh năm 1971), qua đời ở tuổi 92, tháng 7 năm 2007, chúng tôi đã nhớ lại những gì xảy ra vào những năm 1960 và 70, Afghanistan đã là một dân tộc đang đà đi lên, với GDP trên đầu người bằng Hàn Quốc.

Trong khi họ có quan điểm rõ ràng về tầm quan trọng của cuộc chiến vì lý tưởng của mình thì dư luận phương Tây ngày càng tỏ ra mù mờ trước lý do chúng tôi hiện diện ở Afghanistan, họ đặt ra nghi vấn là liệu điều đó có đáng không. Một lần nữa, mọi người lại đồng hóa cuộc chiến này với chiến tranh truyền thống cân xứng, khi đã có bằng chứng hiển nhiên rằng đây là cuộc chiến phi truyền thống không cân xứng. Chúng tôi đã tham gia vào một quá trình xây dựng đất nước dài kỳ vì an ninh của cả chúng tôi lẫn đất nước họ. Đó là cách thể giới vận hành trong đầu thế kỷ XXI. Các cuộc chiến, các hệ tư tưởng, các cấu trúc quyền lực của thế kỷ XX dường như vẫn còn phát huy tác dụng trong kỷ nguyên mới. Không ngạc nhiên khi tâm thức mọi người vẫn chậm thích nghi.

Do đó, một chủ đề thường xuyên được nói tới và nhắc đi nhắc lại trong năm 2006 là việc tăng cường các nỗ lực ở Afghanistan. Tôi đã lo lắng về việc đó và không chắc liệu chúng tôi đã thực hiện quá trình lãnh đạo dân sự ở Iraq đúng đắn chưa và sợ rằng dù quân đội của chúng tôi đã lên kế hoạch hoàn hảo cho sự đóng góp của mình và chưa rõ liệu sự nhiệt tình của chúng tôi có được chia sẻ không, ít nhất là ở bên ngoài nước Mỹ.

Đầu óc của tôi ngập trong những việc này và những thách thức trong nước. Vào cuối tháng 8, chỉ trước khi tôi đến Balmoral và với những tranh luận được sắp đặt cẩn thận về việc khi nào tôi sẽ xác định ngày ra đi, tôi quyết định tổ chức một cuộc phỏng vấn. Chắc hẳn bạn sẽ nghĩ rằng tôi đã học được nhiều điều cho đến thời điểm đó. Một quy tắc về việc trả lời phỏng vấn đó là: đừng bao giờ trả lời nếu không biết kết quả của những câu hỏi rõ ràng. Nghe thì có vẻ đơn giản, nhưng thật ngạc nhiên khi có rất nhiều lần một chuyên gia dày dặn kinh nghiệm và đầy ắp ý tưởng, hết sức tập trung vào việc dẫn dắt và định hình câu chuyện muốn nói, vẫn không thể chú tâm vào việc trả lời một câu hỏi được hỏi.

Người ta chắc chắn sẽ hỏi tôi rằng: Ông đã định ngày ra đi chưa? Giờ đây, phải nói thực rằng, tôi đã quyết định rằng nhiều khả năng đại hội đảng năm 2006 sẽ là hội nghị cuối cùng của tôi. Nếu có thêm thời gian tôi có thể sẽ tiếp tục, nhưng tôi nhận thấy tất cả đã kết thúc và những người thân cận của Gordon mỗi ngày một táo bạo hơn. Nếu tôi thông báo về việc ra đi của mình tại đại hội đảng vào cuối tháng 9 thì đó sẽ là một điều ngạc nhiên và cần phải có sự chắc chắn. Trước đó, tôi đã khá miễn cưỡng khi thực hiện việc này, do đó tôi không trả lời phỏng vấn, ít nhất là không trả lời trước khi tính toán cẩn thận việc tôi nên tránh né các câu hỏi thể nào.

Mặc dù vậy, tâm trí tôi vẫn đầy ắp các ý nghĩ về việc làm thế nào để có thể duy trì được đường lối của Đảng Lao động mới, loại bỏ được sự phản đối trong vấn đề này, hay khiến đảng đối mặt với một câu hỏi thẳng thắn là “thay đổi để làm gì” trước khi quyết định thay đổi, có lẽ, ở đâu đó trong tâm trí mình, tôi nghĩ nếu mình có thể được tự do hành động, thì sau đó ai biết được điều gì có thể xảy ra. Chính trị là một lĩnh vực luôn vận động đến chóng mặt. Thực ra tôi đã quyết định rồi nhưng chỉ muốn kiểm soát thông báo của mình mà thôi.

Tôi đã có cuộc trả lời phỏng vấn tờ Times tại Chequers vào cuối tháng 8. Phil Webster, người tôi luôn quý mến và thẳng thắn, đã phỏng vấn tôi. Anh ta rất công tâm và có những câu hỏi rất rõ ràng.

Sau cuộc bầu cử năm 2005, người ta đã đưa ra một cách thức hơi lố bịch, đó là “một sự chuyển giao ổn định và có trật tự”, hàm ý của việc “trao quyền lực cho Gordon”. Thực tế, đó là một cách thức sai lầm. Lẽ ra không nên có một giả định nào, thay vào đó là một cuộc tranh luận và một cuộc bầu cử. Nhưng ít người muốn có một cuộc tranh luận và còn ít người hơn muốn có một cuộc bầu cử, do đó nó trở thành một cách thức được mọi người tán thành.

Một phần của cái gọi là “chuyển giao có trật tự” đó là tôi đã định ra ngày ra đi. Giờ đây, rõ ràng ở một chừng mực nào đó, tôi sẽ phải làm như vậy. Gordon, dĩ nhiên nghi ngờ về động cơ và hành động của tôi, đã ra sức thúc đẩy đến ngày đó và cho rằng, đó sẽ là đại hội đảng.

Khi tôi trả lời câu hỏi mà Phil đưa ra, tôi đã không vòng quanh tránh né điều tôi nên làm, mà

nói rằng: Không, tôi chưa định ngày.

Tôi cũng bị tác động rất mạnh bởi một bức thư ngắn rất ấn tượng của Andrew Adonis viết cho tôi từ kỳ nghỉ hè. Nó quá hay nên tôi xin trích dẫn đầy đủ dưới đây.

“Thư cá nhân cho Thủ tướng từ A.A – Thứ hai, ngày 21 tháng 8.

Tôi nghĩ mình phải góp ý với suy nghĩ của ông về Vấn đề Lớn, cho dù chỉ cần phải nói đến hai điều mà chúng ta chẳng lạ gì – đó là a) một khi ngài đã “xác định ngày cụ thể”, quyền hạn của ngài sẽ giảm sút nhanh chóng và rồi ngài sẽ sớm nhận được những lời kêu gọi nên ra đi sớm hơn để kết thúc “thời kỳ chuyển giao”; b) theo tôi, thì công chúng rất muốn ngài tiếp tục tại nhiệm cho tới đại hội năm 2007 và có thể sang cả năm 2008 tùy thuộc vào tình hình mùa hè sau.

Quyền hạn của ngài trong Chính phủ có vẻ thừa đủ để làm việc này, nhờ chương trình nghị sự mạnh mẽ cho tương lai đánh dấu sự trở lại của ngài và tại đại hội. Trái lại, sự kế nhiệm của GB (cho dù ông ta có nỗ lực như thế nào để thu hồi lại mọi thứ khi ông ta kế nhiệm) giờ đây rõ ràng có liên quan tới sự chuyển hướng sang “thỏa hiệp mọi thứ với cánh tả”, căn cứ vào việc tạo phe cánh và lực lượng mà ông ta đã nuôi dưỡng. Nếu được kế nhiệm, thời kỳ lãnh đạo của ông ta có vẻ sẽ là “một trường đoạn yếu” xen giữa ông và Cameron.

Ngoài ra còn có hai vấn đề nữa – về những điều hảo huyền của cái gọi là “ra đi trong danh dự” và “chuyển giao có trật tự”; và làm thế nào để tái nắm bắt sáng kiến.

Tôi đã dành trọn một ngày nghỉ để đi dạo một mình và nhớ lại sự thay đổi các đời Thủ tướng trong một thế kỷ qua và rút ra được ba kết luận sau:

1. Không có cái gọi là “ra đi trong danh dự” và “chuyển giao có trật tự” – chỉ đơn giản là ra đi và chuyển giao quyền lực, tất cả dù ít dù nhiều đều thể hiện rõ sự xơ xác tẻ nhạt và đầy nổi thất vọng. Đó là cuộc sống, tôi cho là như thế.

2. Những vị Thủ tướng thành công hơn cả đều rời Số 10 phố Downing với những sự chuyển giao kém “trang trọng” và “lộn xộn” nhất. Gladstone, Lloyd George, Churchill, Macmillan và Thatcher, tất cả đều sở hữu khát khao hướng tới quyền lực đến tận phút cuối cùng. Nếu từng lên kế hoạch cho một sự ra đi “được rải thảm đỏ” thì họ sẽ là những nhà lãnh đạo kém ưu tú hơn và kém thành công hơn. Trái lại, ba vị Thủ tướng có thời gian tại vị khá dài đã tiến hành một bước chuyển giao “trong danh dự” và “trật tự” là Wilson, Baldwin và Salisbury – họ vất kiệt dần nghị lực và mục đích, danh tiếng và những di sản tai hại không được cải thiện nhờ sự tiến đưa tôn kính và ầm áp khi về nghỉ (Attlee là một trường hợp bí ẩn nhất từ trước tới nay).

3. Một trường hợp gần giống trường hợp của ngài nhất là Harold Macmillan vào mùa hè năm 1963. Thật kỳ lạ là lại có nhiều nét tương đồng giữa ngài và Macmillan đến vậy. Macmillan cũng là một Thủ tướng rất thành công và có một thời gian dài tại nhiệm, một nhà hiện đại hóa ở miền Trung Anh, ý thức được sự thay đổi mạnh mẽ và rộng khắp đối với đảng của ông ta, đất nước và quan hệ quốc tế. Nhưng những thành công đối nội của ông ấy sớm bị người ta coi đó là điều đương nhiên. Vào mùa hè năm 1963, khi cuộc bầu cử cận kề, ông ấy bị nhấn chìm bởi vụ Profumo 30, bởi sự oán hận của những người bị sa thải và bất bình, bởi sự la hét của giới truyền thông đòi tìm một “nhân vật mới” nhằm đánh bại Wilson. Sau nhiều tháng lung lay vì vụ Profumo và các sự kiện nhỏ đáng quên khác, qua lời khuyên của bạn bè, ông ấy đã quyết định ở lại và chiến đấu trong cuộc bầu cử sắp tới. Thực tế, đúng vào thời điểm này, ông đã ký kết được Hiệp ước Cấm thử Vũ khí tuyệt vời với JFK (John Fitzgerald Kennedy) sau những chính sách đối ngoại đáng thất vọng trong nhiều năm (chủ nghĩa a-pác-thai ở Nam Phi và Rhodesia; lời nói “không” đầu tiên của de Gaulle, v.v...). Nội các lại ủng hộ ông ấy, với niềm tin rằng ông sẽ tái đắc cử – nhưng sau đó, trước đại hội của Đảng Bảo thủ, ông ấy đã bị căn bệnh nghi là có liên quan tới tuyến tiền liệt chết người hạ gục. Và phần còn lại của câu chuyện là lịch sử: ông ấy phải từ chức trong áp lực và “nhân vật mới” – Ngài Alec Douglas-Home Wilson thắng cử một

năm sau đó với số phiếu chênh lệch rất ít... và Macmillan phải hối tiếc trong 23 năm sau.

Làm thế nào để sử dụng sáng kiến này một cách kiên định?

Trên mặt trận đối nội, tôi nghĩ ngài cần thông báo trước tiến trình cải cách ở giai đoạn kế tiếp, tiến trình mà ngài sẽ chỉ đạo. Cách tốt nhất để làm điều này theo tôi là đặt bản thân ngài vào vị trí lãnh đạo tiến trình cải cách bán công khai kế tiếp, để đưa tiến trình này vận hành bên cạnh chương trình Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp (CSR) – và thông báo ngài sẽ làm như vậy trong tháng tới, để kết thúc Kế hoạch 5 năm mới cùng với CSR năm sau. Trong thời gian lãnh đạo của ngài, tiến trình này không hề có những dấu hiệu bất khả thi – một “chương trình nghị sự mới” – mà trái lại còn là một chương trình nghị sự được đổi mới và đào sâu (hướng tới tăng cường sự lựa chọn và chất lượng trong dịch vụ công; quyền và trách nhiệm trong trật tự công cộng và phúc lợi xã hội). Thực tế, chương trình này đã đạt được những thành công lớn, được những dư luận trung lập và những nhà bình luận hiểu biết xem là sản phẩm của ngài và là nhu cầu bức thiết và lâu dài của dân tộc – được so sánh ngang hàng với chương trình tư nhân hóa, cải cách nghiệp đoàn và thị trường lao động trong những năm 1980 và chương trình tự do hóa kinh tế “một dân tộc” của Macmillan. Đó chính xác là chương trình cải cách có ý nghĩa sống còn và liên tục, nhưng sẽ bị đình trệ nếu ngài từ chức vào năm tới. Dư luận trung lập hiểu rõ vai trò của ngài trong chương trình này cho dù có phàn nàn về các vấn đề khác.

Tôi có thể nhanh chóng phác thảo “kế hoạch cải cách này” chi tiết hơn, trên cơ sở những gì đã được tiến hành hay cần được tiến hành. Nhưng để cho ra đời một kế hoạch giá trị hơn, tôi cho rằng cần tập hợp một nhóm những người đáng tin cậy, đã được ngài phân công đảm trách các nhiệm vụ trong các lĩnh vực như giáo dục, y tế, an sinh xã hội và Bộ Nội vụ trong những năm gần đây, để xây dựng một kế hoạch càng sớm càng tốt nhằm phát triển thành chiến lược trong phạm vi nội bộ trong tương lai gần.

Hy vọng những ý kiến trên đây của tôi có thể giúp ngài được ít nhiều”.

Andrew

Do đó, có lẽ theo tiềm thức, tôi đã có câu trả lời dứt khoát hơn dự định đối với câu hỏi của Phil Webster. Nhưng dòng títt giật gân trên báo với nội dung: “BLAIR THÁCH THỨC ĐẢNG CỦA ÔNG TA VỀ NGÀY RA ĐI”, cứ như thể gán cho tôi việc chống lại đảng mình, thay đổi quan điểm và rồi lại quyết định ở lại. Ngay khi bài báo được đăng tải, tôi đã gọi cho Gordon để đảm bảo với ông ta rằng, tôi không có ý định tiếp tục vị trí Thủ tướng cho tới hết nhiệm kỳ. Mặc dù vậy, ông ấy và có lẽ cụ thể hơn là phe của ông ấy đã cho rằng họ có thể sắp bị “cướp” một lần nữa và tốt hơn là nên bắt đầu cuộc chiến.

Vậy là, một cuộc “đảo chính” bắt đầu. Thực chất là họ quyết định tạo ra các làn sóng thư đòi tôi từ chức. Lần đầu tiên biết về một lá thư như thế là khi chúng tôi đến thăm một trung tâm chăm sóc thanh thiếu niên và trẻ em có vấn đề ở York vào ngày 4 tháng 9. Qua những chuyến thăm như thế, tôi nhận ra rằng tôi đã may mắn như thế nào, cả khi là một đứa trẻ lẫn khi đã là bậc cha mẹ. Một số câu chuyện xoay quanh những đứa trẻ này thật sự kinh khủng. Chẳng hạn như cha bỏ đi, mẹ tái hôn với người khác và người chồng mới không đối xử tốt với con riêng của vợ và cuối cùng đã quăng đứa trẻ ra đường. Thật không thể tin được. Dĩ nhiên cũng có một số thiếu niên có những vấn đề về hành vi nghiêm trọng đáng báo động và điều đó có thể khiến cha mẹ chúng không chịu được; nhưng dù vậy thì tất cả câu chuyện này đều gây sốc.

Đây là một dạng nhà nuôi dưỡng trẻ mới, giúp đỡ, đào tạo, giáo dục và dạy trẻ những kỹ năng và cách ứng xử cá nhân. Đó là một công việc đầy thách thức và nhờ các chuyến thăm như vậy, tôi cảm thấy vô cùng nể phục sự kiên nhẫn và gắn bó của những người điều hành nơi này. Tôi chắc chắn mình sẽ không thích làm việc đó. Nơi đây cần những người vô cùng đặc biệt và tận tụy. Chúng tôi đã đưa một số em đi cùng đến trụ sở của Quỹ Joseph Rowntree, nơi chúng tôi tổ chức một buổi hội thảo và có một cuộc gặp với một số nhân viên của quỹ để chuẩn bị cho một bài giảng về rào cản xã hội mà tôi sẽ trình bày ở Hội chợ dân gian New Earswick tại York vào

ngày hôm sau.

Bạn luôn có thể tìm thấy những mặt khô hài ở những việc như vậy. Khi đang thăm làng trẻ, nói chuyện với thanh thiếu niên về việc tìm việc làm, sống một cuộc sống có mục đích v.v..., thì đột nhiên tôi bị Hilary Coffman, người tháp tùng tôi với tư cách là cán bộ báo chí cho những chuyến thăm địa phương cấp thấp, kéo ra ngoài và thông báo có một lá thư của 30 hay 40 Nghị sỹ Quốc hội đề nghị tôi từ chức. Kể từ thời điểm đó, chuyến thăm luôn bị đan xen bởi những tin tức cập nhật từ phía các nhân viên về sự bấp bênh của chính “nghề nghiệp của tôi”. Nực cười là chốc chốc tôi lại ra ngoài để nghe những tin tức nghiêm trọng này, rồi lại trở lại nói với Charlene hay Robert về các khả năng tìm kiếm việc làm.

Cuối cùng, khiến mọi người ở cuộc gặp khá kinh ngạc, tôi phải dành thời gian để đánh giá những gì đang xảy ra. Bức thư đã bị rò rỉ cho giới truyền thông. Và hơn thế, Bộ trưởng Tom Watson là người ký tên. Tôi không cảm thấy bức tức vì lá thư này. Tôi hiểu đó là phản ứng trước cuộc phỏng vấn của tờ The Time và đó là dấu hiệu cho thấy phe của GB đã hết chịu nổi.

Tôi cảm thấy buồn cho đảng của mình và ít hay nhiều tâm trạng đó cũng không thay đổi cho tới thời điểm tôi ra đi. Đến lúc đó, tôi đi đến quan điểm rõ ràng và dứt khoát rằng nếu Gordon không giải thích xem mình đi theo hướng Lao động mới hay đi theo hướng khác – và xác định hướng đi – thì sẽ xảy ra một thảm họa. Phải mất một thời gian sau tôi mới biết được điều đó. Ngay cả những người thực sự thông minh, biết rõ cả hai chúng tôi, như Philip và Alastair, đều nghĩ tình hình sẽ ổn, do đó những thành viên bình thường của Đảng Lao động Nghị viện PLP có thể không chắc về việc đó. Dĩ nhiên, một số người, như John Reid và Alan Milburn của đảng và Jonanthan cùng Sally ở văn phòng của tôi, biết rõ từ đầu rằng nếu Gordon không theo đường lối Lao động mới thì chúng tôi sẽ phó mặc số phận cho Đảng Bảo thủ. Nếu Đảng Bảo thủ không đương đầu được với thử thách, chúng tôi sẽ tồn tại. Trái lại, chúng tôi sẽ thất bại.

Gordon là một người kỳ lạ. Nhưng cuối cùng tôi hiểu ra rằng, đó không phải là vấn đề cơ bản. (Sự kỳ lạ đó có nét quyến rũ của nó). Ông ấy cơ bản không hiểu sức hấp dẫn của Lao động mới, ngoài một cuộc bỏ phiếu “chiến lược”, cách chiến thắng trong kỳ bầu cử. Ông ấy có thể nhận thấy rằng đảng hoạt động hiệu quả, nhưng không hiểu vì sao lại như vậy. Ông ấy có thể hiểu các chính sách chi tiết của đảng, nhưng không hiểu sự hấp dẫn về mặt cảm xúc của nó.

Do đó, trong tất cả các cuộc họp và tiếp xúc liên tiếp diễn ra sau cuộc bầu cử năm 2005, tôi có thể nói rằng ông ấy nghĩ tất cả các nỗ lực thảo luận về chính sách của tôi đều là các mảnh khoe và là công cụ kéo dài thời gian. Mỗi lần như thế, Gordon sẽ lại vận động cho ngày ra đi của tôi; và tôi sẽ nói: Ô, ông sẽ theo đuổi hướng đi nào cho chính sách? Và ông ấy sẽ xem điều đó là sự thiếu trung thực hay cố tìm có để trì hoãn của tôi. Hoặc ông ấy sẽ nói rằng: ông làm điều đó vì di sản của ông, chứ không có lợi gì cho tôi cả; và tôi đáp lại: nhưng nếu chính sách đó đúng đắn – về vấn đề các học viện hay cải cách Dịch vụ Y tế Quốc gia (NHS) hay chứng minh thư – nếu chúng ta thực hiện các chính sách này thì điều đó sẽ có lợi cho ông. Dù gì đi nữa thì, Gordon luôn nhìn nhận mọi việc theo cách hoàn toàn trái ngược.

Tôi biết tất cả những điều này đang dẫn tới đâu. Đảng của tôi, hay một bộ phận lớn của đảng, đều khẳng khái phải có sự thay đổi. Thực tế, tôi không thể trụ lại qua giữa năm 2007, mà không có một “cuộc chiến” có thể được coi là sự kết thúc của Chính phủ. Tôi có cảm giác rằng sự ra đi của tôi và sự kế nhiệm của Gordon cũng có thể là sự kết thúc cho Chính phủ. Nhưng cuối cùng, tôi thấy điều quan trọng hơn cho sự tồn tại của dự án Lao động mới đó là nếu có kết thúc thì là do Gordon từ bỏ Lao động mới, chứ không phải do tôi khẳng khái ở lại. Nhưng cần làm rõ điều đó với ai? Và rõ như thế nào? Đó là những câu hỏi hay và tôi không thể tự trả lời được.

Đến thời điểm này, tôi không thể ở lại đến năm 2008. Giới truyền thông, tờ Mail, Telegraph, Guardian, Independen, Mirror và thực tế thêm cả BBC nữa – rất dứt khoát: họ muốn gạt tôi ra và đưa ông ấy vào, với lý do khá giống m đảng, ít nhất cũng là bộ phận cánh tả trong giới

truyền thông, cho đến lúc đó. Bộ phận cánh hữu muốn tôi ra đi vì lý do khác nữa. Các tờ báo của Rupert Murdoch vẫn có vẻ ủng hộ chúng tôi, nhưng ngay cả ông ta, tuy không thúc giục tôi đi nhưng vẫn nghĩ rằng sẽ là hành động đúng đắn nếu tôi làm như thế và tạo điều kiện cho Gordon.

Do đó, tôi biết rằng việc tôi ở lại có những lý do chủ quan tốt cho đảng và hơn nữa cho đất nước. Tôi thành thực nghĩ rằng mình có một chương trình nghị sự đúng đắn cho tương lai của nước Anh, còn Gordon thì không. Nhưng, theo cách thỉnh thoảng vẫn xảy ra trong chính trị, đó là tất cả đều bị cuốn phăng bởi sự vội vã muốn thay đổi.

Trở lại London sau khi thuyết trình ở York vào ngày 5 tháng 9, tôi đã tập hợp những nhân vật chủ chốt và tìm lời khuyên từ Alastair, Anji, Peter và những cộng sự thân cận khác. Ngày hôm sau tôi gặp Gordon. Chúng tôi đã ngồi ở sân thượng tòa nhà Số 10 phố Downing, địa điểm họp ưa thích của tôi khi thời tiết đẹp. Chúng tôi đã có một cuộc trò chuyện mà đã bắt đầu từ vài năm trước, một cuộc trò chuyện diễn ra ở hai cấp độ, một người nói; một người không. Cả hai đều rõ ràng như nhau.

Ông ấy cho biết, trên thực tế, có những bức thư khác sắp được gửi tới. Ông ấy nói: “Tôi chẳng biết gì về chi tiết của vụ việc này và chẳng dính dáng gì đến chúng”. Nhưng thực ra trong thâm tâm ông ấy nghĩ: Ông chẳng cho tôi sự lựa chọn nào khác. Đơn giản là tôi không tin rằng ông sẽ cam tâm ra đi.

Đến lượt tôi: “Tôi sẽ tuyên bố rõ ràng rằng đại hội lần này sẽ là đại hội cuối cùng của tôi”. Tôi nghĩ: “Ông đã ép tôi quá đáng và tôi sẽ vạch mặt sự đảo chính của ông”.

Ông ấy tranh cãi rằng ngày ra đi của tôi quá mập mờ; nhưng tôi cũng kiên quyết không đưa ra thời gian chính xác lúc đó. Nếu làm như vậy, tôi sẽ bị đẩy ra chỉ trong vòng vài tuần. Đó sẽ là một cuộc đấu tranh để tồn tại trong bất kỳ tình huống nào.

Tôi đã rất trấn tĩnh. Một phần trong tôi vẫn cố gắng gào thét rằng mình phải chiến đấu chống lại ông ta, nhưng rồi tôi nói không thể làm thế. Chúng tôi sẽ phải vui lòng để điều này xảy ra. Chúng tôi sẽ phải tận dụng thời gian để triển khai những cải cách chưa được thực hiện và vạch ra một chương trình tương lai rõ ràng và trí tuệ. Hơn hết, chúng tôi phải giữ cho ngọn đuốc của Lao động mới tiếp tục cháy sáng. Tôi thấy rằng 90% khả năng ông ấy sẽ lên kế nhiệm. Tôi nhất trí rằng ông ấy sẽ không thành công. Mặc dù vậy, quan trọng là không thể lên án tôi đã không giữ chữ tín với ông ấy.

Tom Watson đã được nghị viên phụ trách tổ chức đề nghị bỏ tên ông ấy khỏi bức thư kêu gọi tôi từ chức và tự từ chức khỏi Chính phủ. Tin về việc Tom Watson từ chức đã được giới truyền thông đăng tải. Tôi đã phản ứng khá mạnh tay với ông ta.

Tôi vừa nghe tin từ báo chí rằng Tom Watson từ chức. Tôi đã định sa thải ông ta nhưng muốn nói chuyện với ông ta trước. Ông ta đến nói chuyện riêng với tôi và bày tỏ quan điểm về lãnh đạo là một chuyện, nhưng việc ký vào lá thư tập thể đòi tôi từ chức, lá thư mà sau đó đã bị rò rỉ cho báo chí, đúng là thể hiện sự thiếu trung thành, khiếm nhã và sai trái. Vì vậy, ông ta không thể tiếp tục ở trong Chính phủ được nữa.

Việc này có vẻ hơi tàn bạo và không thường xuyên xảy ra, nhưng vào lúc đó tôi cảm thấy ông ta đáng bị như thế. Sau này tôi có cảm thấy tiếc cho ông ta và tiếc vì điều tôi đã làm. Còn nhiều nhân vật trẻ hơn, những người đáng ra phải ủng hộ tích cực – Chris Bryant, Siôn Simon và một số người khác – chỉ là không suy tính mọi việc thấu đáo. Họ chẳng thích thú hay hào hứng gì lắm với việc thay đổi lãnh đạo hay góp phần vào tất cả việc đó. Họ thực sự không có tà tâm gì trong chuyện đó. Họ chỉ nghĩ việc tôi bị thay thế đơn giản là đúng – và do đó cần phải làm thế vào một thời điểm nào đó trước kỳ bầu cử thứ tư. Nhưng, như tôi đã nói, thay đổi để làm gì? Đó là điều chưa bao giờ được đào sâu, hay giải thích thỏa đáng, điều cần và phải làm trong một tiến trình ra quyết định chính trị nghiêm túc.

Hôm sau, ngày 7 tháng 9, tôi tìm được cách thoát khỏi tất cả những thứ bực mùi này một cách dễ dàng. Tôi đã đến thăm trường Quintin Kynaston ở St John's Wood. Tôi đã đến đó một lần trước đây trong nhiệm kỳ Thủ tướng của mình và đã dõi theo sự phát triển và thành công của trường. Nữ hiệu trưởng, Jo Shuter, là một người rất hiểu biết và không ngại để tôi có một vài tuyên bố nhân chuyến thăm này. Tôi đã đi cùng Alan Johnson, người luôn trung thành và có sự tháp tùng của ông ấy, tôi luôn cảm thấy việc phát biểu trở nên dễ dàng hơn.

Thực chất, những sự kiện đã diễn ra trong những ngày qua là những tin tức đình đám và chắc chắn người ta có cảm giác rằng, đảng đang biến loạn, Chính phủ đang trong tình trạng lộn xộn còn Thủ tướng đang lâm vào đường cùng. Một số thành viên trong đảng đổ lỗi cho tôi vì không ra đi. Một số người tức giận vì sự thiếu trung thành. Hầu hết đều hoang mang và muốn tất cả dừng lại và càng trang nghiêm càng tốt.

Tôi bắt đầu bài phát biểu bằng cách xin lỗi nhân danh đảng, điều tôi nghĩ là phù hợp. Tôi khẳng định rõ ràng, hiện giờ tôi sẽ không đưa ra ngày ra đi chính xác, nhưng tôi nói đại hội sắp tới của đảng sẽ là đại hội cuối cùng của tôi. Tôi cũng đưa ra cảnh báo đối với những người tin việc kế nhiệm của Gordon là việc tốt rằng hãy chấm dứt suy nghĩ đó. Thật tệ hại khi người ta có ý niệm rằng ông ấy có quyền ngồi vào vị trí này. Tôi chắc rằng công chúng không nhìn nhận mọi việc như thế và dù gần như vị trí Thủ tướng sẽ thuộc về ông ấy, thì họ cũng sẽ phản nộ với bất kỳ ý tưởng nào cho rằng việc này đã hợp pháp rồi. Đảng Lao động phải hiểu rằng công chúng phải là ưu tiên số 1 và lợi ích của đất nước phải được đặt lên hàng đầu. Không thể đối xử với công chúng như thể người qua đường chẳng liên quan gì trong một vấn đề quan trọng như việc lựa chọn Thủ tướng. Do đó, chúng tôi không nên đóng khung điều đó theo cách tự thực hiện việc mà không bàn bạc với ai trong thời gian tới.

Tuyên bố của tôi đã khiến tình hình dịu xuống. Ngày hôm sau, một nhóm người trung lập, những người không tự coi mình là người ủng hộ Brown hay Blair – đã gửi một tuyên bố cho Ann Clwyd, Chủ tịch PLP, hoan nghênh tuyên bố của tôi và khẳng định tôi nên ấn định chính xác ngày ra đi.

Vào cuối tuần, tờ Sunday Times đăng tải câu chuyện Gordon và Tom Watson gặp nhau tại nhà Gordon, trước khi bức thư kêu gọi từ chức được gửi đi. Tôi đã phải kiềm chế những đồng sự của tôi, những người gần như muốn nhảy vào “giết chết” Gordon. Dĩ nhiên, tôi chẳng bao giờ nghi ngờ việc Gordon không chỉ biết rõ sự việc mà còn đứng đằng sau tổ chức nó; mặc dù vậy, tôi quyết định sẽ ra đi theo cách mà không ai có thể nói rằng nó gây mất đoàn kết và nếu họ muốn có một cuộc chuyển giao quyền lực có trật tự cho Gordon, thì sẽ là thế.

Vài ngày sau, tôi có bài phát biểu ở một hội nghị tại London cho tổ chức Progress, tôi rất hy vọng sẽ chuyển đổi tổ chức này thành đội ngũ chuyên gia hoạch định chính sách cho Đảng Lao động mới. Progress có những nhân tài trẻ ủng hộ ý tưởng của chúng tôi. Phe cánh tả có đội ngũ chuyên gia của riêng mình ở Compass, những người mong muốn có sự lãnh đạo theo kiểu Ed Balls/GB. Họ năng động và thông minh, nhưng lại kết hợp với một nền chính trị không hề có triển vọng.

Một trong những khía cạnh tệ nhất trong mô hình hoạt động của GB là hồi sinh lại cơ chế dàn xếp tranh chấp trong các nghiệp đoàn và dàn xếp trước các cuộc biểu tình kiểu cũ. Thành viên của Progress rất chính trực nhưng họ đã nhanh chóng bị lừa gạt bởi một ý tưởng rất hấp dẫn rằng họ phải là một lực lượng thúc đẩy sự đoàn kết ở cấp chính trị và tổ chức, cho dù thực tế tất cả những điều họ cần làm là xây dựng một chương trình nghị sự chính sách vững vàng cho tương lai và không dính dáng gì đến các tổ chức chính trị. Cuối cùng thay vì tìm cách xác định một chương trình nghị sự cho nhà lãnh đạo kế tiếp, thì họ lại trở nên trung lập dưới cái mác của việc thúc đẩy “đoàn kết”.

Như một số người thân cận nhất của tôi nhận định, dưới khía cạnh rộng hơn thì điều này là do lỗi của riêng tôi và do tôi khẳng định rằng không thể ngăn Gordon “trèo lên tới đỉnh”. Tôi sẽ

liên tục nhấn mạnh rằng Lao động mới là một dự án chung của tôi với Gordon, mà ở chừng mực nào đó đã vượt quá sức chịu đựng. Nhưng tôi đã vẫn cố gắng hợp tác với ông ấy trong chương trình này và hy vọng ông ấy sẽ chấp nhận nó, nếu không có điều gì tốt hơn. Những người ở phe cánh tả bối rối là điều dễ hiểu.

Tình thế không thể thay đổi khi quân xúc xắc được gieo, do đó tôi quyết định phát biểu. Nó giải thoát cho tình huống bế tắc này; và phục hồi những cảm giác gấp gáp của chính tôi. Phe GB đã trấn tĩnh trở lại. Họ đã chiến thắng, cho dù họ vẫn còn không tin tưởng lắm và tôi biết họ sẽ tìm cách để nhanh chóng đến ngày tôi ra đi. Người của tôi rất buồn, nhưng không suy sụp. Tôi cũng tự động viên mình và cố gắng hết sức để giữ vững tinh thần cho nhân viên bằng cách truyền sự bình tĩnh và tự tin cho họ.

Sau tuần lễ sóng gió đó, tôi có chuyến công du Beirut và Trung Đông. Khi trở lại Chequers ngày 14 tháng 9, để nghỉ ngơi và vạch ra chiến lược cho phần thời gian tại nhiệm còn lại của mình, tôi đã có nhiều điều để suy nghĩ. Chequers vào tháng 9 luôn là một nơi nghỉ dưỡng lý tưởng. Tháng 9 là thời gian đẹp nhất của năm, do đó tôi dành nhiều thời gian để bách bộ ngoài trời.

Tôi có thói quen đến đây một mình vào các dịp cuối tuần. Tôi sẽ làm việc chăm chỉ vào buổi sáng và tập thể dục vào buổi chiều. Uống một ly rượu mạnh, thưởng thức một bữa tối ngon lành và đi ngủ sớm.

Càng lớn tuổi, bạn càng nên cẩn thận khi sử dụng rượu. Lúc còn trẻ, có lúc bạn có thể uống quá chén, nhưng có những ngày lại không đụng đến một giọt nào. Nhưng dần dần, uống rượu rất dễ trở thành một nhu cầu hàng ngày hay hàng đêm của bạn, để bạn cảm thấy được thư giãn. Nó giải thoát bạn khỏi áp lực. Nó là liều thuốc kích thích, nó giúp bạn trải qua một buổi tối tẻ nhạt và có vai trò nhất định trong cuộc đời bạn.

Sau khi cân nhắc mọi thứ, tôi vẫn không bao giờ biết được, liệu với tôi, rượu a) tốt, vì nó giúp tôi thư giãn, hay b) xấu, bởi đáng ra tôi phải làm việc thay vì thư giãn. Bạn có thể nghĩ rằng a thắng b. Tôi nghĩ rằng việc chạy trốn áp lực và thư giãn là một phần quan trọng trong việc giữ cân bằng, có vẻ rượu có chức năng khá giống các kỳ nghỉ của tôi. Nhưng tôi không bao giờ chắc chắn về điều đó. Tôi tin rằng mình đã kiểm soát được rượu. Mặc dù vậy, thành thực mà nói rằng: nó là một chất gây nghiện khó chữa. Do đó, chúng ta phải sử dụng nó cẩn trọng nhưng đừng bao giờ hiểu nhầm bản chất của nó và trung thực về mối quan hệ của nó với cuộc đời bạn.

Tôi dành vài ngày để chuẩn bị cho bài phát biểu của mình ở đại hội – bài phát biểu cuối cùng tôi trình bày ở Đảng Lao động, tổ chức mà tôi đã lãnh đạo trong hơn hai năm, tính đến thời điểm đó – và cũng phải suy ngẫm và vạch ra kế hoạch cho “cuộc chơi” của mình. Chắc chắn không có gì dễ dàng cả, thậm chí còn nhiều thách thức. Giới truyền thông muốn tôi ra đi sớm hơn, phần vì họ quá nóng ruột trông chờ sự thay đổi, phần vì, nó giống như một môn thể thao, mà họ sốt ruột muốn biết mình có thể giành chiến thắng và đẩy tôi ra sân trước hay không.

Họ cũng biết rằng một mặt tôi sẽ không ra đi tự nguyện, nhưng mặt khác, điều đó liên quan mật thiết đến vận mệnh của tôi và phụ thuộc vào nước cờ của tôi chứ không phải của họ. Chúng tôi có thể xung đột với nhau, soi mói nhau, nhưng tất cả đều diễn ra trên cơ sở bình đẳng. Họ đã nghĩ sẽ tuyệt vời nếu kiểm soát được hành vi của tôi và buộc tôi ra đi.

Và cả đảng của tôi nữa. Họ sẽ chấp nhận sự lãnh đạo của tôi cho đến ngày giờ chính xác lúc tôi ra đi, nhưng sẽ có những lời cáo buộc ngấm ngầm và liên tục về sự ích kỷ rằng tôi ở lại vì lợi ích của bản thân thay vì của họ.

Cũng nảy sinh một vấn đề thực sự về thẩm quyền. Gordon gần như được chỉ định là người kế nhiệm. Ông ta là tương lai, ông ta thu hút mọi người đến với mình. Nếu ông ta không nhất trí về vấn đề gì, thì ngay cả các Bộ trưởng Lao động cũng sẽ cân nhắc lại việc sát cánh cùng tôi, thay vì ủng hộ ông ta. Và mặc dù một khi tôi ra quyết định và ông ta cố gắng hết sức để ủng hộ

tôi, thì người của ông ta vẫn phản kháng dữ dội, có xu hướng phần nộ và kiên quyết làm theo ý mình.

Các nghiệp đoàn, những người cảm thấy họ sắp trở thành trung tâm của mọi việc, tất nhiên là liên quan tới đảng, đã rất tùy tiện. Khi tôi phát biểu ở TUC lần trước, họ đều tỏ ra lịch sự. Chúng tôi đều biết suy nghĩ của nhau, cho dù cũng có những lãnh đạo nghiệp đoàn thực sự chân thành và tử tế – như những lãnh đạo của USDAW (nghiệp đoàn của những lao động làm việc ở các cửa hàng) và Community (nghiệp đoàn của công nhân sắt thép cũ) – những người cảm thấy buồn và lo lắng về sự ra đi của tôi, nhưng các nghiệp đoàn lớn thì không bao giờ hòa thuận được. Chúng tôi kết thúc cuộc trò chuyện như khi chúng tôi bắt đầu: đó là chẳng hiểu gì về nhau cả. Họ không thể hiểu tại sao tôi lại làm những điều tôi sẽ làm; và tôi không hiểu tại sao họ không thể xem đó là phương hướng của tương lai. Xét trên phương diện cá nhân, tôi khá quý mến họ và trung thành với những nghiệp đoàn cơ bản và công đoàn của Lao động hơn nhiều người thừa nhận. Nhưng họ đã nghĩ là tôi là một phần tử Bảo thủ khoác áo Lao động; và tôi cũng nghĩ họ như vậy. Do đó mọi chuyện diễn ra như thế. Nhưng nếu lật lại lịch sử của các Chính phủ Đảng Lao động, họ gây cho tôi ít vấn đề hơn nhiều so với Atlee, Wilson hay Callaghan.

Ngoài ra, tôi cũng phải chú trọng tới những người thân cận nhất của mình, giúp họ giữ vững tinh thần và duy trì lý tưởng. Đó là đội ngũ vô cùng tài năng. Có những người đã chịu đựng tất cả những gì đã xảy ra từ trước tới nay: Jonathan Powell, Jonathan Pearce và Liz Lloyd. Liz đã trưởng thành lên rất nhiều, trở thành một phó chánh văn phòng và đem tới trật tự và kỷ luật mà Jonathan và tôi luôn thiếu. Cô ấy cũng có tính cách tuyệt vời: dễ chịu, trung thực và có vẻ duyên dáng điển hình của phụ nữ Anh, nhưng cũng khá mạnh mẽ. Và hơn hết là có năng lực.

Một trong những khía cạnh đáng thất vọng khi tổ chức của đảng trở lại với nền chính trị Lao động cũ là những người trẻ như Liz nếu được đề cử giữ một ghế ở Đảng Lao động, sẽ bị bác bỏ để nhường chỗ cho những người có cả cổ máy của GB hậu thuẫn, nhưng lại ít tài năng hơn nhiều. Trong những năm đầu tại nhiệm, tôi đã khuyến khích những chuyên gia trẻ, giỏi giang gia nhập và đại diện cho Nghị viện: David Miliband, James Purnell, Ruth Kelly, Liam Byrne và cả người của GB như Ed Miliband, Ed Balls, Yvette Cooper. Tôi dang rộng cánh tay cho những nhân tài thực sự của thế hệ trẻ hơn. Cho dù tôi biết nhóm của GB có thể gây khó khăn cho tôi, tôi vẫn có một niềm tin không ràng buộc rằng khuyến khích nhân tài là việc nên làm. Tôi có một số điều hà khắc phải nói về Ed Balls – tôi nghĩ đôi khi anh ta cư xử rất tệ và sai lầm về chính sách – nhưng anh ta thực sự có khả năng và là một nhân tài mà bất kỳ đảng phái chính trị nào cũng vui lòng sở hữu. Do đó, tôi đã có chỉ dẫn rõ ràng cho những nhân viên ở tận cấp thấp nhất của mình rằng đừng cố gắng chống lại những người này. Cho dù chúng ta nghĩ gì, thì khả năng của họ cho họ có quyền đến và tham gia vào công việc ở đây và chúng ta có nghĩa vụ cho họ gia nhập.

Nhưng cuối cùng thì điều này không được đền đáp. Và điều còn quan trọng hơn nhiều sự không công bằng, đó là nó ảnh hưởng tới sức mạnh lâu dài của đảng và sẽ là một vấn đề nghiêm trọng trong tương lai. Điều này rất giống với vấn đề tôi đã phải đối mặt, khi cố gắng để được chọn lựa trong những năm đầu thập kỷ 1980 và vấn đề đảng gặp phải vào thời gian đó trong việc thu hút nhân tài là do cơ chế bổ nhiệm kín kiểu cũ. Đến cuối thập kỷ 1990, chúng tôi đã giải quyết được vấn đề này – nếu anh giỏi, anh xứng đáng có cơ hội.

Trong giai đoạn cuối, tôi cảm thấy, việc này bị thụt lùi. Không có những người như Liz trong Nghị viện, nếu không bổ nhiệm được cô ấy, thì đó là tổn thất của chúng tôi. Và đó là một tổn thất nghiêm trọng, phản ánh nhiều vấn đề. Một đảng quay lưng lại với người tài thì năng lực của đảng sẽ bị xói mòn. Nhưng cô ấy quá thân cận với tôi và đảng đã chống lại cô ấy.

Những người khác trong nhóm gia nhập gần đây hơn. Matthew Taylor là sự kết hợp tuyệt vời giữa một nhân tài và một chính trị gia. Anh ta có thể tiếp xúc với tất cả mọi người trong đảng theo cách không bỏ bê nền móng của Lao động mới mà mở rộng nó. David Bennett, trưởng ban định hướng chính sách, đến từ McKinsey. Anh ta hoàn toàn là người ngoại đạo và tôi nghĩ đôi

khi kinh nghiệm chính trị còn khá báo động, nhưng lại thực sự thông minh nhanh nhạy và tôi luôn muốn đưa một chuyên gia bên ngoài vào để có thể lắng nghe những phân tích khác biệt. Anh ta đã giúp rất nhiều trong việc viết nên chương chính sách cuối cùng của Chính phủ.

Và đến nhóm chính trị, Ruth Turner, John McTernan và Nita Clarke và trong Đảng Lao động, Tổng bí thư Peter Watt, có những phẩm chất tốt hơn nhiều so với những gì tôi kỳ vọng vào giai đoạn này của cuộc chơi: cố gắng, rất mực trung thành và kiên định một cách dữ dội nhân danh tôi. Nhưng họ đương đầu với một tình thế khó khăn: nhà lãnh đạo của họ sắp ra đi và một thế lực thay thế đang gồng các cơ bắp của mình chứng tỏ sức mạnh; trừ Nita, tất cả đều bị cảnh sát thẩm tra về sự liêm chính. Khi tôi nghĩ đến cách họ xử lý vấn đề và giải quyết việc này xuất sắc ra sao trong suốt giai đoạn đó, tôi chỉ còn biết ngả mũ kính phục.

Giới truyền thông, đảng, GB, các nghiệp đoàn, văn phòng tư – vào khoảnh khắc tôi tuyên bố ra đi, sẽ có rất nhiều việc phải xử lý.

Tôi lui về Chequers để suy ngẫm. Tôi quyết định cách duy nhất là đưa cho họ một lý do rõ ràng để tin rằng tôi nên ở lại đến mùa hè năm 2007. “Điều mấu chốt là gì?” – đó là câu hỏi mà Matthew Taylor và cả Peter Mandelson đã hỏi. Đó sẽ là: Tôi sẽ ra những quyết định cốt lõi, nền tảng về chính sách sẽ bao hàm toàn bộ chương trình Lao động mới mà chúng tôi sẽ tham gia thực hiện; và sau đó sẽ tạo ra một tiến trình để Nội các và đảng có thể tham gia hoạch định chương trình cho tương lai. GB sẽ là đối tác đầy đủ, ông ta có thể đồng ý tham gia hay đứng bên ngoài tiến trình đó, nhưng không thể nói rằng tôi không hoạch định chương trình đó vì ông ta, hay ông ta không có cơ hội định hình nó. Nếu có sự bất đồng nào đó trong tiến trình thực hiện, hãy để chúng được thoải mái bộc lộ. Ít nhất cuối tiến trình chúng tôi cũng sẽ có một nền tảng rõ ràng. Nếu ông ta tiếp quản thì đó sẽ là điều tuyệt vời. Nếu không, không ai có thể nói ông ta không có cơ hội và bất kỳ nhà lãnh đạo thay thế nào cũng có thể chộp lấy nó và điều hành đất nước với nó.

Nhìn chung, đối mặt với quá nhiều sự hoài nghi và những lời chỉ trích trong nhiều quý, đó là điều chúng tôi đã làm. Cho dù đã tuyên bố ra đi, tôi vẫn là một Thủ tướng và có nhiều quyền lực danh nghĩa cũng như còn nhiều quyền lực thực tế vót vát lại. Tôi vẫn có thể cải tổ, cho ai đó thăng tiến; thậm chí với một hãng truyền thông thù địch, tôi vẫn có thể có vũ đài để phát biểu, để tranh cãi, để thuyết phục. Chín tháng cuối cùng có thể là một lời chào từ biệt vô nghĩa – nhiều kẻ trong báo giới cố gắng thúc đẩy điều đó – nhưng sự thực là chúng tôi đã giữ được những phần quan trọng của chương trình cải cách và đã để lại một bộ định hướng chính sách tương lai vô cùng đúng đắn, nếu người ta muốn tiếp quản nó – về chế độ hưu trí, an sinh xã hội, NHS, trường học, luật và chỉ thị.

Không một nhà lãnh đạo nào từng để lại những điều như thế trước đây. Nhưng rồi, như nhiều vấn đề khác, chính trị luôn thay đổi. Trong bối cảnh các nhà lãnh đạo ngày một trẻ hơn và vị trí của nước Anh trên trường quốc tế thay đổi, tôi có thể là người đầu tiên, nhưng tôi ngờ rằng sẽ là người cuối cùng.

21. Ra đi

Chuối ngày tháng đó rất nặng nề, đặc biệt là với gia đình tôi, một đám mây bất an treo lơ lửng lúc nào cũng chực rơi xuống đầu họ. Gia đình, đặc biệt là gia đình trẻ, luôn mang một ý nghĩa vô cùng thiêng liêng và mật thiết nhưng lại tách rời một cách kỳ lạ với công việc của một Thủ tướng. Họ chứng kiến những sự kiện xảy ra, họ tham gia vào những khoảnh khắc vui buồn, nhưng luôn cảm thấy giống như kẻ ngoài cuộc, bởi rõ ràng họ không thể tham gia hỗ trợ chính sự khi cần.

Họ đứng ngoài những nỗi đau và áp lực khủng khiếp của một Thủ tướng nhưng không tránh khỏi những ánh mắt dò xét. Tuy họ nhìn thấy những điều bạn đang trải qua, nhưng ở một mức độ nào đó, mọi thứ vẫn kín bưng với họ và chính điều đó mang lại cho họ cảm giác trống rỗng lạ lùng, một chút lơ đãng, bởi họ là một phần không thể thiếu của cuộc đời Thủ tướng nhưng không bao giờ được tham gia hoàn toàn vào nó.

Khi chúng tôi mới đến Phố Downing, chúng tôi là gia đình trẻ nhất từng sống ở đó, kể từ thời Lord Russell vào những năm 1850 và 1860, khi ngôi nhà này được sử dụng vào mục đích cho các gia đình Thủ tướng. Thời đó, nó không được dùng vào mục đích công và cũng không thực sự là nơi làm việc. Ngày nay, Phố Downing là một con phố đông đúc, tấp nập, với những tòa nhà Chính phủ san sát nhau và hàng trăm nhân viên. Tính biểu tượng của địa chỉ nổi tiếng nhất ở Anh cho thấy nó là nơi trú ngụ của quyền lực. Giờ đây, nó được sử dụng chủ yếu làm văn phòng làm việc, tiếp đến là phục vụ mục đích gia đình.

Việc lũ trẻ có mặt ở Phố Downing một mặt rất tuyệt vời, nhưng mặt khác, nơi này hoàn toàn chưa chuẩn bị để đón chào chúng. Khi Leo đến đây, thằng bé là đứa trẻ duy nhất trong tòa nhà, điều này mang lại nhiều niềm vui cho mọi người và các nhân viên ở đây, họ rất yêu quý thằng bé, nhưng nơi này không phải là nhà trẻ. Mặc dù tôi chưa bao giờ đánh giá tính kỳ cục của việc lũ trẻ phải lớn lên ở phố Downing, nhưng chúng tôi vẫn xử lý mọi việc được êm xuôi. Ngoài ra, Chequers là nơi nghỉ dưỡng tuyệt vời, sau những ngày mệt mỏi ở phố Downing. Không có nơi đó, quãng thời gian tôi tại vị sẽ rất khác và tồi tệ hơn rất nhiều.

Tôi sống ở căn hộ Số 10. Chúng tôi sửa sang lại nhà bếp, điều vô cùng cần thiết, nhưng bất kỳ việc tu sửa nào cũng luôn nảy sinh những “chuyện ngồi lê đôi mách về chi phí xung quanh” – các nhà thầu phải làm việc với những quy tắc đặc biệt – và “tiêu xài hoang phí”. Mọi người từng rất ngạc nhiên khi chúng tôi không có đầu bếp nhưng đó là do chúng tôi thích vậy. Căn nhà sẽ yên tĩnh và riêng tư hơn, mặc dù thư ký, viên chức Nhà nước và người đưa thư vẫn thường xuyên ghé qua. Tuy nhiên, những người làm việc ở Phố Downing đều rất thân thiện, thoải mái và giúp đỡ chúng tôi rất nhiều cũng như san sẻ gánh nặng trên vai tôi, một Thủ tướng. Họ không bao giờ bàn luận về việc đó; nhưng bạn có thể cảm nhận được sự giúp đỡ rất nhẹ nhàng và chân thành mà họ dành cho tôi.

Căn nhà Số 10 lớn hơn bạn nghĩ với một số phòng trống ở phía trên hai tầng chính, dành để làm phòng khách và phòng ngủ. Từ tầng thượng của căn nhà, bạn có thể bao quát toàn cảnh từ phố Downing đến quảng trường Horse Guards và công viên St James's. Tôi thường tập thể dục bằng máy chạy bộ, máy đua thuyền và tập tạ. Nicky có một phòng riêng để bộ trống của thằng bé, cùng với những chiếc guitar của tôi và thỉnh thoảng chúng tôi lên lên tầng thượng chơi nhạc cùng nhau và không nghĩ ngờ gì nữa, tạo nên những âm thanh kinh khủng nhất.

Bằng cách nào đó và có lẽ chủ yếu là nhờ Jackie “phi thường”, người đã ở bên gia đình tôi từ năm 1998, gia đình trẻ chúng tôi đã vượt qua thời gian bên nhau trong những năm tháng mới về sống chung và chào đón sự ra đời của Leo và những năm đầu tiên của thằng bé ở trường tiểu học. Hơn lúc nào hết, bạn là chính mình khi ở bên gia đình – bạn thể hiện sự giận dữ tốt cùng, yêu thương tốt cùng, cảm thấy ngọt ngào tốt cùng và tận tụy tốt cùng. Bạn không thể thể hiện sự ích kỷ trong gia đình. Bạn có thể muốn như vậy, nhưng cuối cùng lại tự kéo mình khỏi

những nhu cầu, cái tôi của bản thân để gắn bó với những người thân. Ở gia đình, hầu như không tồn tại khoảng cách, khác biệt, sự phân biệt tính cách rạch ròi – người này tốt, người kia xấu – mà chưa được khám phá, rất ít ảo tưởng và còn ít cả sự tưởng tượng hơn. Mỗi chúng ta ai cũng phải trải qua những khoảnh khắc tốt nhất và tệ nhất của đời người. Cuối cùng, quan trọng nhất là bạn phải tha thứ cho những kẻ xâm phạm đến mình để nhờ đó bạn cũng có thể được tha thứ. Và chỉ thỉnh thoảng, bạn cảm nhận được sức mạnh của gia đình trong những giờ phút quan trọng và rằng đó là thành tựu kỳ diệu của con người và với tất cả hạn chế, nỗi lo lắng, sự căng thẳng, nó đáng được trân trọng.

Chúng tôi có những ngày tháng gắn bó với ngôi nhà Số 10 phố Downing và trải qua một khoảng thời gian tuy có lúc khó khăn ở nơi đây. Nhưng sự căng thẳng khi sống ở đây đã phản ánh về con người chúng tôi theo những cách khác nhau.

Vai trò của người vợ/chồng của một chính trị gia cần sự suy ngẫm cẩn trọng. Trước đây, người đàn ông đảm nhận vị trí trụ cột và là lao động chính của gia đình còn người phụ nữ thì không. Ngày nay, phụ nữ cũng làm việc. Đối với những phụ nữ đi làm, mọi việc luôn rất khó khăn và Cherie, vợ tôi cũng vậy. Theo tôi, cô ấy đã chọn tiếp tục là người phụ nữ theo đuổi sự nghiệp của bản thân hơn là trở thành vợ của chính trị gia. Khi nhìn lại, tôi không chắc rằng điều đó có thể hay không, căn cứ vào mức độ “soi mói” của công luận ngày nay.

Cherie đã cố duy trì những hoạt động cũ nhưng điều đó rất khó. Có rất nhiều việc cô ấy không thể tiếp tục vì chúng khá nhạy cảm đối với chính trị. Cô ấy không nhận được sự ủng hộ ở Số 10 với tư cách là một người vợ “công chức”. Fiona, vợ của Alastair và một người bạn cũ Ros Preston thực ra đã làm rất nhiều điều tuyệt vời cho cô ấy, nhưng theo một cách kín đáo. Còn khi Gordon nhậm chức, vợ ông ấy, Sarah có một văn phòng riêng và cả nhân viên nữa, điều đó đương nhiên được cho là đúng và từ đó đã trở thành một tiền lệ.

Cherie không phải lúc nào cũng tự xoay sở được và như tôi đã nói từ trước thì cô ấy có bản năng này khi chống chọi với quyền lực, đặc biệt là giới truyền thông, những người có vị trí quá thuận tiện để công kích hoặc trả thù, nhưng cô ấy đã làm rất tốt. Cô ấy dùng Phố Downing là nơi thích hợp để làm từ thiện. Và cô ấy cũng là một người cứng rắn, mạnh mẽ khi tôi yếu đuối, kiên quyết khi tôi chao đảo và dữ dội khi bảo vệ gia đình. Giới báo chí đã nói về cô ấy như vẽ một bức tranh biếm họa, có hàm chứa sự xúc phạm, nhưng cô ấy luôn chịu đựng và hầu như chưa bao giờ để điều đó làm gục ngã mình. Cherie “ghét cay ghét đắng” phần lớn giới truyền thông. Cô ấy thừa nhận một số lời chỉ trích là đúng đắn. Nhưng đó thực sự là một cuộc đấu không cân sức.

Và sự thực là, sự công kích của giới truyền thông thường tùy hứng, hay nói đúng hơn là có chọn lọc. Như tôi biết thì cả hai người tiền nhiệm của tôi đều đã đi nghỉ tại nhà của những người bạn. Denis vẫn tiếp tục làm việc ngay cả khi bà Thatcher nhậm chức, nhưng không ai quấy rầy ông ấy cả. Bà ấy thực sự bị công kích về vấn đề con cái, nhưng nhìn chung vào thời đó, thì họ được tự do hơn. Còn giờ đây mọi người muốn biết mọi chuyện và tất cả những gì họ biết đều phủ yếu tố tiêu cực. Liệu sự công kích đó có mang tính cá nhân hay không, đều phụ thuộc vào việc liệu biên tập viên đó quyết định công kích hay không. Nếu những tờ báo như Daily Mail quyết định làm thế, thì những tờ khác cũng sớm theo gót, họ không muốn lạc lõng.

Dĩ nhiên, cuối cùng, chính cảm giác hồi hộp và hào hứng được ở đó và làm công việc của mình đã khiến không một yếu tố tiêu cực nào có thể ngăn bạn vươn đến ánh hào quang của những điều tốt đẹp. Nhưng bạn vẫn chỉ là một người bình thường và bạn nghĩ: Đúng, đó là một vinh dự lớn và đồng thanh nói: Các anh là những kẻ đáng khinh!

Người ta xử lý áp lực theo rất nhiều cách khác nhau, cả các Thủ tướng và phu nhân/phu quân của họ cũng vậy. Một số người uống rượu, một số dấn thân vào những hành động tội lỗi, một số bị tổn thương, một số tìm đến tôn giáo, một số tìm đến những tình bạn đặc biệt. Tuy nhiên, tôi không tin rằng có ai đó lại không phải đối mặt và giải quyết nó. Áp lực quá kinh khủng. Bạn

luôn tưởng tượng ra những người có phẩm chất phi thường, mạnh mẽ, quyết đoán, không sợ hãi, không hoài nghi, sẵn sàng chiến đấu đơn độc, tự tin một cách tuyệt đối khi đứng giữa một núi công việc lộn xộn. Không có ai như vậy bởi mỗi chúng ta đều có mặt yếu đuối. Đôi khi đứng trước những khó khăn thử thách, tất cả sự tự tin, dũng cảm có thể hội tụ và họ có thể hành động phi thường, có thể hy sinh mà chẳng màng tới bản thân, nhưng không ai có thể có phẩm chất như vậy trong mọi thời điểm.

Và một lần nữa phải nói rằng, mọi người đều cần thư giãn, để cơ thể được nghỉ ngơi, rũ bỏ ánh hào quang của quyền lực, dù chỉ trong chốc lát. Và nếu bạn từng thấy một người mang đầy trọng trách mà không cần nghỉ ngơi, hãy cẩn thận. Sẽ có vấn đề xảy ra.

Cũng có những nỗi buồn nhất định đến với bạn, cố kết trong con người bạn và không bao giờ rời đi. Còn tôi là một người khá lạc quan. Tôi nghĩ cuộc sống là một món quà mà Thượng đế ban ơn và cần phải sống sao cho toàn vẹn; có mục đích và xứng đáng. Ai đó phải ngồi vào vị trí Thủ tướng và phải ra các quyết định, đã bao nhiêu lần tôi từng nói rằng được làm công việc đó là một đặc ân?

Nhưng dù đó là đặc ân thì theo thời gian bạn bắt đầu quan tâm đến kết quả của mỗi quyết định, chúng tốt hay xấu. Đặc biệt là khi những quyết định liên quan mật thiết đến sự sống hay cái chết. Tôi nhớ trong cuộc chiến tranh Kosovo, do sai lầm, lực lượng đồng minh đã ném bom vào một đoàn xe dân sự, làm một số trẻ em bị thiệt mạng. Từ khoảnh khắc đó, nỗi buồn đã khắc ghi trong tôi. Tôi nghĩ về cuộc sống mà những đứa trẻ đó đáng lẽ đã có – sự đau thương của cha mẹ chúng, cảm giác tôi sẽ phải trải qua nếu đó là con cái tôi. Giờ đây, đúng là bạn phải nghĩ về việc nếu bạn từ chối hành động thì ai sẽ là người thiệt mạng. Nếu chúng tôi đã làm những việc nên làm ở Bosnia hay Rwanda, nhiều mạng sống đã được cứu. Nhưng cũng không ít mạng sống bị cướp đi. Ở Iraq, chúng ta quên những đứa trẻ chết dưới thời Saddam và nhiều đứa trẻ khác sẽ còn phải chết nếu ông ta vẫn còn nắm quyền. Nhưng không thể rũ bỏ suy nghĩ rằng có những người vẫn còn sống nếu chúng tôi không tấn công bằng quân sự nhằm lật đổ ông ta. Những suy nghĩ đó không bao giờ dứt ra khỏi đầu óc bạn và trong bóng đêm tĩnh lặng, nó lại trở về dai dẳng và dữ dội cào xé tâm can bạn.

Tôi cũng xử lý các áp lực như mọi người nhưng buộc phải xử lý nó. Nó có thể tàn phá tôi, nhưng đó là việc phải làm. Nó vẫn lẩn khuất ở đâu đó. Mặc dù vậy, tôi luôn cố gắng vượt qua những con quỷ trong tôi bằng cách đối đầu với nó.

Những tháng cuối cùng tại nhiệm có sự pha trộn đặc biệt giữa sự tập trung và bàng quan. Tôi phải hoàn toàn tập trung, nhưng cũng biết mọi việc sắp kết thúc. Do đó, tôi hoạt động ở hai mức độ: tôi vẫn hoàn thành tốt công việc và ra quyết sách hàng ngày như thường lệ; đồng thời chuẩn bị tinh thần để sẵn sàng ra đi, suy nghĩ về những việc tôi muốn làm và bản khoản không biết điều gì sẽ xảy đến trong tương lai.

Bài phát biểu của Nữ hoàng vào tháng 11 năm 2006 có chủ đề về luật và nghị định. Chúng tôi đã công bố việc cải cách Văn phòng Nội vụ và Bộ các vấn đề hiến pháp, giờ là Bộ Tư pháp – chứng minh nhân dân và các biện pháp mạnh điều chỉnh các hành vi chống đối xã hội.

Chương trình cải cách 10 năm của Chính phủ được biết tới chủ yếu trên phương diện điều chỉnh hiến pháp, cải cách giáo dục và y tế. Học phí, các trường đặc biệt, các học viện và các trường tín thác; sự lựa chọn, cạnh tranh, các bệnh viện cổ phần hóa, các chương trình điều trị ung thư và bệnh tim; tất cả các cải cách này và dĩ nhiên, cả việc chuyển giao quyền lực đã trở nên rõ ràng.

Động lực cho những cải cách về luật và nghị định, cụ thể là, các hành vi chống đối xã hội đã được tôi đề cập đến ở phần trước. Giống như vấn đề chứng minh thư. Nhưng các cải cách này chưa bao giờ được hoàn tất về phương diện phân tích và hình dung phản ứng của công chúng, theo cách mà các chương trình khác đã làm. Tôi tin rằng đây là một thiếu sót. Luật và nghị định – và trong vấn đề nhập cư – theo tôi là những điểm tối quan trọng và cơ bản hình thành nên

Chính phủ và quan trọng với Đảng Lao động mới chẳng kém gì các học viện hay các lựa chọn trong Dịch vụ Y tế Quốc gia (NHS).

Bài phát biểu của Nữ hoàng và những hành động diễn ra trong những tháng sau đó, đã đưa chương trình hành động này tới một điểm mới trong chính sách. Nó bị nhiều bộ phận của giới truyền thông đem ra mổ xẻ, tranh cãi sôi nổi, bị Đảng Bảo thủ, Dân chủ Tự do và một bộ phận quan trọng của Đảng Lao động phản đối. Tôi biết Gordon sẽ bỏ rơi chương trình này khi ông ấy kế nhiệm, nhưng tôi muốn chương trình nghị sự được rõ ràng bởi tôi cảm thấy chắc chắn và bây giờ vẫn cảm thấy như vậy, rằng nó sẽ được phát triển trở lại.

Tôi đã bắt đầu việc tái tổ chức Văn phòng Nội vụ và Văn phòng Ngoại trưởng, ngay sau cuộc cải tổ năm 2003. Đó là việc khó khăn nhất, do nó khiến tôi mất đi Derry Irvine, một người tôi ngưỡng mộ và cũng là người thầy của tôi, nhưng tôi đã cố gắng cách tân phần nào cách thức làm việc quá đồi lạc hậu của hệ thống tư pháp hình sự lúc đó. Việc đưa David Blunkett vào Văn phòng Nội vụ sẽ rất hữu ích bởi ông ấy có bản năng tuyệt vời về vấn đề tội phạm. Charlie Falconer và Peter Goldsmith đều tiếp tục giữ cương vị cũ. Chúng tôi đã tiến hành cải cách các vị trí lãnh đạo dịch vụ công và điều đó đã phần nào khuấy đảo Chính phủ, nhưng nó không thể được thực hiện dựa trên tình cảm. Phải có sự điều chỉnh về thể chế và cơ cấu.

Vấn đề của tôi với cải cách này rất đơn giản: nó dẫn tới những ưu tiên không trùng khớp với ưu tiên của Chính phủ. Văn phòng Chánh án Thương viện có ba vai trò riêng biệt: Chánh án Thương viện là Chủ tịch của Thương viện, người đứng đầu bộ máy tư pháp (Pháp viện) và là người đứng đầu về mặt hành chính ở các tòa án. Theo tôi thì rõ ràng các vai trò này khác nhau về bản chất. Vị trí được xếp cuối cùng – các tòa án – là mối quan tâm đầu tiên của tôi – bởi đó là nơi quyết định hiệu quả của hệ thống tư pháp hình sự.

Tương tự như vậy, Văn phòng Nội vụ trước đây đảm bảo tất cả các vấn đề hiến pháp mà họ có nhiệm vụ xử lý – đặc quyền của hoàng gia, nền quân chủ, tước vị, các vấn đề nghi lễ, quyền con người, hiến chương hoàng gia, sự bổ nhiệm, các vấn đề về giáo hội, hôn nhân và tiếp cận thông tin – nhưng điều quan trọng với tôi là vấn đề tội phạm và nhập cư. Tôi có thể nhận thấy rằng những nỗ lực chính trị và trí tuệ chỉ tập trung vào tầng lớp cao cấp mà không đoái hoài đến cuộc sống của những dân thường. Những người này cần được đảm bảo bằng một bộ máy kiểm soát nhập cư và chống tội phạm hiệu quả.

Bất chấp tổn thương từ việc chuyển Derry, bất chấp trở ngại và sự lộn xộn mà việc cải cách hiến pháp ở Văn phòng Thương viện đem lại, kết quả chúng tôi thu được hoàn toàn đúng như mong đợi. Thương viện đã có một Chủ tịch mới thông qua bầu cử và họ đã có lý khi chọn một phụ nữ, Helene Hayman; các chánh án được chỉ định bởi một ủy ban độc lập; và Văn phòng Thương viện trở thành Bộ các Vấn đề Hiến pháp, tập trung vào thúc đẩy cải cách và điều chỉnh hệ thống tư pháp, cũng như cải cách và bảo vệ hiến pháp. Năm 2007, chúng tôi đã bổ sung chức năng quản lý các nhà giam và việc tạm giữ cho họ, điều này một lần nữa lại hợp lý, do việc chống tội phạm là một chuyện, quản lý các tiến trình của tòa án và tội phạm lại là chuyện khác và cách tốt nhất là việc này cần được quy trách nhiệm trong cùng một bộ, giống như hầu hết các Bộ Tư pháp nước ngoài.

Vậy là chúng tôi đã chuyển các vấn đề về hiến pháp khỏi Văn phòng Nội vụ, thay đổi Văn phòng Thương viện và tăng cường điều chỉnh các vấn đề nhập cư, hộ chiếu và quốc tịch ở Văn phòng Nội vụ. Chúng tôi cũng cần đưa các vấn đề này vào một khuôn khổ pháp lý mang hơi hướng của thể giới hiện đại trong đó bao gồm các quy định về hành vi chống phá xã hội; các nỗ lực cải cách luật khủng bố; thắt chặt các quy định về tị nạn và nhập cư, loại bỏ ban hội thẩm trong các phiên xử gian lận phức tạp (việc này thường sụp đổ sau vài tháng do tính phức tạp của nó, khiến các thành viên của ban hội thẩm mất nhiều thời gian vô ích trong khi những người lao động không được hưởng các dịch vụ hội thẩm.) Các biện pháp liên quan tới ADN là một bước tiến vô cùng quan trọng. Các biện pháp này từng bị những người theo lập trường tự do dân sự phản đối quyết liệt, điều mà tôi cho là hoàn toàn sai lầm. Nhờ công nghệ mới về ADN, chúng

tôi có thể so sánh ADN của kẻ tình nghi với ADN của những tội phạm và ADN thu thập được ở những vụ án trước đó, rồi xây dựng một cơ sở dữ liệu ADN. Kết quả của việc này thực sự ấn tượng. Những vụ án cũ đã được giải quyết và người vô tội được trả tự do. Nếu được mở rộng – và khoảng một nửa số vụ án để lại dấu vết ADN – thì sự thay đổi đối với toàn bộ hệ thống tư pháp hình sự sẽ rất lớn. Dĩ nhiên, các thông tin này phải được xử lý cẩn trọng và được bảo vệ, điều đó cũng khiến những kẻ giết người, những kẻ hiếp dâm và những kẻ hành hung người khác khó mà có thể thoát lưới pháp luật.

Chúng tôi cũng có một cuộc tranh cãi lớn khác về Luật Tài sản Tội phạm. Đây là một nội dung cải cách khổng lồ, điều chỉnh việc thi hành luật đối với tội phạm có tổ chức và đề cập đến người thực thi, chứ không phải tội phạm. Chúng tôi đã bắt đầu việc này vào tháng 4 năm 2005 bằng việc ban hành Luật Cảnh sát và Tội phạm có tổ chức. Nó dẫn tới việc thành lập Cơ quan về tội phạm có tổ chức nghiêm trọng (SOCA) vào tháng 4 năm 2006. Như thường lệ, nó đã vấp phải sự phản đối kịch liệt. Đảng Bảo thủ và Ủy ban Các vấn đề Nội vụ đã chỉ trích Luật 2005, do sự thiếu vắng một lực lượng biên phòng trong luật này, Đảng Dân chủ Tự do thì lo lắng về việc làm thế nào cơ quan này được cấp đầy đủ tài chính, còn Liên đoàn Cảnh sát thì phản đối cơ quan này vì sợ rằng họ có thể mất sự độc lập truyền thống mà các cảnh sát đã và đang được hưởng bao gồm lương và các điều kiện khác, còn giới truyền thông thì đặt câu hỏi về giá trị chung của tổ chức này. Nhưng nó đã lần đầu tiên cho chúng tôi quyền được tịch thu tài sản của tội phạm đã bị kết án hoặc bị tình nghi trên cơ sở hoạt động như một cơ chế ngăn ngừa.

Toàn bộ ý tưởng cải cách nảy ra sau các cuộc gặp trực tiếp của tôi với các cảnh sát và dân cư ở những vùng chìm ngập trong tệ nạn ma túy và mại dâm. Những tay buôn bán ma túy hay ma cô có thể mang theo mình hàng nghìn bảng hoặc lái những chiếc xe thời thượng. Dĩ nhiên, không thể chứng tỏ số tiền đó là tài sản của tội phạm, nhưng để cho chúng tiếp tục làm như vậy sẽ để lại hai hậu quả khôn lường. Thứ nhất và dễ thấy nhất là chúng có thể thực hiện những hành vi tội phạm dễ dàng hơn. Thứ hai, kém rõ ràng hơn nhưng theo tôi rất quan trọng, đó là điều này sẽ trao cho chúng một vị thế đặc biệt trong cộng đồng đó. Thanh niên học theo chúng. Mọi người sợ chúng và tệ hơn, một số ngưỡng mộ chúng. Chúng như những “con chó đầu đàn”. Sức ảnh hưởng và tác động của chúng lên cộng đồng thật kinh khủng. Luật mới trao cho cảnh sát quyền tịch thu tài sản – tiền hoặc bất động sản – sau đó, sẽ có một cuộc điều tra xem tài sản đó có hợp pháp không. Dĩ nhiên, điều này đi ngược lại quy định bằng chứng thông thường – người ta hoàn toàn có lý do để phản đối và điều đó có thể hiểu được – nhưng tôi cảm thấy đạo luật này hoàn toàn cần thiết trong tình hình đời sống hiện tại ở các khu vực đó.

Sau khi có cơ sở pháp lý, chúng tôi đã có thể dựa vào đó để xúc tiến. Dần dần, chúng tôi tăng quyền cho cảnh sát và khuyến khích cảnh sát bằng cách cho phép họ giữ lại một số phần trăm nhất định trong tài sản tịch thu từ các hoạt động tình nghi tội phạm. Chính sách này gần như vượt phạm vi chấp nhận được của Bộ Tài chính, nhưng cuối cùng họ đã đồng ý và cho dù chúng tôi luôn tranh cãi về tỷ lệ phần tài sản được sung vào Bộ Tài chính, bao nhiêu phần trăm được chuyển tới Chính phủ, thì các nguyên tắc cơ bản đã được chấp thuận.

Bài diễn văn 2006 của Nữ hoàng đã mở rộng hơn nữa phạm vi quyền lực này: ban hành một Nghị định Ngăn ngừa Tội phạm Nghiêm trọng mới, nhằm ngăn chặn các tội phạm có tổ chức, dù là cá nhân hay tổ chức, bằng cách đặt ra những hạn chế đối với chúng; quy định thêm các tội danh khuyến khích hay hỗ trợ hành vi phạm tội có chủ đích, khuyến khích hoặc hỗ trợ hành vi tội phạm khi biết rằng điều đó có thể phạm pháp; tăng cường việc thu hồi tài sản của tội phạm bằng cách mở rộng quyền điều tra và tịch thu tài sản của tất cả các cán bộ điều tra về tài chính được thừa nhận. Tôi còn muốn đưa cải cách này đi xa hơn nữa, nhưng chúng tôi đã khai phá một vấn đề mới, liên quan đến luật về hành vi chống đối xã hội; và một khi những thành viên Chính phủ khác nghĩ ra và cố gắng đáp ứng nhu cầu của công chúng, họ có thể quay trở lại chương trình nghị sự này và hoàn thiện nó.

Sợ hãi và bất an là những yếu tố tồi tệ trong cuộc sống hàng ngày của quá nhiều người. Giảm thiểu chúng, chúng ta sẽ cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống. Việc triển khai được chương

trình nghị sự này, đặc biệt là các vấn đề về hành vi chống phá xã hội, là một trong những thành tựu mà tôi lấy làm tự hào nhất. Tất nhiên không thể phủ nhận sự thỏa hiệp với tình hình tự do dân sự. Tôi cũng rất quan tâm đến yêu cầu bảo vệ người vô tội trước việc bị buộc tội nhầm.

Lần thứ hai trong sự nghiệp chính trị của mình, tôi đã có lý do đúng đắn để cảm ơn Chúa về sự độc lập của bộ máy tư pháp và tòa án Anh: một lần trong cuộc điều tra Hutton; và sau đó là phán quyết về việc “đổi tiền lấy danh”, sự độc lập này đã được thể hiện rõ. Trong cả hai trường hợp, người luật sư đều phải chịu áp lực kinh khủng và đôi khi hoàn toàn không phù hợp phải làm điều đại bộ phận giới truyền thông mong muốn; và trong cả hai trường hợp, họ đều ra quyết định dựa trên bằng chứng. Vì vậy tôi hiểu rõ giá trị của các cơ quan có thẩm quyền độc lập và công bằng, giúp quyền lực được kiểm soát, qua đó bảo vệ người vô tội và ban bồi thẩm trước sự sợ hãi hay thiên vị.

Mặc dù vậy, tôi cũng có thể thấy rằng, những người dân thường không có bất kỳ sự bảo vệ nào ở một số vùng, thị trấn hay thành phố có nguy cơ bị tổn thương rất cao theo những cách mà hệ thống lạc hậu của chúng ta không thừa nhận. Tôi đã thấy nhiều khu vực phi luật lệ, nơi người ta hành xử không theo luật pháp bởi vì họ biết mình phải làm như vậy. Luôn có sự khắc nghiệt nhất định trong khía cạnh này. Nhưng hãy tin tôi, nếu đặt điều đó trong một cuộc trưng cầu dân ý, mọi người sẽ biết chọn loại hình xã hội nào để nuôi dưỡng gia đình.

Vậy là chúng tôi đã đạt được những bước tiến trong chương trình nghị sự về luật và nghị định và ngay cả trong những ngày cuối cùng tại nhiệm, chúng tôi cũng vẫn thi hành được một số cải cách.

Chúng tôi không thành công mấy với các quy định về sòng bạc. Đúng là một thiên tiểu thuyết dài kỳ! Mặc dù vậy, đây là một ví dụ thú vị về cách tâm trạng của công chúng được hình thành.

Chúng tôi đã và vẫn đang gặp vấn đề với một số thành phố biển cổ của nước Anh. Vào thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX, mọi người thường lũ lượt kéo đến đó, cho dù đó có phải là mùa hè hay không, để thư giãn với những máy đánh bạc, thử những trò giải trí bình dân, hòa mình trong bầu không khí lễ hội. Họ vẫn ưa chuộng những loại hình giải trí cũ nhưng hấp dẫn. Sau đó vào thập kỷ 1960, xuất hiện các kiểu kỳ nghỉ trọn gói và du lịch bằng đường không. Tôi còn nhớ kỷ niệm du lịch ở Benidorm, thời kỳ địa điểm này đang cất cánh trong những năm thập niên 1960. Tôi rất thích nơi đó. Đó là lần đầu tiên tôi đi bằng máy bay. Sau khi đã được tận hưởng chút hương vị Tây Ban Nha – Tapas, Ducados và Rioja (mặc dù lúc đó tôi vẫn còn ở tuổi vị thành viên, nhưng không sao) – thì việc nghỉ ngơi ở Anh có vẻ như khá tẻ nhạt và không thời thượng. Dần dần, các thành phố biển xuống cấp và khi bước vào kỷ nguyên mới, những mảnh đất này trở nên tiêu điều đồng thời phải đối mặt với một tương lai mù mịt; hoặc không có tương lai. Blackpool là một ví dụ điển hình.

Một vấn đề khác là sự bùng nổ của các loại hình đánh bạc khác nhau – đặc biệt là đánh bạc trực tuyến – bên cạnh các sòng bạc truyền thống. Trong nhiều năm, chúng tôi và các thành phố này đã được nhiều công ty giải trí lớn, chủ yếu là Mỹ tiếp cận, họ muốn xây dựng những khu phức hợp giải trí khổng lồ, bao gồm cả sòng bạc và một loạt các dạng giải trí khác như: rạp chiếu phim, trung tâm thể thao, v.v...

Tôi nghĩ chúng tôi nên tạo điều kiện cho họ làm vậy. Đó sẽ là một khoản đầu tư lớn của khu vực tư nhân. Và thực tế không có lựa chọn nào khác. Các thành phố biển đã xếp hàng đợi các vụ đầu tư đó. Manchester cũng muốn được rót vốn và đã có những kế hoạch kỹ lưỡng để tái phát triển trung tâm thành phố trên cơ sở đó. Họ sẽ được quản trị bằng những quy định nghiêm ngặt và các nhà điều hành hàng đầu thế giới đã quen với việc tuân thủ chúng một cách có trách nhiệm.

Do đó tôi đã bật đèn xanh. Và thế là có một làn sóng phản đối khổng lồ. Các nhóm tôn giáo chống lại ý tưởng này vì cho rằng nó sẽ tăng cường hoạt động đánh bạc, tờ Daily Mail phản đối nó như thường lệ, cho rằng đó là hợp đồng tham nhũng và chĩa mũi dùi vào những công chức liên quan. Không ai để ý rằng bất kỳ điều gì bạn có thể làm trong một sòng bạc, bạn cũng có thể

thực hiện với một máy đánh bạc, một trung tâm cá cược, hay đánh bạc trực tuyến, ít được đảm bảo hơn nhiều.

Với sự quả quyết, mạnh mẽ của một người phụ nữ, Tessa đã ủng hộ ý tưởng này và chúng tôi có thể phát triển nó, nhưng rồi với làn sóng phản đối mãnh liệt của Nhà thờ và giới báo chí, nó đã bị vùi dập, chúng tôi mất một phiếu ở Thượng viện và đối mặt với một lựa chọn lố bịch là Blackpool, hoặc Manchester, phải cắt giảm số lượng “siêu sòng bạc” đề xuất, đây là công cụ thu hút phần lớn số tiền đầu tư. Sau khi tôi rời nhiệm sở, Gordon đã bỏ rơi cả Manchester. Đó thực sự là sự tủi hổ cho những nơi sẽ không có một dạng đầu tư rõ ràng nào khác. Đó là dạng tồi tệ nhất của cái gọi là chủ nghĩa đạo đức – phe phái và sự vô trí. Do đó, mọi người có thể đánh bạc thỏa chí, thỏa túi tiền, nhưng không phải ở một khu liên hợp của một thành phố mới, với một sòng bạc, trung tâm giải trí, trung tâm thể thao và các cửa hàng cửa hiệu.

Mặc dù vậy, ngay cả với vấn đề này, tôi vẫn giữ lại được một chút hài lòng, vì đã đào xới vấn đề, làm những gì tôi nghĩ là đúng đắn, không hòa theo làn sóng dư luận trừ phi tôi nghĩ họ có những lý lẽ vững chắc mà tôi nên nghe theo.

Vào tháng 2 năm 2007, chúng tôi phải sống trong nỗi sợ hãi về dịch cúm A. Bệnh dịch này có thể rất trầm trọng. Virus H5N1 đã được xác nhận ở một trang trại nuôi gà tây ở Holt, Suffolk. Liên tục có các hội nghị diễn ra bàn về việc phòng ngừa, trong trường hợp dịch cúm trở thành một cuộc khủng hoảng toàn diện. Với dịch cúm, bạn phải vạch một ranh giới cẩn thận chưa từng thấy giữa việc phản ứng thái quá và phản ứng chưa đủ. Những người là nạn nhân của phản ứng thái quá này sẽ phải đối mặt với nhiều thủ tục hành chính phiền hà.

Chúng tôi đã nhất trí tiếp tục phát triển hệ thống vũ khí hạt nhân phòng thủ độc lập. Bạn có thể nghĩ rằng tôi đã chắc chắn khi ra quyết định này, nhưng thực ra tôi lại rất miễn cưỡng. Tôi có thể thấy rõ dư luận chung và những chỉ trích thực tế nhằm vào tên lửa đánh chặn Trident⁵⁵ thế nào, nhưng trong những phân tích cuối cùng, tôi đã nghĩ rằng, nếu từ bỏ hệ thống này, vị thế quốc gia có nguy cơ sẽ bị hạ thấp và trong một thế giới chẳng lấy gì làm chắc chắn như hiện nay, đó là một rủi ro lớn cho quốc phòng. Tôi không nghĩ đây là vấn đề “phòng thủ quá mức” đối chọi với “phòng thủ yếu hay hòa bình”. Đơn giản là, trên thực tế, cả hai khả năng đều có thể xảy ra. Chi phí khổng lồ, sau chiến tranh lạnh, vũ khí phòng thủ ngày một ít đi và không tồn tại để sử dụng cho mục đích quân sự. Liệu tôi có nên quyết định chi thêm tiền để mua thêm máy bay trực thăng, cầu không vận và thiết bị chống khủng bố? Đó không phải là một ý tưởng gàn dở. Trong bối cảnh lực lượng quân đội Anh có thể được kêu gọi chiến đấu, chúng ta sẽ biết rõ điều gì quan trọng nhất. Chúng tôi cũng có thể sử dụng vũ khí hạt nhân phòng thủ một mình, mà không có Mỹ – và hãy để chúng tôi đặt hy vọng vào tình huống trong đó Mỹ thậm chí không dọa sử dụng chúng – nhưng đây là một bước đi lớn để đưa vấn đề này vượt trên năng lực của quốc gia.

Sau khi xem xét rồi tái xem xét kỹ lưỡng, tôi đã chọn phương án tiếp tục sử dụng hệ thống đó. Nhưng nếu quyết định ngược lại, thì đó cũng không phải là điều xuẩn ngốc. Tôi đã có một cuộc thảo luận hoàn hảo và đúng đắn về vấn đề này với Gordon, người cũng phân vân tương tự như tôi. Cuối cùng, chúng tôi đều nhất trí, vì tôi đã nói với ông ấy rằng: hãy tưởng tượng việc đứng trước Hạ viện và nói “Tôi đã quyết định bỏ nó. Liệu chúng ta có nói vậy không”. Trong trường hợp này, thận trọng, tuy tốn kém như thường lệ, nhưng sẽ giúp ta thành công.

Chúng tôi đã đồng ý với nhau về tiến trình chính sách cho thời gian tới ngay sau hội nghị ở Nội các vào cuối tháng 10. Tiến trình này có cái tên hơi to tát và phô trương: “Đường tới tương lai”. Mục đích là sử dụng quãng thời gian 9 tháng còn lại để tạo ra bầu không khí đoàn kết, gắn kết nhóm Blair và Brown với nhau và để việc lên nắm vị trí lãnh đạo của Gordon được xem là sự tiếp nối và cải cách với hình thức là Lao động mới.

Về bản chất, tôi cho rằng, ông ấy luôn nghĩ chương trình này được thiết kế để kiểm chế và phong tỏa ông ta; nhưng bằng việc đưa Pat McFadden, người của tôi và Ed Miliband, người của

ông ấy, công tác xử lý việc này từ đầu, tôi cố gắng khiến ông ấy an lòng. Tôi vẫn hy vọng có thể thuyết phục ông ấy. Tôi hiểu rằng, ít nhất một số lý do phản đối chương trình cải cách là lý do chính trị; nhưng một khi lên nắm quyền, một khi ông ấy thực sự phải xử lý các vấn đề, tôi nghĩ, mọi việc sẽ khác và ông ấy có thể sẽ hiểu tôi không thúc đẩy chương trình này để gây tác động hay ấn tượng nào. Chính kinh nghiệm và trực giác đã khuyên tôi rằng không có giải pháp nào tốt hơn có thể giải quyết những thách thức mà đất nước đang phải đối mặt. Trái với năm 2004, giờ đây chúng tôi đã có những bằng chứng thực tế rõ ràng rằng các cải cách đã phát huy tác dụng: chúng tôi đã có một giai đoạn tăng trưởng kinh tế dài nhất trong hơn 200 năm, với 2,5 triệu việc làm mới; trong lĩnh vực y tế, không ai phải đợi quá 6 tháng để được điều trị; ở các trường học, chất lượng được nâng lên ở khắp nơi và chi tiêu cho giáo dục trên mỗi học sinh tăng gấp đôi; và trong lĩnh vực tư pháp tội phạm, số tội phạm đã giảm 35%.

Thêm vào đó, giờ đây giữa chúng tôi cuộc cạnh tranh đã kết thúc: ông ấy đã thắng, ông ấy sẽ kế nhiệm. Điều duy nhất quan trọng và quan trọng với cả hai chúng tôi, là ông ấy sẽ kế thừa sự nghiệp của tôi và dự án Lao động mới sẽ được xây dựng một cách bền vững; để đảng không bao giờ quay trở lại lẽ lỗi cũ, khi mà quyền lực chỉ bùng nổ trong một thời gian ngắn còn cả các giai đoạn dài thuộc về phe đối lập, để nước Anh thoát khỏi lời nguyền của nền chính trị thế kỷ XX; và để những tư tưởng tiến bộ được thúc đẩy một cách công bằng, nếu không nói là sẽ chiếm thể thượng phong nhờ sự ủng hộ của số đông như tư tưởng bảo thủ từng đạt được.

Với tất cả bản năng chính trị của mình, tôi biết rằng, chỉ thông qua việc kiên định theo đuổi con đường Lao động mới, với nhiệt huyết trong tim thay vì những tính toán chiến thuật, chúng tôi có thể hy vọng thành công. Như tôi đã nói, tôi tin rằng nếu chệch hướng, ông ấy sẽ thất bại.

Nhưng tôi sợ rằng Gordon không nhận ra điều đó. Ông ấy vờ như ủng hộ chính sách trong chương trình “Đường tới tương lai” và thỉnh thoảng cũng tỏ ra hào hứng, nhưng tôi biết rằng, ở hậu trường, phe của Gordon, ngoại trừ Ed Miliband, đã không ngừng chê bai, phỉ báng, coi đó là một dự án hão huyền và khinh rẻ nó. Và tôi cũng biết rằng họ không có sự lựa chọn. Tôi thường xuyên nói với Gordon và phe phái của ông ấy rằng: Được, tôi hiểu các anh không đồng tình với những phân tích của tôi; hãy cho tôi biết ý tưởng của các anh. Và điều tôi nhận được là gì? Một mặt, họ thực sự bối rối khi cố tránh né những lựa chọn và những câu hỏi khó nhằn đặt ra về các vấn đề chính sách, dù muốn hay không. Mặt khác, họ không muốn bộc lộ suy nghĩ của mình. Cuối cùng họ tự thuyết phục bản thân rằng nguyên do của điều này là họ nên tiết lộ những tư tưởng cấp tiến của mình vào thời điểm diễn ra chuyển giao quyền lực. Như tôi đã bắt đầu nói với Gordon, điều đó cũng ổn thôi, miễn là anh biết anh sẽ muốn tiết lộ gì, nhưng tại sao anh không thảo luận với tôi và thử nghiệm nó, ít nhất là như thế?

Về các kế hoạch cải cách đảng, một lần nữa với khá nhiều lý do, ông ấy lại muốn giữ chúng cho riêng mình. Còn về phần tôi, tôi có hai mục tiêu. Thứ nhất, đơn giản là hoàn tất việc huy động tài chính cho đảng. Tôi nghĩ hoàn toàn có thể đạt được một thỏa thuận với Đảng Bảo thủ để cho phép chúng tôi tiến hành những cải cách hợp lý. Ngài Hayden Phillips, một công chức kỳ cựu trước đây, đã được bổ nhiệm làm Chủ tịch ủy ban phụ trách vấn đề này năm 2006, đã tiếp cận nó một cách thực tế và đầy trí tuệ. Báo cáo năm 2007 của ông đã đề xuất áp mức trần cho phần quyền tặng của cá nhân và chi tiêu cho chiến dịch tranh cử, cùng với việc tăng lượng và diện tài chính lấy từ ngân quỹ của Nhà nước. Tôi nghĩ đó là một gói chính sách thỏa hiệp tốt.

Jack Straw là Bộ trưởng phụ trách việc đó. Chúng tôi đã tiến hành thảo luận về vấn đề này khá lâu nhưng tôi không thể thuyết phục Gordon đồng ý về một gói thỏa hiệp. Theo tôi thì Gordon nghĩ rằng ông ấy sẽ đạt một thỏa thuận tốt hơn khi lên nắm cương vị Thủ tướng, nhưng đã mất cơ hội hạn chế chi tiêu của Đảng Bảo thủ và tôi có dự cảm rằng, trong kỳ bầu cử thứ tư, không có sự tham gia của Michael Levy và tôi, số tiền chúng tôi thu hút được sẽ ít hơn nhiều. Xét cho cùng thì đây là việc trong nhà, nhưng sẽ có tác động rõ ràng tới việc tranh cử.

Vấn đề thứ hai liên quan đến đảng có ý nghĩa nền tảng hơn nhiều. Đôi lúc tôi tin rằng Đảng Lao động phải chọn lựa hành vi chính trị của mình, theo cách để đảng làm việc, tương tác với công

chúng và thực hiện chiến dịch tranh cử. Về cơ bản, tôi đã đi tới một quan điểm rằng, phương pháp chính trị truyền thống đã lỗi thời, chẳng hạn như các đảng, với những đảng viên, những nhà hoạt động xã hội, các ủy ban tổng thể, ủy ban thực thi và tất cả cấu trúc của các chiến dịch vận động chính trị thế kỷ XX. Có những sự thực hiển nhiên về các đảng phái chính trị chính ở Anh và các nơi khác đáng để phân tích. Chúng tôi có ít thành viên hơn số lượng NGO hoạt động ở địa phương, bắt rễ ở tận cấp cơ sở và chỉ giải quyết một vấn đề như các nhóm bảo vệ các loài chim, viện trợ, bảo tồn thiên nhiên và môi trường. Các cách thức chúng tôi tương tác với công chúng ủng hộ sẽ bị một chuỗi siêu thị hạng hai coi là cổ lỗ sĩ. Tình hình sử dụng công nghệ mới của chúng tôi thì thực là thảm hại – chiến dịch tranh cử của Obama rõ ràng là một đột phá, nhưng thực tế, ngay cả ở chiến dịch của Kerry năm 2004, Đảng Dân chủ Mỹ đã bỏ xa các đảng tiến bộ nhất ở châu Âu. Tôi cũng thường thảo luận với George Bush về cấu trúc chiến dịch tranh cử của ông ấy. Chiến dịch này đã được những chính trị gia nòng cốt của George như Karl Rove phát minh và đã mở ra một hướng đi mới trong việc tiếp cận và vận động những người ủng hộ đảng.

Tất cả những chiến dịch thành công hiện đại, bao gồm cả chiến dịch của Sarkozy ở Pháp năm 2007, đã tận dụng hiệu quả các phương thức hiện đại và theo tôi, điều đó có ý nghĩa quyết định, làm mờ ranh giới giữa những phần tử cốt lõi ủng hộ đảng – những nhà hoạt động xã hội – và sự ủng hộ của công chúng ở phạm vi rộng lớn hơn.

Tôi thường nói với những người thân tín của mình rằng: sau 10 năm có mặt trong Chính phủ, giờ đây chúng ta đang rơi xuống điểm thấp nhất, xét về mặt chính trị. Chúng tôi đã mất một lượng ủng hộ nhất định – đó là điều dễ thấy. Đó có thể là những người đã vội vàng đến với chúng tôi vì nhiệt tình, trước giai đoạn tháng 5 năm 1997, giờ rơi rụng đi. Nhưng hãy nghĩ về năm 2005: một chiến dịch tranh cử thực sự chông gai, chúng tôi vấp phải những làn sóng công kích khổng lồ, nhưng nhiều cử tri của Lao động mới vẫn trung thành với chúng tôi và ở một số ghế, chúng tôi đã tăng được đa số. Điều đó có nghĩa là, ở ngoài kia đúng là có những người ghét chúng tôi, nhưng cũng có những người rất mực gắn bó. Hơn thế nữa, nhóm sau này không đến với chúng tôi trong vội vã, vì nhiệt huyết tức thời, gia tăng rất nhanh về số lượng nhưng rồi cũng giảm rất mạnh, mà ngược lại họ là những tín đồ. Họ biết về những vấn đề còn tồn tại hay sai lầm, nhưng họ đã quyết định gắn bó với chúng tôi dù điều gì xảy ra.

Cứ cho là một số cử tri, có lẽ là nhiều người, hậu thuẫn chúng tôi bởi họ không muốn có sự lãnh đạo của Đảng Bảo thủ. Điều này cũng dễ hiểu thôi. Nhưng ngay cả khi chỉ có 1 trong 10 người là tín đồ thực sự (có lẽ thực tế tỉ lệ phải là 4 hay 5 phần 10), thì cũng đã có hơn 1 triệu người rồi. Giờ đó là một nền tảng chính trị. Chúng tôi có thể nhận diện họ. Một số là những chủ thể hưởng lợi mới trong Đảng Lao động mới. Họ có thể đến từ một “danh mục” hoàn toàn mới, những người mà nhờ các chính sách của chúng tôi, đang làm những công việc như điều phối thể thao, trợ giảng, chủ doanh nghiệp nhỏ hay những chuyên gia trong các ngành mới, những người đặt cược vào tầm nhìn về một nền kinh tế mới – những người theo trường phái “thân châu Âu”, những người ủng hộ chính sách ngoại giao can thiệp và những người tham gia vào các chiến dịch vận động ở cộng đồng địa phương về ngăn chặn các hành vi chống xã hội, v.v...

Nói theo cách khác thì bên cạnh những người bỏ chúng tôi mà đi, tôi có thể nhận thấy một số lượng khổng lồ tiềm năng những người ủng hộ chúng tôi, họ không mở cờ dong trống nhưng gắn bó với chúng tôi bởi một niềm tin vào một nền chính trị hiện đại và nền chính trị tiên tiến khác biệt. Đó là những người chúng tôi cần tham dự vào công việc của đảng, không phải vì lợi ích của họ mà vì lợi ích của chúng tôi. Trong dài hạn, sự thành công hay thất bại của việc ra quyết sách, chọn ứng cử viên tốt, áp lực thay đổi đến từ cấp dưới, đều phụ thuộc vào phẩm chất, tình cảm, bản năng và thái độ của những người tham gia trong đảng.

Tự hạn chế mình trong những chính sách lỗi thời hay những nền tảng nghiệp đoàn, chúng tôi sẽ có cấu trúc đảng này; mở rộng cánh cửa, để Đảng được hít thở bầu không khí tươi mới, được những tín đồ thực sự mang lại và chúng tôi sẽ có một đảng hoàn toàn khác, một đảng có khả năng quản trị đất nước trong những thời kỳ dài, một đảng với một liên minh ủng hộ sẽ duy trì

được sự tồn tại của Chính phủ, một đảng sẽ ngăn chặn sự tái diễn của những sai lầm khiến nước Anh phải trải qua 18 năm lãnh đạo của Đảng Bảo thủ và chỉ có 19 năm lãnh đạo của Chính phủ Đảng Lao động, tính đến năm 1997, trong toàn bộ lịch sử của chúng tôi (5 năm trong số đó chúng tôi đã phải tồn tại trong liên minh yếu ớt với Đảng Tự Do).

Trong những chùng mực nhất định, đó là mô hình đảng mà tôi đã luôn thúc đẩy trong những năm qua, khi mở rộng cơ chế kết nạp thành viên trong khu vực bầu cử của tôi và khi chúng tôi thực hiện những cải cách về việc chọn lựa ứng viên tranh cử và lãnh đạo đảng. Giờ đây, công nghệ mới và các hình thức tranh cử mới là công cụ cho phép chúng tôi làm như vậy. Tầm nhìn của tôi là xóa bỏ những ý niệm thủ cựu về cấu trúc và cơ chế thành viên của đảng, đối đãi với những người ủng hộ mình như các thành viên trong những quyết định then chốt và không chỉ sử dụng công nghệ mới để phát triển và mở rộng một đội ngũ những người ủng hộ mới mà còn để hỗ trợ việc tương tác với những người ủng hộ và với chiến dịch tranh cử theo một cách thức khác.

Tôi nhận thấy rõ rằng, ngày nay, những người trong đảng sẽ không ủng hộ đảng vì những lý do giống nhau, hay có những lợi ích tương tự nhau, hoặc đều hào hứng với các chủ đề như nhau. Một số người có thể ủng hộ chúng tôi vì chính sách viện trợ châu Phi, những người khác thì vì cải cách dịch vụ y tế hay các chính sách điều chỉnh hành vi chống xã hội. Thanh niên sẽ có những mối quan tâm khác người cao tuổi. Việc họ sống trong cùng một khu vực địa lý có thể quan trọng trong một cuộc bầu cử cụ thể này hay trong các chiến dịch địa phương nào đó, nhưng thực ra yếu tố địa lý không có nhiều ý nghĩa.

Chúng tôi đã có một cơ hội lớn để tái xây dựng đảng theo hướng hiện đại. Ngoài ra, một số điều chỉnh chắc chắn sẽ xảy ra. Các nghiệp đoàn đã được sáp nhập. Cụ thể, sự kết hợp giữa TGWU và Amicus vào tháng 5 năm 2007 đã tạo ra một tổ chức khổng lồ có tên Unite. Trong tương lai, họ có thể có một nửa quyền bỏ phiếu ở đại hội đảng, cùng với Unison, nghiệp đoàn dịch vụ công. Các cấu trúc nghiệp đoàn vẫn còn khá sâu trong quá khứ. Các tổ chức này vẫn còn bị lũng đoạn bởi những nhà vận động xã hội. Sẽ không tốt cho đảng nếu lại phụ thuộc vào họ. Do đó, vì nhiều lý do, một số từ bên ngoài, một số ở bên trong, nhưng tất cả đều để phù hợp với một thế giới đang biến đổi – cải cách không chỉ hợp lý mà còn là điều cần thiết nếu chúng tôi muốn bảo tồn những lợi ích khổng lồ mà dự án Lao động mới mang lại.

Tôi có thể hình dung được những tranh luận trong đảng hiện nay sẽ đi về đâu. Cả Jon Cruddas và Douglas Alexander đã viết những cuốn pamfôlê. Jon đã tự giúp mình nổi tiếng nhờ cuốn sách này. Đó là một lập trường chính trị thông minh. Trong những phân tích chính trị tổng thể của ông – Lao động mới đã từ bỏ tầng lớp lao động và do đó từ bỏ nền tảng của chúng tôi – ông đã bổ sung một chương trình cho đảng. Tuy được khoác áo ngôn ngữ hiện đại, nhưng rốt cuộc cuốn sách này vẫn là nỗ lực xây dựng một liên minh cánh tả trong tầng lớp trí thức Guardian và những người vận động xã hội của nghiệp đoàn. Mặc dù vậy, nó khá hấp dẫn, ông ta đủ thông minh để khiến nó hấp dẫn, hâm nóng lại và cập nhật tư tưởng Tony Benn từ những năm 1980. Tư tưởng này có điểm hấp dẫn công chúng, nhưng không có triển vọng nghiêm túc nào có thể đạt được sự dung hòa, một khi những hạn chế chính sách của nó được phơi bày.

Douglas đã và luôn là một người thông minh. Tôi đã cố gắng thuyết phục ông từ bỏ phe Gordon, nhưng không thành. Đó là một điều đáng xấu hổ. Ông ấy và em gái Wendy, một người dễ thương và cũng rất thông minh, liêm chính, là một sản phẩm kinh điển của giáo hội Trưởng lão Scotland đầy khuôn phép. Cha của họ là một cha xứ và bản thân ông này cũng đầy tài năng. Douglas lọt vào tầm ngắm của Gordon trước khi ông là Nghị sỹ và ngay lập tức bị Gordon giành giật lấy. Ông ấy có khả năng dùng ngôn từ tuyệt vời, thực sự là một tri thức hạng nhất và đáng ra đã có thể (và có lẽ vẫn sẽ có thể) là một nhà lãnh đạo xuất chúng.

Nhưng “lời nguyền” của Gordon là biến những người này trở thành những người đồng mưu, chứ không phải là những nhà tư tưởng tự do. Douglas, Ed Balls và những người khác giống tôi những năm thập niên 1980, cho tới khi dần dần bức màn che phủ trước mắt tôi rơi xuống và

tôi nhận ra nó giống một hệ thống thờ cúng tôn giáo hơn là nhà thờ chính thống.

Douglas đã viết quyển pamfôlê này với những phân tích rất tuyệt vời về những sai lầm, nhưng những giải pháp mà ông đưa ra theo tôi là để tránh những câu hỏi khó và sa vào một mớ lộn xộn.

Tôi đã bổ nhiệm Hazel Blears, với tư cách là chủ tịch đảng, phụ trách một ủy ban đổi mới đảng. Tôi biết Hazel ủng hộ tôi rất nhiệt tình. Cô ấy là một người vận động tranh cử tuyệt vời, một nhà hoạt động xã hội với những hiểu biết về hạn chế của các phong trào hoạt động xã hội. Tuy nhiên, dù cô ấy đã đấu tranh mạnh mẽ với những chính sách tuyệt vời, thì sự thực là Gordon kịch liệt phản đối việc vị lãnh đạo sắp ra đi quyết định tương lai của vị lãnh đạo sắp kế nhiệm. Điều này hoàn toàn có thể hiểu được trừ việc ông ấy không hề có tầm nhìn nào để thay thế, việc tôi vẫn luôn nói với ông ấy; và việc thiếu vắng một tầm nhìn rõ ràng sẽ chỉ khiến tổ chức đảng bị tụt lùi.

Trong tất cả những năm đã qua, chúng tôi đã nghĩ chúng tôi đã có những quan điểm hoàn toàn giống nhau về chính trị, đảng và cuộc đời, cho dù trên thực tế, chúng tôi có những cách nhìn khác nhau một chút ở một số điểm nhưng không phải không chia sẻ được. Có sự gắn kết đủ để cho phép cả hai chúng tôi lượng thứ cho nhau và vào lúc đó chúng tôi thừa nhận đó là sự lượng thứ, nó đã trở thành một phần trong ưu điểm độc đáo của đảng và việc từ bỏ nó là quá tai hại. Nhưng đó là điều hoang đường.

Tiến trình nghị sự chính sách diễn ra tốt hơn và cuối cùng đưa ra được một số kết luận và phân tích không tồi. Về an ninh, tội phạm và pháp lý, chương trình “Đường tới Tương lai” phác thảo những tiến bộ trong việc xử lý tội phạm và căn nguyên của nó, nhưng nêu bật tác động của sự thay đổi nhanh chóng đối với xã hội, đó là tác động lên tỉ lệ tội phạm, an ninh và sự cố kết cộng đồng. Tài liệu này cũng cho rằng tiến trình cải cách không ngừng cần căn cứ vào ba yếu tố chính: ngăn chặn hiệu quả hơn; phát hiện tội phạm và thi hành luật tốt hơn; đồng thời cải cách hệ thống pháp lý liên quan đến tội phạm bằng cách áp dụng các nguyên tắc cơ bản trong cải cách dịch vụ công.

Văn bản này cũng chỉ ra những thách thức mà nước Anh phải đối mặt trong một thế giới toàn cầu hóa nhanh chóng và làm thế nào để lợi ích của nước Anh được đảm bảo tốt nhất, cùng tồn tại với các giá trị tiến bộ chung, trong một thế giới mà các Chính phủ làm việc một cách hòa bình trong khuôn khổ luật pháp quốc tế. Nó cũng vạch ra cách để nước Anh vẫn duy trì ảnh hưởng và quyền lực, nhưng giờ đây phải sử dụng cả quyền lực cứng và mềm. Sẵn sàng can dự nếu cần thiết – sử dụng hành động quân sự khi phù hợp – nhưng cũng tiến hành các hành động toàn cầu để giải quyết các vấn đề như đói nghèo và biến đổi khí hậu; thừa nhận rằng chính sách đối ngoại của Anh được thúc đẩy bởi các giá trị – công lý và dân chủ – trong một thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau. Đảm bảo tất cả mọi người được tiếp cận với tiêu chuẩn sống bình đẳng và có những giá trị toàn cầu chung nhất định và thừa nhận biến đổi khí hậu đang là một vấn đề ngày một quan trọng và chỉ có thể xử lý thành công nếu hợp tác trên cấp độ toàn cầu.

Về gia đình, tài liệu này thừa nhận tầm quan trọng trong vai trò của các gia đình trong xã hội, dù cấu trúc của họ là gì. Chính phủ cũng thừa nhận rằng sự thành công của các gia đình không thể hiện ở diện mạo bên ngoài mà ở sự gắn kết giữa các thành viên sống trong đó và rằng Chính phủ vẫn còn có vai trò trong việc đảm bảo tất cả các gia đình được đối xử công bằng và được tiếp cận các lựa chọn giống như các gia đình khác. Tầm nhìn mà tài liệu này vạch ra là để: hỗ trợ các gia đình thực hiện quyền của mình, nhằm quản lý công việc của riêng họ trong khi sống đúng với trách nhiệm mà họ có; tạo ra sự cân bằng giữa công việc và gia đình bằng cách giúp những người sống nhờ phúc lợi sang làm việc kiếm sống, cải thiện chất lượng chăm sóc trẻ em và hỗ trợ sự gắn kết trong gia đình; và giải quyết vấn đề các gia đình bị tách biệt khỏi xã hội, bằng cách xử lý nguyên nhân và hậu quả của việc gia đình bị loại trừ khỏi xã hội, một vấn đề đã trở nên sâu sắc hiện nay.

Về vai trò của Nhà nước, tài liệu này giới thiệu ý tưởng một Nhà nước chiến lược và có quyền năng, để đối phó với sự phát triển không ngừng của các xu hướng trong nước và toàn cầu. Tài liệu vạch ra 6 đặc trưng chủ chốt của Nhà nước này: chú trọng mạnh mẽ vào kết quả; xử lý vấn đề thiếu an ninh; trao quyền cho người dân; quyền và nghĩa vụ; xây dựng lòng tin; và một trung tâm chiến lược nhỏ hơn.

Cuối cùng, tài liệu này kết hợp thách thức đôi là an ninh năng lượng và biến đổi khí hậu, vạch ra một khuôn khổ chính sách toàn diện để đạt được các mục tiêu của chúng tôi, bao gồm: thúc đẩy các thị trường năng lượng cạnh tranh; nỗ lực hướng tới một khuôn khổ quốc tế hậu 2012 mạnh; đặt giá carbon phản ánh thiệt hại nó mang lại; thúc đẩy việc chuyển sang phát triển các công nghệ mới thông qua các tiêu chuẩn chất lượng, các chương trình khuyến khích phát triển và hỗ trợ; dỡ bỏ các rào cản đối với việc thay đổi hành vi, sự lựa chọn và đầu tư; và đảm bảo rằng Vương quốc Anh và các nước khác có thể thích nghi với những tác động của biến đổi khí hậu.

Quả thực, chúng tôi đơn giản là đưa ra tất cả các yếu tố này và thúc đẩy thực hiện chúng, tôi nghĩ chúng sẽ phát triển thành một chương trình nghị sự tương lai tương đối mạnh, về chính sách và về luật pháp. Tôi cũng quyết định sẽ có một loạt bài phát biểu có tên “Tương lai của dân tộc chúng ta”, nhằm cố gắng tóm tắt triết lý của dự án Lao động mới, những điều chúng tôi đã làm tốt, những điều không làm được và cơ sở căn bản của tất cả điều này. Đã có những ý niệm rằng tất cả là một sự tiếp thị khôn ngoan và tôi muốn thể hiện nó như một phần tư tưởng mang tính chính trị. Tôi phải nói rằng, hoàn toàn không ngạc nhiên, khi giới truyền thông không thích đưa tin về các bài phát biểu này, trừ bài về quốc phòng.

Vấn đề của họ không đơn giản là vì tôi sắp ra đi; vẫn chưa rõ liệu sự ra đi của tôi chỉ là sự thay đổi nhân sự, hay cũng là sự thay đổi về chính sách nữa. Do đó một loạt bài phát biểu chính sách không thu hút đủ sự quan tâm, trừ phi nó phê phán ai đó hay cái gì đó. Dĩ nhiên, bạn có thể nghĩ rằng, nghề của họ là khám phá việc này, nhưng đội ngũ của GB đã quen biết một “hệ thống” tuyệt vời, để không để lộ bất kỳ sơ hở nào, có nghĩa là họ sẽ không sai lầm hay thiếu tôn trọng mà thể hiện quan điểm của họ khi tôi vẫn là Thủ tướng.

Tôi thấy buồn cười khi họ đã hoàn toàn bị “mua chuộc”.

Giờ đây đọc lại các bài phát biểu, tôi nghĩ chúng vẫn còn hợp thời, do đó hãy để tôi tóm tắt chúng một cách ngắn gọn. Mục đích của tôi, trong từng trường hợp, không đơn giản là tuyên bố một chính sách mà miêu tả cả sự phát triển trong suy nghĩ của riêng tôi, dựa trên những kinh nghiệm trong Chính phủ.

Điều này gợi nhớ lại những gì tôi đã nói trong chương mở đầu. Năm 1997, tôi đã có một tầm nhìn bao quát lớn, nhưng không có kinh nghiệm chính trị về hoạch định chính sách trong Chính phủ. Đôi khi mọi người phân tích chính trị cứ như thể nếu một Chính phủ mới lên cầm quyền, họ sẽ có một chương trình và nỗ lực làm việc để thực hiện chương trình đó và thành công hay thất bại tùy thuộc vào điều đó.

Mặc dù vậy, quản trị trong thực tế, như bất kỳ việc nào khác trong đời sống, không giống như thế. “Chính phủ” không có gì bí ẩn và cũng ít thần bí hơn người ta tưởng. Thực ra nó cũng giống như tất cả các hoạt động khác. Bạn học được khi bạn trải nghiệm. Bạn học những thông tin thực tế và dĩ nhiên các sự kiện có thể thay đổi chúng. Bạn học được các tiến trình. Bạn học được nghệ thuật và khoa học trong nghề của bạn. Nhưng vì quyền lực chính trị là kết quả của một quá trình đấu tranh chính trị – ý tưởng, nền tảng chính sách của “chúng ta” đối chọi với ý tưởng của “họ” – xu hướng là coi công việc của Chính phủ như việc đóng cánh cửa của một căn nhà cũ và chuyển tới một nơi nào đó mới. Thực ra, bạn không đổi quyền sở hữu; bạn đổi người thuê nhà.

Do đó, khá hợp lý khi cố gắng hiểu vì sao người thuê nhà trước đó làm điều này hay điều kia, họ học được gì và họ đã tìm thấy gì khi sống ở đó. Không may là, sự giáo dục không phù hợp

với cách mà chính trị được thực thi. Trong thời đại mà mục tiêu thường được chia sẻ và chính sách có vai trò sống còn, nơi vấn đề thường không phải là phải hay trái, mà như tôi nói trong phần trước, là đúng hay sai, đây là nhược điểm lớn của nền dân chủ. Bạn mất nhiều năm để học lại được những điều mà người thuê nhà trước đó đáng ra đã bảo cho bạn từ kinh nghiệm của họ.

Do đó trong những bài phát biểu muộn màng này, tôi đã chọn những lĩnh vực chính sách mà tôi nghĩ sẽ hàm chứa một bài học nào đó cần truyền đạt lại. Bài phát biểu đầu tiên là về luật và nghị định. Nó tập trung vào những điều tôi đã khám phá được khi cố gắng xử lý vấn đề tội phạm, một vấn đề khổng lồ đối công chúng, điều khiến người dân lo lắng hơn các chính trị gia.

Tôi đã bắt đầu với câu châm ngôn hay xa xưa “nghiêm khắc với tội phạm, nghiêm khắc với căn nguyên của tội phạm”. Hay trong chừng mực của nó. Điều tôi học được là trong một thế giới tội phạm vô cùng tinh vi – băng đảng, ma túy, buôn người, rửa tiền, đặc biệt là chủ nghĩa khủng bố – các vấn đề xã hội sâu sắc đã thúc đẩy dạng tội phạm ở đáy xã hội, mà các luật lệ và nghị định cũ không hiệu quả. Tôi hoàn toàn hiểu quan điểm truyền thống: chứng minh có tội theo cách cũ, theo những tiến trình pháp lý thông thường. Xin lỗi, với những người này, nó không có tác dụng. Nếu bạn muốn đánh bại họ, bạn cần những quyền lực nghiêm khắc được thực thi về mặt hành chính, với hiệu lực tức thời. Do vậy, luật về các hành vi chống xã hội, cơ sở dữ liệu ADN, luật tài sản tội phạm, luật chống khủng bố, v.v... ra đời. Bạn có thể quyết định sẽ phải trả một cái giá quá cao, đó là tự do theo quan điểm truyền thống. Được thôi, nhưng – và đây là điều tôi đã học được – đó là cái giá xứng đáng. Nếu bạn không trả nó, bạn không nhận được kết quả.

Vấn đề là bạn có thể nhận định ai sẽ nói – đôi khi với lý lẽ – chúng tôi, người bị buộc tội đã từ chối quyền của mình. Nhưng bạn có thể không bao giờ biết đầy đủ có bao nhiêu sinh mạng đã bị tước đi hoặc bị chôn vùi nếu tội phạm không được kiểm soát. Họ là nạn nhân và nạn tội phạm có thể được ngăn chặn; nhưng không phải theo cách truyền thống. Vậy thì hãy chọn lựa đi; nhưng đừng tự lừa dối mình rằng đó không phải là một sự lựa chọn. Liên hệ điều này với một bài phát biểu về sự ruồng rẫy của xã hội. Ở đây tôi muốn đặc biệt liên hệ tới những gì tôi đã học được từ thời tôi có bài phát biểu Bulger (bài phát biểu phản ứng trước việc James Bulger bị sát hại) năm 1993. Tôi từng nghĩ rằng, những hành vi gây sốc của một số người trẻ – bạo lực, vũ khí nóng, lạm dụng ma túy – là một triệu chứng của một xã hội mất phương hướng. Theo nghĩa đó, thì tôi đã đoán trước được luận điểm mà David Cameron đã nói sau này về một “xã hội đổ vỡ”.

Theo thời gian, tôi kết luận rằng mình đã mắc một sai lầm nguy hiểm khi bỏ sót một hành vi của một cộng đồng thiểu số với xã hội nói chung. Sự thực là hầu hết những người trẻ đều ổn, thậm chí là tốt, thực ra còn tốt hơn nhiều người mà tôi nhớ ở thế hệ tôi. Thực sự không đúng khi nói các hành vi gây sốc là một đặc điểm cơ bản của xã hội. Thực tế hoàn toàn ngược lại: nó là sự ngoại lệ, một nét dị biệt. Do đó, thay vì phân tích chính sách và sau đó quy nó trong bối cảnh “xã hội” tổng thể, cần phải tuyệt đối và đặc biệt chú trọng vào sự ngoại lệ. Khi bạn kiểm tra dữ liệu, thì điều này không phải là do yếu tố “thanh niên” hay thậm chí là “nghèo đói”. Đó là do gia đình bị suy yếu về chức năng. Và cả do “cuộc sống gia đình” có vấn đề. Hầu hết các gia đình, bất chấp tất cả căng thẳng của cuộc sống hiện đại, chức năng của gia đình vẫn được đảm bảo. Họ vẫn hoạt động bình thường. Ngay cả những gia đình đã trải qua li dị hay li thân. Một thiểu số gia đình thì không như vậy. Vì thế hãy tập trung vào họ.

Đối với những gia đình này, chúng ta cần có sự can thiệp đặc biệt, những hành động này không thể được thực hiện theo những thông lệ xã hội thông thường. Đối với họ, thiếu sự can thiệp của Nhà nước không đồng nghĩa với tự do, nó chỉ khuyến khích họ thực hiện những hành vi tiêu cực, gây tổn hại cho họ và tất cả những người xung quanh. Không có căn cứ nào để các nhà chức trách ghé thăm họ định kỳ hay kiểm tra xem họ sống ra sao một cách thường xuyên. Họ cần bị kiểm soát. Để làm điều này hiệu quả thì “quyền” của họ phải bị tạm ngừng, bao gồm cả quyền làm cha mẹ. Không khó rằng để có thể nhận ra các gia đình này. Cả con cái họ cũng vậy.

Tôi không đề xuất rằng trong tất cả các trường hợp như thế, trẻ em cần phải được quan tâm đặc biệt; tôi chỉ muốn làm rõ rằng cần phải xây dựng các chính sách mới vượt ra ngoài khuôn khổ thông thường. Nếu không sẽ không có tác dụng.

Một bài học bao quát hơn cho xã hội là về lĩnh vực trách nhiệm cá nhân đối với sức khỏe. Trong bài phát biểu thứ ba này, tôi đã đặt ra câu hỏi vì sao và theo thời gian, tôi đã đi tới kết luận rằng chính sách chăm sóc sức khỏe hiện đại cần phải bao gồm sự can thiệp mạnh mẽ vào chế độ ăn uống và tập luyện thể dục thể thao.

Thường thì tôi rất thận trọng đối với các loại quy định. Nhưng không phải trong lĩnh vực này; bởi vì một chế độ ăn uống sai và thiếu tập luyện không những tai hại cho dân tộc mà cho cả từng cá nhân. Do đó, tôi nỗ lực điều chỉnh việc cấm hút thuốc, dán nhãn thực phẩm và trên hết là về thể thao. Về lĩnh vực thể thao, tôi đã cố gắng, nhưng sợ rằng không hoàn toàn thành công, để thuyết phục hệ thống rằng thể thao là một phần của công việc hàng ngày, có nghĩa là cần phải là một phần trong việc ra quyết sách chính. Chúng tôi đã tăng mạnh đầu tư vào thể thao và tạo ra những ưu tiên cho thể thao trong các trường học. Tôi muốn thúc đẩy hơn nữa hoạt động thể thao, nhưng để làm như vậy, một phần của cơ sở hạ tầng, trong đó chúng tôi mở ra các cơ hội tập luyện thể dục thể thao và tư vấn về chế độ ăn uống cho mọi người, phải vượt qua giới hạn vốn chỉ dành cho tầng lớp cao cấp.

Tôi cho rằng, tuy có rất nhiều chương trình tập trung vào xây dựng lối sống lành mạnh và còn nhiều hơn thế các lời tư vấn về sức khỏe, nhưng vấn đề là làm thế nào để tổ chức, điều phối và tiếp cận nó một cách rộng khắp. Tôi ủng hộ chương trình ăn tối ở trường học của Jamie Oliver vì lý do tương tự. Những vấn đề này không phải là ý tưởng quá muộn, hay điều gì đó nghĩ ra cho vui vào thời điểm tôi sắp giã từ cương vị Thủ tướng. Chúng là những việc cần thiết.

Bài diễn văn thứ tư lại một lần nữa liên quan tới ao ước thầm lặng bấy lâu nay của tôi và là một phần kết quả của những cơ hội bị bỏ lỡ ở trường: đó là khoa học. Tôi đã là một sinh viên dở tệ. Thất bại trong môn vật lý, từ bỏ môn hóa, bỏ qua môn toán, không bao giờ bận tâm đến môn sinh và mất cả phần đời còn lại của mình để mà nuối tiếc! Tôi cảm thấy mình vô cùng ngu ngốc, không thể hiểu đầy đủ các nguyên tắc hay nguyên tố theo bất kỳ hình thái nào giúp người ta có thể hiểu được. Do đó, phần tuổi trẻ của tôi, xét về lĩnh vực khoa học, đã trôi qua trong vũng lầy của sự thất vọng, bất khả tri và thờ ơ. Giờ đây tôi rất hào hứng với khoa học và khả năng mà nó có thể đem lại; do nhận ra những tiến bộ của nó đang thay đổi thế giới và cuộc sống của chúng ta như thế nào.

Bài phát biểu có 3 phần: giải thích vì sao khoa học lại quan trọng; vì sao chúng tôi cần đầu tư gấp đôi vào khoa học dựa trên đường hướng rất khả thi của David Sainsbury; và vì sao chúng tôi không nên để những kẻ chỉ trích khoa học hủy hoại khả năng tạo ra những đột phá mới của nó. Tôi đã từng có một cuộc tranh luận dữ dội với những người phê phán thực phẩm biến đổi gen, được dẫn dắt bởi một mỹ nhân quyến rũ nguy hiểm của tờ Daily Mail, người đã bịa ra tất cả những lời khuyên vô nghĩa rằng thực phẩm biến đổi gen là thảm họa cho sức khỏe.

Tôi cũng đã có cuộc đấu tranh với những người tương tự về Leo và việc liệu cháu đã uống vắc-xin MMR chưa. Bác sỹ Wakefield – người sau này bị mất uy tín – đã nhận định rằng vắc-xin MMR có liên hệ với bệnh tự kỷ. Tờ The Mail ngay lập tức chộp lấy ý tưởng này. Họ đặt ra nghi vấn về việc Leo uống vắc-xin đó – nếu Chính phủ nói vaccine MMR là an toàn, thì liệu con trai Thủ tướng có uống vắc-xin đó không?

Thực ra đó không phải là câu hỏi vô lý và sẽ thẳng thắn hơn nếu chúng tôi trả lời nó ngay trước bàn dân thiên hạ. Nhưng vì những lý do riêng tư, gia đình tôi rất nhạy cảm về các vấn đề liên quan đến Leo và vì thế chúng tôi đưa ra lập luận rằng: vấn đề về việc dùng vắc-xin của Leo không thuộc khu vực công. Mặc dù vậy, ngay sau đó chúng tôi nhận ra rằng, chúng tôi chẳng thể duy trì điều đó. Và rồi chúng tôi nói, không ghi âm, rằng: Hãy nhìn đây, chúng tôi tin rằng dùng vắc-xin là tốt nhất cho trẻ em, trong đó có cả Leo và chúng tôi không hề nghi ngờ những

người khác làm những điều chúng tôi không làm với Leo và bạn hãy tự rút ra kết luận của mình; và dĩ nhiên đó là sự thừa nhận hiệu quả. Vì vậy cánh báo chí biết rõ rằng Leo đã uống vắc-xin. Nhưng một bộ phận của giới truyền thông vẫn vờ viết rằng điều đó chưa rõ và công chúng thì vẫn không nguôi lo lắng.

Bài phát biểu đã vạch ra tác dụng bảo vệ mạnh mẽ của khoa học và phân biệt rõ quyền của khoa học trong việc cho chúng tôi biết những dữ liệu thực tế và quyền quyết định có hành động dựa trên thực tế đó hay không. Điều không nên xảy ra trong các thảo luận công là tư tưởng bài khoa học hay khoa học dối trá đã trấn áp sự thật. Từ Galileo qua Darwin đến thời kỳ hiện đại ngày nay, những thái độ như vậy luôn để lại hậu quả xấu; và ngày nay một dân tộc như Anh không thể để bị quản trị bởi điều đó.

Bài phát biểu kế tiếp là về “đa văn hóa”. Một lần nữa, đó là nỗ lực nhằm thúc đẩy một chính sách, sau những tranh cãi vô ích về việc đa dạng là sức mạnh hay điểm yếu. Đối với tôi, nó rõ ràng là sức mạnh. Nhưng với công dân, phải có những trách nhiệm nhất định rõ ràng, quyền lợi cũng vậy. Đây là một không gian chung, trong đó tất cả công dân Anh nên cùng chung sống. Không gian này bao gồm sự ủng hộ cho các giá trị cơ bản của Anh, ngôn ngữ, văn hóa và cách sống của chúng tôi. Trong khía cạnh đó, chúng tôi không nên đa dạng mà nên thống nhất. Bên ngoài không gian đó, sự đa dạng cần được tự do rong chơi; và khi đó nó thực sự là sức mạnh.

Tôi cũng có một bài phát biểu khác về quốc phòng, trong đó đưa ra những triết lý cơ bản của tôi; nhưng cũng đưa ra một điểm rất thực tế. Ngày nay, chúng tôi cần một thỏa thuận mới về lực lượng vũ trang. Chúng tôi đang đề nghị họ trở lại chiến đấu và chịu thương vong. Trong gần 50 năm, những nhiệm vụ của lực lượng Falklands và Bắc Ireland tách biệt khỏi hoạt động chung, không phải là vấn đề cần bàn tới. Vì vậy, chúng tôi cần trang bị và thưởng cho họ xứng đáng. Mặc dù vậy, nếu chúng tôi không thể tham gia các cuộc chiến sắp tới, thường là với đồng minh Mỹ, thì chúng tôi sẽ mất các lực lượng vũ trang được xem là bộ phận quan trọng đem lại cho nước Anh sức mạnh, tầm ảnh hưởng và quyền lực.

Bài phát biểu thứ bảy là về nơi làm việc. Đọc lại nó, tôi thấy hơi rời rạc, nhưng nó cũng mang trong mình mầm mống của một ý tưởng. Về cơ bản, tôi đã cố gắng nói rõ rằng môi trường làm việc hiện đại ngày nay hoàn toàn là về tận dụng nguồn vốn con người và phát triển nó. Về mặt này thì tinh thần “quản lý/công nhân” hoàn toàn lỗi thời. Do đó, thay vì tập trung vào trò chơi không đem lại lợi ích gì cho việc quản lý hay vốn, Chính phủ và nghiệp đoàn nên yêu cầu khả năng sử dụng sự sáng tạo và kỹ năng của người lao động một cách hiệu quả nhất; và nên tích cực tham gia vào ý tưởng này đồng thời tham gia vào việc tạo ra tài sản. Vì vậy, chính sách của Chính phủ nên hướng tới việc nâng cao kỹ năng suốt đời, chứ không phải điều chỉnh thị trường lao động.

Chủ đề của bài diễn văn cuối cùng là một vấn đề không thể cưỡng lại được sau 10 năm làm Thủ tướng, đó là giới truyền thông. Tôi biết họ sẽ bác bỏ nó, châm biếm và nói chung là nhạo báng nó. Một mặt, tôi đã ở vị trí tệ nhất để nói về họ. Không ai cảm thông cho các chính trị gia và giới truyền thông và các chính trị gia (đặc biệt là tôi) phải bỏ ra nhiều thời gian để đào xới về giới truyền thông. Do vậy, dễ dàng bị cáo buộc là ích kỷ, đạo đức giả và không thành thật. Tôi vẫn quyết định viết bài diễn văn này, vì mặt khác, chỉ những người có kinh nghiệm đối phó với giới truyền thông và với vị trí Thủ tướng, mới có thể dám thẳng thừng chỉ trích.

Tôi dậy vào 4 giờ 30 sáng để viết và chỉ mới soạn được một bài phác thảo. Tôi phải thú nhận rằng khi đọc nó, trực tiếp trên vô tuyến truyền hình, trước lớp khán giả là nhà báo, tôi có hơi nao núng một chút. Nó được viết như cảm nhận của tôi và cảm xúc đó rất mạnh mẽ.

Mặc dù vậy, những lập luận của tôi là đúng đắn: thực tế là giờ đây giới truyền thông hoạt động vì tác động, tạo ra vấn đề giăt gân (gây xúc động mạnh), loại ra những tranh luận đúng đắn về chính sách hay các ý tưởng. Không những thế, truyền thông còn hoạt động 24/7, sở hữu quyền

lực phi thường nhưng không hề có một tí trách nhiệm phù hợp nào. Khi họ quyết định ủng hộ ai, họ là “những con quỷ hoang dã”. Nhưng hơn thế nữa, họ cũng, một phần thông qua sự hiện diện của cạnh tranh, chia phe phái cao độ để đạt được tác động tối đa hay làm mọi người thừa nhận những quan điểm của những người chủ của họ hay các biên tập viên.

Dù gì đi nữa, bài phát biểu của tôi đã được tán thưởng mạnh mẽ! Ngay cả tới nay, mọi người ở cả trong và ngoài nước vẫn còn nhắc với tôi về nó. Bất chấp những nỗ lực tốt cùng để bóp méo và bác bỏ, nó đã gây được tiếng vang.

Những tuần cuối cùng bị chi phối bởi các cuộc bầu cử ở Scotland và sau đó là những công đoạn chuẩn bị cuối cùng cho việc ra đi. Giờ đây tôi đã định ngày rời cương vị Thủ tướng là 27 tháng 6, sau các hội nghị thượng đỉnh G8 và Liên minh châu Âu. Trong suốt quãng thời gian đó, chúng tôi hy vọng đạt được những kết quả cuối cùng cho tiến trình hòa bình Bắc Ireland và phục hồi cơ chế chia sẻ quyền lực và đã dốc hết sức vào việc đó.

Chúng tôi đã có những cuộc tranh cãi thú vị với Iran khi họ bắt 15 binh sỹ Hải quân Hoàng gia vào 23 tháng 3. Người Iran nói rằng họ đã xâm phạm thủy phận Iran, điều mà chúng tôi chắc chắn là sai, nhưng nó cũng tạo ra một số ngày đáng lo ngại. Mặc dù bất bình trước hành động của Iran, tôi vẫn rất điềm tĩnh. Điều quan trọng duy nhất là đưa các binh sỹ trở về sớm, do đó chúng tôi quyết định đi theo con đường ngoại giao hơn là đối đầu, bất chấp những chỉ trích vì làm như vậy. Không may là, một số binh sỹ diễu hành qua ống kính máy quay trông có vẻ quá thân thiện với những người bắt giữ họ; và khi họ được thả 12 ngày sau đó – một “món quà” cho nước Anh, như cách gọi của Tổng thống Ahmadinejad – một số người đã đặt niềm tin vào các tờ báo. Điều này tạo ra sự thịnh nộ giả tạo, đặc biệt là những tờ báo không có được câu chuyện. Tôi chỉ cảm thấy tiếc cho tất cả bọn họ mà thôi. Họ đã trải qua một tình huống hoàn toàn không lường trước, trong khi có rất ít hoặc không có kinh nghiệm xử lý bất kỳ điều gì như thế, do vậy tôi đã đi theo hướng bỏ ngoài tai bất kỳ sự chỉ trích nào. Nhưng việc này cũng chi phối tâm trí của cả nước trong nhiều ngày.

Chúng tôi đã thúc đẩy các đề xuất về cải cách Thượng viện. Gordon bản tín hiệu rằng ông muốn có một Thượng viện theo cơ chế bầu cử. Jack Straw đã trở thành một người ủng hộ cho bầu cử một phần và đề xuất các phương án lựa chọn. Tôi chấp nhận đề xuất của ông ấy, nhưng về mặt cá nhân, như tôi đã vui vẻ nói với Ủy ban Liên lạc trong lần cuối tôi gặp họ vào tháng 6, tôi nghĩ nó thật điên rồ. Giờ đây đang có những nỗ lực khổng lồ thúc đẩy nó, nhưng không hiểu vì sao tôi vẫn nghi ngờ rằng nó có thể được thực hiện.

Thượng viện là một thể chế độc đáo của Anh, một nơi cũ kỹ và vui nhộn. Tuy tôi rất quan tâm tới thuyết đả phá những tín ngưỡng lâu đời, nhưng trong trường hợp này tôi nghĩ sự độc đáo của Thượng viện đáng được bảo tồn. Việc cha truyền con nối của các thành viên Thượng viện là vô lý và thực sự không công bằng, nhưng cân cân giữa luận điểm bầu thành viên và bổ nhiệm thành viên tỏ ra cân bằng hơn nhiều so với các đề xuất về bầu cử. Việc bổ nhiệm có thể bị ảnh hưởng bởi các nguy cơ như: quan hệ thân mật, sự sắp đặt, dõ dàu, v.v..., nhưng điều này có thể khắc phục được bằng một hệ thống đề cử khác. Và thực tế là giờ đây, hệ thống mà Ủy ban Thượng viện đã đưa ra tháng 5 năm 2000 có thể đảm bảo điều này.

Còn nguy cơ mà bầu cử đem lại là chúng ta sẽ có một bản sao của Hạ viện, điểm khác biệt duy nhất là bạn bầu những người vì lý do này hay khác không thể vào được hoặc không muốn vào Hạ viện. Lợi ích tổng thể của sự tồn tại của Thượng viện là bạn có thể đưa vào những nhân vật không có tiểu sử hoạt động chính trị cả đời, những người không phải là bản sao hay sản phẩm thay thế của các Nghị sỹ (MP), nhưng có những kinh nghiệm và trình độ chuyên môn uyên thâm và khác biệt.

Chẳng hạn như, việc có những người như Ara Darzi là một Thượng nghị sỹ và một Bộ trưởng Y tế, một bác sỹ phẫu thuật và biết tất cả các tri thức mới về y khoa – là một phần thưởng khổng lồ cho đội ngũ nhân tài chính trị. Thực ra, các bộ trưởng trong Thượng viện hóa ra là những

người có năng lực nhất, nhưng tôi ngờ rằng nhiều người, nếu không phải là tất cả trong số họ, muốn trau dồi những kiến thức, kinh nghiệm chính trị cần thiết để chạy đua trong một cuộc bầu cử và trở thành một MP.

Thêm vào đó, nó còn phụ thuộc vào chức năng mà bạn muốn Thượng viện thực hiện. Nếu là một Viện để xét duyệt, thì sẽ còn tốt hơn nếu có nhiều kiểu thành viên khác nhau trong đó. Nếu bạn muốn đó là một Viện cạnh tranh, thì khi đó tôi chấp nhận quan điểm Thượng viện dựa trên bầu cử sẽ mạnh hơn. Nhưng hãy xem những ví dụ về sự cạnh tranh lưỡng viện như vậy trên thế giới, không có nhiều nơi hoạt động hiệu quả, hay ít nhất là không có nhiều nơi không phải chịu cảnh bế tắc nghiêm trọng. Do đó, nói chung tôi phản đối nó.

Chiến dịch tranh cử Nghị viện Scotland diễn ra vào tháng 4. Chúng tôi đã thắng hai lần trước, nhưng lần này, tình hình sẽ khó khăn hơn nhiều. Chúng tôi cũng đang đến gần dịp kỷ niệm 10 năm lên nắm quyền của Chính phủ. Đó là một thành tựu to lớn cho đảng, lần đầu tiên đảng đến gần một cột mốc quan trọng như vậy và tôi nghĩ có cơ hội thực sự để tập trung vào một số thành công đã đạt được trong thập kỷ đó. Sự thực là, cho dù ai đó có thể nói gì và cho dù điều gì xảy ra sau này, thì từ năm 1997 đến năm 2007, Anh đã có 10 năm tăng trưởng kinh tế không gián đoạn. (Tôi sẽ nói về các nguyên nhân của khủng hoảng năm 2008 sau). Chất lượng sống của những người nghèo nhất đất nước đã được cải thiện 20% so với thời Đảng Bảo thủ cầm quyền. Người về hưu không còn phải chết vì không đủ ấm vào các mùa đông. Dịch vụ y tế công cộng không còn bị giới báo chí chỉ trích vì tình trạng khủng hoảng, thời gian và danh sách các bệnh nhân phải chờ đợi để được khám chữa bệnh đã được cải thiện, trong một số trường hợp đã được cải thiện nhanh (Vấn đề này đã đi về đâu khi nó là một tâm điểm trong cuộc tranh cử 2010?)

Năm 1997, đã có gần 100 trường học ở London có dưới 15 học sinh nhận được năm điểm GCSE tốt (giỏi). Đến năm 2007, con số này giảm xuống chỉ còn 2. Chương trình đào tạo học viện giờ đang phát triển rầm rộ. Chúng tôi là Chính phủ duy nhất kể từ sau chiến tranh mà dưới sự lãnh đạo của chúng tôi, số tội phạm đã giảm đi thay vì tăng lên. Chúng tôi đã ban hành quá thừa những điều chỉnh về cá nhân, từ lương tối thiểu theo luật định đầu tiên đến việc tăng mạnh thời gian nghỉ thai sản của người mẹ và thời gian nghỉ chăm sóc con của người cha, đến quyền của người đồng tính và chương trình Sure Start cho trẻ em. Những khu vực “ổ chuột” ở Birmingham, Bristol, Leeds, Liverpool, Manchester, Newcastle, Nottingham và Sheffield đã được cải tạo. Cũng có những chương trình lớn cải cách và kiện toàn hiến pháp mới. Và tuy nhiều người bất đồng với những quyết định về Iraq và Afghanistan, nhưng năm 2007, nước Anh đã xác lập được một vị thế quan trọng trên thế giới, có một liên minh mạnh với Mỹ và là thực thể đóng vai trò chủ chốt ở châu Âu. Bắc Ireland cũng vậy. Lùi lại và kiểm nghiệm, chúng tôi thấy đó là một thập kỷ khá là thành công.

Do thời điểm ngày 1 tháng 5 sắp đến, chúng tôi bắt đầu, không thể tin được, truyền tải thông điệp đó và đến thời gian diễn ra ngày kỷ niệm 10 năm, chúng tôi đã thu hẹp được khoảng cách về uy tín trong cuộc thăm dò dư luận, gần như là chúng tôi đã được tín nhiệm bằng đối thủ. Với việc chúng tôi rõ ràng đang ở giữa nhiệm kỳ và với cuộc điều tra tai hại “đổi tiền lấy danh”, đó thực sự là một điều đáng kể.

Tôi quyết định đi và vận động tranh cử một cách mạnh mẽ ở Scotland. Tôi có một chút cảm giác rằng mình không nên, nhưng cũng biết khá rõ rằng mình nên đi và thử thách sự tín nhiệm thực sự. Các cuộc bầu cử địa phương ở Scotland cũng đang được tổ chức, tất cả cho tôi cơ hội đến đó và nhắc mọi người nhớ rằng tôi có thể làm được gì.

Đảng Lao động Scotland đón tiếp rất nồng nhiệt, cho dù trong thâm tâm họ cảm nhận ra sao. Lesley Quinne, nhà tổ chức và Tổng bí thư, là một người thực sự trung thành và đáng tin cậy, đã chuẩn bị và quảng bá không mệt mỏi cho tất cả mọi việc. Tôi thực hiện một số chuyến thăm kết hợp, có các bài phát biểu, các phiên chất vấn, một số có kế hoạch từ trước – như bài phát biểu được chuẩn bị kỹ lưỡng về chuyển giao quyền lực – và một số lớn khác khá tùy hứng. Mặc

dù vậy, khán giả phải được chọn lựa tương đối cẩn trọng. Vào thời điểm đó thì rõ ràng tin tức về việc bất kỳ ai làm gián đoạn bất kỳ chuyện gì cũng có thể lên trang nhất của các tờ báo, gạt hết các loại tin tức khác và giới truyền thông đang thường xuyên cảnh giác theo dõi để chớp được những khoảnh khắc huỷ diệt như vậy. Tôi cũng tham gia một số chương trình truyền thông nhẹ nhàng vui vẻ, bao gồm những phần đối đáp nhanh, không trịnh trọng; nhưng tất cả đều khá tốt.

Tôi thậm chí còn đến thăm cả con phố ở quận Govan, Glasgow, nơi cha tôi từng sống. Khó mà có thể nghĩ rằng ông, một chú bé Glasgow tí hon, sống trong khu vực nghèo nàn đó của thành phố, thường thu thập những vỏ chai nước chanh uống hết để bán lấy tiền xem chiếu bóng, sống trong một căn hộ tập thể tồi tàn của công ty, một ngày nào đó có con trai trở thành Thủ tướng.

Rồi cuộc bầu cử cũng có kết quả và chúng tôi gần như đã thắng, chỉ kém có một ghế. Do phải kiểm lại phiếu và mọi việc rơi vào trạng thái treo, tôi đã nghĩ thoáng qua rằng Jack McConnell có thể sẽ thắng. Nhưng không, Đảng dân tộc Scotland và lãnh đạo của họ Alex Salmon đã lọt qua khe cửa hẹp nhất. Nếu chúng tôi tin tưởng vào bản thân nhiều hơn là nghi ngờ rằng chúng tôi có thể thua – thì tôi nghĩ có thể chúng tôi đã thắng cử.

Tôi đã lo lắng về vị trí của mình sau cả hai chiến dịch tranh cử ở Scotland và xứ Wales. Tôi muốn hoàn thành xong cuộc bầu cử ở Bắc Ireland và vạch ra chương trình nghị sự chính sách cho tương lai, nhưng tôi biết một số người nghĩ rằng tôi ích kỷ khi cố ở lại đến hết các chiến dịch tranh cử này. Với một nhà lãnh đạo mới, chúng tôi có thể làm tốt hơn và cụ thể là có thể với Gordon, chúng tôi đáng ra đã thắng ở Scotland. Jack McConnel đủ trung thành và lịch thiệp để từ chối việc này, nhưng tôi không chắc rằng ông ấy muốn thế. Mặc khác, mọi người biết rằng thay đổi sắp xảy ra, do đó sẽ không hợp lý khi bỏ phiếu chống lại một người dù gì đi nữa sẽ không còn ở đó trong vài tuần nữa. Mọi việc thật đáng thất vọng. Tôi biết một khi Alex Salmon lên nắm quyền, ông ta có thể gây bất đồng trong nội bộ Chính phủ Westminster (Chính phủ của Nhà nước Dân chủ Nghị viện Anh) và bản thân thì thâm nhập vào Chính phủ. Khi đó việc đẩy ông ta đi còn khó hơn nhiều so với việc ngăn ông ngay từ đầu.

Các bài phát biểu khá tốt – không theo nghĩa là được tán dương nhiệt liệt, nhưng đã nhận được những phản hồi tích cực từ những người đón nhận chúng, như thường lệ và xứng đáng là những lập luận nghiêm túc về những gì chúng tôi đã làm được và tại sao trong 10 năm cầm quyền.

Trong suốt những tháng cuối cùng đó, tôi vẫn đảm đương việc ra quyết định. Tôi cũng thăm xứ Wales vài lần. Tôi có thể nói rằng, Thủ hiến của xứ Wales, Rhodri Morgan, một người ủng hộ Gordon, không quá hào hứng về việc tôi tham gia vào cuộc bầu cử của ông ấy, nhưng vẫn vui lòng tổ chức cuộc viếng thăm.

Những tin tức từ Iraq tiếp tục đáng lo ngại, nhưng như kết quả của quyết định tăng quân, rõ ràng là tình hình có thể được đảo ngược. Tôi đã đến thăm Baghdad và Basra, cảm ơn binh lính về những điều họ đã làm. Họ vẫn tiếp tục bị pháo cối nã vào hầu như hàng ngày trên đường phố Basra. Khi chúng tôi ngồi trong một khu trại, một quả đạn pháo đã rơi ngay gần đó và tôi biết việc sống trong nỗi sợ hãi triền miên kinh khủng như thế nào. Thật kinh ngạc khi chính binh lính vẫn giữ được trong mình một trái tim dũng cảm; nhưng tôi có thể nói rằng, những quan chức cấp cao nghĩ lợi ích của chúng tôi ở Iraq đã hết và kiên quyết mắc kẹt ở Afghanistan, điều mới chỉ là sự khởi đầu của một vấn đề lớn hơn.

Vào cuối tháng 4, tôi đã gặp gia đình của một trong các binh lính đã hy sinh trong một nhiệm vụ rất khó khăn và nhiều rủi ro. Tôi đã đưa họ đến phòng làm việc ở Phố Downing. Đó là những cuộc gặp rất cảm động, với trọng trách nặng nề. Các gia đình ứng xử khác nhau trước sự tang thương. Họ biết rằng quân đội của chúng tôi là tình nguyện, chứ không phải theo luật định và những người con yêu dấu của họ đã làm những điều họ muốn làm. Những người khác cảm thấy bất công khi những cuộc đời còn quá trẻ đã kết thúc quá sớm và muốn đổ lỗi cho ai đó. Số khác

thì lẫn lộn trong các tình cảm đau buồn, trách móc.

Vào dịp đó, có vợ của một người lính, đi cùng hai con nhỏ, cả hai đều còn chập chững. Sẽ không ai trong số hai đứa trẻ biết về cha chúng trừ những điều từ các mảnh ký ức của người mẹ. Ông bà nội ngoại của chúng đều có thời gian hoạt động trong quân đội nên có thể hiểu, nhưng sự mất mát đó vẫn không hề dễ dàng. Tôi đã không biện minh cho bất kỳ quyết định nào hay giải thích lý do. Tôi để họ đặt các câu hỏi, rồi hỏi lại họ về người lính đó và họ đã vẽ một bức tranh về người liệt sỹ với niềm tự hào.

Sau khoảng 40 phút, tôi đề nghị gặp riêng với người vợ góa một lát. Chúng tôi nói chuyện một chút và tôi phải cố để không trào nước mắt. Khi gặp những người như thế và nhận ra quyết định của bạn đã ảnh hưởng tới cuộc đời của một người và rộng hơn là cuộc đời của cả một gia đình ra sao, thì sẽ có một điều gì đó thay đổi trong bạn. Bạn phải nhạy cảm để nhận thấy nó; và sau đó, bạn phải dũng cảm vượt qua nó mà không mất đi sự nhạy cảm, ra quyết định và đi tiếp, bất chấp điều đó.

Dĩ nhiên, hầu hết sự việc này cho thấy tác động mà bạn có thể tạo ra đối với người đang đứng trước mặt bạn, nó như một lời nhắc nhở có thực về biểu hiện hữu hình của một quyết định. Trong những khoảnh khắc khác quan hơn, bạn có thể ngẫm nghĩ về những quyết định khác, nơi bạn có thể chưa bao giờ gặp hay thậm chí là đánh giá cao những hệ quả của quyết định đó, bởi những người đó chưa bao giờ đứng trước mặt bạn: hàng triệu người đã được giúp đỡ ở châu Phi, bao gồm cả những người được giúp một cách tình cờ bởi chương trình Bush PEPFAR (Kế hoạch khẩn cấp về viện trợ); những người đi trên các con phố ở Bắc Ireland; thậm chí là những người đã được cứu sống nhờ chương trình NHS. Hay những người bị thương vì những quyết định bị trì hoãn hoặc sai lầm, những người bạn chưa bao giờ nghe tới và không bao giờ có thể biết tới.

Cho dù hệ quả của những quyết định đó có hiển hiện trước mắt bạn hay không, thì rốt cuộc bạn vẫn phải tiếp tục sống, tiếp tục làm việc và tiếp tục cố gắng. Nhưng bạn biết quá rõ trách nhiệm của mình đối với tác động từ các quyết định của bạn; và với tính khẩn thiết và bắt buộc trong trường hợp của tôi, tôi biết trách nhiệm này sẽ không rời bỏ tôi cho tới ngày tôi nhắm mắt xuôi tay.

Để chuẩn bị cho Hội nghị Liên minh châu Âu, tôi cũng đến thăm các thủ đô – Paris, Berlin, Warsaw và các nơi khác – cố gắng tìm kiếm sự ủng hộ cho một nghị quyết mạnh mẽ về biến đổi khí hậu. Tôi đã gặp Nicolas Sarkozy và đầu tháng 5, ngay sau khi ông ấy thắng cử. Ông ấy đang ở một phong độ tuyệt vời, đầy sức sống trong từng cơ bắp, tham vọng và kiên định trong mỗi bước đi, tràn đầy nhiệt huyết đương đầu với những thách thức ở phía trước.

Tôi nhớ lại khi gặp ông ấy ở Phố Downing ngay trước khi chiến dịch tranh cử bắt đầu, ông ấy thật hoạt bát và tự tin. Ông ấy có những kế hoạch lớn cho Pháp, cho châu Âu, cho thế giới. “Lạy chúa”, tôi nói với ông ấy sau 20 phút lắng nghe điều đó. “Ông như Napoleon vậy” “Cảm ơn ông”, ông ấy đáp một cách rất thân nhiên; rồi khi nhìn kỹ hơn, tôi thở phào khi biết ông ấy đã nháy mắt.

Lần này ở Paris, đầu tiên chúng tôi uống với nhau vài ly và sau đó ăn tối ở một nhà hàng gần Điện Elysée, nơi ông ấy đi bộ đến, chào đón những vị khách đang vô cùng sững sốt, cứ như là ông ấy vẫn còn tranh đấu cho từng phiếu bầu. Nicolas nhắc lại với tôi tham vọng trở thành Chủ tịch châu Âu khi Hiệp ước Lisbon được nhất trí. Tôi, hơi e dè một chút, quen dần với nó và có thể nhận thấy sức hấp dẫn của nó; nhưng tôi cũng biết sẽ vô cùng khó khăn để một người như tôi có được cương vị đó. Tôi có được sự kính trọng ở châu Âu; tôi cũng có nhiều kẻ thù, những người tôi không để mắt tới, những người tôi đã không đủ quan tâm. Tôi là một nhân vật có vai vế, không phải là người bạn dễ gặp nếu bạn lo lắng về phần hào quang mà bạn muốn có. Tôi nghĩ bản thân Nicolas có một quan điểm khá thoải mái về những nhân vật xung quanh vì ông ấy rất tự tin. Những người khác sẽ không xem sự hiện diện của tôi với tư cách là Chủ tịch châu

Âu theo cách đó.

Ông ấy là một người bạn thú vị – cuốn hút, mạnh mẽ, với những câu chuyện hài hước hấp dẫn kiểu Pháp về phụ nữ, cuộc sống mà tôi thích. Tôi cũng thích kiểu người “hoặc là theo cách của tôi hoặc không có cách nào khác” của ông ấy. Ông ấy luôn muốn thay đổi và luôn có quan điểm được ăn cả ngã về không. Và tôi cũng rất chắc rằng đó là cách duy nhất để nhanh chóng đạt được những cái cách cần thiết. Nhưng đề xuất trên lý thuyết là một chuyện, còn thực hiện trên thực tế lại là chuyện khác, luôn là thế. Tôi nhận thấy một số cảm nhận của ông ấy khá giống với tôi 10 năm trước, dạt dào niềm tin về những khả năng không giới hạn, đặc trưng của những người mới ‘vào nghề’. “Mọi việc sẽ khó khăn hơn”, tôi cảnh báo.

“Dĩ nhiên, tôi biết chứ”, ông ấy đáp, theo cách hoàn toàn giống như tôi, khi bạn nghĩ là bạn biết, nhưng đến tận khi có kinh nghiệm, sự biết đó của bạn vô cùng không hoàn hảo.

Tôi gặp Angela Merkel cũng trong khoảng thời gian đó. Tôi đã sắp ra đi một cách buồn nản ngay khi bà ấy và Nicolas mới đến. Bà ấy đã là Thủ tướng được gần hai năm, những rõ ràng là đến tận lúc đó mới thực sự xác lập hoàn toàn được vị trí của mình. Vào thời điểm này, tôi đã có quan hệ thực sự tốt và tôi rất quý mến bà ấy.

Vào 8 tháng 5, có những tin tốt về Bắc Ireland, cơ chế chia sẻ quyền lực được phục hồi. Vào 9 tháng 5, tôi nói với Nữ hoàng rằng hôm sau tôi sẽ thông báo thời điểm từ chức. Mừng 10, tôi tới Sedgfield với tư cách Thủ tướng và Nghị sỹ của họ lần cuối. Đó là nơi hành trình đã bắt đầu và đó là nơi mọi thứ nên kết thúc. Tôi đã có bài diễn văn từ biệt và thông báo tôi sẽ ra đi vào 27 tháng 6, ngay sau hội nghị của Hội đồng châu Âu. Thế là còn 6 tuần cho một cuộc chiến hay một tiến trình lãnh đạo và rồi chuyển giao quyền lực để nghỉ hè và để Gordon có thể thể hiện vai trò của mình.

Cuối cùng, tôi tiến hành một chuyến công du chào từ biệt để nêu bật những điều chúng tôi đã làm được và cố gắng hoàn tất mọi thứ. Tôi đã đến Sierra Leone, Libya, Nam Phi, để nhấn mạnh tầm quan trọng của quản trị cùng với viện trợ đối với tương lai của châu Phi. Chúng tôi đã tổ chức một hội nghị cấp cao do Chính phủ tài trợ của những người có tín ngưỡng khác nhau đầu tiên. Đã có hội nghị G8 ở Heiligendamm vào tháng 6; một phiên họp của NATO ở Rostock; và sau đó dĩ nhiên là Hội đồng Liên minh châu Âu. Tôi đã gặp George lần cuối vào tháng 5. Tôi gặp Giáo hoàng ở Vatican vào trung tuần tháng 6. Và tất cả đều trôi qua rất mờ nhạt như ý nghĩa của nó.

Những văn kiện chính sách từ chương trình “Đường tới Tương lai” đã được ban hành nhưng Gordon ít quan tâm tới nó hơn và đất nước đang trông chờ một nhân vật mới. Cuộc tranh giành vào vị trí phó chủ tịch Đảng có khá nhiều đối thủ. Rõ ràng rằng nhóm của Gordon hậu thuẫn Harriet Harman, người sau đó đã giành chiến thắng. Alan Johnson chưa từng thực sự được nâng đỡ, cho dù ông này đã trụ được đến vòng cuối cùng và công bằng mà nói xứng đáng thắng cử. Jon Cruddas cũng thể hiện tốt. Là nhà hiện đại hóa triệt để, Hazel Blears chỉ ghi được một số điểm vừa phải, nhưng đã có một chiến dịch tranh cử cừ khôi.

Không có cuộc đua nào cho vị trí lãnh đạo. John Reid đáng ra có thể trụ lại, nhưng những tờ báo của Murdoch, chỉ hạ bệ John và dù ông ấy hiển nhiên đồng cảm với độc giả của Sun hơn Gordon. Đó là khi chiến lược liên kết với Rupert và Dacre được trả công xứng đáng – ứng viên nào cũng không có khả năng thắng. Họ đã bị “đánh” tơi bời.

David Miliband đến gặp tôi. Hai năm sau ông ấy sẽ là một chính trị gia bậc khác, với những phẩm chất lãnh đạo rõ ràng; nhưng tháng 5 năm 2007 đó, ông ấy xin tôi lời khuyên, ông ấy còn có vẻ ngại ngần và tôi cơ bản là không biết chắc ông ấy có muốn cương vị đó hay không. Và đó không phải là vị trí mà người ta nửa muốn nửa không. Ông ấy hỏi tôi rằng tôi có nghĩ ông ấy nên ở lại không và tôi đáp mình không thể ra quyết định hộ ông ấy được. “Điều gì xảy ra nếu tôi làm thế? Ông ấy hỏi. “Tôi nghĩ anh có thể thắng, không rõ ràng nhưng rất có khả năng”, tôi đáp.

David nghĩ, vì những lý do hợp lý rằng mọi thứ đã an bài cho Gordon rồi. Thực ra tôi không nghĩ như vậy và tôi cũng cho rằng vào thời điểm có chiến dịch tranh cử diễn ra và mọi người bắt đầu gạt ông ấy ra, sự nhập nhằng về vị trí của ông ấy, những khoảng cách trong quan điểm và sự trao đổi với cánh tả, sẽ trở nên rõ ràng. Chơi chính xác, sẽ xác định rõ ràng có chọn theo đường lối Lao động mới hay không.

Nhưng David không tin. Một số người lúc đó và sau này đã chỉ trích ông ấy vì quá cẩn trọng. Cá nhân tôi thì thực sự thông cảm. Việc này không giống trường hợp của tôi vào năm 1994. Đó là những tính toán có ỉu ro hoàn toàn khác. Tôi không trách gì David cả, nhưng tôi đã nói ông ấy nên chuẩn bị sẵn sàng trong trường hợp vấn đề này nổi lên một lần nữa và sự thực là sớm hơn tôi nghĩ. Vào thời điểm đó tôi cho rằng a) sẽ là một mớ lộn xộn, không hẳn là Lao động mới, không hẳn là không; và b) hệ quả là, những hạn chế cá nhân hiển nhiên của Gordon sẽ rất nhanh khiến ông ấy phải chịu những đợt công kích khá dữ dội mà ông ấy không chuẩn bị về tâm lý. Với một chương trình rõ ràng và vững vàng, ông ấy có thể vượt qua. Không có nó, ông ấy chỉ có thể trông mong vào phẩm chất cá nhân của mình và điều đó chẳng bao giờ hiệu quả.

Như thường lệ, giữa hai người đàn ông với nhau, quan hệ của chúng tôi vẫn ổn. Tôi chỉ hoàn toàn phản đối những gì tôi biết ông ấy sẽ làm. Nhưng tôi nhận ra chẳng thể thay đổi nó. Tôi đã viết cho ông ấy bản ghi nhớ cuối cùng vào tháng 2 năm 2007, cho dù không hề tin rằng nó sẽ khuyên nhủ được gì. Tôi không thể nói tôi có thể giữ cương vị này chống lại Gordon. Nhìn từ quan điểm của Gordon, thì ông ấy đã đợi 10 năm để nắm lấy vị trí chết tiệt này. Có thể tha thứ cho Gordon khi ông ấy nghĩ: Sao ông ta không đơn giản là trả hết mọi thứ và để mình làm? Do đó chúng tôi đã nói chuyện về một số vấn đề, bày tỏ suy nghĩ về việc quảng bá sự thành công và mọi thứ hoàn toàn thân mật.

Trong bản ghi nhớ này, tôi giải thích rằng chỉ có hai cách để Lao động có thể thắng trong cuộc bầu cử. Một là sự chấm dứt mang tính quyết định của nhiệm kỳ của tôi, điều tôi gọi là “Sự chấm dứt gọn gàng”. Nhưng điều đó cần một chương trình nghị sự mới và đáng tin cậy. Các thứ hai là “tiếp tục Lao động mới”, có nghĩa là duy trì Lao động mới nhưng sẽ sử dụng nó để đối phó với các thách thức mới. Mặc dù vậy, tôi đã nói với Gordon rằng ông ấy chỉ có thể chiến thắng khi theo cách thứ hai, do ông ấy đã là một phần của giai đoạn 10 năm trước. Bất kỳ sự tách biệt nào và việc hơi ngả sang cánh tả, cũng quá đủ để hủy hoại liên minh Lao động mới. Tôi đã vạch ra một kế hoạch phối hợp và hợp tác trong những tháng trước khi tôi ra đi, để ông ấy được xem như là một nhà lãnh đạo Lao động mới đích thực và không phải là một nhà lãnh đạo Lao động truyền thống.

Hết cuộc thảo luận này đến cuộc thảo luận khác, tôi cố gắng giải thích cho Gordon hiểu rằng ông ấy không cần phải lo về việc tách biệt khỏi tôi. Đó là điều hiển nhiên; ông ấy có những phẩm chất và tính cách hoàn toàn khác. Sự tương phản trong tính cách là rất đậm nét. Nhưng nếu ông ấy có ý định chuyển đường lối chính sách cơ bản, thì rốt cuộc ông ấy sẽ bị chuyển sang một hướng chẳng đi tới đâu.

Giờ đây, đọc lại những ghi chú này đó chính xác là điều ông ấy nên làm nhưng đã không làm. Vấn đề ngân sách là cơ hội lớn để liên kết với nhau trong một di sản chung và để củng cố tình hình tài khóa, nhưng những người mà ông cảm thấy thân cận nhất không thực sự đồng tình về vấn đề này. Gordon đã có thể nói chuyện với tôi và ở một mức độ nào đó tôn trọng tôi, giống như tôi đối với ông ấy, nhưng mối quan hệ thân mật đã đổ vỡ. Giống như với Alastair, Peter và Philip. Ông ấy có thể nghe những điều chúng tôi nói và hiểu sức mạnh của nó, nhưng ở sâu thẳm trong bản năng của mình, ông ấy không cảm thấy như thế; và những người thân cận với Gordon thực ra cũng không đồng tình với điều đó theo bản năng của họ. Do đó, mọi việc sẽ chẳng bao giờ thành cả.

Thực sự rất khó để nói về tất cả việc này và tôi đã nghĩ về nó từ rất lâu. Không có gì tệ hơn việc tiếc nuối “ồ, giá như ông ấy chịu lắng nghe tôi,” và do đó, sau khi lấy hết can đảm cố gắng không rơi vào tình trạng tự bào chữa cho bản thân – mà tôi sợ rằng các dạng hồi ký chính trị

thường mắc phải – đó là điều mà tôi thấy đáng tiếc. Nhưng giờ đây nhìn vào các tài liệu chính sách đó – những tài liệu về cách ly xã hội, về sử dụng ngân sách an sinh xã hội, về tiết kiệm tài chính cơ cấu, về cải cách thuế khóa, về những giai đoạn cải cách tiếp theo trong vấn đề tội phạm, y tế và giáo dục, tôi nghĩ mọi chuyện sẽ hoàn toàn khác nếu chúng tôi đã triển khai được nó. Nếu chúng tôi đã đưa Lao động mới lên một cấp độ mới và không quanh quẩn trong một con đường không lối thoát của những thông điệp lẫn lộn và sự do dự, chúng tôi đã ở một vị trí tốt hơn nhiều trong khủng hoảng kinh tế; và đi trước Đảng Bảo thủ về tư tưởng. Nhưng điều đó đã không xảy ra, sự thực là thế. Mọi việc đã an bài. Khóc lóc và nghiêng răng nghiêng lợi chẳng để làm gì.

Vậy là chúng tôi chỉ còn vài ngày cuối cùng nữa. Cảm giác sắp sửa ra đi thật kỳ lạ. Tôi đã ở đỉnh cao của quyền lực. Tôi biết vào tháng 5 năm 2007, tôi đã là một Thủ tướng tốt hơn nhiều vào thời điểm tháng 5 năm 1997. Tôi vẫn cảm thấy có nhiều động lực và nhiệt huyết thôi thúc tôi làm việc. Tôi tin tưởng rằng chương trình nghị sự chính sách mà tôi đã nghiên cứu bấy lâu nay là tương lai khả thi duy nhất cho nước Anh. Nếu nó được giải thích cặn kẽ, nó có lẽ cũng sẽ nhận được sự ủng hộ của người dân cả nước. Nhưng tôi sắp ra đi.

Sự tín nhiệm đối với tôi trong giới truyền thông đã bay biến. Họ đã từng ngưỡng mộ khả năng dẫn đường và kỹ năng chính trị, nhưng họ đã không còn lắng nghe những tranh luận chính trị. Họ đã chán nản. Họ trở nên hoài nghi và thích chỉ trích. Vấn đề Iraq đã tạo ra quá nhiều phân tích cay nghiệt và phá hoại trên diện rộng. Họ đã ủng hộ gói biện pháp của GB, mặc dù tôi cảm thấy động cơ của họ rất không rõ ràng. Một số người cánh tả thực sự nghĩ ông ấy sẽ đưa ra một chương trình theo cánh tả. Tôi có cảm giác rằng những người ở cánh hữu về cơ bản cho rằng ông ấy sẽ triển khai một Chính phủ của Đảng Bảo thủ.

Về phần tôi, tôi nghĩ tôi đã trưởng thành lên nhiều, để hiểu các tình huống chính trị đó. Gordon đã được tôi bao bọc. Nhiều thành viên gạo cội của Nội các không thực sự biết sự chia rẽ về chính sách giữa chúng tôi, trừ những người như John Reid và Tessa Jowell. Đa số những người khác xem gió thổi theo chiều nào để xoay theo chiều đó.

Tôi đã thử xem xét ý tưởng ở lại Nghị viện. Tôi biết từ khá sớm rằng các vấn đề với Gordon sẽ nổi lên và Đảng sẽ không biết phải làm gì; nhưng tôi cũng biết rằng tuy có một số người sẽ làm ấm lên đò tôi ở lại cho dù bị phản đối kịch liệt, nhưng sẽ có sự tranh cãi dữ dội về việc đó và nó có thể hủy hoại cơ hội của những người khác. Tôi cũng không thể tham gia vào những cuộc tranh luận về chính trị trong khi ông ấy là lãnh đạo. Nếu tôi làm một việc gì hay thậm chí nói một từ gì khác ý, dù chỉ một milimét, thì người ta sẽ cáo buộc tôi là thiếu trung thành hay thiếu đoàn kết. Do đó tôi quyết định chẳng có nhiều sự lựa chọn ngoài việc rời khỏi vũ đài chính trị Anh, ít nhất là vào thời điểm này.

Về phần người dân, họ, hoặc ít nhất là một bộ phận lớn của họ, cũng đã ngừng lắng nghe và tỏ ra tức tối về cách tôi tiếp tục thúc đẩy các chính sách mà họ không đồng tình. Họ không ủng hộ chính sách đối ngoại mà họ nghĩ rằng quá thân thiết với Mỹ. Họ không thích châu Âu trong khi tôi thì có vẻ ngược lại. Họ bị thuyết phục rằng, có những cách dễ dàng hơn và ít đối đầu hơn để cải cách các dịch vụ công. Họ cũng cảm thấy lúng túng trước chương trình nghị sự về luật và nghị định, ủng hộ thông điệp cơ bản của nó nhưng vẫn không tin nó có thể thực sự phát huy hiệu lực trên thực tế.

Trên hết, họ bị tấn công, thậm chí là bị ngập trong những cơn đại hồng thủy liên quan tới “đổi tiền lấy danh”, “nói dối” về Iraq, chuyện tham nhũng này, bê bối nọ, các hạn chế khác của Chính phủ. Chúng tôi giống như hai người đứng ở hai bên của một tấm kính dày có gắng nói chuyện với nhau. Tôi đã và vẫn nghĩ rằng có thể thuyết phục được họ, nhưng khi tôi nói thì họ không thể nghe thấy và sau một thời gian họ không còn cố gắng lắng nghe nữa.

Khi vượt ra khỏi tấm kính và gặp mọi người, điều tôi làm rất thường xuyên trong những tháng cuối cùng tại nhiệm, những người mà tôi gặp sẽ không bị những tấm kính dày như thế cản

đường. Chúng tôi có thể trò chuyện thoải mái với nhau và cả hai đều cảm thấy điều đó thật thú vị. Gần tới thời khắc cuối cùng, tôi thực sự đã học được nhiều điều từ những người mà tôi gặp, nhưng họ chỉ là thiểu số. Những người còn lại tôi chỉ có thể liên lạc một cách gián tiếp và với họ, tâm kính nhanh chóng khiến họ khó chịu.

Đó là một điều đáng buồn giữa tôi và những người này. Mỗi quan hệ giữa tôi với họ luôn sâu sắc và nhiều cảm xúc hơn mối quan hệ bình thường giữa một nhà lãnh đạo và dân tộc. Đó là sự xúc động mạnh sau chiến thắng 1997, sự ra đời của Lao động mới, sau đó là cảm giác bình thường ở giai đoạn đầu lãnh đạo và theo thời gian mọi thứ trở nên xa cách hơn, tách biệt hơn, nghi thức hơn giữa Thủ tướng và dân thường, như thể chỉ có tôi là quan trọng chứ không phải họ. Dĩ nhiên, một bộ phận của giới truyền thông đã phải nhọc công xây dựng hình ảnh này và khiến chúng tồn tại dai dẳng.

Mặc dù vậy, còn nhiều điều hơn thế. Năm 2005, tôi được nghe một bài thuyết trình khác thường về sự tín nhiệm của công chúng của Charles Trevail, đến từ Trung tâm nghiên cứu Dự luận, Xã hội và Thị trường. Nghiên cứu của họ vào thời điểm đó, tôi thấy khá buồn cười, lệch hướng và cường điệu, nói về mối quan hệ của tôi với người dân Anh. Nó giống với một cuộc hôn nhân hay một chuyện tình. Lúc đầu, mọi người cảm thấy có một sự gắn kết sâu sắc là thường. Họ tin tưởng và yêu quý tôi. Sau đó vào nhiệm kỳ thứ hai, tôi đột nhiên ra đi và dính vào một cuộc phiêu lưu khác ở bên ngoài, gần như là ngoại tình. Tôi không còn quan tâm đến họ nữa. Tôi trở nên ngạo mạn. Dường như tôi nghĩ tôi lớn lao hơn họ; hay nói theo cách khác, chúng tôi trở nên tách biệt và tôi thấy nước Anh quá nhỏ cho những tham vọng tự cao tự đại của mình. Tôi từng khiến họ hài lòng, nhưng giờ đây tôi chỉ khiến họ bức tức và họ không còn muốn đi cùng với tôi trên đường đời nữa.

Charles tâm sự họ chưa bao giờ tiến hành nghiên cứu về một người và chứng kiến những cảm xúc mạnh mẽ như vậy nảy sinh. Sự đồng nhất về cơ bản là không tồn tại. Bà Thatcher cũng từng gọi lên những cảm xúc mạnh mẽ, nhưng đó là do chính sách của bà ấy; còn đối với tôi đó là vấn đề về con người. Một số ghét, một số yêu; nhưng họ nói về tôi như một người họ biết, không chỉ là nói về một lãnh đạo, mà cả về một cá nhân. Tuy nhiên, quan điểm chủ đạo là tôi đã đánh mất sự đồng cảm, điều thể hiện trong giai đoạn đầu tại nhiệm của tôi và điều đã tạo ra sự gắn kết giữa tôi và công chúng.

Một trong những lý do dẫn đến tình hình này là do bản chất của vị trí lãnh đạo. Mọi người nhìn thấy bạn trên các bản tin mỗi tối, với một khuôn mặt nghiêm trọng, với những vấn đề nghiêm trọng, là mục tiêu tấn công. Họ nghe những người khác nói những điều xấu xa về bạn, những phiên Chất vấn Thủ tướng (PMQ) và sự công kích của nó, tất cả đều lộn xộn và khó chịu. Thỉnh thoảng tôi bước lên vũ đài với diện mạo khác, như tôi đã làm trong cuộc phỏng vấn của Des O'Connor năm 1996. Vào tháng 3 năm 2006, ngay trước khi vụ bê bối “đổi tiền lấy danh” bùng phát, tôi xuất hiện trên chương trình Parkinson. Một lần nữa nó thể hiện một khía cạnh khác về tôi và nó thực sự hiệu quả. Kevin Spacey cũng là một vị khách trong chương trình và đã làm rất tốt, khi chọc tôi bằng những câu chuyện về George Bush nhưng chỉ là trêu đùa không ác ý. Đó là một phần trong một nỗ lực lớn nhằm tái kết nối ở cấp độ cá nhân, nhưng khi vụ bê bối “đổi tiền lấy danh” nổ ra, nỗ lực đó đã chết yểu.

Mặc dù vậy, tôi đã nhận ra rằng sự cách biệt gần như là không thể tránh khỏi theo thời gian này không phải là cốt lõi của vấn đề. Vấn đề là tôi đã làm những điều, không chỉ trong chính sách đối ngoại mà rộng hơn, đã tạo ra sự phản đối và bất bình và tôi đã không làm gì để điều chỉnh. Phe cánh tả ghét việc ủng hộ Mỹ và việc cải cách dịch vụ công; phe cánh hữu ghét việc ủng hộ châu Âu, phong cách của Chính phủ và dĩ nhiên hầu hết ghét việc chúng tôi vẫn đang nắm quyền và họ vẫn là thứ yếu.

Sự khác biệt giữ TB của năm 1997 và TB năm 2007 là: đương đầu với sự phản đối trên một diện rộng như vậy năm 1997, tôi sẽ thay đổi chính sách để khiến gió trở nên thuận chiều. Còn giờ đây tôi sẽ không làm thế. Tôi sẵn sàng đi đến cùng vấn đề nếu tôi nghĩ đó là cách duy nhất

để tới được nơi cần đến. “Duy trì sự kết nối” với dư luận không còn là nguyên tắc chủ đạo nữa. “Làm điều đúng đắn” đã thay thế nó. Tôi biết điều này tạo ra sự bất bình ở “mái ấm hôn nhân” nơi tôi và người dân của tôi đang chung sống hạnh phúc. Nó có vẻ ngạo mạn, thậm chí là tự cao tự đại. Nhưng không phải tôi đi theo người phụ nữ khác. Tôi đã đạt được kết luận rằng, gia đình sẽ không thịnh vượng và phải cẩn trọng nếu không cuộc sống của chúng tôi sẽ khác đi. Tôi muốn chuyển địa điểm. Tôi có thể nhận thấy thế giới đang thay đổi nhanh chóng. Tôi có thể thấy nơi chúng tôi ở cần sự điều chỉnh cơ bản và nhanh chóng. Vùng “an toàn” không phải là nơi chúng tôi cần. Lần này, cảm nhận không phải là về đảng, mà là về đất nước.

Ngay từ trước khủng hoảng kinh tế năm 2008, tôi đã nhận ra rằng không có cách nào để G8 có thể tiếp tục tồn tại. Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil và các nước khác sẽ đòi có một ghế trên bàn thảo luận; và nếu họ không nhận được chiếc ghế đó, họ sẽ sắm cho mình một chiếc bàn của riêng họ. Tôi đã nhận thấy nguy cơ cho châu Âu là G2: Mỹ và Trung Quốc. Và sau đó, nếu chúng tôi không cẩn thận là G3: Mỹ, Trung Quốc và Ấn Độ. Hay một G4: Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil. Nói theo cách khác, chúng tôi đang đối mặt với một thực tế là nước Anh là một đảo quốc nhỏ với 60 triệu dân, cách biệt với châu Âu, trong một thế giới mà chỉ tính riêng hai quốc gia, mỗi quốc gia đã có dân số gấp 20 lần chúng tôi và trong thời gian tới, kinh tế của họ sẽ sánh bằng. Liệu sẽ lỗi bịch và phù phiếm thế nào khi tin rằng chúng tôi có thể trở thành Những người Anh bé nhỏ trong một cục diện như vậy, hay lơ đi tầm quan trọng khổng lồ của mối quan hệ với Mỹ?

Do các nền kinh tế mới đang nổi lên, chúng tôi phải cạnh tranh. Như thế nào? Bằng khối óc và kỹ năng, bằng thúc đẩy chuỗi giá trị gia tăng. Bằng cách làm việc chăm chỉ hơn. Bằng cạnh tranh dựa trên phẩm chất, năng lực. Để làm được điều đó, hệ thống giáo dục và an sinh xã hội của chúng tôi phải được cải cách, không phải thận trọng hơn mà mạnh bạo hơn. Tôi có thể thấy những tranh luận của cánh tả/cánh hữu trong thế kỷ hai mươi về việc nền chính trị Tây Âu đang chết dần, vẫn còn diễn ra, nhưng chỉ theo kiểu tranh luận thực tế về việc việc gì cần làm và làm khẩn trương.

Tôi nhìn vào NHS và tự hào về những thay đổi chúng tôi đã tạo ra, nhưng tôi tin chắc rằng: khi công nghệ tiên tiến hơn và mọi người sống lâu hơn, hệ thống chăm sóc sức khỏe của một nước phát triển không thể tồn tại ở một mức chi phí hợp lý và với một số vốn dự phòng ở mức độ tối thiểu mà không đặt trách nhiệm của mỗi cá nhân và chính sách y tế công ở trung tâm của vấn đề.

Tôi đã miêu tả ở trên việc tôi đã nhận ra bất cập trong việc các thủ tục pháp lý điều chỉnh tội phạm của thế kỷ XIX đang cố gắng để đối phó với tội phạm của thế kỷ XX và sự suy giảm chức năng của xã hội như thế nào.

Điều cốt lõi là không phải sự bất mãn với mối quan hệ này thôi thúc tôi; tôi đã nhận thấy nếu không nói ra sự cần thiết phải tìm một bối cảnh phù hợp để nuôi dưỡng mối quan hệ đó, tôi sẽ không trung thực hay đáng tin cậy. Một điều trớ trêu và có hại cho tôi là, đúng vào khoảnh khắc mà tôi trở nên cởi mở nhất về điều cần phải làm và tại sao phải làm, thì sự liêm chính của tôi lại bị nghi vấn nhiều nhất.

Tôi đã đối mặt với bài học thứ tư về sự can đảm chính trị mà tôi đã nhắc tới trong chương 1 – rủi ro không thể tính toán được – và chấp nhận bước đi đó. Giờ đây tôi dẫn thân vào bài học thứ 5: làm những điều tôi cho là đúng, ngay cả khi mọi người nghĩ khác. Tôi đã từng tán đồng quan niệm “lãnh đạo tốt là biết kết nối với dư luận”, nhưng giờ đây tôi đã từ bỏ quan niệm đó. Tôi không đánh giá nó và rút ra định nghĩa rằng: lãnh đạo tốt không phải là biết mọi người muốn gì và cố gắng làm hài lòng họ, mà là biết điều gì là tốt nhất cho lợi ích của họ và nỗ lực thực hiện điều đó. Làm hài lòng tất cả mọi người trong mọi thời điểm là điều không thể; nhưng ngay cả như vậy, đó vẫn làm một tham vọng chẳng có chút giá trị gì. Nhân danh lãnh đạo, tôi muốn nói rằng nó hạ thấp giá trị của sự lãnh đạo.

Điều này không có nghĩa là nhà lãnh đạo không nên nỗ lực thuyết phục công chúng và làm như

vây bằng sức mạnh của lập luận, của sự hấp dẫn và niềm tin mà họ có. Đó là thủ thuật và chúng cần được triển khai một cách hiệu quả và thành thạo. Như tôi đã nói, trong những tuần lễ cuối cùng đó, chúng tôi đã tăng hết tốc lực cả ở trong nước và nước ngoài. Trong căn hộ phổ Downing, tôi đang gói gém hành trang. Tôi không biết từng có giai đoạn nào một vị Thủ tướng có nhiều thời gian như vậy để chuẩn bị cho việc ra đi như thế. Có những chiếc hộp lớn chất đầy những mảnh vụn được tích lũy trong 10 năm qua. Đó là quãng thời gian dài nhất tôi từng sống ở một địa điểm. Leo chưa bao giờ biết đến một nơi nào khác. Dù thế, tôi không nói đến những tình cảm của mình dành cho các căn nhà. Khi tôi rời phố Downing và Chequers, tôi buồn vì phải xa mọi người, nhưng không ảm đạm vì xa những cơ sở vật chất ở đó. Được sống trong những căn nhà đẹp đẽ và mang đậm tính lịch sử như vậy thật thú vị, nhưng đó không phải là điều cốt lõi. Nhà là nơi cả gia đình sinh sống hạnh phúc bên nhau.

Tôi đã trở về từ kỳ họp của Hội đồng châu Âu vào thứ 7 và sau đó đến Manchester vào Chủ nhật để tham dự một cuộc họp đặc biệt, nơi tôi sẽ thông báo kết quả đã đạt được trong nhiệm kỳ lãnh đạo của tôi và chuyển giao quyền lực cho Gordon. Tôi đã có một bài phát biểu ngắn gọn và không nhiều cảm xúc – tôi đã nói tất cả điều cần nói tại đại hội đảng cuối cùng rồi. Tôi có thể nhận thấy người ta hăm hở chào mừng một kỷ nguyên mới. Tôi cũng lo lắng khi rời vũ đài chính trị. Buổi chia tay phải được tiến hành trang trọng và nếu có thể nên sôi nổi, nhưng không được ủy mị.

Tôi đã có một tuyên bố về Hội đồng châu Âu trước Thượng viện và thứ Hai, 25 tháng 6. Vào thứ Ba tôi thực hiện chuyến công du cuối cùng với tư cách là một Thủ tướng. Đó là chuyến đi đến một trường tiểu học và hơi kỳ lạ khi tôi đi cùng Arnold Schwarzenegger, thống đốc bang California, người đã đến Phố Downing để tham dự một cuộc họp về biến đổi khí hậu. Khi Arnold sải bước trong sự chào đón của những học sinh của trường, một em đột nhiên nói khá to – nhưng hơi ngập ngừng như thể học thuộc lòng – một câu rõ ràng đã được một trong các giáo viên của trường, người chắc chắn chẳng biết gì về các bộ phim của Arnold dạy từ trước – “Xin chào Ngài Thống đốc. Cháu rất thích xem bộ phim Kẻ hủy diệt”. Tôi vội vàng bảo ông ấy rằng chúng tôi đã nghe nhầm. Nhưng dù gì đi nữa thì Arnold cũng rất tuyệt và lũ trẻ đã rất vui sướng khi được gặp ông.

Ngày hôm sau, thứ Tư, là buổi Thủ tướng trả lời chất vấn cuối cùng. Tôi biết mọi việc sẽ rất khác lạ. Chẳng có nghĩa lý gì khi tôi cố gắng thúc đẩy một vấn đề nào đó và cũng chẳng ích gì khi phe đối lập ra sức chỉ trích một việc gì, tốt hơn hết là để người-sắp-ra đi trong danh dự. Mặc dù vậy, điều đầu tiên là gửi lời chia buồn của Thượng viện tới các gia đình binh lính đã hy sinh. Khi được giao nhiệm vụ đó, tôi đã nói:

Do đây là lần cuối cùng tôi phải thực hiện nhiệm vụ đau buồn này, tôi hy vọng Thượng viện sẽ cho phép tôi nói đôi điều về lực lượng vũ trang của chúng ta và không chỉ nói về 3 chiến sỹ đã ngã xuống tuần trước. Tôi chưa bao giờ quên những người dũng cảm, kiên định và có những cống hiến lớn lao như vậy cho đất nước. Tôi thực sự rất tiếc về những mối nguy họ phải đối mặt hôm nay ở Iraq và Afghanistan. Tôi biết ai đó sẽ nghĩ họ phải đương đầu với những nguy hiểm đó vô ích. Tôi đã, đang và sẽ không bao giờ nghĩ như vậy. Tôi tin rằng họ đang chiến đấu vì an ninh của đất nước và thế giới, trước những kẻ muốn hủy hoại cuộc sống của chúng ta. Nhưng cho dù mọi người đánh giá thế nào về các quyết định của tôi, tôi nghĩ chỉ có thể nhìn nhận các binh sỹ của chúng tôi bằng một quan điểm duy nhất: đó là họ là những người dũng cảm nhất và ưu tú nhất.

Cuối cùng, tôi đã nói đôi điều ủng hộ nền chính trị và chính trị gia, điều mà tôi cảm nhận và biết rõ rằng Thượng viện sẽ hoan nghênh:

Một số người có thể coi thường chính trị nhưng những người đang làm chính trị như chúng ta biết rằng đó là nơi mọi người ngẩng cao đầu. Dù tôi biết rằng có rất nhiều cuộc chiến khốc liệt trong chính trị, nhưng đó vẫn là vũ đài khiến tim bạn đập nhanh hơn. Có thể đôi lúc đó là nơi ẩn chứa những mưu đồ xấu xa, nhưng thông thường đó luôn là nơi để theo đuổi những lý tưởng

cao thượng. Tôi chúc tất cả mọi người, dù bạn hay thù, những lời chúc tốt đẹp nhất. Đó là tất cả những điều tôi muốn nói. Xin hết.

David Cameron đã đứng dậy hoành nghênh bài phát biểu của tôi một cách chân thành; và mọi việc diễn ra như thế. Tôi trở về để chào tạm biệt các nhân viên ở phố Downing và không như năm 1997, giờ đây họ khóc vì sự ra đi của tôi chứ không phải khóc vì tôi đến. Gia đình đã chụp với tôi một bức ảnh lần cuối trên bậc thang của Số 10. Tôi đã đến Điện Buckingham từ biệt Nữ hoàng và bà vẫn lịch thiệp như thường lệ. Sau đó tôi cũng lên tàu đến Sedgefield để từ giã cử tri của tôi.

Tôi cảm thấy trấn tĩnh và thanh thản. Tôi biết vẫn còn những việc chưa hoàn tất; nhưng rồi tự an ủi mình với suy nghĩ rằng, mọi công việc sẽ chẳng bao giờ kết thúc cả. Tôi sắp bước vào một cuộc sống mới. Tôi luôn may mắn khi có một đam mê mạnh hơn chính trị, đó là tôn giáo. Tôi đã và giờ đây có một tham vọng mới. Tôi đã đi một hành trình dài, nhưng tôi, dù đau đớn, nhận ra tôi còn nhiều hành trình khác để đi. Có những bước đi lớn hơn và những bài học lớn hơn đang chờ đợi tôi ở phía trước. Có thể, theo thời gian những đánh giá toàn diện hơn về 10 năm qua sẽ được đưa ra. Có thể không. Nhưng những đánh giá của riêng tôi sẽ không còn phụ thuộc vào điều đó.

22. Tái bút

Thuật ngữ “phương Tây” là một khái niệm hơi cũ, gợi nhớ lại những ngày thế giới còn bị chia cắt bởi Chủ nghĩa Cộng sản, nhưng lại là từ viết tắt cho kiểu quốc gia của “chúng tôi”: mở cửa, dân chủ, kiên định với kinh tế thị trường, tự tin về quân sự (tất nhiên là từ sau khi bức tường Berlin sụp đổ) và được dẫn dắt bởi một siêu cường duy nhất, nước Mỹ. Trong hầu hết 20 năm sau thời điểm 1989, phương Tây đặt ra chương trình nghị sự để các nước khác xem xét. Một số người ủng hộ chúng tôi và số khác thì phản đối, nhưng dường như chúng tôi là người chọn hướng đi cho toàn cầu, điểm đến của hành trình lịch sử thế giới.

Đúng là, những vết rạn nứt nhất định trong dinh thự đó đã bắt đầu xuất hiện. Thậm chí còn có cả những lỗ hổng kỳ quái trong những căn nhà phụ. Những lực lượng mới đang bận rộn xây cất thứ gì đó khác, không xa so với chỗ chúng tôi ở. Nhưng mô hình của chúng tôi vẫn thể hiện rõ vai trò của nó và thu hút được sự quan tâm. Tình hình cơ bản là vậy vào tháng 6 năm 2007 khi tôi rời nhiệm sở.

Ba năm sau đó đã chứng kiến một tiến trình giống như một cuộc cách mạng trong trật tự rõ ràng không thể bác bỏ. Cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 đã làm đổ vỡ một phần lòng tin vào sự đúng đắn của nền kinh tế thị trường. Chiến tranh ở Afghanistan vẫn còn treo lơ lửng. Tổng thống Obama, như chúng tôi năm 1997, đã đối mặt với những lựa chọn khó khăn của Chính phủ. Sự nổi lên của Trung Quốc đã trở thành một thực tại, hữu hình và sống động, một thực tế, không còn là một phỏng đoán trí tuệ thú vị. Quyền lực đang chuyển về phía đông. Những nước khác như Brazil và Thổ Nhĩ Kỳ cũng trưởng thành một cách tự tin, không còn phải xin phép để được góp mặt mà đã đương nhiên có vai trò trên trường quốc tế. Liên minh châu Âu đang gặp nhiều vấn đề và như một ngoại lệ, “khủng hoảng” thế giới không phải là cường điệu mà miêu tả đúng sự thực. Chúng tôi, các nước phương Tây vẫn giữ được nền dân chủ, nhưng chưa bao giờ chúng tôi ít kính trọng những người chúng tôi bầu ra như thế.

Chúng tôi đã nghĩ rằng, tất yếu, cách sống của chúng tôi cuối cùng sẽ giành chiến thắng. Giờ đây điều tất yếu đó đã bị phủ bóng. Lòng tin của chúng tôi giảm sút và sự tự tin đang lung lay. Hầu như lúc nào chúng tôi cũng cảm thấy yếu kém và đôi khi còn mệt mỏi. Chúng tôi từng nắm rất chắc tương lai của mình, nhưng dường như giờ đây sự kiểm soát đã trở nên lỏng lẻo hơn, để đi tìm những bậc thầy mới. Phần lớn các báo đài chỉ nói về: tình trạng bất ổn, sự sụt giảm, sự bất lực, những thách thức không được thỏa mãn, những lời hứa không được thực hiện.

Về cá nhân, tôi chưa bao giờ cảm thấy thất vọng hơn hay bị thôi thúc hơn đối với việc lãnh đạo. Tôi thích cuộc sống mới của mình hơn cuộc sống cũ rất nhiều và tìm thấy trong đó một mục đích lớn lao. Tôi đang chiến đấu vì quan điểm thế giới của tôi, nhưng theo một cách hoàn toàn khác khi còn ở trong văn phòng truyền thống. Tôi cố gắng tích lũy được những kiến thức rộng lớn hơn và sâu hơn về thế giới. Trung Quốc không còn là một bí ẩn, cho dù điều đó mới chỉ là một quan điểm có tính tương đối. Trung Đông vẫn luôn là khu vực hấp dẫn và đáng sợ. Tôi nhìn nhận nền kinh tế từ một tầm nhìn rộng hơn và khác biệt trong kinh doanh. Trong hai lĩnh vực chính mà tôi quan tâm – châu Phi và tín ngưỡng – tôi cảm thấy hoàn toàn hài lòng về mặt tâm linh và chính trị.

Tôi đang sống hết mình, nhưng cũng nhận thấy thế giới cũ của mình đang ở trong trạng thái tuyệt vọng và cảm thấy vừa sốc vừa kích động về điều này. Có lẽ đó là vì tôi đã rời khỏi nó và do đó nghĩ mình có thể nhìn nhận về nó rõ ràng hơn. (Điều này có thể là một ảo tưởng). Có lẽ đó là vì một số đảo lộn diễn ra theo chiều hướng đúng như tôi đã trình bày khi tại nhiệm: chính sách kinh tế tự do, cải cách thị trường về dịch vụ công và phúc lợi xã hội, can dự và can thiệp ở nước ngoài. Vì bất cứ lý do gì, chương mà tôi định viết như một lời tái bút này sẽ giống với một cương lĩnh hơn.

Tựu chung lại tôi rất không đồng tình với phần quan trọng của thuyết quyền lực Nhà nước,

phản ứng theo trường phái Keynes trước khủng hoảng kinh tế; tôi tin rằng chúng tôi thể hiện sức mạnh và sự kiên định của mình ở nước ngoài, chứ không phải là sự yếu đuối hay thiếu chắc chắn, tôi nghĩ bây giờ là thời điểm Chính phủ tăng cường cải cách chứ không phải giảm đi; và tôi tin chúng tôi đang có cơ hội lớn để cạnh tranh với các thế lực đã và đang trỗi dậy mới của thế giới, đặc biệt là Trung Quốc, nếu chúng tôi thực hiện nhiệm vụ đó với niềm tin chứ không phải là sự sợ hãi. Nói ngắn gọn, chúng tôi đã trở nên quá yếu đuối, mong manh, rụt rè, luôn cảm thấy hối tiếc, đầy hoài nghi và hành động nửa vời. Lối sống của chúng tôi, các giá trị của chúng tôi, những điều khiến chúng tôi trở nên tuyệt vời, vẫn còn tồn tại, không đơn giản là di sản của chúng tôi với tư cách là một dân tộc, mà còn là sự báo hiệu cho tiến bộ của nhân loại. Các giá trị đó không phải là di sản của một nền chính trị hùng mạnh một thời; chúng là tinh thần còn sống mãi trong quan điểm lạc quan về lịch sử loài người. Tất cả những điều chúng ta cần là hiểu rằng chúng có thể được tái áp dụng trong những tình hình mới, mà không bị vứt bỏ như một vật dụng thừa.

Khủng hoảng tài chính năm 2008 vẫn tiếp tục phát huy tác động sâu và rộng của nó. Có lẽ nó sẽ in dấu trong lịch sử như một biến cố kinh tế quan trọng nhất kể từ những năm 1930. Chúng ta đã biết rõ những điều xảy ra và không cần phải nhắc lại nữa, tuy nhiên việc diễn giải chúng đang và cần là một vấn đề được đề cập tới trong các cuộc tranh luận lớn.

Giờ đây, xuất hiện trong hầu như tất cả các bi kịch, là lời khuyên truyền thống để chống lại thách thức. Đã có sự thất bại thảm khốc của “thị trường”, cần có sự cứu trợ của “Chính phủ” và sự phục hồi của hệ thống tiền tệ kiểu Keynes để chống giảm phát. Vào cuối năm 2008, các ngân hàng đã ổn định trở lại nhờ sự trợ giúp của Chính phủ, các hệ thống điều tiết bắt đầu được cải tổ để đưa ngành tài chính nổi loạn vào khuôn khổ; chi tiêu vượt doanh thu trở thành một chính sách kinh tế.

Về chính trị, đột nhiên Nhà nước rơi trở lại vào trạng thái báo động. Những cải cách được dẫn dắt bởi thị trường những năm 1980 và 1990 có vẻ như sai lầm. Tăng trưởng kinh tế bị xem là ảo vì dựa trên vốn vay nợ. Hơn hết, Chính phủ trở nên có uy lực hơn. Bạn có thể bắt gặp hiện tượng Schadenfreude, vui sướng trên sự đau khổ của người khác trong phần lớn ý kiến của các học giả và chính trị rằng, “thị trường” quá dễ bị tổn thương do bị tước hết quần áo.

Điều này khiến các chính trị gia tiến bộ, đặc biệt là cánh tả, quả quyết rằng chính trị đang trải qua sự thay đổi triệt để về định hướng, theo lập trường can thiệp và tăng cường vai trò của Nhà nước. Điều này có vẻ như phù hợp với những thay đổi trạng thái ở Mỹ (cho dù việc bổ nhiệm một số vị trí then chốt về kinh tế thực ra rất ôn hòa. Nó đánh dấu sự kết thúc của một kỷ nguyên bắt đầu từ 30 năm trước với triết lý chính trị và kinh tế Thatcher/Reagan.

Gỡ rối tất cả vấn đề này và đưa chúng vào khuôn khổ một phần nào đó là một nhiệm vụ khổng lồ. Nó cũng khó khăn hơn các nhiệm vụ khác rất nhiều, bởi nếu thách thức bất kỳ phần nào của vấn đề, chúng ta sẽ bị chỉ trích khá gay gắt, vì đó là những tư tưởng truyền thống đã ăn sâu bám rễ. Nhưng chúng ta cần khẩn trương tháo gỡ nó, đồng thời đi đến một quan điểm đúng đắn và xác đáng hơn.

Đầu tiên, “thị trường” không thất bại. Chỉ một phần trong đó mà thôi. Phần đó là các khoản vay dưới chuẩn bị chứng khoán hóa, cắt nhỏ, nhào nặn và bán trên thị trường mà không được trải qua quá trình đánh giá thực sự về các rủi ro tiềm ẩn hay các giá trị sai. Đó là sự vô trách nhiệm và gây ra những thiệt hại khổng lồ.

Những phần thưởng, những khoản lợi nhuận kếch sù thu được từ việc bán đi bán lại chứng khoán không chỉ xấu xa một cách hiện hữu mà còn không thể bào chữa được và tệ nhất là tạo ra thói quen “cứ làm đi” bất kể tác dụng dài hạn của việc đó là gì và góp phần tạo ra khủng hoảng. Tất cả điều này đều đúng và cần được điều chỉnh. Mặc dù vậy, những thực tiễn đó không định nghĩa hay đại diện cho toàn bộ ngành ngân hàng, chưa nói tới toàn bộ ngành tài chính, chưa nói tới thị trường.

Thứ hai, Chính phủ cũng sai lầm. Các quy định điều chỉnh sai lầm, các chính trị gia sai lầm, chính sách tiền tệ sai lầm. Các khoản tín dụng đã quá rẻ. Nhưng đó không phải là lỗi của ngân hàng, đó là hệ quả của sự kết hợp tương chừng như hoàn toàn vô hại giữa chính sách tiền tệ lỏng lẻo và lạm phát thấp.

Trách nhiệm gây ra cuộc khủng hoảng cần phải được chia sẻ. Nó không chỉ là của riêng thị trường, thậm chí không chỉ là của riêng ngành ngân hàng.

Thứ ba, thất bại ở chỗ thiếu hiểu biết. Chúng ta đã không phát hiện được khủng hoảng. Bạn có thể lập luận rằng, chúng ta đáng ra phải biết, nhưng thực tế thì không. Hơn thế, đó không phải là do các quy định điều tiết thiếu sót, theo nghĩa là chúng ta (tức Chính phủ) thiếu quyền can thiệp và không phải chúng ta không có quyền lực để ngăn chặn khủng hoảng cho dù chúng ta biết chúng sắp tới. Đây chính là điều sống còn để xác định các quy định điều tiết sẽ đi về đâu. Nếu các nhà điều tiết có nói với các nhà lãnh đạo rằng một cuộc khủng hoảng khổng lồ sắp nổ ra, chúng tôi (tức các nhà lãnh đạo) sẽ không nói: chúng ta chẳng thể làm gì cho tới khi có thêm quy định điều tiết. Chúng tôi sẽ hành động. Nhưng các nhà điều tiết đã không nói gì cả.

Thứ tư, những sáng tạo trong ngành tài chính trên thực tế hoàn toàn không tệ. Thực ra, nó luôn tốt; nó tăng tính thanh khoản và thúc đẩy hoạt động kinh tế. Nguy cơ của sáng tạo là những hệ quả mà chúng ta không hiểu và có những tác động không thể kiểm soát.

Thứ năm, khi một cuộc khủng hoảng nổ ra – và tôi ngờ rằng điều này có thể đúng trong bất kỳ cuộc khủng hoảng kinh tế lớn nào ngày nay – hậu quả của nó sẽ lớn hơn trước nhiều lần, do tính tương tác và phụ thuộc cực điểm của nền kinh tế toàn cầu hiện đại. Nó tạo ra tác động tự thân, rồi tác động đó bị nhân lên qua một thể lực khó nắm bắt nhưng đầy quyền năng, đó là lòng tin.

Tôi không nói về lòng tin hảo huyền không kết nối với thực tiễn. Những tính toán số học, về bản chất, quyết định nền tảng cơ bản cho lòng tin. Nhưng lòng tin bắt nguồn từ tâm lý xử lý số liệu (số học) và phụ thuộc rất lớn vào chính trị. Sự cân bằng xoay quanh sự tương tác giữa số học, tâm lý và chính trị. Do đó, số học vẫn còn không chắc chắn, chính trị không rõ ràng, tâm lý do đó có vấn đề và vì thế lòng tin bị xói mòn.

Khi nói chúng ta phải gỡ rối những lí luận truyền thống, ý tôi là: việc Nhà nước can thiệp vào thời điểm đầu của cuộc khủng hoảng là đúng. Nếu không làm vậy, chúng ta sẽ quá mù mờ về tư tưởng và xuẩn ngốc về thực tiễn. Nhưng sai lầm ở chỗ chúng ta đã theo đuổi một gói biện pháp bao gồm: bội chi ngân sách, điều tiết thị trường một cách hà khắc, coi các ngân hàng là tội đồ và vứt bỏ khả năng tái phát minh để ưu ái khả năng phục hồi của Chính phủ.

Điều thú vị và có lẽ dự đoán được là công chúng còn hiểu điều này hơn nhiều chính trị gia và các nhà phê bình. Và đó là lý do tại sao nhiều chính sách tả khuynh không được hiện thực hóa. Công chúng hoàn toàn hiểu sự khác biệt giữa việc Nhà nước bị buộc phải can thiệp để ổn định thị trường với việc Chính phủ đã trở lại như một “diễn viên chính” trong nền kinh tế chung. Vai trò của Chính phủ là ổn định tình hình, sau đó phải rút ra thật nhanh và hợp lý về mặt kinh tế. Xét cho cùng thì tiến trình phục hồi sẽ không được dẫn dắt bởi các Chính phủ, mà bởi các ngành, sự sáng tạo, trí tuệ và các doanh nghiệp. Nếu các biện pháp bạn tiến hành để đối phó với khủng hoảng làm giảm động lực của họ, hạn chế khả năng lãnh đạo, khiến họ cảm thấy bất an về môi trường họ đang hoạt động thì tiến trình phục hồi trở nên không chắc chắn.

Điều này còn đúng hơn với ngành tài chính, cho dù có vẻ khá dị biệt. Dĩ nhiên nên có cải cách các quy định điều tiết, nhưng trên hết nên có các hệ thống giám sát ở cấp quốc gia và toàn cầu. Các hệ thống đó sẽ giúp chúng ta có thể hiểu thế giới tài chính mới này và dõi theo nó, để can thiệp khi nguy cơ lỗi hệ thống xảy ra. Điều không nên làm là dốc toàn lực dự đoán mọi cuộc khủng hoảng tiềm tàng, xây dựng trước những quy định hà khắc để ngăn ngừa chúng. Làm theo cách đó chúng ta có nguy cơ khiến hệ thống tài chính trở nên mệt mỏi, vắt kiệt phát minh sáng tạo, cố gắng đưa ngành tài chính trở lại với thể giới của năm ngoái, điều vừa không hợp lý

vừa không hiệu quả về kinh tế.

Kết quả của việc này là do ngân hàng hoạt động ít đi, Nhà nước phải hành động nhiều lên. Hiện tại chúng ta đã đi từ chỗ cho vay vô trách nhiệm đến một tình trạng cực đoan khác là từ chối cấp tín dụng cho ngay cả các doanh nghiệp và khách hàng đáng tin cậy. Các dạng hoán đổi khả năng vỡ nợ tín dụng và chứng khoán phái sinh bản thân không phải là xấu. Ngược lại, nếu sử dụng và hiểu chúng thích đáng, chúng có thể vô cùng hữu dụng. Do đó hiểu chúng, giám sát và điều chỉnh chúng khi cần thiết, nhưng đối xử với chúng như chúng là hệ quả của sự tham lam. Hãy xem chúng đúng như bản chất, tức là các công cụ tài chính mới cần cẩn trọng khi sử dụng.

Tôi thiên về hướng tiếp cận các quy định điều tiết thị trường một cách thận trọng, không phải không cho ngành tài chính có quyền sửa sai vì họ là người mắc sai lầm, mà phải xem ngành tài chính là đối tác trong nỗ lực đạt được sự cân bằng giữa giám sát và điều tiết, hành động toàn cầu và hành động quốc gia, giảm rủi ro trong khi vẫn mở đường cho sáng tạo.

Còn bản thân Nhà nước và vai trò của Chính phủ cũng nên được xem là vật chất thích hợp cho cải cách. Vai trò của Chính phủ chính là một phần của vấn đề chứ không chỉ là một phần giải pháp.

Thực tế là những lo lắng về nền kinh tế đã chuyển từ hoạt động của ngành ngân hàng sang nợ Chính phủ. Do đó sẽ thực sự xuẩn ngốc khi lờ đi trách nhiệm của Chính phủ và Nhà nước đối với những gì đã xảy ra.

Khủng hoảng ở khu vực sử dụng đồng euro (Eurozone) không tạo ra các vấn đề nợ Chính phủ; nó chỉ phơi bày các vấn đề đó ra ánh sáng.

Sự thật là sau một khoảng thời gian, thế giới phát triển đã thay đổi – nhưng còn rất miễn cưỡng – để hướng tới cải cách chế độ an sinh xã hội, dịch vụ công và các tổ chức Chính phủ. Dân số già đi, tốc độ sinh giảm, kì vọng lớn hơn và sự thay đổi điều kiện xã hội đang thách thức chúng ta một cách dai dẳng chưa từng thấy, trong nhiều thập kỷ. Khủng hoảng kinh tế đáng ra (và giờ đây vẫn có thể) là một khoảnh khắc mà thay vì lười nhác đưa ra một ý tưởng tăng chi tiêu Nhà nước, khoác áo một gói kích thích tài khóa và cho đó là giải pháp duy nhất cho vấn đề, chúng ta hãy tận dụng cơ hội để đẩy nhanh và đào sâu cải cách.

Tìm kiếm giá trị của tiền trong các dịch vụ như chăm sóc sức khỏe, mở cửa cho cạnh tranh trong các lĩnh vực như giáo dục, cải cách mạnh mẽ chế độ an sinh xã hội, để nó trở thành một mạng lưới thực sự an toàn cho những người cần nó và giúp những người có thể và cần “đứng trên đôi chân của mình” thành công hơn. Bên cạnh đó, ở mọi khía cạnh, cần biết đặt câu hỏi và tái đánh giá thay đổi. Nhưng không phải vì thế mà từ bỏ đoàn kết xã hội mà trái lại phải làm sao để đoàn kết hiệu quả hơn trong một thế giới đã biến đổi. Đó là điều chúng ta phải cố vũ với tư cách những người tiên bộ và phải quán triệt với tư cách là các dân tộc.

Giờ hãy xem xét hai ví dụ: chi tiêu và lương hưu. Với ví dụ đầu tiên, không còn nghi ngờ gì nữa, chúng ta sẽ có thể nhận được giá trị tốt hơn nhiều, nếu chúng ta có thể chấp nhận thực tiễn là khu vực tư nhân đã được xem là chân lí bấy lâu nay. Tuy nhiên, chúng ta vẫn còn lúng túng và chưa hiểu rõ sự khác biệt về phạm vi và mục đích giữa dịch vụ công và dịch vụ tư. Thế là, chúng ta làm những việc giống nhau đối với cả khu vực tư và khu vực công, khiến các việc này vừa hiệu quả vừa thiếu hiệu quả. Việc chi tiêu trong 10 năm tôi tại nhiệm đã tiến được một bước dài, nhưng vẫn chưa tới gần được nơi cần đến và có thể đến.

Trong lĩnh vực lương hưu, tôi ủng hộ việc liên kết giữa thu nhập và lương hưu bởi sự đóng góp của Quỹ bảo hiểm quốc gia. Nhưng là một xã hội, chúng ta cần tự hỏi nghỉ hưu giờ đây thực sự là gì?

Trong thế giới phát triển của chúng tôi, mọi người vẫn còn sung sức vào độ tuổi cuối sáu mươi và còn hơn thế. Có thể tôi là một ngoại lệ, nhưng tôi sẽ xem ý tưởng ngừng làm việc ở tuổi 60 là

gần đỡ; và thực tế là kinh khủng. Giờ đây chúng ta có thể đổi hợp số, thậm chí thay đổi việc làm, do đó chẳng có nghĩa lí gì khi phân tích thể giới qua con mắt của ông tôi.

Tôi đã nhận ra từng bước một con đường hướng tới một mô hình Nhà nước mới và các dịch vụ mà Nhà nước cung cấp, biết được công nghệ có thể giúp tiết kiệm tiền ra sao thông qua các cách thức làm việc mới; sự linh hoạt trong ranh giới nghề nghiệp, việc thuê ngoài. Nhưng cuộc khủng hoảng đã làm nảy sinh yêu cầu phải đẩy nhanh tiến trình này.

Vấn đề liên quan mà tôi nghĩ đến là bội chi ngân sách. Một lần nữa tôi muốn nói rằng không nghi ngờ gì về việc các Chính phủ cần kích thích nhu cầu nội địa khi kinh tế suy giảm sâu và khủng hoảng tín dụng xảy ra năm 2009. Mặc dù vậy, có hai phẩm chất quan trọng cần có trong hành động này. Đầu tiên là khi tiến hành phân tích lịch sử về các gói kích thích kinh tế, tôi nghĩ chúng ta sẽ nhận thấy chính các biện pháp cụ thể và có mục tiêu rõ ràng nhất, chẳng hạn như các biện pháp kích thích ngành ô tô, lại là các biện pháp hiệu quả nhất.

Thứ hai là việc triển khai các gói chi tiêu đó cần phải được tính toán vô cùng cẩn trọng trong thực trạng kinh tế toàn cầu năm 2010.

Keynes là một nhân vật kiệt xuất, một nhà tư tưởng cách mạng, một ví dụ hiếm hoi của một trí tuệ lỗi lạc, một người có thể đưa ra những lời khuyên thực tế. Tôi cược là ông ấy sẽ rất ngạc nhiên khi biết lý thuyết của mình đã được vận dụng như thế nào ngày nay.

Vào những năm 1930, chi tiêu công đã chiếm 26% GDP ở Vương quốc Anh và 19% GDP ở Mỹ. Năm 1950, sau một cuộc chiến tranh thế giới, tỷ lệ này là 34% và 24%. Hiện nay, con số này là 47% và 45%.

Dĩ nhiên là cần phải có một gói kích thích tài khóa do nhu cầu giảm mạnh năm 2009. Phân tích của Keynes là Nhà nước nên hành động để thúc đẩy nhu cầu, nếu hệ quả của sự suy giảm là một vòng xoáy đi xuống của tăng trưởng thu hẹp, chi tiêu bị cắt giảm và cứ như thế tăng trưởng cứ giảm đi còn cắt giảm cứ tăng lên. Nhưng chúng ta không bao giờ biết rõ tác động của năm 2008 sẽ là sự suy giảm dữ dội tăng trưởng trong nhiều năm. Bản thân sự suy giảm đó một phần là do sự sụp đổ về tâm lý của thị trường sau vụ Lehmans, dẫn tới sự sụp đổ lòng tin, khiến mọi người quay lưng lại với thị trường, hủy các vụ đầu tư và rút lui vào "hầm trú ẩn". Điều tôi nhận ra trong giai đoạn 2008-2009 là ngay cả những người có tiền cũng hoãn đầu tư. Khi thị trường ổn định, họ sẽ ra khỏi "hầm trú ẩn" và đầu tư trở lại. Vậy lúc này nếu Chính phủ không xử lý thâm hụt ngân sách, những người đóng thuế sẽ phải trả giá. Do đó, người dân sợ rằng, thâm hụt lớn sẽ dẫn tới "sưu cao thuế nặng" trong tương lai, vì thế họ suy giảm lòng tin, giảm đầu tư và giảm sức mua. Điều này cũng làm tăng nguy cơ suy thoái kéo dài. Vì vậy, việc tiến hành cẩn trọng hoạt động củng cố tài khóa là điều xác đáng.

Tôi hoàn toàn nhất trí rằng sẽ sai lầm khi rút ngay các gói kích thích tài khóa. Đây là đánh giá liên quan tới đúng - sai, không phải liên quan tới cánh tả - cánh hữu. Cần phải cân bằng những tác động đối nghịch của giảm thâm hụt: nhu cầu về tổng thể giảm bởi sự sụt giảm trong chi tiêu của Chính phủ; mặt khác, lòng tin của người tiêu dùng và doanh nghiệp tăng do thâm hụt đã được kiềm chế. Đây là điều cần phải nghiên cứu thêm. Nhưng nếu chúng ta không đưa ra một đường lối thuyết phục để thoát khỏi tình trạng nợ nần, thì chính sự thất bại của kinh tế toàn cầu năm 2010, trái với những năm 1930, sẽ khiến chúng ta rơi vào một giai đoạn trì trệ kéo dài.

Ngày nay, một khác biệt lớn nữa là vị thế của các nền kinh tế đang trỗi dậy. Họ hoàn toàn là một phương diện mới. Họ cũng mong manh và dễ tổn thương, nhưng về cơ bản, họ không ngừng nỗ lực đi lên. Trớ trêu là, họ sẽ tiếp tục theo đuổi tự do hóa chính ở điểm mà chúng ta dường như đã đánh mất lòng tin.

Họ có nguy cơ không thực hiện được kế hoạch cải cách riêng của Chính phủ của họ (chẳng hạn như Ấn Độ) và/hoặc điều chỉnh thị trường, vì lợi ích của nó, thông qua các chính sách làm trì

trệ tăng trưởng. Xem xét trường hợp của châu Âu tôi thấy, điều châu lục này cần là một gói các biện pháp: một kế hoạch giảm thâm hụt được tính toán cẩn thận; cải cách về cơ bản mô hình xã hội châu Âu, một nhu cầu được nêu bật bởi khủng hoảng chứ không phải do khủng hoảng tạo ra; các quy định điều tiết thị trường giám sát các rủi ro có tính hệ thống nhưng không hạn chế phát minh, sáng tạo và tìm kiếm doanh nghiệp; và đối với khu vực Eurozone, luôn cần có sự phối hợp về tài khóa, chẳng hạn như một chính sách tiền tệ chung.

Nhưng đó là một gói các biện pháp. Chỉ thực hiện một phần này và không thực hiện phần khác của gói đó, chúng ta có nguy cơ đối mặt với một cuộc khủng hoảng tồi tệ hơn. Cụ thể là giảm thâm hụt và giảm các công cụ kích thích kinh tế, hay các cải cách cơ cấu chưa thực sự đúng đắn và sự thiếu cân bằng trong các biện pháp triển khai sẽ khiến gói này thất bại, hay chí ít là làm giảm đáng kể hiệu quả của nó. Hãy xem vấn đề của Hy Lạp hay Tây Ban Nha. Nếu họ có và tôi hi vọng họ có, các chính sách đáng tin cậy để giải quyết thâm hụt và sau đó là cải thiện tình hình tài chính của các ngân hàng có liên quan tới thâm hụt, đồng euro sẽ được bình ổn với các biện pháp cải cách trên diện rộng. Thị trường sẽ phục hồi và các cải cách, điều luôn cần thiết trong bất kỳ sự kiện nào, sẽ giúp cả hai nước nâng cao được năng lực cạnh tranh. Kết quả thu được sẽ không thay đổi các nền tảng cơ bản của nền kinh tế đã được phương Tây phát triển trong nhiều thập kỷ, nó chỉ góp phần điều chỉnh và cải cách các nền tảng này, để chúng làm việc hiệu quả hơn.

Nhận định này ngày càng có sức thuyết phục khi những nền kinh tế mới ngày càng có vị thế cao hơn trên trường quốc tế đang thực thi chính xác điều này. Họ theo đuổi chính sách kinh tế mở cửa hơn và nếu không làm như vậy họ sẽ bước đi những bước loạn choạng.

Trung Quốc đang mở cửa và phát triển bùng nổ nhờ làm như vậy. Ấn Độ cần giảm bộ máy hành chính và quyền lực Nhà nước, không phải là tăng. Sự thành công của tổng thống Lula ở Brazil một phần là vì ông tiếp tục thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô chống lạm phát của người tiền nhiệm Fernando Cadoso. Các nền kinh tế ở Trung Đông, như Ả Rập Xê Út, hiện nay đang chú trọng nâng cao năng lực cạnh tranh và dỡ bỏ các rào cản cho doanh nghiệp, chứ không phải xây dựng các rào cản này. Sẽ rất kỳ cục và xuẩn ngốc nếu chúng ta đi theo hướng ngược lại.

Mặc dù vậy, chúng ta có thể phục hồi lòng tin đối với nền kinh tế nhanh hơn lòng tin đối với an ninh. Tôi đã đưa ra những luận giải của tôi về vấn đề Iraq, vì sao nó xảy ra, điều gì đã sai và tại sao tôi vẫn tin rằng quyết định của mình là đúng. Giờ đây vấn đề Afghanistan cũng đang treo lơ lửng. Giống như ở Iraq, chúng tôi đã lật đổ chế độ bị ghét bỏ và làm vậy với những mục đích tốt. Công dân của quốc gia đó có vẻ như cũng có ý định đó, nhưng chúng tôi đã bị những người có ý định đối lập phản đối. Qua thời gian, vấn đề bị ngừng trệ do người ta tranh luận về việc ai đúng, ai sai và kết quả là chúng tôi rõ ràng không có khả năng đánh bại các lực lượng chống phá và giành được “thắng lợi” cuối cùng. Do đó, đồng minh của chúng tôi nản lòng, người dân của chúng tôi mất lòng tin và chúng tôi tự hỏi: “Khi nào và làm thế nào mọi việc sẽ kết thúc”.

Đây là một bức tranh có thể thay đổi nhanh chóng; và trong mỗi cuộc đấu tranh chính trị hay quân sự, tình hình có thể diễn biến khác đi mỗi tháng, thậm chí là mỗi tuần. Do đó, thử dừng lại và tìm hiểu rõ ràng bức tranh đó là một khó khăn ghê gớm. Tôi sẽ quay về các nguyên tắc cơ bản đầu tiên và cố gắng diễn giải nó thật đơn giản, thậm chí là sơ lược.

Bản chất của nguy cơ là gì? Nó không bắt nguồn từ những gì chúng tôi đã làm; phương Tây rõ ràng là không cố tình đối đầu. Đây là nền tảng quan trọng đầu tiên trong lập luận này. Nhưng cuộc tấn công 11/9 là một cú sốc lớn mà người dân của chúng tôi chưa từng thấy. Những quốc gia như Mỹ và Anh đã không đối xử không công bằng với đạo Hồi. Nhưng khi Hồi giáo mắc kẹt trong chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chống lại những người có chủng tộc và màu da khác nhau, thì thái độ trên đã trở nên lỗi thời.

Chủ nghĩa cực đoan mà chúng ta e sợ là một vết nhơ trong thế giới Hồi giáo. Nó hoàn toàn tương phản với giáo lý đúng đắn của đạo Hồi. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng hành động

của những kẻ cực đoan có liên hệ với tôn giáo của họ. Tôi cảm thấy, chúng ta luôn tránh né nhận định này, như thể nó sẽ làm xấu mặt cả thế giới Hồi giáo. Nhưng nếu điều đó đúng – và sự thực là như vậy – thì đó là vấn đề cần phải đối mặt, không chỉ bởi vì nó đúng mà bởi nếu không làm thế, chúng ta sẽ không phân tích được vấn đề và tìm ra giải pháp hợp lý. Nếu đó là vết nhơ trong đạo Hồi, thì câu trả lời phần nào cũng nằm trong đạo Hồi, việc xóa bỏ vết nhơ đó có thể chịu tác động của những người ở ngoài thế giới Hồi giáo như chúng tôi, nhưng nó chỉ có thể được loại bỏ bởi những người Hồi giáo.

Vấn đề lớn nhất là, một cách tự nhiên, chúng ta có xu hướng tin rằng cách tốt nhất để trao quyền cho những người trong thế giới Hồi giáo trấn áp phần tử cực đoan là xích lại gần và tìm tiếng nói chung với những người này. Hãy để tôi giải thích ý của tôi trong vấn đề này, bởi nó là cội rễ của thể tiến thoái lưỡng nan trong chính sách của chúng tôi hiện nay.

Lý luận truyền thống cho rằng lập trường của Bush/Blair là sai bởi đó là lập trường đối đầu trong khi chúng tôi đúng ra phải hòa thuận và cởi mở. Nhiều người chấp nhận rằng xung đột ở Afghanistan là hợp lý, nhưng ở Iraq thì không. Do đó, vấn đề Iraq “tạo ra” sự chia cách giữa phương Tây và thế giới Hồi giáo. Chính điều này khiến các đồng minh của chúng tôi gặp nhiều khó khăn hơn trong việc thu hút sự ủng hộ trong nội bộ thế giới Hồi giáo để trấn áp phần tử cực đoan. Tương tự như vậy, chính sách đối với Israel bị xem là phiến diện và củng cố lập trường rằng phương Tây rõ ràng là thù địch với Hồi giáo. Quan điểm về sự hắt hủi của Liên minh châu Âu với Thổ Nhĩ Kỳ cũng có nguồn gốc tương tự như vậy.

Bài phát biểu xuất sắc của tổng thống Obama ở Cairo vào tháng 6 năm 2009 đã mở ra khả năng cùng tồn tại hòa bình, đánh dấu một hướng tiếp cận mới và nếu ông Obama có được sự hỗ trợ và hợp tác cần thiết, đó sẽ là một phương hướng có thể kết hợp hiệu quả cả quyền lực cứng và quyền lực mềm. Tuy vẫn giữ lập trường cứng rắn ở Afghanistan, nhưng ông đã cởi mở và mềm mỏng hơn ở Cairo. Bài phát biểu này đã được tính toán cẩn thận. Bàn tay bằng hữu đã được chìa ra, ngay cả đối với Syria và Iran. Trong một chừng mực nào đó, nó giống một lời tạ lỗi và được thực hiện như thế. Thông điệp ẩn ý trong đó là: Chúng tôi đã thiếu tôn trọng và coi thường và giờ đây nếu không nói là nhún nhường, chúng tôi sẽ tôn trọng một cách sâu sắc. Nhưng hãy hợp tác với chúng tôi nếu bạn có thể. Vấn đề là: chính xác thì anh tôn trọng cái gì? Tôn trọng tín ngưỡng của đạo Hồi, tổng thống Obama sẽ nói thế và điều đó chắc chắn là đúng. Nhưng điều đó không nên được xem là tôn trọng phần lớn lý thuyết nền tảng mà nhiều người Hồi giáo rao giảng trong nền chính trị của họ ngày nay.

Đây là gốc rễ của vấn đề. Số lượng phần tử cực đoan khá nhỏ, nhưng lý luận của họ - trong đó coi Hồi giáo là nạn nhân của sự hắt hủi của phương Tây ở bên ngoài và sự lãnh đạo về tôn giáo thiếu hiệu quả ở trong nước – có tác động lớn hơn nhiều. Tác động đó thể hiện ở chỗ: phần lớn các nhà lãnh đạo chính trị hiện nay bị lôi kéo hậu thuẫn lý thuyết này do sợ đánh mất sự ủng hộ.

Tình huống này tạo ra hệ quả thực tiễn. Iraq và Afghanistan bị xem là những cuộc chiến của thế giới phương Tây. Với một vài sự khác biệt đáng chú ý, điều này không được hiểu là một cuộc đấu tranh vì trái tim và linh hồn của đạo Hồi. Nhưng kết quả của nó chắc chắn là điển hình của một cuộc đấu tranh như thế.

Tôi đã bị chỉ trích về vấn đề Israel và ý tưởng về việc làm thế nào để vấn đề này tiến triển, tôi đã đề cập đến trong các chương trước. Nhưng hãy tạm gác sang một bên chi tiết của tiến trình hòa bình. Do tôi đã bắt đầu bỏ nhiều thời gian hơn ở Palestine, tôi đã rất ngạc nhiên khi biết luôn dễ thu hút tài trợ cho phần tử “đối kháng” hơn gây quỹ cho tiến trình xây dựng Nhà nước Palestine, một tiến trình đòi hỏi sự kiên nhẫn, nhưng là một tiến trình cần thiết. Israel có thể và nên tăng cường hành động để thúc đẩy những thay đổi thiết thực trên thực địa, đó là ở Bờ Tây và dải Gaza. Điều này có thể đẩy mạnh tiến trình hòa bình. Mặc dù vậy, nếu Palestine chịu một sức ép rõ ràng, không mơ hồ, đòi từ bỏ hoàn toàn bạo lực, thì một thỏa thuận hòa bình sẽ đạt được trong vòng một năm. Thế giới Hồi giáo đã không có tiếng nói đủ trọng lượng để đề

ngộ họ làm như vậy.

Ngày nay, chính nước Mỹ là nước dẫn dắt cuộc đấu tranh chống Iran và tham vọng hạt nhân của quốc gia này. Nhưng hãy để chúng tôi nói thẳng: Iran là mối nguy tức thời cho các nước láng giềng Ả Rập hơn là mối nguy cho Mỹ rất nhiều. Dĩ nhiên họ cũng là mối đe dọa cho chúng tôi, nhưng điều này một phần là vì việc Iran có vũ khí hạt nhân sẽ ảnh hưởng lớn tới Trung Đông, chứ không phải vì Iran là một mối nguy trực tiếp. Vấn đề là: đánh bại các biểu hiện hiện hữu và đáng sợ của chủ nghĩa cực đoan về tôn giáo là không đủ. Thực ra tôi sẽ đi xa hơn: chủ nghĩa cực đoan này sẽ không bị đánh bại đơn giản bằng việc tập trung vào một mình chủ nghĩa cực đoan. Chúng ta phải tấn công lí thuyết của nó. Nó phải được xem xét, được hiểu và sau đó bác bỏ ở cả bên trong và bên ngoài thế giới Hồi giáo. Nó không nên được tôn trọng. Nó phải bị công kích, phủ nhận, chỉ trích trên các mặt chính trị, an ninh và tôn giáo. Nếu chúng ta bác bỏ lí thuyết này một cách tự tin và thuyết phục, nó sẽ giúp những người hiểu điều này nhưng vẫn còn miễn cưỡng mạnh mẽ hơn. Họ miễn cưỡng là vì họ sợ bị gạt ra ngoài lề, trở nên đơn độc bởi chúng tôi ở phương Tây, đồng minh ngầm hay công khai của họ, cảm thấy cuộc chiến đó quá khó khăn, quá mệt mỏi và trên hết là quá dài.

Điều này khiến tôi quay trở lại với vấn đề Afghanistan cho dù tôi sẽ nói điều tương tự về Iraq. Điều xảy ra ở Afghanistan thực ra rất đơn giản. Kẻ thù của chúng tôi nghĩ rằng họ có thể cô lập chúng tôi. Và không chỉ có kẻ thù nghĩ như vậy, cả các bạn của chúng tôi nữa. Do đó những người bình thường sẽ nghĩ: tôi nên xây dựng hòa bình với những người ở lại, không phải với những người sẽ ra đi. Bây giờ, dĩ nhiên là chúng tôi đang mừng tượng trưng thời gian rút khỏi Afghanistan và chuyển giao trách nhiệm vào tay người Afghanistan là hợp lý và sự thực chúng tôi đang làm thế; nhưng việc này phải bắt nguồn từ một lập trường mạnh và chúng tôi phải biết chắc người Afghanistan thực sự có khả năng gánh lấy trách nhiệm.

Khó khăn của của cuộc chiến hiện nay là định nghĩa “nó” là gì. Sau ngày 11/9 cụm từ “cuộc chiến chống khủng bố” đã được sử dụng. Mọi người không tin tưởng nó, phần vì nó quá bộc trực, phần vì quá hạn chế. Vì vậy chúng tôi từ bỏ khái niệm này. Nhưng nếu điều chúng ta đang chiến đấu không phải là một cuộc chiến, thì đó là gì.

Nguy cơ đã đủ rõ: Vũ khí hủy diệt hàng loạt ở trong tay của những kẻ muốn tiến hành hủy diệt hàng loạt. Nếu chúng có thể có được những thiết bị hạt nhân bắn thiu này, chúng sẽ sử dụng nó. Nhưng nguy cơ không dừng lại ở đó. Phong trào này cũng có khả năng hủy hoại các Chính phủ và chiếm các quốc gia, mà một số Chính phủ và quốc gia đó có vai trò cực kỳ quan trọng đối với lợi ích chiến lược và an ninh của chúng tôi, không đơn giản chỉ là lợi ích ích kỷ của bản thân chúng tôi mà còn là lợi ích của cộng đồng toàn cầu. Điều đó giải thích tại sao vấn đề Iran lại quan trọng. Việc Iran sở hữu bom hạt nhân nghĩa là các nước khác trong khu vực cũng có thể có khả năng tương tự. Điều này sẽ làm thay đổi đột ngột cán cân quyền lực trong khu vực và cả trong thế giới Hồi giáo. Và một cuộc chiến tranh ở Afghanistan đã thực sự nổ ra.

Chúng ta cần liên kết những gì xảy ra như vụ đánh bom ô tô mới nhất ở Kabul hay Baghdad với những gì được rao giảng ở Pakistan, hay về quyền phụ nữ ở Yemen. Chúng ta cần phải mở các đợt phản công trên phương diện tôn giáo và không chỉ dừng lại ở phản công trên phương diện chính trị hay quân sự. Iraq chỉ là một phần của bức tranh này, cũng như Afghanistan; cũng như các vụ thảm sát ở Philippines, Bombay, Kashmir, Chechnya và Karachi – ở bất kỳ đâu hệ tư tưởng này phủ sóng, cho dù xa xôi đến đâu.

Vậy câu trả lời cho câu hỏi: “Chúng ta sẽ duy trì trong bao lâu” là “Cho đến khi vẫn còn nhu cầu đánh bại chủ nghĩa cực đoan”. Đôi khi nó có nghĩa là đánh, đôi khi lại có nghĩa là thuyết giảng.

Đôi khi, nó có nghĩa là tạo lập hòa bình, như với vấn đề Israel/Palestine (vấn đề này không phải là căn nguyên của chủ nghĩa cực đoan mà là một công cụ quyền lực trong tay những kẻ cực đoan). Nhưng chủ nghĩa cực đoan cần phải bị tấn công và đánh bại ở mọi cấp độ, mọi khía cạnh, mọi nơi chốn, giữa những dân tộc khác nhau và bối cảnh chính trị khác nhau.

Chúng ta cần huy động và ủng hộ các lực lượng hiện đại hóa trong thế giới Hồi giáo, những người theo đuổi tinh thần cùng tồn tại hòa bình. Nhưng trên tất cả, những người này cần chúng ta mạnh mẽ, thể hiện sự kiên định, chứng tỏ rằng chúng ta dành hết tâm sức vào cuộc chiến này. Điều mà họ sợ và nỗi sợ này lớn hơn nhiều nỗi sợ của chúng ta, là chúng ta yếu.

Chúng ta cần sự thuyết phục trong những lập luận của Obama (hay Clinton) và sự đơn giản trong cách tiếp cận của Bush (hay Reagan). Chúng ta cần trí tuệ, những tính toán, sắp xếp xuất sắc kết hợp với sự cứng cỏi để có thể đương đầu. Bây giờ là thời điểm thích hợp để làm điều đó. Từ những năm sau sự kiện 11/9, chúng ta đã học được rằng, chúng ta chưa đập tan được các nguy cơ và chúng ta không thể làm điều đó một cách nhanh chóng. Nó vẫn treo lơ lửng, đe dọa chúng ta. Câu hỏi đặt ra là: chúng ta đã biết mình không có lựa chọn nào ngoài việc đánh bại nó và do đó, vấn đề duy nhất là làm thế nào?

Khi làm việc này, chúng ta cần làm sống lại niềm tin vào lối sống và các giá trị của lối sống đó. Cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít không đơn giản là vấn đề an ninh quốc gia. Trong những trận chiến đó, chúng ta biết chúng ta đang chiến đấu vì cái gì: Không chỉ vì tự do của dân tộc chúng ta, mà vì cả tự do của nhân loại. Chúng ta biết rằng, sự bạo ngược và chủ nghĩa cực đoan là những kẻ thù của loài người, không phải của từng quốc gia riêng lẻ. Tiến hành những cuộc chiến đó, chúng ta không chỉ lấy cảm hứng từ mong muốn chiến thắng, mà còn từ niềm tin, từ đam mê đấu tranh vì sự tiến bộ và tổng khứ lực lượng của bóng đêm về với bóng đêm, nơi mà nó thuộc về.

Chúng ta cần tinh thần và đam mê đó ngay bây giờ. Khi đọc các tin tức về đánh bom xe hơi ở các con phố đông người, thì cho dù sự việc đó xảy ra ở đâu trên thế giới, chúng ta không nên nản lòng hay tuyệt vọng; chúng ta phải giận dữ, phẫn nộ và trên hết phải quyết tâm.

Mỹ và châu Âu nên hợp tác với nhau trong vấn đề này. Cùng nhau, chúng ta cần đối đầu với nó; cần vươn tay ra và thuyết phục các quyền lực mới tham gia mặt trận của chúng ta. Không có thách thức nào đối với thế giới ngày nay có thể được giải quyết dễ dàng nếu Mỹ và Liên minh châu Âu chia rẽ. Không có thách thức nào về kinh tế và đương nhiên không có mối nguy nào về an ninh. Dĩ nhiên cấu trúc quyền lực địa chính trị đang thay đổi. Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, Nga và đến một lúc nào đó, cả Indonesia, Mexico và các nước khác đòi được đối xử bình đẳng như một đối tác. Nhưng rõ ràng các quốc gia đó không hoàn toàn chia sẻ lợi ích hay quan điểm chung. Mỗi liên minh một khác, nhưng sẽ không có liên minh nào có thể hoạt động hiệu quả hơn liên minh giữa châu Âu và Mỹ. Không cơ hội nào dễ dàng nắm bắt, không thách thức nào dễ giải quyết.

Tôi thấy sự vô tâm đối với sự suy giảm trong quan hệ xuyên Đại Tây Dương, ở cả hai bờ, khá choáng váng. Người ta cảm thấy đó là điều thuộc về một kỷ nguyên đã qua. Như thế là người ta đã hiểu sai cách thế giới biến đổi; hay có lẽ là họ đang thử lật ngược vấn đề để xem xét.

Người ta nói rằng các quyền lực mới đang nổi lên, do đó, chúng ta cần tìm kiếm các mối quan hệ sâu sắc hơn với các quyền lực này và vì thế giảm các mối quan hệ cũ. Nhưng chính vì quyền lực tương đối của châu Âu và Mỹ đang thay đổi, trong bối cảnh các quyền lực mới bước lên vũ đài, việc hợp tác giữa châu Âu và Mỹ càng có lý hơn.

Có thể chúng ta chưa lĩnh hội tầm quan trọng thực sự của sự trỗi dậy của Trung Quốc (hay Ấn Độ). Giờ đây, tôi thường xuyên đến thăm Trung Quốc. Có rất nhiều câu hỏi về việc Trung Quốc sẽ thế nào trong tương lai cần có câu trả lời và ngay cả những người liên hệ mật thiết với Trung Quốc cũng sống trong tình trạng mơ hồ, không thể biết chắc điều gì sẽ xảy ra; nhưng có một số điều chúng ta biết: Trung Quốc đang mở cửa với một tốc độ phi thường. Sức mạnh kinh tế và chính trị, vốn đã rộng lớn của Trung Quốc, hiện chỉ là một phần nhỏ so với sức mạnh của họ trong tương lai. Người dân của nước này thông minh, kiên định và có lòng tự hào dân tộc sâu sắc. Sự đa dạng về dân tộc, chủng tộc, sự đa dạng trong các phần khác nhau của đất nước, quy mô hầu như không hình dung nổi của thách thức đối với sự phát triển – tất cả những điều

này có thể hiểu được. Nhưng ý chí khắc phục thách thức sẽ không bao giờ rơi xuống vực sâu tối tăm nữa, đó là những điều xác định phẩm chất của đất nước và sự lãnh đạo của Trung Quốc.

Chúng ta cần đề nghị Trung Quốc hợp tác, vì lợi ích của cả hai bên. Và các đối tác mạnh luôn luôn tốt hơn các đối tác yếu. Một phương Tây bị chia rẽ, tranh giành quyền lợi với các quyền lực mới, là điều vô lý.

Đối với châu Âu, sự tương phản giữa lựa chọn và thách thức là lớn nhất. Sau tất cả những tranh luận về Hiệp ước Lisbon, giờ đây châu Âu phải đưa ra những quyết định rất thẳng thắn. Vấn đề không nằm ở tiến trình, điều châu Âu thích tranh luận tới suốt đời. Đó là vấn đề về định hướng chính sách. Nếu châu Âu muốn mạnh hơn, có khả năng hợp tác với Mỹ, Trung Quốc và các nước khác và trở thành một đối tác hấp dẫn, họ phải tập trung vào những quyết định nền tảng nhất định.

Thứ nhất, cần phải tìm hiểu thật kỹ lưỡng về cuộc khủng hoảng kinh tế nhằm tái định nghĩa mô hình xã hội của nó, phối hợp chính sách tài khóa và tiền tệ, tự do hóa thị trường và từ đó có được những lợi ích từ sự gắn kết của châu Âu. Cần phải kết hợp ngân sách với các ưu tiên, thay vì kết hợp các ưu tiên với ngân sách.

Thứ hai, cần phải tạo ra một chính sách phòng vệ của riêng châu Âu trong đó tập trung vào khả năng đấu tranh. Châu Âu cần số lượng đáng kể về lực lượng quốc phòng, cộng với sự hậu thuẫn về hậu cần và công nghệ, với ý chí, ham muốn và khả năng tham gia vào các chiến dịch chống lại quân nổi dậy và khủng bố. Điều này đòi hỏi không chỉ sự tổ chức và hợp tác, mà còn đòi hỏi một cuộc tranh luận trong xã hội chúng ta về phương thức tiếp cận sự can thiệp của quân đội và đặc biệt là những thương vong mà chúng ta chắc chắn sẽ phải đối mặt nếu tham gia. Không có cách nào khác để chuẩn bị cho điều này ngoài việc chuẩn bị cho những người đàn ông và cả phụ nữ đối mặt với những rủi ro, sẵn sàng thực hiện chúng và được khen thưởng một cách thích hợp.

Thứ ba, châu Âu sẽ đạt được rất nhiều lợi ích về kinh tế, cũng như về mặt lãnh đạo, bằng cách áp dụng một chính sách năng lượng chung. Một mạng lưới thống nhất nhất không phải là điều không thể thực hiện và những khoản tiết kiệm được sẽ rất lớn. Chẳng hạn, những sự khác biệt về chính sách năng lượng hạt nhân có thể được vượt qua bằng việc chấp nhận có sự khác biệt như vậy, nhưng sẽ có rất nhiều lĩnh vực có thể hợp tác. Điều này sẽ giúp giảm đáng kể chi phí cho các doanh nghiệp và cho người tiêu dùng.

Thứ tư, châu Âu có chung biên giới và phải đối mặt với một mối đe dọa chung phổ biến về tình trạng nhập cư bất hợp pháp và tội phạm có tổ chức. Ở đây không chỉ bao hàm các quy định của Hiệp ước Schengen liên quan tới các vấn đề tị nạn và nhập cư. Nó còn bao hàm cả việc hợp tác xây dựng hiến pháp và chính sách thực tế. Trên hết, nó bao gồm một phương pháp tiếp cận đã được thống nhất rằng: chúng ta vẫn là những xã hội tự do về chủng tộc, song quyết định áp đặt các luật lệ và trật tự vào một hệ thống, bởi nếu không, hệ thống không có trật tự cho việc ra quyết định và thực thi cho phép đối tượng nào có thể nhập cư sẽ là mầm mống cho sự bài ngoại.

Thứ năm, châu Âu từng là nơi có các trường đại học hàng đầu thế giới. Tuy nhiên, số lượng các trường đại học châu Âu nằm trong top 50 hay top 100 trường đại học hàng đầu thế giới hiện nay là sự khiếm trách rất lớn đối với khả năng hiện đại hóa của chúng ta. Mỗi quốc gia sẽ muốn quyết định chính sách riêng của mình, nhưng châu Âu có thể hưởng lợi rất nhiều bằng cách thống nhất một số nguyên tắc quan trọng cho nghiên cứu, cải cách và hợp tác, ít nhất là trong tầng lớp xuất sắc nhất và sử dụng thỏa thuận đó để xây dựng nguồn vốn trí tuệ mà châu Âu cần để cạnh tranh. Các nền kinh tế thành công ngày nay phụ thuộc vào các tổ chức kinh doanh thành công giáo dục bậc cao. Hãy tới California và bạn sẽ hiểu làm thế nào và tại sao Thung lũng Silicon tồn tại.

Đây chỉ là 5 định hướng chính sách, song chúng có thể đem lại bao nhiêu sự khác biệt cho châu

Âu, không chỉ cho nền kinh tế, mà còn đối với vị thế, sự tự tin về tương lai. Cần chấm dứt suy nghĩ như một nước nhỏ và hãy bắt đầu hành động giống như một nước lớn. Đây không phải là vấn đề về các nước châu Âu lớn và nhỏ, mà thực tế, tất cả các nước ở châu Âu ngày nay đều nhỏ so với các cường quốc mới nổi. Đó là lý do chúng ta cần châu Âu phải lớn hơn và mạnh mẽ hơn và do đó có thể tạo ra ảnh hưởng cũng như định hình các sự kiện. Đây không phải là một phân tích sinh ra bởi một bài học phức tạp về chính trị, đây là một bài học rõ ràng, hiển nhiên kể từ sau cuộc họp đầu tiên của người Neanderthal (người tiền sử) trong hang động. Những ai có quyền lực, hãy tính đến. Những ai không có quyền lực, không cần tính đến điều này. Tuy nhiên, điều ngớ ngẩn nhất là có quyền lực mà không biết, hoặc có thể có quyền lực mà quá nhút nhát dẫn tới không nỗ lực để đạt được điều này.

Vậy nước Anh đang ở đâu trong tất cả các vấn đề này? Ở đây tôi không muốn nhắc lại những gì tôi học được từ giai đoạn 1997-2007. Thay vào đó, hãy để tôi tập trung vào giai đoạn 2007-2010. Đầu tiên, tại sao Đảng Lao động lại thất bại trong cuộc bầu cử năm 2010?

Tôi e rằng câu trả lời cho điều này đã rất rõ ràng. Đảng Lao động đã giành chiến thắng khi nó là Lao động mới và đã thất bại khi không còn như vậy. Điều này không phải do bản thân Gordon Brown. Sự thực là ông ta không phù hợp với hình thức giám sát chính trị hiện đại trong đó tính cách bị phê phán tỉ mỉ. Ông ta chưa bao giờ cảm thấy thoải mái với vai trò là một chính trị gia bình thường. Như tôi từng nói, ông ta không cần thiết phải như vậy. Ông ta có nhiều thế mạnh: được coi là một người làm việc cần mẫn, trái tim được đặt đúng chỗ, thông minh và toàn tâm toàn ý cho đất nước. Nếu ông ta vẫn tiếp tục theo đuổi chính sách Lao động mới, sẽ khó khăn để giành chiến thắng đối với các vấn đề cá nhân, song không phải là không thể đạt được. Song, việc rời bỏ chính sách này đã đem lại sự thất bại. Trong cuộc bầu cử năm 2005, chúng tôi chắc chắn sẽ không bao giờ thất bại, song trong cuộc bầu cử năm 2010, chúng tôi lại không thể giành được chiến thắng một khi quyết định chiến lược mang tính chất định mệnh đã được đưa ra để từ bỏ vị trí của chính sách Lao động mới.

Tại thời điểm này, một số người có thể sẽ gãi đầu thắc mắc. Có phải chúng ta đã từ bỏ Lao động mới? Không phải Gordon theo đuổi chính sách Lao động mới, đặc biệt là sau sự trở lại của Peter Mandelson sao? Câu là lời trả có và không. Đây là lý do.

Kỳ lạ là cuộc khủng hoảng kinh tế lại chính là cơ hội. Ban đầu chúng ta đương đầu với nó. Gordon đã hành động với những gì tốt nhất, thông minh nhất, hoàn toàn kiểm soát, đảm bảo duy trì các biện pháp. Kế hoạch đối với các ngân hàng là đúng đắn. Tuy nhiên, ông ta đã áp dụng hoàn toàn cái gọi là quan điểm của Keynes về vai trò Nhà nước. Alistair Darling là một Bộ trưởng Tài chính xuất sắc, song (tôi mạo hiểm phỏng đoán rằng) ông đã không có cơ hội được thực hiện chính sách theo mong muốn của mình. Năm 2009, ngân sách cho thấy sự trở lại của thuế và chi tiêu, với mức thuế suất cao nhất được đẩy lên tới 50%. Năm 2010, sự tăng lên của Bảo hiểm quốc gia là con đường để giải quyết tình trạng thâm hụt và quyết định đã được đưa ra dựa trên việc cắt giảm đầu tư. Các chương trình học thuật và các dịch vụ công cộng giảm sút. Tình trạng phạm tội và những hành vi chống xã hội đã bị đánh giá thấp tới khi tình hình trở nên quá muộn. Chương trình thể thao cực đoan, trên thực tế là câu trả lời duy nhất cho vấn đề kiểm soát nhập cư, đã bị thu hẹp lại.

Chúng ta cần phải làm gì? Như tôi đã gợi ý trong bài phân tích về nền kinh tế trước đó, theo quan điểm của tôi, đáng lẽ chúng ta nên thực hiện một con đường vượt khủng hoảng kinh tế của Lao động mới: đó là giữ thuế suất thuế trực tiếp ở mức cạnh tranh, tăng thuế giá trị gia tăng và các loại thuế gián tiếp khác một cách từ từ, để giải quyết tình trạng thâm hụt, đồng thời tận dụng cuộc khủng hoảng để đẩy nhanh tốc độ cũng như quy mô cải cách.

Tôi cho rằng chương trình như vậy là đúng đắn xét về kinh tế, đồng thời rõ ràng về mặt chính trị. Những gì đã xảy ra năm 2010 đó là chúng ta đã phá vỡ liên minh. Trong hơn 13 năm qua, chúng ta đã thực hiện đầy đủ những gì cần thiết để tránh đổ vỡ. Tại một số khu vực, sự ủng hộ dành cho chúng ta được củng cố, song nền tảng cơ bản để chúng ta có được sự ủng hộ ở Hove,

Hastings, Crawley và Dorset lại thiếu vắng. Có thể họ không chắc chắn về các thành viên Đảng Bảo thủ, song một điều có thể chắc chắn, chúng ta đã trở thành Đảng Lao động cũ. Thật nực cười, các nhà bình luận thường không thấy như vậy, (các phương tiện truyền thông đã bị ám ảnh bởi các cuộc tranh luận trên truyền hình) và từ các bản tin, bạn có thể nghĩ vấn đề thuế và chi tiêu không phải là những vấn đề lớn. Song ẩn bên dưới, với công chúng, họ đã có câu trả lời dứt khoát. Những người bỏ phiếu hiểu rằng, bất kỳ ai được bầu cũng sẽ phải thực hiện các biện pháp khắc khổ. Những người đóng thuế là những người đầy mong mỏi, những người nhất trí với Đảng Lao động về sự cảm thông trong xã hội, nhưng lại là những người cần chúng ta nhạy cảm với những khao khát được dùng đồng tiền của chính họ, đã nghĩ rằng Đảng Bảo thủ có thể đã là một sự lựa chọn dễ dàng hơn đối với họ. Khi Đảng Bảo thủ đưa ra bằng chứng về việc khoảng 30 CEO phản đối việc tăng Bảo hiểm quốc gia, tôi biết rằng cuộc chơi đã được bắt đầu. Một số nhà bình luận chờ đợi Đảng Lao động trả lời. Tôi đã gọi điện cho Peter và hỏi liệu chúng ta có câu trả lời nào không. Và anh ấy trả lời là không. Điều quan trọng mang tính chính trị là như sau. Trường hợp của Đảng Lao động vào năm 2010 đó là Đảng Bảo thủ đã đặt sự phục hồi vào tình thế rủi ro. Nếu 30 CEO, những người tuyển hàng ngàn lao động trong các công ty có giá trị tài sản lên tới hàng tỷ bảng, nói rằng chính Đảng Lao động đặt sự hồi phục vào tình thế rủi ro, thì người bỏ phiếu sẽ tin ai? Câu trả lời: họ sẽ tin vào chính những CEO đó. Một khi làm mất họ, cái bạn mất sẽ không chỉ là một vài phiếu bầu. Bạn sẽ mất uy tín về kinh tế. Và một chút kiến thức của các học giả kinh tế cũng sẽ không tạo nên sự khác biệt.

Điều mà công chúng không tiếp tục làm là bầu ra một Chính phủ mà họ mong muốn. Họ không chắc chắn về phe Bảo thủ, do đó họ đặt một Đảng dân chủ Tự do bên cạnh và kêu gọi họ đoàn kết với nhau. Họ bầu cho cái mà họ coi là một phiên bản của Đảng Bảo thủ của một Chính phủ ôn hòa (họ có nhận được điều này không là một vấn đề khác). Đã có rất nhiều sự đồn đoán về khả năng có một liên minh giữa Đảng Lao động và Đảng Dân chủ tự do. Theo quan điểm của tôi, điều này không bao giờ xảy ra. Người dân sẽ nổi dậy và các phiếu bầu sẽ không ở đó. Nỗi sợ hãi về một cuộc khủng hoảng chưa xảy ra dường như đã khiến việc bị thất bại dường như là một sự ân xá. Nhưng điều đó chỉ có nghĩa là chúng ta đang sống để chiến đấu vào một ngày khác.

Mối nguy hiểm cho Đảng Lao động hiện nay là chúng ta đang trôi dạt, thậm chí là di chuyển một cách dứt khoát về bên trái. Nếu thật sự như vậy, chúng ta thậm chí sẽ thất bại nặng nề hơn vào lần sau. Chúng ta phải gạt sang bên xu hướng lịch sử và đối mặt với các lý do cho sự thất bại một cách thẳng thắn và trung thực.

Dĩ nhiên, bạn có thể viện tới sự mệt mỏi sau 13 năm bị mất lòng tin đối với vấn đề tại Iraq, sự hao mòn và hư hỏng đi kèm với quyền lực, nhưng không gì trong số đó thực sự mang tính chất quyết định. Chúng ta đã giành chiến thắng vào năm 2005 sau khi cuộc chiến ở Iraq bắt đầu và công chúng hầu như không có khả năng bầu cho Đảng Lao động dưới một vị Thủ tướng đã đưa đất nước vào tình trạng chiến tranh, nên đã chờ đợi 5 năm để bầu cho người đã không làm điều này. Chiến thắng năm 1992 của Đảng Bảo thủ cho thấy một đảng hoàn toàn có thể lại giành chiến thắng bất chấp 13 năm nắm quyền. Điều đó đã có thể xảy ra. Cuộc bầu cử năm 2010 chính là sự tương xứng đối với chúng ta so với năm 1992, chứ không phải năm 1997.

Nếu Đảng Lao động muốn trở lại, nó cần phải nhận ra rằng sự thất bại đã thay đổi cảnh quan chính trị một cách nhanh chóng như thế nào. Nó có nghĩa là Đảng Bảo thủ cần giải quyết tình trạng thâm hụt và xác định vai trò của họ và có thể làm như vậy trong khi đổ lỗi cho Chính phủ trước đó.

Nếu Đảng Lao động chỉ đơn thuần chấp nhận một câu thần chú “Đảng Bảo thủ kiểm soát, Đảng Dân chủ Tự do hợp tác”, thì có thể nó cũng sẽ có lợi trong ngắn hạn. Tuy nhiên, nó sẽ đánh mất bất kỳ khả năng nào để được chọn như là một Chính phủ thay thế. Thay vào đó, nó cần đứng vững nhờ những thành tích đã đạt được ở nhiều khu vực, nhưng cũng đồng thời giải thích các chỉ trích về 13 năm đó đúng ở điểm nào. Nó nên chỉ trích các thành phần, chứ không phải thúc đẩy các biện pháp giảm thâm hụt của Đảng Bảo thủ. Điều này vô cùng khó khăn. Tất nhiên, yếu

tổ quan trọng trong nền kinh tế của chúng ta, như bất kỳ nền kinh tế nào khác, là cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và tất cả các quốc gia đều cần tiến hành cắt giảm chi tiêu và điều chỉnh. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên chấp nhận rằng từ năm 2005 trở đi Đảng Lao động đã không đủ mạnh mẽ trong việc hạn chế hoặc loại bỏ khả năng thâm hụt cấu trúc. Nhìn lại, việc không nắm lấy Đánh giá tiết kiệm cơ bản của giai đoạn 2005-2006 là một lỗi khác lớn hơn những gì tôi nghĩ vào lúc đó. Một phân tích về những ưu và nhược điểm của việc đặt quá nhiều kỳ vọng vào nguồn thu thuế là cần thiết. Tất cả những điều này dường như hết sức khó khăn. Tuy nhiên, trừ phi làm như vậy, chúng ta mới có thể có một sự phân tích về những gì chúng ta làm đúng, làm sai và chúng ta cần phải làm gì tiếp theo.

Tấn công vào các tính chất của những thay đổi mà liên minh Bảo thủ-Dân chủ đã làm đối với chi tiêu công đòi hỏi nhiều hơn chiều sâu trí tuệ và sự quyết tâm và phải xem xét cẩn thận từng chi tiết. Vì vậy, giả dụ, nếu chúng ta tấn công như chúng ta nên làm đối với cắt giảm đầu tư cho giáo dục, chúng ta cần phải được chuẩn bị để xem nơi nào được thực hiện tiết kiệm triệt để hơn so với Chính phủ mới. Nhưng tốt hơn hết là gắn cuộc tấn công vào chính sách vĩ mô “đặt sự phục hồi vào rủi ro” và kết thúc việc đánh cược với các cửa hàng rằng sự phục hồi sẽ không thể xảy ra. Đúng là việc chấm dứt các biện pháp kích thích trong trường hợp của mỗi nước là một vấn đề đòi hỏi sự phán xét, nhưng nếu nghiên cứu những con số dự đoán của Chính phủ Anh vào cuối năm 2014, thì bạn sẽ thấy chi tiêu công 2014 vẫn sẽ chiếm tới 42% GDP.

Thách thức thực sự cho liên minh rất đơn giản: Đảng Bảo thủ và Đảng Dân chủ Tự do không thực sự thống nhất với nhau. Trong nhiều lĩnh vực của chính sách trong nước, Đảng Bảo thủ sẽ thể hiện tốt nhất khi họ được phép thực hiện nó, như với những cải cách trong giáo dục. Họ sẽ thể hiện tồi tệ nhất khi chính sách đại diện cho một sự thỏa hiệp không dễ dàng giữa bản chất tự nhiên của những người thuộc Đảng Dân chủ Tự do theo đường lối Lao Động cũ và những quyết định khó khăn mà Đảng Bảo thủ muốn đưa ra; hoặc ở nơi, Đảng Bảo thủ và Đảng Dân chủ Tự do nhấn mạnh “ủng hộ tự do dân sự”, họ không đáp ứng được những yêu cầu chính đáng và hợp pháp của công chúng về an ninh.

Mặt khác, họ có một lợi ích chung trong sự ổn định. Đảng Dân chủ Tự do mong muốn một trò chơi thay đổi: cải cách bầu cử. Và có rất nhiều khu vực, trong đó có châu Âu, Đảng Dân chủ Tự do có tác động lành mạnh lên Đảng Bảo thủ.

Đảng Bảo thủ là đảng duy nhất có các lựa chọn: Họ có thể làm việc với Đảng dân chủ Tự do trong tình hình tốt đẹp, hoặc có thể từ bỏ Đảng dân chủ Tự do và tìm kiếm nhiệm vụ trên cơ sở vẫn đang quản lý tốt nhưng sẽ tốt hơn nếu không vướng víu. Đảng Dân chủ Tự do phải bám vào, hoặc liên minh sẽ được xem như một sai lầm lịch sử. Đảng Lao động không có lựa chọn nào ngoài việc tin tưởng vào quyền lợi của chính mình. Điều đó đồng nghĩa với một vị trí thích hợp trong vấn đề thâm hụt. Nó có nghĩa là đủ linh hoạt để tấn công Chính phủ từ bên trái và từ bên phải. Nó có nghĩa là sẵn sàng bất kỳ lúc nào để khôi phục sự bao bọc của Chính phủ. Nó cần phải luôn luôn ganh đua.

Đảng Bảo thủ sẽ dễ bị tổn thương ở những nơi mà họ luôn luôn dễ bị tổn thương: các chính sách của họ sẽ nghiêng quá nhiều về tầng lớp trên cùng (đó là lý do tại sao họ khinh thường hành động trước hành vi chống đối xã hội) và quá bảo thủ, đặc biệt là trong chính sách đối ngoại.

Đảng Lao động cũng nên tập trung đổi mới bên trong và cần phải làm điều này một cách mạnh mẽ và hiện đại. Tôi ước tôi có thời gian làm điều này vào thời kỳ vẫn còn là Thủ tướng, song khi là Thủ tướng, người ta thường không làm như vậy. Chúng ta nên sử dụng thời gian của sự đổi lập này để tái cơ cấu các thành viên, các phương pháp lựa chọn và hoạch định chính sách. Chúng ta nên tránh bất cứ khái niệm nào để cho các tổ chức công đoàn hợp nhất và tập trung trở lại thống trị chính sách. Chúng ta nên liên kết với các lực lượng cấp tiến trên khắp châu Âu và xa hơn nữa, nơi mà hiện nay đại diện trong Chính phủ của chúng ta khá hạn chế.

Từ điều này, có thể thấy rằng tôi vẫn ủng hộ chính trị tiến bộ của chiều thứ ba, vẫn tin rằng nó đại diện cho cơ hội tốt nhất, không chỉ cho phe cánh tả mà cho đất nước và không chỉ cho nước Anh mà còn cho những nước khác nữa.

Tuy nhiên, nhiều người thuộc phe tiến bộ chính trị, sẽ đọc các phân tích về cuộc khủng hoảng tài chính và mối đe dọa an ninh và nói: Nhưng có những người ở bên phải ngài có thể đồng ý với điều đó, vậy những tiến bộ về nó là gì?

Câu trả lời cho câu hỏi đó rất quan trọng, thậm chí quyết định số phận tiến bộ chính trị. Đầu tiên, điều gì làm cho bạn trở thành một người tiến bộ? Tôi có thể nói: niềm tin vào công bằng xã hội, tức là sử dụng toàn bộ sức mạnh của xã hội để mang lại cơ hội, sự thịnh vượng và hy vọng cho những người không có nó, làm như vậy không chỉ trong phạm vi biên giới quốc gia chúng ta mà còn ở bên ngoài phạm vi đó; đánh giá xã hội của chúng ta qua các điều kiện về điểm yếu và điểm mạnh; luôn ủng hộ nguyên tắc rằng tất cả con người đều có giá trị bình đẳng, không phân biệt chủng tộc, giới tính, tôn giáo (tôi muốn nói thêm về giới tính) hoặc khả năng; và không bao giờ quên và luôn luôn phấn đấu cho những người ở phía dưới, những người nghèo nhất, chịu thiệt thòi nhiều nhất, những người bị bỏ quên.

Đây là những giá trị, không phải chính sách. Chúng có thể tạo ra các chính sách. Đó là, việc tăng gấp 3 lần viện trợ cho châu Phi và hủy bỏ các khoản nợ trong thời gian tôi làm Thủ tướng (một ví dụ về hợp tác tốt đẹp giữa bản thân tôi và Gordon). Hay đầu tư cho y tế, giáo dục và các thành phố. Hoặc quyền lợi thai sản tốt hơn. Hoặc hợp tác dân sự. Hoặc lương tối thiểu. Hoặc trợ cấp mùa đông cho người về hưu. Nhưng chúng ta được định nghĩa bởi các giá trị bất biến, không thể thay đổi, không chịu sự tàn phá của thời gian, chứ không phải là những chính sách mà nhất thiết phải thay đổi. Thứ hai, sự thật là có những người có thể chia sẻ một số hoặc tất cả các giá trị này và một số chính sách. Ngày nay, Đảng Bảo thủ cam kết viện trợ, phát triển và với tư cách là một đảng, chứ không chỉ đơn giản là cá nhân các bộ trưởng. Tổng thống George Bush tăng gấp đôi các chương trình HIV/AIDS tại Mỹ. Thực sự là một số chương trình đúng và cũng có chương trình sai. Và chính quyền của Tổng thống Obama tiếp tục cam kết của Bush về giáo dục. Cũng giống như chính quyền David Cameron tiếp tục cam kết trước đó của tôi đối với giáo dục. Chính quyền bảo thủ của Tổng thống Pháp Sarkozy cũng có các bộ trưởng xã hội chủ nghĩa. Nói cách khác, không gian chính sách hiện cũng có nhiều sự chia sẻ như trong trường hợp một đảng duy nhất nắm quyền.

Sự khác biệt giữa Đảng Bảo thủ và Đảng Lao động và Đảng Dân chủ Cộng hòa có thể rất lớn và thực sự là cuộc khủng hoảng tài chính, xét trên khía cạnh nào đó, đã đưa chúng quay trở lại. Vấn đề là những khác biệt này không cần thiết để duy trì chính trị tiến bộ. Và những người cấp tiến thường sẽ nghiêng về phía những người nghèo nhất, trong khi phe bảo thủ không làm vậy. Bạn không bị mất danh tính đơn giản chỉ vì bạn chia sẻ không gian với phe bảo thủ. Đó là thế giới mới và chúng ta cần làm quen với nó.

Sự tài tình của Barack Obama chính xác khi ông đạt được thành công trên những chia rẽ đảng phái. Ông đã làm như vậy rõ ràng. Mong muốn của một số nhà phê bình hiện nay trong việc kéo ông trở lại từ trung tâm là điều vô lý. Việc theo đuổi một đường lối chính trị ôn hòa không phải là một sự phản bội. Đó là những gì ông đã hứa.

Thứ ba, có một sự phân chia mới trong chính trị vượt qua quan niệm truyền thống về cánh tả và cánh hữu. Đó là những gì tôi gọi là mở và đóng. Một số người thuộc phe cánh hữu là các thương nhân tự do, trong khi một số khác lại không. Tương tự như vậy với cánh tả. Ở cả hai bên, một số người ủng hộ nhập cư, những người khác chống lại. Một số khác ủng hộ việc áp dụng chính sách của nước ngoài, một số khác lại không. Một số nhìn thấy toàn cầu hóa và sự nổi lên của Trung Quốc, Ấn Độ và những nước khác là một mối đe dọa, một số coi như một cơ hội. Có một liên kết phổ biến cho thương mại tự do, ủng hộ nhập cư (tất nhiên là có kiểm soát), can thiệp và ủng hộ toàn cầu hóa vị trí chính trị, nhưng nó là "mở và đóng", chứ không còn là "trái và phải". Tôi cho rằng những người cấp tiến nên là những nhà vô địch của vị trí "mở", bởi

đây không chỉ là vị trí đúng, mà còn là vị trí chiến thắng, như Bill Clinton đã cho thấy. Tuy nhiên, đó là một vạch ngăn cách rất lớn và quan trọng trong chính trị hiện đại.

Thứ tư và cũng là chiến thuật khó nhất cho phe trung tả – các nhà cấp tiến có thể tự hào về chính sách dẫn đến hiệu quả nhiều như dẫn đến công lý. Tại sao? Bởi vì bài học có từ năm 1945 là giá trị thúc đẩy của tiền tệ thông qua các dịch vụ công không chỉ là câu hỏi về hiệu quả của nó. Tiêu ít hơn vào các hình thức quan liêu, bạn sẽ có thể tiêu nhiều hơn cho những ưu tiên hàng đầu. Đối với tôi, cải cách y tế, giáo dục, phúc lợi và lương hưu dựa trên cả hai tiêu chí hiệu quả và công bằng. Dịch vụ tốt hơn đồng nghĩa với công bằng hơn. Tương tự như vậy, tôi đã mong muốn Ngân hàng Trung ương Anh độc lập đối với vấn đề lương tối thiểu, khuyến khích các doanh nghiệp và cho phép người dân có quyền trở thành thành viên của công đoàn, chú trọng vào tăng trưởng cũng tương đương với chú trọng giảm đói nghèo. Giờ đây, sự thật là một số trong những chính sách đó lại gắn với phe cánh hữu, song đó thực sự là lỗi của chúng ta.

Dưới đây sẽ tập trung đặc biệt xung quanh vai trò của Nhà nước, đó là lý do tại sao việc hiểu đúng những hậu quả chính trị của cuộc khủng hoảng tài chính là điều rất quan trọng. Chính trị nước lớn ngày nay sẽ thất bại. Trong thực tế, nếu bạn đưa ra Nhà nước nhỏ và Nhà nước lớn, nhỏ sẽ giành chiến thắng, thậm chí vào lúc này, sau khi khủng hoảng qua đi. Các nhà cấp tiến phải thay đổi lựa chọn và đề xuất một khái niệm về một Nhà nước thực sự cho phép người dân tự đưa ra lựa chọn của mình và không cố gắng làm điều đó vì họ. Vì vậy, Nhà nước sẽ nhỏ hơn, chiến lược hơn, năng động hơn, như một số người thuộc cánh hữu có, nhưng được thiết kế lại cho phù hợp với thế giới ngày nay. Trong thế giới đó, công nghệ cung cấp sự lựa chọn đã trải qua một cuộc cách mạng. Bất kỳ vị trí chính trị không đồng hóa nào đều phải chịu chung số phận.

Như vậy, điều quan trọng là không đặt mọi người trước một tình thế tiến thoái lưỡng nan: một giải pháp cánh hữu tại thời điểm tồi tệ nhất của nó là chủ nghĩa dân tộc, xã hội thoái lui và kinh tế không quan tâm đến những hoàn cảnh khó khăn; hoặc một giải pháp cánh tả với ý định tốt song không may, lại là một hình thức khác của sự thụt lùi, khi chúng ta nhằm lẫn giữa Nhà nước với lợi ích của người dân. Khi đặt người dân trước tình thế tiến thoái lưỡng nan đó và có một nguy cơ thực sự thì họ sẽ di chuyển sang cánh hữu. Con đường chính trị thứ ba là cách duy nhất thoát ra khỏi điều này đối với những người cấp tiến.

Ngoài ra còn có một vấn đề về tình trạng bất ổn chính trị, đây là một vấn đề thực sự ở Anh và những nơi khác. Điều này đã kết tinh xung quanh nạn tham nhũng của các đại diện của chúng ta, nhưng chi phí “scandal” của các nghị sĩ là một phép ẩn dụ cho tất cả những gì sai với cách cuộc tranh luận về chính trị hiện nay đang được thực hiện.

Trở lại những năm 1980, có một giải pháp hoàn toàn hợp lý để trả lương cho các nghị sĩ, được đưa ra bởi một ủy ban độc lập, Cơ quan đánh giá về Tiền lương của các nhân vật cấp cao, trong đó đề xuất rằng, thay vì các nghị sĩ bỏ phiếu về tiền lương của riêng mình, nó phải được liên kết với mức lương của một nhóm nhân viên cao cấp dân sự và các chi phí sẽ được hạn chế. Quốc hội đáng lẽ đã phải thông qua giải pháp này, song nó đã bị đình lại trong thời kỳ hạn chế lương trong khu vực công. Thay vào đó, một hiệp ước bất thành văn phát sinh: tiền lương sẽ không tăng, nhưng một chế độ dựa trên việc tự đánh giá được phép hoạt động để tạo nên chi phí. Sự lạm dụng đã rõ ràng và không thể bảo vệ nhưng cũng hoàn toàn có thể lý giải. Tuy nhiên, sự thiếu văn minh của các nghị sĩ đã trở thành một yếu tố cơ bản cho sự lãng phí, không công bằng và phá hoại sâu sắc. Với sự phản nộ, những người vô tội đã phải song hành với những người đã vượt qua vạch ngăn cách. Điều xấu hổ thực sự xảy ra khi mọi người không đồng tình với các nghị sĩ và lên án họ.

Theo kinh nghiệm của tôi, ở bất cứ đảng nào, các nghị sĩ là đại diện cho sự ủng hộ của dân chúng. Vấn đề là sự thiếu kinh nghiệm thực tế đời sống, sự thu hẹp rất lớn tài năng từ các đại diện chính trị và bản chất của các hoạt động cần thiết để có được đỉnh cao của chính trị ngày nay. Vấn đề mạt sát cả mọi người đều suy nghĩ đó là sự thiếu hụt thời gian cống hiến toàn bộ

cho công việc của một nghị sĩ, đó là mặt trái của sự việc. Các nghị sĩ hiện nay đi vào hoạt động chính trị từ trường đại học, trở thành nhà nghiên cứu hoặc làm việc cho các đảng phái chính trị, được chọn vào Quốc hội và thiếu kinh nghiệm thực tế của đời sống chính trị. Như tôi đã mô tả trước đó, toàn bộ quãng thời gian bảy năm làm việc của tôi trong vai trò một luật sư công nghiệp và thương mại theo quy định của pháp luật là vô giá. Họ dạy tôi sống thực sự, các doanh nghiệp thực sự và công việc thực tế đời sống.

Có những trường hợp ngoại lệ, những người trong cuộc sống sau này chuyển sự chú ý của họ đối với chính trị và trở thành thành viên Quốc hội, nhưng họ chỉ là: trường hợp ngoại lệ. Điều này, ngược lại, lại có một hệ quả khác. Các bộ trưởng tốt nhất thường là những người trong Thượng viện. Đáng lo ngại là sự lựa chọn cho các bộ trưởng và nghị sĩ dường như đang bị thu hẹp. Nếu điều này tiếp tục, sẽ không còn lâu nữa chúng ta sẽ phải nhìn thẳng vào sự thật là liệu có chọn được các bộ trưởng trong số những nghị sĩ và thượng nghị sĩ không. Bạn sẽ kết thúc ở việc chọn người rất giỏi về chính trị, song lại tệ hại về quản lý.

Điều này đưa tôi đến một vấn đề khác: có lẽ khả năng chấm dứt một sự nghiệp chính trị do quản lý tồi sẽ ít hơn nếu so với chính trị yếu kém. Đó cũng là một vấn đề. Một chính trị gia tốt có thể là một quản lý tồi tệ, nhưng một người quản lý tốt có thể sẽ khó khăn để tồn tại với vai trò là một chính trị gia.

Mỗi lần tôi đã cố gắng để mang một người từ khu vực tư nhân vào Chính phủ, tôi thấy rằng các phương tiện truyền thông ngay lập tức sẽ cố gắng thể hiện thái độ nghi ngờ của mình. Những người đã được chuẩn bị sẵn sàng từ bỏ một số tiền lương lớn để dành thời gian cho dịch vụ công cộng đã kết thúc với việc cố gắng đặt bàn chân của họ trên các bậc thang tham nhũng.

Vai trò của các phương tiện truyền thông trong nền dân chủ hiện đại là một vấn đề mà tất cả các chính trị gia cấp cao tôi biết đều tin đã đến lúc chín muồi để tranh luận. Tuy nhiên, nó hầu như không được bàn tới, bởi các phương tiện truyền thông đáp trả các cuộc tranh luận và gây tổn hại cho những người cố gắng tham gia vào nó, vì thế các chính trị gia sợ hậu quả của việc thách thức các phương tiện truyền thông mạnh. Trong thời đại truyền thông bão hòa 24/7, sự thiếu vắng các cuộc tranh luận về tác động của phương tiện truyền thông và cách nó tương tác với chính trị ảnh hưởng đến chất lượng của công luận về vấn đề chính trị, kinh ngạc một cách khách quan ngay cả nếu điều đó dễ dàng giải thích một cách chủ quan.

Mỗi giai đoạn của cuộc sống là chủ đề đối với những quy định nghiêm ngặt về việc tiết lộ thông tin, sự giám sát và trách nhiệm, trừ một lĩnh vực: giới truyền thông. Chỉ trong vài năm qua, các chính trị gia đã chứng kiến các quy định về gây quỹ, thu nhập, chi phí và thông tin được cách mạng hóa. Nhưng công chúng bình thường không biết hoặc chẳng biết gì nhiều về việc ai chịu trách nhiệm tăng cường kiểm soát những gì xảy ra ở Anh như các bộ trưởng Nội các bình thường, đó là chưa kể đến các thành viên nghị viện bình thường.

Ba năm già từ nhiệm sở đã cho tôi thời gian suy ngẫm về hệ thống Chính phủ của chúng tôi và nghiên cứu cả các hệ thống khác. Tôi không nghi ngờ gì về việc dân chủ là hệ thống tốt nhất. Và Ấn Độ vẫn là một ví dụ chói lọi nhất về một dân tộc lớn, vẫn đang phát triển và vẫn đang duy trì được một hệ thống dân chủ thực sự.

Nhưng tôi nghĩ các nước có chế độ dân chủ như chúng tôi đang có xu hướng trở nên tự mãn vì chúng tôi là dân chủ, như thế chỉ cần cho tất cả người dân có quyền bỏ phiếu là đủ và không cần làm gì thêm để có một Chính phủ tốt.

Sự thực là để hoạt động tốt, các hệ thống dân chủ cần phải làm nhiều hơn là chỉ đơn giản là để cử tri đi bỏ phiếu quyết định ai quản trị Nhà nước. Các hệ thống dân chủ cũng cần phải có năng lực, có thể chế, văn hóa và các quy định để làm việc hiệu quả hơn. Đôi khi việc này sẽ mất nhiều thời gian, vì vậy mà một nước như Trung Quốc, khác Ấn Độ, chỉ sẵn sàng cho một chế độ dân chủ đơn giản vào một thời điểm nhất định trong quá trình phát triển. Hiện tại, điều nước này cần là các nhà lãnh đạo thiện chí, tiến hành các quyết định cần thiết để phát triển nhanh hơn.

400 triệu người thoát nghèo trong vòng 20 năm là một con số khá ấn tượng.

Nhưng điều tương tự cũng được áp dụng cho các nước đã phát triển và đã dân chủ hóa, nhưng hệ thống chính trị chưa xây dựng được một Chính phủ hiệu quả. Nói theo cách khác, bản thân hệ thống dân chủ cần phải chín muồi; cần phải thích nghi và được cải cách do tình hình đang thay đổi nhanh chóng. Tôi cho rằng, cách chúng ta vận hành Westminster hay Whitehall ngày nay không hiệu quả trong thế giới của thế kỷ XXI. Nhiều người có thể nói điều tương tự về Quốc hội và về nước Mỹ. Ngày nay, khu vực công đòi hỏi những kỹ năng hoàn toàn khác so với 30 năm trước và càng na ná khu vực tư nhân. Tôi đã thảo luận về vấn đề vị trí và đào tạo các nghị sỹ quốc hội.

Tuy nhiên, chúng ta thừa biết rằng công chúng không hề ảo tưởng và không nguôi lo lắng, các cuộc tranh luận vẫn đặc biệt tập trung vào các vấn đề như sự trung thực, minh bạch và trách nhiệm như thể vấn đề của chúng tôi là phẩm chất cá nhân. Sự thực là không. Vấn đề là sự hiệu quả.

Nếu chúng ta nhìn nhận vấn đề không phải là của con người mà là của hệ thống, chúng ta sẽ thôi lo lắng về nó. Nhưng nếu thiếu yếu tố con người, chúng ta sẽ thực sự phải lo sợ. Các hệ thống có thể thay đổi.

Tôi sẽ kết lại những đánh giá này với một tinh thần lạc quan. Cuộc sống mới của tôi đã đưa tôi đi khắp thế giới. Những việc tôi làm có một chủ đề chung. Lý thuyết của tôi về thế giới ngày nay là: toàn cầu hóa, được thúc đẩy nhờ sự tiến bộ về khoa học công nghệ, đang tạo ra một cộng đồng toàn cầu phụ thuộc lẫn nhau, trong đó, dù muốn hay không, mọi người cũng sẽ phải sống và làm việc cùng nhau và chia sẻ các thách thức và cơ hội của thế giới. Động lực của điều này không phải là các Chính phủ, mà là người dân và đó là một thế lực không gì ngăn được. Mặc dù vậy, hệ quả của nó là vấn đề của sự chọn lựa. Nhân danh lực lượng này, chúng ta có thể lựa chọn để cùng tồn tại hòa bình, để dung thứ cho nhau và tôn trọng nhau, để hân hoan chào đón những cơ hội đang mở ra cho chúng ta và cố gắng chia sẻ chúng; hay có thể xem toàn cầu hóa là một mối nguy, đe dọa thay thế lối sống và văn hóa truyền thống của chúng ta, hủy hoại bản sắc của chúng ta. Lựa chọn đầu tiên sẽ đem lại hòa bình cho thế giới, lựa chọn thứ hai sẽ dẫn đến xung đột. Nhưng cả hai lựa chọn đều đang được đưa ra cho chúng ta.

Để lựa chọn phương án cùng tồn tại hòa bình, một số điều nhất định cần phải diễn ra và chúng ta phải làm việc trong một số vấn đề đó: hòa bình giữa người Israel và người Palestine; 4 tỉ người với các tín ngưỡng khác nhau tôn trọng lẫn nhau; sự tiến bộ ở châu Phi và bảo vệ môi trường vật chất. Một cộng đồng chung toàn cầu đòi hỏi phải có các giá trị chung và phù hợp với nhau. Hơn hết, nó đòi hỏi phải có một thế giới trong đó sự công bằng cho nhiều người, chứ không phải cho vài người, là ánh sáng dẫn đường Chính phủ toàn cầu.

Tôi không tin rằng chúng ta sẽ đạt được thỏa thuận hòa bình giữa người Israel và Palestine chỉ dựa trên các thương lượng chính trị tiêu chuẩn. Đừng hiểu nhầm tôi – ý tôi là các thương lượng đó vẫn cần thiết; nhưng vấn đề là “thực tại”, không phải là vấn đề chỉ cần giải quyết bằng thương lượng. Thực tại của Israel là an ninh. Thực tại của Palestine là sự cư ngụ. Chúng liên kết với nhau. Nếu và chỉ khi người Israel chắc rằng Nhà nước Palestine sẽ được quản trị một cách bảo an và đúng đắn, họ sẽ chấp nhận nhà nước đó, cho dù biên giới của nó là gì. Chỉ khi người Palestine biết chắc nếu họ tiến hành các biện pháp đảm bảo quản trị và an ninh thích đáng, Israel sẽ rời khỏi lãnh thổ của họ, họ mới tin rằng những sự bảo đảm về vị thế Nhà nước là đáng tin cậy. Chúng ta cần xây dựng một Nhà nước Palestine thông qua xây dựng thể chế, năng lực và kinh tế phù hợp với Nhà nước, không chỉ thông qua tiến trình thương lượng hòa bình. Đó không phải là Nhà nước chỉ được hình thành từ một thỏa thuận hòa bình và rồi sau đó bị xé xó. Đó phải là một Nhà nước được định hình và bắt rễ trong thực tại, một Nhà nước được xây dựng kỹ lưỡng từ trên xuống cũng như từ dưới lên.

Tôi luôn quan tâm đến vấn đề tôn giáo hơn chính trị; nhưng trong công việc của tôi ở Quỹ Faith Foundation, hai vấn đề này đan xen nhau. Để tạo ra trạng thái cùng tồn tại hòa bình trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, những người có đức tin khác nhau phải học cách hiểu và tôn trọng lẫn nhau. Quỹ này vô cùng thực tế. Chúng tôi có một chương trình sử dụng công nghệ mới để kết hợp các trường học có các tín ngưỡng khác nhau, để từ độ tuổi rất nhỏ, trẻ em có thể hiểu văn hóa và tín ngưỡng của nhau dựa trên những quan điểm đúng đắn, không phải là những ý niệm sai lầm. Hiện nay quỹ này hoạt động trên 20 nước và những đứa trẻ theo Thiên chúa giáo, Hồi giáo, Do Thái, Phật giáo, Hindu và Sikh có thể tham gia.

Chúng tôi có một chương trình đào tạo đại học, khởi đầu ở Yale nhưng giờ đã phát triển ra 8 trường đại học khác, để giảng dạy các khóa học về lòng tin và toàn cầu hóa. Chúng tôi có một chương trình hành động, trong đó khuyến khích những người có tín ngưỡng khác nhau hợp tác và thực hiện các mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc và chúng tôi đã bắt đầu bằng việc chống bệnh sốt rét ở Châu Phi.

Về bản chất, châu Phi là một lĩnh vực hoạt động lớn khác. Đúng là viện trợ là quan trọng, nhưng điều châu Phi thực sự cần là trợ giúp xây dựng năng lực và quản trị. Họ có thể đã có tiền để hỗ trợ các chương trình y tế hay nông nghiệp, nhưng nếu Chính phủ không có khả năng phân bổ nó, thì sẽ chẳng có gì có thể xảy ra. Do đó chúng tôi đã làm việc bên cạnh các tổng thống – vào thời điểm này, ở ba nước Rwanda, Sierra Leone và Liberia – để giúp họ xây dựng những đòn bẩy cơ bản và hiệu quả cho sự phân bổ đó. Chúng tôi đã tuyển một đội ngũ những thanh niên trình độ cao (tuổi từ 25 đến 35) đến từ các Chính phủ, Ngân hàng Thế giới, McKinsey hay các ngân hàng tư nhân. Họ làm việc ở thực địa, bên cạnh các nhóm của các tổng thống để xây dựng năng lực, để đến một lúc nào đó, người địa phương có thể hiểu và tự làm. Họ cũng tập trung vào thúc đẩy chất lượng đầu tư tư nhân, một điều rất thiết thực. Tôi đã làm việc chặt chẽ với các tổng thống và các nhà lãnh đạo chính trị để những đề xuất của chúng tôi không chỉ hợp lý về mặt công nghệ mà còn khả thi về chính trị.

Cuối cùng, tôi nghiên cứu các giải pháp của doanh nghiệp để đối phó với biến đổi khí hậu và với Nhóm Khí hậu, tôi đã có các báo cáo về các cách thức đạt được “một nền kinh tế ít carbon” thực tế và thân thiện với doanh nghiệp. Ý tôi là, cách duy nhất để đạt sự ủng hộ về chính trị trong việc giảm phát thải là biến doanh nghiệp thành đối tác của sự thay đổi chứ không phải là nạn nhân của sự thay đổi.

Vậy đó là cuộc sống mới của tôi. Điều gì khiến tôi lạc quan như vậy? Đó là người dân. Kể từ khi rời nhiệm sở, tôi đã học được một điều, trên tất cả: người dân là hy vọng.

Đôi khi có người nói rằng thanh niên ngày nay đã mất đi niềm đam mê với những hành động đúng; tất cả họ đều bị ám ảnh bởi việc kiếm tiền và những thiết bị hiện đại mới. Tôi thì nghĩ ngược lại. Những người trẻ làm việc cho tôi ở châu Phi hoàn toàn tận tụy. Tất cả họ có thể kiếm được thu nhập cao hơn bên ngoài. Nhưng họ đều làm việc vì động lực là đem lại sự thay đổi cho châu Phi. Nhiều tình nguyện viên làm việc với tổ chức Faith Foundation của tôi rất trẻ, năng động, thú vị tuyệt vời, với những động cơ cao cả. Sự trung thành với tôn giáo của họ hoàn toàn không gắn liền với những định kiến xấu về tôn giáo khác.

Ở Palestine, ngay cả khi nền chính trị đen tối, vẫn luôn có ánh sáng ở cuối đường hầm. Chúng ta nhận ra những thanh niên Israel và Palestine không phải là công dân của một thế giới khác, một thế giới bị phân cực không thể cứu vãn được bởi văn hóa, tôn giáo và chính trị; họ đang tìm kiếm những cơ hội và hành động giống nhau để làm điều tốt và họ đang bị kìm hãm bởi một tình hình mà họ muốn thay đổi.

Nói theo cách khác, trong mọi tình huống xấu, trong sự kết hợp độc địa của hoàn cảnh hay hành động thù ghét cá nhân, luôn có sự thay đổi theo chiều hướng tốt hơn, hiện thực tốt hơn và trên hết luôn có những người có đức tin cao cả, ý định đúng đắn và hành động giá trị.

Không phải là chúng ta cần có quyền lực chính trị để giải phóng con người. Trái lại, chúng ta

cần có sức mạnh con người để giải phóng chính trị. Và một điều nghe có vẻ kỳ lạ với các chính trị gia sau khi đọc hồi ký này là, chúng ta sẽ không bao giờ biết rõ liệu hành trình của tôi là chiến thắng của một cá nhân trước chính trị, hay là của chính trị trước một cá nhân.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>